

ỦY BAN VĂN HÓA, GIÁO DỤC CỦA QUỐC HỘI
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG
BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TỈNH QUẢNG NINH

HỘI THẢO VĂN HÓA 2024

Chính sách và nguồn lực
cho phát triển thiết chế
văn hóa, thể thao

Tài liệu Hội thảo



Quảng Ninh, tháng 5 năm 2024

Tài liệu Hội thảo

HỘI THẢO VĂN HÓA 2024

**CHÍNH SÁCH VÀ NGUỒN LỰC
CHO PHÁT TRIỂN
THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO**

Tài liệu Hội thảo

Quảng Ninh, tháng 5 năm 2024

LỜI NÓI ĐẦU

Thiết chế văn hóa, thể thao là nơi tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo các giá trị văn hóa, thể thao của Nhân dân, góp phần quan trọng hiện thực hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam. Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: *“Tăng cường đầu tư, khai thác và phát huy tối đa các nguồn lực văn hóa đi đôi với đổi mới nội dung, phương thức quản lý, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả; tăng cường kiểm tra, giám sát, bảo đảm hiệu quả đầu tư cao trong lĩnh vực văn hóa. Đổi mới, hoàn thiện các thiết chế văn hóa từ trung ương đến cơ sở, bảo đảm hiệu quả...”*.

Nhằm góp phần tiếp tục quán triệt và triển khai các chủ trương, nghị quyết của Đảng về phát triển văn hóa, con người Việt Nam; tham vấn ý kiến của các nhà khoa học, chuyên gia, nhà hoạch định chính sách, nhà quản lý, doanh nghiệp và những người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao về việc thực hiện chính sách và nguồn lực cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao; trên cơ sở đó đề xuất, kiến nghị các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, hoàn thiện chính sách, pháp luật, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao, hướng tới việc thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa, Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tỉnh Quảng Ninh phối hợp tổ chức Hội thảo Văn hóa năm 2024 chủ đề **“Chính sách và nguồn lực cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao”**.

Cuốn Tài liệu Hội thảo Văn hóa 2024 này gồm các bài phát biểu và tham luận của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, lãnh đạo các bộ, ngành, cơ quan, địa phương cùng nhiều chuyên gia, nhà khoa học, các văn nghệ sĩ về các vấn đề liên quan đến chính sách và nguồn lực cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao; làm rõ hơn các cơ sở chính trị, cơ sở lý luận và thực tiễn, từ đó đề xuất các chính sách và giải pháp nhằm tháo gỡ những điểm nghẽn quan trọng trong chính sách và nguồn lực cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn Tài liệu Hội thảo văn hóa năm 2024.

BAN TỔ CHỨC

MỤC LỤC

	Trang
I. THAM LUẬN TẠI HỘI THẢO	
1. Báo cáo đề dẫn Hội thảo	
Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng01
<i>Ủy viên Bộ Chính trị</i>	
<i>Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh</i>	
2. Tình hình thực hiện chính sách và nguồn lực cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao	
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch08
3. Một số vấn đề đặt ra trong triển khai thực hiện quan điểm, đường lối của Đảng về phát triển thiết chế văn hóa	
Ban Tuyên giáo Trung ương36
4. Việc thực hiện xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao cho công nhân, viên chức, người lao động	
Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam41
5. Chính sách và nguồn lực cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao cho thanh thiếu nhi	
Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh47
6. Chính sách và nguồn lực cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn Thành phố Hà Nội	
Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội54
7. Một số vấn đề về huy động nguồn lực xã hội trong sử dụng, khai thác thiết chế văn hóa, thể thao	
Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh65
8. Công tác xã hội hóa trong xây dựng, phát huy hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa ở tỉnh Quảng Ninh	
Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh68
9. Giải pháp tháo gỡ điểm nghẽn về chính sách hợp tác công – tư (PPP) trong quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao tại các đơn vị sự nghiệp thể thao	
TS. Lê Minh Nam75
<i>Ủy viên thường trực</i>	
<i>Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội</i>	
10. Giải pháp tích hợp quy hoạch thiết chế văn hóa, thể thao trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	
KTS. Phạm Thị Nhâm85
<i>Phó Viện trưởng</i>	
<i>Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia</i>	

11.	Kinh nghiệm về đầu tư, xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao ở Trung Quốc	TS. Trần Thị Thủy 88 <i>Viện Nghiên cứu Trung Quốc</i>
II. BÁO CÁO, THAM LUẬN CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG		
12.	Tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý về thiết chế văn hóa, thể thao	Thường trực Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội 99
13.	Thực trạng và giải pháp xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I từ 2021 - 2025	Hội đồng Dân tộc của Quốc hội 108
14.	Quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh 116
15.	Thực hiện chính sách pháp luật về xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao giai đoạn 2013 - 2023	Bộ Tài chính 130
16.	Thực hiện chính sách pháp luật về xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao giai đoạn 2013 - 2023	Bộ Kế hoạch và Đầu tư 141
17.	Việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường	Bộ Giáo dục và Đào tạo 148
18.	Hoạt động của các trung tâm văn hóa nước ngoài tại Việt Nam: thực trạng và kiến nghị	Cục Hợp tác quốc tế - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch 153
19.	Chính sách quản lý, sử dụng tài sản công ở thiết chế văn hóa, thể thao - thực trạng và kiến nghị	Cục Quản lý Công sản – Bộ Tài chính 168
20.	Giải pháp về chính sách nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của rạp xiếc	Liên đoàn Xiếc Việt Nam 174
21.	Giải pháp về chính sách nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động Làng Văn hóa Du lịch các dân tộc Việt Nam	Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam 181
22.	Thực trạng hoạt động của hệ thống rạp chiếu phim hiện nay và một số đề xuất, kiến nghị	Trung tâm Chiếu phim quốc gia 188

	Trang
23. Việc thực hiện chính sách, pháp luật liên quan đến thiết chế thể thao tại Khu Liên hợp thể thao quốc gia	Khu Liên hợp thể thao quốc gia193
 III. BÁO CÁO, THAM LUẬN CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG	
24. Tích hợp thiết chế văn hóa, thể thao trong quy hoạch tỉnh Quảng Ninh	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh203
25. Chính sách và nguồn lực cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao ở Sơn La	Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La213
26. Thực trạng và giải pháp thực hiện quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh	Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh221
27. Giải pháp quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trong quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang227
28. Phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh Ninh Bình – thực trạng và giải pháp	Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình235
29. Giải pháp huy động nguồn lực xã hội trong việc xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao ở Thành phố Đà Nẵng	Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng241
30. Thực trạng đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tỉnh Kon Tum	Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum250
31. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận256
32. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công trong quá trình xã hội hóa các hoạt động văn hóa - nghệ thuật, thể dục, thể thao	Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu260
33. Một số vấn đề về chính sách và nguồn lực phát triển thiết chế văn hóa, thể thao ở tỉnh Bình Dương	Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương263
34. Thực trạng thiết chế văn hóa, thể thao dành cho công nhân tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai277

	Trang
35. Thực trạng về xây dựng, quản lý và sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh An Giang	
Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang 281
36. Thực trạng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	
Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh 287
37. Thực trạng về đầu tư, xây dựng, quản lý và khai thác hệ thống công viên, vườn hoa trên địa bàn Thành phố Hà Nội	
Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội 290
38. Kinh nghiệm của Hà Giang trong việc thực hiện chuyển đổi số lĩnh vực bảo tàng và một số đề xuất, kiến nghị	
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hà Giang 300
39. Kinh nghiệm của Vĩnh Phúc trong xây dựng, tổ chức hoạt động phát huy vai trò thiết chế văn hóa, thể thao trong các khu công nghiệp, khu chế xuất để nâng cao đời sống tinh thần cho công nhân lao động	
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Vĩnh Phúc 306
40. Một số kinh nghiệm phát triển bảo tàng tư nhân trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	
Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế 310
IV. THAM LUẬN CHUYÊN GIA	
41. Tác động của chuyển đổi số đối với hoạt động các thiết chế văn hóa – Một số vấn đề đặt ra và đề xuất, kiến nghị	
ThS. Nguyễn Tuấn Anh 321
<i>Viện Văn hóa nghệ thuật Quốc gia Việt Nam</i>	
42. Thiết chế văn hóa, thể thao dành cho thanh niên: cơ chế, chính sách và thực trạng quản lý, khai thác, sử dụng hiện nay	
TS. Nguyễn Tuấn Anh 332
<i>Viện Nghiên cứu Thanh niên</i>	
43. Nguồn lực cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao cấp phường, xã, thôn bản - thực trạng và vấn đề đặt ra	
TS. Hoàng Thị Bình 342
<i>Phó Viện trưởng Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam</i>	
44. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Bảo tàng Quảng Ninh	
Bảo tàng Quảng Ninh 356
45. Mô hình hoạt động của Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh và một số đề xuất, kiến nghị	
Bảo tàng Chứng tích chiến tranh 362
46. Phát huy vai trò của thiết chế văn hóa cổ truyền trong xã hội đương đại	
GS.TS. Nguyễn Chí Bền 371
<i>Nguyên Viện trưởng Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam</i>	

	Trang
47. Chính sách thuế đối với hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao giai đoạn 2013 – 2023; vướng mắc, bất cập trong thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ-CP, Nghị định 60/2021/NĐ-CP về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và giải pháp	Bà Nguyễn Thị Cúc378 <i>Chủ tịch Hội Tư vấn thuế</i>
48. Vai trò của thiết chế văn hóa, thể thao trong xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở	PGS.TS. Phạm Duy Đức392 <i>Nguyên Viện trưởng Viện Văn hóa và phát triển, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh</i>
49. Thực hiện chính sách phát triển thiết chế văn hóa, thể thao ở Việt Nam hiện nay - vấn đề và giải pháp	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hà – ThS. Đinh Giang400 <i>Tạp chí Cộng sản</i>
50. Thiết chế văn hóa, thể thao cho người cao tuổi trong bối cảnh già hóa dân số ở Việt Nam hiện nay	PGS.TS. Lê Thị Thanh Hà410 <i>Viện Xã hội học và phát triển Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh</i>
51. Cơ chế, chính sách phát triển thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở: từ trường hợp tỉnh Thừa Thiên Huế	TS. Phan Thanh Hải416 <i>Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế</i>
52. Chính sách và nguồn lực cho phát triển văn hóa, thể thao ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số	TS. Lương Thị Thu Hằng428 <i>Phó Tổng Biên tập Tạp chí Dân tộc</i>
53. Nguồn lực phát triển thiết chế văn hóa, thể thao nhìn từ góc độ phát huy vai trò của vốn xã hội	TS. Vũ Thị Thu Hằng - ThS. Nguyễn Thị Vân Anh434 <i>Viện Triết học Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam</i>
54. Phát huy các nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao trong bối cảnh hiện nay	PGS.TS. Cao Thu Hằng* – TS. Đỗ Thị Bích Thảo**441 <i>* Tạp chí Cộng sản, ** Học viện An ninh nhân dân</i>
55. Việc thực hiện chính sách, pháp luật về tổ chức bộ máy, nhân sự, chế độ đối với đội ngũ cán bộ hoạt động trong hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao	ThS. Vi Thanh Hoài – CN. Lê Anh Tuấn450 <i>Cục Văn hóa cơ sở Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</i>

	Trang
56. Phát huy hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất thể thao tại Trung tâm Huấn luyện Thể thao quốc gia Hà Nội - thực trạng và một số khuyến nghị TS. Nguyễn Mạnh Hùng <i>Giám đốc Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia Hà Nội</i> 457
57. Cơ chế, chính sách cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao dành cho trẻ em, thực trạng và giải pháp TS. Nguyễn Hải Hữu <i>Nguyên Cục trưởng Cục Trẻ em Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội</i> 463
58. Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong các thiết chế văn hóa ở Việt Nam TS. Mai Thị Thuỳ Hương <i>Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam</i> 470
59. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Nhà hát Cải lương Việt Nam TS. NSND. Triệu Trung Kiên <i>Nhà hát Cải lương Việt Nam</i> 478
60. Thực trạng hoạt động của Bảo tàng Gốm cổ sông Hương và một số kiến nghị về chính sách, pháp luật GS.TS. Thái Kim Lan <i>Bảo tàng gốm cổ Sông Hương</i> 484
61. Chính sách, nguồn lực cho phát triển hệ thống nhà hát hiện nay - thực trạng và kiến nghị các giải pháp phát triển nhà hát trong thời gian tới GS.TS. Từ Thị Loan <i>Nguyên Quyền Viện trưởng Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam</i> 496
62. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa tư nhân Bà Trương Uyên Ly <i>Giám đốc Hà Nội Grapevine</i> 508
63. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thiết chế thư viện tỉnh hiện nay PGS.TS. Trương Đại Lượng <i>Đại học Văn hóa Hà Nội</i> 515
64. Chuyển đổi số ở Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam - thực trạng và một số đề xuất, kiến nghị TS. Nguyễn Anh Minh <i>Giám đốc Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam</i> 522
65. Đánh giá chính sách, pháp luật về quy hoạch, xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao ở nước ta giai đoạn 2013 - 2023 Ông Ngô Tự Nam <i>Nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội</i> 529

	Trang
66. Việc chuyển đổi số thư viện: thực trạng và một số đề xuất, kiến nghị539
ThS. Kiều Thúy Nga <i>Vụ trưởng Vụ Thư viện Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</i>	
67. Một số vấn đề về quy hoạch, xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế thư viện ở nước ta giai đoạn 2013 – 2023547
TS. Vũ Dương Thúy Nga <i>Nguyên Vụ trưởng Vụ Thư viện, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</i>	
68. Thực trạng hoạt động của hệ thống công viên tại Việt Nam giai đoạn 2013 - 2023565
TS. Nghiêm Thị Thu Nga <i>Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh</i>	
69. Xây dựng và hoàn thiện các thiết chế văn hóa trong bảo tồn, phát huy di sản văn hóa ở Việt Nam hiện nay576
PGS.TS. Nguyễn Thu Nghĩa <i>Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam</i>	
70. Mô hình và giải pháp phát triển thể dục, thể thao quần chúng khu vực nông thôn mới583
PGS.TS. Bùi Ngọc <i>Viện Khoa học Thể dục, Thể thao</i>	
71. Đổi mới hoạt động hệ thống Nhà Thiếu nhi Thành phố Hồ Chí Minh “Nơi chấp cánh những ước mơ”595
Nhà Thiếu nhi Thành phố Hồ Chí Minh	
72. Thực trạng và giải pháp tích hợp quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao ở Việt Nam trong quy hoạch tổng thể quốc gia601
PGS.TS. Phạm Lan Oanh <i>Phó Viện trưởng Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam</i>	
73. Phát huy hiệu quả hoạt động của thiết chế văn hóa trong việc phát triển các ngành công nghiệp văn hóa ở Thành phố Hồ Chí Minh609
TS. Nguyễn Hồ Phong* - ThS. Nguyễn Hoàng Anh** <i>*Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh, **Sở Văn hóa, Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh</i>	
74. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay620
TS. Nguyễn Huy Phòng <i>Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh</i>	
75. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thiết chế nhà hát ở Trung ương hiện nay632
PGS.TS. Nguyễn Thị Anh Quyên <i>Đại học Văn hóa Hà Nội</i>	

	Trang
76. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa cho công nhân ở Đồng Nai	
TS. Nguyễn Văn Quyết <i>Nguyên Phó Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai</i> 639
77. Lý luận về thiết chế văn hóa, thể thao và kinh nghiệm xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao của một số quốc gia trên thế giới	
TS. Lương Huyền Thanh <i>Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh</i> 646
78. Thực trạng tổ chức, hoạt động của bảo tàng và một số đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung Luật Di sản văn hóa	
Ông Nguyễn Hữu Toàn <i>Nguyên Phó Cục trưởng Cục Di sản văn hóa</i> 658
79. Chính sách, pháp luật đất đai cho thiết chế văn hóa, thể thao	
PGS.TS. Nguyễn Quang Tuyến <i>Đại học Luật Hà Nội</i> 668
80. Vai trò của thiết chế văn hóa, thể thao tư nhân và vấn đề đặt ra trong công tác quản lý	
TS. Nguyễn Thị Tuyến <i>Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh</i> 682
81. Phát triển thiết chế văn hóa trong Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay	
PGS.TS. Lê Trọng Tuyến* – TS. Hoàng Ngọc Sơn** <i>* Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng, ** Học viện Lục quân, Bộ Quốc phòng</i> 696
82. Đổi mới cơ chế để tăng cường vai trò của doanh nghiệp tư nhân trong đầu tư xây dựng, tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao	
Ông Đậu Anh Tuấn <i>Phó Tổng Thư ký, Trưởng Ban Pháp chế Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)</i> 702
83. Chính sách đầu tư cho thiết chế văn hóa giai đoạn 2013 - 2023	
TS. Đặng Thị Tuyết <i>Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh</i> 712
84. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho hoạt động của thiết chế văn hóa trong bối cảnh hiện nay	
TS. Nguyễn Thanh Xuân <i>Đại học Văn hóa Hà Nội</i> 724

PHẦN I
THAM LUẬN TRÌNH BÀY TẠI HỘI THẢO

BÁO CÁO ĐỀ DẪN HỘI THẢO
“CHÍNH SÁCH VÀ NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN
THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO”

Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng
Ủy viên Bộ Chính trị
Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Thưa toàn thể các đại biểu tham dự Hội thảo!

Hôm nay, tại thành phố Hạ Long tươi đẹp và mến khách, Ủy ban Văn hóa Giáo dục của Quốc hội, Ban Tuyên giáo Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch, Tỉnh Quảng Ninh phối hợp tổ chức Hội thảo ***Chính sách và nguồn lực cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao***. Hội thảo này là một trong chuỗi các hoạt động thiết thực để triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về khơi dậy, phát huy giá trị văn hóa, con người Việt Nam; tinh thần của Hội nghị văn hóa toàn quốc năm 2021 về chấn hưng văn hóa dân tộc; đồng thời, đây cũng là Hội thảo về văn hóa thứ 2 do Quốc hội chủ trì, tiếp nối sự thành công của Hội thảo Văn hóa năm 2022. Nếu như Hội thảo Văn hóa năm 2022 chúng ta bàn về một vấn đề có tính then chốt trong xây dựng nền văn hóa Việt Nam, đó là “*Thể chế, chính sách và nguồn lực cho phát triển văn hóa*” thì Hội thảo văn hóa năm nay, chúng ta tiếp tục thảo luận về một vấn đề cụ thể hơn, thiết thực và cấp bách đối với nền văn hóa dân tộc, đó là “*Chính sách và nguồn lực cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao*”.

Thưa quý vị đại biểu khách quý!

Thiết chế văn hóa, thể thao có một vị trí đặc biệt quan trọng trong xây dựng, phát triển nền văn hóa dân tộc. Đây là nơi diễn ra các hoạt động sáng tạo, phổ biến, thực hành và hưởng thụ các giá trị văn hóa; nơi rèn luyện, nâng cao năng lực thẩm mỹ và thể lực của các tầng lớp nhân dân, giúp con người Việt Nam khỏe về thể chất, đẹp về tinh thần, phát triển toàn diện về đức - trí - thể - mỹ. Đồng thời, đây cũng là địa chỉ quan trọng trong việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp và lan tỏa các giá trị văn hóa mới của thời đại, của dân tộc. Thiết chế văn hóa, thể thao còn là không gian thúc đẩy các hoạt động giao lưu văn hóa; lan tỏa sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam đến với bạn bè quốc tế. Thiết chế văn hóa, thể thao cũng là nơi diễn ra các mắt khâu của ngành công nghiệp văn hóa, từ uơm mầm cho những ý tưởng sáng tạo đến sản xuất, phổ biến, tiêu dùng các sản phẩm này. Thiết chế văn hóa, thể thao không chỉ là nơi tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, mà còn có thể là nơi tổ chức các hoạt động chính trị, xã hội. Hơn nữa, thiết chế văn hóa, thể thao còn góp phần kiến tạo nên bộ mặt cảnh quan của các địa phương. Tại các đô thị, một số thiết chế văn hóa, thể thao đang trở thành điểm nhấn, góp phần kiến tạo bản sắc của các không gian kiến trúc đô thị. Còn ở nông thôn, các thiết chế văn hóa, thể thao cũng góp phần tạo nên diện mạo của nông thôn mới. Có thể nói, thiết chế văn hóa,

thể thao là bộ phận không thể thiếu trong xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh hiện nay.

Trong những năm qua, Đảng luôn quan tâm đến việc xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao của đất nước, trong đó đặc biệt chú trọng tới việc xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ trung ương tới cơ sở, vùng sâu, vùng xa, biên giới hải đảo. Nhằm thể chế hóa các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội đã thông qua nhiều luật, pháp lệnh; Chính phủ đã ban hành nhiều nghị định, quyết định, chiến lược, ... để phát triển thiết chế văn hóa, thể thao. Đặc biệt ngày 11/11/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2164/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030. Đây là những định hướng chính trị và cơ sở pháp lý quan trọng để các bộ, ngành, địa phương, đặc biệt là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn triển khai xây dựng và phát triển thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn cả nước. Nhiều chính sách về quy hoạch, về đầu tư xây dựng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí hoạt động, tổ chức bộ máy, nhân sự của các thiết chế văn hóa, thể thao cho đến chính sách xã hội hóa trong xây dựng, vận hành các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp đã được ban hành, tổ chức triển khai thực hiện. Chính vì vậy, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từng bước được củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động, góp phần cải thiện đời sống văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phục vụ nhiệm vụ chính trị và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ Trung ương đến cơ sở được xây dựng. Các thiết chế văn hóa như Thư viện quốc gia, Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật Việt Nam, bảo tàng hoạt động khá hiệu quả¹. Hệ thống rạp chiếu phim, nhà hát, trung tâm biểu diễn nghệ thuật ngày càng hiện đại. Thiết chế văn hóa từ cấp tỉnh đến thôn, làng, bản, ấp được kiện toàn². Bên cạnh đó, các thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ thanh thiếu niên, nhi đồng, phục vụ công nhân, viên chức và người lao động cũng được quan tâm đầu tư xây dựng³.

Hệ thống nhà thi đấu, sân vận động, sân thể thao các cấp cũng được xây dựng, nâng cấp, tiệm cận với các tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế⁴.

Nhìn tổng thể, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp về cơ bản đã thực hiện tốt chức năng tổ chức các hoạt động chuyên môn và hướng dẫn nghiệp vụ, các câu lạc bộ sở thích, xây dựng và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao. Điều kiện vật chất, trang thiết bị tại các thiết chế này cũng được cải thiện; nội dung,

¹ Cả nước hiện có 197 bảo tàng (gồm 127 bảo tàng công lập và 70 bảo tàng ngoài công lập). Các bảo tàng này đang là nơi lưu giữ và phát huy giá trị trên 4 triệu hiện vật, trong đó có 265 bảo vật quốc gia.

² Tính đến hết tháng 3/2023, cả nước có 66 thiết chế văn hóa cấp tỉnh, 689/705 quận, huyện có Trung tâm văn hóa – thể thao hoặc Nhà văn hóa, đạt tỷ lệ khoảng 97,7%; 8.207/10.598 xã, phường, thị trấn có Trung tâm văn hóa – thể thao, đạt tỷ lệ 77,4% trong đó có 5.625 đạt chuẩn (tỷ lệ 53%); 69.070/90.508 làng, thôn, bản, ấp ... có Nhà văn hóa, đạt tỷ lệ khoảng 76,3% trong đó có 44.836 đạt chuẩn (tỷ lệ 49,5%).

³ Cả nước có 56 Cung, Nhà thiếu nhi, Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi cấp tỉnh và 106 Nhà thiếu nhi cấp huyện. 50 thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ công nhân, viên chức và người lao động.

⁴ Có gần 600 công trình đủ tiêu chuẩn thi đấu thể thao cấp quốc gia và quốc tế; 371 sân vận động có khán đài; 222 nhà thi đấu có khán đài đủ tiêu chuẩn cấp quốc gia; 69 bể bơi có khán đài đủ tiêu chuẩn thi đấu cấp quốc gia; 11.923 cụm sân thể thao khác, như trường bắn, sân quần vợt, công trình tổ chức thi đấu theo từng môn thể thao. Về các công trình thể dục, thể thao cấp tỉnh, huyện quản lý, như sân tập luyện gồm có: 627 sân điền kinh; 10.1010 nhà tập; 4.110 sân bóng đá, ...

hình thức hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao ngày càng phong phú, đa dạng. Nhìn chung, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp bước đầu đã đáp ứng được nhu cầu của đông đảo các tầng lớp nhân dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được đáng ghi nhận, công tác quy hoạch cũng như sự vận hành của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao hiện nay còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập. Chưa có cơ chế rõ ràng cho việc hợp tác công tư trong xây dựng, khai thác các thiết chế văn hóa, thể thao. Chính vì vậy, chưa thu hút được các nguồn lực xã hội đầu tư phát triển hệ thống thiết chế này. Tình trạng vừa thừa, vừa thiếu các thiết chế văn hóa, thể thao diễn ra ở nhiều địa phương. Một số thiết chế văn hóa, thể thao hoạt động kém hiệu quả, không thu hút được sự tham gia của người dân. Đây là một sự lãng phí lớn ngân sách nhà nước. Nhưng bên cạnh đó, chúng ta cũng đang thiếu những thiết chế văn hóa, thể thao hiện đại, có thể trở thành những biểu tượng văn hóa của đất nước, của các địa phương. Ngoài ra, cơ sở vật chất của không ít thiết chế văn hóa, thể thao còn nghèo nàn, lạc hậu. Kinh phí cho hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao rất hạn hẹp. Nhiều thiết chế văn hóa, thể thao gặp khó khăn, lúng túng trong quá trình từng bước phải tự chủ tài chính. Quỹ đất sử dụng của nhiều thiết chế văn hóa, thể thao chưa đạt quy định. Bộ máy hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao kém hiệu quả. Nhân lực tại nhiều thiết chế văn hóa, thể thao chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Công tác hướng dẫn, chỉ đạo và tổ chức các hoạt động tại thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở ở nhiều địa phương chưa được coi trọng, thiếu tính chủ động, sáng tạo.

Nhiều quy định về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của các thiết chế văn hóa, thể thao không còn phù hợp với tình hình thực tiễn. Thiếu sự liên thông, kết nối, đồng bộ giữa các chính sách. Không ít văn bản quy phạm pháp luật còn nặng về hướng dẫn chung chung, chưa thể chế hóa đầy đủ, chi tiết vì thế khó khăn trong áp dụng triển khai. Một số nội dung liên quan đến các hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao chưa được điều chỉnh bởi văn bản quy pháp pháp luật. Chưa thực sự chú ý tới tính đặc thù của lĩnh vực văn hóa trong ban hành chính sách. Kinh phí đầu tư xây dựng, cải tạo các thiết chế văn hóa, thể thao còn hạn chế. Việc xây dựng cơ chế chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ công tác tại hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở còn chậm, thiếu.

Để khắc phục những yếu kém nói trên, Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã nhấn mạnh cần: *“Tăng cường đầu tư, khai thác và phát huy tối đa các nguồn lực văn hóa đi đôi với đổi mới nội dung, phương thức quản lý, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải; kém hiệu quả; tăng cường kiểm tra, giám sát, bảo đảm hiệu quả đầu tư cao trong lĩnh vực văn hóa. Đổi mới, hoàn thiện các thiết chế văn hóa từ trung ương đến cơ sở, bảo đảm hiệu quả”*⁵.

Thưa quý vị đại biểu, thưa các nhà khoa học, các nhà quản lý tham dự Hội thảo!

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.146-147.

Trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, có nhiều vấn đề đang đặt ra từ phương diện chính sách và nguồn lực cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao, trong đó nổi lên mấy vấn đề sau:

Thiết chế văn hóa, thể thao ra đời trước hết là để đáp ứng nhu cầu văn hóa, nhu cầu tinh thần và thể chất của mọi tầng lớp nhân dân, tạo nền tảng để đảm bảo nguồn nhân lực xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cũng như phát triển con người toàn diện. Chính vì vậy, quá trình xây dựng và ban hành chính sách thúc đẩy hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao trước hết phải chú ý tới tính **tính đồng bộ, khả thi và hiệu quả**. Một thiết chế văn hóa, thể thao bao gồm nhiều yếu tố: từ cơ sở vật chất, trang thiết bị đến bộ máy, nhân sự, kinh phí hoạt động và cơ chế vận hành. Các chính sách, nguồn lực để phát triển thiết chế văn hóa, thể thao cũng cần tính đúng, tính đủ các yếu tố này. Chỉ quan tâm đến yếu tố này, xem nhẹ yếu tố kia đều có khả năng làm suy giảm tính hiệu quả, gây ra sự lãng phí các nguồn lực. Tính đồng bộ, khả thi và hiệu quả còn phải được xem xét trong mối quan hệ giữa chính sách, nguồn lực cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao với các chính sách, nguồn lực cho phát triển các lĩnh vực khác và đặt trong tổng thể chính sách phát triển đất nước, chính sách phát triển của các địa phương.

Bên cạnh đó, các chính sách, nguồn lực cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao cũng phải hết sức chú trọng đến tính **phù hợp, bản sắc và hiện đại**. Tính phù hợp, bản sắc và hiện đại này phải được thể hiện ở kiến trúc, chức năng, công năng, thể hiện ở trong các hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao. Cần khắc phục tình trạng đồng phục hóa các thiết chế văn hóa cơ sở. Từ cơ sở vật chất đến việc lựa chọn tổ chức hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao phải tính đến đặc thù văn hóa của địa phương, đến nhu cầu văn hóa của người dân; đồng thời cũng cần chú trọng đến bối cảnh thời đại, đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động của các thiết chế văn hóa.

Phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao là sự hiện thực hóa quan điểm của Đảng về mối quan hệ giữa phát triển văn hóa với phát triển con người. Phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao xét cho đến cùng là vì mục tiêu phát triển con người một cách toàn diện. Do đó, chăm lo phát triển hệ thống thiết chế văn hóa là công việc phải được tiến hành một cách thường xuyên, liên tục. Bên cạnh vai trò chủ đạo của Nhà nước, cũng cần phát huy vai trò của thị trường và xã hội trong phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao để **vừa đảm bảo được các hiệu ích xã hội** nhưng cũng **vừa có thể khai thác được hiệu ích kinh tế** của một số thiết chế văn hóa, thể thao.

Thưa quý vị đại biểu tham dự Hội thảo!

Việc quan tâm xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao khẳng định tính ưu việt của chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng, một xã hội phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, nơi mọi người dân có quyền được thụ hưởng những thành quả tốt đẹp của sự phát triển.

Để thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển văn hóa, con người, phát huy những thành quả đã có, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, khai thông những điểm nghẽn trong chính sách, nguồn lực phát triển

thiết chế văn hóa, thể thao, tôi đề nghị các đại biểu tham dự Hội thảo tập trung thảo luận một số nội dung sau:

Thứ nhất, về hoàn thiện các văn bản pháp luật

Chúng ta cần tập trung đánh giá hệ thống thể chế, chính sách về thiết chế văn hóa, thể thao hiện nay. Trong những luật đã ban hành như Luật Quy hoạch, Luật Thư viện, Luật Di sản văn hóa, Luật Điện ảnh, Luật Thể dục, thể thao, ... những điều khoản nào còn nguyên giá trị, những điều khoản nào đã bị thực tiễn vượt qua, không còn phù hợp, cần điều chỉnh, bổ sung. Bên cạnh đó, cũng cần rà soát lại các nghị định, thông tư, ... có liên quan đến phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao. Cần rà soát, điều chỉnh, bổ sung, thậm chí nếu cần thiết đề nghị ban hành các văn bản quy phạm pháp luật mới để có một hành lang pháp lý tối ưu nhất, đảm bảo được tính đồng bộ, khả thi, hiệu quả trong phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao hiện nay, như Luật Nghệ thuật biểu diễn, Luật Mỹ thuật, Nhiếp ảnh, Nghị định về Văn học, ... Cần sớm ban hành quy định về chính sách hỗ trợ cho người quản lý hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở chưa được hưởng lương từ ngân sách nhà nước; các cơ chế, chính sách phù hợp khác nhằm thu hút, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội hóa đối với thiết chế văn hóa, thể thao các cấp; chế độ ưu đãi đào tạo hạt nhân năng khiếu về văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao.

Các chính sách phát triển thiết chế văn hóa, thể thao phải bảo đảm quyền tiếp cận và nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa của các tầng lớp Nhân dân; Đồng thời, cần quan tâm tới việc xây dựng, phát triển thiết chế văn hóa, thể thao cho thanh niên, trẻ em, người lao động, người khuyết tật, người cao tuổi...

Thứ hai, về quy hoạch thiết chế văn hóa, thể thao

Một trong những nhiệm vụ cũng hết sức quan trọng để xây dựng được mạng lưới thiết chế văn hóa, thể thao từ Trung ương đến cơ sở, đảm bảo được tính đồng bộ, toàn diện, bản sắc và hiện đại là phải làm tốt công tác quy hoạch. Thực tế nhiều quy hoạch xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đã được phê duyệt, ban hành trong thời gian vừa qua như Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2030 (2013), Quy hoạch và kế hoạch nâng cấp, xây mới các công trình văn hóa (nhà hát, rạp chiếu phim, nhà triển lãm văn học nghệ thuật) giai đoạn 2012- 2020 (2013), Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2021, định hướng đến năm 2030 (2019), Nhiệm vụ lập Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (2021), ... Vấn đề đặt ra hiện nay là tổ chức thực hiện các quy hoạch, trong đó bao gồm cả việc bố trí các nguồn lực (nhất là quỹ đất và kinh phí) để hiện thực hóa các quy hoạch này sao cho vừa phù hợp với yêu cầu đặt ra, vừa phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước, của mỗi địa phương. Các địa phương tiếp tục hoàn thành mục tiêu đến năm 2030 đối với thiết chế văn hóa, thể thao các cấp theo quy định tại Quyết định số 2164/QĐ-TTg và Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030; khi xây dựng quy hoạch cần chú ý việc tích hợp quy hoạch thiết chế văn hóa, thể thao trong quy hoạch của các tỉnh/thành phố. Cần bổ sung các chỉ tiêu cụ thể về

phát triển thiết chế văn hóa, thể thao vào nội dung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thứ ba, về quản lý, sử dụng, khai thác thiết chế văn hóa, thể thao

Để phát huy được vai trò của các thiết chế văn hóa, thể thao cần có các chính sách quản lý, sử dụng, khai thác hiệu quả hệ thống thiết chế này. Các bộ, ngành liên quan cần có sự liên thông, phối hợp để bố trí, sắp xếp nguồn lực và ban hành các văn bản hướng dẫn nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của mạng lưới thiết chế văn hóa, thể thao các cấp. Huy động các nguồn lực để xây dựng, kiện toàn hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao là rất quan trọng, nhưng quan trọng hơn nữa là phải tổ chức quản lý, đổi mới phương thức tổ chức, quản lý và nâng cao chất lượng hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao các cấp phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Xây dựng và nhân rộng các mô hình tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu phù hợp với điều kiện sinh hoạt, phong tục tập quán, đặc điểm dân tộc, vùng miền, các nhóm đối tượng, lứa tuổi để thu hút sự tham gia của cộng đồng. Làm sao để các thiết chế văn hóa, thể thao hiện nay cũng có sức sống trong tâm thức cộng đồng như những thiết chế văn hóa truyền thống. Thực tế cũng đã xuất hiện một số địa phương có cách làm hay, mô hình hoạt động hiệu quả trong tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các thiết chế văn hóa cơ sở. Tôi cũng đề nghị các đại biểu chia sẻ những bài học kinh nghiệm trong quản lý, khai thác các thiết chế văn hóa, thể thao hiện nay.

Thứ tư, về đầu tư kinh phí, huy động nguồn lực xã hội; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho thiết chế văn hóa, thể thao

Thời gian qua Chính phủ và các địa phương đã bố trí, sử dụng các nguồn ngân sách để đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao ở trung ương và địa phương. Bên cạnh đó, các Chương trình mục tiêu quốc gia như Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa giai đoạn 2016 – 2020, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030 cũng dành một phần kinh phí cho xây dựng, hoàn thiện cơ sở vật chất và đảm bảo kinh phí hoạt động nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ đối với thiết chế văn hóa, thể thao các cấp. Tuy nhiên, với mạng lưới hệ thống thiết chế văn hóa từ trung ương đến thôn, bản như hiện nay, cũng đòi hỏi phải tính toán lại nguồn kinh phí đầu tư sao cho phù hợp, tập trung, hiệu quả, tránh tình trạng vừa thiếu, vừa lãng phí.

Trong bối cảnh ngân sách nhà nước, ngân sách địa phương hết sức hữu hạn, cần tiếp tục đẩy mạnh chủ trương xã hội hóa hoạt động văn hóa. Phải có cơ chế, chính sách rõ ràng hơn, hấp dẫn hơn để khuyến khích, huy động các nguồn lực xã hội, các nguồn lực trong và ngoài nước đầu tư cho các thiết chế văn hóa, thể thao. Đồng thời, cần có cơ chế tường minh để thúc đẩy sự liên kết giữa các tổ chức, cá nhân trong việc sử dụng cơ sở vật chất đã được Nhà nước đầu tư để tổ chức hiệu quả các hoạt động tại các thiết chế văn hóa, thể thao.

Mặt khác, cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi

trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng, vận hành thiết chế văn hóa, thể thao; có cơ chế khuyến khích cộng đồng giám sát, tham gia quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá và rút kinh nghiệm trong việc xây dựng, phát huy hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp. Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng bảo đảm tính kịp thời, công bằng và có sự động viên, khích lệ.

Thứ năm, về tổ chức bộ máy, nhân sự và công tác đào tạo nguồn nhân lực

Đã có nhiều chính sách được ban hành nhằm thiết lập một bộ máy tinh gọn, hiệu quả trong quản lý, vận hành các thiết chế văn hóa, thể thao. Đề nghị các đại biểu tham dự Hội thảo thảo luận, đánh giá xem các quy định về tiêu chí, điều kiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy, định mức biên chế, cơ cấu đội ngũ lao động tại các thiết chế văn hóa, thể thao như vậy đã phù hợp chưa? Việc sáp nhập các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa, việc thực hiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa, thể thao gặp những thuận lợi và những khó khăn, vướng mắc gì?

Nguồn nhân lực tại các thiết chế văn hóa, thể thao là yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế này. Số lượng cán bộ, viên chức, người lao động trong các thiết chế văn hóa, thể thao dần được chuẩn hóa về trình độ chuyên môn. Tuy nhiên, văn hóa là một lĩnh vực rộng lớn và có tính đặc thù. Do đó, cần cần thực hiện quy hoạch, tuyển dụng công chức, viên chức văn hóa, thể thao đáp ứng yêu cầu và quy định về tổ chức hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao các cấp. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực và trách nhiệm đội ngũ cán bộ văn hóa, thể thao, cộng tác viên. Đồng thời cũng cần có những chính sách đặc thù để đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng và thu hút nguồn nhân lực hoạt động, cống hiến trong lĩnh vực văn hóa nói chung, trong hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao nói riêng. Đặc biệt, cần chú ý việc ban hành chính sách đãi ngộ, phụ cấp, bồi dưỡng đối với đội ngũ văn nghệ sĩ, diễn viên tham gia hoạt động các loại hình nghệ thuật truyền thống phải phù hợp với thực tiễn.

Kính thưa quý vị đại biểu khách quý!

Thiết chế văn hóa, thể thao là yếu tố cấu thành quan trọng của mỗi nền văn hóa. Hội thảo ngày hôm nay là một dịp đặc biệt để các nhà lãnh đạo, quản lý, các nhà khoa học, nhất là những người làm công tác văn hóa cùng nhau thảo luận làm sâu sắc hơn, toàn diện hơn nhận thức về vai trò, vị trí của thiết chế văn hóa, thể thao trong sự nghiệp xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc cũng như đề xuất được những giải pháp, kiến nghị sát thực, khả thi nhằm tiếp tục hoàn thiện chính sách và nguồn lực phát triển các thiết chế này. Tôi tin tưởng rằng bằng trí tuệ và sự nhiệt huyết đối với sự nghiệp chấn hưng nền văn hóa dân tộc, các nhà khoa học, các đại biểu tham dự Hội thảo sẽ có những kiến giải sâu sắc về “*Chính sách và nguồn lực cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao*”.

Xin kính chúc các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các quý vị đại biểu tham dự Hội thảo sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH VÀ NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

I. KHÁI QUÁT VỀ THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng và Nhà nước luôn coi trọng vai trò của văn hóa. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” xác định “văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội”. Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020 xác định “đầu tư cho thể dục, thể thao là đầu tư cho con người, cho sự phát triển của đất nước” và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định “Phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm vừa phát huy những giá trị tốt đẹp của dân tộc, vừa tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế”.

Sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế và khoa học công nghệ đã tác động mạnh mẽ đến văn hóa, thể thao, mang đến những cơ hội cũng như thách thức. Văn hóa, thể thao không chỉ là động lực gián tiếp mà còn là động lực trực tiếp cho sự phát triển kinh tế với những thành tựu nổi bật trong công nghiệp văn hóa, dịch vụ thể thao,... Các thiết chế văn hóa, thể thao nơi tổ chức các hoạt động, lưu giữ và phát huy các giá trị văn hóa của cộng đồng và của đất nước, có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

Thiết chế văn hóa, thể thao là những công trình thuộc kết cấu hạ tầng xã hội, được thành lập, đầu tư tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí, tạo môi trường lành mạnh đáp ứng nhu cầu và thu hút nhân dân. Thiết chế văn hóa, thể thao là một chỉnh thể hội tụ đầy đủ 04 yếu tố: cơ sở vật chất - kỹ thuật, tổ chức bộ máy và nhân sự, cơ chế tài chính và nội dung hoạt động. Được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội, trong những năm qua, thiết chế văn hóa, thể thao đã từng bước được hoàn thiện nhằm thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, phục vụ các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội; cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng cường đầu tư, cơ bản đáp ứng được nhu cầu luyện tập, biểu diễn và tổ chức hoạt động; chính sách đối với nguồn nhân lực được quan tâm, kinh phí hoạt động từng bước được nâng lên; nội dung, phương thức tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao thay đổi phù hợp với điều kiện thực tế, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, thúc đẩy vào quá trình phát triển kinh tế, xã hội. Hiện nay, thiết chế văn hóa, thể thao được tổ chức thành 02 hệ thống: Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trung ương¹ (do Bộ Văn hóa,

¹ Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trung ương gồm: Thư viện quốc gia, Trung tâm Triển lãm Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam, Bảo tàng, Thiết chế Điện ảnh, Thiết chế Nhà hát (lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn), Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam và Thiết chế thể thao.

Thể thao và Du lịch trực tiếp quản lý); Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở² (do Ngành văn hóa, thể thao và du lịch, Công đoàn và Đoàn thanh niên quản lý).

II. THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO

2.1. Kết quả đạt được

2.1.1. Về thể chế, pháp luật liên quan đến thiết chế văn hóa, thể thao

Quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật đã hình thành nền tảng pháp lý tương đối toàn diện và hệ thống góp phần phát triển thiết chế văn hóa, thể thao. Nhằm thể chế hóa các nghị quyết của Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 và Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030, trong đó thể hiện khá đầy đủ, toàn diện về phát triển thiết chế văn hóa, thể thao nói chung và hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở nói riêng theo trung hạn và dài hạn. Đây là định hướng và cơ sở pháp lý quan trọng để các bộ ngành, địa phương, đặc biệt là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai xây dựng và phát triển thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn cả nước. Bên cạnh đó, có nhiều bộ Luật³, hơn 50 Nghị định, 14 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và trên 100 Thông tư, Thông tư liên tịch đã được ban hành có liên quan trực tiếp đến đầu tư, xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao.

2.1.2. Về quy hoạch thiết chế văn hóa, thể thao:

Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, đoàn thể, ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh hướng dẫn công tác quy hoạch theo Quyết định số 2164/QĐ-TTg, đồng thời đã chỉ đạo ngành văn hóa ở các địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và phê duyệt quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở của địa phương phù hợp với quy hoạch chung của cả nước trên cơ sở rà soát, đánh giá thực trạng, hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở trên địa bàn trong đó đề ra các mục tiêu cụ thể, nội dung quy hoạch (địa điểm, quỹ đất, cơ sở vật chất, kỹ thuật, bộ máy cán bộ) và các giải pháp thực hiện.

Đến nay, toàn quốc hiện có 42 tỉnh, thành phố đã quy hoạch quỹ đất dành cho xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao⁴. Thông qua việc thực hiện quy hoạch, thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở được quan tâm và triển khai. Đa số các địa phương đã dành

² Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ cộng đồng thuộc Ngành văn hóa, thể thao và du lịch quản lý (thiết chế văn hóa, thể thao các cấp), gồm: Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh, Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện, Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã và Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn; hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ thanh niên, thiếu niên và nhi đồng (thiết chế văn hóa, thể thao Đoàn Thanh niên), gồm: Cung, Nhà Thiếu nhi, Trung tâm Hoạt động Thanh thiếu nhi cấp tỉnh và Nhà thiếu nhi cấp huyện; hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ công nhân, viên chức và người lao động (thiết chế văn hóa, thể thao Công đoàn), gồm: Cung, Nhà văn hóa lao động cấp tỉnh và Nhà văn hóa lao động cấp huyện.

³ Các Luật: Điện ảnh; Di sản văn hóa; Thư viện; Thể dục, thể thao; Quản lý, sử dụng tài sản công; Đầu tư; Đất đai.

⁴ An Giang, Bắc Giang, Bắc Kạn, Bắc Ninh, Bình Phước, Bình Thuận, Cà Mau, TP Cần Thơ, TP Đà Nẵng, Đắk Nông, Điện Biên, Đồng Nai, Đồng Tháp, Gia Lai, Hà Giang, Hà Nam, Hải Dương, Hải Phòng, Hậu Giang, Hưng Yên, Khánh Hòa, Kon Tum, Lạng Sơn, Lâm Đồng, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Yên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Quảng Trị, Tây Ninh, Thái Bình, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Trà Vinh, Tiền Giang, Tuyên Quang, Vĩnh Long, Yên Bái.

quỹ đất cho việc xây dựng, đồng thời, đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp, cải tạo các thiết chế hiện có nhằm đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần của nhân dân. Các thiết chế văn hóa, thể thao sau một thời gian chuyển đổi cơ chế, nay đã từng bước đổi mới về phương thức tổ chức và hoạt động, cơ sở vật chất được tăng cường, một số công trình quy mô lớn, khang trang, kiến trúc đẹp được xây dựng thêm; hệ thống công trình thể dục, thể thao được xây dựng gần trường học, gần chung cư, phục vụ đáp ứng nhu cầu của Nhân dân ở cơ sở.

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã làm việc với UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về giới thiệu các địa điểm đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao. Theo đó, đã có 36 địa phương có văn bản chính thức giới thiệu địa điểm để đầu tư xây dựng, trong đó có 17/36 khu đất được UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giải phóng mặt bằng cho Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam để thực hiện dự án. Tổ chức lập, trình UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã phê duyệt quy hoạch Tổng mặt bằng, quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại 14 địa phương⁵. Hoàn thành thí điểm 01 dự án thiết chế Công đoàn tại khu công nghiệp Đồng Văn II, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư các dự án thiết chế Công đoàn theo quy định của pháp luật tại 11 tỉnh đã được thống nhất địa điểm là: Tiền Giang, Quảng Nam, Bắc Ninh, Hải Dương, Quảng Ninh, Hưng Yên, Nghệ An, Hòa Bình, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Trà Vinh.

2.1.3. Về đầu tư kinh phí, huy động nguồn lực xã hội

a) Thiết chế văn hóa, thể thao trung ương

Trong giai đoạn 2011 – 2014, tổng số vốn đầu tư là 2.863,54 tỷ đồng. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã hoàn thành đầu tư, đưa vào sử dụng 40 dự án với tổng giá trị là 2.622 tỷ đồng. Các dự án sau khi hoàn thành đã được các đơn vị thụ hưởng đưa vào khai thác sử dụng có hiệu quả. Tiếp theo giai đoạn 2016 - 2020, tổng số vốn đầu tư cho ngành văn hóa, thể thao là 897, 737 tỷ đồng trong đó ngành văn hóa là 570,878 tỷ đồng và ngành thể thao là 326,859 tỷ đồng. Một số dự án về thiết chế văn hóa, thể thao được khởi công và hoàn thành trong giai đoạn này như: Khu lưu trữ tư liệu hình ảnh động Quốc gia - Viện Phim Việt Nam; xây dựng nhà tập - Nhà hát Tuổi trẻ; Nhà hát ca múa dân gian Việt Bắc tại Thái Nguyên; sửa chữa, cải tạo nền sân điền kinh sân vận động trung tâm - Khu Liên hợp thể thao quốc gia. Trong giai đoạn từ 2021 - 2023, tổng số vốn thực hiện là 670,306 tỷ đồng trong đó ngành văn hóa là 167,053 tỷ đồng, ngành thể dục, thể thao là 503,253 tỷ đồng. Một số dự án khởi công mới và dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021 - 2025 là: Nhà hát Tuổi trẻ cơ sở 1; nâng cấp sửa chữa thay thế cơ sở vật chất thiết bị và các hạng mục công trình tại sân vận động – Khu Liên hợp thể thao quốc gia.

b) Thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2012 - 2015

⁵ Tiền Giang, Hà Nam, Quảng Nam, Nghệ An, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Bắc Ninh; Bình Định; Bắc Giang; Thái Bình; Cần Thơ; Trà Vinh; Sóc Trăng.

(tổng kinh phí 489,2 tỷ đồng, trong đó 70 tỷ đồng vốn Đầu tư phát triển và 419,2 tỷ đồng vốn Ngân sách sự nghiệp), các cơ quan, ban ngành, địa phương đã hỗ trợ xây dựng Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp huyện, xã, thôn; Hỗ trợ trang thiết bị cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp huyện, xã, thôn. Cấp sách cho thư viện cấp huyện; mua thiết bị cho 362 đội thông tin lưu động huyện; Hỗ trợ kinh phí để mua sách cho 400 thư viện huyện; Hỗ trợ kinh phí mua ấn phẩm văn hóa cho 2672 xã là các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã vùng dân tộc trọng điểm, xã thuộc 62 huyện nghèo, 184 trường dân tộc nội trú. Hỗ trợ Trang thiết bị cho 120 đồn Biên phòng. Hỗ trợ kinh phí cho các đơn vị tổ chức các hoạt động, mua sắm trang thiết bị cho các Tổ, đội Tuyên truyền văn hóa. Tiếp theo giai đoạn 2016 - 2020, đã hỗ trợ 75,24 tỷ đồng thực hiện Dự án Tăng cường đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa. Thông qua nguồn kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia phân bổ cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đã hỗ trợ trang thiết bị hoạt động cho 90 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và 163 Nhà văn hóa-Khu thể thao thôn, với tổng kinh phí 9,7 tỷ đồng; tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho người quản lý, tổ chức hoạt động tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn trong các năm từ 2016 - 2022, với kinh phí 3,3 tỷ đồng; Hỗ trợ trang thiết bị hoạt động cho 31 Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số của 06 tỉnh khu vực miền núi phía Bắc 1,5 tỷ đồng.

2.1.4. Về cơ sở vật chất - kỹ thuật

a) Thiết chế văn hóa, thể thao trung ương

Các thiết chế văn hóa, thể thao ở trung ương cơ bản đã được đầu tư về cơ sở vật chất, tiện ích đáp ứng việc triển khai, phát huy hiệu quả sử dụng theo chức năng nhiệm vụ được giao.

b) Thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đang từng bước được củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động, nội dung thiết thực đáp ứng nhu cầu của đông đảo tầng lớp nhân dân, góp phần phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương, nâng cao chất lượng cuộc sống tinh thần của nhân dân.

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ cộng đồng thuộc ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý (thiết chế văn hóa, thể thao các cấp): Tính đến hết tháng 3/2024, cả nước có 66 thiết chế văn hoá cấp tỉnh (Trung tâm văn hoá, Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật, Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh,...); 689/705 quận, huyện có Trung tâm Văn hoá - Thể thao hoặc Nhà Văn hoá, đạt tỷ lệ khoảng 97,7%; 8.207/10.598 xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hoá - Thể thao, đạt tỷ lệ 77,4% trong đó có 5.625 đạt chuẩn (tỷ lệ 53%); 69.070/90.508 làng, thôn, bản, ấp... có Nhà Văn hoá, đạt tỷ lệ khoảng 76,3% trong đó có 44.836 đạt chuẩn (tỷ lệ 49,5%). Có gần 600 công trình đủ tiêu chuẩn thi đấu thể thao cấp quốc gia và quốc tế; 371 sân vận động có khán đài; 222 nhà thi đấu có khán đài đủ tiêu chuẩn cấp quốc gia;

69 bể bơi có khán đài đủ tiêu chuẩn thi đấu cấp quốc gia, 11.923 cụm sân thể thao khác, như trường bắn, sân quần vợt, công trình tổ chức thi đấu theo từng môn thể thao. Về các công trình thể dục, thể thao cấp tỉnh, huyện quản lý, như sân tập luyện gồm có: 627 sân điền kinh; 10.101 nhà tập; 4.110 sân bóng đá 11 người; 3.270 sân vận động không có khán đài, 2.850 sân bóng rổ, 29.012 sân cầu lông và đá cầu, 4.843 sân quần vợt; 306 bể bơi có kích thước dưới 25x 50 mét, 766 bể bơi 25m³; 997 bể bơi dưới 25m, 1510 bể bơi lắp ghép, 176 bể bơi trong nhà...

- *Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ thanh niên, thiếu niên và nhi đồng (thiết chế văn hóa, thể thao Đoàn Thanh niên):* Cả nước có 56 đơn vị Cung, Nhà Thiếu nhi, Trung tâm Hoạt động Thanh thiếu nhi cấp tỉnh và 106 Nhà Thiếu nhi cấp huyện. Các thiết chế văn hóa, thể thao do Đoàn Thanh niên quản lý tiếp tục được quan tâm đầu tư, phát huy hiệu quả trong công tác giáo dục đạo đức, lối sống văn hóa, kỹ năng cho thanh thiếu nhi.

- *Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ công nhân, viên chức và người lao động (thiết chế văn hóa, thể thao Công đoàn):* Hiện nay, hệ thống công đoàn có 50 thiết chế văn hóa, thể thao (không tính Trung tâm văn hóa lao động tỉnh Hòa Bình đã sáp nhập, chuyển đổi mục đích sử dụng)⁶.

2.1.5. Về tổ chức bộ máy, nhân sự và nguồn nhân lực

a) Thiết chế văn hóa, thể thao trung ương

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, Chính phủ, chủ động thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ.

b) Thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở

- *Thiết chế văn hóa, thể thao các cấp:*

Đến nay, Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh/thành phố; hầu hết Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện là đơn vị sự nghiệp công lập được quản lý trực tiếp từ Ủy ban nhân dân cấp huyện; một số Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã là đơn vị sự nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập và giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý trực tiếp; Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn là đơn vị tự quản. Tổ chức bộ máy

⁶ Có 04 cung văn hóa lao động cấp tỉnh, thành phố trực thuộc TW: Cung văn hóa lao động TP Hồ Chí Minh; Cung văn hóa lao động hữu nghị Việt Xô (TP Hà Nội), Cung văn hóa lao động hữu nghị Việt Nhật (tỉnh Quảng Ninh), Cung văn hóa lao động hữu nghị Việt Tiệp (TP Hải Phòng); 02 trung tâm văn hóa lao động cấp tỉnh: Trung tâm văn hóa, thể thao và du lịch Công đoàn Đường sắt, Trung tâm văn hóa lao động tỉnh Bình Dương; 23 nhà văn hóa lao động cấp tỉnh, thành phố trực thuộc TW: Tuyên Quang, Phú Thọ, Bắc Giang, Hưng Yên, Thái Bình, Hải Dương, Thanh Hóa, Nghệ An, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Đắk Nông, Kon Tum, Gia Lai, Kiên Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Cần Thơ; 04 thiết chế văn hóa, thể thao ở khu công nghiệp: Trung tâm sinh hoạt văn hóa công nhân tỉnh Sóc Trăng, nhà văn hóa công nhân khu công nghiệp Điện Nam Điện Ngọc (tỉnh Quảng Nam), nhà văn hóa công nhân khu công nghiệp Khai Quang (tỉnh Vĩnh Phúc), Trung tâm văn hóa, thể thao khu công nghiệp Đồng Văn (tỉnh Hà Nam); 17 nhà văn hóa lao động quận, huyện, khu công nghệ cao trực thuộc LĐLĐ thành phố Hồ Chí Minh: nhà văn hóa lao động TP Thủ Đức, quận Tân Bình, Tân Phú, Gò Vấp, Phú Nhuận, Bình Tân, Bình Thạnh, quận 6, quận 7, quận 8, quận 11, quận 12, huyện Củ Chi, Bình Chánh, Nhà Bè, Cần Giờ, nhà văn hóa lao động khu công nghệ cao.

của thiết chế văn hóa, thể thao các cấp cơ bản theo quy định.

Thiết chế văn hóa, thể thao công đoàn: Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà văn hóa lao động ban hành theo Quyết định số 1493/QĐ-TLĐ ngày 17/11/2009, Tổng Liên đoàn ra quyết định thành lập Nhà văn hóa lao động, giao cho Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành trung ương trực tiếp quản lý. Một số Nhà văn hóa lao động do Liên đoàn Lao động cấp tỉnh ra quyết định thành lập. Về số lượng viên chức, người lao động làm việc trong các Nhà văn hóa lao động, có tới 50% Nhà văn hóa lao động cấp tỉnh và các Nhà văn hóa lao động khu công nghiệp, các Nhà văn hóa lao động quận, huyện trực thuộc Liên đoàn Lao động TP Hồ Chí Minh có dưới 15 người làm việc.

2.1.6. Về quản lý, sử dụng, khai thác và tổ chức hoạt động thiết chế văn hóa, thể thao:

a) Thiết chế văn hóa, thể thao trung ương:

- *Thư viện quốc gia (TVQG) Việt Nam:* Trong những năm qua, cơ sở hạ tầng của TVQG đã được củng cố, nâng cấp, cải tạo không gian thư viện để thực hiện chức năng mới của thư viện trong môi trường công nghệ số. Môi trường đọc, học tập dần tạo được ấn tượng tích cực, thoải mái, tiện nghi, cho phép Thư viện đáp ứng được các nhu cầu thay đổi của người sử dụng thư viện.

Phương thức hoạt động của thư viện đã thay đổi theo xu hướng công nghệ cũng như nhu cầu của người sử dụng, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thư viện được vận hành theo hướng quản trị tri thức. Các dịch vụ thư viện được phát triển phù hợp với xu thế mới và nhu cầu xã hội, trong đó, duy trì đáp ứng, cung cấp các tiện ích căn bản của thư viện truyền thống, triển khai và đẩy mạnh các dịch vụ hỗ trợ nghiên cứu, cung cấp các dịch vụ trong môi trường số, tăng cường việc phục vụ đọc, truy cập theo hình thức trực tuyến, đáp ứng nhu cầu khai thác nguồn tài nguyên từ xa của người sử dụng.

- *Trung tâm Triển lãm Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam (VHNTVN):*

Trung tâm luôn đổi mới cách thức tổ chức, ngoài các hoạt động định kỳ diễn ra thường xuyên, Trung tâm thường có các hoạt động phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức các hoạt động trọng tâm phục vụ nhiệm vụ chính trị và các hoạt động, sự kiện quảng bá văn hóa, du lịch được tuyên truyền hiệu quả và thiết thực.

- *Thiết chế Bảo tàng:*

Các bảo tàng đã bước đầu đổi mới trưng bày theo định hướng tăng cường các hiện vật gốc, áp dụng các phương tiện khoa học kỹ thuật để làm phong phú và hấp dẫn nội dung trưng bày, đổi mới hình thức phục vụ công chúng để thu hút ngày càng nhiều hơn khách tham quan. Một số bảo tàng đã thu hút được đông đảo khách tham quan và trở thành điểm đến hấp dẫn du khách.

- *Thiết chế Điện ảnh:*

Viện Phim Việt Nam đã và đang thực hiện tốt nhiệm vụ khai thác, phổ biến

các tác phẩm, tư liệu điện ảnh lưu trữ phục vụ nhiệm vụ chính trị của Nhà nước, nhu cầu nghiên cứu, sáng tác, đào tạo và góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân.

Trung tâm Chiếu phim quốc gia (National Cinema Center), đã làm tốt nhiệm vụ chính trị; phục vụ các tuần phim, kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc, các Liên hoan phim quốc tế và quốc gia; phục vụ khách đến xem phim và sử dụng dịch vụ, hội nghị, hội thảo tại Trung tâm theo nhiệm vụ được phân công.

- Thiết chế nhà hát:

Hoạt động nghệ thuật biểu diễn từng bước được đổi mới, đáp ứng được một phần nhu cầu thưởng thức nghệ thuật ngày càng cao của nhân dân. Đã có nhiều tác phẩm, chương trình đạt chất lượng cao về tư tưởng, nội dung, phản ánh sinh động đời sống xã hội, con người Việt Nam trong quá khứ và hiện tại. Các cuộc thi, hội diễn, liên hoan đã thúc đẩy các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp trên toàn quốc đầu tư xây dựng chương trình, tác phẩm mới phù hợp với đặc trưng văn hóa vùng miền để giới thiệu với bạn nghệ cả nước, đáp ứng một phần nhu cầu thưởng thức nghệ thuật của nhân dân trong thời kỳ mới, góp phần bảo tồn, phát huy các giá trị của nghệ thuật truyền thống trong cơ chế thị trường.

- Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam:

Sau hơn 10 năm hoạt động Làng Văn hóa đã huy động khoảng hơn **8.000** lượt nghệ nhân, già làng, trưởng bản, đồng bào các dân tộc của trên **400** lượt cộng đồng dân tộc và gần **200** lượt địa phương, đơn vị tham gia; phối hợp tổ chức tái hiện khoảng trên **200** nghi lễ, lễ hội truyền thống đặc sắc của các dân tộc tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam. Huy động và ổn định hoạt động hàng ngày của **16** cộng đồng dân tộc (gồm cả đồng bào dân tộc thiểu số rất ít người).

Việc duy trì tổ chức các hoạt động văn hóa hàng ngày của đồng bào các dân tộc kết hợp với tổ chức các hoạt động sự kiện tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam đã giúp du khách được trải nghiệm thực tế về văn hóa dân tộc, tìm hiểu một cách chân thật nhất về đời sống, nét văn hóa đặc trưng của từng dân tộc.

- Về thiết chế thể thao:

Thiết chế thể thao ở trung ương đã có nhiều công trình được hoàn thành, đưa vào sử dụng, hỗ trợ đáng kể cho công tác huấn luyện thể thao thành tích cao, tổ chức các giải thi thể thao quy mô trong nước và quốc tế.

b) Thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở:

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đang từng bước được củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động, nội dung thiết thực đáp ứng nhu cầu của đông đảo tầng lớp nhân dân, góp phần phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương, nâng cao chất lượng cuộc sống tinh thần của Nhân dân. Thông qua việc tổ chức hoạt động tại các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đã tác động tích cực đến chất lượng hoạt động của Phong trào “Toàn dân đoàn

kết xây dựng đời sống văn hóa”, Chương trình xây dựng nông thôn mới, văn minh đô thị góp phần thực hiện hiệu quả Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII “Về xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, Nghị quyết TW9 (khóa XI) “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”.

2.2. Tồn tại và bất cập

2.2.1. Đối với thiết chế văn hóa, thể thao trung ương:

a) Thư viện quốc gia Việt Nam

Chính sách đầu tư của Nhà nước đối với TVQG nói riêng chưa phù hợp, chưa đảm bảo cho sự phát triển TVQG một cách hiện đại, đồng bộ và có tính bền vững. Nguồn tài nguyên thông tin phục vụ người sử dụng chưa phát triển được nhiều dữ liệu số hóa hay các cơ sở dữ liệu mua quyền truy cập trực tuyến. Tài liệu dạng in thu nhận qua nguồn lưu trữ chưa đầy đủ so với số lượng xuất bản phẩm phát hành của các nhà xuất bản; tài liệu ngoại văn không được bổ sung, chủ yếu nhờ vào nguồn trao đổi, nhận tài trợ, biếu tặng. Hạ tầng công nghệ thông tin của TVQG được đầu tư chưa thật đồng bộ giữa phần cứng và phần mềm⁷.

Chất lượng nguồn nhân lực được quan tâm bồi dưỡng, song vẫn còn tồn tại một số cán bộ lạc hậu về kiến thức, kỹ năng, tay nghề, yếu về năng lực sáng tạo; thiếu chuyên gia, nhân lực chất lượng cao hiểu biết về công nghệ thông tin, có thể làm chủ được công nghệ hiện đại và các ứng dụng chuyên ngành đáp ứng yêu cầu của xã hội.

b) Trung tâm Triển lãm Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam:

Cơ sở vật chất phục vụ triển lãm văn hóa nghệ thuật quốc gia còn khá khiêm tốn, công trình chủ yếu cấp III, cấp IV, chưa đáp ứng yêu cầu về phân cấp công trình theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng (theo quy định công trình triển lãm cấp quốc gia cấp công trình là cấp I). Diện tích đất của các trung tâm triển lãm còn hạn chế. Do được đầu tư xây dựng từ lâu (năm 2021), nên đã xuống cấp trầm trọng, cần được đầu tư sửa chữa nâng cấp đáp ứng nhu cầu phát triển, tổ chức được sự kiện văn hóa, thể thao quốc tế lớn.

c) Các bảo tàng:

Ngày 23 tháng 6 năm 2005, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 156/2005/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể hệ thống bảo tàng Việt Nam đến

⁷ Hạ tầng công nghệ thông tin của Thư viện được đầu tư các dự án qua nhiều giai đoạn, chưa thực sự đồng bộ giữa phần cứng và phần mềm. Điển hình là phần mềm quản trị thư viện điện tử Ilib đã sử dụng từ năm 2001 thường xuyên lỗi, không còn phù hợp với công nghệ hiện tại, nhưng chưa được nâng cấp mới nên gây nhiều khó khăn trong công tác xử lý, quản lý, phổ biến thông tin phục vụ bạn đọc, chưa đảm bảo được vai trò là trung tâm xử lý dữ liệu tập trung, chia sẻ cho các thư viện toàn quốc. Nguồn tài nguyên thông tin phục vụ người sử dụng thư viện dù được quan tâm đầu tư nhưng chưa phát triển được nhiều dữ liệu số hóa hay các cơ sở dữ liệu mua quyền truy cập trực tuyến; Tài liệu dạng in thu nhận qua nguồn lưu trữ chưa đầy đủ, ước đạt 70% so với số lượng xuất bản phẩm phát hành của các nhà xuất bản; Tài liệu ngoại văn chưa được bổ sung, chủ yếu nhờ vào nguồn trao đổi, nhận tài trợ, biếu tặng.

năm 2020. Tuy nhiên, mới chỉ có Bảo tàng Dân tộc học được đầu tư xây dựng năm 2006, còn lại, các dự án đầu tư xây dựng các bảo tàng cấp quốc gia khác như (Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam) chưa thực hiện được theo lộ trình đề ra do không bố trí được nguồn vốn.

Mặc dù đã được đầu tư, nhưng đến thời điểm hiện tại, các bảo tàng hầu hết đã cũ, lạc hậu, xuống cấp. Trang thiết bị đã được đầu tư như phòng cháy chữa cháy, điều hòa, điện chiếu sáng, camera,... cơ bản đã cũ và chưa đồng bộ. Vẫn còn Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam chưa đáp ứng theo quy định. Tuy nhiên, việc mở rộng bảo tàng này để đáp ứng theo quy định khó khả thi do vị trí cơ sở nằm trong khu vực nội thị của Thủ đô Hà Nội, xung quanh là nhà dân và các công trình dịch vụ, công cộng.

d) Thiết chế Điện ảnh:

- Viện phim Việt Nam: ngân sách Nhà nước hằng năm cấp cho Viện phim còn hạn chế, kinh phí hoạt động thấp, cơ sở vật chất, trang thiết bị xuống cấp, quy mô nhỏ, nguồn nhân lực tổ chức khai thác vận hành các đơn vị này còn thiếu, công nghệ điện ảnh ngày càng phát triển khiến cho các rạp chiếu phim của Viện hoạt động khó khăn, không thu hút được đông đảo quần chúng nhân dân đến hưởng thụ nghệ thuật, thu không đủ bù chi,... Từ đầu năm 2014, Viện đã tạm dừng hoạt động chiếu phim dịch vụ và chỉ còn duy trì các hoạt động chiếu phim chuyên đề, các chương trình giao lưu điện ảnh phục vụ nhiệm vụ chính trị, chuyên môn của Viện.

- Trung tâm Chiếu phim quốc gia: chưa thực hiện Dự án Trung tâm Chiếu phim Quốc gia cơ sở 2 tại thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; Trung tâm Chiếu phim Quốc gia cơ sở 3 tại thành phố Hồ Chí Minh.

đ) Thiết chế nhà hát:

- *Về cơ sở vật chất-kỹ thuật:*

Các cơ sở nghệ thuật biểu diễn chưa được đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất, kỹ thuật, phần lớn xuống cấp, lạc hậu và hư hỏng, chưa đáp ứng nhu cầu làm việc, tập luyện và biểu diễn. Hiện nay, còn 04 đơn vị có trụ sở làm việc nhưng chưa có cơ sở biểu diễn gồm Nhà hát Nhạc, Vũ kịch Việt Nam; Nhà hát Cải lương Việt Nam; Nhà hát Kịch Việt Nam, Dàn nhạc Giao hưởng Việt Nam. Các đơn vị này thường xuyên phải thuê địa điểm biểu diễn với nguồn kinh phí lớn, ảnh hưởng trực tiếp thu nhập của cán bộ, nghệ sĩ, diễn viên và người lao động. Ngược lại, có đơn vị đã có cơ sở biểu diễn nhưng chưa có trụ sở làm việc riêng như Nhà hát Chèo Việt Nam. Đặc biệt Nhà hát lớn Hà Nội chỉ là nơi biểu diễn nhưng không có đơn vị nghệ thuật, hiện trở thành địa điểm cho thuê để tổ chức biểu diễn.

Các đơn vị có cơ sở biểu diễn gồm Nhà hát Chèo Việt Nam, Nhà hát Tuồng Việt Nam, Nhà hát Múa rối Việt Nam, Nhà hát Nghệ thuật đương đại Việt Nam, Nhà hát Tuổi trẻ nhưng sức chứa nhỏ, chưa đáp ứng theo quy định tại Thông tư 06/2021/TT-BXD.

Về quỹ đất sử dụng, phần lớn chưa đạt theo quy định tại Thông tư 01/2017/TT-BTNMT, với 10/12 cơ sở, chiếm tỷ lệ 83%. Phương tiện ô tô chuyên chở nghệ sĩ, diễn viên và các thiết bị sân khấu, đạo cụ đã quá niên hạn sử dụng. Hệ thống kho tàng chứa phục trang, đạo cụ, phong cảnh, thư viện lưu giữ các tác phẩm nghệ thuật chưa có hoặc diện tích nhỏ, âm thấp. Hệ thống thiết bị kỹ thuật sân khấu, âm thanh, ánh sáng, máy chiếu, màn LED dành cho luyện tập và biểu diễn còn sơ sài, lạc hậu, thiếu đồng bộ, không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trình diễn hiện đại. Chất lượng nhạc cụ cho việc tập luyện và biểu diễn đối với các loại hình nghệ thuật hiện nay còn thiếu, số được trang bị đã cũ và hỏng; đặc biệt, nhạc cụ cho loại hình nghệ thuật hàn lâm còn thiếu và chưa đạt chuẩn quốc tế. Đạo cụ, phục trang của nghệ sĩ, diễn viên và các trang thiết bị phục vụ cho việc tập luyện, biểu diễn đã cũ, lỗi thời không còn phù hợp với thẩm mỹ nghệ thuật của thời đại.

- Về nguồn nhân lực:

Hiện nay, còn thiếu nguồn nhân lực sáng tạo ở một số loại hình nghệ thuật dẫn đến một số đơn vị nghệ thuật thiếu kịch bản hay, mới, có chất lượng để dàn dựng và biểu diễn. Sự thiếu hụt này ảnh hưởng lớn đến chất lượng, số lượng tác phẩm, khuynh hướng nghệ thuật ở một số loại hình trong giai đoạn hiện nay.

Đội ngũ làm công tác lý luận phê bình nghệ thuật ở các đơn vị hiện nay hầu như không có. Vì vậy, chức năng lý luận, phê bình và định hướng cho ngành nói chung, cho đơn vị nói riêng đang là vấn đề cần quan tâm để bổ sung.

Phòng Nghệ thuật trong các đơn vị nghệ thuật trung ương hiện gồm các thành viên hoạt động kiêm nhiệm nên chưa phát huy vai trò trong định hướng sáng tác, thẩm định, đánh giá chất lượng về nội dung, hình thức thể hiện tác phẩm, dẫn đến chưa đạt hiệu quả cao trong việc thực hiện kế hoạch hoạt động ngắn hạn và dài hạn; tham mưu cho Ban Giám đốc để khai thác hiệu quả các tác phẩm, chương trình, vở diễn nghệ thuật. Ngoài ra, có đơn vị hiện nay chưa có bộ phận chuyên môn trong định hướng sáng tạo nghệ thuật.

Phần lớn lực lượng nghệ sĩ, diễn viên biểu diễn hiện nay có trình độ trung cấp. Tuy nhiên, lực lượng này được đào tạo tại các cơ sở đào tạo nghệ thuật chuyên nghiệp trong cả nước, thuộc các loại hình nghệ thuật: Múa, Tuồng, Chèo, Cải Lương, Múa rối, Xiếc, nhạc công ngành nghệ thuật truyền thống. Đây là lực lượng nòng cốt biểu diễn trong các đơn vị nhưng mức lương rất thấp và không được nâng lương, ngạch, bậc trong quá trình công tác. Đó là yếu tố đặc thù của lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn chưa được đưa vào chính sách pháp luật để giải quyết phù hợp với tình hình thực tế. Các đơn vị nghệ thuật đang thiếu hụt trầm trọng nguồn nhân lực chuyên môn chất lượng. Bên cạnh đó, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập còn tồn tại những bất cập bởi nhiều đơn vị chưa đảm bảo cơ cấu hợp lý, trong đó số lượng người làm việc tại các đơn vị việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung, không đạt tỷ lệ tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc chuyên môn, nghiệp vụ biểu diễn nghệ thuật của đơn vị.

e) Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam:

- Theo quy định, Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam “Được hợp tác, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong các lĩnh vực liên quan đến đầu tư, xây dựng và quản lý, khai thác; được thuê tư vấn nước ngoài thực hiện dịch vụ tư vấn xúc tiến đầu tư, tư vấn chiến lược về đầu tư, xây dựng và phát triển Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam theo quy định của pháp luật”. Tuy nhiên, hiện nay một số thẩm quyền của Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam được quy định bất cập với những quy định của một số luật hiện hành.

- Việc tổ chức đưa đồng bào về sinh sống, tham gia các hoạt động tại Làng làm phong phú thêm các hoạt động, góp phần thu hút khách du lịch. Tuy nhiên, mức trợ cấp cho đồng bào vẫn còn thấp, không đáp ứng được yêu cầu.

g) Thiết chế thể thao:

- Về phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục, thể thao quốc gia do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trực tiếp quản lý, các Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia đã thực hiện đầu tư nâng cấp, tuy nhiên hiện nay vẫn thiếu và không đáp ứng được nhu cầu tập luyện của vận động viên, như Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Hà Nội đáp ứng 50% nhu cầu tập luyện của vận động viên; Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đáp ứng 30% nhu cầu tập luyện của vận động viên; Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Cần Thơ mới đầu tư xây dựng hoàn thành đưa và sử dụng nhưng còn thiếu các hạng mục cơ bản như bể bơi, sân bóng đá, đường chạy tiêu chuẩn...; có 2 Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh và Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Đà Nẵng phải sử dụng chung cơ sở vật chất với Trường Đại học Thể dục, thể thao Thành phố Hồ Chí Minh và Trường Đại học Thể dục, thể thao Đà Nẵng.

- Đề xuất xây dựng trung tâm huấn luyện quốc gia tại Tam Đảo đồng bộ, hiện đại chưa đạt được như mục tiêu đề ra. Mục tiêu đầu tư xây dựng mới các trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia: Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Sa Pa; Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Hà Nam; Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Đà Lạt; Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Kon Tum; Trung tâm Huấn luyện thể thao biên quốc gia Bình Thuận cũng chưa đạt được như quy hoạch đề ra.

- Căn cứ tiêu chí về diện tích quy hoạch quỹ đất phát triển các trung tâm thể thao trọng điểm làm chức năng trung tâm vùng hiện nay chưa đáp ứng một số tiêu chí như: tổng diện tích từ 40 đến 50 ha; có sân vận động với khán đài có sức chứa từ 20.000 đến 30.000 chỗ ngồi; có thể đáp ứng yêu cầu tập luyện và thi đấu thể thao ở cấp quốc gia; có 01 - 02 sân tập luyện môn bóng đá và điền kinh; có 06 đến 08 sân thi đấu môn tennis; có hệ thống sân tập ngoài trời (đối với các môn thể thao như: Bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông...); có 01 khu thể thao dưới nước với khán đài có sức chứa 2.000 chỗ ngồi; 01 nhà thi đấu đạt tiêu chuẩn thi đấu thể thao ở cấp quốc gia, quốc tế với khán đài có sức chứa từ 3.000 đến 4.000 chỗ ngồi; có 03 đến 04 nhà tập. Các tiêu chí đối với các trung tâm thể thao trọng điểm làm chức năng trung tâm vùng hiện nay do

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định cụ thể. Các công trình thể thao thuộc các trung tâm thể thao trọng điểm làm chức năng trung tâm vùng cần đáp ứng những tiêu chí và quy mô lớn hơn, được cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trong quá trình triển khai cụ thể.

- Về phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục, thể thao của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngoài 11 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc trung tâm thể thao vùng đã nêu ở phần trên: Các khu liên hợp thể thao hoặc trung tâm thể thao của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hiện nay mới chỉ đáp ứng được cơ bản yêu cầu huấn luyện vận động viên, tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao của địa phương và hỗ trợ thi đấu thể thao ở cấp quốc gia. Đến năm 2020, một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương vẫn chưa hoàn thành việc đầu tư xây dựng các khu liên hợp thể thao hoặc trung tâm thể thao theo quy hoạch phê duyệt. Các khu liên hợp thể thao hoặc trung tâm thể thao của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần đáp ứng một số tiêu chí cơ bản sau: Tổng diện tích đất: khoảng 15 đến 20 ha. Có 01 sân vận động với khán đài có sức chứa dưới 20.000 chỗ ngồi, có thể đáp ứng yêu cầu tập luyện và thi đấu thể thao ở cấp tỉnh; có 01 đến 02 sân tập luyện môn bóng đá và điền kinh; có hệ thống sân tập ngoài trời đối với các môn thể thao như: Tennis, bóng chày, bóng rổ, cầu lông... Có 01 nhà thi đấu đạt tiêu chuẩn thi đấu thể thao ở cấp quốc gia, với khán đài có sức chứa từ 1.500 đến 3.000 chỗ ngồi; có 01 đến 02 nhà tập; có 01 bể bơi ngoài trời hoặc trong nhà. Các tiêu chí đối với các khu liên hợp thể thao hoặc trung tâm thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định cụ thể. Các khu liên hợp thể thao hoặc trung tâm thể thao cần đáp ứng những tiêu chí vượt quy định, sẽ được cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trong quá trình triển khai cụ thể.

- Các quy hoạch thời gian qua còn chông chéo, gây khó khăn cho công tác triển khai quy hoạch thể thao. Giữa các quy hoạch ngành trong cả nước, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh chưa có sự liên kết đồng bộ và chặt chẽ nên dẫn đến việc sử dụng nguồn tài nguyên, bố trí quỹ đất, nguồn vốn thực hiện quy hoạch còn gặp nhiều bất cập. Diện tích bố trí cho các công trình công cộng, thiết chế thể thao đặc biệt là xây dựng khu liên hợp thể thao chưa được tính toán đầy đủ các tiêu chí phát triển bền vững trong tương lai, phần lớn sử dụng, tận dụng những công trình hiện có. Chất lượng một số quy hoạch chưa cao, thiếu tính khả thi, không bảo đảm nguồn lực để thực hiện. Việc triển khai thực hiện quy hoạch sau khi phê duyệt còn chậm, nhất là ở các địa phương. Một số công trình thể thao được xây dựng chưa đảm bảo yêu cầu về chất lượng, công năng sử dụng. Hạ tầng kỹ thuật của một số khu vực xây dựng cơ sở thể thao còn bất cập, chưa đồng bộ.

- Hệ thống tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập còn cồng kềnh, phân tán, chông chéo, hiệu quả chưa cao; quản trị nội bộ nhiều cơ quan, đơn vị yếu kém, chất lượng, hiệu quả dịch vụ thấp; việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập còn chậm. Xã hội hoá lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp

công chưa đáp ứng yêu cầu. Một số đơn vị còn để xảy ra nhiều sai sót trong quá trình quản lý vận hành cơ sở thể thao quốc gia (như Khu Liên hợp thể thao quốc gia Mỹ Đình...).

- Việc đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở thể thao thời gian qua còn chậm chưa đạt mục tiêu quy hoạch đề ra, nhiều công trình đất bị hoang hóa nhiều năm do không bố trí được kinh phí, hoặc bị phân kỳ nhiều năm và thiếu hành lang pháp lý về đối tác công tư để huy động nguồn lực xã hội.

- Việc khai thác, sử dụng các cơ sở thể thao đạt hiệu quả thấp, các sự kiện thể thao lớn tổ chức hằng năm không nhiều; các cơ sở thể thao chủ yếu sử dụng cho công tác đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao nên không có nguồn thu để tái đầu tư; việc sử dụng cơ sở thể thao vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết còn gặp nhiều khó khăn do tiền thuê đất cao, thời gian cho thuê, kinh doanh ngắn và không liên tục. Nguồn thu từ hoạt động tài trợ trên sân không thực hiện được do đơn vị tài trợ không được khấu trừ thuế thu nhập doanh nghiệp và không được đặt bảng quảng cáo khi có sự kiện thi đấu thể thao do Liên đoàn quốc tế tổ chức. Hơn nữa, đa số các đề án sử dụng tài sản công ở các địa phương đều chưa được phê duyệt... Vì vậy các đơn vị sự nghiệp thể dục, thể thao (TĐTT) trước tự chủ 100% nay đều xin tự chủ một phần và Nhà nước sẽ phải chi số tiền tương đối lớn để đảm bảo hoạt động của các đơn vị này.

- Hệ thống trang thiết bị của các cơ sở thể thao nhìn chung lạc hậu, chưa theo kịp các nước trong khu vực. Mạng lưới cơ sở thi đấu phục vụ một số môn thể thao Olympic còn thiếu nên chưa hỗ trợ phát triển nâng cao thành tích thi đấu cho các vận động viên.

- Việc chuyển đổi mô hình hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập quản lý và vận hành các cơ sở thể thao theo hướng nâng cao quyền tự chủ còn nhiều bất cập, hạn chế. Do sự bất cập về cơ chế, chính sách và năng lực quản trị chưa tốt nên một số đơn vị còn để xảy ra sai phạm khi thực hiện liên danh liên kết trong các dự án, ảnh hưởng đến công tác tổ chức các hoạt động thể thao theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

2.2.2. Thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở

a) Thiết chế văn hóa, thể thao các cấp

- Về quy hoạch đất và quy mô xây dựng:

Một số địa phương chưa thực hiện quy hoạch đất; hoặc đã có quy hoạch nhưng vị trí chưa thuận lợi, chưa được đầu tư xây dựng, bị chuyển đổi mục đích sử dụng. Cụ thể: Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh chưa được quan tâm quy hoạch và đầu tư xây dựng (Cà Mau, Đồng Tháp); hoặc bị thu hồi, chuyển mục đích sử dụng (Hung Yên, Đà Nẵng, Thanh Hóa, Tuyên Quang); hoặc không có trụ sở hoạt động đúng chức năng (Đồng Nai, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Quảng Ninh, Thái Bình, Vĩnh Long). Ở cấp huyện, xã, thôn nhất là khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới... việc quy hoạch đất để xây dựng thiết chế văn hóa,

thể thao gặp khó khăn do địa hình đồi núi dốc, không có mặt bằng nên diện tích nhỏ hẹp, quy mô nhỏ hẹp, vị trí không thuận lợi vì vậy không đạt theo quy định. Bên cạnh đó, việc quy hoạch quỹ đất đối với một số đơn vị hành chính cấp xã và thôn, tổ dân phố mới (sau sáp nhập) để xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao không thể mở rộng do không còn quỹ đất hoặc quỹ đất không tập trung.

- Về cơ sở vật chất, kỹ thuật:

Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh ở nhiều địa phương được đầu tư xây dựng từ giai đoạn trước, quy mô xây dựng nhỏ, lỗi thời; cơ sở vật chất kỹ thuật xuống cấp, trang thiết bị không đồng bộ hoặc hư hỏng, hết khấu hao; không có thiết bị chuyên dụng; không có các phòng chức năng để tập luyện, biểu diễn và tổ chức các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ (An Giang, Bình Dương, Cao Bằng, Hà Giang, TP Hải Phòng, TP Hồ Chí Minh, Hòa Bình, Kon Tum, Lai Châu, Phú Yên, Sơn La, Vĩnh Phúc, Yên Bái).

Nhiều Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện, xã cơ sở được đầu tư xây dựng chưa hoàn chỉnh hoặc đã quá lâu, không đúng quy định về quy mô và kiến trúc hoặc xuống cấp trầm trọng. Cơ sở vật chất kỹ thuật còn nghèo nàn, trang thiết bị và phương tiện chuyên dùng (âm thanh, ánh sáng, trang phục, đạo cụ, xe ô tô tuyên truyền lưu động) để tổ chức hoạt động văn hóa còn thiếu và không đồng bộ, đều trong tình trạng hỏng hóc hoặc hết khấu hao. Một số thiết chế văn hóa, thể thao mới được đầu tư xây dựng nhưng đã bộc lộ những bất cập (thiếu các hạng mục theo quy định, trang thiết bị chưa đồng bộ, quy mô, kiểu dáng, địa điểm xây dựng chưa phù hợp...).

Đối với Nhà Văn hóa - Khu Thể thao thôn (ấp), nhất là khu vực phía Nam chủ yếu tận dụng Văn phòng ấp làm Điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng, các điểm sinh hoạt thể thao tại nhà dân, cơ sở vật chất, diện tích sân bãi thể thao còn thiếu, chưa đáp ứng đủ nhu cầu tập luyện TDTT rộng rãi của nhân dân, chưa có một mô hình chung, chưa gắn liền với quá trình hiện đại hóa nông thôn, nhiều nhà văn hóa hiện có chưa phát huy hết công năng, còn lãng phí thời gian hoạt động. Có nhiều nơi xây dựng ở xa khu dân cư, không thuận tiện cho việc tổ chức các hoạt động để thu hút đông đảo người dân tham gia.

Các công trình thể dục, thể thao thuộc nhiều cơ sở thể dục, thể thao bị xuống cấp và thiếu trang thiết bị cho hoạt động sự nghiệp. Nhiều nơi xây dựng được công trình nhưng thiếu trang thiết bị, không đủ điều kiện hoạt động, nhất là khu vực thuộc các tỉnh miền núi.

- Về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực:

Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế của thiết chế văn hóa, thể thao các cấp trong thời gian qua còn không ít vướng mắc, bất cập. Nhìn chung, tổ chức bộ máy còn chồng chéo, phân tán, chưa đồng bộ, tên gọi và cơ cấu tổ chức của các đơn vị khi sáp nhập thiếu thống nhất⁸.

⁸ Có nhiều tên gọi khác nhau như Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh, Trung tâm Văn hóa và chiếu phim, Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật, Trung tâm Văn hóa.

Một số địa phương chưa thực sự quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa ở cơ sở. Cán bộ quản lý văn hóa, thể thao cấp cơ sở trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng trong công tác quản lý và tổ chức hoạt động nhà văn hóa, thể thao còn hạn chế, đội ngũ cán bộ vẫn còn bất cập về năng lực và chuyên môn nghiệp vụ, chỉ đáp ứng được một phần yêu cầu công việc. Nhiều nơi vẫn sử dụng cán bộ trái ngành, trái nghề hoặc chỉ có năng khiếu mà chưa được đào tạo. Nhất là cấp xã, trình độ, năng lực không đồng đều, liên tục biến động (do luân chuyển); một số xã, phường, thị trấn bố trí công chức không đúng chuyên ngành đào tạo nên việc tham mưu tổ chức các hoạt động của cơ sở và hướng dẫn cho cấp thôn còn hạn chế.

Việc xây dựng cơ chế chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ công tác tại hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở còn chậm. Chế độ đãi ngộ cho cán bộ thấp, tuyển dụng khó khăn do mức chi hỗ trợ và phụ cấp kiêm nhiệm cho cán bộ, nhân viên phụ trách các đơn vị sự nghiệp văn hóa, thể thao chưa có quy định cụ thể. Đến nay, chưa tổ chức nâng ngạch nâng bậc cho cán bộ viên chức trong hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở⁹; chưa giải quyết được phụ cấp chức vụ cho Ban Giám đốc Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh ngang bằng với chức vụ tương đương với lĩnh vực khác thuộc ngành Văn hóa, thể thao và Du lịch; nhiều địa phương chưa xây dựng được phụ cấp kiêm nhiệm cho người phụ trách thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã và thôn, bản.

Thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW, việc sáp nhập các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp với các trung tâm văn hóa ảnh hưởng đến tính chuyên nghiệp và chất lượng nghệ thuật. Sau sáp nhập, sắp xếp, ở một số nơi, hoạt động văn hóa, nghệ thuật bị thu hẹp chức năng, nhất là trong trường hợp lãnh đạo là người thuộc lĩnh vực khác. Việc sáp nhập các đơn vị nghệ thuật truyền thống ở địa phương và hợp nhất các đơn vị nghệ thuật chuyên sang hình thức ngoài công lập vào Trung tâm văn hóa thành một đầu mối đã phát sinh những bất cập khiến nhiều địa phương lúng túng trong định hướng hoạt động. Chức năng nhiệm vụ của Trung tâm văn hóa và các đơn vị nghệ thuật có những điểm chung nhưng cũng có những điểm khác biệt nên sẽ có nhiều ảnh hưởng tới việc xây dựng các tác phẩm nghệ thuật có chất lượng cao phục vụ Nhân dân...¹⁰.

Nhiều địa phương đã sáp nhập Cung, Nhà Thiếu nhi với các Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Thể thao, Đài Phát thanh Truyền hình nhưng chưa tính đến đặc thù của

⁹ Hiện nay, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức ngành mỹ thuật; ngành thể thao; ngành nghệ thuật biểu diễn - điện ảnh; ngành thư viện; ngành văn hóa cơ sở làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập... làm căn cứ để tổ chức bồi dưỡng và nâng hạng trong thời gian tới.

¹⁰ Cơ sở vật chất chưa đảm bảo, chưa được đầu tư đúng mức, các rạp hát, địa điểm biểu diễn có sẵn hiện xuống cấp không thể khai thác, sử dụng, gây khó khăn trong việc biểu diễn, luyện tập, làm việc. Các đơn vị nghệ thuật, đặc biệt đối với nghệ thuật truyền thống gặp khó khăn trong việc tuyển chọn, đào tạo diễn viên, nhạc công kế cận. Nguồn nhân lực còn hạn chế về số lượng, chất lượng chuyên môn, nguồn nhân sự chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của xã hội, chưa đủ sức thu hút đông đảo khán giả, các tác phẩm nghệ thuật mới chưa được đầu tư lớn trong công tác dàn dựng trước khi biểu diễn trước công chúng. Quá trình thực hiện và đổi mới cơ chế chính sách đặc thù cho nghệ sỹ còn chậm, bất cập dẫn đến người lao động có tâm lý chán nản, không thực sự toàn tâm toàn ý với nghề. Mức kinh phí đầu tư của địa phương cho hoạt động biểu diễn nghệ thuật còn hạn hẹp khiến các đơn vị nghệ thuật gặp khó khăn trong hoạt động.

đối tượng thiếu nhi. Nhiều địa phương đã tiến hành sáp nhập Trung tâm Thể dục, thể thao với Trung tâm văn hóa trực thuộc cấp huyện và một số đơn vị trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao; bàn giao các trường Trung học phổ thông năng khiếu thể dục, thể thao sang ngành giáo dục và đào tạo quản lý.

- Về tổ chức hoạt động:

Công tác hướng dẫn, chỉ đạo và tổ chức các hoạt động tại các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở ở nhiều địa phương còn chưa được coi trọng; chưa đề ra các biện pháp tích cực, có hiệu quả để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho cơ sở dẫn đến việc khai thác và phát huy hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở còn có mặt hạn chế. Nội dung, phương thức hoạt động còn đơn giản, nghèo nàn chưa đa dạng, phong phú, chưa có hiệu quả thiết thực nên chưa đáp ứng được nhu cầu văn hóa tinh thần, rèn luyện sức khỏe ngày càng cao của nhân dân.

Nhiều địa phương chưa có quy chế quản lý, khai thác và tổ chức hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã; Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản, tổ dân phố. Một số địa phương chưa thực sự quan tâm và có biện pháp để hỗ trợ hoạt động của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản, tổ dân phố. Hệ thống điểm vui chơi dành cho trẻ em còn thiếu. Mặt khác, việc xã hội hóa các hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em là bước đi phù hợp với tiến trình phát triển kinh tế xã hội của đất nước, song chi phí để được vào các khu vui chơi giải trí lại khá cao không phù hợp với thu nhập của các gia đình nghèo, gia đình thu nhập thấp và rất nhiều trẻ em không có cơ hội tiếp cận các hoạt động vui chơi giải trí quy mô lớn. Ngoài ra, những năm gần đây sự phát triển nhanh chóng của các phương tiện nghe nhìn hiện đại như điện thoại di động, máy tính bảng, tivi kết nối internet... và các hình thức giải trí sôi động khác đã hạn chế việc phát huy hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở nói chung, đặc biệt là ở các đô thị phát triển, gây ra tình trạng lãng phí cơ sở vật chất đã đầu tư lâu dài.

- Về kinh phí:

Kết quả bố trí vốn ngân sách trung ương so với khái toán tổng mức đầu tư nâng cấp, xây mới các công trình văn hóa theo Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 09/01/2013¹¹, vốn đầu tư ngân sách trung ương bố trí cho các dự án xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao thông qua các chương trình bổ sung có mục tiêu cho ngành văn hóa, thể thao¹², vốn hỗ trợ qua Chương trình mục tiêu quốc gia còn rất thấp¹³.

¹¹ Theo Quyết định số 88/2013/TTg: a) Tổng số vốn đầu tư cho giai đoạn 2012 - 2020 dự kiến là 10.800 tỷ đồng, trong đó NSNN 6.500 tỷ đồng (chiếm 60,2%), các nguồn huy động khác 4.300 tỷ đồng (chiếm 39,8%). b) Phân kỳ đầu tư: Giai đoạn 2012 - 2015: Tổng vốn đầu tư dự kiến là 3.000 tỷ đồng, trong đó ngân sách Nhà nước 1.780 tỷ đồng (chiếm 59,3%), các nguồn huy động khác 1.220 tỷ đồng (chiếm 40,7%); Giai đoạn 2016 - 2020: Tổng số vốn đầu tư dự kiến là 7.800 tỷ đồng, trong đó ngân sách Nhà nước 4.725 tỷ đồng (chiếm 60,6%) các nguồn huy động khác 3.075 tỷ đồng (chiếm 39,4%).

¹² Giai đoạn 2014-2015 là 49 tỷ đồng/1.320 tỷ đồng; giai đoạn 2016-2020 là gần 153 tỷ đồng/2.458 tỷ đồng; giai đoạn 2021 - 2025 là gần 408 tỷ đồng/6.683 tỷ đồng. Từ 2014, chỉ tập trung một số tỉnh, Trung tâm Văn hóa, Nhà Văn hóa cấp tỉnh, huyện.

¹³ Vốn hỗ trợ qua Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025: Vốn sự nghiệp ngân sách nhà nước chi cho các nội dung thành phần có liên quan xây dựng, hoàn thiện, nâng cao hiệu quả hoạt động của thiết chế văn hóa cơ sở (huyện, xã, thôn) chỉ là 5,2 tỷ.

Chưa thực sự quan tâm bố trí ngân sách Nhà nước cho đào tạo, cán bộ, hỗ trợ duy trì hoạt động thiết chế văn hóa, thể thao ở địa phương. Thực tế trong nhiều năm, kinh phí đầu tư còn ít, phân tán đã làm cho nhiều thiết chế văn hóa, thể thao không được xây dựng hoặc xây dựng chưa đảm bảo tiêu chuẩn quy định, chưa phù hợp về công năng sử dụng và đáp ứng yêu cầu thực tế hiện nay.

Kinh phí cho hoạt động bảo tàng ở Trung ương và địa phương còn thấp. Đầu tư ngân sách Nhà nước cho ngành thư viện chưa tương xứng, chưa đảm bảo cho Thư viện Quốc gia phát triển theo hướng hiện đại, đồng bộ, bền vững. Kinh phí đầu tư cho thư viện cấp tỉnh, huyện, xã còn hạn chế. Hơn 30% thư viện cấp huyện không được cấp kinh phí.

Ở địa phương, nhiều tỉnh, thành phố bố trí kinh phí đầu tư cho các thiết chế văn hóa, thể thao còn thấp. Kinh phí hoạt động của hầu hết Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp tỉnh, huyện, xã chủ yếu từ ngân sách Nhà nước, chưa bảo đảm để duy trì, thực hiện các nhiệm vụ hằng năm. Kinh phí đầu tư xây dựng cơ vật chất kỹ thuật, trang thiết bị và kinh phí duy trì hoạt động thường xuyên của Nhà Văn hóa - Khu Thể thao thôn, ấp chủ yếu do Nhân dân đóng góp, huy động các nguồn tài trợ.

Trong giai đoạn 2016-2020, các thiết chế văn hóa, thể thao như trung tâm văn hóa, thể thao cấp xã, thôn không có nguồn kinh phí của Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa như giai đoạn trước dẫn tới nhiều thiết chế cấp xã, thôn thiếu thiết bị, hoạt động chưa hiệu quả, chưa đáp ứng nhu cầu của người dân.

Việc huy động nguồn lực xã hội cho xây dựng, tổ chức hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao các cấp còn vướng mắc, khó khăn, đặc biệt ở các địa phương miền núi, hải đảo, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

Kinh phí tự chủ một số Nhà Thiếu nhi còn hạn chế, nguồn thu chủ yếu thông qua các lớp tuyển sinh năng khiếu. Một số Nhà Văn hóa Lao động cấp tỉnh mới tự chủ được một phần chi thường xuyên.

b) Đối với thiết chế văn hóa, thể thao Công đoàn

Nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất không có thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ đời sống văn hóa tinh thần, luyện tập thể dục, thể thao của người lao động. Trong khu công nghiệp, khu chế xuất không còn quỹ đất cho việc xây dựng các thiết chế văn hóa phục vụ công nhân. Thực hiện Quyết định số 655/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ giao Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam xây dựng các thiết chế công đoàn, trong đó có thiết chế văn hóa, thể thao, tuy nhiên cũng đang gặp nhiều khó khăn về vốn, về đất sạch... Vì vậy, mục tiêu đặt ra tại Quyết định số 2164/QĐ-TTg đến năm 2020 100% các khu công nghiệp, khu chế xuất dành quỹ đất cho xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ công nhân là chưa đạt.

Một số Nhà văn hóa lao động cấp tỉnh mới tự chủ được một phần chi thường xuyên, một số chưa tự chủ. Một số Nhà Văn hóa lao động bị tình thu hồi, mặc dù tình đền bù xây dựng ở vị trí khác, tuy nhiên vị trí mới không bằng vị trí cũ do không ở trung tâm, xa khu dân cư, xa khu công nghiệp, không thuận tiện về giao thông nên khó hoạt động, khó thu hút công nhân lao động và nhân dân đến sinh hoạt.

Về số lượng người làm việc, theo quy định của Ban Tổ chức Trung ương đối với các đơn vị sự nghiệp công lập do các tổ chức chính trị xã hội quản lý¹⁴. Vì vậy, thiết chế các Cung, Nhà văn hóa lao động cấp tỉnh khá bị động trong việc định biên, tuyển dụng cán bộ.

c) Đối với thiết chế văn hóa, thể thao Đoàn thanh niên

Nhiều địa phương còn chưa thật sự quan tâm đầu tư xây dựng các điểm vui chơi, giải trí dành cho trẻ em ở tất cả các cấp, nhiều nơi, quỹ đất để xây dựng còn bị chiếm dụng hoặc sử dụng vào mục đích khác. Thực tế chỉ có duy nhất hệ thống các Cung, Nhà thiếu nhi là thiết chế chuyên ngành dành cho trẻ em thuộc quản lý của Trung ương Đoàn thanh niên và Ủy ban nhân dân các cấp.

Thực hiện chủ trương đổi mới của Đảng (Nghị quyết số 19-NQ/TW), nhiều địa phương đang có chủ trương hoặc đã tiến hành sáp nhập các Cung, Nhà Thiếu nhi với các Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Thể thao, Đài Phát thanh Truyền hình... Đây là các đơn vị có chức năng, đối tượng hoạt động khác nhau. Trong khi đó, thiếu nhi là một đối tượng đặc thù, độ tuổi nhỏ, đang trong quá trình hình thành nhân cách, vì vậy cần có thiết chế riêng, mô hình tổ chức hoạt động và cơ chế bảo vệ đặc biệt, phù hợp với nhận thức, năng lực, nhu cầu của các em như hệ thống nhà thiếu nhi để chăm lo, giáo dục, bảo vệ và phát huy quyền tham gia của các em. Việc sáp nhập nhà thiếu nhi vào các thiết chế khác còn mang tính cơ học chưa tính đến đặc thù của đối tượng thiếu nhi.

Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo vận động viên ở địa phương tuy đã có sự cải thiện đáng kể trong thời gian qua. Nhiều địa phương đã có đủ 3 công trình thể thao cơ bản ở cấp tỉnh là sân vận động, nhà thi đấu, bể bơi và từng bước quy hoạch, đầu tư cho các công trình thể thao cấp quận, huyện. Một số công trình của địa phương, ngành được xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp, hiện đại hóa, đáp ứng tiêu chuẩn thi đấu của SEA Games và các giải thể thao quốc tế, như Nhà thi đấu thành phố Đà Nẵng, Nhà thi đấu Hạ Long, Nhà thi đấu Ninh Bình, Nhà thi đấu Hà Nam, Nhà thi đấu Bắc Giang,... Tuy nhiên trên bình diện cả nước, hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao còn thiếu và chưa đồng bộ. Tại nhiều địa phương chưa có đủ các công trình thể thao cơ bản ở cấp tỉnh, trong đó có những địa phương hoàn toàn không có công trình thể thao đáp ứng yêu cầu tổ chức thi đấu, đào tạo vận động viên (như tỉnh Lai Châu). Thực trạng này dẫn tới khó khăn, hạn chế trong công tác đào tạo vận động viên trong giai đoạn vừa qua.

¹⁴ Điều 9 Quy định số 212-QĐ/TW, thẩm quyền phê duyệt đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc LĐLĐ tỉnh, thành phố do tỉnh ủy, thành ủy quyết định. Tuy nhiên hiện nay, rất nhiều LĐLĐ tỉnh, thành phố không xin được tỉnh ủy, thành ủy phê duyệt đề án vị trí việc làm của NVHLĐ vì lý do: Tỉnh, thành phố không ra quyết định thành lập NVHLĐ của tổ chức Công đoàn; hoặc được phê duyệt biên chế viên chức nhưng chỉ được rất ít (có nơi được 3 biên chế).

III. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO

1. Thuận lợi

Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm sâu sắc đến việc xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao của đất nước. Nhằm thể chế hóa các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành nhiều luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định... về các chính sách đối với đầu tư xây dựng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí hoạt động, bộ máy tổ chức - nhân sự, xã hội hóa... Vì vậy, thiết chế văn hóa, thể thao đang từng bước được củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động, nội dung thiết thực đáp ứng nhu cầu của đông đảo tầng lớp nhân dân, góp phần phát triển phong trào văn hóa - văn nghệ, thể dục-thể thao phục vụ nhiệm vụ chính trị tại địa phương, nâng cao chất lượng cuộc sống tinh thần của nhân dân.

2. Khó khăn, vướng mắc

- Các Nghị quyết của Đảng hiện nay về phát triển văn hóa và từng khu vực vùng miền, văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch (Luật Thư viện, Luật Thể dục, thể thao, Luật Di sản văn hóa...) đều có quy định về việc dành quỹ đất để xây dựng và phát triển thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ người dân ở cơ sở. Tuy nhiên, đa số các lĩnh vực của văn hóa, thể thao và du lịch chưa phải là ngành được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư. Do đó việc triển khai các chính sách ưu đãi trong các Luật trên còn gặp khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn nên cần được nghiên cứu để có những quy định ưu đãi cụ thể hơn trong dự thảo Luật Đất đai, nhằm bảo đảm tính khả thi của các chính sách ưu đãi trong pháp luật chuyên ngành.

- Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017, nhiều địa phương trong cả nước đã tiến hành sáp nhập, hợp nhất các đơn vị tương đồng vào Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh¹⁵; Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện nhưng chưa có hướng dẫn¹⁶.

- Một số thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở không thuộc loại hình đơn vị sự nghiệp công (Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, thôn) nên không áp dụng được theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định số 69/2008/NĐCP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường, việc thực hiện xã hội hóa đối với các thiết chế này được thực hiện theo hướng cho thuê, liên doanh, liên kết.

¹⁵ Việc sáp nhập các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp với các trung tâm văn hóa ảnh hưởng đến tính chuyên nghiệp và chất lượng nghệ thuật. Tên gọi và cơ cấu tổ chức của các đơn vị khi sáp nhập thiếu thống nhất. Sau sáp nhập, sắp xếp, ở một số nơi, hoạt động văn hóa, nghệ thuật bị thu hẹp chức năng, nhất là trong trường hợp lãnh đạo là người thuộc lĩnh vực khác.

¹⁶ Hướng dẫn về tổ chức, hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện được quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL. Tuy nhiên, các căn cứ ban hành và một số điều đã không còn thuộc thẩm quyền quy định dẫn được quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL

- Mặc dù có nhiều chính sách được ban hành, tuy nhiên, sau một thời gian thực hiện, đã bộc lộ một số hạn chế: đầu tư cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao bị trùng lặp, chồng chéo tại nhiều đề án, chương trình nhưng không tạo được tổng hợp lực từ các nguồn đầu tư để tạo động lực phát triển với những chuyển biến cơ bản, có tính đột phá; cơ chế quản lý tài chính của mỗi chương trình, đề án dẫn đến nhiều vướng mắc trong quá trình thực thi; bên cạnh đó, các chính sách về quy hoạch, về đầu tư cơ sở vật chất-kỹ thuật, phát triển nguồn nhân lực, quản lý và sử dụng các thiết chế còn nhiều bất cập.

- Hiện nay, quy định về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã thực hiện theo Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ VHTTDL. Tại thời điểm ra đời, các quy định của Thông tư phù hợp với văn bản cấp trên cũng như trong thực tiễn. Tuy nhiên, tại thời điểm hiện tại, do không phù hợp với các quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP và Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 18/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ, vì vậy, không có cơ sở xác định địa vị pháp lý của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, nên Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã không có căn cứ xây dựng tạo nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ văn hóa - thể thao, hội phí sinh hoạt các câu lạc bộ, nhóm sở thích và thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa và tạo điều kiện để các cá nhân, tổ chức doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở hoạt động văn hóa - thể thao, vui chơi giải trí trên địa bàn xã theo quy định. Bên cạnh đó, theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ thì số lượng công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã bị cắt giảm, giao tăng nhiệm vụ cho công chức văn hóa xã hội, việc này dẫn đến tình trạng quá tải cho công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã, do đó, nhân sự quản lý và vận hành Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã đã thiếu ngày càng thiếu (Theo quy định tại Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL: giao công chức xã về văn hóa - xã hội là Chủ nhiệm Trung tâm Văn hóa - Thể thao; các cán bộ cấp xã, cán bộ không chuyên trách cấp xã kiêm nhiệm nhiệm vụ của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã).

- Về số lượng người làm việc tại thiết chế văn hóa, thể thao Công đoàn, theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP quy định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập phải đảm bảo đủ 15 viên chức trở lên. Tuy nhiên, hiện nay, một nửa số lượng thiết chế văn hóa, thể thao Công đoàn cấp tỉnh, các thiết chế văn hóa, thể thao Công đoàn cấp quận huyện không đủ số lượng 15 người làm việc. Trong khi đó, tại Điều 9 Quy định số 212-QĐ/TW, thẩm quyền phê duyệt đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố do tỉnh ủy, thành ủy quyết định. Tuy nhiên hiện nay, rất nhiều Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố không xin được tỉnh ủy, thành ủy phê duyệt đề án vị trí việc làm của thiết chế văn hóa, thể thao Công đoàn vì lý do: Tỉnh, thành phố không ra quyết định thành lập thiết chế văn hóa, thể thao Công đoàn; hoặc được phê duyệt biên chế viên chức nhưng chỉ được rất ít (có nơi được 03 biên chế).

- Các căn cứ pháp lý đã thay đổi, nhiều văn bản hết hiệu lực thi hành, một số quy định tại thông tư về cơ sở vật chất, kinh phí hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao các cấp không còn phù hợp với chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước trong giai đoạn hiện nay. Hiệu lực của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức, hoạt động đối với hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở chưa cao do chỉ có các thông tư của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành. Bên cạnh đó, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp còn chịu sự điều chỉnh của các văn bản quy phạm pháp luật khác cao hơn (nghị định, luật về tài chính, nhân sự...) nên đôi lúc chưa phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

- Một số văn bản quy phạm pháp luật thiếu tính ổn định, chủ yếu mang tính hướng dẫn, chưa thể chế hóa đầy đủ các chính sách cơ bản để phát triển văn hóa ở cơ sở. Một số văn bản ban hành sau thời gian ngắn đã phải sửa đổi, bổ sung, gây khó khăn cho địa phương trong triển khai thực hiện. Một số nội dung chưa được điều chỉnh bởi văn bản quy phạm pháp luật như về quản lý, tổ chức hoạt động của câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ ở cơ sở.

VI. GIẢI PHÁP, KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Giải pháp

1.1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của nhân dân, các tổ chức về vai trò, vị trí của thiết chế văn hóa, thể dục, thể thao trong việc phát triển kinh tế - xã hội địa phương cũng như việc phát triển văn hóa, thể thao là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

- Đảm bảo ngân sách Nhà nước cho công tác tuyên truyền trong chương trình mục tiêu quốc gia, huy động sự đóng góp của toàn xã hội cho công tác tuyên truyền.

- Tiếp tục trang bị và đầu tư các phương tiện tuyên truyền cần thiết cho việc triển khai các hoạt động tuyên truyền cổ động trực quan ở cơ sở, nắm bắt chủ trương kịp thời và đúng những quy định. Có như vậy công tác tuyên truyền cổ động trực quan sẽ nâng cao được chất lượng và đạt được những yêu cầu đề ra trong tình hình mới.

1.2. Các giải pháp quản lý nhà nước

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật đối với thiết chế văn hóa, thể thao.

- Xây dựng và ban hành các chế độ chính sách (tiền lương, chế độ thù lao...), về đầu tư về cơ sở vật chất kỹ thuật, kinh phí hoạt động tại thiết chế văn hóa, thể thao. Chính sách về xã hội hóa, huy động các nguồn lực hợp pháp từ các tổ chức, cá nhân để xây dựng và tổ chức hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao các cấp; đa dạng hóa nội dung, khuyến khích mạnh mẽ xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể thao phù hợp với từng loại hình, đáp ứng nhu cầu và thị hiếu của người dân. Ban hành quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công, hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công.

- Xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù giao thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý đầu tư, xây dựng, đất đai... để một số thiết chế văn hóa, thể thao ở trung ương (Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam, Khu Liên hợp thể thao quốc gia...) có thể thực hiện được đầy đủ trách nhiệm và vai trò của mình, đồng thời đẩy mạnh công tác thu hút đầu tư, quảng bá, giới thiệu để thu hút các nhà đầu tư vào các Khu chức năng sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước. Có giải pháp thích hợp trong việc quản lý, sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết, tạo nguồn thu bổ sung một phần cho ngân sách nhà nước.

- Xây dựng chính sách ưu tiên hoạt động văn hóa, thể thao cơ sở ở vùng miền núi, hải đảo, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm, năng lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo và đổi mới phương thức hoạt động, cơ chế vận hành của các cấp, các ngành.

- Tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra đối với các loại hình hoạt động văn hóa, lễ hội, dịch vụ văn hóa, thể dục, thể thao, giữ vững ổn định tình hình tư tưởng, giữ vững môi trường văn hóa và thể thao ổn định, lành mạnh.

1.3. Về quy hoạch và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật

- Quy hoạch và dành quỹ đất tại các địa điểm thuận lợi, ưu tiên các nguồn lực để xây dựng hệ thống thiết chế văn hoá - thể thao phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị, phân bố dân cư, xây dựng nhà ở và các công trình văn hóa, thể thao khác nhằm tạo ra môi trường thân thiện, thuận lợi phục vụ nhân dân khai thác và sử dụng hiệu quả.

- Xây dựng kế hoạch, giải pháp cải tạo, nâng cấp và đầu tư xây dựng công trình văn hóa, thể thao hiện đại ở các trung tâm kinh tế - chính trị - văn hóa.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường cung cấp các dịch vụ công phục vụ học tập, nghiên cứu, công tác và giải trí của mọi tầng lớp nhân dân.

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang bị phương tiện chuyên dùng; thay thế những trang thiết bị cũ, lạc hậu, duy tu, sửa chữa công trình theo định kỳ; cải tạo, nâng cấp thiết chế văn hóa, thể thao hiện có.

1.4. Rà soát quy hoạch, nguồn lực

- Các địa phương căn cứ tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ lập kế hoạch tuyển chọn và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, hoàn thiện các tiêu chuẩn, chức danh cho đội ngũ cán bộ văn hoá, thể thao.

- Nâng cao năng lực và trách nhiệm của đội ngũ quản lý, vận hành hệ thống thiết chế văn hóa đạt chuẩn từ trung ương đến cơ sở và tổ chức hoạt động thiết thực, sát với nhu cầu của người dân nhằm phát huy hiệu quả hoạt động, hiệu quả sử dụng của hệ thống thiết chế văn hóa, mục tiêu để người dân coi thiết chế văn hóa là địa chỉ thân thuộc và gắn bó.

- Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp, hỗ trợ trang thiết bị và nâng cao hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao, nhất là Trung tâm Văn hóa, thể thao-Học tập cộng đồng cấp xã, Nhà văn hóa - Khu thể thao ở các thôn, khu phố đáp ứng yêu cầu hoạt động của các tầng lớp nhân dân địa phương, tiến tới đạt chuẩn 100% theo quy định.

1.5. Đổi mới phương thức tổ chức, quản lý

- Tập trung đổi mới các nội dung, chương trình hoạt động gắn với thực tiễn đời sống tinh thần và nhu cầu người dân. Đó là các nhu cầu về thông tin, đọc sách báo, xem truyền hình, nhu cầu về giao lưu, trao đổi, học tập trong câu lạc bộ, nhóm sở thích, nhu cầu về sinh hoạt hưởng thụ văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao rèn luyện thân thể, xây dựng nếp sống văn hóa, kỹ năng sản xuất, mở các lớp tập huấn, học tập cộng đồng...

- Xây dựng các chương trình, tiết mục hoạt động phong phú phù hợp với đặc điểm dân tộc, vùng, miền, các nhóm đối tượng và lứa tuổi như người cao tuổi, trẻ em; đặc biệt là thu hút những người có tài năng nghệ thuật và có nghề làm cộng tác viên trong các hoạt động của thiết chế văn hoá, thể thao.

- Xây dựng một lực lượng đông đảo các cộng tác viên quần chúng (ngoài biên chế) có năng khiếu chuyên sâu theo từng loại hình hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao.

- Đổi mới nội dung và hình thức hoạt động phong phú, chú trọng loại hình hoạt động thể dục, thể thao có liên kết với các tổ chức ngoài công lập, trường học, câu lạc bộ thể thao cơ sở để phục vụ đa dạng các tổ chức, cá nhân đến tập luyện, thi đấu tại các công trình thể dục, thể thao. Đa dạng hóa loại hình tổ chức tập luyện, thi đấu các môn thể thao, mở rộng chương trình hoạt động gắn với thực tiễn đời sống xã hội và nhu cầu người dân, phát triển, bảo tồn các môn thể thao dân tộc truyền thống, thể thao cho người khuyết tật, thể thao cho người cao tuổi, thể thao cho thanh, thiếu niên và trẻ em. Tổ chức nhiều loại hình hoạt động cộng đồng, phát triển các câu lạc bộ TDTT cơ sở để thu hút người dân tham gia hoạt động tại hệ thống công trình thể thao, trong đó chú trọng tổ chức các hoạt động liên hoan, hội thi các môn thể thao, ngày hội văn hóa, thể thao các dân tộc, các vùng, miền tạo điều kiện để người dân tham gia hoạt động.

- Thực hiện chính sách xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008, Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ và Thông tư số 156/2014/TT-BTC ngày 23 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính; Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư, liên kết, khai thác các công trình văn hóa, thể dục, thể thao, kêu gọi các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, xã hội - nghề nghiệp liên kết cùng tổ chức các hoạt động tại thiết chế văn hóa, thể thao.

- Hướng dẫn, xây dựng mô hình liên doanh, liên kết và tổ chức hoạt động tập luyện, thi đấu biểu diễn thể dục, thể thao, kết hợp với các hoạt động văn hóa, xã hội khác;

tổ chức hội nghị trao đổi rút kinh nghiệm và tham quan, học tập những nơi có cách làm năng động, hiệu quả.

2. Kiến nghị, đề xuất

2.1. Đối với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

a) Tiếp tục chú trọng thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng về phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; trong đó, tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật, đổi mới cơ chế, chính sách về đầu tư, xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao phù hợp với tính đặc thù của văn hóa, thể thao và bối cảnh mới, cụ thể như sau:

- *Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật về văn hóa, thể thao theo hướng kiến tạo chính sách phát triển đồng bộ với các pháp luật liên quan: Xây dựng Luật Nghệ thuật biểu diễn; sửa đổi toàn diện Luật Di sản văn hóa (sửa đổi).*

- *Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung pháp luật liên quan đảm bảo sự đồng bộ, cộng hưởng với pháp luật về văn hóa, thể thao tạo động lực xây dựng phát huy hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao: Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (bổ sung lĩnh vực văn hóa vào nhóm ngành nghề ưu đãi đầu tư, vào nhóm lĩnh vực được áp dụng đầu tư theo phương thức đối tác công - tư); Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (theo hướng bổ sung các khoản chi tài trợ cho văn hóa, thể thao được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế); Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (phát huy, sử dụng có hiệu quả tài sản kết cấu hạ tầng, thiết chế văn hóa, tài sản đặc thù của văn hóa) và các pháp luật liên quan tác động trực tiếp tới thiết chế văn hóa, thể thao.*

- *Xem xét thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035.*

b) Đảm bảo mức chi ngân sách Nhà nước cho văn hóa, thể thao theo mục tiêu được đề ra tại Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 và các chương trình, đề án, quy hoạch; mức chi ngân sách Nhà nước cho đầu tư trang thiết bị cho thiết chế văn hóa, thể thao trung ương và cơ sở; tăng cường nguồn vốn ngân sách đầu tư của Nhà nước cho hoạt động văn hóa, thể thao cơ sở.

c) Tăng cường hoạt động giám sát, thông qua các quyết định quan trọng nhằm phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tương xứng với vai trò của thiết chế văn hóa, thể thao trong đời sống nhân dân.

2.2. Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

a) Sớm xem xét phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

b) Chỉ đạo các bộ, ngành, cơ quan chức năng, các địa phương:

- *Tiếp tục nghiên cứu, rà soát tổng thể, sửa đổi, bổ sung theo quy định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật nhằm đẩy mạnh công tác quy hoạch, đầu tư, xây dựng, phát triển nguồn*

nhân lực, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay và đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân; tập trung nghiên cứu xây dựng dự án Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) bảo đảm tiến độ, chất lượng, trong đó bổ sung hoàn thiện các quy định điều chỉnh hệ thống bảo tàng; nghiên cứu, hoàn thiện chính sách, pháp luật điều chỉnh thiết chế văn hóa, thể thao tư nhân.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện, triển khai hiệu quả các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, quyết định về phát triển văn hóa, thể thao, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao. Hoàn thiện và trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035.

- Bố trí các nguồn lực cho phát triển văn hóa, thể thao bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, theo lộ trình, mục tiêu được xác định cụ thể thông qua các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu, các dự án, đề án... về phát triển văn hóa, thể thao. Tăng chi ngân sách Nhà nước (cả vốn đầu tư phát triển và vốn sự nghiệp) cho phát triển văn hóa, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao.

c) Quan tâm, tập trung đầu tư xây dựng một số dự án trọng điểm, xứng tầm với công cuộc Đổi mới của đất nước.

d) Tăng cường phân cấp, phân quyền về đầu tư, tài chính trong việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp, quản lý, sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao. Quan tâm các thiết chế phục vụ thanh thiếu nhi, người cao tuổi, người lao động tại các khu công nghiệp. Ưu tiên đầu tư cho các vùng căn cứ cách mạng, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số để thực hiện mục tiêu từng bước khắc phục tình trạng chênh lệch về mức hưởng thụ văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí của nhân dân ở các vùng, miền, khu vực trong cả nước.

đ) Tiếp tục chỉ đạo đổi mới cơ chế, triển khai các giải pháp huy động nguồn lực xã hội cho đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành thiết chế văn hóa, thể thao. Thực hiện bình đẳng trong đầu tư của Nhà nước đối với các thành phần kinh tế tham gia hoạt động văn hóa trên cơ sở năng lực và hiệu quả xã hội của mỗi tổ chức. Tạo môi trường pháp lý để các doanh nghiệp bảo trợ, tài trợ cho thiết chế văn hóa, thể thao.

e) Chỉ đạo các bộ, ngành có liên quan xây dựng phương án xử lý dứt điểm những vướng mắc về nghĩa vụ tài chính của Khu Liên hợp thể thao quốc gia; nghiên cứu đổi mới về tổ chức bộ máy, cơ chế quản lý, vận hành Khu Liên hợp thể thao quốc gia bảo đảm chuyên nghiệp, hiệu quả, xứng tầm với vị trí, vai trò là cơ sở thể thao trọng điểm quốc gia.

g) Ban hành Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh việc hoàn thiện, phát huy hiệu quả hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao các cấp.

2.3. Đối với các bộ, ngành Trung ương

a) Bộ Tài chính

- Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành cơ chế,

chính sách và chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện việc ưu đãi đặc thù về mức thuế, tiền thuê đất, thuế thu nhập doanh nghiệp và các quy định, cơ chế về cơ chế tự chủ, quản lý, sử dụng tài sản công nhằm huy động các nguồn lực, tăng phân bổ ngân sách cho văn hóa, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao.

- Phối hợp bố trí ngân sách thực hiện các chiến lược, quy hoạch, chương trình, đề án về văn hóa, thể thao; tăng ngân sách đầu tư cho xây dựng, trang thiết bị, hoạt động, đội ngũ nhân lực làm việc tại các thiết chế văn hóa, thể thao.

- Sớm trình Chính phủ xem xét ban hành Nghị định sửa đổi Nghị định số 151/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP về tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng khắc phục những vướng mắc, bất cập phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện, phù hợp với yêu cầu của tình hình thực tiễn.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Nghiên cứu xây dựng hướng dẫn thực hiện chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tư nhân, doanh nghiệp, tổ chức xã hội và cá nhân tham gia đóng góp các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất và tham gia hoạt động văn hóa.

- Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành cơ chế, chính sách, tăng cường xã hội hóa, thực hiện cân đối vốn ngân sách Nhà nước và chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp thiết chế văn hóa, thể thao

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc sử dụng ngân sách Nhà nước đầu tư cho hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao.

c) Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành chính sách, pháp luật và chỉ đạo, hướng dẫn về quy hoạch, kế hoạch, định mức sử dụng đất, tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao phù hợp với tính đặc thù, nhu cầu của từng vùng, miền, đối với từng loại hình trong xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao.

d) Bộ Nội vụ

Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật và chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện các quy định về biên chế, tổ chức các cơ quan chuyên môn về văn hóa, thể thao thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và tổ chức bộ máy, nhân sự làm việc trong hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao.

đ) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban Dân tộc

Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật và chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương việc bảo đảm xây dựng các công trình, thiết chế văn hóa, thể thao thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia gắn với bảo tồn, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, phù hợp với đặc thù về địa lý, lịch sử, văn hóa... các vùng miền, các dân tộc.

e) Đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

Nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật và chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao về xây dựng các dự án đầu tư, quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ công nhân, viên chức, người lao động.

g) Đề nghị Trung ương Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh

Tham mưu, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật và chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao về xây dựng các dự án đầu tư, quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ thanh thiếu nhi.

h) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các cơ quan liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao trong lĩnh vực, ngành mình phụ trách, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức triển khai hiệu quả các nhiệm vụ xây dựng, quản lý, hoạt động thiết chế văn hóa, thể thao.

2.4. Đối với các địa phương

Chỉ đạo rà soát, đánh giá việc đổi mới tổ chức, quản lý, thành lập, tổ chức lại, giải thể và thực hiện tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa, trên cơ sở đó có các giải pháp khắc phục hạn chế, bất cập, có cơ chế, chính sách nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Tăng cường công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, bố trí đất, tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn về diện tích, quy mô, thiết bị và phù hợp với văn hóa, điều kiện thực tế, bảo đảm quyền tiếp cận và nhu cầu hưởng thụ văn hóa của các tầng lớp nhân dân.

- Chỉ đạo công tác quản lý, kiện toàn củng cố tổ chức, biên chế, tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ các thiết chế văn hóa, thể thao đủ năng lực, chủ động, sáng tạo, nắm bắt thị hiếu, nhu cầu của từng đối tượng, tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức, nâng cao hiệu quả hoạt động, góp phần xứng đáng trong việc tuyên truyền, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam.

- Tăng cường xã hội hóa, khuyến khích phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao ngoài công lập, có cơ chế, chính sách khuyến khích, huy động sự tham gia của cộng đồng vào phát triển và sử dụng hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao, không gian văn hóa sáng tạo trên địa bàn, nhất là ở cấp xã, thôn.

- Đơn giản hóa các thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh đối với các thiết chế văn hóa, thể thao. Tăng cường giám sát và có cơ chế khuyến khích cộng đồng giám sát, tham gia đầu tư phát triển thiết chế văn hóa, thể thao.

- Tiếp tục hoàn thành mục tiêu đến năm 2030 đối với thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở theo quy định tại Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm

2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030.

- Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thu hút, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội hóa đối với thiết chế văn hóa, thể thao các cấp; chế độ ưu đãi đào tạo hạt nhân năng khiếu về văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao.

- Bổ sung các chỉ tiêu cụ thể về xây dựng và phát triển hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao vào nội dung quy hoạch tỉnh; bố trí đủ quỹ đất theo quy định và ngân sách để đầu tư xây dựng, hoàn thiện, sửa chữa, nâng cấp thiết chế văn hóa, thể thao các cấp đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật và công năng sử dụng; đầu tư, mua sắm, trang thiết bị, cơ sở vật chất, phương tiện chuyên dùng đồng bộ; đảm bảo kinh phí hoạt động nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ đối với thiết chế văn hóa, thể thao các cấp; rà soát, đánh giá quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp để điều chỉnh theo quy định về vị trí, quy mô và cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

- Đổi mới phương thức tổ chức, quản lý và nâng cao chất lượng hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao các cấp phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Xây dựng và nhân rộng các mô hình tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu phù hợp với điều kiện sinh hoạt, phong tục tập quán, đặc điểm dân tộc, vùng miền, các nhóm đối tượng, lứa tuổi. Tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, thể thao kết nối giữa các thiết chế văn hóa, thể thao cấp.

- Thực hiện quy hoạch, tuyển dụng công chức, viên chức văn hóa, thể thao đáp ứng yêu cầu và quy định về tổ chức hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao các cấp. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực và trách nhiệm đội ngũ cán bộ văn hóa, thể thao, cộng tác viên.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhằm chuyển biến và nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành đoàn thể, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên và người dân trong toàn xã hội về vai trò, vị trí, lợi ích của việc phát triển thiết chế văn hóa, thể thao các cấp.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá và rút kinh nghiệm trong việc xây dựng, phát huy hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp. Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng đảm bảo tính kịp thời, công bằng và có sự đồng viên, khích lệ./.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUAN ĐIỂM, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG VỀ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THIẾT CHẾ VĂN HÓA

Ban Tuyên giáo Trung ương

Thiết chế văn hóa là thuật ngữ dùng để chỉ các cơ quan, đơn vị hoạt động văn hóa do Nhà nước hoặc cộng đồng xã hội lập ra trong khuôn khổ pháp luật hoặc quy chế của ngành, đoàn thể, nhằm đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần của công chúng, góp phần xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh, văn minh. Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam, “thiết chế văn hóa là chỉnh thể văn hóa hội tụ đầy đủ các yếu tố: cơ sở vật chất, bộ máy tổ chức, nhân sự, quy chế hoạt động, nguồn kinh phí; chỉ riêng ngôi nhà hoặc công trình văn hóa chưa đủ để gọi là thiết chế văn hóa”¹. Như vậy, thiết chế văn hóa không chỉ đơn thuần là những công trình vật chất cụ thể mà bao hàm trong đó là hệ thống cơ chế, chính sách vận hành; đội ngũ nhân lực làm công tác quản lý, tổ chức, nguồn lực tài chính và các chủ thể hoạt động. Thiết chế văn hóa thiên về những thực hành, sáng tạo và trao truyền văn hóa giữa các thế hệ, giai tầng trong cộng đồng dân cư.

Cho đến nay, các nhà nghiên cứu đã chỉ rõ vai trò của hệ thống thiết chế văn hóa dưới nhiều góc độ khác nhau nhưng tựu trung đều nhận định: Thiết chế văn hóa đóng vai trò đặc biệt quan trọng, quyết định đến sự thành công trong xây dựng và phát triển văn hóa, con người; phản ánh diện mạo văn hóa của cộng đồng, quốc gia, chất lượng cuộc sống, nhu cầu hưởng thụ các giá trị vật chất và tinh thần của nhân dân, cũng như tài nghệ sáng tạo của chủ thể văn hóa. Hệ thống thiết chế văn hóa giữ vai trò nòng cốt trong tổ chức các hoạt động tuyên truyền nhiệm vụ chính trị, xã hội; trở thành một trong những tiêu chí có ý nghĩa thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhất là trong việc xây dựng nông thôn mới. Các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có đến được với đại đa số quần chúng nhân dân hay không, một phần quan trọng là nhờ ở hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở.

Nhận thức vai trò quan trọng của hệ thống thiết chế văn hóa, trong nhiều năm qua, Đảng ta đã luôn quan tâm, có nhiều chủ trương phát triển lĩnh vực này. Kế thừa và bổ sung các chủ trương, quan điểm của Đảng về xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) của Đảng xác định: “Củng cố, hoàn thiện thể chế văn hóa đảm bảo tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý có hiệu quả của Nhà nước, vai trò làm chủ của nhân dân và lực lượng những người hoạt động văn hóa, tạo nhiều sản phẩm và sinh hoạt văn hóa phong phú, đa dạng, theo định hướng xã hội chủ nghĩa”; “Nâng cao chất lượng hoạt động của các thiết chế văn hóa, sắp xếp hợp lý các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp và kinh doanh, nâng cấp các đơn vị văn hóa, nghệ thuật trọng điểm, tạo

¹ Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa (2005), *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, t.4, Hà Nội, tr.358.

chất lượng mới cho toàn ngành”. Chủ trương này tiếp tục được khẳng định trong Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”. Nghị quyết xác định mục tiêu: “Hoàn thiện thể chế, chế định pháp lý và thiết chế văn hóa bảo đảm xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế” và đề ra nhiệm vụ “xây dựng, hoàn thiện đi đôi với nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa”. Đảng nhấn mạnh nhiệm vụ tăng cường nguồn lực cho lĩnh vực văn hóa, trong đó nêu rõ: “Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi về đất, tín dụng, thuế và phí đối với các cơ sở đào tạo và thiết chế văn hóa do khu vực tư nhân đầu tư, đặc biệt là ở vùng còn khó khăn”; “Xây dựng một số công trình văn hóa trọng điểm. Các địa phương, các cơ quan, công sở, trường học, khu công nghiệp, doanh nghiệp, khu dân cư,... có thiết chế văn hóa phù hợp (thư viện, nhà văn hóa, công trình thể thao,...)”.

Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, Đảng ta khẳng định: “Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực văn hóa... Đẩy nhanh việc thể chế hóa, cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa... Rà soát, phát triển hợp lý các thiết chế văn hóa”². Đến Đại hội XIII, Đảng ta một lần nữa khẳng định: “Tiếp tục đổi mới toàn diện nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về văn hóa. Tăng cường đầu tư, khai thác và phát huy tối đa các nguồn lực văn hóa đi đôi với đổi mới nội dung, phương thức quản lý, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả; tăng cường kiểm tra, giám sát, bảo đảm hiệu quả đầu tư cao trong lĩnh vực văn hóa. Đổi mới, hoàn thiện các thiết chế văn hóa từ Trung ương đến cơ sở, bảo đảm hiệu quả”³.

Quán triệt quan điểm, đường lối của Đảng, thời gian qua, các ban, bộ, ngành, địa phương từ Trung ương đến cơ sở đã có nhiều hoạt động thiết thực, cụ thể hóa chủ trương của Đảng thông qua nhiều văn bản, quy định khác nhau trong việc xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, đạt được nhiều thành tựu. Nhiều văn bản luật quan trọng liên quan đến lĩnh vực văn hóa, cũng như các văn bản quy phạm pháp luật khác được xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung đã góp phần hoàn thiện thể chế văn hóa, tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động văn hóa phát triển, từng bước đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới; nhiều chiến lược phát triển văn hóa đã được phê duyệt, làm căn cứ để triển khai các hoạt động văn hóa trong thực tiễn,...

Có thể khẳng định, sau gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, đời sống văn hóa của nhân dân không ngừng được nâng cao, hệ thống thiết chế văn hóa ngày càng hiện đại, từng bước chuyển đổi cơ chế, đổi mới về phương thức hoạt động, đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt tinh thần tối thiểu của người dân. Phong trào xây dựng các thiết chế văn hóa, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa cơ sở

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, tr.131.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, tr.146.

được triển khai rộng khắp. Nhiều di sản văn hóa được bảo tồn, tôn tạo. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đạt được những kết quả tích cực, được các cấp ủy đảng, chính quyền quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo; các ngành, đoàn thể hưởng ứng; các tầng lớp nhân dân đồng tình thực hiện. Các cấp, các ngành, địa phương đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi để người dân khai thác, sử dụng những thiết chế sẵn có, đóng góp xây dựng những thiết chế văn hóa mới, phù hợp với địa bàn cư trú, phong tục tập quán vùng miền, để thiết chế văn hóa thực sự trở thành không gian sinh hoạt cộng đồng. Việc xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở đã được các tỉnh, thành phố trên cả nước tiến hành quy hoạch tổng thể phương án đầu tư xây dựng, từ cấp tỉnh đến cấp xã phường, làng thôn, ấp bản. Cơ chế, chính sách về đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật và nguồn nhân lực cho các thiết chế văn hóa từng bước được quan tâm. Công tác quản lý, vận hành hệ thống thiết chế văn hóa ngày càng được nâng cao, cơ bản thực hiện tốt vai trò, chức năng hoạt động, góp phần triển khai có hiệu quả công tác tuyên truyền, phục vụ các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước và địa phương⁴.

Bên cạnh nhiều kết quả đạt được, hệ thống thiết chế văn hóa và cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động văn hóa ở nước ta còn nhiều bất cập, hạn chế. Chúng ta còn thiếu các thiết chế văn hóa đủ tiêu chuẩn để tổ chức các sự kiện lớn, mang tầm khu vực và quốc tế, được tổ chức và vận hành một cách chuyên nghiệp, nhưng lại thừa những thiết chế không đáp ứng được các tiêu chuẩn này. Hệ thống thiết chế văn hóa chậm chuyển đổi sang phương thức tự chủ, xã hội hóa; nhiều nơi đang trong tình trạng xuống cấp, chắp vá, thiếu đồng bộ, hiệu quả sử dụng thấp; không ít nhà văn hóa còn bị bỏ hoang, gây lãng phí lớn. Nhiều trung tâm văn hóa, nhà văn hóa được đầu tư xây dựng, nhưng tần suất sử dụng rất ít hoặc sử dụng sai mục đích. Một số địa phương chưa có đủ quỹ đất theo quy định; thiếu kinh phí, thiếu đội ngũ cán bộ để xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa. Tại nhiều vùng nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng, biên giới, hải đảo, ... hệ thống thiết chế văn hóa còn nghèo nàn, lạc hậu về cơ sở vật chất cũng như trong việc tổ chức các hoạt động, chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân. Chất lượng nguồn nhân lực ngành thư viện còn thiếu và yếu. Việc đầu tư cho bảo tàng chưa thực sự được chú trọng, chưa đáp ứng được các yêu cầu về kỹ thuật, thiếu tính hấp dẫn trong công tác trưng bày. Một số nhà hát, rạp chiếu phim còn chậm đổi mới trong nội dung, sáng tạo, chưa thu hút được đông đảo công chúng khán giả, nhất là đối với các nhà hát thuộc

⁴ Theo số liệu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Hồ sơ báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035, tính đến hết tháng 3 năm 2023, hệ thống thiết chế do ngành văn hóa, thể thao và du lịch quản lý trên cả nước có 66 thiết chế văn hóa cấp tỉnh (trung tâm văn hóa, trung tâm văn hóa - nghệ thuật, trung tâm văn hóa - điện ảnh, trung tâm thông tin triển lãm, ...); 689/705 quận, huyện có Trung tâm Văn hóa - Thể thao hoặc nhà văn hóa, đạt tỷ lệ 97,7%; 8.207/10.598 xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hóa - Thể thao, đạt tỷ lệ 77,4%, trong đó có 5.625 đạt chuẩn (tỷ lệ 53%); 69.070/90.508 làng, thôn, bản, ấp, ... có nhà văn hóa, đạt tỷ lệ khoảng 76,3%, trong đó có 44.836 đạt chuẩn (tỷ lệ 49,5%). Tính đến năm 2022, trên địa bàn cả nước có 194 bảo tàng, trong đó có 128 bảo tàng công lập và 66 bảo tàng ngoài công lập đang lưu giữ hơn 03 triệu hiện vật; có 130 nhà hát, đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, trong đó có 12 đơn vị nghệ thuật Trung ương, 18 đơn vị nghệ thuật do các bộ, ngành khác quản lý; 05 cơ sở phát hành, phổ biến phim trong nước, 07 cơ sở phát hành, phổ biến phim có vốn nước ngoài, ... Ngoài ra, cả nước đã xây dựng được mạng lưới thư viện công cộng, thư viện chuyên ngành, thư viện cơ sở giáo dục, thư viện lực lượng vũ trang; có hơn 100 thư viện tư nhân phục vụ cộng đồng, trong đó có những thư viện lớn, hiện đại và nhiều thư viện tư nhân quy mô nhỏ do các cá nhân, gia đình, dòng họ đầu tư, ...

các loại hình nghệ thuật truyền thống. Cơ chế, chính sách, quy định đối với việc quản lý các thiết chế văn hóa do khu vực tư nhân đầu tư còn nhiều bất cập. Ở một số nơi vẫn còn tình trạng chạy theo thành tích, nhất là trong việc xây dựng nông thôn mới, dẫn đến nhiều công trình thiết chế văn hóa được xây dựng không bảo đảm chất lượng, thiếu tính thẩm mỹ. Cơ chế phát huy các thiết chế văn hóa truyền thống có sẵn trong cộng đồng (đình, đền, chùa,...) còn nhiều hạn chế, có biểu hiện thiên lệch giữa công tác bảo tồn di tích, di sản được xếp hạng và các di tích, di sản chưa được xếp hạng...

Đại hội XIII của Đảng đặt ra mục tiêu xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, trong đó Đảng ta đề ra nhiệm vụ đổi mới, hoàn thiện các thiết chế văn hóa từ Trung ương đến cơ sở, bảo đảm hiệu quả. Đến nay, sau hơn nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và hơn hai năm cụ thể hóa những ý kiến chỉ đạo của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24/11/2021, không thể phủ nhận những chuyển biến tích cực trong lĩnh vực văn hóa, trong đó việc đầu tư, hoàn thiện các thiết chế văn hóa ngày càng được chú trọng. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề đáng phải quan tâm, từ việc nhận thức phải đúng và đồng bộ đến tháo gỡ những nút thắt trong chính sách đầu tư, tránh dàn trải, để có thể đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân, để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là sức mạnh nội sinh, động lực quan trọng để phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Để tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa trong thời gian tới, cần thực hiện quyết liệt và đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó tập trung vào một số nhóm giải pháp trọng tâm sau:

Thứ nhất, các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể tiếp tục quán triệt sâu sắc, toàn diện hơn nữa các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong tiến trình xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của hệ thống thiết chế văn hóa để có những biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai xây dựng, phát triển các thiết chế văn hóa, tạo ra mạng lưới hệ thống thiết chế văn hóa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, gắn kết chặt chẽ giữa tầng trường kinh tế với phát triển văn hóa; bảo đảm quyền tiếp cận, hưởng thụ, tham gia và sáng tạo văn hóa của mỗi người dân, tạo mọi điều kiện để các công trình thiết chế văn hóa trở thành địa chỉ gắn bó thân thuộc của người dân ở cơ sở.

Thứ hai, thực hiện có hiệu quả việc quy hoạch tổng thể, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa; bố trí quỹ đất hợp lý, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng cấp, bảo đảm diện tích sử dụng theo chức năng của các thiết chế; tạo sự đồng bộ giữa mỹ thuật, kiến trúc, quy hoạch các thiết chế văn hóa trong không gian văn hóa công cộng. Căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách Nhà nước xem xét, tăng cường đầu tư kinh phí, mức chi cho xây dựng các thiết chế văn hóa, trong đó cần chú trọng đầu tư đồng bộ, từ vốn xây dựng cơ bản đến các trang thiết bị chuyên dụng, đào tạo cán bộ, chi phí hoạt động nghiệp vụ đối với thiết chế văn hóa, nhất là đối với các vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, bảo đảm

sử dụng vốn đầu tư phát triển của Nhà nước hiệu quả; đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa trong huy động nguồn lực để xây dựng thiết chế văn hóa, phát huy tính chủ động, tích cực của các chủ thể văn hóa. Việc xây dựng thiết chế văn hóa phải phù hợp với địa bàn, phong tục tập quán và truyền thống văn hóa tộc người, bảo đảm những giá trị thẩm mỹ, đáp ứng nhu cầu, lợi ích chính đáng của nhân dân, tránh đầu tư dàn trải, chạy theo thành tích.

Thứ ba, nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách phù hợp với tình hình thực tiễn; chú trọng các nhóm chính sách về đầu tư xây dựng cơ sở vật chất; quy hoạch, đào tạo và sử dụng đội ngũ cán bộ,... Trong đó, cần tập trung xây dựng các chính sách đào tạo ngắn hạn và dài hạn cho đội ngũ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ trong các thiết chế văn hóa; chính sách đãi ngộ, thu hút sinh viên là con em đồng bào dân tộc thiểu số theo học trong các cơ sở đào tạo về văn hóa, nghệ thuật; thu hút cán bộ văn hóa có trình độ, chuyên môn phù hợp đến công tác ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế, tư nhân, doanh nghiệp, tổ chức xã hội tham gia đóng góp các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất và tham gia hoạt động văn hóa ở cơ sở; chú trọng xây dựng và hoàn thiện các chính sách kinh tế trong văn hóa, chính sách văn hóa trong kinh tế, bảo đảm cho văn hóa thể hiện rõ trong các hoạt động kinh tế, đồng thời thúc đẩy các hoạt động kinh tế, tạo điều kiện hơn cho sự nghiệp phát triển văn hóa.

Thứ tư, tăng cường công tác quản lý nhà nước, công tác tuyên truyền, vận động của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; từng bước hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, quy chế đối với các hoạt động văn hóa, nhất là ở cơ sở; chú trọng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các thiết chế văn hóa, gắn với triển khai hiệu quả Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; phối hợp chặt chẽ giữa các ngành trong đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng, khai thác, sử dụng hiệu quả công năng các thiết chế văn hóa phục vụ nhân dân; phát huy tinh thần chủ động, tích cực của người dân và vai trò tự quản của cộng đồng đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa. Đẩy mạnh kiểm tra, giám sát việc sử dụng các thiết chế văn hóa, kịp thời phát hiện, xử lý các vi phạm, khắc phục những biểu hiện tiêu cực; đồng thời có hình thức biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tốt trong công tác.

Có thể nói, xây dựng, đổi mới, hoàn thiện các thiết chế văn hóa từ Trung ương đến cơ sở, bảo đảm hoạt động hiệu quả là yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay, bởi đó là một trong những cơ sở, nền tảng quan trọng góp phần xây dựng thành công nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Để triển khai thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng, phát huy hiệu quả vai trò, tầm quan trọng của hệ thống thiết chế văn hóa, bên cạnh các nhóm giải pháp đã nêu, đòi hỏi sự quan tâm, vào cuộc quyết liệt của các cấp, các ngành và sự tham gia, hưởng ứng tích cực của toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi, huy động hiệu quả các nguồn lực với hành lang pháp lý rộng mở, hoàn thiện, góp phần xây dựng môi trường văn hóa ngày càng lành mạnh, văn minh./.

VIỆC THỰC HIỆN XÂY DỰNG THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO CHO CÔNG NHÂN, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

Thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ công nhân lao động là nơi tổ chức các hoạt động, sự kiện văn hóa, thể thao, sinh hoạt chính trị, tuyên truyền giáo dục, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến công nhân, viên chức, người lao động (CNVCLĐ); bồi dưỡng nâng cao kiến thức về văn hóa, thể thao; tìm tòi, phát hiện, bồi dưỡng, đào tạo hạt nhân văn hóa, thể thao trong CNVCLĐ; là nơi để CNVCLĐ hưởng thụ và sáng tạo văn hóa, rèn luyện thân thể, góp phần rất quan trọng trong việc nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần, giáo dục chính trị tư tưởng cho CNVCLĐ.

Đến với Hội thảo hôm nay, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trình bày tham luận với chủ đề “Thực hiện xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao cho công nhân, viên chức, người lao động” với một số nội dung như sau:

1. Thực tế đời sống văn hóa, tinh thần của CNVCLĐ

Những năm qua, đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân nói chung, CNVCLĐ nói riêng tiếp tục được quan tâm. Tuy nhiên, so với mong muốn, nhu cầu, có thể thấy đời sống vật chất, tinh thần của CNVCLĐ, nhất là công nhân lao động (CNLD) trong các khu công nghiệp, khu chế xuất còn rất nhiều khó khăn, thiếu thốn. Do mưu sinh, do tiền lương, thu nhập thấp, cường độ lao động cao, thời gian lao động (bao gồm cả làm thêm giờ) dài, thời gian nghỉ ngơi còn thiếu, nên CNLD rất ít có điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao nâng cao đời sống tinh thần. Trong khi đó, các thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ công nhân còn thiếu nhiều so với nhu cầu thực tế. Khảo sát của Viện Công nhân và Công đoàn⁵ về điều kiện không gian sinh hoạt tại khu vực sinh sống của CNLD cho thấy: 37% CNLD cho biết không có tiện ích công cộng nào xung quanh nơi ở trọ gần khu công nghiệp, càng không có thiết chế văn hóa, thể thao; 39,4% CNLD cho biết xung quanh nơi ở có nhà văn hóa khu dân cư nhưng công nhân khó tiếp cận; 22,6% CNLD cho biết xung quanh nơi ở có sân chơi dành cho trẻ em.

2. Sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với nhiệm vụ xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ công nhân, viên chức, lao động

Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm xây dựng đời sống văn hóa, tinh thần, trong CNVCLĐ, góp phần xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh và xây dựng văn hóa, con người Việt Nam, trong đó có nhiệm vụ xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ công nhân. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 28/01/2008 về “Tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước” xác định: “...phải phấn đấu quyết liệt để đạt được sự chuyển biến tối đa về các mặt sau đây:

⁵ Nghiên cứu “Tình hình việc làm, thu nhập, đời sống, tâm tư, nguyện vọng của công nhân, viên chức, lao động” năm 2022.

...nơi sinh hoạt văn hóa, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân.... ”. Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XI ban hành Chỉ thị số 52-CT/TW ngày 09/1/2016 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác nâng cao đời sống tinh thần cho công nhân lao động khu công nghiệp, khu chế xuất, có chỉ tiêu xây dựng thiết chế, văn hóa, thể thao cho công nhân. Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 12/6/2021 về đổi mới tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam trong tình hình mới xác định: “Nhà nước, chính quyền các cấp có cơ chế huy động, bố trí nguồn lực tài chính thoả đáng để nâng cao phúc lợi xã hội, chăm lo, giải quyết những vấn đề khó khăn, bức xúc của người lao động, nhất là nhà ở, trường học, bệnh viện, nơi vui chơi, giải trí, xử lý các tình huống đột xuất ảnh hưởng đến việc làm, thu nhập”.

Thực hiện chủ trương chủ Đảng, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1780/QĐ-TTg ngày 12/10/2011 phê duyệt Đề án “Xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020” có chỉ tiêu xây dựng thiết chế, văn hóa, thể thao cho công nhân; Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 655/QĐ-TTg ngày 12/5/2017 phê duyệt Đề án “Đầu tư xây dựng các thiết chế của công đoàn tại khu công nghiệp, khu chế xuất” và Quyết định số 1729/QĐ-TTg ngày 04/11/2020 sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 655/QĐ-TTg.

Nghị quyết Đại hội XIII Công đoàn Việt Nam xác định: Tiếp tục phối hợp triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 52-CT/TW ngày 09/01/2016 của Ban Bí thư về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác nâng cao đời sống tinh thần cho công nhân lao động khu công nghiệp, khu chế xuất”. Tham gia cải thiện điều kiện hưởng thụ văn hóa của đoàn viên, người lao động; tham gia xây dựng môi trường văn hóa công sở, văn hóa doanh nghiệp lành mạnh, dân chủ, đoàn kết, nhân văn. Khai thác và sử dụng có hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao của tổ chức công đoàn phục vụ đoàn viên, người lao động, nhất là công nhân khu công nghiệp, khu chế xuất. Tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi giải trí cho người lao động ở cơ sở. Kiến nghị, đề xuất Nhà nước, các cấp chính quyền và doanh nghiệp tăng cường đầu tư chăm lo đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động.

Có thể khẳng định Đảng, Nhà nước, tổ chức Công đoàn Việt Nam đã ban hành nhiều chủ trương, quy định cụ thể về việc chăm lo đời sống văn hóa, tinh thần cùng các thiết chế văn hóa, thể thao để chăm lo, phục vụ đoàn viên, người lao động. Nhưng trên thực tế, việc thực hiện các chủ trương, định hướng, quy định này còn nhiều vướng mắc, dẫn đến tình trạng thiếu thiết chế văn hóa, thể thao cho CNVCLĐ chậm được khắc phục.

3. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam với nhiệm vụ xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của CNVCLĐ

Bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước

đối với nhiệm vụ xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của CNVCLĐ, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã cụ thể hóa thành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết⁶; Kế hoạch, Hướng dẫn, Đề án thực hiện Chỉ thị, Nghị Quyết⁷; ban hành Nghị quyết chuyên đề về nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của CNLĐ khu công nghiệp, khu chế xuất⁸.

Để xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ CNVCLĐ, nhất là CNLĐ khu công nghiệp, khu chế xuất, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã thực hiện song song hai nhóm nhiệm vụ và giải pháp lớn:

Thứ nhất: Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đã có để phục vụ CNLCLĐ.

Hiện nay, hệ thống Công đoàn có 51 thiết chế văn hóa, thể thao (04 cung văn hóa lao động cấp tỉnh, 30 nhà văn hóa lao động cấp tỉnh; 04 trung tâm văn hóa lao động, nhà văn hóa công nhân khu công nghiệp; 17 nhà văn hóa lao động quận, huyện, khu công nghệ cao trực thuộc Liên đoàn Lao động thành phố Hồ Chí Minh). Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao của tổ chức Công đoàn cơ bản đã phát huy vai trò, tác dụng: Thực hiện nhiệm vụ chính trị của tổ chức Công đoàn (hội nghị, mít tinh kỷ niệm, các hoạt động nhân Tháng Công nhân, Tết Sum vầy, Ngày hội Công nhân, Phiên chợ nghĩa tình); tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao; tổ chức câu lạc bộ sở thích và lớp năng khiếu, cung cấp kiến thức, kỹ năng; bồi dưỡng hạt nhân, hỗ trợ, hướng dẫn nghiệp vụ văn hóa, thể thao cho cơ sở. Một số cung văn hóa, nhà văn hóa lao động (NVHLĐ) đã tham gia phục vụ các sự kiện chính trị của Đảng, Nhà nước và địa phương; tổ chức các giải văn nghệ, thể thao quần chúng cấp quốc gia, phối hợp tổ chức các giải thể thao khu vực, có hội viên các câu lạc bộ văn hóa, thể thao dự thi và có giải khu vực, quốc tế.

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đã có, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đang tích cực chỉ đạo thực hiện việc tổ chức sắp xếp lại các NVHLĐ, từng bước thực hiện xây dựng đề án vị trí việc làm và phương án tự chủ tài chính theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Quyết định số 212-QĐ/TW ngày 30/12/2019 của Ban Bí thư Trung ương về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan chuyên trách của UBMTTQ và các tổ chức chính trị xã hội cấp tỉnh, cấp huyện; Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày

⁶ Chương trình hành động số 399/CTr-TLĐ ngày 07/3/2008 của Tổng Liên đoàn thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW của Đảng; Chương trình hành động số 02/CTr-BCH ngày 20/7/2021 của Tổng Liên đoàn thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW của Đảng.

⁷ Kế hoạch số 17/KH-TLĐ ngày 07/4/2016 của Tổng Liên đoàn thực hiện Chỉ thị số 52-CT/TW của Đảng; Hướng dẫn số 664/HD-TLĐ ngày 14/5/2013 của Tổng Liên đoàn thực hiện Quyết định số 1780/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ; Quyết định số 777 /QĐ-TLĐ ngày 02/7/2014 của Tổng Liên đoàn thực hiện Quyết định số 2164/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ; Kế hoạch số 14/KH-TLĐ ngày 07/06/2017 của Tổng Liên đoàn thực hiện Quyết định số 655/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ.

⁸ Nghị quyết số 03a ngày 17/02/2014 Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khóa XI.

16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính; chỉ đạo các Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tăng cường quan tâm, tạo điều kiện để các NVHLĐ thực hiện nhiệm vụ chính trị bằng phương thức giao nhiệm vụ; tăng cường các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng hoạt động cho cán bộ của NVHLĐ.

Tuy nhiên, số lượng NVHLĐ, nhất là ở khu công nghiệp, khu chế xuất còn quá ít so với nhu cầu của công nhân, viên chức, lao động. Đa số NVHLĐ có cơ sở vật chất đã xuống cấp, trang thiết bị lạc hậu, thiếu đồng bộ. Nguồn nhân lực làm việc tại NVHLĐ còn mỏng, trình độ chuyên môn còn hạn chế. Các NVHLĐ của tổ chức Công đoàn không được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ nguồn ngân sách Nhà nước. Trong quá trình tổ chức sắp xếp lại NVHLĐ, tổ chức Công đoàn còn gặp một số khó khăn, vướng mắc như:

- Thẩm quyền phê duyệt vị trí việc làm của NVHLĐ: Theo Điều 9 Quy định số 212-QĐ/TW, thẩm quyền phê duyệt đề án vị trí việc làm của NVHLĐ thuộc tỉnh ủy, thành ủy quyết định. Tuy nhiên, thực tế rất nhiều Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố không xin được tỉnh ủy, thành ủy phê duyệt đề án vị trí việc làm của NVHLĐ (với lý do NVHLĐ là do tổ chức Công đoàn thành lập, không phải do tỉnh thành lập, hoặc do không có biên chế, hoặc quá ít biên chế...).

- Quy định số lượng người làm việc tại NVHLĐ khi xây dựng đề án vị trí việc làm: Theo Nghị định 120/NQ-CP quy định đảm bảo số lượng viên chức làm việc tối thiểu là 15 người... và phải tự chủ chi thường xuyên nhóm 2. Trong khi thực tế hiện nay có tới ½ số lượng NVHLĐ cấp tỉnh; các NVHLĐ quận, huyện (thuộc Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh) có dưới 15 người làm việc. Các NVHLĐ khu công nghiệp chưa thành lập được, chưa có tư cách pháp nhân do không thể bố trí đủ tối thiểu 15 người làm việc.

- Về xác định đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực văn hóa, thể thao để thực hiện giao nhiệm vụ, giao kinh phí cho NVHLĐ: Hiện đang chờ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư hướng dẫn theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 156/QĐ-TTg ngày 29/01/2022 về ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước trong lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch.

Thứ hai: Đẩy mạnh xây dựng các thiết chế Công đoàn, trong đó có hạng mục thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ CNLĐ khu công nghiệp, khu chế xuất

Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đang triển khai đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao thuộc các thiết chế công đoàn nhằm đáp ứng cơ bản nhu cầu của công nhân, viên chức, người lao động sinh sống tại các khu thiết chế công đoàn, cụ thể như sau:

- Giao Ban Quản lý dự án Thiết chế Công đoàn (là Ban Quản lý dự án chuyên ngành) thực hiện xây dựng xong 02 khu thiết chế văn hóa, thể thao tại tỉnh Hà Nam và tỉnh Tiền Giang trong giai đoạn 2019 - 2023. Đến nay, Khu thiết chế Công đoàn Hà Nam đã đưa vào hoạt động với 244 căn hộ đều đã được công nhân, lao động thuê và khu nhà đa năng, sân thể thao được hoạt động thường xuyên phục vụ

nhu cầu văn hóa, thể thao của các cư dân sống tại Khu thiết chế. Tại tỉnh Tiền Giang, thiết chế văn hóa, thể thao được đầu tư hoàn thiện, đồng bộ để phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, thể thao của công nhân, người lao động trong khu công nghiệp Mỹ Tho, được các cơ quan quản lý và người lao động địa phương đánh giá cao.

- Đến nay, 36 địa phương đã có văn bản giới thiệu địa điểm khu đất để Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đầu tư xây dựng thiết chế Công đoàn.

- Đã khảo sát, thiết kế, lập quy hoạch 15 dự án thiết chế Công đoàn, trong đó có công trình thiết chế văn hóa, thể thao tại 15 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Cụ thể: (1) Tiền Giang, (2) Hà Nam, (3) Quảng Nam, (4) Nghệ An, (5) Phú Thọ, (6) Vĩnh Phúc, (7) Quảng Ninh, (8) Thái Bình, (9) Trà Vinh, (10) Sóc Trăng, (11) Bắc Giang, (12) Bắc Ninh, (13) Cần Thơ, (14) (Bình Định), (15) Quảng Ngãi.

- Giai đoạn 2024 – 2025 thực hiện 05 dự án tại các tỉnh Trà Vinh, Sóc Trăng, Cần Thơ, Bình Định và Vĩnh Phúc, với tổng mức đầu tư mỗi thiết chế văn hóa, thể thao là 30 – 50 tỷ đồng.

Tuy nhiên, thời gian vừa qua việc triển khai các dự án xây dựng thiết chế Công đoàn của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam gặp rất nhiều rào cản do các khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách, quy trình thủ tục pháp lý có liên quan đến việc bàn giao, quản lý, vận hành khai thác tài sản hình thành sau đầu tư.

Nhằm tháo gỡ những vướng mắc nêu trên, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã phối hợp chặt chẽ với Bộ, ngành và các cơ quan của Quốc hội đề xuất sửa đổi Luật Nhà ở; Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Đất đai nhằm khắc phục bất cập, vướng mắc liên quan đến cơ chế chính, sách xây dựng nhà ở xã hội trong đó có các thiết chế văn hóa, thể thao.

Đến nay, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Đất đai đã được Quốc hội khóa XV thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025, trong đó ghi nhận *“Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam là cơ quan chủ quản dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội bằng nguồn tài chính công đoàn cho công nhân, người lao động thuộc đối tượng được hưởng chính sách nhà ở xã hội thuê”*.

Quy định Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam là cơ quan chủ quản dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội cho công nhân, người lao động thuê là sự bổ sung nguồn lực đầu tư phát triển nhà ở xã hội; đồng thời phát huy vai trò, trách nhiệm của tổ chức Công đoàn trong việc chăm lo, bảo đảm an sinh xã hội, nhất là quyền có chỗ ở, nâng cao chất lượng cuộc sống và thu hút công nhân, người lao động tham gia tổ chức công đoàn; tạo điều kiện cho Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam thực hiện đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân, người lao động thuê tại các khu công nghiệp và xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao phối hợp với các thiết chế Công đoàn tại 36 địa phương đã chuẩn bị xong hạ tầng về đất đai.

4. Đề xuất, kiến nghị

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ xây dựng và phát triển hệ thống

thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ CNVCLĐ, nhất là CNLĐ khu công nghiệp, khu chế xuất, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam có một số đề xuất, kiến nghị như sau:

Với Đảng:

- Tiếp tục chỉ đạo các cấp ủy đảng nghiêm túc triển khai, thực hiện các chỉ thị, nghị quyết về xây dựng giai cấp công nhân, tổ chức Công đoàn, trong đó có nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hóa công nhân nói chung và xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao nói riêng phục vụ CNVCLĐ, nhất là CNLĐ khu công nghiệp, khu chế xuất (Nghị quyết số 20-NQ/TW; Chỉ thị số 52-CT/TW và Nghị quyết số 02-NQ/TW).

- Nghiên cứu xem xét sửa đổi Quy định số 212-QĐ/TW, bố trí biên chế viên chức cho các NVHLĐ, giải quyết thỏa đáng vấn đề thẩm quyền phê duyệt vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Các tỉnh, thành ủy trực thuộc trung ương quan tâm, lãnh đạo việc triển khai xây các thiết chế văn hóa, thể thao cho công nhân, người lao động tại địa bàn.

Với Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

- Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành liên quan tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy định về số lượng viên chức tối thiểu trong các đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo linh hoạt; mức độ tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập khi thành lập mới để phù hợp với thực tế; sớm ban hành đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực văn hóa, thể thao.

- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương dành nguồn lực thỏa đáng quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, phúc lợi xã hội cho CNVCLĐ trên địa bàn, trong đó quan tâm đầu tư hoặc tạo điều kiện để các doanh nghiệp, tổ chức Công đoàn đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ CNVCLĐ, nhất là CNLĐ khu công nghiệp, khu chế xuất, cụ thể:

+ Tạo điều kiện về quỹ đất (quy hoạch và bố trí quỹ đất gần các khu công nghiệp), hạ tầng kỹ thuật để thực hiện các dự án xây dựng thiết chế công đoàn, trong đó có hạng mục thiết chế văn hóa, thể thao.

+ Quan tâm giải quyết các thủ tục hành chính về đầu tư xây dựng thuộc thẩm quyền của địa phương để đẩy nhanh tiến độ các dự án.

CHÍNH SÁCH VÀ NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN THIỆT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO CHO THANH THIẾU NHI

Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

1. Vai trò của thiết chế văn hóa, thể thao cho thanh thiếu nhi

Thiết chế văn hóa, thể thao là một thuật ngữ được sử dụng phổ biến ở nước ta từ khoảng nửa cuối của thế kỷ XX đến nay, có tổ chức, hoạt động cụ thể, thường xuyên trong khuôn khổ pháp luật hoặc quy chế của ngành, đoàn thể, nhằm đáp ứng nhu cầu của nhân dân trong một cộng đồng dân cư nhất định và góp phần phát triển đời sống văn hóa cơ sở. Khi nhắc đến thiết chế văn hóa, thể thao cho thanh thiếu nhi trong các cấp bộ Đoàn là nhắc đến hệ thống bảo tàng, cung thiếu nhi, nhà thiếu nhi hoặc Trung tâm hoạt động Thanh Thiếu nhi¹ hoạt động phục vụ đời sống văn hóa, thể thao của thanh thiếu nhi trên địa bàn cơ sở, là địa điểm tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến giáo dục chính trị tại địa phương, là công cụ trực tiếp và đặc lực của tổ chức Đoàn - Hội - Đội trong tuyên truyền, chỉ đạo các nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước, tổ chức Đoàn - Hội - Đội,... trong đó, ưu thế nhất là tuyên truyền giáo dục chính trị, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; tuyên truyền, triển khai các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; cung cấp thông tin về kiến thức văn hóa lịch sử, trang bị kiến thức, phương pháp, kỹ năng, phát triển, bồi dưỡng năng khiếu cho đoàn viên, thanh thiếu nhi; giáo dục ý thức cảnh giác, đấu tranh với các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch. Đặc biệt, thiết chế văn hóa, thể thao cho thanh thiếu nhi là một công cụ cơ bản và quan trọng của công tác đoàn kết, tập hợp, đào tạo, bồi dưỡng, giáo dục thanh thiếu nhi, là môi trường thuận lợi để thanh thiếu nhi thể hiện khả năng, phát triển năng khiếu, hoàn thiện nhân cách, giáo dục toàn diện Đức - Trí - Thể - Mĩ, nhằm giảm thiểu các tệ nạn xã hội, xây dựng và duy trì nếp sống, lối sống văn minh, góp phần cho sự nghiệp xây dựng đất nước ngày càng giàu mạnh.

Thiết chế văn hóa, thể thao là nơi tạo lập các mối quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người trong xã hội, đồng thời hình thành môi trường giao tiếp cộng đồng hiệu quả, tạo nền tảng cho những mối quan hệ bền vững, tốt đẹp, góp phần nâng cao đời sống tinh thần và phát triển văn hóa cộng đồng. Thiết chế văn hóa, thể thao cũng là nơi lưu giữ, phổ biến các giá trị văn hóa thông qua các hoạt động văn hóa phù hợp với phong tục, tập quán và lối sống của đồng bào các dân tộc Việt Nam, đóng góp vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát triển di sản văn hóa truyền thống, từ đó giữ được bản sắc văn hóa và tinh thần đoàn kết trong cộng đồng. Nhờ có các thiết chế văn hóa, thể thao nên các nhu cầu sáng tạo,

¹ Tính đến ngày 30/12/2023, Trung ương Đoàn quản lý 01 Bảo tàng, 05 đơn vị Trung tâm gồm: Trung tâm Hỗ trợ thanh thiếu nhi Việt Nam; Trung tâm Hướng dẫn hoạt động thiếu nhi Trung ương; Trung tâm Thanh thiếu niên miền nam; Trung tâm thanh thiếu niên miền Trung; Trung tâm Thanh thiếu niên Trung ương; 66 đơn vị cấp tỉnh (3 Cung; 21 Nhà Thiếu nhi; 42 Cung Thanh Thiếu nhi, Nhà Văn hóa Thanh Thiếu nhi, Trung tâm Văn hóa, thể thao; Trung tâm Hoạt động); 105 đơn vị cấp huyện (96 Nhà Thiếu nhi, 9 Trung tâm Hoạt động Thanh Thiếu niên).

học tập, trao đổi, giải trí, luyện tập thể dục, thể thao,... của đoàn viên, thanh thiếu nhi cũng được đáp ứng ngày càng tốt hơn, góp phần tạo ra một môi trường văn hóa, thể thao phong phú, đa dạng, sôi nổi, gắn kết với truyền thống lịch sử, văn hóa, dân tộc.

Thiết chế văn hóa, thể thao là một trong những yếu tố quan trọng để xây dựng một xã hội văn minh, tiến bộ, hạnh phúc. Việc đầu tư và phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao là góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân, xây dựng đất nước văn minh, giàu đẹp. Tuy nhiên, đứng trước những yêu cầu phát triển của đất nước trong thời kỳ mới cũng như so với nhịp độ của các ngành, lĩnh vực khác thì việc đầu tư cho văn hóa, trong đó có thiết chế văn hóa, thể thao cho thanh thiếu nhi còn khiêm tốn, chưa tương xứng, nhất là việc đầu tư về cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và nguồn kinh phí.

2. Một số thành tựu đạt được, khi áp dụng các chính sách và nguồn lực của các thiết chế văn hóa, thể thao cho thanh thiếu nhi

Trong thời gian qua, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cho thanh thiếu nhi không ngừng được quan tâm, đầu tư xây dựng, trên cơ sở bám sát các văn bản của Đảng, Nhà nước như: Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “*Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030*”; Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “*Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*”; Chương trình hành động số 25-CT/TWĐTN-BTG ngày 13/10/2014 của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh về thực hiện Nghị quyết 33-NQ/TW,... các cấp bộ Đoàn đã tích cực, chủ động tham mưu cho các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các thiết chế văn hóa, thể thao, các điểm sinh hoạt tập thể, vui chơi, giải trí cho thanh thiếu nhi. Nhờ đó, các thiết chế văn hóa do Đoàn quản lý tiếp tục phát triển; các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, chất lượng công tác đào tạo, huấn luyện kỹ năng do Đoàn - Hội - Đội tổ chức đã từng bước đáp ứng được nhu cầu của thanh thiếu nhi, nổi bật trên một số nội dung:

Thiết chế văn hóa, thể thao tạo môi trường nghiên cứu, hướng dẫn, bồi dưỡng và sáng tạo văn hóa, đồng thời phát huy tốt chức năng là trung tâm nghiên cứu, tổng kết, hướng dẫn, bồi dưỡng phương pháp công tác Đoàn - Hội - Đội. Hàng năm các hoạt động văn hóa được các đơn vị tổ chức phong phú, thường xuyên, gắn với từng hoạt động cụ thể, với sự đầu tư, nghiên cứu tìm tòi thúc đẩy mạnh mẽ các hoạt động Đoàn - Hội - Đội, nhiều mô hình hoạt động được duy trì thường xuyên có thể kể đến như: Câu lạc bộ nghệ thuật thiếu nhi, câu lạc bộ Phóng viên nhỏ, câu lạc bộ thể dục, thể thao, câu lạc bộ Quyền trẻ em, câu lạc bộ phát thanh măng non; bồi dưỡng, trại huấn luyện kỹ năng, nghiệp vụ công tác Đoàn - Hội - Đội,... đã góp phần phát huy vai trò tự quản, quyền tham gia của các thanh thiếu nhi, phù hợp với lứa tuổi và nhu cầu của các em. Ngoài ra, việc tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, các kỹ năng phòng chống xâm hại, các chương trình truyền thông, nâng cao năng lực bảo vệ phòng chống xâm hại trẻ em, phòng chống đuối nước, tai nạn thương tích cho trẻ em thường xuyên được tổ chức. Các hoạt động, liên hoan “*Tiếng*

kèn Đội ta”, Liên hoan “*Phụ trách tài năng*”, Liên hoan kỹ năng, nghiệp vụ Khôi Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi, phiên tòa giả định, mô hình về huấn luyện kỹ năng như “*Em là chiến sĩ*”, “*Học kỳ công an*”, “*Học kỳ Quân đội*”, sân chơi sáng tạo khoa học, các sân chơi cuối tuần, diễn đàn trẻ em ... được tổ chức định kỳ, đã tạo môi trường, lan tỏa, thu hút hàng triệu thanh thiếu nhi tham gia. Không chỉ tổ chức triển khai tại các Cung, Nhà Thiếu nhi, Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi, các đơn vị còn chủ động phối hợp với cấp cơ sở triển khai, nhân rộng các mô hình hoạt động Đoàn - Hội - Đội có hiệu quả; thường xuyên tổ chức giao ban, chuyên giao mô hình, giới thiệu các mô hình hoạt động hiệu quả; hỗ trợ các liên đội nhà trường xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các câu lạc bộ, đội, nhóm để phục vụ nhu cầu sinh hoạt của thiếu nhi tại địa phương, đơn vị. Hệ thống Cung, Nhà Thiếu nhi đã phát huy tốt chức năng là trung tâm nghiên cứu, tổng kết, hướng dẫn, bồi dưỡng phương pháp công tác Đội ngoài giờ lên lớp và ngoài nhà trường, đã tổ chức nhiều hoạt động cụ thể gắn với từng hoạt động chuyên môn; đầu tư, nghiên cứu tổ chức nhiều hoạt động góp phần thúc đẩy chất lượng hoạt động Đội, phong trào thiếu nhi trong và ngoài nhà trường; hỗ trợ tích cực cho Hội đồng Đội các cấp trong công tác bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác Đội cho đội ngũ cán bộ phụ trách và chỉ huy Đội. Việc duy trì, xây dựng và phát triển các Câu lạc bộ phụ trách Đội, Câu lạc bộ Chỉ huy Đội trong các Cung, Nhà thiếu nhi đã được các đơn vị quan tâm triển khai. Hoạt động của các Câu lạc bộ này đã góp phần nâng cao chất lượng và năng lực công tác của đội ngũ cán bộ phụ trách thiếu nhi trên địa bàn dân cư, giáo viên làm tổng phụ trách Đội và cán bộ Ban Chỉ huy của các liên đội, chi đội. Bên cạnh các hoạt động tại chỗ, hầu hết các đơn vị đã chủ động trong việc hỗ trợ các đơn vị Nhà thiếu nhi cấp huyện, thường xuyên tổ chức giao ban định kỳ với các Nhà thiếu nhi quận, huyện để tăng cường nắm bắt hoạt động cũng như triển khai, định hướng, giới thiệu các mô hình hoạt động hiệu quả cho Nhà thiếu nhi cấp huyện.

Thiết chế văn hóa, thể thao là địa điểm sinh hoạt, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí, giáo dục thanh thiếu nhi phát triển toàn diện. Với việc tổ chức và xây dựng nhiều loại hình vui chơi giải trí, tổ chức đa dạng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao phù hợp với nhu cầu và nguyện vọng của thanh thiếu nhi, góp phần thực hiện tốt chức năng tập hợp thiếu nhi ngoài nhà trường. Các hoạt động liên hoan, văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức thường xuyên nhân các ngày lễ, kỷ niệm lớn của đất nước, của Đảng, của dân tộc, kỷ niệm ngày thành lập Đoàn - Hội - Đội, ngày sinh nhật Bác, Ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam,... Các cuộc thi đàn và hát dân ca, trò chơi dân gian, biểu diễn thời trang, liên hoan múa rối, dân vũ, tuyên truyền măng non được các đơn vị đẩy mạnh, thường xuyên tổ chức theo các chủ đề, chủ điểm gắn với kỷ niệm các ngày lễ của đất nước vừa góp phần gìn giữ, phát huy những giá trị nghệ thuật truyền thống vừa tạo cơ hội cho các em tiếp cận được những bộ môn nghệ thuật mới, hấp dẫn, phù hợp với thanh thiếu nhi. Hoạt động thể dục, thể thao được duy trì và tổ chức có hiệu quả thông qua việc đầu tư, nâng cấp phòng tập, bố trí đội ngũ cán bộ giảng dạy, huấn luyện viên có trình độ chuyên môn cao. Nhiều câu lạc bộ được

thành lập và hoạt động sôi nổi, thu hút đông đảo các em thiếu nhi tham gia như: cờ vua, cầu lông, bóng bàn, võ thuật,... Các hoạt động thi đấu thể thao với các bộ môn như: bóng đá mini, bóng bàn, cầu lông, đá cầu, cờ vua, Taekwondo, biểu diễn võ thuật, bơi lội thường xuyên được các đơn vị tổ chức. Bên cạnh đó, các đơn vị đẩy mạnh hoạt động phối hợp với các đơn vị trên địa bàn, xã hội hóa công tác đầu tư để tăng cường chất lượng và đa dạng về hình thức, chủng loại các phương tiện phục vụ các hoạt động vui chơi, giải trí cho thanh thiếu nhi nhất là tại các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.

Thiết chế văn hóa, thể thao là nơi phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu và phát triển kỹ năng cho thanh thiếu nhi. Công tác phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu cho thiếu nhi luôn được xác định là thế mạnh của các thiết chế văn hóa, thể thao của tổ chức Đoàn. Việc bồi dưỡng năng khiếu và phát triển kỹ năng cho thanh thiếu nhi được tổ chức đa dạng, mang tính chuyên nghiệp, nhiều bộ môn mới được thành lập đã thu hút sự tham gia của đông đảo thanh thiếu nhi, thông qua đổi mới trong công tác tuyển sinh và phương pháp giảng dạy, mở các lớp học năng khiếu về các loại hình nghệ thuật, thể dục, thể thao mang tính truyền thống của văn hóa dân tộc, trò chơi dân gian như: các lớp hát dân ca, loại nhạc cụ dân tộc như đàn bầu, sáo trúc, đàn tranh, đàn nguyệt, võ thuật,... vừa bổ sung các bộ môn mới, bắt kịp với xu hướng của thiếu nhi: khiêu vũ thể thao, hiphop, múa đương đại,... Các hoạt động hỗ trợ, bồi dưỡng năng khiếu cho thanh thiếu nhi tại vùng sâu, vùng xa, các khu vực khó khăn ngày càng được mở rộng thông qua hoạt động của Câu lạc bộ phụ trách, Câu lạc bộ Khăn hồng tình nguyện; mô hình đào tạo các lớp “*mầm non năng khiếu*”, “*bán trú năng khiếu*”; lớp bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng thực hành xã hội, kỹ năng làm việc nhóm... cũng được các đơn vị triển khai thường xuyên, góp phần nâng cao kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng thực hành xã hội cho thiếu niên, nhi đồng, nhận được sự ủng hộ của các bậc phụ huynh và sự hào hứng tham gia của thanh thiếu nhi. Việc xây dựng, bồi dưỡng và nâng cao chất lượng đội ngũ cộng tác viên, giáo viên, nhất là ở những loại hình năng khiếu chuyên sâu, năng khiếu mới luôn được các đơn vị quan tâm. Đồng thời, không ngừng tổng kết, đánh giá thực tiễn triển khai, tiếp tục biên soạn các chương trình, giáo án, bài giảng cho các lớp năng khiếu, phù hợp với từng đối tượng thiếu nhi, từ đó chuyển giao các mô hình, hoạt động dành cho thiếu nhi về tuyến huyện và cấp cơ sở.

Thiết chế văn hóa Bảo tàng Tuổi trẻ Việt Nam, địa chỉ đỏ giáo dục về lịch sử, văn hóa, văn học, nghệ thuật cho thanh thiếu nhi. Hàng năm Bảo tàng đã đón tiếp, hướng dẫn thăm quan và thuyết minh phục vụ hàng nghìn lượt khách tham quan, trải nghiệm; đổi mới, mở rộng và hướng đến các hoạt động trải nghiệm thực tế ảo. Mở rộng quy mô triển khai, đến nay Bảo tàng đã thực hiện trên 200 cuộc triển lãm lưu động tại các địa phương, cơ sở và ở nước ngoài như: Nam Phi, Ecuador, Pháp, Nga,... Thực hiện sưu tầm được trên 20.000 hiện vật, tư liệu và hình ảnh có giá trị lịch sử, văn hóa từ các tổ chức, cá nhân liên quan đến tổ chức Đoàn - Hội - Đội, Lực lượng Thanh niên xung phong, Chủ tịch Hồ Chí Minh với thế hệ trẻ, các lãnh tụ, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ qua các thời kỳ,... Nắm bắt xu thế ứng dụng công nghệ 4.0 vào nền tảng bảo tàng số, Bảo tàng đã triển khai thực hiện đề án “*Xây dựng Bảo tàng số về Thanh niên Việt Nam trên*

nền tảng ứng dụng công nghệ 4.0”, xây dựng triển lãm trực tuyến trên website baotangtuoitre.vn; số hóa di tích lịch sử, địa chỉ đỏ, tích hợp vào bản đồ số di tích lịch sử tại website bandoso.baotangtuoitre.vn,... qua đó đã xây dựng một nền tảng số toàn diện và liên tục về truyền thống về vang của Đoàn - Hội - Đội và phong trào thanh thiếu nhi, góp phần đổi mới nội dung, phương thức giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thanh thiếu nhi trong kỷ nguyên thông tin cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Tuy nhiên, việc sử dụng và quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao cho thanh thiếu nhi còn bộc lộ một số hạn chế như:

Về cơ sở vật chất, số lượng thiết chế văn hóa, thể thao cho thanh thiếu nhi chưa đáp ứng đủ nhu cầu, đặc biệt ở khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa; nhiều thiết chế hiện nay đã xuống cấp, trang thiết bị cũ kỹ, không đảm bảo an toàn cho thanh thiếu nhi sử dụng, cá biệt một số thiết bị cũ còn gây ra những tai nạn thương tích cho thanh thiếu nhi; các thiết chế thể thao thường tập trung vào một số môn thể thao nhất định, dẫn đến thiếu sự đa dạng trong các hoạt động văn hóa, nghệ thuật; thiết chế Bảo tàng Tuổi trẻ Việt Nam đã được đầu tư xây dựng mới nhưng địa điểm nằm trong khu vực đô thị nên còn hạn chế về quỹ đất, không gian trưng bày và quảng bá triển lãm.

Về nguồn lực tài chính và chính sách, do nguồn lực ngân sách Nhà nước còn hạn chế, các thiết chế văn hóa của tổ chức Đoàn cũng gặp khó khăn trong việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu. Ngoài ra việc chuyển đổi sát nhập, chuyển đổi, sắp xếp Cung thiếu nhi, Nhà thiếu nhi, đồng thời chưa có các văn bản quy định, hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy cho hệ thống Nhà thiếu nhi ở các địa phương dẫn đến hoạt động của một số các thiết chế văn hóa, thể thao chưa hoạt động hiệu quả.

Về công tác xã hội hóa văn hóa, thể thao cho thanh thiếu nhi, còn thiếu sự đa dạng, chưa thu hút được nhiều đối tượng tham gia; hệ thống văn bản pháp luật hướng dẫn công tác xã hội hóa văn hóa, thể thao chưa hoàn thiện; chính sách ưu đãi đối với các tổ chức, cá nhân tham gia xã hội hóa văn hóa, thể thao chưa thực sự thu hút, tạo động lực khuyến khích được các thành phần xã hội tham gia đầu tư nguồn lực.

Về công tác quản lý, đào tạo, công tác tuyên dụng tại các thiết chế còn thiếu cán bộ quản lý chuyên nghiệp, có trình độ chuyên môn cao; một số Câu lạc bộ chưa có sự đổi mới về phương pháp lên lớp, bài giảng còn rập khuôn, chưa bắt kịp với sự đổi mới trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao dẫn đến việc chưa thu hút được đông đảo thanh thiếu nhi tham gia.

Về ý thức của gia đình, thanh thiếu nhi, còn một số phụ huynh chưa quan tâm đúng mức đến việc cho con em mình tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao tại các thiết chế văn hóa, thể thao của Nhà nước đầu tư quản lý; một số thanh thiếu nhi chưa ý thức được tầm quan trọng của việc tham gia các hoạt động này, dẫn đến tình trạng lãng phí cơ sở vật chất.

Trước những vấn đề đặt ra từ thực tế, nhằm hiện thực hóa đường lối của Đảng, kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc và chủ trương xây dựng, phát triển nền văn hóa mới với những đặc trưng dân tộc, dân chủ, nhân văn và khoa học mà Đảng ta đã đề ra là “*Nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa*”², Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xác định tiếp tục triển khai các giải pháp tập trung tham gia có hiệu quả trong công cuộc gìn giữ, phát huy và chấn hưng văn hóa trong giai đoạn mới, đặc biệt là việc tổ chức Đoàn sẽ đồng hành với thanh thiếu nhi trong việc tham mưu cơ chế, chính sách hỗ trợ cho thanh thiếu nhi đối với các hoạt động rèn luyện và phát triển kỹ năng trong cuộc sống, nâng cao thể chất, đời sống văn hóa tinh thần. Trong đó, xác định tập trung thực hiện một số nội dung sau:

Một là, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức, của thanh thiếu nhi và gia đình trong việc sử dụng hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao. Sử dụng hiệu quả các kênh thông tin tuyên truyền, các sản phẩm tuyên truyền trực quan (*infographic, eMagazine, Visual story, ...*), các cơ quan báo chí, xuất bản để tăng cường cung cấp thông tin về lợi ích, cách thức sử dụng hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao; tăng cường tuyên truyền qua việc giáo dục trong nhà trường lồng ghép nội dung giáo dục về sử dụng hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao vào chương trình giảng dạy, đưa học sinh làm trung tâm để tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao tại các thiết chế theo mong muốn, nhu cầu, sở thích của các em, đồng thời vận động, định hướng gia đình phụ huynh về tầm quan trọng của việc cho con em tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao.

Hai là, xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao thành môi trường thân thiện, tích cực cho thanh thiếu nhi rèn luyện, phát triển kỹ năng trong cuộc sống, nâng cao thể chất, đời sống văn hóa tinh thần. Thông qua việc cung cấp các hoạt động văn hóa, thể thao phong phú và hấp dẫn tại các thiết chế văn hóa, thể thao để thanh thiếu nhi có nhiều lựa chọn, từ đó khuyến khích sự tham gia và phát triển kỹ năng, thể chất, sức khỏe tâm thần. Tiếp tục duy trì, đổi mới các khóa học trải nghiệm, giúp thanh thiếu nhi rèn luyện và phát triển kỹ năng mềm và chuyên môn trong cuộc sống; tạo lập môi trường thuận lợi qua việc đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng văn hóa, thể thao, tạo điều kiện cho thanh thiếu nhi tham gia các hoạt động vận động, rèn luyện thể chất và đời sống văn hóa tinh thần; khuyến khích tinh thần sáng tạo và đổi mới, bắt kịp xu hướng văn hóa thời đại trên cơ sở các giá trị cốt lõi của văn hóa dân tộc nhằm khuyến khích khơi dậy niềm đam mê, tự tin, tỏa sáng, trong các hoạt động văn hóa của thanh thiếu nhi. Cung cấp chương trình giáo dục, rèn luyện không chỉ tập trung vào kiến thức học thuật mà còn phát triển kỹ năng mềm, tư duy logic, sáng tạo cho thanh thiếu nhi. Tiếp tục vận động, kêu gọi các tổ chức, cá nhân tham gia tài trợ, hỗ trợ, thu hút các nguồn lực cho các hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao.

Ba là, phát huy vai trò của các thiết chế văn hóa là nơi lưu giữ, phổ biến các giá trị văn hóa thông qua các hoạt động văn hóa nhằm đấu tranh chống sự xâm nhập, xâm lăng văn hóa của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa. Môi trường

² Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.303.

văn hóa nói chung hay các thiết chế văn hóa, thể thao nói riêng có vai trò quan trọng to lớn, trực tiếp nuôi dưỡng, phát triển những giá trị của thanh thiếu nhi trong thời kỳ mới, góp phần nâng cao trình độ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, tình cảm cách mạng, xây dựng nhân cách con người mới vừa đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, vừa phát huy bản chất truyền thống, góp phần giữ vững bản sắc văn hóa dân tộc trong hội nhập quốc tế. Tổ chức và duy trì thường xuyên các hoạt động văn hóa, nhằm phát huy tính hăng hái, sáng tạo của tuổi trẻ, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, tạo sân chơi vui vẻ, bổ ích, thiết thực. Thông qua các hoạt động tại các thiết chế văn hóa, thể thao, cán bộ và tổ chức Đoàn cần chủ động, gần gũi theo dõi và hướng dẫn thanh niên, kịp thời nắm, uốn nắn và xử lý các biểu hiện lệch lạc trong việc tham gia sáng tạo, cũng như hưởng thụ văn hóa tinh thần qua các kênh thông tin khác nhau. Lĩnh vực tư tưởng, văn hóa là một trong những lĩnh vực chịu tác động nhiều nhất trong thời kỳ hội nhập hiện nay.

Bốn là, đẩy mạnh công tác xã hội hóa tại các thiết chế văn hóa, thực hiện phương thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm”. Công tác xã hội hóa, huy động được sự tham gia về sức người, đóng góp về nguồn lực, khơi dậy mọi tiềm năng, nhân tố trong các tổ chức Đoàn, các tổ chức Hội LHTN Việt Nam và các tổ chức Đoàn - Hội ở nước ngoài. Công tác xã hội hóa đặc biệt hiệu quả khi áp dụng các mô hình văn hóa, nhất là trong xây dựng cơ sở hạ tầng các thiết chế văn hóa và tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra các hoạt động của các thiết chế văn hóa, đảm bảo đúng mục tiêu của Đảng và Nhà nước đã đề ra.

Chính sách và nguồn lực cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao cho thanh thiếu nhi là một trong những nội dung cần Đảng, Nhà nước và các cấp, các ngành quan tâm chú trọng, sự ủng hộ của đoàn viên, thanh thiếu nhi trong và ngoài nước để các thiết chế văn hóa góp phần vào việc phát triển và xây dựng đời sống văn hóa của dân tộc./.

CHÍNH SÁCH VÀ NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội

Trong những năm gần đây, quan điểm, chủ trương và những định hướng căn bản của Đảng và Nhà nước đã nhận định vai trò và tầm quan trọng của văn hóa. Hà Nội luôn nhận thức sâu sắc vai trò, vị trí, tầm quan trọng của văn hóa và cụ thể là sự quan tâm của Thành phố đối với sự nghiệp phát triển văn hóa của Thủ đô. Điều đó đã được thể hiện qua các văn bản chỉ đạo của trung ương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố. Để văn hóa thực sự trở thành nguồn lực nội sinh quan trọng, tạo động lực cho phát triển kinh tế xã hội, trong thời gian qua Hà Nội đã triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, ưu tiên nguồn lực cho phát triển văn hóa, thể thao. Bước đầu, đã có nhiều kết quả khả quan, tuy nhiên để phát huy được hết tiềm lực to lớn của văn hóa và thể thao Thủ đô vẫn cần những giải pháp tổng thể. Trong đó một trong những nội dung quan trọng cần được Hà Nội tiếp tục ưu tiên thực hiện trong thời gian tới là “Chính sách và nguồn lực cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn Thành phố”. Trong phạm vi Hội thảo văn hóa 2024 này, UBND Thành phố Hà Nội xin đưa ra một số nội dung liên quan tới: “Chính sách và nguồn lực cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn Thành phố Hà Nội”, cụ thể:

1. Vai trò của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao

Hệ thống thiết chế văn hóa và thể thao có vai trò quan trọng trong công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao góp phần xây dựng đời sống văn hóa cơ sở và giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Thiết chế văn hóa, thể thao đang hằng ngày, hằng giờ đồng hành với đời sống nhân dân và là một phần không thể thiếu của xã hội. Nó đóng vai trò quan trọng đối với đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội,... của đất nước.

Xác định được vai trò to lớn đó, Thành phố Hà Nội luôn dành sự quan tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng, bố trí nguồn lực cho sự nghiệp hoàn thiện, phát huy hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa. Mỗi nhiệm kỳ đại hội Đảng bộ Thành phố, nội dung phát triển hệ thống thiết chế văn hóa đều được cụ thể hoá trong chương trình công tác trọng tâm của Thành uỷ (Chương trình 06-CTr/TU về “Phát triển văn hóa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh”).

Với xu hướng phát triển của xã hội hiện đại, thiết chế văn hóa, thể thao cần được nhìn nhận lại vai trò trong đời sống kinh tế, xã hội như:

(1) Bảo tồn và phát huy giá trị di sản: Thiết chế văn hóa không chỉ là nơi lưu giữ và trưng bày các di sản văn hóa, mà còn là nơi để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của một dân tộc. Qua các hoạt động như triển lãm, biểu diễn nghệ thuật, và lưu trữ tư liệu văn hóa, thiết chế văn hóa đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì và phát triển các di sản văn hóa truyền thống.

(2) Tạo điều kiện cho sự sáng tạo: thiết chế văn hóa và thể thao cung cấp một môi trường thuận lợi để khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới. Các nghệ sĩ và vận động viên có thể sử dụng nền tảng này để thể hiện tài năng của mình và phát triển sự nghiệp của mình trong các lĩnh vực như hội họa, âm nhạc, vũ đạo, thể thao, và nhiều lĩnh vực khác.

(3) Tạo ra cơ hội kinh tế: Phát triển thiết chế văn hóa và thể thao cũng mang lại nhiều cơ hội kinh tế. Các hoạt động như du lịch văn hóa, sự kiện thể thao lớn, và sản xuất và kinh doanh sản phẩm văn hóa đều có thể tạo ra thu nhập cho cộng đồng và đóng góp vào nền kinh tế địa phương và quốc gia.

(4) Tạo ra không gian giao lưu và hòa nhập: Thiết chế văn hóa và thể thao cung cấp một không gian cho các cá nhân và cộng đồng gặp gỡ, giao lưu, và hòa nhập. Các sự kiện văn hóa và thể thao không chỉ là cơ hội để chia sẻ và trải nghiệm văn hóa khác nhau mà còn là dịp để tạo ra mối quan hệ giữa các thành viên trong cộng đồng.

(5) Tăng cường sức khỏe và phát triển cá nhân: Thể thao không chỉ là một hoạt động giải trí mà còn có ảnh hưởng tích cực đối với sức khỏe và phát triển cá nhân. Bằng cách khuyến khích người dân tham gia vào các hoạt động thể thao, chúng ta có thể giúp cải thiện sức khỏe và tinh thần, đồng thời cũng tạo ra một cộng đồng mạnh mẽ hơn và đoàn kết hơn. Thiết chế thể thao phát triển, rộng khắp sẽ tạo nên một cộng đồng dân cư có lối sống lành mạnh, yêu thích việc luyện tập thể dục, thể thao, tăng cường sức khỏe.

Như vậy, thiết chế văn hóa và thể thao đóng vai trò không thể phủ nhận trong sự nghiệp phát triển văn hóa. Chúng không chỉ góp phần vào việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa mà còn tạo ra nhiều cơ hội cho phát triển kinh tế và xã hội.

2. Thực trạng thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn Thành phố

- Tính đến hết năm 2023, trên địa bàn Thành phố hiện có **5.255** thiết chế, công trình văn hóa, thể thao. Trong đó: **4.659/5.476 (Đạt 85,1%)** nhà văn hóa, điểm sinh hoạt thôn, tổ dân phố; **84** thiết chế văn hóa, thể thao cấp huyện; **126** trung tâm văn hóa, thể thao cấp xã; **27** thiết chế văn hóa, thể thao thuộc Sở Văn hóa và Thể thao; **06** thiết chế văn hóa do UBND Thành phố trực tiếp quản lý; **04** thiết chế, công trình văn hóa, thể thao thuộc Thành đoàn quản lý; **59** thiết chế, điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao do Liên đoàn lao động Thành phố quản lý; **290** thiết chế, điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao thuộc Công an Thành phố và Bộ Tư lệnh Thủ đô. Đối với lĩnh vực thể thao, hiện nay ở cấp Thành phố đang trực tiếp quản lý 02 sân vận động, 01 Trung tâm đào tạo VĐV cấp cao, 01 Cung Điền kinh, 01 nhà thi đấu và 03 khu đào tạo VĐV; 30/30 quận, huyện, thị xã thành lập Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao bao gồm 24 nhà thi đấu, 19 bể bơi, 17 sân vận động có khán đài, 09 sân bóng đá.

- Cấp xã, phường, thị trấn có 10.028 công trình thể thao đang sử dụng cho hoạt động TDTT trên địa bàn (1.040 nhà tập luyện, nhà thi đấu thể thao, 604 bể bơi, 8.384 sân tập luyện, thi đấu thể thao ngoài trời).

- Thực hiện Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 17/02/2022 về xây dựng, lắp đặt các thiết bị luyện tập TDTT ngoài trời phục vụ nhân dân giai đoạn 2021 - 2025 (nhiệm vụ được giao trong Chương trình 06-CTr/TU và Kế hoạch 176KH-UBND), UBND Thành phố giao Sở Văn hóa và Thể thao triển khai xây dựng xây dựng, lắp đặt 54 địa điểm mẫu thiết chế thể dục, thể thao ngoài trời phục vụ nhân dân tập luyện tại tất cả 30/30 quận huyện và thị xã trong 2 năm 2023 và 2024. Việc làm này đã tạo hiệu ứng rất tốt, các quận huyện cũng đã chủ động huy động các nguồn để triển khai lắp đặt tại địa phương. Theo thống kê đến thời điểm hiện nay, trên địa bàn thành các địa điểm tập luyện thể thao ngoài trời hiện có là **1312** điểm với **11.148** dụng cụ. 100% các quận, huyện, thị xã đã có địa điểm tập luyện thể dục, thể thao ngoài trời. Đây là một hoạt động hợp lòng dân, được các ngành, các cấp và nhân dân đồng lòng ủng hộ Công trình lắp đặt các thiết bị luyện tập thể dục, thể thao ngoài trời phục vụ tập luyện cho các đối tượng nhằm nâng cao sức khỏe, thể lực, tầm vóc và chất lượng cuộc sống, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân góp phần thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của Thủ đô. Đó là kết quả trong việc các quận huyện của Thành phố đã chủ động tham mưu để xây dựng, phát triển thêm nhiều điểm tập ngoài trời mới bằng nguồn kinh phí xã hội hóa.

- Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ Thành phố đến cơ sở về cơ bản đã tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội của địa phương; tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí đáp ứng nhu cầu rèn luyện sức khỏe, nâng cao thể chất và sáng tạo, hưởng thụ văn hóa của nhân dân, xây dựng đời sống văn hóa tinh thần, xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh; Hoạt động của các đơn vị văn hóa, thể thao Thành phố từng bước nâng cao chất lượng, tính chuyên nghiệp và đã hướng mạnh về cơ sở trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Hệ thống các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn Thành phố đã có sự phát triển mạnh và ngày càng hoàn thiện. Các công trình văn hóa, thể thao cấp Thành phố, cấp huyện, cấp xã, thôn, tổ dân phố được quan tâm đầu tư xây dựng mới, sửa chữa và nâng cấp; nhiều quận, huyện đã xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, quản lý, sử dụng và phát huy các thiết chế văn hóa, thể thao và đã thu hút được sự tham gia ủng hộ, đồng hành của các tầng lớp nhân dân và doanh nghiệp.

- Tuy nhiên với vị trí là Thủ đô của cả nước với gần tám triệu dân, nơi tập chung các cơ quan Nhà nước, các doanh nghiệp, trường học, bệnh viện.... Do vậy nhu cầu về hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao ngày càng cao. Trong điều kiện Nhà nước chưa thể đáp ứng đầy đủ, các thiết chế văn hóa, thể thao ngoài công lập đã từng bước trở thành hoạt động chủ đạo để thúc đẩy các hoạt động văn hóa, thể thao ngày càng đa dạng và phổ biến hơn, đặc biệt là trong lĩnh vực thể thao. Các thiết chế thể thao ngoài công lập đã trở thành sân chơi tập luyện quan trọng cho một bộ phận người dân, qua đó tạo ra sản phẩm hoạt động kinh tế thương mại dịch vụ TDTT ở các doanh nghiệp, công ty và hộ cá thể tại Thủ đô, đóng góp rất lớn vào sự nghiệp phát triển TDTT của thành phố. Cùng với sự phát triển của xã hội, đòi

sống vật chất, tinh thần của người dân thành phố ngày càng tăng, tạo ra nhu cầu tập luyện TDTT ngày một nhiều. Sự tăng tiến của nhu cầu về TDTT cũng như khả năng cung cấp hàng hóa TDTT tạo nên sự hình thành và phát triển của thị trường TDTT.

- Hoạt động tại các thiết chế văn hóa, thể thao công lập và ngoài công lập không chỉ đem lại lợi ích về việc bảo tồn, truyền bá các giá trị văn hóa truyền thống, giao lưu hội nhập văn hóa, nâng cao sức khỏe, cải thiện thể trạng, tầm vóc con người để đóng góp vào chất lượng nguồn nhân lực Thủ đô trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, mà các thiết chế văn hóa, TDTT tại các cơ sở còn trở thành một môi trường kinh doanh, mang lại công ăn, việc làm, thu nhập cho nhiều người lao động cũng như doanh thu, lợi nhuận cao hơn so với một số ngành kinh tế khác, đóng góp không nhỏ vào nguồn thu kinh tế cho Thủ đô.

- Đặc biệt hiện nay trên địa bàn thành phố Hà Nội, các tổ chức doanh nghiệp, công ty, hợp tác xã, hộ cá thể đã đầu tư tham gia rất lớn vào đời sống TDTT Thủ đô bằng việc mở ra hàng ngàn cơ sở phòng tập như: Gym, Yoga, Thể dục thẩm mỹ, Thể hình, bể bơi. Chỉ tính riêng cấp Thành phố, UBND Thành phố ủy quyền cho Sở Văn hóa và Thể thao đã cấp phép cho **1033** cơ sở với đủ các loại hình tập luyện. Đây thực sự là các thiết chế cơ sở chất lượng cao để thu hút một lực lượng lớn giới trẻ tham gia tập luyện, đồng thời đóng góp vào hoạt động nguồn kinh tế thủ đô, tạo công ăn việc làm cho nhiều người.

3. Chính sách và nguồn lực cho phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn Thành phố

Trong những năm qua, công tác đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở được Thành ủy-HĐND- UBND Thành phố quan tâm chỉ đạo; ban hành các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch làm cơ sở cho việc triển khai xây dựng và tổ chức hoạt động cho hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở. Công tác quy hoạch, đầu tư đã được quan tâm hơn thời kỳ trước, cụ thể:

3.1. Công tác quy hoạch

- Ngày 11/11/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2164/QĐ-TTg phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030, trong đó giao UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tiến hành xây dựng quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở của địa phương phù hợp với quy hoạch tổng thể Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Việc quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao của Thành phố Hà Nội đã cơ bản bám sát quy định tại Quyết định số 2164/QĐ-TTg, gắn với phát triển kinh tế, xã hội ở các địa phương và phù hợp với quy hoạch chung của Thành phố.

- Thông qua việc thực hiện quy hoạch, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ Thành phố đến cơ sở các cấp được quan tâm và triển khai. 100% các địa phương đã dành quỹ đất cho việc xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, đồng thời, đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp, cải tạo các thiết chế hiện có nhằm đáp ứng nhu cầu

vui chơi, giải trí và học tập của nhân dân. Các thiết chế văn hóa, đã từng bước đổi mới về phương thức tổ chức và hoạt động, cơ sở vật chất được tăng cường, một số công trình quy mô lớn, khang trang, kiến trúc đẹp được xây dựng thêm; xu hướng chung hệ thống công trình thể dục, thể thao là gần trường học, gần chung cư, phục vụ đáp ứng nhu cầu của nhân dân ở cơ sở. Nhiều loại hình thiết chế thuộc các Bộ, ban ngành, đoàn thể Thành phố cũng như của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước đầu tư, xây dựng và điều hành hoạt động. Các thiết chế này phần nào đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cho các tầng lớp Nhân dân Thủ đô.

- Về quy hoạch, hệ thống các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị tại các quận, huyện, thị xã được UBND Thành phố phê duyệt; hệ thống các quy hoạch nông thôn được UBND các huyện phê duyệt, đều đã quy hoạch quỹ đất dành cho xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao (bố trí trong các chức năng sử dụng là đất: công cộng, cây xanh, thể dục, thể thao theo từng cấp độ quy hoạch đô thị, đơn vị ở, nhóm ở, điểm dân cư, khu trung tâm xã... Như vậy, về quy hoạch, cơ bản đã bố trí đầy đủ quỹ đất dành cho các thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ nhân dân ở các cấp đô thị, khu vực thôn, xóm theo quy chuẩn xây dựng.

3.2. Về bố trí kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao

Vốn bố trí cho các dự án xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp các thiết chế văn hóa cấp Thành phố tăng dần qua các năm, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân.

(1) Về cơ chế, chính sách đầu tư

- *Quy định về phân cấp*: Tại Điều 16, Quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội (ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND thành phố Hà Nội) quy định:

+ Thành phố đầu tư quản lý, đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa các trung tâm văn hóa, nhà văn hóa, thư viện, bảo tàng cấp Thành phố; nhà thi đấu thể thao, trung tâm HLTĐTT, sân vận động cấp Thành phố, Cung Thanh niên Thành phố và Cung thiếu nhi Hà Nội.

+ Cấp huyện quản lý đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình văn hóa, thể thao cấp huyện, xã, thôn, tổ dân phố, khu vui chơi cộng đồng.

- Về hỗ trợ đầu tư của Thành phố cho các quận, huyện, thị xã

+ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND Thành phố về việc cho phép các quận sử dụng ngân sách cấp quận để hỗ trợ các huyện khó khăn thực hiện xây dựng nông thôn mới theo Nghị quyết số 115/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội; cập nhật kế hoạch đầu tư phát triển năm 2020 cấp Thành phố, trong đó: Ngân sách Thành phố hỗ trợ 235 tỷ đồng xây dựng 94

nhà văn hóa thôn.

+ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021 của HĐND Thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025 của thành phố Hà Nội và danh mục lĩnh vực đầu tư cho vay giai đoạn 2021 - 2025 của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Hà Nội, trong đó: (i) Đối với các công trình văn hóa đảm bảo đầu tư để 100% các thôn có nhà văn hóa; (ii) Định mức ngân sách Thành phố hỗ trợ đối với các dự án xây dựng nhà văn hóa thôn, mức trung bình khoảng 2,5 tỷ đồng/nhà văn hóa (ngân sách cấp huyện có trách nhiệm bố trí phần vốn còn lại để đầu tư nhà văn hóa theo quy mô phù hợp với nhu cầu sử dụng ổn định, lâu dài của từng địa phương).

- Quy định về bố trí nhà sinh hoạt cộng đồng tại các nhà chung cư

Kể từ ngày Luật Nhà ở có hiệu lực thi hành (ngày 01/07/2015), các nhà chung cư (bao gồm cả nhà chung cư có mục đích sử dụng hỗn hợp để ở và sử dụng vào các mục đích khác) được xây dựng phải bố trí nhà sinh hoạt cộng đồng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định. Đối với nhà chung cư đã được xây dựng từ trước ngày Luật Nhà ở có hiệu lực thi hành mà có thiết kế diện tích làm nhà sinh hoạt cộng đồng thì chủ đầu tư phải bố trí diện tích để làm nhà sinh hoạt cộng đồng theo thiết kế đã được phê duyệt; trường hợp không có thiết kế diện tích nhà sinh hoạt cộng đồng mà có diện tích nhà dành để kinh doanh thì chủ đầu tư và các chủ sở hữu nhà chung cư có thể thỏa thuận để các chủ sở hữu mua hoặc thuê lại một phần diện tích nhà này để làm nhà sinh hoạt cộng đồng. Nhà sinh hoạt cộng đồng do Hội nghị nhà chung cư quyết định giao cho Ban quản trị nhà chung cư hoặc đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư quản lý; nhà sinh hoạt cộng đồng phải được sử dụng đúng mục đích vào sinh hoạt của cả cộng đồng các chủ sở hữu, người sử dụng nhà chung cư; nghiêm cấm sử dụng nhà này vào mục đích riêng của các chủ sở hữu, người sử dụng nhà chung cư, cho thuê, cho mượn, sử dụng vào các mục đích khác không phải phục vụ cho sinh hoạt chung của các chủ sở hữu, người sử dụng nhà chung cư.

(2) Nguồn ngân sách Thành phố

Giai đoạn 2013-2023: Đã bố trí **3.136** tỷ đồng cho **22 dự án** đầu tư thuộc nhiệm vụ chi ngân sách Thành phố. Trong đó có một số công trình tiêu biểu gồm: Bảo tàng Hà Nội, Cung Thiếu nhi, Cung văn hóa, thể thao Thanh niên Hà Nội, Cung Thanh niên Hà Nội, 14 cơ sở luyện tập và thi đấu thể thao cấp Thành phố...) (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

(3) Ngân sách cấp huyện

Giai đoạn 2013-2022, các quận, huyện, thị xã đã bố trí nguồn ngân sách cho công tác đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, đầu tư trang thiết bị cho hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao là: **10.598, 559 tỷ đồng**. Tiêu biểu là các đơn vị: Hoàn Kiếm, Hà Đông, Ba Vì, Hoài Đức, Đông Anh, Mỹ Đức, Phú Xuyên.

(4) Nguồn vốn ngoài ngân sách (xã hội hóa)

Tính đến nay, toàn Thành phố có **45 dự án** xã hội hóa lĩnh vực công viên, vui

chơi, văn hóa với tổng số vốn đăng ký khoảng **25.671 tỷ đồng**; **44 dự án** xã hội hóa lĩnh vực thể dục - thể thao với tổng số vốn đăng ký khoảng **9.824,1 tỷ đồng**.

3.3. Việc lồng ghép các mục tiêu của Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030 vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, 05 năm và hằng năm.

Phối hợp với UBND các quận, huyện, thị rà soát hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp, xác định cụ thể nội dung cần tích hợp, gửi Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội để rà soát, tổng hợp vào quy hoạch Thủ đô giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050, đồng thời gửi Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội để tổng hợp, khớp nối đồng bộ vào đề án điều chỉnh quy hoạch chung của Thủ đô đến năm 2045, tầm nhìn đến 2065.

3.4. Tập trung nguồn lực đầu tư từ ngân sách Nhà nước và huy động nguồn lực xã hội cho công tác quy hoạch, đầu tư, quản lý, khai thác, sử dụng, phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa trên địa bàn Thành phố

- Rà soát, xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho thiết chế văn hóa, thể thao từ Thành phố đến cơ sở phù hợp với tiêu chuẩn quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Dành quỹ đất trong các khu công nghiệp, khu đô thị mới để xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ nhân dân và người lao động.

- Đầu tư ngân sách Nhà nước và huy động các nguồn lực để bổ sung trang thiết bị chuyên ngành, xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các công trình văn hóa, thể thao công cộng phục vụ nhân dân nhất là lực lượng thanh, thiếu niên, công nhân lao động.

- Ban hành hướng dẫn về việc thực hiện cơ chế tự chủ đối với các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn Thành phố.

- Tiếp tục chủ trương hỗ trợ kinh phí xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao còn thiếu và có cơ chế hỗ trợ đối với hoạt động của nhà văn hóa, điểm sinh hoạt cộng đồng thôn, tổ dân phố; cơ chế hỗ trợ cho đội ngũ trực tiếp phụ trách các thiết chế văn hóa, thể thao ở thôn, tổ dân phố; xây dựng cơ chế để phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp.

- Đảm bảo bảo tiên độ, chất lượng triển khai các dự án đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đã được Thành ủy, HĐND, UBND giao trong các Chương trình, kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025.

3.5. Nâng cao hiệu quả sử dụng và khai thác các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở

- Tiếp tục chỉ đạo hình thành các mô hình thiết chế hoạt động văn hóa, thể thao ở cấp xã (phường, thị trấn) và thiết chế văn hóa, thể thao thôn, tổ dân phố tạo sự thống nhất, đồng bộ trên địa bàn Thành phố; chỉ đạo UBND các quận,

phường thành lập, ban hành quy chế, quản lý, khai thác, tổ chức các hoạt động của Trung tâm Văn hóa, Thể thao xã, phường, thị trấn; nhà văn hóa - khu thể thao thôn, tổ dân phố trên địa bàn.

- Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tổ chức phong phú, đa dạng các loại hình hoạt động, chú trọng xây dựng, phát huy các CLB văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí gắn với nhu cầu của nhân dân, độ tuổi, giới, ngành.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình tiêu biểu trong tổ chức hoạt động của các thiết chế văn hóa từ Thành phố đến cơ sở gắn với làm tốt công tác hướng dẫn nghiệp vụ hoạt động chuyên môn về văn hóa, thể thao, gia đình.

- Xây dựng cơ chế lồng ghép, phối hợp giữa phong trào xây dựng đời sống văn hóa với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nâng cao việc triển khai thực hiện 02 tiêu chí cơ sở vật chất về văn hóa và hoạt động văn hóa trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

- Xây dựng hệ thống tổ chức các giải, liên hoan, hội thi, hội diễn, giao lưu văn nghệ quần chúng, giải thể thao cấp Thành phố, cấp huyện, cấp xã và thôn, tổ dân phố... trong đó chú trọng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa nghệ thuật truyền thống gắn với đặc thù của vùng đô thị, vùng nông thôn, đặc điểm dân tộc... nhằm thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, góp phần làm phong phú và nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân.

Bên cạnh những thuận lợi, kết quả đạt được như trên, vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn tại các thiết chế văn hóa, thể dục, thể thao ở cơ sở như: Chưa sử dụng và khai thác có hiệu quả các thiết chế; kinh phí duy trì sau đầu tư cho các thiết chế từ cơ sở đến quận, huyện, thị xã còn nhiều khó khăn. Cơ sở vật chất, điều kiện sân bãi, nhà tập cho hoạt động thể thao ở nhiều xã và một số huyện còn thiếu.

4. Giải pháp

Từ hiện trạng đến thuận lợi và khó khăn, trong thời gian tới, Thành phố Hà Nội tiếp tục chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung vào các giải pháp nhằm tăng cường đầu tư nguồn lực cho các hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn thành phố Hà Nội như sau:

4.1. Ngân sách Nhà nước

** Thiết chế văn hóa, thể thao xã phường, thị trấn, tổ dân phố, thôn:*

- Ngày 08/12/2022 HĐND Thành phố đã ban hành nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND về phân cấp nguồn thu nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách thành phố Hà Nội và tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2023 - 2025, trong đó tại điểm 2.2, mục 2, phần C phụ lục số 01 quy định Nhiệm vụ chi thường xuyên của ngân sách xã, thị trấn gồm: Các hoạt động sự nghiệp văn hóa thông tin; truyền thanh; thể dục, thể thao; nhà truyền thống; thư viện, nhà văn hóa, đài truyền thanh, thiết chế văn hóa và các hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, xây dựng đời sống văn hóa thôn, tổ dân phố và các hoạt động sự nghiệp văn hóa khác. Mức chi 300.000đ/người dân.

- Tập trung hoàn thiện hồ sơ trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết

quy định một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025, trong đó gồm các nội dung chi hỗ trợ như sau:

+ Chi hỗ trợ mua sắm thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của địa phương, hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Chi hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã; Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, thôn và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao xã, thôn theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

** Các đơn vị sự nghiệp:*

- HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 Nghị quyết ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước trong các lĩnh vực văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao;

- Ban hành Quyết định số 5645/QĐ-UBND ngày 06/11/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Kế hoạch xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công sử dụng Ngân sách Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Thành phố; Trên cơ sở danh mục dịch vụ sự nghiệp công, định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá sản phẩm, dịch vụ công được ban hành làm cơ sở Nhà nước đặt hàng, đấu thầu tạo nguồn kinh phí cho đơn vị hoạt động.

4.2. Nguồn thu khai thác cơ sở vật chất

Chỉ đạo tăng cường xây dựng đề án khai thác cơ sở vật chất tạo nguồn thu cho đơn vị:

- Công văn số 4419/UBND-KTTH ngày 28/12/2023 của UBND Thành phố về việc báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2023 và những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong công tác quản lý tài sản công năm 2024.

- Quyết định số 2189/QĐ-UBND ngày 13/4/2023 của UBND Thành phố về Đề án quản lý, sử dụng và khai thác hiệu quả tài sản công của thành phố Hà Nội giai đoạn 2023-2025, định hướng giai đoạn 2026-2030.

- Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 26/5/2023 của UBND Thành phố về việc triển khai thực hiện Đề án quản lý, sử dụng và khai thác hiệu quả tài sản công của thành phố Hà Nội giai đoạn 2023-2025, định hướng giai đoạn 2026 - 2030.

- Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 08/6/2020 của UBND Thành phố Hà Nội về việc đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành luật.

- Công văn số 2091/STC-QLCS ngày 18/4/2023 của Sở Tài chính về việc lập, xem xét, phê duyệt và tổ chức thực hiện Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

- Công văn số 5511/STC-QLCS ngày 20/8/2019 của Sở Tài chính về việc lập, xem xét, phê duyệt và tổ chức thực hiện Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

4.3. Nguồn xã hội hóa và nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật:

- Việc huy động các nguồn lực xã hội trong việc đầu tư, hoàn thiện cơ sở vật chất các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn; tổ chức khai thác phát triển dịch vụ, phát huy hiệu quả sử dụng tài sản công

- Theo quy định tại Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ, Nghị định 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 69/2008/NĐ-CP, cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, **văn hóa**, thể thao, môi trường và giám định tư pháp nếu thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quyết định thì được xem xét miễn, giảm tiền thuê đất; được hưởng các ưu đãi về thuế, về tín dụng, huy động vốn...

- UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quy định về chính sách khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn thành phố Hà Nội (*kèm theo Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 19/5/2015 của UBND Thành phố Hà Nội*); trong đó quy định cụ thể về chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với các dự án xã hội hóa (*Ví dụ như: Cơ sở thực hiện dự án xã hội hóa tại khu vực các huyện và thị xã Sơn Tây được miễn 100% tiền thuê đất cho cả thời gian thực hiện dự án trong thời hạn được thuê đất; khu vực các quận không bao gồm 4 quận: Ba Đình, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm được giảm 60% tiền thuê đất; khu vực 4 quận: Ba Đình, Đống Đa, Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm được giảm 30% tiền thuê đất phải nộp cho toàn bộ thời gian thực hiện dự án trong thời hạn được thuê đất - không bao gồm các dự án xã hội hóa đầu tư xây dựng bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp*).

- Hiện nay Sở Tài chính Hà Nội cũng đang trình Thành phố ban hành Quyết định sửa đổi Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 19/5/2015 của UBND Thành phố.

Ngoài các giải pháp về cơ chế đầu tư, trong thời gian tới UBND Thành phố Hà Nội tiếp tục tập trung chỉ đạo các giải pháp về công tác quản lý nhà nước, điều hành nhằm phát triển toàn diện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao như:

- Tổ chức các sự kiện văn hóa và thể thao đa dạng và phong phú như hội chợ văn hóa, triển lãm nghệ thuật, chương trình biểu diễn chất lượng, quy mô giải đấu thể thao địa phương để tạo ra sân chơi và cơ hội giao lưu cho cộng đồng.

- Xây dựng cơ chế chính sách phối hợp khai thác và sử dụng có hiệu quả các công trình văn hóa, thể dục, thể thao tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức doanh nghiệp tham gia vào hoạt động đầu tư khai thác các thiết chế nhằm thu hút nguồn vốn ngoài ngân sách đầu tư vào các thiết chế.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ thông qua đào tạo với những nội dung thiết thực nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ của cán bộ, công chức, viên chức hướng dẫn viên, cộng tác viên văn hóa, thể dục, thể thao cơ sở.

- Rà soát lại quy hoạch đất phục vụ cho hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao, nhất là quy hoạch những khu thể thao có tầm chiến lược để phục vụ lâu dài cho việc thi đấu và tập luyện./.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC XÃ HỘI TRONG SỬ DỤNG, KHAI THÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Phát triển thiết chế văn hóa và thể thao là một trong những nội dung trọng tâm, cốt lõi trong chiến lược, định hướng phát triển của Đảng và Nhà nước. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII xác định “*Nâng cao chất lượng hoạt động của các thiết chế văn hóa...*”. Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 2614 phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở. Về mục tiêu phát triển văn hóa đến năm 2035 được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 982 khẳng định “*Phát triển văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh phải gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội khu vực trọng điểm phía Nam và cả nước...*”. Hiện nay, Thành phố Hồ Chí Minh đang chuyển mình trở thành đô thị sáng tạo, thành phố thông minh, thông qua công tác quy hoạch để chuyển thể những khát vọng phát triển của mình. Trong đó, nhiệm vụ phát triển mạng lưới văn hóa và thể thao Thành phố Hồ Chí Minh để trở thành trọng điểm kinh tế của Vùng Đông Nam Bộ là mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt.

Sự phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được ghi dấu ấn bằng sự đa dạng bởi các thể loại công trình; phủ khắp từ cấp Thành phố đến cơ sở; từ quy mô nhỏ đến đa năng, hiện đại... Hệ thống thiết chế, văn hóa, thể thao công lập trên địa bàn Thành phố có trên 300 công trình, trong đó có 27 công trình đạt chuẩn đăng cai tổ chức, biểu diễn, thi đấu các giải quốc gia, quốc tế chính thức; 615/1.576 khu phố và 351/404 trụ sở khu phố và văn phòng áp kết hợp với tụ điểm sinh hoạt văn hóa. Thành phố có 188 công trình được xếp hạng di tích và 100 công trình, địa điểm được đưa vào Danh mục kiểm kê di tích lịch sử. Từ năm 2013 đến nay, Thành phố đầu tư tu bổ, tôn tạo trên 60 công trình di tích.

Bên cạnh hệ thống thiết chế công lập, sự phát triển các công trình văn hóa, thể thao trong thời gian qua còn gắn liền với sự phát triển của hoạt động xã hội hóa, trở thành một “thương hiệu” của Thành phố. Đến nay, Thành phố Hồ Chí Minh có trên 2.500 cơ sở (không tính các địa điểm có cơ sở vật chất thể dục, thể thao tại các khách sạn, cụm dân cư cao cấp...). Trong đó nổi bật là: CLB Quần vợt Lan Anh, CLB Quần vợt Hưng Thịnh; Khu Thể thao Celadon; hệ thống Câu lạc bộ Gym và Yoga California, Nhà Thi đấu Futsal Thái Sơn Nam... đã đầu tư hàng ngàn tỷ đồng cho xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị chuyên dụng; tài trợ nhiều giải đấu, đóng góp nhiều tuyển thủ và cả HLV cho đội tuyển quốc gia... Hệ thống cụm rạp chiếu phim hiện đại ngày càng phát triển. Số doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực văn hóa gồm 17.670 doanh nghiệp, 800 cơ sở kinh doanh hoạt động thể thao; 120 cơ sở kinh doanh, dịch vụ đăng ký xây dựng điểm sáng văn hóa hoạt động theo cơ chế xã hội hóa, 369 công viên được hình thành, trên 10 quảng trường hoạt động hiệu quả.

Bên cạnh kết quả đạt được như trên, sự phát triển của các thiết chế văn hóa, thể thao vẫn chưa tương xứng với sự phát triển kinh tế - xã hội, với mục tiêu và sự kỳ vọng của Thành phố. Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm văn hóa lớn của cả nước, tuy nhiên sự phát triển của các công trình văn hóa và thể thao còn rất hạn chế (khoảng 1,5 công trình/vạn dân); tỷ lệ xây dựng thiết chế văn hóa chưa đạt kế hoạch, đặc biệt là cấp xã, phường. Hầu hết cơ sở vật chất của ngành chưa đủ sức hội nhập quốc tế, chưa được nâng cấp, mở rộng đúng quy chuẩn; một số nơi tận dụng công trình sẵn có nên quy mô, kiến trúc không phù hợp với yêu cầu sử dụng; sự phân bố không đồng đều giữa khu vực nội thành và ngoại thành; định mức chi tiêu quy hoạch xây dựng vẫn còn thấp; không gian công cộng bị thu hẹp do quá trình đô thị hoá; quỹ đất dành cho xây dựng các thiết chế văn hóa và thể thao là **2.826 ha (đạt tỷ lệ 1,35% quỹ đất của Thành phố)**...

Trước yêu cầu thực tiễn đổi mới, hội nhập quốc tế, việc đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa và thể thao không chỉ đơn thuần là những công trình nhỏ lẻ, mà phải xứng tầm là cụm công trình, khu liên hợp đa năng, hiện đại để tích hợp các hoạt động văn hóa, thể thao, dịch vụ vui chơi, giải trí, quảng bá phát triển công nghiệp văn hóa, kinh tế thể thao, kích cầu đầu tư, phát triển du lịch... nên cần được đầu tư đúng mức với nguồn ngân sách rất lớn mới đảm bảo được yêu cầu phát triển toàn diện của thời đại. Trong kỳ trung hạn 2021 - 2025, Thành phố Hồ Chí Minh đã thông qua chủ trương đầu tư **105 dự án đầu tư công** với tổng mức đầu tư dự kiến **24.068 tỷ đồng**, hiện nay ngành văn hóa và thể thao được bố trí **6.686 tỷ đồng** - chiếm tỷ trọng **4,6%** tổng ngân sách Thành phố (**tăng 237%** so với cùng kỳ trung hạn 2016 - 2020¹).

Song song đó, Thành phố Hồ Chí Minh đã tập trung thực hiện xã hội hóa đầu tư xây dựng, phát triển các thiết chế văn hóa và thể thao. Ngày 24 tháng 6 năm 2023, Quốc hội khóa XV thông qua Nghị quyết số 98 về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh cho phép: “...*Thành phố được áp dụng đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực thể thao và văn hóa*...” đã mở ra cơ hội, điều kiện thuận lợi để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, khai thác có hiệu quả các tiềm năng, lợi thế và huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa và thể thao để đáp ứng yêu cầu phát triển hội nhập. Hiện nay, có 40 dự án đang được nghiên cứu thực hiện; trong đó, có **23 dự án** được Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua chủ trương đầu tư tại Nghị quyết 181 với tổng mức đầu tư dự kiến là **22.394 tỷ đồng**. Như vậy, ước tính sơ bộ sẽ tiết kiệm được **16,4 %**² ngân sách Nhà nước trong kỳ trung hạn 2021 - 2025. Đồng thời, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị, địa phương mời gọi xã hội hóa đầu tư, Hội đồng nhân dân Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 16 quy định về quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu, đối với các thiết chế do Thành phố quản lý, quy mô từ 45 tỷ đồng trở lên; đối với các thiết chế do quận huyện quản lý, quy mô tối thiểu từ 10 tỷ đồng trở lên.

Nghị quyết số 98 về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đã tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế Thành phố, khơi thông

¹ Tổng số vốn cấp phát trong kỳ trung hạn 2016 – 2020 là 1.982 tỷ đồng.

² 22.394 tỷ đồng/142.557 tỷ đồng (ngân sách TP chỉ cho đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 trên các lĩnh vực).

tối đa các nguồn lực hiện có để vượt lên, bứt phá và phát triển. Tuy nhiên, việc thực hiện các dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP) vẫn còn là thí điểm, trong quá trình triển khai thực hiện cần có sự quan tâm hướng dẫn, hỗ trợ của các cơ quan ban ngành trung ương để đạt được mục tiêu đề ra. Một số vấn đề tồn tại, vướng mắc như sau:

- Việc thực hiện đầu tư dự án theo cơ chế đặc thù của Thành phố Hồ Chí Minh nhưng quy trình, thủ tục các bước thực hiện dự án phải đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) và các quy định pháp luật có liên quan (Luật Đất đai, Luật Quản lý và sử dụng tài sản công, Luật Đấu thầu, Luật Xây dựng, Nghị định số 28/2021/NĐ-CP, Nghị định số 35/2021/NĐ-CP, Nghị định số 69/2019/NĐ-CP, Thông tư số 08/2022/TT-BTC...).

- Về thủ tục đầu tư còn qua nhiều bước, kéo dài thời gian thực hiện: theo các quy định pháp luật hiện hành và ước tính thời gian thực hiện một dự án PPP phải trải qua tối thiểu 5 giai đoạn từ khâu chấp thuận chủ trương, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi, đấu thầu lựa chọn Nhà đầu tư, đàm phán ký kết hợp đồng cho đến triển khai dự án đầu tư và khai thác, vận hành, quyết toán dự án. Việc thực hiện thủ tục đầu tư thông thường tối thiểu khoảng 03 năm, điều này cũng là yếu tố ảnh hưởng đến khuyến khích kêu gọi đầu tư. Trong khi yêu cầu và mục đích của nhà đầu tư là thời gian thực hiện ngắn, sớm đưa công trình vào vận hành, kinh doanh đầu tư, phát triển hoạt động dịch vụ.

- Hình thức hợp đồng gồm 07 loại: BOT, BTO, BOO, O&M, BTL, BLT, hợp đồng hỗn hợp... Tuy nhiên, việc áp dụng chọn hình thức loại hợp đồng nào để thực hiện phù hợp với thiết chế văn hóa và thể thao vẫn là bài toán khó, đòi hỏi phải có sự hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền.

- Việc ban hành khung pháp lý hướng dẫn một số nội dung quy định tại Nghị quyết số 98 chưa kịp tiến độ đề ra, do đó, Thành phố chưa có cơ sở để triển khai thực hiện³.

Nhằm triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết 98 của Quốc hội cũng như phát triển các thiết chế văn hóa và thể thao đáp ứng yêu cầu hội nhập, Thành phố Hồ Chí Minh rất mong Ủy ban Văn hóa, Giáo dục nghiên cứu, có ý kiến, báo cáo Quốc Hội bổ sung, chỉnh sửa Luật PPP tháo gỡ được các khó khăn vướng mắc về quy trình, thủ tục thực hiện dự án nhằm tạo điều kiện kích cầu đầu tư, phát triển thiết chế văn hóa và thể thao làm cơ sở để nhân rộng, phổ biến phạm vi áp dụng trong cả nước./.

³ Nghị định phân cấp QLNN trên một số lĩnh vực cho TPHCM thay thế Nghị định số 193/2001.

CÔNG TÁC XÃ HỘI HÓA TRONG XÂY DỰNG VÀ PHÁT HUY HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO Ở TỈNH QUẢNG NINH

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh

Quảng Ninh nằm ở vị trí cửa ngõ tiền tiêu, phen giậu vùng Đông Bắc của Tổ quốc với tổng diện tích trên 12.200km², có vị trí trọng yếu về chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Quảng Ninh là tỉnh có nhiều thành phố, có hệ thống đường cao tốc dài nhất cả nước với hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, bảo đảm liên thông tổng thể, liên kết vùng, nội vùng và liên kết khu vực, quốc tế. Bề dày lịch sử, đặc trưng của vùng đất Quảng Ninh in dấu trên 630 di tích (trong đó có 8 di tích quốc gia đặc biệt; 56 di tích quốc gia; 100 di tích cấp tỉnh; 466 di tích được kiểm kê phân loại), bản sắc, cốt cách Quảng Ninh khắc họa tính địa phương đậm nét, thể hiện ở nền văn hóa đặc sắc, con người hào sảng, thiên nhiên tươi đẹp. Đặc trưng riêng có, giá trị độc đáo của Quảng Ninh bộc lộ ở cả cấu trúc bề ngoài và bản chất chiều sâu của một vùng đất địa linh - nhân kiệt, sơn kỳ - thủy tú, được tỏa sáng: qua kỳ quan thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long lung linh, huyền ảo; qua Yên tử linh thiêng - nơi khởi nguồn của thiên phái Trúc Lâm; qua Ngọa Vân - nơi hóa phật của Đức vua - Phật hoàng Trần Nhân Tông; qua chiến thắng Bạch Đằng làm nên bản hùng ca bất hủ trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc; qua thương cảng Vân Đồn khẳng định Việt Nam từ sớm là quốc gia biển, vươn ra biển, phát triển kinh tế biển; qua Vùng mỏ anh hùng, cái nôi của giai cấp công nhân và quê hương của phong trào “vô sản hóa”, làm nên tinh thần “Kỷ luật và đồng tâm” giá trị nền tảng quý báu, hệ giá trị tỉnh Quảng Ninh được Đảng bộ tỉnh xác định kiên trì xây dựng và đạt được với các đặc trưng: “Thiên nhiên tươi đẹp - văn hóa đặc sắc - xã hội văn minh - hành chính minh bạch - kinh tế phát triển - nhân dân hạnh phúc”.

Trong những năm qua tỉnh Quảng Ninh luôn kiên trì kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế nhanh, bền vững với phát triển văn hóa, con người, xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh. Khởi dậy và phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa, sức mạnh con người Quảng Ninh, truyền thống và sức mạnh “Kỷ luật và Đồng tâm”, sự năng động, sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng đổi mới vượt lên mạnh mẽ và bền vững của nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh. Kinh tế liên tục tăng trưởng cao và ổn định, giữ vững với đà tăng trưởng kinh tế 2 con số liên tục trong 9 năm liên tiếp (2015-2023). GRDP năm 2023 đạt 11,03%, gấp đôi bình quân chung cả nước, đứng đầu trong vùng đồng bằng sông Hồng; tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt 56.619 tỷ đồng, vượt dự toán Trung ương giao, tăng cao so với cùng kỳ, thuộc nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước; tạo đột phá trong thu hút đầu tư đạt 5,1 tỷ USD, trong đó thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 3,1 tỷ USD, gấp 3,1 lần kế hoạch đề ra. Quy mô nền kinh tế đạt 315.839 tỷ đồng, đứng thứ 3 ở khu vực phía Bắc (chỉ sau Hà Nội, Hải Phòng). Quảng Ninh là địa phương đầu tiên trong Vùng đồng bằng sông Hồng được phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm

nhìn đến năm 2050. Đời sống của người dân được đặc biệt quan tâm, nâng cao chất lượng; tạo bước chuyển lớn trong phát triển văn hóa - xã hội, con người, bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, thu hẹp chênh lệch vùng miền, khoảng cách giàu nghèo. Các công trình phúc lợi xã hội được tỉnh quan tâm và đầu tư mạnh, trong đó có hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở được đầu tư đồng bộ, hiện đại, góp phần rút ngắn khoảng cách thụ hưởng đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Việc huy động các nguồn lực cho xây dựng, phát triển văn hóa, thể thao của tỉnh Quảng Ninh có bước đột phá.

Để có được những kết quả tốt đẹp đó, chính là từ những chỉ đạo cụ thể, thiết thực, đúng đắn, thông qua ban hành nhiều Nghị quyết, Kế hoạch quan trọng để triển khai xây dựng đời sống văn hóa tinh thần cũng như xây dựng các cơ sở vật chất để nâng cao đời sống cho nhân dân trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt từ khi Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 về “*Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*”; năm 2018, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 09/3/2018 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình hành động số 105/CTr-UBND về triển khai thực hiện Nghị quyết. Kế thừa và phát huy Nghị quyết 11-NQ/TU, năm 2023, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh tiếp tục xây dựng và ban hành Nghị quyết số 17-NQ/TU, ngày 30/10/2023 về *xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Quảng Ninh trở thành nguồn lực nội sinh, động lực cho phát triển nhanh, bền vững*, trong đó đưa ra nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục đầu tư và khai thác hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao và không gian công cộng phục vụ phát triển văn hóa chất lượng cao, hướng đến đẳng cấp quốc tế.

Từ những chủ trương đến cách làm đúng đắn và phù hợp, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trong tỉnh cơ bản đã và đang dần được hoàn thiện về số lượng cũng như chất lượng hoạt động. Cấp tỉnh có Bảo tàng, Thư viện tỉnh, Cung Quy hoạch, Hội chợ và Triển lãm, Khu liên hợp Thể thao, Cung Văn hóa Thanh thiếu nhi, Cung Văn hóa Lao động Việt Nhật. 13/13 huyện, thị xã, thành phố có cơ sở vật chất Trung tâm Văn hóa, thể thao; có 13/13 thư viện. Cấp xã có 71/177 Nhà Văn hóa cấp xã, phường, thị trấn, cấp thôn có 1450/1452 thôn khu có Nhà văn hóa thôn khu. Hết năm 2022, tỉnh Quảng Ninh đã đồng thời hoàn thành Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và hoàn thành trước 3 năm Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025. Tỉnh không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022 - 2025; xây dựng và triển khai chuẩn nghèo mới của tỉnh gấp 1,4 lần so với Trung ương về tiêu chí thu nhập. Đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện; mở rộng cơ hội tiếp cận dịch vụ y tế, thông tin - truyền thông chất lượng cao và bảo đảm chất lượng chăm sóc sức khỏe của nhân dân.

Cùng với hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao được đầu tư xây dựng từ nguồn ngân sách, tỉnh Quảng Ninh luôn xác định: Xã hội hóa các hoạt động văn hóa là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, phù hợp với quy luật vận động và phát

triển của lĩnh vực xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Đây là chính sách lâu dài, là phương châm nhằm đạt tới hiệu quả xã hội ngày càng cao trong các hoạt động văn hóa.

Những năm qua, công tác xã hội hóa các hoạt động văn hóa nói chung và xã hội hóa trong xây dựng và phát huy hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao nói riêng của tỉnh Quảng Ninh đã thu được kết quả quan trọng, góp phần làm phong phú đời sống tinh thần, nâng cao dân trí; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; chủ quyền an ninh biên giới, biển đảo quốc gia được giữ vững, tuyệt đối không để xảy ra tình huống bị động, bất ngờ; xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác và phát triển.

Bên cạnh các thiết chế văn hóa, thể thao do Nhà nước đầu tư và quản lý, các thiết chế văn hóa, thể thao do các doanh nghiệp, tư nhân xây dựng ngày càng nhiều đã cơ bản đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ của nhân dân. Điều này được thể hiện rõ ở một số điểm nổi bật sau đây:

1. Về quan điểm và cách làm

Cải cách thủ tục hành chính, giảm bớt thời gian, thủ tục, hồ sơ để tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư.

Chủ động kêu gọi đầu tư, mời gọi nhà đầu tư có tiềm lực trong và ngoài nước đầu tư dự án vào địa bàn. Đến nay, tỉnh Quảng Ninh đã thu hút nhiều nhà đầu tư chiến lược tìm hiểu, đầu tư vào địa bàn tỉnh như Amata (Thái Lan), Công ty Cổ phần Trung Đông (UEA), Texhong (Hong Kong - Trung Quốc), Vingroup, Sun Group, BIM Group, Tập đoàn Thủy sản Việt - Australia, Tập đoàn Thành Công... Ngoài thành công trong việc thu hút nguồn lực cho các dự án giao thông trọng điểm, tỉnh cũng rất thành công trong thu hút nguồn lực từ các nhà đầu tư lớn để tập trung đầu tư hạ tầng du lịch và đô thị. Theo đó, hàng loạt các khu nghỉ dưỡng, khách sạn mang tính đẳng cấp quốc tế được đầu tư, như: Công viên Đại Dương của Tập đoàn Sun Group; khu nghỉ dưỡng biển cao cấp Vinpearl Hạ Long Bay Resort của Tập đoàn Vingroup; khu du lịch đảo Tuần Châu, cảng tàu Tuần Châu; các trung tâm thương mại Vincom, BigC, sân golf Ngôi sao Hạ Long... góp phần quan trọng thúc đẩy quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, có đóng góp lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là lĩnh vực du lịch.

Song song với cách làm trên, tỉnh Quảng Ninh tiếp tục khuyến khích các tầng lớp nhân dân đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa cơ sở, đồng thời vận dụng nguồn vốn hoạt động theo phương châm "*Nhà nước và nhân dân cùng làm*" nhằm động viên sức người, sức của của các tầng lớp nhân dân, các tổ chức xã hội để xây dựng và phát triển văn hóa; huy động các nguồn tài trợ của các tổ chức và cá nhân bằng các chính sách, ghi công danh dự cho những cá nhân và tổ chức xã hội trong việc xã hội hóa. Vận động để mỗi một cá nhân, một gia đình, một tổ chức tích cực tham gia xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thiết chế văn hóa, thể thao.

2. Về ban hành văn bản

Tỉnh Quảng Ninh đã ban hành các văn bản sau:

(1) Nghị quyết số 208/2015/NQ-HĐND, ngày 15/7/2015 của Hội đồng nhân dân về một số chính sách khuyến khích thúc đẩy xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn.

(2) Quyết định số 2433/2015/QĐ-UBND, ngày 20/8/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về một số chính sách khuyến khích thúc đẩy xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn.

Bên cạnh đó, các địa phương căn cứ tình hình thực tế cũng đã ban hành các văn bản nhằm khuyến khích và thúc đẩy xã hội hóa xây dựng và phát huy hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao.

3. Về công tác đầu tư xây dựng cơ sở vật chất thiết chế văn hóa, thể thao

Từ năm 2016 đến nay, trên địa bàn tỉnh đã thu hút mạnh mẽ nhiều doanh nghiệp, nhà đầu tư và tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, kinh doanh các thiết chế văn hóa, thể thao quy mô lớn, với hơn **500** công trình, tổng kinh phí đầu tư trên **10.000** tỷ đồng.

Tại địa bàn thành phố Hạ Long đã thu hút các nhà đầu tư lớn đầu tư các khu vui chơi văn hóa, thể thao hiện đại, cao cấp, tạo điểm nhấn để thăm quan du lịch của tỉnh như khu vui chơi Sun World Hạ Long, Sân golf Tuần Châu... là điểm đến hấp dẫn đối với du khách trong nước và quốc tế khi đến thăm quan tại Quảng Ninh. Một số địa phương trên địa bàn tỉnh cũng đã thu hút được nhiều doanh nghiệp tư nhân tham gia đầu tư khu văn hóa, thể thao như Đông Triều, Móng Cái, Quảng Yên, Cẩm Phả¹, kinh phí đầu tư trên 440 tỷ đồng, sân golf Đông Triều tại thị xã Đông Triều (27 lỗ, diện tích 130,1ha, tổng mức đầu tư đầu tư: Khoảng 2.239 tỷ đồng. Tập đoàn CN Than và Khoáng sản Việt Nam² có 165 công trình văn hóa, thể thao như: sân bóng đá mi ni cỏ nhân tạo, sân Tennis, bể bơi, nhà luyện tập bóng bàn, cầu lông, nhà sinh hoạt công nhân, nhà văn hóa, phòng truyền thống của 38 công ty với kinh phí đầu tư hàng trăm tỷ đồng với cơ sở vật chất hiện đại, được đầu tư nâng cấp thường xuyên, có đội ngũ cán bộ công tác chuyên trách hướng dẫn các hoạt động vui chơi giải trí tại chỗ... đã hình thành một hệ thống thiết chế văn hóa khá hoàn chỉnh trong các đơn vị, doanh nghiệp. Qua đó đã thu hút đông đảo người dân trong đó phần lớn là trẻ em tham gia trong các dịp hè, góp phần làm phong phú thêm hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh.

¹ Công ty TNHH Hà Lan đầu tư 250 tỷ đồng. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và khai thác mỏ Tân Việt Bắc đầu tư trên 100 tỷ đồng gồm nhà luyện tập và thi đấu đa năng, sân bóng đá, sân golf, bể bơi, trung tâm tổ chức sự kiện với sức chứa trên 3.000 người; Công ty Cổ phần Gốm Đất Việt: xây dựng sân bóng đá mini, sân quần vợt; Công ty TNHH Một Thành viên Than Mạo Khê Vinacomin: đầu tư xây dựng sân bóng đá; bể bơi; nhà luyện tập và thi đấu đa năng; Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Hà: đầu tư xây dựng Điểm du lịch Quảng Ninh Gate. Tại Quảng Yên: Khu Vui chơi Thanh Thiếu niên Bắc cầu Sông Chanh đầu tư 16 tỷ đồng. Tại Cẩm Phả: Công ty CPĐT Ngôi sao xanh đầu tư khu vui chơi trên 30 tỷ đồng...

² Công ty CP than Núi Béo, Than Hà Tu, than Hà Lâm, Vàng Danh, tuyển than Cửa Ông, Đèo Nai, Cao Sơn, Mạo Khê, Mông Dương, Tuyển than Cửa Ông, Cọc 6, Cao Sơn, Thống Nhất, Đèo Nai, Than Dương Huy,...

Trên địa bàn tỉnh hiện có 05 điểm chiếu phim, 30 sân tennis, 167 bể bơi, 133 sân bóng đá cỏ nhân tạo... do doanh nghiệp, tư nhân đầu tư xây dựng. Đối với thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở: Một số Trung tâm Văn hóa, thể thao cấp xã tiêu biểu kinh phí xây dựng từ nguồn xã hội hóa (06 xã thuộc huyện Bình Liêu xã hội hóa 05 tỷ đồng/công trình; trung tâm Văn hóa phường Xuân Sơn thị xã Đông Triều xã hội hóa hơn 100 tỷ đồng để đầu tư xây dựng); các NVH thôn, khu trên địa bàn tỉnh cũng đã huy động nguồn lực từ nhân dân và các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn hỗ trợ gần 100 tỷ đồng để đầu tư xây dựng.

4. Về công tác tổ chức hoạt động

Đối với các công trình thiết chế văn hóa, thể thao hiện đại, quy mô quốc gia, quốc tế được đầu tư từ ngân sách như Cung Quy hoạch, Hội chợ và Triển lãm tỉnh, Bảo tàng, Khu Liên hợp Thể thao, Sân Vận động Cẩm Phả đã phát huy khai thác hiệu quả hoạt động. Các sự kiện văn hóa, thể thao lớn như Chương trình Gala xiếc 3 miền, Liên hoan xiếc quốc tế, festival âm nhạc, festival áo dài, đăng cai SEA Games 24, Đại hội thể thao toàn quốc và trung bình tổ chức hơn 30 giải thể thao cấp tỉnh/năm. Hầu hết các công trình văn hóa, thể thao ngoài phục vụ nhiệm vụ chính trị đã trở thành điểm tham quan du lịch của du khách, qua hàng năm đều tăng số lượng khách đến thăm quan văn cảnh, chất lượng dịch vụ của các cơ quan được giao quản lý ngày càng được nâng lên và được đánh giá cao, trong đó tiêu biểu: Công trình Bảo tàng, Thư viện tỉnh đang là điểm đến, ngày càng thu hút đông đảo nhân dân và du khách đến với Quảng Ninh³.

Một số các hoạt động tổ chức sự kiện văn hóa quy mô cấp tỉnh đã có sự vào cuộc của các doanh nghiệp, tập đoàn kinh tế lớn để đầu tư, đã trở thành “thương hiệu” của tỉnh Quảng Ninh và có tính thu hút cao, hướng tới quảng bá và phục vụ khách du lịch trong nước và quốc tế sự với sự tham gia, ủng hộ từ nguồn lực xã hội hóa của doanh nghiệp như: (1) Liên hoan Xiếc thế giới - Hạ Long 2019; (2) Festival áo dài Quảng Ninh 2020; (3) Festival Áo dài Quảng Ninh 2022; (4) Giải chạy VnExpressMarathon Amazing Hạ Long; (5) Giải chạy Halong Bay Heritage Marathon; (6) Lễ kỷ niệm 60 năm Ngày thành lập tỉnh (1963-2023); (7) Lễ hội Hokkaido.

Đặc biệt, **chương trình Carnival Hạ Long** qua 15 năm tổ chức đã và luôn trở thành một “sự kiện hàng năm”, một “truyền thống du lịch” trong tâm thức của mỗi người Quảng Ninh cũng như những du khách yêu và gắn bó với vùng đất Quảng Ninh. Carnival Hạ Long được tổ chức với kinh phí xã hội hóa luôn chiếm hơn 50% tổng kinh phí nhằm tiết kiệm ngân sách, khơi dậy các nguồn lực đầu tư, đáng chú ý là nguồn lực được đóng góp từ những doanh nghiệp, đơn vị của ngành du lịch trong và ngoài tỉnh. Bên cạnh đó, 100% các lễ hội truyền thống của địa phương được tổ chức từ nguồn đóng góp, công đức của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp

³ Năm 2022 Bảo tàng tỉnh đón 666.730 lượt khách, thu phí tham quan gần 16 tỷ đồng, năm 2023, Bảo tàng tỉnh đón 728.502 lượt; tổng thu là 21.370.620.000^đ. Thư viện Tỉnh năm 2022 phục vụ 103.324 lượt bạn đọc, 309.972 lượt sách báo luân chuyển, tổng số sách bổ sung mới 2.000 bản/thư viện, cấp mới 1.950 thẻ bạn đọc. Năm 2023 đã phục vụ 290.241 lượt bạn đọc; 1.901.972 lượt sách báo; 14.905 lượt khách tham quan; cấp mới và gia hạn 2.789 thẻ; bổ sung 8.000 bản sách; 200 loại báo, tạp chí; 30.000 trang tài liệu số.

như: Lễ hội Yên Tử, đình Đền Công (Uông Bí); Lễ hội truyền thống Bạch Đằng (Quảng Yên), Lễ hội đền Cửa Ông (Cẩm Phả), Lễ hội Đền Xả Tắc (Móng Cái), Lễ hội Miếu Ông - Miếu Bà (Ba Chẽ), Lễ hội truyền thống Đền An Sinh (Đông Triều),... Có thể thấy với sự tham gia, đồng hành của các doanh nghiệp trong việc tổ chức các sự kiện đã khiến cho các hoạt động, sự kiện văn hóa, thể thao của tỉnh Quảng Ninh ngày càng phong phú với quy mô hoành tráng, thu hút đông đảo sự tham gia, hưởng ứng của người dân và khách du lịch.

Đối với các hoạt động tại thiết chế văn hóa cấp xã và cấp thôn chủ yếu là huy động xã hội hóa do nhân dân đóng góp từ các đội, nhóm, câu lạc bộ yêu thích để tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ thường xuyên.

Có thể khẳng định công tác xã hội hóa trong xây dựng và phát huy hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao ở tỉnh Quảng Ninh đã tạo bước đột phá mới cho sự nghiệp phát triển văn hóa của tỉnh, làm thay đổi nhận thức về vai trò, vị trí của văn hóa trong đời sống tinh thần của các tầng lớp nhân dân; từng bước tạo ra sự cân bằng về mức hưởng thụ văn hóa giữa các vùng nông thôn và thành thị; góp phần tích cực vào việc giữ gìn, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống, xây dựng nếp sống văn hóa mới theo hướng lành mạnh, tiến bộ, văn minh.

Bên cạnh những kết quả đạt được cũng như một số hạn chế vừa nêu, Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 30/10/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh về xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Quảng Ninh trở thành nguồn lực nội sinh, động lực cho phát triển nhanh, bền vững, đã xác định mục tiêu: “Phát triển con người Quảng Ninh toàn diện cả về nhân cách, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật, tình yêu quê hương, đất nước với các đặc trưng *"Bản lĩnh, Tự cường, Kỳ cương, Đoàn kết, Nghĩa tình, Hào sảng, Sáng tạo, Văn minh"* phù hợp với xu thế thời đại, thích ứng với xu thế của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng, phát triển nền văn hóa giàu bản sắc, gắn với thu hẹp nhanh khoảng cách giàu nghèo và chênh lệch vùng miền, trên cơ sở kết hợp hài hòa các giá trị đặc trưng của tỉnh Quảng Ninh *"Thiên nhiên tươi đẹp, Văn hóa đặc sắc, Xã hội văn minh, Hành chính minh bạch, Kinh tế phát triển, Nhân dân hạnh phúc"* để văn hóa, con người Quảng Ninh thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, nguồn lực và động lực cho phát triển nhanh, bền vững”, với một số nhiệm vụ, giải pháp trong tâm như sau:

Một là: Tiếp tục phát huy và khai thác hiệu quả hệ thống các thiết chế văn hóa, thể thao hiện có trên địa bàn tỉnh: (1) Quy hoạch, bổ sung quy hoạch, dành quỹ đất cho thiết chế văn hóa, thể thao. Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao còn thiếu và chưa đạt chuẩn theo quy định; mua sắm trang thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao và trang thiết bị vui chơi trẻ em. (2) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý khai thác, phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao hiện có, nhất là Cung Quy hoạch, Hội chợ và Triển lãm tỉnh, Bảo tàng tỉnh, Thư viện tỉnh, Khu liên hợp thể thao tỉnh để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng đời sống nhân dân và nâng cao hiệu quả hoạt động thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở sau đầu tư. (3) Huy động các nguồn lực đầu tư, nâng cấp trang thiết bị

hiện đại cho không gian triển lãm nghệ thuật, trong đó có không gian triển lãm mỹ thuật, nhiếp ảnh tại Cung Quy hoạch, Hội chợ và Triển lãm tỉnh; không gian trưng bày các tác phẩm nghệ thuật đương đại, phát triển các nội dung trưng bày khác tại Bảo tàng Quảng Ninh; xây dựng, mở rộng không gian trưng bày nghệ thuật tại các Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện. (4) Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đầu tư cải tạo và phương án khai thác hiệu quả các công viên, vườn hoa, quảng trường, sân vận động, các tuyến đường đi bộ trở thành không gian công cộng ngoài trời phục vụ sáng tạo, trưng bày và biểu diễn nghệ thuật. Ưu tiên lắp đặt các công trình, trang thiết bị vui chơi ngoài trời cho trẻ em tại các công viên, vườn hoa và các điểm sinh hoạt cộng đồng ở các khu dân cư, thôn, bản. (5) Quy hoạch, đầu tư, tu bổ, tôn tạo các công trình tượng đài tiêu biểu, nhà bia tưởng niệm, đài tưởng niệm, nghĩa trang liệt sĩ có kiến trúc mang đậm nét văn hóa lịch sử, truyền thống cách mạng. Đối với các thành phố, thị xã có phương án, lộ trình xây dựng các Nhà tang lễ; khuyến khích xây dựng các địa điểm phục vụ đám cưới. (6) Định kỳ hằng năm tổ chức các cuộc thi Liên hoan các Nhà Văn hóa, Hội diễn văn nghệ quần chúng, Liên hoan các câu lạc bộ dân vũ; giải thể dục, thể thao quần chúng tại các thiết chế văn hóa, thể thao từ cấp huyện đến thôn khu.

Hai là, nghiên cứu, xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực xã hội hóa trong xây dựng và phát huy hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao ở tỉnh Quảng Ninh: (1) Tiếp tục rà soát, cải cách thủ tục hành chính để các doanh nghiệp tiếp cận đầu tư nhanh. (2) Nghiên cứu xây dựng cơ chế hỗ trợ, ưu đãi, khuyến khích cho người dân và doanh nghiệp các cơ chế hợp liên kết sử dụng tài sản công. (3) Nghiên cứu xây dựng Nghị quyết HĐND về cơ chế chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với lĩnh vực văn hóa, thể thao.

Ba là, tiếp tục kêu gọi đầu tư từ các tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong nước và ngoài nước cho các công trình văn hóa, thể thao, đặc biệt là Nhà Hát tỉnh và Trung tâm Văn hóa tỉnh Quảng Ninh. Phối hợp với Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam xây dựng Bảo tàng Than trở thành di sản văn minh công nghiệp, di sản của giai cấp công nhân vùng mỏ trên cơ sở bảo tồn, cải tạo một số khai trường có dấu ấn lịch sử đã đóng cửa mỏ. Khuyến khích phát triển bảo tàng ngoài công lập. Huy động các nguồn lực hợp tác đầu tư cho các mục tiêu phát triển văn hóa thích hợp cho từng loại hình, từng vùng, miền, trong đó ưu tiên các vùng nông thôn, biên giới, hải đảo; chú trọng xã hội hóa các hoạt động văn hóa tại khu đô thị thành phố và thị trấn trung tâm các huyện.

Bốn là, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thiết chế văn hóa; đổi mới cơ chế, nâng cao công tác quản lý nhà nước về văn hóa; tăng cường phối hợp giữa các ngành, đoàn thể trong triển khai, tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, khai thác có hiệu quả các thiết chế văn hóa; phát huy sức sáng tạo và nguồn lực trong nhân dân, vì đây vừa là hạt nhân, vừa là lực lượng đi đầu trong công tác xã hội hóa lĩnh vực văn hóa, góp phần xây dựng văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội bền vững./.

GIẢI PHÁP THÁO GỠ ĐIỂM NGHỀN VỀ CHÍNH SÁCH HỢP TÁC CÔNG TƯ (PPP) TRONG QUẢN LÝ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ THỂ THAO TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THỂ THAO

TS. Lê Minh Nam

Ủy viên Thường trực

Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội

Nghiên cứu giải pháp tháo gỡ điểm nghẽn về chính sách hợp tác công tư (sau đây viết tắt là PPP) trong quản lý khai thác, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao tại các đơn vị sự nghiệp thể thao là nội dung mới, cần được xem xét trong mối quan hệ tổng thể cả về quy định pháp luật, về khả năng tổ chức thực hiện và điều kiện thực hiện, đặc biệt trong bối cảnh đến thời điểm hiện tại, pháp luật chung về PPP chưa có nội dung quy định cụ thể cho lĩnh vực này.

Vì vậy, để có góc nhìn toàn diện, đầy đủ nhằm tìm kiếm giải pháp tháo gỡ điểm nghẽn cho các đơn vị sự nghiệp thể thao, chúng ta cần xem xét, đánh giá những khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn chung, tổng thể của hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập (trong đó có các đơn vị sự nghiệp thể thao), đồng thời đi sâu phân tích thêm những khó khăn riêng, đặc trưng, đặc thù của các đơn vị sự nghiệp thể thao để nghiên cứu yêu cầu, điều kiện, khả năng xây dựng chính sách PPP, theo đó tìm kiếm các giải pháp tháo gỡ một cách đầy đủ, toàn diện, thích hợp, đồng bộ, hiệu quả cho lĩnh vực này. Cụ thể cần xem xét một số nội dung sau:

1. Tìm hiểu, đánh giá về những khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn trong tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập

Hoạt động của hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập thời gian qua đã có nhiều đổi mới, cho dù đạt được những kết quả tích cực nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc về cơ chế chính sách, quy định pháp luật, về tuân thủ pháp luật và tổ chức thực hiện. Theo một số báo cáo tổng kết, đánh giá, báo cáo kiểm tra giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước cho thấy, hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập đã và đang gặp phải những khó khăn, vướng mắc, điển hình là:

Thứ nhất, quy định pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính; quy định về quy hoạch, tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập còn những tồn tại, hạn chế, vướng mắc:

(1) Một số quy định về cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập còn thiếu, chưa thống nhất với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, chưa phù hợp với thực tiễn đòi hỏi phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp như: Quy định điều kiện là đơn vị sự nghiệp công nhóm 2 (tự đảm bảo chi thường xuyên); Công thức xác định mức độ tự đảm bảo chi thường xuyên; Quy định về nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công; Giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị trực thuộc; Lộ trình giảm chi thường xuyên giao tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập,...

(2) Thiếu quy hoạch tổng thể mạng lưới đơn vị sự nghiệp công lập trên phạm vi

cả nước, theo đó quy hoạch chủ yếu được xây dựng theo đơn vị hành chính mà chưa chú trọng quy hoạch theo ngành, lĩnh vực, đặc điểm vùng miền và nhu cầu thực tế. Các đơn vị sự nghiệp công lập của các bộ, cơ quan trung ương, địa phương được tổ chức với nhiều hình thức khác nhau, cơ chế quản lý không thống nhất, tạo sự bất bình đẳng trong cùng loại hình cung cấp dịch vụ công, phân tán và chồng chéo về nhiệm vụ, hoạt động không hiệu quả, lãng phí nguồn lực...

(3) Một số quy định pháp luật về tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập cần được cụ thể hoá hoặc sửa đổi, bổ sung để đảm bảo hành lang pháp lý đầy đủ, chặt chẽ, khả thi trong tổ chức thực hiện, như: (i) Luật Viên chức mới chỉ xác định đơn vị sự nghiệp công lập là đơn vị tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức mà chưa cụ thể hoá những nội dung để triển khai cụ thể; (ii) Luật Ngân sách Nhà nước quy định đơn vị sự nghiệp công lập là đối tượng quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công mà chưa luật hóa rõ ràng dưới hình thức là chủ thể cung cấp dịch vụ công; (iii) Các nghị định về tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập, đặt hàng dịch vụ công và nghị định chuyên ngành khác có liên quan đến hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập còn thiếu văn bản hướng dẫn, hướng dẫn chưa kịp thời hoặc có nhiều cách hiểu khác nhau dẫn tới một số nội dung của nghị định thiếu tính hiệu lực, không được áp dụng hiệu quả...

(4) Cơ chế quản lý tài chính còn bất cập, qua kiểm tra, giám sát cho thấy cần có giải pháp giải quyết ở góc độ cơ chế, chính sách, như: (i) Thực trạng các đơn vị sự nghiệp công ở các lĩnh vực khác nhau, địa bàn khác nhau, thực hiện nhiệm vụ khác nhau nhưng lại áp dụng chung một cơ chế giống nhau sẽ tạo ra những bất cập, cũng như có thể tạo ra sự bất bình đẳng khi xem xét quản lý, xử lý các trường hợp cụ thể. Việc xác định mức độ tự chủ tại các đơn vị chưa phù hợp, theo đó hầu hết các đơn vị được giao quyền tự chủ tài chính nhưng hàng năm vẫn cấp tăng kinh phí chi thường xuyên trong khi có đơn vị có nguồn thu lớn, tồn dư nhiều năm không có nhu cầu sử dụng. Tại nhiều bộ, ngành, mức độ tự chủ của các đơn vị đều cao hơn so với mức độ tự chủ tính theo dự toán giao, một số đơn vị mức độ tự chủ thực tế cao hơn nhiều so với dự toán. (ii) Cơ chế phân bổ, quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước về cơ bản vẫn thực hiện theo yếu tố đầu vào và biên chế được duyệt, chưa gắn với chất lượng sản phẩm, dịch vụ và các yếu tố đầu ra khác. Nhiều đơn vị sự nghiệp công lập vẫn thực hiện cấp phát theo dự toán, chưa chuyển sang cơ chế đặt hàng, đấu thầu dịch vụ công; thiếu tiêu chí đánh giá hiệu quả, chất lượng hoạt động cung cấp dịch vụ công... (iii) Việc giao tài sản cho đơn vị quản lý còn nhiều nội dung bất cập; sử dụng tài sản chưa hiệu quả, đặc biệt là tài sản nhà, đất, cho thuê tài sản... Chính sách tiền lương tại các đơn vị sự nghiệp công lập chưa hợp lý, nhiều đơn vị chưa xây dựng được đơn giá tiền lương, chưa thu hút, khuyến khích, động viên viên chức, người lao động. Hạn chế này đã tạo ra xu thế chuyển dịch lao động chất lượng cao từ khu vực công sang khu vực tư và có thể dẫn đến thiếu hụt cán bộ, giảm chất lượng dịch vụ công. (iv) Các quy định pháp lý về liên doanh, liên kết đối với đơn vị sự nghiệp công lập chưa đầy đủ. (v) Hệ thống tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật chậm được ban hành hoặc ban hành không đầy đủ. Giá dịch vụ sự nghiệp công và dịch vụ công ích theo quy định của Luật Giá cũng chưa được ban hành đầy đủ...

Thứ hai, văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công còn bất cập, vướng mắc, khó khăn khi triển khai áp dụng thực tiễn, như:

(1) Một số nội dung về quản lý, sử dụng tài sản công chưa có quy định hướng dẫn cụ thể làm cơ sở cho các cơ quan, đơn vị thực hiện, như: Trình tự, thủ tục giao tài sản bằng hiện vật; thẩm quyền quyết định bảo dưỡng, sửa chữa, thuê đơn vị có chức năng quản lý vận hành tài sản công; khai thác tài sản công sau thu hồi... Đồng thời, Nghị quyết số 82/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch, quản lý, sử dụng đất đai tại đô thị đã giao Chính phủ nghiên cứu thu hẹp các trường hợp cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, chuyển sang hình thức cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm, bảo đảm nguồn thu ổn định từ đất đai; tuy nhiên, quy định hiện hành về bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thì chỉ có hình thức giao đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê...

(2) Một số trường hợp áp dụng trình tự, thủ tục xử lý tài sản công như quy định hiện hành chưa phù hợp nhưng chưa có hướng dẫn, như: Xử lý tài sản công trong trường hợp thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể do quy trình xử lý tài sản công hiện hành được xuất phát từ cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản đề xuất, lập hồ sơ đề nghị xử lý. Tuy nhiên trong các trường hợp này, có thể cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản công không còn tồn tại do đã bị sáp nhập, hợp nhất, giải thể nên không thể áp dụng trình tự, thủ tục xử lý tài sản công như thông thường.

(3) Các quy định về sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong thực tế nhưng chưa được xem xét sửa đổi, bổ sung. Điều này dẫn đến nhiều cơ sở vật chất, trang thiết bị không được khai thác hết công suất gây lãng phí, không sử dụng tối ưu nguồn lực để tạo nguồn thu cho phát triển hoạt động sự nghiệp.

(4) Một số loại tài sản công đặc thù cần phải được xử lý theo quy định riêng tại pháp luật chuyên ngành nhưng chưa có quy định loại trừ hoặc dẫn chiếu làm cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị lúng túng trong áp dụng pháp luật cần quy định cụ thể để làm cơ sở áp dụng trong thực tế.

Thứ ba, triển khai thực hiện các quy định pháp luật trong tổ chức và hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập vẫn còn những hạn chế, yếu kém cần có giải pháp khắc phục:

Bên cạnh những vướng mắc, điểm nghẽn về cơ chế, chính sách, việc tổ chức thực hiện quy định của các đơn vị sự nghiệp công lập cũng được các cơ quan quản lý, cơ quan thanh kiểm tra chỉ ra những hạn chế, yếu kém, như:

(1) Công tác đổi mới hệ thống tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập còn chậm. Chất lượng đội ngũ lãnh đạo, quản lý và viên chức chưa cao, năng suất lao động thấp. Cơ cấu đội ngũ viên chức chưa hợp lý, đội ngũ viên chức làm công tác phục vụ chiếm tỷ lệ cao. Việc thu hút nhân tài vào làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập còn hạn chế...

(2) Nhiều đơn vị sự nghiệp công lập gặp khó khăn trong tự chủ tài chính, gây ảnh hưởng đến quá trình hoạt động. Việc chuyển đổi từ phí sang giá và lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ sự nghiệp công chưa kịp thời. Nhiều đơn vị chưa hoàn thành mục tiêu đến năm 2021 “Hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản)”... được đề ra tại Hội nghị Trung ương 6 khóa XII và lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

(3) Phương thức quản lý, nâng cao năng lực quản trị đơn vị còn hạn chế, trong đó: Hệ thống tổ chức các đơn vị sự nghiệp còn công kênh, manh mún, phân tán, chồng chéo; quản trị nội bộ yếu kém, chất lượng, hiệu quả dịch vụ thấp. Chi tiêu ngân sách Nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập còn quá lớn, một số đơn vị thua lỗ, tiêu cực, lãng phí do trình độ quản lý tài chính yếu kém, thiếu hiệu quả. Về áp dụng mô hình quản trị đối với các đơn vị sự nghiệp như mô hình quản trị doanh nghiệp đã có quyết định của Thủ tướng Chính phủ từ 2015 nhưng theo báo cáo của Bộ Tài chính, nếu so với Danh mục chuyển đổi giai đoạn 2017 - 2020, số lượng đơn vị sự nghiệp đã chuyển đổi thành công ty cổ phần chỉ đạt 14,5%, quá trình chuyển đổi còn nhiều lúng túng; công tác giám sát tình hình hoạt động và cung cấp dịch vụ sự nghiệp công chưa chặt chẽ. Về quản trị tài chính, tài sản công còn một số bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập, đặc biệt là cách phân loại đơn vị sự nghiệp công lập, xác định giá trị tài sản để giao tài sản cho đơn vị quản lý. Phương thức trang bị tài sản cho các đơn vị sự nghiệp công lập chủ yếu bằng hiện vật, việc sử dụng công cụ thị trường còn ít, nguồn hình thành tài sản chủ yếu từ ngân sách Nhà nước, chưa khai thác được nhiều nguồn xã hội hóa hoặc thu hút các thành phần khác tham gia liên kết, liên doanh. Quỹ nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước do các đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng có số lượng và giá trị rất lớn nhưng hiệu suất sử dụng, khai thác chưa tương xứng...

Như vậy, có thể nhận thấy, những tồn tại, hạn chế, vướng mắc, bất cập được đề cập ở trên chính là những điểm nghẽn trong tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập trong đó có các đơn vị sự nghiệp thể thao. Để tháo gỡ các điểm nghẽn này cần rà soát, đánh giá, xác định cụ thể nội dung, đối tượng, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan trong tham gia thực hiện nhiệm vụ sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm khắc phục những khó khăn, vướng mắc, khoảng trống pháp luật và chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế, thiếu sót. Theo đó, trước mắt cần xác định những giải pháp đồng bộ, toàn diện, khả thi để tháo gỡ các tồn tại, hạn chế, vướng mắc, bất cập cả về cơ chế, chính sách, pháp luật và tổ chức thực hiện của hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập. Sau đó, nghiên cứu tìm kiếm giải pháp tháo gỡ điểm nghẽn về chính sách PPP để nâng cao hiệu quả quản lý khai thác, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao của các đơn vị mới có thể giải quyết triệt để được tồn tại, hạn chế, vướng mắc, bất cập, khó khăn, yếu kém đã được xác định, vì chính sách PPP cũng chỉ là một phần trong tổng thể các chính sách, giải pháp áp dụng cho các đơn vị sự nghiệp công lập. Cần lưu ý, trong quá trình nghiên cứu, đề xuất xây dựng, hoàn thiện chính sách pháp luật để có cơ sở áp dụng PPP cho lĩnh vực văn hóa, thể thao trên phạm vi rộng, chúng ta cần đánh giá

tác động một cách kỹ lưỡng các yếu tố, điều kiện cụ thể nhằm đảm bảo tối ưu về hiệu quả, đảm bảo tính khả thi trong thực tiễn quản lý khai thác, sử dụng nguồn lực công tư thuộc lĩnh vực này.

2. Đánh giá, phân tích một số vướng mắc, điểm nghẽn trong thực hiện đầu tư theo hình thức đối tác công tư đối với lĩnh vực văn hóa, thể thao

Như chúng ta đã biết, đầu tư theo hình thức PPP là hình thức đầu tư được thực hiện trên cơ sở hợp đồng giữa cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và khu vực tư nhân để thực hiện quản lý, vận hành những dự án phát triển hạ tầng và cung cấp dịch vụ công. Với mô hình PPP, Nhà nước sẽ thiết lập các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ và tư nhân được khuyến khích cung cấp bằng cơ chế thanh toán theo chất lượng dịch vụ. Đây là hình thức hợp tác tối ưu hóa hiệu quả đầu tư và cung cấp dịch vụ công chất lượng cao, nó sẽ mang lại lợi ích cho cả Nhà nước và người dân. Trong mô hình PPP, việc xác lập quan hệ đối tác thông thường là qua một hợp đồng ràng buộc về mặt pháp lý hoặc một số cơ chế khác, trong đó đồng ý chia sẻ các trách nhiệm liên quan đến việc thực hiện và quản lý của các dự án PPP. Quan hệ đối tác được xây dựng trên chuyên môn của từng đối tác đáp ứng nhu cầu được xác định rõ ràng thông qua việc phân bổ thích hợp về: tài nguyên, nguồn lực; rủi ro; trách nhiệm.... Bên cạnh những yếu tố nêu trên, để đảm bảo thúc đẩy PPP phát triển, một trong những điều kiện quan trọng là cần có cơ chế đảm bảo để lĩnh vực tư nhân khi tham gia PPP phải thu được phần lợi ích đủ lớn và đảm bảo các điều kiện thuận lợi về quy trình, thủ tục mới có thể khuyến khích, kêu gọi họ tham gia đầu tư. Thực tế cho thấy, thời gian qua, việc triển khai các dự án PPP tại Việt Nam đã mang lại những kết quả tích cực, từng bước đạt mục tiêu dự kiến. Tuy nhiên, việc triển khai nhiều dự án PPP còn chậm, quy mô các dự án nhỏ, còn những khó khăn, vướng mắc, tồn tại trong tổ chức thực hiện cần được rà soát, khắc phục. Riêng đầu tư theo hình thức PPP trong lĩnh vực văn hóa, thể thao còn phải đối mặt với khó khăn lớn hơn, gồm cả những điểm nghẽn cả về chính sách, pháp luật và tổ chức thực hiện khi xét đến điều kiện áp dụng, dự báo những khó khăn, vướng mắc, cụ thể:

Thứ nhất, điểm nghẽn về quy định pháp luật: Quy định của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14, lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP bao gồm: (i) Giao thông vận tải; (ii) Lưới điện, nhà máy điện, trừ nhà máy thủy điện và các trường hợp Nhà nước độc quyền theo quy định của Luật Điện lực; (iii) Thủy lợi; cung cấp nước sạch; thoát nước và xử lý nước thải; xử lý chất thải; (iv) Y tế; giáo dục - đào tạo và (v) Hạ tầng công nghệ thông tin; mà không có quy định về PPP trong lĩnh vực văn hóa, thể thao. Như vậy, theo quy định của luật thì hoạt động văn hóa, thể thao không thuộc lĩnh vực được áp dụng PPP.

Để giải quyết thực trạng này ở phạm vi địa phương, Quốc hội khóa XV đã thông qua Nghị quyết số 98/2023/QH15 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh trong đó cho phép thí điểm thực hiện đầu tư PPP trong lĩnh vực văn hóa, thể thao với quy định: “*Ngoài các lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư quy định tại Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Thành phố được áp dụng đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các dự*

án đầu tư trong lĩnh vực thể thao và văn hóa. Trình tự, thủ tục thực hiện các dự án quy định tại điểm này thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và quy định khác của pháp luật có liên quan; Quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP trong lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, thể thao và văn hóa do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định”. Như vậy, đến thời điểm hiện tại, về cơ sở pháp lý để triển khai áp dụng PPP đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực thể thao, văn hóa sẽ được thành phố Hồ Chí Minh thí điểm thực hiện, theo đó thành phố sẽ tiến hành tổng kết, đánh giá, báo cáo, đề xuất làm cơ sở quy định chính thức, cũng như pháp lý hoá tại các văn bản luật, văn bản hướng dẫn để áp dụng chính thức ở phạm vi rộng hơn nếu kết quả thực hiện thí điểm theo mô hình này mang lại hiệu quả tích cực trong thực tiễn.

Cũng với nội dung này, dự thảo Luật Thủ đô (sửa đổi) xin ý kiến Quốc hội khoá XV (kỳ họp thứ Sáu) đã đề xuất cho phép áp dụng PPP trong lĩnh vực văn hóa, thể thao để huy động nguồn lực xã hội hoá theo PPP cho lĩnh vực này, đồng thời đề xuất quy định quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu đối với dự án PPP thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư theo hình thức đối tác công tư như trong lĩnh vực y tế, giáo dục (Điều 38 Dự thảo Luật). Nếu nội dung đề xuất này tại dự thảo Luật Thủ đô được thông qua thì sẽ có thêm cơ sở pháp lý để triển khai áp dụng đầu tư PPP đối với các dự án đầu tư lĩnh vực thể thao tại các đơn vị sự nghiệp thể thao trong phạm vi điều chỉnh của Luật, tiến tới có thể nghiên cứu mở rộng phạm vi để khai thác tối ưu các nguồn lực cho lĩnh vực này tại Thủ đô. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, quy định đang dừng lại ở mức độ dự thảo, dự kiến mà chưa phải cơ sở pháp lý chính thức để tổ chức thực hiện.

Như vậy, ngoài nội dung thí điểm PPP cho thành phố Hồ Chí Minh nêu trên, đến thời điểm hiện nay việc triển khai PPP trong lĩnh vực thể thao chưa có đủ căn cứ pháp lý để tổ chức thực hiện theo luật nếu không được xem xét sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản quy phạm pháp luật phù hợp, đúng thẩm quyền.

Thứ hai, những khó khăn, vướng mắc dự báo có thể xảy ra trong áp dụng PPP đối với lĩnh vực văn hóa, thể thao (trong đó có các đơn vị sự nghiệp thể thao) kể cả khi chính sách này được thể chế hóa tại các văn bản quy phạm pháp luật:

- Thực trạng ban hành không đầy đủ, không đồng bộ, chậm ban hành văn bản hướng dẫn; cơ chế bảo đảm đầu tư còn bất cập; rào cản về năng lực thực thi, nhận thức của bộ phận trực tiếp thực hiện còn hạn chế, yếu kém là những điểm nghẽn lớn đối với việc thực hiện các dự án PPP đã và đang là bài học thực tiễn cần được quan tâm đề ra giải pháp chủ động ứng xử ngay từ khi thiết kế, đề xuất chính sách, không để phát sinh khó khăn trong giai đoạn tổ chức thực hiện.

- Khó khăn về thực trạng nguồn lực đầu tư công chưa thực sự phát huy được vai trò dẫn dắt, làm “vốn môi” để thu hút nguồn lực từ khu vực tư nhân tham gia đầu tư, bên cạnh đó, nhu cầu đầu tư cho các lĩnh vực văn hóa, thể thao khá lớn nhưng nguồn lực công bố trí còn khiêm tốn.

- Quy hoạch đất dành cho các trung tâm thể thao, các thiết chế thể thao từ trung ương đến nhiều tỉnh, thành phố chưa có hoặc đã có nhưng chậm đầu tư, khai thác

sử dụng gây lãng phí. Khai thác các cơ sở hạ tầng thể thao và cung ứng dịch vụ công của lĩnh vực này còn có khó khăn khi thực hiện do chưa có văn bản pháp lý phù hợp và nhiều văn bản pháp lý ràng buộc dẫn đến nguồn thu hạn chế. Các hạng mục công trình thể thao dần bị xuống cấp dù nguồn kinh phí hằng năm Nhà nước vẫn cấp cho công tác bảo trì.

- Không phải tất cả các hoạt động văn hóa, thể thao đều có thể áp dụng hình thức đầu tư PPP. Theo đó, chỉ có một số hoạt động thể thao có thể mạnh thu hút sự quan tâm của đông đảo người dân, theo đó tạo được nguồn thu từ quảng cáo, cung cấp dịch vụ phụ trợ như bóng đá, bóng chuyền, quần vợt, cầu lông... mới thuận lợi cho việc áp dụng PPP do có thể đáp ứng đòi hỏi đảm bảo được lợi nhuận cho các nhà đầu tư tư nhân tham gia đầu tư. Các hoạt động thể thao có yếu tố truyền thống, cần quan tâm đầu tư để giữ gìn bản sắc văn hóa như các môn võ và vật cổ truyền, đua thuyền, kéo co,... có thể gặp khó khăn khi tìm kiếm nguồn thu để đảm bảo nguồn lực hoạt động và phát triển dự án. Vì vậy, cần xem xét thực trạng này một cách thận trọng khi xác định đối tượng dự kiến đề xuất áp dụng PPP nhằm đảm bảo tính khả thi, hiệu quả của chính sách.

- Để triển khai các dự án PPP cần phải chuẩn bị đầy đủ, chặt chẽ điều kiện, thủ tục, quy trình một cách đồng bộ thống nhất, phải rà soát quy hoạch, nguồn lực đất đai, các điều kiện pháp lý về dự án, thiết lập các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ của dự án, cơ chế tài chính của dự án mới có thể tổ chức thực hiện đạt mục tiêu đề ra. Ngoài ra, khi xem xét chuẩn bị trình các dự án PPP cũng phải rà soát, đánh giá tác động kỹ lưỡng yếu tố giá dịch vụ công, đặc biệt là những mặt hàng Nhà nước quản lý giá; xem xét kỹ lưỡng chính sách thuế và các khoản thu nộp Ngân sách (nếu có) đến phương án tài chính để đảm bảo tính tối ưu và khả thi khi triển khai thực hiện dự án PPP... Nếu không, những vướng mắc có thể nảy sinh lại tạo nên điểm nghẽn mới, khó khăn khi giải quyết hậu quả.

- Một số yếu tố tác động cần xem xét để có các giải pháp chủ động tính toán, đề xuất, xử lý nếu được phép áp dụng đầu tư PPP cho lĩnh vực văn hóa, thể thao: Cần xem xét đề xuất quy định quy mô, tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP trong lĩnh vực thể thao hợp lý hơn so với quy định của Luật hiện hành đối với lĩnh vực y tế, giáo dục do hiện nay, quy định quy mô, tổng mức đầu tư tối thiểu của các dự án PPP thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục theo quy định không thấp hơn 100 tỷ đồng, trong khi mức tối thiểu này có thể là rào cản đối với các dự án thuộc lĩnh vực thể thao có quy mô nhỏ...

Như vậy, từ những điểm nghẽn về chính sách, quy định pháp luật và những dự báo khó khăn vướng mắc có thể nảy sinh và những vấn đề đặt ra, cần xem xét chủ động tháo gỡ, chuẩn bị trong thực tiễn nếu được cho phép áp dụng PPP nhằm quản lý khai thác, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao tại các đơn vị sự nghiệp thể thao, cần được đánh giá, xem xét đầy đủ, toàn diện thực trạng, điều kiện, các yếu tố tác động để lựa chọn các nhóm chính sách và phương pháp, giải pháp tháo gỡ chủ động, hiệu quả, thiết thực, đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn cuộc sống, theo đó không chỉ áp dụng PPP mà có thể xem xét các hình thức hợp tác khác thích hợp, phù hợp quy định của pháp luật.

3. Một số gợi ý giải pháp nhằm tháo gỡ điểm nghẽn trong quản lý khai thác, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao tại các đơn vị sự nghiệp thể thao

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, để tháo gỡ điểm nghẽn của chính sách trong quản lý khai thác, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao tại các đơn vị sự nghiệp thể thao, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các đơn vị sự nghiệp thể thao cần quan tâm giải quyết những khó khăn vướng mắc hiện tại, trước mắt, theo đó đồng thời nghiên cứu đề xuất các giải pháp xây dựng chính sách, pháp luật và các điều kiện để thực hiện PPP trong lĩnh vực thể thao trên cơ sở đánh giá đầy đủ, thận trọng, xem xét các điều kiện và dự kiến mức độ khả thi khi đầu tư PPP, cụ thể:

Một là, đánh giá toàn diện thực trạng các vướng mắc, tồn tại, điểm nghẽn về chính sách, pháp luật đối với hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập trên phạm vi toàn quốc để có giải pháp tháo gỡ, khắc phục (một số vấn đề điển hình đã được phân tích, đánh giá ở các phần trên). Đây là môi trường pháp lý chung cần được sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện để các đơn vị sự nghiệp công lập có cơ sở pháp lý áp dụng khai thác tối ưu hiệu quả nguồn lực nhằm đạt mục tiêu đã được các nghị quyết của Đảng đề ra, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, bối cảnh cụ thể của từng lĩnh vực, từng loại hình, từng mức độ tham gia cung cấp dịch vụ công và đóng góp chung cho người dân, xã hội, đất nước. Đây chính là căn cứ, cơ sở nền tảng căn bản để các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng chiến lược, kế hoạch triển khai các giải pháp áp dụng cho phù hợp với từng cơ quan, đơn vị; là cơ sở pháp lý để các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện chức năng quản lý nhà nước cũng như xem xét áp dụng các chính sách khuyến khích, thúc đẩy đối với các đối tượng này. Theo đó, các đơn vị sự nghiệp thể thao trên cơ sở quy định chung sẽ xây dựng kế hoạch, chiến lược cụ thể nhằm khắc phục những khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn để cải thiện hoạt động của cơ quan, đơn vị mình.

Hai là, rà soát hoàn thiện quy hoạch tổng thể, đồng thời kiện toàn tổ chức bộ máy và áp dụng các giải pháp quản trị nội bộ hiệu quả cụ thể, trong đó: (i) Rà soát để cơ cấu lại tổ chức bộ máy bên trong từng đơn vị theo hướng tinh gọn, giảm mạnh đầu mối, bỏ cấp trung gian, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ 4.0 và khoa học công nghệ tiên tiến, áp dụng các tiêu chuẩn, chuẩn mực quản trị quốc tế; (ii) Nghiên cứu phân tích quản trị để khai thác tối ưu nguồn lực hiện có, theo đó cần phân tích rõ nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước và nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước; nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh, liên kết và dịch vụ khác (nếu có) để từ đó lựa chọn các giải pháp cải thiện phương thức khai thác từng nguồn lực một cách thích hợp, hiệu quả; (iii) Chủ động nghiên cứu tìm kiếm, khai thác và phát triển các hoạt động sự nghiệp nhằm tăng nguồn thu sự nghiệp thông qua vận động các nguồn viện trợ, tài trợ trong và ngoài nước, đẩy mạnh các hoạt động tạo nguồn thu từ sự đóng góp trên cơ sở nâng cao chất lượng dịch vụ, thực hiện cơ chế giá dịch vụ, tăng cường liên kết phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện cụ thể của đơn vị mình; (iv) Nghiên cứu thực hiện chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần (nếu đủ điều kiện) để áp dụng mô

hình quản trị doanh nghiệp; đồng thời nghiên cứu áp dụng mô hình quản trị doanh nghiệp đối với các đơn vị sự nghiệp tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư để tạo cơ chế thích ứng linh hoạt, khắc phục yếu tố quản lý kế hoạch hóa, cứng nhắc, chưa bám sát nhu cầu của đối tượng sử dụng dịch vụ công như phương thức quản lý truyền thống.

Ba là, nghiên cứu, đánh giá nhằm phân loại tách bạch lĩnh vực, hoạt động có khả năng thực hiện PPP hoặc phải sử dụng nguồn lực công hay theo mô hình hỗn hợp/kết hợp. Từ bản chất của hoạt động PPP cho thấy không thể đồng nhất tất cả các lĩnh vực, hoạt động vì hợp tác với các đối tác trong lĩnh vực tư phải xem xét đến khía cạnh lợi ích. Theo đó, đối với những hoạt động không thể hoặc khó thu hút PPP phải xem xét đề xuất sử dụng nguồn lực công một cách phù hợp, có thể bố trí nguồn lực trực tiếp hoặc theo hình thức gián tiếp, đặt hàng. Điều này không chỉ đúng với hoạt động thể thao mà đúng với tất cả các hoạt động cung ứng dịch vụ công của các đơn vị sự nghiệp công lập. Vì vậy, cần đánh giá, phân tích kỹ lưỡng để bố trí chỉ dùng nguồn lực công đầu tư cho những lĩnh vực, hoạt động mà khu vực tư không thể làm hoặc không muốn làm, đồng thời phải tính đến tránh trường hợp đưa ra triển khai PPP nhưng không thể triển khai được hoặc triển khai được nhưng không đạt được mục tiêu đã định. Việc phân loại để xác định công-tư không nên cứng nhắc theo lĩnh vực mà có thể tách riêng thành các hoạt động để có thể phối hợp khai thác tối ưu nguồn lực từ khu vực tư, từ xã hội hoá và từ đầu tư công.

Bốn là, nghiên cứu đề xuất áp dụng PPP ở phạm vi rộng hơn cho lĩnh vực văn hóa, thể thao và/hoặc đề xuất thí điểm PPP tại các dự án do các đơn vị sự nghiệp thể thao thuộc quản lý của các bộ, ngành quản lý (hiện mới thí điểm tại địa phương). Theo đó, nếu triển khai thực hiện PPP cần quan tâm đến một số khía cạnh sau: (i) Xây dựng cơ chế chính sách thích hợp với đặc điểm, điều kiện cụ thể của lĩnh vực... (ii) Đề xuất áp dụng linh hoạt tổng mức đầu tư tối thiểu để tăng cơ hội cho nhà đầu tư, đối với lĩnh vực thể thao, ví dụ tính theo dải từ 30 - 100 tỷ đồng tùy hoạt động cụ thể; (iii) Đề xuất chính sách áp dụng giá dịch vụ công và cơ chế áp thuế phù hợp; (iv) Xác định các chính sách ưu đãi và đảm bảo đầu tư; (v) Cân nhắc kỹ phương án thực hiện, tránh tình trạng đề xuất phê duyệt xong dự án lại “đắp chiếu” vì vướng quy trình, thủ tục, vì chưa bố trí được các điều kiện trong hợp đồng...

Năm là, nghiên cứu cơ chế phát huy được tinh thần tự lực, tự cường, chủ động từ chính các đơn vị sự nghiệp thể thao, theo đó các đơn vị không trông chờ, ỷ lại mà cần chủ động, sáng tạo, linh hoạt trong nghiên cứu tháo gỡ vướng mắc, điểm nghẽn cho cơ quan, đơn vị mình. Cho dù có chính sách đúng đắn, có quy định pháp luật đầy đủ nhưng không có một chính sách hay quy định pháp luật nào có thể đầy đủ, chi tiết, cụ thể cho tất cả các hoạt động, các lĩnh vực. Pháp luật chỉ là những quy tắc xử sự chung, có tính quy phạm phổ biến. Vì vậy, tại mỗi đơn vị sự nghiệp thể thao cần xem xét để áp dụng pháp luật về PPP và các quy định liên quan đến quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của đơn vị mình nhằm mang lại hiệu quả tối ưu một cách chủ động, nếu không cho dù đã có quy định nhưng có thể vẫn tiếp tục gặp khó khăn, vướng mắc do cách hiểu và áp dụng pháp luật chưa kỹ lưỡng.

Sáu là, nghiên cứu cơ chế khuyến khích và cơ chế bảo vệ để thúc đẩy quyết tâm đổi mới từ lãnh đạo các đơn vị sự nghiệp thể thao; theo đó tạo nhân tố dẫn dắt đổi mới, sáng tạo, thúc đẩy cải thiện hiệu quả quản lý khai thác, sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị thể thao tại các đơn vị sự nghiệp thể thao; tránh tình trạng sợ khó, sợ sai, sợ trách nhiệm... Thực tế cho thấy vai trò của người lãnh đạo cơ quan, đơn vị rất quan trọng trong dẫn dắt và quyết định kết quả đổi mới, cải cách, cải thiện hiện trạng hoạt động của cơ quan, đơn vị đó./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14; Nghị quyết số 98/2023/QH15 và một số văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.
2. Một số bài viết đăng trên các Website, như:
 - + <https://quochoitv.vn/ap-dung-ppp-trong-the-thao-hay-nhung-can-can-nhac>.
 - + <https://tapchitaichinh.vn/nang-cao-nang-luc-quan-tri-cua-cac-don-vi-su-nghiep-cong-lap.html>.
 - + https://mof.gov.vn/webcenter/portal/tncdtbh/pages_r/l/chitiectin?dDocName=MOFUCM256052;
 - + <https://mekongasean.vn/cac-don-vi-su-nghiep-cong-lap-con-gap-kho-khan-khi-thuc-hien-co-che-tu-chu-tai-chinh-post15446.html>.
 - + <https://ngkt.mofa.gov.vn/du-an-hop-tac-cong-tu-tai-viet-nam-mot-so-bat-cap-va-giai-phap/>;
 - + <https://kinhtetrunguoc.vn/thoi-su/tin-noi-bat/hoi-thao-thuc-day-dau-tu-theo-phuong-thuc-doi-tac-cong-tu-ppp-trong-phat-trien-ha-tang-mot-so-linh-vuc-kinh-te-xa-hoi-cu.html>.
 - + <https://www.sggp.org.vn/du-an-ppp-trong-xay-dung-truong-lop-du-kien-co-tong-muc-dau-tu-tu-100-ty-dong-tro-len-post706164.html>.
 - + <https://consosukien.vn/thuc-trang-va-kien-nghi-phat-trien-co-so-ha-tang-ppp.htm>.
 - + <https://consosukien.vn/mo-hinh-hop-tac-cong-tu-o-mot-so-quoc-gia-tren-the-gioi-va-thuc-trang-tai-viet-nam.htm>;
 - + <http://baokiemtoan.vn/doi-moi-co-che-tu-chu-tai-chinh-tai-don-vi-su-nghiep-cong-lap-bai-1-cac-don-vi-khac-nhau-nhung-lai-cung-chung-mot-co-che-21177.html>.

**GIẢI PHÁP TÍCH HỢP
QUY HOẠCH THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO
TRONG QUY HOẠCH TỈNH THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN 2050**

KTS. Phạm Thị Nhâm

Phó Viện trưởng Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia

Cho tới nay, gần như tất cả các tỉnh đều đã thực hiện quy hoạch tích hợp theo tinh thần của Luật Quy hoạch. Ý tưởng của việc thực hiện quy hoạch tích hợp là có sự thống nhất giữa các ngành lĩnh vực, các địa phương trong một bản quy hoạch duy nhất, nhằm phát huy hiệu quả tích hợp giữa các lĩnh vực và giảm thiểu những mâu thuẫn, chông chéo trong quy hoạch.

Đối với lĩnh vực văn hóa, thể thao, các nội dung này được tích hợp trong quy hoạch dưới hai góc độ: thứ nhất là góc độ ngành lĩnh vực kinh tế và dưới góc độ hạ tầng xã hội. Dưới góc độ ngành kinh tế, điều được quan tâm là những đóng góp của ngành này trong nhóm ngành thương mại dịch vụ, từ đó đóng góp vào GRDP, tăng trưởng, lao động việc làm,... của tỉnh. Dưới góc độ hạ tầng, điều được quan tâm là những chỉ tiêu chỉ số hạ tầng, nhằm đảm bảo những tiện ích xã hội mang tính cơ bản và bao trùm cho toàn thể người dân và một số hạ tầng trọng yếu nhằm đạt những mục tiêu phát triển chiến lược của ngành.

Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia (VIUP) trực tiếp tham gia một số quy hoạch tỉnh, và tham gia góp ý cho nhiều quy hoạch tỉnh từ góc độ của ngành xây dựng. Ngoài ra, VIUP cũng tham khảo nhiều quy hoạch tỉnh khác trong quá trình lập quy hoạch (ví dụ để quy hoạch một tỉnh, cần tham khảo các quy hoạch tỉnh lân cận. Để làm một quy hoạch vùng, cần tham khảo tất cả các quy hoạch tỉnh trong vùng). Theo kinh nghiệm và quan sát của chúng tôi, cho tới nay, những chiến lược về văn hóa, thể thao cũng như những giải pháp hạ tầng đã được ngành văn hóa và các địa phương quận huyện đưa lên, với sự tham gia và thống nhất với tư vấn lập quy hoạch tỉnh và đã được tích hợp vào quy hoạch tỉnh, theo đúng quy định của luật pháp. Trong đa số các trường hợp, gần như không có vấn đề hay khó khăn gì, do các thiết chế văn hóa, thể thao được đưa ra đề xuất thường là những công trình cụ thể, tương đối nhỏ về diện tích và ít mâu thuẫn với những mục tiêu sử dụng đất và phát triển khác.

Hiện nay, trong đa số quy hoạch tỉnh, có một số vấn đề như sau:

1- Nội dung định hướng phát triển văn hóa, thể thao dưới góc độ một ngành lĩnh vực kinh tế và nội dung hạ tầng xã hội không được tách biệt rõ ràng và hay bị lẫn lộn, trùng lặp, do thiếu hướng dẫn chi tiết về sự phân biệt này cũng như những chỉ số chi tiết cần nghiên cứu trong từng phần ở nghị định và các văn bản hướng dẫn.

2- Giữa phân định hướng và phần hạ tầng thường thiếu mối liên hệ chặt chẽ. Nếu coi phần thiết chế hay hạ tầng là giải pháp nhằm đạt được các định hướng thì không đủ, vì các thiết chế chỉ là một nội dung trong định hướng phát triển ngành lĩnh vực văn hóa, thể thao.

3- Có những khó khăn nhất định trong việc hoạch định chiến lược ngành văn hóa, thể thao, vì một mặt, đây là một lĩnh vực kinh tế, mặt khác, bản chất của văn hóa, thể thao là vấn đề xã hội, hướng tới các mục tiêu văn minh, bình đẳng, công bằng. Những mục tiêu này được coi là một trong 3 trụ cột của phát triển bền vững, bên cạnh kinh tế. Vì thế về cơ bản không thể đánh giá và hoạch định lĩnh vực văn hóa, thể thao chỉ từ góc độ kinh tế. Hiện nay, chưa có mô hình thống nhất nào để tích hợp một cách bài bản lĩnh vực văn hóa, thể thao vào một hệ thống kinh tế ngành.

Thông thường, định hướng về lĩnh vực văn hóa, thể thao sẽ bao gồm một số nội dung chính sau:

1- Phát triển và nâng cao bản sắc văn hóa, sức khỏe người dân thông qua các hoạt động văn hóa, thể thao đại chúng, cộng đồng. Đây có thể coi là phần mục tiêu xã hội, phi kinh tế của lĩnh vực văn hóa, thể thao.

2- Phát triển công nghiệp văn hóa như một lĩnh vực kinh tế, với những mục tiêu tăng trưởng, đóng góp GRDP rõ ràng.

3- Tích hợp yếu tố văn hóa, thể thao để phát triển các lĩnh vực khác như du lịch, bất động sản, giáo dục đào tạo,... Đây là những tác động kinh tế thứ cấp của văn hóa, thể thao.

Như vậy, đối với các thiết chế văn hóa, cũng cần làm rõ các loại thiết chế nào là cần và đủ để đạt được 3 định hướng nói trên, trong từng trường hợp cụ thể của từng tỉnh. Có thể nói là định hướng chung về mặt luật pháp cũng như các thông tư, nghị định hướng dẫn hiện nay đối với lĩnh vực văn hóa là còn rất chung chung và lỏng lẻo.

Đối với nhóm thứ nhất, bao gồm các hoạt động văn hóa quần chúng, có một số chỉ tiêu, định mức, nhưng là chung cho các đô thị, sẽ không trả lời được câu hỏi cụ thể đối với từng đô thị thực tế, sẽ cần các yêu cầu gì để phát huy tối đa và tối ưu yếu tố văn hóa xã hội.

Đối với nhóm thứ hai là lĩnh vực công nghiệp văn hóa, còn chưa có những định nghĩa cụ thể về các ngành thuộc lĩnh vực này, cũng như các chỉ số phát triển định hướng cho lĩnh vực này.

Đối với nhóm tác động thứ cấp, đa số các tác động này chưa có phương pháp để định lượng, như kiểu các giá trị dịch vụ môi trường. Ngay cả việc nghiên cứu định tính cũng chưa có những định hướng để nêu bật được mối quan hệ giữa các lĩnh vực văn hóa, thể thao với các lĩnh vực khác.

Riêng về hạ tầng hay thiết chế văn hóa, thể thao, thì về cơ bản, hệ thống thiết chế văn hóa có thể được nhìn nhận ở 3 cấp độ: cấp độ vĩ mô toàn tỉnh, là những chiến lược phân vùng phát triển lớn. Cấp độ meso hay tầm trung là những cụm, tuyến mang tính chiến lược, có khả năng tích hợp với những chiến lược phát triển đất đai, du lịch. Cấp độ chi tiết mới là những công trình, thiết chế văn hóa, thể thao cụ thể. Trong đó, vai trò chính của một quy hoạch cấp tỉnh nằm ở hai lớp trên. Lớp cuối cùng là các công trình cụ thể thường là những dự án hoặc quy hoạch chi tiết, chương trình hành động cụ thể. Quy hoạch tỉnh chỉ nên có những định hướng chung về chỉ tiêu, tỷ lệ các thiết chế văn hóa, thể thao, chứ không xác định tới từng công trình.

Trong khi đó, hiện nay phân quy hoạch thiết chế văn hóa, thể thao chủ yếu nặng về danh sách chi tiết các công trình, mà đa số thiếu hai lớp trên. Với cách thức như vậy, thông thường quy hoạch sẽ chỉ nhắc lại những danh mục dự án có sẵn mà ít tính chất định hướng chiến lược tổng thể. Việc nhắc lại các danh mục dự án này không có hại đối với việc hoạch định chính sách, nhưng không phát huy hết được tính tổng thể và chiến lược của quy hoạch tỉnh.

Từ những quan sát đó, chúng tôi đề nghị nên có những cải tiến trong lĩnh vực này trong lần điều chỉnh các quy hoạch tỉnh tới. Bao gồm 2 nội dung chính sau:

1- Định nghĩa rõ bằng lời và các chỉ số cơ bản sự khác biệt giữa nội dung định hướng ngành văn hóa, thể thao và phần hạ tầng xã hội văn hóa, thể thao, làm cơ sở để báo cáo hai nội dung này trong hai chương độc lập.

2- Làm rõ nhu cầu hoạch định cấp vĩ mô và cấp trung quy mô trong hệ thống cấu trúc thiết chế văn hóa, thể thao của quy hoạch tỉnh, để cải thiện các nội dung này, tạo giá trị gia tăng thêm của quy hoạch tỉnh so với thông lệ hiện nay.

3- Có những định hướng và nghiên cứu sâu hơn, rõ nét hơn về các giá trị dịch vụ văn hóa, thể thao đối với nền kinh tế, định lượng và định tính, cũng như hướng dẫn chi tiết hơn về các nội dung này trong báo cáo quy hoạch tỉnh.

4- Làm rõ những nội dung ở mức độ nào thì sẽ đưa vào quy hoạch tỉnh, nội dung nào sẽ thuộc các chương trình, dự án, kế hoạch hành động của ngành./.

KINH NGHIỆM VỀ ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO Ở TRUNG QUỐC

TS. Trần Thị Thủy
Viện Nghiên cứu Trung Quốc

Dịch vụ văn hóa công cộng là một trong những hợp phần quan trọng của văn hóa Trung Quốc đương đại. Với mục đích đảm bảo cho người dân được hưởng thụ những điều kiện cơ bản nhất của văn hóa tinh thần, Trung Quốc đã sớm coi trọng vai trò của dịch vụ văn hóa công. Cùng với sự phát triển của kinh tế và nhu cầu nâng cao tổ chất của người dân, Trung Quốc đã từng bước xây dựng thành hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng, bao gồm cả hệ thống cơ sở vật chất, hệ thống dịch vụ, hệ thống kiểm định,... Cho đến nay, các chính sách và pháp luật liên quan đến hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng đang ngày càng hoàn thiện, nhằm tạo nên hành lang pháp lý đối với các quyền cơ bản của người dân. Bài viết tập trung phân tích các chính sách và pháp luật liên quan đến việc phát triển hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng của Trung Quốc, qua đó đưa ra một số gợi mở đối Việt Nam.

1. Khái quát chung về hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao và pháp luật liên quan

Trung Quốc sử dụng thuật ngữ “dịch vụ văn hóa công cộng” để nói về việc cung cấp các dịch vụ văn hóa công cho người dân của Nhà nước. Luật Bảo đảm Dịch vụ văn hóa công cộng của nước CHND Trung Hoa (Thông qua tại Phiên họp thứ 25 Ủy ban Thường vụ Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc khóa XII ngày 25 tháng 12 năm 2016) (Sau đây gọi tắt là Luật bảo đảm) đã đưa ra định nghĩa: “Dịch vụ văn hóa công cộng là chỉ hạ tầng văn hóa công cộng, sản phẩm văn hóa, hoạt động văn hóa và các dịch vụ khác có liên quan do Nhà nước cung cấp với sự tham gia của các lực lượng xã hội nhằm đáp ứng nhu cầu văn hóa cơ bản của người dân”.¹

Điều 13 chương II Luật Bảo đảm chỉ ra hạ tầng văn hóa công cộng là chỉ thư viện, bảo tàng, nhà (trạm) văn hóa, bảo tàng khoa học kỹ thuật, nhà kỷ niệm, sân thể thao, cung văn hóa công nhân, cung thanh thiếu niên, trung tâm hoạt động dành cho phụ nữ và trẻ em, trung tâm dịch vụ văn hóa mang tính tổng hợp ở cơ sở như hương trấn (đường phố) và thông (khu phố), phòng sách nông gia, cây (màn hình) đọc ở thành phố - nông thôn, hạ tầng phủ sóng truyền dẫn phát thanh - truyền hình, điểm dịch vụ văn hóa số công cộng, các công trình kiến trúc, địa điểm và thiết bị khác cung cấp dịch vụ văn hóa công cộng. Như vậy, hạ tầng văn hóa công cộng được hiểu là phần cứng để cung cấp các dịch vụ mềm thuộc về văn hóa công. Tuy nhiên, ở Trung Quốc rất ít khi sử dụng tách bạch thiết chế văn hóa mà chủ yếu sử dụng thuật ngữ dịch vụ văn hóa công cộng để đối lập với các hoạt động mang tính kinh doanh về văn hóa của công nghiệp văn hóa. Ngoài ra, Trung Quốc cũng coi trọng tính hệ thống và chỉnh thể của việc cung ứng dịch vụ công về văn hóa nên

¹ Npc.gov.cn, 2016, 中华人民共和国公共文化服务保障法

<http://www.npc.gov.cn/npc/c12435/201612/edd80cb56b844ca3ab27b1e8185bc84a.shtml>

thường đặt thiết chế văn hóa là một khái niệm không thể tách rời của dịch vụ văn hóa công cộng.

1.1. Chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước Trung Quốc về dịch vụ văn hóa công cộng

Hoàn thiện dịch vụ văn hóa công cộng là một trong những trọng tâm trong chính sách phát triển văn hóa của Trung Quốc. Dịch vụ văn hóa công cộng thuộc về sự nghiệp văn hóa - là một trong hai trụ cột chính của nền văn hóa Trung Quốc, bên cạnh công nghiệp văn hóa. Các chính sách liên quan đến dịch vụ văn hóa công cộng của Trung Quốc ngày càng gia tăng với một số đặc điểm nổi bật như:

1.1.1. Trung ương ĐCS Trung Quốc lần lượt đưa ra nhiều quyết định và chỉ đạo quan trọng liên quan đến cải cách và hoàn thiện hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng

Kể từ Đại hội XVI ĐCS Trung Quốc, cùng với việc thực hiện cải cách thể chế văn hóa, các chính sách phát triển văn hóa đã được chia thành hai hướng: *văn hóa phúc lợi công cộng* và các ngành công nghiệp văn hóa thương mại. Năm 2006, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và Quốc vụ viện đã ban hành văn kiện *Một số ý kiến về việc đi sâu cải cách thể chế văn hóa*, trong đó nêu rõ: “Cần tăng cường đầu tư vào các hoạt động văn hóa phúc lợi công cộng, điều chỉnh phân bổ nguồn lực và từng bước xây dựng hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng”.² Đây là lần đầu tiên khái niệm “**hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng**” được đưa vào một văn bản của Trung ương. Như vậy, sự chuyển biến về mặt khái niệm từ “hoạt động văn hóa phúc lợi công cộng” đến “hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng” cho thấy sự phát triển trong quan điểm của Chính phủ Trung Quốc đối với lĩnh vực này, từ những hoạt động công đơn lẻ đến việc xây dựng một hệ thống các dịch vụ văn hóa công. Điều này đã tạo đà để Trung Quốc có những điều chỉnh về mặt chính sách đối với việc hoàn thiện hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng về sau.

Năm 2007, Trung Quốc tiếp tục ban hành “*Một số ý kiến về việc tăng cường xây dựng hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng*” (tháng 6 năm 2007), nhấn mạnh rằng: “Căn cứ trên nguyên tắc kết cấu hợp lý, phát triển cân bằng, kiện toàn mạng lưới, vận hành có hiệu quả, lấy sự chỉ đạo của chính phủ làm cơ sở, lấy đơn vị văn hóa mang tính công ích làm nòng cốt, cổ vũ toàn xã hội tham gia tích cực vào việc cung cấp các sản phẩm văn hóa công ích, thiết kế mạng lưới, đảm bảo vốn - nhân lực - kỹ thuật... đảm bảo quyền lợi văn hóa cơ bản của mỗi người dân như xem phim, nghe đài, đọc sách, đọc báo,...”³

Bước vào thập niên thứ 2 thế kỷ XXI, đặc biệt từ sau Đại hội XVIII ĐCS Trung Quốc (năm 2012), Trung ương ĐCS Trung Quốc tiếp tục đưa ra các chỉ đạo đề đẩy nhanh việc xây dựng hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng hiện đại trong quá trình cải cách sâu rộng tại nước này. Tháng 11 năm 2013, Hội nghị trung ương 3 khóa XVIII đã nêu ra ý tưởng chiến lược xây dựng *hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng hiện đại*.

² Npc.gov.cn, 2006, “中共中央国务院发出关于深化文化体制改革意见”, https://www.gov.cn/jrzq/2006-01/12/content_156924.htm.

³ 张晓明, 2021, 中国文化发展研究报告 (2017-2020), 社会科学文献出版社, 北京, 第 120 页。

Năm 2015, Văn phòng Trung ương Đảng và Quốc vụ viện Trung Quốc đã ban hành “*Ý kiến về đẩy nhanh việc xây dựng hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng hiện đại*”, đưa ra kế hoạch chi tiết cho việc xây dựng hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng hiện đại, mở ra một hành trình mới trong việc xây dựng hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng hiện đại của Trung Quốc. Trung Quốc đặt mục tiêu đến năm 2020 cơ bản hình thành được hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng hiện đại, bao phủ cả thành thị và nông thôn, thuận tiện, hiệu quả, đảm bảo các yêu cầu cơ bản và thúc đẩy sự công bằng. Mạng lưới các công trình văn hóa công cộng được phủ kín và liên thông với nhau. Nội dung và phương tiện của các dịch vụ văn hóa công cộng phong phú hơn, chất lượng dịch vụ được cải thiện rõ rệt, cơ chế quản lý, vận hành và bảo đảm văn hóa công ngày càng hoàn thiện. Mô hình chính quyền, thị trường và xã hội cùng tham gia xây dựng hệ thống dịch vụ văn hóa công từng bước được hình thành, các quyền và lợi ích văn hóa cơ bản của người dân được bảo vệ tốt hơn, mức độ bình đẳng của các dịch vụ văn hóa công cơ bản được cải thiện dần⁴.

Cũng trong năm 2015, Trung Quốc lần đầu tiên ban hành “*Tiêu chuẩn hướng dẫn quốc gia về dịch vụ văn hóa công cộng cơ bản (2015 - 2020)*”, quy định về các dự án dịch vụ văn hóa công cộng cơ bản và điều kiện cơ sở vật chất phân cấp, nhân sự,... mà chính quyền các cấp cần cung cấp cho người dân. Trên cơ sở tiêu chuẩn hướng dẫn của Chính phủ, các địa phương sẽ xây dựng các tiêu chí phù hợp với thực tế từng khu vực, từng bước hình thành mô hình **chính phủ, thị trường và xã hội cùng tham gia vào hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng**. Đây là một đặc điểm quan trọng của hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng hiện đại của Trung Quốc.

Bảng 1. Tiêu chuẩn hướng dẫn quốc gia về dịch vụ văn hóa công cộng cơ bản (2015 - 2020)

Hạ tầng văn hóa công cộng	<p>Trên cấp quận (bao gồm cấp quận, cấp dưới) thành lập thư viện công cộng và trung tâm văn hóa trong phạm vi quyền hạn, thiết lập trạm văn hóa tổng hợp ở các thị trấn (đường phố), quy hoạch và xây dựng theo tiêu chuẩn xây dựng do Chính phủ ban hành Nhà nước.</p> <p>Bảo tàng công cộng và phòng trưng bày nghệ thuật công cộng được quy hoạch và xây dựng theo tiêu chuẩn quốc gia có liên quan.</p> <p>Kết hợp với việc xây dựng các công trình dịch vụ công toàn diện ở cơ sở, lồng ghép các nguồn lực như trường tiểu học và trung học cơ sở nhân rồi, phối hợp xây dựng các trung tâm dịch vụ văn hóa tổng hợp ở thôn (cộng đồng), phân bổ trang thiết bị văn hóa, thể thao theo điều kiện của địa phương.</p>
Nhân sự - biên chế	<p>Các cơ sở văn hóa công cộng trên cấp huyện được biên chế theo chức năng và số lượng cơ sở do phòng nhân sự của các sở, ngành khác phê duyệt.</p> <p>Mỗi trạm văn hóa tổng hợp thị trấn được tuyển 1-2 nhân viên, và số lượng này được tăng lên phù hợp đối với các thị trấn lớn hơn, các trung tâm dịch vụ công cộng thôn (cộng đồng) có các trạm văn hóa phúc lợi công cộng được chính phủ cung cấp.</p>

⁴中共中央办公厅、2015,国务院办公厅印发《关于加快构建现代公共文化服务体系的意见》（全文），https://www.gov.cn/xinwen/2015-01/14/content_2804250.htm.

1.2.1. Luật pháp về dịch vụ văn hóa công cộng ngày càng kiện toàn

Trên cơ sở hướng dẫn của các quyết định và chỉ đạo quan trọng của Trung ương, luật và chính sách về văn hóa công cộng của Trung Quốc từng bước được hoàn thiện. *Luật Bảo đảm dịch vụ văn hóa công cộng, Luật Thư viện công cộng, Quy chế bảo tàng...* được ban hành và thực hiện đã tạo ra sự bảo đảm pháp lý vững chắc cho việc xây dựng hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng của Trung Quốc.

Thứ nhất, cải thiện hệ thống pháp luật văn hóa của Trung Quốc và nâng cao mức độ hợp pháp hóa việc xây dựng văn hóa công cộng. Trước đây, Trung Quốc chỉ có một số quy định trong lĩnh vực văn hóa công cộng với số lượng khá ít và mức độ thấp, như: Quy chế *Công trình văn hóa, thể thao công cộng*, Quy chế *Bảo tàng*. Việc ban hành *Luật Bảo đảm dịch vụ văn hóa công cộng*⁽⁵⁾ đã bù đắp những điểm khuyết thiếu của pháp luật về dịch vụ văn hóa công cộng, nâng cao tính pháp lý, bình đẳng hóa và tiêu chuẩn hóa hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng của Trung Quốc. Các hệ thống chính do luật thiết lập bao gồm: hệ thống tiêu chuẩn dịch vụ văn hóa công cộng cơ bản, hệ thống mở miễn phí hoặc ưu đãi các cơ sở dịch vụ văn hóa công cộng, hệ thống thông báo dịch vụ văn hóa công cộng, hệ thống đánh giá hiệu quả sử dụng cơ sở dịch vụ văn hóa công cộng để công chúng tham gia, hệ thống giám sát và thông báo sử dụng quỹ dịch vụ văn hóa công cộng,...

Thứ hai, cung cấp cơ sở pháp lý cơ bản để chính quyền các cấp thúc đẩy hiện đại hóa năng lực quản trị văn hóa. *Luật Bảo đảm* tiếp tục được chuẩn hóa, quy định trách nhiệm, nghĩa vụ của chính quyền các cấp đối với dịch vụ văn hóa công cộng, tạo cơ sở pháp lý bảo đảm quyền lực hành chính Nhà nước không vượt quyền.

Thứ ba, cung cấp sự bảo vệ pháp lý đối với các quyền và lợi ích văn hóa cơ bản của người dân cũng như đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần ngày một nâng cao của nhân dân. *Luật Bảo đảm* bám sát định hướng lấy người dân làm trung tâm, đề cao mục tiêu đáp ứng nhu cầu văn hóa cơ bản của công dân, làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, tạo chỗ dựa pháp lý vững chắc để công chúng hưởng thụ tốt hơn các dịch vụ văn hóa công cộng cơ bản như: đọc sách, xem TV, nghe đài, tham gia các hoạt động văn hóa công cộng.

Bên cạnh các luật và quy định, Trung Quốc cũng thiết lập hệ thống điều phối tổng thể các dịch vụ văn hóa công cộng. Bộ Văn hóa và Du lịch nước này đã chủ trì thành lập Tổ điều phối xây dựng hệ thống dịch vụ văn hóa công quốc gia gồm 26 đơn vị, tập trung vào các nhiệm vụ cải cách trọng điểm do chính quyền trung ương chỉ định và tăng cường lập kế hoạch tổng thể.

Ngoài ra, Trung Quốc còn xây dựng hệ thống tiêu chuẩn dịch vụ văn hóa công cộng cơ bản quốc gia, lấy tiêu chuẩn quốc gia làm tiêu chuẩn cơ bản để các địa phương tham khảo. “Hướng dẫn tiêu chuẩn dịch vụ văn hóa công cộng cơ bản quốc gia (2015 - 2020)” là “tiêu chuẩn cốt lõi” đầu tiên của Trung Quốc làm rõ nội dung và loại hình dịch vụ văn hóa công cộng cơ bản của quốc gia. Các tỉnh, khu tự trị, thành phố xây dựng tiêu chuẩn thực hiện cụ thể, bước đầu hình thành hệ thống tiêu chuẩn

⁵ Law-lib.com, 2016, 中华人民共和国公共文化服务保障法, http://www.law-lib.com/LAW/law_view.asp?id=551450.

kết nối cấp trung ương và địa phương, làm rõ trách nhiệm bảo đảm của chính quyền. Một số chính quyền có điều kiện kinh tế lớn hơn như các thành phố trực thuộc trung ương, các tỉnh phát triển sẽ xây dựng tiêu chuẩn dịch vụ văn hóa công cộng cao hơn so với tiêu chuẩn cốt lõi, điển hình như tỉnh Chiết Giang:

Bảng 2. Tiêu chuẩn về phân cứng cơ sở dịch vụ văn hóa công cộng của tỉnh Chiết Giang giai đoạn 2015 - 2020

Thư viện	<p>25. Thư viện công cộng lớn sẽ được thành lập tại nơi có chính quyền thành phố với dân số thường trú trên 1,5 triệu người, thư viện công cộng cỡ trung bình sẽ được thành lập tại các thành phố khác.</p> <p>26. Nơi đóng đô của chính quyền quận (thành phố, huyện) thành lập thư viện công cộng có hệ thống tổ chức độc lập, cấp bộ trở lên.</p> <p>27. Thị xã, thị trấn (phố) trung tâm tỉnh có dân số thường trú trên 100.000 người thành lập thư viện chi nhánh.</p> <p>28. Các làng (cộng đồng) thành lập thư viện (bao gồm cả trang trại).</p> <p>29. Các thị trấn (đường phố), làng (cộng đồng) có phòng đọc điện tử công cộng với cấu hình tiêu chuẩn hoặc điểm phục vụ cơ sở cho các dự án chia sẻ văn hóa.</p>
Trung tâm văn hóa	<p>30. Thành phố xây dựng trung tâm văn hóa loại vừa. 31. Nơi trực thuộc chính quyền quận (thành phố, huyện) thành lập trung tâm văn hóa có hệ thống tổ chức độc lập, cấp bộ trở lên.</p>
Bảo tàng di sản văn hóa phi vật thể và Bảo tàng Nghệ thuật	<p>Thành phố và quận (thành phố) có bảo tàng công lập thuộc sở hữu Nhà nước, diện tích xây dựng bảo tàng thành phố hơn 6.000 m², diện tích xây dựng quận (thành phố) bảo tàng rộng hơn 4.000 m².</p> <p>33. Thành phố và quận (thành phố, quận) thành lập các địa điểm (hội trường) trưng bày độc lập về di sản văn hóa phi vật thể.</p> <p>34. Có phòng trưng bày nghệ thuật công cộng trong thành phố.</p>
Biên chế nhân lực	<p>45. Các thiết chế văn hóa công cộng từ cấp huyện trở lên được trang bị biên chế theo chức năng và số lượng của cơ sở do phòng nhân sự địa phương, bảo hiểm xã hội, văn phòng ủy ban biên tập và các sở ban ngành phê duyệt.</p> <p>46. Các trạm văn hóa tổng hợp thị trấn (đường phố) được trang bị 1 - 2 nhân viên, và các thị trấn lớn hơn được tăng lên một cách thích hợp, các trung tâm dịch vụ công cộng thôn (cộng đồng) thành lập các trạm văn hóa phúc lợi công cộng do chính phủ mua. Đào tạo nghiệp vụ</p> <p>47. Nhân viên của các thiết chế văn hóa công cộng trên cấp huyện phải tham gia đào tạo ngoài công việc không ít hơn 15 ngày một năm; phải tham gia huấn luyện tập trung không ít hơn 5 ngày trong năm.</p>
Đội văn nghệ	<p>48. Mỗi khu phố (tổ dân phố) có không dưới 3 đội văn nghệ, hoạt động tương đối ổn định và thường xuyên, mỗi thôn (tổ dân phố) có ít nhất một đội văn nghệ quần chúng hoạt động thường xuyên. Tình nguyện viên văn hóa.</p> <p>49. Thành lập một số đội tình nguyện viên văn hóa nhất định ở cấp thành phố, quận và thị trấn.</p>

Thiết lập và cải thiện hệ thống phục vụ miễn phí. Thúc đẩy việc mở cửa miễn phí các thư viện công cộng quốc gia, trung tâm (trạm) văn hóa, bảo tàng, đài tưởng

niệm và một số bảo tàng khoa học và công nghệ. Dịch vụ văn hóa công cộng là phương thức chính để thực hiện, duy trì và phát triển các quyền và lợi ích văn hóa cơ bản của người dân.

2. Một số đánh giá đối với chính sách, pháp luật về dịch vụ văn hóa công cộng và việc thực thi của Trung Quốc

2.1. Về ưu điểm

Ưu điểm thứ nhất là Trung Quốc nhận thức rõ ràng và đánh giá cao vai trò của hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng trong sự phát triển của quốc gia. Điều này được thể hiện qua quan điểm của Chính phủ Trung Quốc về dịch vụ văn hóa công cộng. Chức năng của hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng được xác định là “dĩ văn hóa nhân”, tức là tuyên truyền giá trị quan cốt lõi xã hội chủ nghĩa đến mọi người, nâng cao đạo đức và tố chất văn hóa của công dân. Tầm quan trọng của dịch vụ văn hóa công cộng được Trung Quốc xác định thông qua 4 đặc điểm cơ bản gồm: *Tính cơ bản, tính công ích, tính bình đẳng và tính tiện dụng*⁶. Tính bình đẳng được coi là hạt nhân (mục đích cuối cùng của văn hóa công cộng là đưa văn hóa đến mỗi người dân), tính cơ bản là thước đo (đảm bảo quyền lợi văn hóa cơ bản, đáp ứng nhu cầu văn hóa cơ bản); tính công ích là sự đảm bảo (các dịch vụ văn hóa công cộng do chính phủ chỉ đạo, chủ yếu được hỗ trợ bởi tài chính công), tiện dụng là tiền đề (văn hóa công cộng phải là văn hóa bên cạnh người dân, văn hóa đi vào cuộc sống hàng ngày của họ, phải tiện dụng trong sử dụng). Chính vì vậy, việc phát triển hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng được cho là góp phần đảm bảo an ninh văn hóa quốc gia, vì nếu không có nhận thức chung văn hóa của toàn thể người dân thì không thể có sự chuyển hoá bên trong về giá trị quan chủ lưu và an ninh văn hóa quốc gia dễ bị lung lay.

Ưu điểm thứ hai chính là sự rõ ràng về luật và cụ thể về tiêu chuẩn đối với việc đảm bảo và phát triển quyền thụ hưởng các dịch vụ văn hóa công cộng của người dân. Điều đó được thể hiện qua sự ra đời của Luật, cụ thể hoá trong các tiêu chuẩn từ cấp trung ương đến cấp địa phương. Việc chính phủ trung ương đưa ra một mức tiêu chuẩn cơ bản cho việc thực thi bảo đảm dịch vụ văn hóa công cộng cũng là một ưu điểm để khai thác và phát huy thế mạnh của từng địa phương, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương mình.

2.2. Về hạn chế

Chuyển động về mặt chính sách liên quan đến dịch vụ văn hóa công cộng của Trung Quốc tương đối chậm. Trong một thời gian dài trước khi có sự ra đời của các Luật và Bảng tiêu chuẩn liên quan, Trung Quốc chỉ có *Luật Bảo vệ văn vật, Luật Di sản văn hóa phi vật thể, Luật quyền tác giả*. Chính vì vậy, sự phát triển của lĩnh vực dịch vụ văn hóa công cộng không có nhiều đột phá, chưa được nhìn nhận trong một hệ thống chính thể.

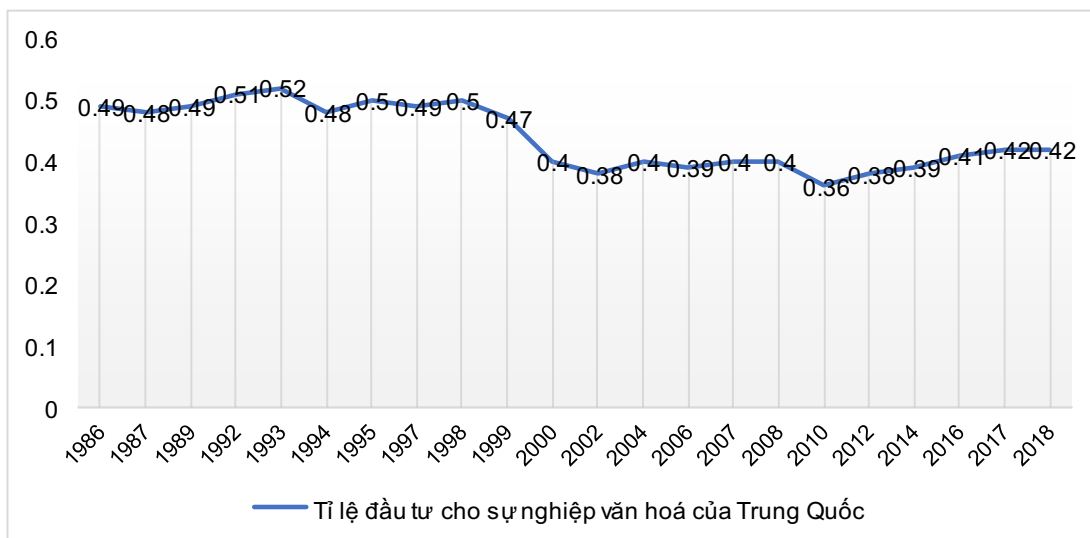
Về việc thực thi chính sách, pháp luật về thiết chế văn hóa, thể thao của Trung Quốc: Việc ban hành “Hướng dẫn tiêu chuẩn dịch vụ văn hóa công cộng cơ bản

⁶ 李国新 (2016), 对我国现代公共文化服务体系建设的思考, 十二届全国人大常委会专题讲座第二十一讲, <http://www.npc.gov.cn/npc/c541/201604/7dbf863588ab4f858a8912319cf0e62e.shtml>, truy cập 22/8/2023

quốc gia (2015-2020)” đóng một vai trò quan trọng trong việc xây dựng hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng của Trung Quốc. Theo thống kê, tổng cộng 31 tỉnh (khu tự trị và thành phố) ở Trung Quốc đã xây dựng các tiêu chuẩn thực hiện cụ thể trong giai đoạn Quy hoạch 5 năm lần thứ XIII. 333 thành phố và 2.846 quận đã ban hành danh mục các dịch vụ văn hóa công cộng cơ bản. Việc ban hành, thực hiện các tiêu chuẩn và danh mục này cho thấy hệ thống tiêu chuẩn của các dịch vụ văn hóa công cộng cơ bản ở Trung Quốc đang dần hình thành.

Cùng với các bước tiến về chính sách và pháp luật, Trung Quốc đã đầu tư lượng ngân sách đáng kể trong phát triển dịch vụ văn hóa công cộng. Từ năm 2015 đến năm 2020, chính quyền trung ương đã đầu tư tổng cộng 82,049 tỷ NDT trong quỹ trợ cấp, bao gồm 15,29 tỷ NDT vào năm 2020, để hỗ trợ thực hiện xây dựng văn hóa kỹ thuật số công cộng, dịch vụ tình nguyện văn hóa và các dự án khác⁷. Đối với văn hóa cơ sở, Trung Quốc đã cung cấp các dịch vụ văn hóa cơ bản cho 23.000 thiết bị phòng sinh hoạt văn hóa thôn, đưa khoảng 78.000 buổi biểu diễn dựa trên Kinh kịch đến với 12.000 thôn và thị trấn, nâng cấp phương tiện sân khấu di động cho 200 đoàn kịch cơ sở, thực hiện các hoạt động văn hóa quần chúng như biểu diễn múa và lễ hội dân gian, bảo vệ có hiệu quả quyền và lợi ích văn hóa căn bản của nhân dân. Đồng thời, chính quyền trung ương đã thành lập các quỹ liên quan trị giá 47.056 tỷ NDT, trong đó 7.924 tỷ NDT vào năm 2020, để hỗ trợ hơn 50.000 thư viện công cộng, phòng trưng bày nghệ thuật, trung tâm văn hóa (nhà ga), bảo tàng và nhà lưu niệm trên cả nước phục vụ miễn phí. Các dịch vụ văn hóa công cộng hỗ trợ đào tạo và cử khoảng 19.000 nhân viên văn hóa đến các vùng sâu, vùng xa và nghèo khó, vùng dân tộc thiểu số biên giới và vùng căn cứ cách mạng cũ mỗi năm, hỗ trợ cho việc xây dựng hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng ngày càng hoàn thiện⁸.

Biểu đồ: Tỷ lệ đầu tư cho sự nghiệp văn hóa của Trung Quốc từ năm 1986 đến năm 2018



Nguồn: 张晓明, 2021, 中国文化发展研究报告 (2017-2020), 社会科学文献出版社, 北京, 第 130 页

⁷ 中国文化和旅游部网站, 2021, 明确了基本公共文化服务范围! 《国家基本公共服务标准 (2021 年版)》出台, https://www.mct.gov.cn/whzx/bnsj/ggwhs/202104/t20210425_923963.html, truy cập ngày 3/9/2023.

⁸ 中国文化和旅游部网站, 2021, [tidd](#).

Tuy nhiên, đặt quy mô đầu tư cho dịch vụ văn hóa công trong tổng thu chi tài chính của cả nước cho thấy, mức vốn dành cho lĩnh vực này vẫn tương đối khiêm tốn và không có đột phá cụ thể. Cụ thể, trong 32 năm từ năm 1986 đến năm 2018, mức đầu tư cho sự nghiệp văn hóa chỉ chiếm khoảng 0,4% tổng thu chi chung của Trung Quốc⁹.

Ngoài ra, sự thiếu ăn khớp giữa dịch vụ cung của Nhà nước và nhu cầu của người dân là một trong những hạn chế trong quá trình vận hành hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng của Trung Quốc. Nhiều hạng mục văn hóa được Nhà nước đầu tư nhưng không được người dân đón nhận đã gây lãng phí tài nguyên công. So với các quốc gia phát triển như Mỹ, Anh, Nhật Bản, tính hiệu quả trong việc sử dụng dịch vụ thư viện công của Trung Quốc còn rất thấp và ở khoảng cách rất xa. Làm sao để đánh giá đúng nhu cầu văn hóa của người dân, đưa ra các cải cách đối với bên cung, nâng cao hiệu quả sử dụng là nan đề đối với dịch vụ văn hóa công của Trung Quốc hiện nay. Một số địa phương của Trung Quốc đã tiến hành công tác đánh giá để có căn cứ tiếp tục đầu tư xây dựng, nhưng cũng chưa đạt được hiệu quả như mong muốn do các đánh giá thiếu chỉ tiêu, phương pháp và tính khoa học. Vì vậy, một số gợi mở đang được hướng đến là vận dụng cơ sở dữ liệu lớn (big data) để nắm bắt chính xác nhu cầu của người dân nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng của dịch vụ văn hóa công.

Bảng 3: So sánh chỉ tiêu chủ yếu về hiệu quả dịch vụ thư viện công của một số quốc gia

Quốc gia	Tỷ lệ độc giả có chứng nhận còn giá trị trên tổng dân số (%)	Tỷ lệ mượn đọc bình quân/năm (cuốn)	Tỷ lệ người đến thư viện bình quân/năm (lần)	Tỷ lệ mượn về (cuốn)
Mỹ	68	7,7	5,1	2,5
Anh	58	5	5,4	3,1
Nhật	43	5,4	2,4	1,8
Trung Quốc	2,9	0,34	0,39	0,59

Nguồn: 李国新, 2016, ttd.

3. Một số gợi mở đối với Việt Nam

Trong những năm qua, Trung Quốc đã có nhiều chuyển biến trong nhận thức và hệ thống pháp luật liên quan đến hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng. Hiện nay, với định hướng hướng đến phát triển chất lượng cao về mọi mặt và thực hiện mục tiêu xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa hiện đại, Trung Quốc tiếp tục coi trọng vai trò của hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng.

Thứ nhất, về mặt định vị tâm quan trọng của thiết chế văn hóa đối với sự phát triển của nền văn hóa dân tộc: Đối với Việt Nam, đi đôi với việc thúc đẩy sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa, chúng ta cần đặc biệt chú trọng đến việc hoàn thiện hệ thống sự nghiệp văn hóa, trong đó bao gồm các thiết chế văn hóa và thể thao. Đây là chỉ tiêu quan trọng để đảm bảo những quyền lợi cơ bản của người dân về việc thụ hưởng văn hóa. Thiết chế văn hóa, thể thao cũng là cơ sở hạ tầng

⁹ 张晓明, 2021, 中国文化发展研究报告 (2017 - 2020), 社会科学文献出版社, 北京, 第 130 页

cứng để xây dựng tố chất tinh thần của người dân và góp phần tạo ra sức mạnh mềm văn hóa cho Việt Nam. Xây dựng và đầu tư cho dịch vụ văn hóa công cộng phải được định vị là xây dựng nền tảng văn hóa tinh thần cho người dân, tố chất văn hóa của dân tộc. Bảo đảm việc thực hiện hiệu quả dịch vụ văn hóa công cộng là đảm bảo về an ninh văn hóa và là mạch nguồn để kiến tạo sức mạnh mềm quốc gia.

Thứ hai, xây dựng và hoàn thiện hành lang pháp lý liên quan đến thiết chế văn hóa để đảm bảo được quyền lợi cơ bản đó của người dân được đảm bảo. Không chỉ riêng Trung Quốc mà một số nước trong khu vực và trên thế giới đều đã có Luật liên quan đến dịch vụ văn hóa công cộng. Ví dụ như: Luật về quỹ nghệ thuật và nhân văn quốc gia (Mỹ), Luật giáo dục xã hội (Nhật), Luật chấn hưng văn hóa nghệ thuật (Nhật), Luật chủ nghĩa văn hóa đa nguyên (Canada), Luật liên bang thúc đẩy văn hóa (Thụy Điển),... Hệ thống pháp luật với các quy định rõ ràng về tiêu chuẩn cơ bản, việc truyền thông dịch vụ, đánh giá hiệu quả sử dụng, cơ chế giám sát quỹ công ích... sẽ góp phần tạo nên điểm tựa để các quyền lợi thụ hưởng văn hóa của người dân được thực thi.

Thứ ba, xây dựng tiêu chuẩn cơ bản quốc gia về thiết chế văn hóa. Kinh nghiệm của Trung Quốc về việc đưa ra tiêu chuẩn cơ bản quốc gia, hướng dẫn các địa phương xây dựng hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của mình cũng đáng được tham khảo. Mỗi địa phương sẽ có đặc thù riêng về điều kiện phát triển, thành phần dân tộc và mật độ dân số, do vậy khó để áp dụng một quy định chung cho tất cả. Xây dựng một tiêu chuẩn cơ bản để các địa phương tham khảo sẽ vừa đảm bảo được mục tiêu quốc gia vừa phù hợp với thực tiễn của địa phương. Đồng thời, điều đó sẽ giúp các địa phương phát huy được nguồn lực của địa phương và huy động vai trò của thị trường trong việc tham gia vào đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa phục vụ người dân.

Thứ tư, xác định tính chất nền tảng của dịch vụ văn hóa công cộng là tính tiện dụng, đảm bảo yếu tố văn hóa đi vào cuộc sống thường nhật của người dân cũng hết sức quan trọng. Vì vậy, thay vì xây dựng thiết chế văn hóa hướng đến quy mô lớn thì cần được thiết kế hướng tới độ bao phủ với quy mô vừa và nhỏ. Đây là cách thức để tránh gây lãng phí nguồn lực đầu tư của Nhà nước, đưa lại hiệu quả cao và thiết thực với nhu cầu nâng cao văn hóa tinh thần của người dân.

Kết luận

Là một trong hai trụ cột chính của nền văn hóa, Trung Quốc ngay từ đầu đã xác định văn hóa công cộng có vai trò quan trọng trong việc nâng cao tố chất của người dân và sự phát triển của đất nước. Điều này được thể hiện thông qua sự hoàn thiện về mặt khái niệm, các chính sách và pháp luật liên quan đến hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng của Trung Quốc. Năm 2015, sự ra đời của Luật bảo đảm dịch vụ văn hóa công cộng đã góp phần tạo ra hành lang pháp lý để bình đẳng hóa và tiêu chuẩn hóa hệ thống dịch vụ văn hóa công cộng của Trung Quốc. Việt Nam trên con đường chấn hưng văn hóa dân tộc càng cần thiết phải coi trọng việc hoàn thiện và phát huy vai trò của hệ thống thiết chế văn hóa trong việc nâng cao trình độ văn hóa của toàn xã hội. Hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan là điểm tựa hết sức quan trọng để thực hiện điều đó./.

PHẦN II
BÁO CÁO, THAM LUẬN CỦA BỘ, NGÀNH,
CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

TIẾP TỤC HOÀN THIỆN CƠ SỞ PHÁP LÝ VỀ THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO

Thường trực Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội

Các văn kiện của Đảng trong mọi thời kỳ đều khẳng định và thể hiện nhất quán vai trò quan trọng của văn hóa đối với sự nghiệp cách mạng, xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước, đồng thời, khẳng định nguyên tắc Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Nhà nước quản lý bằng pháp luật và "*Pháp luật là thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, thể hiện ý chí của nhân dân, phải được thực hiện thống nhất trong cả nước*"¹. Hệ thống pháp luật quy định về lĩnh vực văn hóa và hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao phải tạo ra cơ chế nhằm phát huy tính sáng tạo, tạo ra nhiều sản phẩm văn hóa, sinh hoạt văn hóa đáp ứng nhu cầu thưởng thức văn hóa, luyện tập, thi đấu thể thao ngày càng phong phú, đa dạng của nhân dân, góp phần nâng cao chất lượng đời sống tinh thần của nhân dân.

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) của Đảng xác định chủ trương nâng cao chất lượng hoạt động của các thiết chế văn hóa hiện có, sắp xếp hợp lý các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp và kinh doanh, nâng cấp các đơn vị văn hóa - nghệ thuật trọng điểm, tạo chất lượng mới cho toàn ngành. *Nghị quyết số 33/NQ-TW ngày 09/6/2014 Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI* về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước nhấn mạnh ý nghĩa và tầm quan trọng của việc xây dựng hệ thống pháp luật về thiết chế văn hóa: Hoàn thiện thể chế, chế định pháp lý và thiết chế văn hóa bảo đảm xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại *Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* của Đảng khẳng định: đổi mới, hoàn thiện các thiết chế văn hóa từ trung ương đến cơ sở, bảo đảm hiệu quả.

Việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao được Đảng chỉ đạo cụ thể, trong đó, nhấn mạnh việc xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa và chế độ đãi ngộ, khuyến khích, tôn vinh những người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa. Đây là cơ sở chính trị quan trọng để các cơ quan Nhà nước từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật về thiết chế văn hóa, thể thao, tạo cơ sở pháp lý để Nhà nước, các cơ quan, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng các công trình văn hóa, thể thao, tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí, tạo môi trường lành mạnh đáp ứng nhu cầu và thu hút nhân dân tham gia. Trong những năm qua, thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, Quốc hội, Chính phủ luôn quan tâm, ban hành nhiều văn bản quy định trực tiếp và gián tiếp về cơ chế, chính sách, pháp luật phát triển văn hóa, đầu tư, xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao ở trung ương và cơ sở.

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb Sự thật, H.1987, tr.120.

1. Khái niệm về thiết chế văn hóa, thể thao

Theo Từ điển bách khoa Việt Nam, thiết chế văn hóa “là *chính thể văn hóa hội tụ đầy đủ các yếu tố: cơ sở vật chất, bộ máy tổ chức, hệ thống biện pháp hoạt động và kinh phí hoạt động cho các thiết chế đó*”². Thiết chế văn hóa (cultural institutions) là thuật ngữ ảnh hưởng từ mô hình các nước xã hội chủ nghĩa, được sử dụng rộng rãi trong ngành văn hóa Việt Nam từ những năm 1970, dùng để chỉ các cơ quan, đơn vị hoạt động văn hóa (bao gồm các công trình xây dựng liên quan/phục vụ hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao) do Nhà nước hoặc cộng đồng xã hội lập ra nhằm đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần của công chúng. Thiết chế văn hóa không chỉ là những công trình vật chất cụ thể mà còn bao hàm cả hệ thống cơ chế, chính sách vận hành; đội ngũ nhân lực làm công tác quản lý, tổ chức, nguồn lực tài chính và các chủ thể hoạt động. Xét từ khía cạnh chủ thể quản lý, hiện nay, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao được tổ chức thành 02 hệ thống: Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trung ương³ (do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trực tiếp quản lý); Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở⁴ (do Ngành văn hóa, thể thao và du lịch, Công đoàn và Đoàn thanh niên quản lý).

Theo các văn bản pháp luật hiện hành, tổng hợp từ hai quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành năm 2013, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao được xác định bao gồm: Nhà văn hóa - khu thể thao ở thôn và tương đương; Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, cấp huyện; trung tâm văn hóa cấp tỉnh, thành phố; nhà thiếu nhi, cung thiếu nhi, trung tâm hoạt động thanh thiếu niên cấp huyện, cấp tỉnh; nhà văn hóa lao động cấp huyện, cung văn hóa lao động, nhà văn hóa lao động cấp tỉnh, trung tâm văn hóa – thể thao ở khu chế xuất, khu công nghiệp và trong các doanh nghiệp lớn; các nhà văn hóa, trung tâm văn hóa – thể thao trực thuộc các bộ, ngành, đoàn thể và lực lượng vũ trang;⁵ nhà hát, rạp chiếu phim, nhà triển lãm văn học nghệ thuật⁶. Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Quy hoạch năm 2017, quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao là quy hoạch ngành quốc gia. Như vậy, trong các văn bản pháp luật, bên cạnh khái niệm “*hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao*”, còn có khái niệm “*mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao*”. Hiện nay, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ lập Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.⁷

² Từ điển Bách khoa Việt Nam, tập 4, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2005, tr.28

³ Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trung ương gồm: Thư viện quốc gia, Trung tâm Triển lãm Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam, Bảo tàng, Thiết chế Điện ảnh, Thiết chế Nhà hát (linh vực Nghệ thuật biểu diễn), Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam và Thiết chế thể thao.

⁴ Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ cộng đồng thuộc Ngành văn hóa, thể thao và du lịch quản lý (thiết chế văn hóa, thể thao các cấp), gồm: Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh, Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện, Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã và Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn; hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ thanh niên, thiếu niên và nhi đồng (thiết chế văn hóa, thể thao Đoàn Thanh niên), gồm: Cung, Nhà Thiếu nhi, Trung tâm Hoạt động Thanh thiếu nhi cấp tỉnh và Nhà thiếu nhi cấp huyện; hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ công nhân, viên chức và người lao động (thiết chế văn hóa, thể thao Công đoàn), gồm: Cung, Nhà văn hóa lao động cấp tỉnh và Nhà văn hóa lao động cấp huyện.

⁵ Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030.

⁶ Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Quy hoạch và kế hoạch nâng cấp, xây mới các công trình văn hóa (nhà hát, rạp chiếu phim, nhà triển lãm văn học nghệ thuật) giai đoạn 2012 – 2020”.

⁷ Theo Quyết định số 995/QĐ-TTg ngày 09/8/2018 về giao nhiệm vụ cho các bộ tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia thời kỳ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Một số kết quả đạt được trong việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về thiết chế văn hóa, thể thao

Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển văn hóa, thể thao, trong những năm qua Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành đã ban hành 86 văn bản pháp luật quy định trực tiếp về tổ chức, hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao, trong đó có 78 văn bản đang còn hiệu lực pháp luật; nhiều văn bản gián tiếp quy định những nội dung liên quan đến hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao.⁸

Trong đó, một số thiết chế được quy định tại các văn bản luật do Quốc hội ban hành, cụ thể là:

- *Luật Thư viện năm 2019* xác định Thư viện là thiết chế văn hóa, thông tin, giáo dục, khoa học thực hiện việc xây dựng, xử lý, lưu giữ, bảo quản, cung cấp tài nguyên thông tin phục vụ nhu cầu của người sử dụng⁹. Luật cũng quy định cụ thể các loại hình thư viện, việc thành lập thư viện và giao trách nhiệm quản lý nhà nước về thư viện cho các bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã.

- *Luật Di sản văn hóa năm 2001, sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2009* xác định bảo tàng là thiết chế văn hóa có chức năng sưu tầm, bảo quản, nghiên cứu, trưng bày, giới thiệu di sản văn hóa, bằng chứng hiện vật về thiên nhiên, con người và môi trường sống của con người nhằm phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập¹⁰. Luật quy định hệ thống bảo tàng, điều kiện thành lập bảo tàng, quản lý và vận hành bảo tàng.

- *Luật Điện ảnh năm 2022* xác định các cơ sở điện ảnh là các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, tổ chức khác do tổ chức, cá nhân thành lập, thực hiện hoạt động điện ảnh¹¹. Về địa điểm chiếu phim công cộng có thể là nhà hát, nhà văn hóa, nhà triển lãm, trung tâm văn hóa, câu lạc bộ, cơ sở cung cấp dịch vụ lưu trú, cơ sở cung cấp dịch vụ ăn uống, vũ trường, cửa hàng, cửa hiệu, sân vận động, nhà thi đấu thể thao, quảng trường, phương tiện vận tải hành khách công cộng và phương tiện, địa điểm công cộng khác có tổ chức chiếu phim.

- *Luật Thể dục, thể thao năm 2006, sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2018* khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao, thành lập cơ sở dịch vụ hoạt động thể thao đáp ứng nhu cầu tập luyện, vui chơi, giải trí của nhân dân; giao Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm xây dựng các công trình thể thao công cộng, bảo đảm nhân lực về chuyên môn, nghiệp vụ thể dục, thể thao. Luật cũng xác định các loại hình cơ sở thể thao bao gồm: a) Trung tâm đào tạo, huấn luyện vận động viên thể thao; b) Trung tâm hoạt động thể thao; c) Cơ sở dịch vụ hoạt động thể thao; d) Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp; đ) Trường năng khiếu thể thao.

Một số loại hình thiết chế văn hóa khác được quy định tại nghị định của Chính phủ (như trung tâm triển lãm, nhà hát, các thiết chế văn hóa phục vụ hoạt động nghệ thuật biểu diễn...); một số thiết chế quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ,

⁸ Theo Báo cáo số 2143/UBVHGD15 ngày 11 tháng 01 năm 2024 Báo cáo kết quả khảo sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về xây dựng, quản lý và sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao giai đoạn 2013 - 2023

⁹ Khoản 1 Điều 3 Luật Thư viện.

¹⁰ Khoản 16 Điều 4 Luật Di sản văn hóa.

¹¹ Khoản 5 Điều 3 Luật Điện ảnh.

Thông tư của Bộ trưởng (như Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam, Liên đoàn Xiếc Việt Nam...)¹²; một số thiết chế chưa được điều chỉnh bởi văn bản quy phạm pháp luật (như câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ ở cơ sở, nhà văn hóa của Tổ dân phố) hoặc chưa được xem là thiết chế văn hóa, thể thao (như công viên, quảng trường; một số thiết chế gắn với đời sống sinh hoạt văn hóa, tinh thần truyền thống, sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân như: đình làng, chùa, am, miếu, nhà thờ, nhà rông... mặc dù đã được quy định trong Luật Tín ngưỡng, tôn giáo).

Bên cạnh đó, một số đạo luật, nghị quyết của Quốc hội cũng điều chỉnh về đầu tư, sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao như: Luật Quản lý thuế, Luật Đất đai, Luật Quy hoạch, Luật Xây dựng, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Ngân sách Nhà nước ... Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ, ngành cũng đã ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về đầu tư, xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao, bao gồm:

- Quy định về Chiến lược, Chương trình mục tiêu quốc gia: 07 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Quy định về quy hoạch: 07 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 01 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

- Quy định về tài chính: 02 Nghị định của Chính phủ, 02 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 01 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn, tổ chức và hoạt động của các đơn vị: 02 Nghị định của Chính phủ, 15 Thông tư của các bộ.

- Quy định về xã hội hóa: 02 Nghị định của Chính phủ, 01 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Quy định về tiêu chuẩn, chế độ, chính sách của đội ngũ cán bộ: 06 Thông tư, Thông tư liên tịch.

Nhìn chung, hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh về đầu tư, sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao từng bước thể chế hóa các chủ trương, quan điểm lớn của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa, góp phần quan trọng trong việc khuyến khích đầu tư, quản lý, sử dụng và phát huy giá trị của các thiết chế văn hóa, thể thao.

3. Một số vấn đề đặt ra

Bên cạnh kết quả đạt được, từ thực tiễn thi hành hệ thống văn bản pháp luật về thiết chế văn hóa, thể thao cho thấy còn một số vấn đề nổi lên cần được quan tâm giải quyết như sau:

(i) Khái niệm và nội hàm của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao chưa được

¹² Quyết định số 39/2014/QĐ-TTg ngày 15/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam.

Quyết định số 3220/QĐ-BVHTTDL ngày 27/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ của Liên đoàn Xiếc Việt Nam.

quy định thống nhất để có thể áp dụng những chính sách khuyến khích đồng bộ của Nhà nước về đầu tư, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở vật chất; xây dựng và áp dụng chung hệ thống cơ chế, chính sách vận hành; chính sách đối với đội ngũ nhân lực làm công tác quản lý, tổ chức; chính sách đầu tư và huy động nguồn lực tài chính và các chủ thể hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trong cả nước. Bên cạnh đó, việc thiếu khái niệm thống nhất về hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao gây khó khăn cho công tác lập quy hoạch mạng lưới và tích hợp quy hoạch mạng lưới thiết chế thể thao vào quy hoạch tỉnh, vùng và quy hoạch chung của cả nước.

(ii) Quy định về các loại hình thiết chế văn hóa, thể thao chưa đầy đủ, còn phân tán ở nhiều loại văn bản với mức độ hiệu lực pháp lý khác nhau, nhiều loại hình thiết chế văn hóa, thể thao chưa được điều chỉnh bởi các văn bản pháp luật do Quốc hội ban hành, chưa bảo đảm tính đồng bộ, hệ thống của các văn bản pháp luật quy định về lĩnh vực này.

(iii) Chưa có quy định của pháp luật về: chính sách đặc thù cho một số loại hình thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở (thiết chế văn hóa, thể thao Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Trung tâm Văn hóa, thể thao cấp xã, Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn và tương đương); chính sách ưu tiên đầu tư cho sự nghiệp văn hóa, thể thao, nghệ thuật nói chung và đối với các đơn vị nghệ thuật đặc thù, truyền thống như Xiếc, Múa, Tuồng, Chèo, Cải lương...; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất của các môn thể thao dưới nước, thể thao mạo hiểm; cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị; kinh phí hoạt động, nhân lực, chính sách xã hội hoá trong tổ chức vận hành hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở.

(iv) Một số quy định về chính sách ưu đãi phát triển thiết chế văn hóa, thể thao về thuế, đầu tư, quy hoạch trong các luật chuyên ngành¹³ nhưng chưa có sự kết nối với các luật: Luật Thuế, Luật Đầu tư, Luật Quy hoạch nên việc thực hiện còn khó khăn. Đa số các lĩnh vực của văn hóa, thể thao chưa phải là ngành được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công. Quy định quy mô (tổng mức đầu tư) dự án tại địa phương được bố trí vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương chưa phù hợp, khó khăn cho địa phương trong việc đầu tư các dự án xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở từ nguồn vốn ngân sách trung ương¹⁴. Chưa có quy định cho phép hợp tác công – tư trong đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực văn hóa.

¹³ Khoản 2 Điều 5 Luật Điện ảnh năm 2022 quy định: “Nhà nước đầu tư, hỗ trợ cho các hoạt động (...) Xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất - kỹ thuật, trường quay phục vụ sản xuất, phát hành, phổ biến, lưu chiếu và lưu trữ phim”, Khoản 3 Điều 5 Luật Điện ảnh năm 2022 quy định: “Nhà nước có chính sách ưu đãi về tín dụng, thuế và đất đai đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh theo quy định của pháp luật”.

Khoản 2 Điều 4 Luật Thể dục, thể thao quy định “Khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao, thành lập cơ sở dịch vụ hoạt động thể thao đáp ứng nhu cầu tập luyện, vui chơi, giải trí của Nhân dân, bảo đảm để các cơ sở thể thao công lập và tư nhân được bình đẳng trong việc hưởng ưu đãi về thuế, tín dụng, đất đai theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2013, các trường hợp được miễn thuế chưa bao gồm lĩnh vực thể thao.

¹⁴ Quy định hiện hành của pháp luật đầu tư công (Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/07/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14-09-2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025) chỉ cho phép bố trí vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho các dự án tại địa phương có quy mô từ nhóm B trở lên (các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao phải có tổng mức đầu tư không dưới 45 tỷ đồng). Trong khi đó, các dự án đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở thường có quy mô nhỏ nên không thuộc đối tượng bố trí vốn từ Ngân sách trung ương.

(v) Một số quy định về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế chưa phù hợp với thực tiễn, còn gây khó khăn cho việc tổ chức thực hiện:

- Điều 5 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập quy định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng - cấp bộ, cấp tỉnh, cấp huyện) phải đảm bảo đủ 15 viên chức trở lên. Trên thực tế, qua khảo sát cho thấy, 50% số lượng thiết chế văn hóa, thể thao Công đoàn cấp tỉnh, các thiết chế văn hóa, thể thao Công đoàn cấp huyện không đủ số lượng 15 người làm việc.

- Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố quy định giảm số lượng cán bộ, công chức cấp xã (cấp xã loại 1 từ 25 người xuống 23 người; cấp xã loại 2 từ 23 người xuống 21 người; cấp xã loại 3 từ 21 người xuống 19 người). Trong khi đó, khối lượng công việc lớn, cán bộ phải kiêm nhiệm nhiều, dẫn đến tình trạng quá tải cho công chức văn hóa cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở.

(vi) Về sử dụng tài sản công tại các đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết: Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công chưa quy định cụ thể về trình tự, thủ tục giao tài sản bằng hiện vật cho cơ quan, tổ chức, đơn vị; thẩm quyền quyết định thuê đơn vị có chức năng quản lý vận hành tài sản công; khai thác tài sản công sau thu hồi; chưa có quy định về việc gia hạn hợp đồng cho thuê tài sản công, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn... dẫn đến việc thực hiện ở các địa phương khác nhau. Bên cạnh đó, việc cho thuê tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập phải thông qua đấu giá nhưng việc xác định chi phí đấu giá rất khó khăn, phức tạp, đặc biệt là việc xác định giá trị của các tài sản mang giá trị văn hóa, tinh thần của các thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở. Việc xác định tiền thuê đất khi sử dụng tài sản công tại các thiết chế văn hóa, thể thao vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên kết gặp nhiều khó khăn; nhiều đơn vị thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất nên cơ quan thuế không có cơ sở để xác định tiền thuê đất; không có cơ sở để xác định thời gian sử dụng và tỷ lệ diện tích sử dụng vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

(vii) Về xã hội hóa nhằm huy động các nguồn lực đầu tư cho các thiết chế văn hóa, thể thao: Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ). Tuy nhiên, các quy định cụ thể nhằm phát triển thiết chế văn hóa, thể thao còn vướng mắc, khó khăn, tính khả thi không cao. Các chính sách ưu đãi, khuyến khích các thành phần xã hội tham gia đầu tư phát triển văn hóa, thể thao như miễn, giảm thuế cho các khoản đóng góp, tài trợ... còn hạn chế, do đó chưa thực sự tạo ra động lực cho các cá nhân, nhóm và cộng đồng. Theo quy định tại Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của

Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 78/2014/TT-BTC, Thông tư 119/2014/TT-BTC, Thông tư 151/2014/TT-BTC, các khoản tài trợ cho thể thao chưa được quy định là khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế; khoản tài trợ mà doanh nghiệp được nhận để sử dụng cho hoạt động thể thao chưa được quy định khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

(viii) Chế độ phụ cấp đối với đối với đội ngũ cán bộ, người lao động công tác tại hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao còn ở mức thấp¹⁵; việc xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ còn chậm, thiếu¹⁶; quy định về hướng dẫn việc xét tặng danh hiệu đối với nghệ nhân còn chông chéo, bất cập; chế độ hỗ trợ đối với nghệ nhân còn thấp, chưa cụ thể; quy định về chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ vận động viên, huấn luyện viên thể thao, nghệ sĩ chưa phù hợp, tương xứng với quá trình tập luyện lâu dài, khắc nghiệt, gặp nhiều nguy cơ về sức khỏe, chấn thương, tình trạng tuổi nghề không cao của các đối tượng này¹⁷.

4. Một số kiến nghị tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý về thiết chế văn hóa, thể thao

(i) Rà soát các quy định của pháp luật, bổ sung khái niệm và nội hàm của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao làm cơ sở để xây dựng và áp dụng các chính sách đầu tư, quản lý, khai thác, vận hành và thuận tiện trong việc xây dựng, tích hợp quy hoạch mạng lưới thiết chế văn hóa, thể thao trong cả nước.

(ii) Xây dựng mục tiêu và lộ trình thích hợp tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật quy định về hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, khả thi, mục tiêu và lộ trình cần được quy định rõ thành những nội dung, nhiệm vụ cụ thể trong Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035 để có căn cứ triển khai thực hiện. Chú trọng việc ban hành các văn bản luật điều chỉnh những loại hình thiết chế chưa được luật quy định; rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù cho thiết chế văn hóa, thể thao do Công đoàn, Đoàn Thanh niên quản lý, các Trung tâm Văn hóa – Thể

¹⁵ Chế độ phụ cấp đối với Đội Tuyên truyền lưu động và diễn viên, ca sĩ nghệ thuật quần chúng theo Thông tư liên tịch số 46/2016/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 11/3/2016 của Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn chế độ quản lý đặc thù đối với Đội Tuyên truyền lưu động cấp tỉnh và cấp huyện không còn phù hợp với thực tế và tính đặc thù, quá thấp so với giá thị trường.

¹⁶ Chưa giải quyết được phụ cấp chức vụ cho Ban Giám đốc Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh ngang bằng với chức vụ tương đương với lĩnh vực khác thuộc ngành Văn hóa, thể thao và Du lịch. Nhiều địa phương chưa xây dựng được phụ cấp kiêm nhiệm cho người phụ trách thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã, ở thôn và tương đương. Chưa có định mức chi phí cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ chuẩn bị khoa học cho trưng bày, công tác sưu tầm hiện vật, thiết kế và thi công trưng bày, sáng tạo các tác phẩm mỹ thuật phục vụ trưng bày tại bảo tàng.

¹⁷ Nghị định 152/2018/NĐ-CP ngày 7/11/2018 quy định trong thời gian tập trung huấn luyện, thi đấu, huấn luyện viên, vận động viên thể thao được trả lương theo ngày ở mức từ 180.000đ – 505.000đ/người/ngày (huấn luyện viên) và từ 55.000đ – 270.000đ/người/ngày (vận động viên).

Thông tư 86/2020/TT-BTC ngày 26/10/2020 Hướng dẫn về chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao quy định chế độ dinh dưỡng ở mức từ 200.000đ – 320.000đ/người/ngày trong thời gian tập luyện, thi đấu trong nước; từ 480.000đ – 640.000đ/người/ngày khi tập huấn, thi đấu ở các giải thể thao khu vực và thế giới.

Chế độ bồi dưỡng luyện tập, biểu diễn đối với người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn tại Quyết định 14/2015/QĐ-TTg ngày 20/05/2015: Bồi dưỡng cho 01 buổi tập chương trình mới là 60.000 đ/người/buổi/4 giờ (số buổi tập tối đa cho một chương trình mới là 10 buổi) là quá thấp.

thao cấp xã, Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn và tương đương; chính sách ưu tiên đầu tư cho sự nghiệp văn hóa, thể thao, nghệ thuật nói chung và đối với các đơn vị nghệ thuật đặc thù, truyền thống như Xiếc, Múa, Tuồng, Chèo, Cải lương...; quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất của các môn thể thao dưới nước, thể thao mạo hiểm.

(iii) Nghiên cứu hoàn thiện chính sách đầu tư phát triển và vận hành hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao, bao gồm chính sách đầu tư công, chính sách đầu tư theo phương thức đối tác công tư và chính sách xã hội hóa, cụ thể là:

- *Về đầu tư công*: bổ sung để các lĩnh vực văn hóa, thể thao đều là ngành nghề được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công; quy định quy mô (tổng mức đầu tư) dự án tại địa phương được bố trí vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương phù hợp với thực tiễn về quy mô của các dự án thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao; quy định mức hỗ trợ hoạt động hằng năm đối với các thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở.

- *Về đầu tư theo phương thức đối tác công - tư*: nghiên cứu bổ sung lĩnh vực văn hóa, thể thao vào nhóm lĩnh vực được phép đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư¹⁸; rà soát, bổ sung quy định về hợp tác công - tư trong xây dựng, quản lý, khai thác, vận hành thiết chế văn hóa, thể thao.

- *Về khuyến khích xã hội hóa*: rà soát, sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện các văn bản, chính sách liên quan đến xã hội hóa việc xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao (*chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng ...*) đồng bộ với các quy định hiện hành của pháp luật chuyên ngành, tạo hành lang pháp lý đầy đủ, thuận lợi để khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư phát triển thiết chế văn hóa, thể thao. Bổ sung các khoản chi tài trợ cho thể thao được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế khi sửa đổi Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; sửa đổi Nghị định số 60/2021/NĐ-CP về tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; sửa đổi Nghị định sửa đổi Nghị định số 151/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, trong đó có quy định riêng phù hợp với điều kiện đặc thù của đơn vị sự nghiệp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, nhất là quy định về yêu cầu liên doanh, liên kết, cho thuê tài sản; nghiên cứu, hướng dẫn, tháo gỡ các khó khăn trong xác định tiền thuê đất khi các đơn vị quản lý thiết chế văn hóa, thể thao sử dụng tài sản gắn liền với đất để kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết, tạo điều kiện để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia, nâng cao hiệu quả việc sử dụng, khai thác, quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao mà Nhà nước đã đầu tư xây dựng.

¹⁸ Vừa qua, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2020 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó quy định “Ngoài các lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư quy định tại Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Thành phố được áp dụng đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực thể thao và văn hóa. Trình tự, thủ tục thực hiện các dự án quy định tại điểm này thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và quy định khác của pháp luật có liên quan; Quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP trong lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, thể thao và văn hóa do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định” (khoản 5 Điều 4). Bên cạnh đó, dự thảo Luật Thủ đô trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 6 cũng quy định: “Áp dụng phương thức đối tác công tư đối với các dự án trong lĩnh vực văn hóa và thể thao trên địa bàn Thủ đô” (Điều 38 dự thảo Luật).

(iv) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định về tiêu chí, điều kiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy, định mức biên chế, cơ cấu đội ngũ lao động; thực hiện tốt việc kiện toàn tổ chức thiết chế văn hóa, thể thao. Nghiên cứu, sửa đổi chế độ đãi ngộ, phụ cấp, bồi dưỡng đối với đội ngũ văn nghệ sĩ, diễn viên tham gia hoạt động các loại hình nghệ thuật truyền thống. Ban hành văn bản quy định cơ chế đặc thù cho đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển tài năng, nhất là nhân lực trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ làm việc trong hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao. Sửa đổi chính sách đãi ngộ, chế độ phụ cấp, ưu đãi nghề nghiệp, bồi dưỡng luyện tập đối với cán bộ, viên chức, người lao động làm việc tại thiết chế văn hóa, thể thao và văn nghệ sĩ, diễn viên tham gia hoạt động các loại hình nghệ thuật truyền thống./.

**THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO
TRONG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ -
XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, GIAI ĐOẠN I TỪ 2021 - 2025**

Hội đồng Dân tộc của Quốc hội

**1. Thực trạng việc thực hiện xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao trong
Chương trình Mục tiêu Quốc gia (CTMTQG) phát triển kinh tế - xã hội vùng
đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) hiện nay**

1.1. Kết quả đạt được

Thực hiện Nghị quyết 88/2019/QH ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội, về Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng ĐB DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ 2021 - 2025, theo đó Dự án 6: *“Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch”* trong đó có nội dung *“Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”*. Nói đến xây dựng, phát triển văn hoá, thể thao các dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2025 hiện nay không thể không nói đến việc xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở ở các vùng miền, địa phương, khu vực có đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN) sinh sống.

Sau khi có Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 – 2020, định hướng đến năm 2030, Nghị quyết Đại hội XII, XIII của Đảng, Hội nghị Văn hoá toàn quốc (2021)..., việc thực hiện các CTMTQG về xoá đói giảm nghèo, CTMTQG Xây dựng Nông thôn mới, CTMTQG Phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS&MN... hệ thống thiết chế văn hoá trong cả nước nói chung và vùng đồng bào DTTS&MN nói riêng đã được các cấp, các ngành...quan tâm, chuyển biến về nhận thức, đầu tư, quản lý... nên đã đạt được những kết quả quan trọng.

Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch cùng các bộ, ngành và địa phương đã tích cực chỉ đạo việc đầu tư cơ sở vật chất của các thiết chế văn hóa, thể thao nhằm phục vụ cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại cơ sở; tăng cường đào tạo chuyên môn cho đội ngũ làm công tác văn hóa, thể thao các cấp; tạo cơ chế tự chủ; đổi mới phương thức, nội dung hoạt động; đầu tư trang thiết bị chuyên dùng cho các thiết chế. Nhiều địa phương đã ban hành Nghị quyết chuyên đề của địa phương mình để triển khai thực hiện¹. Kết quả sau khi triển khai cho thấy hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao ngày càng được củng cố, hoàn thiện; hoạt động ngày

¹ Hiện nay trên toàn quốc có 69 thiết chế văn hóa cấp tỉnh; 651/713 quận, huyện có trung tâm văn hóa, thể thao, đạt tỉ lệ 91%; 7.456/10.184 xã, phường, thị trấn có trung tâm văn hóa, thể thao, đạt tỉ lệ 73,2%; 75.996/101.732 thôn, bản, buôn, làng có nhà văn hóa, đạt tỉ lệ 74,7%. Hiện có 40, tỉnh, thành phố đã quy hoạch quỹ đất dành cho xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao như: An Giang, Bắc Giang, Bắc Kạn; Bắc Ninh; Bình Phước; Bình Thuận; Cà Mau; Cần Thơ, Đà Nẵng; Đắk Nông; Điện Biên; Đồng Nai; Kon Tum; Khánh Hoà; Quảng Ngãi... ..

càng được quan tâm, nâng cao chất lượng; chú trọng việc đổi mới hình thức thực hiện, đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của đông đảo tầng lớp nhân dân; công tác bồi dưỡng, tập huấn cán bộ để thực hiện các hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao được quan tâm.

Nhiều địa phương đã xây dựng kế hoạch, triển khai quy hoạch, lồng ghép với chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội địa phương, góp phần xây dựng nông thôn mới... Xác định văn hóa cơ sở là một trong những “viên gạch” đầu tiên và gắn gũi với nhân dân khi xây dựng đời sống văn hóa, phát huy đầy đủ, bao quát các giá trị văn hóa truyền thống, nhiều năm qua, cả hệ thống chính trị đã vào cuộc bằng các quyết sách phù hợp, kịp thời. Cùng với sự đồng thuận của nhân dân, sự chung tay, góp sức của cộng đồng doanh nghiệp trong việc thu hút đầu tư, xã hội hóa thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở tạo ra đã thay đổi rất rõ rệt, mang lại nhiều giá trị tích cực để người dân thụ hưởng. Hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở thuộc các bộ, ngành, đoàn thể, lực lượng vũ trang cũng đã từng bước phát huy vai trò trụ cột, nòng cốt, khẳng định được vị trí trung tâm hoạt động văn hóa, thể thao, thu hút đông đảo nhân dân đến vui chơi, giải trí, hưởng thụ, sáng tạo văn hóa.

Kết quả trên, cũng phản ánh những hoạt động của các cơ quan lập pháp và hành pháp, phản ánh trách nhiệm của cơ quan giám sát như Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Văn hoá giáo dục của Quốc hội; hoạt động của Chính phủ, Bộ Văn hoá thể thao và du lịch và các bộ ngành liên quan; của cấp uỷ, chính quyền địa phương các cấp... vùng DTTS&MN. Các cơ quan của Quốc hội đã tiến hành kiểm tra giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá hoạt động xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao nói chung và cấp cơ sở nói riêng. Tại các phiên giải trình gần đây, các đại biểu đã nêu câu hỏi tập trung vào 5 nhóm vấn đề cần giải trình gồm: *Thiết chế, pháp luật liên quan đến thiết chế văn hóa, thể thao - Quy hoạch thiết chế văn hóa, thể thao - Quản lý, sử dụng, khai thác thiết chế văn hóa, thể thao - Đầu tư kinh phí, huy động nguồn lực xã hội cho thiết chế văn hóa - thể thao - Tổ chức bộ máy nhân sự và công tác đào tạo nguồn nhân lực cho thiết chế văn hóa, thể thao.*

1.2. Những hạn chế, bất cập

Bên cạnh kết quả nêu trên, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao và công tác quản lý thiết chế văn hóa, thể thao ở nước ta nói chung và vùng đồng bào DTTS & MN nói riêng hiện nay vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế.

- Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao ở nhiều nơi trong tình trạng xuống cấp, chắp vá, thiếu đồng bộ và hiệu quả sử dụng còn thấp. Nhiều nhà văn hóa được xây dựng nhưng tần suất sử dụng rất ít, hoặc sử dụng sai mục đích. Không ít nhà văn hóa còn bị bỏ hoang, xuống cấp. Ở nhiều vùng nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS, vùng căn cứ cách mạng, kháng chiến trước đây, vùng biên giới, hải đảo, hệ thống thiết chế văn hóa cũng như hoạt động văn hóa còn quá nghèo nàn, chưa đáp ứng nhu cầu của nhân dân... Còn nhiều nội dung chưa có quy định của pháp luật điều chỉnh như chính sách dân tộc đặc thù cho thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; một số văn bản có nội dung chưa phù hợp với thực tiễn.

- Một số cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp cũng như các cơ quan chức năng liên quan trong lĩnh vực kế hoạch đầu tư, tài chính, tổ chức bộ máy chính quyền,

quản lý đất đai... chưa thật sự coi phát triển văn hóa nói chung và phát triển hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao là nhiệm vụ cấp bách, thường xuyên và ưu tiên trong chiến lược phát triển chung của địa phương. Đặc biệt, tổng mức đầu tư cho văn hóa, thể thao trong nhiều năm qua chưa có chuyển biến tích cực, vẫn ở mức chưa thể “ngang tầm nhiệm vụ” để phát triển văn hóa, thể thao.

- Hoạt động đầu tư xây dựng các công trình văn hóa, thể thao ở nhiều địa phương xảy ra nhiều vi phạm dẫn đến chất lượng và tuổi thọ của các công trình ngắn và nhanh xuống cấp, gây lãng phí; việc lựa chọn địa điểm xây dựng công trình không thuận lợi cho thu hút công chúng; việc xác định quy mô đầu tư xây dựng không tương xứng với nhu cầu khai thác, sử dụng của người dân địa phương; việc mua sắm các trang thiết bị bên trong để vận hành hoạt động của thiết chế nhiều nơi không phù hợp, không đồng bộ về công năng hoặc kém chất lượng, mau hỏng hóc... Theo báo cáo giải trình Bộ VH TT&DL kinh phí hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các vùng ĐB DTTS&MN bằng kinh phí sự nghiệp dự án 6 giai đoạn 2021 - 2023 là 518.331 tỷ đồng nhưng tỷ lệ giải ngân rất chậm mới thực hiện được 6 tỉnh với kinh phí 1,5 tỷ đồng...

- Quỹ đất để xây dựng các thiết chế văn hoá, thể thao nói chung và ở cơ sở nói riêng, Chính phủ đã có quy hoạch, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã có tiêu chí hướng dẫn, nhưng hầu hết các địa phương, nhất là ở các đô thị, khu vực miền núi việc dành ra quỹ đất đúng tiêu chuẩn là vô cùng khó khăn...

- Kinh phí để xây dựng mới, sửa chữa hoặc nâng cấp, mua sắm trang thiết bị của thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển hệ thống ở nhiều địa phương, nhất là các địa phương chưa tự chủ được về tài chính. Đặc biệt, tình trạng các thiết chế văn hoá, thể thao cơ sở bị đóng cửa, dừng hoạt động do không được cấp kinh phí duy trì hoạt động thường xuyên hoặc cung cấp nhỏ giọt, đứt quãng khá phổ biến.

- Công tác xã hội hóa để huy động nguồn lực trong dân những năm gần đây đã có nhiều khởi sắc, tuy nhiên nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn nên việc huy động các doanh nghiệp và người dân tham gia đầu tư cho văn hóa còn hạn chế...

- Nguồn nhân lực cán bộ quản lý và chuyên môn nghiệp vụ trong bộ máy vận hành của các thiết chế văn hoá, thể thao nói chung và ở cơ sở (xã, phường, thị trấn, thôn, bản...) nhìn chung còn ở mức thấp, nhiều nơi, nhất là vùng sâu, vùng xa vừa thiếu, vừa yếu. Phần lớn là kiêm nhiệm, hầu như không được đào tạo, dù chỉ là bồi dưỡng trong các lớp tập huấn ngắn ngày ở địa phương. Chế độ lương, chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ nhân lực này còn ở mức rất thấp... Còn tình trạng cán bộ văn hóa, thể thao cấp thôn hầu như không có chế độ gì.

2. Một số vấn đề cần quan tâm thực hiện xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao trong CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN trong thời gian tới

2.1. Về nhận thức

Xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao trong CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN hiện nay có vị trí quan trọng không chỉ trong lĩnh vực

văn hoá, thể thao mà còn có ý nghĩa tác động đến nhiều lĩnh vực, dự án thành phần khác như các dự án về giáo dục, y tế, giới, truyền thông... của CTMTQG đối với sự phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS & MN.⁴

Vấn đề xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao vùng đồng bào DTTS&MN trong CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN hiện nay không chỉ là công việc của cấp uỷ, chính quyền các cấp mà còn là nhận thức, trách nhiệm, vai trò của cộng đồng dân cư ở các địa phương. Hơn ai hết, các thiết chế văn hoá là của sản phẩm mà người sử dụng nó chính là cộng đồng, cư dân địa phương. Đồng bào các dân tộc là “chủ thể văn hoá”, là người trực tiếp thụ hưởng vừa tiếp thu những yếu tố văn hoá mới, tiếp nhận các thông tin về các vấn đề phát triển kinh tế- xã hội và triển khai thực hiện ở địa phương. Cộng đồng các dân tộc vùng đồng bào DTTS&MN cần ý thức và phát huy vai trò, trong thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp và nghĩa vụ trong thụ hưởng, sáng tạo các giá trị văn hoá, thể thao...trong các thiết chế văn hoá, thể thao các cấp, đặc biệt là ở cơ sở.

2.2. Về xây dựng cơ sở các thiết chế văn hoá, thể thao

Xây dựng cơ sở các thiết chế văn hoá, thể thao vùng đồng bào DTTS&MN trong CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội hiện nay cần chú trọng và thực hiện có hiệu quả các vấn đề, nội dung sau:

- Cần tiếp tục, rà soát, hoàn thiện việc quy hoạch hệ thống thiết chế văn hoá theo Quyết định 2164/QĐ-TTg năm 2013 về Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030 nhìn nhận đánh giá, bổ sung hoàn thiện các tiêu chí gắn với vùng DTTS&MN. Chẳng hạn theo Quyết định trên, như quy hoạch đất sử dụng cho khu vực Nhà văn hoá cấp thôn (không kể diện tích các công trình thể thao quần chung “Ở khu vực miền núi và khu vực thành phố, thị xã tối thiểu 200m², cấp xã tối thiểu 300 m²)... Căn cứ vào các yêu cầu mới của các CTMTQG để bổ sung, sửa đổi hoàn thiện đáp ứng yêu cầu mới.

- Căn cứ vào nguồn vốn, kinh phí cho phép của các CTMTQG phù hợp với hạng mục, bố trí đầu tư xây dựng các thiết chế văn hoá, thể thao vùng DTTS&MN kết hợp ngân sách nhà nước với nguồn vốn xã hội hoá phù hợp với điều kiện của vùng đồng bào DTTS&MN. Cấp uỷ, chính quyền các địa phương sáng tạo, thu hút

⁴ Quyết định 515/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tổng thể về phát triển văn hóa Việt Nam giai đoạn 2023 - 2025 bao gồm 5 đối tượng, trong đó có các thiết chế văn hóa và không gian văn hóa sáng tạo. Mục 3 “Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa” trong Nhiệm vụ và giải pháp đã xác định: a) Tăng cường năng lực cơ sở vật chất, hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, 50 khu vui chơi, giải trí dành cho trẻ em tại các khu công nghiệp, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn và các địa phương không tự cân đối được ngân sách”. Cạnh đó, trong 8 giải pháp chủ yếu Chương trình đưa ra để phát triển văn hóa Việt Nam, cũng nhấn mạnh giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa. Có thể thấy, thiết chế văn hóa có vai trò rất quan trọng trong việc xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao đời sống tinh thần, năng lực thẩm mỹ của nhân dân, hướng đến nền văn hóa Việt Nam vững mạnh, đậm đà bản sắc dân tộc. Từ những vấn đề thực trạng, tình hình (những kết quả, hạn chế) của mô hình thiết chế văn hoá, thể thao nói chung và vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi nói riêng và theo tinh thần Quyết định 515/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 trên những vấn đề đặt ra cần được nhận thức, đổi mới và nâng cao cách nghĩ, cách đầu tư, cách làm để các “thiết chế văn hoá, thể thao” thực sự phát huy vai trò, ý nghĩa góp phần thực hiện các nội dung trực tiếp và gián tiếp của các Dự án thành phần trong CTMTQG phát triển vùng đồng bào DTTS & MN từ nay đến năm 2025 và 2030.

các thành phần kinh tế đầu tư kinh doanh các dịch vụ văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí trong các thiết chế văn hóa, thể thao đã được Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, đào tạo con người có kiến thức, kỹ năng phù hợp trong quản lý, tổ chức vận hành, hoạt động các nội dung đa dạng trong các loại hình thiết chế văn hoá, thể thao ở vùng đồng bào DTTS&MN.

- Đầu tư, xây dựng đồng bộ các mô hình thiết chế văn hoá về cơ sở vật chất (mặt bằng phù hợp, nhà cửa, thiết bị, con người vận hành và tổ chức tốt việc khai thác, phát huy tối đa “công năng” của công trình...) khắc phục sự lãng phí, tốn kém của không ít công trình thiết chế văn hoá, thể thao sau khi xây dựng nhưng hoạt động chưa hiệu quả.

- Quy hoạch, đào tạo, xây dựng cán bộ làm công tác văn hoá, thể thao ở địa phương thiết thực, hiệu quả, biết tham mưu, tư vấn, biết tiếng dân tộc thiểu số và có năng lực quản lý và tổ chức các hoạt động trong các thiết chế văn hoá để phát huy cao công năng của Dự án thành phần của các CTMTQG đặt ra hiện nay.

- Trong quá trình hoạt động cần tranh thủ lực lượng chuyên gia, nhà quản lý về lĩnh vực văn hoá, công tác dân tộc, nhân học... để tổ chức đánh giá, tổng kết để xây dựng mô hình hoạt động của các thiết chế văn hoá, thể thao phù hợp với các vùng miền, các dân tộc làm kinh nghiệm để học tập, vận dụng thực hiện tốt chức năng của các thiết chế văn hoá phục vụ tổ chức góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển theo CTMTQG đã đề ra.

2.3. Phát huy giá trị thiết chế xã hội truyền thống trong cộng đồng các dân tộc thiểu số phục vụ hoạt động, xây dựng các thiết chế mới

Củng cố và tăng cường tự quản ở làng, bản làm cơ sở thiết yếu góp phần xây dựng hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao mới hiện nay. Các xã và làng, bản đều có chung vị trí, vai trò của cơ sở nhưng xã và làng, bản có chức năng quản lý nhà nước khác nhau. Xã là cấp cơ sở của quản lý hành chính Nhà nước; làng, bản là một cộng đồng tự quản, không có chức trách, thẩm quyền quản lý, không phải là một cấp hành chính, không có tư cách pháp nhân, không có con dấu. Bộ máy của xã hình thành nên theo đạo luật của Nhà nước, do dân bầu nhưng theo phương thức dân chủ đại diện. Trong khi đó, ở làng bản, toàn dân, thực chất là toàn thể các chủ hộ dân trực tiếp bầu ra trưởng bản (thôn). Đây là người đại diện cho tinh thần tự quản của dân, cùng với dân trong thôn tự quản lý công việc của mình. Đó là dân chủ trực tiếp.

Thiết chế xã hội truyền thống... Quản lý kiểm soát tự quản và điều chỉnh những điều tự quản sai trái. Tự quản cung cấp cho quản lý những thông tin và kết quả để thúc đẩy quản lý tốt hơn, nhanh hơn và hiệu quả hơn, đồng thời tự quản giám sát quản lý, tham gia vào quản lý. Đây chính là quan hệ dân chủ và tập trung - dân chủ và kỷ luật, kỷ cương, là quan hệ giữa pháp luật và hương ước, quy ước, quy chế ở xã, thôn hiện nay.

2.4. Phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng – nhân tố quan trọng góp phần hiệu quả trong công tác vận động quần chúng thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong các thiết chế văn hoá, thể thao mới

Người có uy tín, già làng, người cao tuổi trong làng bản, trong dòng họ và trong các tộc người ở làng bản; Sống gương mẫu, có công trong việc hình thành và phát triển cộng đồng làng bản; Am hiểu việc làng việc nước, phong tục, thiết chế xã hội truyền thống... tập quán, lễ nghi của dòng họ và của dân tộc mình hoặc các dân tộc cùng sống trong làng bản; Có khả năng và kinh nghiệm xử lý hài hòa, hiệu quả việc làng việc nước, quan hệ dòng họ và các dân tộc; Được dân cư trong làng kính trọng, suy tôn là “già làng” một cách tự nhiên, trên nguyên tắc tự nguyện. Trong hoạt động của thiết chế văn hoá – thể thao vùng DTTS&MN và chú ý phát huy vai trò của người có uy tín sẽ mang lại hiệu quả quan trọng.

2.5. Kết hợp luật tục với luật pháp trong lãnh đạo, quản lý tổ chức các hoạt động tại các thiết chế văn hoá, thể thao vùng ĐB DTTS&MN

Hiện nay, chính sách, pháp luật của Nhà nước đã thâm nhập và phát huy tác dụng trong cộng đồng làng bản, nhưng vai trò của luật tục vẫn rất mạnh trong điều chỉnh các quan hệ xã hội. Trong một thời gian dài, điều chỉnh các quan hệ xã hội trong làng bản, buôn làng... không chỉ có luật pháp, mà cơ bản và phổ biến hơn lại là luật tục; không chỉ là toà án của Nhà nước, mà còn có toà án phong tục. Chính vì vậy, chủ trương của Đảng và Nhà nước về tái lập luật tục là đúng đắn, song cũng phải được tính toán kỹ, tránh để tình trạng luật tục tạo ra những quy định trái với luật pháp, mà phải cùng luật pháp duy trì xã hội vùng ĐBDTTS trong một trật tự, kỷ cương thống nhất, thúc đẩy tiến bộ.

Trong hoạt động của thiết chế văn hoá, thể thao vùng DTTS&MN, cần chú ý lồng ghép các phong trào như xây dựng và thực hiện Quy ước làng văn hóa, xây dựng nếp sống lành mạnh trên địa bàn khu dân cư, xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, thực hiện dân chủ ở cơ sở, trợ giúp pháp lý với đồng bào các tộc người thiểu số.

2.6. Củng cố thiết chế làng, bản, buôn, phum, sóc... chú trọng phát huy tính đoàn kết, cộng đồng và dân chủ trong nội dung sinh hoạt tại các thiết chế văn hoá, thể thao ở vùng ĐB DTTS&MN

Hoạt động của thiết chế văn hoá, thể thao vùng DTTS&MN phải chăm lo xây dựng làng bản... thành một cộng đồng cư trú với những điều kiện và khả năng phát triển đối với các dân tộc. Trong cộng đồng đó phải có một không gian sinh tồn, không chỉ có đất thổ cư mà cả đất rừng, suối nước theo tiêu chí xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở và xây dựng nông thôn mới. Tạo điều kiện cho người dân không chỉ cư trú, canh tác, sinh hoạt văn hóa - xã hội, mà còn là điều kiện để bảo tồn, phát triển sinh kế của mình.

Xây dựng làng bản, phum, sóc, plây... thành một cộng đồng xã hội - văn hóa, thể hiện trên hàng loạt các phong tục, tập quán sinh hoạt văn hóa mang tính dân chủ, bình đẳng giữa con người với con người đáp ứng nhu cầu đời sống kinh tế, tâm linh của người dân.

2.7. Tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý, cơ chế chính sách trong đào tạo cán bộ, chế độ lương bổng, khuyến khích các hoạt động xã hội hóa văn hóa trong đầu tư xây dựng các thiết chế văn hoá, thể thao vùng ĐBDTTS&MN

Sớm hoàn thiện hành lang pháp lý, cơ chế chính sách trong đào tạo cán bộ, chế độ lương bổng, khuyến khích các hoạt động xã hội hóa văn hóa hình thành và phát triển một hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở mới do dân lập bên cạnh hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở công lập vốn có làm phong phú, đa dạng các hoạt động trong đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân trên các địa bàn dân cư trong cả nước, đem lại diện mạo tươi trẻ và sức sống bền vững cho nền văn hóa Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2.8. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò của thiết chế xã hội truyền thống trong xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở thực hiện các mục tiêu các CTMTQG

Trong thực tiễn, cán bộ và người dân nhận thức chưa đúng về thiết chế xã hội truyền thống và ảnh hưởng của thiết chế xã hội truyền thống trong xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở thực hiện các mục tiêu các CTMTQG cũng như chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của việc phát huy các giá trị trong thiết chế xã hội truyền thống trong xây dựng hệ thống chính trị vùng DTTS hiện nay.

Cần quan tâm đến đa dạng hóa hình thức tuyên truyền để đồng bào có thể nắm bắt được thông tin. Các cơ quan chức năng tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, trách nhiệm, kỹ năng của các cộng tác viên tuyên truyền cũng như có những khen thưởng, động viên kịp thời cho các tập thể, cá nhân tiêu biểu thực hiện công tác tuyên truyền ở vùng đồng bào DTTS&MN.

2.9. Tăng cường hoạt động giám sát của Quốc hội, Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Ủy ban Văn hoá, Giáo dục của quốc hội; nâng cao năng lực chỉ đạo, quản lý của Chính phủ, Bộ ngành chủ quản và hữu quan, Chính quyền các cấp đối việc xây dựng, nâng cao chất lượng hoạt động của thiết chế văn hoá – thể thao ở vùng ĐBDTTS&MN

Quốc hội, Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Ủy ban Văn hoá, Giáo dục của Quốc hội với vai trò, trách nhiệm của mình trước cử tri tiếp tục và nâng cao chất lượng hoạt động giám sát, kiểm tra đánh giá hoạt động của Chính phủ, bộ, ngành, địa phương trong việc triển khai thực hiện các nội dung, mục đích, yêu cầu... xây dựng, hoạt động của thiết chế văn hoá, thể thao ở vùng ĐBDTTS&MN. Trên cơ sở đó phát hiện, chỉ đạo, tháo gỡ các vướng mắc về thể chế, chính sách, quan điểm đầu tư cho các ngành, các địa phương... triển khai xây dựng các thiết chế văn hoá, thể thao phủ và thực sự phát huy vai trò, tác dụng đối với khu vực MN& ĐBDTTS.

Chính phủ, Bộ ngành chủ quản và hữu quan (Bộ VHTTDL, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư...) kết hợp chỉ đạo thực hiện các nội dung và tháo gỡ vướng mắc về thể chế, chính sách cán bộ, tài chính... trong xây dựng và hoạt động của các thiết chế văn hoá, thể thao gắn với thực hiện CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBDTTS&MN hiện nay một cách hài hoà, hiệu quả, nhất là đối với tính đặc thù, đa dạng của vùng đồng bào DTTS&MN.

Chính quyền các cấp (tỉnh, huyện, xã) tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao nhận thức, làm tốt công tác truyền thông, xã hội hoá...trong xây dựng thiết chế văn hoá – thể thao theo tiêu chuẩn và tổ chức các hoạt động có hiệu quả, phù hợp với văn hoá, tập quán và nhịp độ phát triển kinh tế-xã hội của các vùng miền, người DTTS ở các địa phương.

Kết luận

Tóm lại, xây dựng cơ sở các thiết chế văn hoá, thể thao vùng đồng bào DTTS&MN trong CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội hiện nay là một đòi hỏi khách quan có ý nghĩa trên nhiều bình diện tác động trực tiếp và gián tiếp đến không chỉ phát triển văn hoá vùng ĐBDTTS&MN mà còn đối với nhiều nội dung của các CTMTQG về xoá đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBDTTS&MN đến năm 2025 và 2030.

Việc “Xây dựng cơ sở các thiết chế văn hoá, thể thao vùng đồng bào DTTS&MN trong CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội hiện nay” vừa có những thuận lợi trong việc kế thừa các hoạt động xây dựng thiết chế văn hoá trên phạm vi cả nước thời gian qua. Bên cạnh đó, cần quan tâm có giải pháp phù hợp để khắc phục những hạn chế bất cập, đồng thời phải biết vận dụng và gắn kết với các yêu cầu trực tiếp và gián tiếp của văn hoá, thể thao và vai trò của các Thiết chế văn hoá, thể thao trong phát triển kinh tế- xã hội của quốc gia và địa phương.

Để thực hiện việc “Xây dựng cơ sở các thiết chế văn hoá, thể thao vùng đồng bào DTTS&MN trong CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội hiện nay” cần có những thay đổi trong tư duy nhận thức về vai trò của văn hoá – con người, trong phát triển mà “thiết chế văn hoá, thể thao” là một phương tiện cần thiết và không thể thiếu. Những thành công bước đầu và hạn chế trong tạo dựng, phát triển của Thiết chế văn hoá, thể thao vùng đồng bào DTTS&MN thời gian qua chưa đầy đủ, tương xứng với vai trò của nó để thực sự phát huy đáp ứng nhu cầu thụ hưởng, sáng tạo về văn hoá của cộng đồng các dân tộc...cũng như thông qua đó đề phát huy ảnh hưởng, vai trò của nó tới việc thực hiện các nội dung, mục đích của các CTMTQG đề ra./.

QUAN ĐIỂM, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC VỀ PHÁT TRIỂN THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

1. Đặt vấn đề

Thiết chế văn hóa, thể thao là nơi tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo các giá trị văn hóa, rèn luyện sức khỏe của người dân. Với ý nghĩa đó, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao phản ánh chất lượng cuộc sống của người dân, năng lực sáng tạo của chủ thể văn hóa và diện mạo, bản sắc văn hóa của cộng đồng, dân tộc. Thiết chế văn hóa, thể thao còn là cầu nối để truyền tải chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến người dân.

Nhận thức rõ vị trí, vai trò của thiết chế văn hóa, thể thao (TCVH, TT) trong phát triển văn hóa, xây dựng con người, Đảng, Nhà nước ta đã có những chủ trương, chính sách quan trọng cho phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao, tạo cơ sở chính trị, pháp lý quan trọng để thúc đẩy phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao theo hướng phát triển bền vững, hiệu quả.

Tuy nhiên, trong thực tế, việc xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng phát triển phong phú, đa dạng của người dân, đồng thời bộc lộ một số hạn chế, thách thức cần giải quyết.

Do vậy, rất cần có những nghiên cứu nhằm đánh giá tình hình thực tế ban hành và tổ chức triển khai các văn bản chỉ đạo của Đảng, các văn bản quản lý của Nhà nước đối với hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao góp phần làm căn cứ đề xuất, kiến nghị bổ sung, hoàn thiện chủ trương, chính sách, pháp luật cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao từ trung ương đến cơ sở theo hướng đồng bộ, hiện đại, bản sắc, hiệu quả, bảo đảm công bằng và đáp ứng nhu cầu văn hóa, thể thao của Nhân dân.

2. Nội dung

2.1. Quan điểm, đường lối của Đảng về phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

2.1.1. Hệ thống văn bản và quan điểm chỉ đạo của Đảng

Phát triển thiết chế văn hóa, thể thao là một nhiệm vụ quan trọng của sự nghiệp phát triển văn hóa, xây dựng con người; lấy việc đáp ứng nhu cầu và nâng cao chất lượng đời sống của người dân là mục tiêu phát triển thiết chế văn hóa, thể thao.

Ngay từ Đại hội lần thứ VI của Đảng, Đại hội đầu tiên của thời kỳ Đổi mới, Đảng ta đã xác định: “Mỗi hoạt động văn hóa, văn nghệ đều phải tính đến hiệu quả xã hội, tác động tốt đến tư tưởng, tâm lý, tình cảm, nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa và trình độ thẩm mỹ của nhân dân. Quan tâm đáp ứng nhu cầu, thị hiếu lành mạnh của các tầng lớp xã hội và các lứa tuổi. Xây dựng và sử dụng các hệ thống thư viện, câu lạc bộ, nhà văn hóa, viện bảo tàng, nhà truyền thống từ trung ương

đền cơ sở, ở các ngành và các địa phương”¹. Hệ thống thiết chế văn hóa, thông tin này có nhiệm vụ “đưa đến tận các đơn vị cơ sở những giá trị văn hóa, nghệ thuật của dân tộc và thế giới, những kiến thức phổ thông và hiện đại về khoa học, kỹ thuật”².

Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 28 tháng 11 năm 1987 của Bộ Chính trị (khóa VI) về "Đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật và văn hóa, phát huy khả năng sáng tạo, đưa văn học, nghệ thuật và văn hóa phát triển lên một bước mới" tiếp tục quan tâm chỉ đạo xây dựng và củng cố các nhà văn hóa, câu lạc bộ, thư viện, nhà bảo tàng, công viên văn hóa... Đây là cơ sở để việc khôi phục, xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao nước ta sau nhiều năm chiến tranh bước đầu được triển khai trên khắp cả nước, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động văn hóa quần chúng.

Đến Đại hội lần thứ VIII của Đảng, việc xây dựng, phát triển thiết chế văn hóa, thể thao không chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu văn hóa, thể thao của người dân, góp phần phát triển văn hóa, mà còn góp phần phát triển kinh tế. Quan điểm chỉ đạo của Đảng là: “Tăng cường đầu tư cải tạo và xây dựng hệ thống các cơ sở văn hóa thông tin từ trung ương đến địa phương được quy hoạch lại theo hướng hoạt động đa năng, gắn hoạt động văn hóa với du lịch, thể thao và vui chơi giải trí”³.

Văn kiện Đại hội lần thứ IX của Đảng tiếp tục nhấn mạnh một trong các nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là “Tăng nhanh mức đầu tư của Nhà nước và của xã hội cho sự nghiệp văn hóa. Tạo điều kiện để nhân dân ngày càng nâng cao trình độ thẩm mỹ và thưởng thức nghệ thuật, trở thành những chủ thể sáng tạo văn hóa, đồng thời hưởng thụ ngày càng nhiều các thành quả văn hóa. Nâng cao chất lượng hệ thống bảo tàng lịch sử, bảo tàng cách mạng; đẩy mạnh xây dựng thư viện, nhà văn hóa, nhà thông tin, câu lạc bộ sức khỏe, sân bãi thể dục, thể thao, khu vui chơi, giải trí...”⁴.

Nghị quyết số 33/NQ-TW, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (2014) về xây dựng, phát triển văn hóa và con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và Văn kiện Đại hội XII của Đảng đều nhấn mạnh đến ý nghĩa và tầm quan trọng của việc xây dựng hệ thống TCVH là vì sự hoàn thiện con người: Hoàn thiện thể chế, chế định pháp lý và thiết chế văn hóa bảo đảm xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng tiếp tục khẳng định rõ chủ trương: "Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển...; mọi chính sách của Đảng, Nhà nước đều phải hướng vào nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của Nhân dân". Theo đó, đầu tư phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr 96.

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr 97.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr 577.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr 659.

phải đặt lên hàng đầu mục tiêu đảm bảo phúc lợi văn hóa, thể thao cho các tầng lớp nhân dân, tức là tạo điều kiện để nhân dân, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số, ở vùng khó khăn, các nhóm xã hội yếu thế,... được tiếp cận và thụ hưởng văn hóa, thể thao; được tạo điều kiện và bồi dưỡng năng lực để thụ hưởng các sản phẩm văn hóa, tham gia chủ động, tích cực vào đời sống văn hóa, rèn luyện thể thao, hướng đến cuộc sống lành mạnh, tích cực.

Xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao phải hướng đến hiệu quả, bền vững, luôn gắn với việc đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa

Từ Đại hội VI đến nay, để thực hiện mục tiêu phát triển thiết chế văn hóa, thể thao đáp ứng nhu cầu của người dân, việc đầu tư, cải tạo, không ngừng nâng cao hiệu quả sử dụng, khai thác, quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao luôn được Đảng ta chú trọng. Trong đó, Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998), Nghị quyết chuyên đề đầu tiên về lĩnh vực văn hóa của Đảng thời kỳ Đổi mới xác định: “Củng cố, xây dựng và hoàn thiện thể chế văn hóa. Nâng cao chất lượng hoạt động của các thiết chế văn hóa hiện có, sắp xếp hợp lý các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp và kinh doanh, nâng cấp các đơn vị văn hóa - nghệ thuật trọng điểm, tạo chất lượng mới cho toàn ngành”. Đây là lần đầu tiên thuật ngữ “thiết chế văn hóa” chính thức được sử dụng, ngoài việc nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa các cấp hiện có, cần chú trọng đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tạo dấu ấn và tác động tích cực tới sự phát triển của ngành.

Đại hội XII, với mục đích khắc phục những hạn chế trong công tác quản lý văn hóa đã nhấn mạnh việc “rà soát, phát triển hợp lý các thiết chế văn hóa”⁵ là một phân quan trọng trong nhiệm vụ đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa.

Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương Đảng (khóa XII) về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập đã đưa ra những nhiệm vụ cụ thể, góp phần đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao như: Sắp xếp lại, nâng cao năng lực các đơn vị nghệ thuật biểu diễn công lập theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả... Thực hiện chủ trương sáp nhập các trung tâm có chức năng, nhiệm vụ tương đồng thuộc sở văn hóa, thể thao và du lịch thành một đầu mối. Sáp nhập các trung tâm văn hóa, trung tâm thể thao, nhà văn hóa... trên địa bàn cấp huyện thành một đầu mối.

Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: “Tiếp tục đổi mới toàn diện nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa. Tăng cường đầu tư, khai thác và phát huy tối đa các nguồn lực văn hóa đi đôi với đổi mới nội dung, phương thức quản lý,

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr 131.

khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả; tăng cường kiểm tra, giám sát, bảo đảm hiệu quả đầu tư cao trong lĩnh vực văn hóa. Đổi mới, hoàn thiện các thiết chế văn hóa từ trung ương đến cơ sở, bảo đảm hiệu quả”⁶.

Như vậy, quan điểm chỉ đạo của Đảng về xây dựng, phát triển thiết chế văn hóa, thể thao thường xuyên được điều chỉnh, hoàn thiện theo các giai đoạn và yêu cầu của thực tiễn phát triển văn hóa, con người. Các quan điểm này không chỉ tăng cường nhận thức và ý thức về văn hóa, thể thao cộng đồng mà còn tạo điều kiện và thúc đẩy việc đầu tư, xây dựng, mở rộng, nâng cấp hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trong những năm đổi mới vừa qua.

2.1.3. Đề xuất những vấn đề cần phát triển, bổ sung

Để tiếp tục phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao theo hướng bền vững, đáp ứng nhu cầu và nâng cao chất lượng sống của người dân, phục vụ phát triển đất nước trong thời kỳ mới, công tác chỉ đạo của Đảng cần phát triển, làm rõ hơn nữa các nội dung sau:

Một là, cần đổi mới và tăng cường các biện pháp giáo dục, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức và ý thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về tầm quan trọng của thiết chế văn hóa và thể thao trong sự phát triển của đất nước, đây là cơ sở quan trọng để thu hút sự tham gia của người dân và cộng đồng vào việc xây dựng, phát triển thiết chế văn hóa, thể thao.

Hai là, cần đưa ra một quan niệm thống nhất về nội hàm thuật ngữ “Thiết chế văn hóa, thể thao”, trong đó cần có sự phân loại phù hợp các loại hình thiết chế văn hóa, thể thao ở các cấp, từ trung ương, bộ/ngành đến cơ sở làm căn cứ xây dựng, ban hành các quy định cụ thể về xây dựng, đầu tư và quản lý sử dụng, khai thác các thiết chế cụ thể.

Ba là, các văn bản của Đảng tiếp tục tập trung chỉ đạo việc xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao một cách đồng bộ, có sự phối kết hợp giữa các cấp, các ngành và các bên liên quan; quy hoạch phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao phải gắn với quy hoạch phát triển ngành, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2.2. Chính sách, pháp luật của Nhà nước cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

2.2.1. Hệ thống văn bản

Chính sách, pháp luật do Quốc hội ban hành

Quốc hội đã sửa đổi, bổ sung, ban hành một số văn bản luật, nghị quyết quy định trực tiếp và gián tiếp đến đầu tư, xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao. Cụ thể, Hiến pháp 2013 có 3 điều quy định về văn hóa, nghệ thuật, trong đó định hướng phát triển xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, mang bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa của thế giới. Hiến pháp cũng khẳng định, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ hoạt động sáng tạo, quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các thiết chế văn hóa là

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr 303.

quyền con người và quyền cơ bản của công dân cần được pháp luật quy định cụ thể để bảo đảm quyền này được thực thi trong thực tiễn.

Một số luật liên quan: Luật Di sản văn hóa năm 2001 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Luật Thư viện năm 2019; Luật Điện ảnh năm 2022; Luật Thể dục, thể thao năm 2006 được sửa đổi, bổ sung năm 2018; Luật Quy hoạch năm 2017 được sửa đổi, bổ sung năm 2018; Luật Đầu tư công năm 2019; Luật Đầu tư năm 2020 được sửa đổi, bổ sung năm 2022.

Bên cạnh đó, Quốc hội đã có nhiều nghị quyết đề cập cụ thể đến đầu tư, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao. Nghị quyết số 44/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội về chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIV nêu rõ: “Đảm bảo thực hiện quy hoạch tổng thể, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, chú trọng các thiết chế tại các khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất; đổi mới cơ chế, chính sách, phương thức hoạt động để phát huy hiệu quả của hệ thống thiết chế này. Quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng, xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng các công trình văn hóa, thể thao”. Nghị quyết số 572/NQ-UBTVQH15 ngày 18/8/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về hoạt động chất vấn tại phiên họp thứ 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV yêu cầu: “Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao theo quy định của Luật Quy hoạch và Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 – 2030”.

Văn bản Chính phủ ban hành

Nghị định số 113/2013/NĐ-CP ngày 02/10/2013 của Chính phủ về hoạt động mỹ thuật.

Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh.

Nghị định số 23/2019/NĐ-CP ngày 26/02/2019 của Chính phủ quy định về hoạt động triển lãm...

Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2006-2010, Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2012-2015, Chương trình mục tiêu về văn hóa giai đoạn 2016-2020.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025.

Quyết định 210/QĐ-TTg ngày 28/2/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược văn hóa đối ngoại của Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến 2030.

Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 08/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030.

Quyết định số 2013/QĐ-TTg ngày 30/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược ngoại giao văn hóa đến năm 2030.

Trong đó, Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020 (Ban hành kèm theo Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ) có đề cập trực tiếp đến phát triển thiết chế văn hóa như: “Xây dựng đồng bộ và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa cộng đồng, phấn đấu đến năm 2015, 100% số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có đủ các thiết chế văn hóa; đến năm 2015 và 2020, 90 – 100% số quận, huyện, thị xã có nhà văn hóa và thư viện; 80 – 90% số xã, thị trấn có nhà văn hóa; 60 -70% số làng, bản, ấp có nhà văn hóa. Xây dựng một số công trình văn hóa xứng tầm với thời đại tại Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và một số thành phố lớn của cả nước”⁷.

Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 xác định mục tiêu: “Phấn đấu 100% đơn vị hành chính cấp tỉnh có đủ 3 loại hình thiết chế văn hóa gồm: Trung tâm văn hóa hoặc Trung tâm văn hóa - nghệ thuật, bảo tàng, thư viện; 100% đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có Trung tâm văn hóa, thể thao”⁸.

Các văn bản trực tiếp:

Năm 2005 Chính phủ đã ban hành “Quy hoạch phát triển hệ thống thiết chế văn hóa thông tin cơ sở đến năm 2010”.

Năm 2013, Chính phủ đã ban hành “Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 – 2020, định hướng đến năm 2030”.

Như vậy, tới nay, Chính phủ đã ban hành hai Quy hoạch về thiết chế văn hóa, thể thao: “Quy hoạch phát triển hệ thống thiết chế văn hóa thông tin cơ sở đến năm 2010” (gọi tắt là Quy hoạch 2005) và “Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030” (gọi tắt là Quy hoạch 2013) với các mục tiêu, đối tượng và yêu cầu đầu tư cụ thể, tạo sự liên mạch trong vấn đề thiết chế văn hóa, thể thao.

Quan điểm thống nhất của hai quy hoạch này đều đề cao vai trò của TCVHTT cơ sở ở hai khía cạnh: Là nơi tổ chức các hoạt động văn hóa để người dân có điều kiện hưởng thụ, sáng tạo và bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc Việt Nam; Là công cụ tuyên truyền, vận động sắc bén, sâu rộng tại cơ sở của Đảng, Nhà nước nhằm thực hiện các nhiệm vụ chính trị của cả nước và của từng địa phương.

Với mục tiêu khắc phục tình trạng chênh lệch về mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân ở các vùng, miền, khu vực trong cả nước, quy hoạch về thiết chế văn hóa ở Quy hoạch 2005 tập trung vào 4 loại:

Một là: Trung tâm văn hóa – Thông tin hoặc Nhà Văn hóa trung tâm, Trung tâm Thông tin - Triển lãm cấp tỉnh;

⁷ Thủ tướng Chính phủ: Số 581/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2009 về việc phê duyệt “Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020”, <https://thuvienphapluat.vn>, truy cập ngày 20/02/2024.

⁸ Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030”, <https://thuvienphapluat.vn>, truy cập ngày 20/02/2024.

Hai là: Trung tâm văn hóa, Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện;

Ba là: Nhà Văn hóa cấp xã, Nhà Văn hóa thôn, làng, ấp, bản;

Bốn là: Cung Văn hóa, Nhà Văn hóa thuộc các bộ, ngành, lực lượng vũ trang.

Một cách bài bản hơn, Quy hoạch 2013 tập trung quy hoạch hệ thống TCVHTT với bốn loại lớn, có sự phân biệt rõ hơn về đối tượng thụ hưởng và chủ thể quản lý:

Một là: Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở *phục vụ cộng đồng* thuộc ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý (gồm Nhà Văn hóa - Khu Thể thao ở thôn và tương đương; Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, cấp huyện và cấp tỉnh)

Hai là: Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ thanh niên, thiếu niên và nhi đồng (gồm Nhà Thiếu nhi cấp huyện, Cung Thiếu nhi, Nhà Thiếu nhi hoặc Trung tâm hoạt động Thanh Thiếu nhi cấp tỉnh);

Ba là: Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ công nhân viên chức, người lao động (gồm Nhà Văn hóa Lao động cấp huyện, Cung Văn hóa Lao động, Nhà Văn hóa Lao động cấp tỉnh, Trung tâm Văn hóa - Thể thao ở Khu chế xuất, Khu công nghiệp và trong các doanh nghiệp lớn);

Bốn là: Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở thuộc các bộ, ngành, đoàn thể và lực lượng vũ trang; các thiết chế văn hóa, thể thao được đầu tư bằng nguồn vốn xã hội hóa.

Việc củng cố, xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa thông tin cơ sở đặt ra yêu cầu phải đồng bộ; các nhà văn hóa phải bền, đẹp, có kiến trúc phù hợp với từng địa phương và được xây dựng ở vị trí trung tâm, thuận lợi cho sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Nhà nước tạo điều kiện để người dân và các tổ chức, doanh nghiệp tham gia công tác xã hội hóa đối với việc xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao; thông tin cơ sở; Nhà nước ưu tiên xem xét hỗ trợ kinh phí 100% kể cả xây dựng cơ bản lẫn trang thiết bị đối với các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở ở vùng nghèo, miền núi, biên giới, hải đảo⁹.

Việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đi đôi với tăng cường chất lượng đội ngũ cán bộ và đổi mới cơ chế quản lý, đảm bảo các nội dung hoạt động phong phú, đa dạng, có hiệu quả theo đúng định hướng của Nhà nước. Nguồn vốn huy động cho việc xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao từ nhiều nguồn: ngân sách trung ương bố trí theo kế hoạch hằng năm; ngân sách địa phương; ngân sách của các bộ, ngành, đoàn thể, lực lượng vũ trang giành cho hoạt động văn hóa thông tin; đóng góp của nhân dân, các đoàn thể; tài trợ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài.

Mục tiêu được xác định là phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với địa phương; phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị và khu dân cư. Trên cơ sở nâng cao

⁹ Thủ tướng Chính phủ: Số 271/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2005 về việc phê duyệt “Quy hoạch phát triển thiết chế văn hóa thông tin cơ sở đến năm 2010”, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/quyet-dinh-271-2005-qd-ttg-quy-hoach-phat-trien-he-thong-thiet-che-van-hoa-thong-tin-co-so-den-nam-2010-5022.aspx>, truy cập ngày 15/02/2024.

hiệu lực quản lý của chính quyền cấp quận/huyện, phường/xã; phát huy vai trò quản lý nhà nước của ngành văn hóa, thể thao và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa để làm tốt việc xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở.

Gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương, mục tiêu Quy hoạch 2013 đặt ra là:

Đến năm 2020, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở được phát triển đồng bộ, từng bước khắc phục tình trạng chênh lệch về mức hưởng thụ văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí của nhân dân ở các vùng, miền, khu vực trong cả nước, trong đó: 70% số thôn (riêng ở khu vực miền núi là 50%) có Nhà Văn hóa - Khu Thể thao, 80% số đơn vị hành chính xã (riêng ở khu vực miền núi là 60%) có Trung tâm Văn hóa - Thể thao, 90% số đơn vị hành chính cấp huyện có Trung tâm Văn hóa - Thể thao; 30% số đơn vị hành chính cấp huyện có Nhà Thiếu nhi; 10% số đơn vị hành chính cấp huyện có Nhà Văn hóa Lao động; 100% số đơn vị hành chính cấp tỉnh có Trung tâm Văn hóa; 100% số đơn vị cấp tỉnh có Cung Thiếu nhi, Nhà Thiếu nhi hoặc Trung tâm hoạt động Thanh Thiếu nhi; 50% số đơn vị cấp tỉnh có Cung Văn hóa Lao động, Nhà Văn hóa Lao động; Xây dựng Trung tâm Văn hóa; Cung Thiếu nhi, Nhà Thiếu nhi; Cung Văn hóa Lao động, Nhà Văn hóa Lao động cấp Quốc gia; Khu vui chơi giải trí hiện đại tại Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, các địa phương là trung tâm các vùng kinh tế trọng điểm và các đô thị loại I khác trong cả nước; 100% Khu công nghiệp, Khu chế xuất có quy hoạch quỹ đất để xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ công nhân, người lao động, tối thiểu 30% Khu công nghiệp, Khu chế xuất đã hoạt động xây dựng được Trung tâm Văn hóa - Thể thao phục vụ công nhân, người lao động.

Đến năm 2030, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phát triển đạt các tiêu chí quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trong đó: 100% các cấp hành chính có thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng thuộc ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý; 50% số đơn vị hành chính cấp huyện có Nhà Thiếu nhi; 30% đơn vị hành chính cấp huyện và 100% đơn vị hành chính cấp tỉnh có Thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ thanh niên, thiếu niên và nhi đồng; 50% Khu công nghiệp, Khu chế xuất có Trung tâm Văn hóa - Thể thao. Các công trình văn hóa, thể thao cơ sở được xây dựng ở vị trí trung tâm, thuận lợi cho sinh hoạt của nhân dân; kiến trúc hiện đại, bền vững phù hợp với đặc trưng văn hóa vùng, miền, dân tộc, có quy mô xây dựng tương xứng với sự phát triển về kinh tế, xã hội của địa phương. Đi liền với các tiêu chí này là yêu cầu quy hoạch *trình độ đạt chuẩn của đội ngũ cán bộ*: Ở thôn: 100% cán bộ kiêm nhiệm phụ trách Nhà Văn hóa - Khu Thể thao được tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ; *Cấp xã*: 20% cán bộ quản lý và nghiệp vụ đạt trình độ đại học, cao đẳng; 80% đạt trình độ trung cấp về chuyên môn nghiệp vụ; *Cấp huyện*: 50% số cán bộ quản lý và nghiệp vụ đạt trình độ đại học, cao đẳng; 50% đạt trình độ trung cấp về chuyên môn nghiệp vụ; *Cấp tỉnh*: 70% số cán bộ quản lý và nghiệp vụ đạt trình độ đại học, cao đẳng trở lên về chuyên môn nghiệp vụ, số còn lại đạt trình độ trung cấp. Về kinh phí đầu tư xây dựng, kinh phí tổ chức hoạt động của các thiết chế văn hóa là sự kết hợp công tư, trong đó

chủ yếu là đầu tư công và động viên, tập hợp nguồn lực xã hội hoá gắn với mở rộng dịch vụ và thị trường; phân bổ nguồn lực của địa phương cho hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao.

Về tổ chức thực hiện, Chính phủ giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với trách nhiệm của bộ chủ quản chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hướng dẫn tổ chức thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030, đảm bảo cân đối vốn và ngân sách để thực hiện việc xây dựng và phát triển thiết chế văn hóa, thể thao cũng như chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan định kỳ kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy hoạch tổng thể này.

Chính phủ cũng đã giao các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch tổ chức thực hiện các Quy hoạch phát triển hệ thống TCVHTT. Chính phủ cũng đã giao các địa phương xây dựng quy hoạch củng cố và xây dựng hệ thống thiết chế đáp ứng việc tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao ở các cấp hành chính cho địa phương mình theo các điều kiện cụ thể.

Về phía Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Với chức năng của bộ chủ quản, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành nhiều văn bản nhằm cụ thể hoá chủ trương về TCVHTT của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, cơ bản có thể kể tới các văn bản như:

Quyết định số 132/1998/QĐ-BVHTT Về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của các Bảo tàng;

Thông tư số 03/2009/TT-BVHTTDL ngày 28/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm văn hóa tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26/2/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của tổ chức sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;

Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã;

Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn;

Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định mẫu về tổ chức và hoạt động của câu lạc bộ thể dục, thể thao cơ sở; Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Thông tư số 12/2010/TT- BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2010 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã;

Quyết định số 2563/QĐ-BVHTTDL ngày 03/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt Đề án “Nâng cao hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao ở nông thôn”;

Thông tư số 09/2016/TT-BVHTTDL, ngày 14-10-2016, Quy định về tổ chức thi, liên hoan văn nghệ quần chúng;

Thông tư số 14/2016/TT-BVHTTDL ngày 21/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao phường, thị trấn;

Thông tư liên tịch số 46/2016/TTLT-BTC-BVHTTDL, ngày 11-3-2016 Hướng dẫn chế độ quản lý đặc thù đối với đội Tuyên truyền lưu động cấp tỉnh và cấp huyện;

Hướng dẫn số 4322/HD-BVHTTDL-VHCS, ngày 25-1-2016 về việc Hướng dẫn thực hiện chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Kế hoạch số 3905/KH-BVHTTDL, ngày 29-9-2016, Triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020...;

Thông tư số 13/2016/TT-BVHTTDL về Quy định quy chế mẫu hoạt động của Thư viện cấp tỉnh, huyện, xã; Hướng dẫn số 747/HD-BVHTTDL, ngày 28-2-2017 hướng dẫn thực hiện Tiêu chí 06 về Cơ sở vật chất văn hóa và Tiêu chí 16 về Văn hóa trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới;...

Đây là một hệ thống văn bản pháp quy, tạo cơ sở hành lang pháp lý chuyên môn cho việc triển khai các vấn đề về TCVHTT ở nước ta.

Về phía các địa phương

Ủy ban nhân dân các tỉnh đã triển khai các văn bản của Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; trên cơ sở đó, các địa phương cấp tỉnh và cấp huyện đã ban hành Đề án Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trong giai đoạn 2013 - 2020 và định hướng đến năm 2030 hoặc các quy hoạch theo các giai đoạn cụ thể, phù hợp điều kiện của địa phương tính từ năm 2013 và định hướng đến năm 2030 (Thí dụ: tỉnh Bắc Ninh có Đề án “Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017 - 2025, định hướng đến năm 2030”; Bắc Giang có “Đề án phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2030”...); Ban hành quy chế về quản lý, sử dụng TCVH; quy chế tổ chức hoạt động của các loại TCVH (Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn; Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã, phường, thị trấn, quận, huyện, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương); Ban hành

quy chế về quản lý, sử dụng TCVH thể thao ở nông thôn... Các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Phòng Văn hóa – Thông tin ban hành hệ thống văn bản chỉ đạo về quản lý, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn về TCVH TT.

2.2.2. Đánh giá ưu điểm, hạn chế, bất cập của chính sách, pháp luật cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

*** Ưu điểm:**

Việc thể chế hoá các vấn đề về các thiết chế văn hóa bằng các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản dưới luật... đã được Nhà nước và các cấp chính quyền quan tâm và chú trọng. Hầu hết các văn bản đều có giá trị điều chỉnh phù hợp, chỉ đạo nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa và hiệu quả quản lý nhà nước đối với các thiết chế văn hóa theo phân cấp hành chính.

Một số địa phương đã có kế hoạch, chuyên đề về xây dựng và nâng cao trình độ nguồn nhân lực trong hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương mình. Các cơ quan chuyên môn tại các địa phương trên toàn quốc như Sở Văn hóa, Phòng Văn hóa – Thông tin đều làm thực hiện công tác tham mưu về thiết chế văn hóa, thể thao các cấp phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Các Trung tâm văn hóa cấp tỉnh và cấp huyện thường xuyên có sự đổi mới. Ngoài việc phục vụ thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, các trung tâm đều mở rộng các hình thức khai thác, sử dụng cơ sở vật chất hiện có, đáp ứng nhu cầu tập luyện, vui chơi, giải trí của nhân dân. Các Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã đã tích cực tìm tòi các loại hình hoạt động văn hóa, thể thao phù hợp để đáp ứng nhu cầu về sinh hoạt văn hóa, thể thao của nhân dân. Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn, bản thường xuyên tập trung vào các hoạt động thông tin tuyên truyền, tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ, sinh hoạt cộng đồng.

Trên thực tế, cả hai quy hoạch về thiết chế văn hóa, thể thao đã được triển khai đồng bộ ở các cấp, mang lại những kết quả khả quan. Bên cạnh đó, việc kết hợp đầu tư theo các tiêu chí xây dựng nông thôn mới cũng góp phần tạo thêm nguồn kinh phí đầu tư cho xây dựng TCVH TT (theo Quyết định số 491/QĐ-TTg về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới, có tiêu chí 6 - cơ sở vật chất văn hóa: Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới khi có Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và 100% số thôn có Nhà văn hóa - khu thể thao thôn đạt chuẩn).

*** Hạn chế, bất cập:**

Thứ nhất, hệ thống chính sách, pháp luật cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao chưa đồng bộ, còn tản mát ở nhiều văn bản khác nhau, hoặc chưa được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật. Một số thiết chế được quy định tại luật, (như thư viện, bảo tàng). Một số thiết chế quy định tại nghị định của Chính phủ (như thiết chế cho hoạt động triển lãm, nghệ thuật biểu diễn). Một số thiết chế quy định tại quyết định của Thủ tướng, thông tư của Bộ trưởng (như Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam, Liên đoàn Xiếc Việt Nam). Một số thiết chế chưa được điều chỉnh bởi văn bản quy phạm pháp luật (như câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ ở cơ sở,

nhà văn hóa của Tổ dân phố)... Nghị định số 151/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được ban hành khiến các hoạt động liên doanh, liên kết tại các đơn vị sự nghiệp công lập gần như không thực hiện được, ảnh hưởng đến việc tự chủ, hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao. Điều này không chỉ gây ra khó khăn nhất định trong việc đầu tư xây dựng mà còn trong việc sử dụng, quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao.

Thứ hai, còn thiếu một số chính sách, luật pháp quan trọng cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao, như: Chính sách cụ thể nhằm khuyến khích, huy động sự tham gia của người dân vào đời sống văn hóa, đặc biệt là phát triển công chúng cho các thiết chế văn hóa nghệ thuật; Chính sách ưu tiên đầu tư (theo giai đoạn hoặc theo chức năng, nhiệm vụ của các loại hình thiết chế văn hóa, thể thao, góp phần phục vụ mục tiêu phát triển đất nước, con người); Chính sách huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho thiết chế văn hóa, thể thao. Hội thảo Văn hóa năm 2022 về thể chế, chính sách và nguồn lực cho phát triển văn hóa đã chỉ ra điểm nghẽn trong việc khai thác các nguồn lực cho phát triển văn hóa là chưa huy động được nguồn lực đầu tư lớn từ xã hội do vẫn tập trung vào cách tiếp cận truyền thống, văn hóa thuộc lĩnh vực đầu tư công.

Thứ ba, chưa có các chính sách cụ thể, rõ ràng để liên kết các bên liên quan giữa các bộ/ngành/địa phương trong đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác thiết chế văn hóa, thể thao.

2.3.3. Những vấn đề đặt ra

Thứ nhất: Về tổng thể, từ góc độ Nhà nước, cần có sự nghiên cứu xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và cơ chế, chính sách, duy trì, tăng nguồn kinh phí hàng năm cho Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa để tăng cường nguồn kinh phí đầu tư cho việc củng cố, xây dựng và hoạt động của hệ thống TCVHTT.

Thứ hai: Về công tác lãnh đạo, quản lý, cần nhận thức sâu sắc sự đúng đắn về đường lối của Đảng trong việc đề cao vai trò của văn hóa nói chung, thiết chế văn hóa nói riêng. Từ đó có cách quán triệt, tuyên truyền phù hợp để thúc đẩy nhận thức của toàn xã hội về vai trò của TCVHTT trong phát triển, có biện pháp thuyết phục, thu hút người dân tham gia vào các hoạt động văn hóa, thể thao.

Thứ ba: Về đầu tư cho TCVHTT, các cấp, ngành cần có sự quan tâm đầu tư thiết thực và hợp lý hơn đối với từng loại TCVHTT trên cơ sở nhu cầu và điều kiện có thể, tập trung đầu tư từ điểm đến diện, chú ý tính hiệu quả, tránh dàn trải, chạy theo số lượng, đầu tư không thoả đáng dẫn tới tình trạng làm cho có, không đủ trang thiết bị để hoạt động của nhiều thiết chế như hiện nay.

Với các TCVHTT cơ sở ở các cấp huyện, xã, để có sự thu hút người dân, cần có những tính toán căn cứ trên nhu cầu, tâm lý, sự phù hợp về phong tục, tập quán bản địa, truyền thống văn hóa của địa phương để xây dựng các TCVHTT phù hợp với không gian văn hóa bản địa, kết hợp được với các thiết chế văn hóa truyền thống mang dấu ấn lịch sử văn hóa của địa phương; có thể xây dựng.

TCVHTT ở dạng mô hình liên thôn, liên xã theo vùng văn hóa để có đầu tư thoả đáng, đáp ứng sát với nhu cầu, lợi ích của người dân và tạo được điểm nhấn, điểm đến trong phát triển du lịch của địa phương, từ đó có thể dần dần có và tăng nguồn thu từ hoạt động của TCVHTT để hoạt động và tích lũy đầu tư trở lại. Đặc biệt có những ưu tiên với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn để chi 100% ngân sách Nhà nước cho xây dựng, trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật, mua sắm trang thiết bị và hỗ trợ chi phí hoạt động của các TCVHTT.

Thứ tư: Về công tác chuyên môn, cần thấy rõ đây là khâu quyết định sự chuyển đổi, khắc phục những hạn chế hiện nay. Quản lý và điều hành các hoạt động văn hóa và thể thao hiện đang gặp nhiều thách thức. Điều kiện và cơ sở hạ tầng quản lý chưa đảm bảo, cùng với vấn đề tham nhũng và thiếu minh bạch trong quản lý đã làm giảm hiệu quả của các chính sách và hoạt động.

Do vậy, cần kiện toàn, bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý TCVHTT để việc vận hành, khai thác các TCVHTT ở cơ sở được hiệu quả hơn. Cần gắn hoạt động của các TCVHTT với việc xây dựng đời sống, thực hành, tương tác văn hóa, thể thao mang đặc trưng địa phương; cần đặt ra mục tiêu quảng bá hình ảnh của địa phương thông các hoạt động trải nghiệm, khám phá tại TCVHTT để phát huy vai trò các thiết chế này.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cần có những chỉ đạo sát thực, cụ thể hơn để tổ chức được các hoạt động đào tạo, tập huấn chuyên môn cần thiết, tăng cường chỉ đạo về nội dung hoạt động cho Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã; nhà văn hóa - khu thể thao thôn, bản, khu dân cư trên toàn quốc; đồng thời nhấn mạnh việc giao cho các đơn vị chuyên môn văn hóa tại các địa phương chủ động xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn về chuyên môn phù hợp những vấn đề đang đặt ra cụ thể của các TCVHTT tới từng thôn/tổ dân phố, từng xã/phường; Xây dựng cảnh quan môi trường xanh của thiết chế với các loại cây, hoa đặc trưng của địa phương, từ mô hình thí điểm hiệu quả rồi điều chỉnh, nhân rộng ra trong địa phương.

Với các thiết chế văn hóa trình diễn nghệ thuật như nhà hát cần có sự đổi mới mạnh mẽ trong sáng tạo nội dung, tăng chiều sâu kịch bản, đổi mới cách thức trình diễn theo hướng giữ giá trị gốc của loại hình nghệ thuật nhưng tăng tính kết nối, tương tác hoặc chuyển đổi không gian trình diễn để tạo sự thu hút, đáp ứng được nhu cầu thưởng thức của công chúng.

Cần có sự tính toán đầu tư cho rạp/trung tâm chiếu phim của các tỉnh, đây là một thiết chế quan trọng trong quá trình xây dựng công nghiệp văn hóa ở Việt Nam.

Thứ năm: Cần có sự động viên, khuyến khích phù hợp để gia tăng mức độ quan tâm, đóng góp xã hội hoá từ phía các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp cho việc xây dựng và vận hành các TCVHTT, hướng các TCVHTT tư nhân vào việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương và cả nước. Đồng thời có cách thức quản lý phù hợp, tiết chế kịp thời đối với các TCVHTT tư nhân nhằm tránh việc khai thác quá mức hoặc đơn thuần chạy theo thị hiếu, chạy theo lợi nhuận, đảm bảo tính văn hóa của các dịch vụ tại các thiết chế này.

3. Kết luận

Trong bối cảnh phát triển văn hóa và con người Việt Nam hiện nay, việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống TCVHTT đồng bộ, hiện đại là yêu cầu cần thiết, cấp bách bởi TCVHTT chính là nơi tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao của cộng đồng, làm nên môi trường văn hóa văn minh, giàu bản sắc dân tộc. Quá trình củng cố, tạo lập TCVHTT theo chỉ đạo của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước diễn ra đã khá lâu, nhiều thành quả cũng đã được khẳng định, nhưng những hạn chế và vấn đề đặt ra cũng còn nhiều, đòi hỏi sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, trong đó đề cao sự chủ động, sáng tạo của bộ máy TCVHTT, của lãnh đạo các địa phương, các bộ, ban ngành và nhân dân trong cả nước./.

VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO GIAI ĐOẠN 2013 – 2023

Bộ Tài chính

1. Theo quy định tại Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 – 2020, định hướng đến năm 2030, kinh phí ngân sách Nhà nước (NSNN) đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang bị phương tiện chuyên dùng, đào tạo cán bộ và hỗ trợ một phần chi phí duy trì hoạt động đối với các cơ sở thiết chế văn hóa, thể thao ở địa phương (cấp tỉnh, huyện và xã); ngân sách địa phương (NSDP) hỗ trợ đối với Nhà văn hóa - Khu thể thao ở thôn. Đối với các thiết chế văn hóa, thể thao thuộc các bộ, ngành, đoàn thể được định hướng đầu tư bằng nguồn vốn xã hội hóa.

Khoản 3 Điều 2 Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định trách nhiệm của Bộ Tài chính:

“- Chủ trì và phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng, quyết toán nguồn kinh phí bảo đảm thực hiện Quy hoạch tổng thể này trong từng giai đoạn;

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí ngân sách thực hiện các mục tiêu của Quy hoạch tổng thể này;

- Đề xuất cơ chế, chính sách huy động các nguồn kinh phí để xây dựng phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở. Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương bố trí kinh phí để xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao thuộc bộ, ngành, địa phương mình;

- Kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí theo đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các quy định khác có liên quan.”

2. Về vốn đầu tư công cho thiết chế văn hóa, thể thao

2.1. Về việc tham mưu, ban hành chính sách, pháp luật về xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao giai đoạn 2013 - 2023 đối với nguồn vốn đầu tư công

- Giai đoạn 2013 - 2023: Vốn đầu tư nguồn NSNN bố trí cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương được Quốc hội giao chung cho lĩnh vực Văn hóa, thông tin và lĩnh vực Thể dục, thể thao (không giao riêng cho đối tượng thiết chế văn hóa, thể thao).

Bộ Tài chính đã phối hợp tham gia với Bộ Kế hoạch và Đầu tư các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý đầu tư công nói chung (bao gồm cả đầu tư cho thiết chế văn hóa, thể thao) như: Luật Đầu tư công năm 2014, Luật Đầu tư công (sửa đổi) năm 2019 và các nghị định hướng dẫn luật có liên quan. Đồng thời, trong giai đoạn

2013 - 2023, Bộ Tài chính đã ban hành 01 Nghị định và các Thông tư hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước; các Thông tư quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước (trong đó có lĩnh vực thiết chế văn hóa, thể thao), cụ thể như sau:

- Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 thay thế Thông tư số 86/2011/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

- Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 thay thế Thông tư số 19/2011/TT-BTC và Thông tư số 04/2014/TT-BTC quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước.

- Thông tư số 108/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước.

- Thông tư số 349/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư của các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách Nhà nước thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020.

- Thông tư số 85/2017/TT-BTC ngày 15/8/2017 của Bộ Tài chính quy định việc quyết toán tình hình sử dụng vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước theo niên độ ngân sách hằng năm.

- Thông tư số 52/2018/TT-BTC ngày 24/5/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước, Thông tư số 108/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính.

- Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước.

- Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 quy định quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn Nhà nước (thay thế Thông tư số 09/2016/TTBTC và Thông tư số 64/2018/TT-BTC).

- Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

- Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán.

2.2. Về nội dung phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp dự toán ngân sách, cân đối vốn đầu tư công nguồn NSNN để thực hiện chính sách, pháp luật về xây dựng và phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

Hàng năm, Bộ Tài chính có văn bản tham gia với Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm cho các bộ, ngành và

địa phương (trong đó có lĩnh vực văn hóa, thể thao, bao gồm cả thiết chế văn hóa, thể thao).

2.3. Về vốn đầu tư công cho thiết chế văn hóa, thể thao

Việc bố trí vốn cho các dự án đầu tư công trình văn hóa, thể thao thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN từng giai đoạn; phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương, quy hoạch ngành lĩnh vực, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có liên quan. Giai đoạn 2016 – 2020, việc bố trí vốn ngân sách trung ương (NSTW) cho công trình văn hóa, thể thao thực hiện qua các Chương trình mục tiêu và bố trí trong kế hoạch đầu tư công của các bộ, ngành và địa phương. Giai đoạn 2021 – 2025, việc bố trí cho các ngành, lĩnh vực căn cứ theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn.

Giai đoạn 2021 – 2025, theo Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 14/9/2021 của Quốc hội, kế hoạch vốn đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021 – 2025 cho lĩnh vực văn hóa, thông tin và thể dục, thể thao là 14.636,913 tỷ đồng (trong đó vốn trong nước: 14.524,165 tỷ đồng, vốn nước ngoài: 112,748 tỷ đồng), chiếm 1,34% tổng vốn đầu tư các ngành, lĩnh vực, cụ thể:

- Lĩnh vực văn hóa, thông tin: 10.388,134 tỷ đồng (vốn trong nước: 10.275,386 tỷ đồng, vốn nước ngoài: 112,748 tỷ đồng);
- Lĩnh vực thể dục, thể thao: 4.248,779 tỷ đồng (vốn trong nước).

3. Về chi thường xuyên

NSNN bố trí cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao thực hiện theo quy định của Luật NSNN, các văn bản hướng dẫn Luật NSNN, các chế độ chi tiêu của Nhà nước và các quy định khác có liên quan trong từng giai đoạn.

Đối với ngân sách địa phương bố trí cho hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao, khoản 4 Điều 9 Luật NSNN năm 2015 đã quy định: “*Nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm*”. Tại Điều 30 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp, trong đó có nội dung: “*Căn cứ vào nhiệm vụ thu, chi ngân sách được cấp trên giao và tình hình thực tế tại địa phương, quyết định: Dự toán chi ngân sách địa phương, bao gồm chi ngân sách cấp mình và chi ngân sách địa phương cấp dưới, chi tiết theo chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên. Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh còn có nhiệm vụ, quyền hạn: Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ; Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương*”.

4. Về việc thực hiện hỗ trợ phát triển thiết chế văn hóa, thể thao thông qua các Chương trình mục tiêu và mục tiêu quốc gia (CTMT, CTMTQG)

4.1. Về CTMT phát triển văn hóa giai đoạn 2016 – 2020

Ngày 30/6/2017, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 936/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa giai đoạn 2016-2020.

Theo đó, Chương trình gồm 03 dự án thành phần, trong đó, dự án 2 là Tăng cường đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa. Nhiệm vụ chi nguồn vốn sự nghiệp NSTW đối với dự án 2 là *Hỗ trợ trang thiết bị hoạt động cho 15 Trung tâm văn hóa cấp tỉnh, 30 Trung tâm văn hóa cấp huyện; hỗ trợ trang thiết bị cho điểm vui chơi giải trí cho trẻ em.*

- Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 139/2017/TT-BTC ngày 26/12/2017 quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện CTMT phát triển văn hóa giai đoạn 2016 - 2020; trong đó tại Điều 5 quy định về nội dung, tiêu chí, mức phân bổ kinh phí từ NSTW thực hiện dự án Tăng cường đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa.

- Về kinh phí thực hiện: Vốn sự nghiệp NSTW đã bố trí cho CTMT phát triển văn hóa giai đoạn 2016 – 2020 là 453 tỷ đồng.

4.2. Về các CTMTQG giai đoạn 2021 - 2025

a) Về hướng dẫn thực hiện các Chương trình

- Đối với nguồn kinh phí thường xuyên: Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 quy định về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

- Đối với nguồn vốn đầu tư:

+ Theo quy định quản lý CTMTQG hiện nay, Trung ương hỗ trợ cho các địa phương tổng mức vốn, địa phương có trách nhiệm bố trí vốn cho các dự án theo đúng mục tiêu, đối tượng, nội dung hỗ trợ, nguyên tắc, tiêu chí, thứ tự ưu tiên của CTMTQG.

+ Bộ Tài chính đã có văn bản số 9540/BTC-ĐT ngày 19/9/2022 về việc thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp áp dụng cơ chế đặc thù thuộc các CTMTQG; trong đó đã hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào quy định tại các Nghị định của Chính phủ số 99/2021/NĐ-CP, số 27/2022/NĐ-CP và Thông tư số 96/2021/TT-BTC để quy định cụ thể việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn NSNN giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và của Nhà nước.

b) CTMTQG xây dựng nông thôn mới.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

Tại mục III phụ lục kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 quy định về các nội dung thành phần của Chương trình, trong đó:

(1) Nội dung 01 thuộc nội dung thành phần số 06: “*Nâng cao hiệu quả hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, nâng cao sức khỏe cho người dân (nhất là trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi). Phát động các phong trào thể dục, thể thao, rèn luyện sức khỏe, văn hóa, văn nghệ quần chúng phù hợp với từng đối tượng, từng địa phương; nhân rộng mô hình câu lạc bộ hoạt động văn hóa, văn nghệ nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống*”.

Điều 100 Thông tư số 55/2023/TT-BTC hướng dẫn Nội dung 01 thuộc Nội dung thành phần số 6 thuộc Chương trình, trong đó:

(i) *Chi hỗ trợ mua sắm thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của địa phương và hướng dẫn của Bộ VH, TT & DL và theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức hỗ trợ tối đa từ NSTW là 80 triệu đồng/thiết chế Trung tâm Văn hóa – Thể thao cấp xã, 30 triệu đồng/thiết chế Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn.*

(ii) *Chi hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn theo hướng dẫn của Bộ VH, TT & DL và theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức hỗ trợ tối đa từ NSTW là 30 triệu đồng/01 tủ sách xã, 20 triệu đồng/tủ sách thôn.*

(iii) *Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, thôn và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, thôn theo hướng dẫn của Bộ VH, TT & DL, mức hỗ trợ tối đa là 50 triệu đồng/năm (đối với Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã) và 30 triệu đồng/năm (đối với Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn).*

(iv) *Chi sản xuất và cấp phát ấn phẩm tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá về các mô hình tiêu biểu về bảo tồn văn hóa truyền thống trong xây dựng nông thôn mới; Chi tổ chức các lớp tập huấn và truyền dạy theo hướng dẫn của Bộ VH, TT & DL.*

(2) Nội dung 05 thuộc nội dung thành phần số 02: “*Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất văn hóa, thể thao cấp xã, thôn, các trung tâm văn hóa – thể thao huyện; tu bổ, tôn tạo các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch nông thôn*”.

Về kinh phí thực hiện:

- Tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phê duyệt tổng vốn sự nghiệp từ NSTW thực hiện cả chương trình, không phê duyệt tổng vốn sự nghiệp từ NSTW theo từng nội dung thành phần.

Kinh phí sự nghiệp bố trí giai đoạn 2021 – 2023 cho Bộ VH-TTDL và cân đối bổ sung kinh phí có mục tiêu cho các địa phương trên cơ sở chủ trì tổng hợp và đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

- Vốn sự nghiệp NSTW bố trí cho các nội dung thành phần có liên quan nêu trên giai đoạn 2021 - 2023 là 5,21 tỷ đồng.

- Vốn đầu tư công NSTW đã bố trí cho CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 là 30.000 tỷ đồng (không chi tiết theo nội dung thành phần; trung ương phân bổ tổng số kinh phí, địa phương chủ động phân bổ chi tiết).

c) CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 phê duyệt CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025.

Tại khoản 6 Mục III Quyết định quy định về Dự án 6 - Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch; trong đó có nhiệm vụ: *“Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”*.

Điều 32 Thông tư số 55/2023/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Dự án 6 của Chương trình, trong đó:

(i) *Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Mức hỗ trợ tối đa 30 triệu đồng/tủ sách trong giai đoạn 2021 - 2025;*

(ii) *Hỗ trợ chống xuống cấp di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các dân tộc thiểu số: Mức hỗ trợ theo quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền; đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu;*

(iii) *Hỗ trợ trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Mức hỗ trợ theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền; tối đa 30 triệu đồng/Nhà văn hóa hoặc khu thể thao cấp thôn.*

Về kinh phí thực hiện:

- Kinh phí sự nghiệp bố trí giai đoạn 2021 – 2023 cho Bộ VH-TTDL và cân đối bổ sung kinh phí có mục tiêu cho các địa phương trên cơ sở chủ trì tổng hợp và đề xuất của Ủy ban Dân tộc.

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ: *“Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”* được giao trong tổng kinh phí sự nghiệp của Dự án 6; giai đoạn 2021-2023, kinh phí sự nghiệp NSTW đã bố trí thực hiện Dự án 6 là 518,311 tỷ đồng¹. Đối với năm 2024, kinh phí NSTW bố trí thực hiện Dự án 6 là 438,158 tỷ đồng².

¹ Trong đó, bố trí cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2022 là 27,2 tỷ đồng, năm 2023 là 75,588 tỷ đồng.

² Trong đó, bố trí cho Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là 52,5 tỷ đồng, bổ sung có mục tiêu cho địa phương là 385,658 tỷ đồng.

- Vốn đầu tư công NSTW để thực hiện Dự án 6 dự kiến là 1.828,9 tỷ đồng.

5. Về các chính sách cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

5.1. Về chính sách quản lý, sử dụng tài sản công ở thiết chế văn hóa, thể thao

- Tài sản công ở thiết chế văn hóa, thể thao (cơ sở vật chất) là một bộ phận cấu thành của thiết chế văn hóa, thể thao. Thiết chế văn hóa, thể thao hiện nay có các mô hình tổ chức bộ máy khác nhau, có thiết chế được tổ chức dưới hình thức là cơ quan Nhà nước, có thiết chế được tổ chức dưới hình thức đơn vị sự nghiệp, có thiết chế được tổ chức dưới hình thức tổ chức chính trị xã hội, có thiết chế do cộng đồng dân cư quản lý. Theo đó, đối với từng loại hình tổ chức bộ máy, tại pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công quy định cụ thể về chế độ quản lý, sử dụng đối với tài sản công phục vụ hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công (trong đó có tài sản công phục vụ hoạt động quản lý, cung cấp dịch vụ công tại các thiết chế văn hóa, thể thao).

- Đối với tài sản công ở thiết chế văn hóa, thể thao thuộc tài sản kết cấu hạ tầng văn hóa, thể thao theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 thì việc quản lý, sử dụng tài sản thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017:

+ Tại Chương IV Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 đã quy định các nguyên tắc chung về chế độ quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý (trong đó có tài sản kết cấu hạ tầng văn hóa, hạ tầng thể thao, hạ tầng du lịch).

+ Trên cơ sở những quy định có tính chất nguyên tắc tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Quốc hội giao Chính phủ quy định chi tiết chế độ quản lý, sử dụng và khai thác đối với từng loại tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng.

+ Triển khai Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 10/12/2019 về đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật, Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 28/3/2023 về tăng cường công tác quản lý tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến các loại tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ để báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế về chế độ quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cho phù hợp với quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (cụ thể đối với hạ tầng văn hóa thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

+ Ngoài ra, để có cơ sở cho các cơ quan, đơn vị thực hiện quản lý, sử dụng và khai thác tài sản thuộc thiết chế văn hóa, thể thao, tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ

(Bộ Tài chính đã trình Chính phủ tại Tờ trình số 182/TTr-BTC ngày 17/8/2023) đã bổ sung quy định: *Trường hợp Chính phủ chưa ban hành quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng là thiết chế văn hóa, thể thao do cấp xã quản lý và pháp luật chuyên ngành không có quy định về việc quản lý, sử dụng, khai thác thì cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý tài sản thực hiện quản lý, sử dụng, khai thác tài sản theo quy định về quản lý, sử dụng, khai thác tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Nghị định này.*

5.2. Về chính sách thuế, phí để hỗ trợ phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

Thời gian qua, nhằm đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực cần ưu tiên phát triển (trong đó bao gồm lĩnh vực văn hóa, thể thao), pháp luật về thuế hiện hành đã có quy định cụ thể về các chính sách ưu đãi nhằm thúc đẩy phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; hỗ trợ việc đầu tư tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, thu hút và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân sinh hoạt văn hóa, thể thao theo đúng quan điểm chỉ đạo nêu tại Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 – 2020, định hướng đến năm 2030 (*tổng hợp chính sách thuế hỗ trợ phát triển thiết chế văn hóa, thể thao tại Phụ lục gửi kèm*).

5.3. Về chính sách tín dụng để hỗ trợ phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017 về tín dụng đầu tư của Nhà nước và Nghị định số 78/2023/NĐ-CP ngày 07/11/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2017/NĐ-CP. Trong đó, Danh mục các dự án vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước có bao gồm các dự án đầu tư tổ chức thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, tại vùng đồng bào dân tộc Khơ me sinh sống tập trung, các xã thuộc Chương trình 135 và các xã biên giới thuộc Chương trình 120, các xã vùng bãi ngang. Trường hợp các dự án đầu tư thiết chế văn hóa, thể thao thuộc Danh mục các dự án vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước thì được Ngân hàng Phát triển Việt Nam xem xét, quyết định việc cho vay vốn theo quy định của pháp luật.

5.4. Về cơ chế tự chủ tài chính đối với các thiết chế văn hóa, thể thao hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập

Chính phủ đã ban hành Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao về sửa đổi, bổ sung Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Bộ Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, lấy ý kiến các Bộ, địa phương, thẩm định Bộ Tư pháp và đã có Tờ trình số 17/TTr-BTC ngày 26/01/2024 trình Chính phủ ban hành Nghị định.

5.5. Về chính sách xã hội hóa

Bộ Tài chính đã có các Tờ trình số 30/TTr-BTC ngày 14/3/2023, số 203/TTr-BTC ngày 21/9/2023 và số 276/TTr-HCSN ngày 18/12/2023 trình Chính phủ ban hành Nghị quyết của Chính phủ quy định chính sách xã hội hóa trong cung ứng dịch vụ công, trong đó giao vụ các Bộ để hoàn thiện, xây dựng các Luật Đất đai, Luật Thuế, chính sách ưu đãi về tín dụng đối với các đơn vị xã hội hóa; đồng thời giao nhiệm vụ cho các Bộ rà soát, đánh giá các tiêu chí về xã hội hóa để phù hợp với các Luật chuyên ngành, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

6. Một số ý kiến đề xuất

- Đề nghị các bộ, ngành, địa phương quản lý, sử dụng nguồn lực ngân sách cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao theo đúng quy định của pháp luật về NSNN và các pháp luật có liên quan; đảm bảo hiệu quả sử dụng NSNN, phù hợp với các quy định của pháp luật.

- Trong điều kiện NSNN khó khăn, đề nghị các bộ, ngành, địa phương cần phải đẩy mạnh triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao; đẩy mạnh xã hội hóa, huy động tối đa mọi nguồn lực xã hội, của địa phương cùng tham gia phát triển thiết chế văn hóa, thể thao, đáp ứng nhu cầu của người dân và xã hội./.

Phụ lục

TỔNG HỢP CHÍNH SÁCH THUẾ NHẪM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO

Trong giai đoạn vừa qua, bám sát các chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước về chính sách phát triển văn hóa qua từng thời kỳ, Bộ Tài chính đã phối hợp với các Bộ, cơ quan có liên quan trình cấp có thẩm quyền ban hành và ban hành theo thẩm quyền nhiều cơ chế, chính sách về thuế để cùng với các chính sách tài chính khác có liên quan hỗ trợ, thúc đẩy sự phát triển của lĩnh vực văn hóa, cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện các nghị quyết, chính sách, chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước.

Hiện hành, các luật thuế đã có những chính sách ưu đãi hỗ trợ cho sự phát triển của các thiết chế văn hóa, thể thao, trong đó ưu đãi ở mức cao trong khuôn khổ pháp luật về thuế đối với các lĩnh vực ngành nghề, địa bàn ưu đãi thuế. Cụ thể như sau:

1. Về chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

- Miễn thuế TNDN đối với phần thu nhập không chia của cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, y tế và lĩnh vực xã hội hóa khác để lại để đầu tư phát triển cơ sở đó theo quy định của pháp luật chuyên ngành về lĩnh vực giáo dục – đào tạo, y tế và lĩnh vực xã hội hóa khác; Khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động văn hóa, nghệ thuật và các hoạt động xã hội hóa khác tại Việt Nam.

- Áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% (thuế suất phổ thông là 20%) đối với: Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa, thể thao,... Trường hợp thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn/đặc biệt khó khăn thì được miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo; hoặc miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo ở các địa bàn còn lại.

Ngoài ra, Luật thuế TNDN hiện hành đã có quy định ưu đãi ở mức cao đối với thu nhập của các doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới (bao gồm các dự án đầu tư vào các thiết chế văn hóa, thể thao) tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn và khu kinh tế nếu đáp ứng đủ điều kiện theo quy định. Cụ thể: Áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm, miễn thuế tối đa không quá 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 09 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu kinh tế; (ii) Áp dụng thuế suất 17% trong 10 năm, miễn thuế tối đa không quá 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá 04 năm tiếp theo đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

2. Về chính sách thuế xuất khẩu, nhập khẩu (XNK), thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (SDĐPN)

Pháp luật thuế XNK và thuế SDĐPN quy định ưu đãi thuế theo lĩnh vực hoặc địa bàn ưu đãi đầu tư theo pháp luật về đầu tư. Trường hợp các dự án đầu tư

thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư/đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc thực hiện tại các địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (*trong đó quy định (1) các lĩnh vực như Đầu tư kinh doanh bảo tàng cấp quốc gia, nhà văn hóa dân tộc; rạp hát; nhà triển lãm mỹ thuật - nhiếp ảnh; duy tu, bảo tồn bảo tàng, nhà văn hóa dân tộc và các trường văn hóa nghệ thuật; cơ sở, làng nghề truyền thống; đầu tư cho Thư viện quốc gia Việt Nam, thư viện công cộng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương... thuộc Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư; (2) lĩnh vực Đầu tư kinh doanh trung tâm hội chợ triển lãm hàng hóa, ... thuộc Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư*) thì được hưởng các ưu đãi về thuế nhập khẩu và thuế SDĐPNN như sau:

- Về thuế nhập khẩu: Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định cho dự án.

- Về thuế SDĐPNN: (i) Miễn thuế SDĐPNN đối với đất của dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư; đất của dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; đất của dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; và đất của cơ sở thực hiện xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa; (ii) Dự án không thuộc các trường hợp được miễn thuế nêu trên nhưng thuộc lĩnh vực văn hóa được ưu đãi đầu tư hoặc được thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn được giảm 50% số thuế SDĐPNN phải nộp.

Bên cạnh đó, pháp luật thuế SDĐPNN quy định đối tượng không chịu thuế SDĐPNN đối với đất sử dụng vào mục đích công cộng, bao gồm: đất xây dựng công trình văn hóa; đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh,...

3. Về chính sách thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Pháp luật thuế GTGT đã có quy định áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 5% (mức thuế suất phổ thông là 10%) hoặc quy định thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT đối với một số nhóm sản phẩm, hoạt động của của các thiết chế văn hóa, thể thao thuộc các đối tượng cần khuyến khích đầu tư, phát triển. Cụ thể:

- Duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo đối với công trình văn hóa, nghệ thuật; Dạy múa, hát, hội họa, nhạc, kịch, xiếc, thể dục, thể thao; thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

- Hoạt động văn hóa, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật; sản xuất phim; nhập khẩu, phát hành và chiếu phim; thuộc đối tượng chịu thuế suất ưu đãi 5%/.

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH PHÁP LUẬT VỀ XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO GIAI ĐOẠN 2013-2023

Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch, kế hoạch, đầu tư phát triển và thống kê, bao gồm: tham mưu tổng hợp về chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch; kế hoạch đầu tư công của quốc gia; cơ chế, chính sách quản lý kinh tế; đầu tư trong nước, đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam và đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài; khu kinh tế; nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi và viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức, viện trợ của Việt Nam cho các nước; đấu thầu; thống kê; phát triển doanh nghiệp, kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ theo quy định của pháp luật.

Trong khuôn khổ Hội thảo Văn hóa năm 2024 lần này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo một số nội dung thực hiện chính sách pháp luật về xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao giai đoạn 2013 - 2023 gắn với chức năng, nhiệm vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, như sau:

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1.1. Việc tham mưu, ban hành chính sách pháp luật về đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao

Khái niệm về thiết chế văn hóa, thể thao.

Đến nay, tại các văn bản quy phạm pháp luật chưa quy định rõ ràng, cụ thể về khái niệm “thiết chế văn hóa”, “thiết chế thể thao”, “thiết chế văn hóa, thể thao”. Tại báo cáo này, “thiết chế văn hóa, thể thao” được hiểu là các công trình văn hóa, thể thao được liệt kê tại mục “Đối tượng quy hoạch” tại Quyết định số 2164/QĐ-TTg³, bao gồm: Nhà văn hóa – Khu thể thao ở thôn và tương đương; trung tâm văn hóa – thể thao cấp xã, cấp huyện; trung tâm văn hóa cấp tỉnh, thành phố; nhà thiếu nhi, cung thiếu nhi, trung tâm hoạt động thanh thiếu niên cấp huyện, cấp tỉnh; nhà văn hóa lao động cấp huyện, cung văn hóa lao động, nhà văn hóa lao động cấp tỉnh, trung tâm văn hóa – thể thao ở khu chế xuất, khu công nghiệp và trong các doanh nghiệp lớn; các nhà văn hóa, trung tâm văn hóa – thể thao trực thuộc các bộ, ngành, đoàn thể và lực lượng vũ trang. Ngoài ra, theo đề cương báo cáo của Ủy ban Văn hóa, giáo dục kèm theo văn bản số 1580/UBVHGD15 ngày 08 tháng 5 năm 2023, “thiết chế văn hóa, thể thao” còn bao gồm các công trình thuộc đối tượng của Quyết định số 88/QĐ-TTg⁴, gồm: nhà hát, rạp chiếu phim, nhà triển lãm văn học nghệ thuật.

³ Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030.

⁴ Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Quy hoạch và kế hoạch nâng cấp, xây mới các công trình văn hóa (nhà hát, rạp chiếu phim, nhà triển lãm văn học nghệ thuật) giai đoạn 2012 – 2020”.

Trong giai đoạn 2013 - 2023 không có các quy định của pháp luật riêng biệt, cơ chế chính sách đặc thù áp dụng cho đầu tư, xây dựng, quản lý và sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao. Quá trình thực hiện đầu tư xây dựng các dự án, công trình văn hóa, thể thao nói chung và các thiết chế văn hóa, thể thao nói riêng được thực hiện theo các quy định chung của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được áp dụng tương ứng với mỗi thời kỳ xây dựng kế hoạch đầu tư.

1.1.1. Chính sách, pháp luật về đầu tư công

a. Giai đoạn trước năm 2015

Đầu tư xây dựng các công trình nói chung, các công trình văn hóa, thể thao nói riêng được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 và Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ.

Giai đoạn này, một số công trình, văn hóa, thể thao đã được đầu tư thông qua một số nguồn vốn, gồm: Ngân sách trung ương thông qua các Chương trình bổ sung có mục tiêu; Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2012-2015; Ngân sách địa phương. Cụ thể như sau: **(i)** Ngân sách trung ương thông qua các Chương trình bổ sung có mục tiêu. Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2011 - 2015 (gọi tắt là Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg), trong đó quy định ngành, lĩnh vực được sử dụng vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách Nhà nước (NSNN), các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương (NSTW). **(ii)** Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2012-2015 do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xây dựng, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1211/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2012. **(iii)** Vốn ngân sách địa phương: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển kèm theo Quyết định 60/2010/QĐ-TTg, khả năng cân đối và đặc điểm tình hình của địa phương, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển cho các ngành, các cấp của địa phương báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quyết định. Như vậy, việc đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao tại địa phương từ nguồn vốn ngân sách địa phương do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

b. Giai đoạn 2016-2020

Căn cứ Luật Đầu công số 49/2014/QH13, Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28 tháng 8 năm 2015 quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016 - 2020, Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016 - 2020, các công trình, dự án văn hóa, thể dục, thể thao, bao gồm cả thiết chế văn hóa, thể thao thuộc đối tượng sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2016 - 2020.

Theo đó việc đầu tư xây dựng các công trình, thiết chế văn hóa, thể thao được thực hiện từ các nguồn vốn cụ thể: (i) Vốn ngân sách Nhà nước (bao gồm NSTW và NSDP); (ii) Vốn đầu tư phát triển thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, cụ thể như sau: **(i)** Vốn ngân sách Nhà nước Theo quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020. **(ii)** Vốn đầu tư phát triển thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016, cũng quy định các nội dung hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao.

c. Giai đoạn 2021 - 2025

Thực hiện Luật Đầu công số 39/2019/QH14, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 973/NQ-UBTVQH14 ngày 8 tháng 7 năm 2020 quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 (Nghị quyết 973/UBTVQH14). Trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/NQ-UBTVQH14 ngày 8 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025.

Giai đoạn này, các dự án, công trình văn hóa, thể dục, thể thao, bao gồm cả thiết chế văn hóa, thể thao thuộc đối tượng sử dụng vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021 - 2025. Đầu tư xây dựng các công trình, thiết chế văn hóa, thể thao được thực hiện từ các nguồn vốn cụ thể: (i) Vốn Ngân sách trung ương; (ii) Vốn đầu tư phát triển thuộc các CTMTQG giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể như sau: **(i)** Vốn Ngân sách trung ương Cơ chế hỗ trợ đầu tư thực hiện các dự án tại địa phương bằng nguồn NSTW thực hiện theo: (1) Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương quy định tại điểm b⁵, khoản 1 Điều 8; điểm a⁶ khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 973/NQ-UBTVQH14 và (2) Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương quy định tại Điều 5 Nghị quyết 973/NQ-UBTVQH14; Quy mô dự án thực hiện bằng nguồn vốn NSTW tại địa phương: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 973/NQ-UBTVQH14: “*Vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương trong nước bổ sung có mục tiêu cho địa phương được phân bổ cho dự án có quy mô từ nhóm B trở lên (không bao gồm các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia). Trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định*”. Với lĩnh vực văn hóa, thể thao, NSTW bố trí hỗ trợ thực hiện các dự án có tổng mức đầu tư từ 45 tỷ đồng trở lên; Thẩm quyền lựa chọn dự án đầu tư và mức vốn NSTW hỗ trợ: Căn cứ

⁵ Các địa phương chịu trách nhiệm bố trí vốn bổ sung có mục tiêu cho các chương trình, dự án thuộc các ngành, lĩnh vực đúng quy định pháp luật theo các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên quy định tại Nghị quyết này và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư nguồn ngân sách Nhà nước, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển.

⁶ Vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương trong nước bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương được phân bổ theo ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này.

quy định tại Khoản 6 Điều 49 và Khoản 5 Điều 55 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, việc lựa chọn danh mục dự án và mức vốn bố trí cụ thể cho từng dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; (ii) Các CTMTQG giai đoạn 2021 - 2025 cũng có những nội dung quy định NSTW hỗ trợ đầu tư các công trình thiết chế văn hóa, thể thao tại địa phương: CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022, giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện: (i) nội dung số 05 thuộc dự án thành phần số 02: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất văn hóa, thể thao cấp xã, thôn, các Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện; tu bổ, tôn tạo các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch nông thôn; (ii) dự án thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn; CTMTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 10/10/2021, giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện dự án 6: bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch, trong đó có nội dung hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

1.1.2. Chính sách, pháp luật về đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước

Đối với các hoạt động văn hóa, thể thao nói chung, thiết chế văn hóa, thể thao nói riêng mà được xem là hoạt động sản xuất kinh doanh, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 đã quy định hoạt động “đầu tư cơ sở luyện tập, thi đấu thể dục, thể thao cho người khuyết tật hoặc chuyên nghiệp; bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa” là ngành, nghề ưu đãi đầu tư (Khoản 1 Điều 16 Luật Đầu tư); được hưởng các ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật (Khoản 1 Điều 15). Danh mục chi tiết các hoạt động đầu tư trong lĩnh vực văn hóa, thể thao được hưởng ưu đãi đầu tư (bao gồm cả đặc biệt ưu đãi đầu tư) được quy định cụ thể tại Phụ lục II Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư, ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2020 hiện nay chưa quy định lĩnh vực văn hóa, thể thao thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật này. Căn cứ tình hình triển khai Luật và đòi hỏi từ thực tế khách quan, Chính phủ sẽ xem xét sửa đổi, bổ sung lĩnh vực văn hóa, thể thao (nếu thấy cần thiết), trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Ngoài ra, chính sách xã hội hóa nhằm thu hút các tổ chức, các nhân huy động mọi nguồn lực hợp pháp đầu tư phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao cũng được quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 69/2008/NĐ-CP.

2. Việc chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan tổng hợp dự toán ngân sách, cân đối vốn và ngân sách để thực hiện chính sách, pháp luật về xây dựng và phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

Căn cứ quy định tại Điều 52, Điều 58 Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 (giai đoạn 2016-2020); quy định tại Điều 49, Điều 55 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 (giai đoạn 2021 - 2025), việc lựa chọn danh mục dự án và mức vốn bố trí cụ thể cho từng dự án thuộc thẩm quyền của các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với các dự án do địa phương quản lý). Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn của quốc gia báo cáo Chính phủ.

Các dự án đầu tư được lựa chọn và mức vốn dự kiến bố trí cho từng dự án đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao cần đáp ứng các quy định chung được nêu tại phần trên; phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của từng bộ, ngành và từng địa phương. Các dự án đầu tư được bố trí vốn đầu tư công hằng năm phải thuộc danh mục các dự án đầu tư tại kế hoạch đầu tư công trung hạn từng giai đoạn của các bộ, ngành và địa phương.

3. Đưa các mục tiêu Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030 vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của cả nước 5 năm và hằng năm

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 17 Luật Thống kê, danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch không bao gồm các mục tiêu Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013), nên chưa có cơ sở đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội cả nước 5 năm và hằng năm.

Để các chỉ tiêu, mục tiêu chuyên ngành được đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội cả nước 5 năm và hằng năm để tổng hợp chung, báo cáo cấp có thẩm quyền thì các chỉ tiêu này cần đảm bảo: (i) phản ánh được thực trạng, trình độ, mức độ phát triển của ngành, lĩnh vực; (ii) có phương pháp thu thập dữ liệu, tính toán số liệu rõ ràng, khoa học, thống nhất; (iii) phù hợp với thông lệ quốc tế. Tại thời điểm xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030, chưa hoàn thành việc xây dựng Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành văn hóa, thể thao và du lịch; chưa phân tích, đánh giá vai trò, vị trí của các thiết chế văn hóa, thể thao đối với sự phát triển của ngành văn hóa, thể thao; chưa có hướng dẫn phương pháp thống kê, thời điểm thu thập dữ liệu, thông tin; chưa có phương pháp tính toán chỉ số đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ trên phạm vi cả nước, nên chưa đủ cơ sở yêu cầu các địa phương báo cáo để tổng hợp chung vào báo cáo kinh tế xã hội quốc gia.

2. Một số khó khăn bất cập

1. Nội hàm “thiết chế văn hóa, thể thao” chưa được quy định thống nhất, chưa xác định đầy đủ các loại công trình văn hóa, thể thao cung cấp dịch vụ và hoạt động

văn hóa, thể thao tại cơ sở; chưa thực hiện đủ hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương, đoàn thể và địa phương thực hiện các nhiệm vụ thuộc quy hoạch; chưa quan tâm đúng mức đến công tác đầu tư, xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tại địa phương.

2. Nhiều cấp ủy, chính quyền chưa quan tâm đầy đủ lĩnh vực này. So với các lĩnh vực khác, đầu tư cho lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, đầu tư cho phát triển con người nói chung và cho xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao nói riêng còn chưa tương xứng, còn dàn trải và hiệu quả thấp, đặc biệt tại các địa phương (ví dụ như trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, các địa phương chỉ bố trí được hơn 40% số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn để thực hiện các chương trình, dự án thuộc lĩnh vực văn hóa).

3. Việc huy động các nguồn lực khác (ngoài ngân sách Nhà nước) cho việc phát triển các thiết chế văn hóa còn hạn chế, đặc biệt trong bối cảnh các nguồn lực từ đầu tư công còn hạn chế.

3. Giải pháp khắc phục hạn chế, bất cập trong quy hoạch, đầu tư xây dựng, phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

3.1. Giải pháp chung

- Nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương về vai trò đầu tư cho văn hóa, thể thao cơ sở đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội chung cả nước. Kiên trì quan điểm coi đầu tư cho văn hóa, thể thao là đầu tư cho con người, đầu tư cho phát triển bền vững đất nước. Tăng dần mức chi ngân sách Nhà nước cho văn hóa song song với việc tạo dựng cơ chế, chính sách thuận lợi thu hút các nguồn vốn đầu tư ngoài ngân sách Nhà nước cho lĩnh vực văn hóa và thể thao. Đầu tư toàn diện xây dựng hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị ngành văn hóa, thể thao, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của người dân, nâng cao chất lượng, tầm vóc và thể chất của người dân Việt Nam.

- Đổi mới phương thức đầu tư cho văn hóa, thể thao. Thực hiện bình đẳng trong đầu tư của Nhà nước đối với các thành phần kinh tế tham gia hoạt động văn hóa, thể thao trên cơ sở năng lực và hiệu quả xã hội của mỗi tổ chức. Tạo môi trường pháp lý để các doanh nghiệp kinh tế bảo trợ, tài trợ cho các hoạt động văn hóa, thể thao.

- Sử dụng hiệu quả, công khai, minh bạch các nguồn vốn đầu tư của Nhà nước cho văn hóa và thể thao.

3.2. Giải pháp cụ thể

- Thống nhất nội hàm của khái niệm “thiết chế văn hóa, thể thao” để phản ánh đúng bản chất, tính chất, nội dung các công trình văn hóa, thể thao tại cơ sở. Với cách hiểu “thiết chế văn hóa, thể thao” như tại các quy hoạch này thì nhiều công trình văn hóa, công trình thể thao không thuộc đối tượng báo cáo như: thư viện, bảo tàng, sân vận động, bể bơi, trung tâm thể dục, thể thao tỉnh, khu liên hợp thể thao cấp tỉnh.

- Tập trung hoàn thành việc lập và phê duyệt các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia (các quy hoạch tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể

thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch tại Quyết định số 1014/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2021), để thống nhất định hướng đầu tư phát triển đồng bộ và toàn diện các công trình văn hóa, thể thao (trong đó có thiết chế văn hóa, thể thao).

- UBND cấp tỉnh khi triển khai thực hiện quy hoạch dành sự quan tâm nhiều hơn đến phát triển văn hóa và thể thao, chủ động giao đơn vị chuyên môn lập các dự án đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao, bảo đảm phù hợp mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội từng tỉnh, phù hợp quy hoạch tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đáp ứng quy định của pháp luật đầu tư công, pháp luật đầu tư và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

4. Đề xuất, kiến nghị

4.1. Đối với Quốc hội, Chính phủ

Quy định hiện hành của pháp luật đầu tư công (Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025) chỉ cho phép bố trí vốn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho các dự án tại địa phương có quy mô từ nhóm B trở lên (các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao phải có tổng mức đầu tư không dưới 45 tỷ đồng). Trong khi đó, các dự án đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở thường có quy mô nhỏ nên không thuộc đối tượng bố trí vốn từ Ngân sách trung ương. Kiến nghị Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho phép điều chỉnh quy định về tổng mức đầu tư dự án tối thiểu được bố trí vốn NSTW tại địa phương đối với các dự án ngành văn hóa, thể thao nói riêng, các dự án xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao nói chung. Điều này cho phép các địa phương bố trí vốn thực hiện nhiều hơn số dự án đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao với cùng một số vốn bổ sung từ Ngân sách trung ương.

4.2. Đối với các bộ, ngành liên quan và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp

Theo quy định của pháp luật đầu tư công, việc lựa chọn danh mục dự án và mức vốn bố trí cụ thể cho từng dự án đầu tư công thuộc thẩm quyền của các bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Vì vậy, đề nghị các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chủ động thực hiện các nhiệm vụ được giao tại các Quyết định phê duyệt quy hoạch; quan tâm đầu tư phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao thuộc cấp mình quản lý, góp phần hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất ngành văn hóa, thể thao, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, tập luyện thể dục, thể thao của người dân cả nước./.

VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ GIÁO DỤC THỂ CHẤT VÀ HOẠT ĐỘNG THỂ THAO TRONG NHÀ TRƯỜNG

Bộ Giáo dục và Đào tạo

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020”, sự nghiệp thể dục, thể thao nước ta ngày càng được chú trọng, phát triển và đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần tăng cường sức khỏe, lối sống lành mạnh cho nhân dân. Trong thành công chung của sự nghiệp thể dục, thể thao nước nhà, không thể thiếu vai trò đóng góp quan trọng của **giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường**. Với chủ trương được khẳng định rõ trong Nghị quyết số 08-NQ/TW, đó là: “*Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong trường học*”, coi “*Thể dục, thể thao trường học là bộ phận quan trọng của phong trào thể dục, thể thao, một mặt của giáo dục toàn diện nhân cách học sinh, sinh viên*” và chủ trương coi giáo dục thể chất là **một trong 4 yếu tố** (đức, trí, thể, mỹ) để hình thành và phát triển toàn diện con người Việt Nam được nêu trong Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “*đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”, nhiều chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường đã được ban hành và ngày càng hoàn thiện, từng bước đáp ứng được yêu cầu thực tiễn. Môn học giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường lần đầu tiên được thể chế hóa trong Luật Thể dục, thể thao và Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 31/01/2015 về giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường; Chương trình và phương pháp giáo dục thể chất của học sinh, sinh viên ngày càng được đổi mới theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các tiêu chuẩn về cơ sở vật chất tối thiểu (phòng giáo dục thể chất đối với mầm non, khu sân chơi thể dục, thể thao, nhà đa năng với các cấp học) cũng như các thiết bị dạy học tối thiểu đối với môn giáo dục thể chất được quy định cụ thể và từng bước được rà soát để sửa đổi phù hợp với yêu cầu đổi mới; chế độ chính sách cho đội ngũ giáo viên thể dục, thể thao được kịp thời ban hành,...

Với khung khổ pháp lý ngày càng hoàn thiện, việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường cũng ngày càng được quan tâm sâu sắc và đạt được nhiều kết quả tích cực trong những năm qua.

Môn Giáo dục thể chất là môn học bắt buộc ở các cấp học. Chương trình giáo dục thể chất được đổi mới, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh, trọng tâm là: trang bị cho học sinh kiến thức và kỹ năng chăm sóc sức khỏe; kiến thức và kỹ năng vận động; hình thành thói quen tập luyện, khả năng lựa chọn môn thể thao phù hợp để luyện tập nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực và tố chất vận động; trên cơ sở đó giúp học sinh có ý thức, trách nhiệm đối với sức khỏe của bản thân, gia đình và cộng đồng, thích ứng với các điều kiện sống,

sống vui vẻ, hoà đồng với mọi người. Đối với các trường đại học, cao đẳng, được xây dựng chương trình giáo dục thể chất phù hợp với điều kiện thực tiễn về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên và các điều kiện sẵn có của trường cũng như thuận lợi trong việc bố trí, sắp xếp thời khóa biểu, đáp ứng được tốt nhu cầu học tập của sinh viên. Các hoạt động thể thao trong trường học gắn liền với nội dung môn học giáo dục thể chất được các địa phương tích cực tổ chức triển khai ở cấp cơ sở và tích cực tham gia các hoạt động cấp quốc gia. Theo thống kê, số lượng học sinh tham gia hoạt động TDTT năm học 2019-2020 tăng từ 15,8% - 31% so với năm 2015; các hoạt động TDTT ngoại khóa do các đơn vị tổ chức và tham gia các hoạt động TDTT quy mô toàn quốc do Bộ GDĐT tổ chức cũng tăng từ 11% - 26,1% so với năm 2015. Các giải thể thao trong trường học, Hội khỏe Phù Đổng các cấp được các địa phương tổ chức ngày càng phát triển về quy mô và chất lượng, tổ chức nhiều các loại hình lớp chuyên thể dục, thể thao trong đào tạo phổ thông; mở rộng các loại hình Câu lạc bộ thể dục, thể thao nhằm sử dụng có hiệu quả thời gian ngoài giờ của học sinh, từ đó phát hiện bồi dưỡng nhân tài cung cấp cho thể thao đỉnh cao.

Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý về giáo dục thể chất ngày càng được tăng cường về số lượng, chất lượng, được đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng thường xuyên và theo chuyên đề. Theo thống kê năm học 2019-2020, tổng số cán bộ, giáo viên giáo dục thể chất được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ tăng từ 39,7% - 45,5% so với giai đoạn trước năm 2016 (trước khi có Đề án “Tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học đến năm 2020, định hướng đến năm 2025” theo Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ). Cơ sở vật chất phục vụ cho giáo dục thể chất ngày càng được chuẩn hóa theo quy định. Tổng số nhà tập, phòng tập giáo dục thể chất năm học 2019-2020 tăng từ 2% - 5,6%; sân tập cấp trường dành cho giáo dục thể chất tăng từ 3,6% - 8,2%; số bể bơi được xây dựng và lắp đặt trong nhà trường cũng tăng lên (chủ yếu là bể bơi thông minh tháo lắp sử dụng theo đợt); trang thiết bị, dụng cụ tập luyện tăng từ 24,2% - 42,1% so với năm 2015. Nhiều cơ sở làm tốt công tác xã hội hóa tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm dụng cụ tập thể dục, thể thao, phối hợp với địa phương bố trí khu tập thể dục, thể thao và tổ chức nhiều hoạt động thể thao phong trào. Nhiều địa phương dành quỹ đất cho giáo dục thể chất, đảm bảo các cơ sở giáo dục có đủ diện tích làm sân chơi và sân tập thể thao riêng cho trẻ em, học sinh, góp phần nâng cao đời sống sinh hoạt văn hóa, tinh thần của học sinh, sinh viên.

Công tác xã hội hóa được đẩy mạnh và huy động được các nguồn lực xã hội để thực hiện các chương trình, đề án nghiên cứu chăm lo sức khỏe, dinh dưỡng của trẻ em, học sinh, sinh viên và các hoạt động thể thao như: Mô hình “Bữa ăn học đường đảm bảo dinh dưỡng hợp lý kết hợp tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên Việt Nam”, Giải Chạy dành cho học sinh, sinh viên “S-Race”...

Bên cạnh những kết quả đạt được, cũng còn có một số hạn chế, vướng mắc trong việc thực hiện chính sách pháp luật về giáo dục thể chất và thể thao trường học: (1) Một số quy định của pháp luật cần tiếp tục xem xét, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế để phù hợp với yêu cầu của giai đoạn hiện nay; (2) môn học giáo dục thể chất khi triển khai có vướng mắc đối với học sinh trong việc lựa chọn môn thể thao yêu thích do điều kiện cơ sở vật chất có nơi chưa đảm bảo, số lượng và chất lượng của

đội ngũ giáo viên có nơi chưa đáp ứng theo nhu cầu của học sinh, việc bố trí phân chia lớp học theo từng môn thể thao khó tổ chức dẫn đến lựa chọn của học sinh không thể đáp ứng, mục tiêu đề ra của môn học giáo dục thể chất không đạt được như mong đợi. Chương trình giáo dục thể chất cho sinh viên đại học chưa có khung thống nhất mỗi trường mỗi chương trình nên không có sự đồng nhất trong giáo dục thể chất cho sinh viên; (3) cơ sở vật chất, trang thiết bị và quỹ đất dành cho học sinh, sinh viên tập luyện thể dục, thể thao trong các cơ sở giáo dục còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu về công tác giáo dục thể chất và thể thao trường học trong giai đoạn mới. Nhiều nơi, hệ thống nhà tập đa năng dành cho học sinh tập luyện không đáp ứng được các tiêu chí sử dụng như chiều rộng, chiều cao, độ thoáng khí. Đặc biệt tỷ lệ bể bơi (tính cả bể bơi cố định và bể bơi thông minh, di động) trên tổng số các trường học toàn quốc có bể bơi còn rất thấp (theo thống kê của 59/63 Sở Giáo dục và Đào tạo, đến hết năm 2022, tổng số bể bơi trong trường học là 2184/25.307 trường, chiếm 8.63% trường học có bể bơi), trong khi tình trạng đuối nước ở trẻ em Việt Nam vẫn cao hơn so với các nước trong khu vực Đông Nam Á và hơn gấp 10 lần các nước có thu nhập cao; (4) đội ngũ giáo viên giáo dục thể chất còn thiếu về số lượng (theo thống kê ngành giáo dục, năm học 2022-2023, toàn quốc thiếu 5900 giáo viên môn giáo dục thể chất cấp trung học cơ sở và thiếu 2733 giáo viên cấp trung học phổ thông). Có nơi nhà trường không có giáo viên chuyên trách, các hoạt động dạy học môn giáo dục thể chất do giáo viên các môn khác dạy kiêm nhiệm, dẫn đến chất lượng môn giáo dục thể chất và việc phát triển phong trào thể dục, thể thao trong nhà trường chưa đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc nêu trên bên cạnh nguyên nhân do một số quy định pháp luật còn bất cập, chưa phù hợp yêu cầu thực tiễn thì nguyên nhân chủ yếu thuộc về khâu tổ chức thực hiện (1) Nhận thức pháp luật về giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học chưa thực sự đầy đủ, sâu sắc. Dẫn đến xem nhẹ, coi nhẹ vai trò, tầm quan trọng của giáo dục thể chất trong giáo dục con người toàn diện. Vai trò trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền địa phương, người đứng đầu trong công tác lãnh đạo chỉ đạo có nơi, có lúc chưa thực sự được phát huy; (2) việc đầu tư về nguồn lực cơ sở vật chất, nhân lực giáo viên, giảng viên (số lượng, chất lượng) chưa tương xứng với tầm quan trọng của môn học và hoạt động thể thao trong nhà trường; (3) công tác truyền thông về chính sách giáo dục thể chất và thể thao trường học thời gian qua đã được quan tâm, tăng cường nhưng cần tập trung đẩy mạnh truyền thông pháp luật hơn nữa, đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung phù hợp với nhiều đối tượng; (4) công tác kiểm tra, giám sát chưa đáp ứng được yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giáo dục thể chất. Số lượng các cuộc kiểm tra thường xuyên theo kế hoạch còn khiêm tốn, nội dung kiểm tra chủ yếu được lồng ghép với nhiều nội dung khác nên thời lượng dành cho kiểm tra về giáo dục thể chất và thể thao trong trường học không nhiều. Nội dung chủ yếu tập trung vào việc kiểm tra thực hiện chính sách pháp luật, chưa tổ chức được các cuộc kiểm tra việc thực hiện kiến nghị sau kiểm tra. Do đó, tính hiệu lực hiệu quả của kết luận sau kiểm tra cũng còn hạn chế. Đến nay chưa có cuộc kiểm tra, giám sát, khảo sát chuyên đề toàn diện về việc thực hiện chính sách pháp luật về giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường.

Để tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường theo Kết luận số 70-KL/TW ngày 31/01/2024 của Bộ Chính trị “*về phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn mới*”, cần tập trung thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau đây:

Thứ nhất: Tăng cường công tác truyền thông chính sách liên quan đến giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường theo Chỉ thị số 27/CT-TTg ngày 21/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 140/BGDĐT ngày 05/2/2024 của Bộ GDĐT triển khai Chỉ thị số 27/CT-TTg về việc tăng cường công tác truyền thông chính sách, nhằm thay đổi nhận thức, nâng cao ý thức, trách nhiệm trong thực hiện chính sách pháp luật của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đồng thời thay đổi nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục thể chất và thể thao trường học của phụ huynh và các em học sinh. Thời gian tới, Bộ sẽ xem xét, giao các đơn vị thuộc Bộ phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu xây dựng chuyên mục định kỳ trên các kênh truyền thông (báo chí, truyền hình), chú trọng truyền thông chính sách, pháp luật ngay từ khi xây dựng, đặc biệt thông qua truyền thông để giúp trẻ em, học sinh được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng, tham gia, tìm hiểu chính sách theo độ tuổi, dần dần giúp các em thay đổi nhận thức và làm chủ quá trình học môn giáo dục thể chất cũng như khi tham gia vào các hoạt động thể thao trong nhà trường.

Thứ hai: Tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý liên quan đến giáo dục thể chất và thể thao trường học nhằm thể chế hóa Kết luận số 70-KL/TW của Bộ Chính trị, đảm bảo phù hợp với yêu cầu của thực tiễn trong giai đoạn mới. Trước hết, Bộ sẽ rà soát lại các quy định về chế độ chính sách cho đội ngũ giáo viên thể dục, thể thao; quy định về đánh giá xếp loại thể lực học sinh, sinh viên; các quy định về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu trong đó có môn giáo dục thể chất đối với các cấp học; đồng thời rà soát để sửa đổi Thông tư quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và các quy định pháp luật có liên quan đến giáo dục thể chất theo kiến nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Nghị quyết số 686/NQ-UBTVQH ngày 18/9/2023 về “*Giám sát chuyên đề về việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*”.

Bên cạnh đó, đề nghị đánh giá kết quả thực hiện khoản 6, khoản 7 Điều 1 Luật Thể dục, Thể thao sửa đổi, bổ sung năm 2018 quy định ưu tiên, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển môn bơi, để xem xét, tham mưu cho Chính phủ đề xuất Quốc hội sửa đổi quy định này cho phù hợp với yêu cầu của tình hình mới sau hơn 5 năm thực hiện (Bởi việc học bơi trong nhà trường nếu được coi trọng và đầu tư xứng đáng, không chỉ rèn luyện thể chất, trang bị các kỹ năng bơi an toàn cũng như kiến thức phòng chống đuối nước cho hàng triệu học sinh, góp phần giảm thiểu tình trạng đuối nước ở trẻ em Việt Nam – mối quan ngại của toàn xã hội trong nhiều năm qua, mà qua đó có thể phát hiện bồi dưỡng tài năng thể thao môn bơi – một trong những môn thể thao trọng điểm cho nền thể thao nước nhà).

Thứ ba: Tăng cường công tác quản lý nhà nước, đặc biệt chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, khảo sát việc thực hiện chính sách pháp luật và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát trong thực tiễn, để từ đó nhanh chóng

nắm bắt tình hình triển khai ở cơ sở, những bất cập trong thực hiện chính sách pháp luật và đưa ra những giải pháp khắc phục kịp thời. Thời gian tới, Bộ sẽ tiếp tục đổi mới công tác kiểm tra theo hướng không chỉ kiểm tra thường xuyên mà tăng cường kiểm tra chuyên đề, phối hợp với các cơ quan liên quan trong kiểm tra, khảo sát chuyên đề ở các địa phương, các trường học, chú trọng tái kiểm tra việc thực hiện các kiến nghị sau kiểm tra. Đồng thời, Bộ Giáo dục và Đào tạo trân trọng đề nghị Ủy ban Văn hóa Giáo dục và các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn Đại biểu Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân các địa phương dành nhiều sự quan tâm hơn nữa cho công tác giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học, tổ chức giám sát thông qua nhiều hình thức, trong đó có giám sát chuyên đề liên quan đến thực hiện chính sách pháp luật về giáo dục thể chất và thể thao trường học. Giám sát của Ủy ban Văn hóa, Giáo dục và các Ủy ban của Quốc hội cũng như các cơ quan dân cử ở địa phương hết sức quan trọng, thúc đẩy hiệu quả của việc thực hiện chính pháp luật về giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trường học nói chung và phong trào thể thao trong nhà trường nói riêng.

Thứ tư: Ngoài nguồn lực xã hội hóa, rất cần sự đầu tư nhiều hơn nữa từ Nhà nước về nguồn lực tài chính và con người để **“Tăng cường giáo dục thể chất”, “giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện”** theo tinh thần của Nghị quyết số 29-NQ/TW, **đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và thể thao trường học** trong giai đoạn mới theo Kết luận số 70-KL/TW ngày 31/01/2024 của Bộ Chính trị. Đề nghị Nhà nước đầu tư đủ nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất tối thiểu phòng giáo dục thể chất trong trường mầm non và khu sân chơi thể dục, thể thao, nhà đa năng ở các trường phổ thông đối với những nơi còn thiếu; Ủy ban nhân dân các địa phương thực hiện nghiêm trách nhiệm về việc ban hành quy định sự phối hợp của cơ sở thể thao công lập do mình quản lý với cơ sở giáo dục để sử dụng công trình thể thao phục vụ giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường theo khoản 6 Điều 1 Luật Thể dục, thể thao sửa đổi và bố trí đủ chỉ tiêu biên chế giáo viên môn giáo dục thể chất trong nhà trường theo quy định của pháp luật./.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TRUNG TÂM VĂN HÓA NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM - THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ

**Cục Hợp tác quốc tế
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Ngay từ năm 1934, trung tâm văn hóa đầu tiên của một quốc gia tại nước ngoài đã được thành lập, với sự ra đời của Hội đồng Anh với sứ mệnh quảng bá văn hóa, ngôn ngữ, giáo dục... của Anh ra thế giới. Kể từ đó trở đi, việc thành lập trung tâm văn hóa tại nước ngoài đã trở thành một xu hướng quan trọng đối với các nước trên thế giới, thông qua đó đẩy mạnh quảng bá hình ảnh quốc gia, văn hóa, du lịch, tạo ảnh hưởng với các quốc gia khác bằng “sức mạnh mềm”, góp phần nâng cao vị thế, uy tín, ảnh hưởng của quốc gia trên trường quốc tế.

Đến nay, Hội đồng Anh có trung tâm tại 114 quốc gia và vùng lãnh thổ, CHLB Đức có 158 Phân viện Goethe - trung tâm văn hóa CHLB Đức ở nước ngoài tại 98 quốc gia trên thế giới, Pháp có 96 Viện Pháp và 800 trung tâm ngôn ngữ và văn minh Pháp trên thế giới, Italia có 85 trung tâm... Tại Châu Á, nhiều quốc gia có sự tương đồng, gần gũi về văn hóa đối với Việt Nam dành sự quan tâm, chú trọng đến việc thành lập trung tâm văn hóa tại nước ngoài. Đến nay, Trung Quốc có 40 trung tâm văn hóa, 530 Viện Khổng Tử trên thế giới, Ấn Độ có 37 trung tâm văn hóa ở nước ngoài, Nhật Bản có 26 trung tâm giao lưu văn hóa tại 25 quốc gia, Hàn Quốc có 35 trung tâm văn hóa tại 30 quốc gia trên thế giới...

Tại Việt Nam, tính tới nay, đã có 09 trung tâm văn hóa nước ngoài được thành lập và hoạt động, bao gồm: Trung tâm Khoa học và Văn hóa Nga (*Địa chỉ: 501 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội*), Viện Pháp tại Việt Nam (*Địa chỉ: 15 P. Thiên Quang, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội*), Viện Goethe Hà Nội (*Địa chỉ: 56-58 Nguyễn Thái Học, Hà Nội*), Hội đồng Anh (*Địa chỉ: Số 20 phố Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội*), Ngôi nhà Italia (*Địa chỉ: 18 Lê Phụng Hiểu, Hà Nội*), Trung tâm giao lưu văn hóa Nhật Bản (*Địa chỉ: Số 27 Quang Trung, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội*), Trung tâm văn hóa Hàn Quốc (*Địa chỉ: Số 49 Nguyễn Du, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội*), Trung tâm Văn hóa Swami Vivekananda (*Địa chỉ: 63 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội*), Trung tâm Văn hóa Trung Quốc tại Hà Nội (*Địa chỉ: 298 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội*). Một số quốc gia khác tại Châu Âu và Mỹ Latinh cũng thể hiện nguyện vọng và tìm hiểu các quy định liên quan đến thành lập các cơ sở văn hóa nước BẠN tại Việt Nam.

1. Thực trạng hoạt động các trung tâm văn hóa nước ngoài tại Việt Nam

1.1. Chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến thành lập và hoạt động của các trung tâm văn hóa nước ngoài tại Việt Nam

- *Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20/9/2018 của Chính phủ quy định về thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam:*

Để tăng cường công tác quản lý nhà nước, tạo điều kiện, cơ sở pháp lý thuận lợi

cho việc thành lập và hoạt động của các trung tâm văn hóa nước ngoài tại Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chủ trì xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20/9/2018.

Nghị định bao gồm 06 chương, 26 điều, quy định các nội dung chi tiết liên quan đến thành lập và hoạt động của các trung tâm văn hóa nước ngoài tại Việt Nam, bao gồm: Cấp, cấp lại, gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký, Giấy phép thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam; Chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam; Hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam và Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.

Theo đó, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện vai trò quản lý nhà nước đối với các cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam; chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam và các cơ quan liên quan trong việc cấp, cấp lại, gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký, Giấy phép, Giấy chứng nhận và quản lý, đình chỉ, chấm dứt hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam; thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam; tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình và kết quả hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam định kỳ hằng năm và khi được yêu cầu.

- Nghị định số 89/2023/NĐ-CP ngày 12/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh và Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam:

Để tăng cường phân cấp, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 89/2023/NĐ-CP ngày 12/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh và Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.

Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

- Cấp, cấp lại, gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh; quản lý, đình chỉ, chấm dứt hoạt động của chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam có trụ sở tại địa phương.

- Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan quản lý cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam và hoạt động do cơ sở văn hóa nước ngoài và chi nhánh tại Việt Nam tổ chức tại địa phương.

- Trước ngày 05 tháng 12 hằng năm, tổng hợp và gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo bằng văn bản theo quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính Nhà nước về tình hình và kết quả hoạt động trong năm tính đến hết ngày 30 tháng 11 của chi nhánh của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam”.

1.2. Một số đặc điểm tổng quan của các trung tâm văn hóa nước ngoài tại Việt Nam

- Các trung tâm văn hóa nước ngoài tại Việt Nam là cơ quan đại diện của nước ngoài, thường là cơ quan cấp Bộ phụ trách văn hóa hoặc văn hóa đối ngoại, một số trường hợp là Bộ Ngoại giao.

- Các trung tâm đều do Chính phủ trong nước thành lập, giao các bộ, ngành trong nước trực tiếp chỉ đạo, quản lý, khai thác, chọn cử nhân sự, cấp kinh phí hoạt động bằng các cơ chế, chính sách cụ thể. Ngoài các nhân sự trong nước cử sang, Trung tâm được thuê nhân công nước sở tại làm các công việc cụ thể. Đa số Giám đốc của trung tâm đều được Bộ Ngoại giao nước Bạn phong hàm ngoại giao và được sử dụng Hộ chiếu ngoại giao trước khi sang Việt Nam, giúp thuận tiện trong quá trình giao tiếp, làm việc. Trung tâm văn hóa các nước ở nước ngoài đều chịu sự lãnh đạo toàn diện của Đại sứ quán nước mình tại quốc gia tiếp nhận.

- Việc thành lập và tổ chức các hoạt động của trung tâm chủ yếu căn cứ Hiệp định được ký kết giữa Việt Nam và nước thành lập trung tâm, hoặc Giấy phép hoạt động do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ký (*trường hợp của Hội đồng Anh do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định*). Mọi hoạt động của trung tâm phải tuân thủ pháp luật quốc gia tiếp nhận và Hiệp định đã ký kết.

- Các trung tâm văn hóa ở nước ngoài có vai trò quảng bá hình ảnh quốc gia, thúc đẩy giao lưu, hợp tác văn hóa giữa hai nước, góp phần tăng cường tình hữu nghị, sự hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân Việt Nam và nước Bạn, cũng như hỗ trợ phát triển các lĩnh vực hợp tác khác giữa nước cử và các nước sở tại. Tính chất cộng đồng, đa dạng trong các hoạt động của các trung tâm văn hóa thể hiện rất rõ. Hoạt động, giao lưu trực tiếp của các trung tâm văn hóa tới các nước sở tại khá rõ ràng. Đặc biệt, trong năm 2023, các trung tâm văn hóa nước ngoài tại Việt Nam đã tích cực tổ chức các hoạt động văn hóa nghệ thuật đặc sắc kỷ niệm năm tròn, năm chẵn thiết lập quan hệ ngoại giao giữa nước Bạn với nước ta, trong đó nhiều nước là đối tác chiến lược, đối tác chiến lược toàn diện của Việt Nam như Pháp, Anh, Italia, Nhật Bản...

- Về hoạt động của trung tâm văn hóa: Các hoạt động do trung tâm triển khai phong phú, đa dạng, đặc sắc, hiệu quả quảng bá hình ảnh quốc gia rõ nét. Việc xây dựng, thiết lập hình ảnh hữu nghị, thân thiện của đất nước mình, giới thiệu bản sắc văn hóa dân tộc với công chúng nước sở tại trực tiếp, hiệu quả cao. Hầu hết hoạt động của các trung tâm văn hóa diễn ra dưới hình thức phi lợi nhuận. Một số ít chương trình được phép bán vé để lấy thu bù chi và tạo thói quen tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ văn hóa trong công chúng.

Hàng năm, các trung tâm văn hóa nước ngoài tổ chức các hoạt động văn hóa-nghệ thuật đặc sắc, với nhiều hình thức đa dạng như liên hoan, triển lãm, tuần lễ phim, sự kiện giới thiệu điện ảnh... Bên cạnh các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của nước Bạn, một số trung tâm văn hóa nước ngoài tổ chức giới thiệu các loại hình văn hóa mới như nghệ thuật sắp đặt, âm nhạc điện tử, nghệ thuật đương đại, chiếu sáng... Các hoạt động này thu hút sự quan tâm, tham gia của đông đảo công chúng Việt Nam, góp phần giới thiệu về văn hóa, lịch sử, đất nước, con người

của nước Bạn đến người dân và công chúng yêu nghệ thuật tại Việt Nam. Trong đó, một số sự kiện trở thành thương hiệu, có sức hấp dẫn cao, tổ chức định kỳ hằng năm tại Việt Nam như Liên hoan Phim Châu Âu, Liên hoan Âm nhạc Châu Âu, Liên hoan Phim Nhật Bản, Liên hoan Phim Mỹ Latinh...

Một số trung tâm thúc đẩy hoạt động giáo dục, dạy tiếng, cấp học bổng. Có trung tâm mở nhà hàng nhằm giới thiệu văn hóa, ẩm thực của nước mình với công chúng Việt Nam (Đức, Italia).

Đặc biệt, giai đoạn Việt Nam chịu ảnh hưởng của Covid 19 và nhiều thiết chế văn hóa phải đóng cửa, các trung tâm văn hóa nước ngoài tại Việt Nam đã chủ động xây dựng, tổ chức các hoạt động, chương trình văn hóa - nghệ thuật trực tuyến như liên hoan phim, triển lãm..., qua đó công chúng Việt Nam vẫn có điều kiện tiếp cận, thưởng thức văn hóa của nước Bạn.

Hiện nay, để quảng bá đến đông đảo công chúng Việt Nam, có xu hướng các trung tâm văn hóa tổ chức các hoạt động tại các tỉnh, thành phố, không giới hạn ở trụ sở trung tâm.

1.3. Thực trạng hoạt động các trung tâm văn hóa nước ngoài tại Việt Nam

1.3.1. Viện Pháp tại Việt Nam

Viện Pháp tại Việt Nam (tiên thân là Trung tâm Văn hóa Pháp tại Việt Nam) được thành lập theo Thỏa thuận giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Pháp về việc thành lập Văn phòng đại diện của Alliance Française de Paris tại Hà Nội ký ngày 26 tháng 4 năm 1991.

Thỏa thuận này được thay thế bởi Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Pháp về các Trung tâm văn hóa, ký ngày 12 tháng 11 năm 2009 tại Hà Nội, Việt Nam. Hiệp định đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 506/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2010.

Theo Công thư ngày 05/9/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ Việt Nam chấp thuận đề nghị của Chính phủ Pháp thay đổi tên gọi của Trung tâm là Viện Pháp tại Việt Nam.

Theo các văn bản nêu trên, Viện Pháp tại Việt Nam có nhiệm vụ góp phần phát triển mối quan hệ giữa Việt Nam và Pháp trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, giáo dục, truyền thông, khoa học kỹ thuật và giới thiệu trực tiếp cho công chúng sự phong phú và những thành tựu của hai nước trong các lĩnh vực này. Viện thuộc quyền quản lý của Đại sứ quán Pháp tại Hà Nội. Lĩnh vực hoạt động của Trung tâm bao gồm:

- Tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật (đặc biệt là các hội nghị, hội thảo, biểu diễn, hòa nhạc và triển lãm);
- Thiết kế và triển khai các dự án hợp tác văn hóa và khoa học;
- Duy trì một thư viện đa phương tiện cho phép tra cứu và mượn tài liệu mang tính chất văn hóa, giáo dục, du lịch và khoa học kỹ thuật;

- Quảng bá và giảng dạy ngôn ngữ, nghệ thuật, thể thao của nước cử;
- Mời và đón tiếp các nhà nghiên cứu, các diễn giả, các nghệ sỹ... đến từ quốc gia cử;
- Ấn hành và phổ biến các chương trình thông tin, các catalô giới thiệu và các tài liệu khác mang tính chất văn hóa, giáo dục, thể thao, du lịch, kinh tế, khoa học kỹ thuật;
- Giới thiệu và trình chiếu các bộ phim và các tài liệu nghe nhìn khác,
- Tổ chức mọi hoạt động cho phép công chúng hiểu rõ hơn về nước cử và phát triển hợp tác giữa hai nước.

Về cán bộ, Giám đốc Viện Pháp tại Việt Nam là cán bộ ngoại giao của Nhà nước cử, là Tham tán văn hóa và hợp tác của Đại sứ quán Việt Nam tại Pháp.

Cơ quan chủ quản Viện: Là cơ quan thuộc Chính phủ cộng hòa Pháp, Viện đã trở thành một bộ phận thuộc Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam. Tài chính của Viện khá đa dạng, gồm nguồn cấp của Chính phủ, nguồn huy động xã hội hóa và từ các Quỹ. Hằng năm, Viện thực hiện báo cáo thường niên về nước.

Hiện nay, Viện có chi nhánh tại Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2023, Viện Pháp tại Việt Nam đã tổ chức hàng loạt các hoạt động kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam-Pháp như: Cuộc thi ca khúc Pháp ngữ toàn quốc tại Đà Nẵng (tháng 3), lễ hội Balade en France (tháng 4), Liên hoan nhiếp ảnh Photo Hà Nội 2023 (tháng 4-5), mùa "Thời trang và Thiết kế" (tháng 5-10), kỷ niệm 80 năm tác phẩm Hoàng tử bé (tháng 6)...

Hợp tác về điện ảnh là lĩnh vực được Pháp quan tâm hàng đầu thông qua một loạt các hoạt động hợp tác cụ thể như đầu tư phim "Tro tàn rực rỡ", đồng sản xuất là người Pháp và nhận tài trợ lớn từ Bộ trưởng Văn hóa và Ngoại giao Pháp thông qua trung tâm điện ảnh quốc gia CNC. Đây là phim đại diện Việt Nam tham dự hạng mục Giải thưởng Phim truyện quốc tế Oscar 2024 lần thứ 96. Pháp hết sức tự hào khi bộ phim đại diện cho nước Pháp tranh giải Oscar cho phim nước ngoài là một tác phẩm của đạo diễn gốc Việt Trần Anh Hùng. Bên cạnh việc hỗ trợ các nhà sản xuất trẻ Việt Nam tham gia Chợ dự án Liên hoan Phim Cannes, Pháp mời Việt Nam tham gia nhiều sự kiện điện ảnh quan trọng khác như Liên hoan phim ba châu lục lần thứ 45 tại Nantes, Pháp từ ngày 24/11-03/12/2023 tổ chức chương trình riêng giới thiệu 20 phim kinh điển Việt Nam.

Đặc biệt, ngày 12/12/2023, tại Thừa Thiên Huế, Viện Pháp tại Việt Nam tham gia tổ chức “Huế by Light – The live show” - chương trình trình diễn nghệ thuật âm thanh và ánh sáng đặc sắc trong khuôn khổ Tuần lễ Âm nhạc quốc tế Huế 2023, là điểm nhấn của chuỗi sự kiện trong lễ hội mùa Đông Festival Huế 2023, nhằm tôn vinh di sản kiến trúc của thành phố địa phương thông qua chương trình âm nhạc kết hợp trình diễn ánh sáng (3D mapping). Theo đó, các nghệ sỹ tài năng của Pháp và Việt Nam cùng nhau biểu diễn những tác phẩm âm nhạc mới lạ kết hợp âm nhạc hiện đại với nhạc cụ truyền thống Việt Nam và phần trình diễn ánh sáng (3D mapping) đặc sắc trên bề mặt kiến trúc của Công Ngọ Môn - Đại Nội Huế.

1.3.2. Hội đồng Anh

Trước đây Hội đồng Anh hoạt động theo Hiệp định Chính phủ giữa Việt Nam và Anh, ký kết tại Hà Nội vào ngày 10 tháng 12 năm 2001, giữa Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam và Phó Thủ tướng Vương quốc Anh. Tại văn bản số 213/VPCP-NC ngày 14 tháng 3 năm 2008, Thủ tướng Chính phủ đã có ý kiến:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo là cơ quan đầu mối quản lý, theo dõi hoạt động của Hội đồng Anh, ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng Anh.

- Hội đồng Anh không phải là cơ quan ngoại giao, các thành viên của Hội đồng Anh không được hưởng các quyền ưu đãi về ngoại giao. Hoạt động phải đúng tôn chỉ mục đích là tổ chức từ thiện, phi lợi nhuận.

Hội đồng Anh là một tổ chức chính thống của Vương Quốc Anh về phát triển văn hóa và giáo dục, là tổ chức phi lợi nhuận và hoạt động như một tổ chức từ thiện theo đăng ký tại Vương quốc Anh. Hội đồng Anh góp phần xúc tiến phát triển giáo dục và văn hóa tại Việt Nam và thúc đẩy mối quan hệ giữa Vương quốc Anh và Việt Nam.

Hội đồng Anh bắt đầu hoạt động tại Việt Nam từ năm 1993 tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng Anh làm việc chặt chẽ với Đại sứ quán, Tổng lãnh sự quán và Bộ Phát triển Quốc tế (DFID) Vương quốc Anh tại Việt Nam và với các tổ chức chính phủ, phi chính phủ Việt Nam. Hội đồng Anh cung cấp các dịch vụ về giáo dục như các lớp học tiếng Anh, dịch vụ thi cử và tổ chức phỏng vấn cho các trường Đại học ở Vương quốc Anh. Triển khai các dự án hợp tác cùng có lợi với các đối tác Việt Nam và tạo cơ hội phát triển cho các cá nhân, tổ chức giáo dục cũng như các doanh nghiệp và chính phủ theo những lĩnh vực được ưu tiên đối với Việt Nam và Vương quốc Anh như: Phát triển Giáo dục; Giảng dạy Tiếng Anh; Tiếp cận với nền giáo dục và bằng cấp Vương quốc Anh; Văn hóa, Nghệ thuật và Sáng tạo; Quản trị Xã hội; Thông tin về Vương quốc Anh; An ninh Khí hậu.

Trong lĩnh vực văn hóa, Hội đồng Anh quảng bá sức sáng tạo và nền nghệ thuật phong phú của Anh bao gồm nghệ thuật thị giác, kiến trúc, thiết kế, múa, sân khấu, âm nhạc, điện ảnh, văn học và công nghiệp sáng tạo. Đặc biệt, Hội đồng Anh đã hỗ trợ quá trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng, trình Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, cũng như quá trình phát triển các ngành công nghiệp văn hóa tại Việt Nam.

Trong giai đoạn 2018–2021, với việc tập trung vào âm nhạc truyền thống Việt Nam, hợp phần Di sản Văn hóa Cộng đồng, dự án Di sản kết nối do Hội đồng Anh thực hiện đã triển khai các hoạt động tại các địa điểm: Ninh Thuận (âm nhạc nghi lễ Chăm), Gia Lai (âm nhạc cồng chiêng của người Bahnar), Thành phố Hồ Chí Minh (Cải lương) và Kon Tum (âm nhạc cồng chiêng). Những hoạt động này hướng tới việc đảm bảo cộng đồng - những người sở hữu di sản được hưởng lợi từ những nỗ lực, một cách có chiều sâu và dựa vào cộng đồng, trong việc bảo vệ và phát huy di sản văn hóa của họ.

Năm 2023, kỷ niệm 30 năm Hội đồng Anh có mặt tại Việt Nam và 50 năm Vương quốc Anh và Việt Nam chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao, Hội đồng Anh đã tổ chức Chương trình UK/Viet Nam Season bao gồm chuỗi các sự kiện diễn ra

từ tháng 6 đến tháng 12 nhằm tôn vinh và giới thiệu những hoạt động trao đổi văn hóa, giáo dục và quan hệ hợp tác song phương giữa hai nước.

1.3.3. Viện Goethe (CHLB Đức)

Viện Goethe được thành lập theo Hiệp định giữa Chính phủ Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức về thiết lập và hoạt động của các Trung tâm văn hóa và thông tin trên lãnh thổ của nhau, ký kết ngày 24 tháng 01 năm 1997 tại Hà Nội. Hiệp định đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Quyết định số 694/TTg ngày 27 tháng 8 năm 1997). Hiệp định được mặc nhiên gia hạn 5 năm một lần.

Viện Goethe (Đức) tại Hà Nội là một tổ chức văn hóa của Cộng hòa Liên bang Đức, hoạt động trên phạm vi toàn thế giới. Viện Goethe tại Hà Nội được thành lập năm 1997, lúc đó là phân viện trẻ nhất ở châu Á. Mục đích quan trọng của Viện là hỗ trợ việc giao lưu văn hóa giữa Việt Nam, Đức và châu Âu. Trong mối tương quan này, Viện Goethe tại Hà Nội ủng hộ và tổ chức nhiều chương trình để giới thiệu văn hóa Đức đến Việt Nam, nhằm tăng cường đối thoại văn hóa giữa hai nước. Viện hỗ trợ việc phổ cập tiếng Đức ở nước ngoài và thúc đẩy sự hợp tác về giao lưu văn hóa quốc tế. Bằng việc cung cấp thông tin về đời sống văn hóa, xã hội và chính trị, Viện giới thiệu một bức tranh toàn cảnh về nước Đức. Giám đốc Viện Goethe Hà Nội không phải là cán bộ ngoại giao. Viện Goethe Hà Nội phối hợp công tác với Đại sứ quán Đức tại Việt Nam.

Hằng năm, Viện Goethe Hà Nội tổ chức các khóa học tiếng Đức cho người lớn. Bên cạnh đó, Viện còn có các buổi thực hành và seminar dành cho giáo viên tiếng Đức.

Trung tâm thông tin (Thư viện) cung cấp những tài liệu cập nhật về đời sống văn hóa xã hội Đức. Tất cả những ai quan tâm đến đất nước và văn hóa Đức, muốn học hoặc dạy tiếng Đức, đều có thể tra cứu hoặc mượn tài liệu của Viện tại Trung tâm này.

Với hệ thống các Viện Goethe, các trung tâm Goethe, các tổ chức văn hóa, các phòng đọc, cũng như các trung tâm ngôn ngữ và thi cử, Viện thỏa mãn những nhiệm vụ chính về đối ngoại trong văn hóa và giáo dục. Bên cạnh đó, Viện còn là đối tác của các tổ chức văn hóa công hoặc tư, của các bang, các công đoàn hoặc các tổ chức kinh tế.

Nguồn lực của Viện đa dạng, dựa trên chính sách cởi mở của Viện và của đời sống văn hóa Đức. Viện kết nối kinh nghiệm và ý tưởng của các đối tác trong và ngoài nước với các chuyên gia trong tinh thần đối thoại. Viện là đối tác với tất cả cá nhân và tổ chức hoạt động trong lĩnh vực liên quan tới nước Đức, tiếng Đức và văn hóa Đức. Viện hợp tác trên tinh thần tự quyết, không phụ thuộc vào chính trị.

Trong thời gian vừa qua, Viện Goethe tổ chức nhiều chương trình văn hóa đặc sắc, thu hút sự quan tâm, chú ý của công chúng Việt Nam trên các lĩnh vực điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn... Một số chương trình đã tổ chức định kỳ hằng năm, do Đức, Pháp và một số trung tâm văn hóa Châu Âu khởi xướng, trở thành thương hiệu như Liên hoan Phim khoa học, Liên hoan Phim Đức... Một số hình thức, sản phẩm

văn hóa mới như nghệ thuật đa phương tiện, nghệ thuật sắp đặt, âm nhạc điện tử... cũng đã được giới thiệu đến khán giả Việt Nam. Hoạt động của Viện Goethe góp phần tăng cường tình hữu nghị, sự hiểu biết lẫn nhau giữa hai quốc gia, hai dân tộc nói chung, cũng như hợp tác văn hóa giữa Việt Nam và CHLB Đức nói riêng.

Viện Goethe có chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3.4. Trung tâm Khoa học và Văn hóa Nga

Trung tâm Khoa học và Văn hóa Nga tại Việt Nam được thành lập và hoạt động vào tháng 9 năm 2003, kế thừa Hiệp định giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô Viết ký kết ngày 09 tháng 3 năm 1987 và Thỏa thuận giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết về việc cấp quyền sử dụng không phải trả tiền một khoảnh đất để xây dựng các tòa nhà và công trình của Nhà Văn hóa và Khoa học Liên Xô tại Hà Nội, ký ngày 25 tháng 10 năm 1988, trong đó, có các quy định về mục đích, nội dung hoạt động, cán bộ, nhân viên, cơ sở vật chất.

Trung tâm Khoa học và Văn hóa Nga tại Hà Nội đóng vai trò mắt xích quan trọng trong việc tăng cường các mối quan hệ song phương giữa các tổ chức, đoàn thể Nhà nước, các tổ chức trong lĩnh vực khoa học, văn hóa và thương mại của hai nước Việt Nam và Liên bang Nga. Trung tâm luôn chú ý đến việc giới thiệu với công chúng Việt Nam chính sách đối nội và đối ngoại của Liên bang Nga, hình ảnh khách quan về nước Nga hiện đại, về tiềm năng vật chất và tinh thần lớn lao của nước Nga. Trung tâm đã phối hợp với báo chí, phát thanh và truyền hình thực hiện hàng loạt các bài phóng sự, phỏng vấn về chuyên đề nước Nga cũng như về các hoạt động cụ thể của Trung tâm tại Việt Nam. Trong số các hoạt động của Trung tâm Khoa học và Văn hóa Nga tại Hà Nội, hoạt động từ thiện luôn được ưu tiên. Hàng tháng, Trung tâm đều tổ chức các buổi biểu diễn nghệ thuật từ thiện dành riêng cho trẻ em mồ côi làng SOS và trường Nguyễn Viết Xuân (Hà Nội).

Một trong những hoạt động quan trọng của Trung tâm Khoa học và Văn hóa Nga là thực thi chương trình của Chính phủ Nga về việc phổ biến và phát triển tiếng Nga được soạn thảo theo sắc lệnh của Tổng thống Liên bang Nga. Trên cơ sở đó, Trung tâm tổ chức nhiều khoá học tiếng Nga với nhiều trình độ khác nhau. Hoạt động truyền thông của Trung tâm luôn thu hút những người yêu thích tiếng Nga tại Hà Nội và sinh hoạt câu lạc bộ tiếng Nga được tổ chức vào các chiều thứ sáu hàng tuần. Các giảng viên và sinh viên tiếng Nga của các trường đại học tại Hà Nội là độc giả thường xuyên của thư viện Trung tâm Khoa học và Văn hóa Nga với nguồn sách báo bằng tiếng Nga phong phú và hệ thống truy cập internet tốc độ cao.

1.3.5. Trung tâm văn hóa Hàn Quốc

Điều 5, Hiệp định hợp tác văn hóa giữa Chính phủ Đại Hàn Dân Quốc và Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ký kết tại Hà Nội ngày 30 tháng 8 năm 1994 đã xác định mỗi Bên tham gia Hiệp định sẽ thúc đẩy thành lập trên lãnh thổ nước mình những viện văn hóa của bên còn lại theo luật và những quy định được áp dụng.

Tổng thống Hàn Quốc nhận thấy sự cần thiết thành lập Trung tâm Văn hóa Hàn Quốc tại Việt Nam trong dịp tới dự hội nghị ASEM tại Hà Nội năm 2004. Năm 2005, chính phủ Hàn Quốc đã chính thức quyết định thành lập Trung tâm Văn hóa Hàn Quốc tại Việt Nam, là Trung tâm đầu tiên của khu vực Đông Nam Á. Năm 2006, Bộ Văn hóa Du lịch Hàn Quốc cử cán bộ tới Việt Nam chuẩn bị cho việc thành lập. Ngày 7 tháng 9 năm 2006, Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) đã ban hành Quyết định số 4169/QĐ-BVHTT ngày 07 tháng 9 năm 2006 cho phép thành lập và hoạt động của Trung tâm Văn hóa Hàn Quốc tại Việt Nam. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quy chế điều hành của Trung tâm Văn hóa Hàn Quốc tại Việt Nam. Giám đốc và Phó Giám đốc Trung tâm là cán bộ ngoại giao.

Trung tâm Văn hóa Hàn Quốc được thành lập với mục đích thúc đẩy giao lưu trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật giữa hai nước vốn có nhiều điểm tương đồng về mặt lịch sử và văn hóa, tăng cường sự hiểu biết và tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước. Trung tâm Văn hóa Hàn Quốc tại Việt Nam góp phần tăng cường hơn nữa giao lưu văn hóa và hiểu biết giữa nhân dân hai nước; tăng cường mối quan hệ hữu nghị và hợp tác với Việt Nam thông qua hàng loạt chương trình giao lưu văn hóa đa màu sắc trong nhiều lĩnh vực, từ mỹ thuật, điện ảnh, âm nhạc, đến biểu diễn kịch, thời trang, văn học... Các lớp học tiếng Hàn, lớp võ taekwondo hay lớp ẩm thực Hàn Quốc, các sự kiện âm nhạc K-Pop... thu hút hàng ngàn người tham gia.

Đặc biệt, năm 2022, kỷ niệm 30 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Hàn Quốc, Trung tâm Văn hóa Hàn Quốc tại Việt Nam đã tổ chức chuỗi các lễ hội văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc tại nhiều địa phương trên cả nước, bắt đầu từ tháng Hai tại Bình Dương, qua tháng Tư tại Quảng Nam, đến tháng Tám tại Quảng Ninh, liên tục trong tháng Tư, tháng Năm, tháng Chín tại Hà Nội và kết thúc vào tháng 10 tại TP Hồ Chí Minh.

Sau đó, hàng loạt các chương trình, sự kiện văn hóa đặc sắc của Hàn Quốc đã được Trung tâm tổ chức, giới thiệu đến đông đảo công chúng Việt Nam tại nhiều địa phương tại Việt Nam như Sa Pa, Hội An, Đà Lạt...theo định hướng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam.

1.3.6. Trung tâm giao lưu văn hóa Nhật Bản

Trung tâm Giao lưu Văn hóa Nhật Bản tại Việt Nam do Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản đề xuất thành lập vào tháng 3 năm 2008. Căn cứ đề xuất của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thủ tướng Chính phủ đã có Công văn số 721/VPCP-QHQT ngày 30 tháng 01 năm 2008 đồng ý với đề xuất của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản về việc thành lập Trung tâm. Theo đó, Chính phủ giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch làm cơ quan đầu mối quản lý các hoạt động của Trung tâm nói chung và trực tiếp quản lý các hoạt động văn hóa của Trung tâm; Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý các hoạt động đào tạo và việc dạy tiếng Nhật của Trung tâm; Bộ Tài chính quản lý và hướng dẫn Trung tâm thực hiện các quy định liên quan đến thuế, miễn thuế và các ưu đãi miễn trừ. Trung tâm Giao lưu Văn hóa Nhật Bản tại Việt Nam là văn phòng đại diện thứ 5 của Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản ở khu vực Đông Nam Á.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Quyết định số 638/QĐ-BVHTTDL ngày 15 tháng 02 năm 2008 về việc thành lập Trung tâm, kèm theo đó là Quy chế hoạt động, xác định về mục đích, nhiệm vụ, chức năng, nội dung hoạt động, cán bộ nhân viên của Trung tâm.

Trung tâm Giao lưu Văn hóa Nhật Bản tại Việt Nam là cơ quan thuộc Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản được thành lập nhằm mục đích thúc đẩy một cách hiệu quả giao lưu văn hóa giữa hai nước Nhật Bản - Việt Nam, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa hai nước. Trung tâm Giao lưu Văn hóa Nhật Bản tại Việt Nam tiến hành các hoạt động về giao lưu văn hóa một cách toàn diện như hỗ trợ các hoạt động giao lưu văn hóa nghệ thuật giữa hai nước, hỗ trợ công tác giảng dạy tiếng Nhật tại Việt Nam, hỗ trợ nghiên cứu về Nhật Bản tại Việt Nam, tiến hành các chương trình giao lưu học thuật giữa hai nước. Trung tâm hoạt động với mục đích phi lợi nhuận với sự hỗ trợ của Đại sứ quán Nhật Bản tại Hà Nội và Tổng lãnh sự quán Nhật Bản tại thành phố Hồ Chí Minh.

Từ khi thành lập đến nay, Trung tâm đã có những đóng góp không nhỏ trong việc tổ chức các hoạt động:

- Giao lưu văn hóa nghệ thuật: tăng cường hiểu biết về Nhật Bản, hợp tác về văn hóa, giao lưu thanh thiếu niên, giao lưu điêu khắc mỹ thuật, giao lưu biểu diễn nghệ thuật, xuất bản và làm phim. Một số sự kiện như Liên hoan Phim Nhật Bản, Lễ hội hoa Anh đào... được công chúng Việt Nam rất yêu thích. Ngoài ra, Trung tâm cũng mở rộng hoạt động trong các lĩnh vực văn hóa khác với mục đích tăng cường mối quan hệ hiểu biết giữa nhân dân hai nước Việt Nam - Nhật Bản từ mức độ cơ sở tới mức độ hàn lâm.

- Dạy tiếng Nhật: hỗ trợ các hoạt động giáo dục tiếng Nhật tại Việt Nam, trong đó, hoạt động chính của Trung tâm là hỗ trợ giáo dục tiếng Nhật tại các trường trung học cơ sở của Việt Nam. Tổ chức các lớp dạy tiếng Nhật, tiến hành các cuộc thi về khả năng tiếng Nhật, tăng cường mạng lưới giảng dạy tiếng Nhật, nâng cao, hỗ trợ, trao tặng tài liệu tiếng Nhật.

- Nghiên cứu về Nhật Bản và giao lưu học thuật: tổ chức các hoạt động văn hóa nhằm tăng cường giao lưu văn hóa và bổ sung cho sự đa dạng văn hóa trong khu vực. Trung tâm tổ chức và hỗ trợ tổ chức các sự kiện văn hóa khác nhau để giới thiệu về văn hóa và nghệ thuật Nhật Bản, ví dụ như tổ chức triển lãm, hòa nhạc, biểu diễn, chiếu phim, diễn thuyết và hợp báo ra mắt các ấn phẩm liên quan đến các tác phẩm Nhật Bản được dịch sang tiếng Việt.

Với mục đích tăng cường sự hiểu biết của các nước về Nhật Bản, cũng như thúc đẩy mối quan hệ tốt đẹp giữa Nhật Bản với các quốc gia khác, Quỹ Giao lưu quốc tế Nhật Bản có những chương trình tài trợ khác nhau dành cho các tổ chức đang nghiên cứu về Nhật Bản, tài trợ tổ chức hội thảo nghiên cứu Nhật Bản do các Viện nghiên cứu tổ chức và cấp học bổng hỗ trợ cho việc nghiên cứu Nhật Bản. Quỹ cũng tổ chức các chương trình diễn thuyết và hội thảo về chủ đề Nhật Bản, với sự hợp tác của các đối tác phía Việt Nam.

Ngoài ra, Quỹ còn tổ chức các chương trình giao lưu trí tuệ như các dự án

hợp tác nghiên cứu và các chương trình đối thoại nhằm tăng cường mối quan hệ hiểu biết về các vấn đề mang tính song phương, khu vực và toàn cầu và để cùng tìm ra giải pháp khắc phục tình hình đó.

Để đáp ứng nhu cầu tìm hiểu Nhật Bản của bạn đọc, Trung tâm mở một phòng thông tin, trong đó có các tài liệu giới thiệu về Nhật Bản bằng nhiều thứ tiếng khác nhau, chủ yếu là tiếng Việt và tiếng Nhật. Bên cạnh đó, thư viện cũng liên tục cập nhật các loại tạp chí, ấn phẩm nổi tiếng của Nhật Bản và các DVD album âm nhạc đang thịnh hành nhất tại Nhật Bản.

1.3.7. Ngôi nhà Italia (Casa Italia)

Biên bản ghi nhớ giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Italia về việc thành lập Ngôi nhà Italia đã được ký kết vào tháng 01 năm 2013.

Nhân dịp kỷ niệm 40 năm thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Italia và Việt Nam và trong khuôn khổ Năm Italia tại Việt Nam (2013), Đại sứ quán Italia triển khai việc khánh thành Ngôi nhà Italia (Casa Italia) - trung tâm hội tụ văn hóa, ngôn ngữ, sản phẩm và phong cách sống Italia tại Việt Nam.

Các hoạt động đã đăng ký của Casa Italia tại Hà Nội:

- Thực hiện các sáng kiến trong lĩnh vực văn hóa, kinh tế, thương mại và xúc tiến quốc gia nhằm tăng cường quan hệ song phương;
- Tổ chức họp báo, ra mắt sản phẩm của các công ty Ý;
- Tổ chức triển lãm của các nghệ sĩ Ý và đọc sách của các nhà văn Ý;
- Tổ chức biểu diễn thời trang, chiếu phim Ý;
- Tổ chức các khóa học tiếng Ý cho người nước ngoài.

Casa Italia trở thành địa điểm thường trực của tình hữu nghị giữa Italia và Việt Nam, là không gian mang đến cho công chúng Hà Nội trải nghiệm sâu sắc về đất nước, con người, văn hóa, thời trang, di sản, ẩm thực Italia ngay giữa lòng thủ đô Hà Nội, với việc thưởng thức và tiếp cận các sản phẩm, hương vị và ý tưởng Italia ở nhiều lĩnh vực khác nhau.

Năm 2023, kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam-Italia, Casa Italia đã tham gia tổ chức chuỗi các sự kiện văn hóa đặc sắc như buổi hòa nhạc “From Italy with love” (tháng 2), triển lãm “Mọi thứ đều được chiếu sáng. Góc nhìn địa lý từ lịch sử đến đương đại” (tháng 3), triển lãm ảnh Sicily (tháng 8), Liên hoan Phim Italia 2023, Tuần lễ Ẩm thực Italia (tháng 11)...

1.3.8. Trung tâm Văn hóa Trung Quốc tại Hà Nội

Tháng 6/2013, Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về việc thành lập trung tâm văn hóa nước này tại nước kia đã được ký kết.

Theo đó, tôn chỉ của việc thành lập Trung tâm Văn hóa nhằm tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân hai nước, thúc đẩy phát triển quan hệ hữu nghị, tăng cường giao lưu hợp tác trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, khoa học, thể thao và giáo dục giữa hai nước.

Cụ thể, Trung tâm Văn hóa tuân thủ quy định pháp luật hiện hành, tôn trọng chủ quyền, lợi ích quốc gia của nước sở tại và không làm ảnh hưởng đến lợi ích nước thứ ba khi triển khai các hoạt động:

- Tổ chức các hoạt động văn hóa với hình thức đa dạng, phù hợp tôn chỉ của Trung tâm Văn hóa như: triển lãm, biểu diễn nghệ thuật, hội thảo, hội nghị, họp báo, trình chiếu phim điện ảnh và các sản phẩm nghe, nhìn khác;

- Tổ chức hoạt động giảng dạy tại trung tâm để quảng bá ngôn ngữ, văn hóa của nước đặt Trung tâm;

- Mở các thư viện, phòng đọc, phòng chiếu phim và không gian truyền thông đa phương tiện tại Trung tâm Văn hóa để giới thiệu tới công chúng nước sở tại các thông tin về sách, báo, tạp chí, ấn phẩm khác và tài liệu nghe nhìn của nước đặt Trung tâm;

- Tuyên truyền về các hoạt động của Trung tâm Văn hóa, giới thiệu với công chúng nước sở tại về lịch sử đất nước, hiện trạng phát triển cũng như văn hóa, nghệ thuật, giáo dục, khoa học và đời sống xã hội của nước đặt Trung tâm Văn hóa;

- Xúc tiến các hoạt động giao lưu, trao đổi và hợp tác phát triển trong các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, khoa học, thể thao, giáo dục giữa hai nước.

Ngày 12 tháng 11 năm 2017, Tổng Bí thư Ban Chấp hành trung ương Đảng Cộng Sản Trung Quốc, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình cùng với Chủ tịch quốc hội Việt Nam Nguyễn Thị Kim Ngân đã đến dự lễ cắt băng khánh thành Trung tâm văn hóa Trung Quốc tại Hà Nội.

Thời gian vừa qua, Trung tâm Văn hóa Trung Quốc tại Việt Nam đã tổ chức một số chương trình, hoạt động giới thiệu về văn hóa, ngôn ngữ Trung Quốc như: Chương trình Trung vui Tết Nguyên Đán, sự kiện Chào Xuân... Trong thời gian Việt Nam chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid 19, Trung tâm Văn hóa Trung Quốc tại Việt Nam đã tổ chức một số hoạt động trực tuyến như: Tuần Văn hóa Du lịch Trung Quốc, Tuần Văn hóa “Chung một vầng trăng-Tết Trung thu”...

1.3.9. Trung tâm Văn hóa Swami Vivekananda (Ấn Độ)

Đại sứ quán Ấn Độ tại Hà Nội mở Trung tâm Văn hóa Swami Vivekananda (SVCC) dưới sự bảo trợ của Hội đồng Quan hệ Văn hóa Ấn Độ từ tháng 9 năm 2016 và khánh thành vào ngày 20 tháng 4 năm 2017.

SVCC thúc đẩy và nuôi dưỡng mối quan hệ văn hóa hữu nghị giữa Ấn Độ và Việt Nam bằng cách tăng cường hiểu biết thông qua việc tổ chức các chương trình văn hóa, tọa đàm, triển lãm ảnh, chiếu phim, diễn thuyết, hội thảo về nhiều lĩnh vực như Yoga, múa, nghệ thuật và triết học Ấn Độ, ngôn ngữ Hindi và tiếng Phạn, y học cổ truyền, di sản chung về Phật giáo và Chăm-pa với Việt Nam,... Trung tâm cũng hợp tác với nhiều cơ quan và tổ chức khác nhau ở Việt Nam liên quan đến nghiên cứu Ấn Độ, các trường Đại học, Thư viện Quốc gia Việt Nam và các hội hữu nghị khu vực/quốc gia.

Thư viện của Trung tâm có một tuyển tập hơn 2.500 cuốn sách, tạp chí, đĩa CD và DVD về các khía cạnh khác nhau của lịch sử, nghệ thuật, văn hóa, thiên nhiên,

du lịch và các vấn đề quốc tế của Ấn Độ. Tuyển tập tư liệu cốt lõi bao gồm các đầu sách về những danh nhân nổi tiếng của Ấn Độ như Guru Nanak, Sant Tukaram, Mahatma Gandhi, Rabindranath Tagore, Kuvempu và Suryakanth Tripathi Nirala. Các chủ đề rất đa dạng như Phật giáo, nghệ thuật, biểu tượng, văn hóa, lịch sử, triết học, Phật pháp, văn học, thể thao, phim ảnh, chính trị và chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Thư viện cũng có tủ sách dành riêng cho trẻ em, trưng bày sách thuộc tuyển tập Amar Chitra Katha về câu chuyện của các anh hùng Ấn Độ thời cổ đại và hiện đại. Sách trong thư viện chủ yếu được xuất bản bằng ba ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Hindi và tiếng Việt.

SVCC cũng tổ chức các sự kiện văn hóa về các khía cạnh khác nhau của văn hóa và lịch sử Ấn Độ bao gồm nghệ thuật, khiêu vũ, văn học, lễ hội, các danh nhân quốc gia... Việc quảng bá Yoga cũng là một phần quan trọng trong các hoạt động của SVCC, trong đó có việc tổ chức các sự kiện để kỷ niệm Ngày Quốc tế Yoga hằng năm. SVCC cũng tập trung vào việc làm nổi bật mối liên hệ lịch sử, văn hóa và văn minh giữa Ấn Độ và Việt Nam. Công tác trùng tu và bảo tồn các quần thể đền thờ Champa đã được Chính phủ Ấn Độ tiến hành tại Di sản Thế giới được UNESCO công nhận - Khu Thánh địa Mỹ Sơn. Bảo tàng Điêu khắc Chăm Đà Nẵng cũng lưu giữ nhiều hiện vật thể hiện mối liên hệ văn hóa của Ấn Độ tại Việt Nam.

Hỗ trợ các liên kết Phật giáo Ấn Độ - Việt Nam là một lĩnh vực công việc khác của SVCC. Về vấn đề này, SVCC chủ động phối hợp với Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Học viện Phật giáo Việt Nam và các tổ chức quan trọng khác để bảo tồn và thúc đẩy mối quan hệ Phật giáo giữa hai nước. SVCC cũng phối hợp với các tổ chức Phật giáo tại Việt Nam để tổ chức các lễ hội quan trọng như Lễ Phật đản (Vesak) và Asadha Poornima. Để tăng cường hiểu biết về những mối liên kết này đối với thế hệ trẻ và các quan khách khác, SVCC cũng đã ra mắt một hệ thống thông tin điện tử tương tác trong khuôn viên Trung tâm để giới thiệu di sản Phật giáo chung của hai nước.

Trong các năm 2022-2023, Trung tâm SVCC đã mở rộng, tổ chức hàng loạt các sự kiện văn hóa Ấn Độ tại các địa phương của Việt Nam để giới thiệu về các lĩnh vực như yoga, nghệ thuật múa, điện ảnh... Đặc biệt, năm 2023, hưởng ứng Ngày Quốc tế Yoga lần thứ 9, Ban tổ chức Ngày Quốc tế Yoga tại hơn 35 tỉnh, thành Việt Nam, bao gồm các địa điểm nổi bật như đỉnh Fansipan (Sa Pa, Lào Cai), hồ Hoàn Kiếm (Hà Nội) và các địa điểm khác trên cả nước, với hơn 10.000 người dự. Đồng thời, các sự kiện Liên hoan Phim Ấn Độ và quảng bá điện ảnh Bollywood đã được tổ chức rộng rãi tại Việt Nam.

2. Kiến nghị

2.1. Hoạt động của các trung tâm văn hóa nước ngoài tại Việt Nam chịu sự quản lý của nhiều cơ quan khác nhau, vì vậy công tác phối hợp quản lý cần có sự phối hợp, đảm bảo chặt chẽ và hiệu quả hơn.

Ví dụ: Viện Goethe Hà Nội (CHLB Đức) chịu sự quản lý chính của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và về các hoạt động chuyên môn về văn hóa - nghệ thuật. Hoạt động về giáo dục cần sự quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo, việc tuyển dụng người lao động làm việc cần sự quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, hoạt

động phát sinh lợi nhuận cần có sự quản lý về thuế của Bộ Tài chính... Đồng thời, theo quy định tại Nghị định số 89/2023/NĐ-CP ngày 12/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh và Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam, hoạt động của chi nhánh các cơ sở văn hóa nước ngoài của Việt Nam tại địa phương cần có sự quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Ngoài ra, theo Nghị định số 89/2023/NĐ-CP ngày 12/12/2023 của Chính phủ, việc quản lý các chi nhánh trung tâm văn hóa nước ngoài tại Việt Nam sẽ phân cấp cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố.

2.2. Về cơ sở pháp lý, Chính phủ đã ban hành: Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20/9/2018 của Chính phủ quy định về thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam; Nghị định số 89/2023/NĐ-CP ngày 12/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về hoạt động nhiếp ảnh và Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về thành lập và hoạt động của cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam. Đồng thời, một số trung tâm văn hóa thành lập và hoạt động theo hiệp định song phương giữa Việt Nam và nước thành lập trung tâm, đa phần là các điều ước quốc tế có tính chất tương hỗ, tạo điều kiện cho việc thành lập trung tâm văn hóa của nước này tại nước kia.

Trong thời gian sắp tới, đây tiếp tục là những cơ sở pháp lý quan trọng cho việc quản lý hoạt động trung tâm văn hóa nước ngoài tại Việt Nam nói riêng, cũng như quá trình nghiên cứu, chuẩn bị thành lập trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài nói chung.

3. Như đã đề cập ở trên, việc thành lập trung tâm văn hóa tại nước ngoài đã trở thành một xu hướng quan trọng đối với các nước trên thế giới, thông qua đó đẩy mạnh quảng bá hình ảnh quốc gia, văn hóa, du lịch, tạo ảnh hưởng với các quốc gia khác thông qua “sức mạnh mềm”, góp phần nâng cao vị thế, uy tín, ảnh hưởng của quốc gia trên trường quốc tế.

Đặc biệt, “Làn sóng Hàn Quốc” (hay “Trào lưu Hàn Quốc”) là một thuật ngữ được dịch từ tiếng Hàn là Hallyu, có nghĩa là “sự thịnh hành những giá trị Hàn Quốc” ở nước ngoài, xuất phát từ chính sách thúc đẩy xuất khẩu văn hóa của Chính phủ Hàn Quốc, với vai trò quan trọng của các trung tâm văn hóa Hàn Quốc ở nước ngoài. Đây là “chiến dịch” quảng bá hình ảnh Hàn Quốc mang lại hiệu quả cao, thông qua điện ảnh, nhạc K-Pop và thời trang. Khi “Làn sóng Hàn Quốc” gây “sốt” thì đây cũng là lúc hình ảnh Hàn Quốc đối với thế giới hấp dẫn hơn bao giờ hết. Điều này dẫn đến hệ quả: Hàng hóa tiêu dùng, máy móc, phương tiện giao thông, vận tải và sản phẩm văn hóa Hàn Quốc được các nước tiêu thụ mạnh; số doanh nghiệp Hàn Quốc trúng thầu ở nước ngoài tăng lên. Nguồn lợi ích mà Hàn Quốc thu được từ nước ngoài không ngừng tăng. Nguồn lợi đó giúp cho Hàn Quốc cải thiện rất nhanh thứ hạng của mình trong nền kinh tế thế giới, lên vị trí thứ 10 toàn cầu hiện nay.

Trong khi đó, Việt Nam mới có 02 trung tâm văn hóa nước ngoài tại Pháp (*thành lập năm 2008*), Lào (*thành lập năm 1995*), chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của công tác văn hóa đối ngoại và quảng bá, giới thiệu hình ảnh, vị thế đất nước trong tình hình mới. Việc thành lập mới các trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài, gắn với bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ về văn hóa và văn hóa đối ngoại đã được đề cập tại một số chủ trương, chính sách quan trọng về văn hóa và văn hóa đối ngoại như Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014, Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, Kết luận số 12-KL/TW, ngày 12/8/2021 của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới, Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 (ban hành theo Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ), Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 10/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh triển khai Chiến lược văn hóa đối ngoại của Việt Nam...

Trên cơ sở kinh nghiệm quốc tế, nhận thức sự cần thiết, tính cấp bách của việc thành lập các trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài, trong khuôn khổ Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa chuẩn bị trình Quốc hội và cấp có thẩm quyền, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kiến nghị thành lập một số trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài, trong đó ưu tiên các địa bàn trọng điểm: Nga, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản..., gắn với việc nâng cao chất lượng cán bộ và hiệu quả hoạt động của các Trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài./.

CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG Ở THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO - THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ

**Cục Quản lý công sản
Bộ Tài Chính**

Theo cách hiểu chung nhất, thiết chế văn hóa, thể thao là một tổ chức (có thể là cơ quan, đơn vị hay tụ điểm) được lập ra để đáp ứng nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo văn hóa, thể thao của người dân trong một cộng đồng dân cư nhất định; tổ chức này cần hội đủ các yếu tố: cơ sở vật chất - trang thiết bị - kinh phí; bộ máy tổ chức - nhân sự và quy chế - nội dung hoạt động. Tài sản công ở thiết chế văn hóa, thể thao (cơ sở vật chất) là một bộ phận cấu thành không thể thiếu của thiết chế văn hóa, thể thao. Việc đầu tư, quản lý, khai thác đối với tài sản công sẽ có tác động đến hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao.

1. Thực trạng chính sách quản lý, sử dụng tài sản công ở thiết chế văn hóa, thể thao

Theo khái niệm nêu trên thì thiết chế văn hóa, thể thao có các mô hình tổ chức bộ máy khác nhau, có thiết chế được tổ chức dưới hình thức là cơ quan Nhà nước, có thiết chế được tổ chức dưới hình thức đơn vị sự nghiệp, có thiết chế được tổ chức dưới hình thức tổ chức chính trị - xã hội, có thiết chế do cộng đồng dân cư quản lý. Do vậy, việc quản lý, sử dụng các tài sản công tại các thiết chế văn hóa, thể thao vừa mang đặc điểm của tài sản công phục vụ công tác quản lý, cung cấp dịch vụ công của cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức đoàn thể. Đồng thời, các thiết chế văn hóa, thể thao có đối tượng phục vụ mang tính chất công cộng (cộng đồng dân cư) nên tài sản công tại các thiết chế văn hóa, thể thao cũng mang tính chất của tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích công cộng, lợi ích quốc gia. Do vậy, theo pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thì việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các thiết chế văn hóa, thể thao được áp dụng theo chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị (cơ quan Nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp...) hoặc chế độ quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích công cộng, lợi ích quốc gia.

1.1. Chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

1.1.1. Nguyên tắc chung

Việc quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị phải tuân thủ các nguyên tắc sau: (1) Mọi tài sản công đều phải được Nhà nước giao quyền quản lý, quyền sử dụng và các hình thức trao quyền khác cho cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định của pháp luật; (2) Tài sản công do Nhà nước đầu tư phải được quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, được thống kê, kế toán đầy đủ về hiện vật và giá trị, những tài sản có nguy cơ chịu rủi ro cao do thiên tai, hỏa hoạn và nguyên nhân bất khả kháng khác được quản lý rủi ro về tài chính thông qua bảo hiểm hoặc công cụ khác theo quy định của pháp luật; (3) Tài sản công phục vụ công

tác quản lý, cung cấp dịch vụ công, bảo đảm quốc phòng, an ninh của cơ quan, tổ chức, đơn vị phải được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, công năng, đối tượng, tiêu chuẩn, định mức, chế độ theo quy định của pháp luật; (4) Việc khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công phải tuân theo cơ chế thị trường, có hiệu quả, công khai, minh bạch, đúng pháp luật; (5) Việc quản lý, sử dụng tài sản công phải được thực hiện công khai, minh bạch, bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng; (6) Việc quản lý, sử dụng tài sản công được giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

1.1.2. Về quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có các quyền sau đây: (i) Sử dụng tài sản công phục vụ hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao; (ii) Thực hiện các biện pháp bảo vệ, khai thác và sử dụng hiệu quả tài sản công được giao theo chế độ quy định; (iii) Được Nhà nước bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp; (iv) Khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật; (v) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có các nghĩa vụ sau đây: (i) Bảo vệ, sử dụng tài sản công đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ; bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm; (ii) Lập, quản lý hồ sơ tài sản công, kế toán, kiểm kê, đánh giá lại tài sản công theo quy định của pháp luật; (iii) Báo cáo và công khai tài sản công theo quy định của pháp luật; (iv) Thực hiện nghĩa vụ tài chính trong sử dụng tài sản công theo quy định của pháp luật; (v) Giao lại tài sản công cho Nhà nước khi có quyết định thu hồi của cơ quan, người có thẩm quyền; (vi) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; giám sát của cộng đồng, cán bộ, công chức, viên chức và Ban Thanh tra nhân dân trong quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật; (vii) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

1.1.3. Về việc hình thành tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

Theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, nguồn hình thành tài sản công tại cơ quan Nhà nước gồm: Tài sản bằng hiện vật do Nhà nước giao; tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách Nhà nước, nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, đối với các đơn vị sự nghiệp công lập còn có các tài sản được hình thành từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ khấu hao tài sản, nguồn vốn vay, vốn huy động, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Việc hình thành tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị phải bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; phù hợp với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công được cơ quan, người có thẩm quyền ban hành; phù hợp với nguồn tài sản và nguồn kinh phí được phép sử dụng; tuân thủ phương thức, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; công khai, minh bạch và đúng chế độ quy định.

1.1.4. Về việc sử dụng, khai thác tài sản công

Việc sử dụng, khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị có sự khác nhau giữa các loại hình:

- Đối với cơ quan Nhà nước: Được sử dụng tài sản công phục vụ hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao; được sử dụng hội trường chưa sử dụng hết công suất cho cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng chung theo đúng công năng của tài sản, bảo đảm an toàn, an ninh và được thu một khoản kinh phí để bù đắp chi phí trực tiếp liên quan đến vận hành tài sản trong thời gian sử dụng theo quy định; không được sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập: Được sử dụng tài sản công phục vụ hoạt động, vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Đối với các tổ chức: Tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định áp dụng đối với cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội được sử dụng tài sản công phục vụ hoạt động, vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo chức năng, nhiệm vụ được giao trong trường hợp chưa sử dụng hết công suất.

1.1.5. Về việc xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

Theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được xử lý theo các hình thức gồm: Thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại, xử lý tài sản công trong trường hợp chuyển đổi mô hình hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

1.2. Chế độ quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng

1.2.1. Theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

Tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý phải được giao cho đối tượng quản lý gồm: Cơ quan Nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp và các đối tượng khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

1.2.2. Về quyền và nghĩa vụ của đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng

- Đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng có các quyền sau đây: (i) Quyết định biện pháp bảo vệ, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng được giao quản lý theo quy định của pháp luật; (ii) Được Nhà nước bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp; (iii) Khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật; (iv) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

- Đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng có các nghĩa vụ sau đây: (i) Lập, quản lý hồ sơ; hạch toán tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật;

(ii) Thực hiện chế độ báo cáo và công khai về tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật; (iii) Thực hiện biện pháp duy trì, phát triển, bảo vệ tài sản kết cấu hạ tầng theo chế độ quy định; (iv) Thực hiện nghĩa vụ tài chính trong khai thác tài sản kết cấu hạ tầng theo quy định của pháp luật; (v) Bàn giao lại tài sản kết cấu hạ tầng khi Nhà nước có quyết định thu hồi; (vi) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

1.2.3. Về việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng

Việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng được thực hiện theo các phương thức gồm: (i) Đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng trực tiếp tổ chức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng; (ii) Chuyển nhượng quyền thu phí sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng; (iii) Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng; (iv) Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng; (v) Phương thức khác theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, yêu cầu quản lý, khả năng khai thác tài sản kết cấu hạ tầng và phương thức quy định nêu trên, đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng chủ động lập hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên lập đề án khai thác tài sản trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt. Căn cứ đề án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

1.2.4. Về việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng

Tài sản kết cấu hạ tầng đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả; có sự thay đổi về quy hoạch, phân cấp quản lý; tài sản bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không có hiệu quả... thì được xử lý. Các hình thức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng gồm: Thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại và hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Đánh giá

2.1. Kết quả đạt được

- Đã có chính sách để điều chỉnh việc hình thành, sử dụng, khai thác và xử lý đối với tài sản công ở thiết chế văn hóa, thể thao, tạo cơ sở pháp lý cho việc đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, sửa chữa, bảo trì, khai thác, xử lý tài sản công ở các thiết chế văn hóa, thể thao; xác định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị và người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong quản lý, sử dụng tài sản công tại các thiết chế văn hóa, thể thao.

- Quá trình tổ chức thực hiện, trong các năm vừa qua, Nhà nước đã dành nguồn lực để thực hiện đầu tư, bố trí, sắp xếp các cơ sở nhà, đất, máy móc thiết bị cho các thiết chế văn hóa, thể thao để quản lý, sử dụng; vì vậy, hệ thống cơ sở vật chất của các thiết chế văn hóa, thể thao ngày càng đầy đủ, đồng bộ, đặc biệt là khi Nhà nước triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030. Theo Niên giám thống kê ngành văn hóa, thể thao và du lịch, tính đến ngày 31/12/2021, cả nước có 66 Trung tâm văn hóa cấp tỉnh, 704 Trung tâm văn hóa cấp huyện, 10.576 Trung tâm văn hóa cấp xã và 77.408 Trung tâm văn hóa cấp thôn.

2.2. Hạn chế, vướng mắc

- Còn thiếu cơ sở pháp lý để điều chỉnh một cách đầy đủ, toàn diện việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các thiết chế văn hóa, thể thao; một số quy định về quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị khi áp dụng để quản lý tài sản công tại các thiết chế văn hóa, thể thao không còn phù hợp, đặc biệt là các thiết chế văn hóa, thể thao cấp cơ sở.

- Việc khai thác đối với các tài sản tại các thiết chế văn hóa, thể thao còn chưa thực sự hiệu quả, đặc biệt là các nhà văn hóa cấp xã, cấp thôn.

- Việc sắp xếp, xử lý đối với nhà, đất tại các thiết chế văn hóa, thể thao ở các địa bàn sắp xếp lại đơn vị hành chính còn chậm.

2.3. Nguyên nhân của hạn chế

- Chưa có quy định chi tiết của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng là thiết chế văn hóa, thể thao.

- Chưa có sự thống nhất về nhận thức pháp luật trong việc đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng tài sản công để cung cấp dịch vụ công theo chức năng nhiệm vụ do Nhà nước giao và trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết phải lập Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

- Công tác đánh giá, kiểm tra, giám sát hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao chưa được thường xuyên, đầy đủ, kịp thời. Mặc dù, thời gian gần đây công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát đối với tài sản công từng bước được chú trọng, tuy nhiên chưa được thường xuyên, liên tục nên việc phát hiện các sai phạm trong quản lý, sử dụng tài sản công còn chưa kịp thời để chấn chỉnh.

3. Giải pháp hoàn thiện chính sách quản lý, sử dụng tài sản công ở thiết chế văn hóa, thể thao

Một là, phải có quy định chi tiết của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng là thiết chế văn hóa, thể thao để tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, phù hợp cho việc quản lý, sử dụng và khai thác đối với nhóm tài sản này.

Liên quan đến nội dung này, tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Quốc hội đã giao Chính phủ quy định chi tiết chế độ quản lý, sử dụng và khai thác đối với từng loại tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng. Triển khai Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 10/12/2019 về đẩy mạnh triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật, Chỉ thị số 09/CT-TTg ngày 28/3/2023 về tăng cường công tác quản lý tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến các loại tài sản kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ để báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế về chế độ quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu

hạ tầng cho phù hợp với quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (cụ thể đối với hạ tầng văn hóa, thể thao thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch).

Vì vậy, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cần khẩn trương hoàn thành việc rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành liên quan đến quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng văn hóa, thể thao; nội dung nghị định phải điều chỉnh các nội dung: Giao, đầu tư xây dựng, mua sắm, bảo trì, quản lý vận hành, khai thác, xử lý tài sản...

Hai là, sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để phân định rõ các trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng tài sản công để cung cấp dịch vụ công theo chức năng nhiệm vụ do Nhà nước giao và trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết phải lập Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017. Đồng thời quy định cụ thể trong thời gian Chính phủ chưa ban hành quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng là thiết chế văn hóa, thể thao do cấp xã quản lý và pháp luật chuyên ngành không có quy định về việc quản lý, sử dụng, khai thác thì cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý tài sản thực hiện quản lý, sử dụng, khai thác tài sản theo quy định về quản lý, sử dụng, khai thác tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập (đối với nội dung này, Bộ Tài chính đã hoàn tất quy trình soạn thảo và trình Chính phủ tại Tờ trình số 182/TTTr-BTC ngày 17/8/2023 về dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ).

Ba là, rà soát để ban hành các quy định hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ và đối tượng phục vụ của các thiết chế văn hóa, thể thao để xác định cụ thể các thiết chế văn hóa, thể thao có nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ nào, cho đối tượng nào và xác định hoạt động nào là khai thác, sử dụng tài sản để phục vụ nhiệm vụ chính trị được giao, hoạt động nào là khai thác, sử dụng vào mục đích có tính chất kinh doanh, dịch vụ. Đồng thời, có quy định cụ thể về công năng sử dụng, kiến trúc, lựa chọn địa điểm để phù hợp với văn hóa, truyền thống vùng miền, thói quen, sở thích của cộng đồng dân cư, tạo thuận lợi cho việc tham gia các sinh hoạt của người dân tại các thiết chế văn hóa, thể thao.

Bốn là, xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả sử dụng, khai thác tài sản công ở thiết chế văn hóa, thể thao làm cơ sở cho việc quyết định đầu tư, quản lý, xử lý đối với tài sản tại các thiết chế văn hóa, thể thao, trong đó chú trọng tiêu chí về tần suất khai thác, sử dụng, số lượng đối tượng được phục vụ, chất lượng dịch vụ cung cấp.

Năm là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, giám sát đối với tài sản công nói chung và tài sản công ở thiết chế văn hóa, thể thao nói riêng để kịp thời phát hiện các sai phạm trong quản lý, sử dụng tài sản, tránh xảy ra trường hợp các vi phạm kéo dài dẫn đến việc khắc phục và xử lý các hậu quả khó khăn, phức tạp./.

GIẢI PHÁP VỀ CHÍNH SÁCH NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA RẠP XIẾC

Liên đoàn Xiếc Việt Nam

Liên đoàn Xiếc Việt Nam là đơn vị sự nghiệp văn hóa có thu, trực thuộc Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch (Bộ VH,TT&DL), hoạt động trong lĩnh vực biểu diễn nghệ thuật Xiếc, là đơn vị hoạt động theo cơ chế tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

1. Quá trình hình thành, phát triển

Liên đoàn Xiếc Việt Nam được thành lập từ ngày 16/01/1956, Trải qua 67 năm trưởng thành và phát triển từ một Đội Xiếc đến Đoàn Xiếc nhân dân Trung ương. Năm 1978 Đoàn Xiếc nhân dân Trung ương được đổi tên thành Liên đoàn Xiếc Việt Nam.

Sự phát triển của nghệ thuật Xiếc Việt Nam luôn gắn liền với sự phát triển của đất nước trong chiến đấu cũng như trong lao động. Trong từng giai đoạn, nghệ thuật Xiếc Việt Nam đã luôn đóng góp một phần không nhỏ trong lĩnh vực tư tưởng văn hóa của đất nước, động viên chiến sĩ, đồng bào ở mọi lúc, mọi nơi. Sau thời gian bao cấp, bước vào thời kỳ hội nhập quốc tế, văn hóa nghệ thuật không chỉ được coi là lĩnh vực tư tưởng, chính trị mà còn là một sản phẩm kinh tế. Liên đoàn Xiếc Việt Nam đang vận động trong cơ chế thị trường và đứng trước những khó khăn, thách thức mới, phải năng động hơn, phải tự thay đổi để thích ứng với thời cuộc. Sự thay đổi về thẩm mỹ, cách thức thưởng thức nghệ thuật Xiếc của khán giả đang đặt ra những câu hỏi lớn cho Liên đoàn Xiếc hơn nửa thế kỷ hình thành và phát triển. Tiếp thu nghệ thuật truyền thống và kinh nghiệm của các nước trên thế giới, Liên đoàn đã có những bước phát triển đáng tự hào. Tuy nhiên, khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới và hội nhập, đời sống vật chất cũng như con người Việt Nam đã có nhiều thay đổi dẫn đến những yêu cầu mới đối với nghệ thuật Xiếc. Thu nhập của cán bộ, viên chức và các diễn viên...trong ngành còn thấp, ít người muốn cho con em mình theo nghề. Để có thể hội nhập quốc tế, việc nâng cao kỹ năng chất lượng của các tiết mục, chương trình, vở diễn nhằm thỏa mãn nhu cầu thưởng thức nghệ thuật của khán giả là một việc làm hết sức cần thiết. Để làm được như vậy, Liên đoàn Xiếc Việt Nam cần được đầu tư về nghệ thuật đỉnh cao và các cơ sở vật chất.

Hòa nhập với cuộc sống hiện tại, phát huy giá trị truyền thống không ngừng học tập nghệ thuật Xiếc tiên tiến của thế giới, cán bộ, nghệ sĩ Liên đoàn Xiếc Việt Nam, bằng tài năng và lòng dũng cảm đã tỏa sáng trên vũ đài Xiếc với vẻ đẹp riêng, vẻ đẹp kỳ lạ mà người xem thán phục khi thưởng thức nghệ thuật Xiếc dù bất kỳ là tầng lớp khán giả nào. Phía trước con đường nghệ thuật Xiếc còn nhiều gian nan, vất vả và cả sự nguy hiểm nhưng với lòng yêu nghề, bằng tài năng, lòng quả cảm của cán bộ, nghệ sĩ Liên đoàn Xiếc Việt Nam đã trải qua. Với bề dày thành tích các nghệ sĩ Liên đoàn Xiếc Việt Nam đã tham gia các kỳ liên hoan Xiếc trong nước và quốc tế đem về hơn 200 huy chương vàng, bạc, đồng, được Nhà nước phong tặng

danh hiệu 08 nghệ sĩ nhân dân, 34 nghệ sĩ ưu tú và Huân chương độc lập Hạng I, II, III; Huân chương lao động hạng I, II, III; Cờ thi đua Chính Phủ và được Bộ, các địa phương... tặng thưởng nhiều Bằng khen, Giấy khen cho đơn vị.

Địa điểm trụ sở chính: Số 67- 69 Trần Nhân Tông, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

2. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; tổ chức bộ máy; số lượng, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động toàn đơn vị

- Chức năng biểu diễn nghệ thuật Xiếc, tạp kỹ tổng hợp; sưu tầm, nghiên cứu thể nghiệm và phát triển nghệ thuật Xiếc Việt Nam.

- Trình Bộ trưởng Bộ VH TT & DL quy hoạch phát triển, kế hoạch hoạt động lâu dài và hằng năm của Liên đoàn Xiếc Việt Nam và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

- Xây dựng các chương trình, tiết mục Xiếc, tạp kỹ đảm bảo tính dân tộc và hiện đại theo định hướng nghệ thuật của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tổ chức biểu diễn phục khán giả trong nước và ngoài nước nhằm nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần và thẩm mỹ người xem.

- Sưu tầm, nghiên cứu xu hướng phát triển, sáng tạo thể nghiệm, phát huy những giá trị nghệ thuật đặc sắc của Việt Nam và Thế giới. Tổng kết kinh nghiệm, nâng cao chất lượng nghệ thuật trong sáng tác, biểu diễn, tiếp thu tinh hoa nghệ thuật Xiếc của Thế giới và bảo tồn phát triển nghệ thuật Xiếc Việt Nam.

- Biểu diễn phục vụ chính trị; giao lưu, hợp tác với các đoàn nghệ thuật nước ngoài theo sự chỉ đạo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Liên kết, phối hợp tổ chức biểu diễn với các đơn vị trong và ngoài nước để thực hiện các chương trình biểu diễn Xiếc, chương trình nghệ thuật lớn phục vụ khán giả trong và ngoài nước.

- Tổ chức và phối hợp tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho diễn viên, viên chức Liên đoàn.

- Tổ chức các hoạt động dịch vụ có thu phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Liên đoàn và theo quy định của pháp luật.

- Xác định vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, nhân sự; thực hiện các chế độ chính sách đối với diễn viên, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của Liên đoàn theo quy định của Nhà nước và phân cấp quản lý của Bộ.

- Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được giao và các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.

*** Về cơ cấu tổ chức và nguồn nhân lực (tính đến 31/12/2023):**

Về cơ cấu tổ chức:

Ban Giám đốc: 03 đồng chí (Giám đốc và 02 Phó Giám đốc)**Các phòng chuyên môn nghiệp vụ và tổ chức tương đương:**

Có 07 đơn vị trực thuộc:

- Phòng Hành chính Tổng hợp
- Phòng Tổ chức biểu diễn
- Phòng Nghệ thuật

Ban Quản lý Rạp Xiếc:

- Đoàn nghệ thuật Xiếc Dân gian
- Đoàn nghệ thuật Xiếc Đương đại
- Đoàn Nuôi dạy thú

Về nhân lực:

Biên chế và Hợp đồng lao động (tính đến 31/12/2023): 156 người

Trong đó:

- Tổng biên chế được Bộ giao năm 2023: 127 người
- + Biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo là: 113 người
- + Hợp đồng theo Nghị định 68 cũ: 13 người
- + Hợp đồng ngắn hạn: 30 người

Hiện nay, Liên đoàn Xiếc Việt Nam có 113 biên chế được bố trí làm việc tại các đơn vị trực thuộc các Phòng, Ban, Đoàn biểu diễn (còn thiếu 14 chỉ tiêu so với số lượng biên chế được giao).

Về cơ cấu, chất lượng viên chức, gồm:

- Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:
 - + Thạc sĩ: 07 người (chiếm 5%);
 - + Đại học: 43 người (chiếm 26%);
 - + Cao đẳng: 04 người (chiếm 3%);
 - + Trung cấp: 71 người (chiếm 55%)
- Về hạng chức danh nghề nghiệp:
 - + Hạng I và tương đương: 0 người (chiếm 0%);
 - + Hạng II và tương đương: 02 người (chiếm 2%);
 - + Hạng III và tương đương: 23 người (chiếm 20 %);
 - + Hạng IV và tương đương: 89 người (chiếm 78%).
- Về giới tính, độ tuổi:
 - + Dưới 30: 20 người (nam 6 người, nữ 14 người) chiếm 16%;

- + Từ 31 đến 40: 52 người (nam 28 người, nữ 24 người) chiếm 41%;
- + Từ 41 đến 50: 45 người (nam 33 người, nữ 12 người) chiếm 35%;
- + Từ 51 đến 55: 05 người (nam 04 người, nữ 01 người) chiếm 4%;
- + Từ 56 đến 60: 06 người chiếm 4%.
- Về số lượng đảng viên: 45 đảng viên chiếm 36,2%.

3. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ cộng đồng

+ **Rạp Xiếc Trung ương:** Có quy mô 1.280 chỗ ngồi, là nơi tổ chức hoạt động biểu diễn nghệ thuật chính của đơn vị, và nơi tổ chức các sự kiện văn hóa, chính trị, các kỳ Liên hoan Xiếc toàn quốc và Liên hoan Xiếc Quốc tế; Rạp được xây dựng và hoàn thành vào cuối năm 1991, qua 30 năm sử dụng tuy đã được Bộ đầu tư chỉnh trang nội thất và lắp đặt bổ sung các trang thiết bị âm thanh, ánh sáng phục vụ biểu diễn. Tuy nhiên một số hạng mục trong Rạp không còn đáp ứng yêu cầu về chuyên môn và sự phát triển chung.

+ Khu phụ trợ biểu diễn: Có vị trí sát với Rạp Xiếc Trung ương, được Bộ VH TT & DL phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Khu phụ trợ biểu diễn của Liên đoàn Xiếc Việt Nam giai đoạn 1 bắt đầu khởi công từ 01/8/2020 và hiện tại đang bước vào giai đoạn 2 của dự án. Diện tích sử dụng khoảng: 1.296m², với quy mô: 05 tầng nổi và 01 tầng hầm, phòng biểu diễn đa chức năng sức chứa khoảng 300 chỗ ngồi. Mục tiêu đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp khu phụ trợ biểu diễn của Liên đoàn Xiếc Việt Nam đồng bộ hệ thống trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật, sân vườn, các khu chức năng... nhằm đáp ứng yêu cầu biểu diễn nghệ thuật xiếc phục vụ khán giả trong và ngoài nước.

Rạp Xiếc Trung ương là nơi tổ chức hoạt động biểu diễn các chương trình Xiếc của Liên đoàn phục vụ đông đảo thanh thiếu niên và nhi đồng.

Mặc dù, một số thiết chế văn hóa, thể thao thiết yếu của đơn vị đã được Bộ VH TT & DL phê duyệt và cấp kinh phí đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo nhưng đến thời điểm hiện tại Liên đoàn vẫn còn thiếu một số thiết chế văn hóa, thể thao để tổ chức các hoạt động như: Trụ sở làm việc (Khu vực Khối Văn phòng) phục vụ cho cán bộ, viên chức làm việc được đầu tư xây dựng đã lâu, cơ sở vật chất xuống cấp, trang thiết bị máy móc làm việc chưa được đồng bộ nên ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu suất làm việc và khu vực Rạp Xiếc cũng đã được Bộ đầu tư nhưng chưa khai thác hết hiệu quả hoạt động của Rạp do các hạng mục chưa được cải tạo, nâng cấp đồng bộ và Khu vực phụ trợ biểu diễn chưa hoàn thành, ảnh hưởng không nhỏ đến việc phục vụ biểu diễn cho công chúng đến thưởng thức nghệ thuật.

4. Việc thực hiện cơ chế chính sách về tự chủ

- Đơn vị luôn thực hiện theo đúng quy định về cơ chế tự chủ tài chính và sử dụng, quản lý tài chính, tài sản, cơ sở vật chất.

- Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên. Từ năm 2015, Liên đoàn Xiếc Việt Nam cũng như một số đơn vị nghệ thuật khác của Bộ VH TT & DL. Áp dụng lộ trình đổi mới cơ chế hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị

quyết 40/NQ-CP theo nguyên tắc cắt giảm kinh phí tối thiểu 20% kinh phí chi thường xuyên sang đặt hàng sản phẩm nghệ thuật không thường xuyên. Từ năm 2016 đến năm 2019, Liên đoàn đã chủ động trong việc dàn dựng vở diễn, chương trình biểu diễn phục vụ công chúng, hoạt động biểu diễn ổn định, có nguồn thu nên đời sống của CBVC, diễn viên được bảo đảm. Tuy nhiên, từ năm 2020 đến hết quý 1 năm 2022, do ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19 kéo dài khiến đơn vị cũng như hầu hết các nhà hát đều rơi vào tình trạng hoạt động cầm chừng, không biểu diễn, không có doanh thu nên chưa thể đáp ứng được yêu cầu về tự chủ. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid -19, doanh thu giảm hơn 90% so với cùng kỳ các năm trước nên đời sống của CBVCNLĐ của đơn vị vô cùng khó khăn vì phụ thuộc chủ yếu vào tiền lương và bồi dưỡng từ biểu diễn. Năm 2022 đến nay, đơn vị đã bắt đầu hoạt động biểu diễn trở lại, Lãnh đạo Liên đoàn đã căn cứ vào tình hình thực tế, nỗ lực lãnh đạo và chỉ đạo kịp thời triển khai tốt công tác để đưa đơn vị vượt qua giai đoạn khó khăn, cả đơn vị đang phấn đấu vượt qua khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác được giao.

5. Về đặc thù nghề Xiếc và chế độ chính sách

- Đội ngũ diễn viên lớn tuổi (Nam 45 tuổi, Nữ 40 tuổi) sau một thời gian cống hiến không còn đủ sức khỏe vẫn đang hưởng lương. Cụ thể như sau:

Ở tuổi này gân cốt của các nghệ sĩ bắt đầu rã rời, tỷ lệ mắc bệnh xương khớp, cơ bắp, gân, dây chằng, loãng xương rất cao do trong thời gian dài các nghệ sĩ phải tập luyện và biểu diễn các tiết mục nhào lộn trên cao, đu dây trên không trung vốn rất nguy hiểm, với đu bay, đu quãng, nhào lộn trên sào, cầu bật...

+ Về Mắt: Do luôn phải tiếp xúc với ánh sáng cường độ cao trong không gian rạp xiếc, đặc biệt sự tập trung biểu diễn trong các thể loại thăng bằng, trò khéo và nhào lộn vì vậy ảnh hưởng rất nhiều đến thị lực của các nghệ sĩ sau này.

+ Về Xương khớp: Hầu hết các nghệ sĩ đều phải tập tuyện từ khi còn nhỏ tuổi và phải rèn luyện những kỹ năng mang tính khác thường mà người bình thường trong quá trình trưởng thành không luyện tới như: uốn dẻo, đu bay, nhào lộn, và trụ người, vật nặng hơn gấp nhiều lần trọng lượng của mình. Do đó đã ảnh hưởng rất nhiều cho xương khớp bị thoái hóa sớm hơn so với những người không hoạt động trong xiếc. Có trường hợp bị vôi hóa khi tuổi còn trẻ.

+ Về Tim mạch: Các trò diễn trong xiếc đều mang tính nghịch thường, luôn tạo cho khán giả sự tập trung và hồi hộp. Và để thực hiện thành công những kỹ năng đó người diễn viên phải tập trung cao độ, đặc biệt các thể loại trên cao mạo hiểm do đó đã tạo cho người diễn hồi hộp, lo lắng, cũng như cảm xúc thăng hoa ảnh hưởng rất nhiều tới nhịp tim. Hầu hết các diễn viên trên cao đều mắc bệnh tim mạch sau khi thôi biểu diễn.

+ Về hệ hô hấp: Đặc biệt đối với các nghệ sĩ biểu diễn, nuôi dạy thú. Do tiếp xúc với các loài thú hàng ngày, thời gian chăm sóc và tập luyện lâu, ảnh hưởng trực tiếp từ mùi mồ hôi, lông thú, chất thải cơ thể con thú cũng như những nguy hiểm của con thú. Đã có nhiều trường hợp mắc bệnh về hô hấp như ung thư phổi, ung thư vòm họng. Một số phải nghỉ, chuyên công tác.

- Đối với nữ diễn viên: Việc hoạt động trong nghề xiếc luôn chịu áp lực luyện tập và biểu diễn với cường độ cao. Do đặc thù của Xiếc có tính hoạt động tập thể (tiết mục đông người) do đó sự nỗ lực của các diễn viên nữ hoạt động duy trì đảm bảo hoàn thành công việc là rất lớn. Do ảnh hưởng của nghề biểu diễn từ lúc còn trẻ, ảnh hưởng rất nhiều đến sức khỏe khi lập gia đình và sau khi có con.

+ Tai nạn nghề nghiệp: Xiếc là nghề nguy hiểm, mặc dù đã có những quy định, đầu tư thiết bị đảm bảo an toàn phù hợp trong điều kiện cho phép, nhưng yếu tố tạo ra sự phi thường vẫn phụ thuộc vào con người (người biểu diễn). Do đó trong các thể loại tiết mục của Xiếc đều nguy hiểm dẫn đến tai nạn. Ảnh hưởng và để hậu quả về sau này cho các nghệ sĩ.

- Công tác tuyển dụng diễn viên xiếc tại đơn vị gặp rất nhiều khó khăn do những năm gần đây số lượng học sinh đăng ký học Xiếc rất ít, một phần cũng do chế độ lương còn hạn chế cộng thêm việc tập luyện rất vất vả và nguy hiểm.

- Chế độ chính sách (Tiền lương) đối với các nghệ sĩ còn rất thấp chưa tương xứng với mức độ nặng nhọc và nguy hiểm của nghề.

6. Giải pháp

Từ thực trạng nêu trên Liên đoàn Xiếc Việt Nam đề ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Liên đoàn nói chung cũng như Rạp Xiếc như sau:

Giải pháp chung:

- Khai thác toàn diện và triệt cơ sở vật chất tại Rạp Xiếc, tận dụng vị trí thuận lợi để tăng nguồn thu cho Liên đoàn.

- Xây dựng phương án nâng cấp Rạp Xiếc cho phù hợp yêu cầu phát triển hiện nay trình Bộ chủ quản.

- Tiếp nhận sự hỗ trợ của cơ quan chủ quản, Liên đoàn Xiếc lập chương trình mục tiêu cho mở rộng giao lưu hoạt động biểu diễn với quốc tế, nhằm tạo vị thế cũng như nguồn thu mới cho các hoạt động của Liên đoàn.

- Hoàn thiện công tác tổ chức và quản lý của Liên đoàn Xiếc Việt Nam, nâng cao hiệu quả hoạt động tại Rạp Xiếc và ở tất cả các khâu của đơn vị.

- Nâng cao chất lượng nghệ thuật của diễn viên biểu diễn, kịch bản, đạo diễn, trang thiết bị kỹ thuật, cơ sở vật chất, kết hợp với việc đầu tư quản lý của đơn vị, đảm bảo điều kiện đáp ứng nhu cầu mới của thị trường.

- Tìm hiểu nhu cầu và lên phương án đáp ứng nhu cầu thị hiếu của khán giả trong và ngoài nước. Đổi mới cả về nội dung và hình thức của chương trình, những chương trình khác nhau làm cho khán giả đến với Xiếc luôn tìm được những cái mới lạ, khán giả thích được khám phá tìm hiểu, đặc biệt là được diễn cùng diễn viên.

- Tạo môi trường để các hoạt động hỗ trợ lẫn nhau, bổ khuyết cho nhau hòa quyện với nhau thành một tổng thể có sự chỉ đạo tập trung mang tính chiến lược.

Giải pháp cụ thể:

- Lập mô hình dịch vụ và hoạt động văn hóa (Xiếc) bao gồm: Đáp ứng các

nhu cầu mới, có lịch hoạt động cho từng phần việc, từng dịch vụ cụ thể đặt trong sự điều hành tổng thể. Để thu hút khán giả đến Rạp Xiếc, trước hết Liên đoàn Xiếc Việt Nam phải là nơi có các hoạt động thực sự hấp dẫn, khán giả đến thưởng thức nghệ thuật có thể khám phá những điều mới lạ của nghệ thuật Xiếc dân gian và hiện đại nhưng rất quần chúng, đậm đà bản sắc dân tộc và mang tính quốc tế cao. Chính trang khuôn viên Rạp Xiếc tạo nhiều điểm nhấn ấn tượng và là điểm đến của người dân tại Hà Nội, các tỉnh thành trong nước và du khách Quốc tế. Chú trọng công tác truyền thông, quảng bá, xây dựng chiến lược phát triển khán giả. Tăng cường quảng cáo, quan hệ công chúng và khuyến mại nhằm mục tiêu kéo khán giả đến với Rạp Xiếc.

- Khảo sát, điều tra xã hội học, thống kê đánh giá chất lượng chuyên môn các thể loại tiết mục Xiếc người, Xiếc thú, chương trình Xiếc, vở Xiếc mới... Mục đích tìm hướng đi mới cho nghệ thuật Xiếc.

- Xây dựng đề cương phát triển chuyên môn Xiếc trong xu thế các loại hình nghệ thuật phát triển ngày càng cao, đáp ứng nhu cầu thưởng thức nghệ thuật của khán giả trong và ngoài nước. Bên cạnh đó chú trọng công tác đào tạo, tìm kiếm các nhân sự (diễn viên xiếc, biên đạo,...) cử đi học đại học chuyên ngành đạo diễn sân khấu, âm thanh ánh sáng, biên đạo, múa...), các lớp nâng cao về chuyên môn để nâng tầm cho các nghệ sỹ và phục vụ công tác phát triển chuyên môn cho những năm tiếp theo.

- Xây dựng các chương trình nghệ thuật có chủ đề liên quan đến hình ảnh các chiến sỹ gắn với các nhiệm vụ cụ thể như: Phòng không, pháo binh, công binh, biển đảo...trên cơ sở đó phối kết hợp với các đơn vị truyền hình quân đội vừa phục vụ biểu diễn chính trị cho cán bộ chiến sỹ, vừa đem lại nguồn thu cho Liên đoàn.

- Chú trọng xây dựng đội ngũ lãnh đạo, quản lý có tư tưởng chính trị vững vàng; phẩm chất đạo đức, lối sống trong sáng, gương mẫu; tư duy, khát vọng đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; năng lực, uy tín ngang tầm với nhiệm vụ mới, có cơ cấu, số lượng hợp lý, bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, ứng phó với tình huống khó khăn, phức tạp phát sinh và nhiệm vụ phát triển của Liên đoàn trong giai đoạn mới"... Quy hoạch đội ngũ kế cận để cử đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, trình độ chuyên môn.

- Xây dựng cơ chế giá vé, phương thức phù hợp để đáp ứng được nhiều đối tác khác nhau.

- Nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ và hiệu quả nguồn nhân lực, với mục tiêu nâng cao số lượng, chất lượng, cơ cấu, phẩm chất đạo đức chính trị và thái độ tinh thần phục vụ. Từ đó đề ra các giải pháp như: Xây dựng vị trí việc làm; Đổi mới tuyển dụng, bố trí, phân công công việc; Đổi mới đào tạo, bồi dưỡng; Đổi mới đánh giá, thi đua, khen thưởng; Đổi mới chế độ tiền lương.

- Liên kết với các tổ chức nghệ thuật trong và ngoài nước, xây dựng các chương trình nghệ thuật đặc sắc và đa dạng để đáp ứng nhu cầu thưởng thức nghệ thuật của đông đảo khán giả đến Rạp Xiếc./.

GIẢI PHÁP VỀ CHÍNH SÁCH NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA LÀNG VĂN HÓA - DU LỊCH CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam

1. Thông tin chung

Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ thành lập theo Quyết định số 142/1999/QĐ-TTg ngày 16/6/1999, hiện nay mô hình quản lý, tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ quy định tại Quyết định số 39/2014/QĐ-TTg ngày 15/7/2014. (là tổ chức trực thuộc Bộ Văn hóa thực hiện chức năng quản lý trực tiếp đối với Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam.

Mục tiêu xây dựng Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam theo Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 21/8/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt tổng thể Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam “*Xây dựng Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam thành một trung tâm hoạt động văn hóa mang tính quốc gia, tập trung tái hiện, gìn giữ, phát huy và khai thác các di sản văn hóa truyền thống của 54 dân tộc anh em, giới thiệu với nhân dân trong nước và khách quốc tế; đáp ứng các nhu cầu vui chơi giải trí lành mạnh, hoạt động thể thao, dưỡng sinh, văn nghệ. Thông qua các hoạt động văn hóa, nghệ thuật có nội dung, hình thức phong phú, năng động, đa dạng, hấp dẫn và đậm đà bản sắc dân tộc, tiến hành việc giáo dục tình yêu thiên nhiên, đất nước, con người, nâng cao dân trí và hoàn thiện con người theo hướng chân, thiện, mỹ... ”.*

Kế hoạch đầu tư phát triển Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 540/2008/QĐ-TTg ngày 12/5/2008 “*Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam là một mô hình khu kinh tế - văn hóa đặc thù, trong đó văn hóa vừa là động lực, vừa là mục tiêu*”.

Quy hoạch chung xây dựng Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 15/9/2010 và điều chỉnh cục bộ tại Quyết định số 52/QĐ-TTg ngày 11/01/2018, trong đó Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam có tổng diện tích dự án là 1.544 ha (bao gồm 606 ha mặt đất và 939 ha mặt nước), được chia thành 07 khu vực chức năng: 02 Khu vực được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước (Khu vực I - Khu B - Khu các làng dân tộc Việt Nam - 200,65 ha và Khu vực II - Khu G - Khu Quản lý điều hành Văn phòng - 78,5ha); 05 Khu vực thu hút đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước (Khu vực I - Khu A - Trung tâm hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí - 125,22ha; Khu vực II - Khu C - Khu Di sản văn hóa thế giới - 46,5ha; Khu vực III - Khu D - Khu Dịch vụ du lịch tổng hợp - 138,89ha (bổ sung chức năng giáo dục, đào tạo 13,5ha để xây dựng Học viện Dân tộc thuộc Ủy ban Dân tộc); Khu vực IV - Khu E - Khu công viên bến thuyền - 341,53ha; Khu vực V - Khu F - Khu cây xanh mặt nước hồ Đồng Mô - 600,9 ha).

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ xây dựng, quản lý vận hành Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam

2.1. Đầu tư xây dựng các dự án nguồn vốn NSNN

Có thể nói, quá trình phát triển Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam trải qua 02 giai đoạn quan trọng:

Từ năm 1999-2005, Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam là đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Văn hóa - Thông tin do Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập. Đây là giai đoạn tiến độ triển khai dự án còn chậm, có nhiều tồn tại, khó khăn, đặc biệt là khó khăn về vị trí, chức năng, về cơ chế, thẩm quyền của Ban Quản lý. Trong giai đoạn này đã hoàn thành cơ bản nhiệm vụ quan trọng là công tác đền bù, GPMB, công tác chuẩn bị đầu tư và thi công một số công trình công vụ và hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung.

Từ 2006 đến nay, Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam là cơ quan tương đương cấp Tổng cục thuộc Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập đồng thời quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức; thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam. Đặc biệt, Quyết định số 540/QĐ-TTg ngày 12/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch đầu tư phát triển Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam đến năm 2015 xác định Làng là mô hình khu kinh tế văn hóa đặc thù, trong đó văn hóa vừa là động lực vừa là mục tiêu, được hưởng các cơ chế chính sách đặc thù nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và mục tiêu đến năm 2010 khai trương Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam với việc hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung và đưa vào hoạt động một phần Khu các làng dân tộc.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, sự phối hợp, giúp đỡ của các cấp, các ngành, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chỉ đạo Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam chủ động khắc phục nhiều khó khăn, có nhiều nỗ lực thực hiện được những nội dung quan trọng của Kế hoạch đầu tư phát triển đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và Làng chính thức khai trương ngày 19/9/2010. Đến nay, dự án đã đầu tư xây dựng hoàn thành cơ bản hệ thống hạ tầng kỹ thuật, 54 không gian kiến trúc của 54 cộng đồng dân tộc Việt Nam tại các dự án được đầu tư bằng nguồn NSNN. Tồn tại, khó khăn lớn nhất trong công tác đầu tư xây dựng là nguồn vốn NSNN cấp giai đoạn 2015-2020 hạn chế nên tiến độ dự án bị kéo dài.

2.2. Thu hút đầu tư các Khu chức năng

Trong thời gian qua, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam tiếp tục làm việc với các nhà đầu tư tiềm năng để giúp các nhà đầu tư hiện thực hóa các ý tưởng và dự án đầu tư để có thể triển khai thực hiện. Mặc dù Ban Quản lý đã có nhiều hoạt động xúc tiến đầu tư nhưng đến nay chưa có dự án đầu tư nào được triển khai. Nguyên nhân chủ quan do Ban Quản lý chưa có biện pháp, xây dựng cơ chế thuận lợi trong thu hút đầu tư. Nguyên nhân khách quan, một trong những nguyên nhân là do mực nước hồ

Đồng Mô không ổn định vì còn phải thực hiện nhiệm vụ tưới tiêu cho diện tích nông nghiệp lân cận nên cảnh quan chưa thực sự hấp dẫn. Hiện nay, Thành phố Hà Nội đang triển khai dự án cải tạo Sông Tích và nếu dự án được triển khai nhanh, hồ Đồng Mô sẽ không phải thực hiện nhiệm vụ tưới tiêu cho diện tích nông nghiệp vùng lân cận nữa. Tuy nhiên, do vốn thực hiện dự án từ nguồn NSNN, trong điều kiện ngân sách Nhà nước có khó khăn nên tiến độ dự án này cũng bị kéo dài. Giá đất áp dụng theo khu vực (Sơn Tây) được UBND Hà Nội ban hành theo Công văn số 6788/UBND-KT ngày 25/4/2016 cao (giá đất khoảng 1.700.000đ/m²), khó thu hút đầu tư đối với các dự án văn hóa, du lịch. Nhiều nhà đầu tư sau khi nghiên cứu, tính toán hiệu quả đầu tư dự án đều có mong muốn được đề xuất cơ chế ưu đãi đầu tư đặc biệt đối với giá cho thuê đất tính theo quy định hiện hành.

2.3. Công tác quản lý, vận hành

Ngay sau khi dự án được khai trương năm 2010, Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam đã tập trung tổ chức khai thác, vận song song quá trình đầu tư xây dựng, mở cửa đón du khách vào tham quan. Luôn quán triệt phương thức thực hiện “Đề chủ thể văn hóa tự giới thiệu về mình”, cùng với nỗ lực trong cả quá trình đầu tư xây dựng các dự án, Ban Quản lý đã tổ chức khai thác, vận hành các công trình xây dựng hoàn thành, đồng thời thường xuyên nghiên cứu phương thức, quy mô tổ chức sự kiện, hoạt động, từ các sự kiện lớn hàng năm, đến việc tổ chức các hoạt động hàng ngày, cuối tuần, hàng tháng với các chuyên đề, chủ đề về văn hóa dân tộc các vùng miền, trong đó, chú trọng đến việc gắn các hoạt động của Làng với các địa phương.

Định kỳ tổ chức sự kiện thường niên gồm: Ngày hội “Sắc xuân trên mọi miền Tổ quốc” và Chủ tịch nước đến chúc Tết cộng đồng các dân tộc nhân dịp Tết Nguyên đán, hoạt động “Ngày Văn hóa các dân tộc Việt Nam” vào dịp 19/4 nhằm tôn vinh bản sắc văn hóa các dân tộc và Tuần “Đại đoàn kết các dân tộc - Di sản Văn hóa Việt Nam” chào mừng Ngày Di sản văn hóa và thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam từ 18 - 23/11. Đặc biệt, thực hiện chủ trương “đề chủ thể văn hóa tự giới thiệu về mình”, Ban Quản lý đã phối hợp với các địa phương trong cả nước tổ chức các hoạt động hàng ngày, cuối tuần, hàng tháng với các chuyên đề, chủ đề về văn hóa dân tộc các vùng miền. Cho đến nay đã có hoạt động hàng ngày, thường xuyên của 16 cộng đồng các dân tộc (Tày, Nùng, Mông, Dao, Mường, Thái, Khơ Mú, Lào, Tà Ôi, Ba Na, Xơ Đăng, Gia Rai, Cơ Tu, Raglai, Ê Đê và Khmer). Đây là cố gắng lớn và là sự chuyển biến tích cực trong việc tổ chức khai thác, vận hành Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam.

Các sự kiện, ngày hội, hoạt động hàng ngày được tổ chức, tái hiện có ý nghĩa chính trị sâu sắc, góp phần tuyên truyền và thực hiện hoá chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, không những tập trung, tái hiện hàng ngàn nội dung văn hóa truyền thống của cộng đồng các dân tộc mà còn là nơi giao lưu, học hỏi, chia sẻ của cộng đồng 54 dân tộc Việt Nam, phát huy tinh thần đại đoàn kết các dân tộc, chung tay gìn giữ nền văn hóa truyền thống và xây dựng phát triển đất nước. Và Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam đã thực sự trở thành “ngôi nhà chung”, nơi bảo tồn, phát huy, lan toả các giá trị văn hóa truyền thống của 54 dân tộc Việt Nam theo đúng mục tiêu của Chính phủ khi xây dựng dự án.

Sau hơn 10 năm hoạt động, đơn vị đã tổ chức đón tiếp và phục vụ 356 lượt cộng đồng dân tộc với 5.357 lượt đồng bào, tham dự sự kiện hoạt động với 202 lễ hội độc đáo trong đó hơn 50 lễ hội do đồng bào hoạt động hàng ngày tổ chức thực hiện và giới thiệu rất nhiều di sản văn hóa phi vật thể đại diện nhân loại, phi vật thể quốc gia và hơn 4.003 diễn viên, nghệ sỹ, sinh viên dân tộc thiểu số của hơn 50 lượt nhà hát, trường thuộc Bộ; triển khai đồng bộ nhiều hoạt động, việc làm thiết thực bảo tồn di sản văn hóa các dân tộc thiểu số thông qua việc tôn vinh các nghệ nhân, già làng, trưởng bản, phục dựng, tái hiện các lễ hội truyền thống, quảng bá các di sản văn hóa phi vật thể tại Làng. Bởi vậy, trong những năm qua, nhiều đồng chí Lãnh đạo Đảng, Nhà nước đã đến thăm đồng bào góp phần củng cố niềm tin, động viên đồng bào tuyên truyền về chủ trương, chính sách, sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với việc bảo tồn, phát huy giá trị truyền thống văn hóa và chính đồng bào cũng là những “hạt nhân văn hóa” tuyên truyền khi trở về địa phương.

Bên cạnh đó, việc tổ chức các hoạt động, sự kiện còn nhận được sự quan tâm của báo chí, truyền thông từ Trung ương đến địa phương với nhiều bài viết, nội dung đưa tin đã góp phần quan trọng trong công tác tuyên truyền, giáo dục quảng bá các nét đẹp về văn hóa dân tộc, vấn đề thực hiện chính sách dân tộc tới nhân dân cả nước, để từ đó góp phần khơi dậy ý thức tự giác, lòng tự hào trách nhiệm của dân tộc để xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc.

Từ cuối năm 2016 nhằm tăng nguồn thu, giảm gánh nặng ngân sách Nhà nước, thực hiện quy định tại Thông tư 159/TT-BTC ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính ban hành quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam, Ban Quản lý đã triển khai hoạt động thu phí tham quan, với mức phí lần lượt là 5.000đ, 10.000đ, 15.000đ, 30.000đ dành cho các đối tượng từ học sinh, sinh viên, người cao tuổi, khuyết tật và người lớn. Đây là chính sách ưu đãi về mức phí tham quan để khuyến khích, tạo điều kiện cho nhân dân, du khách được tham quan, trải nghiệm, thụ hưởng văn hóa. Nguồn thu sau khi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước và chi phí liên quan đến công tác phục vụ cho hoạt động thu phí, phần còn lại được sử dụng hiệu quả cho nhiệm vụ chi hỗ trợ sinh hoạt cho đồng bào các dân tộc được mời tham gia hoạt động hàng ngày tại Làng Văn hóa nhằm tổ chức, tái hiện các hoạt động văn hóa trong điều kiện chưa được kinh phí ngân sách Nhà nước hỗ trợ.

Cùng với việc tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam và sự nỗ lực quảng bá sản phẩm văn hóa, Đặc biệt, với việc hoạt động của các chủ thể văn hóa thường xuyên tại “ngôi nhà chung” đã tạo bước chuyển biến tích cực trong khai thác và hoạt động du lịch tại Làng, tạo nên sức sống cho “Ngôi nhà chung” góp phần tích cực thu hút đông đảo khách tham quan đến Làng. Trong những năm gần đây, ngày càng có nhiều khách lẻ, khách đoàn, khách đi theo tour, tuyến của các công ty lữ hành, trường học với số lượng lớn học sinh tham gia các hoạt động tham quan, tìm hiểu văn hóa, phong tục tập quán của từng dân tộc thông qua kiến trúc nhà ở, công trình tâm linh, trang phục, ngôn ngữ, nghề truyền thống, giao lưu trải nghiệm dân ca dân vũ, trò chơi dân gian, nhạc cụ dân tộc hay tham gia trực tiếp các hoạt động chế tác thủ công, chế biến ẩm thực, học câu chào hỏi bằng ngôn ngữ dân tộc. Đặc biệt Làng Văn hoá – Du lịch các dân tộc

Việt Nam còn là điểm đến ý nghĩa các hoạt động thực tế, ngoại khoá gắn liền với các môn học trên lớp về văn hóa lịch sử, tự nhiên của các em học sinh ...thông qua đó góp phần bồi dưỡng tinh thần yêu văn hóa dân tộc và tình yêu quê hương đất nước đặc biệt là thế hệ trẻ để những giá trị văn hóa luôn được tiếp nối trao truyền cho thế hệ mai sau.

3. Tồn tại, khó khăn

3.1. Khó khăn trong việc khai thác, vận hành dự án: Trước hết, phải khẳng định rằng, mặc dù đã khai trương từ năm 2010 nhưng Làng mới cơ bản hoàn thành xây dựng các công trình kiến trúc Khu các làng dân tộc và hạ tầng kỹ thuật chung theo nguồn đầu tư từ nguồn vốn NSNN. Về nhiệm vụ thu hút đầu tư các dự án ngoài ngân sách Nhà nước, theo Luật Đất đai năm 2013, Ban Quản lý không có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất...; theo Luật Đầu tư năm 2015, Ban Quản lý không có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hay cấp giấy chứng nhận đầu tư... Vì vậy, chưa hoàn thành công tác đầu tư xây dựng các khu chức năng bằng nguồn vốn ngoài ngân sách, chưa hoàn thành tổng thể theo quy hoạch hệ thống hạ tầng du lịch có quy mô lớn như thương mại, triển lãm, vui chơi giải trí, khách sạn, thể dục, thể thao. Vì vậy, cần phải có giải pháp để thực hiện chức năng và nhiệm vụ thu hút đầu tư vào Làng, nhằm đảm bảo cho việc đáp ứng nhu cầu phát triển dịch vụ du lịch hỗ trợ cho hoạt động của Khu các làng dân tộc, thu hút khách đến Làng và tiếp tục hoàn thiện các dự án theo Kế hoạch đầu tư phát triển Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam.

3.2. Hiện nay đã có Quy chế phối hợp giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với các địa phương trong công tác huy động đồng bào về tổ chức và hoạt động hàng ngày tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về bảo tồn, gìn giữ, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, triển khai trong thực tế còn khó khăn, có những thời điểm chưa huy động được nghệ nhân, đồng bào đảm bảo về số lượng và chất lượng (hiện có 16 trên tổng số 54 cộng đồng các dân tộc hoạt động thường xuyên tại Làng). một phần do mức hỗ trợ chi phí sinh hoạt hàng ngày cho đồng bào thấp; chưa có cơ chế, chính sách thu hút đồng bào các dân tộc, chưa được ngân sách Nhà nước cấp hỗ trợ chi phí sinh hoạt cho đồng bào các dân tộc tham gia hoạt động hàng ngày tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam.

3.3. Nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cấp chi cho các hoạt động thường xuyên; chi tổ chức các sự kiện, hoạt động phục vụ nhiệm vụ chính trị tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam; chi duy cho công tác duy tu, bảo dưỡng (các công trình kiến trúc của đồng bào các dân tộc được xây dựng theo tiêu chí nguyên bản với kết cấu và vật liệu kém bền vững (gỗ, tranh, tre, nứa, đất...) với điều kiện khí hậu thời tiết nắng, mưa nhanh bị hao mòn, xuống cấp) được ngân sách Nhà nước cấp hằng năm còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu hoạt động của đơn vị. Vì vậy đây cũng là nguyên nhân hạn chế mục tiêu hoạt động tại Khu các Làng dân tộc.

3.4. Khó khăn trong công tác liên doanh, liên kết cho thuê, phát huy hiệu quả các công trình tài sản công. Ban Quản lý đã xây dựng Đề án tài sản công vào mục đích cho thuê theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định

chi tiết một số Điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, nhằm phát huy công năng và hiệu quả sử dụng của công trình; góp phần đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ, nhằm huy động các nguồn lực cho đầu tư tôn tạo phát triển văn hóa dân tộc, đáp ứng nhu cầu du khách. Tuy nhiên, hiện nay, Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê còn vướng mắc về cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Giải pháp về chính sách nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam

Để tiếp tục khai thác, vận hành có hiệu quả theo đúng mục tiêu đề ra, khẳng định Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam là địa chỉ đỏ, nơi tổ chức tốt các hoạt động nhằm gìn giữ, tôn tạo bản sắc văn hóa các dân tộc, giáo dục về văn hóa, tinh thần yêu nước, truyền thống đoàn kết dân tộc cho các tầng lớp nhân dân đặc biệt là các thế hệ trẻ, học sinh, sinh viên, Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam đề xuất một số giải pháp và kiến nghị như sau:

4.1. Cơ chế ưu đãi đầu tư đối với các Khu chức năng kêu gọi đầu tư

Theo Quyết định 540/QĐ-TTg ngày 12/5/2008 của Thủ tướng Chính phủ và Phê duyệt Kế hoạch đầu tư phát triển Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam đến năm 2015, quan điểm đầu tư phát triển được xác định: *“Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam là một mô hình khu kinh tế - văn hóa đặc thù, trong đó văn hóa vừa là động lực, vừa là mục tiêu”*.

Theo đó, Ban Quản lý đề xuất cấp có thẩm quyền cho phép cho phép Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các bộ, ngành có liên quan xây dựng một số cơ chế, chính sách đặc thù để Ban Quản lý Làng Văn hóa có thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý đầu tư, xây dựng, đất đai (Được giao lại đất, được cấp chủ chương đầu tư...) tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam như Khu Kinh tế, giúp Ban Quản lý Làng Văn hóa có thể thực hiện được đầy đủ trách nhiệm và vai trò của mình, đồng thời đẩy mạnh công tác thu hút đầu tư, quảng bá, giới thiệu để thu hút các nhà đầu tư vào các Khu chức năng để hoàn thành công tác đầu tư xây dựng các khu chức năng bằng nguồn vốn ngoài ngân sách, hoàn thiện tổng thể Làng Văn hóa theo quy hoạch với nhiều loại hình hoạt động đa dạng, có quy mô lớn như thương mại, triển lãm, vui chơi giải trí, dịch vụ, khách sạn nghỉ dưỡng, thể dục, thể thao; Trong đó xác định Khu các làng dân tộc Khu vực đầu tư công và vận hành của Nhà nước là trung tâm bảo tồn, tái hiện, phát huy các giá trị văn hóa 54 dân tộc Việt Nam, nơi hội tụ, lan tỏa tinh thần đại đoàn kết dân tộc cần có sự chỉ đạo, quản lý, thực hiện thống nhất, đồng bộ, xuyên suốt đối với công tác bảo tồn, gìn giữ, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc Việt Nam từ Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ, ngành liên quan và các địa phương để phát huy có hiệu quả nguồn lực nội sinh của văn hóa góp phần vào phát triển kinh tế xã hội.

4.2. Cơ chế đặc thù trong bảo tồn văn hóa các dân tộc và quản lý vận hành Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam

- Trong bối cảnh tốc độ đô thị hóa nhanh tại các vùng miền trên cả nước và hội nhập kinh tế - văn hóa trong nước và quốc tế, nhiều biến đổi lớn tại nơi chủ thể là đồng bào các dân tộc sinh sống, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng

các dân tộc đang dần mai một, Ban Quản lý đề nghị Chính phủ tiếp tục quan tâm ban hành các chính sách góp phần bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam, xác định Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam là không gian văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc, góp phần củng cố, tăng cường sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nơi giao lưu, gặp gỡ, quảng bá về hình ảnh đất nước, con người Việt Nam.

Về phía Ban Quản lý Làng Văn hóa tiếp tục tham mưu Lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ Tài chính thống nhất và ban hành các quy định về định mức chi phí hỗ trợ sinh hoạt cho đồng bào dân tộc được mời tham gia hoạt động hàng ngày tại Làng, định mức chi tổ chức các sự kiện, hoạt động phục vụ nhiệm vụ chính trị tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam để tạo hành lang pháp lý trong việc hỗ trợ các hoạt động của đồng bào dân tộc tại Làng và các hoạt động tổ chức sự kiện chính trị theo chức năng nhiệm vụ của đơn vị.

4.3. Giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống

- Tăng cường công tác quản lý, triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu các hoạt động văn hóa tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam, với 03 sự kiện thường niên hằng năm trong đó có 02 sự kiện cấp quốc gia, 01 sự kiện cấp Bộ; phối hợp với các địa phương tổ chức các hoạt động, sự kiện theo tuần, tháng, chuyên đề, chủ đề và hoạt động các nhóm cộng đồng tham gia hoạt động hàng ngày tại Làng tạo sức lan tỏa đến cộng đồng, du khách trong và ngoài nước.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Quy chế phối hợp giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với Ủy ban nhân dân các tỉnh trong công tác huy động đồng bào về tổ chức hoạt động hàng ngày tại Làng với mục tiêu đón khoảng 50% trên tổng số 54 dân tộc tham gia hoạt động tại Làng. Tiếp tục tập trung chăm lo cho đời sống đồng bào dân tộc đang hoạt động hàng ngày tại Làng; phát huy vai trò chủ thể sáng tạo, chủ thể hưởng thụ văn hóa; tôn trọng, bảo vệ sự đa dạng của văn hóa của các dân tộc, vùng miền. Tiếp tục triển khai việc nghiên cứu khoa học, sưu tầm toàn diện các giá trị văn hóa phi vật thể tiêu biểu của cộng đồng các dân tộc; lựa chọn những giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu, giới thiệu tới du khách tham quan. Mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 đón khoảng 1 triệu lượt khách tham quan.

4.4. Áp dụng chuyển đổi số trong vận hành, khai thác và phát triển Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam

Áp dụng chuyển đổi số nhằm bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của 54 dân tộc Việt Nam, tạo môi trường giáo dục, tra cứu văn hóa và phát triển du lịch tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam; tối ưu hóa khả năng lưu trữ bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa theo hướng bền vững, là cầu nối đưa các giá trị văn hóa đến gần hơn với người dân, du khách; đồng thời đóng góp tích cực vào quá trình gìn giữ, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, góp phần đưa văn hóa, di sản văn hóa trở thành những sản phẩm của du lịch, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước./.

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG RAP CHIẾU PHIM HIỆN NAY VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Trung tâm Chiếu phim quốc gia

Là một loại hình nghệ thuật ra đời vào cuối thế kỷ XIX, Điện ảnh đã trở thành loại hình nghệ thuật quan trọng bởi tính đại chúng rộng lớn, đáp ứng nhu cầu giải trí ngày càng nâng cao của mọi tầng lớp khán giả. Sự ra đời của điện ảnh gắn liền với tiến bộ của khoa học - kỹ thuật và công nghệ, nó trở thành một công cụ đắc lực để truyền đi những thông điệp, những bài học giáo dục, kết hợp các thành tựu của khoa học, công nghệ với các hình thức biểu hiện của nhiều loại hình nghệ thuật khác nhau.

Trong hơn thập kỷ qua, việc chiếu phim tại các hệ thống rạp chiếu phim với hệ thống âm thanh, ánh sáng chuyên biệt... đã tạo cho khán giả sự cộng hưởng thăng hoa trong cảm xúc khi thưởng thức các tác phẩm điện ảnh tại đây. Mặc dù thế giới đã đạt những thành tựu to lớn về trình độ khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin, hay trải qua những thời kỳ giãn cách do dịch bệnh.... người ta có thể mang cả phòng chiếu phim về gia đình nhưng không thể tạo ra sự cộng hưởng thăng hoa cảm xúc của cả một tập thể. Thưởng thức phim tại rạp vẫn luôn là nhu cầu không thể thiếu trong đời sống văn hóa của bất kỳ quốc gia nào. Ở một số Quốc gia, điện ảnh không chỉ làm giàu văn hóa cho người dân thông qua tính giáo dục, giải trí và phổ biến điện ảnh, mà còn đóng góp vào ngân sách quốc gia.

Các hệ thống rạp chiếu phim trên cả nước nói chung và Trung tâm Chiếu phim quốc gia nói riêng là một địa điểm giải trí không thể thiếu trong đời sống văn hóa tinh thần của khán giả yêu điện ảnh, đã trở thành một cơ sở chiếu phim hiện đại, được khán giả đánh giá ghi nhận cơ sở vật chất các phòng khán giả, hệ thống máy chiếu, màn ảnh, âm thanh, điều đó được thể hiện rõ qua số lượng khán giả tới rạp trong những năm gần đây. Trình độ thưởng thức điện ảnh của người dân ngày càng nâng cao; cùng với sự phát triển nhanh, phổ biến của mạng xã hội giúp các bộ phim điện ảnh đưa đến khán giả hiệu quả hơn, khiến thị trường các hệ thống rạp sôi động hơn bao giờ hết.

Tuy nhiên nhìn tổng quan bức tranh về hoạt động của hệ thống rạp chiếu phim hiện nay và thực tiễn hoạt động trong những năm qua, chúng tôi nhận thấy thực trạng của hệ thống rạp chiếu phim hiện nay có một số bất cập. Trên thực tế, hệ thống rạp chiếu phim Nhà nước hoạt động trong tình trạng kém hiệu quả, việc sát nhập các Trung tâm chiếu bóng với các Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh, triển lãm, nghệ thuật... ngày càng nhiều, khiến việc hoạt động chiếu phim tại rạp trở nên kém hiệu quả và dẫn đến tình trạng không có khán giả, không còn hoạt động dịch vụ chiếu phim. Tại các địa phương, do sức ép từ sự cạnh tranh với các hệ thống rạp có vốn đầu tư nước ngoài, tư nhân; đặc biệt không được trang bị các hệ thống, thiết bị chiếu phim hiện đại, cơ sở hạ tầng cũ, lạc hậu, các hoạt động đi kèm không thu hút khán giả nên không thể triển khai hoạt động chiếu phim kinh doanh tại rạp.

Rạp chiếu giờ là nơi tích hợp nhiều hoạt động khác chứ không còn được thiết kế chuyên biệt để chiếu phim. Có nhiều địa phương chưa được đầu tư mua máy chiếu kỹ thuật số nên rạp đóng cửa, xuống cấp theo thời gian, hoạt động điện ảnh tại các Trung tâm văn hóa tỉnh, thành phố đã co hẹp; các đội chiếu bóng lưu động vô cùng khó khăn vì không có khán giả.

Hiện nay, trên tổng số 210 cụm rạp (gồm rạp Nhà nước và rạp tư nhân, rạp nước ngoài đầu tư tại Việt Nam), chỉ có 12 cụm rạp Nhà nước còn hoạt động, còn lại các cụm rạp Nhà nước khác đã đóng cửa hoặc sát nhập với Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh, chỉ chiếu phim lưu động, cụ thể như sau:

STT	Tỉnh thành	Cụm rạp/rạp hiện đang hoạt động	Cụm rạp chỉ chiếu phim kinh doanh & phục vụ NVCT	Cụm rạp chỉ chiếu phim phục vụ NVCT
1	Hà Nội	Trung tâm Chiếu phim Quốc gia	x	
2	Hà Nội	Rạp Tháng 8	x	
3	Lạng Sơn	Rạp Đông Kinh	x	
4	Đà Nẵng	Rạp Lê Độ	x	
5	Đắc Lắc	Trung tâm PHP và CB Đắc Lắc	x	
6	Kiên Giang	Trung tâm PHP và CB Kiên Giang	x	
7	Bà Rịa – Vũng Tàu	Rạp Bà Rịa	x	
8	Hải Phòng	Rạp Lê Văn Tám		x
9	Lào Cai	Trung tâm Văn hóa và Điện ảnh Lào Cai	x	
10	Huế	Đông Ba		x
11	Đà Lạt	Trung tâm PHP và CB Lâm Đồng		x
12	Phú Yên	Trung tâm PHP và CB Phú Yên		x

Tại các tỉnh thành chủ yếu là các cụm rạp nước ngoài và các cụm rạp tư nhân được khai trương, mở rộng. Điển hình là sự tăng trưởng nhanh chóng của cụm rạp nước ngoài CGV, Lotte, CGV hiện tại có tổng số 82 cụm rạp, Lotte có tổng số 45 cụm rạp. Còn đối với cụm rạp tư nhân: Galaxy có tổng số 20 cụm rạp, Beta có 18 cụm rạp, BHD có 10 cụm rạp, Cinestar có 8 cụm rạp, Starlight có 6 cụm rạp...

Đối với các đơn vị sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực phổ biến phim, luật Điện ảnh cho phép các đơn vị sự nghiệp nhập khẩu và xuất khẩu phim, căn cứ theo nội dung đơn vị đã đăng ký kinh doanh, chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc được phê duyệt; Về nguồn phim, Trung tâm Chiếu phim Quốc gia vẫn đang hợp tác cùng các đơn vị phát hành chính trên thị trường điện ảnh hiện nay:

- Công ty TNHH CJ CGV Việt Nam (Doanh nghiệp nước ngoài);
- Công ty Lotte Entertainment Việt Nam (Doanh nghiệp nước ngoài);
- Công ty CP Phim Thiên Ngân (Doanh nghiệp tư nhân Việt Nam);
- Công ty TNHH MTV Galaxy Links (Doanh nghiệp tư nhân Việt Nam)/

Trong năm 2024, Trung tâm Chiếu phim Quốc gia đã được Bộ VHTTDL giao nhiệm vụ phát hành phim Nhà nước đặt hàng là “Đào, phở và piano” và “Hồng Hà nữ sĩ” và đã được khán giả thủ đô quan tâm, đón nhận, bộ phim, rất đông khán giả xếp hàng mua vé xem phim “Đào, phở và piano” và dẫn tới hiện tượng “cháy vé”.

Khi hệ thống rạp lớn chủ yếu nằm trong tay các tập đoàn nước ngoài và tư nhân thì sẽ gây ra một số bất lợi cho nền điện ảnh trong nước như sau:

1. Phim nội làm ra khi vào được hệ thống rạp sẽ khó đạt tối đa tỷ lệ lợi nhuận trên tỷ lệ phân chia doanh thu.

2. Thời gian sống của phim tại rạp không lâu, giờ chiếu và tỷ lệ các suất chiếu không tương xứng với phim nhập ngoại ...

3. Phim điện ảnh do Nhà nước đặt hàng sản xuất ít có cơ hội được chiếu rộng rãi trên toàn hệ thống rạp do không thể cạnh tranh với các phim thương mại, phim bom tấn.

4. Không tạo ra một hệ sinh thái điện ảnh tuần hoàn để có thể hỗ trợ các đơn vị sản xuất cũng như đào tạo nguồn nhân lực cho ngành điện ảnh.

Nhìn chung, hệ thống rạp chiếu phim Nhà nước đang gặp nhiều khó khăn và số lượng rạp nước ngoài, rạp tư nhân đang chiếm ưu thế trên thị trường. Thực tế hiện nay, một số Trung tâm phát hành và rạp chiếu phim tại một số tỉnh, thực trạng phát hành phim chiếu rạp đang tồn tại vấn đề là không được phổ biến phim đồng thời cùng các rạp tư nhân như CGV, Lotte, cụ thể như sau:

STT	Rạp - Tỉnh thành	Phim do CGV phát hành	Phim do Lotte phát hành	Phim do Galaxy phát hành
1	Trung tâm PHP và CB Đắc Lắc – Đắc Lắc	Chiếu bình thường	Chiếu đồng thời tuy nhiên Lotte phạt tiền lên tới 10 triệu khi doanh thu thu về không đủ (Doanh thu tùy thuộc vào từng phim)	

2	Rạp Lê Độ - Đà Nẵng	Chiếu sau 1 tuần, đồng giá 50.000đ toàn bộ các phim	Chiếu bình thường	
3	Trung tâm Văn hóa và Điện ảnh – Lào Cai	Chiếu sau 1 tháng	Chiếu sau 1 tuần	
4	Rạp Đông Kinh – tỉnh Lạng Sơn	Chiếu bình thường	Không chiếu do bị áp doanh thu	Chiếu sau 1 tuần
5	Trung tâm PHP và CB Kiên Giang – tỉnh Kiên Giang	Chiếu bình thường	Chiếu bình thường	
6	Rạp Bà Rịa – tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu			
7	Rạp tháng 8 – Hà Nội	Chiếu bình thường	Không chiếu do bị áp doanh thu	

Một số đề xuất:

- Nhà nước nên có chính sách đầu tư, tu bổ, nâng cấp, cải tạo lại các Rạp chiếu phim, Trung tâm Phát hành phim đã cũ, máy móc lạc hậu, không đáp ứng được nhu cầu xem phim của khán giả tại các tỉnh thành để có thể đáp ứng được thị hiếu, nhu cầu xem phim của người dân trong tình hình mới.

- Nhà nước nên có những chính sách ưu đãi, hỗ trợ các cơ sở hoạt động điện ảnh trong nước về thuế, phí

- Tạo điều kiện để các đội ngũ cán bộ, nhân viên hoạt động trong lĩnh vực phổ biến phim đi học các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn, nâng hiệu quả kinh doanh, đẩy mạnh marketing.

- Các nhà làm phim Việt Nam cần nghiêm túc nghiên cứu nhu cầu, thị hiếu và trình độ thưởng thức điện ảnh của khán giả để làm ra những bộ phim hay đủ sức thu hút khán giả đến rạp. Trên thực tế những năm gần đây số đầu phim Việt ra rạp nhiều nhưng phim thu hút được khán giả không nhiều, một số phim Việt đã tạo được thiện cảm lớn đối với khán giả và đạt doanh thu ngang ngửa những bom tấn của Hollywood như “Nhà Bà Nữ”, “Bố Già”, “Lật mặt”. “Em chưa 18”, “Mai”,...

- Việc chiếu sau các đơn vị tư nhân dẫn đến khi phim được chiếu không còn thu hút được nhiều khán giả quan tâm tới bộ phim. Điều này làm ảnh hưởng lớn đến doanh thu của các rạp chiếu cũng như thiệt thòi cho các đơn vị Nhà nước trong việc phổ biến phim. Trung tâm Chiếu phim quốc gia đề xuất về việc các cụm rạp Nhà nước được phổ biến phim cùng thời điểm với các doanh nghiệp tư nhân như CGV, Lotte, Galaxy và không áp doanh thu với bất kỳ hình thức nào./.

VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN THIẾT CHẾ THỂ THAO TẠI KHU LIÊN HỢP THỂ THAO QUỐC GIA

Khu Liên hợp thể thao quốc gia

Như chúng ta đã biết, hiện nay kinh tế - xã hội nước ta nói chung, thể dục, thể thao nói riêng, đang phát triển mạnh mẽ, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, nhu cầu hoạt động, hưởng thụ thành quả các lĩnh vực xã hội ngày càng cao, do đó việc cải thiện, nâng cao chất lượng các cơ sở kết cấu hạ tầng,... là điều cần thiết. Thể dục, thể thao là chính sách kinh tế - xã hội quan trọng, được mọi tầng lớp trong xã hội quan tâm. Thể thao giúp quảng bá hình ảnh, đất nước con người Việt Nam hòa bình, thân thiện, mến khách và là môi trường đầu tư lành mạnh tới bạn bè quốc tế.

1. Thực trạng chính sách, pháp luật liên quan đến thể thao hiện nay

Trong những năm qua, thể dục, thể thao đã luôn nhận được sự quan tâm của Đảng và sự đầu tư mạnh mẽ của Nhà nước. Cùng với ý chí quyết tâm của các nhà quản lý thể thao, tập thể cán bộ công chức viên chức người lao động, đặc biệt đội ngũ vận động viên, huấn luyện viên, chuyên gia,... thể thao Việt Nam đã có sự phát triển đáng khích lệ: Thể dục, thể thao cho mọi người phát triển sâu rộng, thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp đạt được nhiều thành tích đáng ghi nhận ở các đấu trường khu vực, châu Á và thế giới¹.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, thể thao nước ta vẫn còn có những tồn tại, hạn chế như: Công tác xây dựng thể chế, chính sách, pháp luật về TDTT chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu, đòi hỏi từ thực tiễn; Một số vấn đề đã được quy định tại Luật Thể dục, Thể thao nhưng khó triển khai trong thực tiễn; Các hoạt động kinh tế, dịch vụ TDTT... còn thiếu các quy định pháp luật để điều chỉnh; Nhiều quy định pháp luật đã được ban hành nhưng nay đã lạc hậu, không phù hợp với thực tiễn, chậm được điều chỉnh, bổ sung; Việc bố trí, huy động và khai thác các nguồn lực phục vụ phát triển sự nghiệp TDTT còn nhiều bất cập; Công tác xã hội hoá TDTT hiệu quả chưa cao, các quy định, chính sách khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực TDTT khó được triển khai trong thực tiễn;...

Từ những tồn tại, hạn chế trên, cho thấy: Ngành thể dục, thể thao đang thiếu những cơ chế, chính sách đặc thù, và đang bị ràng buộc bởi nhiều chính sách chưa thực sự tạo động lực cho các hoạt động kinh tế thể thao, quản trị và dịch vụ TDTT trong lĩnh vực đầu tư công.

¹ Tại các kỳ Sea Games Việt Nam luôn đứng một trong ba nước tốp đầu, nhiều vận động viên các môn thể thao Olympic, môn thể thao ASIAD đã đạt huy chương vàng Châu Á và Olympic. Việt Nam lần đầu tiên trong lịch sử giành 01 HCV, 01 HCB tại Olympic Brazil 2016, và giành 01 HCV, 01 HCB, 02 HCB tại Paralympic Brazil 2016. Olympic Tokyo 2020 giành 18 suất tham dự và Paralympic Tokyo 2020 giành 01 huy chương bạc. Tại ASIAD 18 năm 2018, thể thao Việt Nam thi đấu xuất sắc giành được 38 huy chương các loại, trong đó có 04 HCV, 16 HCB, 18 HCB, xếp thứ 16/45 quốc gia và vùng lãnh thổ tham dự ASIAD 18, lần đầu tiên Việt Nam giành được huy chương vàng ở những môn thể thao Olympic là điền kinh, rowing. Đặc biệt, bóng đá Việt Nam thể hiện sự tiến bộ vượt bậc ở cả đấu trường khu vực lẫn châu lục. Thành tích của Bóng đá Việt Nam đã tạo được những hiệu ứng xã hội tích cực, thông qua đó góp phần quảng bá, nâng cao hình ảnh đất nước, tạo niềm tin về một Việt Nam trên đà phát triển.

Đứng trước hiện trạng trên, ngành thể dục, thể thao trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo, đang đối mặt với những thách thức trong việc đầu tư, quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả các công trình thể thao. Để nâng cao hiệu quả hoạt động thể thao cần có nhiều công trình thể thao hiện đại, đạt chuẩn quốc tế, trên cơ sở các hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch đất đã có, đồng thời tránh xuống cấp, sử dụng lãng phí các cơ sở hạ tầng kỹ thuật thể thao hiện có, cũng như nâng cao khả năng quản trị tốt nhất, phục vụ nhu cầu tập luyện, thi đấu, tổ chức các giải, các đại hội thể thao quốc tế, cũng như phục vụ nhu cầu tập luyện và hưởng thụ các thành quả thể thao mang lại cho mọi tầng lớp nhân dân.

Trong những năm qua, ngành thể dục, thể thao luôn được sự quan tâm của Đảng và đầu tư mạnh mẽ của Nhà nước: Nhiều chỉ thị, nghị quyết đã được đưa ra (Chỉ thị số 17-CT/TW ngày 23/10/2002 của Ban Bí thư về phát triển thể dục, thể thao đến năm 2010, Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 của Ban chấp hành Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020,...), Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt nhiều đề án (Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2020, Quy hoạch hệ thống cơ sở vật chất thể dục, thể thao quốc gia đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030,..), nhiều văn bản pháp lý cho sự phát triển ngành, kinh phí đầu tư cho thể dục, thể thao được quan tâm.

Dù vậy, theo khảo sát những năm gần đây, hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục, thể thao quốc gia từ trung ương đến địa phương có một số tồn tại:

- Số lượng công trình thể thao theo tiêu chí cơ bản (sân vận động, nhà thi đấu, bể bơi) chưa đáp ứng được nhu cầu tập luyện và thi đấu thể thao, cũng như nhu cầu tập luyện của các tầng lớp nhân dân.

- Các công trình hiện đại không nhiều (một số công trình hiện đại chủ yếu ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, một số tỉnh thành phố mới được đầu tư: Đà Nẵng, Quảng Ninh, Hà Nam...).

- Nhiều trung tâm thể thao (cả ở Trung ương và địa phương) đã được quy hoạch nhiều năm, đến nay vẫn chậm tiến độ hoặc chưa được triển khai xây dựng. Nhiều quỹ đất quy hoạch cho các trung tâm thể thao, thiết chế thể thao chưa được (hoặc chậm) đầu tư, khai thác sử dụng, gây lãng phí.

- Khai thác các cơ sở hạ tầng thể thao và cung ứng dịch vụ công, quản trị khó được thực hiện do chưa có văn bản pháp lý phù hợp và bị ràng buộc bởi nhiều văn bản pháp lý dẫn đến nguồn thu hạn chế (như: liên quan đến nguồn thu từ dịch vụ công, xã hội hóa, nguồn đầu tư, phương thức hợp tác, mô hình quản trị...).

- Các hạng mục công trình thể thao hiện nay đang dần bị xuống cấp, ví dụ như hiện trạng Khu Liên hợp thể thao quốc gia Mỹ Đình, là một trong những trung tâm thể thao hiện đại của quốc gia, nằm trong hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật thể dục, thể thao phục vụ tập luyện và thi đấu thể thao.

2. Một số vấn đề đặt ra đối với Khu Liên hợp thể thao quốc gia

Năm 1999 Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Thể dục, thể thao ký Quyết định số 387/1999/QĐ-UBTDTT thành lập Ban Quản lý Dự án Khu Liên hợp thể thao quốc gia để thực hiện việc quản lý đầu tư, xây dựng Khu Liên hợp thể thao quốc gia tại Mỹ Đình. Cấp có thẩm quyền đã ban hành nhiều quyết định về cơ cấu tổ chức và các quyết định đầu tư... Ngày 24/12/2008, Tổng Cục trưởng Tổng cục Thể dục, thể thao có Quyết định số 533/QĐ-TCTDTT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Khu Liên hợp thể thao quốc gia. Khu Liên hợp thể thao quốc gia là đơn vị sự nghiệp có thu, trực thuộc Tổng cục Thể dục, thể thao, có chức năng tổ chức các cuộc thi đấu, biểu diễn thể dục, thể thao, các sự kiện văn hóa, nghệ thuật, phục vụ tập luyện của các đội tuyển thể thao quốc gia, đào tạo vận động viên và tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

Diện tích các khu đất thuộc Quy hoạch tổng thể Khu Liên hợp thể thao quốc gia là 170,55 ha (theo Quyết định số 1969/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2013). Khu Liên hợp thể thao quốc gia được phê duyệt quy hoạch bao gồm 06 hạng mục công trình chính: Sân vận động trung tâm; Khu Thể thao dưới nước; Khu Thể thao trong nhà; Khu đưa xe đạp lòng chảo; Khu thi đấu quần vợt; Khu Khách sạn, dịch vụ thể thao và trụ sở Ủy ban Olympic, các Liên đoàn.

Từ năm 2012, Khu Liên hợp thể thao quốc gia được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính (tổ chức bộ máy và nhân sự năm 2015) đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Khu Liên hợp thể thao quốc gia đã thực hiện công tác quản lý khai thác tài sản công, như sau:

Đối với Khu đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sân vận động trung tâm: 22,49ha, Cung Thể thao dưới nước: 5,72ha):

Khu Liên hợp thể thao quốc gia đã sử dụng cơ sở vật chất, quỹ đất thực hiện các loại hình khai thác kinh doanh, cho thuê và thí điểm thực hiện liên doanh, liên kết khai thác các loại hình dịch vụ văn hóa, thể thao và du lịch trên cơ sở được cấp có thẩm quyền phê duyệt (theo Nghị định số 69/NĐ-CP ngày 30/8/2008 về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân có ý kiến chỉ đạo tại Thông báo số 42/TB-VPCP ngày 03/3/2011 của Văn phòng Chính phủ trong buổi làm việc với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Theo đó, nghiên cứu, đề xuất cho phép các đơn vị sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch được sử dụng cơ sở vật chất, quỹ đất để thực hiện liên doanh, liên kết nhằm huy động nguồn vốn từ các tổ chức, cá nhân để phát triển văn hóa, thể thao và du lịch. Trước mắt, cho làm thí điểm kêu gọi đầu tư vào Khu Liên hợp thể thao quốc gia). Trong đó:

Sử dụng quỹ đất vào mục đích liên doanh liên kết: Tận dụng quỹ đất các khu đất trống tại các công trình Sân vận động Quốc gia Mỹ Đình và Cung Thể thao dưới nước để triển khai 05 dự án liên doanh, liên kết có thời hạn 10 năm.

Sử dụng tài sản vào mục đích cho thuê: Sử dụng những thời gian không diễn ra những sự kiện chính trị, các nhiệm vụ chuyên môn, các phòng chức năng,

sân bóng đá, khu vực quảng trường tại công trình Sân vận động, Cung Thể thao dưới nước đã được Nhà nước đầu tư kinh phí xây dựng, còn dôi dư, chưa sử dụng hết công suất, để khai thác cho thuê các dịch vụ bóng đá, biểu diễn văn hóa nghệ thuật, địa điểm tập luyện giáo dục thể chất của các trường đại học, các câu lạc bộ thể thao và các dịch vụ vui chơi giải trí và các dịch vụ khác.

Sử dụng tài sản vào mục đích kinh doanh: Sử dụng thời gian không diễn ra các sự kiện tại các bể bơi và tận dụng hạ tầng đường đi, khu vực để xe không sử dụng hết công suất tại các công trình Sân vận động quốc gia Mỹ Đình và Cung Thể thao dưới nước để kinh doanh dịch vụ bơi, trông giữ phương tiện và các dịch vụ khác, kinh doanh các dịch vụ nước uống và ăn nhanh tại các sự kiện diễn ra hàng năm tại đơn vị.

Đối với Khu đất đã giải phóng mặt bằng nhưng chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo Quyết định số 2248/QĐ-UBND ngày 19/05/2015): 12,29ha

Khu Liên hợp thể thao quốc gia đã thực hiện cho thuê khai thác các dịch vụ tạm, ngắn hạn nhằm chống hoang hóa, lấn chiếm và các tệ nạn xã hội, tạo nguồn thu để tập trung chủ yếu cho công tác duy tu bảo dưỡng, sửa chữa nâng cấp của đơn vị (đây là một trong những nguồn thu chính của đơn vị trong các năm 2011 – 4/2018). Đến ngày 01/04/2018 đã chấm dứt việc cho thuê và thu hồi lại mặt bằng theo thông báo số 1132/BVHTTDL-KHTC ngày 23/3/2018 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Trong quá trình thực hiện (giai đoạn 2009 – 2018), do còn thiếu các văn bản quy phạm pháp luật, nghị định hướng dẫn các thiết chế văn hóa, thể thao khai thác kinh doanh dịch vụ đã dẫn đến một số những sai phạm trong công tác quản lý, sử dụng đất đai, tài sản công, như đã được chỉ ra tại Kết luận số 106/KL-TTCTP ngày 11/5/2021 của Thanh tra Chính phủ, làm phát sinh các khoản nợ tiền thuê đất, tiền chậm nộp, tiền thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản nộp khác vào Ngân sách Nhà nước như:

“Nộp ngân sách Nhà nước số tiền thuê đất phải nộp và số tiền chậm nộp (giai đoạn 2009 - 2018) của các khu đất đã giải phóng mặt bằng đang chờ thực hiện dự án do Khu Liên hợp thể thao quốc gia sử dụng cho thuê mặt bằng với số tiền (tạm tính) 658.321,552 triệu đồng”; “Nộp ngân sách Nhà nước số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp 13.226.669.787” chưa bao gồm tiền lãi, tiền phạt chậm nộp phát sinh.

Trong quá trình triển khai thực hiện do chuyển đổi mô hình quản lý từ mô hình tự chủ một phần sang tự chủ tự bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động chi thường xuyên tại đơn vị, còn gặp một số khó khăn, vướng mắc của do mô hình quản lý tự chủ tại Khu Liên hợp thể thao quốc gia như:

Hành lang pháp lý về cơ chế tự chủ trong lĩnh vực văn hóa, thể thao còn chưa đầy đủ và chưa đồng bộ, cũng như chưa phù hợp với quá trình vận hành, triển khai. Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan hầu như không có các điều kiện cụ thể hóa các nội dung khi thực hiện tự chủ; thiếu quy định, hướng dẫn và cơ chế để huy động các nguồn lực về hợp tác đầu tư theo hình thức đối tác công tư, liên doanh, liên kết trong việc sử dụng tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập. Các nghị

định về tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập có liên quan đến hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập còn thiếu văn bản hướng dẫn, chưa kịp thời và không đầy đủ, hoặc có nhiều cách hiểu khác nhau, dẫn tới nhiều nội dung của nghị định thiếu tính hiệu lực, không được áp dụng hiệu quả. Quy định về nguồn thu hoạt động sự nghiệp chưa thống nhất với Luật Quản lý sử dụng tài sản công....

Vướng mắc của đơn vị khi thực hiện thí điểm tự chủ tự bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động chi thường xuyên là đơn vị phải chuyển từ đối tượng không thu tiền sử dụng đất sang nộp tiền thuê đất hằng năm.

Khu Liên hợp thể thao quốc gia là đơn vị sự nghiệp tự chủ toàn bộ chi thường xuyên. Hiện nay, cơ sở để tạo nguồn thu nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của đơn vị và duy tu bảo dưỡng công trình, trang thiết bị là từ việc khai thác kinh doanh dịch vụ, cho thuê tài sản công, cơ sở vật chất, mặt bằng và sử dụng quỹ đất thực hiện liên doanh liên kết. Tuy nhiên, căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017 của Quốc hội và Nghị định 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, thì mọi hoạt động tạo nguồn thu nhằm đảm bảo công tác tự chủ tại Khu Liên hợp thể thao quốc gia đều **chưa đủ điều kiện** triển khai do **đề án “Khai thác tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh liên kết” chưa được phê duyệt**. Bên cạnh đó, giai đoạn 2023-2025, Khu Liên hợp thể thao quốc gia tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ đã được quy định tại Quyết định số 1051/QĐ-TCTDĐT ngày 09/07/2018 của Tổng cục Thể dục, thể thao: Từ 01/7/2023, đơn vị thực hiện chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức mới được phê duyệt theo Quyết định số 78/QĐ-CTDĐT ngày 11/07/2023 của Cục Thể dục, thể thao. Theo đó, Cục Thể dục, thể thao đã thay đổi nhiệm vụ quyền hạn quy định tại mục (5) điều 2 như sau:

- Theo Quyết định 1051/QĐ-TCTDĐT ngày 09/07/2018: Được “*Sử dụng cơ sở vật chất, quỹ đất để liên doanh, liên kết khai thác các loại hình dịch vụ văn hóa, thể thao và du lịch trên cơ sở được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật*”.

- Theo Quyết định 78/QĐ-CTDĐT ngày 11/07/2023: Được “*Sử dụng cơ sở vật chất để kinh doanh, liên doanh, liên kết; khai thác tài sản kết cấu hạ tầng; cung cấp dịch vụ trông giữ xe và các loại hình dịch vụ khác trên cơ sở được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định của pháp luật*”.

Như vậy, theo nhiệm vụ và quyền hạn mới thì đơn vị sẽ không được sử dụng quỹ đất để liên doanh, liên kết khai thác các loại hình dịch vụ văn hóa, thể thao trái ngược với một trong các giải pháp thực hiện của Quyết định phê duyệt Quy hoạch tổng thể thiết chế văn hóa, thể thao.

Đặc biệt, Khu Liên hợp thể thao quốc gia được giao tự chủ song chưa tự chủ “thực chất” do còn nhiều ràng buộc liên quan đến bộ máy, con người, bố trí nhân sự, biên chế. Cơ chế tự chủ cho phép thủ trưởng đơn vị quyết định mức chi tiêu trong phạm vi kinh phí được giao, nhưng phải tuân thủ định mức được ban hành trong rất nhiều văn bản, trong khi giá cả thị trường luôn biến động và định mức Nhà nước ban hành chưa được điều chỉnh kịp thời để phù hợp với tình hình thực tế.

Chính sách tiền lương tại các đơn vị sự nghiệp công lập chưa hợp lý, chưa xây dựng được đơn giá tiền lương, chưa thu hút, khuyến khích, động viên viên chức, người lao động. Hạn chế này đã tạo ra xu thế chuyển dịch lao động có chuyên môn từ khu vực công sang khu vực tư, và có thể dẫn đến thiếu hụt cán bộ có năng lực, trình độ, chuyên môn nghiệp vụ.

Đối với việc không được trao quyền tự chủ trong công tác tổ chức bộ máy và nhân sự tại đơn vị dẫn đến bộ máy quản lý còn cồng kềnh, nhiều đầu mối bên trong cơ quan đơn vị, hoạt động kém hiệu quả, chưa phù hợp với tình hình thực tiễn, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn hiệu quả.

3. Đề xuất, kiến nghị

Khu Liên hợp thể thao quốc gia với định hướng được xây dựng và phát triển là khu thể thao lớn của ngành thể thao. Tuy nhiên, sau nhiều năm thành lập, đầu tư, khai thác, sử dụng vẫn chưa hiệu quả do những vướng mắc nêu trên, dẫn đến những lãng phí nguồn lực. Nếu Khu Liên hợp thể thao quốc gia được mở rộng hình thức đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP), cùng với việc điều chỉnh, bổ sung một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan, và tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao: Cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp, nhằm huy động, bố trí nguồn lực tài chính để phát triển thiết chế văn hóa, thể thao; Cơ chế quản lý, tự chủ, và cho phép đổi mới phương thức tổ chức, quản lý và nâng cấp chất lượng hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao phù hợp với tình hình thực tế của từng đơn vị, và được thí điểm áp dụng đối với Khu Liên hợp thể thao quốc gia, thì chắc chắn Khu Liên hợp thể thao quốc gia và các thiết chế thể thao ở trung ương, các tỉnh thành phố sẽ khắc phục được những tồn tại trên. Khu Liên hợp thể thao quốc gia có cơ sở kêu gọi nhà đầu tư cho các dự án, công trình thể thao đã được phê duyệt, đồng thời việc quản trị vận hành và khai thác dịch vụ công sẽ hiệu quả, có được những công trình thể thao hiện đại, nâng lên tầm cao mới, giảm bớt gánh nặng cho ngân sách Nhà nước trong đầu tư công.

Trong thực tiễn quá trình công tác, thực trạng khai thác thiết chế văn hóa, thể thao tại Khu Liên hợp thể thao quốc gia với tâm huyết và mong muốn ngành luôn phát triển vững mạnh, bền vững góp phần thiết thực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Qua Hội thảo này, Khu Liên hợp thể thao quốc gia xin có một số đề xuất mang tính giải pháp sau:

Thứ nhất: Bổ sung lĩnh vực thể dục, thể thao được vào lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP).

Thứ hai: Rà soát, sửa đổi, bổ sung một số luật liên quan và Nghị định số 15/2015/NĐ-CP về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

Thứ ba: Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch khảo sát điều tra và lập đề án trình Chính phủ, Quốc hội cho ngành thể dục, thể thao thí điểm thực hiện đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP), trước hết thí điểm Khu Liên hợp thể thao quốc gia tại Mỹ Đình.

Thứ tư: Ban hành cơ chế đặc thù về quản lý, tự chủ, cho phép đổi mới phương thức tổ chức và hướng đến trao quyền tự chủ về tài chính, tổ chức bộ máy đối với đơn vị sự nghiệp công lập và được áp dụng thí điểm đối với Khu Liên hợp thể thao quốc gia.

Được giao quyền tự chủ tổ chức bộ máy, thực hiện tinh gọn phù hợp với tình hình quản lý vận hành của đơn vị và được phân quyền, phân cấp trong công tác bổ nhiệm cán bộ đối với lãnh đạo quản lý cấp phòng theo trình tự thủ tục quy định.

Được thành lập Đảng bộ cơ sở có con dấu khi đủ điều kiện thành lập (có từ 30 Đảng viên trở lên. Đảng bộ Khu LHTTQG với 69 Đảng viên).

Thứ năm: Kiến nghị về quy hoạch đất đai:

Đối với khu đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Sân vận động trung tâm: 22,49ha, Cung Thể thao dưới nước: 5,72ha):

Ngoài các hoạt động khai thác kinh doanh, cho thuê tạo nguồn thu theo Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê đã được phê duyệt tại quyết định số 897/QĐ-BVHTTDL ngày 10/4/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Kiến nghị Chính phủ cho phép Khu Liên hợp thể thao quốc gia kêu gọi hợp tác đầu tư theo hình thức xã hội hóa quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và Nghị định 59/2014 ngày 16/6/2014 sửa đổi một số điều của Nghị định 69/2008/NĐ-CP; Kêu gọi nhà đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) quy định tại Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

Đối với các Hợp đồng hợp tác kinh doanh thực hiện dự án liên doanh liên kết xã hội hóa tại Khu Liên hợp thể thao quốc gia (03/04 hợp đồng đã hết thời hạn thực hiện hợp đồng) trong khi chưa được phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên kết của đơn vị. Khu Liên hợp thể thao quốc gia kính đề nghị cho phép được gia hạn hợp đồng liên doanh liên kết đã hết thời gian thực hiện hợp đồng và cam kết đi dòi tài sản, hoàn trả mặt bằng khi có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Đối với khu đất đã giải phóng mặt bằng nhưng chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo Quyết định số 2248/QĐ-UBND ngày 19/05/2015): 12,29 ha:

Kiến nghị Chính phủ cho phép Khu Liên hợp thể thao quốc gia khai thác kinh doanh tạo nguồn thu nhằm duy tu bảo dưỡng, sửa chữa công trình và nộp thuế bổ sung ngân sách Nhà nước theo các hình thức sau:

+ Đơn vị tự khai thác kinh doanh.

+ Khai thác kinh doanh mặt bằng, cơ sở vật chất, kho bãi,...

+ Kêu gọi hợp tác đầu tư theo hình thức xã hội hóa quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa,

thể thao, môi trường và Nghị định 59/2014 ngày 16/6/2014 sửa đổi một số điều của Nghị định 69/2008/NĐ-CP.

+ Kêu gọi nhà đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) quy định tại Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về Đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

Đối với Khu đất được giao trong quy hoạch nhưng chưa được GPMB (theo Quyết định số 1969/QĐ-UBND ngày 04/03/2013):

Khu Liên hợp thể thao quốc gia kiến nghị Chính phủ sớm phê duyệt, cấp kinh phí giải phóng mặt bằng đối với các khu đất nêu trên để thực hiện dự án theo quy hoạch đã được phê duyệt đồng thời cho phép kêu gọi nhà đầu tư huy động sự đóng góp của doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội, các tổ chức phi Chính phủ,... theo hình thức đối tác công tư (PPP) và xã hội hóa quy định tại Nghị định số 15/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về Đầu tư theo hình thức đối tác công tư nhằm chống hoang hóa, lấn chiếm và theo định hướng phát triển ngành thể dục, thể thao, theo Quyết định phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao và Quy hoạch hệ thống cơ sở vật chất thể dục, thể thao quốc gia đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030.

Thứ sáu: Kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét cho Khu Liên hợp thể thao quốc gia được áp dụng cơ chế đặc thù chi phí tiền thuê đất đối với các đơn vị sự nghiệp công lập ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cụ thể: Đề nghị cho phép áp dụng cơ chế đặc thù về tiền thuê đất bằng 2% - 5% trên doanh thu hoạt động cho thuê cơ sở vật chất, và cho đơn vị được giữ lại và hạch toán tăng quỹ phát triển sự nghiệp.

Thứ bảy: Khu Liên hợp thể thao quốc gia kiến nghị các cơ quan cấp trên và Quốc hội xin khoan các khoản nợ thuế, tiền thuê đất, tiền lãi phát sinh chậm nộp theo Kết luận 106/KL-TTCTP tính đến hết năm 2023 là: *916 tỷ đồng trong khi chờ kết luận của cơ quan cảnh sát điều tra.* Trong đó:

Nợ tiền thuê đất và tiền chậm nộp (giai đoạn 2009-2018) số tiền (tạm tính) 658.321,552 triệu đồng (Nợ gốc 476.612.095.130 đồng; Lãi chậm nộp phát sinh 439.771.786.009 đồng).

Nợ tiền thuế thu nhập doanh nghiệp: 13.226.669.787 đồng.

Trên đây là một số ý kiến tham luận, và đề xuất một số vấn đề liên quan đến công tác đầu tư, khai thác, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao tại Khu Liên hợp thể thao quốc gia.

PHẦN III

BÁO CÁO, THAM LUẬN CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG

TÍCH HỢP THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO TRONG QUY HOẠCH TỈNH QUẢNG NINH

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh

Quảng Ninh là tỉnh ven biển, biên giới thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam, có diện tích đất liền trên 6.100 km² và diện tích biển tương đương đất liền với 2.077 hòn đảo đá, đất, 250 km bờ biển; điều kiện tự nhiên phong phú đa dạng; có vị trí chiến lược về chính trị, kinh tế, quốc phòng - an ninh và đối ngoại; là tỉnh duy nhất có đường biên giới trên bộ, trên biển và trên không với Trung Quốc; dân số khoảng 1,35 triệu người với 22 dân tộc; 13 đơn vị hành chính cấp huyện (4 thành phố, 2 thị xã, 7 huyện); 177 xã, phường, thị trấn; 1.452 thôn, bản, khu phố.

Tỉnh Quảng Ninh nằm ở phía Đông Bắc của Việt Nam, được ví như “một Việt Nam thu nhỏ”, có vị trí địa chiến lược về chính trị, kinh tế với nhiều tiềm năng khác biệt, cơ hội nổi trội, lợi thế cạnh tranh; là cửa ngõ giao thương quan trọng và sôi động nhất của Việt Nam với ASEAN; có Di sản - Kỳ quan thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long, cùng với 630 di tích lịch sử - văn hóa, danh thắng được xếp hạng (trong đó 8 di tích quốc gia đặc biệt, 56 di tích quốc gia, 100 di tích cấp tỉnh, 466 di tích được kiểm kê phân loại); có thương cảng Vân Đồn khẳng định Việt Nam từ sớm là quốc gia biển, dựa vào kinh tế biển; có trữ lượng than lớn nhất Đông Nam Á, là nơi hình thành ngành công nghiệp đầu tiên và là cái nôi của giai cấp công nhân Việt Nam với truyền thống cách mạng “Kỷ luật và đồng tâm”; nơi duy nhất có nhà Vua sau khi thắng giặc ngoại xâm từ bỏ ngai vàng lên núi hóa phật, để lại Thiền phái Trúc lâm Yên Tử mang bản sắc riêng của Phật giáo Việt Nam đang trình UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới.

Trải qua 60 năm xây dựng và phát triển, nhất là giai đoạn hơn 10 năm trở lại đây, tỉnh Quảng Ninh kiên trì, nhất quán thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, bao trùm, toàn diện, tăng trưởng xanh, chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh”; lấy người dân làm trung tâm, với mục tiêu cao nhất là mang lại sự bình yên và ngày càng phồn vinh, hạnh phúc của Nhân dân; đổi mới tư duy, nhận thức, định vị lại giá trị địa phương, nhận diện đầy đủ lợi thế, thách thức, mâu thuẫn, “điểm nghẽn” để tìm cách hóa giải, tìm cơ hội trong khó khăn thách thức, định hình phương thức phát triển mới; chú trọng đổi mới tư duy phát triển, mạnh dạn thí điểm áp dụng thành công nhiều mô hình quản trị mới như phương châm “5 thật”, “6 dám”; “3 trước”, “4 tại chỗ”, từ xa, từ sớm, từ cơ sở; nội lực là căn bản, ngoại lực là quan trọng, kết hợp chặt chẽ nội lực với ngoại lực tạo ra nguồn lực tổng hợp tối ưu “Lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư”; “Lấy công nghiệp, dịch vụ thúc đẩy nông nghiệp; lấy thành thị dẫn dắt nông thôn”; phát triển tư duy mới về mô hình tổ chức không gian phát triển “Một tâm, hai tuyến đa chiều, các mũi đột phá, ba vùng động lực”, về quản trị phát triển bền vững địa phương, thích ứng linh hoạt trong tình hình mới với 4 trụ cột: Kinh tế, xã hội, môi trường, an ninh, về “quy hoạch đi trước một bước” làm nền tảng phát triển bền vững.

Kinh tế liên tục tăng trưởng cao và ổn định, giữ vững tốc độ tăng trưởng GRDP trên 2 con số trong 9 năm liên tiếp (2015 - 2023). Quy mô nền kinh tế tăng nhanh, năm 2023 ước đạt gần 315.839 tỷ đồng, đứng thứ 3 ở khu vực phía Bắc (chỉ sau Hà Nội, Hải Phòng), đóng góp 10,1% vào tổng quy mô nền kinh tế của Vùng đồng bằng sông Hồng, đóng góp 3,2% quy mô kinh tế cả nước. Là một trong 18 tỉnh, thành phố đóng góp cho ngân sách quốc gia. Phát triển khá cân đối giữa các vùng miền, tạo bước chuyển lớn trong phát triển văn hóa, xã hội, con người, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao mức sống và chất lượng sống nhân dân, thu hẹp chênh lệch vùng miền, hoàn thành trước nhiều mục tiêu của cả giai đoạn 2020-2025. GRDP bình quân đầu người năm 2023 ước đạt 9.500 USD, gấp 2,23 lần so với bình quân chung cả nước và đứng thứ 2 toàn quốc.

Tạo bút phá về tốc độ phát triển các hạ tầng chiến lược, nhất là hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối theo hướng kiến tạo các hành lang giao thông gắn với các hành lang kinh tế, hành lang đô thị, hướng tới xây dựng thành thành phố trực thuộc Trung ương và thúc đẩy liên kết nội vùng, liên kết vùng, phân công và hợp tác lãnh thổ, bảo đảm các tiềm năng, thế mạnh, lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh từng địa phương của tỉnh, trong tam giác động lực phía Bắc, Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Vùng đồng bằng sông Hồng được phát huy tối đa, bổ sung cho nhau, cùng phát triển bền vững. Chỉ tính riêng từ năm 2010 đến nay, dựa chủ yếu vào nguồn lực xã hội, kết hợp với vai trò dẫn dắt bởi nguồn lực Nhà nước được đầu tư tập trung, bài bản, khoa học, Tỉnh đã xây dựng mới 3.182km đường bộ, nâng tổng chiều dài đường bộ toàn tỉnh lên hơn 6.000 km, trong đó có 176 km cao tốc đưa Quảng Ninh là một trong các địa phương có số Km đường cao tốc lớn nhất cả nước hiện nay. Quảng Ninh còn là một địa phương có tốc độ đô thị hóa nhanh thuộc diện cao nhất cả nước, với 4 thành phố, 2 thị xã trực thuộc tỉnh, tỷ lệ đô thị hóa đến hết năm 2023 ước đạt 69,46%. Quảng Ninh là địa phương đầu tiên trong Vùng đồng bằng sông Hồng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và là địa phương đầu tiên trong cả nước được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch triển khai Quy hoạch tỉnh.

Tạo đột phá về chất lượng cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; trở thành tỉnh duy nhất nhiều năm liền dẫn đầu về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và các chỉ số chính quyền liêm chính, kiến tạo, hành động phục vụ Nhân dân. Trong 10 năm gần đây, Quảng Ninh luôn duy trì vị trí xếp hạng trong top 5 tỉnh, thành phố có môi trường đầu tư tốt nhất cả nước và đứng đầu trong các tỉnh, thành phố khu vực phía Bắc. Đặc biệt, từ năm 2017 - 2022 (6 năm liên tiếp) tỉnh Quảng Ninh đứng đầu toàn quốc về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); duy trì 05 năm liên tiếp (2019-2023) dẫn đầu chỉ số sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (SIPAS); 05 năm (từ năm 2017 đến năm 2020 và năm 2022 - 2023) dẫn đầu chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), 2 năm dẫn đầu chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI).

Trên quan điểm Nhân dân luôn ở vị trí trung tâm trong quá trình thực hiện mục tiêu phát triển nhanh và bền vững, những thành tựu phát triển của tỉnh đã làm đổi thay sâu sắc đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân từng ngày, từng giờ. Hết năm 2022, tỉnh Quảng Ninh đã đồng thời hoàn thành Chương trình mục tiêu quốc

gia xây dựng nông thôn mới và hoàn thành trước 3 năm Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025. Tỉnh không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022 - 2025; xây dựng và triển khai chuẩn nghèo mới của tỉnh gấp 1,4 lần so với Trung ương về tiêu chí thu nhập. Đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện; mở rộng cơ hội tiếp cận dịch vụ y tế, thông tin - truyền thông chất lượng cao và bảo đảm chất lượng chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Toàn tỉnh đạt 55 giường bệnh, 15 bác sỹ, 2,7 dược sỹ đại học và 24 điều dưỡng trên 1 vạn dân; Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 95,25%, cao hơn bình quân chung cả nước. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 90,22%; Quảng Ninh là 1/31 tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và là 1/23 tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập THCS mức độ 2. Các thiết chế văn hóa, thể thao được nâng cấp, sửa chữa, đầu tư đồng bộ, hiện đại, góp phần rút ngắn khoảng cách thụ hưởng đời sống vật chất, tinh thần của người dân.

Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; chủ quyền an ninh biên giới, biển đảo quốc gia được giữ vững, tuyệt đối không để xảy ra tình huống bị động, bất ngờ; hoạt động đối ngoại được chú trọng mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu; xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác và phát triển. Quảng Ninh vươn lên, đã và đang trở thành một trong những tỉnh đi đầu trong công cuộc đổi mới sáng tạo của vùng đồng bằng Bắc Bộ, một cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc.

1. Khái quát về thực trạng, tổ chức hoạt động thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh

Trong những năm qua, công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh luôn được quan tâm và đã đạt được những kết quả tích cực và tương đối toàn diện. Các thiết chế văn hóa, thể thao được nâng cấp, sửa chữa, đầu tư đồng bộ, hiện đại, góp phần rút ngắn khoảng cách thụ hưởng đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Đặc biệt từ khi Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 về *“Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”* năm 2018, Tỉnh ủy Quảng Ninh đã ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 09/3/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình hành động số 105/CTr-UBND về triển khai thực hiện Nghị quyết. Kế thừa và phát huy Nghị quyết số 11-NQ/TU, năm 2023, Tỉnh ủy Quảng Ninh tiếp tục xây dựng và ban hành Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 30/10/2023 về *xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Quảng Ninh trở thành nguồn lực nội sinh, động lực cho phát triển nhanh, bền vững*, trong đó đưa ra nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục đầu tư và khai thác hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao và không gian công cộng phục vụ phát triển văn hóa chất lượng cao, hướng đến đẳng cấp quốc tế.

Từ những chủ trương đến cách làm đúng đắn và phù hợp, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trong tỉnh cơ bản đã và đang dần được hoàn thiện về số lượng cũng như chất lượng hoạt động. Cấp tỉnh có Bảo tàng, Thư viện, Cung Quy hoạch, Hội chợ và Triển lãm, Khu Liên hợp Thể thao, Cung Văn hóa Thanh thiếu nhi, Cung

Văn hóa Lao động Việt Nhật. 13/13 huyện, thị xã, thành phố có cơ sở vật chất Trung tâm Văn hóa, Thể thao, Thư viện. Cấp xã có 71/177 Nhà Văn hóa, cấp thôn có 1449/1452 Nhà văn hóa thôn khu. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đa dạng tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội địa phương, thu hút được lượng khách tham quan du lịch văn hóa, quảng bá hình ảnh Quảng Ninh đến với bạn bè trong nước và quốc tế. Trên địa bàn tỉnh đã bố trí quỹ đất khoảng 500 ha cho thể dục, thể thao, bao gồm diện tích các công trình thể dục, thể thao hiện đại phục vụ cho tập luyện và tổ chức thi đấu các giải tỉnh, quốc gia và quốc tế do ngành thể dục, thể thao quản lý và diện tích đất dành cho thể dục, thể thao của 13 huyện, thị xã, thành phố được bố trí đáp ứng được nhu cầu của nhân dân.

Năm 2022, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 921/QĐ-UBND ngày 14/4/2022 về việc phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025. Sau khi đề án đã được ban hành, các đơn vị, địa phương đã chủ động rà soát, bổ sung quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh. Cụ thể:

+ Cấp tỉnh: Đã bố trí quỹ đất và đầu tư xây dựng Bảo tàng, Thư viện, Cung Quy hoạch Hội chợ và Triển lãm tỉnh, Cung Văn hóa Thanh thiếu, Cung Văn hóa Hữu nghị Việt Nhật, Khu liên hợp Thể thao Quảng Ninh. Hiện nay, Trung tâm Văn hóa và Nhà hát tỉnh đã được phê duyệt trong Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh. Các đơn vị, địa phương đang nghiên cứu rà soát bố trí quỹ đất để đầu tư xây dựng.

+ Cấp huyện: 13/13 huyện, thị xã, thành phố đã quy hoạch và bố trí quỹ đất dành cho Trung tâm Văn hóa, thể thao. Đối với các địa phương: Móng Cái, Cô Tô, Đàm Hà chưa dành quỹ đất để xây dựng Trung tâm Thể thao; huyện Tiên Yên, Hải Hà có quỹ đất nhưng chưa có kinh phí để xây dựng Trung tâm Thể thao huyện.

+ Cấp xã: Có 115/177 xã đã bố trí quy hoạch quỹ đất để xây dựng Trung tâm Văn hóa, thể thao, còn 62¹ xã, phường chưa quy hoạch dành quỹ đất để xây dựng Trung tâm Văn hóa, thể thao, chủ yếu tập trung tại các phường, thị trấn thuộc thành phố Uông Bí, Hạ Long, Móng Cái, Cẩm Phả, Quảng Yên.v.v.

+ Cấp thôn, khu: 99,8% các thôn khu đã dành quỹ đất xây dựng Nhà Văn hóa; duy nhất có khu 2 phường Phong Hải (Quảng Yên); khu 3 thị trấn Ba Chẽ chưa có quỹ đất để xây dựng Nhà Văn hóa.

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh được đầu tư hiện đại, quy mô quốc gia, quốc tế như Cung Quy hoạch, Hội chợ và Triển lãm tỉnh, Bảo tàng, Thư viện tỉnh, Khu Liên hợp Thể thao, Sân Vận động Cẩm Phả đã phát huy khai thác hiệu quả hoạt động. Các sự kiện văn hóa, thể thao lớn như Chương trình Gala xiếc 3 miền, Liên hoan xiếc quốc tế, festival âm nhạc, festival áo dài, đăng cai SEA Games 31, Đại hội Thể thao toàn quốc và trung bình tổ chức hơn 30 giải thể thao cấp tỉnh/năm. Hầu hết các công trình văn hóa, thể thao ngoài phục vụ nhiệm vụ

¹ Hòa Lạc, Ka Long, Ninh Dương, Trà Cỏ, Hải Hòa, Bình Ngọc, Hải Yên, Trần Phú (Móng Cái), thị trấn Đàm Hà (Đàm Hà), thị trấn Bình Liêu (Bình Liêu), thị trấn Tiên Yên (Tiên Yên); thị trấn Cô Tô (Cô Tô), thị trấn Ba Chẽ; 13 phường thuộc TP Cẩm Phả (trừ 03 xã Dương Huy, Cộng Hòa, Cẩm Hải), 16 phường thuộc thành phố Hạ Long; Quảng Yên 11 phường, Uông Bí 9 phường.

chính trị đã trở thành điểm tham quan du lịch của du khách, qua hằng năm đều tăng số lượng khách đến thăm quan văn cảnh, chất lượng dịch vụ của các cơ quan được giao quản lý ngày càng được nâng lên và được đánh giá cao, trong đó tiêu biểu: Công trình Bảo tàng, Thư viện tỉnh đang là điểm đến, ngày càng thu hút đông đảo nhân dân và du khách đến với Quảng Ninh². Một số các hoạt động tổ chức sự kiện văn hóa quy mô cấp tỉnh đã trở thành “thương hiệu” của tỉnh Quảng Ninh và có tính thu hút cao, hướng tới quảng bá và phục vụ khách du lịch trong nước và quốc tế như: (1) Liên hoan Xiếc thế giới - Hạ Long 2019; (2) Liên hoan âm nhạc quốc tế; (3) Festival áo dài Quảng Ninh 2020; (4) Festival Áo dài Quảng Ninh 2022; (5) Giải chạy VnExpressMarathon Amazing Hạ Long; (6) Giải chạy Halong Bay Heritage (7) Lễ kỷ niệm 60 năm Ngày thành lập tỉnh; (8) Lễ hội Hokkaido.

Cấp huyện bình quân tổ chức từ 15 - 20 giải thể thao/huyện, thị xã, thành phố; các hoạt động văn hóa, văn nghệ diễn ra sôi nổi như Hội diễn nghệ thuật quần chúng, liên hoan tiếng hát khu dân cư, ngày hội văn hóa, thể thao các dân tộc, đại hội thể dục, thể thao... ngoài ra còn tổ chức các hội thi, hội diễn, các giải thể thao, các lớp năng khiếu... do các ngành, đoàn thể của các huyện, thị xã, thành phố phối hợp tổ chức, thu hút đông đảo các thành phần, lứa tuổi tham gia hoạt động. Thư viện huyện, thị xã, thành phố bình quân hơn 10.000 đầu sách/huyện, hàng tháng duy trì khoảng 30 đầu báo, tạp chí các loại, mở cửa phục vụ độc giả hàng ngày và các lễ, tết, trung bình 3500 lượt đọc/năm/huyện, số thẻ bạn đọc bình quân hơn 200 thẻ/năm, luân chuyển sách đến cơ sở khoảng 03 lượt/năm.

Các hoạt động văn hóa, thể thao cấp xã và thôn, khu cũng được tổ chức thường xuyên phục vụ các sự kiện chính trị của địa phương, các ngày lễ lớn được nhân dân tham gia hưởng ứng nhiệt tình góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân.

2. Tích hợp đưa ra các phương án và giải pháp phát triển văn hóa, thể thao đến năm 2030, tầm nhìn 2050, tổng hợp quy hoạch phát triển văn hóa, thể thao và các công trình hạ tầng văn hóa, thể thao của tỉnh Quảng Ninh

2.1. Về Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh

- Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 80/QĐ-CP ngày 11/02/2023, đây là Quyết định quan trọng với tư duy đột phá và tầm nhìn chiến lược sẽ trở thành “kim chỉ nam” để Quảng Ninh phát triển nhanh, toàn diện và bền vững trong tương lai.

- Mục tiêu Quy hoạch tỉnh đặt ra đến năm 2030 là xây dựng, phát triển Quảng Ninh là một tỉnh tiêu biểu của cả nước về mọi mặt; tỉnh kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc; một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện; trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và

² Năm 2022 Bảo tàng tỉnh đón 666.730 lượt khách, thu phí tham quan gần 16 tỷ đồng, năm 2023, Bảo tàng tỉnh đón 728.502 lượt; tổng thu là 21.370.620.000^d. Thư viện Tỉnh năm 2022 phục vụ 103.324 lượt bạn đọc, 309.972 lượt sách báo luân chuyển, tổng số sách bổ sung mới 2.000 bản/thư viện, cấp mới 1.950 thẻ bạn đọc. Năm 2023 đã phục vụ 290.241 lượt bạn đọc; 1.901.972 lượt sách báo; 14.905 lượt khách tham quan; cấp mới và gia hạn 2.789 thẻ; bổ sung 8.000 bản sách; 200 loại báo, tạp chí; 30.000 trang tài liệu số.

cả nước; đô thị phát triển bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; là khu vực phòng thủ tinh vững chắc về quốc phòng - an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế. Phân đầu duy trì tốc độ tăng trưởng GRDP hằng năm trên 10%, đến năm 2025 quy mô GRDP đạt khoảng 408.000 tỷ đồng, GRDP bình quân đầu người 11.000 - 12.000 USD; đến năm 2030, quy mô GRDP đạt khoảng 747.000 tỷ đồng, GRDP bình quân đầu người 19.000 - 20.000 USD.

- Tầm nhìn phát triển đến năm 2050, Quảng Ninh là tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, vùng đô thị lớn mang tầm khu vực và quốc tế, là một trong những đầu tàu thúc đẩy phát triển kinh tế quốc gia với động lực tăng trưởng chính là dịch vụ, du lịch, đổi mới sáng tạo, có cơ sở kinh tế vững chắc, sức cạnh tranh cao; người dân có mức thu nhập tương đương các nước phát triển; phát triển kinh tế hài hòa giữa các khu vực đô thị và nông thôn; bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh.

- Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh xác định hướng đột phá là xây dựng hệ sinh thái dân sinh hấp dẫn với chính sách khuyến khích và hỗ trợ vượt trội để thu hút nhân tài, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng các KCN, KKT có sức cạnh tranh cao; chuyển đổi số toàn diện; phát triển và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, đa dạng; phát triển hệ thống đô thị hiện đại, thông minh, bản sắc và bền vững với quy mô lớn để nâng cấp chất lượng sống của người dân, thu hẹp nhanh khoảng cách giàu nghèo và chênh lệch vùng miền; phát triển kinh tế đô thị hiệu quả, nhất là đô thị du lịch chất lượng cao; thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí dựa trên nền tảng công nghiệp đổi mới sáng tạo và phát huy giá trị văn hóa, con người và thiên nhiên đậm bản sắc Quảng Ninh. Đời sống của người dân được đặc biệt quan tâm, nâng cao chất lượng; tạo bước chuyển lớn trong phát triển văn hóa - xã hội, con người, đảm bảo an sinh xã hội, phúc lợi xã hội được tính quan tâm và đầu tư mạnh, trong đó có hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở được đầu tư đồng bộ, hiện đại, góp phần rút ngắn khoảng cách thụ hưởng đời sống vật chất, tinh thần của người dân.

2.2. Tích hợp đưa ra các phương án phát triển văn hóa, thể thao

Giai đoạn 2015 - 2020 tỉnh Quảng Ninh tập trung xây dựng kế hoạch đầu tư, quản lý, khai thác có hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao; hiện nay, với mục tiêu đưa tỉnh Quảng Ninh trở thành Trung tâm Văn hóa - Thể thao của vùng Đông Bắc với mạng lưới cơ sở văn hóa và thể dục, thể thao đồng bộ, hiện đại vào năm 2030, Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh đã tổ chức lại không gian phát triển theo **“một tâm, hai tuyến đa chiều, hai mũi đột phá, ba vùng động lực”**.

Trung tâm là thành phố Hạ Long, trung tâm chính trị - hành chính - kinh tế - văn hóa của tỉnh được định hướng đầu tư hoàn thiện đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh như Cung Văn hóa thanh thiếu nhi, Cung Văn hóa Lao động Việt Nhật, Bảo tàng, Thư viện, Cung Quy hoạch Hội chợ và Triển lãm. Tiếp tục đầu tư xây dựng Trung tâm thể thao tỉnh đảm bảo đồng bộ với đầy đủ khu chức năng và hậu cần, phân đầu đến năm 2030 Trung tâm thể thao tỉnh trở thành trung tâm Thể thao cấp vùng các tỉnh Đông Bắc. Bên cạnh đó dự kiến xây dựng các quy hoạch mới mang tính điểm nhấn của tỉnh là Trung tâm Văn hóa tỉnh và Nhà hát tỉnh Quảng Ninh nhằm thúc đẩy công nghiệp văn hóa.

Tuyến hành lang phía Tây xuất phát từ Hạ Long đến Đông Triều hướng tới đồng bằng sông Hồng và Thủ đô Hà Nội; phát triển chuỗi đô thị công nghiệp xanh, công nghiệp sạch, công nghệ cao và du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh. Để đóng góp cho sự thành công của mục tiêu này, tỉnh Quảng Ninh đã quy hoạch Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử (Quảng Ninh - Hải Dương - Bắc Giang) đang trình UNESCO công nhận Di sản thế giới, cùng với các di tích cấp quốc gia đặc biệt là khu di tích lịch sử Bạch Đằng, Khu di tích lịch sử nhà Trần tại Đông Triều tạo thành một khối liên kết về văn hóa, lịch sử, tâm linh.

Tuyến hành lang phía Đông xuất phát từ Hạ Long đến Móng Cái và hướng tới thị trường Đông Bắc Á; phát triển chuỗi đô thị sinh thái - dịch vụ, thương mại, dịch vụ tổng hợp cao cấp, nông nghiệp sạch - công nghệ cao và kinh tế biển. Theo đó, Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh hướng tới xây mới các thiết chế văn hóa, thể thao cấp huyện đảm bảo 100% huyện thị xã, thành phố có thiết chế văn hóa, thể thao đạt chuẩn theo quy định. Xen kẽ vào đó, tỉnh Quảng Ninh đã quy hoạch 22 sân golf tại các khu vực phát triển tương lai. Bố trí quỹ đất để thu hút đầu tư xây dựng sân golf chạy xuyên suốt các thành phố, huyện thị xã từ miền Tây xuống miền Đông tạo nên một phân khúc sản phẩm đầy tiềm năng, làm phong phú thêm các sản phẩm du lịch và phát triển thể dục, thể thao.

Hai mũi đột phá là phát triển Khu kinh tế Vân Đồn và Khu kinh tế Cửa khẩu Móng Cái, với hệ thống hạ tầng giao thông đường bộ, đường biển, đường hàng không được đầu tư đồng bộ, hiện đại, nhằm cụ thể hóa mục tiêu trên. Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh đã định hướng sẽ đầu tư khu liên hợp thể thao cấp quốc gia, quốc tế hướng đến tổ chức ASIAD 2038 tại Vân Đồn.

Cùng với việc hình thành một tâm, hai tuyến đa chiều, hai mũi đột phá, ba vùng động lực, Quảng Ninh tập trung phát triển không gian núi rừng. Quảng Ninh quyết tâm hoàn thành đầu tư tuyến đường tỉnh 342 nối từ Hạ Long đến Ba Chẽ để sang Lạng Sơn, rút ngắn được hơn 50 cây số; như vậy từ Lạng Sơn hướng ra biển sẽ bằng hai con đường, một là Quốc lộ 4B, hai là đường tỉnh 342, điều này đồng nghĩa không gian núi rừng của Tỉnh sẽ được đánh thức, hình thành nên những trung tâm du lịch, trung tâm văn hóa của vùng cao để khai thác lợi thế vùng cao, từ các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn đến Quảng Ninh. Do đó, trong quy hoạch tỉnh, Quảng Ninh đã tích hợp quy hoạch các công trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa như xây dựng và phát triển mô hình Làng văn hóa các dân tộc thiểu số tại Bình Liêu, Trung tâm Văn hóa, thể thao các dân tộc vùng Đông Bắc tại huyện Tiên Yên, cụ thể:

- Về di sản thế giới: Quy hoạch Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử (Quảng Ninh - Hải Dương - Bắc Giang) hiện nay đang trình UNESCO công nhận Di sản Thế giới;

- Về di tích quốc gia đặc biệt: Quy hoạch mới là Di tích Thương cảng Vân Đồn, Đình Trà Cổ;

- Về di tích cấp quốc gia: Quy hoạch mới 05 di tích gồm Khu di tích lưu niệm Bác Hồ trên đảo Ngọc Vũng, Di chỉ khảo cổ Ba Vũng, Khu di tích và Danh thắng Vũng Đục, khu di tích lịch sử Pò Hèn, Khu di tích Thiên Long Uyển;

- Về di tích cấp tỉnh dự kiến quy hoạch mới 15 di tích;
- Về di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia quy hoạch mới là 15 di sản;

- Về thiết chế văn hóa, thể thao: (1) Cấp tỉnh, quy hoạch mở rộng là Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh, quy hoạch mới là Trung tâm Văn hóa tỉnh, Nhà hát tỉnh Quảng Ninh. (2) Cấp quốc gia, quốc tế: Định hướng phát triển khu liên hợp thể thao cấp quốc tế hướng đến tổ chức ASIAD 2038, đề xuất bố trí tại Vân Đồn. (3) Cấp vùng, cấp tỉnh: Hoàn thiện đầy đủ, đồng bộ, hiện đại thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh như Trung tâm Văn hóa, Cung Văn hóa Thanh Thiếu nhi, Cung Văn hóa Lao động Việt Nhật, Bảo tàng, Thư viện, Khu Liên hợp Thể thao, Cung Quy hoạch Hội chợ và Triển lãm, Sân vận động Cẩm Phả. (4) Tiếp tục đầu tư xây dựng Trung tâm Thể thao tỉnh đảm bảo đồng bộ với đầy đủ khu chức năng và hậu cần, phấn đấu đến năm 2030, Khu Liên hợp Thể thao tỉnh trở thành Trung tâm Thể thao cấp vùng các tỉnh Đông Bắc. (5) Cấp huyện: Nâng cấp, xây mới các thiết chế văn hóa, thể thao cấp huyện để đảm bảo 100% huyện thị có thiết chế văn hóa, thể thao đạt chuẩn theo quy định, trong đó xây mới Trung tâm Văn hóa, thể thao huyện Hải Hà và Trung tâm Văn hóa, thể thao huyện Vân Đồn.

- Về công trình bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa: Xây dựng và phát triển mô hình Làng văn hóa các dân tộc thiểu số tại Bình Liêu, Trung tâm Văn hóa, thể thao các dân tộc vùng Đông Bắc tại huyện Tiên Yên.

- Công trình sân golf phục vụ phát triển thể thao và du lịch: bên cạnh các sân golf đã và đang phát triển như sân golf Tuần Châu Hạ Long, sân golf FLC Hạ Long, sân golf Quốc tế Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh có các sân golf dự kiến được xây dựng trong tương lai như sân golf khu vực Đông Bắc đảo Cái Bàu, sân golf Tiên Yên, ngoài ra có thể nghiên cứu phát triển một số sân golf khác ở Hải Hà khi khu vực đô thị và công nghiệp Hải Hà phát triển, sân golf ở một số đảo ở Móng Cái, thành phố Uông Bí....

Như vậy quy hoạch thiết chế văn hóa, thể thao được tích hợp trong Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh đã cơ bản bảo đảm đầy đủ đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao có quy mô lớn phục vụ các sự kiện chương trình mang tầm quốc tế, khu vực và trong nước. Đồng thời khẳng định được vị thế, tiềm lực của tỉnh Quảng Ninh với khu vực và quốc tế, là nơi đáng sống và đáng đến nhất của Việt Nam với các đặc trưng *“Thiên nhiên tươi đẹp - văn hóa đặc sắc - xã hội văn minh - hành chính minh bạch - kinh tế phát triển - nhân dân hạnh phúc”*.

2.3. Một số nhiệm vụ, giải pháp để triển khai tích hợp thiết chế văn hóa, thể thao trong Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh

Một là: phát triển văn hóa trong quy hoạch tỉnh.

Đến năm 2030, Phát triển văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh, động lực quan trọng để phát triển kinh tế nhanh, bền vững của tỉnh. Xây dựng nền văn hóa giàu bản sắc Quảng Ninh gắn với thu hẹp nhanh khoảng cách giàu nghèo và chênh lệch vùng miền. Chăm lo xây dựng

đời sống văn hóa cơ sở, nhất là ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới hải đảo của tỉnh.

Kết hợp chặt chẽ giữa bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa, giá trị văn hóa các dân tộc; vận dụng cơ chế thị trường để chuyển hóa các tài nguyên văn hóa thành nguồn lực văn hóa “vốn hóa” các giá trị văn hóa địa phương để hình thành nên các sản phẩm văn hóa đa dạng, độc đáo phục vụ du lịch - dịch vụ. Tập trung bảo tồn và phát huy giá trị kho tàng di sản văn hóa của tỉnh, trong đó ưu tiên nguồn lực cho các di sản được UNESCO ghi danh, các di tích quốc gia đặc biệt, bảo vật quốc gia và di sản văn hóa phi vật thể thuộc Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Thường xuyên tu bổ, tôn tạo các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia chống xuống cấp phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương. Từng bước phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, giải trí trên địa bàn tỉnh hướng tới xuất khẩu văn hóa góp phần thúc đẩy kinh tế phát triển bền vững. Xây dựng Quảng Ninh trở thành trung tâm văn hóa nghệ thuật cấp vùng; điểm đến hấp dẫn hàng đầu về du lịch di sản văn hóa khu vực châu Á và thế giới được bình chọn hàng năm; xây dựng thành phố Hạ Long trở thành thành viên của mạng lưới các thành phố sáng tạo trên thế giới (của UNESCO);

Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa thể dục, thể thao; phát triển sâu rộng và bền vững hoạt động thể dục, thể thao, phát triển thể thao thành tích cao, tập trung vào các môn thể mạnh, môn thể thao Olympic; phấn đấu đến năm 2030, Quảng Ninh là một trong những trung tâm trọng điểm thể thao thành tích cao của cả nước.

Hai là: Tiếp tục phát huy và khai thác hiệu quả hệ thống các thiết chế văn hóa, thể thao hiện có trên địa bàn tỉnh:

(1) Quy hoạch, bổ sung quy hoạch, dành quỹ đất cho thiết chế văn hóa, thể thao. Đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao còn thiếu và chưa đạt chuẩn theo quy định; mua sắm trang thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao và trang thiết bị vui chơi trẻ em. **Cụ thể mục tiêu đến năm 2030** có 100% đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao; các thôn, khu, bản có điểm vui chơi, giải trí, thể thao dành cho Nhân dân, thanh thiếu nhi phù hợp với đặc thù vùng miền.

(2) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý khai thác, phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao hiện có, nhất là Cung Quy hoạch, Hội chợ và Triển lãm tỉnh, Bảo tàng, Thư viện, Khu Liên hợp Thể thao để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng đời sống nhân dân và nâng cao hiệu quả hoạt động thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở sau đầu tư.

(3) Huy động các nguồn lực đầu tư, nâng cấp trang thiết bị hiện đại cho không gian triển lãm nghệ thuật, trong đó có không gian triển lãm mỹ thuật, nhiếp ảnh tại Cung Quy hoạch, Hội chợ và Triển lãm tỉnh; không gian trưng bày các tác phẩm nghệ thuật đương đại, phát triển các nội dung trưng bày khác tại Bảo tàng Quảng Ninh; xây dựng, mở rộng không gian trưng bày nghệ thuật tại các Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện.

(4) Xây dựng quy hoạch, kế hoạch đầu tư cải tạo và phương án khai thác hiệu

quả các công viên, vườn hoa, quảng trường, sân vận động, các tuyến đường đi bộ trở thành không gian công cộng ngoài trời phục vụ sáng tạo, trưng bày và biểu diễn nghệ thuật. Ưu tiên lắp đặt các công trình, trang thiết bị vui chơi ngoài trời cho trẻ em tại các công viên, vườn hoa và các điểm sinh hoạt cộng đồng ở các khu dân cư, thôn, bản.

(5) Quy hoạch, đầu tư, tu bổ, tôn tạo các công trình tượng đài tiêu biểu, nhà bia tưởng niệm, đài tưởng niệm, nghĩa trang liệt sĩ có kiến trúc mang đậm nét văn hóa lịch sử, truyền thống cách mạng. Đối với các thành phố, thị xã có phương án, lộ trình xây dựng các Nhà tang lễ; khuyến khích xây dựng các địa điểm phục vụ đám cưới.

(6) Định kỳ hằng năm tổ chức các cuộc thi Liên hoan các Nhà Văn hóa, Hội diễn văn nghệ quần chúng, Liên hoan các câu lạc bộ dân vũ; giải thể dục, thể thao quần chúng tại các thiết chế văn hóa, thể thao từ cấp huyện đến thôn khu.

Ba là, nghiên cứu, xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực xã hội hóa trong xây dựng và phát huy hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao ở tỉnh Quảng Ninh: (1) Tiếp tục rà soát, cải cách thủ tục hành chính để các doanh nghiệp tiếp cận đầu tư nhanh. (2) Nghiên cứu xây dựng cơ chế hỗ trợ, ưu đãi, khuyến khích cho người dân và doanh nghiệp các cơ chế hợp liên kết sử dụng tài sản công. (3) Nghiên cứu xây dựng Nghị quyết HĐND về cơ chế chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với lĩnh vực văn hóa, thể thao.

Bốn là, tiếp tục nghiên cứu xây dựng Nhà Hát tỉnh và Trung tâm Văn hóa tỉnh Quảng Ninh. Phối hợp với Tập đoàn Than Công nghiệp và Khoáng sản Việt Nam xây dựng Bảo tàng Than trở thành di sản văn minh công nghiệp, di sản của giai cấp công nhân vùng mỏ trên cơ sở bảo tồn, cải tạo một số khai trường có dấu ấn lịch sử đã đóng cửa mỏ. Khuyến khích phát triển bảo tàng ngoài công lập. Huy động các nguồn lực hợp tác đầu tư cho các mục tiêu phát triển văn hóa thích hợp cho từng loại hình, từng vùng, miền, trong đó ưu tiên các vùng nông thôn, biên giới, hải đảo; chú trọng xã hội hóa các hoạt động văn hóa tại khu đô thị thành phố và thị trấn trung tâm các huyện.

Năm là, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền các hoạt động văn hóa, thiết chế văn hóa; đổi mới cơ chế, nâng cao công tác quản lý nhà nước về văn hóa; tăng cường phối hợp giữa các ngành, đoàn thể trong triển khai, tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, khai thác có hiệu quả các thiết chế văn hóa; phát huy sức sáng tạo và nguồn lực trong nhân dân, vì đây vừa là hạt nhân, vừa là lực lượng đi đầu trong công tác xã hội hóa lĩnh vực văn hóa, góp phần xây dựng văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển xã hội bền vững./.

CHÍNH SÁCH VÀ NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO Ở TỈNH SƠN LA

Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La

Sơn La là tỉnh miền núi với diện tích tự nhiên 14.109,83 km², có 274,065 km đường biên giới giáp với tỉnh Hòa Bình, Luông Pha Băng nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào; dân số trên 1,3 triệu người với 12 dân tộc anh em cùng sinh sống, Tỉnh có 12 đơn vị hành chính cấp huyện (11 huyện, 01 thành phố), 204 đơn vị hành chính cấp xã (188 xã, 07 phường, 09 thị trấn), 2.247 bản, tiểu khu, tổ dân phố. Trong những năm qua, sự nghiệp văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh đạt được những kết quả nhất định. Truyền thống và bản sắc văn hóa tốt đẹp của đồng bào các dân tộc được gìn giữ và phát huy; nhiều lễ hội truyền thống được phục dựng gắn với phát triển du lịch; phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” phát triển cả về bề rộng và chiều sâu; cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ” được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng; các thiết chế văn hóa, thể thao, sinh hoạt cộng đồng được đầu tư và phát huy hiệu quả tích cực; trên địa bàn các huyện, thành phố đã quan tâm dành quỹ đất và vốn đầu tư cho xây dựng, hình thành các khuôn viên vui chơi giải trí cho nhân dân, nhiều nơi đã có công viên, nhà văn hóa, sân tập thể dục, thể thao cho cộng đồng. Mức hưởng thụ văn hóa, tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt.

Trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, đề ra nhiều chủ trương, chính sách kịp thời nhằm xây dựng, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao, góp phần chăm lo đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân, giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII cũng đã khẳng định: “*Tiếp tục đổi mới toàn diện nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về văn hóa. Tăng cường đầu tư, khai thác và phát huy tối đa các nguồn lực văn hóa đi đôi với đổi mới nội dung, phương thức quản lý, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả; tăng cường kiểm tra, giám sát, bảo đảm hiệu quả đầu tư cao trong lĩnh vực văn hóa. Đổi mới, hoàn thiện các thiết chế văn hóa từ Trung ương đến cơ sở, bảo đảm hiệu quả.*”

Thực tiễn cho thấy, thiết chế văn hóa, thể thao đóng vai trò quan trọng, góp phần xây dựng và phát triển văn hóa, thể thao cụ thể:

Thứ nhất, thiết chế văn hóa, thể thao góp phần bảo vệ, gìn giữ các di sản văn hóa góp phần xây dựng và phát huy các giá trị văn hóa bền vững, đề cao bản sắc văn hóa từng tộc người, trao truyền cho các thế hệ sau. Mặt khác, là nơi tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao phù hợp với phong tục, tập quán, lối sống của nhân dân, giáo dục về pháp luật để giảm thiểu các tệ nạn xã hội, từ đó phát huy, gìn giữ bản

sắc văn hóa của các dân tộc trên cả nước.

Thứ hai, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao là nơi để tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến các nhiệm vụ chính trị, xã hội nhằm nâng cao ý thức cảnh giác, đấu tranh với những luận điệu sai trái, chống phá cách mạng, Đảng, Nhà nước, âm mưu diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Thông qua các thiết chế văn hóa để nhân dân đóng góp ý kiến với các cấp ủy đảng, chính quyền về những vấn đề chính trị, văn hóa, xã hội đang diễn ra.

Thứ ba, thiết chế văn hóa, thể thao là nơi kích thích, uơm mầm cho những ý tưởng, khát vọng sáng tạo; nơi trao truyền, quảng bá, lan tỏa những sản phẩm văn hóa; nơi người dân trình diễn, sinh hoạt nghệ thuật dân gian. Chính sức hấp dẫn của thiết chế văn hóa đã huy động được tinh thần đoàn kết của nhân dân, giúp họ thêm yêu quý và gắn bó với quê hương, bản làng.

Thứ tư, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao có vai trò quan trọng trong thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, nhất là trong việc xây dựng nông thôn mới. Trong 19 tiêu chí để được công nhận là nông thôn mới có tiêu chí: nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tỷ lệ thôn, bản có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là 100%. Tiêu chí này, một mặt, góp phần xây dựng nông thôn mới; mặt khác, tạo điều kiện để người dân nông thôn nâng cao mức thụ hưởng văn hóa, khắc phục tình trạng chênh lệch về mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân giữa thành thị và nông thôn.

Nhận thức tầm quan trọng của thiết chế văn hóa, thể thao. Trong những năm qua, tỉnh Sơn La luôn đề cao vai trò của hoạt động quản lý nhà nước về văn hóa nói chung và chú trọng xây dựng và hoàn thiện thiết chế văn hóa, thể thao nói riêng, tỉnh luôn quan tâm chỉ đạo các đơn vị, các ngành, các cấp quan tâm các nội dung như: quy hoạch đất, đầu tư kinh phí, huy động các nguồn lực để xây dựng nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng, các công trình thể thao phục vụ nhu cầu thiết thực của nhân dân. Tỉnh đã quan tâm bố trí ngân sách để đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao và hỗ trợ trang thiết bị cho các xã, nhất là các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong tỉnh.

1. Thực trạng thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh Sơn La

Tính đến hết năm 2023 tỉnh Sơn La có 2.638 thiết chế, văn hóa, thể thao. Trong đó có 2.155/2.247 nhà văn hóa tổ, bản, tiểu khu; 196/204 nhà văn hóa, 150 sân bóng đá, 100 sân bóng chuyền cấp xã, phường, thị trấn; có 10/12 Nhà văn hóa, 10 sân vận động, 11 nhà tập và thi đấu thể thao cấp huyện, thành phố; 05 thiết chế văn hóa, thể thao do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý (*Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh, Bảo tàng tỉnh, Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể thao tỉnh, Thư viện tỉnh, Nhà hát Ca múa nhạc tỉnh*); 01 thiết chế do Tỉnh đoàn quản lý (*Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên tỉnh*); 03 thiết chế do Liên đoàn Lao động tỉnh quản lý (*Hội trường Câu lạc bộ 28/7, Nhà thi đấu thể thao tại thành phố Sơn La và Nhà thi đấu thể thao Liên đoàn lao động tỉnh tại huyện Mộc Châu*).

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trong tình cơ bản đã và đang dần được hoàn thiện về số lượng cũng như chất lượng. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh Sơn La được đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa, cải tạo, hỗ trợ trang thiết bị hoạt động cơ bản đảm bảo theo quy định. Cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành chính sách đầu tư xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động văn hóa, thể thao. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp đã trở thành điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao, là địa chỉ thu hút đông đảo người dân đến vui chơi, giải trí, hưởng thụ và sáng tạo văn hóa, rèn luyện thể chất; đáp ứng được các nhiệm vụ chuyên môn, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các nhiệm vụ chính trị của địa phương, cũng như tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao phục vụ nhân dân vào những dịp lễ hội, kỷ niệm các ngày lễ lớn và các sự kiện chính trị quan trọng của địa phương, góp phần nâng cao đời sống tinh thần và nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

Việc sử dụng và quản lý các thiết chế hiện nay đã đạt được những thành tựu nhất định, tuy nhiên, cũng tồn tại nhiều hạn chế, bất cập. Cơ sở vật chất, các trang thiết bị trong các thiết chế văn hóa, đặc biệt là thiết chế nhà văn hóa còn đơn giản, chủ yếu do nhân dân đóng góp, mua sắm nên chưa có sự đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu hoạt động. Hoạt động tại một số thiết chế văn hóa còn đơn điệu, chủ yếu là hoạt động hội họp, chưa thu hút được sự quan tâm của đông đảo quần chúng nhân dân. Công tác lãnh đạo, quản lý thiết chế văn hóa còn chậm đổi mới. Một số thiết chế văn hóa còn thiếu cán bộ văn hóa có chuyên môn chuyên sâu và tâm huyết với nghề...

2. Chính sách và nguồn lực cho phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao

Trong những năm qua, tỉnh Sơn La đã tập trung chú trọng thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; trong đó, tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật, đổi mới cơ chế, chính sách về đầu tư, xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao phù hợp tình hình thực tế của tỉnh:

2.1. Về ban hành cơ chế, chính sách đặc thù về xây dựng, quản lý, sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao

Tỉnh Sơn La chỉ đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tham mưu trình Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành các Nghị quyết, Quyết định quan trọng về đầu tư xây dựng, hoàn thiện quản lý, sử dụng và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh, cụ thể là:

- Quyết định số 1277/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, các công trình phúc lợi công cộng, khu du lịch, vui chơi giải trí, quảng trường, công viên, thư viện, bảo tàng và nhà văn hóa tổ, bản tỉnh Sơn La đến năm 2015;

- Nghị quyết số 39/2017/NQ- HĐND ngày 15/3/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa tỉnh Sơn La giai đoạn 2010 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Nghị quyết số 43/2017/NQ- HĐND ngày 15/3/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định mức chi đối với các hoạt động văn hóa, nghệ thuật quần chúng trên địa bàn tỉnh Sơn La;

- Nghị quyết số 90/2018/NQ- HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định mức hỗ trợ kinh phí hoạt động văn nghệ quần chúng của bản, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Sơn La;

- Nghị quyết số 36/2020/NQ- HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định mức hỗ trợ với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Sơn La;

- Quyết định số 2580/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của UBND tỉnh về Phê duyệt Đề án “Phát triển thể dục, thể thao quần chúng tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2030”;

- Nghị quyết số 133/2020/NQ-HĐND ngày 01/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi và việc sử dụng kinh phí thực hiện công tác thăm dò khai quật khảo cổ bằng nguồn ngân sách địa phương;

- Nghị quyết 38/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 về việc sửa đổi nội dung của Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 15/3/2017 của HĐND tỉnh về quy định hỗ trợ mức chi đối với hoạt động văn hóa, nghệ thuật quần chúng trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2.2. Về Công tác quy hoạch xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao

Thực hiện Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, UBND tỉnh Sơn La đã tham mưu trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 15/3/2017 về điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa tỉnh Sơn La giai đoạn 2010 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030, trong đó quy hoạch đất sử dụng cho hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp cụ thể như sau:

- Cấp bản, tiểu khu, tổ dân phố: Nhà văn hóa - Khu thể thao quy hoạch đất sử dụng tối thiểu là 300m² - 500m², trong đó khu vực dành cho Nhà văn hóa là 200m²;

- Cấp xã, phường, thị trấn: Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã quy hoạch đất tối thiểu là 500 - 1000 m², trong đó khu vực dành cho Nhà văn hóa trung tâm xã là 300m²;

- Cấp huyện, thành phố: Trung tâm Văn hóa - Thể thao tối thiểu: 2.500 – 3.000 m²; Rạp chiếu phim tối thiểu: 2.500m² - 3000m²; Thư viện huyện tối thiểu: 500m²; Cung thiếu nhi, Nhà văn hóa thiếu nhi tối thiểu: 5.000m²; Cung văn hóa lao động, nhà văn hóa lao động tối thiểu 500 -1000 m².

- Cấp tỉnh: Trung tâm Văn hóa quy hoạch đất tối thiểu là 8.000m² trở lên; Bảo tàng tỉnh quy hoạch đất tối thiểu là 2.000m² trở lên, trong đó phòng trưng bày phải

từ 1.000m² trở lên, kho bảo quản hiện vật phải từ 500m² trở lên; các hạng mục phụ trợ: 500m²; Thư viện tỉnh quy hoạch đất tối thiểu là 5.000m² trở lên; Rạp chiếu phim đa phòng chiếu quy hoạch đất tối thiểu là 10.000m² trở lên; Nhà hát quy hoạch đất tối thiểu là 10.000m² trở lên; Trung tâm Văn hóa - Triển lãm (*nay là Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh*) quy hoạch đất tối thiểu là 2.000 m² trở lên.

2.3. Về bố trí kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao

Hằng năm, tỉnh giao dự toán kinh phí cho các sở, ngành, đơn vị, UBND các huyện, thành phố để triển khai thực hiện đầu tư xây dựng, quản lý sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo đúng quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn hiện hành; Giai đoạn 2013 - 2023, bố trí thực hiện **3.582** lượt đầu tư xây dựng mới, sửa chữa với tổng kinh phí thực hiện trên địa bàn tỉnh, số tiền: **1.350,615 triệu đồng**, trong đó:

- Hệ thống trung tâm văn hóa, thể thao cấp tỉnh 181,347 triệu đồng;
- Hệ thống trung tâm văn hóa, thể thao cấp huyện 99,156 triệu đồng;
- Hệ thống trung tâm văn hóa, thể thao cấp xã 201,299 triệu đồng;
- Hệ thống trung tâm văn hóa, thể thao cấp bản, số tiền: 868,813 triệu đồng

2.4. Về nguồn nhân lực quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao

Tổng số biên chế được giao tính đến hết năm 2023 tại các đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch toàn tỉnh là 564 biên chế: Trong đó: Các đơn vị trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch 183 biên chế; Trung tâm Truyền thông và Văn hóa huyện, thành phố 381 biên chế. Đối với cấp xã, toàn tỉnh có 204/204 xã, phường, thị trấn có công chức Văn hóa - xã hội. Cán bộ quản lý thiết chế văn hóa, thể thao bản, tiểu khu, tổ dân phố chủ yếu do đồng chí Bí thư Chi bộ, Trưởng bản, Trưởng ban Công tác Mặt trận hoặc Trưởng các tổ chức đoàn thể quản lý.

2.5. Việc huy động nguồn lực xã hội để đầu tư, hoàn thiện cơ sở vật chất các thiết chế văn hóa, thể thao

- Nhằm huy động tốt các nguồn lực đầu tư phát triển trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, sử dụng hiệu quả ngân sách Nhà nước cấp cho các hoạt động về văn hóa, thể thao; căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách Nhà nước, tỉnh đã ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết chế văn hóa, thể thao. Dành ngân sách Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang bị phương tiện chuyên dùng, đáp ứng một phần chi phí duy trì hoạt động đối với các thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh, Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện và cấp xã; cung thiếu nhi, nhà thiếu nhi, trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi. Đối với nhà văn hóa - khu thể thao ở các bản, tiểu khu, tổ dân phố, ngân sách địa phương hỗ trợ tùy theo khả năng cân đối, phần còn lại huy động xã hội hóa từ các hộ dân, tổ chức, đoàn thể, công ty, doanh nghiệp, đơn vị... trong và ngoài tỉnh. Với những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, ngân sách Nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, mua sắm trang thiết bị và hỗ trợ một phần chi phí hoạt động.

- Chỉ đạo các sở, ban ngành và ủy ban nhân các huyện, thành phố đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao gắn với mở rộng dịch vụ. Huy động sự đóng góp của các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội, các đoàn thể, nhân dân và tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh để xây dựng và duy trì tổ chức hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đặc biệt là các nhà văn hóa - khu thể thao ở bản, tổ. Từ đó, huy động được nguồn lực to lớn trong nhân dân để xây dựng và hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở. Điển hình là việc xuất hiện ngày càng nhiều các Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, nhà văn hóa - khu thể thao bản có giá trị xây dựng lên đến hàng tỷ đồng.

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, chính sách và nguồn lực cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao ở tỉnh Sơn La còn có một số hạn chế, khó khăn, đó là:

- Chưa ban hành được chính sách đầu tư hỗ trợ của Nhà nước; chưa có định mức, quy định cụ thể về trang thiết bị, kinh phí hoạt động, số lượng cán bộ, công tác viên, chế độ thù lao, chính sách thực hiện xã hội hóa để xây dựng các thiết chế văn hóa trên địa bàn tỉnh còn nhiều khó khăn.

- Các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở chưa có sự đồng bộ và còn thiếu nhiều thiết chế quan trọng, thiết yếu như: Nhà hát, rạp chiếu phim, bảo tàng, thư viện...; Qui mô và công năng sử dụng của các thiết chế hiện có còn hạn chế. Nhiều địa phương chưa có quy chế quản lý, khai thác và tổ chức hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã; Nhà văn hóa - Khu thể thao bản, tổ dân phố. Một số địa phương chưa thực sự quan tâm và có biện pháp để hỗ trợ hoạt động của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản, tổ dân phố. Hệ thống điểm vui chơi dành cho trẻ em còn thiếu.

- Kinh phí đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao chủ yếu từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia. Bên cạnh đó, kinh phí dành cho hoạt động văn hóa, thể thao còn hạn chế, không đủ để tổ chức các hoạt động. Việc huy động xã hội hóa để xây dựng các công trình nhà văn hóa đã được triển khai thực hiện song kinh phí huy động còn ít do đời sống của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, thể thao cơ sở chất lượng chưa đồng đều, một số nơi phải kiêm nhiệm nhiều việc nên dẫn đến công tác tham mưu cho cấp ủy và chính quyền trong việc tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao tại địa phương chưa được phong phú, hiệu quả và chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của người dân.

- Một số địa phương khó khăn trong việc bố trí quỹ đất để xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao, đặc biệt đối với các tổ dân phố, các bản vùng ở vùng núi cao rất khó khăn trong việc bố trí quỹ đất đủ diện tích theo quy định. Một số địa phương có quy hoạch đủ diện tích nhưng kinh phí dành cho xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao còn hạn hẹp không đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

- Thực hiện chủ trương sáp nhập các bản, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn toàn tỉnh nên quy mô dân số tại các bản tăng; các thiết chế văn hóa chưa kịp thời cải tạo,

nâng cấp và xây mới. Vì vậy, nhiều thiết chế văn hóa bị lạc hậu, lỗi công năng, chưa đủ chỗ ngồi cho các hộ dân và nhu cầu sinh hoạt của bà con nhân dân.

3. Giải pháp và kiến nghị về chính sách và nguồn lực cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao ở tỉnh Sơn La

3.1. Về giải pháp

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030” và Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12-11-2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030. Đến năm 2030, phấn đấu 100% đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao. Bảo đảm quyền tiếp cận, hưởng thụ, tham gia và sáng tạo văn hóa của mỗi người dân và cộng đồng thông qua các trung tâm văn hóa nghệ thuật, các thiết chế văn hóa khác như bảo tàng, thư viện, nhà hát... góp phần xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện.

- Bảo đảm thực hiện quy hoạch tổng thể, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao; đổi mới cơ chế, chính sách, phương thức hoạt động để phát huy hiệu quả của hệ thống thiết chế này. Quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng, xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng các công trình văn hóa, thể thao. Khai thác, phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa hiện có. Khuyến khích đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa, thể thao có quy mô, giá trị nghệ thuật cao, gắn với việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo văn hóa, yêu cầu hội nhập quốc tế. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hóa; tăng cường xã hội hóa, khuyến khích phát triển các thiết chế văn hóa ngoài công lập.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về tầm quan trọng, sự cần thiết của việc xây dựng và phát triển văn hóa, về trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và sự đồng thuận của nhân dân trong việc đầu tư xây dựng, nâng cấp, khai thác, sử dụng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao.

- Tích cực tham mưu ban hành cơ chế, chính sách đầu tư, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp, các dự án chuyên ngành; cơ chế, chính sách đặc thù đối với nghệ sỹ, nghệ nhân có nhiều cống hiến, huấn luyện viên, vận động viên thể thao nhằm huy động và phát triển nguồn nhân lực cho lĩnh vực văn hóa, thể thao.

- Tăng cường hướng dẫn hoàn thiện và đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, đầu tư trang thiết bị đối với hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp đảm bảo đúng quy định, đáp ứng yêu cầu hoạt động.

- Chú trọng nâng cao chất lượng, đổi mới phương thức hoạt động văn hóa, thể thao nhằm phát huy hiệu quả sử dụng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao; nâng cao hiệu quả hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp, nâng cao chất lượng chương trình nghệ thuật, vở diễn, các hoạt động thư viện, bảo tàng, triển lãm, chiếu phim, nhà

văn hóa, câu lạc bộ, văn nghệ quần chúng. Tăng cường tổ chức các hội thi, hội diễn, trại sáng tác... đáp ứng nhiệm vụ chuyên môn và nhu cầu sinh hoạt văn hóa, thể thao của nhân dân.

3.2. Về đề xuất kiến nghị

- Đối với Quốc Hội: Xem xét, ban hành Nghị quyết chuyên đề về xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở.

- Đối với Chính phủ: Xem xét, ban hành chính sách hỗ trợ các tỉnh, đặc biệt đối với các tỉnh còn khó khăn trong việc bố trí nguồn vốn đầu tư cho xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở.

- Đối với các bộ, ngành Trung ương

+ Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Tham mưu với Chính phủ ban hành các chính sách đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao, trang thiết bị văn hóa, thể thao cho cơ sở ở những vùng sâu, vùng cao biên giới và vùng đặc biệt khó khăn.

+ Đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam: Xem xét tăng mức đầu tư kinh phí hỗ trợ các đơn vị, doanh nghiệp trên địa tỉnh xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao. /.

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH HỆ THỐNG THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao có vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa xã hội của các tầng lớp nhân dân, là nơi tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, xây dựng đời sống văn hóa, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nâng cao chất lượng cuộc sống và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Việc thực hiện quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao; nâng cao chất lượng hoạt động và hiệu quả sử dụng quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao hiện nay là nhiệm vụ quan trọng và cần thiết, giúp cho việc xây dựng, hoàn thiện thiết chế văn hóa, thể thao ngày càng được kiện toàn, làm thỏa mãn tốt nhất nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân, đáp ứng dịch vụ xã hội cơ bản cho nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Những năm qua, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bắc Ninh đã ban hành nhiều văn bản cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh. Việc xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao được đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như một nhiệm vụ trọng tâm. Các ngành chức năng tập trung tham mưu, xây dựng các chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện.

Thực hiện Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030; UBND tỉnh Bắc Ninh đã ban hành Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 04/5/2017 về việc phê duyệt Đề án “Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017 - 2025, định hướng đến năm 2030”. Đặc biệt, năm 2022, Tỉnh ủy Bắc Ninh đã ban hành Nghị quyết số 71-NQ/TU ngày 29/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Bắc Ninh đến năm 2030 đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Năm 2023, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã; Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, làng, khu phố trên địa bàn tỉnh.

1. Kết quả thực hiện quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao hiện có trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh là kết quả đầu tư của Nhà nước và sự đóng góp công sức, vật chất của nhân dân. Bên cạnh đó, tỉnh cũng đã huy động, khai thác các nguồn lực xã hội tham gia vào xây dựng, củng cố hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến thôn, khu phố. Đến nay, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở không ngừng được đầu tư xây dựng, bổ

sung trang thiết bị chuyên dụng và phát huy hiệu quả hoạt động, góp phần quan trọng vào việc tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với Nhân dân. Thiết chế văn hóa, thể thao đã trở thành công cụ, là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân, thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao từ tỉnh đến cơ sở và là diện mạo văn hóa của địa phương. Hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đã có tác động tích cực đáp ứng nhu cầu sáng tạo, học tập, trao đổi, hưởng thụ, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của các tầng lớp nhân dân, đồng thời gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa Bắc Ninh - Kinh Bắc; tạo nền tảng vững chắc giữ gìn an ninh trật tự, ổn định xã hội để phát triển kinh tế, xây dựng đời sống văn hóa ngay từ cơ sở.

Công tác thực hiện quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh đã đạt được nhiều kết quả cụ thể:

- Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh thuộc ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý gồm có 6 thiết chế là: Nhà hát Dân ca Quan họ Bắc Ninh, Thư viện tỉnh, Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục, thể thao, Bảo tàng tỉnh, Trung tâm đào tạo bóng chuyền và Trung tâm Văn hóa tỉnh. 100% các đơn vị đều có diện tích đất quy hoạch đạt từ 5000m² trở lên. Có 5/6 đơn vị có Hội trường và Khu làm việc đầy đủ; 1/6 đơn vị là Trung tâm Đào tạo Bóng chuyền đang trong quá trình thi công, xây dựng sẽ sớm được bàn giao đưa vào sử dụng trong thời gian tới. Các thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh là nơi tổ chức các hoạt động nhân các ngày lễ kỷ niệm của quê hương đất nước, tổ chức các chương trình nghệ thuật, hội thi, hội diễn, các cuộc liên hoan văn nghệ; triển lãm ảnh, trưng bày các tư liệu, hiện vật truyền thống; các giải thi đấu thể thao... Tổ chức các câu lạc bộ, các lớp năng khiếu văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao phục vụ nhu cầu học tập, rèn luyện và bồi dưỡng năng khiếu của mọi lứa tuổi. Một số công trình có quy mô lớn, kiến trúc đẹp, hiện đại như Nhà hát Dân ca Quan họ Bắc Ninh; Nhà thi đấu đa năng tỉnh; Trung tâm Văn hóa Kinh Bắc... có đủ tiêu chuẩn để đăng cai tổ chức một số sự kiện chính trị, văn hóa, hội thảo, hội nghị, giải thi đấu thể thao quốc gia và quốc tế...

- Thiết chế văn hóa, thể thao cấp huyện: Có 8/8 huyện, thị xã, thành phố đã có quy hoạch đất dành cho xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện đạt chuẩn; có 6/8 huyện, thị xã, thành phố đã xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện (2/8 đơn vị đang đầu tư xây dựng là thành phố Từ Sơn và huyện Tiên Du); 2/8 huyện hoàn thành đầu tư xây dựng 03 công trình thể thao cơ bản cấp huyện (sân vận động, nhà tập luyện thể thao, bể bơi) gồm huyện Gia Bình và Yên Phong. Các đơn vị còn lại đang xây dựng hoặc đã có quyết định phê duyệt dự án đầu tư công trình hạ tầng thiết yếu khu trung tâm văn hóa, thể thao.

- Thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã: Có 98/126 xã, phường, thị trấn đã có quy hoạch quỹ đất dành cho xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã đạt chuẩn; 39/126 xã, phường, thị trấn đã xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao đạt chuẩn.

- Thiết chế văn hóa, thể thao thôn, khu phố: Có 550/730 thôn, khu phố đã có quy hoạch đất dành cho xây dựng Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn đạt chuẩn; có 454/730 thôn, khu phố đã xây dựng Nhà văn hóa - Khu thể thao đạt chuẩn.

- Thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ thanh niên, thiếu niên và nhi đồng cấp tỉnh có Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh Bắc Ninh. Đối với cấp huyện, có thành phố Bắc Ninh đã có quỹ đất để triển khai xây dựng Nhà văn hóa thiếu nhi. Đồng thời, Dự án Trung tâm Văn hóa thiếu nhi phía Nam tỉnh đã được UBND tỉnh phê duyệt, được đầu tư xây dựng tại huyện Gia Bình. Trung tâm Văn hóa thiếu nhi phía Nam tỉnh khi được đưa vào hoạt động sẽ tạo một không gian sinh hoạt văn hóa nghệ thuật, học tập, vui chơi giải trí, tổ chức các hoạt động ngoại khóa lành mạnh, bổ ích cho thiếu niên và nhi đồng khu vực phía Nam tỉnh (gồm các huyện Gia Bình, Lương Tài, thị xã Thuận Thành); khuyến khích sự phát triển năng khiếu, thể chất, trí tuệ, sự năng động sáng tạo, góp phần phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất cho thiếu nhi.

Trên cơ sở các chính sách xã hội hóa của tỉnh, các ngành, các cấp cũng đã tích cực kêu gọi, vận động các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực văn hóa, thể thao đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao ngoài công lập nhằm đa dạng hóa các loại hình hoạt động, phục vụ nhu cầu của nhân dân. Kết quả, đã huy động được nhiều nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực này. Bên cạnh đó, các sân bóng đá nhân tạo, bể bơi, phòng tập thể hình, sân golf, các câu lạc bộ thể dục, thể thao cũng được các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư xây dựng. Ở cấp huyện, công tác xã hội hóa tập trung vào việc xây dựng các nhà tập luyện, thi đấu thể thao tại các trường học, cơ quan, đơn vị, các thôn, khu dân cư....

2. Những khó khăn, tồn tại, hạn chế trong thực hiện quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh

- Một số ngành, địa phương chưa quan tâm bám sát quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao theo quy định của Chính phủ, UBND tỉnh để xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực đầu tư thực hiện. Việc quy hoạch quỹ đất ở một số địa phương để xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao không thể mở rộng do không còn quỹ đất hoặc quỹ đất không tập trung. Vì vậy, một số mục tiêu, nhiệm vụ quy hoạch chưa đạt kết quả đề ra. Một số công trình thiết chế văn hóa trọng điểm cấp tỉnh, ưu tiên đầu tư đến thời điểm hiện tại vẫn chưa thực hiện được như: Trung tâm Thông tin Triển lãm; Nhà Văn hóa lao động; Rạp chiếu phim; Đề án trung bày Bảo tàng tỉnh; Thư viện điện tử...

- Một số huyện, thị xã, thành phố đã đầu tư xây dựng nhưng chưa đảm bảo tối thiểu các công trình thể thao theo quy định (sân vận động, nhà tập luyện thể thao, bể bơi).

- Đối với cấp xã, cơ sở vật chất, trang thiết bị còn thiếu đồng bộ. Phần lớn các hội trường HĐND, UBND kiêm chức năng Hội trường văn hóa đa năng đều được xây dựng trong khuôn viên đất trụ sở UBND cấp xã. Thiết chế văn hóa, thể thao ở một số địa phương được xây dựng đã lâu nên cơ sở hạ tầng xuống cấp.

- Kinh phí hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn, khu phố còn hạn chế, không có nguồn chi cho hoạt động thường xuyên, việc duy trì hoạt động văn hóa, thể thao phần lớn là do xã hội hóa.

- Lực lượng làm việc tại các thiết chế văn hóa, thể thao thường xuyên có sự

thay đổi. Người phụ trách Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, khu phố đều là kiêm nhiệm, hầu hết chưa được bồi dưỡng về chuyên môn và cũng không được hưởng phụ cấp. Cán bộ phụ trách lĩnh vực văn hóa, thể thao tại các địa phương thường xuyên thay đổi, biến động nên ảnh hưởng nhất định trong việc chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ văn hóa, thể thao.

- Đối với thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ thiếu nhi, ngoài thành phố Bắc Ninh thì các đơn vị còn lại đều chưa xây dựng Nhà văn hóa thiếu nhi.

- Các thiết chế văn hóa, thể thao dành cho người lao động tại các khu công nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Hiện nay ở các Khu công nghiệp tập trung chưa xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao cho công nhân. Trong các khu công nghiệp chỉ có một số doanh nghiệp lớn tự đầu tư xây dựng các hạng mục phục vụ đời sống văn hóa, tinh thần cho công nhân lao động. Do thiếu thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ công nhân lao động nên các doanh nghiệp khi tổ chức các hoạt động đều phải đi thuê, mượn. Nhiều chương trình phải tổ chức ngoài trời, trên đường giao thông nội bộ, tiềm ẩn nguy cơ rủi ro về an toàn giao thông, an ninh trật tự. Do khó khăn trong bố trí địa điểm tổ chức nên nhiều doanh nghiệp cũng hạn chế các hoạt động nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động. Điều đó dẫn tới việc tổ chức các cuộc sinh hoạt văn hóa, hoạt động thể thao chưa nhiều, chưa thường xuyên; tỷ lệ doanh nghiệp thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao cho công nhân chưa cao.

3. Giải pháp thực hiện quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh trong thời gian tới

Một là: Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc bố trí nguồn lực phù hợp để đầu tư, xây dựng, tu sửa các thiết chế văn hóa, thể thao trên cơ sở bám sát các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND, thực hiện có lộ trình, có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo tính đồng bộ, hợp lý và phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của người dân, phù hợp với đặc điểm của từng địa phương và quy định của Nhà nước. Quy hoạch và dành quỹ đất tại các địa điểm thuận lợi, ưu tiên các nguồn lực để xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị, phân bố dân cư, xây dựng nhà ở và các công trình văn hóa, thể thao khác nhằm tạo ra môi trường thân thiện, thuận lợi phục vụ nhân dân khai thác và sử dụng hiệu quả.

- Tiếp tục thực hiện hoàn thành mục tiêu đến năm 2030 theo Quyết định số 198/QĐ-UBND ngày 04/5/2017 của UBND tỉnh. Bổ sung các chỉ tiêu cụ thể về xây dựng và phát triển hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao vào nội dung quy hoạch tỉnh; rà soát, đánh giá quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp để điều chỉnh theo quy định về vị trí, quy mô và cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Tập trung ưu tiên bổ sung, bố trí nguồn vốn, quỹ đất xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao đảm bảo tiêu chuẩn. Quan tâm các thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ thanh thiếu nhi, người cao tuổi.

- Định hướng xây dựng, từng bước phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ công nhân. Quy hoạch phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ công nhân phù hợp với quy hoạch phát triển khu công nghiệp, quy hoạch

phát triển đô thị, phân bố dân cư, xây dựng các công trình văn hóa, thể thao ở cơ sở; nâng cấp các thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở phục vụ công nhân làm việc ở các khu công nghiệp và nhân dân cư trú trên địa bàn.

- Chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở:

+ Bảo đảm đến năm 2025, các huyện, thị xã, thành phố hoàn thành đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao cơ bản (bao gồm: Hội trường văn hóa đa năng và 03 công trình thể thao: Nhà tập luyện thể thao, sân vận động và bể bơi) đạt từ 80% đến 90%; đến năm 2030, 100% cấp huyện hoàn thành đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ bản;

+ Đến năm 2025, 100% các xã, phường, thị trấn hoàn thành quy hoạch đất, 70% - 80% cấp xã có hội trường văn hóa đa năng và các công trình thể thao cơ bản; 75% thôn, khu phố có Nhà văn hóa - Khu thể thao đạt quy chuẩn;

+ Đến năm 2030 phấn đấu 100% các xã, phường, thị trấn; thôn, khu phố có thiết chế văn hóa - thể thao đạt quy chuẩn.

Hai là, Tăng cường công tác quy hoạch, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa - xã hội cấp xã; định kỳ mở các lớp tập huấn hướng dẫn về công tác quản lý, tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao cho đội ngũ cán bộ văn hóa, cộng tác viên ở cơ sở; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm việc tại các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh. Có chính sách thích hợp trong công tác đào tạo và sử dụng đội ngũ cán bộ tại các thiết chế văn hóa, thể thao. Việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực tại các thiết chế được thực hiện đồng bộ và bảo đảm các yêu cầu cán bộ vừa được đào tạo về đạo đức, vừa được đào tạo về chuyên môn, có kỹ năng, tâm huyết với nghề.

Ba là, Đảm bảo phân bổ nguồn ngân sách Nhà nước, thực hiện phân cấp theo quy định để vận hành các thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở. Có quy chế quản lý, vận hành nhằm khai thác có hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao đã đầu tư, kể cả việc đầu tư khai thác xã hội hoá trong quá trình vận hành, quản lý cơ sở vật chất từ tỉnh đến cơ sở.

Trước mắt trong năm 2024 tập trung chỉ đạo thực hiện tốt Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã; Nhà văn hóa - khu thể thao thôn, làng, khu phố, trên cơ sở đó tổng kết, đánh giá hiệu quả, vướng mắc, khó khăn để sửa đổi, bổ sung và triển khai rộng rãi trong những năm tiếp theo.

Bốn là, Đa dạng và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa như: hoạt động tuyên truyền, cổ động; hoạt động giáo dục; hoạt động văn nghệ quần chúng; hoạt động của các hội, nhóm, câu lạc bộ; hoạt động vui chơi, giải trí; hoạt động bảo tồn, lưu giữ các giá trị văn hóa... Các hoạt động này không chỉ phong phú, đa dạng mà còn cần có sự đổi mới cả về nội dung và cách thức thực hiện để đạt được hiệu quả tốt nhất. Song song với việc đổi mới, nâng cao chất lượng các hoạt động cũng cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền về vai trò của thiết chế văn hóa,

phát huy tinh thần chủ động, tích cực tham gia của quần chúng nhân dân. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động văn hóa, thể thao gắn với nhu cầu người dân; tăng cường công tác hướng dẫn nghiệp vụ đối với hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cấp huyện, xã, thôn, khu phố và phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; đi sâu tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phù hợp với đặc trưng văn hóa địa phương nhằm thu hút nhân dân tham gia hoạt động; tăng cường và nâng cao hiệu quả các hội thi, hội diễn, ngày hội văn hóa, thể thao, các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, xây dựng và phát triển hệ thống các câu lạc bộ văn hóa, thể thao cơ sở

Năm là, Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách của tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã; Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, khu phố.

- Tập trung nghiên cứu ban hành chính sách thuộc một số lĩnh vực:

+ Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao theo hình thức xã hội hóa;

+ Chính sách khuyến khích hỗ trợ thành lập các thiết chế văn hóa, thể thao ngoài công lập như: bảo tàng, thư viện, bể bơi, nhà luyện tập thể thao đa năng, sân thể thao ngoài trời...;

+ Chính sách khuyến khích đầu tư xây dựng các thiết chế thể thao đặc thù ngoài công lập có quy mô lớn như: trường đua, sân golf, rạp chiếu phim, khu vui chơi giải trí...

+ Cơ chế hỗ trợ kinh phí cho cán bộ phụ trách và kinh phí cho tổ chức hoạt động của Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn, khu phố;

Sáu là, Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao, nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước, hướng các hoạt động tại các thiết chế thực hiện đúng mục tiêu của Đảng và Nhà nước.

Cùng với những giải pháp trên, đề sớm hoàn thành việc quy hoạch, đầu tư xây dựng đồng bộ, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh nói riêng và các địa phương khác trong cả nước nói chung, đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các bộ ngành liên quan cần tham mưu, đề xuất với Chính phủ rà soát lại cơ chế, chính sách và các quy định của pháp luật, sửa đổi và bổ sung các quy định mới trong lĩnh vực đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở có sử dụng ngân sách Nhà nước, nhằm nâng cao chất lượng các công trình xây dựng và đồng bộ hóa giữa công tác xây dựng và mua sắm trang thiết bị đảm bảo công năng khai thác của các thiết chế được xây dựng, phòng chống tiêu cực, lãng phí trong quá trình đầu tư; hoàn thiện và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, phát huy vai trò của các thiết chế trong xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, đảm bảo an ninh, trật tự, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững./.

GIẢI PHÁP QUY HOẠCH HỆ THỐNG THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO TRONG QUY HOẠCH TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang

1. Đặt vấn đề

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao là bộ phận hợp thành kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của quốc gia và từng địa phương. Khi xã hội càng phát triển, đời sống Nhân dân ngày càng được nâng cao toàn diện thì hệ thống kết cấu hạ tầng lĩnh vực văn hóa, thể thao phải tương thích phục vụ nhu cầu sinh hoạt nâng cao đời sống tinh thần, sức khỏe cho Nhân dân. Trong giai đoạn hiện nay, việc quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đầy đủ, đồng bộ, hiện đại là yêu cầu cần thiết và cấp bách, bởi đó là cơ sở, nền tảng đầu tiên để văn hóa trở thành nền tảng tinh thần của xã hội; là nơi kết nối, giao lưu, sáng tạo và tập hợp ý chí, quyết tâm của toàn xã hội; có vai trò, vị trí quan trọng trong công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, góp phần xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.

2. Kết quả đạt được

Trong những năm qua, quán triệt sâu sắc các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng về phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc nói chung, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao nói riêng được nêu tại Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”; Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” và Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bắc Giang đã tích cực cụ thể hóa, thể chế hoá, xây dựng các quy hoạch, kế hoạch, đề án, dự án,... và các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả, với nhiều mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh như: Quy hoạch phát triển văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011 - 2020¹; Đề án phát triển Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh; Đề án Phát triển Bảo tàng tỉnh; Đề án Phát triển Nhà hát Chèo Bắc Giang,... Nhất là Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 10/6/2015 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2030”, trong đó đã thể hiện đầy đủ, toàn diện về phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trong trung hạn và dài hạn của tỉnh. Tạo cơ sở pháp lý, định hướng quan trọng

¹ Điều chỉnh Quy hoạch phát triển Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

để các cấp, các ngành, các địa phương tập trung các nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao thuộc địa bàn, lĩnh vực quản lý,.. Đặc biệt, Bắc Giang là tỉnh đầu tiên trong cả nước được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quy hoạch xác định rõ các mục tiêu, nhiệm vụ: "Tập trung xây dựng, từng bước hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao", "Duy trì các thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh hiện có, xây dựng: Trung tâm Văn hóa - Triển lãm; quy hoạch mới các thiết chế văn hóa, thể thao, gồm: Sân Vận động tỉnh; Khu tập luyện, thi đấu thể thao dưới nước; các trung tâm văn hóa, thể thao phục vụ công nhân tại các Khu công nghiệp". (*Theo phương án phân bố và khoanh vùng đất đai trong quy hoạch tỉnh chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa đến năm 2030 là 694,48 ha, tăng 379,02 ha so với năm 2020*). Quy hoạch đã tạo khung pháp lý cao nhất, hành lang vững chắc cho sự phát triển nhanh, toàn diện và bền vững của tỉnh; là cơ sở, tiền đề để hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, tạo không gian phát triển mới, trong đó có phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trong thời kỳ mới. Từ các mục tiêu, nhiệm vụ trên, tỉnh Bắc Giang đã kịp thời cụ thể hóa, ban hành các chương trình hành động, kế hoạch, nhằm xây dựng lộ trình tổ chức thực hiện; xác định nội dung, trọng tâm, tiến độ và nguồn lực thực hiện việc phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn tới mà Quy hoạch đề ra.

Thời gian qua, các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh đã quan tâm, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, trong đó đã ban hành các Đề án, Kế hoạch phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, đưa mục tiêu phát triển thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương; thường xuyên ban hành các văn bản hướng dẫn, quản lý và sử dụng có hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở. Việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở được quan tâm thực hiện. Cơ bản các huyện, thành phố, thị xã đã làm tốt việc quy hoạch đất sử dụng cho thiết chế văn hóa, thể thao. Hầu hết các Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã và Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn, tổ dân phố đã được rà soát và thực hiện lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, trong đó ưu tiên dành quỹ đất để xây dựng nhà văn hóa, sân bãi tập luyện thể dục, thể thao cho Nhân dân.

Số lượng thiết chế văn hóa, thể thao các cấp được đầu tư xây dựng đạt và vượt mục tiêu đề ra tại một số địa phương, nhất là những địa phương có tỷ lệ xã đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới;² cơ chế, chính sách về đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, bố trí nhân lực và kinh phí hoạt động từng bước được nâng lên, một số địa phương như: Thành phố Bắc Giang, thị xã Việt Yên, các huyện Tân Yên, Yên Dũng đã xây dựng các cơ chế, chính sách nhằm thu hút, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội hóa đối với hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở.

Nội dung, phương thức tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao có nhiều thay đổi phù hợp với điều kiện thực tế. Nhiều nhà văn hóa được xây dựng theo hướng đa năng có sân khấu, sân tập luyện thể thao đạt chuẩn theo tiêu chí của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; ở nhiều địa phương xây dựng nhà thi đấu, sân bãi tập luyện thể dục,

² Đến nay, tỉnh Bắc Giang có 7/10 huyện, thành phố, thị xã; có 154/182 xã đạt nông thôn mới

thể thao. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở từng bước được hoàn thiện; công tác quản lý, khai thác và phát huy hiệu quả góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; người dân ngày càng có điều kiện tham gia vào các hoạt động sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Đến nay, tỉnh Bắc Giang đã hoàn thiện các thiết chế văn hóa cấp tỉnh,³ có 10 Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện, thành phố, thị xã; 205/209 NVH xã, phường, thị trấn (đạt 98,1%); 2.112/2.128 NVH thôn, bản, tổ dân phố đạt (99,2%), trong đó có 1.800 NVH đạt tiêu chuẩn của Bộ VHTTDL. Hiện toàn tỉnh có 2.662 câu lạc bộ, đội văn nghệ quần chúng, số buổi hoạt động văn nghệ quần chúng trung bình đạt 5.000 buổi/năm; 3.271 câu lạc bộ thể dục, thể thao, số buổi hoạt động thể thao đạt khoảng 20.000 buổi/năm.

Giai đoạn 2015-2019, tỉnh Bắc Giang đã đầu tư xây dựng Nhà Thi đấu Thể thao tỉnh Bắc Giang tổng mức đầu tư trên 900 tỷ đồng trên khu đất rộng 2,8 ha với sức chứa 4.000 chỗ ngồi, tổng diện tích sử dụng hơn 8.000 m², diện tích sàn xây dựng 15.532 m²(⁴); Năm 2023, khởi công xây dựng công trình Trung tâm Văn hóa - Triển lãm tỉnh tổng mức đầu tư hơn 500 tỷ đồng có diện tích 13.000m², dự kiến hoàn thành vào năm 2025. Tỉnh Bắc Giang đang tập trung các nguồn lực, chuẩn bị các điều kiện để đầu tư xây dựng Sân vận động tỉnh theo tiêu chuẩn quốc gia với quy mô 40.000 chỗ ngồi tại xã Hương Gián, huyện Yên Dũng; Rạp biểu diễn nghệ thuật truyền thống khoảng 300 chỗ ngồi theo hướng hiện đại, đa năng tại Nhà hát Chèo tỉnh, phường Xương Giang, TP Bắc Giang. Hiện nay, trên cơ sở thống nhất với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, UBND tỉnh đã bố trí 02 lô đất (diện tích 1,03ha và diện tích 0,9ha) thuộc thị xã Việt Yên để xây dựng khu thiết chế công đoàn cho các khu công nghiệp tỉnh nhằm nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân, người lao động trong các Khu Công nghiệp trọng điểm của tỉnh.

Nhìn chung, việc quản lý, đầu tư, khai thác, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao nói chung và triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trong Quy hoạch tỉnh nói riêng được tỉnh Bắc Giang quan tâm, triển khai thực hiện nghiêm túc, nhằm nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, rèn luyện sức khỏe cho Nhân dân, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

3. Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

3.1. Khó khăn, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc quản lý, quy hoạch, đầu tư, khai thác, sử dụng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Giang thời gian qua còn gặp những khó khăn, hạn chế như:

Một số chỉ tiêu, nhiệm vụ chưa đạt yêu cầu theo Quy hoạch tỉnh như: Xây

³ Bảo tàng tỉnh; Thư viện tỉnh; Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh; Rạp hát của Nhà hát Chèo; Nhà Thi đấu Thể thao mới; Nhà thi đấu thể thao cũ và Sân vận động tỉnh. Thiết chế văn hóa, thể thao do các ngành, đơn vị khác quản lý: Có 01 Nhà văn hóa do Liên đoàn Lao động tỉnh quản lý; 01 NVH của Công ty CP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc thuộc Bộ Công Thương quản lý; 01 **Trung tâm hoạt động Thanh Thiếu Niên tỉnh Bắc Giang**, 01 NVH Thiếu nhi do Tỉnh Đoàn thanh niên quản lý; 01 NVH do Trung tâm Chăm sóc và Phát huy vai trò Người cao tuổi quản lý.

⁴ Hằng năm, đăng cai tổ chức từ 5-7 giải thể thao toàn quốc; 30- 35 giải thể thao cấp tỉnh. Đặc biệt, năm 2022, đã đăng cai tổ chức Môn Cầu lông SEA Games 31; năm 2023, tổ chức Hội thi Dân vũ và Thể dục, thể thao phụ nữ toàn quốc...

dựng các Trung tâm văn hóa, thể thao phục vụ công nhân tại các Khu công nghiệp; Khu tập luyện, thi đấu thể thao dưới nước. Việc đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa còn chưa đồng đều giữa các địa phương, vùng miền, nhất là vùng xuôi với vùng cao, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh⁵. Một số thiết chế văn hóa, thể thao xây dựng đã lâu, xuống cấp nghiêm trọng không đáp ứng được yêu cầu nhưng chưa có biện pháp cải tạo, nâng cấp hoặc xây mới; nhiều thiết chế văn hóa, thể thao không đạt chuẩn theo quy định của Bộ VHTTDL. Trong khi đó, một số nhà văn hóa mới được xây dựng hoành tráng nhưng hiệu quả hoạt động còn đơn giản, nghèo nàn, thiếu hấp dẫn.

Vẫn còn một số địa phương chưa quan tâm, chú trọng việc quy hoạch đất để xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao, trong đó, có thiết chế văn hóa, thể thao dành cho công nhân lao động, người già và trẻ em; việc huy động xã hội hóa xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao còn hạn chế. Còn nhiều khu công nghiệp, cụm công nghiệp chưa bố trí quỹ đất dành cho xây dựng các công trình, cơ sở phúc lợi về văn hóa - xã hội dành cho công nhân, người lao động. Công tác hướng dẫn, chỉ đạo và tổ chức các hoạt động tại các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở ở nhiều địa phương còn chưa được coi trọng; chưa đề ra các biện pháp tích cực, có hiệu quả để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho cơ sở.

3.2. Nguyên nhân

** Nguyên nhân khách quan:*

Một thời gian dài công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch đất để xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao các cấp chưa được quan tâm đúng mức, dẫn đến đất một số nơi đã được quy hoạch xây dựng công trình văn hóa, thể thao nhưng lại quy hoạch dự án khác chồng lấn;

Một số địa phương có địa hình phức tạp, dân cư thưa thớt, giao thông đi lại khó khăn; còn ít quỹ đất để quy hoạch và xây dựng nhà văn hóa, sân thể thao ở địa phương. Đời sống kinh tế của người dân còn gặp nhiều khó khăn nên việc đóng góp, tham gia sáng tạo và hưởng thụ văn hóa ở các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở còn hạn chế.

Thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh Bắc Giang về việc sáp nhập và đổi tên thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Sau khi thực hiện sáp nhập các Nhà văn hóa cũ diện tích cũng như quy mô không thể đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cho cộng đồng khi mà số lượng dân cư đã tăng lên rất nhiều. Thực trạng vừa thừa, vừa thiếu NVH thôn đang là nghịch lý diễn ra trên địa bàn tỉnh. Một số thôn sau sáp nhập muốn họp dân phải tổ chức họp làm 2 lần ở 2 NVH khác nhau. Bên cạnh đó, nhiều NVH thôn xây dựng đã lâu, theo quy mô dân số thôn cũ nên hầu hết là không đủ sức chứa, xuống cấp so với yêu cầu của đơn vị mới. Để có nơi sinh hoạt cộng đồng đáp ứng quy mô dân số mới, cần xây mới hoặc lựa chọn cơ sở, mở rộng một trong số công trình NVH hiện có.

⁵ Đến nay, vẫn còn 04 xã, phường chưa có NVH (Lục Ngạn: 02, Sơn Động: 01, TP Bắc Giang: 01), 16 thôn, bản chưa có NVH (Lục Ngạn: 09, Sơn Động: 03, Việt Yên: 04); 66 NVH thôn kiêm nhiệm; 414 NVH thôn chưa đạt tiêu chuẩn của Bộ VHTTDL.

** Nguyên nhân chủ quan:*

Vẫn còn một số cấp ủy, chính quyền cơ sở chưa thực sự quan tâm đến công tác quy hoạch đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa ở cơ sở, chưa chủ động, sáng tạo trong tổ chức thực hiện; chưa quan tâm cân đối, bố trí ngân sách để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao; còn tư tưởng trông chờ vào sự hỗ trợ của cấp trên. Một số địa phương chưa thực hiện quy hoạch đất cho thiết chế văn hóa, thể thao hoặc đã quy hoạch, xây dựng nhưng vị trí không thuận lợi, không đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định hoặc một số thiết chế văn hóa, thể thao đã được đầu tư xây dựng đã lâu, xuống cấp nghiêm trọng không đáp ứng được yêu cầu nhưng chưa có biện pháp cải tạo, nâng cấp hoặc xây mới. Trong chỉ đạo chưa bám sát mục tiêu và nội dung quy hoạch, chưa chú trọng công tác sơ kết, tổng kết đánh giá, kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên; Chưa sâu sát trong chỉ đạo, quản lý, tổ chức các hoạt động.

Trong công tác quy hoạch, còn một số khu công nghiệp, cụm công nghiệp chưa bố trí quỹ đất dành cho xây dựng các công trình, cơ sở phúc lợi về văn hóa - xã hội dành cho CNLĐ. Phần nhiều các doanh nghiệp trong KCN và cụm công nghiệp chỉ quan tâm đến giá trị tăng trưởng kinh tế, lợi nhuận kinh doanh, chưa thật sự quan tâm đến đời sống tinh thần cho công nhân, người lao động. Không nhiều doanh nghiệp quan tâm đến việc đầu tư, xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao, giải trí cho công nhân, người lao động

Tại một số địa phương điều kiện kinh tế còn khó khăn, thu nhập bình quân đầu người còn thấp nên việc xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể thao chưa hiệu quả, nguồn hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho việc đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp và chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên rất hạn hẹp.

Công tác hướng dẫn, chỉ đạo và tổ chức các hoạt động tại các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở ở nhiều địa phương còn chưa được coi trọng. Cán bộ quản lý văn hóa, thể thao cấp cơ sở ở một số địa phương trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng trong công tác quản lý và tổ chức hoạt động nhà văn hóa, thể thao còn hạn chế.

4. Nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới

Trên cơ sở những đánh giá những kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân, tỉnh Bắc Giang đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp nhằm phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao theo Quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trong Quy hoạch tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể như sau:

Một là: Tiếp tục quyết liệt chỉ đạo và triển khai thực hiện hiệu quả các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ⁶. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả, thực chất các nhiệm vụ và hoàn thành các mục tiêu đã nêu tại Đề án phát triển hệ thống thiết chế

⁶ Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12/11/2021 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 và Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050.

văn hóa, thể thao tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2015-2020, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 290/KH-UBND ngày 29/11/2019 của UBND tỉnh về phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao chủ yếu tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030. Đưa các các mục tiêu phát triển quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trong Quy hoạch của tỉnh vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hằng năm của tỉnh để chỉ đạo, điều hành và tổ chức triển khai thực hiện. Tăng cường ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn quản lý, tổ chức hoạt động và các cơ chế chính sách để phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp của tỉnh đảm bảo hiệu quả, thống nhất. Trong quản lý, vận hành các thiết chế văn hóa, cần xây dựng những mô hình thí điểm, từ đó rút kinh nghiệm, nhân rộng, học tập những mô hình hoạt động hiệu quả.

Hai là: Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Trung ương về đầu tư cho lĩnh vực văn hóa, đảm bảo tỷ lệ chi ngân sách cho văn hóa tối thiểu đạt 2% tổng chi ngân sách địa phương. Trong đó quan tâm, bố trí ngân sách để đầu tư sửa chữa, nâng cấp thiết chế văn hóa, thể thao đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật và công năng sử dụng; đầu tư, mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất, phương tiện chuyên dùng đồng bộ; tăng cường ngân sách đầu tư của Nhà nước cho hoạt động văn hóa, thể thao cơ sở.

Ba là: Chỉ đạo các địa phương tăng cường công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, bố trí đất, tạo điều kiện thuận lợi để xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao, đảm bảo tiêu chuẩn về diện tích, quy mô, thiết bị và phù hợp với nhu cầu, điều kiện thực tế, đảm bảo quyền tiếp cận và nhu cầu hưởng thụ văn hóa, rèn luyện sức khỏe của các tầng lớp Nhân dân. Công tác quy hoạch các thiết chế văn hóa, thể thao phải đi trước một bước, định hình cho tương lai. Không điều chỉnh quy hoạch đất xây dựng các thiết chế văn hóa sang mục đích khác. Trong trường hợp đặc biệt, phải được sự nhất trí, cho phép của cấp có thẩm quyền.

Bốn là: Tập trung chỉ đạo, đầu tư hoàn thiện đồng bộ hệ thống các thiết chế văn hóa từ tỉnh đến cơ sở; củng cố và tăng cường hiệu quả khai thác một số thiết chế văn hóa, công trình văn hóa công cộng trọng điểm của tỉnh; nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở. Quan tâm đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ người cao tuổi và công nhân tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Trong đó tập trung chỉ đạo rà soát, đánh giá thực trạng hệ thống các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở trên địa bàn toàn tỉnh để có lộ trình cụ thể bố trí nguồn vốn, quỹ đất, đầu tư, cải tạo, nâng cấp, xây mới các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở chưa có và chưa đạt chuẩn quy định.

Năm là: Tập trung ưu tiên nguồn lực đầu tư, xây dựng một số công trình văn hóa, thể thao trọng điểm của tỉnh theo quy hoạch được duyệt, như: Sân Vận động tỉnh, Khu tập luyện, thi đấu thể thao dưới nước; hoàn thành xây dựng Trung tâm Văn hóa – Triển lãm, Sân vận động tỉnh, Rạp nghệ thuật truyền thống tạo tiền đề cho việc tổ chức các sự kiện cấp quốc gia, quốc tế và các thiết chế văn hóa theo quy hoạch được duyệt. Tập trung nguồn lực quy hoạch, đầu tư xây dựng Khu liên hợp thể thao tỉnh; quy hoạch xây dựng mới Bảo tàng tỉnh, Thư viện tỉnh tại vị trí phù hợp, phát huy tối đa giá trị khai thác, sử dụng. Khuyến khích đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa có quy mô, giá trị nghệ thuật cao làm điểm nhấn ở các huyện, thành phố,

thị xã gắn với việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo văn hóa, yêu cầu hội nhập quốc tế.

Sáu là: Đẩy mạnh công tác xã hội hoá tại các thiết chế văn hóa, thể thao, thực hiện phương thức “*Nhà nước và Nhân dân cùng làm*”. Trong đó ban hành cơ chế chính sách khuyến khích xã hội hoá xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao và các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch trên địa bàn tỉnh. Đơn giản hoá các thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh đối với các thiết chế văn hóa, thể thao.

Bảy là: Ban hành, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách về xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao trong các khu công nghiệp, bảo đảm tiêu chí mỗi khu công nghiệp, cụm công nghiệp phải dành quỹ đất để xây dựng 01 thiết chế văn hóa, thể thao; tập trung đầu tư xây dựng một số thiết chế văn hóa, thể thao điểm ở một số KCN có đông người lao động. Đề nghị các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp lớn khi đầu tư các dự án tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp phải cam kết thực hiện trách nhiệm xã hội trong việc xây dựng môi trường văn hóa và chăm lo xây dựng đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân, người lao động, trong đó có việc xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ CNLĐ. Nếu không thực hiện đúng cam kết phải được xử lý bằng chế tài Nhà nước: không cấp phép xây dựng hoặc thu hồi giấy phép đầu tư, kiên quyết đình chỉ, chấm dứt hoạt động. Đồng thời chỉ đạo các cấp, các ngành tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng môi trường văn hóa ở KCN, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Tám là: Tăng cường chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác văn hóa, thể thao cơ sở để tổ chức tốt các hoạt động sát với nhu cầu của người dân nhằm tăng cường quản lý, khai thác và phát huy có hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở. Thường xuyên tổ chức sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và nhân rộng các mô hình điển hình tiên tiến. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở theo quy định.

5. Đề xuất, kiến nghị

5.1. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ

Hiện nay, Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030, đã hết thời kỳ Quy hoạch, đề nghị Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch mới thay thế Quy hoạch cũ để đảm bảo tính kế tiếp và phù hợp với tình hình thực tế trong giai đoạn hiện nay.

5.2. Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nghiên cứu duy trì, tăng nguồn kinh phí hằng năm cho Chương trình MTQG về văn hóa để đầu tư cho thiết chế văn hóa. Với những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, ngân sách Nhà nước

hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng, trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật, mua sắm trang thiết bị phục vụ các hoạt động.

Nghiên cứu xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và cơ chế, chính sách tăng cường nguồn kinh phí đầu tư cho hoạt động hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở.

Tổ chức các lớp tập huấn cho cán bộ cơ sở nâng cao năng lực công tác, tăng cường chỉ đạo về nội dung hoạt động cho Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã; nhà văn hóa - khu thể thao thôn, bản, khu dân cư./.

PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình

Đời sống văn hóa là bộ phận quan trọng cấu thành nên đời sống xã hội. Xây dựng và phát triển đời sống văn hóa có ý nghĩa to lớn đối với sự nghiệp xây dựng đất nước. Trong xây dựng đời sống văn hóa, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đóng vai trò quan trọng trong xây dựng, phát triển văn hóa, con người. Thiết chế văn hóa, thể thao không chỉ là nơi tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân mà còn là nơi nuôi dưỡng, khơi dậy sức sáng tạo văn hóa, nghệ thuật của người dân, nơi trao truyền, quảng bá, lan tỏa những sản phẩm văn hóa truyền thống và hiện đại. Với tính chất là nơi sinh hoạt cộng đồng và diễn ra những sự kiện lớn của địa phương, thiết chế văn hóa góp phần tạo nên sự gắn kết cộng đồng giúp họ thêm yêu quý, gắn bó với quê hương, bản làng, động viên tinh thần cùng chung tay xây dựng quê hương giàu mạnh. Có thể nói các thiết chế văn hóa, thể thao phản ánh chất lượng cuộc sống của người dân, năng lực sáng tạo và diện mạo, bản sắc văn hóa của cộng đồng.

Nhận thức vai trò, tầm quan trọng của các thiết chế văn hóa trong xây dựng, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của người dân, những năm qua, cấp ủy, chính quyền các cấp ở Ninh Bình đã tăng cường các nguồn lực đầu tư xây dựng và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát huy hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa, qua đó, tạo điều kiện để các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao phát triển, góp phần nâng cao đời sống tinh thần của người dân đồng thời gìn giữ, phát huy giá trị văn hóa của địa phương.

Tham dự Hội thảo Văn hóa năm 2024, tỉnh Ninh Bình xin báo cáo tham luận với nội dung: *“Phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh Ninh Bình - thực trạng và giải pháp”*.

1. Những kết quả trong xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao

Một là: Ninh Bình và các địa phương trong tỉnh đã ban hành nhiều Chương trình, đề án, kế hoạch về xây dựng, phát triển văn hóa con người, trong đó có các nội dung chỉ đạo thực hiện xây dựng, hoàn thiện, nâng cao chất lượng hoạt động, phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao. Trong giai đoạn 2015-2020, chi đầu tư cho sự nghiệp văn hóa chiếm 3,37% tổng chi ngân sách toàn tỉnh; giai đoạn 2021 - 2025 chi đầu tư cho các công trình, dự án văn hóa chiếm 20% tổng nguồn vốn đầu tư công trung hạn của tỉnh.

Hai là: Tập trung nguồn lực đầu tư nâng cấp, xây dựng hoàn thiện hệ thống công trình văn hóa, thể thao từ thôn, làng, khu phố tới cấp tỉnh.

Các công trình văn hóa, thể thao được đầu tư từ các chính sách, đề án phát triển văn hóa và trong các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, chương trình

mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số, miền núi và các nguồn kinh phí xã hội hoá. Trong xây dựng các công trình văn hóa, thể thao ở thôn, xóm, bản, tỉnh hỗ trợ 50 triệu/01 công trình nhà văn hóa, cấp huyện hỗ trợ từ 20-50 triệu/01 công trình xây mới; từ 10-20 triệu/01 công trình sửa chữa, nâng cấp. Ở cấp xã, mức đầu tư từ ngân sách cho xây dựng mới công trình văn hóa, thể thao từ 3 đến đến 6 tỷ đồng/01 công trình; cấp huyện từ 50 đến 120 tỷ đồng/01 công trình. Đối với các công trình văn hóa cấp tỉnh: năm 2021 tỉnh đã khởi công xây dựng mới Nhà văn hóa tỉnh với tổng mức đầu tư 245 tỷ đồng, hiện công trình đã cơ bản hoàn thành và sẽ đưa vào sử dụng trong quý II/2024. Hội đồng Nhân dân tỉnh đã phê duyệt chủ trương đầu tư 02 dự án về văn hóa trong giai đoạn 2021 - 2025 gồm: xây dựng mới “Tổ hợp Bảo tàng - Thư viện tỉnh” với tổng mức đầu tư 500 tỷ đồng, dự án này hiện đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục đầu tư để tiến hành xây dựng trong thời gian tới; “Dự án Bảo tồn, tôn tạo, khai quật khảo cổ học và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa Khu di tích quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư” với tổng mức đầu tư 600 tỷ đồng. Ngoài ra, tỉnh đang nghiên cứu đề đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng nhà hát, trung tâm tổ chức sự kiện văn hóa và một số công trình văn hóa khác.

Trong 7 năm, từ 2016 đến 2023 đã có 502 Nhà văn hóa thôn, xóm, bản, tổ dân phố, 54 Nhà văn hóa xã, phường, thị trấn, 6/8 Nhà văn hóa cấp huyện và 01 nhà văn hóa tỉnh được đầu tư xây dựng mới. Với các giải pháp đồng bộ cùng quyết tâm của cấp uỷ, chính quyền địa phương, trong những năm qua, các công trình văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh đã có sự phát triển mạnh mẽ. Năm 2010, trên địa bàn tỉnh Ninh Bình chỉ có 74/146 xã, phường, thị trấn có Nhà Văn hóa (đạt 50,68%), 986/1.669 thôn, xóm, bản, làng, tổ dân phố, phố có Nhà văn hóa sân thể thao (đạt 59,08%). Đến năm 2023, đã có 142/143 xã, phường, thị trấn có Nhà Văn hóa (đạt 99,30%), có 1.616/1.679 thôn, xóm, bản, làng, tổ dân phố, phố có Nhà văn hóa, sân thể thao, khu thể thao đơn giản (đạt 96,25%).

Ba là: Quan tâm, chú trọng củng cố tổ chức bộ máy, cán bộ; đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất cho các công trình văn hóa, thể thao.

Đến nay, 8/8 huyện, thành phố, 143 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh thành lập Trung tâm Văn hóa, Thể thao với đầy đủ bộ máy tổ chức, cán bộ, quy chế tổ chức hoạt động. Riêng Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, đội ngũ cán bộ quản lý và chuyên môn đều là kiêm nhiệm. Tại các thôn, xóm, làng, bản, khu phố đã thành lập Nhà văn hóa - Khu thể thao với bộ máy là Ban chủ nhiệm gồm người phụ trách và các thành viên ở cộng đồng. Người phụ trách Nhà Văn hóa - Khu thể thao do Bí thư chi bộ, Trưởng thôn hoặc Trưởng ban công tác Mặt trận đảm nhiệm.

Các thiết chế văn hóa, thể thao cấp huyện, cấp xã cơ bản có đủ các công trình phục vụ hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao của người dân: Nhà văn hóa (hội trường, các phòng chức năng), sân vận động, nhà tập thể thao, sân tennis, cầu lông, thư viện, phòng đọc sách. Một số trung tâm văn hóa cấp huyện, cấp xã xây dựng bể bơi. Các Nhà văn hóa thôn, xóm, làng, bản, tổ dân phố được xây dựng gắn liền với sân thể thao phổ thông với diện tích chung từ 400m² trở lên, hội trường có sức chứa thấp nhất 80 chỗ ngồi và được trang bị các thiết bị cơ bản phục vụ hoạt động

văn hóa, thể thao của nhân dân. Ngoài ra, hằng năm, các cơ quan chuyên ngành về văn hóa cấp huyện, cấp tỉnh tổ chức nhiều lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn cho cán bộ làm công tác văn hóa ở cấp xã và hạt nhân văn nghệ là thành viên các đội nhóm, câu lạc bộ văn nghệ ở thôn, làng, khu phố.

Bốn là: Chỉ đạo đổi mới công tác quản lý, phương thức hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao để đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của nhân dân.

Với phương châm các thiết chế văn hóa, thể thao phải trở thành “sân chơi” bổ ích, lành mạnh cho nhân dân, các cấp chính quyền địa phương cùng cơ quan quản lý văn hóa cấp tỉnh đã tập trung chỉ đạo đổi mới, đa dạng hoá phương thức tổ chức các loại hình hoạt động đối với các thiết chế văn hóa cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, đồng thời bố trí kinh phí phù hợp cho các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ nhân dân và các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Trong tổ chức hoạt động, các thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh, ngoài việc tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, trưng bày triển lãm, giới thiệu lịch sử và các di sản văn hóa địa phương, hoạt động thư viện, chiếu phim... phục vụ nhân dân khu vực trung tâm tỉnh; đã tổ chức nhiều hoạt động tại cơ sở như: các hoạt động luân chuyển sách về cơ sở, đưa di sản văn hóa về các nhà trường, tổ chức chiếu phim lưu động miễn phí, tổ chức các hội thi, liên hoan văn nghệ, giải thể thao cấp tỉnh tại các huyện, các xã... Trung tâm Văn hóa và Thể thao các huyện, thành phố làm tốt công tác hướng dẫn và hỗ trợ, tổ chức các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao cho các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở. Tổ chức, phối hợp tổ chức các lớp bồi dưỡng về quản lý và nghiệp vụ chuyên môn cho các thành viên của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn và hạt nhân trong phong trào văn hóa, văn nghệ ở cơ sở. Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn, bản, phố về cơ bản đã tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phục vụ các nhiệm vụ của địa phương; tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí, xây dựng và phát triển các tổ, đội văn nghệ, bồi dưỡng các hạt nhân văn nghệ, nâng khiếu thể thao của địa phương đóng góp xây dựng phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao quần chúng phát triển sâu rộng. Theo số liệu thống kê hiện nay, toàn tỉnh có 35,4% số người tham gia luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên; 29,3% Gia đình thể thao; 181 câu lạc bộ văn nghệ cấp huyện và 837 tổ, đội, nhóm văn nghệ quần chúng, 720 câu lạc bộ thể dục, thể thao ở cơ sở với nhiều hình thức hoạt động đa dạng, phong phú, duy trì thường xuyên sinh hoạt, tập luyện, biểu diễn, giao lưu và thi đấu, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân.

Có thể nói, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao của tỉnh Ninh Bình đã có sự phát triển nhanh cả về số lượng công trình được đầu tư xây dựng mới và chất lượng hoạt động. Xét trên tổng thể, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp trong tỉnh cơ bản đã phát huy tốt được công năng và hiệu quả. Những thiết chế này trở thành nơi diễn ra thường xuyên các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi giải trí của người dân; là nơi để tổ chức và duy trì hoạt động của các loại hình câu lạc bộ, nhóm sở thích; là nơi phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể

thao ở cơ sở; là nơi tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí cho trẻ em và là nơi tổ chức các hoạt động tuyên truyền, cổ động phục vụ các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân. Sự hoàn thiện của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đã góp phần tích cực trong xây dựng và phát triển phong trào văn nghệ, thể dục, thể thao nói riêng và xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở nói chung.

2. Những vấn đề đặt ra trong quá trình xây dựng phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cần giải quyết

Một là: Hiện nay nguồn lực đầu tư xây dựng, duy trì hoạt động cho thiết chế văn hóa, thể thao chủ yếu từ ngân sách và hỗ trợ của ngân sách. Nguồn xã hội hoá còn hạn chế, chủ yếu sự hỗ trợ, tài trợ chỉ để xây dựng công trình và tổ chức những hoạt động mang tính nhất thời.

Hai là: Cơ chế, chính sách, quy định về lĩnh vực này còn thiếu và còn nhiều bất cập. Xin nêu một số điểm: Quy định về quản lý tài sản công gây khó khăn cho hoạt động liên doanh, liên kết ảnh hưởng đến việc tự chủ trong hoạt động của các cơ sở sự nghiệp văn hóa công lập. Lĩnh vực văn hóa, thể thao chưa được phép đầu tư theo phương thức đối tác - công tư. Chính sách về xã hội hoá còn nhiều bất cập, chưa khai thác hiệu quả các nguồn lực cho lĩnh vực văn hóa. Chính sách chung về hỗ trợ hoạt động cho nhà văn hóa thôn, làng, khu phố chưa có.

Ba là: Nhu cầu và thị hiếu của người dân đã và đang thay đổi, trong khi có những thiết chế văn hóa, thể thao chưa bắt nhịp kịp để đổi mới nội dung, phương thức hoạt động để thu hút sự tham gia của người dân. Nhiều trung tâm văn hóa, nhà văn hóa thời gian sử dụng nhiều cho hội họp; nội dung hoạt động chuyên môn đơn điệu, không phát huy được vai trò là nơi sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật thể dục, thể thao của cộng đồng.

Bốn là: Sự phát triển nhanh của khoa học, công nghệ nhất là công nghệ số, công nghệ truyền thông đã tạo điều kiện cho người dân tiếp cận nhanh chóng, đa dạng các sản phẩm văn hóa trong nước cũng như trên thế giới. Điều này vừa là cơ hội song cũng là thách thức, đòi hỏi phải hiện đại hoá trang thiết bị cũng như thay đổi phương thức hoạt động của các thiết chế văn hóa để đáp ứng nhu cầu về văn hóa, tinh thần đa dạng và ngày càng cao của người dân.

Năm là: Cơ sở vật chất, trang thiết bị ở nhiều thiết chế lạc hậu, xuống cấp, thiếu, không đồng bộ. Nhân lực làm công tác quản lý, chuyên môn nghiệp vụ phục vụ cho tổ chức hoạt động ở một số thiết chế văn hóa còn thiếu, không có chuyên môn phù hợp. 100% nhân sự hoạt động tại thiết chế văn hóa ở cấp xã và thôn, làng, bản, khu phố là kiêm nhiệm, đa số không được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực đảm nhiệm, nhất là ở thôn, phố.

3. Giải pháp phát huy hiệu quả của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao

3.1. Cần rà soát, đánh giá, từ đó điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính sách, các quy định có liên quan đến đầu tư xây dựng, tổ chức bộ máy, hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể

thao tạo cơ chế ưu đãi phù hợp để thu hút các nguồn lực đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác các công trình văn hóa.

3.2. Đổi mới công tác quy hoạch, đào tạo và sử dụng đội ngũ cán bộ. Đảm bảo yêu cầu cán bộ làm công tác chuyên môn phải được đào tạo đúng chuyên ngành ở mỗi loại hình thiết chế văn hóa, thể thao.

3.3. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tổ chức quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao trong đó đổi mới phương thức hoạt động là hết sức quan trọng. Để đổi mới điều này, một trong những nội dung mang tính tiên đề đó là điều chỉnh, bổ sung thay đổi các quy định liên quan đến tổ chức, hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao.

3.4. Bên cạnh vấn đề cần làm tốt việc huy động các nguồn lực trong xã hội cho tổ chức, hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao thì việc tăng mức kinh phí từ ngân sách Nhà nước để xây dựng cơ sở vật chất, trang bị trang thiết bị chuyên ngành và tổ chức hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao do Nhà nước quản lý và các thiết chế văn hóa, thể thao ở khu dân cư là yếu tố cần thiết, quan trọng để các thiết chế này làm tốt hơn chức năng phục vụ các hoạt động của cộng đồng.

3.5. Với địa phương, thời gian tới, ngoài việc khắc phục những khó khăn, vướng mắc, hạn chế, tồn tại trong xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao ở tỉnh thời gian qua, chúng tôi tập trung thực hiện các nội dung:

Một là: Tập trung các nguồn lực để đầu tư xây dựng, hoàn thiện các công trình văn hóa, thể thao cấp tỉnh có quy mô lớn, hiện đại nhằm tạo điều kiện cho người dân tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, vui chơi, giải trí và đảm bảo đủ điều kiện tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao của quốc gia, khu vực và quốc tế.

Hai là: Tiếp tục bổ sung, hoàn thiện quy hoạch, đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở vật chất, nhất là hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở, đảm bảo đúng các quy định, quy chuẩn hiện hành, phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới.

Ba là: Tăng mức đầu tư kinh phí cho văn hóa, thể thao nói chung và hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao nói riêng, đảm bảo đủ điều kiện để các thiết chế này duy trì tổ chức tốt các hoạt động phục vụ cộng đồng. Bố trí nguồn lực từ ngân sách Nhà nước và huy động các nguồn lực trong xã hội để đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp về cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị chuyên ngành cho các thiết chế văn hóa, thể thao. Quan tâm hỗ trợ kinh phí tổ chức hoạt động từ nguồn ngân sách Nhà nước đối với các Nhà văn hóa - Khu thể thao ở khu dân cư, nhất là đối với các khu vực nông thôn ở vùng sâu, vùng xa, miền núi còn nhiều khó khăn.

Bốn là: Tiếp tục xây dựng, phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực văn hóa, thể thao nói chung, trong hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở nói riêng. Xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ về lý luận chính trị, nghiệp vụ, kỹ năng chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác văn hóa, thể thao trong hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh, cấp huyện và cơ sở. Quan tâm bồi dưỡng chuyên

môn nghiệp vụ cho hạt nhân văn nghệ, các cộng tác viên về văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao; thu hút, phát huy vai trò hiệu quả các nghệ nhân, những người có kinh nghiệm, tay nghề đang nắm giữ các giá trị nghệ thuật truyền thống trong quá trình tổ chức hoạt động tại các thiết chế văn hóa, thể thao.

Thiết chế văn hóa, thể thao đã, đang và sẽ tiếp tục đồng hành với đời sống nhân dân trong hưởng thụ các giá trị văn hóa và là một phần không thể thiếu trong đời sống xã hội. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao không chỉ có ý nghĩa cho sự phát triển của văn hóa nói riêng mà có ý nghĩa đối với việc phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh; để văn hóa tiếp tục gắn kết chặt chẽ và thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội, trở thành nền tảng tinh thần cốt lõi mang giá trị bền vững, nội lực quan trọng phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh theo hướng toàn diện; góp phần xây dựng quê hương Ninh Bình phát triển, văn minh, giàu mạnh, phấn đấu trở thành đô thị di sản thiên niên kỷ trong tương lai./.

GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC XÃ HỘI TRONG VIỆC XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng

Thiết chế văn hóa, thể thao là nơi tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo các giá trị văn hóa, thể thao của Nhân dân, góp phần quan trọng hiện thực hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao còn phản ánh chất lượng cuộc sống của người dân, năng lực sáng tạo của chủ thể văn hóa và diện mạo, bản sắc văn hóa của cộng đồng, quốc gia. Nhận thức được tầm quan trọng của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trong đời sống xã hội, trong những năm qua, đặc biệt là từ năm 2014 đến nay, thành phố Đà Nẵng đã hết sức quan tâm đến công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng và các điều kiện để phát huy hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn thành phố. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ thành phố đến phường, xã đã từng bước được quy hoạch, nâng cấp, đầu tư, xây dựng; kinh phí hoạt động, bộ máy tổ chức và hoạt động nghiệp vụ cũng được các ngành liên quan hướng dẫn cụ thể. Hoạt động của các thiết chế từng bước được cải thiện, ngày càng thu hút được người dân đến vui chơi, tập luyện; từ đó, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, tập luyện góp phần nâng cao đời sống vật chất, văn hóa tinh thần, nâng cao thể trạng cho người dân.

1. Khái quát hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn thành phố

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn thành phố được phân chia theo phân cấp quản lý, gồm:

* Các thiết chế do ngành VH-TT quản lý:

- Trung tâm Văn hóa thành phố;
- Nhà Văn hóa gồm có: Nhà Văn hóa thiếu nhi thành phố (Cung Văn hóa thiếu nhi Đà Nẵng); Nhà văn hóa lao động thành phố;
- Bảo tàng: thành phố Đà Nẵng có 10 bảo tàng trong 03 hệ thống bảo tàng gồm Hệ thống bảo tàng trực thuộc Quân khu 5 (Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Quân khu 5 và Bảo tàng Khu 5), hệ thống bảo tàng công lập trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao (Bảo tàng Đà Nẵng, Bảo tàng Mỹ thuật Đà Nẵng, Bảo tàng Điêu khắc Chăm), hệ thống bảo tàng ngoài công lập (Bảo tàng Đồng Đình, Bảo tàng Văn hóa Phật giáo, Bảo tàng ký ức mỹ nghệ đá Non Nước, Bảo tàng thế giới cổ xưa Samdi, Bảo tàng 3D Art In Paradise)

Hiện nay, dự án Cải tạo, nâng cấp cơ sở số 42, 44 Bạch Đằng và 31 Trần Phú để thành Bảo tàng Đà Nẵng đang được triển khai, dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2024.

- Thư viện: Thư viện Khoa học tổng hợp tại đường Bạch Đằng. Ngoài ra còn

có 02 thư viện tư nhân phục vụ cộng đồng: Thư viện mini Hiền Nhân, địa chỉ K37/H89 đường Lê Hữu Trác, quận Sơn Trà; The Book (hình thức không gian đọc - café sách), địa chỉ 12 Cao Thắng, quận Hải Châu.

- Điện ảnh: có Rạp Lê Độ (rap quốc doanh còn lại duy nhất trên địa bàn thành phố để thực hiện công tác tuyên truyền chính trị kết hợp với chiếu phim thương mại), ngoài ra trên địa bàn thành phố Đà Nẵng có 06 đơn vị điện ảnh ngoài công lập.

- Biểu diễn nghệ thuật thì có Nhà hát Tuồng Nguyễn Hiền Dĩnh và Nhà hát Trưng Vương. Bên cạnh đó, các cơ sở biểu diễn nghệ thuật ngoài công lập cũng khá đa dạng và hoạt động hiệu quả như show Charming Đà Nẵng tại Nhà văn hóa lao động Đà Nẵng, chương trình nghệ thuật Vũ hội ánh dương tại Bà Nà Hill...

- Công viên cấp thành phố gồm: Công viên 29/3, Công viên Thanh Niên, Công viên Biển Đông, Công viên khu vực đường Hùng Vương, Yên Bái, Nguyễn Chí Thanh và Nguyễn Thái Học.

- Về Di sản: Đền nay trên địa bàn thành phố có 02 di tích quốc gia đặc biệt, 17 di tích cấp quốc gia, 68 di tích cấp thành phố và 33 di tích nằm trong danh mục kiểm kê. Đã có 06 di sản văn hóa phi vật thể của địa phương được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận và đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia¹, 06 hiện vật đang lưu giữ tại Bảo tàng Điêu khắc Chăm được Thủ tướng chính phủ công nhận là bảo vật quốc gia². Đặc biệt, thành phố Đà Nẵng đã chung tay cùng các địa phương Trung bộ xây dựng Hồ sơ “Nghệ thuật Bài Chòi Trung bộ của Việt Nam” và đã chính thức được UNESCO ghi danh tại Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại năm 2017. Bia Ma nhai danh thắng Ngũ Hành Sơn là di sản tư liệu Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.

- Các khu thể thao, cơ sở tập luyện, huấn luyện, sân bóng đá, sân vận động,...; (Cung Thể thao Tiên Sơn, Sân bóng đá Hòa Xuân, Sân tập Golf Nhà tập luyện Hòa Xuân, Câu lạc bộ Đua thuyền Đồng Nghệ, Nhà tập luyện Taekwondo, Sân tập luyện Điền kinh, Câu lạc bộ Bơi Lặn, Nhà ở phục vụ vận động viên,...)

Ngoài ra, nhiều doanh nghiệp tham gia tài trợ, hỗ trợ về kinh phí, hiện vật cho công tác tổ chức các hoạt động, sự kiện thể thao cấp thành phố, quốc gia, quốc tế lên đến hàng tỷ đồng. Ngoài ra, nguồn kinh phí tài trợ để vận hành, hoạt động của các câu lạc bộ thể thao tham gia các giải chuyên nghiệp quốc gia với nguồn kinh phí lên đến hàng trăm tỷ đồng như: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) để Công ty cổ phần thể thao SHB Đà Nẵng vận hành, hoạt động câu lạc bộ bóng đá SHB Đà Nẵng; Công ty TNHH Bóng rổ Đà Nẵng vận hành, hoạt động câu lạc bộ Bóng rổ Đà Nẵng Dragon; Công ty TNHH Futsal GFDI Sông Hàn vận hành, hoạt động câu lạc bộ Futsal GFDI Sông Hàn; Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunworld đã tài trợ cho Trung tâm Đào tạo Quần vợt thuộc Liên đoàn Quần vợt

¹ Nghệ truyền thống đá Non Nước, Nghệ thuật Tuồng xứ Quảng, Nghệ thuật Bài chòi tại thành phố Đà Nẵng, Lễ hội cầu ngư tại Đà Nẵng, Nghề làm nước mắm Nam Ô, Lễ hội Quán Thế Âm Ngũ Hành Sơn.

² Tượng Bò tát Tara, Đài thờ Mỹ Sơn E1, Đài thờ Trà Kiệu, tượng Ganesha và tượng Gajasimha, Đài thờ Đồng Dương..

thành phố Đà Nẵng để trực tiếp quản lý, đào tạo huấn luyện đối với bộ môn Quần vợt,...

*** Thiết chế văn hóa ở cơ sở do quận, huyện, xã phường quản lý**

Thiết chế cấp quận, huyện: Hiện nay, 7/8 quận, huyện (trừ huyện đảo Hoàng Sa) đã hình thành Trung tâm Văn hóa - Thể thao (trong đó có 5 Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao, riêng quận Thanh Khê và quận Hải Châu là Trung tâm Văn hóa - Thể thao) với 12 cơ sở, gồm: Quận Hải Châu, quận Thanh Khê, quận Cẩm Lệ, quận Sơn Trà, huyện Hòa Vang có 2 cơ sở/đơn vị; quận Ngũ Hành Sơn, quận Liên Chiểu có 01 cơ sở/đơn vị.

Đến nay, mức độ hoàn thành cơ sở vật chất của các Trung tâm VHTT quận, huyện ước đạt gần 80%, cụ thể như sau: quận Hải Châu đạt 90%, quận Thanh Khê đạt 80%, quận Cẩm Lệ 80%, quận Liên Chiểu đạt 70%, quận Sơn Trà đạt 80%, quận Ngũ Hành Sơn đạt 80%, huyện Hòa Vang đạt 60%. Tuy nhiên, việc đầu tư chủ yếu tập trung vào các hạng mục kiến trúc, phần trang thiết bị chuyên dùng mới chỉ được đầu tư ở mức độ cơ bản.

Thiết chế văn hóa cấp phường, xã: Mạng lưới thiết chế văn hóa, thể thao tại 56 xã, phường trên địa bàn thành phố đã được phê duyệt quy hoạch, theo đó, có 135 điểm thiết chế được quy hoạch địa điểm, mỗi phường xã được quy hoạch từ 02 điểm thiết chế trở lên, riêng một vài trường hợp do quỹ đất hạn hẹp nên bố trí 01 điểm thiết chế. Đến nay, toàn thành phố có 33/56 phường, xã có Trung tâm đã cơ bản đủ các hạng mục chính (gồm Nhà văn hóa, Sân vận động/Khu thể thao); 19/56 Trung tâm chưa đầy đủ hạng mục chính (chỉ có một trong các hạng mục Nhà văn hóa/Khu thể thao/Khu vui chơi...); và còn 04/56 phường chưa đầu tư cơ sở vật chất. Tổng thể có: 40 nhà văn hóa, 41 khu thể thao/sân vận động, 16 khu vui chơi giải trí và 33 công viên, vườn dạo.

Thiết chế văn hóa, thể thao cấp thôn (Nhà Văn hóa - Khu Thể thao thôn): Đến nay, toàn thành phố có 119 Nhà Văn hóa - Khu Thể thao thôn đạt chuẩn trên tổng số 113 thôn của huyện Hòa Vang (chiếm tỷ lệ 105%). Các Nhà Văn hóa - Khu Thể thao thôn được xây dựng kiên cố, khang trang, có cơ sở vật chất và trang thiết bị tương đối tốt.

Ngoài ra, các cơ sở tư nhân đang hoạt động và kinh doanh các loại hình như Yoga, thể dục thể hình, zumba, bơi, kickboxing,... Phần lớn, các cơ sở kinh doanh đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, không gian tập luyện thông thoáng, sạch sẽ, cơ bản đảm bảo theo quy định.

Việc đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn thành phố trong những năm qua đều được sự quan tâm đầu tư, cải tạo, nâng cấp đã đáp ứng phần nào nhu cầu hoạt động, hưởng thụ văn hóa của người dân thành phố và du khách như Nhà hát Trưng Vương, Thư viện Khoa học tổng hợp, Bảo tàng Điêu Khắc Chăm, Bảo tàng Mỹ thuật, Nhà hát tuồng Nguyễn Hiền Dĩnh, Sân vận động 20.000 chỗ ngồi Hòa Xuân, Khu tập luyện cho vận động viên thể thao tại Hòa Xuân; Bể bơi thành tích cao, Nhà tập Teakwondo, Câu lạc bộ đua thuyền Đồng Xanh Đồng Nghệ,... (đang tập trung xây dựng Trung tâm văn hóa - Điện ảnh - Hội nghị thành phố với quy mô theo đúng tiêu

chuẩn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với một Trung tâm văn hóa cấp tỉnh).

- Các di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn thành phố cũng được quan tâm đầu tư tôn tạo, tu bổ, được nhân dân rất vui mừng và phấn khởi, có nơi thờ tự khang trang, tôn nghiêm, người dân địa phương đồng tình và khen ngợi.

Tổng số vốn đầu tư công cho văn hóa và thể thao từ năm 2014 - 2023 là: 4.428.604 (triệu đồng)³.

Ngoài nguồn lực đầu tư từ ngân sách Nhà nước cho cơ sở vật chất, hạ tầng, trang thiết bị thì các thiết chế văn hóa, thể thao cần phải huy động các nguồn lực xã hội khác để thực hiện tốt công tác quản lý, tổ chức hoạt động đáp ứng nhu cầu hưởng thụ, vui chơi giải trí, tập luyện, thi đấu thể dục, thể thao của nhân dân địa phương và du khách.

Các sự kiện văn hóa, thể thao tại thành phố Đà Nẵng như Lễ hội pháo hoa Quốc tế, Liên hoan phim Châu Á, Lễ hội Du lịch Golf Đà Nẵng 2023, Cuộc thi Marathon quốc tế Đà Nẵng, Cuộc thi IRONMAN 70.3 Việt Nam, đã huy động được các nguồn lực từ các tổ chức, doanh nghiệp, đã góp phần rất lớn cho sự thành công liên tục của Đà Nẵng những năm qua, gia tăng đáng kể về số lượng du khách trong và ngoài nước đến thành phố và doanh thu đóng góp cho kinh tế thành phố.

Bên cạnh đó, nguồn kinh phí tài trợ để vận hành, hoạt động của các câu lạc bộ thể thao tham gia các giải chuyên nghiệp quốc gia với nguồn kinh phí lên đến hàng trăm tỷ đồng, như: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) để Công ty cổ phần thể thao SHB Đà Nẵng vận hành, hoạt động câu lạc bộ bóng đá SHB Đà Nẵng hàng năm khoảng: 50.000.000.000 đồng/năm; Công ty TNHH Bóng rổ Đà Nẵng vận hành, hoạt động câu lạc bộ Bóng rổ Đà Nẵng Dragon hàng năm ước tính trên dưới 10.000.000.000 đồng/năm. Công ty TNHH Futsal GFDI Sông Hàn vận hành, hoạt động câu lạc bộ Futsal GFDI Sông Hàn trong năm 2023 ước tính khoảng gần 1.000.000.000 đồng/năm. Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunworld đã tài trợ cho Trung tâm Đào tạo Quần vợt thuộc Liên đoàn Quần vợt thành phố Đà Nẵng trên 20.000.000.000 đồng để trực tiếp quản lý, đào tạo huấn luyện đối với bộ môn Quần vợt,...

Từ các nguồn kinh phí đầu tư từ ngân sách Nhà nước và các nguồn lực xã hội khác, các thiết chế văn hóa, thể thao thành phố đã thực hiện đầy đủ chức năng hoạt động, khai thác và phát huy công năng sử dụng. Một số hạng mục chưa khai thác hết công suất đã được UBND thành phố phê duyệt Đề án cho thuê như cà phê sách Thư viện, Tầng hầm, tiền sảnh Nhà hát Trưng Vương, Cung Thể thao Tiên Sơn, Sân tập Golf,... Góp phần thu cho ngân sách nhiều tỷ đồng trong năm.

Công tác bảo tồn di sản được quan tâm đầu tư, góp phần gìn giữ và phát huy giá trị của di sản, di tích. Đặc biệt là Bia Ma nhai danh thắng Ngũ Hành Sơn đã được công nhận là di sản tư liệu Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương và Quy hoạch

³ Theo Công văn số 604/SKHĐT-KGVX ngày 11/3/2024 của Sở KHĐT.

bảo quản, tu bổ, phục hồi Danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt Ngũ Hành Sơn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Các Trung tâm VH TT quận, huyện đã tổ chức tốt các hoạt động nghiệp vụ và hoạt động tại chỗ; đáp ứng nhu cầu hưởng thụ, vui chơi giải trí của nhân dân địa phương và nhu cầu tập luyện, thi đấu của các đơn vị trên địa bàn; Đặc biệt, với việc tổ chức các lớp học năng khiếu, các hoạt động câu lạc bộ ở địa phương đã từng bước đáp ứng nhu cầu và bắt kịp với những thay đổi thị hiếu của xã hội; các bể bơi được đầu tư tại 5/7 Trung tâm VH TT quận, huyện được khai thác hiệu quả, thu hút đông đảo học sinh và người dân trên địa bàn tham gia tập luyện, bơi lội. Tuy nhiên, hoạt động văn hóa của đa số Trung tâm VH TT quận, huyện chưa đáp ứng được yêu cầu so với quy định tại Thông tư 11/2010/TT-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ VHTTDL về Quy định tiêu chí Trung tâm VH TT quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; Số buổi tuyên truyền chỉ đạt bình quân 20 - 30% so với quy định, số buổi hoạt động văn hóa, văn nghệ chỉ đạt từ 50-70% so với quy định. Nhiệm vụ hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý thiết chế VH TT phường, xã còn hạn chế.

Hoạt động của các Trung tâm VH TT phường xã đã có đủ các hạng mục chính cơ bản được tổ chức tốt, thường xuyên, đáp ứng được các tiêu chí theo yêu cầu tại Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL. Theo đó, trung bình mỗi Trung tâm tổ chức được từ 15 đến 30 cuộc tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị, 3-6 hoạt động văn hóa, văn nghệ, tổ chức hoặc tham gia 2-6 hội thi, hội diễn, liên hoan, 2-12 hoạt động thi đấu thể thao, hình thành và tổ chức cho khoảng 1-5 câu lạc bộ, nhóm sở thích hoạt động. Ngoài ra, các Trung tâm còn thu hút được khoảng 20% số dân trên địa bàn đến tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao tại Trung tâm (bình quân hàng ngày có từ 50 đến 100 lượt trẻ em và 50-200 lượt người lớn đến tham gia hoạt động, luyện tập TDTT). Tuy nhiên, nội dung, hình thức hoạt động của Trung tâm VH TT phường, xã còn đơn điệu, chủ yếu tập trung vào một số đợt cao điểm (ngày lễ, tết), ít có các hoạt động nghiệp vụ, các câu lạc bộ, nhóm sở thích nên chưa thu hút được người dân tham gia, hưởng ứng. Đa số các Trung tâm không triển khai được các hoạt động xã hội hóa, liên kết tổ chức hoạt động do cơ sở vật chất còn hạn chế, chưa đồng bộ và cơ sở pháp lý, thủ tục triển khai chưa cụ thể, rõ ràng.

2. Một số giải pháp phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn thành phố

2.1. Về cơ chế, chính sách

- Tập trung nghiên cứu, tham mưu ban hành cơ chế chính sách nhằm phát huy, khai thác và sử dụng hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao (Hiện nay, HĐND thành phố đã ban hành Nghị quyết số 87/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về Quy định chính sách khuyến khích xã hội hóa trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, UBND thành phố đang xây dựng và sẽ ban hành Quyết định thi hành).

- Triển khai thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn thi hành, UBND thành phố đã chỉ đạo các cơ quan tham mưu, hướng dẫn

các đơn vị triển khai thực hiện. Trên cơ sở đó các thiết chế văn hóa, thể thao chưa sử dụng hết công suất đã triển khai xây dựng đề án sử dụng tài sản công để thực hiện đầu giá cho thuê, phát huy công năng, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản.

- Đang đề nghị Quốc hội ban hành cơ chế đặc thù, trong đó bổ sung lĩnh vực văn hóa, thể thao vào nhóm các lĩnh vực được phép đầu tư theo phương thức đối tác công – tư.

2.2. Công tác quy hoạch và đầu tư

- Ưu tiên, lựa chọn bố trí đất đầu tư, xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao ở vị trí, địa điểm phù hợp, thuận lợi trong hoạt động vui chơi giải trí của nhân dân. Đối với các địa điểm thay đổi mục đích sử dụng thì bố trí địa điểm thay thế. Đất bố trí để xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phải phù hợp với quy hoạch phát triển đô thị, phân bố dân cư, xây dựng nhà ở và các công trình văn hóa, thể thao khác nhằm tạo ra môi trường thân thiện, thuận lợi phục vụ nhân dân khai thác và sử dụng hiệu quả.

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị đồng bộ, hoàn chỉnh từng Trung tâm VHTT. Khảo sát nhu cầu của người dân địa phương và tham khảo ý kiến các cơ quan liên quan để đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao phù hợp, hiệu quả.

- Quan tâm đầu tư thay thế những trang thiết bị cũ, lạc hậu, duy tu, sửa chữa công trình theo định kỳ; cải tạo, nâng cấp các Trung tâm VHTT hiện có.

- Khai thác sử dụng có hiệu quả các cơ sở vật chất được đầu tư, giao quản lý, sử dụng, đồng thời huy động các nguồn lực xã hội để phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giúp tăng cường nguồn thu của đơn vị, để tiến dần đến việc đảm bảo tự chủ về tài chính.

2.3. Kiện toàn củng cố, tổ chức bộ máy

- Sắp xếp, ổn định tổ chức, bộ máy của các Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao các quận, huyện sau khi sáp nhập.

- Rà soát, đánh giá thực trạng và đề xuất củng cố, hoàn thiện bộ máy, nguồn nhân lực của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp.

- Thực hiện quy hoạch cán bộ, công chức bảo đảm sự chủ động, có tầm nhìn, đáp ứng cả nhiệm vụ trước mắt và lâu dài. Kết hợp xây dựng quy hoạch cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý với quy hoạch công chức chuyên môn. Rà soát, xác định rõ vị trí việc làm để làm căn cứ bố trí sắp xếp, đào tạo bồi dưỡng cho phù hợp, hiệu quả.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ văn hóa, thể thao của thành phố đảm bảo hợp lý về số lượng, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệt tình với công việc.

- Tổ chức đào tạo và đào tạo lại, chú trọng bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng sát với đặc thù và thực tế công việc; đa dạng hóa nội dung các chương trình đào tạo, bồi dưỡng (dài hạn, ngắn hạn) đáp ứng nhu cầu học tập cho đội ngũ quản lý, chuyên

môn tại hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn thành phố.

- Nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, thể thao ở cơ sở. Đồng thời, cũng cần có những chính sách đặc thù mang tính động viên để đội ngũ cán bộ, công chức nỗ lực sáng tạo, gắn bó lâu dài với đơn vị.

2.4. Quản lý và phát triển hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở

- Đa dạng hóa nội dung, khuyến khích mạnh mẽ xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể thao phù hợp với từng loại hình, đáp ứng nhu cầu và thị hiếu của người dân. Tăng cường huy động và tạo điều kiện thuận lợi để mọi tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư cơ sở vật chất, hỗ trợ, tài trợ các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường cung cấp các dịch vụ công phục vụ học tập, nghiên cứu, công tác và giải trí của mọi tầng lớp nhân dân.

- Tăng cường công tác hướng dẫn, hỗ trợ của các Trung tâm Văn hóa – Thể thao cấp thành phố, quận, huyện đối với Trung tâm VH TT phường, xã; hằng năm có kế hoạch đưa các hoạt động văn hóa, thể thao của thành phố về cơ sở phục vụ người dân và nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế.

- Hỗ trợ nguồn lực về đào tạo hướng dẫn cán bộ chuyên môn, đầu tư cơ sở vật chất và kinh phí để Trung tâm VH TT phường, xã xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động, giải, hội thi văn hóa, thể dục, thể thao phù hợp với điều kiện, nhu cầu và đặc thù tại địa phương.

- Triển khai tổ chức tập luyện, thi đấu các bộ môn thể thao truyền thống như: kéo co, đẩy gậy, bóng chuyền, bóng đá, cờ, võ thuật và tập trung đến các môn thể thao hiện đại, có xu hướng phát triển mạnh như: tennis, cầu lông, bóng bàn, bơi, Yoga, Thể dục nhịp điệu, Thể dục thể hình, Thể dục dưỡng sinh.

- Tiếp tục thực hiện chương trình, cuộc vận động liên quan như: cuộc vận động “toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, chương trình “Ngày chạy Olympic vì sức khỏe toàn dân”, kỷ niệm các ngày lễ lớn... Tăng cường công tác thông tin - truyền thông trong cộng đồng xã hội về thể dục, thể thao về tác dụng, lợi ích của luyện tập thể dục, thể thao.

- Tập trung lựa chọn tổ chức các hoạt động, giải thi đấu là Hội thi các bộ môn có tính phối hợp nhiều người, nội dung thi tiếp sức, đồng đội, tập thể như: Chạy bộ tiếp sức, đi bộ tiếp sức, đồng đội các bộ môn Bóng, môn Võ, tập thể gồm bóng chuyền, bóng đá, nhằm thu hút đông đảo lực lượng của nhiều đối tượng tham dự, cổ vũ.

- Mở các lớp tập huấn ngắn hạn bồi dưỡng về chuyên môn, kỹ năng, luật, các qui định mới và cách thức tổ chức các hoạt động, giải đấu thể thao.

- Đưa các hoạt động biểu diễn, trình diễn thể thao về cơ sở của môn số bộ môn kết hợp với hoạt động tổ chức thi đấu.

- Phân bổ khung thời gian phục vụ nhân dân tại các Trung tâm VH TT cho

phù hợp với từng địa phương.

- Phát huy chủ thể người dân trong việc tham gia đóng góp xây dựng, quản lý, tổ chức các mô hình sinh hoạt văn hóa mang tính cộng đồng để người dân có ý thức hơn trong việc bảo quản, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống địa phương gắn với thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên, nhân dân tự nguyện, tích cực tham gia hoạt động tại các thiết chế văn hóa, thể thao; phát huy tính chủ động, sáng tạo và vai trò tự quản của cộng đồng đối với việc giữ gìn, phát triển văn hóa, thể thao.

2.5. Hoàn thiện và đổi mới cơ chế chính sách

- Hoàn thiện cơ chế tài chính và đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập văn hóa và thể thao cấp thành phố, quận, huyện; phấn đấu đến năm 2025, các đơn vị do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên chuyển sang tự chủ một phần chi thường xuyên, các đơn vị đang tự chủ chi thường xuyên thì tăng thêm 10-20% tỷ lệ tự chủ so với năm 2019 (theo Quyết định số 429/QĐ-TTg là 10%).

- Đẩy mạnh hoàn thiện cơ chế, đảm bảo đồng bộ các yếu tố đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và đẩy mạnh xã hội hóa một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm, năng lực, hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo và đổi mới phương thức hoạt động, cơ chế vận hành của các cấp các ngành.

- Có chính sách, cơ chế thuận lợi, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp xây dựng, quản lý và sử dụng có hiệu quả các thiết chế văn hóa, thể thao phù hợp với quy định của pháp luật nhằm huy động nguồn lực từ xã hội tham gia vào các hoạt động đầu tư, khai thác các thiết chế văn hóa cơ sở.

- Hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện việc liên doanh, liên kết, cho thuê... cơ sở vật chất theo đúng quy định nhằm tăng nguồn lực và phát huy hiệu quả sử dụng công trình.

- Tăng cường công tác kiểm tra tình hình tổ chức hoạt động của các Trung tâm VH-TT, kịp thời chấn chỉnh những đơn vị hoạt động không hiệu quả, song song đó xem xét trách nhiệm của người đứng đầu.

- Đảm bảo kinh phí hoạt động, cung cấp trang thiết bị phù hợp cho các hoạt động nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Có hướng dẫn cụ thể về sử dụng tài sản công trong việc liên kết tổ chức hoạt động và sử dụng nguồn thu từ các hoạt động liên kết.

Phát huy những mặt đã đạt được và khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong quá trình thực hiện. Trên cơ sở định hướng và giải pháp thực hiện, trong thời

gian đến, thành phố tập trung vào một số công việc sau:

1. Xây dựng đội ngũ cán bộ văn hóa, thể thao của thành phố đảm bảo hợp lý về số lượng, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nhiệt tình với công việc
2. Sớm hoàn thiện chính sách khuyến khích xã hội hóa, tạo điều kiện thu hút doanh nghiệp, nhà đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, thể thao.
3. Sớm triển khai áp dụng phương thức PPP trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, sau khi được Quốc hội thông qua cơ chế đặc thù cho Đà Nẵng.
4. Rà soát các thiết chế văn hóa, thể thao để khai thác, nâng cao năng hiệu quả sử dụng theo đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công./.

THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, KHAI THÁC HỆ THỐNG THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO TỈNH KON TUM

Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum

Kon Tum là tỉnh miền núi, biên giới, thuộc khu vực Bắc Tây nguyên, diện tích gần 10 ngàn km², có đường biên giới tiếp giáp với 2 nước bạn Lào và Campuchia; có khu du lịch sinh thái Măng Đen - Kon Plông; có vườn quốc gia Chư Mom Ray là vườn di sản ASEAN; khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh có loài sâm quý (*Sâm Ngọc Linh*); Dân số toàn tỉnh khoảng 600.000 người, với 43 thành phần dân tộc cùng chung sống, trong đó có 07 dân tộc thiểu số tại chỗ: Xơ Đăng, Ba Na, Gia Rai, Giẻ - Triêng, Hrê, Brâu và Rơ Măm. Đồng bào các dân tộc tỉnh Kon Tum với truyền thống văn hóa phong phú và lâu đời đã tạo nên những nét riêng độc đáo mang bản sắc riêng, đây chính là những thuận lợi để Kon Tum bảo tồn, gìn giữ và khai thác để phát triển văn hóa, du lịch.

Thiết chế văn hóa, thể thao là chỉnh thể văn hóa, thể thao gồm đầy đủ các yếu tố: cơ sở vật chất, bộ máy tổ chức, nhân sự, quy chế hoạt động, nguồn kinh phí. Thiết chế văn hóa, thể thao là bộ phận quan trọng trong tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; bồi dưỡng năng khiếu nghệ thuật, thể thao; nâng cao dân trí, mức hưởng thụ văn hóa, thu hút và tạo điều kiện thuận lợi để các tầng lớp nhân dân tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao... Vì vậy, việc đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao là vấn đề hết sức cần thiết trong điều kiện hiện nay.

1. Thực trạng

Thời gian qua, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo đến công tác đầu tư, xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao; vì vậy thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh ngày càng hoàn thiện, cơ bản phục vụ nhu cầu của người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

1.1. Về công tác quy hoạch, bố trí quỹ đất

Công tác quy hoạch đất sử dụng xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh xuống cơ sở được thực hiện theo Quyết định 2164/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030. Đến năm 2018, tỉnh Kon Tum đã cơ bản hoàn thành công tác quy hoạch quỹ đất, đáp ứng được nhu cầu xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp, trong đó:

- Cấp thôn: Diện tích quy hoạch bình quân mỗi công trình từ 150 đến 200m²/nhà văn hóa. Tổng số đơn vị cấp thôn đã hoàn thành quy hoạch 733/756 thôn, tổ dân phố, đạt xấp xỉ 96,9%. Tổng diện tích đạt: 1.274.474m².

- Cấp xã đạt 80,3% tổng số xã, phường, thị trấn; riêng các xã vùng nông thôn đã hoàn thành quy hoạch 100%. Diện tích bình quân mỗi công trình có từ 300m², đảm bảo nhu cầu sử dụng, khai thác ở địa phương. Tổng diện tích đất được quy hoạch đạt: 287.270m².

- Cấp huyện: 100% tổng số huyện, thành phố đã hoàn thành công tác quy hoạch. Diện tích quy hoạch đạt trên 2.500 m²/nhà văn hóa, đảm bảo các chỉ số theo quy định, cơ bản đáp ứng được nhu cầu sử dụng ở cấp huyện. Tổng diện tích đã quy hoạch đạt: 311.931m².

- Cấp tỉnh: Các đơn vị sự nghiệp văn hóa, thể thao thuộc ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tỉnh đoàn và Liên đoàn Lao động tỉnh đã hoàn thành công tác quy hoạch quỹ đất trước năm 2015, cơ bản đảm bảo ổn định về cơ sở vật chất tổ chức các hoạt động.

1.2. Về công tác đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng

Tính đến năm 2023, nguồn lực từ ngân sách Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng văn hóa, thể thao được đầu tư qua các dự án xây dựng, tôn tạo, nâng cấp đã được triển khai, cụ thể:

Các công trình trọng điểm ở tỉnh như Sân vận động tỉnh, Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể dục, thể thao tỉnh, Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật tỉnh, Bảo tàng ngoài trời... đã và đang được triển khai đầu tư xây dựng cơ sở vật chất¹. Đến nay, có 07 công trình văn hóa, thể thao thuộc Sở, ngành, đơn vị thuộc tỉnh gồm các trung tâm văn hóa, thể thao của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các đoàn thể².

10/10 huyện, thành phố đã hoàn thành nâng cấp, xây dựng đạt chuẩn Nhà Văn hóa huyện và các sân vận động thuộc Trung tâm Văn hóa, Thể thao, Du lịch và Truyền thông các huyện, thành phố.

Tại 102 xã và 756 thôn/tổ trên địa bàn tỉnh đã đầu tư xây mới, sửa chữa, nâng cấp 619 nhà văn hóa thôn, nhà rông; nâng cấp đạt chuẩn 550 sân thể thao thôn; xây dựng đạt chuẩn 85 sân vận động xã³. Tuyến xã có 24 nhà văn hóa đa năng xã được xây dựng, nâng cấp đạt chuẩn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; trong đó có 09 công trình đang xuống cấp được tu bổ, tôn tạo⁴. Đến nay, toàn tỉnh có 733/756 thôn, tổ dân phố có nhà văn hóa - khu thể thao xây dựng tương đối đạt chuẩn. Công trình thể thao có 54/102 sân vận động cấp xã đạt chuẩn.

¹ Năm 2011, dự án xây dựng Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể dục, thể thao tỉnh hoàn thành giai đoạn I, trong đó có hạng mục xây dựng sân vận động tỉnh được đưa vào sử dụng với tổng kinh phí: 98,4 tỷ đồng.

Giai đoạn 2016-2020, thực hiện giai đoạn 2 của dự án: gồm hạng mục mái che khán đài A, B với tổng mức đầu tư 24,9 tỷ đồng; Nhà thi đấu tổng hợp tỉnh tổng mức đầu tư 99 tỷ đồng.

Dự án xây dựng Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật tỉnh, Bảo tàng ngoài trời: Tổng mức đầu tư: 90 tỷ đồng. Hiện dự án đang triển khai thực hiện giai đoạn đầu.

² Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật tỉnh; Trung tâm Huấn luyện và Tổ chức thi đấu thể dục, thể thao tỉnh, Sân vận động tỉnh, Bảo tàng tỉnh, Thư viện tỉnh, Trung tâm văn hóa, thể thao thanh thiếu nhi (Tỉnh đoàn) và Nhà Văn hóa Lao động (Liên đoàn Lao động tỉnh).

³ Nguồn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo và Xây dựng Nông thôn mới kết hợp nguồn xã hội hoá “Nhà nước và nhân dân cùng làm” trong xây dựng Nông thôn mới.

⁴ Nguồn vốn địa phương, nguồn vốn tài trợ của các đơn vị, doanh nghiệp, kết hợp nguồn đóng góp của người dân giai đoạn 2013-2023.

1.3. Về cung ứng vật chất kỹ thuật, phương tiện hoạt động

Về phương tiện, trang thiết bị hoạt động văn hóa, văn nghệ: 100% các Trung tâm cấp tỉnh và huyện được trang bị đầy đủ các thiết bị chuyên dùng như âm thanh, ánh sáng, sân khấu. Xe chuyên dụng đã trang bị đầy đủ cho các trung tâm văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao cấp tỉnh; 9/10 Trung tâm Văn hóa, Thể thao, Du lịch và Truyền thông cấp huyện có xe chuyên dụng. 100% nhà văn hóa đa năng xã được trang bị đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Nhà văn hóa - khu thể thao thôn được trang bị vật chất đạt 87,3% (645/738).

Về công trình thể thao: 10/10 huyện, thành phố có sân vận động đạt chuẩn quy mô xây dựng, diện tích và trang thiết bị đủ để tổ chức các hoạt động đa dạng, có các công trình thể thao phụ trợ như nhà thi đấu đa năng, sân tennis. 100% (59/59) số Nhà Văn hóa đa năng xã hiện có sân tập thể thao đơn giản đạt chuẩn theo quy định.

1.4. Về bộ máy, biên chế, nguồn nhân lực quản lý, điều hành

Tổng số nhân lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tại các thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh 128 người, trong đó 05 đơn vị trực thuộc ngành Văn hóa, Thể thao, Du lịch; Tỉnh đoàn và Liên đoàn lao động tỉnh. Cụ thể: Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật tỉnh: 53 người; Bảo tàng - Thư viện tỉnh: 33 người; Trung tâm Huấn luyện và Tổ chức thi đấu thể dục, thể thao tỉnh: 23 người; Nhà Văn hóa Lao động (*thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh*) 05 người và Trung tâm Văn hóa Thanh - thiếu nhi tỉnh (*thuộc Tỉnh đoàn*): 14 người. Đội ngũ nhân lực tương đối ổn định về số lượng; được đào tạo và phân bổ công tác đúng chuyên ngành, có đầy đủ năng lực và kinh nghiệm để tổ chức thực hiện có chất lượng tốt các nhiệm vụ được giao.

Tổng biên chế của 10 trung tâm cấp huyện trên địa bàn tỉnh là: 161 viên chức và người lao động. 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp huyện có trình độ lý luận chính trị từ trung cấp trở lên và được đào tạo đúng chuyên ngành. Về chuyên môn có 01 thạc sĩ, 105 cử nhân, 43 người có trình độ cao đẳng và trung cấp, sơ cấp nghề có 12 lao động.

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã có 55/102 cán bộ văn hóa cấp xã có trình độ đại học (*đạt 53,9%*), 47/102 cán bộ có trình độ cao đẳng, trung cấp.

Ở cấp thôn: Ban quản lý thôn trực tiếp quản lý, điều hành các hoạt động diễn ra ở nhà văn hóa thôn.

1.5. Về kinh phí phục vụ hoạt động

Tổng số kinh phí chi các hoạt động tại các đơn vị sự nghiệp Văn hóa, Thể thao cấp tỉnh hàng năm trung bình khoảng 57.610.365.000 đồng.

Cấp huyện, trung bình mỗi năm Trung tâm Văn hóa, Thể thao, Du lịch và Truyền thông của 10/10 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh được đầu tư nguồn kinh phí bằng ngân sách Nhà nước, tương đương 1.838.658.400 đồng/huyện.

Cấp xã và thôn: Chưa có cơ chế đầu tư kinh phí Nhà nước nên về kinh phí đảm bảo hoạt động được Ủy ban nhân dân xã cấp kinh phí cho từng hoạt động riêng lẻ do Ủy ban nhân dân xã và các đoàn thể tổ chức. Đối với các hoạt động do câu lạc bộ và các đoàn thể tổ chức: đơn vị nào hoạt động, kinh phí do đơn vị đó chịu trách nhiệm.

Hoạt động ở thôn chủ yếu do các đoàn thể tự gây quỹ để triển khai hoạt động.

1.6. Thiết chế của các đơn vị ngoài ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Đối với hệ thống thiết văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ thanh niên, thiếu niên và nhi đồng: Có Trung tâm Văn hóa Thanh thiếu nhi tỉnh, trực thuộc Tỉnh đoàn đã được quy hoạch, xây dựng, trang bị cơ sở vật chất đầy đủ, hiện đại.

Đối với hệ thống thiết văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ công nhân, viên chức và người lao động ở cấp tỉnh có Nhà Văn hóa Liên đoàn lao động tỉnh. Tổng diện tích đất đã quy hoạch và sử dụng 12.480m². Cơ sở vật chất gồm 01 nhà thi đấu thể dục, thể thao, các phòng chức năng tổ chức sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, nói chuyện chuyên đề, tập huấn... Bộ máy nhân sự gồm 05 người chỉ đạo và điều hành các hoạt động. Hiện nay, Nhà Văn hóa Liên đoàn Lao động tỉnh thường xuyên duy trì 07 câu lạc bộ thể dục, thể thao với trên 200 người tham gia hoạt động hàng ngày⁵.

Đối với các khu, cụm công nghiệp: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có: 03 khu công nghiệp được thành lập, trong đó: 02 Khu công nghiệp do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh quản lý (Khu công nghiệp Hòa Bình với tổng diện tích 60ha và Khu công nghiệp Sao Mai với tổng diện tích sử dụng đất là 150ha); Khu công nghiệp Đắk Tô chưa được đầu tư (diện tích đất 100ha đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cho Tập đoàn Tân Mai thuê, tuy nhiên, đến vẫn chưa bàn giao cho Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh). 14/19 cụm công nghiệp đã được thành lập với diện tích là 472,675ha theo Quyết định số 780/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh (trong đó có 08 cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động với tổng diện tích 275,075ha và 06 cụm công nghiệp đã thành lập nhưng chưa đi vào hoạt động).

1.7. Tổ chức khai thác và nâng cao chất lượng hoạt động

Bám sát các quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quản lý, khai thác thiết chế văn hóa, thể thao, hằng năm hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp xây dựng kế hoạch, chương trình tổ chức các hoạt động thiết thực mang tính chất nghiệp vụ cao. Các kỳ liên hoan văn hóa - thể thao truyền thống các dân tộc, tổ chức các giải thể thao truyền thống, các hội thi, liên hoan văn hóa, văn nghệ được tổ chức bằng các biện pháp vận hành khai thác cơ sở vật chất, trang bị kỹ thuật, phương tiện sẵn có của hệ thống thiết chế các cấp. Các sự kiện, hoạt động được tổ chức hằng năm theo kế hoạch ở tỉnh và các huyện, thành phố tăng cả về số lượng lẫn chất lượng.

Ở cấp xã 100% thiết chế có các hoạt động do các câu lạc bộ, thư viện tổ chức, các hoạt động về bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc; các giải thi đấu thể thao tổ chức theo định kỳ vào các dịp kỷ niệm ngày lễ của đất nước và địa phương.

Thiết chế văn hóa, thể thao cấp thôn là trung tâm sinh hoạt cộng đồng được khai thác sử dụng thường xuyên nhất trong hệ thống từ huyện xuống thôn; là tâm điểm xây dựng các tiêu chí văn hóa xã nông thôn mới. Vì vậy, 100% số nhà văn hóa, khu thể thao trên địa bàn tỉnh đã đạt các chỉ tiêu quy định: Các hoạt động văn

⁵ Gồm các câu lạc bộ: Thể hình; aerobic & dance sport (*Zumba*); Bóng đá mini, tennis, bóng chuyền, cầu lông, võ thuật.

hóa, văn nghệ thu hút khoảng 90% số dân, các hoạt động thể thao: thu hút trên 50% số dân tham gia. Các nhà văn hóa thôn có quy định dành 30% thời gian cho trẻ em và người cao tuổi.

Ở cấp thôn/làng có loại hình thiết chế văn hóa đặc thù mang tính bản sắc văn hóa dân tộc, đó là nhà rông; đây là một loại hình kiến trúc đặc sắc, nhà rông được xây dựng thay thế cho nhà văn hóa, theo kiến trúc cổ truyền gồm tranh, tre, gỗ lắp ghép thành hình, không phải dụng vật liệu kim loại.

Nhìn chung thiết chế văn hóa các cấp đều chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị tại địa phương. Đồng thời phát huy tốt các chức năng tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí; bảo tồn, phát huy các hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao dân tộc; nâng cao dân trí và mức hưởng thụ văn hóa, thể thao cho Nhân dân.

2. Khó khăn, hạn chế

Bên cạnh những thuận lợi là cơ bản, công tác phát triển thiết chế văn hóa, thể thao tỉnh Kon Tum còn gặp một số khó khăn, hạn chế như:

Về cơ chế chính sách: Chính sách phụ cấp cho người quản lý thiết chế cấp xã và thôn chưa có, chỉ thực hiện theo chế độ kiêm nhiệm.

Về nhân lực: Khó khăn về cán bộ trực tiếp quản lý điều hành, nhân lực tổ chức các hoạt động tại thiết chế cấp xã, một số địa phương cán bộ còn chưa đáp ứng chuyên môn và chưa ổn định, thay đổi vị trí công tác thường xuyên.

Công tác xã hội hoá: Trên địa bàn tỉnh hầu hết các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, đời sống kinh tế của người dân một số nơi còn thấp nên việc huy động nguồn xã hội hóa còn gặp khó khăn.

Nguồn kinh phí cho tổ chức các hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tế đang đặt ra. Một số thiết chế ở cấp xã và cấp thôn được đầu tư xây dựng mới nhưng do thiếu kinh phí hoạt động nên hoạt động cầm chừng, gây lãng phí, có nơi không có kinh phí để tổ chức các hoạt động nên không ít nhà văn hóa thường xuyên đóng cửa, chỉ mở cửa khi họp dân hoặc tổ chức hoạt động vào dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn.

Về cơ sở vật chất, vật tư kỹ thuật: Nhiều thiết chế Văn hóa - Thể thao cấp xã được các dự án hỗ trợ đầu tư xây dựng theo chuẩn cũ, không đúng quy định về quy mô và kiến trúc, xuống cấp. Một số thiết chế khác tuy quy mô có đạt chuẩn nhưng cơ sở vật chất kỹ thuật còn nghèo nàn, trang thiết bị và phương tiện chuyên dùng (*âm thanh, ánh sáng...*) còn thiếu thốn.

3. Giải pháp

Để tiếp tục đầu tư xây dựng, phát huy hiệu quả quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao của địa phương trong thời gian tới, cần tập trung các nhiệm vụ, giải pháp sau:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức của

các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành đoàn thể, doanh nghiệp, cán bộ, đảng viên và người dân trong toàn xã hội về vai trò, vị trí, lợi ích của việc phát triển thiết chế văn hóa, thể thao các cấp.

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện Nhà thi đấu tổng hợp tỉnh, triển khai đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa, nghệ thuật tỉnh và hệ thống thiết chế cơ sở vật chất cơ sở; tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động, khai thác sử dụng thiết chế văn hóa - thể thao.

- Bổ sung các chỉ tiêu cụ thể về xây dựng và phát triển hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao vào nội dung quy hoạch tỉnh; bố trí đủ quỹ đất theo quy định và ngân sách để đầu tư xây dựng, hoàn thiện, sửa chữa, nâng cấp thiết chế văn hóa, thể thao các cấp bảo đảm yêu cầu về kỹ thuật và công năng sử dụng; đầu tư, mua sắm, trang thiết bị, cơ sở vật chất, phương tiện chuyên dùng đồng bộ; đảm bảo kinh phí hoạt động nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ đối với thiết chế văn hóa, thể thao các cấp; rà soát, đánh giá quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp để điều chỉnh theo quy định về vị trí, quy mô và cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng nhu cầu của Nhân dân. Nghiên cứu, rà soát tham mưu cấp có thẩm quyền về chính sách hỗ trợ cho người quản lý hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở.

- Đổi mới phương thức tổ chức, quản lý và nâng cao chất lượng hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao các cấp phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Xây dựng và nhân rộng các mô hình tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu phù hợp với điều kiện sinh hoạt, phong tục tập quán, đặc điểm dân tộc, vùng miền, các nhóm đối tượng, lứa tuổi.

- Quan tâm phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng các hạt nhân năng khiếu về văn hóa, văn nghệ, thể thao cho con em đồng bào các dân tộc thiểu số nói riêng và nguồn nhân lực văn hóa, thể thao của tỉnh nói chung.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá và rút kinh nghiệm trong việc xây dựng, phát huy hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp./

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN

Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao có vai trò rất quan trọng trong công tác tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao góp phần xây dựng đời sống văn hóa cơ sở và giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao và phát triển đời sống văn hóa là một trong những giải pháp lớn để thực hiện có hiệu quả Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” và nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của Nhân dân. Trong những năm trở lại đây, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể tỉnh Ninh Thuận, nhiều chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao được ban hành và thực hiện có hiệu quả, thực sự tác động tích cực đến đời sống văn hóa, phục vụ các nhiệm vụ chính trị góp phần làm thay đổi diện mạo nông thôn mới của tỉnh.

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Trung ương và chính quyền địa phương, việc đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận ngày càng hoàn thiện nhằm phục vụ nhu cầu của hưởng thụ về mặt đời sống tinh thần của Nhân dân tại các thiết chế văn hóa, thể thao như: Trung tâm Văn hóa tỉnh, Thư viện tỉnh, Bảo tàng tỉnh, Sân vận động tỉnh và Nhà Văn hóa thiếu nhi tỉnh. Đây là những công trình khá hiện đại, cơ bản phù hợp với chức năng, nhiệm vụ nên đã phát huy được công năng sử dụng, là nơi tổ chức các hoạt động nhân các ngày lễ kỷ niệm của quê hương đất nước, tổ chức các chương trình nghệ thuật, hội thi, hội diễn, các cuộc liên hoan văn nghệ; triển lãm ảnh, trưng bày các tư liệu, hiện vật truyền thống; các giải thi đấu thể thao, Hội khỏe phù Đổng, Đại hội thể dục, thể thao... Tổ chức các câu lạc bộ, các lớp năng khiếu văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao phục vụ nhu cầu học tập, rèn luyện và bồi dưỡng năng khiếu của mọi lứa tuổi. Mặc dù, một số thiết chế văn hóa, thể thao thiết yếu cấp tỉnh đã được đầu tư xây dựng, nhưng đến thời điểm hiện tại tỉnh Ninh Thuận vẫn còn thiếu một số thiết chế văn hóa, thể thao để tổ chức các hoạt động như nhà thi đấu đa năng, bể bơi tổng hợp, rạp chiếu phim... Bên cạnh đó, nhiều thiết chế văn hóa, thể thao được đầu tư xây dựng từ công tác xã hội hóa, gồm: hệ thống chiếu phim hiện đại, sân golf, sân bóng đá, sân quần vợt, bể bơi... đã góp phần quan trọng phục vụ nhu cầu sinh hoạt, vui chơi, tập luyện của trẻ em, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh.

Trên địa bàn toàn tỉnh hiện có 06 huyện, thành phố đã xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao; 01 huyện đang xây dựng (huyện Thuận Nam); 65 xã, phường, thị trấn trong đó: 24 xã đã đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao; 41 xã, phường sử dụng Hội trường Ủy ban nhân dân để làm Trung tâm Văn hóa - Thể thao gắn với chức năng là Trung tâm học tập cộng đồng để tổ chức các hoạt động. Có 397 thôn, khu phố trong đó: 47 thôn có Nhà văn hóa (xây dựng theo các chương

trình mục tiêu quốc gia giai đoạn từ năm 2015 - 2020); 330/397 thôn sử dụng Nhà sinh hoạt cộng đồng, trụ sở Ban Quản lý thôn, khu phố.

Kết quả xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa gắn với việc thực hiện Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” và “*Xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh*” trong những năm qua đã đạt được một số kết quả như sau:

- Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh trong những năm qua đã phát huy hiệu quả xã hội rõ nét góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển. Điểm nổi bật là đã huy động được nhiều nguồn lực trong nhân dân, phát huy quyền dân chủ, ý thức xây dựng cộng đồng theo phương châm “*Lấy sức dân để lo cho dân*”, phát huy nét đẹp văn hóa truyền thống, khơi dậy tình làng nghĩa xóm, đùm bọc, tương trợ giúp đỡ nhau vượt khó vươn lên, góp phần xây dựng bộ mặt nông thôn mới, đô thị văn minh thêm khởi sắc, lành mạnh và tiên bộ.

- Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đã gắn kết chặt chẽ với các cuộc vận động và các phong trào, nhất là gắn với thực hiện việc “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”, đặc biệt là với phong trào thi đua “*Chung sức chung lòng xây dựng nông thôn mới*”, tác động tích cực đến hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội, tiếp tục phát huy tiềm năng và nội lực trong nhân dân để phát triển kinh tế, ổn định chính trị - trật tự an toàn xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng điện, đường giao thông, trường học, trạm xá, công viên, nước sạch, sân chơi văn hóa, thể thao lành mạnh, từng bước đẩy lùi và xóa bỏ các hủ tục lạc hậu trong ma chay, cưới hỏi, làm giảm dần các tệ nạn xã hội nghiêm trọng...

- Đến nay, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tỉnh Ninh Thuận tiếp tục được củng cố và phát triển, có chuyển biến tích cực về nội dung theo hướng nâng dần chất lượng, đúng thực chất, tiếp tục nhận được sự quan tâm của các cấp ủy, chính quyền địa phương và sự hưởng ứng đồng thuận của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

Tuy nhiên, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận vẫn còn một số tồn tại, hạn chế đó là:

- Về mặt chỉ đạo, điều hành một số cấp ủy đảng, chính quyền địa phương quan tâm chưa đúng mức về vị trí, vai trò của thiết chế văn hóa, thể thao đối với việc xây dựng đời sống văn hóa cơ sở trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội địa phương; thiếu quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo; việc đầu tư cho hoạt động văn hóa, thể thao còn hạn chế.

- Chưa có cơ chế, chính sách xây dựng, hỗ trợ mua sắm, bảo trì và sửa chữa trang thiết bị phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao tại các Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và Nhà Văn hóa - Khu Thể thao thôn, khu phố. Bên cạnh đó, tại nhiều địa phương đã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2016, qua thời gian sử dụng, nhưng do không có kinh phí duy tu, bảo dưỡng nên cơ sở vật chất văn hóa, trang thiết bị đã xuống cấp, hư hỏng.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ văn hóa, thể thao cơ sở chưa được thực hiện thường xuyên. Một số địa phương đội ngũ cán bộ văn hóa, thể thao cơ sở phải bố trí kiêm nhiệm; một số công chức văn hóa cấp xã được bố trí không đúng trình độ chuyên môn,... nên ảnh hưởng nhất định đến công tác tham mưu và triển khai

các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao tại các xã. Nhà Văn hóa - Khu Thể thao thôn, khu phố do trưởng thôn, khu phố kiêm nhiệm, công việc nhiều nhưng chưa có chế độ phụ cấp, không đủ trang trải cuộc sống nên đôi lúc thiếu nhiệt huyết.

Để nâng cao hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận nhất là các thiết chế văn hóa, thể thao ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tỉnh Ninh Thuận sẽ thực hiện một số giải pháp cụ thể như sau:

Thứ nhất, các cấp ủy Đảng, chính quyền xác định rõ vai trò, trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; coi đó là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và của toàn Đảng, toàn dân. Quan tâm hơn nữa trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đồng bộ theo 04 nội dung: về cơ sở vật chất, trang thiết bị, tổ chức bộ máy cán bộ, tổ chức các hoạt động; thu hút và tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân thường xuyên đến sinh hoạt hưởng thụ văn hóa, luyện tập thể dục, thể thao, vui chơi giải trí, tuyên truyền phục vụ các nhiệm vụ chính trị của địa phương theo Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030; tiếp tục theo dõi, rà soát công tác quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã được tích hợp chung vào trong Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (thực hiện theo Luật Quy hoạch năm 2017).

Thứ hai, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, vận động quần chúng bằng nhiều biện pháp thiết thực, sinh động, làm cho các tầng lớp nhân dân, trước hết là cán bộ, đảng viên quán triệt sâu sắc mục tiêu, ý nghĩa, của các hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở gắn với nội dung Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”; xây dựng kế hoạch và biện pháp cụ thể để triển khai thực hiện các nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ hằng năm. Đa dạng hóa nội dung, phương thức, mô hình, khuyến khích mạnh mẽ xã hội hóa tổ chức và hoạt động văn hóa, thể thao, phù hợp với loại hình, đối tượng, nhu cầu và thị hiếu văn hóa của người dân. Đẩy mạnh việc xây dựng và củng cố hệ thống các thiết chế văn hóa, thể thao phù hợp tiêu chí và nhu cầu nhằm thu hút đông đảo người dân đến tham gia sinh hoạt.

Thứ ba, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” phải gắn với việc thực hiện “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc*” thực hiện Quy chế dân chủ, thực hiện đạt kết quả tốt phong trào thi đua “*Chung sức chung lòng xây dựng nông thôn mới*” tại các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; hằng năm, cần phải thực hiện nghiêm túc công tác sơ kết, tổng kết, khen thưởng, biểu dương các cá nhân, tập thể điển hình tiên tiến để động viên khích lệ phong trào.

Thứ tư, tiếp tục đầu tư, hoàn thiện và phát triển đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ ngày càng cao của người dân, từng bước đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch. Thực hiện lồng ghép

các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, nhiệm vụ phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao ở các cấp với việc thực hiện mục tiêu phát triển thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở.

Thứ năm, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, thể thao ở cơ sở có trình độ, năng lực, có tinh thần trách nhiệm cao để làm tốt nhiệm vụ tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương trong công tác tổ chức quản lý và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, các trang thiết bị được đầu tư của Nhà nước cho các hoạt động văn hóa, thể thao; tăng cường công tác tập huấn cho cán bộ làm công tác văn hóa, thể thao nhất là cán bộ ở cấp cơ sở.

Thứ sáu, đẩy mạnh hơn nữa công tác xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực của xã hội để xây dựng các thiết chế văn hóa, cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi công cộng, thiết thực phục vụ cuộc sống, lao động sản xuất và nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân nhằm phát triển phong trào ở cơ sở.

Thứ bảy, các Sở, ban ngành và địa phương thường xuyên rà soát lại hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tham mưu các cơ chế, chính sách hỗ trợ, nâng cấp và sửa chữa các thiết chế văn hóa, thể thao phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng địa bàn các khu dân cư trong tỉnh theo hướng phát triển chiều rộng, chú trọng chiều sâu, nâng cao chất lượng đúng thực chất, đạt hiệu quả xã hội cao tại các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở./.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TRONG QUÁ TRÌNH XÃ HỘI HÓA CÁC HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT, THỂ DỤC, THỂ THAO

Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu hiện có 8 đơn vị hành chính trực thuộc (7 đơn vị trong đất liền và 1 huyện đảo), trong đó có 2 thành phố, 1 thị xã và 5 huyện, gồm 82 xã, phường, thị trấn.

Trên địa bàn toàn tỉnh có 08 thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh, bao gồm: Đoàn Ca múa nhạc tỉnh, Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh, Thư viện tỉnh, Bảo tàng tỉnh, Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục, thể thao tỉnh, Trung tâm bảo tồn quốc gia Côn Đảo, Nhà văn hóa Thanh niên tỉnh và Nhà thiếu nhi tỉnh; có 08 Trung tâm Văn hóa, Thể thao – Thông tin cấp huyện, thị xã, thành phố; 74/ 82 xã, phường, thị trấn và 3/9 khu dân cư (huyện Côn Đảo) đã có trụ sở Trung tâm Văn hóa, Thể thao - Học tập cộng đồng ở cơ sở.

Có 06 Nhà văn hóa dân tộc, trong đó huyện Châu Đức có 03 nhà văn hóa dân tộc; huyện Xuyên Mộc có 02 nhà văn hóa; huyện Đất Đỏ có 01 nhà văn hóa dân và 01 Khu sinh hoạt văn hóa dân tộc tại thị xã Phú Mỹ.

Trên địa bàn tỉnh hiện có 413 công trình thể dục, thể thao thuộc Nhà nước quản lý, gồm: cấp huyện, thành phố có 142 công trình; cấp xã, phường, thị trấn có 271 công trình (gồm: 33 sân bóng đá 11 người; 30 sân bóng đá mini cỏ tự nhiên và nhân tạo; 82 sân cầu lông, đá cầu; 108 sân bóng chuyền, bóng rổ, bi sắt; 05 hồ bơi có kích thước 50m; 13 sân tập luyện khác...).

Nhìn chung, hệ thống thiết chế văn hóa trên địa bàn tỉnh tương đối hoàn thiện; ở mỗi cấp hành chính đều xây dựng thiết chế văn hóa và hoạt động thường xuyên, trong đó, một số thiết chế văn hóa cấp huyện được đầu tư xây dựng mới, quy mô như: Trung tâm Văn hóa, Thông tin - Thể thao huyện Đất Đỏ, huyện Châu Đức và thị xã Phú Mỹ đã thể hiện sự quan tâm của tỉnh và các địa phương trong việc đẩy mạnh hoạt động văn hóa tại cơ sở, đáp ứng nhu cầu nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân.

Tuy nhiên hiện nay việc vận hành bộ máy, thực hiện các hoạt động tại các cơ sở văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh vẫn chủ yếu được hiện từ nguồn ngân sách tỉnh, việc quản lý sử dụng tài sản công trong quá trình xã hội hóa các hoạt động văn hóa nghệ thuật, thể dục, thể thao vẫn chưa thể triển khai một cách thuận lợi để hỗ trợ phát triển các phong trào văn hóa nghệ thuật, thể dục, thể thao tại địa phương do vẫn còn các vướng mắc về chính sách, thủ tục, quy trình thực hiện..., cụ thể như sau:

- Vương mắc về cho thuê toàn bộ tài sản hiện có theo chính sách xã hội hóa theo quy định tại Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ

Ngày 23/6/2017, UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số 15/2017/QĐ-UBND quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tuy nhiên đến nay, đối với các dự án đầu tư Văn hóa, Thể thao cấp tỉnh, chưa có dự án nào được thực hiện để thụ hưởng chính sách khuyến khích Xã hội hóa, ưu đãi về đất đai. Do với hình thức cho thuê toàn bộ tài sản hiện có theo chính sách xã hội hóa theo quy định hiện nay còn vướng 2 nội dung:

Một là: Theo Luật quản lý tài sản công thì không được sử dụng các cơ sở hiện có để cho thuê toàn bộ theo hình thức xã hội hóa (trong khi chính sách xã hội hóa theo Nghị định của Chính phủ thì được phép).

Hai là: Nếu phải thực hiện đấu giá các cơ sở hiện có để thực hiện xã hội hóa thì riêng đối với lĩnh vực của ngành văn hóa, thể thao vẫn chưa có quy định được áp dụng chính sách miễn, giảm theo chính sách xã hội hóa.

- Vương mắc về cho thuê một phần tài sản đối với các Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng cấp xã theo quy định của pháp luật về tài sản công

+ Trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu có 74 Trung tâm Văn hóa học tập cộng đồng cấp xã đã được quan tâm đầu tư cơ sở vật chất ban đầu, là nguồn lực lớn để tổ chức các hoạt động văn hóa nghệ thuật, thể dục, thể thao nhằm đáp ứng nhu cầu tiếp nhận thông tin, hưởng thụ, sáng tạo, học tập, vui chơi giải trí của nhân dân tại cơ sở. Thực tế nhân sự làm việc hiện nay tại các Trung tâm là rất thiếu, có những Trung tâm mặc dù đã được kiện toàn về mặt nhân sự nhưng thành viên trong Ban chủ nhiệm hoặc được bố trí không đúng thành phần, hoặc không thực hiện nhiệm vụ, vai trò của mình, dẫn đến tình trạng gần như chỉ có 01 cán bộ công chức văn hóa xã hội là người kiêm nhiệm, gánh vác tất cả mọi hoạt động của Trung tâm. Việc xã hội hóa để phát huy cơ sở vật chất tại các Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng cấp xã là nhu cầu thực chất và rất cần thiết.

Tuy nhiên, các Trung tâm văn hóa – học tập cộng đồng cấp xã chưa thực hiện được việc xã hội hóa để nâng cao hiệu quả hoạt động do hiện nay chưa có văn bản quy định địa vị pháp lý của Trung tâm, chưa có căn cứ xác định Trung tâm là tài sản kết cấu hạ tầng văn hóa, thể thao hay đơn vị sự nghiệp công lập để làm căn cứ pháp lý thực hiện Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh liên kết theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Việc quy định này dẫn đến một số trung tâm chưa sử dụng hết công suất nhưng không thực hiện được việc cho thuê, liên doanh, liên kết nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản và dịch vụ cho cơ sở.

- Đối với các di tích: Hiện nay việc thực hiện xã hội hóa tài sản công phải thực hiện theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Vì vậy, để thực hiện

việc xã hội hóa vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết tại di tích phải xây dựng Đề án theo theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP trình cấp thẩm quyền quyết định. Tuy nhiên để thực hiện Đề án thì ***phải xác định được giá trị tài sản của di tích vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết***, việc xác định giá trị này là vấn đề hết sức khó khăn; đồng thời cũng cần hướng dẫn về những lĩnh vực phù hợp được phép thực hiện để tiến hành liên doanh liên kết, huy động nguồn lực xã hội hóa,... những vấn đề này cần được quy định trong Luật và hướng dẫn quy định liên quan thì việc xã hội hóa bảo vệ và phát huy giá trị di tích mới khả thi phù hợp với Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Đề xuất kiến nghị và giải pháp để giải quyết các vướng mắc và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công trong quá trình xã hội hóa

1. Cần hoàn thiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, nhất là về đất đai, thuế, vốn tín dụng trong việc xây dựng các cơ sở văn hóa, thể dục, thể thao để khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển;

2. Đề nghị sửa đổi Luật quản lý sử dụng tài sản công và sửa đổi, bổ sung Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ và Nghị định số 167/2017/NĐ-CP 31/12/2017 của Chính phủ theo hướng:

+ Quy định các Trung tâm Văn hóa - Học tập cộng đồng cấp xã được sử dụng tài sản để cho thuê, liên doanh, liên kết tương tự như các đơn vị sự nghiệp.

+ Quy định được sử dụng tài sản công đã đầu tư xây dựng mới hoặc sử dụng tài sản hiện có để cho thuê, liên doanh, liên kết để thực hiện chính sách xã hội hóa, thu hút nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách để người dân được thụ hưởng chất lượng dịch vụ ngày càng cao.

+ Bổ sung Nghị định số 167/2017/NĐ-CP 31/12/2017 của Chính phủ theo hướng sau khi được cơ quan có thẩm quyền sắp xếp các cơ sở nhà, đất được sử dụng tài sản dôi dư để cho thuê tài sản, liên doanh, liên kết nhằm khai thác tài sản công hiệu quả.

3. Đề nghị có quy định cụ thể về chính sách xã hội hóa đối với lĩnh vực di tích, cụ thể nội dung chính sách ưu tiên, khuyến khích trong việc huy động nguồn lực (xã hội hóa) để bảo vệ và phát huy giá trị di tích. Như chính sách thuế (giảm thuế hoặc miễn thuế hoạt động); sử dụng đất (miễn giảm thu tiền sử dụng đất) và chính sách đãi ngộ (tôn vinh, khen thưởng) cho những tổ chức, cá nhân đã có những đóng góp trong việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa./.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CHÍNH SÁCH VÀ NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO Ở TỈNH BÌNH DƯƠNG

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương

1. Khái quát chung về điều kiện tự nhiên, dân số; tình hình kinh tế - xã hội; đặc thù của địa phương trong các lĩnh vực VH-TTDL

Bình Dương là tỉnh thuộc miền Đông Nam bộ, nằm trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Giáp các tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Tây Ninh và thành phố Hồ Chí Minh. Tỉnh Bình Dương có diện tích tự nhiên là 2.694,43 km² (chiếm khoảng 0,83% diện tích cả nước, khoảng 12% diện tích miền Đông Nam bộ); có dân số gần 2,8 triệu người, có 09 đơn vị hành chính cấp huyện: 04 thành phố (Thủ Dầu Một, Dĩ An, Thuận An và Tân Uyên); 01 thị xã (Bến Cát) và 04 huyện (Dầu Tiếng, Phú Giáo, Bàu Bàng, Bắc Tân Uyên) và 91 đơn vị hành chính cấp xã (41 xã, 45 phường, 05 thị trấn).

Thời gian qua, trong quá trình xây dựng và phát triển, tỉnh Bình Dương luôn quan tâm đến vấn đề xây dựng chính sách và đầu tư nguồn lực để phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh được đầu tư xây dựng nhiều dự án công trình thiết chế văn hóa, thể thao nhằm phục vụ nhu cầu văn hóa, tinh thần, vui chơi giải trí, tập luyện thể dục, thể thao của Nhân dân. Thực hiện Quyết định 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 1479/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 ban hành Kế hoạch xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tỉnh Bình Dương giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030, đến nay cấp tỉnh có các thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ Nhân dân như Sân vận động tỉnh, Trung tâm Văn hóa tỉnh; Thư viện, Bảo tàng, Nhà thi đấu thể thao đa năng có sức chứa 1.500 chỗ ngồi, 66 di tích lịch sử văn hóa được xếp hạng (trong đó có 13 di tích cấp quốc gia và 53 di tích cấp tỉnh). Cấp cơ sở có 9/9 huyện, thị xã, thành phố có Trung tâm Văn hóa - Thông tin - Thể thao; 66/91 xã có Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Học tập cộng đồng. Hệ thống thư viện công cộng tỉnh gồm có 01 thư viện tỉnh trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 09 thư viện cấp huyện, 45 thư viện cấp xã, 42 điểm bưu điện văn hóa xã và 02 Thư viện tư nhân. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có Trung tâm hỗ trợ thanh niên công nhân và lao động trẻ, Trung tâm Văn hóa - Thể thao công nhân lao động Bình Dương do các đoàn thể xây dựng tại các khu công nghiệp để phục vụ công nhân lao động. Thông qua hệ thống thiết chế, cấp ủy, chính quyền các cấp đã tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao đáp ứng tốt nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa, thể thao của các tầng lớp Nhân dân; đồng thời, thực hiện các nhiệm vụ tuyên truyền, cổ động phục vụ các nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước và địa phương. Bên cạnh đó, từ phong trào xây dựng nông thôn mới, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã đã phát triển nhanh và tạo ra sự thay đổi lớn về cảnh quan đô thị và nông thôn; Phong trào Thể dục,

thể thao của tỉnh phát triển mạnh với nhiều hình thức đa dạng phong phú, thu hút đông đảo người dân tham gia tập luyện thường xuyên. Đến nay toàn tỉnh có 37,1% dân số tập luyện TDTT thường xuyên; số gia đình thể thao đạt 30,9%. Hằng năm tổ chức hơn 600 cuộc thi đấu thể thao cho các đối tượng nhất là học sinh, sinh viên và công nhân lao động; toàn tỉnh có 1400 câu lạc bộ thể thao cơ sở các môn, phục vụ nhu cầu tập luyện cho các tầng lớp nhân dân. Bình Dương đang đầu tư 28 môn thể thao thành tích cao, các đội tuyển đã thi đấu đạt nhiều thành tích cao tại đấu trường quốc gia, quốc tế và đóng góp nhiều lượt vận động viên xuất sắc cho thể thao Việt Nam. Đặc biệt là Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2022, Đoàn Thể thao Bình Dương đạt 29 HCV, 22 HCB, 56 HCD, xếp hạng 8/65 Đoàn thể thao của các tỉnh, thành, ngành. Trong năm 2023, thể thao Bình Dương tham dự 28 giải quốc tế đạt 36 huy chương các loại, trong đó điển hình nhất là những vận động viên ghi tên mình vào lịch sử thể thao Việt Nam, như: VĐV Bao Phương Vinh xuất sắc đạt chức vô địch tại giải vô địch Billiards carom 3 băng Thế giới tại Thổ Nhĩ Kỳ và 02 huy chương đồng tại Giải vô địch Châu Á. VĐV Hồ Huy Bình xuất sắc đạt huy chương vàng tại giải vô địch Thế hình Thế giới lần thứ 14 và VĐV Trương Hoàng Long đạt huy chương bạc giải vô địch trẻ Thế hình Thế giới tại Hàn Quốc. VĐV Lại Lý Huynh đạt huy chương vàng, 02 huy chương bạc tại giải vô địch Cờ tướng Thế giới tại Mỹ, đạt 01 huy chương bạc, 01 huy chương đồng tại Đại hội Thể thao Châu Á (Asiad). VĐV Trịnh Thị Kim Thanh và Trần Thị Diễm Trang đạt huy chương vàng tại giải vô địch Bi sắt Châu Á và huy chương vàng tại giải vô địch Bi sắt Thế giới tại Thái Lan. VĐV Dương Đức Bảo đạt huy chương vàng tại giải vô địch trẻ Muay Thế giới. Năm chức vô địch Thế giới các môn: Bida, Cờ tướng, Thế hình, Bi sắt, Muay là 5 danh hiệu cao quý mà Bình Dương đạt được lần đầu tiên trong lịch sử, trong đó môn Bida, Cờ tướng và Bi sắt lần đầu tiên Việt Nam đạt được chức vô địch thế giới. Bên cạnh đó, hằng năm còn tổ chức nhiều sự kiện thể thao quy mô mang tầm khu vực và quốc tế như: bida, xe đạp, marathon, golf...

Bên cạnh hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao công lập do ngân sách Nhà nước đầu tư xây dựng, các Khu công nghiệp, doanh nghiệp cũng đầu tư một số công trình, cụ thể như:

- Khu công nghiệp Mỹ Phước đầu tư xây dựng Nhà hát sân khấu ngoài trời phục vụ công nhân lao động cụm khu công nghiệp Mỹ Phước, thị xã Bến Cát (diện tích 6.400 m², sức chứa 3.000 chỗ ngồi) hiện đang được khai thác và tổ chức nhiều hoạt động cho công nhân lao động đạt hiệu quả. Về hoạt động thể thao, Khu công nghiệp Mỹ Phước còn đầu tư xây dựng cụm sân bóng đá với 6 sân đạt tiêu chuẩn và hằng năm đều duy trì tổ chức Đại hội thể dục, thể thao cơ sở các Khu công nghiệp Mỹ Phước. Ngoài ra, một số doanh nghiệp ở các Khu công nghiệp cũng quan tâm và chủ động đầu tư xây dựng các TCVHTT như hội trường đa năng có sân khấu để biểu diễn văn nghệ, sân chơi một số môn thể thao phổ thông (bóng đá, bóng chuyền) để làm nơi cho công nhân tập luyện, sinh hoạt vui chơi, giải trí.

- Các doanh nghiệp như: Công ty Becamex, Cao su Dầu Tiếng, Cao su Phước Hòa, Cấp thoát nước và Môi trường, Vật liệu và Xây dựng Bình Dương, Công ty TNHH MTV xe lửa Dĩ An, ... cũng đầu tư kinh phí lớn để xây dựng các TCVHTT như:

Trung tâm Văn hóa, Trung tâm thể thao cộng đồng, Nhà thi đấu đa năng, hồ bơi, nhà Văn hóa, phòng truyền thống, sân bóng đá, bóng chuyền... phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí của công nhân và người dân.

- Khu Du lịch Lạc cảnh Đại Nam Văn Hiến do Công ty Cổ phần Đại Nam làm chủ đầu tư nhiều hạng mục công trình phục vụ chơi giải trí, thể thao với diện tích 60ha, khán đài có sức chứa 20.000 chỗ ngồi... Thường xuyên tổ chức các hoạt động vào những ngày cuối tuần và các ngày lễ trong năm thu hút số đông người dân trong và ngoài tỉnh tham quan.

- Các địa phương thành phố Thủ Dầu Một, thành phố Dĩ An, thành phố Thuận An và thị xã Bến Cát có nhiều tổ chức, cá nhân đầu tư các công trình thể thao sân bóng đá mi-ni sân cỏ nhân tạo với trên 600 sân và đây cũng là cơ sở vật chất cho việc tổ chức các giải thi đấu bóng đá mi-ni cho công nhân lao động của các doanh nghiệp và tổ chức công đoàn cơ sở. Bên cạnh đó, trên địa bàn tỉnh còn có 04 sân Golf, 6 Rạp Chiếu phim, hơn 10 Nhà sách, trên 100 đội, nhóm, câu lạc bộ văn nghệ quần chúng và hơn 80 câu lạc bộ đờn ca tài tử sinh hoạt thường xuyên tại Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật tỉnh, Trung tâm Văn hóa - Thể thao, Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh huyện, thị xã, thành phố, Nhà Văn hóa cấp xã, tạo ra không khí sinh hoạt văn hóa vui tươi, lành mạnh, góp phần tích cực vào công tác xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Ngoài ra, có trên 530 cơ sở kinh doanh hoạt động karaoke phục vụ Nhân dân trong đó có công nhân lao động đang sống và làm việc trong tỉnh.

- Việc xây dựng và phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở còn gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao thông qua các tiêu chí số 6 về xây dựng cơ sở vật chất văn hóa và số 16 về văn hóa. Đây là một trong những điểm mới nhằm góp phần tạo thêm nhiều sân chơi, thiết chế văn hóa giúp mọi tầng lớp Nhân dân trong xã hội được tiếp cận và hưởng thụ các giá trị văn hóa tinh thần trong cuộc sống. Có thể nói, những văn bản về chủ trương, chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và của Tỉnh đối với hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở trong thời gian qua là cơ sở quan trọng trong việc hoàn thiện và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Các định hướng chiến lược, quy hoạch tổng thể, kế hoạch về phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

Sau khi Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng diễn ra vào ngày 24/11/2021, các cấp ủy, chính quyền tỉnh Bình Dương đã tập trung triển khai thực hiện tốt nội dung Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021 và đã tạo được những chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động đối với cán bộ và Nhân dân về vị trí và vai trò của văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội. Các cấp ủy đảng, đoàn thể chính trị xã hội của tỉnh đã đưa nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người vào Nghị quyết hằng năm và nhiệm kỳ 2020 - 2025, gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ chính trị của từng địa phương, ngành, đơn vị. Các cấp, các ngành đã chủ động xây dựng cơ chế, chính sách, giải pháp, tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phát huy tính sáng tạo, chủ động thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ theo từng vị trí công tác. Trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, luôn khẳng định vai

trò quan trọng của văn hóa, thể thao trong bối cảnh xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, trong đó có hội nhập về văn hóa, từ đó ban hành nhiều văn bản chỉ đạo về lĩnh vực văn hóa, đảm bảo các hoạt động văn hóa của tỉnh phát triển đúng hướng chính trị, tư tưởng của Đảng; tôn trọng, phát huy khả năng sáng tạo và nhu cầu hưởng thụ các giá trị văn hóa của Nhân dân, đồng thời tỉnh Bình Dương đã đưa ra định hướng chiến lược phát triển trong lĩnh vực văn hóa, thể thao năm 2025 và định hướng đến năm 2030, cụ thể:

a) Về văn hóa: Mục tiêu chung đến năm 2025, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao của tỉnh được đầu tư xây dựng đồng bộ về cơ sở vật chất, mang tầm vóc của một tỉnh đô thị loại I, hiện đại, văn minh của cả nước, khắc phục tình trạng chênh lệch về mức hưởng thụ văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí của nhân dân ở các địa phương trong tỉnh; Đến năm 2030, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh phát triển đạt các tiêu chí quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 cấp tỉnh sẽ đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng các thiết chế văn hóa: Đầu tư xây dựng mới Thư viện tỉnh; nâng cấp Bảo tàng tỉnh, nâng cấp mở rộng Nhà Thiếu nhi tỉnh; Tiếp tục đầu tư các hạng mục tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục, thể thao và cơ sở vật chất phục vụ thi đấu quốc gia, quốc tế; Lập dự án kêu gọi đầu tư các hoạt động tại Trung tâm; Đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa, nghệ thuật hiện đại như: Trung tâm biểu diễn nghệ thuật đa năng và Khu di tích lịch sử Chiến Khu Đ; Quy hoạch và xây dựng trung tâm hoạt động thanh niên đạt chuẩn; Xây dựng tượng đài, bia, tranh hoành tráng và tu bổ, phục hồi các di tích lịch sử văn hóa; 100% các Khu công nghiệp thành lập mới có quy hoạch quỹ đất để xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ công nhân, người lao động, trong đó tối thiểu 40% Khu công nghiệp xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao phục vụ công nhân, người lao động; Đầu tư xây dựng mới Trung tâm Văn hóa công nhân Lao động ở những địa bàn có đông công nhân lao động (do Liên đoàn Lao động tỉnh quản lý); Thu hút đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao ngoài công lập: sân bóng đá, Bảo tàng tư nhân,....

Cấp huyện: 100% huyện, thị xã, thành phố có Trung tâm Văn hóa - Thể thao; đầu tư xây dựng Nhà Văn hóa thiếu nhi tại huyện Bắc Tân Uyên (đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh sẽ có 07/9 huyện, thị xã, thành phố có Nhà văn hóa thiếu nhi hoặc Trung tâm hoạt động Thanh thiếu nhi, đạt 77,77%); đầu tư xây dựng Nhà Văn hóa Lao động hoặc Trung tâm Văn hóa công nhân Lao động tại thành phố Dĩ An và huyện Bàu Bàng (đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh sẽ có 04/9 huyện, thị xã, thành phố có Nhà Văn hóa Lao động hoặc Trung tâm Văn hóa công nhân Lao động, đạt 44,44%); 100% đơn vị cấp huyện có quy hoạch quỹ đất xây dựng các thiết chế như: Quảng trường, tượng đài, công viên cây xanh... và các công trình văn hóa khác phù hợp tình hình thực tế của địa phương.

Cấp xã: Đầu tư xây dựng 22 Trung tâm Văn hóa, Thể thao - Học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn (nâng tổng số Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn lên 73 Trung tâm, đạt 80,21%) trong đó 50% số Trung tâm đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và dành tối thiểu 30% thời gian sử dụng trong năm để tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em.

+ Các huyện, thị xã, thành phố tập trung đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp văn phòng khu phố, ấp thành nhà văn hóa khu phố, ấp đạt chuẩn. Đến năm 2025 các địa phương có ít nhất 70% khu phố, ấp có nhà văn hóa, trong đó dành tối thiểu 30% thời gian sử dụng trong năm để tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em.

- Định hướng đến năm 2030: Tu bổ, phục hồi và phát huy các di tích lịch sử - văn hóa; hoàn thiện Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục, thể thao; Tiếp tục đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa công nhân Lao động ở những địa bàn có đông công nhân lao động (do Liên đoàn Lao động tỉnh quản lý); 100% các Khu công nghiệp thành lập mới có quy hoạch quỹ đất để xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao, trong đó có 50% Khu công nghiệp có Trung tâm Văn hóa - Thể thao phục vụ công nhân, người lao động; Đầu tư xây dựng Nhà Văn hóa thiếu nhi hoặc Trung tâm hoạt động Thanh thiếu nhi tại huyện Bàu Bàng (đến năm 2030 sẽ có 8/9 huyện, thị xã, thành phố có Nhà Văn hóa thiếu nhi hoặc Trung tâm hoạt động Thanh thiếu nhi đạt tỷ lệ 88,88%); Đầu tư xây dựng Nhà Văn hóa Lao động hoặc Trung tâm Văn hóa công nhân Lao động tại thị xã Tân Uyên (đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh sẽ có 05/9 huyện, thị xã, thành phố có Nhà Văn hóa Lao động hoặc Trung tâm Văn hóa công nhân Lao động, đạt 55,55%); 100% xã, phường, thị trấn được đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng. Các xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp huyện đóng trên địa bàn thì xem xét sử dụng chung, không đầu tư xây dựng mới; 100% khu phố, ấp trên địa bàn tỉnh có nhà văn hóa; Xây dựng một số công trình văn hóa đạt chuẩn quốc gia, quốc tế theo hình thức đầu tư xã hội hóa như: Nhà hát quy mô từ 2.000 – 2.500 chỗ ngồi, cụm rạp chiếu phim quy mô từ 500 - 1.000 chỗ ngồi, có từ 2 đến 6 phòng chiếu, Bảo tàng chuyên ngành; Trung tâm hội chợ triển lãm,... Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng và phát triển các cụm rạp, phòng chiếu phim chất lượng cao phục vụ nhu cầu xã hội; Đầu tư xây dựng các phim trường với cơ sở vật chất, trang thiết bị và công nghệ hiện đại, đạt chuẩn kỹ thuật quốc gia, quốc tế.

Ngoài ra, để triển khai, thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1909/QĐ-TTg, ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Dương lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 với mục tiêu “Tiếp tục xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh; củng cố vững chắc lòng tin của Nhân dân đối với Đảng, chính quyền; Đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế gắn với bảo vệ môi trường và thực hiện các đột phá chiến lược; Bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân; Ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; Tăng cường hoạt động đối ngoại; Phấn đấu xây dựng tỉnh Bình Dương phát triển bền vững theo hướng đô thị thông minh, văn minh, hiện đại; Đến năm 2030, Bình Dương trở thành trung tâm công nghiệp hiện đại, đến năm 2045 là đô thị thông minh của vùng và cả nước”; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã lập tờ trình số 15/TTr-SVHTTDL ngày 14/3/2023 về việc trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược phát triển văn hóa trên địa bàn tỉnh Bình Dương đến năm 2030, theo đó sẽ đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa, thể thao hiện đại như: Đầu tư xây dựng Khu liên hợp công nghiệp thể thao tỉnh Bình Dương với các hạng mục công trình đạt tiêu chuẩn cao,

bao gồm: Sân vận động và các sân tập bóng đá, nhà thi đấu đa năng, cung thể thao dưới nước, khu dịch vụ thể thao và các công trình thể thao khác nhằm đáp ứng công tác tập luyện và thi đấu thể dục, thể thao của tỉnh (từ thể thao quần chúng đến thể thao thành tích cao), đủ tiêu chuẩn đăng cai các sự kiện văn hóa, thể thao cấp quốc gia, quốc tế cũng như phục vụ nhu cầu tập luyện, thi đấu thể dục, thể thao của người dân, cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài khu vực; **Đầu tư xây dựng Bảo tàng gốm sứ;** Đầu tư xây dựng mới Thư viện số; Đầu tư xây dựng Cung văn hóa thiếu nhi tỉnh; Đầu tư xây dựng công trình Nhà hát biểu diễn nghệ thuật đa năng tỉnh; Đầu tư xây dựng Công viên văn hóa kết hợp Quảng trường tại khu vực đối diện tòa nhà Trung tâm hành chính tỉnh.

b) Về Thể thao: để phát triển thể dục, thể thao, UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 3996/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 về việc phê duyệt Đề án phát triển thể dục, thể thao tỉnh Bình Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó mục tiêu chung: Phát triển Thể dục, thể thao với nhiều loại hình đa dạng, phong phú; đẩy mạnh phong trào toàn dân luyện tập thể thao theo gương Bác Hồ, góp phần tăng cường thể lực, nâng cao tầm vóc và chất lượng cuộc sống, làm phong phú đời sống tinh thần của người dân Bình Dương. Tập trung đầu tư cho TDTT trường học, tạo sự chuyển biến cơ bản về chất lượng công tác giáo dục thể chất cho học sinh. Chú trọng đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao, ưu tiên đầu tư phát triển những môn thể thao có thế mạnh của tỉnh, phân đầu xây dựng thể thao Bình Dương trở thành một trong những tỉnh mạnh của cả nước. Đẩy mạnh xã hội hoá, khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư cho thể dục, thể thao. Phát triển đa dạng các loại hình thể thao phục vụ nhân dân, chú trọng các loại hình thể thao giải trí hiện đại (đua xe thể thao, golf, bowling, thể thao điện tử, thể thao dưới nước, khiêu vũ thể thao, thể thao đường phố,...). phát triển sự nghiệp Thể dục, thể thao tương xứng với vị trí, tiềm năng, tốc độ và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, cụ thể: Mục tiêu thể dục, thể thao cho mọi người: Tỷ lệ dân số tập luyện TDTT thường xuyên phân đầu đến 2025 đạt 37%; đến 2030 đạt trên 40% tổng dân số. Tỷ lệ gia đình thể thao phân đầu đến 2025 đạt khoảng 30%; đến 2030 đạt trên 35% tổng số hộ gia đình. Số câu lạc bộ TDTT đến 2025 đạt trên 1500 CLB; đến 2030 đạt trên 2000 CLB; Đảm bảo tỷ lệ 100% học sinh, sinh viên tất cả các cấp học, bậc học thực hiện chương trình giáo dục thể chất chính khóa. Tỷ lệ học sinh tham gia tập luyện thể dục, thể thao ngoại khóa thường xuyên đến năm 2025 đạt khoảng 75%, đến 2030 đạt khoảng 85% học sinh, sinh viên. Tỷ lệ học sinh đạt tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại thể lực học sinh theo tiêu chuẩn đến năm 2025 đạt khoảng 93%, đến 2030 đạt trên 95% học sinh, sinh viên; Tỷ lệ cán bộ chiến sỹ tập luyện TDTT thường xuyên đến năm 2025 đạt 97% và đạt 99-100% vào năm 2030. Tỷ lệ cán bộ, chiến sỹ đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực đạt 96% năm 2025 và đạt 100% vào năm 2030.

- Đến năm 2025: Tiếp tục đầu tư xây dựng các hạng mục công trình tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể thao tỉnh đã được phê duyệt và thực hiện kêu gọi đầu tư theo hình thức xã hội hóa một số dự án và các hoạt động tại Trung tâm. Thực hiện Quy hoạch xây dựng Khu liên hợp Văn hóa - Thể dục, thể thao - Y tế - Giáo dục với quy mô tối thiểu 1500ha, trong đó Khu liên hợp Văn hóa - Thể dục, thể thao tỉnh với quy mô tối thiểu 500 ha là quần thể thể thao Olympic, bao gồm các hạng mục:

Sân vận động quy mô quốc tế; nhà thi đấu đa năng phục vụ đầy đủ các bộ môn thi đấu, đạt tiêu chuẩn quốc tế; cung thể thao dưới nước; khu dịch vụ thể thao (Cụm sân Tennis có khán đài, mái che, các sân tập; Trung tâm Bowling; Khu tổ hợp thể thao điện tử “E-sports & gaming”; Khu tập luyện, thi đấu các môn bắn súng, bắn cung; Trung tâm y học thể thao; Cụm khách sạn thể thao tiêu chuẩn; Khu trại hè quốc tế tập trung kết hợp các hoạt động giáo dục, vui chơi khoa học dành cho trẻ em; Khu mua sắm, hàng lưu niệm; Bệnh viện nghỉ dưỡng, điều trị chấn thương thể thao, Khu liên hợp đa phương tiện phục vụ hội thảo và các công trình thể thao khác). Đảm bảo đủ tiêu chuẩn tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao cấp quốc gia, quốc tế và phục vụ thường xuyên các hoạt động văn hóa, thể thao của công nhân lao động và người dân tại các Doanh nghiệp, KCN, Cụm công nghiệp trên địa bàn; 100% huyện, thị xã, thành phố có Trung tâm Văn hóa - Thể thao, trong đó có 5/9 đơn vị đảm bảo đủ ba công trình thể thao cơ bản đạt tiêu chuẩn gồm: Sân vận động có khán đài (có sân điền kinh đúng kích thước, đạt tiêu chuẩn quy định), nhà thi đấu (tối thiểu 1500 chỗ), khu thể thao dưới nước (có ít nhất một hồ bơi 50m x 26m x 2m).

- Đến năm 2030: Mạng lưới cơ sở thể thao trên địa bàn tỉnh phát triển đạt các tiêu chí quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Xây dựng hoàn thiện Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao. Tiếp tục triển khai quy hoạch Khu liên hợp Văn hóa - Thể dục, thể thao - Y tế - Giáo dục với quy mô tối thiểu 1500 ha, trong đó Khu liên hợp Văn hóa - Thể dục, thể thao tỉnh với quy mô tối thiểu 500 ha là quần thể thể thao Olympic, bao gồm các hạng mục: Sân vận động quy mô quốc tế; nhà thi đấu đa năng phục vụ đầy đủ các bộ môn thi đấu, đạt tiêu chuẩn quốc tế; cung thể thao dưới nước; khu dịch vụ thể thao (Cụm sân Tennis có khán đài, mái che, các sân tập; Trung tâm Bowling; Khu tổ hợp thể thao điện tử “E-sports & gaming”; Khu tập luyện, thi đấu các môn bắn súng, bắn cung; Trung tâm y học thể thao; Cụm khách sạn thể thao tiêu chuẩn; Khu trại hè quốc tế tập trung kết hợp các hoạt động giáo dục, vui chơi khoa học dành cho trẻ em; Khu mua sắm, hàng lưu niệm; Bệnh viện nghỉ dưỡng, điều trị chấn thương thể thao, Khu liên hợp đa phương tiện phục vụ hội thảo và các công trình thể thao khác). Đảm bảo đủ tiêu chuẩn tổ chức các sự kiện văn hóa, thể thao cấp quốc gia, quốc tế và phục vụ thường xuyên các hoạt động văn hóa, thể thao của công nhân lao động và người dân tại các Doanh nghiệp, KCN, Cụm công nghiệp trên địa bàn; 100% huyện, thị xã, thành phố xây dựng đủ 3 công trình thể thao cơ bản gồm: Sân vận động có khán đài (có sân điền kinh đúng kích thước, đạt tiêu chuẩn quy định), nhà thi đấu (tối thiểu 1500 chỗ), khu thể thao dưới nước (có ít nhất một hồ bơi 50m x 26m x 2m); trong đó có 50 % các huyện, thị xã, thành phố, 3 công trình thể thao cơ bản đạt tiêu chuẩn thi đấu cấp quốc gia trở lên (sân vận động, nhà thi đấu, hồ bơi).

3. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với đầu tư các nguồn lực phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

Trong những năm qua các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trong tỉnh đã rất quan tâm đến Ngành văn hóa, thể thao và du lịch của tỉnh. Năm 2014, Tỉnh ủy Bình Dương ban hành Chương trình hành động số 88-CTHD/TU triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “*về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng*

“yêu cầu phát triển bền vững đất nước” trên địa bàn Tỉnh. Cùng với đó Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo sát sao cùng sự phối hợp của các sở, ban, ngành, đoàn thể và địa phương tạo sự được chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp về ý chí và hành động của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng trên lĩnh vực văn hóa. Để phát triển thể thao thành tích cao của tỉnh nhà, Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt Đề án phát triển Thể dục, thể thao tỉnh Bình Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 cùng với đó là các chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện.

Để thu hút nguồn lực và phát triển văn hóa, văn nghệ và thể thao tỉnh nhà. Từ năm 2011, Tỉnh Bình Dương đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật (Nghị quyết, quyết định) đặc thù về chế độ, chính sách hỗ trợ cho ngành văn hóa, thể thao và du lịch, những chế độ hỗ trợ của tỉnh đã tạo điều kiện động viên, khuyến khích vận động viên, huấn luyện viên nâng cao thành tích thể thao tỉnh nhà và phong trào thể dục, thể thao ở cơ sở; tạo điều kiện cho diễn viên, cộng tác viên và các lực lượng tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng phấn đấu nâng cao chất lượng nghệ thuật trong các hội thi, hội diễn, các hoạt động thông tin tuyên truyền phục vụ các nhiệm vụ chính trị, phục vụ nhân dân trên địa bàn tỉnh¹ (năm 2019, Tỉnh Bình Dương đã nhập các chế độ hỗ trợ, chi tiêu tài chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao từ nhiều nghị quyết thành một nghị quyết).

Về nguồn lực tài chính: Nguồn ngân sách Nhà nước (đơn vị tính: đồng)

Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Chi cho hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch	336.415.000.000	353.502.000.000	293.480.000.000
Chi cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản của ngành	86.846.000.000	179.000.000.000	79.000.000.000

Về nguồn nhân lực: Trong thời gian qua, sau khi thực hiện các quy định về sắp xếp tổ chức bộ máy, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức và tinh giản biên chế. Số lượng biên chế công chức, viên chức ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch được HĐND, UBND tỉnh phân bổ hằng năm tương đối ổn định, số lượng người làm việc về cơ bản đáp ứng việc thực hiện các nhiệm vụ của Ngành.

4. Những khó khăn, vướng mắc

Mặc dù đạt được những kết quả và đặt ra những định hướng đầu tư cùng với việc ban hành các chính sách và chuẩn bị chu đáo các nguồn lực để phát triển thiết chế

¹ Nghị quyết số 26/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về chế độ hỗ trợ, chi tiêu tài chính và định mức chi đối với lĩnh vực văn hóa, thể thao tỉnh Bình Dương (đã nhập các chế độ, chính sách hỗ trợ từ nhiều văn bản qua các năm thành một Nghị quyết).

văn hóa, thể thao ở tỉnh Bình Dương như trên, tuy nhiên trong xây dựng chính sách và đầu tư nguồn lực để phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh và trong quá trình triển khai thực hiện công tác đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác các thiết chế văn hóa vẫn còn những khó khăn, vướng mắc nhất định, cụ thể:

- Để giải quyết về phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, trong giai đoạn 2011 - 2019, tỉnh Bình Dương đã ban hành nhiều văn bản quy định chế độ, chính sách đặc thù cho ngành văn hóa, thể thao và du lịch, những chế độ hỗ trợ của tỉnh đã tạo điều kiện động viên, khuyến khích vận động viên, huấn luyện viên nâng cao thành tích thể thao tỉnh nhà và phong trào thể dục, thể thao ở cơ sở; tạo điều kiện cho diễn viên, cộng tác viên và các lực lượng tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng phấn đấu nâng cao chất lượng nghệ thuật trong các hội thi, hội diễn, liên hoan, các hoạt động thông tin tuyên truyền phục vụ các nhiệm vụ chính trị, phục vụ nhân dân trên địa bàn tỉnh. Đến cuối năm 2019, qua rà soát thì chế độ hỗ trợ không còn phù hợp do đã áp dụng trong một thời gian dài, không còn hoạt động tương ứng hoặc đã có quy định mới của Trung ương,...do đó tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 26/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về chế độ hỗ trợ, chi tiêu tài chính và định mức chi đối với lĩnh vực văn hóa, thể thao tỉnh Bình Dương.

- Hệ thống chính sách đối với đội ngũ trí thức còn thiếu và chưa phù hợp; chưa đủ mạnh để thu hút đội ngũ trí thức. Cơ chế và chính sách tài chính hiện hành trong các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao còn nhiều bất cập. Trong thời gian vừa qua², tỉnh Bình Dương đã ban hành nhiều chế độ, chính sách hỗ trợ cho ngành văn hóa, thể thao và du lịch, những chế độ hỗ trợ của tỉnh đã động viên, khuyến khích, tạo điều kiện cho diễn viên, cộng tác viên và các lực lượng tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao quần chúng, phấn đấu nâng cao chất lượng nghệ thuật trong các hội thi, hội diễn, các hoạt động thông tin tuyên truyền phục vụ các nhiệm vụ chính trị, phục vụ nhân dân trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, những chế độ hỗ trợ này vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển đội ngũ ngành VH-TTDL, đặc biệt đối với đội ngũ huấn luyện viên, vận động viên và diễn viên.

- Bên cạnh đó, về cơ sở vật chất của các công trình văn hóa, thể thao nhìn chung vẫn chưa đủ tiêu chuẩn để đáp ứng nhu cầu tập luyện, thi đấu, ăn ở sinh hoạt tập trung của các nghệ sỹ, diễn viên trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, vận động viên, huấn luyện viên trong lĩnh vực thể thao; chất lượng và hiệu quả hoạt động của một số thiết chế văn hóa, thể thao hiệu quả vẫn chưa cao, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới của sự phát triển kinh tế - xã hội; đội ngũ nhân sự còn thiếu, nhất là ở cơ sở; chính sách huy động các nguồn lực xã hội theo chủ trương xã hội hóa vẫn chưa thực sự thu hút các nhà đầu tư; đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, thể thao mặc dù được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nhưng trình độ và năng lực chưa được

(²) Giai đoạn 02 năm 2021 - 2022, tỉnh Bình Dương đã ban hành 02 Nghị quyết: Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 26/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2019 và Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 Quy định phí thư viện trên địa bàn tỉnh.

đồng đều, còn thiếu, nhất là ở sơ sở; thu nhập thấp, dẫn đến đời sống người lao động ít nhiều còn gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng không nhỏ đến sự ổn định của bộ máy, sự chuyên tâm của người lao động đối với ngành; công tác quy hoạch sử dụng đất, bố trí kinh phí để triển khai đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa ở các địa phương còn chậm.

- Một số Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã mới vừa được đầu tư, xây dựng nhưng cũng tồn tại những bất cập như: Công trình bị xuống cấp, địa điểm đầu tư chưa phù hợp, thiếu kinh phí hoạt động, chưa có trang thiết bị; Cán bộ quản lý, điều hành hoạt động Trung tâm kiêm nhiệm hoặc hợp đồng, năng lực chuyên môn còn hạn chế, công tác phối hợp với các ban ngành, đoàn thể địa phương chưa chặt chẽ nên chưa phát huy được hiệu quả sử dụng.

- Bộ máy tổ chức của các Trung tâm trong thời gian qua thực hiện theo Quyết định số 1760/QĐ-UBND ngày 28/4/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Đề án hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đến năm 2015, theo đó số biên chế, lao động của một Trung tâm Văn hóa – Thể thao cấp xã tối thiểu là 07 người; Cán bộ làm việc tại các Trung tâm hầu hết là kiêm nhiệm hoặc hợp đồng, chế độ lương chưa phù hợp nên chưa thu hút được lao động có trình độ chuyên môn cao.

- Kinh phí hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao chủ yếu là do ngân sách cấp hằng năm để chi trả lương, phụ cấp cho cán bộ quản lý, nhân viên hợp đồng và chi cho một số hoạt động cơ bản. Tuy kinh phí phân bổ hằng năm có tăng nhưng do tình hình biến động về giá cả thị trường nên ít nhiều cũng ảnh hưởng đến tình hình tổ chức hoạt động của các Trung tâm. Một số Trung tâm có nguồn thu từ xã hội hóa cho các hoạt động văn hóa, thể thao nhưng nguồn thu này còn rất hạn hẹp và rất ít địa phương thực hiện được, nên chưa khai thác hết tiềm năng tại các thiết chế này.

- Một số nhà văn hóa áp được xây dựng nhưng thiếu trang thiết bị hoặc tận dụng trang thiết bị đã cũ, hỏng, không đảm bảo hoạt động; Việc quy hoạch đất, thiết kế, xây dựng nhà văn hóa ở một số địa phương bố trí địa điểm chưa phù hợp; nhiều nơi nhà văn hóa chưa được quan tâm, thiếu hạng mục công trình phụ trợ, cây xanh,... thậm chí chưa sử dụng đúng mục đích, các hoạt động văn hóa, văn nghệ chưa đa dạng, phong phú. Ở một số xã, phường được đầu tư mua sắm trang thiết bị từ chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa nhưng sử dụng chưa hiệu quả.

- Một số chủ trương, quan điểm nêu trong Nghị quyết chậm được thể chế; chưa có những chiến lược, giải pháp đồng bộ để phát triển và nâng cao năng lực hội nhập quốc tế về văn hóa. Chưa giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển trong quản lý văn hóa. Hệ thống thiết chế văn hóa chậm chuyển đổi sang phương thức tự chủ, xã hội hóa. Việc chỉ đạo phát triển công nghiệp văn hóa còn chậm. Các đặc trưng cơ bản của nền văn hóa là "dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học" cùng quan điểm xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp chưa được quán triệt thường xuyên.

5. Nguyên nhân

Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc nêu trên là do một số địa phương chưa nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò, sự cần thiết và hiệu quả hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao đối với đời sống tinh thần của Nhân dân. Do đó, trong chỉ đạo chưa bám sát với Chương trình thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy; về khách quan quỹ đất để quy hoạch đầu tư, xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở hiện nay còn nhiều khó khăn. Hiện nay, một số địa phương ở trung tâm đô thị, không còn quỹ đất để quy hoạch xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao theo đúng quy định của Bộ VHTTDL; việc đầu tư xây dựng các Trung tâm Văn hóa, Thể thao cơ sở chưa được xem xét đầy đủ tính khả thi và hiệu quả, chưa đảm bảo sự đồng bộ giữa đầu tư xây dựng với trang thiết bị sử dụng và bộ máy tổ chức (nhân sự quản lý, khai thác công trình hầu hết là kiêm nhiệm).

Đội ngũ nhân lực hoạt động văn hóa, thể thao cơ sở luôn biến động, thiếu về số lượng, mức lương thấp chưa có chính sách ưu đãi phù hợp nên chưa thu hút được nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, công chức văn hóa ở cấp xã chủ yếu là kiêm nhiệm. Công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nguồn nhân lực còn nhiều bất cập, chưa gắn với thực tiễn.

Việc huy động xã hội hóa, vận động hỗ trợ đóng góp kinh phí xây dựng, việc liên doanh, liên kết nhằm khai thác, nâng cao hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao còn nhiều khó khăn.

Địa vị pháp lý Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Học tập cộng đồng cấp xã quy định tại Quyết định số 24/2020/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Dương là đơn vị sự nghiệp là chưa phù hợp với Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (vì cấp xã không có đơn vị sự nghiệp) nên chưa thể xây dựng Nghị quyết “Quy định chế độ hỗ trợ đối với người làm việc và kinh phí tổ chức hoạt động tại Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Học tập cộng đồng cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Dương”.

6. Phương hướng, giải pháp

Thời gian tới, để khắc phục những khó khăn, hạn chế và để đảm bảo nguồn lực trong xây dựng, phát triển tốt hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh Bình Dương đảm bảo chất lượng và hiệu quả, cần tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- **Một là**, tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện đạt hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị, kết luận của Đảng liên quan trên lĩnh vực văn hóa, nhất là Kết luận số 76-KL/TW, ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị khóa XII “Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa

toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và các chủ trương, nghị quyết của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh có liên quan.

- **Hai là**, đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên, các tầng lớp Nhân dân và cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở về tầm quan trọng của văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, từ đó thu hút được sự quan tâm, tham gia chủ động, tích cực của cả hệ thống chính trị và Nhân dân; Tăng cường công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hóa bảo đảm các hoạt động văn hóa, văn nghệ mang ý nghĩa thiết thực, hiệu quả, an toàn, phù hợp với nếp sống văn minh, truyền thống văn hóa dân tộc và thuần phong mỹ tục, tập quán tốt đẹp của địa phương. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trên lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

- **Ba là**, Đẩy mạnh công tác xã hội hóa và phát huy tính chủ động, tích cực của các tổ chức xã hội nghề nghiệp; tiếp tục quan tâm đầu tư đúng mức cho lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao nhất là đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, hưởng thụ văn hóa của người dân, nhất là vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện có hiệu quả công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa gắn với phát triển du lịch của tỉnh.

- **Bốn là**, quan tâm quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ lãnh đạo quản lý văn hóa, thể thao trình độ, năng lực, am hiểu về văn hóa, thể thao, nhất là ở cơ sở.

- **Năm là**, đẩy mạnh chuyển đổi số để hiện đại hóa; tiếp tục định hướng và có những giải pháp cụ thể để phát huy một số lĩnh vực tiềm năng lợi thế của tỉnh, tạo điều kiện và huy động nguồn vốn xã hội hóa để hình thành các không gian văn hóa sáng tạo, hỗ trợ và đỡ đầu cho các dự án khởi nghiệp sáng tạo về văn hóa, nghệ thuật. Huy động các nguồn vốn từ nước ngoài thông qua các dự án và tổ chức quốc tế hỗ trợ cho hoạt động sáng tạo văn hóa, nghệ thuật.

- **Sáu là**, thường xuyên rà soát, theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình đầu tư, quản lý, hiệu quả hoạt động, khai thác và phát huy hiệu quả cơ sở vật chất đã được đầu tư, tích cực thực hiện các giải pháp để đảm các chỉ tiêu phát triển văn hóa, thể thao đạt kế hoạch đề ra. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các thiết chế văn hóa, đồng thời tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ quản lý nhà nước và cán bộ nghiệp vụ trực tiếp quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao. Bồi dưỡng nghiệp vụ văn hóa, thể thao quần chúng cho cán bộ xã; Bổ sung, hoàn thiện chế độ chính sách về lương, chế độ thù lao công tác đối với đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, thể thao ở cơ sở.

- **Bảy là**, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động văn hóa, thể thao, gắn với thực tiễn đời sống xã hội và nhu cầu người dân. Trung tâm Văn hóa Thông tin - Thể thao/ Trung tâm Văn hóa, thể thao và Truyền thanh cấp huyện tăng cường hỗ trợ các Trung tâm Văn hóa, thể thao và Học tập cộng đồng cấp xã; Chỉ đạo Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật tỉnh mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ tổ chức hoạt động Trung tâm văn hóa – Thể thao và Học tập cộng đồng.

7. Một số kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu Chính phủ

- *Một là*, có chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với việc xây dựng cơ sở vật chất TTVH-HTCĐ xã, nhà văn hóa áp dụng cho các địa phương còn khó khăn và thật sự có nhu cầu; Ban hành các văn bản chỉ đạo về đẩy mạnh thực hiện các chính sách xã hội hóa theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ*) nhằm phát huy hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất hiện có, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện chủ trương xã hội hóa đối với lĩnh vực văn hóa, thể thao ở cơ sở.

- *Hai là*, Bình Dương là tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, tốc độ phát triển kinh tế nhanh, mật độ gia tăng dân số cơ học tăng cao hằng năm. Bên cạnh đó, tỉnh thu hút nhiều chuyên gia, doanh nhân, người lao động nước ngoài đến học tập, công tác làm việc tại các đơn vị, doanh nghiệp, trường học cùng rất lớn và hiện đang đầu tư phát triển 28 môn thể thao thành tích cao, với 876 vận động viên (chưa tính năng khiếu cơ sở). Áp lực quản lý điều hành, để phục vụ nhu cầu chăm lo đời sống văn hóa tinh thần, rèn luyện thể dục, thể thao nâng cao sức khỏe và đào tạo vận động viên là rất cao, trong khi nguồn lực thực hiện không nhiều. Kiến nghị Trung ương nghiên cứu, quan tâm có chính sách ưu tiên nguồn lực phù hợp với các địa phương đặc thù phát triển như Bình Dương, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao cho công tác này.

- *Ba là*, xây dựng chính sách ưu đãi đối với đội ngũ văn nghệ sĩ thuộc lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn theo hướng tăng mức chi bồi dưỡng đối với người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn nhằm đảm bảo sức sáng tạo và gắn bó của người làm việc trong lĩnh vực biểu diễn do hiện nay chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp và chế độ bồi dưỡng đối với người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn theo Quyết định số 14/2015/QĐ-TTg ngày 20/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ là còn thấp.

- *Bốn là*, thường xuyên quan tâm tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác văn hóa, thể thao ở cơ sở. Sớm có hướng dẫn cụ thể về vị trí, tổ chức, biên chế và chế độ chính sách cho đội ngũ cán bộ hiện đang công tác tại Trung tâm theo Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm để phù hợp với quy định đơn vị sự nghiệp tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Hướng dẫn cụ thể về quản lý các hoạt động biểu diễn tại các nhà hàng, khách sạn, quán bar, cơ sở lưu trú du lịch, hoạt động hát karaoke bằng loa kéo di động.

- *Năm là*, sớm ban hành Chiến lược phát triển Thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, để địa phương có cơ sở thực hiện. Hiện nay việc học văn hóa phụ thuộc nhiều vào chương trình của các Trường phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, mặc dù các đơn vị đã hỗ trợ tích cực nhưng chỉ mang tính tạm thời, chưa giải quyết một cách căn cơ và bền vững. Rất cần một

chương trình riêng và có chính sách ưu tiên phù hợp, để vận động viên vừa đảm bảo việc tham gia tập luyện, thi đấu thể thao theo kế hoạch, vừa đảm bảo chương trình học văn hóa phù hợp. Kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quan tâm cùng với Bộ Giáo dục Đào tạo có hướng tháo gỡ khó khăn này cho các địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đào tạo vận động viên thể thao thành tích cao, đóng góp tích cực hiệu quả cho thể thao Việt Nam./.

**THỰC TRẠNG THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO
DÀNH CHO CÔNG NHÂN TẠI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

Thực hiện Chỉ thị số 52-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất; Ban Chấp hành Đảng bộ Đồng Nai đã ban hành Kết luận số 501-KL/TU ngày 15 tháng 6 năm 2018 về “Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ nhân dân trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 11129/KH-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2018 về thực hiện Kết luận số 501-KL/TU ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ nhân dân trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có 36 khu công nghiệp tập trung đã được Chính phủ phê duyệt, trong đó có 31 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động; thu hút 1.474 dự án (gồm 1.071 dự án có vốn đầu tư nước ngoài và 403 dự án trong nước). Toàn tỉnh có 24.500 tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh được cấp giấy đăng ký kinh doanh, trong đó: 143 doanh nghiệp có vốn nhà nước, 1.208 doanh nghiệp FDI, còn lại là các doanh nghiệp dân doanh. Tổng số lao động làm việc tại các tổ chức, doanh nghiệp là 975.294 người. Số lao động làm việc tại các doanh nghiệp có vốn Nhà nước là 62.000 người, trong doanh nghiệp FDI là 519.263 người và còn lại thuộc các doanh nghiệp dân doanh. Tổng số công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn toàn tỉnh là 2.735 đơn vị, với 591.662 đoàn viên. Tổng số lao động hiện làm việc trong 31 Khu công nghiệp của tỉnh là gần 600.000 người, trong đó có khoảng 58% lao động nữ, 62% lao động nhập cư.

Quá trình công nghiệp hoá nhanh chóng ở Đồng Nai đã thu hút hàng trăm ngàn lao động trên địa bàn tỉnh và các vùng lân cận về làm việc tại các doanh nghiệp. Vì vậy, việc chăm lo đời sống văn hóa, tinh thần cho công nhân là vấn đề đang được các cấp, các ngành quan tâm bởi xã hội ngày càng phát triển thì nhu cầu đời sống văn hóa, tinh thần càng trở nên cần thiết và nó có khả năng tái tạo sức lao động, tăng cường khả năng sáng tạo của mỗi công nhân. Thực tế cho thấy, đời sống vật chất khó khăn và cường độ lao động cao khiến mức hưởng thụ văn hóa của công nhân lao động luôn ở mức thấp. Phần lớn công nhân lao động chưa được tiếp nhận thông tin thường xuyên và đầy đủ về thông tin chính trị - xã hội và chính sách, pháp luật trong đó có cả những quy định về quyền và lợi ích hợp pháp liên quan trực tiếp đến bản thân người công nhân. Nguyên nhân của tình hình trên là do nhiều doanh nghiệp chỉ tập trung vào sản xuất kinh doanh với mục tiêu chủ yếu là lợi nhuận, chưa quan tâm vào đầu tư và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui

chơi giải trí, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao dành cho công nhân lao động. Ngoài ra, bản thân công nhân lao động cũng không có đủ thời gian vì phải làm thêm ca, thêm giờ; môi trường văn hóa doanh nghiệp ở nhiều nơi còn hạn chế; quan hệ lao động giữa người sử dụng lao động và công nhân lao động chưa thật hài hoà.

Thực hiện Quyết định số 2478/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án truyền thông về phát triển Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 2214/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình thực hiện Phong trào TĐĐKXDĐSVH giai đoạn 2021 và Chương trình phối hợp số 2862/CTPH-BVHTTDL-TLĐLĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc xây dựng đời sống nâng cao hiệu quả hoạt động thể dục, thể thao của công chức viên chức, công nhân lao động trong các cơ quan đơn vị, doanh nghiệp giai đoạn 2021-2026; UBND tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo cho Ban Chỉ đạo Phong trào Toàn dân Đoàn kết Xây dựng đời sống văn hóa và Liên đoàn Lao động tỉnh triển khai và phối hợp với các ngành, các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện nhiều mô hình hoạt động nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho công nhân lao động như tổ chức các chương trình văn hóa, văn nghệ, các giải thể thao trong công nhân lao động ở các khu công nghiệp. Bên cạnh đó, tổ chức một số hoạt động văn hóa tinh thần cho công nhân lao động ở trong các khu công nghiệp có hiệu quả, phát động phong trào xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp “Đạt chuẩn văn hóa”.

1. Thực trạng thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh

Ngày 12 tháng 12 năm 2023, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa XI) đã ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TU “về xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, con người Đồng Nai trở thành nguồn lực, động lực quan trọng cho phát triển toàn diện và bền vững”. Trong đó có các nội dung hỗ trợ cho các doanh nghiệp và công nhân lao động như:

- Quan tâm đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa trọng điểm, quy mô lớn và vừa tại trung tâm thành phố, huyện, khu công nghiệp;

- Ưu tiên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao ở cơ sở, đảm bảo sự công bằng trong hưởng thụ văn hóa của mọi người dân. Chú trọng nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hóa khu dân cư, văn hóa trong các cơ quan, đơn vị; quan tâm chăm lo đời sống văn hóa tinh thần cho đội ngũ công nhân, người lao động trong các khu, cụm công nghiệp.

- Chú trọng xây dựng văn hóa trong kinh tế, trước hết là ở các doanh nghiệp, trong đó, đội ngũ doanh nhân, công nhân, người lao động thực sự là chủ thể được phát triển toàn diện và có điều kiện để phát huy sáng kiến, sáng tạo.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, trong đó chú trọng một cách thực chất việc công nhận danh hiệu gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa.

- Đẩy mạnh việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân, tinh thần khởi nghiệp, xây dựng đội ngũ doanh nhân và những người lao động giỏi, kinh doanh đúng pháp luật, đóng góp có trách nhiệm; tích cực xây dựng và phát triển các thương hiệu uy tín của Đồng Nai và Việt Nam trên thị trường trong nước và quốc tế.

- Bên cạnh đó, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao của tỉnh luôn được quan tâm đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, thể thao của các tầng lớp Nhân dân trong đó có công nhân lao động; đồng thời làm nhiệm vụ tuyên truyền, cổ động phục vụ các nhiệm vụ chính trị của địa phương. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh được đầu tư xây dựng và tổ chức các hoạt động từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Đến nay, số lượng các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh gồm:

+ Cấp tỉnh: Trung tâm tổ chức Hội nghị và Sự kiện tỉnh; Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh; Sân vận động tỉnh; Thư viện tỉnh; Bảo tàng tỉnh; Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục, thể thao tỉnh; Nhà hát Nghệ thuật; Nhà thiếu nhi tỉnh Đồng Nai.

+ Cấp huyện: Có 11/11 huyện, thành phố có Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao (đạt 100%).

+ Cấp xã, phường, thị trấn: hiện toàn tỉnh có 152/170 xã phường, thị trấn có Trung tâm VH TT - HTCD, trong đó có 15 Trung tâm sử dụng chung với các thiết chế văn hóa, thể thao khác.

+ Cấp ấp, khu phố: Đến nay 862/925 ấp, khu phố có Nhà văn hóa - Khu thể thao, đạt tỷ lệ 93,2% (tính cả các ấp, khu phố sử dụng chung với Trung tâm cấp xã); Có 856/862 Nhà văn hóa - Khu thể thao ấp, khu phố được đánh giá hoạt động hiệu quả.

Nhìn chung, các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh đã được nâng cấp và xây mới, hầu hết đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và đầu tư đầy đủ trang thiết bị hoạt động để tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao phục vụ công nhân, nhân dân trên địa bàn. Hằng năm, vào dịp Tết cổ truyền của dân tộc, các ngày kỷ niệm của đất nước và của địa phương, từ nguồn ngân sách và sự hỗ trợ các cấp uỷ, chính quyền địa phương và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã đẩy mạnh các hoạt động chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho công nhân lao động trong các khu công nghiệp và địa bàn có đông công nhân lao động; tổ chức các hoạt động “Tuần lễ văn hóa công nhân”, “Tết sum vầy - Xuân chia sẻ” với nhiều hoạt động ý nghĩa thiết thực.

Tuy nhiên, hiện nay các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa có thiết chế văn hóa, thể thao dành cho công nhân, chỉ có Công đoàn Khu công nghiệp Biên Hoà có Nhà sinh hoạt văn hóa, thể thao và Tổ chức sự kiện tại đường 19 Khu công nghiệp Biên Hoà 2 là địa điểm thường xuyên tổ chức các hoạt động cho công nhân lao động ở các Khu công nghiệp thuộc khu vực thành phố Biên Hoà mỗi năm 100 ngàn lượt công nhân lao động tham gia. Ngoài ra còn có các thiết chế văn hóa, thể thao do một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đầu tư xây dựng và quản lý như: Khu sinh hoạt văn hóa, thể thao (Công ty Pousung); Phòng sinh hoạt chung (Công ty Taekwang); Khu giải trí cho công nhân (Công ty Poucheng), Khu sinh hoạt gia đình công nhân

(Công ty Changshin), Sân bóng đá (Công ty Mabuchi)... Đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã vào hoạt động, quỹ đất không còn để xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao dành cho công nhân lao động, do đó các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh là nơi tổ chức các hoạt động dành cho công nhân lao động đến tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao (*thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở: Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh, các công viên; Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao cấp huyện; Trung tâm Văn hóa, thể thao - Học tập cộng đồng cấp xã; Nhà Văn hóa ấp, khu phố trên địa bàn cư trú*).

Riêng đối với thiết chế công đoàn của tỉnh Đồng Nai (thực hiện Quyết định số 655/QĐ-TTg ngày 12/5/2017 và Quyết định số 1729/QĐ-TTg, ngày 04/11/2020, của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 655/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đầu tư xây dựng các thiết chế Công đoàn tại các khu công nghiệp, khu chế xuất”). UBND tỉnh đã có văn bản giới thiệu địa điểm để Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tiến hành các thủ tục khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng Thiết chế Công đoàn ở khu công nghiệp Giang Điền, huyện Trảng Bom.

Hầu hết các khu công nghiệp chưa chủ động tổ chức được các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cho công nhân lao động tham gia mà chủ yếu do Liên đoàn Lao động tỉnh phối hợp các sở, ban ngành, đoàn thể, địa phương tổ chức. Số ít doanh nghiệp tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ thông qua các hình thức như: Ngày hội văn hóa; Tuần lễ văn hóa công nhân; Hội thi văn nghệ, thể thao cho công nhân tại các khu công nghiệp; Liên hoan “Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”... nhân dịp ngày thành lập công ty hoặc dịp lễ tết

2. Kiến nghị, đề xuất

- Quốc hội, Chính phủ có văn bản hướng dẫn cụ thể cho địa phương thực hiện công tác xã hội hóa, liên doanh, liên kết cơ sở vật chất để tạo các hoạt động cho các tầng lớp Nhân dân, khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất các thiết chế văn hóa; xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thu hút, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội hóa đối với thiết chế văn hóa, thể thao các cấp; chế độ ưu đãi đào tạo hạt nhân năng khiếu về văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao.

- Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam phối hợp với các bộ, ngành liên quan hoàn thiện việc xây dựng thiết chế Công đoàn tại khu công nghiệp Giang Điền, huyện Trảng Bom (theo Quyết định số 655/QĐ-TTg ngày 12/5/2017 và Quyết định số 1729/QĐ-TTg, ngày 04/11/2020, của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 655/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đầu tư xây dựng các thiết chế Công đoàn tại các khu công nghiệp, khu chế xuất”); hướng dẫn, có chính sách khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao trong công nhân lao động như: nhân rộng các mô hình “Câu lạc bộ thể thao công nhân”, “Đội văn nghệ công nhân lao động”, phát động phong trào “Công nhân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” và các hoạt động văn hóa, thể thao cho công nhân lao động./.

THỰC TRẠNG VỀ XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH AN GIANG

Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang

Trong những năm gần đây, đời sống văn hóa tinh thần của người dân ở nhiều địa phương nói riêng và toàn tỉnh nói chung đang từng bước đi lên rõ rệt. Điều đó đã khẳng định rằng, mức hưởng thụ văn hóa tinh thần đã đáp ứng được một phần nhu cầu thiết yếu của người dân trong tỉnh. Phát huy hiệu quả từ Phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, nhiều công trình thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh An Giang được đầu tư xây dựng, quản lý và điều hành hoạt động tốt để nhân dân sinh hoạt văn hóa và luyện tập thể thao.

1. Thực trạng về xây dựng, quản lý và sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh An Giang

1.1. Công tác chỉ đạo, ban hành các văn bản về Quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao của địa phương

Thực hiện chủ trương của Chính phủ và Bộ ngành trung ương, công tác chỉ đạo về quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao của tỉnh được Tỉnh ủy, UBND tỉnh quan tâm sâu sát, giao ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ động tham mưu, triển khai thực hiện; thường xuyên kiểm tra giám sát, theo dõi kết quả thực hiện; với mục tiêu quy hoạch xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh đạt hiệu quả tốt, tránh lãng phí, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, phát triển kinh tế xã hội và xây dựng con người theo chương trình Nghị quyết 33.

Các văn bản về Quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao của tỉnh được ban hành thực hiện trong các văn bản cụ thể: Quyết định số 1131/QĐ-UBND ngày 22/7/2014 của UBND tỉnh An Giang về việc phê duyệt quy hoạch phát triển văn hóa, thể thao tỉnh An Giang từ năm 2014 đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về việc thông qua Đề án thí điểm “Sáp nhập và thành lập Trung tâm Văn hóa và Học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016 – 2020”; Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 25/01/2016 của UBND tỉnh An Giang về việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua Đề án thí điểm “Sáp nhập và thành lập Trung tâm Văn hóa và Học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016 – 2020”; Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 05/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc tăng cường, quản lý, khai thác, sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 28/08/2017 của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Văn hóa và Học tập cộng đồng thí điểm ở 17 xã trên địa bàn tỉnh An Giang; Quyết định số 2548/QĐ-UBND

ngày 24/8/2017 về việc ban hành hướng dẫn tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020.

1.2. Việc thực hiện về quy hoạch đất sử dụng, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật và quy hoạch phát triển nguồn nhân lực đối với hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tại địa phương.

** Việc thực hiện về quy hoạch đất sử dụng.*

- Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh hiện nay có 4 trụ sở làm việc với diện tích như sau: tổng diện tích đất là 908 m², diện tích xây dựng là 2.329,71m²

- Cấp huyện, thị xã, thành phố đã duyệt: Công trình văn hóa là 439 ha, công trình thể thao là 551 ha.

** Về xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật.*

Những năm qua, được quan tâm đầu tư hỗ trợ từ các chương trình của các Bộ, ngành Trung ương, tỉnh An Giang đã từng bước hoàn thiện dần cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng nhu cầu tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao phục vụ nhân dân trên địa bàn tỉnh. Cụ thể các thiết chế văn hóa, thể thao được đầu tư từ năm 2013 đến nay, gồm:

- Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh: 01

- Cấp huyện có 11 đơn vị: 08 Trung tâm Văn hóa, Thể thao; 02 Trung tâm VH, TT&DL, 01 Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền Thanh.

- Tổng số (Nhà Văn hóa) Trung tâm Văn hóa – Thể thao cấp xã, phường, thị trấn: 93

- Sân vận động: Toàn tỉnh có 03 sân vận động có khán đài, 55 sân không có khán đài; Sân điền kinh: 26 sân, Sân bóng đá 11 người: 93 sân, Sân bóng đá mini cỏ tự nhiên: 170 sân, Sân bóng đá mini cỏ nhân tạo: 166 sân.

- Nhà tập luyện, thi đấu đa năng có khán đài 07 nhà; các loại nhà tập luyện, thi đấu không có khán đài 06 nhà.

- Hồ bơi chiều dài 50m: 02 hồ; Hồ bơi chiều dài 25m: 31 hồ; Hồ bơi kích thước dưới 25m: 25 hồ; Hồ bơi lắp ghép: 43 hồ và 129 sân tập luyện các môn thể thao khác.

** Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực đối với hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tại địa phương.*

Hằng năm, địa phương đều có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, viên chức về trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ để vừa khai thác, phát huy bản sắc văn hóa dân gian, văn hóa các dân tộc vừa tiếp thu, tiếp cận, bắt nhịp kịp thời với sự phát triển kinh tế - xã hội.

Nhằm củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động trong công tác quản lý của cán bộ cơ sở. Hằng năm, tỉnh giao Sở VH TTDL có kế hoạch mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức quản lý văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình; lớp

bồi dưỡng và thực hành kỹ năng tổ chức hoạt động Trung tâm Văn hóa - Học tập cộng đồng và Điểm sinh hoạt văn hóa, Thể thao các xã tỉnh An Giang... cho cán bộ công chức cấp xã. Đã tổ chức được 08 lớp với 882 lượt cán bộ tham gia.

1.3. Kết quả thực hiện cụ thể.

1.3.1. Thiết chế Văn hóa, Thể thao cấp xã, ấp:

- Đối với Nhà Văn hóa – Khu Thể thao thôn (ấp). Tận dụng Văn phòng ấp làm Điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng ấp và tận dụng các điểm sinh hoạt Câu lạc bộ Đờn ca tài tử, các điểm sinh hoạt thể thao tại nhà dân.

- Thực hiện các tiêu chí xây dựng Nông thôn mới, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL) đã ban hành Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2010 Quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã (TTVHTT). Theo đó, các Nhà Văn hóa hiện nay phải được nâng cấp thành mô hình mới theo những tiêu chuẩn do Bộ VHTTDL quy định. TTVHTT là đơn vị sự nghiệp về văn hóa và thể thao, thuộc hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở, là nơi nhân dân được tiếp thu, phổ biến kiến thức về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội; nâng cao tri thức khoa học kỹ thuật, văn hóa nghệ thuật, hưởng thụ những giá trị văn hóa của dân tộc và nhân loại; bồi dưỡng năng khiếu, khả năng sáng tạo về văn hóa nghệ thuật, thể dục, thể thao, giao lưu, giải trí, giao tiếp văn hóa.

- Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Từ năm 2013 - 2020, riêng về tiêu chí văn hóa (tiêu chí số 06, 16) đến thời điểm hiện tại theo lộ trình xây dựng nông thôn mới, các địa phương đã thực hiện xây mới và cải tạo được 30 xã theo mô hình Trung tâm Văn hóa và Học tập cộng đồng và 31 Điểm sinh hoạt Văn hóa, Thể thao xã, dự kiến giai đoạn 2020 – 2025 tiếp tục đầu tư xây dựng thêm mô hình thiết chế này ở 30 xã.

- Đến nay, toàn tỉnh có 93 Nhà Văn hóa xã, phường, thị trấn. Các thiết chế văn hóa được đầu tư xây dựng đã góp phần đưa hoạt động văn hóa, thể thao phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị địa phương. Các cuộc sinh hoạt văn hóa, thể thao góp phần nâng cao đời sống tinh thần nhân dân, tạo sân chơi lành mạnh cho giới trẻ.

1.3.2. Thiết chế Văn hóa, Thể thao cấp huyện:

- Hiện nay, toàn tỉnh có 11/11 huyện, thị xã, thành phố có thiết chế Trung tâm Văn hóa, Thể thao; Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh.

- Đội ngũ cán bộ Trung tâm Văn hóa, Thể thao từng bước được quan tâm chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Trung tâm Văn hóa, thể thao 11 huyện, thị xã, thành phố thực hiện theo Thông tư 01/2010/TT-BVHTTDL về việc Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của tổ chức sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Riêng công trình thư viện 11 huyện chưa thực hiện do bố trí được vốn đầu tư trung hạn của tỉnh, hiện nay mô hình thư viện huyện đa số thực hiện lồng ghép với Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp huyện.

1.3.3. Thiết chế Văn hóa, Thể thao cấp tỉnh:

- Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật tỉnh An Giang được thành lập trên cơ sở sáp nhập của 3 đơn vị Trung tâm Văn hóa tỉnh An Giang, Trung tâm Văn hóa tổng hợp tỉnh An Giang và Đoàn ca múa nhạc tổng hợp An Giang theo Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

- Cơ cấu tổ chức của đơn vị gồm: Ban Giám đốc (04 người) và 5 phòng chức năng: phòng Hành chính – Tổng hợp, phòng Nghiệp vụ Văn hóa nghệ thuật, phòng Tuyên truyền cổ động và Điện ảnh, Đoàn Nghệ thuật và Tuyên truyền lưu động, phòng Tổ chức sự kiện và Dịch vụ; số lượng công chức, viên chức, người lao động là 87 người (trong đó: có 46 viên chức trong biên chế, 07 hợp đồng lao động theo Nghị định 68, 34 hợp đồng ngoài biên chế). Trung tâm có 01 Chi bộ Đảng (gồm: 31 đảng viên), 01 công đoàn cơ sở (gồm 87 đoàn viên), 01 chi đoàn (gồm: 21 đoàn viên).

- Toàn tỉnh hiện có 47 Nhà tập luyện, thi đấu đa năng; 03 sân vận động có khán đài, 57 sân không có khán đài; 72 sân bóng đá 11 người; 354 sân bóng đá mini; 404 sân bóng chuyền; 08 sân bóng rổ; 97 sân quần vợt; 05 bể bơi kích thước 50m; 22 bể bơi kích thước 25m; 123 bể bơi lắp ghép, hồ bơi đơn giản; 376 sân tập luyện và thi đấu khác (cầu lông, đá cầu, bóng bàn ...).

- Hiện nay, dự án sân vận động tỉnh An Giang được xây dựng trên diện tích 9,403ha (trong đó khu sân thi đấu bóng đá là 27.571,9m²) có quy mô 20.000 chỗ ngồi 4 khán đài A,B,C,D (Khán đài A, B có mái che), các công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật và thiết bị chuyên dùng với tổng mức đầu tư (đang trình thẩm định dự án) là 415.052.541.000đ, địa điểm xây dựng tại phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

2. Thuận lợi, khó khăn

Qua thực tế quản lý sử dụng thiết chế Văn hóa – Thể thao, đối với cấp tỉnh và huyện đã phát huy tốt và hoạt động hiệu quả. Trong phần này chỉ nêu những thuận lợi, khó khăn đối với các thiết chế văn hóa cấp xã.

2.1. Thuận lợi.

- Được sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền từ tỉnh đến huyện, công tác xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đã thực hiện tốt vai trò và chức năng, góp phần tích cực trong việc hưởng thụ đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân.

- Cơ sở vật chất, sân bãi thể thao hiện có nhìn chung đã được khai thác sử dụng hiệu quả, phục vụ nhu cầu sinh hoạt tập luyện và hưởng thụ về đời sống văn hóa, nâng cao sức khỏe của người dân trong tỉnh.

- Các Nhà Văn hóa, Trung tâm Văn hóa, thể thao đa phần được xây dựng trong khu dân cư hoặc khu vực trụ sở các xã, phường, thị trấn; có sân chơi thể dục, thể thao nằm trong khuôn viên phù hợp môn chơi: cầu lông, bóng chuyền, bóng bàn và một số môn thể thao truyền thống.

2.2. Khó khăn.

Qua thực tế hoạt động trong tỉnh, sau khi được xây dựng phần cơ sở vật chất, có khoảng 30% các Trung tâm Văn hóa, Thể thao (TTVHTT) hoạt động hiệu quả; 40% hoạt động trung bình; 30% hoạt động yếu kém không hiệu quả.

Các TTVHTT hoạt động kém hiệu quả là do các nguyên nhân sau:

2.2.1. Nhận thức về sự phát triển văn hóa và sự quan tâm, thực thi chỉ đạo phát triển văn hóa tương xứng phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương:

Một số lãnh đạo ở các địa phương chưa thấy hết vai trò quan trọng của sự phát triển văn hóa trong sự phát triển xã hội, chưa nhận thức sâu sắc về quan hệ nhân - quả giữa phát triển kinh tế và văn hóa.

Vẫn còn những quan niệm co hẹp về văn hóa, đánh đồng khái niệm văn hóa với văn nghệ, vui chơi giải trí, là lĩnh vực thứ yếu, không cấp thiết, để dần dần xây dựng cũng không muộn. Chính vì vậy, một số lãnh đạo cấp xã thiếu quan tâm đến việc xây dựng các thiết chế văn hóa phục vụ nhu cầu tinh thần của người dân. Có nhiều nơi, chỉ quan tâm đến việc xây dựng cơ sở vật chất để chạy theo các tiêu chí, đạt các danh hiệu, mà chất lượng hoạt động thì không được quan tâm đúng mức.

Một vài địa phương còn tư tưởng hạn hẹp khi cho rằng lĩnh vực văn hóa không sinh lợi, tốn tiền, là lĩnh vực chỉ xài tiền mà không đem lại lợi ích cụ thể. Chính vì vậy, sự tác động của các hoạt động văn hóa đến đạo đức con người ngày một hạn chế, đạo đức dần dần suy cấp, có vài trường hợp, vài lĩnh vực xuống cấp trầm trọng. Hoạt động các thiết chế văn hóa không cho ra kết quả trước mắt mà đem lại lợi ích xã hội một cách thầm lặng, đôi khi đến cả một thế hệ sau thì mới thấy được hiệu quả. Trong khi đó, các hoạt động lĩnh vực kinh tế thì cho kết quả cụ thể, dễ nhìn thấy, từ đó có tâm lý các địa phương đang tập trung cho nhiệm vụ phát triển kinh tế trước mắt mà còn xem nhẹ việc bố trí các nguồn lực cho lĩnh vực hoạt động văn hóa.

2.2.2. Về nhân sự hoạt động:

Theo quy định hiện hành, mỗi xã được bố trí 01 công chức văn hóa – xã hội và 01 cán bộ phụ trách đài truyền thanh - nhà văn hóa. Tuy nhiên, nhiệm vụ cụ thể được giao theo quy định chiếm nhiều thời gian, không đủ để cán bộ, công chức văn hóa, xã hội thực hiện công tác phát triển các phong trào hoạt động văn hóa, thể thao ở địa phương. Để đảm bảo các hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao, cần có cơ chế cho phép có thêm nhân sự chuyên phụ trách các hoạt động của Trung tâm Văn hóa – Thể thao để quản lý các hoạt động của thiết chế này.

Tuy nhiên, theo các quy định hiện hành không cho phép thực hiện tăng nhân sự ở các vị trí cần thiết này. Vấn đề nhân sự là một nguyên nhân khiến hoạt động Trung tâm Văn hóa - Thể thao ở cơ sở gặp nhiều khó khăn.

2.2.3. Về kinh phí hoạt động:

Hiện tại, kinh phí hoạt động sự nghiệp văn hóa - thể thao được bố trí là: 52.000.000đ/năm, cụ thể:

- Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin: 32.000.000đ.
- Chi sự nghiệp thể dục, thể thao: 20.000.000đ.

Trong khi đó, theo ước tính, để hoạt động đạt chất lượng trung bình, đáp ứng theo các quy định thì cần phải được bố trí kinh phí hoạt động chuyên môn mỗi năm tối thiểu là: 160.000.000đ. Với mức kinh phí được phân bổ như hiện nay, không thể đảm bảo tổ chức các hoạt động phục vụ nhân dân theo tiêu chí hoạt động được quy định.

2.2.4. Về cơ chế xã hội hóa:

Chưa có cơ chế cụ thể đối với việc có thể giao cơ sở vật chất sau khi xây dựng cho các tổ chức cá nhân được quyền khai thác hoạt động dịch vụ văn hóa, thể thao.

3. Kiến nghị

Trong xu thế phát triển hiện nay, thiết chế TTVHTT cơ sở vẫn khẳng định là thiết chế văn hóa của Đảng và Nhà nước vừa đáp ứng nhu cầu văn hóa ngày càng nâng cao của nhân dân, vừa là thiết chế hoạt động trong lĩnh vực tư tưởng, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ thành quả xây dựng đất nước, chống lại các hoạt động âm thầm chống phá của các thế lực thù địch và hạn chế, dung hòa các tác động tiêu cực của các sản phẩm phi văn hóa phát sinh trong nền kinh tế thị trường. Đề xuất với chính phủ có những cơ chế, quy định cụ thể để khắc phục 3 nguyên nhân dẫn đến tình trạng hoạt động yếu kém của một số TTVHTT trong thực tế, cụ thể là:

- Tăng biên chế cho hoạt động Văn hóa, Thể thao cấp phường, xã, thị trấn.
- Tăng định mức chi cho hoạt động Văn hóa, thể thao vùng Đồng bằng Sông Cửu Long.
- Có cơ chế đặc biệt để có thể giao cơ sở vật chất do Nhà nước đầu tư thiết chế Văn hóa, Thể thao cấp xã cho các cá nhân, tổ chức có điều kiện khai thác hoạt động đúng với chức năng và nhiệm vụ được giao, đồng thời được khai thác kinh doanh để tự chủ kinh phí hoạt động./.

THỰC TRẠNG HỆ THỐNG THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TRÀ VINH

Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh

Trà Vinh là tỉnh ven biển khu vực đồng bằng sông Cửu Long, nằm giữa sông Tiền và sông Hậu, có 65 km bờ biển, diện tích tự nhiên 2.358 km², dân số hơn 01 triệu người, dân tộc Khmer chiếm trên 31%, dân tộc Hoa chiếm gần 01% và số ít đồng bào người Chăm, Ấn,...; gồm 07 huyện, 01 thị xã, 01 thành phố, với 106 xã, phường, thị trấn (85 xã, 11 phường và 10 thị trấn), có 755 ấp, khóm. Trong những năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ, sự hỗ trợ của các bộ, ngành Trung ương, sự chủ động, tích cực của các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh trong tham mưu và tổ chức thực hiện công tác xây dựng, quản lý và sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao đạt được những kết quả như sau:

- Về hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ cộng đồng

+ Hệ thống thư viện: Trà Vinh có 01 thư viện tỉnh, 07 thư viện huyện, 62 thư viện và phòng đọc sách cấp xã; 57 phòng đọc sách trong các cơ sở tín ngưỡng tôn giáo; 05 phòng đọc sách Đồn Biên phòng; 02 phòng đọc sách trong Trại giam Bến Giá; 03 phòng đọc sách ấp, khóm; 30 phòng đọc sách tại các điểm ấp, khóm; qua đó, đã tạo điều kiện để thanh thiếu niên và người dân vùng nông thôn tiếp cận, sử dụng thông tin tri thức.

+ Bảo tàng Tổng hợp tỉnh chỉnh lý, trưng bày hàng nghìn tư liệu văn hóa tín ngưỡng tôn giáo, văn hóa vật chất, cuộc sống đời thường, ngành nghề truyền thống, văn hóa nghệ thuật và phòng truyền thống,... Hàng năm phục vụ trên 40.000 lượt khách trong và ngoài nước đến tham quan. Toàn tỉnh hiện có 02 bảo vật quốc gia; 07 di sản văn hóa phi vật thể được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục Di sản Văn hóa phi vật thể cấp quốc gia; 56 di tích văn hóa (trong đó có 16 di tích cấp quốc gia; 40 di tích cấp tỉnh).

+ Về hệ thống Trung tâm Văn hóa - Thể thao

Cấp tỉnh: Ngành văn hóa, thể thao và du lịch Trà Vinh hiện đang quản lý, sử dụng hơn 69.222 m² đất dành cho hoạt động thể thao và 1.200 m² đất dành cho hoạt động trung tâm văn hóa tỉnh. Công trình thể thao gồm có: 01 nhà thi đấu, 01 nhà tập luyện môn Judo, khu tập luyện và thi đấu môn Bơi có mái che, 01 phòng tập võ, 01 hồ bơi, 01 khán đài đua Ghe ngo, 02 sân Quần vợt; đặc biệt, công trình sân vận động mới của tỉnh với diện tích 5,87 ha đã hoàn thành giai đoạn 2, đang tiếp tục triển khai xây dựng dự kiến hoàn thành trong tháng 12 năm 2024.

Cấp huyện: Hiện đang quản lý và sử dụng hơn 191.960 m² đất dành cho hoạt động văn hóa, thể thao. Công trình văn hóa, thể thao gồm có: 09 trung tâm văn hóa huyện, thị xã, thành phố, 07 nhà thi đấu, 07 sân vận động, 03 hồ bơi.

Cấp xã: Hiện đang quản lý và sử dụng hơn 367.742 m² đất dành cho hoạt động văn hóa, thể thao. Công trình văn hóa, thể thao gồm có: 47 sân vận động; 90 sân bóng chuyên; 73 trung tâm văn hóa, thể thao xã, trong đó, có 55 Trung tâm văn

hóa, thể thao xã đạt chuẩn; 733 ấp có nhà văn hóa, thể thao, trong đó, có 334 có nhà văn hóa, thể thao đạt chuẩn.

- Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ thanh niên, thiếu niên và nhi đồng: Trung tâm sinh hoạt thanh thiếu nhi tỉnh Trà Vinh với diện tích 15 ha, gồm có 01 sân khấu sức chứa 200 người; 02 hội trường sức chứa 100 người; 01 nhà bạt ngoài trời sức chứa 800 người; 07 phòng đào tạo năng khiếu và sinh hoạt đội nhóm, đảm bảo nhu cầu vui chơi, học tập và rèn luyện cho thanh, thiếu nhi trên địa bàn tỉnh.

- Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ công nhân, viên chức, người lao động

+ Để có hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ cho nhu cầu giải trí, tập luyện của công nhân lao động trong khu công nghiệp, tỉnh Trà Vinh tranh thủ nguồn lực từ Trung ương và đã được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chấp thuận đầu tư Dự án Trung tâm thể dục, thể thao thuộc thiết chế Công đoàn tại Trà Vinh (phê duyệt tại Quyết định số 4448/QĐ-TLĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam), dự án được xây dựng trên tổng diện tích 8.050 m² (đất do tỉnh Trà Vinh đối ứng) với tổng mức đầu tư 49,3 tỷ đồng và dự kiến khởi công trong năm 2024.

+ Bên cạnh đó, các công ty trên địa bàn tỉnh cũng xây dựng các thiết chế thể thao phục vụ công nhân lao động như: Công ty Mỹ Lan (Khu công nghiệp Long Đức) xây dựng 01 sân Bóng đá 11 người, 01 sân Tennis; Công ty Trách nhiệm hữu hạn Giày da Mỹ Phong xây dựng 01 nhà tập luyện thể dục, thể thao; Công ty Dược phẩm TV- Pharm xây dựng 01 sân Bóng đá mini; Công ty Nhiệt điện Duyên Hải xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ nhu cầu sinh hoạt, vui chơi giải trí cho người lao động, gồm: 02 sân Bóng đá mini; 02 sân Quần vợt; 01 nhà thi đấu đa năng (02 sân Cầu lông, 02 bàn Bóng bàn, 02 bàn Bida và các dụng cụ tập gym,...); 01 sân Bóng chuyên; 01 khu vui chơi thiếu nhi. Các thiết chế văn hóa, thể thao cơ bản đáp ứng nhu cầu tập luyện thể thao, góp phần nâng cao chất lượng đời sống tinh thần cho người lao động.

- Về công tác quản lý, sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao luôn được Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo các ngành chức năng, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng và đưa vào kế hoạch hằng năm gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội để bố trí vốn thực hiện. Trong giai đoạn 2013 - 2023 đã bố trí kinh phí đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao của tỉnh trên 278 tỷ đồng (trong đó, kinh phí đầu tư phát triển trên 258 tỷ đồng, kinh phí sự nghiệp trên 20 tỷ đồng).

- Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về đầu tư công, xây dựng, quản lý sử dụng các thiết chế về văn hóa, thể thao: Tỉnh thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về đầu tư xây dựng, quản lý sử dụng các thiết chế về văn hóa, thể thao đúng quy định. Thanh tra tỉnh có kế hoạch phối hợp với các sở, ngành tỉnh, thường xuyên kiểm tra việc xây dựng, quản lý và sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao; đồng thời, hướng dẫn cơ sở thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật; hướng dẫn các trung tâm văn hóa - thông tin các huyện, thị xã, thành phố; Nhà văn hóa xã, phường và Nhà Văn hóa - Khu thể thao ấp, khóm tổ chức các

hoạt động và xây dựng nội quy, quy chế hoạt động theo quy định. Qua các cuộc kiểm tra chưa phát hiện vi phạm trong việc đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao.

Với điều kiện cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa bước đầu được thiết lập, trong những năm qua, nhiều địa phương, cơ sở đã phát huy có hiệu quả bằng việc tích cực chủ động tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao sôi nổi, rộng khắp như hội thi, hội diễn văn nghệ quần chúng, giao lưu văn nghệ, hình thành các câu lạc bộ đờn ca tài tử, hát với nhau,... Qua đó, đã đáp ứng một phần nhu cầu hưởng thụ đời sống văn hóa tinh thần của thanh thiếu niên và Nhân dân trên địa bàn tỉnh. Mặt khác, thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ trong hệ thống nhà văn hóa đã góp phần quan trọng vào việc tuyên truyền các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước đến với quần chúng Nhân dân góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình xây dựng, quản lý, sử dụng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh vẫn còn những hạn chế, khó khăn như:

- Việc khai thác, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao ở một số nơi chưa hiệu quả.
- Công tác xã hội hóa về đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao còn hạn chế, các tổ chức, cá nhân hỗ trợ đầu tư chưa nhiều.
- Một số cán bộ làm công tác văn hóa, thể thao các cấp chuyên môn có mặt còn hạn chế, đôi lúc chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, đặc biệt là cán bộ cấp cơ sở thường xuyên biến động do công tác tổ chức cán bộ và kiêm nhiệm nhiều việc nên ảnh hưởng đến việc triển khai, báo cáo kết quả thực hiện các chính sách, pháp luật về đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao.

Để tiếp tục đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao đạt hiệu quả, tỉnh Trà Vinh đưa ra một số giải pháp trong thời gian tới như sau:

- Tăng cường tuyên truyền, nâng cao vai trò của cấp ủy Đảng, chính quyền trong triển khai thực hiện việc đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao.
- Chú trọng thực hiện hiệu quả các giải pháp khuyến khích, tạo điều kiện các tổ chức, cá nhân, các thành phần kinh tế đầu tư, xây dựng công trình thể dục, thể thao, đáp ứng nhu cầu tập luyện, sinh hoạt, thi đấu ngày càng phong phú, đa dạng của Nhân dân.
- Tăng cường công tác quản lý, đảm bảo khai thác, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao hiệu quả.
- Tiếp tục chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ quản lý, phụ trách lĩnh vực văn hóa, thể thao./.

THỰC TRẠNG VỀ ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC HỆ THỐNG CÔNG VIÊN, VƯỜN HOA TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội

1. Thực trạng các công viên, vườn hoa trên địa bàn thành phố Hà Nội

1.1. Về quản lý, duy tu, duy trì theo phân cấp

Theo số liệu thống kê hiện trạng công viên, vườn hoa thì toàn thành phố Hà Nội, hiện nay có tổng số 70 công viên và vườn hoa các loại; (trong đó có 23 công viên và 47 vườn hoa), với 11 công viên có quy mô từ 10 ha đến trên 15 ha đạt tiêu chuẩn từ công viên cấp khu vực đến công viên trung tâm đô thị, cụ thể:

- Khu vực nội thành (12 quận) có 20 công viên với tổng diện tích khoảng 293,8 ha; có 38 vườn hoa với tổng diện tích khoảng 39,64 ha.

- Khu vực ngoại thành (18 huyện, thị xã) có 3 công viên với tổng diện tích 31,57 ha; có 9 vườn hoa với diện tích khoảng 11,58 ha.

Bao gồm các loại hình:

- Công viên văn hóa tổng hợp (21 công viên, chiếm tỷ lệ khoảng 30%).
- Công viên chuyên đề (2 công viên, chiếm tỷ lệ khoảng 3%).
- Vườn hoa, vườn dạo (47 vườn hoa, chiếm tỷ lệ khoảng 67%).

Tình hình thực hiện phương án phân cấp giai đoạn 2021 - 2026: theo Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội về quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn Thành phố, trong đó: *Thành phố quản lý, đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, duy trì, chăm sóc, bảo tồn các công viên, vườn hoa đặc biệt quan trọng theo danh mục Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt (bao gồm cả hồ nước trong công viên, vườn hoa).*

Theo đó:

- Thành phố giao Sở Xây dựng quản lý, duy trì, chăm sóc 01 công viên Thủ Lệ (bao gồm cả hồ nước trong công viên).

- Thành phố phân cấp về cấp huyện quản lý, duy trì, chăm sóc 48 công viên, vườn hoa (bao gồm cả bảo đảm chất lượng nước hồ) và các công viên, vườn hoa còn lại trên địa bàn do cấp huyện quản lý.

1.2. Về chất lượng các công viên, vườn hoa

- Hiện tại, hệ thống các công viên, vườn hoa trên địa bàn thành phố Hà Nội còn hạn chế về số lượng, chất lượng, mặc dù đã được UBND Thành phố hằng năm đầu tư kinh phí duy trì thường xuyên cây xanh, thảm cỏ, bồn hoa, duy trì vật kiến trúc. Ngoài một số công viên, vườn hoa đã được đầu tư xây dựng mới và cải tạo nâng cấp đồng bộ thì, nhìn chung chất lượng các công viên, vườn hoa, cây xanh,

chưa theo kịp với xu thế phát triển kinh tế, xã hội; chưa đáp ứng được yêu cầu vui chơi, nghỉ ngơi đa dạng phù hợp với mọi lứa tuổi; cảnh quan kiến trúc, môi trường nghèo nàn, lạc hậu chưa tương xứng với sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước trong thời kỳ mở cửa hội nhập.

- Các công viên, vườn hoa đang quản lý là những công trình đã hình thành từ lâu, trải qua nhiều thời kỳ phát triển của thành phố theo diễn biến của thời gian và lịch sử; tập trung chủ yếu trên địa bàn 4 quận nội thành cũ, với kiến trúc cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật trung bình. Mặc dù hệ thống cây bóng mát trong các công viên, vườn hoa đã phát triển ổn định, chất lượng tương đối tốt. Tuy nhiên diện mạo kiến trúc, cảnh quan (cây xanh, cây mảng, thảm cỏ, đường dạo, chiếu sáng, vật kiến trúc...) tại một số nơi đã lạc hậu, đơn điệu, thiếu đồng bộ, kém hấp dẫn với so với sự phát triển KTXH của Thành phố. Bên cạnh đó, các dịch vụ tiện ích trong công viên còn manh mún, tự phát gây mất mỹ quan, chưa đáp ứng nhu cầu của người dân và chưa có cơ chế cho việc thu hút đầu tư nên chưa kêu gọi đầu tư các tiện ích để phục vụ nhân dân trong các công viên.

- Trong quá trình vận hành, duy tu, duy trì phục vụ nhân dân, hệ thống hạ tầng kỹ thuật các công viên, vườn hoa đã dần xuống cấp (như đường dạo, ghế ngồi, chiếu sáng, thùng rác, nhà vệ sinh, cảnh quan...). Mặc dù được Thành phố cấp kinh phí duy tu sửa chữa, nhưng chủ yếu chỉ mang tính khắc phục cục bộ, chưa mang tính toàn diện, chưa mang lại diện mạo mới khang trang, tương xứng với sự phát triển của Thành phố.

- Từ năm 2019 - 2023, một số công viên, vườn hoa đã được UBND Thành phố Hà Nội quan tâm, chỉ đạo UBND các quận: Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Hoàng Mai, Long Biên thực hiện đầu tư cải tạo, nâng cấp kiến trúc cảnh quan bằng nguồn kinh phí của quận và sửa chữa cục bộ, chống xuống cấp vật kiến trúc, đường dạo bằng nguồn ngân sách Thành phố để đáp ứng điều kiện phục vụ nhân dân. Hiện các công trình trên đã hoàn thành đưa vào sử dụng, có diện mạo cảnh quan đẹp, hiện đại, khang trang,... tạo điểm nhấn cho đô thị.

1.3. Đánh giá thực trạng các công viên, vườn hoa trên địa bàn

1.3.1. Những kết quả đạt được

- Công tác duy tu, duy trì cây xanh, thảm cỏ, sửa chữa vật kiến trúc trong các công viên, vườn hoa được thực hiện thường xuyên, sửa chữa chống xuống cấp kịp thời tại một số công viên để phục vụ nhân dân.

- Công tác an ninh trật tự tại các công viên, vườn hoa đã được cải thiện rõ rệt; tình trạng trộm cắp, nghiện hút, tệ nạn không còn gây nhức nhối tại các công viên, vườn hoa. Ý thức bảo vệ môi trường của đại đa số người dân được nâng cao, tình trạng vứt rác bừa bãi, hái hoa, bẻ cành đã giảm; các hoạt động, sinh hoạt của người dân trong công viên đã theo xu hướng văn minh, thanh lịch hơn.

- Các sự kiện chính trị, văn hóa, dịch vụ tiện ích được tổ chức có bài bản, sáng tạo, an toàn (như khu vực hồ Hoàn Kiếm, vườn hoa Lý Thái Tổ, Công viên Thống Nhất) đã thu hút được nhiều người dân, khách thăm quan tham gia trong không khí

vui tươi, văn minh, thanh lịch; khai thác hiệu quả việc sử dụng không gian xanh công cộng vào mục đích văn hóa, chính trị của Thành phố.

1.3.2. Những mặt còn hạn chế

Ngoài một số công viên, vườn hoa đã được đầu tư xây dựng mới và cải tạo nâng cấp đồng bộ thì, nhìn chung chất lượng các công viên, vườn hoa chưa đáp ứng được yêu cầu phục vụ nhân dân; không gian, cảnh quan kiến trúc, trang thiết bị chưa được đầu tư.

Về cảnh quan, dịch vụ tiện ích: Đa số các công viên còn thiếu các dịch vụ tiện ích phù hợp có tổ chức, dẫn đến các hàng quán tự phát, mất mỹ quan. Một số công viên còn tồn tại các vi phạm trật tự xây dựng do lịch sử để lại, như Công viên Tuổi trẻ hiện vẫn đang trong quá trình xử lý.

Công tác kêu gọi đầu tư xây dựng mới các công viên theo quy hoạch hằng năm, vẫn chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư quan tâm, do nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu cơ chế ưu đãi chưa hấp dẫn nhà đầu tư

Một số vấn đề thường gặp trong các công viên là:

- Cây xanh, bồn hoa, thảm cỏ ở mức độ trung bình. Chỉ các công viên tồn tại từ lâu mới có cây xanh bóng mát phát triển tốt, các công viên, vườn hoa mới xây dựng cần thời gian cho cây xanh tăng trưởng.

- Hệ thống cây xanh, thảm cỏ ở một số công viên, vườn hoa chưa được chú trọng đầu tư đã làm ảnh hưởng đáng kể đến mỹ quan công viên, công viên.

- Một số công viên tình trạng trật tự trị an chưa tốt nên vẫn còn hiện tượng bán hàng, chiếm dụng không gian chung; một số người dân thiếu ý thức gây hư hại cây xanh, vật kiến trúc; đội ngũ quản lý chưa cương quyết với các đối tượng vi phạm.

- Kinh phí thành phố cấp còn hạn chế nên việc đầu tư, nâng cấp công viên; trưng bày vật nuôi, vật kiến trúc còn ít và đơn điệu.

- Một số công viên còn tiếp giáp với khu dân cư gây khó khăn trong công tác bảo vệ trật tự và lấn chiếm, xâm hại công viên.

- Chưa thu hút được các thành phần kinh tế tham gia.

Nhìn chung chất lượng các công viên hiện nay chưa thực sự hấp dẫn, vì vậy cần có sự đầu tư về nội dung, kết hợp với duy trì, bảo dưỡng định kỳ các hàng mục công trình để thu hút hoạt động nghỉ ngơi theo chu kỳ của người dân Thủ Đức. Các công viên phân bố không đồng đều giữa các quận; một số Công viên, vườn hoa đã được đầu tư, cải tạo nâng cấp và chỉnh trang hoàn chỉnh và duy trì tốt, mang lại giá trị thẩm mỹ, giá trị cảnh quan cho đô thị và góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân đô thị. Tuy nhiên, về góc độ quy hoạch phát triển các công viên chưa được chú trọng đầu tư nên chưa đảm bảo yêu cầu mỹ quan đô thị, cảnh quan và nhu cầu phục vụ nhân dân đô thị.

2. Đầu tư, cải tạo, nâng cấp các công viên, vườn hoa

2.1. Tình hình triển khai, thực hiện

- Thực hiện Chương trình số 03-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành Ủy, giai đoạn 2021 - 2025 phân đầu Cải tạo, nâng cấp 45 công viên, vườn hoa hiện có tại khu vực các quận nội thành; Phân đầu hoàn thành xây dựng mới 05 công viên theo quy hoạch tại Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 18/3/2014 của UBND Thành phố.

Theo đó, UBND thành phố Hà Nội đã xây dựng và ban hành Kế hoạch 332/KH-UBND ngày 31/12/2021 về việc cải tạo, nâng cấp và xây mới các công viên, vườn hoa trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể:

- Cải tạo, nâng cấp 45/63 công viên, vườn hoa hiện có bao gồm: 13 công viên và 32 vườn hoa tại các quận nội thành.

- Xây dựng mới 06 công viên gồm: Công viên Chu Văn An, huyện Thanh Trì: 50,93 ha; Công viên CV1, quận Cầu Giấy và Nam Từ Liêm 27,8 ha; Công viên Khu đô thị Tây Nam Hà Nội, quận Cầu Giấy: 10 ha; Công viên văn hóa Kim Quy, huyện Đông Anh: 99 ha; Công viên hồ Phùng Khoang, quận Nam Từ Liêm: 11,8 ha; Công viên Văn hóa - Vui chơi giải trí, thể thao quận Hà Đông: 96,7 ha.

- Kêu gọi đầu tư các công viên còn lại thuộc danh mục xây dựng mới theo Quy hoạch cây xanh 1495/QĐ-UBND.

Phân theo địa bàn cải tạo, nâng cấp các công viên, vườn hoa:

- Quận Ba Đình : 3 công viên, 7 vườn hoa
- Quận Hoàn Kiếm : 10 vườn hoa
- Quận Tây Hồ : 3 vườn hoa
- Quận Hai Bà Trưng : 1 công viên, 4 vườn hoa
- Quận Hoàng Mai : 4 công viên, 2 vườn hoa
- Quận Đống Đa : 1 công viên, 4 vườn hoa
- Quận Cầu Giấy : 2 công viên
- Quận Hà Đông : 1 công viên, 1 vườn hoa
- Quận Long Biên : 1 vườn hoa
- Quận Bắc Từ Liêm : 1 Công viên

2.2. Kết quả thực hiện đến năm 2023 và dự kiến thực hiện đến năm 2025

- Sau hơn hai năm triển khai Kế hoạch 332/KH-UBND, về cơ bản UBND các quận đã chủ động rà soát, xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương. Đến nay các quận đã hoàn thành cải tạo 14 vườn hoa (đạt khoảng 31% kế hoạch); trong năm 2024 UBND các quận đang tiếp tục hoàn thành 16 công viên, vườn hoa (dự kiến đạt khoảng 67% kế hoạch). Đến năm 2025 dự kiến hoàn thành 11 công viên, vườn hoa (đạt khoảng 91% kế hoạch).

- Đối với 04 công viên Thủ Lệ, Thống Nhất, Bách Thảo, Hòa Bình (chiếm

8,9% kế hoạch), trong đó: công viên Thủ Lệ, Thống Nhất, Bách Thảo đã được HĐND Thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tại Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 (giai đoạn 2023 - 2026). Tuy nhiên hiện nay công viên Thống Nhất, Bách Thảo, Hòa Bình đã bàn giao cho UBND quận quản lý, nên việc điều chỉnh chủ trương đầu tư có thể sẽ làm chậm tiến độ hơn dự kiến.

- Đối với 06 công viên xây dựng mới: Đây là các dự án công viên có quy mô trung bình, thuộc quy hoạch các khu đô thị. Việc dự án chưa hoàn thành liên quan đến nhiều nguyên nhân trong đó có nguyên nhân khách quan chủ quan nhưng ảnh hưởng lớn nhất đến cơ chế đầu tư, công tác giải phóng mặt bằng,... Thành phố đã giao Sở Xây dựng đã cùng các Sở ngành liên quan thường xuyên phối hợp, hướng dẫn, đôn đốc các Chủ đầu tư sớm hoàn thiện thủ tục và triển khai thực hiện. Tuy nhiên tiến độ thực hiện của các chủ đầu tư còn chậm, mới cơ bản hoàn thành và đang hoàn thiện các tồn tại để chuẩn bị bàn giao chính thức 02 công viên CV1, Bắc Nam Mai Dịch phục vụ nhân dân.

3. Xây dựng cơ chế ưu đãi đầu tư công viên

3.1. Chủ trương của Thành phố

Tại Chương trình số 05-CTr/TU ngày 17/3/2021 của Thành ủy Hà Nội yêu cầu nghiên cứu, xây dựng các cơ chế nhằm đẩy nhanh việc đầu tư hệ thống công viên, cây xanh theo phương thức xã hội hóa.

3.2. Quy định của pháp luật

Về quy định của pháp luật hiện chưa có quy định ưu đãi đối với dự án đầu tư công viên, vườn hoa công cộng, trong đó:

1. Theo Luật Xây dựng tại khoản 23, Điều 3 về giải thích từ ngữ, xác định cây xanh, công viên là công trình hạ tầng xã hội.

2. Theo Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. Trong đó tại Điều 3, khoản 1, điểm b về phân loại công trình theo công năng sử dụng, trong “Phụ lục I - mục III - 4-b Công viên cây xanh được phân loại là công trình hạ tầng kỹ thuật”.

3. Theo Luật Đầu tư tại Điều 16 - khoản 1. Ngành nghề ưu đãi đầu tư: tại điểm h chỉ quy định ưu đãi đầu tư “*phát triển và vận hành, quản lý công trình kết cấu hạ tầng; phát triển vận tải hành khách công cộng tại các đô thị*”. Không quy định ưu đãi đối với dự án đầu tư công viên, vườn hoa.

4. Theo Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Tại Điều 24. Ban hành, sửa đổi, bổ sung danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư và danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư - Khoản 2 quy định: “Các bộ, cơ quan ngang bộ, HĐND, UBND các cấp không được ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ ưu đãi trái với quy định của Luật Đầu tư, Nghị định này, pháp luật về thuế, ngân sách, đất đai và pháp luật có liên quan”.

5. Theo Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị. Tại Khoản 4 Điều 2 có nêu: “Công trình ngầm đô thị là

những công trình được xây dựng dưới mặt đất tại đô thị bao gồm công trình công cộng ngầm, các công trình đầu mối kỹ thuật ngầm và các phần ngầm của các công trình xây dựng trên mặt đất, công trình đường dây, cáp, đường ống kỹ thuật ngầm, hào và tuynel kỹ thuật".

3.3. Đề xuất cơ chế ưu đãi

3.3.1. Về hạn chế trong công tác kêu gọi đầu tư công viên

Trên cơ sở Luật Thủ đô ngày 21/11/2012, HĐND Thành phố đã ban hành Nghị quyết số 16/2013/NQ-HĐND ngày 17/7/2013 về chính sách khuyến khích đầu tư công viên, vườn hoa. *Theo đó nhà đầu tư sẽ bỏ kinh phí đầu tư công viên gồm: phần diện tích công cộng không kinh doanh (95%); Phần diện tích kết hợp kinh doanh (5%) nhà đầu tư được Nhà nước cho thuê đất để kinh doanh.*

Do mật độ xây dựng gộp các công trình kiến trúc tối đa không quá 5%; đồng thời quy định trong dự án không bao gồm nhà ở, văn phòng, nhà cho thuê hoặc bất kỳ loại hình kinh doanh bất động sản nào khác. Vì vậy các Nhà đầu tư không mặn mà tham gia, do mật độ xây dựng thấp, kinh phí đầu tư cao.

3.3.2. Sự cần thiết thực hiện xã hội hóa

Khu công viên cây xanh là công trình hạ tầng xã hội phục vụ công cộng, không thu phí sử dụng đối với người dân. Nhà nước có trách nhiệm đầu tư xây dựng để đáp ứng nhu cầu sử dụng theo chỉ tiêu diện tích đất cây xanh công cộng trên đầu người đã được xác định trong quy hoạch. Để đầu tư xây dựng và thực hiện quản lý vận hành, duy tu, duy trì phục vụ công ích cần nguồn kinh phí rất lớn, trong khi ngân sách còn hạn chế.

Việc chủ trương xây dựng cơ chế ưu đãi để khuyến khích các nhà đầu tư tham gia đầu tư công viên theo phương thức xã hội hóa là cần thiết. Khi đó sẽ tăng thêm công viên phục vụ công đồng mà Nhà nước không phải bỏ kinh phí đầu tư. Huy động được nguồn lực xã hội, tăng diện tích đất cây xanh đô thị bình quân đầu người, tăng không gian vui chơi sinh hoạt cộng đồng, nâng cao chất lượng cảnh quan, môi trường,..., khai thác được không gian ngầm phục vụ các tiện ích của xã hội,..vv.

3.3.3. Nội dung đề xuất cơ chế ưu đãi đầu tư công viên

Căn cứ chủ trương của Thành phố, qua quá trình phối hợp, rà soát với các Sở, ngành, quận huyện, Sở Xây dựng đã đề xuất UBND Thành phố cơ chế khuyến khích đầu tư công viên. Tuy nhiên, do pháp luật không quy định nội dung này, UBND Thành phố đã giao Sở Xây dựng phối hợp Sở Tư pháp đề xuất đưa vào dự thảo Luật Thủ đô sửa đổi làm cơ sở thực hiện.

Quá 5 lần chỉnh sửa dự thảo Luật Thủ đô sửa đổi, Sở Xây dựng đã tham gia ý kiến và nội dung dự thảo đề xuất ưu đãi đầu tư công viên đến nay như sau:

“Đề nghị bổ sung 1 khoản vào Điều 32 như sau:

Dự án đầu tư xây dựng công viên, vườn hoa phục vụ công cộng thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo Luật Đầu tư và được hưởng ưu đãi như sau:

a) Được xây dựng, khai thác, kinh doanh trong các lĩnh vực giao thông tỉnh, thương mại, dịch vụ, văn hóa, thể thao, du lịch đối với không gian ngầm phù hợp với quy hoạch và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;

b) Nhà đầu tư được thu giá, phí, lệ phí đối với diện tích kinh doanh dịch vụ theo quy định của pháp luật.”

3.4. Một số tồn tại, khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện

- Về quy định pháp luật chuyên ngành về cây xanh, công viên đô thị: thực hiện theo Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 và Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị (nhằm tổ chức thi hành Điều 68 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009). Tuy nhiên sau hơn 13 năm thực thi, Luật Quy hoạch đô thị năm 2009 và Nghị định số 64/2010/NĐ-CP đã bộc lộ những điểm hạn chế trong thực tiễn quản lý, đặc biệt là thiếu các quy định về quản lý công viên. Bên cạnh đó, vẫn còn nhiều bất cập trong công tác quản lý phát triển cây xanh đô thị để bảo đảm phù hợp, đáp ứng các yêu cầu về tỷ lệ diện tích đất cây xanh đô thị, tạo cảnh quan, môi trường và góp phần vào điều hòa vi khí hậu, tạo mảng xanh đô thị.

- Về hướng dẫn thực hiện quản lý cây xanh: Thông tư số 20/2005/TT-BXD ngày 20/5/2005 về quản lý cây xanh đô thị, được xây dựng trước khi có Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 về Quản lý cây xanh đô thị do đó một số nội dung chưa quy định trong Nghị định gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

- Về chính sách xã hội hóa: Thành phố đã có chủ trương xã hội hóa trong đầu tư phát triển và quản lý, duy trì công viên, cây xanh. Tuy nhiên, việc tham gia công tác xã hội hóa của các tổ chức, cá nhân còn nhiều hạn chế, xuất phát từ chức năng công viên là phục vụ nghỉ ngơi, sinh hoạt công cộng cho người dân nên các loại hình được đầu tư thường không sinh lợi nhiều nên cũng không hấp dẫn nhà đầu tư. Đồng thời chưa có hướng dẫn cụ thể trong công tác kêu gọi đầu tư theo xã hội hóa hệ thống công viên, vườn hoa nên vẫn còn thiếu diện tích đất cây xanh công cộng tại một số khu vực theo quy hoạch.

- Ngày 10/4/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 32/2019/NĐ-CP về việc quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên nên khó khăn trong việc lựa chọn đơn vị thực hiện theo hình thức đấu thầu khi thực hiện các nhiệm vụ cấp bách và cấp trên yêu cầu thực hiện về trồng cây, cắt tỉa và trang trí cây xanh.

- Chưa có kết quả nghiên cứu, đánh giá, lựa chọn chủng loại cây xanh để cung cấp oxy và tích lũy các bon, giảm hiệu ứng nhà kính, hiệu ứng đô thị nhằm đáp ứng, ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm phát thải CO₂, bảo vệ môi trường như: cây xanh có khả năng hấp thụ CO₂, hấp thụ bụi mịn, khí độc và đánh giá hiệu quả kinh tế trong việc giảm phát thải CO₂ để hướng dẫn các địa phương triển khai trồng cây phục vụ bảo vệ môi trường, giảm phát thải nhà kính.

4. Công tác quản lý, khai thác sau đầu tư

Để đảm bảo trong công tác quản lý, duy trì, vận hành các công viên, Hội đồng nhân dân Thành phố Hà Nội đã quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực kinh tế

- xã hội trên địa bàn Thành phố tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022.

Việc giao cho UBND cấp huyện quản lý sau đầu tư tuân thủ theo quan điểm, nguyên tắc:

(1) Bảo đảm sự quản lý thống nhất của chính quyền Thành phố; đồng thời tính chủ động, sáng tạo của các cấp, các ngành, khai thác hiệu và giải phóng nguồn lực của địa phương, đặc biệt là các quận, huyện đã tự đảm bảo được ngân sách.

(2) Đẩy mạnh phân cấp theo phương châm: việc nào, cấp nào giải quyết kịp thời và phục vụ tốt hơn các yêu cầu của tổ chức và người dân thì giao cho cấp đó thực hiện; phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội, khả năng quản lý; phù hợp với điều kiện, khả năng cân đối các nguồn lực cần thiết để thực hiện.

(3) Quy định phân cấp cần có tính ổn định để các cấp có thể chủ động xây dựng quy hoạch, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hằng năm để tổ chức thực hiện hiệu quả (đặc biệt là các nhiệm vụ liên quan đến đầu thầu, đặt hàng).

(4) Việc phân cấp cho các cấp chính quyền địa phương phải bảo đảm điều kiện về tài chính, nguồn lực và các điều kiện cần thiết khác.

5. Định hướng trong thời gian tới

Trong những năm tới, Thành phố yêu cầu cao hơn về quy hoạch cảnh quan kiến trúc, cây xanh được cải tạo, thay thế và trồng mới trên tuyến đường, các công viên, vườn hoa trên địa bàn Thành phố, cụ thể:

- Tiếp tục phát triển hệ thống cây xanh tạo cảnh quan xanh đô thị, đồng bộ với quy hoạch kiến trúc cảnh quan cây xanh, tăng mật độ giúp cải thiện môi trường không khí tạo không gian xanh, tăng sự đa dạng về chủng loại cây trồng, trên các tuyến đường trọng tâm, các trục chính, các trục xuyên tâm và các công viên, vườn hoa, công viên trên địa bàn Thành phố.

- Quản lý, duy trì ổn định hệ thống cây xanh hiện có, chỉnh trang và thay thế dần các cây xanh không đúng chủng loại, cây bị sâu mục, cong, nghiêng, nguy hiểm, già cỗi, cây không đảm bảo an toàn giao thông và cảnh quan đô thị nhằm nâng cao giá trị, tạo chuyển tích cực trong lĩnh vực quản lý cây xanh, đưa hệ thống cây xanh đô thị trở thành một bộ phận quan trọng tạo cảnh quan cho Thành phố; từng bước xây dựng Thủ đô "Hà Nội - Thành phố thanh lịch, Xanh - Sạch - Đẹp, gắn với các tiêu chí đô thị thông minh" nhằm tạo điểm nhấn thành các khu vui chơi hấp dẫn, văn minh phù hợp với chức năng phục vụ theo quy hoạch phát triển đô thị.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong phát triển hệ thống cây xanh đô thị đạt được các tiêu chí cao hơn để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện hiệu quả chất lượng dịch vụ đô thị theo hướng văn minh hiện đại, thông minh, tiết kiệm chi phí và đáp ứng tốt hơn nhu cầu đời sống, sinh hoạt của nhân dân Thủ đô.

6. Đề xuất, kiến nghị

Hệ thống vườn hoa công viên, vườn hoa của Hà Nội trong nhiều năm qua đã phát huy tác dụng cải thiện môi trường, tô đẹp, tạo cảnh quan, mỹ quan đô thị thêm cho Thủ đô. Tuy nhiên, các công viên, vườn hoa ở Hà Nội đã phát triển hơn một thế kỷ; thực tế cho thấy, công viên, vườn hoa cây xanh Hà Nội chưa theo kịp với tốc độ phát triển của đô thị, việc quản lý, bảo vệ và phát triển hệ thống công viên cây xanh chưa tương xứng, chưa đáp ứng được yêu cầu về môi trường và cảnh quan đô thị,... Trên một số địa bàn, tỷ lệ cây xanh, cây trang trí, diện tích xanh còn ít; Việc áp dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực công viên, vườn hoa trên địa bàn còn chưa tương xứng với phát triển đô thị hiện nay. Để đảm bảo trong công tác tổ chức, quy hoạch, quản lý, phát triển, duy trì, bảo vệ hệ thống cây xanh, công viên, vườn hoa hiện nay còn một số vấn đề tồn tại cần phải được điều tra đánh giá một cách khoa học và thực tiễn để có được những bước đi, cách làm và giải pháp cụ thể cho sự phát triển hệ thống vườn hoa công viên, cây xanh đô thị của Thủ đô. Để thực hiện những mục tiêu trên, trong thời gian tới, Thành phố Hà Nội đã đề nghị Bộ Xây dựng cần nghiên cứu, rà soát, hướng dẫn các tỉnh, thành phố thực hiện đồng bộ những giải pháp sau:

(1) Xã hội hoá công tác quản lý và phát triển công viên, vườn hoa, cây xanh đô thị:

- Cần xây dựng chính sách, tiêu chí, tiêu chuẩn, cơ chế chính sách các tỉnh, thành phố làm căn cứ xây dựng phương án cụ thể để thực hiện kêu gọi các nhà đầu tư tham gia vào quản hệ thống cây xanh, công viên, vườn hoa hiện có. Đặc biệt trong các công viên cần có hướng dẫn khai thác hiệu quả các loại hình dịch vụ cung cấp vui chơi, giải trí gắn liền với công viên. Các tỉnh, thành phố chỉ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quy hoạch, thiết kế và phương án kiến trúc cảnh quan; các công việc khác như: cung cấp dịch vụ vui chơi, giải trí, trồng, chăm sóc cây xanh, kinh doanh mặt nước trong công viên để tổ chức đấu thầu kêu gọi tham gia xã hội hóa thực hiện theo từng công viên cụ thể theo quy hoạch được duyệt và quản lý nhà nước theo phân cấp.

- Hướng dẫn các tỉnh, thành phố kêu gọi xã hội hóa đầu tư các công viên, vườn hoa, cây xanh đô thị theo quy hoạch chưa được đầu tư xây dựng tại một số khu vực còn thiếu (theo quy hoạch). Để phục vụ nhu cầu xã hội, người dân đòi hỏi có nhiều công viên, vườn hoa, nhưng kinh phí xây dựng và duy trì cho một công viên là rất lớn, ngân sách Nhà nước khó có thể đáp ứng; việc kêu gọi xã hội hóa cũng chưa đạt hiệu quả, do cơ chế ưu đãi của pháp luật chưa đủ hấp dẫn nhà đầu tư. Vì vậy, để tăng diện tích đất cây xanh thực tế là rất khó, Thành phố Hà Nội đã đề nghị Bộ Xây dựng nghiên cứu, hướng dẫn xây dựng cơ chế ưu đãi đầu tư chung, đủ hấp dẫn để kêu gọi xã hội hóa đầu tư, quản lý vận hành công viên, vườn hoa, cây xanh phục vụ công ích, làm cơ sở để các tỉnh, thành phố thực hiện, nhằm tăng diện tích cây xanh cho đô thị theo tiêu chuẩn.

- Sự tham gia vào cuộc của hệ thống chính trị để phát triển hệ thống cây xanh, công viên, vườn hoa không thể chỉ dựa vào nguồn lực của Nhà nước. Sự tham gia của các doanh nghiệp, các tập đoàn lớn có vị trí quan trọng trong sự phát triển hệ thống công viên, cây xanh.

(2) Hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật:

Để thực hiện tốt công tác quản lý, duy trì, bảo vệ và phát triển hệ thống công viên, cây xanh đô thị cần xây dựng hệ thống các văn bản pháp luật về công viên, cây xanh thống nhất và đồng bộ:

- Cần chuẩn hóa toàn bộ các tiêu chuẩn kỹ thuật, chương trình, kế hoạch, các đề án quy hoạch (từ quy hoạch tổng thể, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế cụ thể,...);

- Cần xây dựng Bộ luật về công viên cây xanh đô thị;

- Cần có “Ngày cây xanh Việt Nam” Ngày cả nước thực hiện trồng cây xanh đô thị;

- Phối hợp cùng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức các lớp giới thiệu, bồi dưỡng, thi nhận thức ở các trường tiểu học và trung học cơ sở về công viên cây xanh, tác dụng của cây xanh trong việc cải tạo môi trường, chống biến đổi khí hậu, giảm hiệu ứng nhà kính, hiệu ứng đô thị;

- Cần xây dựng bộ quy tắc hợp tác, quy định pháp luật trong công tác quản lý công viên, cây xanh đô thị, quy tắc hợp tác nhằm đạt được tính thống nhất cao trong công tác quản lý nhà nước về hệ thống công viên, cây xanh đô thị.

- Cần vận động toàn thể các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện trồng và bảo vệ cây xanh đô thị bằng những hành động việc làm thiết thực như: chăm sóc, bảo vệ cây xanh trước cửa nhà mình, trang trí nhà cửa nội thất, mặt tiền bằng các cây xanh, cây hoa, cây cảnh...

- Cần nghiên cứu, xác định đúng các chủng loại cây xanh phù hợp với đặc điểm về khí hậu, thổ nhưỡng, khả năng chăm sóc và công năng sử dụng làm cây đô thị để cung cấp oxy và tích lũy cacbon, giảm hiệu ứng nhà kính, hiệu ứng đô thị.

- Cần hướng dẫn, xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý hệ thống cây xanh trên nền tảng hệ thống thông tin địa lý GIS và CSDL nền địa lý quốc gia để phục vụ công tác quản lý, giám sát hệ thống cây xanh hoặc xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu về hệ thống cây xanh, công viên trên toàn quốc để các tỉnh, thành phố cập nhật dữ liệu phục vụ công tác quản lý.

KINH NGHIỆM CỦA HÀ GIANG TRONG VIỆC THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI SỐ LĨNH VỰC BẢO TÀNG VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Hà Giang

1. Công tác triển khai hoạt động chuyển đổi số tại Bảo tàng Hà Giang

1.1. Nhận thức về chuyển đổi số

Chuyển đổi số là quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số. Chuyển đổi số là bước phát triển tiếp theo của tin học hóa, có được nhờ sự tiến bộ vượt bậc của những công nghệ mới mang tính đột phá, nhất là công nghệ số.

Trên thế giới, chuyển đổi số bắt đầu được nhắc đến nhiều vào khoảng năm 2015, phổ biến từ năm 2017. Ở Việt Nam, chuyển đổi số bắt đầu được nhắc đến nhiều vào khoảng năm 2018. Từ định hướng, chủ trương của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 52-NQ/TW, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Bảo tàng có vai trò rất quan trọng trong công tác bảo vệ và phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc, thông qua các nhiệm vụ đặc thù như: Nghiên cứu; sưu tầm; kiểm kê; tư liệu hóa; bảo quản và quản lý hiện vật; trưng bày, diễn giải, giáo dục truyền thông di sản văn hóa; hợp tác quốc tế; tổ chức các hoạt động dịch vụ phù hợp với đối tượng và phạm vi hoạt động của bảo tàng.

Đối với bảo tàng tỉnh Hà Giang là đơn vị đang lưu giữ, quản lý trên 14.000 tài liệu hiện vật các loại. Do vậy việc số hóa và từng bước chuyển đổi số được xem là một bước tiến quan trọng để vừa làm tốt công tác lưu giữ, bảo tồn di sản, vừa đem lại những thay đổi tích cực trong việc quảng bá di sản văn hóa hướng tới phát triển du lịch thông minh và đưa di sản đến gần hơn với khách tham quan.

Nhận thức được tầm quan trọng trong việc chuyển đổi số, trong những năm gần đây các hoạt động gắn với lĩnh vực này luôn được đơn vị Bảo tàng Hà Giang quan tâm triển khai thực hiện.

1.2. Công tác triển khai thực hiện chuyển đổi số

Một số hoạt động liên quan đến lĩnh vực chuyển đổi số được Bảo tàng Hà Giang triển khai thực hiện cụ thể như sau:

- Đơn vị đã cử cán chuyên môn nghiệp vụ bảo tàng và cán bộ phụ trách về công nghệ thông tin tham gia các lớp tập huấn về chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa có kiến thức về dữ liệu số, dữ liệu mở... góp phần tích cực trong việc áp dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn như: Thực hiện Văn bản số 6106/BTTTT-CĐSQG ngày 08/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về triển khai các khóa học bồi

dưỡng về chuyên đổi số. Thực hiện Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh Hà Giang về việc triển khai Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Quyết định số 4788/QĐ-BVHTTDL ngày 24/12/2018 về việc phê duyệt Đề án “Đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động bảo tàng gắn với phát triển du lịch”. Bảo tàng tỉnh đã triển khai thực hiện số hóa hồ sơ, tài liệu hiện vật; Bổ sung thông tin trên phần mềm quản lý hiện vật nhằm tạo cơ sở dữ liệu bảo tàng phục vụ trong việc chỉnh lý nội dung và hình thức trưng bày Bảo tàng tỉnh Hà Giang thuộc dự án: “Cải tạo, nâng cấp Nhà bảo tàng tỉnh Hà Giang” với tổng kinh phí đầu tư 106,223 tỷ đồng theo Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Hà Giang. Trong đó đặc biệt quan tâm đến việc ứng dụng công nghệ số trong công tác trưng bày giúp cho khách tham quan được thụ hưởng các kết quả do chuyển đổi số mang lại.

- Duy trì hoạt động hiệu quả cung cấp bổ sung thông tin trên Hệ thống thông tin Quản lý bảo tàng và Hệ thống thông tin quản lý Di sản văn hóa phi vật thể do Cục Di sản văn hóa triển khai. Thực hiện các dịch vụ công trực tuyến tích hợp gắn với Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Triển khai chương trình Văn phòng điện tử VNPT-Ioffice giúp cho công tác phát hành văn bản của đơn vị thuận tiện. Toàn bộ viên chức, người lao động Bảo tàng tỉnh có tài khoản Ioffice, thường xuyên theo dõi cập nhật thông tin và triển khai công việc hiệu quả.

2. Kết quả thực hiện

2.1. Công tác số hóa tài liệu hiện vật, hồ sơ di tích, danh thắng và di sản văn hóa phi vật thể xây dựng dữ liệu số

- Chuyển đổi dữ liệu, tài liệu sang định dạng kỹ thuật số: Số hóa các loại sổ kiểm kê hiện vật (21 quyển), Scan hiện vật giấy là 3.253 tài liệu, hiện vật, Scan phim là 3.435 file; Chụp hiện vật 4.762 ảnh; Scan tài liệu hồ sơ 4.520 file; Tài liệu khác 5.875; Sao lưu 4 đĩa phim chuyên dạng file; Nhập dữ liệu trên 8.000 hiện vật vào phần mềm quản lý. Lưu trữ dữ liệu trên hệ thống máy tính, ổ cứng di động, hệ thống đám mây giúp cho việc tra cứu truy xuất thông tin dễ dàng, hiệu quả.

- Bổ sung thông tin trên Hệ thống thông tin Quản lý bảo tàng và Hệ thống thông tin quản lý Di sản văn hóa phi vật thể do Cục Di sản văn hóa triển khai. Đến nay đã cập nhật dữ liệu 8.309 hiện vật, cập nhật 108 thông tin, trong đó: Thông tin chung: 12; Thông tin nhân sự: 25; Thông tin chuyên ngành: 53.

2.2. Công tác chuyển đổi số gắn với hoạt động trưng bày

Bảo tàng Hà Giang là công trình văn hóa - lịch sử có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, góp phần gìn giữ, bảo tồn, quảng bá, phát huy giá trị văn hóa, lịch sử của đồng bào, nhân dân các dân tộc trong tỉnh được thiết kế trang trí nội, ngoại thất theo

nguyên tắc bảo tàng học hiện đại, ứng dụng công nghệ số tạo hiệu ứng trực quan, sinh động, hướng đến trải nghiệm ấn tượng, sâu sắc cho khách tham quan. Do đó, phần lớn hệ thống trang thiết bị đều thuộc những loại hình thiết bị chuyên dụng, đặc chủng và hiện đại. Những thiết bị đó theo đánh giá của các chuyên gia đã đáp ứng cho việc trưng bày quản lý và khai thác vận hành bảo tàng một cách hiệu quả và an toàn, đảm bảo tính đồng bộ, hiện đại theo tiêu chuẩn, có độ bền, độ tin cậy cao; đảm bảo hiệu quả kinh tế, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường.

Hệ thống trang thiết bị nghe nhìn: Bảo tàng sử dụng công nghệ, trang thiết bị nghe nhìn hiện đại để cung cấp thông tin, tư liệu; tra cứu; phục vụ các hoạt động đa dạng, sôi động, có tính tương tác, khám phá; đáp ứng nhu cầu sử dụng cho hội nghị, hội thảo, thuyết trình, trình diễn... Cụ thể gồm: 01 màn hình 3D Mapping, 01 màn hình cong trình chiếu khổ lớn; 19 màn hình ti vi chiếu phim các chủ đề; 06 màn hình cảm ứng các loại để tra cứu thông tin và phục vụ du khách trải nghiệm; Hệ thống thuyết minh tự động audio guide giới thiệu 150 câu chuyện chuyên sâu, gồm thiết bị thuyết minh 3 ngôn ngữ (Anh, Việt, Pháp) và tai nghe kèm theo....

- Hệ thống âm thanh, hình ảnh phục vụ trưng bày và các công năng khác; phục vụ mục đích thông tin, thông báo; phục vụ các hoạt động văn hóa, trình diễn...; các thiết bị tương tác phục vụ cho trưng bày và các hoạt động khác.

- Hệ thống điều hòa nhiệt độ và kiểm soát môi trường cho kho hiện vật, khu vực bảo quản, đặc biệt là khu vực trưng bày. Hệ thống thiết bị chiếu sáng kỹ thuật, mỹ thuật cho toàn bộ hệ thống trưng bày được đảm bảo các thông số.

- Xây dựng Hệ thống quét mã QR Code để khách tham quan xem thông tin hiện vật, bằng cách tương tác kết hợp thuyết minh tự động. Với điện thoại hoặc máy tính bảng có kết nối internet và trả phí tải ứng dụng, khách tham quan có thể tự do khám phá hiện vật tiêu biểu trên hệ thống trưng bày thường xuyên của Bảo tàng.

2.3. Công tác chuyển đổi số gắn với hoạt động truyền thông

- Bước đầu triển khai đặt mã quét QR giới thiệu về bảo tàng đặt tại các địa điểm công cộng, các khách sạn, nhà hàng, cơ sở lưu trú trên địa bàn thành phố Hà Giang và tiến tới mở rộng đến các huyện giúp khách du lịch dễ dàng tiếp cận nguồn thông tin với hai ngôn ngữ Việt - Anh.

- Ngoài ra Bảo tàng còn giới thiệu đăng tải thông tin, quảng bá giới thiệu nhiều bài viết, hình ảnh, phim khoa học giới thiệu hiện vật, di tích trên Website của ngành và trang Fanpage của Bảo tàng. Đẩy mạnh hoạt động truyền thông trực tuyến, tổ chức các chương trình quảng bá, phát triển công chúng; xây dựng mạng lưới tổ chức, cá nhân có liên quan để phát triển hoạt động bảo tàng trên không gian số.

3. Kinh nghiệm chuyển đổi số, giải pháp thực hiện và kiến nghị đề xuất

3.1. Kinh nghiệm chuyển đổi số

Theo xu hướng hiện nay, việc thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực bảo tàng để thu hút khách tham quan là điều tất yếu và bảo tàng Hà Giang không nằm ngoài

quỹ đạo đó. Dựa trên nguồn kinh phí, nghiên cứu nắm bắt tình hình thực tế bảo tàng đang tiến hành thực hiện và hướng tới mục tiêu cao hơn, với các hoạt động theo từng giai đoạn gắn với hoạt động trưng bày như:

- Ứng dụng di động: Cung cấp ứng dụng di động với hướng dẫn địa điểm, thông tin chi tiết về hiện vật và các tính năng tương tác như Quizzing để kiểm tra kiến thức.

- Thực tế ảo (VR) và Thực tế ảo mở rộng (AR): Sử dụng kính VR hoặc AR để tạo ra trải nghiệm ảo như bảo tàng ảo hoặc hiển thị thông tin bổ sung khi người xem nhìn vào hiện vật.

- Trạm tương tác: Đặt các trạm tương tác trong bảo tàng nơi khách hàng có thể xem video, chơi trò chơi liên quan đến triển lãm hoặc thậm chí thử nghiệm các mô hình 3D của hiện vật.

- Trải nghiệm đa phương tiện: Sử dụng màn hình cảm ứng, video và âm thanh để giới thiệu thông tin bổ sung về triển lãm và hiện vật.

- Cộng đồng trực tuyến: Xây dựng cộng đồng trực tuyến nơi khách hàng có thể thảo luận, chia sẻ hình ảnh và trải nghiệm của họ với bảo tàng.

- Hệ thống Quản lý tri thức: Sử dụng hệ thống quản lý tri thức để lưu trữ và cập nhật thông tin, giúp bảo tàng duy trì nội dung số đầy đủ và chính xác. Những yếu tố này cùng nhau tạo ra một trải nghiệm đa chiều và tương tác, thúc đẩy sự hiểu biết và tương tác sâu sắc với nội dung của bảo tàng.

Kinh nghiệm của bảo tàng Hà Giang: Là bảo tàng tổng hợp địa phương, được xếp hạng II, trong quá trình nghiên cứu tiếp cận trên lĩnh vực chuyển đổi số kết quả đạt được còn hạn chế, kinh nghiệm chưa nhiều, tuy nhiên bảo tàng Hà Giang nhận ra rằng muốn thực hiện tốt chuyển đổi số đòi hỏi phải có kế hoạch chu đáo và linh hoạt, bắt đầu bằng việc đào tạo nhân viên và tạo lập một lộ trình rõ ràng để tích hợp công nghệ mới. Tận dụng phản hồi, học kinh nghiệm giữa các bảo tàng và duy trì sự tương tác để nâng cao quá trình chuyển đổi, điều đó được thể hiện ở một số hoạt động cụ thể như:

- Đánh giá hiện trạng: Xác định tình trạng công nghệ hiện tại của đơn vị để đề xuất những cải tiến cụ thể.

- Kế hoạch chi tiết: Xây dựng một kế hoạch chuyển đổi với các bước cụ thể, mục tiêu ngắn hạn và dài hạn cũng như nguồn lực cần thiết.

- Đào tạo nhân viên: Cung cấp đào tạo chuyên sâu về công nghệ mới cho nhân viên bảo tàng và khuyến khích sự học hỏi liên tục.

- Lựa chọn công nghệ phù hợp: Chọn những giải pháp công nghệ phù hợp với nhu cầu cụ thể của đơn vị để tối ưu hóa hiệu suất.

- Thực hiện từ từ: Phân phối chuyển đổi một cách từ từ để giảm thiểu tác động tiêu cực lên hoạt động của bảo tàng.

- Tổ chức theo dõi và đánh giá: Thiết lập hệ thống theo dõi để đánh giá tiến triển và thực hiện điều chỉnh cần thiết.

- Kết nối: Tạo kênh giao tiếp mở để nhận phản hồi và giải quyết vấn đề một cách hiệu quả trong quá trình chuyển đổi.

- Bảo mật thông tin: Bảo vệ thông tin quan trọng bằng cách triển khai biện pháp bảo mật mạnh mẽ để ngăn chặn rủi ro.

- Chủ động áp dụng cải tiến: Khuyến khích sự sáng tạo và chủ động áp dụng các cải tiến công nghệ mới.

- Hỗ trợ và đổi mới liên tục: Tạo điều kiện để nhân viên đề xuất và thử nghiệm những ý tưởng mới, đồng thời duy trì tinh thần đổi mới liên tục.

3.2. Giải pháp thực hiện

3.2.1. Giải pháp về quản lý, chỉ đạo, điều hành

- Xây dựng định mức chi cho một số hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, trong đó có hoạt động chuyển đổi số để làm căn cứ xây dựng dự toán kinh phí thực hiện hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan và chuyên sâu về chuyển đổi số để thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng.

3.2.2. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng nguồn nhân lực bảo tàng nhằm đáp ứng yêu cầu cả về số lượng và chất lượng trong hoạt động bảo tàng và hoạt động chuyển đổi số.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu di sản văn hóa để có cơ sở đề xuất kịp thời với cơ quan quản lý nhà nước có những cơ chế, chính sách phù hợp với tình hình thực tế của bảo tàng.

3.2.3. Giải pháp về tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật trong các hoạt động bảo tàng

- Xây dựng cơ sở dữ liệu, nội dung số về lịch sử xã hội, tự nhiên và các dữ liệu số về di sản văn hóa thuộc phạm vi, đối tượng nghiên cứu, trưng bày của bảo tàng.

- Thường xuyên cập nhật thông tin số cho cơ sở dữ liệu, thực hiện việc cập nhật thường xuyên bổ sung và nâng cao cơ sở dữ liệu của bảo tàng.

- Phát triển nội dung số đa dạng và chất lượng, gồm tài liệu số, phim, ảnh động, ảnh tĩnh, tư liệu chất lượng cao và phong phú về di sản văn hóa địa phương. Kết hợp các phương tiện truyền thông hiện đại để truyền tải thông điệp về di sản và lịch sử.

- Đổi mới, sáng tạo những trải nghiệm, trò chơi mới ch khách tham quan với các giao diện thân thiện, dễ sử dụng, trực quan sinh động để tăng cường sự hấp dẫn và tương tác của khách tham quan, đặc biệt là thế hệ trẻ.

3.2.4. Giải pháp về tăng cường sự gắn kết hoạt động của bảo tàng với du lịch và hoạt động tuyên truyền quảng bá

- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa bảo tàng với các doanh nghiệp du lịch, trong đó quan tâm đến việc đánh giá các hoạt động để từ đó xác định phương hướng, nhiệm vụ và có kế hoạch triển khai thực hiện nhằm đạt hiệu quả.

- Gắn kết các hoạt động của bảo tàng với các doanh nghiệp du lịch trên cơ sở thực hiện minh bạch về trách nhiệm và quyền lợi của hai bên, vì sự phát triển chung của sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị các loại hình di sản văn hóa và phát triển du lịch.

- Thường xuyên kết hợp với cơ quan thông tin truyền thông để tuyên truyền, quảng bá về bảo tàng với nội dung và hình thức hấp dẫn, phù hợp với các đối tượng được gắn kết với việc giới thiệu, quảng bá các điểm du lịch.

- Mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động giới thiệu, quảng bá về hoạt động của bảo tàng thông qua website, mạng xã hội.

4. Kiến nghị đề xuất

- Việc chuyển đổi số trong hoạt động của bảo tàng Hà Giang được triển khai thực hiện là một xu hướng tất yếu, tuy nhiên đơn vị cũng gặp phải không ít khó khăn như thiếu về nguồn nhân lực, kinh phí hoạt động, đặc biệt là kinh phí đầu tư trang thiết bị ứng dụng công nghệ do vậy chỉ đáp ứng được một phần trong tổng số các hoạt động có thể triển khai.

Dựa trên điều kiện thực tế bảo tàng Hà Giang kiến nghị đề xuất một số nội dung sau:

- Các cấp, các ngành từ địa phương đến trung ương quan tâm hơn nữa đối với đơn vị trong việc đào tạo nguồn lực;

- Có nhiều chương trình tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số, làm chủ các công nghệ số;

- Bảo đảm cấp nguồn kinh phí hoạt động cho hoạt động của bảo tàng nói chung và hoạt động chuyển đổi số nói riêng;

- Đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị tiên tiến hiện đại giúp cho việc tiếp cận, triển khai trong lĩnh vực chuyển đổi số được thực hiện tốt hơn./.

KINH NGHIỆM CỦA VĨNH PHÚC TRONG XÂY DỰNG, TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO ĐỂ NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VĂN HÓA TINH THẦN CHO CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Vĩnh Phúc

Trong những năm qua, cùng với sự phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, đội ngũ công nhân lao động của tỉnh ngày càng tăng nhanh. Hiện nay, Vĩnh Phúc đã quy hoạch xây dựng 19 khu công nghiệp, tổng diện tích gần 5.500 ha được phân bố hợp lý trên địa bàn (14/14 khu công nghiệp (KCN) được thành lập; 08 khu công nghiệp đi vào hoạt động), thu hút 413 dự án đầu tư (339 dự án FDI), tạo việc làm cho trên 123.000 lao động. Hầu hết lao động làm việc trong các khu công nghiệp là lao động trẻ, chưa lập gia đình, số lao động có gia đình chiếm khoảng 30 - 35% so với tổng số lao động.

Tỉnh đã có nhiều Nghị quyết, cơ chế, chính sách dành quỹ đất, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao để phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hóa của Nhân dân nói chung và công nhân lao động ở các khu công nghiệp nói riêng. Đời sống của công nhân lao động, nhất là công nhân lao động trong các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đã ổn định và ngày càng được cải thiện. Việc nâng cao mức hưởng thụ văn hóa, tinh thần và phát huy vai trò làm chủ của người dân, công nhân lao động trong xây dựng đời sống văn hóa, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu; định hướng người dân hướng tới các giá trị văn hóa lành mạnh, bổ ích; quan tâm đến đời sống văn hóa của công nhân lao động được các cấp chính quyền tỉnh Vĩnh Phúc chỉ đạo đồng bộ, quyết liệt; không chỉ là thoả mãn nhu cầu chính đáng, hợp pháp của công nhân lao động, mà còn là biện pháp thúc đẩy sản xuất, tăng năng suất lao động, góp phần cải thiện môi trường đầu tư của tỉnh.

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của trung ương, trong những năm qua tỉnh Vĩnh Phúc đã ban hành nhiều chính sách đặc thù đầu tư cho hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp như: Hỗ trợ 100% kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng xây dựng Trung tâm văn hóa xã (2 tỷ đồng/xã), nhà văn hóa thôn (100 triệu đồng/thôn); hỗ trợ kinh phí xây dựng Trung tâm văn hóa xã miền núi (1 tỷ đồng/xã miền núi); hỗ trợ kinh phí xây dựng Nhà luyện tập thể dục, thể thao (TĐTT) xã (1 tỷ đồng/xã); hỗ trợ kinh phí xây dựng sân thể thao đơn giản (20 triệu đồng/thôn); hỗ trợ kinh phí mua sắm trang thiết bị hoạt động nhà văn hóa (NVH) xã, thôn (30 triệu/NVH xã, 40 triệu/NVH thôn đồng bằng, 50 triệu/NVH thôn miền núi); hỗ trợ kinh phí hoạt động thể thao hằng năm (10 triệu đồng/xã; 8 triệu đồng/thôn); hỗ trợ kinh phí lắp đặt dụng cụ thể thao đơn giản cấp xã, thôn (180 triệu đồng/xã; 120 triệu đồng/thôn); hỗ trợ xây dựng Khu thiết chế văn hóa, thể thao Làng Văn hóa kiểu mẫu và các công trình phụ trợ (15 tỷ đồng/làng) ...

Hiện nay 100% huyện, thành phố (9/9) có Trung tâm văn hóa cấp huyện được

xây dựng quy mô, hiện đại; 100% xã, phường, thị trấn (136/136) có nhà văn hóa, trong đó có 117 Trung tâm văn hóa, thể thao cấp xã với đủ các hạng mục: Nhà văn hóa xã, Nhà luyện tập thể thao, Sân thể thao, sân khấu ngoài trời, Khu vệ sinh, diện tích cây xanh, đường đi, lối dạo... với diện tích từ 10.000 đến 15.000 m²; 100% thôn, tổ dân phố (1.237/1.237) có nhà văn hóa, khu thể thao được lắp đặt các dụng cụ TDTT ngoài trời và đặc biệt trong đó có 23 thôn và 05 tổ dân phố xây dựng Làng Văn hóa kiểu mẫu, đã được đầu tư xây dựng toàn diện với các công trình đảm bảo chất lượng và diện tích đạt từ 5.000 m² trở lên.

Các thiết chế văn hóa, các công trình phục vụ riêng công nhân lao động hiện có trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc : Nhà văn hóa công nhân KCN Khai Quang (Vĩnh Yên) với tổng diện tích 2.500m² gồm các hạng mục: 1.700m² làm sân bóng đá và khuôn viên cây xanh, nhà văn hóa 03 tầng diện tích 500m², 3 sân cầu lông, 2 sân bóng bàn, các phòng tập thể hình, phòng Erobic. Hiện nay, tỉnh đang tiến hành xây dựng nhà văn hóa công nhân trên địa bàn huyện Bình Xuyên, tiếp tục lập kế hoạch khởi công xây dựng các thiết chế văn hóa tại các huyện Vĩnh Tường, Tam Dương và thành phố Phúc Yên, mở rộng nhà văn hóa KCN Khai Quang; xây dựng Khu thiết chế Công đoàn do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đầu tư tại xã Bá Hiến (Bình Xuyên) có quy mô 4ha với tổng mức đầu tư 310 tỷ đồng theo Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Song song với việc đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ Nhân dân nói chung, công nhân lao động nói riêng, tỉnh Vĩnh Phúc tiếp tục quan tâm, dành kinh phí cho các hoạt động văn hóa, thể thao, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho Nhân dân, công nhân, trong các khu, cụm công nghiệp, các hoạt động được tổ chức phong phú tại các thiết chế văn hóa nhằm phát huy hiệu quả hoạt động Trung tâm văn hóa xã, nhà văn hóa - khu thể thao thôn, nhà văn hóa công nhân thu hút đông đảo Nhân dân và công nhân lao động tham gia, cụ thể: Tổ chức biểu diễn nghệ thuật tại các xã, phường, thị trấn 210 buổi/năm; Biểu diễn nghệ thuật tại các khu, cụm công nghiệp: 50 buổi/năm; chiếu phim lưu động phục vụ công nhân: 75 buổi/năm; tổ chức các giải thể thao dành cho công nhân: 2 giải/năm (*theo Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 27/4/2021 của UBND tỉnh về tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho nhân dân nông thôn, miền núi và công nhân các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc, giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030*). Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi giải trí dành cho công nhân lao động đã được các cấp, các ngành, địa phương, doanh nghiệp tổ chức sôi nổi mỗi dịp “Tháng Công nhân”, “Tết Sum vầy” hằng năm và các ngày lễ lớn của đất nước bằng nhiều hình thức phong phú. Các hoạt động thể thao được tổ chức thường xuyên qua đó thúc đẩy phong trào tập luyện thể dục, thể thao trong quần chúng Nhân dân, trong đó có công nhân, người lao động, góp phần tăng cường sức khỏe, thể lực, trí lực, nâng cao hiệu quả làm việc của công nhân, người lao động, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội chung của tỉnh.

Bên cạnh việc đưa các sản phẩm văn hóa vào phục vụ công nhân lao động, Vĩnh Phúc còn chú trọng việc lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của công nhân lao động.

Vì vậy, ngoài các chương trình biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, còn có chương trình “Hát cho công nhân nghe - nghe công nhân hát” được tổ chức thường xuyên, nhận được sự tham gia, hưởng ứng tích cực của đội ngũ công nhân. Ở sân chơi này, công nhân lao động được giao lưu, thể hiện năng khiếu, tình yêu âm nhạc, cuộc sống thông qua các tiết mục tự biên, tự diễn, các tác phẩm âm nhạc ca ngợi quê hương, tình yêu, con người, qua đó thêm yêu cuộc sống, là nguồn năng lượng tích cực để lao động, phấn đấu. Các diễn đàn giao lưu về chủ đề “Giữ lửa yêu thương” nhân Ngày Quốc tế Hạnh phúc 20/3, ngày Gia đình Việt Nam 28/6 được các cấp, ngành phối hợp tổ chức, công nhân lao động nhiệt tình tham gia.

Các mô hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao tại cơ sở phát triển mạnh theo cơ chế tự quản, chủ yếu theo mô hình CLB, có tổ chức hoạt động và sinh hoạt định kỳ, có học tập biểu diễn giao lưu, trao đổi nghiệp vụ nâng cao hiệu quả. Đây là một trong những loại hình văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được nhiều đối tượng người dân tham gia, trong đó có các tầng lớp công nhân, người lao động, góp phần tạo sân chơi bổ ích, rèn luyện sức khỏe cho các tầng lớp nhân dân.

Các hoạt động CLB, dân vũ thể thao phát triển sôi nổi, sâu rộng trong đời sống người dân tại các địa phương. Toàn tỉnh Vĩnh Phúc hiện có 133 CLB dân vũ, 556 CLB văn hóa, văn nghệ, 751 CLB thể dục, thể thao. Mỗi CLB dân vũ, dân vũ thể thao thường có từ 30 - 60 hội viên. Các CLB được thành lập tự phát, do các thành viên cùng đóng góp công sức, kinh phí xây dựng phong trào và duy trì tập luyện, tham gia giao lưu, hội diễn. Các thành viên tham gia ở nhiều lứa tuổi, nghề nghiệp khác nhau: người nội trợ, công nhân, cán bộ, công chức, lao động tự do, hưu trí...

Từ thực tế triển khai xây dựng, tổ chức các hoạt động phát huy vai trò của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở nói chung, thiết chế trong các khu công nghiệp nói riêng, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho Nhân dân, công nhân lao động, tỉnh Vĩnh Phúc xin chia sẻ một số bài học kinh nghiệm sau:

Một là: Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các ngành, các cấp trong việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và tỉnh về nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, công nhân lao động.

Hai là: Đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục, phổ biến, quán triệt quan điểm chỉ đạo, lãnh đạo của Đảng đến đảng viên và Nhân dân Nghị quyết Trung ương 9 (khoá XI) về xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Tập trung tuyên truyền, phổ biến các chính sách nhằm khuyến khích, tạo điều kiện phát triển đa dạng các loại hình văn hóa, thể dục, thể thao. Đưa mục tiêu phát triển văn hóa cơ sở, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao vào Nghị quyết, kế hoạch của các cấp ủy Đảng, chính quyền để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện.

Ba là: Chú trọng công tác tham mưu, ban hành các cơ chế, chính sách, quan tâm, tăng cường đầu tư nguồn lực, xây dựng, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, góp phần quan trọng tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao mức hưởng thụ văn hóa tinh thần cho Nhân dân và công nhân lao động.

Bốn là: Huy động nguồn lực xã hội hóa cho tổ chức hoạt động tại các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ Nhân dân và công nhân lao động. Thường xuyên tổ chức các giải thể thao, thi đấu giao hữu giữa các doanh nghiệp, nâng cao chất lượng vận động viên, tổ chức nhiều môn thi, thu hút đông đảo lực lượng tham gia thi đấu và cổ vũ.

Năm là: Chú trọng yếu tố con người. Duy trì hoạt động phong trào thông qua mô hình các câu lạc bộ sở thích. Đa dạng hóa các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao thu hút đông đảo người dân tham gia./.

MỘT SỐ KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN BẢO TÀNG TỰ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế

Nghị quyết số 54-NQ/TW của Bộ Chính trị xác định xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn 2045 là trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản Cố đô và bản sắc văn hóa Huế. Vì vậy, Thừa Thiên Huế luôn ý thức sâu sắc giá trị văn hóa truyền thống là tài sản vô giá của các thế hệ tiền nhân để lại cho thế hệ hôm nay và mai sau, có ý nghĩa quan trọng trong việc giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ, góp phần vào tăng trưởng kinh tế thông qua phát triển các loại hình công nghiệp văn hóa, các hoạt động du lịch, dịch vụ. Từ thực trạng công tác gìn giữ, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, bài viết đề cập những kinh nghiệm phát triển hệ thống bảo tàng ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, đồng thời nêu ra những vấn đề bất cập, khó khăn và kiến nghị đề xuất triển khai hiệu quả các chính sách để phát triển hệ thống bảo tàng ngoài công lập trong bối cảnh hiện nay.

1. Thực trạng hệ thống bảo tàng ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Từ hơn 700 năm trước, trước khi sáp nhập vào Đại Việt, Thừa Thiên Huế đã là vùng đất tích tụ nhiều giá trị văn hóa lịch sử. Năm 1306, trở về với Tổ quốc với tư cách là một phần của châu Hóa, Huế được xem là “đất phen đậu” của nhà Trần, rồi từng bước trở thành một trung tâm mới của đất nước ở phương nam trong các thế kỷ tiếp theo. Với vị trí trọng yếu, là địa bàn mang tính chiến lược nên Huế được lựa chọn để xây dựng trở thành trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa..., tương ứng với thời kỳ Thừa Thiên Huế đóng vai trò là thủ phủ Đàng Trong (1636 - 1775), rồi kinh đô của 2 triều đại Tây Sơn và nhà Nguyễn (1788 - 1945). Chính điều này đã tạo tiền đề làm cho Huế có mật độ di sản dày đặc, nhiều loại hình phong phú. Ngày nay, Huế là Cố đô duy nhất ở Việt Nam còn bảo lưu được khá nguyên vẹn tổng thể kiến trúc thành quách, cung điện, lăng tẩm, đàn miếu...; cùng hàng vạn hiện vật, cổ vật đặc biệt quý hiếm. Huế cũng là nơi có di tích lưu niệm về Chủ tịch Hồ Chí Minh, hệ thống di tích lịch sử cách mạng vô cùng quý giá. Di sản Huế là nơi hội tụ trí tuệ của cả dân tộc mà đỉnh cao là 7 di sản đã được UNESCO vinh danh: Quần thể Di tích Cố đô Huế (1993); Nhã nhạc - Âm nhạc cung đình Việt Nam (2003), Mộc bản triều Nguyễn (2009), Châu bản triều Nguyễn (2014), Thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế (2016), Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ (2016), Nghệ thuật Bài Chòi Trung Bộ (2017). Toàn tỉnh có gần 1000 công trình, địa điểm được kiểm kê, trong đó có 03 quần thể/hệ thống di tích cấp quốc gia đặc biệt, 89 di tích cấp quốc gia, 94 di tích cấp tỉnh.

Sự hội tụ, kết tinh của di sản Huế còn được thể hiện qua nhiều loại hình di sản độc đáo như: Ca Huế, Ca kịch Huế, Tuồng, lễ hội, làng nghề thủ công truyền thống... thể hiện đời sống tinh thần của cư dân xứ Huế qua nhiều giai đoạn lịch sử khác nhau. Trên địa bàn tỉnh, có 3 di sản đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

đưa vào danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia: Ca Huế (2015), Nghề dệt Dèng của dân tộc Tà Ôi (2016) và Lễ hội truyền thống A Da Koonh (Mừng lúa mới) của người Pa Cô.

Bên cạnh sự tồn tại của 05 bảo tàng công lập (Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế; Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế; Bảo tàng Lịch sử Thừa Thiên Huế; Bảo tàng Mỹ Thuật Huế; Bảo tàng Thiên nhiên duyên hải miền Trung) và các nhà trưng bày cho thấy Huế là một trong những trung tâm có hệ thống bảo tàng độc đáo, phong phú về loại hình. Hiện nay, các bảo tàng công lập Huế đang lưu giữ **67.658** tư liệu hiện vật, trong đó có 10 nhóm hiện vật và hiện vật (gồm 35 hiện vật) được Thủ tướng Chính phủ công nhận là bảo vật quốc gia¹ Những năm gần đây hệ thống các bảo tàng ngoài công lập đang dần hình thành tại Huế: Bảo tàng Đồ sứ ký kiểu thời Nguyễn, Bảo tàng Nghệ thuật thêu XQ, Bảo tàng Gốm cổ Sông Hương, Bảo tàng Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, Bảo tàng Mỹ thuật Cecile Le Phạm, đây được xem như là một nguồn năng lượng mới trong tổ chức hoạt động bảo tàng.

1.1. Bảo tàng Đồ sứ ký kiểu thời Nguyễn là bảo tàng ngoài công lập đầu tiên tại tỉnh Thừa Thiên Huế, địa chỉ số 114 Mai Thúc Loan, thành phố Huế². Bảo tàng có diện tích 379,6 m², diện tích xây dựng 226,9 m², diện tích trưng bày 120 m², diện tích kho bảo quản 40 m². Bảo tàng Đồ sứ ký kiểu thời Nguyễn đang trưng bày và lưu giữ các bộ sưu tập có giá trị từ thế kỷ I đến thế kỷ XX như: Bộ sưu tập đồ sứ ký kiểu thời Nguyễn (1802 - 1945) gồm các vật phẩm bằng sứ phục vụ sinh hoạt của hoàng gia, triều đình được gửi kiểu thức đặt làm tại các lò sứ danh tiếng của Trung Quốc, Châu Âu, Nhật Bản dưới các triều vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, Thành Thái, Khải Định; Bộ sưu tập các sản phẩm thủ công mỹ nghệ bằng vàng, ngọc, ngà voi, gỗ khảm xà cừ... thời Nguyễn; Bộ sưu tập đồ gốm Việt Nam từ thế kỷ X - XX; Bộ sưu tập tứ thú người Việt - Vật phẩm ăn trầu, hút thuốc, thưởng trà, uống rượu...

1.2. Bảo tàng Nghệ thuật thêu XQ hoạt động trước đây tại địa chỉ số 01 đường Phạm Hồng Thái³. Bảo tàng khi đi vào hoạt động có diện tích 929,7 m², trong đó diện tích trưng bày và nhà làm việc 332,5 m². Bảo tàng trưng bày gần 500 tác phẩm, hiện vật, tranh ảnh, tài liệu gồm các thể loại chính: Tranh thêu, tranh thêu 2 mặt, điêu khắc chỉ và các hiện vật liên quan đến nghề thêu, được thể hiện qua 3 chủ đề chính: “*Cơ thể nghề thêu*”; “*Giương mặt nghề thêu*”; “*Một tiếng nói cho nghề thêu*”... Sự ra đời của Bảo tàng Nghệ thuật thêu XQ đã tạo thêm một điểm nhấn du lịch độc đáo, trở thành điểm đến hấp dẫn, mới lạ cho du khách trong và ngoài nước, góp phần thúc đẩy phát triển du lịch, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thừa Thiên Huế. Hiện nay, do nhu cầu quy hoạch và phát triển của tỉnh nên UBND tỉnh đã thu hồi vị trí nhà đất tại số 01 Phạm Hồng Thái (địa điểm đặt Bảo tàng Nghệ thuật thêu XQ), dự kiến trong thời gian tới sẽ bố trí bảo tàng này tại một vị trí phù hợp.

1.3. Bảo tàng Gốm cổ Sông Hương hoạt động tại địa chỉ số 120 Nguyễn Phúc

¹ Bộ Cửu vị thần công, Bộ Cửu đình, Đại hồng chung chùa Thiên Mụ, Bia Khiêm Cung Ký, Bộ sưu tập vạc đồng thời Chúa Nguyễn, Ngai vua triều Nguyễn, Áo Tê giao, Bia Ngự kiến Thiên Mụ tự (do Trung tâm Bảo tồn Di tích Cổ đô Huế quản lý) và Bộ chóp tháp Champa Linh Thái, Bệ thờ Vân Trạch Hòa (do Bảo tàng Lịch sử Thừa Thiên Huế quản lý).

² Được thành lập theo Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2012.

³ Được thành lập theo Quyết định số 3472/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Nguyên, thành phố Huế⁴. Bảo tàng Gốm cổ sông Hương có số lượng 2.410 hiện vật, gồm 04 bộ sưu tập chính: Bộ sưu tập sành (2017 hiện vật), Bộ sưu tập đất nung (35 hiện vật), Bộ sưu tập bán sứ (38 hiện vật), Bộ sưu tập sành sứ (320 hiện vật), cùng hàng ngàn hiện vật khác chưa được kiểm kê và đăng ký. Từ khi ra đời đến nay, Bảo tàng đã phát huy tính năng động, sáng tạo, chủ động trong việc tổ chức trưng bày và tổ chức nhiều hoạt động phong phú, qua đó thu hút đông đảo các nhà nghiên cứu, sinh viên học sinh và du khách đến nghiên cứu, tham quan tại bảo tàng.

1.4. Bảo tàng Đại tướng Nguyễn Chí Thanh tại địa chỉ số 144 Đặng Thái Thân, phường Thuận Hòa, thành phố Huế⁵. Ngày 02 tháng 7 năm 2022, Bảo tàng Đại tướng Nguyễn Chí Thanh tại Thừa Thiên Huế tổ chức lễ khánh thành và chính thức đi vào hoạt động. Bảo tàng trưng bày 395 hình ảnh, tư liệu, hiện vật, gồm 06 chủ đề chính: Gia đình, quê hương, tuổi trẻ (1934 - 1937); Đấu tranh giải phóng dân tộc (1939 - 1945); Kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954); Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954 - 1964); Cách mạng miền Nam (1964 - 1967). Hiện nay, bảo tàng thường xuyên mở cửa đón khách đến tham quan, học tập và nghiên cứu về cuộc đời của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh.

1.5. Bảo tàng Mỹ thuật Cecile Le Phạm hoạt động tại địa chỉ số 53 Hàm Nghi, phường Phước Vĩnh, thành phố Huế⁶. Bảo tàng Mỹ thuật Cecile Le Phạm có số lượng trên 1000 hiện vật bao gồm các tác phẩm mỹ thuật của Việt Nam, các nước trong khu vực và trên thế giới, gồm các bộ sưu tập chính: sưu tập tượng phật, kinh phật, đồ thờ, đồ pháp khí (nhiều chất liệu); sưu tập đồ gia dụng và trang trí (chất liệu pháp lam); sưu tập tượng, đồ thờ, vật trang trí (chất liệu gốm sứ); sưu tập tượng và phù điêu phong cách Chăm-pa (chất liệu đá); sưu tập tranh của các họa sĩ nổi tiếng Việt Nam và thế giới (nhiều chất liệu).

Sự ra đời và đi vào hoạt động của các bảo tàng ngoài công lập cùng hệ thống bảo tàng công lập tại Thừa Thiên Huế đang dần đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Huế, đồng thời là điểm tham quan hấp dẫn, thu hút khách du lịch trong nước và nước ngoài, góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hóa tinh thần cho nhân dân.

2. Một số chính sách và nguồn lực để phát triển hệ thống bảo tàng ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

Để bảo tồn, khai thác và phát huy giá trị các di sản, từ rất sớm, tỉnh Thừa Thiên Huế đã hình thành hệ thống bảo tàng công lập để quản lý các nhóm hiện vật khác nhau: Bảo tàng Cổ vật cung đình Huế, Bảo tàng Lịch sử Thừa Thiên Huế, Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Mỹ thuật Huế, Bảo tàng Thiên nhiên Duyên hải miền Trung và Bảo tàng Văn hóa Huế (mới giải thể). Có thể nói, các bảo tàng này đã đóng góp không nhỏ trong việc gìn giữ, khai thác và phát huy giá trị quan trọng của kho tàng cổ vật xứ Huế trong nhiều năm qua.

Tuy nhiên, bối cảnh xã hội đã thay đổi. Việc khai thác các trầm tích văn hóa

⁴ Được thành lập theo Quyết định số 3217/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2021.

⁵ Được thành lập theo Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày ngày 02 tháng 6 năm 2022.

⁶ Được thành lập theo Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2022.

phong phú của Huế cần phải có hướng tiếp cận mới, đó là việc huy động tối đa các nguồn lực xã hội, tranh thủ được trí tuệ, tâm huyết của các tổ chức, cá nhân ngoài hệ thống công lập. Trên quan điểm này, Thừa Thiên Huế là một trong những địa phương đi đầu trong việc xây dựng hệ thống chính sách để khuyến khích, tạo điều kiện cho việc thành lập một số bảo tàng ngoài công lập. Năm 2018, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐND quy định một số chính sách khuyến khích xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao...; đến cuối năm 2020, Hội đồng nhân dân tỉnh lại thông qua Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển bảo tàng ngoài công lập trên địa bàn Thừa Thiên Huế đến năm 2030 với các nội dung cụ thể và mang tính khả thi cao. Nhờ những chính sách ấy, đến nay Thừa Thiên Huế đã có 05 bảo tàng ngoài công lập cùng nhiều thiết chế dạng thức bảo tàng như: Nhà trưng bày nông cụ Thủy Thanh, Sông platform (mô hình bảo tàng kỹ thuật số), Không gian lưu niệm Lê Bá Đảng (Lebadang Memory Space)... đang hoạt động hiệu quả và thu hút một lượng lớn khách tham quan.

Xét về tiềm năng, cố đô Huế hoàn toàn có thể hình thành một hệ thống phong phú các bảo tàng ngoài công lập với nhiều hình thức khác nhau: Bảo tàng chuyên đề, bảo tàng nghề, bảo tàng lưu niệm (như 5 bảo tàng đã đi vào hoạt động), bảo tàng tổng hợp, bảo tàng ngành hoặc liên ngành... Có một điều đáng chú ý là cho đến nay, các bảo tàng ngoài công lập của Huế đều được thành lập hoặc có nguồn gốc hình thành từ các chủ sở hữu là những người không phải sống ở Huế mà chỉ do yêu Huế, muốn gắn bó với Huế nên họ đã chọn cố đô để lập nghiệp, để “quay về” hoặc hiến tặng các sưu tập hiện vật để thành lập Không gian lưu niệm/bảo tàng. Ngay cả Bảo tàng Mỹ thuật Huế, là một bảo tàng công lập, cũng được hình thành từ hai bộ sưu tập hiện vật chính do hai họa sỹ/nhà điêu khắc nổi tiếng thế giới trao tặng (Lê Bá Đảng và Điềm Phùng Thị). Và trong tương lai gần, khả năng hình thành một số bảo tàng ngoài công lập mới vẫn chủ yếu là theo cách thức này... Chính vì vậy, cần có sự hướng dẫn, hỗ trợ kịp thời của chính quyền địa phương và các cơ quan chuyên môn để những bảo tàng này sớm được thành lập và đi vào hoạt động.

Với mục tiêu cụ thể nhằm đổi mới, đa dạng hóa hình thức hoạt động bảo tàng ngoài công lập; đề ra các chính sách phù hợp thực tiễn, đảm bảo tính khả thi nhằm khuyến khích các bảo tàng ngoài công lập ra đời và phát triển, đưa hệ thống bảo tàng ngoài công lập trở thành điểm đến hấp dẫn của các đối tượng công chúng, từng bước xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động của các bảo tàng ngoài công lập; củng cố và nâng cao chất lượng, vai trò các bảo tàng ngoài công lập, thực hiện xã hội hoá hoạt động bảo tàng, lựa chọn danh mục các bảo tàng ngoài công lập đáp ứng tiêu chí, điều kiện để hỗ trợ phát triển; cụ thể hóa chính sách ưu đãi của trung ương nhằm hỗ trợ và phát huy giá trị các bảo tàng ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; năm 2020, Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển bảo tàng ngoài công lập trên địa bàn Thừa Thiên Huế đến năm 2030 (Nghị quyết này do Sở Văn hóa và Thể thao nghiên cứu, tham mưu).

Dưới đây là các chính sách cơ bản của Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND:

a) Hỗ trợ giá thuê cơ sở nhà, đất phục vụ hoạt động bảo tàng ngoài công lập

- Hỗ trợ giá thuê cơ sở nhà, đất do Nhà nước quản lý với mức tối thiểu do Nhà nước ban hành.

- Trường hợp các tổ chức, cá nhân thực hiện việc thuê đất, công trình để tổ chức hoạt động bảo tàng ngoài công lập đối với các công trình không thuộc sở hữu của Nhà nước thì mức hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/1 năm.

b) Hỗ trợ hoạt động trưng bày, triển lãm

Hỗ trợ không quá 02 hoạt động trưng bày, triển lãm trong phạm vi cấp tỉnh đối với 01 bảo tàng ngoài công lập/1 năm, mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/1 hoạt động.

c) Hỗ trợ phát triển sản phẩm lưu niệm đặc trưng của bảo tàng

Hỗ trợ phát triển 01 sản phẩm lưu niệm đặc trưng của bảo tàng/1 năm, mức hỗ trợ không quá 30 triệu đồng/1 sản phẩm.

d) Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực

- Hỗ trợ tham gia các lớp đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng kiến thức về công tác bảo tàng tổ chức trong tỉnh.

- Hỗ trợ tiền tàu xe 2.500.000 đồng/1 người, không quá 2 người/1 năm/1 bảo tàng đối với các đợt tham gia đào tạo, tập huấn ngoại tỉnh.

đ) Hỗ trợ quảng bá hình ảnh

- Được hỗ trợ quảng bá trên các kênh thông tin, tuyên truyền của Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch;

- Hỗ trợ công tác quảng bá hình ảnh trên các phương tiện thông tin đại chúng với mức hỗ trợ không quá 30 triệu/1 năm.

Để triển khai các nội dung của Nghị Quyết số 17/2020/NQ-HĐND, năm 2021, Sở Văn hóa và Thể thao đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 130/KH-UBND về việc triển khai thực hiện “Chính sách hỗ trợ phát triển bảo tàng ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030”. Trên cơ sở đó, năm 2022, từ nguồn kinh phí được cấp là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) và nguồn kinh phí đề nghị bổ sung 165.000.000 (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng), các bảo tàng ngoài công lập đã tổ chức các cuộc trưng bày, triển lãm tại bảo tàng; phát triển sản phẩm lưu niệm đặc trưng của bảo tàng; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho cán bộ, nhân viên của các bảo tàng Đồ sứ ký kiểu thời Nguyễn, Nghệ thuật thêu XQ và Bảo tàng Gốm cổ Sông Hương.

Năm 2023, từ nguồn kinh phí được cấp 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), Sở Văn hóa và Thể thao Thừa Thiên Huế đã ra quyết định Hỗ trợ hoạt động trưng bày, triển lãm, phát triển sản phẩm lưu niệm, tuyên truyền quảng bá cho và đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho Bảo tàng Đại tướng Nguyễn Chí Thanh; Bảo tàng Đồ sứ ký kiểu thời Nguyễn; Bảo tàng Gốm cổ Sông Hương; Bảo tàng Mỹ thuật Cecile Le Phạm. Từ chính sách này đã phân nào hỗ trợ cho các bảo tàng ngoài công lập tổ chức các hoạt động hiệu quả tại chính bảo tàng mình, qua đó đã thu hút khách tham quan đến bảo tàng để tham quan, nghiên cứu.

Hiện nay, các bảo tàng ngoài công lập trên địa bàn tỉnh đang triển khai các nhiệm vụ theo kế hoạch từng năm, đồng thời phối hợp các bảo tàng công lập triển khai các hoạt động trưng bày, triển lãm nhằm góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa, phục vụ nhu cầu nghiên cứu khoa học, học tập, giảng dạy, phổ biến tri thức về lịch sử, văn hóa, khoa học và đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của công chúng, phát triển hệ thống bảo tàng của tỉnh gắn với phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Những bất cập, khó khăn trong hoạt động phát triển hệ thống bảo tàng ngoài công lập

Đối với hệ thống bảo tàng ngoài công lập, bên cạnh các quy định về chính sách về xã hội hóa cho loại hình này, chính quyền tỉnh Thừa Thiên Huế đã quan tâm xây dựng các chính sách hỗ trợ cho loại hình bảo tàng ngoài công lập, nhưng do cơ chế, chính sách ưu đãi của Nhà nước cho Bảo tàng ngoài công lập chưa nhiều nên các bảo tàng ngoài công lập luôn phải tự tìm hướng duy trì, phát triển cho chính bảo tàng mình. Hầu hết các hoạt động trưng bày, triển lãm, hội thảo, biểu diễn nghệ thuật... nhằm phục vụ công chúng đều do các bảo tàng tự trang trải kinh phí nên còn gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, các bảo tàng ngoài công lập trên địa bàn tỉnh đa số mới thành lập nên hạn chế về kinh nghiệm chuyên môn, diện tích kho bảo quản hiện vật không lớn, đặc biệt là kinh phí hoạt động còn khá hạn chế cũng như thiếu sự hỗ trợ của các chuyên gia và trang thiết bị chuyên ngành.

Hiện nay, các bảo tàng đang hoạt động dưới các hình thức khác nhau như: công ty trách nhiệm hữu hạn, hộ kinh doanh cá thể... Tuy nhiên, trước nhu cầu phát triển của hệ thống bảo tàng ngoài công lập, các bảo tàng đang gặp những khó khăn vướng mắc về tư cách pháp nhân để hoạt động (tài khoản, con dấu riêng của bảo tàng).

Trên thực tế, một số cá nhân, tổ chức dù có thực lực và rất tâm huyết trong việc thành lập bảo tàng nhưng lại chưa thật am hiểu và thiếu kinh nghiệm trong việc xử lý các thủ tục theo quy định của pháp luật Việt Nam, vì vậy thường tỏ ra khó hiểu, lúng túng, thậm chí thất vọng, chán nản. Đây chính là điểm bất cập mà các cơ quan chuyên môn cần nhanh chóng xử lý. Chính sách hỗ trợ cho bảo tàng ngoài công lập của Thừa Thiên Huế đã được nêu rõ trong Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND của hội đồng nhân dân tỉnh, bao gồm: hỗ trợ giá thuê cơ sở nhà đất làm bảo tàng; hỗ trợ hoạt động trưng bày triển lãm; hỗ trợ phát triển sản phẩm lưu niệm đặc trưng của bảo tàng; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; và hỗ trợ quảng bá hình ảnh. Tuy nhiên, các chính sách này cần được cụ thể hóa thành các thủ tục hành chính kèm theo các hướng dẫn rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện. Đây cũng chính là nhiệm vụ mà Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho ngành Văn hóa chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan nghiên cứu để triển khai một cách có hiệu quả.

Thực hiện chính sách hỗ trợ và tạo điều kiện để hình thành hệ thống bảo tàng ngoài công lập ở Thừa Thiên Huế chính là việc làm thiết thực, cụ thể để làm phong phú hóa các thiết chế văn hóa của Thừa Thiên Huế và huy động được tối đa các nguồn lực xã hội. Đây cũng là một nội dung trong kế hoạch triển khai Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 24/5/2021 về xây dựng Thừa Thiên Huế xứng tầm là một trong những trung tâm lớn, đặc sắc văn hóa, du lịch đặc sắc của cả nước, khu vực Đông Nam Á về văn hóa, du lịch, giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

4. Đề xuất một số giải pháp

Từ kinh nghiệm thực tế của Thừa Thiên Huế, để bảo tàng ngoài công lập phát huy vai trò, vị trí của mình trong việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc, thiết nghĩ chúng ta nên mạnh dạn nghiên cứu, đề ra các giải pháp hỗ trợ cụ thể, trong đó tập trung vào một số giải pháp trọng tâm sau:

4.1. Về mặt quản lý nhà nước

Việc thực hiện chủ trương xã hội hóa của Đảng, Nhà nước về hoạt động bảo tàng đã đạt được những kết quả đáng kể, tạo tiền đề cho các tổ chức, cá nhân tham gia sưu tầm, gìn giữ và phát huy giá trị di sản của quốc gia nói chung, văn hóa Huế nói riêng. Tuy vậy, công tác quản lý nhà nước, chỉ đạo và hướng dẫn nhằm thúc đẩy sự ra đời và phát triển của các bảo tàng ngoài công lập chưa được quan tâm đúng mức, hiệu quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng xã hội và chủ trương của Đảng, Nhà nước về xã hội hóa hoạt động bảo tàng.

Việc ban hành một số chính sách hỗ trợ phát triển bảo tàng ngoài công lập nhằm khuyến khích sự ra đời và phát triển của các bảo tàng ngoài công lập, cần xem xét hỗ trợ theo hướng sau:

- Hỗ trợ các bảo tàng ngoài công lập về cơ chế chính sách

Nghị quyết 17/2020/NQ-HĐND của hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế trong chính sách đầu tiên đã đề cập đến việc “*Hỗ trợ thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng để tổ chức hoạt động bảo tàng*”, tuy nhiên, đây là nhiệm vụ khó khăn. Trên thực tế, Bảo tàng Đồ sứ ký kiểu thời Nguyễn (bảo tàng ngoài công lập đầu tiên của Huế) khi đi vào hoạt động được hưởng chính sách miễn thuế thuê đất 30 năm; Bảo tàng Nghệ thuật Thêu XQ được hỗ trợ cơ sở vật chất trên đất (tuy nhiên, do quy hoạch nên hiện nay tỉnh cũng đang thu hồi đất để bố trí vị trí mới phù hợp), 03 bảo tàng ngoài công lập còn lại do các chủ nhân bảo tàng sử dụng cơ sở vật chất có sẵn để đăng ký tổ chức hoạt động bảo tàng. Vấn đề đặt ra là để có một thiết chế bảo tàng đảm bảo với công năng sử dụng đòi hỏi các nhà quản lý phải thực hiện tốt công tác quy hoạch, rà soát các địa điểm phù hợp, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân mạnh dạn tham gia vào quá trình đầu tư hoạt động bảo tàng.

- Xúc tiến thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển bảo tàng ngoài công lập để duy trì phát triển bảo tàng ngoài công lập

Trong khi các bảo tàng công lập được Nhà nước cấp kinh phí để hoạt động, thì các bảo tàng ngoài công lập là một tổ chức hoạt động về văn hóa phi lợi nhuận, tự chủ về kinh phí hoạt động. Vì vậy, ngoài nguồn thu hạn chế từ việc bán vé, bảo tàng ngoài công lập cần có sự bảo trợ của các quỹ hỗ trợ phát triển bảo tàng ngoài công lập để duy trì hoạt động. Việc các quỹ này tài trợ trực tiếp cho những bảo tàng ngoài công lập và là một trong những kênh tài trợ hiệu quả để thúc đẩy các hoạt động tích cực của bảo tàng ngoài công lập nhằm tạo nguồn lợi lâu dài. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng cần có những ưu tiên để các bảo tàng ngoài công lập vay vốn trung hạn và dài hạn từ Quỹ Đầu tư phát triển và bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa để tổ chức hoạt động.

- Tạo sự liên kết, phối hợp giữa các bảo tàng ngoài công lập và các bảo tàng công lập

PGS.TS. Đặng Văn Bài (Phó chủ tịch Hội đồng Di sản văn hóa Quốc gia – Nguyên Cục trưởng Cục Di sản Văn hóa, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) đã từng nhận định: *“Trong tương lai, số lượng bảo tàng ngoài công lập ở Việt Nam sẽ dần tăng, có thể nhiều hơn so với bảo tàng công lập. Đó không chỉ là xu thế phát triển trên thế giới, mà còn là điều kiện tốt hơn để công chúng tiếp cận với giá trị di sản văn hóa của dân tộc. Để có được điều này, cần đến sự phối hợp hơn nữa giữa Nhà nước với các bảo tàng ngoài công lập”*.

Có một thực tế ở Huế, từ khi các bảo tàng ngoài công lập được thành lập, các bảo tàng công lập đã chủ động hỗ trợ hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ bước đầu cho các bảo tàng ngoài công lập. Năm 2022, ngay sau khi mới ra mắt hoạt động, Bảo tàng Gốm cô Sông Hương đã phối hợp Bảo tàng Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế tổ chức trưng bày chuyên đề *“Câu chuyện từ những dòng sông”* nhân dịp Festival Huế 2022. Bảo tàng Đại tướng Nguyễn Chí Thanh phối hợp Bảo tàng Lịch sử Thừa Thiên Huế tổ chức khai mạc trưng bày chuyên đề *“Việt Nam - Đất nước, Mùa Xuân”* và Hội thi *“Tự hào trang sử quê hương”*. Năm 2023, tại địa chỉ số 53 Hàm Nghi, phường Phước Vĩnh, thành phố Huế, Bảo tàng Mỹ thuật Cecile Le Phạm chính thức làm lễ ra mắt công chúng. Các sưu tập hiện vật này được sự hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn, các nhà nghiên cứu, mà đặc biệt là Bảo tàng Mỹ thuật Huế đã giúp đỡ, hướng dẫn công tác chuyên môn cũng như hoạt động trưng bày để Bảo tàng Mỹ thuật Cecile Le Phạm tổ chức hoạt động.

Từ thực trạng hoạt động của hệ thống bảo tàng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế cho thấy, để phát huy hiệu quả hoạt động bảo tàng, các bảo tàng ngoài công lập cần song hành hoạt động cùng các bảo tàng công lập, tiếp tục tăng cường phối kết hợp với các bảo tàng công lập trong việc tổ chức trưng bày, giới thiệu các sưu tập hiện vật đến với công chúng, tăng cường hỗ trợ hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ, qua đó góp phần vào công cuộc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Huế.

4.2. Song song với trách nhiệm của Nhà nước, các bảo tàng ngoài công lập cần chủ động tự mình thực hiện một số giải pháp

Các bảo tàng ngoài công lập ở Huế được thành lập và dần hoạt động hiệu quả. Tuy được chủ động về thời gian tổ chức hoạt động và công tác trưng bày, triển lãm, nhưng theo nhìn nhận một cách khách quan, những bảo tàng vẫn chưa có bộ máy hoàn chỉnh, kinh nghiệm chuyên môn chưa đảm bảo, kinh phí không đủ để đầu tư cho các trang thiết bị chuyên ngành. Từ thực tế hoạt động, các bảo tàng ngoài công lập ở Huế muốn thu hút hơn nữa khách tham quan, là địa điểm hấp dẫn du khách, thiết nghĩ các bảo tàng ngoài công lập cần vận động theo hướng:

- Thực hiện tốt các chức năng quy định tại Thông tư 18/2010/TT-BVHTTDL về tổ chức và hoạt động của bảo tàng, trong đó đặc biệt chú trọng công tác nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản tư liệu, hiện vật...

- Tập trung đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động trưng bày của bảo tàng, đây là yếu tố cốt lõi để thu hút khách tham quan đến các bảo tàng ngoài công lập.

- Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực trong quản lý hoạt động bảo tàng.
- Tăng cường liên kết chuyên môn nghiệp vụ với các bảo tàng công lập.
- Ứng dụng công nghệ thông tin vào việc xây dựng một số sản phẩm chủ lực ứng dụng công nghệ 4.0; xây dựng cơ sở dữ liệu về toàn bộ tư liệu, hiện vật đang được lưu giữ tại bảo tàng và cung cấp thông tin song ngữ/đa ngữ chất lượng cao đảm bảo đáp ứng nhu cầu tổ chức trưng bày và các chương trình giáo dục của bảo tàng.
- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, quảng bá, xúc tiến du lịch, kết nối chặt chẽ với các tour, tuyến du lịch nhằm đưa khách tham quan đến bảo tàng.

Hiện nay, trên địa bàn Thừa Thiên Huế, bên cạnh 05 bảo tàng ngoài công lập còn có hơn 20 nhà sưu tập tư nhân đã và đang bảo quản, lưu giữ một số lượng lớn các hiện vật, sưu tập hiện vật có giá trị, đây cũng là “nguồn” để tiếp tục phát triển các bảo tàng ngoài công lập trong thời gian tới. Thời gian vừa qua, việc thúc đẩy thành lập các bảo tàng ngoài công lập và sự kết hợp giữa Bảo tàng công lập với các nhà sưu tầm, bảo tàng ngoài công lập trong công tác trưng bày, góp phần bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc là một trong những thành công của công tác xã hội hóa hoạt động bảo tàng mà tỉnh Thừa Thiên Huế đã và đang tiến hành có hiệu quả. Đồng thời, các chính sách và nỗ lực đó đã tạo được niềm tin cho các chủ sở hữu, các nhà sưu tầm hiện vật, cổ vật để họ yên tâm xúc tiến thành lập các bảo tàng ngoài công lập theo chủ trương của tỉnh và tiếp tục tham gia vào các hoạt động liên quan đến bảo tàng.

Có thể nói, việc nâng cao hiệu quả thực thi chính sách và huy động các nguồn lực tham gia công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống sẽ giữ gìn, phát huy những di sản văn hóa vô cùng quý báu, trở thành động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội Thừa Thiên Huế theo tinh thần Nghị quyết 54-NQ/TW của Bộ Chính trị, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa./.

PHẦN IV
THAM LUẬN CHUYÊN GIA

TÁC ĐỘNG CỦA CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA, MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

ThS. Nguyễn Tuấn Anh

Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam

1. Chuyển đổi số, bối cảnh chính sách

Kỷ nguyên số, do sự xuất hiện của Internet như một phương tiện truyền thông đại chúng cùng với việc sử dụng rộng rãi máy tính cá nhân và các thiết bị khác như máy tính bảng, điện thoại thông minh,... đã trở thành một sự ảnh hưởng đặc biệt và phổ biến đối với văn hóa. Sự hiện diện của công nghệ kỹ thuật số có mặt ở hầu khắp các lĩnh vực đến mức có thể dễ nhận thấy văn hóa kỹ thuật số có khả năng bao gồm tất cả các khía cạnh của cuộc sống hàng ngày và không chỉ giới hạn ở Internet hoặc các công nghệ truyền thông hiện đại. Do sự hiện diện phổ biến và ảnh hưởng to lớn của các quá trình như vậy, một số người đã mô tả văn hóa hiện nay là "văn hóa kỹ thuật số"¹.

Phương tiện truyền thông kỹ thuật số còn được cho rằng sẽ định hình một hệ sinh thái rộng lớn hơn - hệ sinh thái kỹ thuật số. Phương tiện kỹ thuật số cung cấp cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng cho các thực hành và tương tác theo cách hoàn toàn khác so với những gì chúng ta từng biết trước đây, điều này ảnh hưởng đến từng cá nhân, quan hệ xã hội, nghệ thuật và môi trường. Phương tiện kỹ thuật số đã biến đổi thể giới của chúng ta trên nhiều phương diện khác nhau.

Ở đời sống văn hóa nghệ thuật, các sáng tạo văn học, nghệ thuật trực tiếp trên không gian số ngày càng nở rộ. Các xuất bản phẩm như báo, tạp chí, sách điện tử đang thay thế các ấn phẩm in trên giấy truyền thống. Việc đọc tin tức, văn chương, sách học thuật, nghe nhạc, xem phim, thăm quan triển lãm, bảo tàng,... đều có thể diễn ra trên môi trường kỹ thuật số.

Chúng ta đang chứng kiến một thời kỳ mà công nghệ đang thay đổi cơ bản cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Về cơ bản, công nghệ đang thay đổi nhanh hơn so với cách mà xã hội có thể thích ứng với nó và phát triển các chuẩn mực văn hóa để tìm cách đối phó với những thay đổi này.²

Việt Nam quan tâm đến quá trình chuyển đổi số, cách mạng công nghiệp lần thứ tư khá sớm và quyết liệt ở tầm quản lý vĩ mô, thể hiện qua các chính sách chỉ đạo của Đảng và Chính phủ. Ngày 04 tháng 05 năm 2017, Chính phủ ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Trong đó xác định 6 nhiệm vụ giải pháp

¹ Vincent Miller, *Understanding Digital Culture*, SAGE Publications Ltd, London, 2011.

² Daniel Rowles, Thomas Brown, 2017. *Building Digital Culture: A Practical Guide to Successful Digital Transformation*. Kogan Page Publishers.

nhằm chủ động tham gia vào công cuộc chuyển đổi số, phù hợp với bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Cuối năm 2019, Đảng Cộng sản Việt Nam cũng đã ban hành nghị quyết chỉ đạo hướng tới mục tiêu định hướng phát triển kinh tế phù hợp với bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư ban hành ngày 27 tháng 9 năm 2019. Bản Nghị quyết này hướng tới mục tiêu chủ động tham gia vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, mà quan trọng nhất là phát triển hạ tầng công nghệ, chuyển sang nền kinh tế số.

Việt Nam cũng bắt đầu quan tâm đến nền kinh tế số trong những năm gần đây. Chính vì thế, Đảng và Chính phủ Việt Nam đã có những văn bản chỉ đạo nhằm tăng cường, thúc đẩy những điều kiện để kinh tế số phát triển. Ngày 8/8/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1563/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2016 – 2020. Thủ tướng Chính phủ cũng phê duyệt Đề án thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ, ban hành tại Quyết định số 999/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, ngày 12 tháng 08 năm 2019. Hướng đến mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế số của Việt Nam, bản đề án được phê duyệt nhằm tạo điều kiện, đẩy mạnh sự phát triển của mô hình kinh tế chia sẻ.

Ngày 3/6/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký và ban hành Quyết định số 749/QĐ-Ttg, phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Quyết định này định hướng đến năm 2030 Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp.

Song hành với kinh tế, ở khía cạnh chính trị xã hội, cũng có những chính sách, chiến lược nhằm phát huy thế mạnh của chuyển đổi số trong đời sống chính trị xã hội của đất nước. Đề án “Phát triển Hệ tri thức Việt số hóa” ban hành theo Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 18/5/2017 của Thủ tướng chính phủ. Đây là đề án phê duyệt bởi Chính phủ, nhằm xây dựng kho tri thức số hóa phục vụ cho việc khai thác sử dụng phục vụ nhu cầu phát triển chung của đất nước và nhu cầu học tập, giải trí, tiếp cận tài nguyên số người dân.

Đề án Công Dịch vụ công quốc gia tại Quyết định số: 274/QĐ-TTg ban hành ngày 12 tháng 03 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ. Đây là một đề án của Chính phủ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ công của các cơ quan Nhà nước, hướng tới số hóa hồ sơ, giấy tờ giấy, chuyển hoạt động sử dụng hồ sơ, văn bản giấy, giao dịch trực tiếp sang hoạt động sử dụng hồ sơ, văn bản điện tử, giao dịch điện tử và cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc vào thời gian, địa giới hành chính; thúc đẩy cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng Chính phủ điện tử.

Ngày 31/3/2022, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định 411/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược Quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến 2025, định hướng đến 2030. Bản Chiến lược đề ra nhiệm vụ cùng các chỉ tiêu cụ thể phát triển kinh tế số

và xã hội số theo phân kỳ giai đoạn 2025 và 2030.

Các cơ quan chính phủ, các bộ ngành trong quá trình chuyển đổi số, cũng nỗ lực xây dựng các kênh giao tiếp trên không gian mạng, như là một kênh giao tiếp trực tiếp với người dân, thông tin, tuyên truyền, phổ biến các chính sách mới, tiếp nhận ý kiến đóng góp của người dân về các văn bản luật, các chính sách sắp ban hành. Đặc biệt là việc mở rộng các dịch vụ công trực tuyến, tiết kiệm thời gian và công sức cho người dân, đồng thời tăng độ minh bạch, giảm các hiện tượng sách nhiễu, tham nhũng của hệ thống công quyền.

Trong bối cảnh chung đó, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng đã có những kế hoạch và định hướng nhằm thực hiện các nhiệm vụ được giao liên quan tới nâng cao năng lực áp dụng công nghệ số, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa như Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg tại Quyết định số 3888/QĐ-BVHTTDL ngày 19/10/2017 để nâng cao nhận thức của các cơ quan, đơn vị trong ngành về Cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư; Quyết định số 4610/QĐ-BVHTTDL ngày 28/11/2017 về việc định hướng danh mục sản phẩm chủ lực của ngành văn hóa, thể thao và du lịch; Quyết định số 3611/QĐ-BVHTTDL ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 949/QĐ-BVHTTDL ngày 22/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2022.

2. Tác động của chuyển đổi số tới các thiết chế văn hóa

2.1. Thay đổi mô hình quản trị, hoạt động quản lý

Trước hết có thể nhận thấy công nghệ số đang tạo ra những thay đổi trong mô hình quản trị và hoạt động quản lý của chính phủ và các tổ chức, doanh nghiệp. Việc ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành đã làm thay đổi mô hình quản trị tổ chức, có thể dễ dàng nhận thấy qua một số những tác động đến hoạt động của các thiết chế văn hóa thời gian qua.

Tại các văn bản quản lý, điều hành, cũng như các chiến lược về văn hóa, đều cho thấy có sự quan tâm đến quá trình chuyển đổi số. Trên thực tiễn hoạt động của các thiết chế văn hóa, quá trình chuyển đổi số nhận thấy rõ hơn trong các hoạt động nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng chính phủ điện tử. Điều này thể hiện trong các khía cạnh:

- Chuyển đổi số trong hệ thống quản lý văn bản điều hành của Bộ VHTTDL tới các cơ quan trực thuộc. Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Bộ VHTTDL đến các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao/Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch các tỉnh/thành phố.

- Chuyển đổi số trong hệ thống báo cáo tới các cơ quan, đơn vị có liên quan.
- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin thủ tục hành chính (gồm hệ thống

một cửa điện tử và công dịch vụ công trực tuyến) của Bộ VHTTDL được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Công Dịch vụ công quốc gia.

Việc xây dựng và đưa vào sử dụng hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành, hệ thống cổng thông tin điện tử, thư điện tử công vụ,... đó là những bước đi đầu tiên mà các cơ quan chính phủ đã triển khai thực hiện trong việc xây dựng thành công chính phủ điện tử, hướng tới một nền hành chính hiện đại, thông minh, một chính quyền kiến tạo, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Việc sử dụng công nghệ số và thiết bị hiện đại cho phép các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp tương tác dễ dàng, đồng thời nhanh chóng tiếp cận được sự chỉ đạo điều hành trực tiếp của lãnh đạo đơn vị, từ đó chủ động tham mưu, đề xuất, triển khai hoạt động kịp thời công việc của các bộ phận và từng cá nhân. Bên cạnh đó, lãnh đạo đơn vị cũng có những công cụ mạnh mẽ hơn để tăng cường sự quản lý, giám sát việc thực hiện sự chỉ đạo của mình, nâng cao hiệu quả hoạt động, rút ngắn khoảng cách từ chỉ đạo điều hành đến tổ chức thực hiện.

Ứng dụng công nghệ số trong quản lý điều hành cũng dẫn đến việc giảm tải và dần thay thế các văn bản bằng giấy, chữ ký mực bằng văn bản điện tử, chữ ký số, tiết kiệm chi phí, đồng thời tăng hiệu quả hoạt động quản lý điều hành.

Ứng dụng công nghệ số tại các đơn vị cung cấp dịch vụ công giúp các hành vi hành chính được lưu thông tin dưới dạng thức điện tử, có thể giám sát cán bộ, công chức, viên chức làm việc mẫn cán, đúng quy trình, quy định giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động hành chính, dịch vụ công.

Các đơn vị tổ chức, doanh nghiệp văn hóa nghệ thuật, qua công nghệ số có thể cập nhật, hiểu được nhu cầu, mong muốn của công chúng, từ đó thiết kế và cung cấp sản phẩm, dịch vụ phù hợp, đáp ứng được mọi nhu cầu và kỳ vọng của khách hàng. Nếu ứng dụng tốt công nghệ sẽ tạo được môi trường kinh doanh hấp dẫn, chăm sóc khách hàng tốt hơn, chất lượng dịch vụ cao hơn.

2.2. Ứng dụng công nghệ số trong sáng tạo sản phẩm, cung cấp dịch vụ văn hóa

Một trong những tác động của chuyển đổi số tới các thiết chế văn hóa, đó là việc ngày càng nhiều sự ứng dụng của các công nghệ số trong việc hỗ trợ hoạt động sáng tạo sản phẩm văn hóa cũng như dung cấp dịch vụ văn hóa.

Các công nghệ số hiện diện và làm thay đổi trong nhiều lĩnh vực từ điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, thư viện, bảo tàng và di sản,...

Nhằm định hướng những chuyển đổi công nghệ trong một số lĩnh vực ngành văn hóa, trong Quyết định số 4610/QĐ-BVHTTDL ngày 28/11/2017 về việc định hướng danh mục sản phẩm chủ lực của ngành văn hóa, thể thao và du lịch, xác định một số sản phẩm trong lĩnh vực điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, bảo tàng, di sản văn hóa và thư viện sẽ được tập trung đầu tư ứng dụng công nghệ để phát triển, cụ thể:

Bảng 1: Định hướng danh mục các sản phẩm chủ lực của ngành văn hóa, thể thao giai đoạn 2017 - 2020

Stt	Lĩnh vực	Sản phẩm	Công nghệ ứng dụng
1	Điện ảnh	Tác phẩm điện ảnh sản xuất và trình chiếu theo công nghệ số.	Công nghệ điện ảnh.
2	Nghệ thuật biểu diễn	- Biểu diễn nghệ thuật sử dụng công nghệ âm thanh, ánh sáng hiện đại. - Truyền dạy nghệ thuật truyền thống và đương đại bằng công nghệ số.	Công nghệ số; Công nghệ âm thanh, ánh sáng; Công nghệ 3D, 4D, 5D.
3	Di sản văn hóa	- Quy trình xử lý, bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; - Hệ thống trưng bày và thuyết minh tương tác trong bảo tàng; - Quy trình xử lý, bảo quản hiện vật trong bảo tàng; - Cơ sở dữ liệu ngành di sản văn hóa.	Công nghệ Nano; Công nghệ bảo quản; Công nghệ mô phỏng 3D; Công nghệ thực tế ảo tăng cường; Công nghệ kỹ thuật số; Công nghệ âm thanh, ánh sáng; Công nghệ lưu trữ; Công nghệ Lidar; Công nghệ GIS, GPS; Công nghệ xây dựng và khai thác hệ thống dữ liệu lớn (big data).
4	Thư viện	Thư viện số	Công nghệ số hóa, lưu trữ, kết nối và khai thác dữ liệu lớn (big data).

Nguồn: Quyết định số 4610/QĐ-BVHTTDL ngày 28/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Các công nghệ này cũng là những công nghệ số quan trọng đã, đang và sẽ làm thay đổi các sản phẩm và dịch vụ văn hóa cũng như các hoạt động tại các thiết chế văn hóa.

Trên thực tiễn những năm vừa qua, có thể điểm qua một số những ứng dụng công nghệ số tại một số các hoạt động như:

Trong lĩnh vực điện ảnh, công nghệ số hiện diện ở hầu khắp các khâu trong ngành, từ sản xuất cho đến phát hành và phổ biến phim. Các dịch vụ bán vé trực tuyến, quan hệ công chúng đều cho thấy tầm quan trọng của chuyển đổi số trong lĩnh vực này.

Trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, công nghệ số cũng hiện diện ở các khâu như âm thanh, ánh sáng, hiệu ứng sân khấu, cho đến quan hệ công chúng... Công nghệ 3D Mapping (kết hợp giữa công nghệ 3D và công nghệ sản xuất phim) được ứng dụng tại một số sự kiện như Văn miếu - Quốc Tử giám, Nhà hát Lớn Hà Nội... Ứng dụng 3D Mapping mang đến trải nghiệm ấn tượng trong một không gian cụ thể gắn liền với không gian văn hóa, lịch sử cũng là một cách tiếp cận mới thu hút người xem.

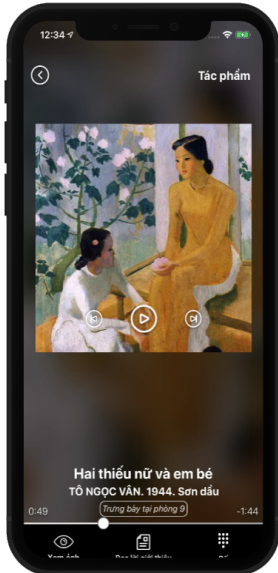
Công nghệ số cũng đang ngày càng có ảnh hưởng đến công tác bảo tồn và phát huy giá trị của di sản. Trước hết, đó là việc lập các hồ sơ số cho di sản, phục vụ công tác lưu trữ dữ liệu về di sản hiệu quả hơn, điều này đã và đang được quan tâm nhiều hơn và không còn xa lạ ở Việt Nam thời gian gần đây. Công việc này thường được gọi là số hóa di sản. Với các di tích, di sản vật thể, đó là việc đưa hồ sơ di sản

từ dạng hồ sơ giấy sang số hóa, phục vụ công tác tra cứu, quản trị, lưu trữ tốt hơn. Các công nghệ như quay phim, chụp ảnh, quét 3D, lập bản đồ số,... cũng được bổ sung vào hồ sơ di sản số hóa. Điều này giúp cho công tác bảo tồn di sản thuận tiện và hiệu quả hơn nhiều so với trước đây.

Với các di sản phi vật thể, việc quay phim, chụp ảnh, ghi âm, lưu giữ những thông tin, trình diễn của nghệ nhân, của cộng đồng chủ thể di sản,... được quan tâm nhiều hơn trong thời gian gần đây. Các dữ liệu di sản dưới dạng số giúp lưu giữ, chia sẻ dữ liệu thuận tiện hơn trước rất nhiều.

Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam với ứng dụng iMuseum VFA, đây là ứng dụng đa phương tiện (audio, photo, text) trợ giúp người dùng tham quan trực tuyến hoặc trực tiếp tại Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam. Ứng dụng cũng tích hợp 8 ngôn ngữ: Việt, Anh, Pháp, Hàn, Nhật, Trung, Tây Ban Nha và Ý. Việc áp dụng ứng dụng này đã tăng rất nhiều hiệu quả cũng như lượng công chúng cho bảo tàng.

Bảng 2: Ứng dụng iMuseum VFA của Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam³



The image shows a smartphone screen displaying the iMuseum VFA app. The screen shows a painting titled 'Hai thiếu nữ và em bé' by Tô Ngọc Vân, 1944. The app interface includes a navigation bar at the top with 'Tác phẩm' (Works) and a back arrow. Below the painting, there are several interactive icons: a location pin, a QR code, a magnifying glass, and a play button. The app is designed to provide an immersive experience with various features like location-based information, audio guides, and search capabilities.

Sơ đồ tham quan, xác định vị trí hiện vật
Trợ giúp xác định vị trí trưng bày của từng hiện vật bằng iBeacon. Trợ giúp người dùng xác định những phòng đã, đang và chưa tham quan dựa trên màu sắc.

Đọc, nghe, xem thông tin hiện vật
Nghe audio giới thiệu hiện vật. Kiểm soát audio khi khóa màn hình. Theo dõi bài giới thiệu của thuyết minh viên tự động.

Xem bộ sưu tập các tác phẩm nổi bật
Lựa chọn, xem các tác phẩm nổi bật được trưng bày tại Bảo tàng. Nhấn vào hình ảnh từng tác phẩm để biết vị trí hiện vật, nghe thông tin về tác giả, tác phẩm.

Xem thông tin hiện vật bằng cách nhập số định danh
Nhập số định danh ở góc phải bên dưới mỗi hiện vật, thông tin về hiện vật sẽ lập tức xuất hiện trên màn hình điện thoại của du khách.

Xem thông tin bằng cách quét mã QR
Di chuyển ô Camera điện thoại vào khung mã QR, thông tin về hiện vật sẽ lập tức xuất hiện trên màn hình điện thoại của du khách.

Tim kiếm thông tin
Trợ giúp người dùng tìm kiếm thông tin tác giả, tác phẩm đang quan tâm bằng cách nhập từ khóa vào ô tìm kiếm.

Hay việc Trung tâm Hoạt động Văn hóa khoa học Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Trung tâm Bảo tồn Di sản văn hóa Thăng Long - Hà Nội đã đưa các ứng dụng thuyết minh tự động, hướng dẫn tham quan giúp công chúng dễ dàng hơn trong tìm hiểu tham quan các địa chỉ này. Chỉ với một điện thoại thông minh, khách tham quan có thể tải phần mềm ứng dụng và sẽ có hướng dẫn viên ảo giúp đỡ khám phá di tích.

Trong quản lý di sản, với khả năng lưu trữ được dung lượng lớn dữ liệu, hệ thống GIS đóng vai trò là công nghệ hỗ trợ tổ chức kế hoạch, các chiến lược bảo tồn, quản lý di sản văn hóa, công cụ đắc lực không chỉ trong việc thực hiện kiểm kê, rà soát thông tin di sản văn hóa. Ví dụ như việc ứng dụng hệ thống GIS để rà soát thông tin các thành phần của di sản như các công trình kiến trúc hiện tồn tại trên mặt đất, các dấu tích kiến trúc tìm thấy qua khai quật khảo cổ Hoàng thành

³ Nguồn: <https://vnfam.vn/vi/mobile-app>

Thăng Long, hay tại di tích Cố đô Huế với toàn bộ 1.500 cây xanh trong khu vực Đại Nội... Hay như việc ứng dụng công nghệ quét Laze mặt đất (được gọi là LiDAR) và quan trắc bằng thiết bị bay không người lái đã khảo sát để thiết lập thông số kỹ thuật của các đối tượng lớn, bề mặt phức tạp đã được ứng dụng đối với Di tích Cố đô Huế, Mỹ Sơn, Văn miếu - Quốc Tử giám Hà Nội...

Trong lĩnh vực thư viện, để xây dựng, hoàn thiện thư viện điện tử, Thư viện Quốc gia Việt Nam cũng đã bước đầu tiến hành những dự án số hóa tài liệu đối với những bộ tài liệu quý, có ý nghĩa lịch sử, văn hóa quan trọng chẳng hạn Dự án số hóa Kho tư liệu Hán - Nôm, Dự án bộ sưu tập số Thăng Long Hà Nội, nghìn năm văn hiến, số hóa kho Luận án Tiến sỹ,... đây là những hoạt động rất quan trọng bước đầu tạo dựng cho thư viện số trong tương lai.

2.3. Cung cấp sản phẩm, dịch vụ văn hóa trên môi trường số

Các nghiên cứu gần đây cho thấy việc dành thời gian cho các hoạt động của mỗi cá nhân hiện tại đang có xu hướng ngày càng nhiều hơn trong việc gắn với các thiết bị kỹ thuật số, kể cả trong công việc, hoạt động kinh tế hay giải trí của họ.

Nhờ công nghệ số ngày càng phổ biến và người dân dành nhiều thời gian hơn trên không gian số, các sáng tạo văn học, nghệ thuật trực tiếp trên không gian số cũng ngày càng nở rộ. Các xuất bản phẩm như báo, tạp chí, sách điện tử đang thay thế các ấn phẩm in trên giấy truyền thống. Việc đọc tin tức, văn chương, sách học thuật, nghe nhạc, xem phim, thăm quan triển lãm, bảo tàng,... đều có thể diễn ra trên môi trường kỹ thuật số.

Bảng 3: Những mục đích chính sử dụng Internet ở Việt Nam 2024

Mục đích	Tỷ lệ
Giữ liên lạc với gia đình và bạn bè	66,8%
Tìm kiếm thông tin	63,7%
Cập nhật tin tức và sự kiện	59,6%
Xem video, truyền hình, và phim	52,4%
Truy cập và nghe nhạc	47,7%
Tìm hiểu các sản phẩm và thương hiệu	45,9%
Tìm hiểu về chủ đề sức khỏe và sản phẩm chăm sóc sức khỏe	44,3%
Tìm kiếm ý tưởng hay nguồn cảm hứng mới	42,7%
Tìm kiếm hướng dẫn làm mọi thứ	41,1%
Lấp đầy thời gian rỗi, và truy cập chung chung	40,2%
Chơi game	37,9%
Mục đích giáo dục, học tập	37,6%
Gặp gỡ giao lưu, tạo mối quan hệ mới	35,2%
Quản lý tài chính, tiết kiệm	34,0%
Tìm kiếm liên quan công việc	32,7%

Nguồn: We are social, 2024. Digital 2024 Vietnam.
(<https://datareportal.com/reports/digital-2024-vietnam>)

Những thay đổi công nghệ dẫn tới việc các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa nghệ thuật ngày càng có xu hướng chuyển sang cung cấp các sản phẩm, dịch vụ văn hóa trực tiếp trên môi trường số. Trên thế giới, việc ứng dụng công nghệ trong cung cấp các sản phẩm, dịch vụ văn hóa đang được các nước triệt để sử dụng, chẳng hạn như Netflix, nhà cung cấp phim trực tuyến lớn nhất thế giới có mặt tại Việt Nam năm 2016, người dùng có thể tiếp cận tới kho phim và có thể linh hoạt trong việc chọn lựa thiết bị xem, từ máy tính, ứng dụng di động đến Apple TV, Google TV, hay cả các máy chơi game như Xbox, Play Station.

Các nền tảng nghe nhạc trực tuyến như Spotify, Apple music của thế giới, hay Zing Mp3, nhaccuatui của Việt Nam,... trở nên ngày càng phổ biến hơn với công chúng yêu nhạc.

Thị trường văn hóa nghệ thuật trực tuyến cũng ngày càng phổ biến hơn. Internet giúp kết nối trực tiếp công chúng tới từng nghệ sỹ mà không qua các sàn giao dịch. Công nghệ thực tại ảo giúp nhà sưu tập xem tác phẩm từ xa sẽ giúp hình thành các sàn giao dịch, hoặc đầu giá tác phẩm nghệ thuật trực tuyến. Một số sàn giao dịch tranh như The Art Exchange, Vietnam Contemporary Art, Viet Art Now... cũng đã xuất hiện thời gian gần đây.

Các bảo tàng ảo dành cho công chúng tham quan trực tuyến, các hình ảnh 3D của hiện vật, công nghệ thuyết minh tự động với nhiều ngôn ngữ khác nhau. Việc phục chế, nhân bản, sản xuất các hiện vật, di sản cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau từ trưng bày, nghiên cứu, hay bán hàng lưu niệm bằng công nghệ quét và in 3D đã có thể trở thành thực tế. Tham quan bảo tàng ảo, hay du lịch trên không gian số ngày càng trở nên quen thuộc. Chỉ với chiếc điện thoại thông minh hoặc máy tính được kết nối Internet, công chúng có thể dễ dàng tiếp cận các dữ liệu, thông tin liên quan đến di sản, tìm hiểu các chỉ dẫn liên quan, hay thậm chí trải nghiệm trên không gian số bằng công nghệ thực tế ảo,...

3. Những vấn đề đặt ra và đề xuất

3.1. Đầu tư hạ tầng kỹ thuật số

Mặc dù được đầu tư rộng khắp song với nguồn lực hạn chế, cơ sở hạ tầng kỹ thuật ở các thiết chế văn hóa hiện còn nghèo nàn lạc hậu, nhiều nơi xuống cấp, không được sửa chữa, bảo dưỡng, trang thiết bị lạc hậu. Tình trạng thiếu thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở vẫn còn phổ biến ở nhiều vùng nông thôn nghèo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng sâu, vùng xa. Nhiều địa phương, các thiết chế văn hóa được đầu tư xây dựng chưa hoàn chỉnh hoặc đã quá lâu, không đúng quy định về quy mô và kiến trúc hoặc xuống cấp trầm trọng; cơ sở vật chất kỹ thuật còn nghèo nàn. Hạ tầng kỹ thuật chưa đáp ứng được nhu cầu của bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra nhanh chóng hiện nay.

Yêu cầu chuyển đổi số đang diễn ra ngày một mạnh mẽ, tăng cường đầu tư hạ tầng kỹ thuật số là cơ hội hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả về tổ chức, hoạt động, chất lượng sản phẩm, quản lý,... trong các thiết chế văn hóa.

Kỷ nguyên số sẽ tạo ra sự thay đổi mô hình kinh doanh, thay đổi mô hình

quản trị không chỉ của doanh nghiệp mà còn của Nhà nước, thay đổi thói quen của xã hội. Quá trình này cũng tạo ra nhiều mô hình kinh doanh mới và phổ biến nhất hiện nay là kinh tế chia sẻ. Trong bối cảnh đó, việc tăng cường đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật số là yêu cầu tất yếu nhằm đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số sẽ tạo động năng mới, tăng cơ hội phát triển và hội nhập cho các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp văn hóa nghệ thuật trong bối cảnh mới.

Thời gian tới, để hình thành, xây dựng và phát triển môi trường sáng tạo trong xã hội, nhất thiết cần tăng mức đầu tư cho các cơ sở hạ tầng văn hóa nghệ thuật, như là cơ sở vật chất, không gian tồn tại và phát triển cho các hoạt động sáng tạo, kích thích tiềm năng sáng tạo của cộng đồng và xã hội.

3.2. Đào tạo kỹ năng số

Trước bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra với tốc độ rất nhanh hiện nay, các tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp sáng tạo cũng đang đứng trước thách thức của bối cảnh mới, mà nếu không kịp thời thích ứng họ có thể bị tụt hậu, thậm chí biến mất trên thị trường. Điều này thách thức các tổ chức doanh nghiệp cần thay đổi nhằm thích ứng phù hợp bắt kịp với môi trường mới.

Từ thực tế đó, nhu cầu đào tạo kỹ năng số cho các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp hay các nghệ sỹ, những người hoạt động trong lĩnh vực văn hóa sẽ ngày càng trở nên cần thiết. Cần có những chính sách, nhằm chủ động đào tạo kỹ năng số cho các tổ chức, doanh nghiệp và nghệ sỹ hoạt động trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật và các lĩnh vực liên quan.

Bên cạnh đó, cần chú ý các hoạt động giáo dục nghệ thuật của các đơn vị tổ chức nghệ thuật. Mỗi một tổ chức nghệ thuật cần xây dựng bộ phận giáo dục nghệ thuật, coi đây là chìa khóa/công cụ phát triển khán thính giả tiềm năng. Quan tâm đầu tư kinh phí và các chương trình giáo dục nghệ thuật trong các nhà hát, các cơ sở điện ảnh, các doanh nghiệp sản xuất âm nhạc. Cần có chiến lược gắn kết với truyền thông trong các hoạt động giáo dục nghệ thuật, nâng cao thị hiếu nghệ thuật và sự quan tâm tới nghệ thuật của công chúng, đặc biệt thông qua các phương tiện truyền thông mới, môi trường số để có các chiến lược giáo dục nghệ thuật.

3.3. Thực thi hiệu quả luật sở hữu trí tuệ

Trong bối cảnh chuyển đổi số, thị trường văn hóa đang tồn tại tình trạng vi phạm bản quyền ở phạm vi rộng ở hầu hết các lĩnh vực văn hóa như âm nhạc, điện ảnh, game online, thời trang, thiết kế,...Vi phạm bản quyền khiến người sáng tạo, các nhà sản xuất sản phẩm và dịch vụ ít cơ hội thu được lợi nhuận từ việc sản xuất và phân phối sản phẩm, phá hỏng các mô hình kinh doanh và gây khó khăn cho sự phát triển các doanh nghiệp.

Để phát triển thị trường văn hóa lành mạnh, việc nâng cao hiệu lực thi hành của Luật sở hữu trí tuệ, bảo vệ quyền lợi của nghệ sỹ, những người sáng tạo cũng như các doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị tham gia trong lĩnh vực văn hóa là rất cấp bách trong thời gian tới.

3.4. Xây dựng, hoàn thiện các công cụ quản lý phù hợp

Các giao dịch trên thị trường sản phẩm văn hóa trên không gian số cũng đang đặt ra nhiều vấn đề quản lý và pháp lý. Các hợp đồng giao dịch, mua bán tác phẩm văn hóa nghệ thuật, chữ ký điện tử đang ngày một phổ biến. Trong tương lai các sáng tạo trên không gian số sẽ ngày càng nhiều và đa dạng.

Các sản phẩm ngày càng nhiều trên không gian số, dưới hình thức sản phẩm định dạng số, đây là hình thức khó kiểm soát việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Trong điều kiện như vậy, Việt Nam cần có các chính sách bản quyền về liên quan đến tác quyền và tài sản số hóa, các chính sách để kiểm soát, điều phối thị trường trao đổi, mua bán, cung cấp sản phẩm dịch vụ văn hóa nghệ thuật trên không gian số. Cần sử dụng công nghệ để nâng cao năng lực của công tác bảo vệ bản quyền trên không gian số.

Quá trình chuyển đổi số tạo ra một loại hình tài sản mới, tài sản số. Các mô hình kinh doanh trên không gian số cũng ngày một phát triển mạnh mẽ. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật về đầu tư, kinh doanh của Việt Nam lại chưa có quy định đầy đủ về các mô hình kinh doanh mới. Điều đó gây khó khăn cho doanh nghiệp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp. Các doanh nghiệp liên quan đến sáng tạo, văn hóa nghệ thuật cũng vấp phải những rào cản tương tự. Chẳng hạn các sản phẩm văn hóa nghệ thuật dưới hình thức NFT hiện chưa được công nhận, các giao dịch đang ngày càng sôi động song lại thiếu đi sự công nhận và kiểm soát của các cơ quan quản lý thị trường.

Việc xây dựng các khung pháp lý, các công cụ quản lý mới nhằm thích ứng với thực tế chuyển đổi số đang diễn ra là một công việc quan trọng cần phải quan tâm trong thời gian tới.

3.5. Nhu cầu cải cách hệ thống kiểm duyệt nhằm phát huy tiềm năng sáng tạo văn hóa nghệ thuật

Hệ thống kiểm duyệt khắc nghiệt như hiện tại sẽ làm kìm hãm sức sáng tạo văn hóa nghệ thuật. Việc kiểm duyệt như hiện tại gây khó khăn cho những đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực văn hóa nghệ thuật vì tiềm ẩn những rủi ro khi phân phối sản phẩm văn hóa nghệ thuật tới công chúng. Những sản phẩm có thể đầu tư rất nhiều trong khâu sản xuất nhưng có thể không vượt qua được các rào cản kiểm duyệt gây thiệt hại cho các tổ chức doanh nghiệp hay cá nhân các nghệ sỹ. Muốn phát huy tiềm năng sáng tạo, xây dựng hệ sinh thái sáng tạo, nhất thiết xem xét, cải thiện hệ thống kiểm duyệt hiện hành.

Hiện tại, việc sáng tạo, phát hành sản phẩm văn hóa nghệ thuật trên không gian số ngày càng nhiều dẫn đến các quy định về kiểm duyệt hiện hành trở nên lạc hậu và không đáp ứng được hết các nhu cầu thực tiễn đặt ra. Các buổi hòa nhạc, các triển lãm nghệ thuật trực tuyến trên không gian mạng nở rộ, đặc biệt từ sau đại dịch Covid-19, cho thấy các quy định về kiểm duyệt, cấp phép phát hành các sản phẩm văn hóa hiện hành trở nên bị vô hiệu hóa. Trong thời kỳ phát triển mạnh mẽ của các hoạt động trên không gian số, các tương tác, ý tưởng, hay triển khai công việc gần như được tiến hành trong thời gian thực với tốc độ nhanh, cơ chế kiểm duyệt như hiện tại sẽ tạo ra những bất cập, kìm hãm khả năng sáng tạo của các cá nhân trong

không gian số. Cần thay đổi cơ chế kiểm duyệt từ tiền kiểm sang cơ chế hậu kiểm dựa trên quan điểm khuyến khích tối đa sự sáng tạo của các cá nhân.

Mặt khác, với các nền tảng truyền thông xã hội phổ biến như hiện nay, việc kiểm duyệt một sản phẩm nghệ thuật đôi khi gây hiệu ứng ngược lại với mục tiêu kiểm duyệt. Mục đích quan trọng nhất của kiểm duyệt là nhằm ngăn chặn những sản phẩm kém chất lượng, không như mong đợi có cơ hội tiếp cận với công chúng vì chúng ta cho rằng điều này có thể gây nguy hại đối với xã hội. Tuy nhiên, một số ví dụ về kiểm duyệt gần đây cho thấy, sau khi tác phẩm bị cấm, nó lại trở nên phổ biến hơn nhờ các phương tiện truyền thông xã hội. Video ca nhạc “There's no one at all” của Sơn Tùng bị cấm do có hình ảnh tự tử, nhưng sau đó phần nhạc và lời của bài hát đã tăng lượt nghe rất nhanh trên các nền tảng khác như spotify chẳng hạn. Hay như bức tranh Điện Biên Phủ giờ trở nên nổi tiếng hơn, được nhiều người biết đến thông qua các kênh truyền thông xã hội sau khi nó bị dỡ bỏ khỏi triển lãm. Những bức tranh vẽ Hồ Xuân Hương bị gỡ bỏ gần đây tại một triển lãm cũng tương tự như vậy, nó sẽ không được nhiều người biết đến nếu như không có lệnh cấm của hội đồng kiểm duyệt. Như vậy, đi ngược lại với mục tiêu là ngăn chặn tác phẩm đến với công chúng, việc kiểm duyệt đã tạo cơ hội khác cho tác phẩm được tiếp cận với công chúng nhanh và nhiều hơn, theo một cách khác, thông qua các nền tảng truyền thông xã hội.

3.6. Xây dựng, hoàn thiện các chính sách thuế, khuyến khích đầu tư, tài trợ, hiến tặng phù hợp bối cảnh chuyển đổi số

Trước bối cảnh chuyển đổi số, nhiều chính sách không theo kịp sự thay đổi của thực tiễn, tạo nhiều rào cản đối với sự phát triển của các sản phẩm và dịch vụ văn hóa trên môi trường số. Cần rà soát, đổi mới hoàn thiện các chính sách, như các chính sách thuế, ưu đãi tài chính,... nhằm khuyến khích, hỗ trợ các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp phát triển trong bối cảnh mới, bối cảnh chuyển đổi số.

Hiện tại, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa còn nhỏ, chủ yếu chỉ là các hoạt động dịch vụ, khâu sản xuất chất lượng còn thấp. Ít có doanh nghiệp có vốn đầu tư từ FDI (trừ các rạp chiếu phim). Đầu tư cho lĩnh vực văn hóa nghệ thuật thường có nhu cầu vốn lớn, mang lại lợi nhuận thấp, thời gian thu hồi vốn chậm, nên ít hấp dẫn các nhà đầu tư. Cần có những chính sách tạo điều kiện, ưu đãi các nhà đầu tư tham gia đầu tư cho lĩnh vực văn hóa nghệ thuật thông qua các chính sách như ưu đãi thuế, giảm lãi suất vay vốn, giúp các doanh nghiệp văn hóa có thể tiếp cận các nguồn tài chính để tăng cơ hội phát triển. Cần bổ sung các luật về thuế, luật về hiến tặng và tài trợ cho lĩnh vực văn hóa nghệ thuật nhằm huy động các nguồn vốn đầu tư cho lĩnh vực này./.

THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO DÀNH CHO THANH NIÊN: CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH VÀ THỰC TRẠNG QUẢN LÝ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG HIỆN NAY

TS. Nguyễn Tuấn Anh
Viện Nghiên cứu Thanh niên

1. Khái niệm về thiết chế văn hóa, thể thao

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao có vai trò, vị trí quan trọng trong công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao góp phần xây dựng đời sống văn hoá cơ sở và giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

Thiết chế văn hóa, thể thao là một thuật ngữ được sử dụng phổ biến ở nước ta từ khoảng nửa cuối của thế kỷ XX đến nay, đặc biệt là trong ngành văn hóa, thể thao và du lịch. Có thể hiểu, thiết chế văn hóa, thể thao là một tổ chức (có thể là cơ quan, đơn vị) được lập ra để đáp ứng nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo văn hóa, thể thao của người dân trong một cộng đồng dân cư nhất định; tổ chức này cần hội đủ các yếu tố: cơ sở vật chất - trang thiết bị - kinh phí; bộ máy tổ chức - nhân sự và quy chế - nội dung hoạt động (dẫn theo Trần Minh Chính, 2023)¹.

Tại Quyết định số 2164/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 11-11-2013 về Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030, mạng lưới thiết chế văn hóa, thể thao được chia thành 4 hệ thống được quản lý bởi: ngành văn hóa, thể thao và du lịch; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; lực lượng vũ trang, các bộ, ngành khác quản lý cùng các thiết chế văn hóa, thể thao do xã hội hóa xây dựng.

Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam², thiết chế văn hóa là chỉnh thể văn hóa hội tụ đầy đủ các yếu tố: cơ sở vật chất, bộ máy tổ chức, nhân sự, quy chế hoạt động, nguồn kinh phí; chỉ riêng ngôi nhà hoặc công trình văn hóa chưa đủ để gọi là thiết chế văn hóa. Có thể hiểu rằng, thiết chế văn hóa là thuật ngữ dùng để chỉ các cơ quan, đơn vị hoạt động văn hóa do Nhà nước hoặc cộng đồng xã hội lập ra trong khuôn khổ pháp luật hoặc quy chế của ngành, đoàn thể nhằm đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần của công chúng, góp phần xây dựng đời sống văn hóa ở địa phương. Thiết chế văn hóa không chỉ đơn thuần là những công trình vật chất cụ thể mà bao hàm trong đó là hệ thống cơ chế, chính sách vận hành; đội ngũ nhân lực làm công tác quản lý, tổ chức; nguồn lực tài chính và các chủ thể hoạt động.

Theo số liệu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tính đến hết tháng 8-2022, cả nước đã thực hiện xây dựng và đưa vào hoạt động hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý bao gồm: 66 thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh (Trung tâm văn hóa hoặc Trung tâm văn hóa, nghệ thuật,

¹ Trần Minh Chính (2023), Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở: Thực trạng và giải pháp phát triển, Tạp chí Văn hóa – Nghệ thuật số 524, tháng 02/2023.

² Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003), Từ điển Bách khoa Việt Nam, NXB. Từ điển Bách khoa.

Trung tâm văn hóa, điện ảnh, Trung tâm triển lãm...); 674/704 địa phương cấp huyện có Trung tâm văn hóa, thể thao hoặc Nhà văn hóa, đạt tỷ lệ 96%; 8.217/10.599 địa phương cấp xã có Trung tâm văn hóa, thể thao, đạt tỷ lệ 76,8% (trong đó 68,9% đạt chuẩn); 77.380/98.455 làng, thôn, ấp, bản có nhà văn hóa, đạt tỷ lệ 77% (trong đó 58% đạt chuẩn). Riêng lĩnh vực thể thao có gần 600 công trình đủ tiêu chuẩn thi đấu cấp quốc gia và quốc tế, 371 sân vận động có khán đài, 222 nhà thi đấu có khán đài đủ tiêu chuẩn quốc gia, 11.923 cụm sân thể thao các loại... Ngoài ra, ở cấp tỉnh, huyện có 627 sân điền kinh, 10.101 nhà tập, 4.110 sân bóng đá, 3.270 sân vận động không có khán đài, hơn 2.000 bể bơi các loại, 29.012 sân cầu lông và đá cầu, cùng với đó hầu hết các môn thể thao đều có cơ sở để tập luyện và thi đấu ở các mức độ khác nhau trên phạm vi cả nước. Hiện có 40, tỉnh, thành phố đã quy hoạch quỹ đất dành cho xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao như: An Giang, Bắc Giang, Bắc Kạn; Bắc Ninh; Bình Phước; Bình Thuận; Cà Mau; Cần Thơ, Đà Nẵng; Đắk Nông; Điện Biên; Đồng Nai; Kon Tum; Khánh Hoà; Quảng Ngãi... Tại các Khu công nghiệp, Khu chế xuất, đến nay đã có 20 tỉnh, thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư dự án và giới thiệu địa điểm khu đất xây dựng; một số địa phương đã quy hoạch thiết chế dành cho công nhân tại các Khu công nghiệp, chế xuất như: Bình Dương; Đồng Tháp; Đà Nẵng; Hải Phòng; Khánh Hoà, Ninh Bình... Đây là những kết quả và thành tựu đáng ghi nhận bởi sự cố gắng của Nhà nước và nhân dân trong điều kiện mà nước ta còn đang ở ngưỡng cửa một quốc gia có trình độ phát triển và thu nhập ở mức trung bình trên thế giới (dẫn theo Trần Minh Chính, 2023)³.

Riêng về hệ thống thiết chế của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cho thấy: Hiện nay, toàn quốc có 68 Cung, Nhà thiếu nhi, Trung tâm hoạt động Thanh, Thiếu nhi cấp tỉnh, thành phố; 168 Nhà thiếu nhi, Trung tâm hoạt động Thanh, Thiếu nhi cấp huyện⁴. Vai trò của tổ chức Đoàn đối với thiết chế văn hóa cơ sở và cộng đồng dân cư thể hiện bằng sự tham gia vào quá trình hình thành, tổ chức quản lý và hoạt động, bao gồm: (i) Tham gia xây dựng quy hoạch, thiết kế và xây dựng thiết chế văn hóa; (ii) Tham gia xây dựng quy chế hoạt động, tổ chức bộ máy và quản lý; (iii) Tham gia tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân, trong đó có thanh thiếu niên; (iv) Tham gia xây dựng chính sách khuyến khích và hỗ trợ hoạt động tại các thiết chế văn hóa; (v) Tham gia kiểm tra, giám sát quá trình xây dựng, quản lý và hoạt động của thiết chế văn hóa. Đoàn cơ sở và chi đoàn là thành viên trong hệ thống chính trị cấp cơ sở. Đoàn có vai trò là người đại diện cho tiếng nói và nhu cầu của thanh thiếu niên; là cầu nối giữa thanh thiếu niên với tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân; chăm lo bảo vệ quyền được tiếp cận thông tin, tư pháp và tham gia hoạt động văn hóa, khoa học kỹ thuật, dịch vụ xã hội, thể dục, thể thao tại các thiết chế văn hóa. Vai trò của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cũng thể hiện ở chỗ, Đoàn sẽ thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình vào tổ chức những hoạt động nhằm tập hợp, đoàn kết thanh thiếu niên; đảm bảo quyền tiếp cận về thông tin, dịch vụ xã hội; nâng cao kiến thức, nhận thức, kỹ năng và đáp ứng với nhu cầu vui chơi giải trí của thanh thiếu niên.

³ Trần Minh Chính (2023), Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở: Thực trạng và giải pháp phát triển, Tạp chí Văn hóa – Nghệ thuật số 524, tháng 02/2023.

⁴<https://pbgdpl.moj.gov.vn/qt/tl-pbgdpl/Lists/Sach/Attachments/239/To%20gap%2018%20-%20thietche%20VHTT.pdf>

2. Cơ chế, chính sách về thiết chế văn hóa, thể thao

Trong hơn nửa thế kỷ qua, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm sâu sắc đến xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao của đất nước, trong đó có sự nghiệp xây dựng và phát triển mạng lưới các thiết chế văn hóa, thể thao từ trung ương tới cơ sở, vùng sâu vùng xa, biên giới hải đảo. Đặc biệt, trong thời kỳ đổi mới (từ 1986 đến nay...), Đảng ta đã ban hành riêng cho lĩnh vực văn hóa hai nghị quyết rất quan trọng là Nghị quyết Trung ương năm khóa VIII (1998) Về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và Nghị quyết Trung ương chín khóa XI (2014) Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Thể chế hóa các nghị quyết của Đảng, Chính phủ đã ban hành Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 và Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030, trong đó thể hiện khá đầy đủ, toàn diện về phát triển mạng lưới thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở trong trung hạn và dài hạn. Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII cũng đã khẳng định: “Tiếp tục đổi mới toàn diện nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về văn hóa. Tăng cường đầu tư, khai thác và phát huy tối đa các nguồn lực văn hóa đi đôi với đổi mới nội dung, phương thức quản lý, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả; tăng cường kiểm tra, giám sát, bảo đảm hiệu quả đầu tư cao trong lĩnh vực văn hóa. Đổi mới, hoàn thiện các thiết chế văn hóa từ Trung ương đến cơ sở, bảo đảm hiệu quả...”⁵.

Bên cạnh đó, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã tham mưu và ban hành nhiều văn bản để hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, hoạt động và tiêu chí của thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở từ cấp tỉnh đến thôn, làng, bản, ấp... để thực hiện cụ thể: Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch tổng thể hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2563/QĐ-BVHTTDL ngày 03/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt Đề án “Nâng cao hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao ở nông thôn”; Thông tư số 03/2009/TT-BVHTTDL ngày 28/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm văn hóa tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26/2/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của tổ chức sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã; Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí

⁵ Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, Hà Nội, tr.146-147.

của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn; Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định mẫu về tổ chức và hoạt động của câu lạc bộ thể dục, thể thao cơ sở; Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2010 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 3 năm 2011 quy định mẫu về tổ chức hoạt động và tiêu chí của Nhà Văn hóa - Khu Thể thao thôn; Thông tư số 14/2016/TT-BVHTTDL ngày 21/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao phường, thị trấn...

Nhằm quy hoạch, xây dựng các điểm vui chơi giải trí cho thanh thiếu nhi trên toàn quốc, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu cho Chính phủ ban hành Quyết định số 2164/QĐ - TTg ngày 11/11/2013 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020. Chỉ tiêu trọng tâm của nhiệm kỳ 2017 - 2022 là “Xây dựng mới tại mỗi xã, phường, thị trấn ít nhất một điểm sinh hoạt, vui chơi cho thanh thiếu nhi”. Để thực hiện mục tiêu này, Hội đồng Đội Trung ương đã phối hợp cùng nhiều đơn vị tổ chức xây dựng các điểm sinh hoạt, vui chơi dành cho thanh thiếu nhi trên địa bàn dân cư. Đến nay, đã có nhiều khu vui chơi, bể bơi di động đã được trao tặng cho thanh thiếu nhi tại địa bàn dân cư.

3. Thực trạng quản lý, khai thác, sử dụng

Theo số liệu thống kê, tổng hợp của Cục Văn hóa cơ sở (Bộ Văn hóa, Thể thao và du lịch), đến nay đã có 42 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy hoạch xong quỹ đất dành cho xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao. Nhiều thiết chế văn hóa, thể thao đã được xây dựng hoặc sửa chữa nâng cấp to, đẹp, khang trang và chuyên đổi phương thức hoạt động có hiệu quả, phù hợp với cơ chế thị trường... Vai trò của các thiết chế văn hóa, thể thao cho thanh niên trong việc vận hành chung của nền văn hóa được nâng cao, đồng thời có vị trí ngày càng quan trọng trong phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và sự nghiệp xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh đang triển khai rộng khắp trong cả nước.

Cũng theo số liệu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tính đến hết tháng 8-2022, cả nước đã thực hiện xây dựng và đưa vào hoạt động hệ thống THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO cơ sở do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý bao gồm: 66 thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh (Trung tâm văn hóa hoặc Trung tâm văn hóa, nghệ thuật, Trung tâm văn hóa, điện ảnh, Trung tâm triển lãm...); 674/704 địa phương cấp huyện có Trung tâm văn hóa, thể thao hoặc Nhà văn hóa, đạt tỷ lệ 96%; 8.217/10.599 địa phương cấp xã có Trung tâm văn hóa, thể thao, đạt tỷ lệ 76,8% (trong đó 68,9% đạt chuẩn); 77.380/98.455 làng, thôn, ấp, bản có nhà văn hóa, đạt tỷ lệ 77% (trong đó 58% đạt chuẩn). Riêng lĩnh vực thể thao có gần 600 công trình đủ tiêu chuẩn thi đấu cấp quốc gia và quốc tế, 371 sân vận động có khán đài, 222 nhà thi đấu có khán đài đủ tiêu chuẩn quốc gia, 11.923 cụm sân thể thao các loại... Ngoài ra, ở cấp tỉnh, huyện có 627 sân điền kinh, 10.101 nhà tập, 4.110 sân bóng đá, 3.270 sân vận động không có khán đài, hơn 2.000 bể bơi các loại, 29.012 sân cầu lông và đá cầu, cùng với đó hầu hết các môn thể thao đều có cơ sở để tập luyện và thi đấu ở các mức độ khác nhau trên phạm vi cả nước. Đây là những

kết quả và thành tựu đáng ghi nhận bởi sự cố gắng của Nhà nước và nhân dân trong điều kiện mà nước ta còn đang ở ngưỡng của một quốc gia có trình độ phát triển và thu nhập ở mức trung bình trên thế giới.

Ngay từ đầu năm 2018, Hội đồng Đội Trung ương và Ban Công tác Thiếu nhi đã hướng dẫn các tỉnh, thành Đoàn, vận động các nhà tài trợ cùng tham gia cùng tổ chức Đoàn - Hội - Đội các cấp thực hiện sân chơi thiếu nhi trên địa bàn dân cư. Do nguồn lực chưa nhiều nên trong năm 2018, Hội đồng Đội Trung ương chọn các địa bàn đặc thù, khó khăn, chưa có sân chơi hoặc sân chơi đã xuống cấp mà không có điều kiện đầu tư sửa chữa để hỗ trợ, giúp các em thiếu nhi vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn có một sân chơi an toàn, lành mạnh. Việc trang bị bể bơi di động, dạy bơi miễn phí cũng phần nào giúp các em thiếu nhi học được kỹ năng phòng chống tai nạn thương tích, nhất là đuối nước. Bên cạnh sự hỗ trợ của Trung ương, nhiều tỉnh, thành phố đã chủ động tạo sân chơi cho thanh thiếu nhi tại địa phương. Ban Bí thư Trung ương Đoàn đã có văn bản gửi Ban Thường vụ các tỉnh, thành đoàn, Hội đồng Đội các tỉnh, thành phố, Ban Giám đốc hệ thống Nhà Thiếu nhi toàn quốc về triển khai tổ chức hoạt động hè cho thiếu nhi. Tại Trung ương diễn ra nhiều hoạt động như: Lễ khai mạc hè; phát động hưởng ứng “Tháng hành động vì trẻ em”; Diễn đàn “Quốc hội với trẻ em”; Giải Bơi học sinh, thiếu niên nhi đồng “Đường đua xanh”; trại hè tập huấn kỹ năng... Ngoài ra, Hội đồng đội Trung ương sẽ tiến hành trao tặng các công trình sân chơi, bể bơi di động cho thiếu nhi tại các khu vực biên giới, các xã khó khăn...

Không chỉ ở Trung ương, các tổ chức Đoàn - Hội - Đội các cấp đều có các chương trình sinh hoạt hè cho thiếu nhi với nội dung phong phú. Có thể kể đến các hoạt động giúp đỡ gia đình thương binh, liệt sĩ qua chương trình “Đền ơn đáp nghĩa”, “Uống nước nhớ nguồn”; các chuyến du khảo về vùng căn cứ cách mạng, lịch sử với chương trình “Hành trình đến với địa chỉ đỏ”; hoạt động thăm hỏi, tặng quà, chăm sóc Bà mẹ Việt Nam Anh hùng ... Bên cạnh đó, các em còn được tham gia được nhiều hoạt động vui chơi, giải trí, rèn luyện kỹ năng, nâng cao sức khỏe thể chất... Nhà văn hóa thiếu nhi các tỉnh, thành phố, quận, huyện cũng tổ chức nhiều lớp năng khiếu âm nhạc, thể dục - thể thao, sân chơi văn hóa, văn nghệ...

Đơn cử như tại Hà Nội, trên địa bàn thành phố hiện có 5.249 thiết chế, công trình văn hóa, thể thao, trong đó: 4.656 nhà văn hóa, điểm sinh hoạt thôn, tổ dân phố; 84 thiết chế văn hóa, thể thao cấp huyện; 125 trung tâm văn hóa, thể thao cấp xã; 27 thiết chế văn hóa, thể thao thuộc Sở Văn hóa và Thể thao. Ngoài ra còn có 06 thiết chế văn hóa do Ủy ban nhân dân Thành phố trực tiếp quản lý; 04 thiết chế, công trình văn hóa, thể thao thuộc Thành đoàn quản lý; 59 thiết chế, điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao do Liên đoàn lao động Thành phố quản lý; 290 thiết chế, điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao thuộc Công an Thành phố và Bộ tư lệnh Thủ đô. Các thiết chế văn hóa, thể thao khác thuộc quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội gồm 26 thiết chế, công trình văn hóa, thể thao. Trong đó 18 thiết chế văn hóa, 08 thiết chế thể thao. Thời gian qua, việc quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở vật chất cho thiết chế văn hóa, thể thao ngày một khang trang, công tác triển khai và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao từ thành phố đến cơ sở ngày một đi vào nề nếp có hiệu quả đích thực; công tác chuyên môn nghiệp vụ, tổ chức bộ máy và kinh phí hoạt động được coi trọng, việc tập huấn đào tạo cán bộ

ngày càng nâng cao, công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện thường xuyên liên tục, công tác xã hội hóa thu hút nhiều kết quả đáng ghi nhận. Nhờ vậy đã huy động được các nguồn lực trong xã hội nâng cao đời sống tinh thần của người dân và thanh niên. Bên cạnh đó, các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở được đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư xây dựng và phát triển hoạt động; đời sống văn hóa ổn định và từng bước phát triển, các dịch vụ văn hóa, thể thao phát triển, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa của thanh niên. Cùng với đó, Nghị quyết 29 của HĐND thành phố Hà Nội đã phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng Cung văn hóa, thể thao Thanh niên Hà Nội, mục tiêu quy hoạch tổng thể thành quần thể kiến trúc hiện đại, có cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động chính trị, giao lưu, các sự kiện lớn về văn hóa, thể thao, văn nghệ, vui chơi giải trí của thanh niên Thủ đô với thanh niên cả nước và thanh niên các nước trên thế giới. Ngoài ra, một trong những nhiệm vụ được cụ thể hóa trong Nghị quyết số 09 của Thành ủy Hà Nội về “Phát triển công nghiệp văn hóa trên địa bàn Thủ đô giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” là đầu tư, phát triển hệ thống các thiết chế văn hóa, thể thao. Giai đoạn 2015 - 2021, thành phố Hà Nội đã quan tâm đầu tư và hỗ trợ đầu tư cho 74 dự án văn hóa, thể thao với tổng nguồn kinh phí hơn 1.550 tỷ đồng. Giai đoạn 2016 - 2021, các quận, huyện, thị xã đã đầu tư hơn 11.900 tỷ đồng cho công tác xây dựng và hỗ trợ duy trì hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao. Cùng với đó, Thủ đô Hà Nội cũng đã xác định dành nguồn lực ở mức độ cao nhất trong khả năng của thành phố, trong giai đoạn từ 2021 - 2025 với khoảng 14.000 tỷ đồng đầu tư riêng cho lĩnh vực phát triển văn hóa nói chung.

Bên cạnh Bên cạnh hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao được đầu tư, xây dựng từ ngân sách Nhà nước, các khu công nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức đoàn thể chính trị đã mạnh mẽ đầu tư xây dựng các thiết chế phục vụ đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động. Chẳng hạn như tại Khu công nghiệp Mỹ Phước (thị xã Bến Cát) đầu tư 15 tỷ đồng xây dựng nhà hát sân khấu ngoài trời, cụm sân bóng đá Khu công nghiệp Mỹ Phước với 06 sân đạt tiêu chuẩn, hằng năm tổ chức đại hội thể dục-thể thao cơ sở các khu công nghiệp Mỹ Phước; trung tâm hỗ trợ thanh niên công nhân và lao động trẻ tỉnh Bình Dương tại Khu công nghiệp Mỹ Phước 3 (thị xã Bến Cát) rộng 15.446m² với tổng mức đầu tư 95,7 tỷ đồng, thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao chăm lo đời sống tinh thần cho công nhân lao động khu công nghiệp. Với cách làm nhạy bén, linh hoạt, tỉnh Thái Bình tích cực xây dựng mô hình nhà văn hóa, khu thể thao thôn, tổ dân phố kiểu mẫu. Mô hình Nhà văn hóa khu dân cư kiểu mẫu tại thôn Bích Du, xã Thái Thượng, huyện Thái Thụy có tổng kinh phí 670 triệu đồng, trong đó Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh hỗ trợ ban đầu 100 triệu đồng, huyện Thái Thụy hỗ trợ 50 triệu đồng; xã Thái Thượng hỗ trợ 150 triệu đồng, ngoài ra huy động nguồn xã hội hóa được 370 triệu đồng để đầu tư dụng cụ tập luyện thể thao ngoài trời cho khu thể thao thôn (cột, bóng, lưới môn bóng chuyền hơi; bàn, bóng, vợt bóng bàn; bàn cờ tướng...) và thiết bị cho nhà văn hóa thôn (tủ sách, ti-vi, wifi, loa đài âm thanh, bàn ghế...). Thời gian qua, thành phố Đà Nẵng cũng tập trung phát triển hoàn thiện thiết chế văn hóa gắn với bảo vệ giữ gìn cảnh quan văn hóa. Thành phố đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp Bảo tàng Đà Nẵng, Bảo tàng Mỹ thuật, Nhà trưng bày Hoàng Sa,

Thư viện Khoa học Tổng hợp, Bảo tàng Điều khắc Chăm, Nhà hát Tuồng Nguyễn Hiền Dĩnh, tu bổ, phục hồi di tích Thành Điện Hải (giai đoạn 1)... góp phần tạo cơ sở vật chất và điều kiện thuận lợi cho sự phát triển các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao và phục vụ nhu cầu thụ hưởng văn hóa của người dân⁶.

Tuy vậy, hệ thống các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp trên địa bàn Thành phố hiện nay cơ sở vật chất nhiều nơi đã bị xuống cấp, trang thiết bị phục vụ hoạt động chưa đồng bộ, chất lượng chưa cao. Đối với một số thiết chế văn hóa cấp Thành phố, nhất là các Nhà hát tình trạng xuống cấp nhanh, trang thiết bị thiếu, không đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu hoạt động; các thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ công nhân tại các Khu công nghiệp còn hạn chế. Vẫn còn địa phương chưa bố trí được quỹ đất xây dựng Nhà văn hóa, Khu thể thao hoặc đã có quy hoạch đất nhưng triển khai chậm hoặc thực hiện không đảm bảo theo quy định. Công tác quy hoạch, xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao ở một số địa phương thiếu tính liên kết. Hệ thống hạ tầng, trang thiết bị công nghệ điện ảnh của khu vực công lập còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân. Hạ tầng thực hiện thư viện điện tử còn hạn chế. Nhiều công trình thể thao đã xuống cấp nhưng chưa được đầu tư cải tạo, sửa chữa như khu nhà ở vận động viên, nhà ăn, nhà y tế, công trình khu nhà tập luyện Bắn súng... Một số cơ sở văn hóa đã được đầu tư cải tạo, sửa chữa nhưng nguồn kinh phí còn thấp, chủ yếu là nguồn vốn sự nghiệp. Một số thiết chế không có sân khấu biểu diễn, thiếu trang thiết bị. Nhiều thiết chế được xây dựng từ lâu, việc cải tạo, sửa chữa chưa thực sự khắc phục được hoàn toàn các hạn chế của công trình, nên đơn vị gặp khó khăn trong công tác khai thác và phát huy hiệu quả hoạt động... Trong bối cảnh có tới 44/63 tỉnh thành không có nhà hát, rạp chiếu phim; các nhà hát, rạp chiếu phim khu vực công hiện có tại các tỉnh thành cũng xuống cấp, trang thiết bị lạc hậu; nhiều bảo tàng, thư viện Nhà nước hoạt động cầm chừng, ít hiệu quả thì hoạt động của các thiết chế tư nhân qua một số thiết chế tiêu biểu nêu trên cho thấy ý nghĩa thiết thực và vai trò của các thiết chế văn hóa, thể thao tư nhân trong đời sống cộng đồng nước ta hiện nay.

Qua kết quả khảo sát của nhiều chuyên gia về lĩnh vực văn hóa, thể thao các địa phương, tình trạng công nhân “đói văn hóa, đói thể thao” diễn ra khá phổ biến trong thanh niên công nhân, ngay cả những địa phương có thời gian phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất dài từ 10 đến gần 30 năm như Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Biên Hòa (Đồng Nai)... Theo thống kê của Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh gần đây, hiện địa phương này chỉ có 9/17 khu công nghiệp, khu chế xuất có trung tâm sinh hoạt văn hóa, thể thao cho công nhân, chiếm chưa đến 60%. Trong số này, chỉ có 1 trung tâm sinh hoạt thể thao tại Khu chế xuất Tân Thuận là hoạt động thường xuyên. Những cơ sở hạ tầng phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao ở các khu công nghiệp, khu chế xuất của Thành phố Hồ Chí Minh không đáp ứng đủ nhu cầu của hàng nghìn công nhân. Còn ở một số tỉnh phía Bắc, nơi có nhiều Khu công nghiệp như Bắc Ninh, Hưng Yên, Bắc Giang... tình trạng này cũng không có gì khả quan hơn⁷.

⁶ <https://nhandan.vn/xay-dung-doi-song-moi-tu-thiet-che-van-hoa-co-so-post775236.html>

⁷ <https://ct.qdnd.vn/van-hoa-xa-hoi/quan-tam-xay-dung-thiet-che-van-hoa-cho-cong-nhan-528925>

Từ thực tiễn nêu trên, vẫn còn một số hạn chế bất cập trong hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao cho thanh niên như:

Thứ nhất, phải thừa nhận rằng vẫn còn tồn tại việc nhiều cấp ủy đảng, chính quyền các cấp cũng như các cơ quan chức năng liên quan trong lĩnh vực đầu tư, văn hóa, tài nguyên môi trường... chưa thật sự coi phát triển văn hóa, thể thao nói chung và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cho thanh niên là nhiệm vụ cấp bách, thường xuyên và ưu tiên trong chiến lược phát triển văn hóa và con người. Mức đầu tư cho văn hóa, thể thao trong nhiều năm qua vẫn chưa được coi là tương xứng với vai trò, vị thế là nền tảng tinh thần, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển bền vững đất nước.

Thứ hai, chất lượng và tính bền vững của các công trình văn hóa, thể thao ngắn và nhanh xuống cấp. Việc xây dựng các công trình không đúng với công năng và đặc thù truyền thống văn hóa các vùng miền, địa phương và quy mô dân số thanh niên của địa phương gây lãng phí. Việc lựa chọn địa điểm xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao cho thanh niên ở nhiều nơi không thuận lợi cho thu hút thanh niên tham gia các hoạt động. Nhiều thiết chế, công trình chưa tính toán được tương quan giữa quy mô với nhu cầu sử dụng, khai thác. Việc mua sắm hệ thống trang thiết bị vận hành công trình đôi khi còn chưa đồng bộ, tiết kiệm, chưa phù hợp và kém chất lượng...

Thứ ba, quỹ đất để xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao cho thanh niên còn hạn chế. Tại một số địa phương, nhiều công trình thiết chế văn hóa, thể thao có vị trí đắc địa, thuận lợi với hoạt động cộng đồng bị hoán đổi với các công trình kinh doanh, buôn bán... nhưng lại bị chậm xử lý.

Thứ tư, kinh phí để xây dựng mới, sửa chữa hoặc nâng cấp, mua sắm trang thiết bị của các thiết chế văn hóa, thể thao cho thanh niên nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển toàn diện, đồng bộ, nhất là các địa phương chưa tự chủ được về tài chính. Đáng lưu ý, tình trạng các thiết chế văn hóa, thể thao bị đóng cửa, dừng hoạt động do không được cấp kinh phí duy trì hoạt động thường xuyên hoặc cung cấp nhỏ giọt, đứt quãng là khá phổ biến. Tình trạng không hoạt động hoặc hoạt động cầm chừng này dẫn đến nhiều hệ lụy như sự xuống cấp của cơ sở vật chất, không phát huy được tác dụng của thiết chế, gây ra dư luận xã hội bức xúc... Việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật để khuyến khích nguồn lực xã hội hóa vẫn còn không ít vướng mắc đối với các thành phần kinh tế tham gia vào đầu tư, kinh doanh văn hóa...

Thứ năm, nguồn lực cán bộ quản lý và chuyên môn nghiệp vụ trong bộ máy vận hành của các thiết chế văn hóa, thể thao cho thanh niên nhìn chung còn ở mức thấp. Tại nhiều nơi, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn vừa thiếu, vừa yếu đội ngũ này. Đối với nhân lực vận hành các thiết chế văn hóa, thể thao cho thanh niên ở cấp thôn, bản thì hầu hết là nhiệm vụ kiêm nhiệm của các trưởng thôn, bí thư chi bộ hoặc cán bộ các đoàn thể như Mặt trận, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh... Họ hầu như không được đào tạo, dù chỉ là bồi dưỡng trong các lớp tập huấn ngắn ngày ở địa phương. Đây là tình trạng rất nan giải, liên quan trực tiếp đến việc duy trì và chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao. Cùng với

đó là chế độ lương, chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ nhân lực này còn ở mức rất thấp, thậm chí không có chế độ gì.

Thứ sáu, nội dung hoạt động và phương thức quản lý vận hành của các thiết chế văn hóa, thể thao cho thanh niên ở nhiều địa phương không bắt kịp những đòi hỏi cao và luôn thay đổi của xã hội và của chính thanh niên. Nhiều thiết chế trong trường hợp được đầu tư đầy đủ cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ có trình độ khá cao cũng gặp nhiều khó khăn, lúng túng và chịu nhiều áp lực trong thực hiện nhiệm vụ hoạt động của một đơn vị có thu theo quy định hiện hành của Nhà nước... Việc thực thi các quy định về quyền tự chủ của các đơn vị sự nghiệp còn nhiều vướng mắc.

4. Kiến nghị, đề xuất

Từ thực trạng nêu trên, tác giả có một số kiến nghị, đề xuất nhằm nâng cao chất lượng của các thiết chế văn hóa, thể thao cho thanh niên bao gồm:

Một là, kiến nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các ngành liên quan kiểm tra, đôn đốc các địa phương thực hiện nghiêm quy hoạch về quỹ đất cho xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao cho thanh niên; kiên quyết xử lý nghiêm các sai phạm trong việc hoán đổi hoặc thu hồi đất của các thiết chế văn hóa, thể thao cho thanh niên để dành cho mục đích khác trái pháp luật.

Hai là, các cơ quan chức năng và chính quyền cần rà soát lại cơ chế, chính sách và các quy định của pháp luật để nếu có thể, sửa đổi và bổ sung các quy định mới trong lĩnh vực đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao có sử dụng ngân sách Nhà nước, nhằm nâng cao chất lượng các công trình xây dựng và đồng bộ hóa giữa công tác xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho các thiết chế này. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và phù hợp, cân đối giữa số lượng các thiết chế văn hóa, thể thao với quy mô dân số thanh niên của từng địa phương, khu vực.

Ba là, có mức thù lao và kinh phí xứng đáng cho đội ngũ cán bộ phụ trách công tác vận hành, tổ chức các hoạt động tại các thiết chế văn hóa, thể thao. Nhà nước cần khẩn trương nghiên cứu và xây dựng các cơ chế chính sách tiền lương, phụ cấp mang tính đặc thù ngành để ổn định hệ thống bộ máy, động viên và nuôi dưỡng nguồn nhân lực cho việc duy trì hoạt động có chất lượng của các thiết chế văn hóa, thể thao cho thanh niên. Các địa phương và ngành văn hóa, thể thao cần có chủ trương, kế hoạch trung hạn và dài hạn mang tính chiến lược để đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và chuyên môn nghiệp vụ vận hành các thiết chế văn hóa, thể thao, đặc biệt là đối với các thiết chế văn hóa, thể thao ở cấp xã, thôn.

Bốn là, thường xuyên đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao phù hợp với cơ chế thị trường, với các nhu cầu thị hiếu luôn thay đổi của thanh niên; đồng thời vẫn bảo tồn, duy trì các hoạt động mang tính bản sắc và truyền thống văn hóa của từng địa phương.

Năm là, tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý, cơ chế chính sách khuyến khích các hoạt động xã hội hóa văn hóa trong đầu tư xây dựng các thiết chế, các tụ điểm văn hóa, thể thao cho thanh niên, từ đó tiến đến hình thành và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao ở khu vực tư bên cạnh hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao khu vực công, để làm phong phú, đa dạng hơn đời sống văn hóa tinh thần

của thanh niên trên các địa bàn dân cư trong cả nước, đem lại diện mạo tươi trẻ, sự cuốn hút và sức sống bền vững cho nền văn hóa Việt Nam.

Sáu là, Đoàn cần tập trung đầu tư phát triển và nâng cao chất lượng các thiết chế văn hóa, điểm sinh hoạt, vui chơi giải trí lành mạnh cho thiếu nhi, trong đó phát huy vai trò của hệ thống Cung, Nhà thiếu nhi, Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi... Các cơ quan báo chí, xuất bản của Đoàn tăng cường các tuyến tin, bài giáo dục đạo đức, lối sống văn hóa, thúc đẩy thói quen đọc sách theo hướng trẻ trung, hiện đại, bắt nhịp với thị hiếu, xu hướng mới của giới trẻ.

Bảy là, hằng năm tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả triển khai các nội dung phát triển thiết chế văn hóa, thể thao cho thanh niên. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết nhằm đánh giá rút ra bài học kinh nghiệm và điều chỉnh các nội dung triển khai phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương và từng đối tượng thanh niên./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Minh Chính (2023), Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở: Thực trạng và giải pháp phát triển, Tạp chí Văn hóa – Nghệ thuật số 524, tháng 02/2023.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, Hà Nội, tr.146-147.
3. Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam (2003), Từ điển Bách khoa Việt Nam, NXB. Từ điển Bách khoa.

NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO CẤP XÃ, PHƯỜNG, THÔN, BẢN - THỰC TRẠNG VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

TS. Hoàng Thị Bình

Phó Viện trưởng

Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở (xã/phường, thôn/bản, tổ dân phố, khu dân cư) đóng vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến các tầng lớp nhân dân, đồng thời là nơi sinh hoạt cộng đồng, là địa điểm tổ chức các hoạt động văn hóa, thông tin, thể thao, tạo điều kiện thuận lợi để mọi người dân được tham gia sáng tạo và phổ biến các sản phẩm văn hóa, góp phần xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh, tiến bộ, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa cơ sở. Vấn đề đầu tư nguồn lực để phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở là yếu tố cơ bản để duy trì sự phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa cơ sở đang đặt ra những vấn đề bất cập cần được nghiên cứu, giải quyết. Bài viết nghiên cứu thực trạng đầu tư nguồn lực cho phát triển hệ thống thiết chế cấp xã/phường, thôn/bản, tổ dân phố hiện nay nhằm đề xuất một số giải pháp thực hiện để củng cố và xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở ngày càng hoàn thiện, phát huy hiệu quả, thực sự là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ, sáng tạo của nhân dân tại các cộng đồng dân cư hiện nay.

1. Khái niệm, vai trò của thiết chế văn hóa, thể thao cấp cơ sở xã/phường

1.1. Khái niệm

Thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở (Thiết chế văn hóa, thể thao xã/phường) là một mô hình văn hóa tổng hợp, đa chức năng nhằm để duy trì và phát triển các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao. Thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở là các cơ sở vật chất nhằm phục vụ cho các hoạt động văn hóa thông tin, thể thao ở cơ sở cùng các cơ chế vận hành và các quy định đảm bảo cho thiết chế đó tồn tại và phát triển.

Thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở là tổ chức hoạt động thuộc lĩnh vực văn hóa thông tin, thể thao do chính quyền và nhân dân cơ sở tạo lập nên, đáp ứng các nhu cầu sinh hoạt chung của cộng đồng nhằm xây dựng nền tảng chính trị, tư tưởng để đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường sự đoàn kết giữa Đảng, Chính quyền và các tổ chức đoàn thể quần chúng, bảo đảm thực hiện quy chế dân chủ để cùng tổ chức xây dựng và tổ chức thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội của địa phương. Thiết chế văn hóa thông tin cơ sở có chức năng giáo dục văn hóa ngoài nhà trường, nâng cao dân trí, góp phần phát triển dân sinh, dân chủ ở cơ sở.

Thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở cùng với các hoạt động đa dạng của nó còn là yếu tố gắn kết cộng đồng, điều chỉnh các mối quan hệ ở địa bàn dân cư, tuyên truyền chủ trương, chính sách của đảng và Nhà nước đến với mọi người dân; cổ vũ nhân dân thực hiện các nhiệm vụ kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng; tiến hành các

cuộc vận động và phong trào thi đua, thúc đẩy việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, phản ánh ý kiến của quần chúng về xây dựng Đảng và chính quyền. Đây là kênh thông tin tuyên truyền sinh động bằng các hình thức thông tin tuyên truyền đa dạng và phong phú, rất hợp với quần chúng và cũng là nơi tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, vui chơi giải trí, luyện tập thể thao... thông qua đó đáp ứng nhu cầu của quần chúng trực tiếp nhận thông tin, nâng cao dân trí, hưởng thụ và sáng tạo các giá trị văn hóa của quần chúng nhân dân ở cơ sở.

Theo quan niệm hiện hành về thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phải đảm bảo các yếu tố sau:

- Có địa điểm, cơ sở vật chất bảo đảm, có phương tiện trang thiết bị chuyên dùng.
- Có tổ chức bộ máy hợp lý và cán bộ nghiệp vụ văn hóa thông tin, thể thao.
- Có các cơ chế hoạt động và các chế độ đãi ngộ cần thiết.
- Có đối tượng tham gia và nội dung, chương trình hoạt động thường xuyên.

1.2. Vai trò của thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở

Bất kỳ thời đại nào, chế độ xã hội nào cũng cần có các thiết chế văn hóa của mình để chuyên tải văn hóa chính thống của Nhà nước đến với các tầng lớp nhân dân, đồng thời để tổ chức các hoạt động văn hóa phù hợp với yêu cầu chuẩn mực, đạo đức, lối sống, tập quán của thời đại và của cộng đồng. Thực tiễn đã khẳng định hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở không thể thiếu được trong đời sống văn hóa của nhân dân, giữ vai trò nòng cốt trong tổ chức các hoạt động tuyên truyền phục vụ các nhiệm vụ chính trị, xã hội của đất nước, của địa phương, đơn vị. Đồng thời, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đã khẳng định vai trò chỉ đạo, hướng dẫn các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao từ tỉnh đến cơ sở và là diện mạo văn hóa của mỗi địa phương, cộng đồng.

Các thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã/phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) do Ủy ban nhân dân xã quản lý, Ban Văn hóa xã được giao trực tiếp sử dụng và phát huy hiệu quả cơ sở vật chất các thiết chế hiện có trên địa bàn. Đây là công cụ đắc lực của Đảng và Nhà nước trong việc tuyên truyền chủ trương đường lối, chính sách pháp luật và là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân ở cơ sở. Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị, các phong trào, các cuộc vận động của các tổ chức đoàn thể, của các ngành các cấp. Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã đã khẳng định vai trò hướng dẫn và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cho quần chúng nhân dân ở cơ sở tạo nên đời sống tinh thần lành mạnh, phong phú trong mỗi địa phương, góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của quê hương, đất nước; là địa điểm thuận lợi cho người dân địa phương tham gia hoạt động, sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hóa nghệ thuật, thể dục, thể thao.

Nhà văn hóa - Khu thể thao, thôn, làng, khu phố có chức năng, nhiệm vụ là nơi tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức khoa học, kỹ thuật; giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống, nếp sống văn hóa lành mạnh trên địa bàn thôn, làng, khu phố. Là nơi sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao, vui chơi, giải trí, nâng cao mức hưởng

thụ văn hóa của nhân dân, nơi tổ chức hội họp, học tập cộng đồng và các sinh hoạt khác của địa phương. Là nơi tổ chức hội họp, tuyên truyền phổ biến các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đóng góp tích cực vào việc bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc, tăng cường sự đoàn kết gắn bó cộng đồng, góp phần cải thiện đời sống, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở cơ sở.

Mặt khác: Thông qua các hoạt động phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước, thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng, tổ chức và phát triển phong trào văn hóa, thể thao và du lịch ở cơ sở. Bằng các hoạt động chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ, thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đã hướng dẫn và tạo điều kiện cho nhân dân chủ động tham gia tổ chức và quản lý các hoạt động văn hóa, thể thao ở địa bàn dân cư. Thông qua sự chủ động tham gia tổ chức hoạt động văn hóa của nhân dân, phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được củng cố và phát triển. Chất lượng của gia đình, làng, thôn, ấp, bản, đơn vị văn hóa được nâng cao góp phần xây dựng môi trường văn hóa ổn định ở cơ sở, tạo điều kiện cho sự gia tăng phát triển đời sống kinh tế xã hội ở các địa phương.

2. Thực trạng nguồn lực trong xây dựng phát triển thiết chế văn hóa cơ sở

2.1. Định hướng của Đảng, cơ chế chính sách của Nhà nước về xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa

Những năm qua, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm chỉ đạo và có những chủ trương, chính sách để xây dựng đời sống văn hóa, trong đó có xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao ở cơ sở. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (tháng 6 năm 1998) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, Đảng định hướng: Nghị quyết cũng đề ra biện pháp *“Phát triển và không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động của các thiết chế văn hóa ở cơ sở; đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa trọng điểm tầm quốc gia. Tăng cường hoạt động của các tổ chức văn hóa, nghệ thuật chuyên nghiệp, phát triển phong trào quần chúng hoạt động văn hóa, nghệ thuật”*¹

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX (tháng 01 năm 2001) đã đề ra chỉ tiêu *phấn đấu đến năm 2005 cả nước có 78% xã, phường có nhà văn hóa*, đó chính là điểm tựa vật chất, tạo điều kiện cho nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình trong việc nâng cao đời sống tinh thần ở cơ sở.

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X (tháng 01 năm 2006) về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 định hướng cụ thể: *“Phát triển văn hóa nền tảng tinh thần của xã hội, xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, đáp ứng yêu cầu của xã hội và con người trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá... Xúc tiến xã hội hoá các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thông tin với bước đi thích hợp cho từng loại hình, từng vùng”*. “Xây dựng và nâng cấp đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, chú trọng các

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H, tr.59-60.

công trình văn hóa lớn, tiêu biểu.” *Huy động các nguồn lực và sức sáng tạo trong xã hội để đầu tư xây dựng các công trình và thiết chế văn hóa...*².

Năm 2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030 với **quan điểm:** *Quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đồng bộ về cơ sở vật chất; trang thiết bị; tổ chức bộ máy, cán bộ; tổ chức các hoạt động; thu hút và tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân thường xuyên đến sinh hoạt, hưởng thụ văn hóa, luyện tập thể dục, thể thao và vui chơi giải trí. Mục tiêu chung:* Đến năm 2020, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở được phát triển đồng bộ, từng bước khắc phục tình trạng chênh lệch về mức hưởng thụ văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí của nhân dân ở các vùng, miền, khu vực trong cả nước; Đến năm 2030, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phát triển đạt các tiêu chí quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. **Mục tiêu cụ thể** đến năm 2020: 70% số thôn (riêng ở khu vực miền núi là 50%) có Nhà Văn hóa - Khu Thể thao, trong đó được đầu tư trang thiết bị và dành tối thiểu 30% thời gian sử dụng trong năm để tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em. 80% số đơn vị hành chính xã (riêng ở khu vực miền núi là 60%) có Trung tâm Văn hóa - Thể thao, trong đó được đầu tư trang thiết bị và dành tối thiểu 30% thời gian sử dụng trong năm để tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em. Những địa phương chưa có đủ điều kiện để xây dựng tại mỗi đơn vị hành chính cấp xã một Trung tâm Văn hóa - Thể thao, có thể xây dựng tại cụm xã (3 đến 5 xã) một Trung tâm Văn hóa - Thể thao.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2010 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã; Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 3 năm 2011 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn; Thông tư số 05/2014/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 5 năm 2014, của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, về việc sửa đổi, bổ sung Điều 6 của Thông tư số 12/2010/TT- BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2010 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã.

2.2. Kết quả thực hiện các nguồn lực đầu tư phát triển thiết chế văn hóa cơ sở

Căn cứ vào định hướng của Đảng, cơ chế chính sách của Nhà nước, hướng dẫn tiêu chí cụ thể của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Quán triệt tinh thần Nghị quyết Trung ương V (khoá VIII) của Đảng, ngành văn hóa, thể thao và du lịch đã hướng mọi hoạt động văn hóa thông tin về cơ sở, xác định rõ xã, phường, làng, bản, cụm dân cư là đơn vị cần tăng cường xây dựng các thiết chế về văn hóa. Xuất phát từ quan điểm đó, việc xây dựng Nhà văn hóa xã, phường, thôn, bản đã trở thành phong trào rộng khắp toàn quốc. Phương thức xây dựng Nhà văn hóa xã, phường, thôn bản được tiến hành bằng nhiều biện pháp do sự chủ động, linh hoạt, sáng tạo

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H, tr.106,214-214.

của từng địa phương, kết hợp vừa xây mới, vừa khôi phục tận dụng sử dụng những thiết chế truyền thống sẵn có như đình làng, đồng thời xây dựng mới. Hệ thống thiết chế văn hóa, thông tin, thể thao từ cấp xã đến thôn, làng ở các địa phương trong cả nước đã được đầu tư xây dựng, phục vụ kịp thời các nhiệm vụ chính trị và tổ chức các hoạt động văn hóa, thông tin, thể thao trên địa bàn, góp phần nâng cao đời sống tinh thần, tạo điều kiện để các tầng lớp nhân dân tham gia sinh hoạt cộng đồng. Từ các xã/phường, thị trấn và khu dân cư, thôn, làng hệ thống thiết chế văn hóa, thông tin, thể thao được xây dựng đã đóng vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến các tầng lớp nhân dân, đồng thời là nơi sinh hoạt cộng đồng, là địa điểm tổ chức các hoạt động văn hóa, thông tin, thể thao, tạo điều kiện thuận lợi để mọi người dân được tham gia sáng tạo và phổ biến các sản phẩm văn hóa, góp phần xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh, tiến bộ, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa cơ sở. Theo số liệu tổng hợp của Bộ Văn hóa, thể thao và Du lịch: Năm 2017, cả nước có 70 thiết chế văn hóa cấp tỉnh (Trung tâm văn hóa, Nhà triển lãm); 509/713 Quận, huyện có Trung tâm Văn hóa hoặc Nhà Văn hóa huyện (đạt tỷ lệ khoảng 83,3%); 6.102/11162 xã/phường, thị trấn có Trung tâm Văn hóa - Thể thao đạt tỷ lệ 55,3% (trong 6.102 Trung tâm hiện có, có 30% đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch); 68.222/113.607 thôn, bản, buôn, làng có Nhà văn hóa đạt tỷ lệ 60% (trong 68.222 Nhà văn hóa hiện có, có 47% đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)³. Hiện nay, cả nước có: 66 Trung tâm văn hóa cấp tỉnh (Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật, Trung tâm Văn hóa-Điện ảnh; Trung tâm Văn hóa - Thông tin; Trung tâm Thông tin - Triển lãm, Tên gọi khác); 683/713 Trung tâm Văn hóa -Thông tin (Thể thao) cấp huyện (Nhà Văn hóa) và tương đương; 8.150/11.162 Nhà Văn hóa cấp xã và tương đương; 78.335/103.973 Nhà Văn hóa cấp làng (thôn, ấp, bản...) và tương đương⁴.

Hệ thống thiết chế cơ sở hoạt động dựa trên các nguồn lực đầu tư và phát triển như sau:

Về nguồn lực đầu tư, xây dựng phát triển: Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở được đầu tư thông qua chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa chỉ cho việc xây dựng và phát triển đời sống văn hóa thông tin cơ sở, cụ thể như việc đầu tư hỗ trợ về trang thiết bị, chương trình hoạt động cho các điểm văn hóa cộng đồng và các nhà văn hóa cơ sở; hoặc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; chương trình phát triển kinh tế văn hóa của mỗi địa phương⁵.

³ Nguồn: Dẫn theo Quốc hội khóa XIV (Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, thiếu niên, nhi đồng của Quốc hội) (2017), *Tài liệu Hội nghị tham vấn chuyên gia về tình hình thực hiện nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hóa cơ sở*, Hà Nội, tháng 7-2017.

⁴ Nguồn: Dẫn theo Ban Tuyên giáo Trung ương (2021), *Báo cáo Kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa dân tộc; Xây dựng, phát triển văn hóa sau 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước; Các định hướng, giải pháp chủ yếu nhằm phát triển văn hóa, con người Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng (Phụ lục 2: Kết quả xây dựng văn hóa cơ sở, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc)*, Báo cáo ngày 22 tháng 11 năm 2021 được trình bày tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24-11-2023, Hà Nội.

⁵ Tại các địa phương nhân dân đã đóng góp hàng tỷ đồng để xây dựng nhà văn hóa, sân thể thao, khu vui chơi trẻ em. Tỉnh Lào Cai năm 1999, toàn tỉnh mới chỉ có 12 thôn, bản có nhà văn hóa nhưng đến năm 2015, toàn tỉnh có 1.386 nhà văn hóa, trong đó 1.322 nhà văn hóa thôn, tổ dân phố. Tổng kinh phí đầu tư xây dựng nhà văn hóa

Thực hiện chủ trương xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể thao các cấp, các ngành cơ sở các địa phương luôn chủ động tìm các biện pháp để huy động sự đóng góp về sức người, sức của từ nhân dân, các tổ chức, doanh nghiệp tài trợ để xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở. Nhiều nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố đã được nhân dân đóng góp, ủng hộ ngày công, vật liệu, đóng góp mua sắm trang thiết bị như: tăng âm, loa đài, phong, cờ, bàn ghế.

Về nguồn lực cán bộ quản lý thiết chế: Việc quản lý thiết chế văn hóa cơ sở xã/phường (Trung văn hóa, thể thao xã, Trung tâm Văn hóa - Học tập cộng đồng) hiện nay đều bố trí cán bộ công chức văn hóa - xã hội kiêm nhiệm.

Nhà văn hóa, khu thể thao thôn, bản, tổ dân phố do trường thôn, bản, tổ dân phố quản lý theo mô hình có Ban chủ nhiệm hoạt động theo nguyên tắc kiêm nhiệm tự trang trải nguồn kinh phí xã hội hóa hoặc ngân sách của địa phương cấp hỗ trợ. Một số địa phương đã xây dựng được đội ngũ cộng tác viên văn nghệ, thể thao khá bài bản, làm nòng cốt để đẩy mạnh phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao quần chúng ở địa bàn cơ sở thôn/làng, bản, tổ dân phố, khu phố.

Về cơ chế tài chính phục vụ hoạt động cho các thiết chế văn hóa cơ sở:

Kinh phí hoạt động của các thiết chế văn hóa cơ sở xã/phường chủ yếu do chính quyền cơ sở xã phường cấp. Kinh phí hoạt động của các nhà văn hóa làng/thôn, bản, tổ dân phố hiện nay rất ít và hầu như không có, nếu có thì chủ yếu là do nhân dân tự đóng góp để tổ chức các hoạt động.

Đánh giá chung

Trong những năm qua, việc xây dựng hoàn thiện và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở từ cấp xã/phường đến thôn/làng, tổ dân phố, khu phố được

thôn bản trong giai đoạn từ năm 2000 đến nay khoảng 106 tỷ đồng, trong đó kinh phí Nhà nước đầu tư 51 tỷ đồng, kinh phí xã hội hóa (nhân dân đóng góp) 49 tỷ đồng, nguồn hỗ trợ khác 6,6 tỷ đồng. Ngoài ra, riêng kinh phí đầu tư xây dựng nhà văn hóa xã giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 142,3 tỷ đồng. Toàn tỉnh có 829/1322 nhà văn hóa được cấp trang thiết bị hoạt động (đạt 62,7%), có 1014 đội văn nghệ và 977 đội thể thao thôn bản góp phần quan trọng nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân. Tại tỉnh Sơn La, đến năm 2016, toàn tỉnh hiện có 194/206 nhà văn hóa cấp xã; 1.924/3.296 nhà văn hóa thôn/bản, tiểu khu, tổ dân phố đã được đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động, trong đó: mỗi nhà văn hóa xã được tỉnh cấp hỗ trợ 50 triệu/xã, giao cho huyện làm chủ đầu tư xây dựng với phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm với tổng vốn toàn tỉnh gần 20 tỷ đồng, vốn ngân sách Nhà nước cấp 9.650 tỷ đồng, số còn lại do nhân dân đóng góp bằng nhiều nguồn như đóng góp công lao động, nguyên vật liệu, kinh phí...; Nhà văn hóa thôn bản được tỉnh cấp hỗ trợ với các mức 30 triệu/thôn, bản có từ 49 hộ trở xuống, 50 triệu/bản có 50 hộ trở lên, tổng vốn đầu tư gần 40 tỷ đồng, trong đó nguồn ngân sách Nhà nước cấp gần 15 tỷ, số còn lại do nhân dân đóng góp. Mô hình nhân dân tự đầu tư xây dựng toàn bộ đã xây dựng 671 Nhà văn hóa, có những nhà văn hóa được đầu tư hàng tỷ đồng hoàn toàn do nhân dân tự đóng góp. Đến nay 100% các xã có trạm y tế. (Nguồn: (2016), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học Xây dựng đời sống văn hóa nông thôn mới Khu vực vùng núi phía Bắc (tháng 10 năm 2016)*, tr.118, 257- 258), Tỉnh Bắc Ninh: Đã hỗ trợ xây mới nhà văn hóa nên 200 triệu/nhà văn hóa mới. Sân vận động cấp xã xây mới là 2 tỷ/sân. Sân vận động cấp thôn là 200 triệu/sân. Về kinh phí hoạt động sự nghiệp văn hóa là 24 triệu đồng/xã/năm; thể dục, thể thao là 15 triệu đồng/xã/năm. Tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định hỗ trợ, cải tạo và xây dựng mới nhà văn hóa thôn theo các mức: Hỗ trợ 5 xã đặc biệt khó khăn tỉnh chỉ đạo xây dựng nông thôn mới: xây mới 100 triệu đồng/nhà, nâng cấp 70 triệu đồng/nhà; Hỗ trợ cho các xã hoàn thành xây dựng nông thôn mới đến năm 2020: 80 triệu đồng/nhà, nâng cấp; 50 triệu đồng/nhà; Hỗ trợ cho các xã đặc biệt khó khăn của tỉnh: xây mới: 80 triệu; Đối với các xã/phường còn lại: hỗ trợ các thôn, khối phố chưa có nhà văn hóa: 60 triệu đồng/nhà. Về xây mới sân tập thể thao: Hỗ trợ cho các xã hoàn thành xây dựng nông thôn mới đến năm 2020: 100 triệu đồng /sân; các xã còn lại chưa có sân tập thể thao: 60 triệu đồng/sân. Nguồn: “Báo cáo Thực trạng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở - Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch tỉnh Lạng Sơn”, trong *Tài liệu Hội nghị nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở*, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Văn hóa cơ sở), Cần thơ, tháng 10-2017, tr.110-111.

quan tâm đầu tư: thường xuyên được xây dựng, tu sửa, nâng cấp. Về cơ bản, đa số các Trung tâm văn hóa, thể thao xã và Nhà văn hóa làng, thôn, bản đã thực hiện quy hoạch quỹ đất đúng theo quy định tiêu chí do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn. Công tác trang cấp trang thiết bị hoạt động cho thiết chế văn hóa hầu hết các nhà văn hóa được quan tâm đầu tư từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và sự nỗ lực của chính quyền cơ sở các cấp, đến nay về cơ bản các xã, phường, thị trấn đã có đủ phương tiện nghe nhìn phục vụ các hoạt động văn hóa, thông tin của địa phương. Việc xây dựng và tổ chức hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở từ cấp xã/phường đến thôn/làng, tổ dân phố, khu phố đã có tác động tích cực, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của các tầng lớp nhân dân trên địa bàn cơ sở, tích cực góp phần vào việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, thúc đẩy kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của từng địa bàn cơ sở và cả nước. Hầu hết các nhà văn hóa đều được trang bị các trang thiết bị thiết yếu như: bàn, ghế, tăng âm, loa đài... để tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật; giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống, nếp sống văn minh; tổ chức hội họp, hội nghị tập huấn, hội nghị sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội hằng năm; tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và một số các hoạt động khác.

Đa số các thiết chế văn hóa cơ sở đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền phục vụ các nhiệm vụ chính trị sản xuất và đời sống của nhân dân; tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao... Các thiết chế văn hóa, thể thao thôn, bản, tổ dân phố thường xuyên phát huy tính năng tác dụng phục vụ có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị như: Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến tận người dân; phổ biến kiến thức khoa học, kỹ thuật; tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động, giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống, nếp sống văn hóa lành mạnh trên địa bàn; tổ chức sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi giải trí và các hình thức hoạt động khác nhằm nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Thiết chế văn hóa, thể thao thực sự là ngôi nhà chung của bà con trong cộng đồng dân cư, vì vậy mọi người đều nêu cao tinh thần làm chủ trong việc xây dựng và bảo vệ cơ sở vật chất, đồng thời nhiệt tình tham gia hoạt động các phong trào, góp phần xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh, phong phú trong cộng đồng dân cư, đáp ứng nhu cầu của nhân dân về hưởng thụ văn hóa, sáng tạo và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc.

Hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở cấp xã/phường đã thực hiện tương đối tốt nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa, tiếp nhận thông tin, học tập và vui chơi giải trí của nhân dân. Thường xuyên tổ chức hoạt động tuyên truyền cổ động trực quan và tuyên truyền phát thanh lưu động đã phục vụ tốt và kịp thời các nhiệm vụ, sự kiện chính trị lớn của cả nước, của tỉnh, huyện và xã. Hoạt động văn hóa-văn nghệ quần chúng được quan tâm tổ chức với nhiều hình thức, thu hút được đông đảo quần chúng tham gia, đặc biệt là trong các dịp lễ, tết, sinh hoạt hè... Hoạt động Câu lạc bộ, đội, nhóm đã từng bước được nâng cao về số lượng và chất lượng.

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao ở địa bàn thôn, bản thường xuyên tập trung vào các hoạt động thông tin tuyên truyền cổ động, tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ, thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia, văn nghệ quần chúng, đọc sách báo, họp Đảng bộ, Chi bộ, các đoàn thể nhân dân, giáo dục về lối sống, thực hiện việc cưới, việc tang và lễ hội theo nếp sống văn hóa. Triển khai các vấn đề về bảo vệ an ninh trật tự, xây dựng gia đình văn hóa... Nhà văn hóa, khu thể thao thôn cũng là nơi tổ chức các hội thi, liên hoan, tập luyện, giao lưu văn hóa, thể thao. Một số nội dung hoạt động đã có sự đa dạng, phong phú, gắn bó thiết thực với cộng đồng khu dân cư vừa là nơi sinh hoạt cộng đồng, sinh hoạt chi bộ Đảng, các tổ chức đoàn thể nhân dân ở địa bàn, quán triệt các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, phổ biến thời sự, khoa học kỹ thuật, hướng dẫn xóa đói giảm nghèo, tuyên truyền giáo dục lối sống, nếp sống, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; triển khai các vấn đề về bảo vệ an ninh, trật tự, xây dựng gia đình, thôn bản văn hóa, họp thôn bản, tổ chức hội thi, hội diễn, liên hoan; tập luyện giao lưu văn hóa, văn nghệ...

Hoạt động của các Trung tâm học tập cộng đồng, nhà văn hóa từng bước được ổn định, góp phần phát huy văn hóa truyền thống tốt đẹp, làm nền tảng để xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Đa số các thiết chế văn hóa cơ sở đã tổ chức các hoạt động tuyên truyền phục vụ các nhiệm vụ chính trị sản xuất và đời sống của nhân dân; tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể dục, thể thao... Các nhà văn hóa xã, phường, thị trấn; nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố hoạt động tương đối nề nếp với các hình thức phong phú, đa dạng như: Biểu diễn văn nghệ quần chúng, tuyên truyền cổ động, chiếu phim video, thi đấu thể dục, thể thao, đọc sách, báo và tổ chức hội họp, sinh hoạt, tập huấn nghiệp vụ của các tổ chức, đoàn thể...; ...; nhiều nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố đã được nhân dân đóng góp, ủng hộ ngày công, vật liệu, đóng góp mua sắm trang thiết bị như: tăng âm, loa đài, phong, cờ, bàn ghế;

Đội ngũ cán bộ văn hóa - xã hội; phụ trách nhà văn hóa xã, phường, thị trấn; phụ trách nhà văn hóa thôn, bản tổ dân phố thường xuyên được củng cố, có tâm huyết và trách nhiệm với công việc; hằng năm đều được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ; đã khắc phục mọi khó khăn đưa hoạt động của các nhà văn hóa xã, phường, thị trấn; nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố ngày càng được nâng cao, tuyên truyền kịp thời chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các nhiệm vụ chính trị của địa phương, các sự kiện trọng đại của đất nước và của tỉnh, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa tinh thần cho nhân dân. Các hoạt động nhà văn hóa xã, phường, thị trấn, thôn bản đã góp phần tích cực trong công tác xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh, đẩy lùi các tệ nạn xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế ở nông thôn; bảo tồn, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống các dân tộc; thu hút mọi lứa tuổi, mọi tầng lớp nhân dân đến tham gia sinh hoạt.

Bên cạnh những kết quả đạt được như trên, đánh giá một cách tổng quát, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn cơ sở của một số địa phương hiện còn thiếu và yếu. Sự thiếu hụt thể hiện ở số lượng các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp chưa đủ. Những thiết chế hiện có đã xuống cấp, không được duy tu, tu bổ thường xuyên để đảm bảo theo quy định. Một số nơi, các thiết chế văn hóa, thể thao hiện nay đều thiếu trang thiết bị hoạt động.

3. Những vấn đề bất cập đang đặt ra hiện nay

Bên cạnh những đóng góp cơ bản của hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở, hiện nay việc sử dụng nguồn lực trong xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa vẫn còn đang đặt ra những vấn đề bất cập cần được giải quyết.

Về thực hiện xây dựng theo quy mô, tiêu chí quy định về tiêu chuẩn chung:

- Thực tế thực hiện quy hoạch xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở theo mục tiêu cụ thể đã được phê duyệt còn đạt mức độ thấp, các chỉ tiêu về số lượng, trình độ cán bộ và diện tích còn ở mức độ khiêm tốn.

- Việc triển khai thực hiện theo Thông tư số 06/2010/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà Văn hóa - Khu Thể thao thôn trên địa bàn một số địa phương còn nhiều khó khăn do quỹ đất tại một số địa phương hạn hẹp nên không đạt được tiêu chí này.

- Quy mô, kiến trúc công trình, vị trí có nơi còn chưa đạt tiêu chí chuẩn theo quy định. Một số các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở hiện có tại các xã, phường, thị trấn, thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn một số địa phương chưa đủ tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; cơ chế, bộ máy tổ chức chưa kiện toàn đầy đủ.

- Việc xây dựng một số thiết chế văn hóa, thể thao về quy mô, kiến trúc, vị trí còn chưa phù hợp. Một số Trung tâm Văn hóa - Học tập cộng đồng có vị trí không phù hợp, ở xa khu dân cư, chưa đáp ứng theo đúng tiêu chí mà Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định. Một số Trung tâm Văn hóa - Học tập cộng đồng xây dựng trước đây về quy mô về diện tích các phòng chức năng, trang thiết bị không đáp ứng được hết yêu cầu, nhiệm vụ chuyên môn. Một số địa phương do đặc thù địa bàn, không thể xây dựng mỗi thôn một Nhà văn hóa và Khu thể thao thôn, bởi một hai thôn có thể sinh hoạt chung một trụ sở để tránh gây lãng phí.

- Tại các khu vực đô thị (nhất là các đô thị, thành phố lớn mật độ dân cư đông), vùng thấp và vùng cao thì vấn đề bố trí địa điểm trung tâm, quỹ đất xây dựng còn gặp rất nhiều khó khăn. Do việc bố trí quỹ đất còn nhiều khó khăn nên một số nhà văn hóa được xây dựng với diện tích khá nhỏ nên không đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt cũng như tổ chức các hoạt động cộng đồng, giao lưu văn hóa, văn nghệ. Đa số các sân bãi, khu vui chơi giải trí và sân tập thể thao được sử dụng từ các sân chơi của thôn, bản, trường học, hoặc các sân bãi tự nhiên và không đủ tiêu chuẩn. Các điểm vui chơi giải trí cho trẻ em còn thiếu, từ đó chưa phục vụ đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động.

Về nguồn lực đầu tư, phát triển thiết chế văn hóa cơ sở:

- Nguồn kinh phí đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao còn rất hạn chế.

- Một số địa phương: nhiều thôn, xã đã quy hoạch được đất nhưng không có kinh phí để xây dựng thiết chế văn hóa (những làng có số dân ít, làng thuần nông

do vậy không huy động được nhân dân đóng góp và kinh phí xã hội hoá để xây dựng thiết chế). Một số địa phương đã ban hành quyết định mức hỗ trợ xây dựng thiết chế văn hóa nhà văn hóa, khu thể thao, tuy nhiên mức hỗ trợ này là chỉ chiếm tỷ lệ % khiêm tốn trong tổng số kinh phí xây dựng mới cơ sở vật chất văn hóa như trong tình hình hiện nay.

- Kinh phí hoạt động của các nhà văn hóa cấp xã, phường, thị trấn còn hạn chế. Kinh phí cho các hoạt động nghiệp vụ của các thiết chế văn hóa, thể thao rất hạn hẹp, chủ yếu chi theo hoạt động kỳ, cuộc, không có nguồn cho hoạt động thường xuyên, nếu có thì cũng rất ít. Đối với thôn, làng, khu phố chi phí duy trì hoạt động văn hóa, thể thao chủ yếu là do nhân dân tự đóng góp để tổ chức các hoạt động là chính, vì thế ở những xã nghèo, hầu như không có kinh phí chi cho các hoạt động trên.

- Công tác vận động xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể thao tuy đã được quan tâm thực hiện, nhưng vẫn chưa khai thác hết tiềm năng trong cộng đồng. Nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của các nhà văn hóa không đảm bảo, chủ yếu do nhân dân đóng góp nên các hoạt động được tổ chức ít, mang tính tự phát, chưa trở thành phong trào rộng rãi.

Về cán bộ hướng dẫn và hoạt động chuyên môn nghiệp vụ:

- Đội ngũ cán bộ văn hóa - xã hội, chủ nhiệm nhà văn hóa xã, phường, thị trấn đa số công chức văn hóa cấp xã kiêm nhiệm, việc quản lý và tổ chức hoạt động nhà văn hóa còn có nơi quản lý chưa chặt chẽ, thiếu sự quan tâm. Hầu hết các Trung tâm Văn hóa - Thể thao, Trung tâm Văn hóa - Học tập cộng đồng cấp xã/phường đều được chính quyền cấp xã bố trí công chức chuyên trách văn hóa - xã hội kiêm nhiệm phụ trách, hướng dẫn hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao; tuy nhiên trình độ, năng lực không đồng đều, đối tượng cán bộ này thường xuyên biến động (do luân chuyển); một số xã, phường, thị trấn bố trí công chức không đúng chuyên ngành đào tạo nên việc tham mưu tổ chức các hoạt động của cơ sở và hướng dẫn cho Nhà văn hóa, Khu thể thao thôn, làng, ấp, bản còn hạn chế.

- Việc quản lý thiết chế văn hóa xã hiện nay đều bố trí cán bộ văn hóa xã kiêm nhiệm, nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố do trưởng thôn, bản, tổ dân phố quản lý. Số cán bộ tại thôn, bản, tổ dân phố hiện chưa được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ. Hiện nay, tại các Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, làng, khu phố ở nhiều nơi hầu như không có cán bộ nghiệp vụ hướng dẫn, tổ chức các hoạt động có chuyên môn.

- Công tác quản lý, tổ chức các hoạt động tại các nhà văn hóa xã, phường, thị trấn còn thiếu chủ động. Tại các Nhà văn hóa đều chưa hình thành Ban chủ nhiệm, mặt khác chưa có nghiệp vụ để quản lý điều hành, chưa biết phối hợp với các ngành, đoàn thể để tổ chức sinh hoạt Hội, Đoàn mang tính cộng đồng từ đó dẫn đến hiệu quả hoạt động chưa cao, chưa phát huy tốt điều kiện cơ sở vật chất của thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở.

- Đội ngũ cán bộ văn hóa quản lý thiết chế văn hóa cấp thôn, bản hầu như chưa qua đào tạo, mang tính kiêm nhiệm năng lực chuyên môn nghiệp vụ còn hạn

chế nên chưa làm tốt công tác tham mưu, đề xuất cho cấp ủy, chính quyền. Hầu hết cán bộ quản lý nhà văn hóa cấp thôn không có trình độ chuyên môn nên khó khăn trong việc tổ chức hoạt động, đồng thời không được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm vì thế nên cán bộ chưa nhiệt tình, trách nhiệm trong công tác tổ chức hoạt động tại các thiết chế văn hóa.

- Do đội ngũ cán bộ văn hóa cơ sở còn hạn chế về khả năng tác nghiệp, tổ chức các chương trình hoạt động. Sự quản lý tổ chức các hoạt động còn nhiều bất cập, nặng về cơ chế xin cho, thiếu chủ động, sáng tạo, chưa phát huy được hiệu quả cơ sở vật chất và tính năng sử dụng. Bên cạnh đó, đội ngũ cộng tác viên không ổn định, không hoạt động thường xuyên do đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn và do mức thù lao còn thấp so với mặt bằng chung của xã hội.

Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ và nội dung hoạt động:

- Hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở và các trang thiết bị sau quá trình sử dụng đã xuống cấp, kinh phí cho việc duy tu, bảo dưỡng và tổ chức hoạt động còn gặp khó khăn. Hầu hết các Nhà văn hóa được đầu tư thiết bị hoạt động từ nguồn Chương trình mục tiêu về văn hóa, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Kinh phí đầu tư cho các hoạt động chuyên môn cũng như xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp đều thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra trong giai đoạn hiện nay. Cơ sở vật chất (như âm thanh, ánh sáng, bàn ghế phục vụ sinh hoạt...) ở một số cơ sở chưa đáp ứng đủ để phục vụ cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ.

- Phương pháp bảo quản, sử dụng trang thiết bị còn hạn chế, việc duy trì, tu bổ, bảo dưỡng chưa được quan tâm kịp thời dẫn đến nhiều nhà văn hóa xã, phường, thị trấn; nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố có trang thiết bị, cơ sở vật chất nhưng đã bị xuống cấp, hư hỏng không sử dụng được.

- Do nhân dân phải tham gia đóng góp nhiều khoản kinh phí cho các chương trình xã hội và đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, vì vậy việc huy động các nguồn lực để xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao còn nhiều khó khăn (ở nhiều địa phương mức đóng góp của người dân cao hơn mức thu nhập). Bởi vậy, rất nhiều cơ sở xây dựng được thiết chế văn hóa, thể thao theo đúng quy định nhưng không còn kinh phí để mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động.

Về nội dung, chương trình hoạt động:

- Hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn cả nước chưa đồng đều, một số thiết chế chưa phát huy hết được vai trò, chức năng: Trung tâm Văn hóa - Thể thao, Trung tâm Văn hóa - Học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn chưa phát huy hết chức năng, nhiệm vụ, chưa chủ động đáp ứng kịp thời từng đợt hoạt động, chưa sử dụng hết công năng cơ sở vật chất hiện có và kinh phí hoạt động được giao của các Trung tâm Văn hóa - Học tập cộng đồng.

- Nội dung hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã và thôn, làng, khu phố còn sơ sài, nghèo nàn. Nhiều nơi chỉ quan tâm đến hoạt động trọng điểm mà chưa tổ chức hoạt động thường xuyên, chưa thể hiện vai trò chủ động trong tổ chức, hướng dẫn hoạt động văn hóa, thể thao, xây dựng lối sống, nếp sống văn minh trên địa bàn. Nhìn chung, hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn

một số cơ sở hiện chưa đáp ứng được nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ các hoạt động văn hóa của mọi tầng lớp nhân dân, nhất là tầng lớp thanh thiếu niên, nhi đồng.

- Hoạt động của một số nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố chưa diễn ra thường xuyên do kinh phí hoạt động cho các nhà văn hóa còn hạn chế, chủ yếu do nhân dân đóng góp, nên chất lượng hoạt động chưa cao, số buổi hoạt động chưa đảm bảo. Việc tổ chức hoạt động của Nhà văn hóa thôn hiện tại gặp nhiều khó khăn, trong đó việc không có kinh phí hoạt động là khó khăn lớn nhất. Căn cứ thực tế ở một số các địa phương cho thấy kinh phí cho hoạt động văn hóa của cấp xã rất hạn chế, chỉ từ 6 -7 triệu đồng/năm. Không có dự nguồn cho các hoạt động của Nhà văn hóa thôn. Để duy trì hoạt động, người dân tự đóng góp kinh phí chỉ đủ mua chè nước. Không có kinh phí mua sắm trang thiết bị và kinh phí để tổ chức hoạt động.

Nguyên nhân:

- Nhận thức về vai trò của hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở trong xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, phát triển kinh tế văn hóa xã hội của địa phương còn hạn chế.

- Công tác tham mưu với cấp ủy, chính quyền về tổ chức các hoạt động tại Trung tâm văn hóa xã và Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, làng, tổ dân phố ở cơ sở một số xã/phường chưa thường xuyên, kịp thời.

- Nguồn kinh phí Nhà nước cấp cho các Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, phường, thị trấn; nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố hạn chế, công tác xã hội hóa chưa huy động được nhiều nguồn lực cho phát triển các hoạt động văn hóa, thể thao ở cơ sở.

- Do kinh tế của một số địa phương còn khó khăn nên việc đầu tư, hỗ trợ kinh phí xây dựng, nâng cấp, sửa chữa lại nhà văn hóa xã, thôn theo tiêu chí nông thôn mới hiện nay còn hạn chế.

- Việc quy hoạch, xây dựng một số nhà văn hóa xã, phường, thị trấn; nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố chưa phù hợp về vị trí, diện tích sử dụng quá hẹp nên chưa phát huy được hết hiệu quả hoạt động.

- Trang thiết bị trong nhà văn hóa xã, phường, thị trấn; nhà văn hóa thôn, bản, tổ dân phố còn thiếu đồng bộ; phương pháp bảo quản, sử dụng trang thiết bị còn hạn chế nên dễ hư hỏng, không cso kinh phí sửa chữa nâng cấp kịp thời nên chưa phát huy hết hiệu quả sử dụng. Một bộ phận người dân nhận thức còn hạn chế nên chưa có ý thức bảo vệ cơ sở vật chất cho các thiết chế văn hóa trên địa bàn.

- Đội ngũ cán bộ văn hóa, thể thao cấp xã, thôn, bản còn thiếu và hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ nên vận dụng vào thực tiễn hoạt động tại cơ sở gặp nhiều khó khăn; đội ngũ cán bộ văn hóa quản lý thiết chế văn hóa cấp thôn, bản hầu như chưa qua đào tạo, mang tính kiêm nhiệm.

4. Đề xuất một số giải pháp khắc phục

1. Nhà nước tạo điều kiện để thực hiện xã hội hóa đối với việc xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa thông tin cơ sở. Các thiết chế do Nhà nước trực tiếp quản lý phải được tăng cường đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước và thực hiện chế độ tự chủ tài chính để thực hiện tốt chức năng hướng dẫn, chỉ đạo. Việc đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa ở xã, làng, ấp, bản, buôn... chủ yếu được huy động

từ nhiều nguồn vốn đóng góp của xã hội. Đối với các thiết chế văn hóa thông tin cơ sở ở vùng nghèo, miền núi Nhà nước xem xét hỗ trợ kinh phí 100% kể cả xây dựng cơ bản và đầu tư mua sắm trang thiết bị.

2. Phải thực hiện xã hội hóa với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” nhằm huy động mọi nguồn lực trong nhân dân và các thành phần xã hội tham gia xây dựng thiết chế văn hóa ở cơ sở. Xã hội hoá để xây dựng thiết chế văn hóa và có thiết chế văn hóa mới tạo điều kiện cho phát triển hoạt động văn hóa và là chỗ dựa cho việc xã hội hóa cũng như hoạt động văn hóa ngày càng tốt hơn.

3. Việc củng cố, xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa thông tin cơ sở phải đồng bộ nằm trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hằng năm của địa phương; Các nhà văn hóa phải bền đẹp, có kiến trúc phù hợp với từng địa phương và được xây dựng ở vị trí trung tâm, thuận lợi cho sinh hoạt văn hóa. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phải đi đôi với tăng cường chất lượng đội ngũ cán bộ và đổi mới cơ chế quản lý, đảm bảo nội dung hoạt động phong phú, đa dạng, có hiệu quả theo đúng định hướng của Nhà nước.

4. Tăng cường quản lý nhà nước của ngành văn hóa thông tin và đề cao trách nhiệm các ngành, các cấp chính quyền, đoàn thể và toàn xã hội đối với việc xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa thông tin cơ sở. Hằng năm các cấp cần dành ngân sách cần thiết đầu tư mới và cho hoạt động, duy tu, bảo dưỡng các thiết chế văn hóa; có điều kiện nâng cấp từng bước trang thiết bị phù hợp cho một thiết chế văn hóa, đủ các hạng mục công trình, xứng đáng là công trình giáo dục văn hóa ngoài nhà trường, đảm bảo phục vụ công cộng, hoạt động cả ngày, đêm đặc biệt là ngày nghỉ và thời gian rỗi đang có xu hướng tăng lên.

5. Lồng ghép, vận dụng hoàn cảnh, điều kiện thực tế của cơ sở, việc xây dựng các thiết chế văn hóa cũng uyển chuyển, mang đặc thù dân tộc, vùng miền của các địa phương; phù hợp với nguyện vọng, tập quán truyền thống của đồng bào, tránh áp đặt, dập khuôn máy móc dẫn đến không phát huy được hiệu quả sử dụng. Cần tính đến nhu cầu của dân và khả năng kinh tế và sử dụng của địa phương khi xây dựng các thiết chế văn hóa. Tránh xây dựng tràn lan, khai thác không hiệu quả.

6. Tổ chức bộ máy theo nguyên tắc chuyên nghiệp hóa cao tất cả các bộ phận trong cơ cấu của một thiết chế văn hóa, thực hiện tiêu chuẩn hóa cán bộ, lựa chọn cán bộ biết tổ chức, tập hợp lực lượng quần chúng, có tâm huyết với sự nghiệp văn hóa, gắn bó với phong trào và cơ sở. Cán bộ phải thường xuyên được bồi dưỡng tập huấn, trang bị kiến thức quản lý và tổ chức hoạt động phong trào, đồng thời có chính sách đãi ngộ hợp lý để sử dụng đội ngũ cán bộ được lâu dài.

7. Có cơ chế ưu đãi về vốn đầu tư và đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa về sử dụng điện, nước, đảm bảo ánh sáng, vệ sinh, trật tự công cộng thông qua các loại phí lệ phí dịch vụ hợp lý đối với các công trình văn hóa như một công trình phúc lợi xã hội không phải một hoạt động kinh tế đơn thuần; khuyến khích việc tổ chức hoạt động dịch vụ phù hợp với lĩnh vực chuyên môn, khả năng của đơn vị và đúng với quy định của pháp luật. Liên doanh liên kết với các tổ chức cá nhân để hoạt động dịch vụ đáp ứng nhu cầu của xã hội theo quy định của pháp luật.

Để hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao thực sự là nơi sinh hoạt văn hóa, phát huy vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của nó trong sự nghiệp đổi mới của Đảng, nhằm “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” theo tinh thần mới mà Nghị quyết Hội nghị trung ương V (khóa VIII) và Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, XIII đã đề ra đòi hỏi cần phải có sự quan tâm hơn nữa của các cấp uỷ Đảng, chính quyền và sự tham mưu tác nghiệp nỗ lực của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước mắt cũng như những năm tới. Hoạt động của sự nghiệp Văn hóa, Thể thao và Du lịch nói chung và của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở nói riêng sẽ góp phần đắc lực cho sự nghiệp đổi mới của đất nước trong tiến trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Tuyên giáo Trung ương (2021), *Báo cáo Kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa dân tộc; Xây dựng, phát triển văn hóa sau 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước; Các định hướng, giải pháp chủ yếu nhằm phát triển văn hóa, con người Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng (Phụ lục 2: Kết quả xây dựng văn hóa cơ sở, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc)*, Báo cáo ngày 22 tháng 11 năm 2021 được trình bày tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc ngày 24-11-2023, Hà Nội. *Tài liệu Hội nghị nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở*.
2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Văn hóa cơ sở), *Tài liệu Hội nghị nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở*, Cần Thơ, tháng 10-2017.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H, tr.59-60.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, H, tr.106,214-214.
5. Hà Văn Tăng (Chủ biên), (2004), *Tài liệu nghiệp vụ Văn hóa - Thông tin cơ sở*, Bộ Văn hóa - Thông tin (Cục Văn hóa - Thông tin cơ sở), Hà Nội.
6. Quốc hội khóa XIV (Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên, Nhi đồng của Quốc hội) (2017), *Tài liệu Hội nghị tham vấn chuyên gia về tình hình thực hiện nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hóa cơ sở*, Hà Nội, tháng 7-2017.

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BẢO TÀNG QUẢNG NINH

Bảo tàng Quảng Ninh

1. Khái quát về Bảo tàng Quảng Ninh

Bảo tàng tỉnh Quảng Ninh được thành lập ngày 02/9/1960 với tên gọi lúc đó là Bảo tàng lịch sử và cách mạng khu Hồng Quảng, tại số nhà 5B Cầu Cao, thị xã Hòn Gai. Theo Nghị quyết của Quốc hội khóa II, kỳ họp thứ 7, ngày 30/10/1963, khu Hồng Quảng hợp nhất với tỉnh Hải Ninh thành tỉnh Quảng Ninh, Bảo tàng lịch sử và cách mạng khu Hồng Quảng cũng đổi tên thành Bảo tàng tỉnh Quảng Ninh, với nhiệm vụ chính của mình là “Tuyên truyền, giáo dục truyền thống yêu nước, đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân vùng mỏ và nhân dân các dân tộc Quảng Ninh”, góp phần không nhỏ trong công tác thực hiện công cuộc xây dựng và củng cố chính quyền còn non trẻ; văn hóa phục vụ kháng chiến và kiến quốc.

Sau khi miền Nam được giải phóng, đất nước được thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, Bảo tàng tỉnh Quảng Ninh tiếp tục thực hiện nhiều cuộc triển lãm lưu động trên toàn tỉnh và tại một số tỉnh trong cả nước, thực hiện thêm nhiệm vụ là: “Bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc”.

Năm 1990, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh giao trụ sở Công ty Xuất nhập khẩu Quảng Ninh để làm Bảo tàng tỉnh Quảng Ninh, tại số 165, đường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Hạ Long.

Năm 2012, được sự quan tâm của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Bảo tàng Quảng Ninh đã được đầu tư xây dựng và khánh thành đưa vào hoạt động năm 2013, đây là công trình gắn biển chào mừng nhân dịp kỷ niệm 50 năm thành lập tỉnh Quảng Ninh (30/10/1963 - 30/10/2013). Hiện nay, Bảo tàng Quảng Ninh là một thiết chế văn hóa cấp tỉnh, tọa lạc ngay tại trung tâm Quảng trường 30/10 bên bờ Vịnh Hạ Long xinh đẹp đã 2 lần được Tổ chức Văn hóa - Giáo dục - Khoa học của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới.

Bảo tàng Quảng Ninh là một thiết chế văn hóa quan trọng, là nơi lưu giữ, bảo quản tư liệu, hiện vật lớn và giá trị. Hiện nay, Bảo tàng có hơn 30.000 hiện vật đã được đăng ký, kiểm kê, nhiều bộ sưu tập có giá trị, trong đó có 5 bộ sưu tập hiện vật đặc trưng của tỉnh Quảng Ninh đã hoàn thiện hồ sơ khoa học và 12 hiện vật được công nhận là bảo vật quốc gia. Nguồn sưu tập và hiện vật đó là cơ sở để Bảo tàng thực hiện công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập, tham quan và hưởng thụ văn hóa của công chúng, tuyên truyền phát huy tác dụng các di sản lịch sử - văn hóa và thiên nhiên của tỉnh Quảng Ninh và của dân tộc Việt Nam. Với những thuận lợi của một bảo tàng mới, hiện đại, có quy mô mang đẳng cấp quốc tế cả về phương diện kiến trúc, công năng sử dụng cho đến nội dung trưng bày, Bảo tàng Quảng Ninh đã trở thành một điểm đến văn hóa, một sản phẩm

du lịch đang thu hút được sự quan tâm của khách tham quan trong nước và quốc tế. Ngày 07/12/2021, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ký quyết định số 3112/QĐ-BVHTTDL về việc xếp hạng Bảo tàng Quảng Ninh, theo đó Bảo tàng Quảng Ninh là bảo tàng loại I trong hệ thống Bảo tàng Việt Nam.

Như vậy, hiện nay, Bảo tàng Quảng Ninh là đơn vị trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Quảng Ninh, có những chức năng và nhiệm vụ đặc thù so với các thiết chế bảo tàng đơn thuần trong cả nước và cũng là đơn vị hoạt động tự chủ 100% kinh phí chi thường xuyên đầu tiên trong hệ thống các bảo tàng địa phương.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của Bảo tàng Quảng Ninh

Với những chỉ đạo hiệu quả về đổi mới cơ chế, chuyển đổi mô hình hoạt động theo hướng tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh, Bảo tàng Quảng Ninh là một trong những đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Văn hóa và Thể thao triển khai thực hiện có hiệu quả, từ tự chủ một phần chi thường xuyên đã tăng lên tự chủ 100% chi thường xuyên. Việc thực hiện cơ chế tự chủ đã giúp Bảo tàng Quảng Ninh chủ động thu chi, mở rộng các loại hình dịch vụ góp phần tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, về tổ chức bộ máy, nhân sự, cụ thể như sau:

Về hoạt động tự chủ tài chính, tài sản

- Giai đoạn từ năm 2015 - 2018, Bảo tàng Quảng Ninh được giao tự chủ 20% kinh phí chi thường xuyên thực hiện từ nguồn thu phí tham quan tại Bảo tàng theo Quyết định số 2096/2014/QĐ-UBND, ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh. Theo đó, đơn vị đã tự chủ được một phần kinh phí chi lương, dịch vụ tiền nước, nhiên liệu và vệ sinh môi trường, chi phí thuê mướn, vật tư văn phòng và một số khoản mua sắm, sửa chữa nhỏ.

- Giai đoạn từ năm 2019 đến nay, thực hiện Quyết định số 5457/QĐ-UBND, ngày 28/12/2018, của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập, theo đó năm 2019 là năm đầu tiên Bảo tàng Quảng Ninh thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên, cùng với đó Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh tăng mức thu phí tham quan Bảo tàng theo Nghị quyết số 131/2018/NQ, ngày 07/12/2018. Tổng lượng khách tham quan trong 05 năm (2019 - 2023), Bảo tàng đã đón 2.260.810 lượt khách (trong đó: năm 2019 đón 375.000 lượt; năm 2020 đón 349.995; năm 2021 đón 102.000 lượt, năm 2022 đón 694.118 lượt, năm 2023 đón 739.697 lượt), tổng số tiền thu từ phí tham quan là hơn 53 tỷ đồng. Với kinh phí thu được từ phí tham quan, đơn vị đã tự chủ được các khoản chi: tiền lương và các khoản đóng góp cho toàn bộ viên chức và người lao động, tiền vật tư, văn phòng phẩm và phục vụ du khách, chi phí thuê mướn, một phần tiền điện, toàn bộ tiền nước, nhiên liệu và vệ sinh môi trường... Bên cạnh đó, Bảo tàng Quảng Ninh cũng gặp nhiều khó khăn trong 02 năm (2020 – 2021), do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp, tỉnh Quảng Ninh có các chính sách miễn, giảm phí tham quan nhằm kích cầu du lịch nên đã phần nào ảnh hưởng đến nguồn thu phí tham quan và tác động đến việc duy trì các hoạt động cần thiết phục vụ chi thường xuyên tối thiểu của Bảo tàng.

- Từ nguồn kinh phí thu được từ hoạt động thu phí tham quan, ngoài kinh phí chi thường xuyên, Bảo tàng Quảng Ninh đã giành một phần kinh phí phục vụ công tác hiện đại hóa bảo tàng nhằm đem lại cho khách tham quan sự trải nghiệm mới mẻ, đa chiều như: bố trí các màn hình cảm ứng lớn được ghép từ ba màn hình cảm ứng 70 inch, giúp khách tham quan truy cập internet để tìm hiểu về bảo tàng ảo, tương tác tìm hiểu về văn hóa, con người Quảng Ninh; kết nối trực tuyến hệ thống camera tại khu di tích và danh thắng Yên Tử với màn hình tivi ghép 100 inch của không gian trưng bày “Di tích Yên Tử - nhà Trần” tại Bảo tàng Quảng Ninh; triển khai hệ thống bán vé điện tử và thu phí tự động; hệ thống thuyết minh tự động ... qua đó góp phần quảng bá rộng rãi các giá trị văn hóa, con người Quảng Ninh với đông đảo khách tham quan trên cả nước và khách du lịch nước ngoài.

Về thực hiện hoạt động chuyên môn

Từ năm 2020 đến nay, Bảo tàng Quảng Ninh đã thực hiện tốt công tác quản lý các hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao, kết quả đạt được trên từng lĩnh vực cụ thể như sau: **(1)** Thường xuyên duy trì các không gian trưng bày cố định của Bảo tàng và tổ chức thành công 16 triển lãm, trưng bày chuyên đề nhân dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh, trong đó có nhiều triển lãm, trưng bày đặc biệt như: chuyên đề “Quảng Ninh - 60 năm xây dựng và phát triển”, chuyên đề “Văn hóa nhà Trần và Phật giáo Yên Tử”, chuyên đề “Nghề điêu khắc than đá Quảng Ninh”. **(2)** Chủ trì phối hợp tổ chức khai quật khảo cổ học 14 địa điểm thuộc các địa phương trong tỉnh; lập hồ sơ đề nghị công nhận Bảo vật quốc gia cho 4 hiện vật gồm: Thạp gốm hoa nâu (thời Lý); Bình gốm hoa nâu Kinnari (thời Lý); Bình gốm hoa sen (thời Lý); Tượng Phật Hoàng Trần Nhân Tông (thời Lê Trung Hưng); phối hợp tham mưu 01 số nội dung của Hồ sơ khoa học “Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc” trình UNESCO công nhận là di sản thế giới; lập hồ sơ khoa học xếp hạng các cấp đối với 30 di tích, danh thắng (trong đó: 2 hồ sơ khoa học xếp hạng cấp Quốc gia đặc biệt; 2 hồ sơ khoa học xếp hạng cấp Quốc gia; 20 hồ sơ xếp hạng cấp tỉnh; 9 hồ sơ khoa học đưa vào Danh mục di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh của tỉnh) và 08 hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể đưa vào Danh mục di sản văn hóa Phi vật thể Quốc gia. **(3)** Tiếp nhận, sưu tầm thường xuyên hơn 3.000 hiện vật, mẫu vật, tư liệu bảo tàng; thực hiện công tác bảo quản, kiểm kê khoa học đối với hơn 4.500 hiện vật các chất liệu gốm, đá, kim loại, giấy, gỗ phục vụ công tác trưng bày của Bảo tàng. **(4)** Thực hiện công tác thuyết minh, hướng dẫn cho khoảng hơn 4.800 đoàn khách thăm quan tại Bảo tàng; phục vụ 64 đoàn quay phim, ghi hình về văn hóa, con người tỉnh Quảng Ninh trên các kênh, sóng truyền hình Trung ương và địa phương; phối hợp tổ chức 85 buổi giáo dục truyền thống, giáo dục lịch sử trực tiếp và online cho gần 5.500 lượt học sinh tiểu học, THCS, THPT các trường học trên địa bàn tỉnh. **(5)** Bảo tàng Quảng Ninh đã phối hợp phục vụ tổ chức thành công các sự kiện chính trị, văn hóa, thể thao lớn của Tỉnh tại Cung Quy hoạch, Hội chợ và Triển lãm tỉnh như: tổ chức thi đấu môn Cờ vua của Sea Games 31 và Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX-2022; triển lãm thành tựu phát triển kinh tế xã hội chào mừng Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Hội chợ OCOP - Hội chợ thương mại; Tuần lễ sản phẩm hàng Thái Lan tại Quảng Ninh; Hội diễn nghệ thuật Quân chủng tỉnh

Quảng Ninh năm 2022; Hội nghị triển khai Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị tại Quảng Ninh; Triển lãm thành tựu của tỉnh Quảng Ninh qua 60 năm hình thành và phát triển; Lễ hội Hokaido tại Quảng Ninh Năm 2023...

Về hoạt động của tổ chức bộ máy, nhân sự

Hiện nay, sau 2 lần thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo Đề án 25 về “Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế” và Nghị quyết số 19- NQ/TW, ngày 25/10/2017, của Bộ Chính trị “Về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập” (gồm: sáp nhập Ban Quản lý di tích và Danh thắng tỉnh vào Bảo tàng; Bảo tàng tiếp nhận, quản lý vận hành Cung Quy hoạch, Hội chợ và Triển lãm tỉnh).

Để phù hợp chủ trương sắp xếp, tinh gọn bộ máy của đơn vị sự nghiệp, Bảo tàng Quảng Ninh đã tham mưu cho Sở Văn hóa và Thể thao báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy của Bảo tàng Quảng Ninh theo hướng sắp xếp, giảm từ 9 phòng chuyên môn xuống còn 6 phòng chuyên môn trực thuộc Bảo tàng, với tổng số 61 người làm việc (trong đó: Viên chức: 31 người; Hợp đồng lao động hợp đồng hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ và phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP là: 30 người).

Từ thực tiễn thời gian qua của của Bảo tàng Quảng Ninh cho thấy, việc triển khai hoạt động của đơn vị sự nghiệp tự chủ chi thường xuyên đã mang lại một số kết quả tích cực, cụ thể:

- Đơn vị được chủ động hơn trong việc sử dụng kinh phí, tài sản, biên chế để thực hiện nhiệm vụ; từ đó, chất lượng và tiến độ công việc hiệu quả hơn; tăng nguồn thu và kinh phí tiết kiệm chi, nâng cao thu nhập cho công chức, viên chức và người lao động.

- Tăng cường tính chủ động cho thủ trưởng đơn vị trong công tác quản lý nhân sự và quản lý tài chính, tạo chuyển biến lớn trong cách nghĩ, cách làm của người đứng đầu đơn vị, mạnh dạn quyết định những công việc có lợi cho đơn vị trong khuôn khổ quy định của pháp luật, thẩm quyền được giao và nguồn kinh phí được sử dụng; nâng cao kỹ năng quản lý, chất lượng các dịch vụ công...; cán bộ, viên chức và người lao động trong các cơ quan thực hiện việc kiểm soát chi tiêu nội bộ, phát huy tính tự chủ, chủ động sáng tạo của cán bộ, công chức và người lao động.

- Việc giao cho các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo hình thức đặt hàng đã góp phần sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả tài sản, cơ sở vật chất do Nhà nước đã đầu tư; phát huy năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ viên chức, tạo thêm công việc cho người lao động. Từ đó, tạo tiền đề cho việc đổi mới phương thức từ hình thức giao dự toán theo biên chế sang hình thức giao dự toán theo kết quả cung cấp dịch vụ công.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được trên thì việc tự chủ chi thường xuyên tại Bảo tàng Quảng Ninh đã gặp không ít khó khăn, đặc biệt giai đoạn 2020 - 2021 khi ảnh hưởng nghiêm trọng của đại dịch COVID-19, nên việc tổ chức các

loại hình dịch vụ có thu liên tục bị gián đoạn; một số chế độ, chính sách chưa được triển khai đồng bộ nên thực tế còn rất nhiều khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện; Đề án sử dụng tài sản công là điều kiện, cơ sở cần thiết, bắt buộc để thực hiện các hoạt động thu dịch vụ nhưng lại chưa được phê duyệt, dẫn đến đơn vị không thể triển khai các hoạt động tạo nguồn thu nhằm tăng mức tự chủ, trong khi đó, một số hệ thống thiết bị máy chiếu, ánh sáng, màn hình led, màn hình tương tác công nghệ cao đã được đưa vào sử dụng từ năm 2013 đến nay đã xuống cấp, lạc hậu cần phải thay thế, sửa chữa.

3. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Bảo tàng Quảng Ninh

Nhằm tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của Bảo tàng, phục vụ tốt hơn nhu cầu nghiên cứu khoa học, học tập, phổ biến tri thức về lịch sử, văn hóa, khoa học và hưởng thụ văn hóa của công chúng... đổi mới nội dung và hình thức hoạt động của bảo tàng gắn với đẩy mạnh chuyển đổi số tạo điều kiện để người dân có cơ hội bình đẳng trong việc tiếp cận hệ thống tri thức mở, linh hoạt với nhiều mô hình nhằm xây dựng bảo tàng thành trung tâm thông tin về khoa học, lịch sử, văn hóa, thu hút đông đảo khách tham quan trong và ngoài nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh. Do đó, Bảo tàng Quảng Ninh đề xuất một số giải pháp sau:

Một là: Tập trung thực hiện kiện toàn tổ chức bộ máy, sắp xếp, tuyển dụng, bố trí viên chức, lao động phù hợp với vị trí việc làm được phê duyệt. Đào tạo, nâng cao về kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ và sự chuyên nghiệp của đội ngũ viên chức, lao động làm công tác bảo tàng để đáp ứng nhu cầu đa dạng hóa hoạt động bảo tàng; phục vụ tận tình, chu đáo, mang lại sự hài lòng đối với khách tham quan.

Hai là: Đổi mới nội dung, hình thức trưng bày và giới thiệu di sản văn hóa tại Bảo tàng, trong đó làm tốt công tác sưu tầm, xây dựng các bộ sưu tập hiện vật gốc có giá trị cao về lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ, mang tính độc đáo, đậm đà bản sắc của con người Quảng Ninh; nghiên cứu, đổi mới nội dung trưng bày cố định, trưng bày chuyên đề gắn với ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong hoạt động trưng bày; đa dạng hóa các chương trình giáo dục trải nghiệm gắn với đẩy mạnh đổi mới các phương thức tuyên truyền và nâng cao hơn nữa chất lượng các chương trình giáo dục dành cho đối tượng học sinh, sinh viên; chú trọng hơn sự kết nối chặt chẽ giữa các nhà trường, các trường đại học với bảo tàng, qua đó tạo sức hút và lợi thế cạnh tranh so với các bảo tàng khác trên cả nước.

Ba là: Đẩy mạnh chuyển đổi số trong toàn bộ hoạt động của Bảo tàng, trong đó tập trung nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa hiện vật quý, tiêu biểu, sử dụng công nghệ quét Laser 3D, quét mã QR hiện vật và trưng bày, triển lãm online, thuyết minh tự động bằng nhiều thứ tiếng nước ngoài phục vụ khách tham quan, trải nghiệm.

Bốn là: Nâng cao chất lượng quản trị tài chính, tài sản công của đơn vị, trong đó tiếp tục xây dựng, trình cấp có thẩm quyền sớm phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh của Bảo tàng, nhằm đa dạng hóa các nguồn lực, nguồn thu từ các dịch vụ trong hoạt động bảo tàng, góp phần tạo nguồn thu hợp pháp, nâng cao đời sống cho viên chức, người lao động.

Năm là: Chủ động xây dựng định mức, kinh tế kỹ thuật, đơn giá các sản phẩm, dịch vụ công để chuyển sang phương thức đặt hàng, góp phần tạo nguồn thu cho đơn vị. Tăng cường công khai, minh bạch trong công tác quản lý, sử dụng nguồn kinh phí từ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công của đơn vị như: công tác tư vấn viết hồ sơ di tích các cấp, hồ sơ văn hóa phi vật thể; khai quật khảo cổ học; phục dựng nhà trưng bày truyền thống của các dân tộc...

Sáu là: Tham mưu cho Sở Văn hóa và Thể thao báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh tăng mức thu phí tham quan Bảo tàng, đây là cơ sở cần thiết để Bảo tàng Quảng Ninh tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ về chi thường xuyên, giảm một phần chi đầu tư từ ngân sách Nhà nước cấp hàng năm cho công tác quản lý công trình Bảo tàng.

Bảy là: Bảo tàng Quảng Ninh cũng xác định cần tiếp tục gắn kết chặt chẽ hơn với hoạt động du lịch văn hóa, tăng cường hợp tác với các công ty lữ hành, xây dựng các chương trình trong các tour du lịch để quảng bá rộng rãi hơn hình ảnh, hiện vật của bảo tàng, thu hút nhiều hơn du khách trong nước và quốc tế. Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động giao lưu, hợp tác với các bảo tàng trong nước, cũng như các bảo tàng trong khu vực và thế giới trên các lĩnh vực nghiên cứu khoa học, sưu tầm, bảo quản, trưng bày hiện vật, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Tăng cường học hỏi kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới trong việc xây dựng các mô hình trải nghiệm văn hóa tại bảo tàng, trong việc gắn kết di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội, trong đào tạo, rèn luyện đội ngũ cán bộ quản lý và chuyên môn của bảo tàng..., góp phần nâng cao chất lượng hoạt động, vị thế của Bảo tàng Quảng Ninh, đồng thời phát huy hơn nữa vai trò của bảo tàng trong xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Quảng Ninh trở thành nguồn lực nội sinh, động lực cho phát triển nhanh, bền vững./.

MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BẢO TÀNG CHỨNG TÍCH CHIẾN TRANH VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội. Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao, trong đó có sự nghiệp xây dựng và phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao từ trung ương tới địa phương. Từ Nghị quyết Trung ương năm khóa VIII (1998) về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đến Nghị quyết Trung ương chín khóa XI (2014) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước đều xác định việc đầu tư phát triển hệ thống các thiết chế văn hóa, định hướng nâng cao chất lượng hiệu quả khai thác các thiết chế văn hóa đóng vai trò quan trọng trong xây dựng môi trường văn hóa Việt Nam. Trong đó, hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở có một vị trí quan trọng, là nơi tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc; nâng cao dân trí và mức hưởng thụ văn hóa, thể thao cho nhân dân; thu hút và tạo điều kiện thuận lợi cho các tầng lớp nhân dân tham gia mọi hoạt động văn hóa, thể thao; phục vụ các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương.

Bài viết đề cập đến mô hình hoạt động của Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh - một thiết chế văn hóa cơ sở “đặc biệt” góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị di sản, giáo dục văn hóa hòa bình, từ đó đề xuất, kiến nghị để tiếp tục đổi mới và phát huy hiệu quả hoạt động Bảo tàng trong thời gian tới.

1. Hoạt động của Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh

Là một trong 07 Bảo tàng trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao TPHCM, tính đến nay, Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh đã trải qua gần 50 năm hình thành và phát triển. Trong suốt quá trình hoạt động, Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh luôn nhận được sự quan tâm của lãnh đạo TP Hồ Chí Minh, Sở Văn hóa và Thể thao cùng nhiều ban ngành, đoàn thể. Bảo tàng là nơi đón tiếp nhiều nguyên thủ, các đoàn khách quan trọng trong và ngoài nước đến tham quan. Đặc biệt, Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh đã trở thành một địa điểm văn hóa - du lịch hấp dẫn trong việc giáo dục truyền thống lịch sử, hun đúc tinh thần yêu nước, yêu hòa bình, chống chiến tranh xâm lược trong lòng các thế hệ người Việt Nam và bạn bè quốc tế.

Tại Quyết định số 36/2000/QĐ-UB-VX ngày 30 tháng 5 năm 2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới ngành văn hóa và thông tin Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2010 và Quyết định số 1514/QĐ-UB ngày 15 tháng 3 năm 2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh, công trình xây dựng mới Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh đã được khởi công và khánh thành (2010), tạo tiền đề cho Bảo tàng có điều kiện hoạt động tốt hơn trước yêu cầu phát triển của xã hội.

Năm 2023, Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh được xếp hạng 1 (theo Quyết định số 2836/QĐ-BVHTTDL ngày 02 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), hiện là thành viên của Mạng lưới Bảo tàng Vì Hòa bình Quốc tế (International Network of Museums for Peace - INMP, từ năm 1998), thành viên của Hội đồng Quốc tế Bảo tàng (The International Council of Museum – ICOM, từ năm 2007).

Về cơ chế tài chính, Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh là bảo tàng duy nhất trực thuộc Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn thu sự nghiệp tự bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ¹.

Hằng năm, Bảo tàng đón hơn 1 triệu lượt khách tham quan, mở cửa phục vụ công chúng tất cả các ngày trong năm, kể cả ngày lễ, tết. Tuy nhiên, trong 02 năm từ 2020 đến năm 2021, do ảnh hưởng đại dịch Covid-19, cũng như các Bảo tàng trên khắp cả nước, lượng khách đến Bảo tàng giảm sâu, đặc biệt là khách quốc tế. Từ năm 2022 đến nay, sau khi dịch Covid-19 được kiểm soát, cùng với chính sách kích cầu du lịch của Thành phố, lượng khách tham quan đến Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh mới dần được hồi phục trở lại.

Với mục tiêu hướng đến giáo dục hòa bình và là nơi sinh hoạt, học tập cho nhiều tầng lớp, đặc biệt là một địa điểm thu hút đối với thế hệ trẻ, Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh đã từng bước định hình mọi hoạt động của mình trở thành một Bảo tàng vì Hòa bình không chỉ đối với khách tham quan trong nước mà còn du khách quốc tế.

Để có được sự quan tâm từ công chúng và số lượng khách tham quan tăng cao, công tác quản lý, tổ chức, vận hành tòa nhà, thực hiện các hoạt động chuyên môn, xây dựng các chương trình, nguồn lực tài chính, nhân lực luôn được tập thể lãnh đạo đơn vị chủ động, nỗ lực, khắc phục mọi khó khăn và đưa ra những giải pháp thực hiện sáng tạo, hiệu quả.

1.1. Về hoạt động bảo tồn di sản văn hóa

Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh hiện có 09 chủ đề trưng bày thường xuyên về tội ác, hậu quả của các cuộc chiến tranh xâm lược, về sự ủng hộ của nhân dân thế giới đối với cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam. Các chuyên đề gồm: “Những sự thật lịch sử”; “Hồi niệm”; “Việt Nam - Chiến tranh và hòa bình”, “Chất độc da cam trong chiến tranh”; “Tội ác chiến tranh xâm lược”; “Hậu quả chất độc da cam trong chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam”; “Thế giới ủng hộ Việt Nam kháng chiến”; “Chế độ lao tù trong chiến tranh xâm lược Việt Nam” và khu vực trưng bày ngoài trời. Các chuyên đề được xây dựng theo những kịch bản riêng, khoa học và hấp dẫn, được trình bày bằng những giải pháp mỹ thuật hợp lý. Hằng năm, các chuyên đề trưng bày đều được Bảo tàng chỉnh lý, cập nhật nội dung, tích hợp vào mã QR để cung cấp thêm thông tin, thay đổi mỹ thuật trưng bày, góp phần đưa nội dung ngày càng phong phú phục vụ khách thăm quan.

Bên cạnh các trưng bày thường xuyên, mỗi năm Bảo tàng tổ chức thực hiện từ 02 đến 03 chuyên đề trưng bày ngắn hạn, giới thiệu các chủ đề khác nhau về lịch sử chiến tranh, ca ngợi các giá trị văn hóa cao đẹp về đất nước và con người Việt Nam,

có thể kể đến các trưng bày như: “*Hiệp định Paris về Việt Nam – Cánh cửa đến hòa bình*”; “*Tim lại kí ức*”; “*Câu chuyện từ chiếc máy ảnh*”; “*Làn sóng phản đối cuộc chiến tranh phi nghĩa của Mỹ ở Việt Nam*”; “*Hậu quả bom nguyên tử và nạn nhân chất độc da cam Việt Nam*”; “*Điện Biên Phủ trên không - 50 năm nhìn lại (12/1972 - 12/2022)*”; “*Kỷ vật thời kháng chiến*”; “*Khát vọng sống*”,... Những cuộc triển lãm này thực sự đã góp phần thu hút du khách đến với Bảo tàng nhiều lần để được tham quan, tiếp cận những vấn đề sâu sắc, độc đáo từ nhiều góc độ khác nhau về cuộc chiến tranh đã qua.

Ngoài nội dung, hình thức trưng bày cũng thường xuyên được Bảo tàng thực hiện với nhiều ứng dụng công nghệ (mã QR, dịch vụ Audio guide, màn hình chạm,...) qua đó giúp khách tham quan có được trải nghiệm hoàn hảo nhất có thể.

Bên cạnh việc chủ động thực hiện các đợt trưng bày, triển lãm tại chỗ, Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh còn phối hợp với Bảo tàng ở các tỉnh, thành tổ chức các đợt trưng bày chuyên đề nhằm giới thiệu những di sản mà Bảo tàng đang lưu giữ. Bảo tàng phối hợp với các trường học, nhất là các trường học trên địa bàn Thành phố tổ chức triển lãm lưu động để truyền truyền các nội dung trưng bày, góp phần vào việc giáo dục và bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa. Trung bình hằng năm, Bảo tàng tổ chức từ 20 - 25 cuộc triển lãm lưu động, phục vụ hàng trăm nghìn học sinh, sinh viên.

Song song đó, Bảo tàng còn đẩy mạnh tổ chức các hoạt động giáo dục truyền thống lịch sử, các sự kiện, hoạt động trải nghiệm cho học sinh, sinh viên và các tổ chức, đơn vị tại Bảo tàng; đa dạng hoạt động truyền thông quảng bá bằng nhiều nội dung, hình thức trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang mạng điện tử, mạng xã hội như Facebook, fanpage,... tạo hiệu ứng mạnh mẽ; kịp thời thông tin, tuyên truyền về sự thay đổi phí tham quan, thời gian mở cửa phục vụ, nhằm tạo sự chủ động cho khách và không để xảy ra phản ứng tiêu cực từ khách tham quan; thường xuyên kết nối các hoạt động của Bảo tàng với Sở Du lịch và các doanh nghiệp kinh doanh Lữ hành qua đó thông tin, quảng bá về hoạt động của Bảo tàng, không ngừng đầu tư mua sắm các trang thiết bị và cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng công tác đón tiếp, phục vụ các đoàn khách tham quan. Từ năm 2018, Bảo tàng đã tập trung nguồn lực để cải tạo cảnh quan tại khuôn viên Bảo tàng nhằm tăng sự hấp dẫn cả về nội dung và hình thức, tạo nên một diện mạo mới. Đặc biệt, khi dịch Covid - 19 bùng phát (từ 2020 - 2021), thành phố Hồ Chí Minh thực hiện giãn cách xã hội, Bảo tàng đã kịp thời chủ động xây dựng các chương trình tham quan trực tuyến để đáp ứng nhu cầu khách tham quan.

1.2. Về công tác chỉ đạo, điều hành

Bám sát sự chỉ đạo, định hướng của Lãnh đạo Sở Văn hóa và Thể thao, Bảo tàng luôn tích cực đổi mới các hoạt động để thu hút khách tham quan: chủ động tổ chức triển khai các hoạt động chuyên môn, khoa học, hiệu quả; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng phòng, từng bộ phận đảm bảo tiến độ, chất lượng; xây dựng Chương trình, Kế hoạch thực hiện theo tháng, quý, năm và định hướng hoạt động giai đoạn theo đúng chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

Dù là một thiết chế văn hóa của Thành phố Hồ Chí Minh, Bảo tàng luôn nhận

thức sâu sắc rằng hoạt động của Bảo tàng gắn bó mật thiết với ngành giáo dục và ngành du lịch Việt Nam. Bảo tàng luôn nỗ lực tham gia các hoạt động ủng hộ sự phát triển của du lịch Thành phố Hồ Chí Minh và cả nước. Liên tục nhiều năm, Bảo tàng luôn được ngành du lịch Thành phố Hồ Chí Minh bình chọn là “Bảo tàng được yêu thích nhất”; là một trong những điểm đến của “Thành phố Hồ Chí Minh 100 điều thú vị”. Suốt những năm từ 2011 đến 2015, Bảo tàng được trang web du lịch quốc tế TripAdvisor bình chọn vào 25 bảo tàng hấp dẫn nhất Châu Á. Đặc biệt vào năm 2018, Bảo tàng được bình chọn là một trong 10 Bảo tàng hấp dẫn nhất thế giới.

1.3. Về chính sách vận hành và sử dụng nguồn nhân lực của Bảo tàng:

Bộ máy tổ chức của Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh hiện gồm Giám đốc, hai Phó Giám đốc và 05 phòng chức năng, mỗi phòng đều có trưởng, phó trưởng phòng quản lý, điều hành.

Bảo tàng có 63 viên chức và người lao động đang làm việc, trong đó gồm 29 nam và 34 nữ. Đặc biệt, cơ cấu nữ chiếm đa số trong các vị trí lãnh đạo, quản lý và chuyên môn nghiệp vụ.

Về độ tuổi, nhân lực công tác tại Bảo tàng đa số còn khá trẻ. Hầu hết viên chức, người lao động đảm nhận các vị trí việc làm về chuyên môn, nghiệp vụ của Bảo tàng có trình độ từ đại học trở lên. Về trình độ lý luận chính trị, hiện nay chỉ có một số ít viên chức đã được đào tạo nâng cao trình độ lý luận chính trị trung cấp, cao cấp hoặc cử nhân, số còn lại hầu như chưa có điều kiện được đào tạo bài bản về lý luận chính trị. Tuy nhiên, nhờ được đào tạo chuyên ngành Sử học, Bảo tàng học nên kiến thức cơ bản của viên chức, người lao động vẫn đáp ứng được nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

Về trình độ ngoại ngữ, do lượng khách quốc tế đến tham quan Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh chiếm đến 70% tổng lượng khách nên đòi hỏi đội ngũ làm việc tại Bảo tàng phải có khả năng giao tiếp tiếng Anh cơ bản. Điều này thể hiện ở số lượng viên chức, người lao động có chứng chỉ ngoại ngữ các loại (từ chứng chỉ A đến bằng cử nhân ngoại ngữ) chiếm đến 55% và trong đó tiếng Anh giữ vai trò chủ đạo.

Là một đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên đồng nghĩa với việc Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh được quyền quyết định số lượng người làm việc để thực hiện nhiệm vụ. Với ưu thế đó, từ nhiều năm nay Bảo tàng đã vận dụng nhiều phương thức tuyển dụng và sử dụng viên chức, người lao động một cách linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế của Bảo tàng.

Song song đó, Bảo tàng luôn quan tâm đến công tác bồi dưỡng, đào tạo, tự đào tạo. Hằng năm, đội ngũ viên chức, người lao động của Bảo tàng thường xuyên được cử tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng từ ngắn hạn đến dài hạn, trong nước lẫn nước ngoài, để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và hoàn thiện kỹ năng làm việc. Ngoài ra, Bảo tàng còn thường xuyên chủ động tổ chức các buổi tọa đàm, tập huấn chuyên đề trong nội bộ, kết hợp mời các giảng viên, báo cáo viên có kinh nghiệm và uy tín trong ngành để chia sẻ, trao đổi, nâng cao kiến thức cho viên chức, người lao động. Song, yếu tố chính để tạo nên một đội ngũ nhân viên có thể đáp ứng

yêu cầu công việc như hiện nay chính là tinh thần tự học của viên chức, người lao động. Đa số viên chức, người lao động sau một thời gian làm việc tại Bảo tàng đều ý thức được tầm quan trọng của việc học tập để tự giác tham dự các chương trình đào tạo đại học văn bằng hai hoặc thạc sĩ các chuyên ngành liên quan đến hoạt động của lĩnh vực di sản văn hóa. Đồng thời, Bảo tàng cũng luôn có những chính sách khuyến khích, động viên, tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ kinh phí để từng nhân viên đều có thể vừa học vừa làm, vừa đảm bảo hoàn thành chương trình đào tạo vừa không xao nhãng công tác chuyên môn.

Ngoài việc bồi dưỡng, Bảo tàng còn chủ động thường xuyên kiểm tra về kỹ năng liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ đặc biệt là đội ngũ Hướng dẫn viên. Việc thường xuyên được kiểm tra, sát hạch nghiệp vụ buộc viên chức, người lao động phải luôn tìm tòi, học tập nâng cao trình độ để đáp ứng nhu cầu, đòi hỏi của công việc trong tình hình mới nhằm phục vụ tốt hơn yêu cầu của công chúng và của đơn vị. Mặt khác, kết quả kiểm tra, sát hạch về kỹ năng, nghiệp vụ giúp cho lãnh đạo Bảo tàng có cơ sở quan trọng đánh giá thực chất về trình độ, năng lực, khả năng tác nghiệp của từng viên chức, từ đó làm căn cứ trong việc chuyển đổi, sắp xếp, bố trí vị trí làm việc cho phù hợp, đúng với khả năng, sở trường của từng người, giúp cho họ phát huy được thế mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Hơn thế nữa, ngoài những hoạt động mang tính thường xuyên, hằng năm Bảo tàng đều có những chương trình giáo dục - giao lưu, những cuộc triển lãm được tổ chức triển khai thực hiện theo dạng dự án. Trong quá trình thực hiện, từng nhóm thực hiện dự án sẽ được thành lập và nhân viên của các phòng chức năng sẽ được huy động tham gia nhóm với những vai trò khác nhau để thử thách bản thân và tạo hứng khởi mới trong công việc.

1.3. Về quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần

Tiền lương và thu nhập hợp pháp là một trong những vấn đề quan trọng nhất để thu hút và giữ được nhân tài. Chính vì thế, nguyên tắc hàng đầu mà tập thể lãnh đạo Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh đề ra là có thể đảm bảo cho viên chức, người lao động sống được bằng lương và thu nhập hợp pháp. Ngoài chế độ tiền lương, thưởng theo quy định, đặc biệt thêm chế độ trợ cấp thường xuyên cho viên chức bảo tàng, thư viện từ năm 2011 đến nay của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh² đã góp phần giúp Bảo tàng giữ chân viên chức, người lao động có trình độ. Tuy nhiên, với tình hình kinh tế - xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu cuộc sống ngày càng cao, mức thu nhập hiện nay vẫn chưa tương xứng với cường độ lao động của nhân viên, chính vì vậy tập thể lãnh đạo Bảo tàng luôn nỗ lực hỗ trợ, chăm lo cho đội ngũ nhân viên bằng những hình thức khác như tạo điều kiện thuận lợi về kinh phí, thời gian để viên chức, người lao động tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, tin học; tạo điều kiện cho viên chức, người lao động được tham gia các chuyến đi công tác sưu tầm, trưng bày, triển lãm, qua đó được học tập kinh nghiệm ở các địa phương; song song đó tạo điều kiện cho viên chức, người lao động có thể lựa chọn hình thức làm thêm giờ, tham gia các hoạt động dịch vụ để có thể tăng thu nhập hợp pháp từ trong hoạt động chính thức của Bảo tàng, không phải tìm việc làm thêm ở cơ sở khác.

2. Đánh giá và một số đề xuất, kiến nghị

Với gần 50 năm hình thành và phát triển, Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh đã và đang tiếp tục xây dựng nên ‘thương hiệu’ Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh – Bảo tàng vì Hòa bình trong lòng công chúng trong và ngoài nước. Vượt qua mọi khó khăn, trở ngại, với tâm huyết của tập thể đơn vị qua nhiều thời kỳ, Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh đã phần nào đáp ứng được kỳ vọng của người dân TPHCM nói riêng và khách tham quan nói chung về một địa chỉ văn hóa du lịch lý tưởng trong việc giáo dục truyền thống lịch sử dân tộc, ý thức giữ gìn hòa bình và phát triển tình đoàn kết hữu nghị.

Đồng thời, là một thiết chế văn hóa “tương đối đặc biệt”, mang tính chính trị cao đòi hỏi tập thể viên chức và người lao động của Bảo tàng phải luôn thận trọng trong mọi hoạt động, tránh để cho các thế lực thù địch lợi dụng có các hành động chống phá Đảng và Nhà nước Việt Nam. Việc giữ gìn hình ảnh đẹp trong mắt du khách trong và ngoài nước về một địa chỉ văn hóa du lịch an toàn luôn được toàn thể viên chức và người lao động của Bảo tàng quán triệt.

Bên cạnh những hiệu quả đạt được, hoạt động của Bảo tàng vẫn còn một số thách thức trong hoạt động bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, cụ thể:

- Đứng trước những thách thức thời đại, cùng với sự phát triển của khoa học kỹ thuật hiện nay, các bảo tàng không ngừng đổi mới hoạt động để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Hiện đại hóa bảo tàng, đưa ứng dụng khoa học công nghệ vào các lĩnh vực hoạt động của bảo tàng không chỉ làm đa dạng hóa trưng bày mà còn phù hợp với xu thế thời đại, trong đó việc chuyển đổi số để phát huy hoạt động chuyên môn trở nên cấp thiết và quan trọng. Chuyển đổi số là một lợi thế cho bảo tàng trong việc bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử - văn hóa của di sản. Số hóa các nguồn tư liệu, hiện vật theo các công nghệ tiên tiến, hiện đại cần có trang thiết bị tương ứng để thực hiện. Về cơ bản, trang thiết bị công nghệ đáp ứng nhu cầu, song đối với các hiện vật thể khối lớn vẫn cần có những trang thiết bị chuyên sâu. Mặc dù nguồn thu Bảo tàng đã dần được cải thiện hơn sau khi tình hình dịch Covid-19 được kiểm soát, tuy nhiên mới chỉ đủ để đơn vị duy trì và thực hiện các nhiệm vụ, chưa đủ kinh phí để hiện đại hóa các phòng trưng bày, đầu tư một cách quy mô cho trang thiết bị công nghệ, phục vụ khách tham quan.

- Về cơ sở vật chất: chất lượng và tuổi thọ của công trình xây dựng Bảo tàng từ năm 2010 đến nay đã và đang bị nhanh xuống cấp, thấm dột nhiều nơi, đặc biệt là khu vực giếng trời của tòa nhà và quá tải công năng sử dụng. Trên thực tế, diện tích của Bảo tàng chưa thực sự đáp ứng đủ nhu cầu hoạt động phục vụ số lượng khách tham quan như hiện nay.

- Việc thực hiện các hoạt động dịch vụ liên quan đến tài sản công tại Bảo tàng vẫn còn gặp một số khó khăn, vướng mắc do “Đề án quản lý và sử dụng tài sản công” chưa được phê duyệt. Do vậy, để chủ động tăng nguồn thu đồng thời cũng để đáp ứng nhu cầu khách tham quan, Bảo tàng đã chủ động tự tổ chức các hoạt động dịch vụ theo nhu cầu, song vẫn gặp phải một số khó khăn trong việc vận hành và hạch toán các nguồn thu theo quy định cụ thể như: Phần mềm kế toán hành chính

sự nghiệp Imas không tương thích với phần mềm bán hàng của doanh nghiệp; Việc tính thuế thuê đất: nếu tính thuế thuê đất trên diện tích cả Bảo tàng thì hạch toán vào chi phí dịch vụ là quá lớn,...

Một số kiến nghị:

- Một hoạt động quan trọng phục vụ khách tham quan bảo tàng là tổ chức các dịch vụ như: giải khát, hàng lưu niệm, ... mặc dù đã có quy định rõ trong Thông tư số 18/2010/TT-BVHTTDL của Bộ VH,TT&DL³ bao gồm “ăn, uống, nghỉ ngơi, vui chơi giải trí và các dịch vụ khác”, nhưng việc tổ chức thực hiện còn nhiều bất cập khi vướng phải quy định khác của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Chính vì vậy, việc tổ chức các hoạt động dịch vụ còn chưa chuyên nghiệp dẫn đến kém hiệu quả trong khi các hoạt động dịch vụ bổ trợ là một nhu cầu không thể thiếu trong hoạt động bảo tàng. Trong thời gian tới cần có những chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức các hoạt động dịch vụ để bảo tàng hoạt động ngày càng hiệu quả hơn.

- Các bảo tàng tại TPHCM nói chung và Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh nói riêng hiện thực hiện thu phí tham quan theo Nghị quyết số 16/2017/NĐ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về ban hành mức thu phí tham quan các Bảo tàng thuộc Sở Văn hóa và Thể thao. Tuy nhiên, mức thu phí trên so với mặt bằng giá cả chung hiện nay còn thấp và so với mức thu của một số bảo tàng trong nước chưa tương xứng. Do đó đề xuất cấp thẩm quyền xem xét tăng mức phí tham quan, tạo điều kiện để Bảo tàng đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng các hoạt động, góp phần bảo tồn và phát huy tốt hơn giá trị văn hóa, di sản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về việc Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.
2. Quyết định số 30/2011/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chế độ hỗ trợ hoạt động cho các di tích và trợ cấp thường xuyên cho cán bộ, viên chức bảo tàng, thư viện.
3. Thông tư số 18/2010/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định về tổ chức và hoạt động của bảo tàng.

Phụ lục 1:**THÔNG KÊ SỐ LƯỢNG KHÁCH THAM QUAN
BẢO TÀNG CHỨNG TÍCH CHIẾN TRANH 2021 - 2023**

Năm	Khách Việt Nam	Khách quốc tế	Tổng số khách tại Bảo tàng	Khách tham quan triển lãm lưu động	Tổng số
2021	42.338	1.872	44.210	5.450	49.660
2022	136.334	260.045	396.379	21.703	418.082
2023	230.294	813.292	1.043.586	41.422	1.085.008
TỔNG CỘNG	408.966	1.075.209	1.484.175	68.575	1.552.750

Phụ lục 2:**MỨC TRỢ CẤP THƯỜNG XUYÊN
CHO VIÊN CHỨC BẢO TÀNG, THƯ VIỆN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

STT	Đối tượng được trợ cấp	Số tiền trợ cấp (người/tháng)
1	Trình độ Tiến sĩ	2.000.000 đồng
2	Trình độ Thạc sĩ	1.500.000 đồng
3	Trình độ Đại học chính quy	750.000 đồng
4	Trình độ Đại học các hệ còn lại	500.000 đồng

Phụ lục 3:**THỰC TRẠNG NHÂN LỰC BẢO TÀNG CHỨNG TÍCH CHIẾN TRANH
(tính đến tháng 03/2023)**

Nội dung	Số lượng viên chức và người lao động	Tỉ lệ (%)
Tổng số	63	100
- Nam	29	46%
- Nữ	34	54%
- Độ tuổi		
+ Dưới 30 tuổi	4	6,34%
+ Từ 30 đến 39 tuổi	25	39,68%
+ Từ 40 đến 50 tuổi	23	36,50%
+ Trên 50 tuổi	11	17,46%
-Trình độ chuyên môn		
+ Tiến sĩ	1	1,58%
+ Thạc sĩ	15	23,80%
+ Đại học	25	39,68%
+ Cao đẳng	2	3,17%
+ Trung cấp hoặc THPT trở xuống	20	31,74%

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA THIẾT CHẾ VĂN HÓA CỔ TRUYỀN TRONG XÃ HỘI ĐƯƠNG ĐẠI

GS. TS. Nguyễn Chí Bền

Nguyên Viện trưởng

Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam

Có nhiều cách quan niệm về văn hóa, dưới góc độ cá nhân, tác giả cho rằng văn hóa là một thực thể phát triển theo thời gian và trong không gian. Nhìn theo thời gian, có thể chia văn hóa thành văn hóa cổ truyền và văn hóa đương đại. Thiết chế văn hóa là thực thể có vai trò quan trọng, tác động đến sự phát triển của văn hóa. Trong tham luận này, tác giả đề cập đến vai trò của thiết chế văn hóa cổ truyền trong xã hội đương đại.

1. Khái quát về thiết chế văn hóa cổ truyền

Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam, “*thiết chế văn hóa là chỉnh thể văn hóa hội tụ đầy đủ các yếu tố: cơ sở vật chất, bộ máy tổ chức, nhân sự, quy chế hoạt động, nguồn kinh phí*”¹. Tuy nhiên, vận dụng khái niệm này để bàn về thiết chế văn hóa đương đại có lẽ phù hợp hơn với thiết chế văn hóa cổ truyền. Trên lát cắt đương đại, thiết chế văn hóa gồm: thiết chế văn hóa cổ truyền và thiết chế văn hóa đương đại. Nói đến thiết chế văn hóa đương đại là nói đến nhà văn hóa, khu thể thao ở cấp thôn/khu phố, ở cấp xã, phường, thị trấn, ở cấp huyện, thị xã, quận, thành phố thuộc tỉnh và ở cấp tỉnh/thành phố thuộc trung ương. Nói đến thiết chế văn hóa cổ truyền là nói đến các thiết chế văn hóa cổ truyền như chùa, đình, đền, phủ ở các làng, xã, nhà rông, nhà gươl ở buôn, bon, plei.

Mô hình xã hội của văn hóa Việt Nam là: nhà, làng, nước, vì thế khi đề cập đến thiết chế văn hóa cổ truyền của văn hóa Việt Nam, phải đề cập đến mô hình làng/xã. Vận dụng khái niệm thiết chế văn hóa như trong *Từ điển Bách khoa Việt Nam* vào nghiên cứu thiết chế văn hóa cổ truyền sẽ thấy có một độ vênh. Thiết chế văn hóa cổ truyền đầu tiên cần được quan tâm là đình làng. Nếu ở gia đình (nhà), người Việt thờ thần thổ công, xóm thờ thần thổ địa thì làng thờ thần thành hoàng. Mỗi một làng Việt đều thờ thần thành hoàng, mà thiết chế để thờ thần thành hoàng là đình làng. Nhiều nhà nghiên cứu, ít nhất từ thời Pháp thuộc đã nghiên cứu về đình làng của người Việt. Tác giả Paul Giran, nhà nghiên cứu người Pháp nghiên cứu về đình làng của người Việt vào đầu thế kỷ XX, đã cho rằng đình là nơi cư ngụ của vị thần bảo hộ làng và là trung tâm của đời sống cộng đồng làng. Đó là nơi cúng tế theo lễ nghi của một tín ngưỡng còn là nơi hội họp của hương chức để bàn bạc các vấn đề cai quản làng xã và giải quyết các vấn đề tranh chấp nội bộ và chính là linh hồn của làng. Tất cả các sự kiện xảy ra ảnh hưởng đến dân làng đều có liên quan đến ngôi đình làng. Từ tình hình đời sống hưng thịnh hay suy bại, được mùa hay thất mùa, hanh thông hay khó khăn, được tiếng tốt hay tiếng xấu... cho đến những việc sinh nhai, ăn ở, thi cử, sức khỏe, giao tiếp... của mọi người dân trong làng tất cả

¹ Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam, *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, tập 4, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2005, tr.328

đều được cho là có nguyên do từ ngôi đình làng. Thú vị nhất là nhận xét của tác giả: Vị thần bảo hộ làng thể hiện cái cảm nghiệm chung của ký ức và nguyện vọng cộng đồng. Ký ức và nguyện vọng ấy hóa thân vào các nguyên tắc, phong tục, luân lý của làng và cả việc thưởng phạt. Chung quy, lấy việc nhân cách hóa cái quyền lực tối thượng ấy để làm động lực tỏa ra sức mạnh tổng lực của cả cộng đồng và làm sợi dây thiêng liêng nối kết các thành viên của làng thành một khối.

Có thể coi đình làng của người Việt là một thiết chế văn hóa lớn nhất của làng xã người Việt từ thế kỷ XVI đến năm 1954. Đình làng của người Việt có nhiều chức năng khác nhau: một trụ sở của chính quyền thôn xã, nơi ban bố chính lệnh của triều đình, cũng là nơi giải quyết những việc công của làng như sưu thuế, phu, lính... Đình làng là nơi tập hợp dân đình khi có việc làng, đồng thời cũng là nơi hội họp thường xuyên của các hội đồng kỳ mục, nơi khao thưởng đón tiếp quan chức cấp trên, đón tiếp người đỗ đạt,... Đình làng là nơi thờ thần Thành hoàng và các phúc thần làng. Đình làng của người Việt là một thiết chế văn hóa rất quan trọng với văn hóa cổ truyền Việt Nam: có cơ sở vật chất, nơi làm việc của hương chức, nơi người dân lui tới, nơi thờ cúng thần thành hoàng và các phúc thần, nơi lưu giữ sắc phong của triều đình, nơi để kiệu, là một không gian thể tục, nhưng cũng là một không gian thiêng. Từ Bắc vào Nam, đình làng có sự biến đổi về hình thức, công năng, nhưng vẫn có chung những đặc điểm bất biến. Sau năm 1954, đình làng của người Việt ở Bắc Bộ cũng như ở Trung Bộ và Nam Bộ có sự biến đổi: không còn là nơi làm việc của hương chức nhưng vẫn là nơi thờ phụng vị thần của làng. Ở phương diện quản lý nhà nước, từ năm 1954 đến nay, nhiều đình làng đã được xếp hạng là di tích lịch sử - văn hóa, kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh, cấp quốc gia, cấp quốc gia đặc biệt. Chẳng hạn, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh hiện nay có tổng số 79 đình, được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa là 45 ngôi đình (trong đó có 12 di tích cấp quốc gia, 33 di tích cấp tỉnh), những ngôi đình được đánh giá là cổ kính nhất như đình ở thôn Ngọc Quan, thôn Kim Thao, thôn Ngọc Khám, xã Lâm Thao, thôn Lương Xá, xã Phú Lương.... Hiện nay, ở Thành phố Hồ Chí Minh có 300 ngôi đình, trong đó, huyện Bình Chánh có 51 ngôi đình, huyện Củ Chi có 32 ngôi đình, huyện Hóc Môn có 21 ngôi đình, thành phố Thủ Đức có 15 ngôi đình... Trong hơn ba thập niên qua, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở rộng địa giới hành chính khu trung tâm, nhiều làng xóm đã bị đô thị hóa. Ngày nay, các ngôi đình vẫn còn hiện diện và trở thành nơi tập trung dân cư, thể hiện tín ngưỡng của người dân thành phố. Hiện tại, cùng với ngôi đình là một thiết chế văn hóa cổ truyền thì ở một số làng quê còn đền và quán, cũng là những thiết chế văn hóa có vai trò quan trọng ở làng quê. Thiết chế văn hóa này không là trụ sở làm việc của hương chức như đình làng, nhưng là nơi thờ cúng các vị thần/thánh của người dân. Điều cần quan tâm là nhân vật phụng thờ ở các đình, đền, quán vừa thiêng vừa thực. Các lớp văn hóa lắng đọng trong huyền thoại về nhân vật phụng thờ khiến các nhân vật được phụng thờ đều là các nhân vật lịch sử văn hóa, những người có công lao với nước, với dân. Quá trình thiêng hóa với các nhân vật phụng thờ ở đình làng Việt ở Nam Bộ chưa hoàn thiện, nên nhân vật thần thành hoàng của các đình làng Việt ở Nam Bộ vẫn còn dáng dấp của một vị thần đất: thành hoàng bản/bản cảnh. Nhìn ở phương thức sinh sống, người Việt sống với nghề trồng lúa nước có thiết chế văn hóa là đình làng, thì người Việt sống với nghề đánh bắt thủy hải sản lại có một thiết chế văn hóa là lăng ông, với tín ngưỡng thờ

cá ông/cá voi. Nước ta có 28 tỉnh/thành phố giáp biển từ tỉnh Quảng Ninh đến tỉnh Cà Mau, tỉnh Kiên Giang, trong các làng quê ven biển, có khá nhiều các làng quê có lăng ông. Đây là một thiết chế văn hóa quan trọng với các làng của người dân gắn bó với biển khơi. Nếu đình làng của cư dân sống bằng nghề trồng lúa nước gắn với miếu (theo cách gọi của người Xứ Đoài) hoặc nghè (theo cách gọi của người Xứ Bắc) thì lăng ông của cư dân sống bằng nghề đánh bắt thủy hải sản gắn với các mộ của cá Ông/cá Voi và trong lăng có xương cá Ông/cá Voi. Nhân vật phụng thờ của người dân ở đình làng hay lăng ông, đều có sự chuẩn nhận của các triều đình quân chủ, đó là sắc phong và thần tích. Các hiện vật văn hóa này ở các thiết chế văn hóa cổ truyền có vai trò rất quan trọng trong tâm thức người dân với suy nghĩ: vị thần/thánh của làng tôi được nhà vua công nhận.

Mặt khác, khi nói đến thiết chế văn hóa truyền thống ở làng xã phải nói đến chùa làng. Chùa làng là thiết chế văn hóa của Phật giáo. Ở nước ta, có cả hai phái Đại thừa và Tiểu thừa. Nếu phái Tiểu thừa chỉ có người Khơ me theo thì phái Đại thừa có người Việt (Kinh) và người Hoa. Chùa của hai phái Đại thừa và Tiểu thừa khác nhau về thiết chế văn hóa, cả hình thức lẫn điện thờ. Trong tâm thức người Việt, người Hoa, người Khơ me, ngôi chùa còn thể hiện triết lý nhân sinh và tinh thần khoan dung, hoà hợp trong đời sống tín ngưỡng của tộc người. Chùa đáp ứng nhu cầu trong đời sống tinh thần của người dân, xóa đi khoảng cách bất bình đẳng trong sinh hoạt cộng đồng ở làng quê xưa. Với người Việt, nêu như xưa kia, đình làng chỉ dành cho nam giới, các bậc cao niên, các quan viên bàn “*việc làng*”, phụ nữ không được can dự, thì chùa làng chính là nơi dành cho các cụ, các bà như câu phương ngôn: “*Trẻ vui nhà, già vui chùa*”. Chùa trong làng thường được xây dựng ở nơi thanh vắng, tịch mịch, có thể ở góc làng, ven làng hay ở trung tâm. Nhưng dù tọa lạc ở vị trí nào nơi thôn xã thì ngôi chùa vẫn hiện diện vừa thân thiết gần gũi, vừa huyền ảo lay động cõi tâm linh, trong đời sống tinh thần của người dân ở làng. Do vậy, cùng với đình làng, chùa làng là một thiết chế văn hóa truyền thống ở làng xã trước kia, cũng như hiện nay với người Việt. Với người Khơ me, cả phum, sóc chỉ có ngôi chùa. Thiết chế văn hóa này có vị thế quan trọng với người Khơ me, cả cõi thiêng lẫn cõi tục, thậm chí còn có nhiệm vụ giống như một trường học cho nam thanh niên người Khơ me.

Với dân tộc Bana ở Tây Nguyên, thiết chế văn hóa truyền thống quan trọng lại là nhà rông. Nhà rông là nơi lưu giữ các vật linh thiêng của làng, đặc biệt là nơi ngụ bắt buộc của tất cả thanh niên chưa có vợ trong làng, bởi họ là lực lượng trực chiến của làng, sẵn sàng bảo vệ làng chống lại mọi cuộc tiến công đến từ mọi phía. Vì vậy trong làng, nhà rông thường ở vị trí cao nhất, có thể phát hiện kẻ thù đến từ xa, là sở chỉ huy của các cuộc chiến đấu bảo vệ làng cũng là nơi bàn bạc những công việc quan trọng của làng, nơi các già làng truyền dạy những kinh nghiệm, dạy dỗ con cháu về truyền thống văn hóa của làng. Đây cũng là nơi làng tiếp đãi khách, tức là ngôi nhà đại diện của làng giao tiếp với thế giới bên ngoài. Nhiều đồ vật linh thiêng quý giá của cả làng được lưu giữ ở nhà rông. Trong đời sống của người Bana, nhà rông thực sự là công trình kiến trúc nghệ thuật, là bộ mặt, niềm tin và lòng kiêu hãnh của cả buôn làng. Nhà rông còn là không gian linh thiêng, nơi quy tụ sức mạnh tâm linh, tổ chức lễ hội tung bưng hay tiến hành các nghi lễ tín ngưỡng thâm trầm... thể hiện bản sắc văn hóa của đồng bào Bana.

Với tộc người Cơ tu, bao đời nay, họ sống quây quần bên những ngôi nhà xếp vòng thành hình bầu dục, chính giữa là nhà Guol. Các buôn làng người Cơ tu dù giàu hay nghèo đều có nhà Guol. Nhà Guol là trung tâm sinh hoạt, linh hồn của buôn làng Cơ tu. Nhà Guol là nơi thờ cúng thần linh, tổ tiên, lưu giữ đời sống tín ngưỡng của người Cơ tu, là nơi để những thanh niên Cơ tu chưa vợ, những người già hằng đêm đến ngủ. Theo quan niệm của người Cơ tu, Guol là chốn linh thiêng nơi cư ngụ của thần linh, ông bà, tổ tiên họ. Phụ nữ, con gái chưa chồng không được đến Guol. Trong Guol, mọi người không được đánh cãi nhau... mà luôn đoàn kết đùm bọc thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau trong mọi hoàn cảnh vì sự tồn tại và phát triển giống nòi của cộng đồng người Cơ tu. Tất cả các buôn làng người Cơ tu dù giàu hay nghèo đều có Guol. Nhà Guol của người Cơ tu không phải là nhà ở mà mang chức năng công cộng, mà là nơi để hội đồng già làng họp bàn và quyết định những vấn đề hệ trọng mang tính sống còn của cộng đồng... nơi tổ chức nhiều lễ hội truyền thống như: lễ ăn mừng lúa mới, lễ ăn thè kết nghĩa anh em giữa hai làng, lễ ăn mừng được mùa,... Tụ trung, làng xã của người Kinh (Việt) hay các buôn, plei, bon,... của đồng bào các dân tộc thiểu số đều có các thiết chế văn hóa truyền thống, các thiết chế văn hóa truyền thống này có vị thế đặc biệt với tộc người, dù ở phương diện thế tục hay ở phương diện tâm linh, vừa là nơi làm việc của hương chức, vừa là nơi diễn ra các sinh hoạt văn hóa vừa thực vừa ảo, vừa gần gũi, vừa thiêng liêng. Các đặc điểm này của các thiết chế văn hóa cổ truyền tồn tại trong quá khứ, và có sự biến đổi trong xã hội đương đại. Không nên vận dụng khái niệm thiết chế văn hóa mà *Từ điển bách khoa Việt Nam* đưa ra, áp vào thiết chế văn hóa cổ truyền, bởi sự khác biệt về công năng, cấu trúc cũng như vai trò với cộng đồng. Cần khẳng định, các thiết chế văn hóa cổ truyền là nơi hội tụ bản sắc tộc người, bản sắc vùng văn hóa của văn hóa Việt Nam. Chưa kể, các thiết chế văn hóa cổ truyền có nguồn vật lực để nó tồn tại, mà không có tác động vật lực từ phía các vương triều quân chủ.

2. Thực trạng thiết chế văn hóa cổ truyền trong xã hội đương đại

Trong những năm qua Đảng, Nhà nước ta đã quan tâm, ưu tiên dành nguồn lực cần thiết để xây dựng và hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa. Nghị quyết hội nghị lần thứ 5 của Ban chấp hành Trung ương khóa VIII của Đảng xác định: “*Phát triển và không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động của các thiết chế văn hóa ở cơ sở; đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa trọng điểm tầm quốc gia... Nâng cao chất lượng hoạt động của các thiết chế văn hóa hiện có, sắp xếp hợp lý các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp và kinh doanh, nâng cấp các đơn vị văn hóa - nghệ thuật trọng điểm, tạo chất lượng mới cho toàn ngành ...*”². Chủ trương này tiếp tục được khẳng định trong *Chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam đến năm 2030* của Chính phủ³, Hội nghị lần thứ 9 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” xác định: Hoàn thiện thể chế, chế định pháp lý và thiết chế văn hóa bảo đảm xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong thời kỳ đầy mạnh

² Nghị quyết hội nghị lần thứ 5 của BCHTU khóa VIII, nxb Chính trị quốc gia, 1998

³ Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12-11-2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030.

công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần XII, XIII của Đảng đều nhấn mạnh đến ý nghĩa và tầm quan trọng của việc xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa: “*Hoàn thiện thể chế, chế định pháp lý và thiết chế văn hóa bảo đảm xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*”⁴. Nhờ đó, thiết chế văn hóa những năm qua được chú trọng đầu tư kinh phí xây dựng và phát triển.

Vì thế, “*Hiện nay, trên cả nước có 67 thiết chế văn hóa cấp tỉnh; 683 quận, huyện có Trung tâm Văn hóa - Thể thao hoặc nhà văn hóa, đạt tỷ lệ khoảng 91,3%; 7.194 xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hóa - Thể thao, đạt tỷ lệ 73,2%; 75.327 làng, thôn, bản, ấp có nhà văn hóa, đạt tỷ lệ 74,4%. Đặc biệt, những tháng đầu năm 2020, hệ thống trung tâm văn hóa các cấp đã phát huy vai trò tiên phong trong triển khai thực hiện công tác chỉ đạo, hướng dẫn cơ sở đẩy mạnh tuyên truyền phòng, chống dịch bệnh COVID-19. Các công trình thể dục, thể thao cũng từng bước đổi mới về phương thức tổ chức và hoạt động, cơ sở vật chất được tăng cường, một số công trình quy mô lớn, kiến trúc hiện đại được đầu tư xây dựng... Tuy nhiên, hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở hiện vẫn đang đối diện với nhiều khó khăn, vướng mắc. Đáng chú ý là thực trạng nhiều địa phương chưa quan tâm thực hiện quy hoạch đất xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao, thậm chí có nơi dùng quỹ đất dành cho các thiết chế văn hóa, thể thao vào mục đích khác. Nhiều thiết chế trung tâm văn hóa ở các tỉnh đã xuống cấp, có nơi chỉ có trụ sở làm việc, có nơi không có trụ sở độc lập, phải hoạt động chung trong các thiết chế khác*”⁵.

Đánh giá của Ban chấp hành Trung ương khóa XI, tại hội nghị lần thứ 9 ghi rõ: “*Hệ thống thiết chế văn hóa và cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động văn hóa còn thiếu và yếu, có nơi xuống cấp, thiếu đồng bộ, hiệu quả sử dụng thấp*”. Ở thành phố Hà Nội, đến quý I/2023, có 383 thiết chế văn hóa - thông tin thuộc quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố, các sở, ban, ngành đoàn thể; 30/30 quận, huyện, thị xã có Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao với 84 công trình văn hóa thông tin; 125/579 xã, phường, thị trấn có công trình Trung tâm văn hóa thông tin; 4.656/5.469 thôn, tổ dân phố có nhà văn hóa/điểm sinh hoạt cộng đồng, đạt tỷ lệ 85%. Đó là thành tích của ngành văn hóa từ trung ương đến địa phương, nhưng đây là các thiết chế văn hóa đương đại, vấn đề đặt ra là xử lý quan hệ giữa các thiết chế văn hóa đương đại và các thiết chế văn hóa cổ truyền tại địa bàn cấp cơ sở. Có một số vấn đề đang đặt ra trong lý luận và thực tiễn, chẳng hạn bảo vệ và phát huy thiết chế văn hóa cổ truyền khi các thiết chế văn hóa cổ truyền được xếp hạng là di sản văn hóa, cả vật thể lẫn phi vật thể từ cấp quốc gia đặc biệt, cấp quốc gia đến cấp tỉnh/thành phố, là di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO vinh danh, được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ghi vào danh mục quốc gia. Trong quản lý nhà nước về văn hóa, các vấn đề hình như tách biệt nhau. Gắn kết thiết chế văn hóa cổ truyền với thiết chế văn hóa đương đại, có một số địa phương làm tốt. Chẳng hạn, tỉnh Quảng Nam, nhiều năm qua đã có chủ trương khôi phục lại ngôi nhà truyền thống của các dân tộc thiểu số trên địa bàn toàn tỉnh trong đó có nhà Gươl của người Cơ tu.

⁴ Thuvienphapluat.vn

⁵ Phương Anh, *Nâng cao hiệu quả hoạt động của thiết chế văn hóa: Lấp đầy những khoảng trống*, baovanhoa.vn, 19-6-2020

Từ năm 2000 đến nay, tại huyện Tây Giang có 63/78 thôn (làng) đã có Gươl. Tại hai huyện Nam Giang và Đông Giang có 78/119 thôn(làng) đã có nhà Gươl. Hoặc tỉnh Bắc Ninh khi thực hiện bảo vệ và phát huy Dân ca Quan họ Bắc Ninh, di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, phục dựng *nhà chứa* Quan họ đến năm 2022, đã xây dựng và đưa vào hoạt động 14 *nhà chứa* Quan họ tại làng Quan họ cổ truyền. Thiết chế văn hóa cổ truyền độc nhất vô nhị của loại hình dân ca Quan họ Bắc Ninh, đã phát huy công năng, tác dụng với công tác bảo vệ, phát huy di sản văn hóa ở địa phương.

Về lý luận, đáng tiếc là việc phát huy giá trị của thiết chế văn hóa cổ truyền không chú trọng đến “vô thức tập thể” - chữ dùng của Carl Gustav Jung - khi xây dựng các thiết chế văn hóa đương đại. Chẳng hạn đình làng và nhà văn hóa thôn/làng trong thời gian vừa qua không gắn kết được với nhau. Nhà văn hóa thôn/làng là nơi tập thể dục, họp hành của thôn/làng, thuần túy có chức năng hành chính. Trong khi, đình làng, cả cõi thiêng lẫn cõi tục gắn bó với “vô thức tập thể” của cộng đồng. Nhà rông văn hóa ở Tây Nguyên không thu hút được cộng đồng, vì xây dựng không sử dụng các tri thức dân gian của các già làng. Theo kết quả điều tra của ngành văn hóa, thông tin tỉnh Kon Tum vào năm 1999, trên tổng số 625 buôn làng đồng bào dân tộc thiểu số trong tỉnh, chỉ còn khoảng 260 nhà rông. Người Bana tại huyện Kông Chro chiếm khoảng 75% dân số, sinh sống ở 74 thôn, làng. Hầu hết các ngôi làng Bana đều có nhà rông. Hiện nay trên địa bàn huyện có hơn 105 ngôi nhà rông truyền thống. Vấn đề kinh phí cho hoạt động của thiết chế văn hóa cổ truyền là vấn đề đặt ra từ cơ chế đến nguồn lực, nhất là vai trò của cộng đồng.

3. Một số giải pháp phát huy vai trò của thiết chế văn hóa cổ truyền trong xã hội đương đại

Xem xét vai trò của thiết chế văn hóa cổ truyền trong xã hội đương đại, nhất là ở cơ sở, chúng ta phải thấy cả thiết chế văn hóa cổ truyền lẫn thiết chế văn hóa đương đại cùng một chủ thể và một khách thể. Điều cần quan tâm là nhu cầu tiếp nhận, hưởng thụ và sáng tạo văn hóa của người dân càng ngày càng tăng, trong bối cảnh nước ta hội nhập quốc tế và cả thế giới bước vào cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (cách mạng 4.0), đáp ứng, thỏa mãn nhu cầu ấy của mọi tầng lớp nhân dân là một thách thức với các nhà quản lý văn hóa.

Cùng với việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của di tích, các thiết chế mới được xây dựng như trung tâm văn hóa, thể thao làng xã, điểm bưu điện văn hóa xã và đặc biệt là nhà văn hóa thôn nhằm đáp ứng các nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tinh thần của người dân tại thôn/khu phố. Hiện nay đang tồn tại hai địa điểm hoạt động văn hóa chính tại các thôn/khu phố đó là việc sinh hoạt tâm linh, tín ngưỡng; trình diễn các nghi thức lễ hội; duy trì các nghi lễ, phong tục tập quán; phát triển nghệ thuật dân gian tại đình làng, chùa làng, nhà rông, nhà Gươl do những người cao tuổi thực hành và sinh hoạt văn hóa, thể thao và các dạng hoạt động văn hóa khác tại nhà văn hóa thôn/khu phố với nhiều tầng lớp, lứa tuổi tham gia. Như thế, có sự tách biệt giữa thiết chế văn hóa cổ truyền và thiết chế văn hóa đương đại, vô hình trung tạo ra sự cách biệt giữa truyền thống và đương đại, không gắn kết được vấn đề bảo vệ, bảo tồn và phát huy giá trị của di sản văn hóa ở cơ sở.

Trước hết, chúng tôi cho rằng phải xác định trên lát cắt đương đại, có hai loại thiết chế văn hóa theo thời gian: cổ truyền và đương đại, Các thiết chế văn hóa cổ truyền hiển hiện trong đời sống đương đại, gắn với “vô thức tập thể” của người dân, dù là tộc người nào ở không gian văn hóa nào. Diện mạo thiết chế văn hóa hôm nay bao gồm cả hai loại thiết chế văn hóa ấy. Vì thế, bảo vệ, bảo tồn và phát huy vai trò của các thiết chế văn hóa cổ truyền phải đặc biệt quan tâm chủ thể/khách thể của văn hóa, nhất là “vô thức tập thể” của cộng đồng, phải để cộng đồng cùng “cộng mệnh, cộng cảm” - chữ dùng của Ngô Đức Thịnh - khi tham gia các sinh hoạt văn hóa, thể thao tại các thiết chế văn hóa mới.

Mặt khác, xây dựng hệ tiêu chí cho việc phát huy thiết chế văn hóa cổ truyền trong xã hội đương đại, ban hành qui chế vận hành cho cả hai loại thiết chế văn hóa, tranh thủ cao nhất để xưa trong nay, nay có xưa. Chẳng hạn, bộ phận quản lý nhà văn hóa thôn/khu phố, buôn, bon, plei,... nên là ban chánh bái của đình làng. Chú trọng tính chất vùng văn hóa và bản sắc tộc người khi xây dựng và ban hành quy chế vận hành, tiêu chí cho hoạt động của các thiết chế văn hóa cổ truyền.

Đồng thời, để cộng đồng hiểu giá trị, vai trò của các thiết chế văn hóa, thế hệ kế tiếp am tường thiết chế văn hóa cổ truyền, cùng có trách nhiệm bảo vệ giá trị của các thiết chế văn hóa. Nói như một số nhà nghiên cứu hay dẫn quan niệm của UNESCO: trả di sản về cho cộng đồng.

Cuối cùng là ứng dụng, vận dụng các thành tựu của công nghệ thông tin vào việc vận hành các thiết chế văn hóa cổ truyền tại làng/khu phố, lưu trữ dữ liệu để bảo tồn, phục vụ cho công tác quảng bá di sản văn hóa./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam, *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, tập 4, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2005, tr.328.
2. Nghị quyết hội nghị lần thứ 5 của BCH TƯ khóa VIII, nxb Chính trị quốc gia, 1998.
3. Thủ tướng Chính phủ: *Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12-11-2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030*.
4. <https://thuvienphapluat.vn>
5. Phương Anh, *Nâng cao hiệu quả hoạt động của thiết chế văn hóa: Lấp đầy những khoảng trống*, *baovanhoa.vn*, 19-6-2020.

CHÍNH SÁCH THUẾ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO GIAI ĐOẠN 2013 - 2023; VƯỚNG MẮC, BẤT CẬP TRONG THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 43/2006/NĐ-CP, NGHỊ ĐỊNH 60/2021/NĐ-CP VỀ CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP VÀ GIẢI PHÁP

Nguyễn Thị Cúc
Chủ tịch Hội Tư vấn thuế
Nguyên Phó Tổng cục trưởng Tổng cục thuế

Văn hóa có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của nhân loại và mỗi dân tộc nói riêng; đang hàng ngày, hàng giờ đồng hành với đời sống nhân dân và là nền tảng tinh thần của xã hội. Văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên cả ba mặt trận: chính trị, kinh tế, văn hóa. Khi nói đến văn hóa thì phải đề cập đến thiết chế văn hóa. Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam thì “Thiết chế văn hóa là chỉnh thể văn hóa hội tụ đầy đủ các yếu tố: cơ sở vật chất, bộ máy tổ chức, nhân sự, quy chế hoạt động, nguồn kinh phí...”

Theo đó, thiết chế văn hóa không chỉ đơn thuần là những công trình, cơ sở vật chất cụ thể mà bao hàm trong đó là hệ thống cơ chế, chính sách vận hành; đội ngũ nhân lực, nguồn lực tài chính cũng như công cụ điều tiết tài chính liên quan đến văn hóa. Đảng, Nhà nước ta trong những năm qua đã luôn quan tâm, ưu tiên dành nguồn lực để xây dựng và hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa. Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) của Đảng đã xác định: củng cố, xây dựng và hoàn thiện thể chế văn hóa. Nâng cao chất lượng hoạt động của các thiết chế văn hóa hiện có, sắp xếp hợp lý các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp và kinh doanh, nâng cấp các đơn vị văn hóa - nghệ thuật trọng điểm, tạo chất lượng mới cho toàn ngành. Chủ trương này tiếp tục được khẳng định tại Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09-6-2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Quyết định Số: 1909/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2021 Phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ”...

Trong đó QĐ Số: 1909/QĐ-TTg đã yêu cầu: “*Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc, hình thành khung khổ pháp lý, thể chế nhằm phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực, tạo động lực cho văn hóa phát triển theo hướng hiện đại, hội nhập và bền vững*”.

Trong thực tế, hệ thống cơ chế chính sách tài chính, thuế hợp lý sẽ tạo điều kiện tốt cho hệ thống thiết chế văn hóa phát triển bền vững, ngược lại cơ chế tài chính thuế, không phù hợp, chưa có biện pháp hỗ trợ, thậm chí cản trở thiết chế văn hóa thì có thể tác động ngược lại, làm yếu thiết chế văn hóa.

I. Chính sách thuế, phí liên quan đến hoạt động kinh doanh sản phẩm dịch vụ thiết chế văn hóa

1. Thực trạng

Theo quy định hiện hành: các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ trong lĩnh vực văn hóa có nghĩa vụ thực hiện kê khai nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT), thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thu nhập cá nhân (TNCN), phí, lệ phí và các khoản thu vào NSNN theo quy định của pháp luật tương ứng. Chính phủ không ban hành riêng văn bản pháp quy về thuế, phí, lệ phí, thu ngân sách nhà nước (NSNN) cho riêng hoạt động văn hóa. Tuy nhiên Chính phủ ban hành thêm các Nghị định đặc để khuyến khích xã hội hóa, trong đó có các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa. Gồm Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định Số: 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 06 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008. Theo đó các tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh dịch vụ trong lĩnh vực văn hóa đang áp dụng khoản khoản thu NSNN như sau.

1.1 Các khoản thu về đất

Theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 và Nghị định Số: 59/2014/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP thì cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực văn hóa được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất để xây dựng các công trình xã hội hóa, được hưởng một số ưu đãi đối với các khoản thu về đất:

- Giao đất không thu tiền sử dụng đất;
- Cho thuê đất và miễn tiền thuê đất;
- Giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất;
- Được miễn lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn với đất; được miễn các khoản phí, lệ phí khác liên quan đến quyền sử dụng đất, tài sản gắn với đất;
- Được miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

1.2. Thuế giá trị gia tăng

Theo Luật thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn thực hiện thì:

- Không thu thuế GTGT đối với các hoạt động:
 - + Dạy múa, hát, hội họa, kịch, xiếc...; dạy các nghề khác nhằm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa, kiến thức chuyên môn nghề nghiệp;
 - + Duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân và vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật.
- Mức thuế suất 5 % là mức thuế suất ưu đãi thấp nhất đối với:
 - + Hoạt động văn hóa, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn nghệ thuật;
 - + Sản xuất phim; nhập khẩu phát hành và chiếu phim; sách các loại.

1.3. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Cơ sở thực hiện xã hội hóa có thu nhập từ hoạt động xã hội hóa (bao gồm hoạt động văn hóa, thể thao):

+ Được áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10% trong suốt thời gian hoạt động;

+ Được miễn thuế TNDN trong 4 năm và giảm 50% thuế TNDN không quá 9 năm tiếp theo.

1.4. Thuế thu nhập cá nhân:

Các ca sỹ, nghệ sỹ cùng áp dụng chung biểu thuế TNCN từ tiền lương, tiền công như các cá nhân hoạt động trong các lĩnh vực khác. Chưa tính đến các yếu tố đặc thù nghề nghiệp như dưỡng thanh, trang phục, đạo cụ... biểu diễn.

1.5. Các loại phí, lệ phí thuộc lĩnh vực văn hóa

1.5.1. Phí

Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện được để lại một phần hoặc toàn bộ số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo tỷ lệ xác định quy định; phần còn lại (nếu có) nộp ngân sách Nhà nước.

- Phí thẩm định văn hóa phẩm:

+ Phí thẩm định nội dung văn hóa phẩm xuất khẩu, nhập khẩu;

+ Phí thẩm định kịch bản phim và phân loại phim;

+ Phí thẩm định chương trình nghệ thuật biểu diễn; phí thẩm định nội dung chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên các vật liệu khác;

+ Phí thẩm định nội dung tài liệu xuất bản phẩm không kinh doanh;

+ Phí thẩm định cấp giấy phép hợp tác, liên doanh sản xuất phim, cung cấp dịch vụ sản xuất phim cho tổ chức, cá nhân nước ngoài.

- Phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch:

- Phí thư viện;

- Phí đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả;

- Phí thăm quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa, bảo tàng....

1.5.2 Lệ phí

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh sản xuất phim

- Lệ phí sở hữu trí tuệ

- Lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm, bao gồm:

- + Lệ phí đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh;
- + Lệ phí cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh;
- + Lệ phí cấp giấy chứng nhận thuyết minh viên.

2. Kiến nghị đề xuất chính sách thuế, phí tạo điều kiện cho thiết chế văn hóa Việt Nam phát triển

Nhằm tạo nguồn lực để phát triển hệ thống thiết chế văn hóa theo Quyết định Số: 2164/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030. Đồng thời phù hợp với quyết định Số: 508/QĐ-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng chính phủ Phê duyệt “Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030”. Trên cơ sở thực trạng chính sách thuế, phí hiện hành tại Việt nam, kinh nghiệm quốc tế của một số nước trên thế giới, tác giả xin đề xuất chính sách thuế, phí cho phát triển hệ thống thiết chế văn hóa nước nhà như sau:

2.1. Đối với các khoản thu về đất

Cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc lĩnh vực văn hóa được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất để xây dựng các công trình xã hội hóa; theo Quyết định Số: 2164/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ, Bao gồm đất được cấp phục vụ cho hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ cộng đồng thuộc ngành Văn hóa, Thể thao quản lý, cụ thể:

- + Nhà Văn hóa - Khu Thể thao ở thôn và tương đương;
- + Trung tâm Văn hóa - Thể thao ở xã, phường, thị trấn;
- + Trung tâm Văn hóa - Thể thao ở huyện, quận, thị trấn, thành phố trực thuộc tỉnh;
- + Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- + Cung Thiếu nhi, Nhà Thiếu nhi hoặc Trung tâm hoạt động Thanh Thiếu nhi cấp tỉnh, huyện...

Được hưởng các ưu đãi đối với các khoản thu từ đất, liên quan đến đất đai cụ thể như sau:

- + Không phải nộp tiền cấp quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất mà;
- + Được miễn tiền thuê đất, khi thuê đất của Nhà nước
- + Được miễn lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn với đất; được miễn các khoản phí, lệ phí khác liên quan đến quyền sử dụng đất, tài sản gắn với đất.
- + Không thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với:

*Đất xây dựng công trình văn hóa, đất sử dụng làm quảng trường, công trình văn hóa, tượng đài, bảo tàng; Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng. bảo vệ;

* Đất xây dựng các nhà hát; khuôn viên, rạp biểu diễn văn hóa, nghệ thuật; cung văn hóa.

2.2. Thuế giá trị gia tăng

Do thuế suất thuế GTGT ở nước ta có thuế suất cơ bản là 10%, nên nếu sản phẩm, dịch vụ có thuế suất thấp hơn 10% thì sẽ được khấu trừ thuế đầu vào cao hơn thuế đầu ra, dẫn đến mức nộp thuế thấp và có thể có trường hợp không phải nộp thuế GTGT đầu ra (tổng thuế GTGT đầu vào cao hơn đầu ra), vì vậy đề nghị tiếp tục thực hiện mức thuế suất 5 % áp dụng đối với hoạt động văn hóa, triển lãm, thể dục, thể thao; biểu diễn văn hóa nghệ thuật; sản xuất, nhập khẩu, phát hành và chiếu phim; sách các loại.

Trường hợp thuế GTGT đầu vào lớn hơn thuế GTGT đầu ra mà không có cơ chế hoàn thuế GTGT thì cho phép doanh nghiệp được chủ động lựa chọn: chuyển tiếp vào ký tính thuế tiếp theo hoặc đưa vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN của đơn vị.

2.3. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Về thuế suất: Tiếp tục thực hiện chính sách ưu đãi thuế TNDN theo quy định của Luật thuế TNDN hiện hành đối với ngành văn hóa, thể thao:

+ Áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động;

+ Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp không quá 9 năm tiếp theo.

Tuy nhiên các điều kiện quy định hưởng ưu đãi thuế như loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn cần được sửa đổi bổ sung theo hướng nới rộng tiêu chí, áp dụng cho đối tượng hoạt động có quy mô nhỏ, vừa, loại hình đa dạng để các cơ sở kinh doanh thực sự được hưởng ưu đãi thuế thực sự, không chỉ dừng lại trên giấy tờ: ví dụ tiêu chí về diện tích đất, số lượng lao động, số lượng học viên ... cần phù hợp với tình hình thực tiễn đối với từng hoạt động cụ thể.

- Về khoản chi phí được trừ làm cơ sở tính thuế TNDN:

Chi phí thực chi tại các cơ sở kinh doanh thường lớn hơn chi phí được trừ làm cơ sở tính thuế TNDN. Việc quy định thêm các khoản chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN, thực chất là gián tiếp giảm thuế TNDN. Vì vậy đề nghị bổ sung thêm một số khoản chi phí tính thuế:

Luật thuế TNDN hiện hành cho phép 5 khoản chi tài trợ của doanh nghiệp được hạch toán vào chi phí tính thuế TNDN, gồm: Tài trợ cho giáo dục; y tế; khắc phục hậu quả thiên tai bão lụt; làm nghĩa tình nghĩa cho người nghèo; tài trợ nghiên cứu khoa học, chi tài trợ không theo chương trình của Nhà nước dành cho các địa phương thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Theo đó khoản tài trợ "*Huy động sự đóng góp của các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội, các tổ chức phi Chính phủ, các đoàn thể, nhân dân và tài trợ của các tổ chức, cá nhân*

nước ngoài để xây dựng và tổ chức hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đặc biệt là các Nhà Văn hóa - Khu Thể thao ở thôn, Khu vui chơi giải trí, Trung tâm Văn hóa - Thể thao” theo Quyết định Số: 2164/QĐ-TTg chưa được hạch toán chi phí được trừ khi tính thuế TNDN.

Để tăng thêm nguồn lực vốn, tạo cơ sở vật chất cho hệ thống thiết chế văn hóa; đề nghị bổ sung thêm nội dung:

+ Khoản chi tài trợ cho văn hóa theo chương trình, kế hoạch phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền nhằm xây dựng cơ sở vật chất cho hệ thống thiết chế văn hóa: Trung tâm văn hóa, nhà văn hóa, khu bảo tồn, tu bổ các di tích lịch sử, văn hóa - thể thao được hạch toán vào chi phí tính thuế TNDN.

+ Cho phép các cơ sở kinh doanh trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, được trích lập một khoản theo tỷ lệ trên doanh thu, hoặc chi phí để đóng góp quỹ văn hóa quốc gia, tạo thêm nguồn lực hỗ trợ tài chính cho phát triển thiết chế văn hóa.

2.4, Thuế

Nâng cao ý thức thực thi pháp luật về quyền tác giả và các quyền liên quan trong toàn xã hội. Củng cố, tăng cường hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý, cơ quan thực thi quyền tác giả từ Trung ương đến địa phương.

- Nghiên cứu thuế TNCN đối với thu nhập của các văn - nghệ sỹ, ca sỹ. Khuyến khích các văn-nghệ sỹ, ca sỹ tích cực tham gia hoạt động kinh doanh nghệ thuật vừa tăng thu nhập của bản thân, vừa thực hiện nghĩa vụ nộp thuế TNCN với NSNN. Có thể xem xét các yếu tố đặc thù nghề nghiệp của văn, nghệ sỹ, ca sỹ như thanh, sắc...

- Nghiên cứu điều chỉnh giảm mức điều tiết thuế thuế TNCN thông qua các yếu tố cấu thành biểu thuế lũy tiến từng phần của thu nhập từ tiền lương, tiền công nói chung và giới văn, nghệ sỹ nói riêng: các khoản giảm trừ cho cá nhân người nộp thuế, thuế suất, các bậc thuế lũy tiến từng phần và nới rộng khoảng cách giữa các bậc thuế.

- Theo Luật thuế TNCN và các văn bản hướng dẫn thực hiện thì người nộp thuế TNCN được loại trừ khoản chi khi tính thuế TNCN đối với “*Khoản chi đóng góp vào các quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học được thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 30/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện, hoạt động vì mục đích từ thiện, nhân đạo, khuyến học*” . Theo đó khoản ủng hộ của “*các cá nhân để xây dựng và tổ chức hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đặc biệt là các Nhà Văn hóa - Khu Thể thao ở thôn, Khu vui chơi giải trí, Trung tâm Văn hóa - Thể thao*” sẽ không được hạch toán là khoản giảm trừ khi tính thuế TNCN của các cá nhân chi ủng hộ.

Quyết định Số: 2164/QĐ-TTg cũng nêu rõ: *Huy động sự đóng góp của.... nhân dân và tài trợ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài để xây dựng và tổ chức*

hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đặc biệt là các Nhà Văn hóa - Khu Thể thao ở thôn, Khu vui chơi giải trí, Trung tâm Văn hóa - Thể thao”

Theo đó, đề nghị bổ sung “*khoản chi đóng góp của cá nhân người nộp thuế từ thu nhập tiền lương, tiền công cho xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa: trung tâm văn hóa, nhà văn hóa... các quỹ văn hóa; được giảm trừ vào khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân”*”.

II. Cơ chế tài chính, chính sách thuế tại các Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập

Đề chuyên sâu nội dung tham luận, trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xin tập trung vào nội dung Cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công thuộc thiết chế văn hóa mà nội dung cụ thể là sử dụng tài sản công nhân rồi để kinh doanh, cho thuê, liên doanh- liên kết, tác động đến thu chi, thu nhập của người lao động hoạt động đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

1. Chính sách hiện hành về quyền tự chủ, cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập

Hiện nay các đơn vị sự nghiệp công lập trong đó có văn hóa, thể thao đang chịu sự điều chỉnh của Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ *quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định thành lập* và Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ, quy định **về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập** trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo; giáo dục nghề nghiệp; y tế - dân số; **văn hóa, thể thao** và du lịch; thông tin và truyền thông; khoa học và công nghệ; các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác. Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/09/2022, hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Theo quy định tại Điều 3 Nghị định 60/2021/NĐ-CP thì “Cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công” là các quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện quy định về danh mục sự nghiệp công; giá, phí và lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công; phân loại mức độ tự chủ tài chính; tự chủ sử dụng nguồn tài chính; tự chủ trong hoạt động liên doanh, liên kết; quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định khác có liên quan.

Về mức tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, tại Điều 9 Nghị định 60/2021/NĐ-CP chia thành 4 nhóm sau đây:

Nhóm 1: Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư. Nhóm này thuộc các đơn vị đáp ứng một trong các điều kiện sau:

+ Đơn vị có mức tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên xác định theo quy định, có mức tự bảo đảm chi đầu tư bằng hoặc lớn hơn mức trích khấu hao và hao mòn tài sản cố định của đơn vị.

+ Đơn vị cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN giá dịch vụ sự nghiệp công xác định theo cơ chế thị trường, có tính đủ khấu hao tài sản cố định và có tích lũy dành chi đầu tư.

Nhóm 2: Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên. Nhóm này thuộc các đơn vị đáp ứng một trong các điều kiện sau:

+ Đơn vị có mức tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên xác định theo phương án quy định và chưa tự bảo đảm chi đầu tư từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn thu phí được để lại chi theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí, các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định.

+ Đơn vị thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, được Nhà nước đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí

Nhóm 3: Đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên. Là đơn vị có mức tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên xác định theo phương án quy định từ 10% đến dưới 100%, được Nhà nước đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí

Nhóm 4. Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên gồm:

+ Đơn vị sự nghiệp công có mức tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên xác định theo phương án quy định tại Điều 10 Nghị định 60/2021/NĐ-CP dưới 10%;

+ Đơn vị sự nghiệp công không có nguồn thu sự nghiệp.

1.1. Về nguồn tài chính của đơn vị thuộc nhóm 1, nhóm 2

Điều 11 Nghị định 60/2021/NĐ-CP quy định: nguồn tài chính của đơn vị thuộc nhóm 1, nhóm 2 bao gồm:

- Nguồn ngân sách Nhà nước

- Nguồn thu hoạt động sự nghiệp: khoản thu này bao gồm

*Thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công;

* Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh; hoạt động liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân theo đúng quy định của pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công;

* Thu từ cho thuê tài sản công: Đơn vị thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án cho thuê tài sản công.

- Nguồn thu phí được để lại đơn vị sự nghiệp công để chi theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

- Nguồn vốn vay; vốn viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật.

- Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi thường xuyên giao tự chủ, trích khấu hao tài sản cố định, nộp thuế và các khoản nộp NSNN theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên giao tự chủ (nếu có), đơn vị sự nghiệp công được sử dụng theo thứ tự như sau:

a) Trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: Trích tối thiểu 25%;

b) Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập áp dụng trong trường hợp đơn vị chi tiền lương theo quy định;

c) Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi: Tổng hai quỹ tối đa không quá 3 tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm của đơn vị;

d) Trích lập Quỹ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

đ) Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

1.2. Về nguồn tài chính của đơn vị thuộc nhóm 3

Điều 15 Nghị định 60/2021/NĐ-CP quy định nguồn tài chính của đơn vị thuộc nhóm 3 bao gồm:

- Nguồn ngân sách Nhà nước;

- Nguồn thu hoạt động sự nghiệp:

* Thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công;

* Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh; hoạt động liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân theo đúng quy định của pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công;

* Thu từ cho thuê tài sản công: Đơn vị thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án cho thuê tài sản công.

- Nguồn thu phí được để lại đơn vị sự nghiệp công để chi theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

- Nguồn vốn vay của đơn vị; nguồn viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật.

- Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi thường xuyên giao tự chủ, trích khấu hao tài sản cố định, trích lập nguồn cải cách tiền lương theo quy định, nộp thuế và các khoản NSNN nước theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi hoạt động thường xuyên giao tự chủ (nếu có), đơn vị được sử dụng theo thứ tự như sau:

a. Trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp

b. Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập và chi thu nhập tăng thêm

- c. Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi
- d. Trích lập Quỹ khác theo quy định của pháp luật.
- đ. Phần chênh lệch thu lớn hơn chi còn lại (nếu có) sau khi đã trích lập các quỹ theo quy định được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

1.3. Nguồn tài chính của đơn vị thuộc nhóm 4

Điều 19. Nghị định số 60/2021/NĐ-CP Nguồn tài chính của đơn vị thuộc nhóm 4.

Nguồn ngân sách Nhà nước, gồm:

- Nguồn thu hoạt động sự nghiệp phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công (nếu có);
- Nguồn viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật;
- Nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Kết thúc năm tài chính, sau khi hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi phí thường xuyên giao tự chủ, trích khấu hao tài sản cố định, trích lập nguồn cải cách tiền lương theo quy định, nộp thuế và các khoản nộp NSNN theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi hoạt động thường xuyên giao tự chủ (nếu có) được xác định là kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được.

2. Chính sách hiện hành về cơ chế quản lý, sử dụng tài sản công của đơn vị sự nghiệp công lập.

Việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công trong đó có đơn vị sự nghiệp công lập.

Để có thể sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công vào mục đích kinh doanh Điều 56 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định, tài sản đó phải là:

- Tài sản được giao, đầu tư xây dựng, mua sắm để thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao nhưng chưa sử dụng hết công suất là những tài sản được Nhà nước giao, đầu tư xây dựng, mua sắm để thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao theo đúng quy định của pháp luật nhưng chưa sử dụng hết công suất mà không thể áp dụng hình thức thu hồi, điều chuyển;
- Tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt để phục vụ hoạt động kinh doanh mà không do ngân sách Nhà nước đầu tư....

Bên cạnh đó tại Điều 44 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP quy định đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết rất phức tạp:

- Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm lập đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo mẫu quy định.

- Đơn vị sự nghiệp công lập báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xem xét, gửi lấy ý kiến thẩm định của cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (đối với đơn vị thuộc trung ương quản lý), Sở Tài chính (đối với đơn vị thuộc địa phương quản lý);

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề án, cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 2 Điều 19 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Sở Tài chính xem xét, cho ý kiến thẩm định về: Sự cần thiết; sự phù hợp của đề án với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan; các nội dung trong đề án cần phải chỉnh lý, hoàn thiện;

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định, đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện đề án, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 56, khoản 2 Điều 57 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công phê duyệt. Riêng đối với đề án sử dụng tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc trung ương quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 tỷ đồng trở lên thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương phải xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ (đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc trung ương quản lý), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải xin ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp (đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương).

3. Vướng mắc, khó khăn trong thực thi và kiến nghị hướng xử lý

Như đã phân tích về cơ cấu nguồn thu của các đơn vị sự nghiệp công lập bao gồm các nguồn thu ngoài hoạt động dịch vụ sự nghiệp công; gồm thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh; hoạt động liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân theo đúng quy định của pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp công; Thu từ cho thuê tài sản công, việc sử dụng tài sản công cho thuê phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án cho thuê tài sản công.

Điều 4. Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 09 năm 2022, đã quy định Phân loại mức tự chủ tài chính và xác định mức tự bảo đảm chi thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công theo công thức chi tiết cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc nhóm 1, 2 và 3. Theo đó phần quy định tổng các khoản thu xác định mức tự chủ tài chính để chia cho tổng các khoản chi xác định mức độ tự chủ tài chính theo quy định cụ thể chiếm tỷ lệ là bao nhiêu, được hướng dẫn: “Thu từ cho thuê tài sản công (sau khi trừ các chi phí hợp lý có liên quan đến việc cho thuê tài sản theo quy định của pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công và nộp các khoản thuế theo quy định); ...”

Mặc dù quy định này là phù hợp với Nghị định số 60/2021/NĐ-CP nhưng dẫn đến bất cập trong thực tế. Do đối với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác

cho thuê tài sản, kể cả tài sản nhàn rỗi thì cũng phải nộp thuế GTGT, TNDN /hoặc thu nhập các nhân như tài sản cho thuê của đơn vị sự nghiệp công lập. Nhưng điểm khác biệt cơ bản là thu nhập sau thuế của các đối tượng này. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác thì phần thu nhập sau thuế được chủ động chi tiêu, phân phối, bổ sung thu nhập... vì là “phần của họ.”. Nhưng các đơn vị sự nghiệp công lập thì được tập hợp chung với các khoản thu khác và cũng để chi cho nhiều mục đích: Chi tiền lương tiền công ngạch, bậc, chức vụ, các khoản đóng góp theo lương ; Chi hoạt động chuyên môn; chi quản lý; chi bảo trì, bảo dưỡng tài sản thường xuyên, chi mua sắm đảm bảo hoạt động thường xuyên từ nguồn kinh phí giao tự và các khoản chi thường xuyên khác.

Bên cạnh đó việc sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công vào mục đích kinh doanh theo Điều 56 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định như trên là rất phức tạp khó khăn, dẫn đến những trường hợp có bất động sản, tài sản nhàn rỗi nhưng doanh nghiệp sự nghiệp công lập không thể cho thuê - do vướng về thủ tục khó khăn- và không mặn mà cho thuê vì không mang lại lợi ích trực tiếp, thiết thực cho bản thân đơn vị sự nghiệp.

Theo đó, để sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài sản nhàn rỗi, diện tích nhà, đất chưa sử dụng hết của các đơn vị sự nghiệp; tạo điều kiện chủ động cho các đơn vị sự nghiệp công quản lý, sử dụng tài sản công hiệu quả nên nghiên cứu sửa đổi cơ chế điều tiết thu chi đối với việc sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công vào mục đích kinh doanh

Theo đó, khoản thu trong kinh doanh, bao gồm từ hoạt động liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công lập nên chẳng được hạch toán riêng, tách biệt với các khoản thu từ dịch vụ công. Chúng tôi mạnh dạn đề xuất phương án sau:

* Đối với khoản thu từ kinh doanh do cho thuê tài sản công nhàn rỗi:

Đơn vị sự nghiệp thực hiện nộp thuế, phí theo quy định của pháp luật về thuế, phí như đối với các tổ chức, cơ sở kinh doanh khác. Phần thu nhập còn lại sau thuế nên trích không quá 30% vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp. Thu nhập còn lại sau khi đã nộp thuế và trích 30% bổ sung Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; cho phép doanh nghiệp chủ động sử dụng, phân phối chi tiêu, bao gồm chi bổ sung thu nhập cho người lao động, không đưa vào sổ thu làm căn cứ xác định tỷ lệ thu - chi.

* Đối với khoản thu từ hoạt động liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân khác:

Theo quy định của Luật thuế TNDN hiện hành, đối với khoản đầu tư vốn, tài sản, đất đai... vào các tổ chức sản xuất kinh doanh trong nước, mà các tổ chức nhận đầu tư đã hạch toán kê khai nộp thuế TNDN (bao gồm cả trường hợp tổ chức nhận liên doanh, liên kết được ưu đãi miễn, giảm thuế) thì phần lợi nhuận được chia của các tổ chức đi liên doanh, liên kết được hạch toán toàn bộ vào thu nhập sau thuế của đơn vị mình.

Theo đó, cũng tương tự như kiến nghị trên; khoản thu nhập nhận được từ hoạt

động liên doanh, liên kết của đơn vị sự nghiệp công sẽ trích không quá 30% vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp. Thu nhập còn lại sau khi trích 30% bổ sung Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, cho phép doanh nghiệp chủ động sử dụng, phân phối chi tiêu, bao gồm chi bổ sung thu nhập cho người lao động.

Bên cạnh phương án điều chỉnh phân phối lợi nhuận sau thuế như trên, chúng tôi kiến nghị nên chủ động phân cấp quản lý quyền tự chủ đối với việc quản lý, sử dụng tài sản công dùng để kinh doanh, liên doanh, liên kết hiệu quả thuận lợi hơn.

Bên cạnh những kiến nghị về cơ chế tài chính của hoạt động quản lý, sử dụng tài sản công để kinh doanh, liên doanh, liên kết; thì đối với các đơn vị sự nghiệp công thuộc nhóm 2, nhóm 3, có sử dụng nguồn thu phí được để lại chi theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí cũng cần xác định cụ thể, chi tiết các khoản thu này để đảm bảo đủ mức chi cho đơn vị. Đặc biệt là các khoản thu không ổn định, mang tính chất thời vụ...

Mặc dù Nghị định số 60/2021/NĐ-CP quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư hướng dẫn số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 09 năm 2022 đã xử lý một số nội dung vướng mắc theo phản ánh của các địa phương, đơn vị sự nghiệp công: như hướng dẫn cụ thể về cách xác định các khoản thu xác định mức độ tự chủ tài chính, các khoản chi xác định mức độ tự chủ tài chính và phân loại mức tự chủ tài chính, giao quyền tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công... nhưng trong thực thi hiện nay, các đơn vị sự nghiệp công lập vẫn còn gặp không ít khó khăn đặc biệt là khai thác nguồn thu, bảo đảm cho các đơn vị có thể tự thu, tự chi nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và tái đầu tư cơ sở vật chất của đơn vị như đã phân tích trên.

Hy vọng hội thảo này sẽ tập hợp được các khó khăn, vướng mắc, tìm ra các giải pháp phù hợp để sớm khắc phục những bất cập, hạn chế hiện hành; đồng thời tập hợp, kiến nghị lên cấp có thẩm quyền các giải pháp đề xuất để sớm hoàn thiện cơ chế chính sách về quyền tự chủ, cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Trong quá trình hoàn thiện, có xem xét đến tính đặc thù của các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành văn hóa; hoàn thiện chế độ tiền lương, thưởng, phụ cấp và chế độ đãi ngộ để thu hút cán bộ, viên chức có chất lượng cao trên cơ sở minh bạch thu chi cũng chính là yếu tố thiết thực góp phần tăng cường thiết chế văn hóa theo chương trình mục tiêu của Đảng và Nhà nước./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam, *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, tập 4, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2005, tr.328.
2. Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương 5 (khóa VIII) ngày 16-7-1998, về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
3. Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09-6-2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước;

4. Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2021 Phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ”.
5. Luật Thuế giá trị gia tăng 2008.
6. Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng 2013.
7. Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế 2014.
8. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2008.
9. Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp 2013.
10. Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của các luật về thuế 2014.
11. Luật Thuế thu nhập cá nhân 2007.
12. Luật Phí, lệ phí 2015.
13. Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 Ngày 02/6/2020 Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh mức giảm trừ gia cảnh của thuế TNCN.
14. Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường
15. Nghị định Số: 59/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 06 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008.
16. Các Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn các Luật thuế, phí.
17. Luật quản lý tài sản công số: 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017
18. Nghị định Số: 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 hướng dẫn Luật quản lý tài sản công
19. Nghị định số: 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ, quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.
20. Nghị định số: 43/2006/ND-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập.
21. Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/09/2022, hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

VAI TRÒ CỦA CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO TRONG XÂY DỰNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA Ở CƠ SỞ

PGS.TS. Phạm Duy Đức

*Nguyên Viện trưởng Viện Văn hóa và phát triển
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh*

Xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở là một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong quá trình xây dựng và phát triển văn hóa, con người đáp ứng với yêu cầu của sự nghiệp cách mạng. Ngay trong những năm tháng gian khổ của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề xây dựng “Đời sống mới” mà mở cuộc vận động xây dựng “Đời sống mới”. Đây là tư tưởng có ý nghĩa chiến lược của Người về xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, làm nền tảng cho quá trình xây dựng và phát triển nền văn hóa cách mạng, tiến bộ và nhân văn. Kế thừa và phát huy tư tưởng của Người, trong quá trình lãnh đạo xây dựng và phát triển nền văn hóa mới, con người mới, Đảng ta đã luôn luôn quán triệt sâu sắc quan điểm này trong đường lối văn hóa của Đảng, đặc biệt là trong 40 năm đổi mới vừa qua.

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) Về Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đã xác định nhiệm vụ xây dựng môi trường văn hóa là: “Tạo ra ở các đơn vị cơ sở (gia đình, làng, bản, xã, phường, khu tập thể, cơ quan, xí nghiệp, nông trường, lâm trường, trường học, đơn vị bộ đội ...), các vùng dân cư (đô thị, nông thôn, miền núi ...) đời sống văn hóa lành mạnh, đáp ứng nhu cầu văn hóa đa dạng và không ngừng tăng lên của các tầng lớp nhân dân”¹. Như vậy, có thể hiểu đời sống văn hóa ở cơ sở là toàn bộ sinh hoạt văn hóa diễn ra gắn với cá nhân và cộng đồng tại đơn vị cơ sở như gia đình, làng xã, tổ dân phố, xã, phường, cơ quan doanh nghiệp, trường học, bệnh viện, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang ... Xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở là bước đi ban đầu để tạo lập nền tảng tinh thần của xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy vai trò động lực của văn hóa để phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng con người.

Trong quá trình xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, lấy người dân làm trung tâm, hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao chiếm vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng. Nhận thức đầy đủ, toàn diện và sâu sắc về vai trò của hệ thống các thiết chế văn hóa – thể thao này là cơ sở để đề ra phương hướng, giải pháp hoàn thiện thể chế, chính sách và nguồn lực để phát huy vai trò tích cực của nó đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đời sống văn hóa ở cơ sở trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.

1. Một số vấn đề lý luận chung

Thiết chế văn hóa – thể thao là nơi tổ chức các hoạt động văn hóa – thể thao nhằm đáp ứng nhu cầu sáng tạo, sản xuất, truyền bá và thụ hưởng các giá trị văn hóa – thể thao

¹ Đảng Cộng Sản Việt Nam. Văn kiện Hội nghị lần thứ 5, BCH TW khóa VIII. NXB CTQG, HN, 1998, tr 59 – 60.

của cá nhân và cộng đồng do một tổ chức lập ra. Thiết chế văn hóa – thể thao bao gồm một tổng thể các yếu tố như cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí, bộ máy tổ chức và đội ngũ nhân sự, quy chế và nội dung hoạt động. Thiết chế văn hóa ở cơ sở là thiết chế văn hóa – thể thao phục vụ cho nhu cầu hoạt động văn hóa – thể thao trực tiếp và thường xuyên của cộng đồng cư dân trên địa bàn cơ sở như thôn, xóm, làng, bản, xã, phường, thị trấn, các đơn vị sản xuất, kinh doanh, trường học, bệnh viện ...

Tại Quyết định số 2164/ QĐ – TTg của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao cơ sở giai đoạn 2013 – 2020, định hướng đến năm 2030, mạng lưới thiết chế văn hóa – thể thao cơ sở được chia thành 04 hệ thống, bao gồm: Hệ thống do ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý; Hệ thống do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh quản lý; Hệ thống do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quản lý; Hệ thống do Lực lượng vũ trang, các Bộ, ngành khác quản lý cùng các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở do xã hội hóa xây dựng. Trong đó, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở do ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch trực tiếp quản lý bao gồm: Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn (gọi tắt là thôn); Trung tâm văn hóa – thể thao xã, phường, thị trấn (gọi tắt là cấp xã); Trung tâm văn hóa – thể thao huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi tắt là cấp huyện); Trung tâm văn hóa tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi tắt là cấp tỉnh).

Mục tiêu của việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa là tập trung vào đáp ứng nhu cầu sáng tạo, thụ hưởng các giá trị văn hóa ngày càng cao của các tầng lớp nhân dân, qua đó nhằm xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phát triển toàn diện con người, khơi dậy giá trị văn hóa và sức mạnh con người, cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đặc điểm của các thiết chế văn hóa – thể thao ở cơ sở là nó được đặt ở địa điểm gần khu dân cư, tạo điều kiện thuận lợi nhất để cộng đồng dân cư có thể tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao một cách chủ động, thường xuyên trong thời gian rỗi.

Chức năng cơ bản của hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao là chức năng giáo dục ngoài nhà trường về phương diện văn hóa – thể thao, nhằm nâng cao dân trí và năng lực thực hành các hoạt động văn hóa – thể thao, đáp ứng nhu cầu văn hóa – thể thao của các tầng lớp cư dân. Thiết chế văn hóa – thể thao là một thiết chế đa chức năng, tiêu biểu là chức năng nhận thức, chức năng giáo dục, chức năng thẩm mỹ, chức năng giải trí, chức năng kinh tế. Các chức năng có mối quan hệ mật thiết với nhau và tùy vào mục đích, yêu cầu của các chủ thể khác nhau để nhấn mạnh chức năng này hay chức năng khác. Thiết chế văn hóa – thể thao có thể là nơi giới thiệu các tri thức mới về kinh tế, chính trị, xã hội cho cộng đồng, có thể là nơi tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất, tổ chức các sinh hoạt văn hóa, nghệ thuật, bồi dưỡng năng khiếu về văn hóa, nghệ thuật; luyện tập thể dục, thể thao, quảng bá các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật; giao lưu văn hóa – thể thao giữa các đơn vị. Vì vậy, tính chất tổng hợp và đa chức năng của các thiết chế văn hóa – thể thao có ý nghĩa rất quan trọng và cần thiết đối với xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở hiện nay.

Hệ thống thiết chế văn hóa đối với xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở được thể hiện ở một số vai trò quan trọng chủ yếu sau đây:

Thứ nhất: Thiết chế văn hóa – thể thao tạo nền tảng cho sinh hoạt văn hóa – thể thao cộng đồng. Thiết chế văn hóa – thể thao là nơi tổ chức các hoạt động văn hóa – thể thao một cách có chủ đích, có hệ thống, thường xuyên và trực tiếp của cộng đồng dân cư ở cơ sở nhằm đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hoạt động, rèn luyện và thụ hưởng các giá trị văn hóa – thể thao của cộng đồng dân cư ở cơ sở. Hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao như Nhà văn hóa – thể thao, Trung tâm văn hóa – thể thao là “cốt vật chất tối thiểu”, tạo “chỗ chơi”, “sân chơi” để thu hút cộng đồng cư dân tham gia vào các hoạt động văn hóa – thể thao. Hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao có vai trò quan trọng trong việc giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa của cộng đồng, duy trì, tạo lập truyền thống văn hóa, nghệ thuật, thể thao và lối sống, nếp sống của mỗi địa phương, phát huy lợi thế của cộng đồng trong duy trì và phát huy bản sắc địa phương, các sự kiện và các hoạt động văn hóa – thể thao có thể đánh thức và thúc đẩy sự quan tâm của cộng đồng đối với nhiều loại hình nghệ thuật, các sinh hoạt văn hóa truyền thống và các hoạt động thể thao.

Thứ hai: Hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao ở cơ sở có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự tương tác và đoàn kết cộng đồng. Trong quá trình phát triển kinh tế thị trường và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thời gian của mỗi thành viên dành cho tương tác cộng đồng trên địa bàn cư dân giảm đi rất nhiều vì lý do sinh kế khác nhau. Hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao ở cơ sở là nơi tạo ra cơ hội để cộng đồng tham gia hoạt động văn hóa – thể thao. Các hoạt động văn hóa – thể thao tạo điều kiện thuận lợi cho sự tương tác và đoàn kết cộng đồng, tăng cường tinh thần đồng đội và sự liên kết xã hội, nhất là thông qua hoạt động của các câu lạc bộ dân ca, dân vũ, câu lạc bộ thể dục – thể thao. Các hoạt động văn hóa – thể thao cuốn hút cộng đồng vào sinh hoạt tập thể, tăng cường chia sẻ, hiểu biết, giúp đỡ lẫn nhau, giao lưu tình cảm, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau cả trong hoạt động văn hóa – thể thao và mở rộng hơn trong quan hệ xã hội, tăng cường đoàn kết xã hội nhằm thực hiện mục tiêu chung của cộng đồng.

Thứ ba: Hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao có vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng lực cho cộng đồng về hoạt động trong lĩnh vực văn hóa – thể thao, mở rộng cơ hội cho cộng đồng tiếp cận các hoạt động văn hóa – thể thao. Các chương trình và các hoạt động văn hóa – thể thao tại các thiết chế văn hóa – thể thao có thể phát triển các kỹ năng và năng lực của từng thành viên. Nó có thể giúp phát triển kỹ năng hoạt động trong các lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, thể thao, xây dựng ý thức tự tin, đồng thuận xã hội.

Thứ tư: Hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao có vai trò quan trọng trong việc giáo dục chính trị, tư tưởng, xây dựng đạo đức, lối sống, nếp sống lành mạnh trong cộng đồng, cổ vũ nhân dân tham gia vào các hoạt động, các phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở như xây dựng gia đình văn hóa, xây dựng thôn, tổ, cụm dân cư, đơn vị, cơ quan văn hóa, phong trào xây dựng nông thôn mới và đô thị

văn minh ... Đồng thời hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao tham gia vào quá trình bồi dưỡng các kiến thức, kỹ năng về các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, nâng cao trình độ văn hóa chung của cộng đồng, đáp ứng nhu cầu đa dạng và thiết thực của người dân ở cơ sở. Mặt khác, hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao còn chịu trách nhiệm giáo dục cộng đồng về giá trị truyền thống, lịch sử và văn hóa địa phương, duy trì và đảm bảo sự nhất quán về chuẩn mực văn hóa ứng xử trong cộng đồng.

Thứ năm: Hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao góp phần quan trọng vào giáo dục thanh, thiếu niên, bồi dưỡng và phát hiện tài năng về văn hóa, thể thao từ cơ sở.

Hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao ở cơ sở là “sân chơi” bổ ích của thanh, thiếu niên, có vai trò tích cực trong giáo dục truyền thống, xây dựng đạo đức, lối sống lành mạnh thông qua các hoạt động văn hóa – thể thao. Nơi đây có thể là trung tâm rèn luyện thể chất thông qua các câu lạc bộ thể thao, giáo dục thẩm mỹ thông qua các câu lạc bộ nghệ thuật để thu hút thanh, thiếu niên. Hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao là nơi “ươm mầm” các tài năng về văn hóa, nghệ thuật, thể thao. Thông qua các chương trình giáo dục nghệ thuật và thể thao, hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao là nơi phát hiện sớm các tài năng trong các lĩnh vực này để tiếp tục bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ nhân tài cho cộng đồng và đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước.

Thứ sáu: Thiết chế văn hóa – thể thao tạo nền tảng cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

Trong quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay, các thiết chế văn hóa – thể thao được coi là một trong những nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội. Các sự kiện văn hóa và thể thao tại các thiết chế văn hóa – thể thao có thể thu hút đông đảo du khách tham dự, tạo nên nguồn thu nhập từ ngành du lịch và giải trí, đóng góp tạo việc làm và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đây là một lợi thế mà hiện nay nhiều địa phương đang tìm cách phát huy vai trò của hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao để nâng cao sinh kế của người dân, nhất là ở vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, góp phần xóa đói, giảm nghèo, vươn lên làm giàu bằng văn hóa. Đây cũng là điều kiện thu hút doanh nghiệp liên quan đến văn hóa – thể thao tham gia đầu tư vào lĩnh vực này.

Thứ bảy: Hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao có vai trò quan trọng trong việc đối phó với những thách thức xã hội. Hoạt động văn hóa – thể thao có thể được sử dụng để đối phó với các thách thức xã hội như tăng cường giao tiếp cộng đồng, thúc đẩy sự công bằng và tham gia bảo vệ môi trường sinh thái, phòng chống các tiêu cực xã hội và các tệ nạn xã hội, hóa giải những mâu thuẫn xã hội trong cộng đồng.

Thứ tám: Hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao là nơi tổ chức giao lưu các sự kiện văn hóa – thể thao, thúc đẩy sự trao đổi kinh nghiệm và quảng bá các sản phẩm văn hóa, các hoạt động văn hóa – thể thao của địa phương tới các địa phương

khác trong cả nước và quốc tế. Đẩy mạnh quá trình giao lưu và hợp tác, trao đổi các hoạt động của các thiết chế văn hóa – thể thao cũng là động lực để nâng cao năng lực quản lý, tổ chức, điều hành và phát huy hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao.

Thứ chín: Hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao ở cơ sở đóng vai trò quan trọng trong việc tạo cơ hội nghệ thuật và thể thao cho người khuyết tật. Các chương trình hỗ trợ và tạo cơ hội cho người khuyết tật tham gia vào các hoạt động văn hóa – thể thao tại các thiết chế văn hóa – thể thao ở cơ sở sẽ giúp người khuyết tật và các đối tượng dễ bị tổn thương trong xã hội có cơ hội và điều kiện thực hiện quyền văn hóa của mình, thực hiện quyền bình đẳng trong việc tham gia vào các hoạt động văn hóa – thể thao và thụ hưởng các lợi ích mà thiết chế văn hóa – thể thao mang lại, đảm bảo “không ai bị để lại phía sau” trong hoạt động văn hóa – thể thao.

Như vậy, nhìn một cách tổng thể, hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao có vai trò rất quan trọng trong việc xây dựng và duy trì một đời sống văn hóa đa dạng, tích cực và bền vững ở cấp độ cộng đồng.

2. Thực trạng phát huy vai trò của hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao đối với xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở hiện nay

Trong 40 năm đổi mới vừa qua, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến nhiệm vụ xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở và xác định xây dựng và hoàn thiện thiết chế văn hóa – thể thao ở cơ sở là giải pháp quan trọng để tạo điều kiện cho người dân tham gia vào các hoạt động văn hóa – thể thao, đáp ứng nhu cầu văn hóa cơ bản của cộng đồng ngay từ đơn vị cơ sở.

Triển khai thực hiện các nghị quyết quan trọng của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nhất là Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII (1998) và Nghị quyết số 33 – NQ/TW của Hội nghị Trung ương 9 khóa XI (2014), Chính phủ đã ban hành Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 và Quy hoạch tổng thể thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 – 2020, định hướng đến năm 2030, trong đó xác định rõ về phát triển mạng lưới thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở trung hạn và dài hạn. Đây là định hướng và cơ sở pháp lý quan trọng để các bộ, ngành, địa phương, đặc biệt là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai tổ chức, hướng dẫn xây dựng và phát triển mạng lưới thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở trên địa bàn cả nước.

Theo số liệu thống kê, tổng hợp của Cục văn hóa cơ sở (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) đến nay đã có 42 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy hoạch xong quỹ đất dành cho xây dựng các thiết chế văn hóa – thể thao. Nhiều địa phương đã đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các thiết chế văn hóa, thể thao theo hướng khang trang, to đẹp, hiện đại, chuyển đổi phương thức hoạt động hiệu quả gắn liền với cơ chế thị trường.

Đến nay, cả nước đã thực hiện xây dựng và đưa vào hoạt động hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao cơ sở do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý bao gồm:

63/63 địa phương cấp tỉnh có Trung tâm văn hóa hoặc Trung tâm văn hóa nghệ thuật, Trung tâm văn hóa điện ảnh, Trung tâm triển lãm; 674/704 địa phương cấp huyện có Trung tâm văn hóa – thể thao hoặc Nhà văn hóa, đạt tỷ lệ 96%; 8217/10599 địa phương cấp xã, phường có Trung tâm văn hóa – thể thao, đạt tỷ lệ 77,6% (trong đó 68,9% đạt chuẩn); 77380/98455 làng, thôn, ấp, bản có Nhà văn hóa, đạt tỷ lệ 78% (trong đó 58% đạt chuẩn)

Trong lĩnh vực thể thao có gần 600 công trình đủ tiêu chuẩn thi đấu cấp quốc gia và quốc tế; 371 sân vận động có khán đài; 222 nhà thi đấu có khán đài đủ tiêu chuẩn quốc gia; 11923 cụm sân thể thao các loại. Ở cấp tỉnh, huyện có 627 sân điền kinh, 10101 nhà tập, 4110 sân bóng đá, 3270 sân vận động không có khán đài, hơn 2000 bể bơi các loại, 29012 sân cầu lông và đá cầu. Hầu hết các môn thể thao đều có cơ sở để luyện tập và thi đấu ở các mức độ khác nhau trên phạm vi cả nước”².

Hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao đã đóng vai trò rất quan trọng vào quá trình xây dựng đời sống văn hóa cơ sở ở nước ta, góp phần nâng cao sức sáng tạo và thụ hưởng các giá trị văn hóa của người dân, đảm bảo ổn định trật tự, an toàn xã hội, phòng chống các tiêu cực xã hội, tệ nạn xã hội, duy trì truyền thống văn hóa và bản sắc của mỗi địa phương, mỗi vùng miền, bảo vệ sự đa dạng văn hóa, đáp ứng quyền văn hóa của nhân dân.

Tuy nhiên, vấn đề phát huy vai trò của hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao trong quá trình xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở vẫn còn gặp nhiều bất cập, khó khăn sau:

- **Thứ nhất** là về nhận thức: Một số tổ chức Đảng và chính quyền các cấp chưa thực sự quan tâm đúng mức đến vai trò, vị trí của hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao đối với xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, chưa coi đây là nhiệm vụ vừa cơ bản, lâu dài, vừa có ý nghĩa cấp bách để phát huy vai trò của văn hóa nói chung, của các thiết chế văn hóa – thể thao trong việc xây dựng đời sống văn hóa cộng đồng và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, chưa đưa nhiệm vụ này vào chương trình phát triển kinh tế xã hội hằng năm để triển khai.

- **Thứ hai** là sự vướng mắc về quỹ đất xây dựng các thiết chế văn hóa – thể thao. Đến nay, Chính phủ đã có quy hoạch, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã có tiêu chí hướng dẫn quy hoạch, nhưng hiện nay nhiều địa phương, nhất là ở khu vực đô thị, khu vực miền núi, việc dành quỹ đất đúng tiêu chuẩn gặp nhiều khó khăn vì nhiều lý do khác nhau. Thậm chí, nhiều vị trí đắc địa phù hợp cho hoạt động văn hóa, thể thao cộng đồng bị chiếm dụng, thay đổi mục đích sử dụng, gây bức xúc cho xã hội.

- **Thứ ba:** Chất lượng của các thiết chế văn hóa – thể thao được đầu tư xây dựng trong thời gian qua còn hạn chế. Nhiều nơi xây dựng trung tâm văn hóa – thể thao không hợp lý, địa điểm xa dân, không thuận lợi cho hoạt động văn hóa, thể thao của

² Dẫn theo T.S Trần Minh Chính. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở. Thực trạng và giải pháp. Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia. Thể chế, chính sách và nguồn lực cho phát triển văn hóa. NXB CTQG ST, HN, 2022, tr 448 - 449

cộng đồng. Khi xây dựng các công trình văn hóa – thể thao chưa quan tâm đến nhu cầu và nguyện vọng của người dân tại cơ sở. Kinh phí đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì còn hạn chế. Tình trạng xuống cấp của các thiết chế văn hóa – thể thao vẫn đang diễn ra phức tạp.

Thứ tư: Công tác quản lý các thiết chế văn hóa – thể thao ở cơ sở còn nhiều bất cập. Đội ngũ cán bộ quản lý còn thiếu về yếu về năng lực và trách nhiệm, chính sách đãi ngộ đối với cán bộ quản lý còn thiếu. Sự tham gia của cộng đồng dân cư vào quản lý các thiết chế văn hóa – thể thao chưa đáp ứng được yêu cầu. Chưa khai thác hết công năng của các thiết chế văn hóa – thể thao phục vụ nhu cầu văn hóa của cộng đồng.

Một thực tế nữa là việc chia tách, sát nhập các xã, phường, quận, huyện, cũng đang gây ra xáo trộn trong việc quy hoạch lại hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao ở cơ sở.

3. Một số kiến nghị

Để phát huy vai trò của hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao đối với việc xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở trong thời gian tới, tôi có một số kiến nghị sau:

- **Thứ nhất:** Cần tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp về vai trò, vị trí việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao đối với xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở. Đề nghị đưa vấn đề xây dựng và hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao ở cơ sở trở thành một nhiệm vụ được quan tâm thường xuyên trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành để triển khai thực hiện.

- **Thứ hai:** Đề nghị Ban Bí thư, Bộ Chính trị cho tiến hành tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 33 – NQ/TW Về xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận để bổ sung, xây dựng Nghị quyết mới về phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong thời kỳ mới, trong đó nhấn mạnh đến vai trò của hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao ở cơ sở đối với xây dựng đời sống văn hóa cộng đồng trong bối cảnh mới.

- Đề nghị Quốc hội:

+ Quốc hội rà soát, xem xét, điều chỉnh các luật về văn hóa, chú trọng tới đảm bảo quyền văn hóa công dân, chú ý tới vai trò của các thiết chế văn hóa – thể thao ở cơ sở đối với thực hiện quyền văn hóa của công dân.

+ Xem xét quyết định các chính sách hỗ trợ xây dựng và hoàn thiện thiết chế văn hóa – thể thao ở vùng gặp khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng miền núi, biên giới, hải đảo, vùng rủi ro do thiên nhiên. Đề nghị Quốc hội sớm thông qua phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2026 – 2030, tầm nhìn đến 2045 để triển khai thực hiện.

+ Tăng cường vai trò kiểm soát và giám sát theo chuyên đề của Quốc hội để đảm bảo tính minh bạch, trách nhiệm và tuân thủ pháp luật pháp luật đối với vấn đề xây dựng và hoàn thiện thiết chế văn hóa – thể thao ở cơ sở, đối với cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương.

- Đối với Hội đồng nhân dân các cấp:

+ Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện chính sách và các quyết định được giao tại cấp địa phương, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch và chủ trương đầu tư nâng cấp, xây dựng và hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa ở cơ sở phù hợp với thực tế của từng khu vực, vùng miền và đặc điểm văn hóa, lịch sử và truyền thống của địa phương.

+ Tăng cường kiểm soát cơ quan hành chính địa phương, giám sát hoạt động của chính quyền và các cơ quan địa phương, tham gia vào quá trình xây dựng ngân sách địa phương và kiểm soát ngân sách chi cho các thiết chế văn hóa – thể thao theo quy định.

+ Lắng nghe và tiếp thu ý kiến đóng góp của người dân về lĩnh vực xây dựng, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao ở cơ sở, chăm sóc và bảo vệ lợi ích của công dân, đảm bảo quyền văn hóa của công dân khi tham gia vào các hoạt động văn hóa – thể thao, chú ý tới đối tượng là người khuyết tật, tham gia giải quyết các vấn đề đặt ra của cộng đồng tại địa phương.

+ Phát huy vai trò của các đoàn thể chính trị và sự tham gia của người dân trong việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống các thiết chế văn hóa – thể thao ở cơ sở. Có cơ chế khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào đầu tư, quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa – thể thao thích ứng với cơ chế thị trường.

- Đối với Chính phủ và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

+ Các bộ, ngành liên quan cần rà soát lại cơ chế, chính sách và các quy định liên quan trong lĩnh vực đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa – thể thao ở cơ sở, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế phù hợp với nhu cầu của cộng đồng dân cư, khắc phục áp đặt mô hình một chiều, duy ý chí.

+ Cần đổi mới công tác quản lý, vận hành các thiết chế văn hóa – thể thao ở cơ sở nhằm phát huy tối đa vai trò của hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao, đa dạng hóa công tác quản lý, phát huy tính tự quản của cộng đồng. Chú ý tạo nguồn thu hợp lý từ các thiết chế văn hóa – thể thao. Cần thử nghiệm mô hình đối tác công – tư trong quản lý các thiết chế văn hóa – thể thao ở cơ sở để có kết luận và triển khai ở những nơi đủ điều kiện./.

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO Ở VIỆT NAM HIỆN NAY - VẤN ĐỀ VÀ GIẢI PHÁP

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hà¹ – ThS. Đinh Giang

Tạp chí Cộng sản

Thời gian qua, các địa phương trên cả nước đã và đang đẩy mạnh phát triển thiết chế văn hóa, thể thao. Hiện nay, bên cạnh những kết quả đã đạt được thì hoạt động trên vẫn còn một số hạn chế, đòi hỏi cần có những giải pháp căn cơ, đồng bộ để phát huy vai trò, hiệu quả của các thiết chế văn hóa, thể thao trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội; đồng thời đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa, thể thao của các tầng lớp nhân dân, góp phần xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong bối cảnh mới.

1- Có nhiều cách hiểu về thiết chế văn hóa, song có thể thống nhất quan điểm: Thiết chế văn hóa là chỉnh thể văn hóa hội tụ đầy đủ các yếu tố: cơ sở vật chất, bộ máy tổ chức, nhân sự, quy chế hoạt động, nguồn kinh phí². Thiết chế văn hóa, thể thao là hệ thống các đơn vị hoạt động văn hóa, thể thao do Nhà nước hoặc cộng đồng lập ra trong khuôn khổ pháp luật hoặc quy chế của ngành, đoàn thể, nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo văn hóa, thể thao của nhân dân. Hệ thống trên không chỉ bao gồm những công trình vật chất cụ thể mà còn có cả hệ thống cơ chế, chính sách vận hành, đội ngũ nhân lực làm công tác quản lý, tổ chức, nguồn lực tài chính và các chủ thể hoạt động. Tất cả có vai trò quan trọng trong việc tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao; góp phần quan trọng trong việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng văn hóa và con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Nhiều thiết chế văn hóa, thể thao (từ truyền thống đến hiện đại) chứa đựng những giá trị mỹ thuật, kiến trúc, lịch sử, khoa học,... có thể trở thành những biểu tượng, di sản văn hóa, mang đậm dấu ấn lao động sáng tạo của chủ thể văn hóa, thể hiện bản sắc văn hóa của cộng đồng, cũng như phản ánh chất lượng cuộc sống vật chất, tinh thần của người dân và trình độ phát triển của mỗi cộng đồng, quốc gia. Các thiết chế văn hóa, thể thao không chỉ là nơi đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, thể thao của người dân, mà còn là nơi lưu giữ, trao truyền, sáng tạo, thực hành và định hướng những giá trị tốt đẹp thông qua những sinh hoạt cộng đồng, những sự kiện lớn của địa phương, đất nước được tổ chức tại các thiết chế. Chính vì thế, các thiết chế văn hóa, thể thao góp phần quan trọng trong xây dựng nông thôn mới³, nâng cao dân trí, thể chất và mức thụ hưởng văn hóa của người dân, qua đó góp phần khắc phục tình trạng chênh lệch về mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân giữa thành

¹ Phó Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản.

² Nhiều tác giả: Từ điển Bách khoa Việt Nam, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2005, t. 4, tr. 358

³ Trong 19 tiêu chí để được công nhận là nông thôn mới có tiêu chí: nhà văn hóa và khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; tỷ lệ thôn có nhà văn hóa và khu thể thao thôn đạt chuẩn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là 100%.

thị và nông thôn; đồng thời góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo sức mạnh tổng hợp của cộng đồng để xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc và hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Trong sự nghiệp đổi mới đất nước, cùng với việc đề cao vị trí, vai trò của văn hóa, Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng vai trò của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trong xây dựng đời sống văn hóa của nhân dân; đồng thời đề ra chủ trương xây dựng và hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ Trung ương tới cơ sở, ở những vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII (năm 1998) “Về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” xác định nhiệm vụ: Phát triển và không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động của các thiết chế văn hóa ở cơ sở; đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa trọng điểm tầm quốc gia... Nâng cao chất lượng hoạt động của các thiết chế văn hóa, sắp xếp hợp lý các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp và kinh doanh, nâng cấp các đơn vị văn hóa, nghệ thuật trọng điểm, tạo chất lượng mới cho toàn ngành. Tiếp đó, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 khóa XI (năm 2014) “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước” xác định mục tiêu: Hoàn thiện thể chế, chế định pháp lý và thiết chế văn hóa bảo đảm xây dựng và phát triển văn hóa, con người trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Nghị quyết tiếp tục nhấn mạnh nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện đi đôi với nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa; đồng thời đề ra giải pháp xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi về đất, tín dụng, thuế và phí đối với các cơ sở đào tạo và thiết chế văn hóa do khu vực tư nhân đầu tư, đặc biệt là ở vùng còn khó khăn; xây dựng một số công trình văn hóa trọng điểm. Các địa phương, các cơ quan, công sở, trường học, khu công nghiệp, doanh nghiệp, khu dân cư... có thiết chế văn hóa phù hợp (thư viện, nhà văn hóa, công trình thể thao...). Đại hội XIII của Đảng tiếp tục nhấn mạnh đến ý nghĩa và tầm quan trọng của việc xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa: “Đổi mới, hoàn thiện các thiết chế văn hóa từ Trung ương đến cơ sở, bảo đảm hiệu quả”⁴.

Thể chế hóa nghị quyết của Đảng, Chính phủ đã ban hành “Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030”, “Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030”, cùng nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác, thể hiện khá đầy đủ, toàn diện về việc phát triển mạng lưới thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở trong trung hạn và dài hạn.

“Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030” (được phê duyệt tại Quyết định số 1909/QĐ-TTg, ngày 12-11-2021, của Thủ tướng Chính phủ) xác định nhiệm vụ: Khai thác, phát huy hiệu quả các thiết chế văn hóa hiện có. Khuyến khích đầu tư xây dựng một số công trình văn hóa có quy mô, giá trị nghệ thuật cao làm điểm nhấn ở các thành phố lớn, trung tâm kinh tế, văn hóa, du lịch lớn, gắn với việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo văn

⁴ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr. 146.

hóa, yêu cầu hội nhập quốc tế... Đẩy mạnh thu hút nhân lực chất lượng cao làm việc trong các thiết chế văn hóa như nhà hát, thư viện, bảo tàng, thiết chế văn hóa - thể thao các cấp, đặc biệt là các thiết chế văn hóa ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số... Căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách Nhà nước xem xét, ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết chế văn hóa,... phù hợp với quy định của pháp luật, hiệu quả.

Quyết định số 2164/QĐ-TTg, ngày 11-11-2013, của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030” xác định quan điểm quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở nhằm tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn dân cư, đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa, thể thao của các tầng lớp nhân dân; đồng thời làm nhiệm vụ tuyên truyền, cổ động phục vụ các nhiệm vụ chính trị của Trung ương và địa phương; thực hiện quy hoạch đồng bộ về cơ sở vật chất; trang thiết bị, tổ chức bộ máy, cán bộ, tổ chức các hoạt động, thu hút và tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân thường xuyên đến sinh hoạt, hưởng thụ văn hóa, luyện tập thể dục, thể thao và vui chơi giải trí. Phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phải gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương; phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị và khu dân cư. Theo Quy hoạch, mạng lưới thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở được chia thành 4 hệ thống, bao gồm: Hệ thống do ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL) quản lý; hệ thống do Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh quản lý; hệ thống do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam quản lý; hệ thống do lực lượng vũ trang, các bộ, ngành khác quản lý cùng các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở do xã hội hóa xây dựng”⁵.

Cùng với đó là khoảng 274 văn bản quy phạm pháp luật (trong đó có 94 thông tư) có liên quan đến thiết chế văn hóa, thể thao đã được ban hành. Nội dung thiết chế văn hóa, thể thao nằm trong 10 nhóm vấn đề, trong đó 6 lĩnh vực đã được điều chỉnh bằng luật, 4 lĩnh vực khác dù chưa có luật nhưng có các nghị định điều chỉnh. Tất cả góp phần tạo dựng cơ sở pháp lý và định hướng rất quan trọng để các bộ, ngành, địa phương triển khai xây dựng và phát triển mạng lưới thiết chế văn hóa, thể thao trên cả nước.

2- Thời gian qua, các bộ, ngành, địa phương đã tích cực triển khai các chủ trương, chính sách về xây dựng và phát triển mạng lưới thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở.

⁵ Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở do ngành VHTTDL trực tiếp quản lý bao gồm: Nhà văn hóa - khu thể thao thôn (cấp thôn); Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, phường, thị trấn (cấp xã); Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (cấp huyện); Trung tâm văn hóa tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (cấp tỉnh). Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ thanh niên, thiếu niên và nhi đồng, bao gồm: Nhà Thiếu nhi cấp huyện; Cung Thiếu nhi, Nhà Thiếu nhi hoặc Trung tâm hoạt động Thanh Thiếu nhi cấp tỉnh. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ công nhân viên chức, người lao động, bao gồm: Nhà Văn hóa Lao động cấp huyện; Cung Văn hóa Lao động, Nhà Văn hóa Lao động cấp tỉnh; Trung tâm Văn hóa - Thể thao ở Khu chế xuất, Khu công nghiệp và trong các doanh nghiệp lớn. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở thuộc các bộ, ngành, đoàn thể và lực lượng vũ trang; các thiết chế văn hóa, thể thao được đầu tư bằng nguồn vốn xã hội hóa được quy định về nguyên tắc quản lý và định hướng phát triển chung tại quy hoạch.

Trên cơ sở nghiên cứu quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, đối chiếu với quy hoạch của tỉnh, của ngành, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chủ trì, phối hợp và hướng dẫn các địa phương thực hiện quy hoạch, đồng thời chỉ đạo ngành văn hóa ở các địa phương tham mưu ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và phê duyệt quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao phù hợp với quy hoạch chung của cả nước. Đó là cơ sở để tập trung đầu tư và huy động nguồn lực phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao. Tính đến nay, cả nước có 42 tỉnh, thành phố đã quy hoạch quỹ đất dành cho xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao.

Cùng với công tác quy hoạch, việc thực hiện các chính sách đầu tư nguồn lực tài chính cho văn hóa, thể thao, trong đó có các thiết chế văn hóa cũng ngày càng được chú trọng hơn. Kế hoạch vốn đầu tư ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu ngành văn hóa, thể thao giai đoạn 2014 - 2015 là 1.564 tỷ đồng, giai đoạn 2016 - 2020 là 2.687,7 tỷ đồng, giai đoạn 2021 - 2025 là 7.032,62 tỷ đồng. Trong đó, kế hoạch vốn đầu tư ngân sách Trung ương bố trí các dự án xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao thuộc đối tượng báo cáo giai đoạn 2014 - 2015 là 308,864 tỷ đồng, giai đoạn 2016 - 2020 là 688,659 tỷ đồng, giai đoạn 2021 - 2025 là 943,830 tỷ đồng⁶. Nhờ đó, số lượng thiết chế văn hóa, thể thao các cấp được đầu tư xây dựng đạt và vượt mục tiêu đề ra tại nhiều địa phương của cả nước, đồng thời từng bước được hiện đại. Theo số liệu của Cục Văn hóa cơ sở (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), tính đến hết tháng 2-2023, nước ta có 66 thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh (gồm các trung tâm văn hóa; trung tâm văn hóa, nghệ thuật; trung tâm văn hóa, điện ảnh; trung tâm thông tin, triển lãm...); 689/704 đơn vị cấp huyện có trung tâm văn hóa, thể thao hoặc nhà văn hóa (đạt tỷ lệ khoảng 96%); có 8.217/10.599 xã, phường, thị trấn có trung tâm văn hóa, thể thao (đạt tỷ lệ khoảng 76,8%); 77.380/98.455 làng, thôn, bản, ấp... có nhà văn hóa (đạt tỷ lệ khoảng 77%); có gần 600 công trình đủ tiêu chuẩn thi đấu thể thao cấp quốc gia và quốc tế; có 371 sân vận động có khán đài; có 222 nhà thi đấu có khán đài đủ tiêu chuẩn cấp quốc gia; có 69 bể bơi có khán đài đủ tiêu chuẩn thi đấu cấp quốc gia; có 11.923 cụm sân thể thao khác, như trường bắn, sân quần vợt, công trình tổ chức thi đấu theo từng môn thể thao.

Cùng với việc tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, thời gian qua, các bộ, ngành, địa phương trên cả nước ngày càng chú trọng việc thực hiện cơ chế, chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực văn hóa, thể thao nói chung và trong tổ chức xây dựng đời sống văn hóa, thể thao cơ sở nói riêng⁷ và đổi mới nội dung, phương thức tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao để phù hợp với điều kiện thực tế cũng như nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo của Nhân dân.

⁶ Xem: Thế Công: “*Tiếp tục hoàn thiện quy hoạch mạng lưới thiết chế văn hóa, thể thao theo hướng phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia*”, ngày 19-01-2024, <https://bvhttdl.gov.vn/tiep-tuc-hoan-thien-quy-hoach-mang-luoi-thiet-che-van-hoa-the-thao-theo-huong-phu-hop-voi-quy-hoach-tong-the-quoc-gia-20240118193621706.htm>.

⁷ Theo Cục Văn hóa cơ sở (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), hiện nay, số lượng cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc tại các thiết chế văn hóa cấp tỉnh có trình độ đại học, cao đẳng trở lên chiếm khoảng 60%; cán bộ có trình độ trung cấp chiếm khoảng 32%. Ở cấp huyện, cán bộ, công chức, viên chức có trình độ đại học, cao đẳng chiếm khoảng 49%, trình độ trung cấp chiếm khoảng 37%; ở cấp xã, cán bộ, công chức, viên chức có trình độ đại học, cao đẳng chiếm khoảng 16%, trình độ trung cấp chiếm khoảng 71%.

Nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao; hoạt động của các câu lạc bộ sở thích; hoạt động trao đổi, sẻ chia kinh nghiệm sản xuất, xóa đói, giảm nghèo; hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật; hoạt động tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị, chào mừng các ngày lễ, kỷ niệm lớn, sự kiện chính trị của đất nước, của địa phương... được tổ chức thường xuyên tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp. Hệ thống thiết chế văn hóa cấp tỉnh tổ chức hoạt động hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức triển khai các cuộc thi văn hóa, thể thao ở cơ sở... Thiết chế văn hóa, thể thao cấp huyện kết nối với các trung tâm văn hóa, thể thao cấp xã để đưa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước vào cuộc sống. Thiết chế văn hóa cấp xã, cấp thôn trực tiếp tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao quần chúng, thu hút ngày càng đông đảo người dân tham gia, từ đó nâng cao tinh thần yêu quê hương, đất nước và ý thức gìn giữ bản sắc văn hóa của dân tộc. Hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở được lồng ghép với các hoạt động biểu diễn nghệ thuật, các cuộc thi sân khấu hóa tìm hiểu pháp luật, các triển lãm, hội chợ, hội thảo, các cuộc họp của cộng đồng dân cư được tổ chức tại các thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã, đặc biệt là ở các thôn, bản, làng, ấp. Thông qua các hoạt động trên, đời sống văn hóa của nhân dân ngày càng được nâng cao, phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ngày càng được đẩy mạnh.

3- Bên cạnh những kết quả đã đạt được, việc thực hiện chính sách phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp ở nước ta thời gian qua vẫn còn một số hạn chế, đặt ra yêu cầu cần giải quyết trong bối cảnh mới.

Thứ nhất, việc thực hiện quy hoạch đất dành cho các thiết chế văn hóa, thể thao ở một số địa phương chưa hiệu quả. Công tác quy hoạch, xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao ở một số địa phương còn thiếu tính liên kết. Có tình trạng địa phương đã thực hiện quy hoạch nhưng vị trí chưa thuận lợi, hoặc có quy hoạch nhưng chưa được đầu tư xây dựng, gây lãng phí quỹ đất. Ở một số nơi, các thiết chế văn hóa, thể thao còn bị chuyển đổi mục đích sử dụng, bị hoán đổi cho các công trình kinh doanh mà chưa được xử lý triệt để (nhất là các sân vận động, nhà văn hóa cấp xã, thôn). Việc quy hoạch, đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa ở một số khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị chưa được quan tâm đúng mức. Ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, do địa hình hiểm trở, bị chia cắt và do đặc điểm sinh sống của đồng bào nên công tác quy hoạch đất để xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao gặp nhiều khó khăn, dẫn tới nhiều thiết chế chưa bảo đảm yêu cầu về vị trí, quy mô, cơ sở vật chất, kỹ thuật. Bên cạnh đó, việc không còn quỹ đất hoặc quỹ đất không tập trung cũng tạo ra khó khăn cho nhiều địa phương trong việc mở rộng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao, nhất là đối với một số đơn vị hành chính cấp xã và thôn, tổ dân phố mới (sau sáp nhập).

Thứ hai, việc đầu tư kinh phí cho các thiết chế văn hóa, thể thao ở các địa phương trên cả nước vẫn còn khiêm tốn, chưa tương xứng với yêu cầu phát triển, nhất là việc đầu tư kinh phí cho cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị và nguồn kinh phí tổ chức vận hành, duy trì hoạt động thường xuyên. Nguồn kinh phí cho các thiết chế

văn hóa, thể thao chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách Nhà nước cũng như khả năng thu ngân sách của địa phương, từ các chương trình mục tiêu quốc gia... do đó còn eo hẹp, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế, nhất là với các địa phương chưa tự chủ được về tài chính. Thậm chí có tình trạng các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở bị đóng cửa, dừng hoạt động do không được cấp kinh phí duy trì hoạt động thường xuyên, dẫn đến sự xuống cấp của cơ sở vật chất, không phát huy được công năng của thiết chế...

Trong khi đó, dù hoạt động xã hội hóa trong đầu tư xây dựng, phát triển thiết chế văn hóa, thể thao đã được khuyến khích và triển khai, song chưa đáng kể do các quy định thu hút nguồn lực đầu tư cho các thiết chế văn hóa, thể thao chưa đầy đủ, chưa sát thực tế nên tính khả thi chưa cao. Việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật để khuyến khích xã hội hóa vẫn còn không ít vướng mắc đối với các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, thể thao... Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công - tư đã được Quốc hội thông qua ngày 16-8-2020 (có hiệu lực từ ngày 01-01-2021) song không có các lĩnh vực văn hóa, thể thao. Việc thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP về “Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập” và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ về “Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công” hiện nay gây không ít khó khăn cho các đơn vị sự nghiệp trong việc khai thác nguồn thu, bảo đảm các đơn vị có thể tự thu, tự chi nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và tái đầu tư cơ sở vật chất của đơn vị. Hiện nay, kinh phí hoạt động thường xuyên của nhà văn hóa, Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, phường hiện nay phần lớn dựa vào sự quan tâm của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương nên nguồn kinh phí có hạn và khó có thể tổ chức được các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao quy mô, tầm cỡ để thu hút đông đảo người dân, nhất là trong bối cảnh cuộc sống hiện đại với sự bùng nổ thông tin và các hoạt động giải trí trực tuyến hấp dẫn.

Thứ ba, có thể thấy, sau một thời gian hoạt động, nhiều thiết chế văn hóa, thể thao đã xuống cấp, trang thiết bị không đồng bộ hoặc hư hỏng, hết khấu hao. Một số thiết chế văn hóa, thể thao chưa đáp ứng được yêu cầu mới hiện nay do không có thiết bị chuyên dụng cũng như phòng chức năng để tập luyện, biểu diễn và tổ chức các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ. Một số thiết chế văn hóa, thể thao mới được đầu tư xây dựng nhưng chưa đúng quy định về quy mô và kiến trúc, chưa phù hợp về địa điểm xây dựng. Chính vì thế nên hiệu quả khai thác, sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao còn hạn chế, chưa phát huy hết công năng, hoạt động chưa phong phú, đa dạng.

Ở không ít địa phương, một số thiết chế quan trọng như bảo tàng, nhà hát, rạp chiếu phim, sân vận động, khu thể thao tuy được đầu tư song còn chậm đổi mới trong nội dung, cách thức hoạt động chưa phong phú, chưa hấp dẫn nên chưa đáp ứng được nhu cầu thưởng thức của công chúng hiện đại (nhất là với các thiết chế văn hóa và nghệ thuật truyền thống). Một số nhà văn hóa, khu thể thao thôn không có trụ sở, còn chủ yếu tận dụng văn phòng làm điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng;

nhiều xã, phường, thị trấn, ấp, thôn, bản chưa có nhà văn hóa, vì thiếu quỹ đất công và thiếu kinh phí xây dựng. Một số trung tâm văn hóa, nhà văn hóa, bưu điện văn hóa ít hoạt động, thiếu nhân sự quản lý, địa điểm được xây dựng ở cách xa khu dân cư nên chưa thu hút được người dân tham gia, thậm chí có nơi còn bị bỏ hoang, gây lãng phí nguồn lực. Các điểm sinh hoạt thể thao tại nhà dân với cơ sở vật chất còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu tập luyện thể dục, thể thao của đông đảo người dân.

Bên cạnh đó, công tác hướng dẫn, chỉ đạo và tổ chức hoạt động tại các thiết chế văn hóa, thể thao ở nhiều địa phương chưa được coi trọng. Công tác quản lý, tổ chức hoạt động còn nhiều hạn chế, thiếu chủ động, sáng tạo, chưa có quy chế quản lý, khai thác và tổ chức hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, nhà văn hóa - khu thể thao thôn, bản, tổ dân phố; chưa có các biện pháp tích cực, hiệu quả để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nên việc khai thác các thiết chế văn hóa, thể thao chưa hiệu quả.

Thứ tư, chính sách tiền lương, cơ chế đãi ngộ cho nhân lực hoạt động ở các thiết chế văn hóa, thể thao còn nhiều hạn chế. Ở cấp thôn, bản, 100% cán bộ hoạt động ở các thiết chế văn hóa, thể thao là cán bộ kiêm nhiệm (các trưởng thôn, bí thư chi bộ hoặc cán bộ các đoàn thể) nên gần như không được đào tạo chuyên môn văn hóa, thể thao. Hơn nữa, nhiều địa phương chưa xây dựng được phụ cấp kiêm nhiệm cho người phụ trách thiết chế văn hóa cấp xã, thôn, bản. Chế độ thù lao cho hoạt động quần chúng còn thấp so với mặt bằng chung nên chưa thu hút được các tuyên truyền viên, cộng tác viên tham gia hoạt động tại các thiết chế văn hóa, thể thao. Bên cạnh đó, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý và tổ chức hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao của đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa còn hạn chế (nhất là ở cấp xã) và chưa đồng đều. Ở vùng sâu vùng xa, đội ngũ cán bộ vừa thiếu vừa yếu, nhất là trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, ảnh hưởng rất lớn đến việc duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, thể thao ở cơ sở.

4- Từ những hạn chế còn tồn tại thời gian qua, trên cơ sở xác định những vấn đề thực tiễn đặt ra cần giải quyết, thời gian tới, để nâng cao hiệu quả việc triển khai các chính sách nhằm thúc đẩy sự phát triển của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên cả nước, cần thực hiện những giải pháp căn cơ, đồng bộ. Một số giải pháp được đề xuất là:

Một là, nâng cao hiệu quả hoạt động tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, nhân dân và toàn xã hội về vị trí, vai trò của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trong phát triển văn hóa, con người Việt Nam thời kỳ mới, cũng như trong phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Đa dạng hóa nội dung và hình thức tuyên truyền, như tuyên truyền cổ động trực quan ở cơ sở, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, phát huy tính tích cực của truyền thông xã hội để hoạt động tuyên truyền kịp thời và hiệu quả. Qua đó, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp, xã hội, nhất là phát huy tính tích cực, chủ động của nhân dân - chủ thể của hoạt động văn hóa, thể thao để huy động sức mạnh toàn dân trong xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn

hóa, thể thao, góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước.

Hai là, tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả việc thực hiện “Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030” (được phê duyệt tại Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11-11-2013 của Thủ tướng Chính phủ), “Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030” (được phê duyệt Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12-11-2021 của Thủ tướng Chính phủ) và “Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025” (được phê duyệt Quyết định số 263/QĐ-TTg, ngày 22-2-2022, của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt). Hướng tới hiện thực hóa được mục tiêu đến năm 2030, bảo đảm có 100% đơn vị hành chính cấp tỉnh đủ ba loại hình thiết chế văn hóa, gồm: trung tâm văn hóa hoặc trung tâm văn hóa - nghệ thuật, bảo tàng, thư viện; 100% đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có trung tâm văn hóa; bảo đảm quyền tiếp cận, hưởng thụ, tham gia và sáng tạo văn hóa của mỗi người dân và cộng đồng, qua đó góp phần xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới.

Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố chưa có quy hoạch phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cần sớm ban hành quy hoạch của địa phương theo nhiệm vụ, mục tiêu và giải pháp của quy hoạch tổng thể đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 2164/QĐ-TTg. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cần phối hợp với các ngành liên quan kiểm tra, đôn đốc các địa phương thực hiện quy hoạch, dành quỹ đất cho xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; kiên quyết xử lý nghiêm các sai phạm trong việc hoán đổi hoặc thu hồi đất của các công trình văn hóa, thể thao dành cho việc khác trái pháp luật. Cần có những nghiên cứu, đánh giá khảo sát nhu cầu đa dạng của nhân dân trong xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao sao cho phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu, tâm lý, truyền thống văn hóa của các dân tộc, tầng lớp nhân dân ở các địa bàn khác nhau, như các khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Chú ý công tác quy hoạch xây dựng một số công trình văn hóa, thể thao có quy mô, giá trị nghệ thuật cao làm điểm nhấn ở các thành phố lớn, trung tâm kinh tế, văn hóa, du lịch lớn, gắn với việc bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đáp ứng nhu cầu thụ hưởng, sáng tạo văn hóa và yêu cầu hội nhập quốc tế.

Ba là, tăng cường đầu tư kinh phí cho hoạt động xây dựng, vận hành và duy trì hoạt động thường xuyên của các thiết chế văn hóa, thể thao. Kinh phí đó bao gồm vốn từ ngân sách Trung ương bố trí theo kế hoạch hằng năm, nguồn ngân sách của các bộ, ngành, đoàn thể, lực lượng vũ trang dành cho các hoạt động văn hóa, thể thao, vốn từ ngân sách địa phương; đóng góp của nhân dân, các thành phần kinh tế, các đoàn thể, tài trợ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài; nguồn thu từ hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở theo quy định của Nhà nước.

Rà soát lại cơ chế, chính sách, pháp luật để sửa đổi, bổ sung các quy định mới trong lĩnh vực đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao có sử dụng ngân

sách Nhà nước, nhằm nâng cao chất lượng các công trình xây dựng và đồng bộ hóa giữa công tác xây dựng và mua sắm trang thiết bị, bảo đảm công năng khai thác của thiết chế được xây dựng, phòng chống tiêu cực, lãng phí trong quá trình đầu tư. Các tỉnh cần lập mục chi chính thức về đầu tư cho nhân lực vận hành và đầu tư cho duy trì hoạt động thường xuyên của các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở cấp xã, thôn (vốn có quy mô hoạt động không lớn như cấp huyện, cấp tỉnh).

Tiếp tục hoàn thiện hành lang pháp lý, cơ chế chính sách khuyến khích các hoạt động xã hội hóa, huy động sự đóng góp của các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội, các đoàn thể, nhân dân, để xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở mới (bên cạnh các các hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở do Nhà nước xây dựng), nhất là các nhà văn hóa - khu thể thao ở thôn, khu vui chơi giải trí, Trung tâm Văn hóa - Thể thao trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, góp phần làm phong phú, đa dạng hơn đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân trên các địa bàn dân cư.

Bốn là, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao. Xây dựng chính sách ưu tiên hoạt động văn hóa, thể thao ở cơ sở tại khu vực miền núi, hải đảo, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đổi mới cơ chế vận hành để nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động văn hóa, thể thao gắn với nhu cầu của người dân, phù hợp với đặc điểm dân tộc, vùng, miền, các nhóm đối tượng người dân để thu hút ngày càng đông đảo người dân tham gia hoạt động (như nhu cầu về thông tin, đọc sách, báo, xem truyền hình, nhu cầu về giao lưu, trao đổi, học tập trong câu lạc bộ, nhóm sở thích, nhu cầu về sinh hoạt hưởng thụ văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao rèn luyện thân thể, xây dựng nếp sống văn hóa, kỹ năng sản xuất, mở các lớp tập huấn, học tập cộng đồng...). Nâng cao hiệu quả các hội thi, hội diễn, các ngày hội văn hóa, thể thao; các hoạt động tuyên truyền, giáo dục; xây dựng, phát triển hệ thống các câu lạc bộ văn hóa, thể thao cơ sở. Có cơ chế trong phương thức liên doanh liên kết, hợp tác sản xuất chương trình nghệ thuật đặc sắc để thu hút nguồn lực từ bên ngoài. Có chính sách miễn, giảm tiền thuế đất đối với nhà đầu tư tham gia đầu tư thiết chế văn hóa, thể thao. Thu hút các thành phần kinh tế đầu tư kinh doanh các dịch vụ văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí trong các thiết chế văn hóa, thể thao đã được Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật để nâng cao hiệu quả và công năng sử dụng của các thiết chế.

Xây dựng những mô hình thí điểm, sáng tạo trong quản lý, vận hành các thiết chế văn hóa, thể thao, từ đó rút kinh nghiệm, nhân rộng, học tập những mô hình hoạt động hiệu quả, như mô hình xây dựng và duy trì các trung tâm văn hóa quận, huyện, hoàn toàn tự chủ về kinh phí, không sử dụng ngân sách; mô hình về đẩy mạnh xã hội hóa trong xây dựng và tổ chức hoạt động các trung tâm, nhà văn hóa; mô hình sáp nhập trung tâm văn hóa với trung tâm học tập cộng đồng để nâng cao hiệu quả hoạt động, tận dụng tối ưu nguồn lực cơ sở vật chất, kinh phí và nhân sự

của các thiết chế văn hóa..., qua đó phát huy tối đa công năng của thiết chế văn hóa. Ngoài ra còn cần tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao, hướng các hoạt động đi vào thực chất, tránh hình thức.

Năm là, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao nói chung và hoạt động tại các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp nói riêng. Củng cố, xây dựng và nâng cấp hệ thống các trường văn hóa - nghệ thuật, các trường năng khiếu thể thao. Tăng cường hoạt động đào tạo, đào tạo lại, hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ, cập nhật kiến thức mới cho đội ngũ cán bộ, quản lý, hướng dẫn viên ở các thiết chế văn hóa, thể thao nhằm nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng, phong phú của người dân, nhất là giới trẻ. Các địa phương cần có chủ trương, kế hoạch trung hạn và dài hạn để đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và chuyên môn nghiệp vụ vận hành các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, nhất là ở cấp xã, thôn. Các địa phương căn cứ tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ để lập kế hoạch tuyển chọn và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, hoàn thiện các tiêu chuẩn, chức danh cho đội ngũ cán bộ văn hóa, thể thao ở cơ sở. Thực hiện quy hoạch, tuyển dụng công chức, viên chức văn hóa, thể thao đáp ứng yêu cầu và quy định về tổ chức hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao các cấp. Việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực tại các thiết chế văn hóa, thể thao cần được thực hiện đồng bộ và bảo đảm có chuyên môn ngành văn hóa, hoặc ngành gắn với văn hóa để có thể phát huy tốt nhất năng khiếu, sở trường trong công tác.

Bên cạnh đó, việc xây dựng và hoàn thiện các cơ chế, chính sách tiền lương, phụ cấp và chế độ đãi ngộ mang tính đặc thù ngành văn hóa, thể thao có ý nghĩa rất quan trọng để động viên, khuyến khích, tạo điều kiện, động lực cho đội ngũ cán bộ yên tâm hoạt động, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả của các thiết chế văn hóa, thể thao trong xây dựng đời sống văn hóa hiện nay và phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trên cả nước trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế./.

THIỆT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO CHO NGƯỜI CAO TUỔI TRONG BỐI CẢNH GIÀ HÓA DÂN SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

PGS.TS. Lê Thị Thanh Hà

*Viện Xã hội học và Phát triển,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

1. Vai trò của thiết chế văn hóa, thể thao đối với người cao tuổi

Thiết chế văn hóa, thể thao (TCVHTT) là một thuật ngữ được sử dụng phổ biến ở nước ta từ khoảng nửa cuối của thế kỷ XX đến nay, đặc biệt là trong ngành văn hóa, thể thao, du lịch. Hiện nay, TCVHTT đang hằng ngày, hằng giờ đồng hành với đời sống nhân dân và là một phần không thể thiếu của xã hội. Có nhiều cách hiểu về TCVHTT trên cơ sở những góc độ tiếp cận khác nhau. Tuy nhiên, theo cách hiểu chung nhất, *TCVHTT là tập hợp các giá trị, chuẩn mực, quy tắc chính thức và phi chính thức được con người (có thể là cơ quan, đơn vị, hay cộng đồng xã hội) lập ra nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo văn hóa, thể thao của người dân trong cộng đồng dân cư nhất định*. Chức năng của TCVHTT nhằm khuyến khích, điều chỉnh, điều hoà hành vi văn hóa, thể thao của con người phù hợp với giá trị và chuẩn mực của thiết chế. Đồng thời, TCVHTT ngăn chặn, kiểm soát, giám sát những hành vi văn hóa, thể thao lệch lạc do thiết chế quy định. Đặc điểm của TCVHTT là mang tính đại chúng sâu sắc nhằm đáp ứng nhu cầu của nhân dân về sinh hoạt cộng đồng, hưởng thụ văn hóa, tổ chức các hoạt động thể thao của các nhóm cá nhân/xã hội. Theo đó, *TCVHTT cho người cao tuổi là tập hợp các giá trị, chuẩn mực, quy tắc chính thức và phi chính thức được người cao tuổi và xã hội lập ra nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo văn hóa, thể thao của người cao tuổi*.

Kết cấu của TCVHTT là chỉnh thể văn hóa, thể thao hội tụ đầy đủ các yếu tố: cơ sở vật chất, bộ máy tổ chức, nhân sự, quy chế hoạt động, nguồn kinh phí, trong đó đặc biệt chú ý tới cơ sở vật chất. Chẳng hạn, nhiều TCVHTT truyền thống như đình, chùa, nhà hát, thư viện, bảo tàng, sân vận động, nhà thi đấu, ... đã trở thành biểu tượng, di sản văn hóa, phản ánh trình độ phát triển trong những giai đoạn, thời kỳ lịch sử cụ thể, là tài sản vô giá chứa đựng giá trị mỹ thuật, kiến trúc, lịch sử, văn hóa, có ảnh hưởng lớn đến giáo dục, hình thành nhân cách cá nhân. Chính vì vậy, TCVHTT không chỉ là nơi người dân hưởng thụ các giá trị văn hóa, thể thao mà còn là nơi lưu giữ giá trị văn hóa, nghệ thuật; là nơi kích thích, uơm mầm cho những ý tưởng, khát vọng sáng tạo; nơi trao truyền, quảng bá, lan tỏa những sản phẩm văn hóa, thể thao; nơi người dân rèn luyện, giữ gìn sức khỏe, sinh hoạt cộng đồng, trình diễn, sinh hoạt nghệ thuật dân gian. Chính sức hấp dẫn của TCVHTT đã huy động được tinh thần đoàn kết của nhân dân, gắn kết cộng đồng, giúp họ thêm yêu quý và gắn bó với quê hương, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, rèn luyện sức khỏe, cung cấp nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội.

Do vị trí, vai trò quan trọng đặc biệt của hệ thống TCVHHT, ngày 11/11/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2164/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030. Theo đó, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao được chia làm 4 cấp như sau: cấp tỉnh, các bộ ngành đoàn thể trung ương; cấp huyện; cấp xã; cấp thôn. Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 12-11-2021 đã xác định mục tiêu đến năm 2030: “Phấn đấu 100% đơn vị hành chính cấp tỉnh có đủ 3 loại hình thiết chế văn hóa gồm: Trung tâm văn hóa hoặc Trung tâm văn hóa - nghệ thuật, bảo tàng, thư viện; 100% đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao”¹ nhằm đáp ứng nhu cầu của mọi người dân nói chung và người cao tuổi nói riêng.

Hiện nay, người cao tuổi sống độc lập với con cháu có xu hướng gia tăng. Theo kết quả Điều tra mức sống hộ dân cư của VHLSS (Vietnam Household Living Standard Survey) giai đoạn 1993 - 2010, tỷ lệ người cao tuổi sống một mình tăng từ 3,47% lên 6,81%, tỷ lệ người cao tuổi sống chỉ có vợ/chồng tăng từ 9,48% lên 24,8%². Khảo sát trên các báo chí gần đây, số bài viết về người cao tuổi tăng nhanh. Gỡ từ khóa người cao tuổi trên google, có tới 3.209.147 kết quả được đăng tải trên báo chí, nền tảng mạng xã hội ... Trên các báo điện tử như: Sức khỏe và đời sống; Nhân dân, Tuổi trẻ, VnExpress ... đều có chuyên mục người cao tuổi. Trong nghiên cứu công bố năm 2021 của Viện nghiên cứu Gia đình và giới, người cao tuổi sống cùng con giảm từ 79,73% vào năm 1992 - 1993 xuống còn 28,4% năm 2017³. Trong khi đó, cũng theo thống kê của các chuyên gia, trung bình mỗi người cao tuổi ở nước ta mắc tới ba bệnh mạn tính, gần như phải điều trị suốt đời, phổ biến như: tim mạch, huyết áp, đái tháo đường, loãng xương, sa sút trí tuệ, thoái hóa,...

Không những thế, có tới khoảng gần 70% dân số thuộc đối tượng này sinh sống tại nông thôn, không có nhiều vật chất tích lũy mà lại có bệnh cần điều trị. Trong khi đó, với việc chuyển đổi từ mô hình gia đình truyền thống sang hiện đại, con cái dần dần sẽ sống tách biệt hơn, độc lập hơn với cha mẹ.

Một đặc điểm nữa của lứa tuổi này là tỷ lệ người cao tuổi góa vợ hoặc chồng ngày càng cao, trong đó, góa chồng chiếm số lượng đông hơn. Điều này dẫn tới thực trạng những người ở lứa tuổi này sống cô đơn càng nhiều. Không chỉ về sức khỏe thể chất, họ còn là những người cần được quan tâm, chia sẻ về đời sống tình cảm.

Có thể nói, đây chính là nguyên nhân dẫn tới việc cần thiết phải thành lập các TCVHHT chăm sóc người cao tuổi. Trước những thay đổi hành vi của người cao tuổi theo hướng sống độc lập với con cháu có xu hướng gia tăng như trên cho thấy, phát triển TCVHHT cho người cao tuổi là cần thiết, giúp họ nâng cao đời sống vật chất và tinh thần.

¹ Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 1909/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Quyết-dinh-1909-QĐ-TTg-2021-phe-duyet-Chien-luoc-phat-trien-van-hoa-den-2030-494295.aspx>.

² Giang Thanh Long và Bùi Đại Thu (2012): Báo cáo rà soát các chương trình, mô hình chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi Việt Nam giai đoạn 2002-2012.

³ Phạm Nga, Người già cô đơn, Ngày 2/4/2023, <https://vnexpress.net/nguoi-gia-co-don-4585430.html>

2. Thực trạng già hóa dân số đặt ra yêu cầu cần phát triển TCVHTT cho người cao tuổi ở Việt Nam hiện nay

Một là, già hóa tăng nhanh về số lượng, do, vậy cần phát triển TCVHTT cho người cao tuổi ở Việt Nam hiện nay.

Việt Nam chính thức bước vào giai đoạn già hóa dân số từ năm 2011 với tỷ lệ người trên 65 tuổi đạt 7%. Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, chỉ số già hóa năm 2019 của Việt Nam là 48,8%, tăng 13,3% so với năm 2009 và tăng hơn hai lần so với năm 1999. Các chuyên gia đánh giá, chỉ số này còn có xu hướng tiếp tục tăng lên trong những năm sắp tới. Dự báo, nước ta sẽ mất khoảng 20 năm để tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên tăng từ 7% lên 14% tổng dân số, tức là chuyển từ giai đoạn “đang già” sang “già” – một tốc độ thuộc hàng cao nhất thế giới (Úc mất 73 năm, Hoa Kỳ mất 69 năm, Canada 65 năm, còn Việt Nam chỉ mất 20 năm). Hiện nay, với quy mô dân số trên 96,2 triệu người, tăng 10,4 triệu người trong vòng một thập kỷ qua, tỷ trọng dân số từ 65 tuổi trở lên tăng nhanh nhất (chiếm 7,7%)⁴.

Với số lượng người cao tuổi đang tăng nhanh như Việt Nam hiện nay, yêu cầu đặt ra cần phát triển TCVHTT cho người cao tuổi. Bởi đây là nơi những người cao tuổi tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo các giá trị văn hóa, thể thao của người cao tuổi trên địa bàn dân cư; nơi đây cùng đồng thời thực hiện các hoạt động tuyên truyền, cổ động phục vụ nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của Trung ương và địa phương của người già.

Ở Việt Nam thường quan niệm: “gừng càng già, càng cay”, “càng già càng dẻo, càng dai/ Già râu, già tóc, lòng ai có già”, “đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ” bởi người già, họ có nhiều kinh nghiệm, nhiều tri thức được tích lũy từ cuộc sống, ... Bên cạnh đó, hiếu thảo là truyền thống nổi bật của người Việt Nam, đặc biệt là hiếu thảo với ông bà, cha, mẹ. Trong gia đình, người cao tuổi có vai trò quan trọng giúp giữ gìn nề nếp, gia phong, là người đi đầu nêu gương sáng về xây dựng gia đình và dạy bảo con cháu. Nhiều người cao tuổi sau khi về hưu thường có nhiều thời gian để chiêm nghiệm về cuộc sống, tổng kết kinh nghiệm... Vì vậy, phát triển TCVHTT cho người cao tuổi sẽ là nơi người già thụ hưởng các thành quả kinh tế - xã hội sau nhiều năm cống hiến của họ, đồng thời cũng là nơi phát huy vai trò nêu gương, phổ biến kinh nghiệm của người cao tuổi ở Việt Nam. Phát triển TCVHTT cho người cao tuổi sẽ là nơi giao lưu, tiếp biến và quảng bá những giá trị văn hóa trong xây dựng gia đình, xã hội, giữ gìn bản sắc văn hóa giữa các địa phương, vùng miền của đất nước, nhân loại, góp phần quan trọng hiện thực hóa chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước về xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Phát triển TCVHTT cho người cao tuổi sẽ là nơi hướng dẫn thực hành văn hóa, thể thao góp phần nâng cao dân trí, thể chất con người, uơm mầm cho những sáng tạo chất lượng cao về văn hóa, nghệ thuật và thể thao; định hướng thẩm mỹ cho thế hệ trẻ, qua đó ngăn chặn việc truyền bá văn hóa phản động, đồi trụy, các tệ nạn xã hội

⁴ Các số liệu về dân số trong bài viết này được trích từ báo cáo của *Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, <http://tongdieutradaso.vn/thong-cao-bao-chi-ket-qua-tong-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-nam-2019.html>, ngày 19/12/2019.

trên địa bàn dân cư. Bằng uy tín của mình, người cao tuổi luôn giáo dục, vận động con cháu sống hiếu thảo, tình nghĩa, có trách nhiệm với quê hương; tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, giữ gìn an ninh trật tự, khuyến học khuyến tài, cũng như thực hiện nghiêm hương ước của thôn về việc cưới, việc tang và lễ hội; tham gia các tiểu ban hòa giải ở cơ sở.

Hai là, già hóa ở Việt Nam tăng nhanh nhưng sức khỏe người già không tốt, vì vậy cần phát triển TCVHTT cho người cao tuổi ở Việt Nam hiện nay để họ có môi trường rèn luyện và chăm sóc sức khỏe bản thân, giảm bớt gánh nặng cho con cháu và xã hội.

Theo Báo cáo của Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình và Bộ Y tế, dù tuổi thọ trung bình của người dân Việt Nam tăng nhanh (hiện đạt 73,6 tuổi) nhưng lại sống không khỏe. Khoảng 95% người cao tuổi có bệnh và mắc cùng lúc nhiều bệnh như cao huyết áp, tim mạch, đái tháo đường, các bệnh hô hấp mãn tính, ung thư, biến chứng, căng thẳng và trầm cảm về tâm thần. Đây gọi là tình trạng “bệnh tật kép”, trong đó có sự thay đổi từ bệnh lây nhiễm sang các bệnh không lây nhiễm và các bệnh mãn tính. Bên cạnh đó, tỉ lệ phụ nữ cao tuổi ở Việt Nam đông hơn nam giới, trong khi phụ nữ lớn tuổi đa phần bị các bệnh do thay đổi hóc-môn, bệnh loãng xương, bệnh sản khoa ác tính, ung thư vú, cổ tử cung và nhiều rối loạn sinh dục niệu. Kết quả khảo sát của Viện Dân số, Sức khỏe và Phát triển về sức khỏe người cao tuổi Việt Nam cho thấy, 62,3% người cao tuổi Việt Nam mắc bệnh tăng huyết áp và 86,3% trong số đó có điều trị; 12,2% cụ bà được chẩn đoán loãng xương, tỉ lệ này ở cụ ông là 5,5%; với bệnh thiếu máu/nhồi máu cơ tim có 13,2% cụ bà từng được bác sĩ chẩn đoán mắc và 10,8% cụ ông được chẩn đoán mắc... Năm 2019 ước tính có khoảng 79% ca tử vong do các bệnh này⁵. Nếu năm 2019, có khoảng 4 triệu người cao tuổi có nhu cầu hỗ trợ về sức khỏe, thì đến năm 2049 với 32 triệu người cao tuổi sẽ có khoảng 10 triệu người cao tuổi có nhu cầu hỗ trợ về sức khỏe. Số năm sống với bệnh tật của người cao tuổi ở Việt Nam cao, trung bình từ 8-11 năm (tức 10% của tuổi thọ), cao hơn nhiều nước khác⁶. Điều này khiến Việt Nam sẽ phải chi phí một khoản lớn ngân sách để chữa bệnh cho người cao tuổi. Bởi chi phí điều trị trung bình cho một người cao tuổi cao gấp 7-8 lần chi phí điều trị cho một đứa trẻ. Độ tuổi càng cao, chi phí chăm sóc sức khỏe càng lớn do phải điều trị bệnh tật kép và số ngày nằm trên giường bệnh nhiều. Vì vậy, phát triển TCVHTT cho người cao tuổi sẽ tạo môi trường, không gian xanh, môi trường sống lành mạnh cho họ rèn luyện sức khỏe, nâng cao thể chất, trí tuệ. Phát triển TCVHTT cũng là nơi gắn kết tình làng, nghĩa xóm, xây dựng hệ giá trị văn hóa con người Việt Nam. Đây cũng là nội dung của tiêu chí 6.2- xây dựng cơ sở vật chất văn hóa ở các xã Nông thôn mới, góp phần nâng cao đời sống tinh thần, sức khỏe cho người dân nông thôn.

Ba là, những biến đổi của kinh tế - xã hội đang tác động mạnh mẽ đến cấu

⁵ Xem Thanh Hằng, *Già hóa dân số và bài toán chăm sóc sức khỏe người cao tuổi ở Việt Nam*, <http://baobaohiemxahoi.vn/vi/tin-chi-tiet-gia-hoa-dan-so-va-bai-toan-cham-soc-suc-khoe-nguoi-cao-tuoi-o-viet-nam-a6dcc6c5.aspx>, ngày 12/12/2019.

⁶ Xem Hoàng Lan, *Dân số Việt Nam đang già nhanh: “Chưa giàu thì đã già”*, <https://plo.vn/suc-khoe/dan-so-viet-nam-dang-gia-nhanh-chua-giau-thi-da-gia-977668.html>, ngày 8/4/2021

trúc, mối quan hệ giữa cách thành viên trong gia đình, nhất là những gia đình ở các thành phố lớn. Con cái ít có thời gian chăm sóc, quan tâm tới cha, mẹ già, hay những xung đột liên quan đến vấn đề kế thừa đã ảnh hưởng tiêu cực đến mối quan hệ ông bà - cha mẹ - con cái... Để giải quyết những xung đột, hoặc lấp khoảng trống cho thời gian buồn tẻ khi phải ngồi ở nhà một mình thì việc phát triển TCVHTT là nơi giao lưu văn hóa, rèn luyện thể thao của người cao tuổi là cần thiết.

Phát triển TCVHTT nhằm giúp cho người cao tuổi sống vui, sống khỏe, sống có ích, làm gương cho con cháu. Trong những năm qua, công tác xây dựng và tổ chức hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao cho người cao tuổi có chiều hướng phát triển, góp phần bảo tồn, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống. Phong trào tự luyện tập thể dục, thể thao đã thu hút đông đảo người cao tuổi tham gia, với nhiều loại hình đa dạng, phong phú, như: thể dục dưỡng sinh, cầu lông, bóng bàn, đi bộ... Hiện trên cả nước đã thành lập được nhiều câu lạc bộ người cao tuổi, như các câu lạc bộ dưỡng sinh của người cao tuổi; câu lạc bộ hòa giải mâu thuẫn gia đình; câu lạc bộ tự nguyện tự quản trật tự an ninh khu phố. Bên cạnh đó, người cao tuổi còn tích cực tham gia bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Vận động hội viên tham gia trồng cây xanh, quét dọn đường làng, ngõ xóm, thu gom, xử lý rác thải; khơi thông cống rãnh, kênh mương thoát nước, góp phần cùng cả tỉnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới...

Phát triển TCVHTT cho người cao tuổi là môi trường góp phần giúp người cao tuổi trong gia đình trở thành tấm gương sáng trong rèn luyện sức khỏe, động viên con cháu chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tích cực xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập... Trong những năm qua, cả nước đã thường xuyên tổ chức những hội thi văn nghệ, thể dục, thể thao cho người cao tuổi nhằm góp phần nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần, cải thiện chất lượng cuộc sống của người cao tuổi. Cùng với cấp ủy, chính quyền, hội người cao tuổi nhiều nơi tích cực tham gia vận động các doanh nghiệp, nhà hảo tâm và nhân dân ủng hộ hội khuyến học; hội môi trường xanh; kinh phí bảo tồn các khu di tích văn hóa, nơi thờ tự thành hoàng làng; kinh phí xây dựng trường học; khu hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao; kinh phí lắp đặt camera an ninh, góp phần nâng cao hiệu quả công tác an ninh trật tự tại nhiều địa bàn trên cả nước.

Các hoạt động TCVHTT không chỉ giúp người cao tuổi duy trì sức khỏe, trí lực, biết cách chăm sóc bản thân mà họ còn có môi trường động viên nhau xây dựng phong trào ông bà mẫu mực, con cháu thảo hiền. Các hoạt động TCVHTT giúp phát huy vai trò tích cực của người cao tuổi, đồng hành cùng các thành viên trong mỗi gia đình để cùng xây dựng nên một gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc.

3. Kết luận

Con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển đất nước. Do đó, sự thay đổi về cơ cấu dân số (tuổi, giới tính, sức khỏe, ...) sẽ tác động và ảnh hưởng trực tiếp đến mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia. Đảng và Nhà nước luôn quan tâm tới chính sách dân số và phát triển của nước ta. Văn kiện Đại hội XIII

của Đảng dự báo nước ta đang có, “Xu hướng già hoá dân số nhanh”⁷. Theo đó, trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030, Đảng ta khẳng định cần: “Xây dựng và thực thi có hiệu quả chính sách dân số và phát triển, tận dụng và phát huy lợi thế thời kỳ dân số vàng, đồng thời chuẩn bị điều kiện thích ứng với già hóa dân số, nâng cao chất lượng dân số, gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo đảm mức tăng dân số hợp lý và cân bằng giới tính khi sinh”⁸. Trên cơ sở quan điểm chỉ đạo của Đảng và xuất phát từ những vấn đề đặt ra từ một Việt Nam đang già hóa dân số nhanh, thời gian tới việc phát triển TCVHTT cho người cao tuổi có vai trò vô cùng quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng sống cả vật chất và tinh thần của người cao tuổi nói riêng và người Việt Nam nói chung.

Để các chính sách “thích ứng với quá trình già hóa dân số” sớm đi vào cuộc sống, cần thực hiện tốt công tác truyền thông, giáo dục để mọi người dân nhận thức được già hóa dân số vừa là kết quả của phát triển kinh tế - xã hội vừa là thách thức trong tương lai; Tuyên truyền về các chính sách, pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi; Khuyến khích người cao tuổi tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội. Đặc biệt, cần tập trung tuyên truyền các giải pháp phát huy vai trò và lợi thế của người cao tuổi, qua đó tăng cơ hội việc làm cho người cao tuổi theo nhu cầu thị trường lao động. Truyền thông nâng cao nhận thức cho cộng đồng về những khó khăn, thách thức do già hóa dân số. Thực hiện Chương trình Hành động Quốc gia về người cao tuổi, Chiến lược Dân số và Sức khỏe sinh sản, Chiến lược Quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân... Cần thiết có thể xây dựng các chuyên trang, chuyên mục trên các phương tiện thông tin, báo, đài để tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi về nghề người cao tuổi trong bối cảnh thích ứng với già hóa dân số.

Sức khỏe là vốn quý của mỗi con người và toàn xã hội, do đó, dịch vụ y tế công do Nhà nước cung cấp là dịch vụ xã hội đặc biệt, không vì mục tiêu lợi nhuận, đầu tư cho y tế là đầu tư cho phát triển. Theo đó, cần có một chương trình mục tiêu quốc gia toàn diện về chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an sinh xã hội cho người cao tuổi, phát triển TCVHTT cho người cao tuổi. Đồng thời, thực hiện tốt chính sách y tế, an sinh xã hội cho người cao tuổi góp phần nâng cao chất lượng sức khỏe cho đối tượng này, giúp họ sống tốt hơn, khỏe mạnh hơn, ít bị bệnh tật, đời sống tinh thần của họ cũng được cải thiện, họ sẽ chủ động làm giảm đi những khó khăn về đời sống của mình, trên cơ sở đó làm giảm áp lực cho phát triển nền kinh tế trong tương lai, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững ở Việt Nam./.

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, tập 1, Hà Nội 2021, tr.108.

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, tập 1, Hà Nội 2021, tr.151.

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO Ở CƠ SỞ: TỪ TRƯỜNG HỢP TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

TS. Phan Thanh Hải

Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế

1. Đặt vấn đề

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao là hệ thống cơ sở vật chất hết sức quan trọng, là nền tảng để phát triển ngành văn hóa, thể thao của mỗi địa phương và cả quốc gia, vì vậy luôn dành được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước ta, đặc biệt là từ khi đất nước Đổi Mới, hội nhập.

Trong thời gian qua, xác định thiết chế văn hóa, thể thao là yếu tố quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và gắn với định hướng về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Nghị quyết 54-NQ/TW của Bộ Chính trị, tỉnh Thừa Thiên Huế luôn quan tâm, huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tinh thần, rèn luyện sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được địa phương này cũng tồn tại những hạn chế, bất cập, ảnh hưởng không nhỏ đến mục tiêu phát triển kinh tế xã hội bền vững và định hướng xây dựng trở thành một trong những trung tâm lớn, đặc sắc của Việt Nam và khu vực về văn hóa, du lịch. Vì vậy, nghiên cứu, đánh giá các cơ chế chính sách phát triển thiết chế văn hóa, thể thao của Thừa Thiên Huế trong thời gian qua có thể rút ra nhiều bài học kinh nghiệm bổ ích để từ đó xây dựng và hoàn thiện các khung chính sách chung của quốc gia.

2. Khái quát về hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tại Thừa Thiên Huế

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở có vai trò hết sức quan trọng, phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tinh thần, rèn luyện sức khỏe của nhân dân; đồng thời phục vụ công tác tuyên truyền, cổ động phục vụ các nhiệm vụ chính trị; là nền tảng vững chắc xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, xây dựng nông thôn mới, xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

Về cơ bản, thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh đã được quan tâm đầu tư, từng bước đáp ứng được các yêu cầu của hoạt động văn hóa, văn nghệ, vui chơi giải trí cho nhân dân; nhiều thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở được đầu tư cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới, hoạt động có hiệu quả, phát huy tốt công năng sử dụng; đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ của nhân dân; đồng thời phục vụ công tác tuyên truyền, cổ động phục vụ các nhiệm vụ chính trị; từng bước khắc phục tình trạng chênh lệch về mức hưởng thụ văn hóa, thể thao giữa các vùng, địa phương trong tỉnh. Nội dung hoạt động ở các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở từng bước có sự phong phú, đa dạng, gắn bó thiết thực với cộng đồng khu dân cư, vừa là nơi sinh hoạt cộng đồng, sinh hoạt chi bộ Đảng, sinh hoạt của các tổ chức đoàn thể nhân dân ở địa bàn, vừa là nơi quán triệt các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, phổ biến thời sự, khoa học kỹ thuật, hướng dẫn xóa đói giảm nghèo, tuyên truyền giáo dục lối sống,

nếp sống, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; triển khai các vấn đề về bảo vệ an ninh, trật tự, xây dựng gia đình, thôn bản văn hóa, tổ chức hội thi, hội diễn, liên hoan; tập luyện giao lưu văn hóa, văn nghệ...

2.1. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ cộng đồng thuộc ngành Văn hóa và Thể thao quản lý

2.1.1. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh do Sở Văn hóa và Thể thao quản lý

(1) Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh (được thành lập trên cơ sở hợp nhất Trung tâm Văn hóa Thông tin và Trung tâm Phát hành phim và Chiếu bóng). Trụ sở chính 41A Hùng Vương, có tổng diện tích 21.404m² (Hội trường có 1.000 chỗ ngồi). Trung tâm còn có các cơ sở: Rạp Gia Hội, Rạp Đông Ba, Rạp Hoàn Mỹ và được giao quản lý Trung tâm Văn hóa Huyện Trần. Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh là nơi tổ chức các sự kiện văn hóa, chính trị xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, do đã được xây dựng hơn 40 năm và qua nhiều lần sửa chữa nên nhiều hạng mục đang xuống cấp, hư hỏng và thiếu hệ thống trang thiết bị hiện đại để tổ chức hoạt động, nhất là đối với các sự kiện văn hóa, chính trị xã hội lớn trên địa bàn tỉnh. Các cơ sở điện ảnh (các Rạp chiếu phim) do Trung tâm quản lý đã xuống cấp, trang thiết bị lạc hậu, không tổ chức được các hoạt động.

(2) Toàn tỉnh có 5 bảo tàng công lập (Bảo tàng Hồ Chí Minh, Bảo tàng Lịch sử, Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế, Bảo tàng Mỹ thuật Huế, Bảo tàng Thiên nhiên Duyên hải miền Trung tại Huế) và 05 bảo tàng ngoài công lập (Bảo tàng Đồ sứ ký kiểu thời Nguyễn, Bảo tàng Nghệ thuật thêu XQ, Bảo tàng Gốm cổ Sông Hương, Bảo tàng Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, Bảo tàng Mỹ thuật Cecile Le Pham). Sở Văn hóa và Thể thao trực tiếp quản lý 03 bảo tàng: Bảo tàng Lịch sử Thừa Thiên Huế, Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế và Bảo tàng Mỹ Thuật Huế. Hiện nay, chỉ có Bảo tàng Hồ Chí Minh Thừa Thiên Huế được xây dựng cơ bản hoàn thiện. Các Bảo tàng còn lại đều tận dụng các di tích hay công trình cũ làm trụ sở và nhà trưng bày vì vậy không phù hợp với quy mô, cách thức, yêu cầu về trưng bày, khai thác của Bảo tàng. Bảo tàng Mỹ thuật Huế được thành lập nhưng chưa có trụ sở để hoạt động và trưng bày các tác phẩm mỹ thuật; kho chứa hiện vật cũng có quy mô nhỏ và chưa đảm bảo.

(3) Thư viện Tổng hợp tỉnh được xây dựng vào năm 2004, kết cấu 04 tầng. Có diện tích khuôn viên là 6.294,3m², tổng diện tích sử dụng là 5.600 m². Thư viện có đủ cơ sở vật chất với các phòng chức năng, đáp ứng được điều kiện lưu trữ tài liệu với 11.516 bản sách (chưa tính tạp chí và báo) và không gian phục vụ bạn đọc với khoảng 300 chỗ ngồi. Từ năm 2016 đến nay phục vụ 472.288 lượt bạn đọc; quản lý khoảng 2.500- 3.000 thẻ bạn đọc/năm, hằng năm phục vụ cho từ 120 -150 nghìn lượt bạn đọc đến học tập, nghiên cứu. Hiện nay, Thư viện đang xuống cấp, hư hỏng nhiều hạng mục, lại nằm trong quy hoạch phải di dời địa điểm; các hoạt động gặp nhiều khó khăn, chưa được đầu tư hiện đại hóa và có nhiều dịch vụ để thu hút bạn đọc; chưa đầu tư phát triển Thư viện thành Trung tâm bảo quản tư liệu quốc gia như mục tiêu của quy hoạch.

(4) Nhà hát Nghệ thuật Ca kịch Huế chỉ có trụ sở để làm văn phòng hoạt động và tập luyện, chưa có Không gian Nhà hát đáp ứng được yêu cầu biểu diễn nghệ thuật.

(5) Về hệ thống tượng, đài, vườn tượng: Tượng đài Phan Bội Châu, tượng đài Quang Trung tại Núi Bán, tượng đài Đại tướng Nguyễn Chí Thanh (thị trấn Sịa, huyện Quảng Điền); Không gian văn hóa nghệ thuật đường Lê Lợi, hệ thống công viên hai bờ Sông Hương; vườn tượng tại Khu Du lịch Abalone Resort và Spa, qua đó đã tạo nên một thành phố Huế xanh, sạch, sáng và luôn tươi mới.

Về thiết chế thể thao: Tỉnh Thừa Thiên Huế cũng đã chú trọng đầu tư xây dựng và tu sửa các công trình thể dục, thể thao trên địa bàn tỉnh, cơ bản đáp ứng nhu cầu phát triển thể dục, thể thao trên địa bàn. Các thiết chế thể thao cấp tỉnh, gồm có:

(6) Sân vận động Tự do: Vốn là sân vận động cũ, được xây dựng từ năm 1936 nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu sử dụng tổ chức thi đấu và tập luyện môn bóng đá; đăng cai tổ chức các giải bóng đá trẻ Quốc gia, giải Hạng nhất Quốc gia; đăng cai tổ chức các giải điền kinh Quốc gia; tổ chức các giải điền kinh học sinh Tỉnh, các giải bóng đá phong trào, các sự kiện VH, TT của tỉnh, đại hội TDTT toàn tỉnh...

(7) Nhà thi đấu đa năng tỉnh: Có sức chứa 3.000 chỗ ngồi, hằng năm tỉnh đã sử dụng có hiệu quả trong việc đăng cai tổ chức nhiều giải thể thao thành tích cao quốc gia và quốc tế và các giải thi đấu cấp ngành, cấp tỉnh, các sự kiện văn hóa và thể thao, phục vụ công tác tập luyện các môn thể thao trong nhà (cầu lông, bóng bàn, bóng đá Futsal, các môn võ thuật...).

(8) Bể bơi (25m, 50m): Hằng năm đăng cai tổ chức thi đấu các giải bơi, lặn quốc gia, các giải thi đấu các ngành, giải cấp tỉnh. Tổ chức tập luyện môn bơi, lặn cho các VĐV đội tuyển của tỉnh; tổ chức dịch vụ dạy bơi thực hiện chương trình dạy bơi phòng chống đuối nước.

Ngoài ra còn có hệ thống sân tập các môn thể thao: 5 sân quần vợt, 02 sân tập bóng đá phục vụ tập luyện cho các đội bóng đá trẻ; hệ thống nhà tập phục vụ các môn võ thuật; hệ thống nhà ở vận động viên.

2.1.2. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao do các ngành, đơn vị khác trực tiếp quản lý và được xây dựng từ công tác xã hội hóa

Nhà hát Sông Hương - Học viện Âm Nhạc Huế được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động từ tháng 8/2020, với quy mô 1.000 chỗ ngồi. Nhà hát là nơi phục vụ các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, sự kiện chính trị - xã hội không chỉ cho Huế, mà còn cả khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Đây cũng là nơi phục vụ các hoạt động giao lưu, biểu diễn nghệ thuật mang tầm Quốc tế.

Nhà hát Nghệ thuật truyền thống Cung đình Huế thuộc Trung tâm Bảo tồn di tích cố đô Huế. Nhà hát chủ yếu sử dụng công trình Duyệt Thị đường làm nơi biểu diễn nghệ thuật phục vụ khách du lịch.

Hệ thống các đơn vị đào tạo, nghiên cứu văn hóa, nghệ thuật: Trên địa bàn tỉnh hiện có các đơn vị đào tạo, nghiên cứu văn hóa, nghệ thuật như Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật Thừa Thiên Huế, Trường Trung cấp Thể dục, thể thao;

Trường Đại học Nghệ thuật Huế, Khoa Giáo dục Thể chất (Đại học Huế); Học viện Âm nhạc Huế; Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam tại Huế, Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế là những đơn vị có đóng góp quan trọng trong việc đào tạo, nghiên cứu, phát triển văn hóa, thể dục, thể thao trên địa bàn. Tuy nhiên, hoạt động của các đơn vị đào tạo gặp nhiều khó khăn, số lượng học sinh, sinh viên theo học các ngành văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao ngày càng ít.

2.1.3. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao ở cấp huyện

Toàn tỉnh có 7/9 đơn vị cấp huyện có Trung tâm văn hóa, thông tin và thể thao được xây dựng, hoạt động. Riêng thị xã Hương Trà và huyện Phú Vang chưa xây dựng, hiện đang sử dụng các cơ sở cũ như trụ sở UBND, của Đài Truyền thanh để hoạt động. Thành phố Huế có thêm thiết chế Nhà Thiếu Nhi.

Thiết chế thư viện: 8/8 huyện, thị xã, có thiết chế thư viện, trong đó, 03 thư viện có trụ sở riêng (thư viện Nguyễn Chí Thanh - Quảng Điền, thư viện huyện Phong Điền, thư viện huyện Phú Vang); 05 thư viện huyện còn lại chưa có trụ sở độc lập, được bố trí trong Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao, riêng thư viện huyện A Lưới lại được bố trí tại Trung tâm sinh hoạt văn hóa cộng đồng các dân tộc huyện.

Thiết chế thể thao: 8/9 đơn vị cấp huyện có thiết chế sân vận động (sân bóng đá), huyện Phú Lộc có sân vận động hư hỏng không sử dụng, huyện A Lưới có 02 sân cỏ nhân tạo do doanh nghiệp đầu tư; có 4/9 đơn vị có nhà thi đấu - nhà tập (TP Huế, Hương Thủy, Hương Trà, Nam Đông); 4/9 đơn vị có bể bơi (TP Huế, Hương Thủy, Hương Trà, Nam Đông) đa số bể bơi 25m, hiệu quả sử dụng chưa cao.

Hiện nay, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cấp huyện cơ bản đã phát huy hiệu quả, từng bước đáp ứng được nhiệm vụ tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, cũng như tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao phục vụ nhân dân vào những dịp lễ hội, kỷ niệm các ngày lễ lớn và các sự kiện chính trị lớn của địa phương, góp phần nâng cao đời sống tinh thần và nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Tuy nhiên, hầu hết các thiết chế văn hóa, thể thao ở cấp huyện được xây dựng đã lâu nên cơ sở hạ tầng xuống cấp; nhiều công trình văn hóa, thể thao không đáp ứng tiêu chuẩn quy định, quy mô, diện tích nhỏ hẹp. Vẫn còn 2 đơn vị cấp huyện chưa có Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao. Thư viện cấp huyện hầu hết chưa phát huy được hiệu quả hoạt động, trang thiết bị thiếu thốn, đầu tư không đồng bộ, ít bạn đọc.

2.1.4. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã

Toàn tỉnh có 96/141 xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hóa - Thể thao, Nhà Văn hóa chiếm 68%, đạt mục tiêu Nghị quyết HĐND tỉnh đề ra. Trong đó, các huyện Phong Điền, Quảng Điền, Nam Đông, thị xã Hương Thủy có số Trung tâm văn hóa, thể thao cấp xã trên số đơn vị hành chính gần đạt 100%; Có 111 điểm Bưu điện văn hóa xã và có 11 thư viện, tủ sách cấp xã. Trong giai đoạn 2016 - 2021, có 55 nhà văn hóa xã được đầu tư từ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới.

Các thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã đã phát huy được công năng sử dụng,

là nơi tổ chức các hoạt động phục vụ các buổi sinh hoạt, hội họp, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao của xã, phường, thị trấn. Các Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã đều do cán bộ, công chức văn hóa - xã hội trực tiếp quản lý, bên cạnh đó các xã, phường, thị trấn còn có đội ngũ công tác viên thực hiện công tác tuyên truyền, vận động phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao quần chúng.

Tuy nhiên, thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã nhiều địa phương còn thiếu. Phần lớn các Trung tâm văn hóa, thể thao cấp xã chưa đạt tiêu chuẩn quy định; trang thiết bị hoạt động thiếu thốn, lạc hậu; chất lượng hoạt động chưa cao, các thiết chế chủ yếu phục vụ cho việc hội họp, chưa tổ chức được nhiều các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao và chưa hình thành nên các câu lạc bộ về văn hóa, nghệ thuật ở các địa phương. Các điểm vui chơi, giải trí dành cho trẻ em còn hạn chế. Đa số các Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã chưa thành lập Ban chủ nhiệm và ban hành quy chế hoạt động theo quy định tại Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch nên chưa phát huy được các hoạt động cũng như công năng sử dụng các thiết chế. Hiệu quả hoạt động của các thư viện, tủ sách pháp luật ở cấp xã còn thấp, số lượng sách báo còn nghèo nàn, số lượng người đến đọc sách, báo rất ít.

2.1.5. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cấp thôn

Số thôn, bản, tổ dân phố có Nhà văn hóa, Nhà sinh hoạt cộng đồng là 904/1.277 đạt 70,8%, chưa đạt so với mục tiêu của Nghị quyết HĐND tỉnh là từ 75 - 80%. Các Nhà văn hóa, Khu thể thao thôn, bản, tổ dân phố hiện nay là nơi hội họp, nơi sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, tổ chức học tập cộng đồng của nhân dân, là nơi để tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Mặc dù, được quan tâm đầu tư xây dựng, nhưng hiện tại trên địa bàn tỉnh vẫn còn gần 30% thôn, bản, tổ dân phố chưa có Nhà văn hóa. Đa số đều ở các địa bàn vùng khó khăn do thiếu kinh phí và không huy động được nguồn xã hội hóa hoặc tại các vùng đô thị trung tâm nhưng không có quỹ đất.

Các Nhà Văn hóa, Nhà sinh hoạt cộng đồng ở cấp thôn được xây dựng từ nhiều chương trình, dự án khác nhau, phần lớn không đạt tiêu chuẩn theo quy định, có nơi được cải tạo từ các nhà trẻ, nhà kho hợp tác xã cũ; thiếu trang thiết bị để hoạt động. Việc quy hoạch, thiết kế Nhà Văn hóa ở một số vùng, nhất là vùng đồng bào dân tộc không phù hợp. Một số Nhà Văn hóa xây dựng xa các khu dân cư nên hoạt động không thuận tiện. Nhiều nơi công tác vệ sinh môi trường khu vực Nhà Văn hóa chưa được quan tâm, thiếu hạng mục công trình phụ trợ, cây xanh. Nhà Văn hóa thôn đang được giao cho nhiều đối tượng quản lý, chưa có một mô hình quản lý và chưa ban hành quy chế hoạt động để thống nhất trong toàn tỉnh.

2.2. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ thanh niên, thiếu niên, nhi đồng; công nhân, viên chức và người lao động

Trên địa bàn tỉnh, những năm qua, nhiều ngành, đơn vị đã quan tâm đầu tư xây dựng các thiết chế phục vụ nhu cầu của nhân dân, thanh thiếu nhi, cán bộ, công nhân viên chức như: Trung tâm Hoạt động Thanh Thiếu Nhi (thuộc Tỉnh Đoàn); Nhà Văn hóa Lao động tỉnh (thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh); các thiết chế thể thao của các cơ quan, đoàn thể, trường học và nhiều thiết chế thể thao được đầu tư xây dựng từ công tác xã hội hóa.

Mặc dù các thiết chế văn hóa, thể thao đã có sự đầu tư khá lớn từ các nguồn xã hội hóa, nhưng chưa có sự đồng bộ, quy hoạch còn thiếu, chưa đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt, vui chơi, giải trí cũng như tập luyện thể dục, thể thao của nhân dân. Đặc biệt là hệ thống điểm vui chơi dành cho trẻ em còn quá ít, nhất là ở cấp huyện. Các thiết chế văn hóa, thể thao được xây dựng chủ yếu ở vùng đô thị; vùng nông thôn, miền núi và các khu công nghiệp ít được quan tâm đầu tư.

3. Đánh giá tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

3.1. Việc cụ thể hoá cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương về đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao

Trên cơ sở các văn bản của Trung ương, HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành Nghị quyết số 05/2013/NQ-HĐND ngày 17/4/2013 của HĐND tỉnh về quy hoạch thiết chế văn hóa tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 6e/2008/NQCD-HĐND ngày 04/4/2008 của HĐND tỉnh về quy hoạch phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao đến năm 2020; trên cơ sở đó, để triển khai thực hiện, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 09/6/2008 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2015 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 22/5/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch thiết chế văn hóa tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Sở Văn hóa và Thể thao, chính quyền các cấp đã xây dựng các chương trình, kế hoạch, lồng ghép thực hiện các nội dung quy hoạch thiết văn hóa, thể thao vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm tại địa phương; các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan đã tham mưu các văn bản chỉ đạo và ban hành hướng dẫn thực hiện các hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn.

3.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục và hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao

Công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản của Trung ương, của tỉnh về quy hoạch thiết chế văn hóa, thể thao được các ngành, các cấp quan tâm thực hiện; công tác vận động, nâng cao nhận thức của nhân dân về vị trí, vai trò và trách nhiệm xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trong xây dựng đời sống văn hóa được đẩy mạnh; tổ chức triển khai thực hiện lồng ghép phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” với xây dựng Nông thôn mới, tuyên truyền trong dịp “Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc” để huy động xã hội hóa. Ngành văn hóa và thể thao đã triển khai hội nghị tập huấn nghiệp vụ văn hóa, thể thao dành cho cán bộ quản lý văn hóa, thể thao cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh.

3.3. Công tác quy hoạch, bố trí kinh phí đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao

Công tác đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao được quan tâm bố trí kinh phí đầu tư xây dựng. Từ năm 2013 đến 2022, tỉnh đã huy động, bố trí 441,561 tỷ đồng để đầu tư xây dựng, sửa chữa nâng cấp hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp, (trong đó: 84 tỷ từ nguồn xây dựng nông thôn mới, hơn 200 tỷ từ nguồn

xã hội hóa). Một số thiết chế văn hóa cấp tỉnh đã đầu tư như sửa chữa, nâng cấp các công trình văn hóa trên 11,5 tỷ đồng; sửa chữa nâng cấp các thiết chế thể dục, thể thao gần 40 tỷ đồng. Trong giai đoạn này, tỉnh bố trí ngân sách chủ yếu để sửa chữa, nâng cấp một số thiết chế văn hóa, thể thao xuống cấp, hư hỏng kịp thời phục vụ các hoạt động văn hóa, thể thao và tổ chức các sự kiện chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh. Từ năm 2018 đến 2020, sân vận động Huế được bố trí 11,7 tỷ đồng để sửa chữa, nâng cấp; Nhà thi đấu đa năng (Trung tâm thể thao tỉnh) được đầu tư 7,3 tỷ đồng sửa chữa năm 2019; Trung tâm Văn hóa – Điện ảnh được bố trí 1,2 tỷ để sửa chữa năm 2020; Trung tâm Nghệ thuật Đầm Phùng Thị (thuộc Bảo tàng Mỹ thuật) được bố trí 4,23 tỷ đồng nâng cấp, di chuyển.

Trong giai đoạn 2013 - 2022: Một số địa phương đã tranh thủ nhiều nguồn lực đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao khá hoàn thiện như: Nhà Văn hóa trung tâm huyện Phú Lộc (8,5 tỷ đồng); Nhà Văn hóa huyện Quảng Điền (11,8 tỷ đồng); Trung tâm Văn hóa, thể thao huyện Nam Đông (13,675 tỷ đồng); Khu lưu niệm đồng chí Tố Hữu (20 tỷ đồng); Trung tâm sinh hoạt văn hóa cộng đồng các dân tộc huyện A Lưới (9,3 tỷ đồng); Nhà lưu niệm Suzucho Karate thành phố Huế (2,7 tỷ đồng)...

3.4. Việc lồng ghép các mục tiêu của Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao

Trong những năm qua, tỉnh thường xuyên lồng ghép các mục tiêu của Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao giai đoạn 2013-2020, định hướng đến 2030... vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, 5 năm và hằng năm. Bố trí kinh phí đầu tư công để đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao các cấp. Đẩy mạnh công tác đầu tư xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở từ ngân sách Nhà nước, kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa, kinh phí xã hội hóa và huy động nhân dân đóng góp, để ngày càng đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu hưởng thụ văn hóa, thể dục, thể thao của nhân dân.

3.5. Việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế, cách thức quản lý, hiệu quả sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao

Về cơ cấu tổ chức: Sở Văn hóa và Thể thao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về văn hóa và thể thao cấp tỉnh. Sở có 10 đơn vị sự nghiệp trực thuộc (Bảo tàng Lịch sử Thừa Thiên Huế; Bảo tàng Hồ Chí Minh; Thư viện Tổng hợp; Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh; Trung tâm Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế; Trường Trung cấp Văn hóa Nghệ thuật; Trường Trung cấp Thể dục, thể thao Huế; Nhà hát Nghệ thuật Ca kịch Huế; Đoàn Bóng đá Huế; Bảo tàng Mỹ thuật Huế). Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện quản lý nhà nước về văn hóa và thể thao tại địa phương. Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao là đơn vị sự nghiệp cấp huyện. Ở cấp xã chủ yếu do đồng chí Phó Chủ tịch phụ trách lĩnh vực văn hóa - xã hội và công chức văn hóa - xã hội cấp xã thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về các thiết chế văn hóa, thể thao. Các thiết chế văn hóa, thể thao cấp thôn chủ yếu do Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố thực hiện, một số nơi giao cho đối tượng khác quản lý.

Về đội ngũ: Đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác văn hóa, thể thao từng bước được kiện toàn, chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ. Toàn tỉnh có 948 cán bộ,

công chức, viên chức, hợp đồng bán chuyên trách làm công tác văn hóa, thể thao, trong đó, cấp tỉnh: 483 người (biên chế 332 người); cấp huyện: 217 (biên chế 176 người); xã, thôn: 465 người (biên chế 182 người).

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý, sử dụng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh phần lớn được đào tạo cơ bản, đã phát huy tốt năng lực, kinh nghiệm để tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ; nhiệt tình, tâm huyết với nghề, có ý thức trách nhiệm đối với sự nghiệp phát triển văn hóa, thể thao. Các huyện, thành phố, thị xã cơ bản đảm bảo số lượng cán bộ theo yêu cầu. Mỗi xã, phường, thị trấn đều được bố trí 01 công chức phụ trách lĩnh vực văn hóa, thể thao; nhiều huyện, thị xã và thành phố Huế đã bố trí thêm 01 người hoạt động không chuyên trách phụ trách thư viện, nhà trưng bày, đài truyền thanh.

Hiện nay, các đơn vị sự nghiệp của ngành văn hóa, thể thao đang tổ chức, sắp xếp cơ cấu tổ chức theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 7/10/2020 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó, quá trình sắp xếp gặp nhiều khó khăn, do phải cơ cấu lại tổ chức, nhân sự nên ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình triển khai thực hiện chức năng, nhiệm vụ của ngành. Các chính sách hỗ trợ cho công chức, viên chức làm văn hóa chưa được quan tâm đúng mức, nhất là cán bộ, công chức trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật và ở cấp cơ sở. Một số địa phương cơ sở cán bộ, công chức phụ trách lĩnh vực văn hóa, thể thao còn thiếu và yếu nên ảnh hưởng đến việc tổ chức và hoạt động văn hóa, thể thao.

3.6. Công tác phối hợp trong việc đầu tư, xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao

Nhìn chung, trong những năm qua, công tác xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh đã nhận được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp, sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành, đoàn thể, sự ủng hộ của các doanh nghiệp và nhất là sự đồng thuận, tích cực hưởng ứng của các tầng lớp nhân dân. Cơ sở vật chất của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở được quan tâm đầu tư, cơ bản hoạt động hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ nhu cầu đời sống văn hóa, tinh thần của các tầng lớp nhân dân, góp phần tích cực thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới của tỉnh.

Các thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở đã trở thành các điểm sinh hoạt văn hóa, thể thao là địa chỉ thu hút đông đảo nhân dân đến để sinh hoạt văn hóa, rèn luyện thể chất và là phương tiện nhằm tuyên truyền phục vụ các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Hệ thống thiết chế văn hóa và thể thao trên địa bàn tỉnh cũng đã được tăng cường quản lý theo quy chế và phân cấp cụ thể cho các cấp chính quyền địa phương. Công tác thanh tra, hậu kiểm đối với việc quản lý, tổ chức hoạt động tại thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn tỉnh đã được quan tâm thực hiện.

3.7. Việc huy động các nguồn lực xã hội để đầu tư, hoàn thiện cơ sở vật chất các thiết chế văn hóa, thể thao trên địa bàn

Trên cơ sở các chính sách xã hội hóa của tỉnh, các ngành, các cấp đã tích cực kêu gọi, vận động các tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực văn hóa,

thể thao đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao nhằm đa dạng hóa các loại hình hoạt động, phục vụ nhu cầu của nhân dân. Kết quả, đã huy động được nhiều nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực này, điển hình như: Rạp chiếu phim Cinestar (Huế) với tổng vốn đầu tư 150 tỷ đồng và hệ thống chiếu phim hiện đại trong các siêu thị như Lotte Cinema (nằm trong Siêu thị BigC), Starlight (Coopmart), BHD (Vincom); Khu văn hóa đa năng Công viên Kim Đồng với tổng vốn đầu tư 60 tỷ đồng; hình thành các bảo tàng tư nhân như Bảo tàng Đồ sứ ký kiểu thời Nguyễn, Bảo tàng Nghệ thuật thêu XQ, Không gian Lưu niệm Lê Bá Đảng... Bên cạnh đó, các sân bóng đá nhân tạo, bể bơi, phòng tập bida, phòng tập thể hình, sân Golf, các câu lạc bộ thể dục, thể thao cũng được các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư xây dựng.

Trên địa bàn toàn tỉnh có hơn 200 sân cầu lông ngoài trời, hơn 100 sân cầu lông trong nhà, 50 sân quần vợt, 175 nhà tập thể thao (146 nhà tập, điểm tập do các doanh nghiệp, cá nhân đầu tư xây dựng, 28 nhà thi đấu, nhà tập của các cơ quan, ban, ngành), 223 sân bóng đá (55 sân cỏ nhân tạo), hơn 160 sân bóng chuyên, bóng rổ được đầu tư xây dựng từ các cơ quan ban ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và cá nhân.

Ở cấp huyện, công tác xã hội hóa tập trung vào việc xây dựng các nhà tập luyện, thi đấu thể thao tại các trường học, cơ quan, đơn vị, các thôn, khu dân cư: điển hình như huyện Phong Điền đã huy động nguồn xã hội hóa lên đến 20 tỷ, Phú Vang huy động 10 tỷ để xây dựng Nhà Văn hóa cấp thôn, 600 triệu để xây dựng sân bãi, mua sắm trang thiết bị để tập luyện thể thao ở cấp thôn; Nam Đông huy động 1 tỷ để xây dựng Nhà văn hóa cấp thôn, 500 triệu để xây dựng Trung tâm Văn hóa Thông tin cấp xã. Các dự án hỗ trợ từ nước ngoài: huyện Phú Vang, A Lưới được hỗ trợ từ dự án Bill Gates đầu tư máy tính và máy in để phục vụ các hoạt động văn hóa tại địa phương. Công tác xã hội hóa đã góp phần xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao cấp cơ sở đảm bảo tiêu chuẩn.

3.8. Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về đầu tư, xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao

Các cơ quan chức năng cũng đã chú trọng thanh tra, kiểm tra việc xây dựng, quản lý và sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao để đôn đốc, hướng dẫn cơ sở thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Các huyện, thành phố, thị xã đã tập trung chỉ đạo và huy động nguồn lực xã hội xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao; ban hành các cơ chế chính sách hỗ trợ kinh phí xây dựng Nhà Văn hóa, Khu thể thao thôn, bản. Phòng Văn hóa - Thông tin các huyện, thành phố, thị xã đã tham mưu UBND cấp huyện chỉ đạo UBND cấp xã hướng dẫn tổ chức các hoạt động của các Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Nhà Văn hóa ở cấp xã.

4. Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi các cơ chế, chính sách về đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao

Từ thực tiễn của địa phương có thể đề xuất một số giải pháp sau:

4.1. Xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách

Cơ chế chính sách phù hợp để bảo đảm sự gắn kết giữa nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm với không ngừng nâng cao văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội,

tạo nên sự phát triển đồng bộ giữa kinh tế và văn hóa là điều kiện quyết định đảm bảo cho sự phát triển toàn diện và bền vững của xã hội.

Các cơ chế chính sách nhằm xây dựng, hoàn thiện, củng cố hệ thống thiết chế văn hóa từ đô thị Trung tâm đến cơ sở địa phương. Chú trọng đổi mới nội dung hoạt động của hệ thống Nhà Văn hóa, phục vụ tốt nhu cầu hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Ban hành văn bản quy định mẫu tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa - Khu thể thao tổ dân phố/thôn xóm để các địa phương có căn cứ khi triển khai thực hiện tại cơ sở.

4.2. Rà soát quy hoạch, nguồn lực

Thứ nhất, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung thay thế Thông tư 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quy định mẫu tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa, Khu thể thao thôn, vì hiện tại các địa phương thực hiện đề án sáp nhập thôn, bản, tổ dân phố cho nên những quy định tại Điều 6, Thông tư 06/2011/TT-BVHTTDL không còn phù hợp.

Thứ hai, tổng kết việc triển khai thực hiện Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030 để tham mưu ban hành một quyết định mới phù hợp hơn trong bối cảnh mới.

Thứ ba, đưa các chỉ tiêu về phát triển văn hóa gắn với các tiêu chí phát triển của địa phương, có quỹ đất phù hợp để xây dựng thiết chế Trung tâm Văn hóa, Nhà Văn hóa các cấp theo quy định, đảm bảo diện tích, có đủ các phòng chức năng, cơ sở vật chất, trang thiết bị hoạt động đáp ứng yêu cầu của các hoạt động.

4.3. Đổi mới phương thức tổ chức, quản lý

Thứ nhất, tiếp tục đẩy mạnh phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa, gắn xây dựng nông thôn mới. Trong đó, chú trọng xây dựng đời sống văn hóa vùng sâu, vùng xa, vùng ven biển đầm phá, vùng miền núi và đồng bào dân tộc thiểu số.

Thứ hai, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ các hoạt động văn hóa, thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước về văn hóa và dịch vụ văn hóa, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa hiện có, tập trung củng cố, đầu tư nâng cấp và xây dựng mới các công trình văn hóa trên địa bàn tỉnh.

Thứ ba, thường xuyên đưa các hoạt động biểu diễn nghệ thuật, chiếu phim, trưng bày, triển lãm, sách báo về phục vụ cơ sở, đồng thời tập trung nâng cao số lượng, chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng tại cơ sở, góp phần làm cho đời sống hưởng thụ văn hóa của người dân ngày càng phong phú, đa dạng, từng bước giảm sự chênh lệch về hưởng thụ văn hóa của đồng bào dân tộc miền núi, vùng sâu, vùng xa so với đồng bằng và đô thị.

Thứ tư, phát huy tính chủ động sáng tạo của nhân dân và các lực lượng tham gia hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao. Tăng cường vai trò tự quản của cộng đồng dân cư, khuyến khích các tổ chức xã hội tham gia vào xây dựng và phát triển văn hóa cơ sở.

4.4. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân tham gia tích cực vào phong trào thi đua yêu nước và phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với nếp sống văn minh đô thị và nông thôn, Phong trào xây dựng nông thôn mới. Tuyên truyền làm chuyển biến về nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, các đoàn thể quần chúng, đặc biệt là ở cơ sở và các doanh nghiệp, người dân về vai trò, vị trí và sự cần thiết phải xây dựng các thiết chế văn hóa ở cơ sở.

4.5. Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực

Thứ nhất, phải đẩy mạnh công tác đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ hoạt động văn hóa từ tỉnh đến cơ sở, kể cả cán bộ quản lý và cán bộ chuyên môn nghiệp vụ, kiến nghị và có chính sách đãi ngộ thỏa đáng để họ yên tâm phục vụ nhất là ở cơ sở. Hạn chế việc luân chuyển quá nhanh và khá lộn xộn đội ngũ cán bộ văn hóa cấp xã đang diễn ra khá phổ biến hiện nay.

Thứ hai, khuyến khích, hỗ trợ kinh phí và có chế độ thù lao phù hợp cho các nghệ nhân để mở các lớp đào tạo, truyền dạy, hướng dẫn, sáng tạo các loại hình văn hóa, kiến thức khoa học kỹ thuật, để Trung tâm Văn hóa, Nhà Văn hóa thực sự là môi trường giáo dục văn hóa lành mạnh cho mọi người dân.

5. Một số đề xuất, kiến nghị

5.1. Đối với Quốc hội

Thứ nhất, đề nghị tiếp tục xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan trực tiếp đến lĩnh vực văn hóa, thể thao tạo điều kiện cho phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp; ban hành các chính sách nhằm thúc đẩy phát triển nhân lực của ngành văn hóa, thể thao...

Thứ hai, đảm bảo mức chi ngân sách Nhà nước cho văn hóa theo mục tiêu được đề ra tại Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030.

5.2. Đối với Chính phủ

Đề nghị Chính phủ quan tâm bố trí nguồn lực để triển khai các chương trình, dự án, kế hoạch đã được phê duyệt để phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp.

5.3. Đối với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Thứ nhất, tăng cường nguồn vốn ngân sách đầu tư của Nhà nước về hoạt động văn hóa, thể thao cơ sở. Thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia, Nhà nước cấp vốn đầu tư để xây dựng phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao. Có chính sách hỗ trợ xây dựng Nhà Văn hóa - Khu thể thao ở những địa bàn khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Thứ hai, tăng cường đầu tư trang thiết bị cho thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở.

Thứ ba, mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ xã, phường, thị trấn, đặc biệt ưu tiên các cán bộ đang công tác tại các vùng sâu, vùng xa, miền núi...

Ban hành quy định chế độ chính sách đãi ngộ đối với người làm công tác văn hóa và phụ trách thiết chế văn hóa các cấp ở cơ sở.

Thư tư, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, quy chế, chế độ về hoạt động văn hóa cơ sở như: chính sách kinh tế, tài chính về tổ chức, hoạt động văn hóa cơ sở, chính sách ưu tiên về hoạt động văn hóa ở vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tư nhân, doanh nghiệp, tổ chức xã hội và cá nhân tham gia đóng góp các nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất và tham gia hoạt động văn hóa./.

CHÍNH SÁCH VÀ NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, THỂ THAO VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

TS. Lương Thị Thu Hằng

Phó Tổng biên tập Tạp chí Dân tộc, Ủy ban Dân tộc

1. Chính sách và nguồn lực đầu tư phát triển thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở là nơi tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao nhằm đáp ứng nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo các giá trị văn hóa, thể thao của Nhân dân trên địa bàn dân cư; đồng thời thực hiện các hoạt động tuyên truyền, cổ động phục vụ các nhiệm vụ chính trị - kinh tế - xã hội của trung ương, địa phương và cộng đồng. Trong vấn đề công tác dân tộc, chính sách dân tộc, chính sách đầu tư phát triển thiết chế văn hóa, thể thao vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) ngày càng được cụ thể hoá trên cơ sở các chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

Thực hiện Kết luận số 65-KL/TW ngày 30-10-2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới và căn cứ Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 28-1-2022 về Chiến lược Công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong đó đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể đối với công tác dân tộc, trong đó có các nội dung trọng tâm về phát triển văn hóa, thể thao nâng cao thể trạng đồng bào.

Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030, ngày 14-10-2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1719/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021 - 2030. Trong đó, giai đoạn 2021 - 2025 có Dự án 7: “Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em”; Dự án 8: “Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” với mục tiêu cải thiện sức khỏe của đồng bào DTTS về thể chất, tinh thần, tầm vóc, tuổi thọ; nâng cao nhận thức, thay đổi định kiến, bảo vệ chăm sóc phụ nữ và trẻ em. Nội dung Dự án 9 của CTMTQG có tiểu dự án 01 Hỗ trợ đồng bào các DTTS còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù, trong đó có nội dung hỗ trợ dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em; tham gia đóng góp ý kiến vào dự thảo văn bản có liên quan đến bình đẳng giới, phụ nữ gia đình và trẻ em...

Cụ thể hoá vấn đề đầu tư phát triển thiết chế văn hóa, thể thao, tại Thông tư số 12/2014/TT-BVHTTDL ngày 10/10/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, quy định chi tiết thi hành chính sách bảo tồn và phát triển văn hóa, chính sách phát triển thể dục, thể thao và chính sách phát triển du lịch theo quy định: 1) Hỗ trợ việc

suu tầm, nghiên cứu bảo vệ, bảo tồn và phổ biến các trò chơi vận động dân gian, các môn thể thao dân tộc thiểu số; thống kê các trò chơi vận động dân gian của các dân tộc thiểu số thành một nội dung của nhiệm vụ suu tầm bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa phi vật thể của Việt Nam; 2) Lựa chọn một số trò chơi vận động dân gian, các môn thể thao của dân tộc thiểu số có đủ điều kiện đưa vào hệ thống giải thi đấu thể thao quần chúng cấp quốc gia; tổ chức trò chơi dân gian, các môn thể thao dân tộc trong các lễ hội ngày hội, giải thể thao và hội thi thể thao; 3) Tổ chức các lễ hội truyền thống, thi đấu thể thao trong Ngày hội văn hóa, thể thao và du lịch của từng dân tộc. Định kỳ 2 năm/lần tổ chức hội thi thể thao các dân tộc thiểu số từ cơ sở đến khu vực và toàn quốc. Định kỳ 4 năm/lần tổ chức đại hội các môn thể thao dân tộc; 4) Hướng dẫn tập luyện, biểu diễn và thi đấu các môn thể thao dân tộc và phổ biến các môn thể thao dân tộc ra nước ngoài.

Năm 2018, Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao, trong đó sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Điều 4 cụ thể là: Ưu tiên đầu tư phát triển thể dục, thể thao ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; ưu tiên phát triển môn bơi, võ cổ truyền và các môn thể thao dân tộc (Quốc hội, 2018).

Đối với chính sách đầu tư phát triển thiết chế văn hóa, thể thao từ nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước, các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa được xem là hoạt động sản xuất kinh doanh, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 đã quy định hoạt động “bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa” là ngành, nghề ưu đãi đầu tư (Khoản 1 Điều 16 Luật Đầu tư); được hưởng các ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật (Khoản 1 Điều 15). Danh mục chi tiết các hoạt động đầu tư trong lĩnh vực văn hóa được hưởng ưu đãi đầu tư (bao gồm cả đặc biệt ưu đãi đầu tư) được quy định cụ thể tại Phụ lục II Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư, ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Có thể thấy, trong hơn 5 năm trở lại đây, chính sách đầu tư phát triển nguồn lực và thiết chế văn hóa và thể thao ngày càng trọng tâm, rõ nét thông qua các nội dung, điều khoản trong Luật và Chương trình mục tiêu quốc gia, đặc biệt tại vùng đồng bào DTTS.

2. Thực trạng nguồn lực đầu tư phát triển thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong những năm gần đây

Về nguồn lực tài chính, trong hơn 10 năm qua, Đảng, Nhà nước luôn quan tâm chỉ đạo tập trung ưu tiên đầu tư vùng đồng bào DTTS nhằm tạo sự chuyên biến căn bản về kinh tế - xã hội, văn hóa vùng đồng bào DTTS. Giai đoạn 2011 - 2021, ngân sách Nhà nước đã bố trí 246.654,5 tỷ đồng để đầu tư cho các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, thiết chế văn hóa, thể thao ở vùng DTTS.

Bên cạnh đó, các nguồn lực xã hội hóa từ các nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) khoảng 2,6 tỷ USD, tổ chức phi chính phủ (NGO) khoảng 5,5 triệu USD và các nguồn khác từ Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), Đại sứ quán Ai-len

(Hầu A Lệnh, 2023). Giai đoạn này, các nguồn lực này đã được phân bổ, sử dụng và quản lý để đầu tư cho các lĩnh vực phát triển hạ tầng, giao thông, phát triển nông nghiệp và nông thôn, trong đó tỷ lệ đầu tư trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, vệ sinh môi trường và khoa học - công nghệ... khoảng 12%. Tính đến năm 2023, vùng DTTS đạt 100% xã có trường tiểu học và trung học cơ sở; 99,7% xã có trường mầm non; 99,3% xã có trạm y tế; 65,5% xã và đối với thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở là 76,7% thôn, bản có nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng.

Phục vụ phát triển thiết chế văn hóa, thể thao tại vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2021 - 2030, tại Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Dự án 6 với nội dung Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch đã đề ra mục tiêu: Khôi phục, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ văn hóa; hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị văn hóa cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để nâng cao mức thụ hưởng về văn hóa cho đồng bào các dân tộc gắn với phát triển du lịch cộng đồng, trong đó ưu tiên các dân tộc thiểu số rất ít người.

Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tại Dự án 6 là 5.984,059 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách trung ương: 3.233,528 tỷ đồng (vốn đầu tư: 1.828,9 tỷ đồng; vốn sự nghiệp: 1.404,628 tỷ đồng); Ngân sách địa phương: 2.224,776 tỷ đồng; Vốn huy động hợp pháp khác: 525,755 tỷ đồng.

Đến cuối năm 2023, ở cấp trung ương, đã triển khai một số hoạt động: tổ chức bảo tồn các lễ hội truyền thống tiêu biểu các dân tộc thiểu số; tổ chức xây dựng mô hình bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch; hỗ trợ phát triển thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, cụ thể là trang thiết bị hoạt động cho Nhà văn hóa - Khu thể thao cấp thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của 06 tỉnh khu vực miền núi phía Bắc.

Gắn với nguồn nhân lực và vốn cho thiết chế văn hóa, thể thao là các sản phẩm văn hóa đáp ứng nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo các giá trị văn hóa, thể thao của Nhân dân. Theo thống kê của Cục Di sản văn hóa, năm 2022, cả nước đã kiểm kê được hơn 40.000 di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh; trong đó có 8 di tích được UNESCO ghi vào Danh mục di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, 119 di tích quốc gia đặc biệt, 3.551 di tích quốc gia, 6.340 di tích cấp tỉnh; 64.000 di sản văn hóa phi vật thể, trong đó có 14 di sản văn hóa phi vật thể đã được UNESCO ghi danh, 396 di sản văn hóa phi vật thể đã được ghi vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, 1.390 nghệ nhân được Nhà nước phong tặng danh hiệu Nghệ nhân Nhân dân và Nghệ nhân Ưu tú (77 Nghệ nhân Nhân dân, 1313 Nghệ nhân Ưu tú); 7 di sản tư liệu được Chương trình Ký ức thế giới ghi danh (3 di sản tư liệu thế giới, 4 di sản tư liệu khu vực châu Á - Thái Bình Dương) (Đỗ Văn Trụ, 2022).

Hiện cả nước cũng có khoảng 8.000 lễ hội gắn với phong tục, tập quán, nghệ thuật trình diễn, làng nghề thủ công, văn hóa ẩm thực, trang phục dân tộc, trong đó bao gồm các phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số đã và đang được nghiên cứu, sưu tầm và phục dựng nhằm bảo đảm tính đa dạng, phong phú về văn hóa tộc người của các vùng, miền trên cả nước.

Tại vùng Tây Nguyên, bên cạnh việc duy trì và thực hiện một số hoạt động văn hóa tộc người, nhiều địa phương có tình trạng mai một các trò chơi thể thao dân gian truyền thống. Theo nhận định của một số địa phương, có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, mà nguyên nhân căn bản nhất, sâu xa nhất vẫn là việc thay đổi hình thái hoạt động kinh tế. Bên cạnh đó là tác động của biến đổi đời sống xã hội hiện nay và việc thu hẹp hoặc thiếu không gian công cộng ảnh hưởng không nhỏ đến sự tham gia của cộng đồng, người dân trong việc thực hành các hoạt động văn hóa, thể thao.

Trên cơ sở các dữ liệu đã đề cập, phân tích trên, có thể thấy, nguồn lực đầu tư phát triển thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong những năm gần đây đã tăng cả về số lượng và chất lượng, được thể hiện qua việc phát triển các nguồn lực tài chính, con người và sản phẩm văn hóa, trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội của quốc gia.

Mặc dù đã có nguồn đầu tư phát triển từ các Chương trình MTQG và các nguồn lực khác nhưng các điều kiện về con người, không gian, đất đai và tổ chức hoạt động, thực hành văn hóa, thể thao vẫn đang là một khó khăn, thách thức lớn trong phát triển thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở vùng đồng bào dân tộc thiểu số hiện nay.

3. Bất cập, thách thức và một số vấn đề đặt ra trong phát triển thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở vùng DTTS

3.1. Bất cập, thách thức

Trong thời gian qua, vấn đề huy động, phân bổ, sử dụng, quản lý các nguồn lực đầu tư phát triển thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở vùng đồng bào DTTS đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận, tuy nhiên vẫn có các khó khăn, hạn chế nhất định ảnh hưởng đến quá trình phát triển văn hóa, thể thao vùng DTTS.

Các hạn chế đó thể hiện rõ nét qua sự tản mạn, dàn trải, thiếu tính đồng bộ của chính sách. Trong đó, một số chính sách có mục tiêu lớn, nhưng thời gian thực hiện ngắn và thường gắn với nhiệm kỳ nên dẫn đến tình trạng gián đoạn và gây khó khăn cho việc huy động, phân bổ, sử dụng, quản lý các nguồn lực. Một số nội dung chính sách chưa thực sự phù hợp với đặc điểm vùng, miền, văn hóa tộc người, do vậy chưa phát huy hiệu quả nội lực của địa phương và người dân (Hầu A Lành, 2023).

Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 là chương trình MTQG lần đầu tiên được phê duyệt dành riêng cho vùng đồng bào DTTS&MN, đồng thời là chương trình có tổng nguồn lực đầu tư từ ngân sách Nhà nước lớn nhất hiện nay. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, việc triển khai các nội dung của Chương trình, cụ thể là Dự án 6, vẫn chậm so với kế hoạch. Một số nội dung đã được quy định trong các văn bản hướng dẫn thực hiện nhưng địa phương vẫn gặp khó khăn khi triển khai. Tại các địa phương, việc phân bổ vốn đầu tư đối với một số dự án, đặc biệt là đối với việc phát triển thiết chế văn hóa, tôn tạo, phục hồi di tích, xây dựng làng văn hóa hay các điểm thể thao cộng đồng, truyền thống còn dàn trải, gây khó khăn trong quá trình triển khai.

Theo đánh giá của Ủy ban Văn hóa, Giáo dục Quốc hội đối với CTMTQG, sau hơn 2 năm triển khai, các nội dung Dự án 6, trong đó có vấn đề phát triển thiết chế văn hóa, thể thao còn tồn tại một số bất cập như: i) Một số nội dung hướng dẫn thực hiện dự án còn chưa rõ ràng hoặc chưa phù hợp với đặc thù của địa phương; ii) Công tác chuẩn bị, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thành phần của Dự án được triển khai chậm; iii) Các địa phương còn lúng túng trong xây dựng định mức, phân bổ kinh phí cho các nhiệm vụ thành phần của Dự án; iv) Mục tiêu đặt ra cao trong khi nguồn lực chưa đáp ứng yêu cầu (Nguyễn Thị Mai Thoa, 2023).

Cùng với đó, đến thời điểm hiện nay, các cơ chế chính sách thu hút đầu tư (tài chính) vẫn chưa tạo động lực mạnh mẽ thu hút nhà đầu tư trong lĩnh vực phát triển thiết chế văn hóa, thể thao. Một số mô hình đối tác công – tư (PPP) hiệu quả về bảo tồn và phát triển thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở tại các nước tiên tiến chưa được nghiên cứu, thí điểm áp dụng tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Sự tham gia của cộng đồng và người dân vùng đồng bào DTTS trong vấn đề đầu tư, phát triển thiết chế văn hóa, thể thao còn hạn chế, manh mún.

3.2. Một số vấn đề đặt ra

Để chính sách và nguồn lực đầu tư cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao vùng đồng bào dân tộc thiểu số thực sự hiệu quả, trong thời gian tới, các Bộ/Ngành, địa phương cần quan tâm đến một số vấn đề cụ thể như sau:

Về chính sách: i) Tiếp tục cụ thể hoá chủ trương nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện các chính sách “Phát triển kinh tế văn hóa”, trong đó coi thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở là nguồn lực để phát triển kinh tế, là cơ sở để bảo tồn các giá trị văn hóa tộc người. ii) Đầu tư phát triển thiết chế văn hóa, thể thao các dân tộc thiểu số nhất thiết phải được đặt trong môi trường sinh hoạt văn hóa cộng đồng. Phát huy vai trò của cộng đồng trong tổ chức các hoạt động thực hành văn hóa. iii) Có chính sách phát huy vai trò của chủ thể văn hóa trong bảo tồn và phát triển bền vững. Đổi mới tư duy, nâng cao chất lượng chính sách về thiết chế văn hóa, thể thao hướng đến các hoạt động thực hành văn hóa thiết thực, hiệu quả.

Về nguồn lực tài chính cần nghiên cứu, đa dạng hoá phương thức huy động vốn, để tăng nguồn tài chính cho đầu tư phát triển thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở vùng đồng bào DTTS theo các kênh: i) Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước; ii) Nguồn vốn tín dụng (bao gồm cả tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước); iii) Nguồn vốn đầu tư từ doanh nghiệp; iv) Nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài và nguồn hỗ trợ phát triển chính thức.

Về con người: i) Triển khai nghiên cứu đánh giá năng lực và nhu cầu thực hành phát triển thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, đặc biệt đối với các loại hình thể thao, văn hóa tộc người truyền thống tốt đẹp. ii) Xây dựng kế hoạch cụ thể về dinh dưỡng và thể thao cải tạo vóc dáng, nâng cao thể trạng đồng bào DTTS./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Chính trị (2019), Kết luận số 65-KL/TW, ngày 30-10-2019, của Bộ Chính trị, “Về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về Công tác dân tộc trong tình hình mới”.
2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2014), Thông tư số 12/2014/TT-BVHTTDL ngày 10/10/2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
3. Quốc hội (2018), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11. Luật số: 26/2018/QH14.
4. Quốc hội (2020), Nghị quyết số 120/2020/QH14, ngày 19-6-2020, của Quốc hội khóa XIV, về “Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030”.
5. Quốc hội (2020), Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.
6. Hầu A Lệnh – Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc (2023), Huy động, phân bổ, sử dụng, quản lý hiệu quả nguồn lực để đầu tư phát triển, tạo sự chuyển biến căn bản về kinh tế, xã hội, văn hóa ở vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số, <https://www.tapchiconsan.org.vn>, 06/12/2023.
7. Nguyễn Thị Mai Thoa – Ủy viên Thường trực Ủy ban Văn hóa, Giáo dục Quốc hội (2023), Góc nhìn: Thực hiện các mục tiêu về phát triển văn hóa trong Chương trình MTQG xây dựng NTM và Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và MN. <https://quochoi.vn>, 29/11/2023.
8. Y Thông – Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc (2023), Ưu tiên mọi nguồn lực hỗ trợ, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số; <https://www.xaydungdang.org.vn/nhan-quyen-va-cuoc-song>, 21/1/2023.
9. Đỗ Văn Trụ (2022), Vai trò của Di sản văn hóa trong xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, <https://dangcongsan.vn/tu-tuong-van-hoa>, 28/11/2022.

NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO NHÌN TỪ GÓC ĐỘ PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA VỐN XÃ HỘI

TS. Vũ Thị Thu Hằng - ThS. Nguyễn Thị Vân Anh

Viện Triết học

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

1. Thiết chế văn hóa và tầm quan trọng của việc phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

Nói đến thiết chế văn hóa là nói đến chính thể văn hóa bao gồm cơ sở vật chất, bộ máy tổ chức, hệ thống biện pháp hoạt động và kinh phí hoạt động cho các thiết chế đó¹. Trong đó, cơ sở vật chất của hệ thống thiết chế văn hóa bao hàm các cơ sở văn hóa và thể thao² đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp không gian cho mọi người thể hiện sự sáng tạo, tham gia vào các hoạt động văn hóa và thể thao, cũng như tiếp cận với tài liệu, tác phẩm nghệ thuật và di sản văn hóa. Các cơ sở văn hóa và thể thao được tổ chức ở cấp địa phương, từ các thôn, xã, phường, thị trấn, quận, huyện, thành phố, tỉnh đến trung ương. Ngoài ra, còn có các cơ sở văn hóa và thể thao thuộc các bộ, ngành, đoàn thể và lực lượng vũ trang, phục vụ cộng đồng, công nhân, viên chức và người lao động. Theo quy định, những cơ sở này phải được trang bị, tổ chức và có đủ cán bộ có trình độ để hoạt động một cách hiệu quả. Cơ sở vật chất của thiết chế văn hóa góp phần tạo ra môi trường văn hóa và thể thao phong phú, đa dạng cho nhân dân gặp gỡ, trao đổi thông tin, rèn luyện cơ thể và duy trì sức khỏe, qua đó, xây dựng tinh thần đoàn kết, học hỏi và gìn giữ giá trị văn hóa. Cơ sở vật chất là yếu tố rõ ràng nhất trong hệ thống thiết chế văn hóa và tương quan với các yếu tố phi vật chất khác. Nó đáp ứng nhu cầu của cộng đồng và góp phần vào việc phát triển văn hóa và tinh thần xã hội.

Bên cạnh yếu tố cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa còn bao gồm cả các yếu tố về tổ chức, chính sách và quy định liên quan đến văn hóa và thể thao trong xã hội. Điều này có thể bao gồm việc xây dựng các chương trình giáo dục văn hóa, quy định về bản quyền và sở hữu trí tuệ, các biện pháp bảo vệ di sản văn hóa, và cả các chính sách thể thao và thể dục. Nó được thiết lập để đáp ứng nhu cầu sáng tạo, giáo dục, trao đổi, giải trí và bảo tồn văn hóa của mọi người trong xã hội.

Nhìn chung, hệ thống thiết chế văn hóa giữ vai trò nòng cốt trong tổ chức các hoạt động tuyên truyền nhiệm vụ chính trị, xã hội ở địa phương; là cơ sở vật chất, công cụ trực tiếp và đặc lực của cấp ủy, chính quyền trong lãnh đạo quản chúng thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Các quan điểm, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước có đến được với đại đa số quần chúng nhân dân hay không một phần quan trọng là nhờ ở hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở. Đây cũng là nơi để

¹ Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, tập 4, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2005, tr.28.

² Rap hát, nhà hát, trung tâm văn hóa, thư viện, bảo tàng, sân vận động và các khu vực công cộng khác.

nhân dân “tăng thêm sức đề kháng” đối với những luận điệu sai trái, chống phá cách mạng, chống phá Đảng và Nhà nước... trong tình hình nước ta vẫn phải cảnh giác, đấu tranh với âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

Thêm nữa, thiết chế văn hóa còn đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng xã hội công bằng, đa dạng và phát triển. Nó thúc đẩy sự hiểu biết, tôn trọng và tương tác giữa các nhóm dân tộc, giai cấp và tầng lớp khác nhau. Đồng thời, các thiết chế văn hóa cũng đóng góp vào việc xây dựng một nền văn hóa đổi mới và sáng tạo, khuyến khích sự thay đổi và tiến bộ trong xã hội. Trên tất cả, thiết chế văn hóa là một yếu tố quan trọng để tạo ra một môi trường sống giàu có về mặt văn hóa, thể thao và giải trí cho mọi người. Nó góp phần vào sự phát triển cá nhân, sự hài lòng và trải nghiệm cuộc sống của mỗi người, đồng thời đóng góp vào sự phát triển bền vững và thịnh vượng của xã hội.

2. Vốn xã hội - nguồn lực phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

Nói đến vốn xã hội là nói đến tổng hợp các nguồn lực, các tài nguyên xã hội hữu hình hay vô hình mà mỗi cá nhân mang lại cho cộng đồng thông qua sự tương tác, trao đổi giữa cá nhân, gia đình, cộng đồng và các tổ chức xã hội³. Các mối quan hệ xã hội này như Putnam nhấn mạnh đó là những mạng lưới xã hội, những quy tắc cho phép cá nhân và tập thể giải quyết các vấn đề chung của cộng đồng. Thông qua các mối quan hệ xã hội này, niềm tin và các chuẩn mực xã hội được hình thành, làm cơ sở để mọi người gắn kết và hỗ trợ lẫn nhau trong cuộc sống⁴. Chính vì vậy, vốn xã hội có thể được xem như một tập hợp các giá trị được chia sẻ, cho phép cá nhân hoặc nhóm cá nhân hợp tác và làm việc cùng nhau một cách hiệu quả để đạt được mục tiêu chung. Do đó, dưới góc độ phát triển thiết chế văn hóa, thể thao việc phát huy vai trò của vốn xã hội chính là thúc đẩy vai trò của mạng lưới xã hội, mối quan hệ xã hội, và các chuẩn mực xã hội đối với các thiết chế văn hóa, nhằm tạo ra sự kết nối bền vững giữa các cá nhân, cộng đồng, thiết chế trong phát triển bền vững. Cụ thể, việc phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao dưới góc nhìn phát huy vai trò vốn xã hội được thể hiện ở những khía cạnh sau:

Thứ nhất, vốn xã hội thúc đẩy cơ chế hợp tác bền vững giữa các thiết chế văn hóa, thể thao:

Trước hết, với tư cách là một nguồn lực, trên cơ sở của sự tin tưởng, hiểu biết, chia sẻ lẫn nhau, vốn xã hội góp phần xây dựng, giữ gìn và phát huy các mạng lưới quan hệ xã hội, các quy tắc và sự ủng hộ tán thành trong cộng đồng, tạo điều kiện cho sự hợp tác giữa cá nhân và cộng đồng trở nên dễ dàng hơn, bền chặt hơn và qua đó, các hoạt động của thiết chế văn hóa được lan truyền, phổ biến sâu rộng đến các cá nhân, nhóm xã hội, tổ chức. Các nghiên cứu cho thấy rằng các quy tắc “có đi có lại” khiến mọi người tin tưởng và giúp đỡ lẫn nhau, và mạng lưới tham gia dày đặc

³ Đó có thể là mối quan hệ gia đình, mối quan hệ hàng xóm, mối quan hệ trong trường học, mối quan hệ trong nghề nghiệp, và nhiều hình thức mối quan hệ khác. Những mối quan hệ này đóng góp vào việc xây dựng mạng lưới xã hội và tạo ra những giá trị xã hội như lòng tin, sự hỗ trợ, thông tin, kiến thức, cơ hội và quyền lợi. Đồng thời, vốn xã hội cũng có thể bị hạn chế hoặc thiếu hụt. Nếu một cá nhân hoặc một nhóm không có mối quan hệ xã hội mạnh mẽ, không được hỗ trợ và không có quyền lợi xã hội, họ có thể gặp khó khăn trong việc tiếp cận các cơ hội và tài nguyên, và có thể bị bỏ lại phía sau trong sự phát triển xã hội.

⁴ Dẫn theo: Nguyễn Trung (2006), *Bàn về vốn xã hội*, Tạp chí Tia sáng, số 14; 20.7.2006

của người dân khuyến khích mọi người tham gia vào các nỗ lực tham gia vào các thiết chế văn hóa. Do đó, các chuẩn mực và mạng lưới như vậy thường được coi là cơ sở căn bản trong việc huy động vốn xã hội đối với các phát triển các thiết chế văn hóa. Bản thân vốn xã hội đã bao hàm kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm và mối quan hệ xã hội mà một cá nhân hoặc một cộng đồng tích lũy và sở hữu các nguồn lực văn hóa. Nó đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành, tham gia và phát triển các thiết chế văn hóa. Qua sự tương tác và giao tiếp trong các mối quan hệ này, cá nhân và cộng đồng có thể trao đổi kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ lẫn nhau trong sinh hoạt tại các thiết chế văn hóa ở địa phương.

Vốn xã hội không chỉ có tính cá nhân mà còn có tính tập thể. Một thiết chế văn hóa có thể tích lũy vốn xã hội thông qua việc chia sẻ, truyền tải và bảo tồn kiến thức và giá trị văn hóa. Vốn xã hội của một cộng đồng có thể ảnh hưởng đến sự phát triển và sự đổi mới của cả cá nhân và cộng đồng khi tham gia vào các thiết chế văn hóa.

Thực tế, hiện nay ở nước ta, các thiết chế văn hóa cũng được tổ chức theo cấu trúc gắn kết chặt chẽ từ trung ương đến địa phương. Điều này tạo ra sự nhất quán trong hoạt động, cũng như đảm bảo mức độ thụ hưởng các giá trị văn hóa của người dân một cách tối đa, công bằng nhất. Theo số liệu năm 2021, nước ta ở cấp tỉnh, cả nước có 67 thiết chế văn hóa (Trung tâm văn hóa, Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật, Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh, Trung tâm Thông tin triển lãm...). Cấp huyện có 683 quận, huyện có Trung tâm Văn hóa - Thể thao hoặc Nhà văn hóa, đạt tỷ lệ khoảng 91,3%. Cấp xã là 7.194 xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hóa - Thể thao đạt tỷ lệ khoảng 73,2%. Cấp thôn là 75.327 làng, thôn, ấp, bản... có Nhà văn hóa, đạt tỷ lệ 74,4%. Bên cạnh đó, có 34 Nhà văn hóa lao động cấp tỉnh do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chỉ đạo: 32 Nhà văn hóa lao động cấp huyện: 31; Nhà văn hóa cấp tỉnh thuộc quân đội; 09 Nhà văn hóa do Công an nhân dân quản lý; 68 Nhà văn hóa cấp tỉnh và 168 Nhà văn hóa cấp huyện do Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phụ trách. Ngoài ra, các ngành: Than, Gang-thép, Giấy, Cao su... cũng đều có Nhà văn hóa phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí của công nhân lao động⁵. Những thiết chế văn hóa này cũng đồng thời tạo thành các mạng lưới liên kết các hoạt động văn hóa từ trung ương đến địa phương và từ những mạng lưới thiết chế văn hóa sẵn có, cộng với hoạt động của các nhóm, tổ chức xã hội, câu lạc bộ văn hóa, thể thao không chính thức tồn tại trong cộng đồng mà các hoạt động văn hóa được chia sẻ, được phổ biến một cách nhanh chóng, sâu sắc đến các thành viên, tạo ra sức mạnh văn hóa tổng hợp cho sự phát triển.

Thứ hai, vốn xã hội cung cấp nguồn lực để xây dựng và duy trì các thiết chế văn hóa, thể thao:

Mạng lưới quan hệ xã hội và các quy tắc được tán thành trong cộng đồng đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành và duy trì các hoạt động của thiết chế văn hóa. Mạng lưới quan hệ xã hội trong cộng đồng là một mạng lưới phức tạp của các mối quan hệ giữa cá nhân, tổ chức và tập thể khác nhau. Mạng lưới này đóng vai trò như một kết nối, tạo điều kiện cho giao tiếp, trao đổi thông tin và hỗ trợ lẫn

⁵ Dẫn theo Đặng Thị Tuyết (2021), *Quản lý thiết chế văn hóa cơ sở: thực trạng và giải pháp*, Tạp chí Văn hóa, số 473, tháng 9-2021.

nhau. Khi có một mạng lưới quan hệ phong phú, các thành viên sẽ có nhiều cơ hội tiếp cận các nguồn lực cho các thiết chế văn hóa bằng nhiều cách khác nhau. Từ những mạng lưới này, các cá nhân và tập thể có nhiều mối quan hệ xã hội sẽ có khả năng tiếp cận một loạt các nguồn lực cho các thiết chế văn hóa một cách đa dạng, bao gồm kiến thức, kỹ năng, tài trợ và hỗ trợ từ cộng đồng. Cụ thể, các thành viên tại các thiết chế văn hóa có mối quan hệ xã hội đa dạng sẽ có khả năng tiếp cận các nguồn lực văn hóa phong phú. Nhờ vào mạng lưới quan hệ xã hội của mình, họ có thể chia sẻ và trao đổi kiến thức, kỹ năng và tài nguyên với những người khác trong các thiết chế văn hóa, thể thao. Ví dụ, thông qua mối quan hệ với các thành viên trong các thiết chế văn hóa có thể tiếp cận các chương trình đào tạo, hội thảo và sự kiện văn hóa tại đây. Họ cũng có thể nhận được hỗ trợ tài chính và tài trợ từ các nhà tài trợ và tổ chức trong cộng đồng khi tham gia các hoạt động tại thiết chế văn hóa.

Ngoài ra, mạng lưới quan hệ xã hội cũng cung cấp một môi trường cho việc chia sẻ kinh nghiệm và học hỏi từ những người khác như là một nguồn tài nguyên vô hình tại các thiết chế văn hóa. Các thành viên có thể học từ những thành các mạng lưới xã hội và quy tắc đóng vai trò quan trọng trong việc định hình và duy trì các hoạt động của các thiết chế văn hóa. Họ cung cấp nguồn lực đa dạng cho việc xây dựng và duy trì các thiết chế văn hóa. Cá nhân và tập thể có nhiều mối quan hệ xã hội sẽ có khả năng tiếp cận kiến thức, kỹ năng, tài trợ và hỗ trợ khi tham gia các thiết chế văn hóa tại địa phương. Hiện nay, mạng lưới các thiết chế văn hóa tư nhân nhất là ở lĩnh vực bảo tàng, nhà hát, sân khấu, rạp chiếu phim, các thiết chế đang được phát triển khá mạnh mẽ. Mạng lưới này đã góp phần tạo ra nguồn lực mới để nâng cao chất lượng của các thiết chế văn hóa nói chung, cũng như đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng phong phú của người dân. Như theo số liệu của Cục điện ảnh, năm 2016, cả nước có 34 rạp của các công ty tư nhân Việt Nam, còn lại 46 rạp thuộc công ty liên doanh nước ngoài trên tổng 138 rạp chiếu phim⁶. Nhiều rạp chiếu phim chất lượng như CGV, Lalaxy, Platinum trải dài các tỉnh thành trên cả nước đã cung cấp các hoạt động giải trí, sinh hoạt văn hóa lành mạnh cho các tầng lớp nhân dân, nhất là nhu cầu giải trí của giới trẻ.

Bên cạnh đó, lĩnh vực bảo tàng cũng thu hút sự quan tâm của nhiều cá nhân, tổ chức. Ngày càng nhiều các cá nhân, tổ chức hợp tác với nhau xây dựng cho mình những bảo tàng riêng, lưu giữ kỷ vật, câu chuyện truyền cảm hứng đến với người xem vừa để gìn giữ giá trị truyền thống dân tộc, vừa thoả mãn những ước vọng cá nhân như bảo tàng về không gian văn hóa Mường, Bảo tàng Mỹ thuật tư nhân của các nghệ sỹ, bảo tàng Áo dài, bảo tàng Gốm, bảo tàng nhiếp ảnh. Ngoài ra, thư viện tư nhân cũng thu hút sự quan tâm, đầu tư, xây dựng của các gia đình, dòng họ, cá nhân, hiện nay, có khoảng 100 thư viện tư nhân phục vụ cộng đồng phục vụ tối đa nhu cầu văn hóa của người dân, nhất là ở các khu vực xa trung tâm, vùng sâu xa.

Thứ ba, vốn xã hội tạo điều kiện cho sự hợp tác và giao lưu giữa các thành viên trong các thiết chế văn hóa, thể thao:

Sự hợp tác và giao lưu là những yếu tố quan trọng trong việc xây dựng và

⁶ Xem <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/thuc-tien/item/4606-thiet-che-van-hoa-tu-nhan-va-van-de-dat-ra-trong-cong-tac-quan-ly.html>, truy cập ngày 19 tháng 1 năm 2024.

phát triển các thiết chế văn hóa. Khi các thành viên bao gồm cả cá nhân, tổ chức và cộng đồng hợp tác và giao lưu với nhau, họ có thể chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm, ý tưởng và tài nguyên để tạo ra, truyền bá và duy trì các giá trị văn hóa từ đó tạo ra các mạng lưới quan hệ. Mạng lưới quan hệ xã hội trong thiết chế văn hóa đóng vai trò như một cầu nối giữa các thành viên, tạo điều kiện cho họ giao tiếp, trao đổi thông tin và hỗ trợ lẫn nhau. Ngoài ra, các quy tắc xã hội được hình thành cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra sự tin tưởng, sự cộng tác và sự chia sẻ thông tin giữa các thành viên trong thiết chế văn hóa. Những quy tắc này xác định các hành vi và trách nhiệm xã hội của các cá nhân và tập thể trong thiết chế văn hóa. Chúng giúp định hình một môi trường tại các thiết chế văn hóa ổn định và đáng tin cậy, nơi mọi người có thể tin tưởng và hỗ trợ lẫn nhau. Sự hợp tác và giao lưu trong thiết chế văn hóa có thể thể hiện qua nhiều hoạt động và hình thức khác nhau. Đó có thể là việc chia sẻ thông tin và kinh nghiệm, hỗ trợ lẫn nhau trong công việc và cuộc sống, tham gia vào các hoạt động xã hội và văn hóa, và thực hiện các dự án và chương trình văn hóa. Đặc biệt, trong việc phát triển các thiết chế văn hóa, sự hợp tác và giao lưu giữa các cá nhân là điều kiện quan trọng để tạo ra và duy trì các giá trị văn hóa, bảo tồn di sản văn hóa và khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới văn hóa. Trong tổng thể, vốn xã hội trong cộng đồng tạo điều kiện cho sự hợp tác và giao lưu qua mạng lưới quan hệ và các quy tắc hoạt động tại các thiết chế văn hóa. Sự hợp tác và giao lưu này là cốt lõi trong việc phát triển các thiết chế văn hóa, vì nó tạo ra môi trường cho việc chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và tài nguyên giữa các thành viên. Bằng cách tạo ra sự tin tưởng và cộng tác, các thành viên trong thiết chế này có thể xây dựng, truyền tải và duy trì các giá trị văn hóa tại đây.

Thứ tư, vốn xã hội góp phần xây dựng và thúc đẩy sự đổi mới và sáng tạo trong các thiết chế văn hóa, thể thao:

Các mạng lưới, quan hệ xã hội có thể cung cấp nguồn cảm hứng, ý tưởng mới và thông tin quan trọng cho các thành viên trong thiết chế văn hóa. Sự tương tác và trao đổi thông tin giữa các thành viên trong mạng lưới quan hệ tại các thiết chế văn hóa có thể tạo ra môi trường thuận lợi để nảy sinh các ý tưởng mới, khám phá và đổi mới trong lĩnh vực văn hóa. Vốn xã hội còn có thể đóng vai trò trong việc tạo ra môi trường thuận lợi cho sự sáng tạo và đổi mới trong thiết chế văn hóa. Các mạng lưới quan hệ xã hội có thể cung cấp nguồn cảm hứng, ý tưởng mới và thông tin quan trọng cho các cá nhân và tập thể trong các thiết chế này. Sự tương tác và trao đổi thông tin giữa các thành viên trong mạng lưới quan hệ xã hội tại các thiết chế văn hóa có thể tạo ra một môi trường động, khuyến khích sự nảy sinh các ý tưởng mới, khám phá và đổi mới trong các thiết chế văn hóa.

Xu thế hiện nay có rất nhiều các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, đoàn thể nhân dân tham gia vào công tác xã hội hoá văn hóa, đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao gắn với phát triển kinh tế. từ đó, xây dựng và tổ chức hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đặc biệt là các thiết chế văn hóa ở cơ sở, vùng sâu, xa, khu công nghiệp, công nghiệp nhằm rút ngắn khoảng cách về hưởng thụ văn hóa trong nhân dân giữa các vùng miền, điều này đã góp phần tạo lập không gian văn hóa đa dạng, bình đẳng đáp ứng nhu cầu chính đáng của người dân. Quảng Ninh được biết đến là một trong những địa phương đi đầu trong công tác xã hội hóa

trong xây dựng thiết chế văn hóa - thể thao, nhiều doanh nghiệp đã đầu tư, tài trợ cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thi đấu thể dục, thể thao góp phần nâng cao mức sống văn hóa tinh thần cho nhân dân và đã đáp ứng được phần nào nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân: Sân bóng đá các công ty than, các sân golf, khu vui chơi của Công ty TNHH Hà Lan (Đông Triều), Công ty CP Tân Việt Bắc (Quảng Yên), Công ty CP Ngôi sao xanh tại Cẩm Phả. Ngoài ra còn có 4 điểm chiếu phim, 18 sân tennis, 144 bể bơi, 133 sân bóng đá cỏ nhân tạo... do doanh nghiệp và tư nhân xây dựng, góp phần làm phong phú thêm hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao. Và điển hình như Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam cũng xây dựng tại Quảng Ninh 41 công trình như: Sân vận động, sân bóng đá mi ni cỏ nhân tạo, sân tennis nhà luyện tập bóng bàn, cầu lông, nhà sinh hoạt công nhân⁷.

Bên cạnh đó, nhiều mô hình văn hóa sáng tạo được nhiều nhóm xã hội trẻ phát triển đã tạo ra sự cộng hưởng to lớn trong xã hội như các mô hình sử dụng công nghệ vào các hoạt động giải trí, vẽ tranh 3D, dùng ánh sáng trình chiếu nghệ thuật, hay Ha Noi Rock City một sân khấu cho các nghệ sĩ trẻ thử nghiệm các sản phẩm nghệ thuật mới mẻ, hay các trung tâm nghệ thuật như Luilo Arts & Crafts, Saigon Print shop... là nơi các mạng lưới thiết chế văn hóa tư nhân mới được tạo ra, nhằm mang lại không gian sáng tạo không giới hạn cho các bạn trẻ phát triển khả năng của mình, định hình giá trị Việt Nam trong xu thế phát triển mới.

Thứ năm, vốn xã hội góp phần bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống trong các thiết chế văn hóa:

Các mạng lưới quan hệ xã hội và quy tắc trong cộng đồng có thể đóng vai trò quan trọng trong việc truyền đạt kiến thức, thực hành và giá trị văn hóa từ thế hệ này sang thế hệ khác. Sự kết nối và tương tác xã hội giữa các thành viên trong các thiết chế văn hóa là yếu tố quan trọng để duy trì và phát triển các thiết chế văn hóa truyền thống, từ việc truyền thống kiến thức đến bảo tồn các nghệ thuật và di sản văn hóa. Có thể nói, vốn xã hội còn đóng vai trò quan trọng trong việc giữ gìn và phát triển các giá trị văn hóa truyền thống. Các mạng lưới quan hệ xã hội và quy tắc trong thiết chế văn hóa có thể giúp bảo tồn và chuyển giao kiến thức, thực hành và giá trị văn hóa từ thế hệ này sang thế hệ khác. Sự kết nối và tương tác xã hội giữa các thành viên trong cộng đồng là yếu tố quan trọng để duy trì và phát triển các thiết chế văn hóa truyền thống.

Kết luận

Tóm lại, vốn xã hội đóng vai trò quan trọng trong phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao không chỉ ở mức độ cá nhân mà còn ở mức độ cộng đồng. Ở mức độ cộng đồng, vốn xã hội tạo ra một môi trường thuận lợi để các cá nhân và tập thể có thể giao lưu, hợp tác và chia sẻ thông tin với nhau. Mạng lưới quan hệ xã hội trong thiết chế văn hóa, thể thao cung cấp các kênh giao tiếp và tương tác, từ đó tạo điều kiện cho việc truyền bá và trao đổi các giá trị văn hóa giữa các thành viên. Các thành viên có thể học hỏi từ nhau, tạo ra sự đa dạng và sáng tạo trong các hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao. Vốn xã hội cũng đóng vai trò quan trọng trong việc xây

⁷ Xem <https://quangninh.gov.vn/chuyen-de/chuyendoiso/Trang/ChiTietTinTuc.aspx?nid=122809>, truy cập ngày 19/1/2023.

dựng và thúc đẩy sự phát triển cá nhân. Các mối quan hệ xã hội và sự tương tác với cộng đồng có thể cung cấp hỗ trợ, khuyến khích và thúc đẩy sự phát triển cá nhân trong lĩnh vực văn hóa, thể thao. Bằng cách tham gia vào các mạng lưới quan hệ xã hội, cá nhân có thể tiếp cận nguồn lực văn hóa, nhận được sự hỗ trợ và khuyến khích từ cộng đồng, và phát triển kỹ năng và kiến thức trong lĩnh vực văn hóa, thể thao một cách tốt hơn./.

PHÁT HUY NGUỒN LỰC, ĐẨY MẠNH XÃ HỘI HÓA HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

PGS, TS. Cao Thu Hằng

Tạp chí Cộng sản

TS. Đỗ Thị Bích Thảo

Học viện An ninh nhân dân

Thiết chế văn hóa, thể thao được coi là các cơ sở, các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao. Các cơ sở, tổ chức này cần bao gồm các yếu tố cơ sở vật chất, bộ máy tổ chức, nhân sự, kinh phí hoạt động, cơ chế quản lý. Theo nghĩa này, thiết chế văn hóa, thể thao là tương đối đa dạng, bao gồm nhiều loại hình khác nhau, như nhà văn hóa, bảo tàng, sân vận động, thư viện, các nhà hát, rạp chiếu phim... Về các loại hình, có loại hình thiết chế văn hóa ở cấp xã, có loại hình ở cấp huyện, tỉnh, thành và Trung ương; có thiết chế văn hóa, thể thao dành cho các đối tượng khác nhau, như thanh thiếu niên, người cao tuổi; có thiết chế văn hóa, thể thao của người lao động, lực lượng vũ trang,...

Bao gồm nhiều cơ sở, tổ chức và với tính chất đặc thù, các thiết chế văn hóa, thể thao có vai trò quan trọng trong việc nâng cao đời sống tinh thần, thể chất của nhân dân. Đây là nơi mà người dân có thể đến sinh hoạt, tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao. Đây cũng là nơi tuyên truyền các chủ trương, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; đồng thời, là nơi người dân có thể đưa ra tiếng nói của mình đối với chính quyền về các vấn đề liên quan đến hoạt động của chính quyền, các hoạt động liên quan đến lợi ích của người dân. Các thiết chế văn hóa, thể thao cũng là nơi người dân tham gia sinh hoạt các hoạt động tập thể, cộng đồng, tạo sự gắn kết giữa người dân với nhau. Trong bối cảnh đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, các thiết chế văn hóa, thể thao cũng góp phần nâng cao đời sống kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội. Với nghĩa đó, thiết chế văn hóa, thể thao luôn được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, của các tầng lớp nhân dân.

Xã hội hóa hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao trong bối cảnh hiện nay

Có thể thấy, "xã hội hóa" là cụm từ được sử dụng nhiều trong các ngành khoa học, các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Thông thường, "xã hội hóa" được coi là quá trình cá nhân gia nhập vào đời sống xã hội và thông qua đó, cá nhân tiếp nhận những giá trị xã hội để trở thành một nhân cách, một thành viên hòa nhập với xã hội.

Ở Việt Nam, bên cạnh việc hiểu theo cách như vậy, thì "xã hội hóa" còn được hiểu theo nghĩa khác. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII* khẳng định: "Các vấn đề chính sách xã hội đều giải quyết theo tinh thần xã hội hóa. Nhà nước giữ vai trò nòng cốt, đồng thời động viên mỗi người dân, các doanh nghiệp, các tổ

¹ Xem thêm: Quyết định số 2164/QĐ-TTg, ngày 11/11/2014, của Thủ tướng Chính phủ, Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030.

chức trong xã hội, các cá nhân và các tổ chức nước ngoài cùng tham gia giải quyết những vấn đề xã hội"². Trong *Nghị quyết 90 CP của Chính phủ* ban hành ngày 21/8/1997, *Về phương hướng và chủ trương xã hội hoá trong các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa*, "xã hội hóa" được sử dụng theo nghĩa: "Xã hội hoá các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa là vận động và tổ chức sự tham gia rộng rãi của nhân dân, của toàn xã hội vào sự phát triển các sự nghiệp đó nhằm từng bước nâng cao mức hưởng thụ về giáo dục, y tế, văn hóa và sự phát triển về thể chất và tinh thần của nhân dân"³. Quyết định số 2164/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 11-11-2013 về *Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030*, đã nhấn mạnh: "Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao ở cơ sở gắn với mở rộng dịch vụ và thị trường: Huy động sự đóng góp của các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội, các tổ chức phi Chính phủ, các đoàn thể, nhân dân và tài trợ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài để xây dựng và tổ chức hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đặc biệt là các Nhà Văn hóa - Khu Thể thao ở thôn, Khu vui chơi giải trí, Trung tâm Văn hóa - Thể thao trong các Khu công nghiệp, Khu chế xuất. Thu hút các thành phần kinh tế đầu tư kinh doanh các dịch vụ văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí trong các thiết chế văn hóa, thể thao đã được Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật"⁴.

Với những điều đã trình bày như trên, có thể thấy, ngoài nghĩa là quá trình con người tham dự vào xã hội, ngày nay "xã hội hóa" còn được hiểu như là sự tham gia, đóng góp của người dân, của toàn xã hội, bên cạnh Nhà nước, về một vấn đề, một lĩnh vực cụ thể nào đó. Đó có thể là lĩnh vực y tế và giáo dục, văn hóa, cũng có thể là xây dựng cơ sở hạ tầng, như cầu cống, điện, đường xá,... Ở đây, ngoài việc ngân sách Nhà nước không thể bao cấp hết toàn bộ các vấn đề của xã hội khi nhu cầu của con người ngày càng gia tăng, mà còn cho thấy đó là trách nhiệm của mỗi người trong sự phát triển xã hội và đối với chính bản thân mình. Sự bao cấp tràn lan trước kia không chỉ làm thâm hụt ngân sách, mà còn làm giảm sút trách nhiệm của mỗi người trong một số hoạt động. Do đó, "xã hội hóa" là một yêu cầu cần thiết, nó cho phép và tạo điều kiện để mọi người cùng tham gia giải quyết các vấn đề xã hội mà thông qua đó, nâng cao trách nhiệm của mỗi người.

Đối với lĩnh vực thiết chế văn hóa, thể thao, "xã hội hóa" là một trong những sách lược, chiến lược cụ thể của Đảng và Nhà nước nhằm huy động sự tham gia và đóng góp của các thành phần kinh tế, các cá nhân và tổ chức xã hội, các doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đời sống văn hóa tinh thần, thể chất của nhân dân; đồng thời, bảo đảm công bằng về cơ hội và hưởng thụ các giá trị văn hóa, tinh thần của mọi tầng lớp nhân dân ở các khu vực, vùng, miền trên đất nước.

Từ những điều đã trình bày như trên, có thể khái quát những nội dung cơ bản của xã hội hóa hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao ở Việt Nam:

² Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.114.

³ Xem: Nghị quyết 90 CP của Chính phủ ban hành 1997.

⁴ Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 2164, ngày 11-11-2013, Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030.

- *Thứ nhất, cộng đồng hoá trách nhiệm, nghĩa vụ của các chủ thể.*

Cuộc sống của mỗi cá nhân, bên cạnh những điều kiện kinh tế - vật chất không thể thiếu, còn cần phải có những hoạt động tinh thần, thể chất. Chăm lo cho công tác này không chỉ là công việc riêng của Nhà nước, mà còn là trách nhiệm của các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp, người dân... Việc cộng đồng hóa trách nhiệm này có thể là những ý kiến đóng góp vào những dự thảo các nghị định/văn bản pháp quy sẽ được ban hành, những đóng góp trong việc thực hiện xã hội hóa, cùng nhau tháo gỡ những khó khăn. Hoặc là tham gia giám sát, phản biện những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến việc xây dựng và hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao.

- *Thứ hai, đa dạng hoá các loại hình.* Việc đa dạng hóa các loại hình thiết chế văn hóa, thể thao cũng là một yêu cầu cần thiết, bởi tính chất đa dạng của của mỗi khu vực, mỗi địa phương cần có những loại hình thiết chế văn hóa, thể thao phù hợp. Hoặc trong xã hội, có đối tượng có thể tự chi trả các hoạt động văn hóa, thể thao; có đối tượng không thể chi trả hoàn toàn, hoặc có những đối tượng cần có nguồn lực đầu tư của Nhà nước. Việc đa dạng hóa này đáp ứng nhu cầu của sự phát triển mỗi người, của sự đa dạng của đời sống kinh tế - xã hội đất nước. Nó tạo điều kiện cho người dân được nhiều cơ hội lựa chọn các hoạt động văn hóa, thể thao phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện sống của mình. Nhìn chung, khi đề cập đến sự đa dạng hóa các loại hình thiết chế văn hóa, thể thao, bên cạnh loại hình công lập, do Nhà nước quản lý, có thể kể đến các hình thức thiết chế văn hóa, thể thao tư nhân, nước ngoài...

- *Thứ ba, đa phương hoá các nguồn lực.* Nếu như trước đây, nguồn lực để phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao chủ yếu là của Nhà nước, thì ngày nay, với phương châm xã hội hóa, nguồn lực đó có thể được huy động từ ngân sách Nhà nước, hoặc từ các tổ chức xã hội, doanh nghiệp và người dân,... Các nguồn lực này góp phần đảm bảo cung cấp các cơ sở, trang thiết bị phục vụ cho các hoạt động văn hóa, thể thao, mà ngân sách Nhà nước đôi khi khó gánh nổi; đồng thời, nó cũng bảo đảm về nhân lực để vận hành các thiết chế văn hóa, thể thao, cũng như bù đắp những hạn chế của từng loại mô hình thiết chế văn hóa, thể thao công lập, dân lập hay nước ngoài gặp phải. Nhìn chung, có thể thấy, hiện nay, nguồn lực Nhà nước vẫn trợ giúp cho các thiết chế văn hóa, thể thao ở những khu vực mà điều kiện kinh tế- xã hội còn khó khăn, hoặc dành cho những đối tượng mà khả năng chi trả cho các hoạt động văn hóa, thể thao còn hạn chế, như thanh thiếu niên, người cao tuổi; hoặc những khu vực mà tư nhân không đầu tư do ít sinh lời; hoặc những khu vực mà cần huy động nhiều nguồn lực. Các đóng góp tư nhân, chủ yếu ở những nơi được coi là mô hình chất lượng cao, tiên tiến,... Nguồn nhân lực thì chủ yếu phụ thuộc vào các mô hình hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao là do Nhà nước, các tổ chức xã hội, doanh nghiệp và cộng đồng vận hành. Mô hình hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao hoạt động như thế nào thì nguồn nhân lực sẽ do Nhà nước, doanh nghiệp, hay cộng đồng quyết định, phân bổ, quản lý.

Xã hội hóa hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao chính là một biện pháp, một phương thức, cách làm nhằm đến mục tiêu làm cho hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao phát triển tốt hơn, chất lượng cao hơn. Đây không phải là một giải pháp ngắn hạn, “tình thế” trong khi nguồn lực Nhà nước dành cho lĩnh vực này còn có

hạn; trái lại, là một giải pháp lâu dài, mang tính chiến lược hướng đến thực hiện công bằng xã hội trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, làm cho mọi người dân được hưởng các quyền văn hóa; đồng thời, nâng cao hơn nữa ý thức trách nhiệm và tận dụng khả năng tham gia vào hoạt động văn hóa, thể thao của mọi tầng lớp nhân dân cũng như các tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác xã hội hóa hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao, trong những năm qua, việc thực hiện xã hội hóa hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao ở nước ta đã đạt được những thành tựu nhất định. Qua các kỳ đại hội Đảng, các *Nghị quyết 90 CP của Chính phủ* ban hành ngày 21/8/1997 *Về phương hướng và chủ trương xã hội hoá trong các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa; Nghị quyết 05/2005 /NQ-CP-Về đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục, thể thao; Quyết định số 2164/QĐ-TTg*, ngày 11-11-2013, của Thủ tướng Chính phủ, *Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030...*, đều khẳng định quyết tâm của Đảng và Nhà nước trong việc đẩy mạnh công tác xã hội hóa hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao. Trên thực tế, công tác xã hội hóa đã thu hút được sự tham gia đông đảo của các tầng lớp nhân dân, các doanh nghiệp, các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao. Bên cạnh thiết chế văn hóa, thể thao công lập, các loại hình thiết chế văn hóa, thể thao dân lập, tư nhân, hợp tác nước ngoài... cũng có bước phát triển nhất định. Các thiết chế văn hóa, thể thao ngoài công lập phát triển đã góp phần giảm tải nguồn lực Nhà nước để đầu tư vào những khu vực kém phát triển hơn, hoặc những khu vực sinh lời ít, cần nguồn lực lớn, mà các doanh nghiệp, cộng đồng không muốn hoặc không có khả năng thực hiện. Qua đó, đáp ứng được nhu cầu phát triển văn hóa, tinh thần, thể chất của đông đảo quần chúng nhân dân ở các khu vực, vùng, miền trong cả nước; góp phần bảo đảm công bằng, bảo đảm quyền văn hóa của nhân dân. Người dân cũng có nhiều tiếng nói phản biện hơn về những vấn đề liên quan đến các hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao, như việc xây dựng các thiết chế văn hóa cơ sở, thư viện, bảo tàng, vấn đề đầu tư nước ngoài đối với các thiết chế này. Ở những vùng sâu, vùng xa, vùng núi, như Tây Bắc, Tây Nguyên, đồng bằng sông Cửu Long,... các thiết chế văn hóa, thể thao được xây dựng mới nhiều, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân tham gia sinh hoạt văn hóa, thể thao, có kết cộng đồng. Nhiều thiết chế văn hóa, thể thao có sự đóng góp của các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội và đầu tư nước ngoài đang hoạt động tốt, như hoạt động của một số câu lạc bộ đá bóng, quần vợt, hãng phim tư nhân...

Nhìn tổng thể là như vậy, nhưng xét một cách kỹ càng, đi vào từng loại hình, từng khu vực, có thể thấy công tác xã hội hóa hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao cũng còn những hạn chế nhất định. Một cách chung nhất, hiện chưa nhiều thiết chế văn hóa, thể thao có quy mô lớn, mang tầm cỡ khu vực, thế giới, tạo dấu ấn, bản sắc Việt Nam. Cụ thể hơn, một số thiết chế văn hóa, thể thao công lập hoạt động chưa hiệu quả; cơ sở vật chất, trang thiết bị còn nghèo nàn, lạc hậu; chưa theo kịp với sự phát triển khoa học và công nghệ, nhu cầu của nhân dân⁵. Thiết chế văn

⁵ Theo thống kê, hiện nay cả nước có 67 thiết chế văn hóa cấp tỉnh; 683 quận, huyện có Trung tâm Văn hóa - Thể thao hoặc Nhà văn hóa, đạt tỷ lệ khoảng 91,3%; 7.194 xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hóa - Thể

hóa, thể thao khu vực tư nhân phát triển chưa mạnh, chủ yếu xuất hiện ở khu vực thành thị, vui chơi giải trí. Ở khu vực hợp tác nước ngoài, thiết chế văn hóa, thể thao chỉ tập trung ở một vài loại hình, thu hút một lượng người tham gia chưa đông đảo. Xét ở góc độ đối tượng là các tầng lớp dân cư, các thiết chế văn hóa, thể thao dành cho người cao tuổi, thiếu nhi, hay các thiết chế văn hóa, thể thao dành cho công nhân lao động ở các khu công nghiệp, khu chế xuất chưa nhiều⁶. Xét theo từng loại hình, một số thiết chế văn hóa, thể thao truyền thống, đặc biệt là thiết chế văn hóa, chưa được đầu tư xứng đáng từ nguồn lực Nhà nước và cũng chưa thu hút được các nguồn lực khác đầu tư vào, như các thiết chế văn hóa ở các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật truyền thống. Các thư viện, bảo tàng ngoài công lập xuất hiện còn lẻ tẻ, mang tính cá nhân⁷, chưa thu hút được các nguồn lực từ doanh nghiệp, cộng đồng.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên. Đó là thuật ngữ "xã hội hóa" đôi khi bị lạm dụng, chỉ được hiểu thuần túy là sự đóng góp kinh phí; các chính sách, pháp luật còn chưa đồng bộ, thống nhất, thể hiện sự lúng túng trong xã hội hóa hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao. Chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, một số hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ phải được thực hiện theo cơ chế đó, nhưng "thị trường hóa" loại hình thiết chế nào, đến đâu, tới mức độ nào thì hiện còn đang lúng túng. Văn hóa là một lĩnh vực nhạy cảm, quan trọng trong đời sống; những ảnh hưởng của văn hóa đến đời sống tư tưởng của mỗi người là rất lớn. Vì vậy, việc thận trọng trong xã hội hóa hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao là cần thiết. Song, cản trở khác với việc không thực hiện.

Một nội dung quan trọng của xã hội hóa hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao là đa dạng hóa các loại hình thiết chế văn hóa (công lập, tư nhân, nước ngoài), phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao ngoài công lập, để cùng với khu vực công lập, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần và kinh tế cho mọi người. Điều này không chỉ nhằm giảm tải các nguồn lực Nhà nước, mà còn gia tăng cơ hội cho các tầng lớp nhân dân, đáp ứng nhu cầu đa dạng và thu hút sự tham gia đông đảo của mọi người vào hoạt động phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao. Chủ trương thì đúng, nhưng việc thực hiện, triển khai còn mâu thuẫn, chưa có các chính sách đồng bộ đi kèm. Bởi, như chúng ta đều biết, muốn một chủ trương, chính sách nào đó thực hiện có hiệu quả thì cần có các chính sách khác đi kèm và có sự đồng bộ với các chủ trương, chính sách khác, thì chính sách cốt lõi mới có thể thực hiện mục tiêu của mình. Chẳng hạn, chủ trương xã hội hóa, huy động các nguồn lực ngoài Nhà nước để phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao, nhưng Luật Đầu tư công lại chưa cho phép hợp tác công tư trong lĩnh vực văn hóa. Điều này đã làm giảm sự hấp dẫn, gây khó khăn cho hợp tác công - tư trong lĩnh vực này. Yêu cầu về việc xây

thao đạt tỷ lệ khoảng 73,2%; 75.327 làng, thôn, ấp, bản... có nhà văn hóa, đạt tỷ lệ 74,4%. Hầu hết các trung tâm này hoạt động chưa hiệu quả, chủ yếu chỉ có tòa nhà, cơ sở vật chất thiếu thốn, người vận hành còn thiếu và yếu Xem: TT: "Gỡ khó cho các thiết chế văn hóa, thể thao", Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 24/1/2024, <https://dangcongsan.vn/cung-ban-luan/go-kho-cho-cac-thiet-che-van-hoa-the-thao-658166.html>. Điều này cũng đang xảy ra với một số thiết chế văn hóa, thể thao khác, đặc biệt là những thiết chế văn hóa, thể thao công lập.

⁶ Xem: "Xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao cho công nhân", Ấn phẩm Thời nay của Báo Nhân dân điện tử, <https://nhandan.vn/xay-dung-thiet-che-van-hoa-the-thao-cho-cong-nhan-post768550.html>, ngày 22/8/2023

⁷ Xem thêm: Nhà nước hỗ trợ thư viện tư nhân góp phần phục vụ cộng đồng, nguồn: <https://ictvietnam.vn/nha-nuoc-ho-tro-thu-vien-tu-nhan-gop-phan-phuc-vu-cong-dong-54791.html>, ngày 9/12/2022

dựng các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở theo lộ trình, nhưng chỉ riêng trụ sở không thôi thì chưa đủ. Do đó, nhiều thiết chế văn hóa, thể thao được xây dựng khang trang, nhưng trang thiết bị lại còn rất nghèo nàn, sơ sài, chưa được đầu tư tương xứng. Nguồn nhân lực chưa được đầu tư thích đáng để có thể duy trì và bảo đảm chất lượng hoạt động, vận hành theo phương thức hiện đại. Yêu cầu và cũng là điều cần thiết phải thực hiện là xây dựng, phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao cho công nhân ở các khu công nghiệp, chế xuất, nhưng chưa có cơ chế nào để thúc đẩy các doanh nghiệp thực hiện điều này trong bối cảnh các doanh nghiệp chưa được ưu đãi về thuế, về thuê đất, sử dụng nguồn nhân lực... để xây dựng, vận hành các thiết chế văn hóa, thể thao trong khu vực này. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp cũng chưa có điều khoản khấu trừ nếu doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực văn hóa.

Một nguyên nhân khác của hạn chế trên là do tác động của kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, sự phát triển của khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, đã ảnh hưởng đến nhận thức và thói quen sinh hoạt của nhân dân, làm thay đổi hình thức sinh hoạt văn hóa, thể thao cộng đồng. Song, một số thiết chế lại thiếu các hoạt động văn hóa, thể thao thu hút được các tầng lớp nhân dân trong bối cảnh có sự thay đổi về tư duy, nhận thức, thói quen sinh hoạt. Thực tế cho thấy, có những khu phức hợp thể thao, văn hóa đáp ứng tiêu chuẩn được xây dựng ở nhiều khu vực, nhưng lại gặp phải những khó khăn về cơ chế vận hành, quỹ đất, nguồn kinh phí..., hoặc một số thiết chế văn hóa, thể thao cũ kỹ, công năng đơn giản, không còn phù hợp với đời sống hiện đại, nhu cầu của nhân dân.

Định hướng xã hội hóa hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao trong thời gian tới

Để phát huy những thành tựu, hạn chế những tiêu cực, đẩy mạnh hơn nữa công tác xã hội hóa hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao ở Việt Nam hiện nay, theo chúng tôi, cần thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau đây:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức của các bên liên quan về vai trò và mục tiêu của xã hội hóa hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao. Theo đó, cần nhận thức được rằng, xã hội hóa hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao không chỉ là đóng góp về mặt kinh phí, mà còn cần sự góp sức của các tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng, cá nhân cả về nhân lực, tài lực. Đó không phải là giảm nhẹ vai trò của Nhà nước, mà ngày càng tăng lên. Với các doanh nghiệp tham gia trong lĩnh vực này, có thể thấy, phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao không chỉ là vấn đề tăng doanh thu, mà thông qua các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, hình ảnh, thương hiệu của doanh nghiệp sẽ gia tăng lên rất nhiều lần, bởi đối tượng người sử dụng, theo dõi lĩnh vực này là rất đông đảo. Với các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực khác, việc tham gia vào các hoạt động phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao cho người lao động của mình chính là nhằm nâng cao sức khỏe thể chất, tinh thần, tạo sự đoàn kết giữa những người lao động trong cơ quan, đơn vị; tạo sự gắn bó giữa người lao động với doanh nghiệp. Khi người lao động có sức khỏe thể chất, tinh thần tốt thì lại tạo điều kiện cho sự gia tăng năng suất lao động, tăng mức sản xuất cho doanh nghiệp. Với người dân và cộng đồng, việc tham gia phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao chính là một phương thức để gia tăng sức

khỏe, tạo sự đoàn kết gắn bó với nhau, thực hiện tốt mục tiêu toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng văn minh đô thị, nông thôn mới.

Thứ hai, tăng cường vai trò của Nhà nước bằng cách đánh giá lại các chính sách liên quan đến xã hội hóa hoạt động thiết chế văn hóa, thể thao; xây dựng các chính sách, các văn bản pháp quy trong thực hiện chính sách này một cách thống nhất. Nhà nước cần ban hành các văn bản quy phạm pháp luật tạo môi trường pháp lý bình đẳng công tư; nâng cao tính minh bạch trong tiếp cận các nguồn lực; đổi mới nâng cao hiệu quả quản lý, thanh tra của Nhà nước trong hoạt động thiết chế văn hóa, thể thao, bởi "nếu hiểu xã hội hóa chỉ được thực hiện trong các tổ chức ngoài Nhà nước... mà không đề cập đến sự đổi mới hoạt động của các tổ chức của Nhà nước là không đầy đủ và có thể bóp méo những mục tiêu của xã hội hóa"⁸. Theo đó, trên cơ sở mục tiêu xác định, cần xây dựng những phương thức, lộ trình thực hiện. Mục tiêu không thay đổi, nhưng bối cảnh thực hiện, nhận thức, cách thức sinh hoạt của nhân dân thay đổi thì tư duy hành động, phương thức thực hiện cần thay đổi. Vì vậy, Nhà nước cần xem xét, đánh giá tổng thể hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao; phân định loại hình thiết chế văn hóa nào mà nguồn lực Nhà nước cần đầu tư, đầu tư ở mức độ nào, đầu tư đến đâu; khu vực nào có thể hợp tác công – tư, khu vực nào để tư nhân thực hiện, khu vực nào dành cho cộng đồng quản lý. Căn cứ để thực hiện việc đầu tư nguồn lực thì có nhiều, nhưng cần dựa trên quan điểm mang tính cốt lõi: *Một là*, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội ở nước ta hiện nay, "tính thị trường" của văn hóa, thể thao sẽ được định hình đến đâu và mức độ nào. Điều này do Nhà nước quyết định và điều này sẽ đưa đến việc ban hành các chính sách quản lý, định hướng công tác xã hội hóa hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao. *Hai là*, bản chất đặc thù của từng loại thiết chế và tính chất, khả năng chi trả của đối tượng thụ hưởng, sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao. Chẳng hạn, với các thiết chế văn hóa truyền thống, Nhà nước cần có chính sách ưu đãi, ưu tiên đối với cả những cá nhân, tổ chức vận hành thiết chế đó, lẫn với đối tượng sử dụng, thụ hưởng. Điều này cũng cần thực hiện tương tự ở những vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hay những khu vực mà nguồn lực kinh tế - xã hội còn hạn hẹp; những khu vực mà khó sinh lời, tư nhân không đầu tư, hoặc những khu vực cần mức đầu tư lớn... Trên cơ sở quan điểm cốt lõi, cần xây dựng các chính sách khuyến khích sự tham gia các thành phần trong phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao, như chính sách thuế, đất đai,... Bên cạnh đó, các chính sách phát triển thiết chế văn hóa, thể thao của Nhà nước cần gắn kết với các chính sách khác hiện đang thực hiện, như chương trình, mục tiêu phát triển văn hóa đến năm 2030; chính sách phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, chính sách phát triển du lịch, chính sách xây dựng nông thôn mới,... Đặc biệt, Nhà nước cần đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao công cộng, mang tầm vóc khu vực và quốc tế.

Thứ ba, nâng cao vai trò của doanh nghiệp trong xây dựng, phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao:

Nếu như các chủ trương, quan điểm, chính sách của Nhà nước cần có độ trễ để triển khai, thì doanh nghiệp có điều kiện tự chủ, linh hoạt trong thực hiện các

⁸ Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương. *Đổi mới cung ứng dịch vụ công ở Việt Nam*, Hà Nội, 2007, tr.36.

mục tiêu kinh doanh, thu lợi nhuận. Trong lĩnh vực của các hoạt động thiết chế thể thao, văn hóa, với mục tiêu lợi nhuận, các doanh nghiệp thường đầu tư vào những khu vực có khả năng sinh lời nhanh và nhiều. Điều này, *một mặt*, tạo điều kiện, cơ hội thuận lợi cho nhân dân tiếp cận, sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao hiện đại và các sản phẩm văn hóa, thể thao một cách nhanh chóng, tiện lợi. Hiện nay, một số thiết chế văn hóa, thể thao, khu vui chơi giải trí lớn, hiện đại ở nước ta chủ yếu do các doanh nghiệp tư nhân đầu tư, vận hành, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần, thể chất cho nhân dân. *Mặt khác*, do mục tiêu lợi nhuận, một số doanh nghiệp đã bất chấp những ảnh hưởng về môi trường sinh thái, đa dạng sinh học, sinh kế của người dân, đạo đức, lối sống... đã phát triển, vận hành một số thiết chế văn hóa, thể thao chưa phù hợp, làm ảnh hưởng xấu đến thuần phong, mỹ tục, đạo đức, lối sống của người dân, nhất là giới trẻ. Ngoài ra, cũng chủ yếu vì lý do kinh tế, các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu chế xuất hầu như không chú ý đến việc phát triển, vận hành thiết chế văn hóa, thể thao dành cho người lao động. Vì vậy, cần thiết phải có những cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp phát triển thiết chế văn hóa, thể thao, thông qua các ưu đãi về thuế, về thuê đất, về đào tạo nhân lực vận hành...; đồng thời, cần xây dựng các chế tài xử phạt nặng những doanh nghiệp lợi dụng những chính sách ưu đãi để xây dựng, vận hành các thiết chế văn hóa, thể thao đi ngược lại với pháp luật, đạo đức xã hội, lợi ích cộng đồng, tiến bộ xã hội.

Trong quá trình xã hội hóa hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao, cần chú ý phát triển một loại hình doanh nghiệp mới – *doanh nghiệp xã hội*⁹. Với mục tiêu được xác định, việc các doanh nghiệp xã hội tham gia phát triển thiết chế văn hóa, thể thao góp phần tạo ra bức tranh đa dạng về các nguồn lực đầu tư cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao.

Trong các doanh nghiệp tham gia thực hiện chính sách xã hội hóa thiết chế văn hóa, thể thao, thì có một kiểu hình doanh nghiệp, do điều kiện lịch sử, hiện đang chiếm tỷ lệ khá cao trong lĩnh vực này là các doanh nghiệp Nhà nước. Có những khó khăn của loại hình doanh nghiệp này, khi vừa hoạt động theo cơ chế thị trường, vừa bảo đảm những nhiệm vụ chính trị, phục vụ cộng đồng, ở những khu vực khó khăn, trong những lĩnh vực khó sinh lời, dẫn đến thua lỗ, chảy máu chất xám... Với các doanh nghiệp này, cần có sự đầu tư nguồn lực của Nhà nước, hoặc bảo đảm tự chủ một phần, hoặc chuyển đổi mô hình quản lý, cổ phần hóa, hợp tác công - tư... tùy theo tính chất của doanh nghiệp, đối tượng phục vụ của các doanh nghiệp, hay khu vực, vùng, miền.

Thứ ba, đẩy mạnh vai trò của cộng đồng trong việc xã hội hóa hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao:

Cộng đồng xã hội cần tăng cường tham gia xây dựng cơ chế, chính sách, thiết kế chương trình, sự giám sát của mình đối với các hoạt động xã hội hóa thiết chế văn hóa, thể thao, để thông qua đó, làm cho quá trình xã hội hóa được tốt hơn, đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, khi mà việc ban hành một số quy định còn nhiều kẽ hở

⁹ Tuy nhiên, Điều 10 Luật Doanh nghiệp 2020 mới chủ quy định, doanh nghiệp xã hội là doanh nghiệp có mục tiêu hoạt động nhằm giải quyết vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng.

bị lợi dụng; việc thực thi, lợi dụng xã hội hóa để trục lợi còn diễn ra nhiều. Theo đó, cần mở rộng và phát triển hơn nữa các quỹ phi lợi nhuận, bảo trợ việc phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao. Các quỹ phi lợi nhuận, hiệp hội nghề nghiệp trong lĩnh vực thể thao, văn hóa... cần phát huy vai trò đại diện nghề nghiệp của mình, hướng dẫn, cộng tác để các thiết chế văn hóa, thể thao phát triển, hoạt động tốt, thu hút người dân đến tham gia, như nói chuyện chuyên đề, hướng dẫn người dân các kỹ thuật, kỹ thuật cơ bản để có thể tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao quần chúng.. Cũng cần có vai trò, tiếng nói mạnh mẽ hơn trong tư vấn chính sách, phân bổ nguồn lực của Nhà nước trong hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao, bảo đảm tính độc lập, công bằng trong tiếp cận nguồn lực của các đối tượng. Trong bối cảnh mới, để đáp ứng yêu cầu phát triển, các hiệp hội nghề nghiệp, các định chế trung gian cũng cần đổi mới mô hình hoạt động, bám sát thực tiễn. Có như vậy, mới nâng cao vị thế cũng như vai trò của các hiệp hội trong thực hiện công tác xã hội hóa hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao.

Thứ tư, đẩy mạnh hợp tác quốc tế:

Trong bối cảnh hiện nay, hợp tác quốc tế không chỉ giúp người dân có nhiều cơ hội được tiếp cận, tiếp thu các loại hình văn hóa, thể thao; hoặc giúp đội ngũ quản lý tiếp cận cách thức vận hành các thiết chế văn hóa, thể thao có tính chất tiên tiến của thế giới, mà còn là con đường ngắn nhất, nhanh nhất để Việt Nam giới thiệu, quảng bá hình ảnh của mình trên trường quốc tế. Để thực hiện được điều này, cần “đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả hội nhập quốc tế trong các lĩnh vực... văn hóa, du lịch”¹⁰, tăng cường hợp tác song phương và đa phương với các quốc gia trên thế giới để triển khai xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao có tầm vóc quốc tế. Tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng, trao đổi kinh nghiệm về vận hành các thiết chế văn hóa, thể thao.

Đẩy mạnh thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ nước ngoài và các đối tác quốc tế cho hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao; xây dựng chính sách, cơ chế thu hút đầu tư nước ngoài, các dự án đầu tư nước ngoài.

Xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao ở nước ngoài, nhằm đẩy mạnh quảng bá văn hóa, thể thao truyền thống tốt đẹp của đất nước; đáp ứng nhu cầu văn hóa, thể thao của người dân Việt Nam trên khắp thế giới./.

¹⁰ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, t. I, tr. 164.

VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ TỔ CHỨC, BỘ MÁY, NHÂN SỰ, CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI ĐỘI NGŨ CÁN BỘ HOẠT ĐỘNG TRONG HỆ THỐNG THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO

ThS. Vi Thanh Hoài – CN. Lê Anh Tuấn

Cục Văn hóa cơ sở - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Đội ngũ viên chức hoạt động trong thiết chế văn hóa, thể thao có vai trò quan trọng, trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia tổ chức thực thi chính sách, pháp luật; quản lý, cung ứng dịch vụ công cơ bản đối với lĩnh vực văn hóa, thể thao; đóng vai trò cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Việc hệ thống chính sách pháp luật về tổ chức bộ máy, nhân sự, chế độ đối với đội ngũ cán bộ hoạt động trong hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đồng bộ, hợp lý sẽ góp phần phát huy hiệu quả hoạt động, không chỉ đáp ứng nhu cầu hưởng thụ và sáng tạo các giá trị văn hóa, giữ gìn bản sắc mà còn góp phần quảng bá hình ảnh, thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp văn hóa.

Những năm qua, công tác xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật đối với tổ chức, bộ máy, nhân sự, chế độ đối với đội ngũ viên chức hoạt động trong thiết chế văn hóa, thể thao được quan tâm. Từ sau khi Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương lần thứ sáu, khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã thực hiện nghiêm các quy định của Đảng, Chính phủ, chủ động thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp thuộc và trực thuộc Bộ; đã tham mưu cho Đảng, Nhà nước ban hành và trực tiếp ban hành theo thẩm quyền nhiều cơ chế, chính sách, về cơ bản đã điều chỉnh khá toàn diện các nội dung.

Ở nhiều địa phương, việc hợp nhất, sáp nhập các đơn vị sự nghiệp công lập tương đồng cũng được tổ chức đồng bộ tại thiết chế văn hóa, thể thao cấp tỉnh, cấp huyện. Ở cấp tỉnh, đã có 18/63 tỉnh thành sáp nhập Đoàn nghệ thuật và Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh, cụ thể: An Giang, Bình Dương, Cần Thơ, Đồng Tháp, Gia Lai, Hà Nam, Hậu Giang, Kon Tum, Lai Châu, Lâm Đồng, Lạng Sơn, Long An, Quảng Ngãi, Tây Ninh, Thái Nguyên, Tiền Giang, Trà Vinh, Yên Bái. Một số tỉnh thành sáp nhập thêm các lĩnh vực Điện ảnh, cá biệt có Cao Bằng sáp nhập cả lĩnh vực xúc tiến du lịch vào Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh. Đến nay, về cơ bản Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh đã sử dụng và phát huy hiệu quả nguồn lực cơ sở vật chất-kỹ thuật và chuyên môn nghiệp vụ, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động nghệ thuật cũng như đời sống của viên chức.

Ở cấp huyện, việc sáp nhập, hợp nhất các đơn vị sự nghiệp công lập cũng cơ bản thực hiện trong cả nước. Các lĩnh vực sáp nhập, hợp nhất đa dạng, có cả ngoài lĩnh vực văn hóa, thể thao như Đài truyền thanh truyền hình, Nhà thiếu nhi...

Đặc biệt, cụ thể hóa kết luận của Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc được tổ chức vào tháng 11/2021, đã có nhiều chuyển biến tích cực, trong đó việc đầu tư, hoàn thiện các thiết chế văn hóa ngày càng được chú trọng,

hiều địa phương cũng đã ban hành những chính sách đặc thù cho phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở. Do đó trong những năm qua đã có nhiều chuyển biến tích cực như:

Về nguồn nhân lực: Đội ngũ cán bộ, viên chức tại thiết chế văn hóa, thể thao các cấp đã thực hiện tốt nhiệm vụ tổ chức các hoạt động chuyên môn và hướng dẫn nghiệp vụ, các câu lạc bộ sở thích; xây dựng và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, nội dung, chương trình ngày càng tinh, gọn, đổi mới phương thức, đa dạng, phong phú và linh hoạt phù hợp hơn với từng đối tượng tham gia, đã bắt kịp nhanh với những thay đổi, nhu cầu, thị hiếu của xã hội, đáp ứng nhu cầu của đông đảo các tầng lớp nhân dân.

Về phương thức hoạt động: Tại các thiết chế thư viện, bảo tàng, nhà hát, trung tâm chiếu phim, trung tâm văn hóa... phương thức hoạt động đã thay đổi theo xu hướng đáp ứng nhu cầu của người hưởng thụ, tăng cường ứng dụng công nghệ số.

Thư viện được vận hành theo hướng quản trị tri thức. Các dịch vụ thư viện được phát triển phù hợp với xu thế mới và nhu cầu xã hội, trong đó, duy trì đáp ứng, cung cấp các tiện ích căn bản của thư viện truyền thống, triển khai và đẩy mạnh các dịch vụ hỗ trợ nghiên cứu, cung cấp các dịch vụ trong môi trường số, tăng cường việc phục vụ đọc, truy cập theo hình thức trực tuyến, đáp ứng nhu cầu khai thác nguồn tài nguyên từ xa của người sử dụng.

Bảo tàng đã bước đầu đổi mới trưng bày theo định hướng tăng cường các hiện vật gốc, áp dụng các phương tiện khoa học kỹ thuật để làm phong phú và hấp dẫn nội dung trưng bày, đổi mới hình thức phục vụ công chúng để thu hút ngày càng nhiều hơn khách tham quan. Một số bảo tàng đã thu hút được đông đảo khách tham quan và trở thành điểm đến hấp dẫn du khách.

Trung tâm Chiếu phim Quốc gia đã làm tốt nhiệm vụ chính trị; phục vụ các tuần phim, kỷ niệm các ngày lễ lớn của dân tộc, các Liên hoan phim quốc tế và quốc gia; phục vụ khách đến xem phim và sử dụng dịch vụ, hội nghị, hội thảo tại Trung tâm theo nhiệm vụ được phân công. Bên cạnh đó, phục vụ miễn phí (công ích) các đối tượng chính sách.

Hoạt động Nghệ thuật biểu diễn đã có những sự phát triển nhất định, nhiều tác phẩm, chương trình nghệ thuật biểu diễn phong phú, đa dạng có giá trị đáp ứng nhu cầu hưởng thụ của công chúng.

Thiết chế văn hóa, thể thao các cấp đã thực hiện tốt chức năng tổ chức các hoạt động chuyên môn và hướng dẫn nghiệp vụ, các câu lạc bộ sở thích; xây dựng và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, nội dung, chương trình ngày càng tinh, gọn, đổi mới phương thức, đa dạng, phong phú và linh hoạt phù hợp hơn với từng đối tượng tham gia, đã bắt kịp nhanh với những thay đổi, nhu cầu, thị hiếu của xã hội, đáp ứng nhu cầu của đông đảo các tầng lớp nhân dân. Hằng năm, thiết chế văn hóa, thể thao các cấp phối hợp với các đơn vị trong và ngoài ngành, các tổ chức chính trị xã hội để xã hội hóa cùng xây dựng phong trào và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được đẩy mạnh, trọng tâm và chất lượng... Chính nhờ những nỗ lực đổi mới hình thức, phương thức tổ chức hoạt động hệ thống

Trung tâm Văn hóa cơ sở đã thu hút được nhân dân tham gia sinh hoạt văn hóa, tập luyện thể thao góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

Trung tâm Văn hóa các tỉnh, thành phố đã đổi mới phương thức hoạt động cho phù hợp với thực tiễn hiện nay, tổ chức chương trình nghệ thuật, tuyên truyền lưu động thu hút đông đảo khán giả đến xem, bằng hình thức kết hợp chiếu phim, dựng chương trình tạp kỹ kết hợp xiếc, ảo thuật như: Trung tâm Văn hóa tỉnh Quảng Ninh, Cà Mau, Tiền Giang, Thừa Thiên Huế... Tổ chức tọa đàm, nói chuyện chuyên đề, trưng bày triển lãm, tỉnh Đồng Nai, Nghệ An... Chương trình giao lưu văn hóa liên kết các tỉnh định kỳ hằng năm nhằm giới thiệu nét sinh văn hóa, dân ca dân vũ của địa phương đến với nhân dân trong và ngoài tỉnh: Trung tâm Văn hóa tỉnh An Giang, Kon Tum, Bến tre, Tiền Giang, Quảng Ngãi.

Xây dựng và phát triển phong trào văn nghệ quần chúng, nhân rộng, duy trì các mô hình câu lạc bộ, các lớp năng khiếu, loại hình văn hóa, nghệ thuật tuyên thống, các bộ môn thể thao tiêu biểu được duy trì thường xuyên, phù hợp với điều kiện sinh hoạt, phong tục tập quán, các nhóm đối tượng, lứa tuổi, bồi dưỡng các hạt nhân văn nghệ làm nòng cốt cho phong trào. Đây là phương thức đầu tư chiều sâu, tạo nguồn lực chuyên môn tại chỗ, kế thừa hoạt động liên tục tại hệ thống Trung tâm Văn hóa - Thể thao các cấp.

Công tác tuyên truyền, cổ động các Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với nhân dân nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số miền núi, nông thôn, biển đảo... Với trọng tâm đưa thông tin về cơ sở và tuyên truyền để người dân hiểu chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, trong những năm qua Đội Tuyên truyền lưu động của các tỉnh, thành phố nói chung, của Trung tâm Văn hóa các tỉnh Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc nói riêng... không ngừng nâng cao chất lượng nghệ thuật phù hợp, để phục vụ nhân dân.

Xác định "không gian mạng" là một công cụ, phương thức tuyên truyền hiệu quả, quan trọng, phù hợp với xu thế của thời đại, các chương trình nghệ thuật, tuyên truyền lưu động ngoài việc biểu diễn trực tiếp phục vụ nhân dân tại chỗ đã được Trung tâm văn hóa các tỉnh, thành phố quảng bá bằng hình thức livestream, thu phát trên website, Facebook, YouTube... tạo hiệu ứng, lan tỏa thu hút được lượng lớn người xem, truy cập.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, chính sách, pháp luật về CBVC vẫn còn những hạn chế, chưa đồng bộ, chưa phù hợp và thống nhất với các quy định của Đảng về công tác cán bộ, cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung góp phần xây dựng đội ngũ CBCCVC đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới, cụ thể:

- Các cơ chế, chính sách và văn bản pháp luật liên quan đến đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đặc biệt văn bản pháp luật có tính chất hướng dẫn, làm tiền đề thực hiện tinh giảm đầu mối, tinh giản biên chế, tổ chức, hoạt động đơn vị sự nghiệp đã được ban hành đầy đủ, nhưng đôi khi còn chưa tương thích theo thực tế đối với từng đơn vị. Việc sắp xếp, tổ chức lại đơn vị nhìn chung vẫn chủ yếu do sáp nhập, hợp nhất cơ học các đơn vị sự nghiệp công lập chưa thực sự có sự thay đổi về cơ chế hoạt động

và chất lượng dịch vụ cung ứng. Tổ chức bộ máy còn phân tán, chồng chéo, chưa đồng bộ. Một số địa phương đã triển khai việc sáp nhập các đơn vị sự nghiệp công lập, việc sắp xếp, tổ chức lại, tinh giản được đầu mỗi tuy nhiên việc sáp nhập còn diễn ra máy móc, cào bằng, chưa tính đến tính đặc thù của mỗi đơn vị, địa phương... Tên gọi và cơ cấu tổ chức của các đơn vị khi sáp nhập thiếu thống nhất¹; sau sáp nhập, sắp xếp, ở một số nơi, hoạt động văn hóa, nghệ thuật bị thu hẹp chức năng, nhất là trong trường hợp lãnh đạo là người thuộc lĩnh vực khác. Việc sáp nhập các đơn vị nghệ thuật chuyên nghiệp (*đặc biệt là nghệ thuật truyền thống*) với các trung tâm văn hóa ảnh hưởng đến tính chuyên nghiệp và hiệu quả của nghệ thuật biểu diễn. Cá biệt có địa phương đã sáp nhập Cung, Nhà Thiếu nhi với các Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Thể thao, Đài Phát thanh Truyền hình mà chưa tính đến đặc thù của đối tượng thiếu nhi.

- Nhiều đơn vị còn gặp nhiều khó khăn trong công tác nhân sự chưa kiện toàn được đội ngũ lãnh đạo, tuyển dụng mới viên chức theo định biên. Các đơn vị nghệ thuật đang thiếu hụt nguồn nhân lực chuyên môn chất lượng, số lượng người làm các chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung không đạt tỷ lệ quy định.

- Chế độ đối với đội ngũ cán bộ, người lao động công tác tại hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao còn thấp² không đủ sức thu hút người tài, càng khó giữ được nghệ sỹ cống hiến cho nghệ thuật truyền thống. Quy định về hưởng dẫn việc xét tặng danh hiệu đối với nghệ nhân còn chồng chéo, bất cập; chế độ hỗ trợ đối với nghệ nhân còn thấp, chưa cụ thể.

- Đặc biệt, đối với chế độ phụ cấp, chế độ bồi dưỡng cho việc luyện tập và biểu diễn thuộc lĩnh vực lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn³ dù đã được nâng lên nhưng vẫn ở mức khá thấp, chưa có tác dụng khích lệ, động viên người hoạt động nghệ thuật biểu diễn toàn tâm, toàn ý với công việc. Việc chi trả khi người tham gia bảo hiểm gặp rủi ro theo quy định hiện hành là quá thấp so với mức độ nguy hiểm của viên chức, người lao động chuyên môn ở một số loại hình nghệ thuật đặc thù (như

¹ Có nhiều tên gọi khác nhau như Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh, Trung tâm Văn hóa và chiếu phim, Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật, Trung tâm Văn hóa.

² Chế độ phụ cấp đối với Đội Tuyên truyền lưu động và diễn viên, ca sĩ nghệ thuật quần chúng theo Thông tư liên tịch số 46/2016/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 11/3/2016 của Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn chế độ quản lý đặc thù đối với Đội Tuyên truyền lưu động cấp tỉnh và cấp huyện không còn phù hợp với thực tế và tính đặc thù, quá thấp so với giá thị trường.

³ Số lượng viên chức quản lý, viên chức nghiệp vụ chuyên ngành, viên chức chuyên môn dùng chung và người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng tại 12 đơn vị nghệ thuật thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch khoảng trên 1.300 người. Tại địa phương, với 87 đơn vị có chức năng biểu diễn nghệ thuật (bao gồm cả Trung tâm văn hóa cấp tỉnh) trung bình mỗi đơn vị có 40 viên chức bao gồm viên chức quản lý, viên chức nghiệp vụ chuyên ngành, viên chức chuyên môn dùng chung và người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng ước khoảng gần 3.500 người. Như vậy, trong cả nước tổng số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập về nghệ thuật biểu diễn có khoảng gần 5.000 người. Trong đó khoảng 3.200 người là hoạt động chuyên ngành nghệ thuật biểu diễn, còn lại là viên chức quản lý, viên chức với chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung (hành chính, tổng hợp, quản trị văn phòng, tổ chức cán bộ, kế hoạch tài chính) và các vị trí việc làm không giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành của đơn vị sự nghiệp công lập. Theo số liệu báo cáo gần đây của các đơn vị nghệ thuật công lập, số lượng diễn viên trong biên chế có độ tuổi từ 18-25 hầu như không có, từ 25-30 tuổi chiếm tỷ lệ 5,6%, từ 30-40 tuổi chiếm tỷ lệ 40%, còn lại đều trên 40 tuổi. Đây chính là đối tượng được hưởng chế độ ưu đãi nghề nghiệp, chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp; đối tượng điều chỉnh về tuổi nghỉ hưu.

xiếc, ballet). Do đó, viên chức, người lao động chuyên môn lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn chưa yên tâm khi tham gia hoạt động biểu diễn, đặc biệt đối với những lĩnh vực nghệ thuật có tính chất nguy hiểm cao.

- Việc xây dựng cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ công tác tại hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở còn chậm, thiếu. Đến nay, chưa tổ chức thi nâng ngạch, nâng bậc cho cán bộ, viên chức trong hệ thống Trung tâm văn hóa cấp tỉnh. Chưa giải quyết được phụ cấp chức vụ cho Ban Giám đốc Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh ngang bằng với chức vụ tương đương với lĩnh vực khác thuộc ngành Văn hóa, thể thao và Du lịch; nhiều địa phương chưa xây dựng được phụ cấp kiêm nhiệm cho người phụ trách thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã và thôn, bản.

Hiện nay, việc tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã thực hiện theo quy định tại Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Tại thời điểm ban hành, các quy định của Thông tư phù hợp với văn bản cấp trên cũng như trong thực tiễn. Tuy nhiên, thời điểm hiện tại, do không phù hợp với các quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 18/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ, vì vậy, không có cơ sở để xác định địa vị pháp lý của Trung tâm Văn hóa – Thể thao cấp xã nên Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã không có căn cứ xây dựng tạo nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ văn hóa - thể thao, hội phí sinh hoạt các câu lạc bộ, nhóm sở thích và thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa và tạo điều kiện để các cá nhân, tổ chức doanh nghiệp đầu tư xây dựng cơ sở hoạt động văn hóa - thể thao, vui chơi giải trí trên địa bàn xã theo quy định. Bên cạnh đó, theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ thì thì số lượng công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã bị cắt giảm, giao tăng nhiệm vụ cho công chức văn hóa xã hội, việc này dẫn đến tình trạng quá tải cho công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã, do đó, nhân sự quản lý và vận hành Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã đã thiếu ngày càng thiếu lại kiêm nhiệm nhiệm vụ của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, do đó, nhân sự quản lý và vận hành Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã đã thiếu ngày càng thiếu (Theo quy định tại Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL: giao công chức xã về văn hóa - xã hội là Chủ nhiệm Trung tâm Văn hóa - Thể thao). Một số địa phương chưa thực sự quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa ở cơ sở. Cán bộ quản lý văn hóa, thể thao cấp cơ sở trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng trong công tác quản lý và tổ chức hoạt động nhà văn hóa, thể thao còn hạn chế, đội ngũ cán bộ vẫn còn bất cập về năng lực và chuyên môn nghiệp vụ, chỉ đáp ứng được một phần yêu cầu công việc. Nhiều nơi vẫn sử dụng cán bộ trái ngành, trái nghề hoặc chỉ có năng khiếu mà chưa được đào tạo. Nhất là cấp xã, trình độ, năng lực không đồng đều, liên tục biến động (do luân chuyển); một số xã, phường, thị trấn bố trí công chức không đúng chuyên ngành đào tạo nên việc tham mưu tổ chức các hoạt động của cơ sở và hướng dẫn cho cấp thôn còn hạn chế.

Thiết chế văn hóa, thể thao được xây dựng ở xa khu dân cư, không thuận tiện cho việc tổ chức các hoạt động để thu hút đông đảo người dân tham gia thiết chế văn hóa cơ sở;

- Về số lượng người làm việc tại thiết chế văn hóa, thể thao Công đoàn, theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP quy định số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập phải đảm bảo đủ 15 viên chức trở lên. Tuy nhiên hiện nay, một nửa số lượng thiết chế văn hóa, thể thao Công đoàn cấp tỉnh, các thiết chế văn hóa, thể thao Công đoàn cấp quận huyện không đủ số lượng 15 người làm việc. Trong khi đó, tại Điều 9 Quy định số 212-QĐ/TW, thẩm quyền phê duyệt đề án vị trí việc làm của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố do Tỉnh ủy, Thành ủy quyết định, nhưng hiện nay rất nhiều Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố không xin được tỉnh ủy, thành ủy phê duyệt đề án vị trí việc làm của thiết chế văn hóa, thể thao Công đoàn vì lý do: Tỉnh, thành phố không ra quyết định thành lập thiết chế văn hóa, thể thao Công đoàn; hoặc được phê duyệt biên chế viên chức nhưng chỉ được rất ít (có nơi được 03 biên chế).

Để khắc phục những hạn chế nêu trên, góp phần nâng cao tính chủ động, sáng tạo của các ĐVSNCL; huy động được sự đóng góp và tham gia tích cực của cộng đồng xã hội cho phát triển, xin đưa ra một số giải pháp như sau:

Một là, tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức một cách sâu sắc, đầy đủ, toàn diện về vai trò, vị trí của văn hóa. Văn hóa không chỉ là nền tảng tinh thần, là mục tiêu, động lực mà còn là nguồn lực nội dung, sức mạnh mềm quan trọng trong quá trình phát triển đất nước. Trên cơ sở nhận thức đúng, toàn diện, các cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm, đầu tư, xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa một cách tương xứng; phát huy tài năng, trí lực vì một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc trong bối cảnh mới.

Hai là, tiếp tục hoàn thiện, thống nhất, đồng bộ chính sách, pháp luật về tổ chức, bộ máy, nhân sự, chế độ đối với CBCCVC ngành VH TTDL nói chung, CBVC hoạt động trong thiết chế văn hóa, thể thao nói riêng.

Ba là, nghiên cứu, bổ sung chính sách tuyển dụng đối với người có tài năng, năng khiếu đặc biệt, phù hợp với vị trí việc làm trong các ngành, lĩnh vực văn hóa, thể thao; rà soát, hoàn thiện quy trình tuyển chọn nhân sự, trọng tâm là xây dựng và thực hiện quy chế tuyển chọn viên chức thích ứng với yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế của Ngành. Quan tâm, khuyến khích bổ nhiệm trí thức có tư duy đổi mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; phát huy tinh thần sáng tạo và trách nhiệm, toàn tâm, toàn ý phục vụ sự nghiệp phát triển văn hóa, văn học, nghệ thuật, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch. Nghiên cứu, áp dụng chế độ tôn vinh trí thức thực tài thông qua những cống hiến đối với Ngành mà không dựa vào bằng cấp.

Bốn là, các địa phương căn cứ theo chủ trương của Đảng (Nghị quyết số 19-NQ/TW), quy định của Chính phủ (Nghị định số 120/2020/NĐ-CP) và văn bản hướng dẫn của Bộ VH TTDL và điều kiện thực tế của địa phương để nghiên cứu, rà soát sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa, thể thao đảm bảo tinh gọn, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động. Bên cạnh đó, căn cứ các văn bản pháp luật đã ban hành để nghiên cứu, rà soát thực hiện

việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức theo yêu cầu vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và thực hiện cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ viên chức theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW./.

PHÁT HUY HIỆU QUẢ SỬ DỤNG CƠ SỞ VẬT CHẤT THỂ THAO TẠI TRUNG TÂM HUẤN LUYỆN THỂ THAO QUỐC GIA HÀ NỘI – THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

TS. Nguyễn Mạnh Hùng

Giám đốc Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Hà Nội

1. Khái quát chung

1.1. Lịch sử và thành tích

Thành quả đổi mới của đất nước từ năm 1990 sau hơn 30 năm đã đem lại sự thay đổi mạnh mẽ, đưa nước ta từ thoát nghèo tiến lên phát triển nhanh chóng, nhân dân được sống trong no ấm, đời sống vật chất và tinh thần nhân dân được cải thiện. Trong sự phát triển chung của đất nước, Ngành TDTT cũng đã có những bước tiến lớn góp phần tạo sức lực cho mọi người dân khỏe mạnh để học tập, lao động xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đem lại giá trị sống tích cực cho mỗi người dân.

Nhìn lại lịch sử nước ta từ một đất nước có nền thể thao kém trong khu vực Đông Nam Á trước những thập niên 70 – 80 và 90. Sau những năm đổi mới của đất nước, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, sự ủng hộ của các bộ, ngành và nhân dân, Việt Nam lần đầu tổ chức SEA Games 22 tại Việt Nam năm 2003 thật không thể hoàn hảo hơn – sự thành công SEA Games 22 - 2023 đã đem lại sự khích lệ cho mọi tầng lớp nhân dân tích cực rèn luyện thể dục, thể thao nâng cao sức khỏe để xây dựng hạnh phúc gia đình và kiến thiết quốc gia. Ngành thể dục, thể thao (TDTT) có một Ủy ban trực thuộc Chính phủ cơ quan ngang bộ đã phát huy được sức mạnh, đem lại nhiều thành công cho thể thao Việt Nam những năm tiếp theo về thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao.

Đối thành tích thể thao thành tích cao, Sau SEA Games 2003 Việt Nam luôn đứng trong top 3 của các kỳ SEA Games (tức 20 năm), điều đó không thể phủ nhận sự cố gắng của Nhà nước, của Ngành những người làm công tác thể thao, sự nỗ lực của những nhà quản lý, các nhà chuyên môn, CB, HLV, VĐV, những tổ chức xã hội, các ban ngành, cơ quan truyền thông và nhân dân đóng góp để ngành TDTT, có được những thành công đó, không chỉ Đông Nam Á mà từng bước tới thành tích thể thao tại Châu Á cũng dần được khẳng định vị thế. Thể thao Việt Nam đã rất nỗ lực cùng với sự may mắn để thành công có những tám huy chương quý báu hơn vàng tại Olympic và Asiad của các môn: Taekwondo, Cử tạ, Bắn súng, Điền kinh, Đua thuyền,... Trong sự thành công của thể thao Việt Nam nói chung, có đóng góp không nhỏ của các trung tâm đào tạo, huấn luyện thể dục, thể thao, trong đó có Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Hà Nội. Tiền thân là Trường Huấn luyện kỹ thuật thể dục, thể thao Trung ương, được thành lập ngày 19/11/1959 sau đổi tên là Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia I, nay là Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Hà Nội. Trải qua 64 năm xây dựng Trung tâm ngày càng phát triển và mở rộng, khang trang, to đẹp hơn, đóng góp nhiều cho thể thao nước nhà góp phần nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Các vận động viên tập huấn tại Trung tâm qua các thế hệ đạt nhiều thành tích trong khu vực Đông Nam Á, Châu Á và Thế giới, cụ thể:

- Tại ASIAD 18, các VĐV của Trung tâm đã thi đấu xuất sắc và giành được: 05/05 HCV, 14/16 HCB, 16/19 HCD trong tổng số huy chương của Đoàn Thể thao Việt Nam, góp phần lớn vào thành tích chung của Đoàn Thể thao Việt Nam tại ASIAD 18.

- Tại các kỳ SEA Games, các đội tuyển tập huấn tại Trung tâm luôn đóng góp phần lớn thành tích cho thể thao nước nhà với 2/3 số lượng huy chương các loại, cụ thể là:

+ Tại SEA Games 30 năm 2019 tổ chức tại Philippines, có 28 đội tuyển tập huấn tại Trung tâm tham dự, gồm: 79 chuyên gia, HLV và 307 VĐV, thành tích đạt 66/98 HCV, 58/85HCB, 59/105 HCD.

+ Tại SEA Games 31 năm 2021 tại Việt Nam, 40 đội tuyển tập huấn tại Trung tâm đã tham gia thi đấu đạt 278/441 tổng số huy chương của Đoàn Thể thao Việt Nam, trong đó các VĐV giành được 127/205 HCV, 66/121 HCB, 85/115 HCD. Trong đó có 20 đội tuyển hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, vượt chỉ tiêu đề ra.

+ Tại SEA Games 32 năm 2023 tại Campuchia vừa qua, các VĐV tập huấn tại Trung tâm đã giành được 197/359 tổng số huy chương của Đoàn Thể thao Việt Nam, trong đó các VĐV giành được 82/136 HCV, 46/105 HCB, 69/118 HCD.

- Đặc biệt các VĐV tập huấn tại Trung tâm đã giành được 01 huy chương vàng, 02 huy chương bạc Olympic danh giá, cùng nhiều huy chương vàng Châu Á và Thế giới.

1.2. Tình hình cơ sở vật chất thể dục, thể thao

a. Kết quả đạt được:

Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Hà Nội là đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên. Hiện nay, cơ sở vật chất của Trung tâm gồm các công trình cơ bản như:

- Nhà ở 3 tầng VĐV (nhà A), diện tích sàn: 1.516m², cấp công trình: 2.
- Nhà ở 3 tầng VĐV (nhà B), diện tích sàn: 1.370m², cấp công trình: 2.
- Nhà ở 5 tầng VĐV (nhà C), diện tích sàn: 2.600m², cấp công trình: 2.
- Nhà ở 5 tầng VĐV (nhà D), diện tích sàn: 3.300m², cấp công trình: 2.
- Nhà ở chuyên gia, diện tích sàn: 1.395m², cấp công trình: 2.
- Nhà ăn VĐV, diện tích sàn: 880m², cấp công trình: 2.
- Nhà tập tổng hợp, diện tích sàn: 2.700m², cấp công trình: 2.
- Nhà tập bóng chuyền, diện tích sàn: 4.500m², cấp công trình: 2.
- Trường bắn tuyển 50m, diện tích sàn: 6.900m², cấp công trình: 2.
- Nhà tập cử tạ, diện tích sàn: 1.391m², cấp công trình: 2.
- Nhà tập kết trao giải, trường bắn 25m, trường bắn cung, diện tích sàn: 6.165m², cấp công trình: 2.
- Trường bắn đĩa bay, trường bắn Final, diện tích sàn: 2.205m², cấp công trình: 2.

- Khu phục hồi chức năng, diện tích sàn: 1.082m², cấp công trình: 2.
- Hội trường lớn, diện tích sàn: 1.400m², cấp công trình: 2.

Nhìn chung, trong những năm qua, được sự chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Thể dục, thể thao, Trung tâm Huấn luyện thể thao Hà Nội đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, cụ thể: Trung tâm quản lý đào tạo nhiều đội tuyển trong điều kiện còn thiếu về cơ sở vật chất, kinh phí phục vụ quản lý VĐV còn thiếu so với nhiệm vụ được giao, hệ thống cơ sở vật chất còn nhiều hạn chế do xây dựng lâu năm đã quá xuống cấp, các đội tuyển còn thiếu nhà ở, nhà tập, sân bãi... song số lượng huy chương của Trung tâm luôn đạt 2/3 của đoàn thể thao Việt Nam tại các kỳ SEAGames, ASIAD và Olympic, về quản lý phục vụ luôn được các đội tuyển đánh giá tốt. Trong quá trình thực hiện công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công; thực hiện các chương trình, dự án đầu tư đều đảm bảo kế hoạch và tiến độ đề ra. Các dự án đầu tư được xây dựng đảm bảo chất lượng, tiết kiệm và hiệu quả sử dụng bền vững.

Công tác quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công đã được Trung tâm thực hiện theo đúng quy định, đúng mục đích, đúng công năng, phát huy hiệu quả của tài sản hiện có. Qua đó, đã góp phần tạo điều kiện giúp Trung tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị mà cấp trên giao, từng bước xây dựng Trung tâm ngày một phát triển bền vững, là trung tâm đứng đầu trong các trung tâm thể thao quốc gia với số lượng và thành tích đóng góp cho sự phát triển thể thao thành tích cao của Việt Nam. Trong quá trình quản lý sử dụng không sử dụng sai mục đích, không để xảy ra hiện tượng lấn chiếm, chiếm dụng hoặc để lãng phí tài sản, đặc biệt không làm ảnh hưởng đến các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị chuyên môn của đơn vị. Tài sản Nhà nước đã phát huy hiệu quả kinh tế - xã hội, góp phần từng bước tăng thêm tăng nguồn thu, giảm kinh phí do Nhà nước cấp hằng năm, hỗ trợ cho các hoạt động chuyên môn, đồng thời tái tạo đầu tư cho sửa chữa, nâng cấp và mua sắm tài sản trong Trung tâm. Thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; bước đầu tạo thêm nguồn thu và chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ viên chức và người lao động trong Trung tâm.

b. Tồn tại, hạn chế:

Hệ thống cơ sở vật chất của Trung tâm còn thiếu nhà ở, nhà tập, sân bãi..., hệ thống dụng cụ, trang thiết bị thể thao phục vụ tập luyện, thi đấu còn thiếu, trang thiết bị hầu như đã cũ, nhiều đội tập gửi tại Hà Nội và các tỉnh như Hải Phòng, Hòa Bình,... và sử dụng trang thiết bị tại địa phương.

Thời gian qua do cơ chế chính sách về quản lý, khai thác và sử dụng tài sản công còn nhiều bất cập nên hiệu quả quản lý sử dụng chưa cao, đặc biệt chính sách liên doanh liên kết để phát huy việc chủ động khai thác các dịch vụ cho thuê, liên danh, liên kết đối với các tài sản công hiện có còn thụ động. Các hạng mục công trình sân bãi, nhà tập cũng như các các thiết bị được đầu tư lâu ngày nay đã xuống cấp hoặc lạc hậu, không đạt chuẩn nên giá trị cho thuê, liên danh, liên kết đạt hiệu quả thấp nên việc tạo nguồn tái đầu tư cải tạo, sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất cũng như tăng thu nhập cho cán bộ viên chức và người lao động chưa cao so với mong đợi.

Các cơ chế, chính sách liên quan đến thể dục, thể thao còn bất cập, trong đó:

- Cơ chế, chính sách chưa thực sự thu hút và khuyến khích các nguồn lực đầu tư, nhất là đối với các nhà đầu tư trong nước và quốc tế nên kết quả thực hiện chưa cao. Chủ trương giao tự chủ tài chính, đồng thời đẩy mạnh việc khoán kinh phí sử dụng trong việc cung cấp dịch vụ công còn bất cập.

- Một số quy định của Luật Thể dục, thể thao chưa thực sự cụ thể, thiếu rõ ràng về “đối tượng thừa hưởng, đối tượng thực thi nhiệm vụ nghĩa vụ, trách nhiệm”,....

- Chế độ đãi ngộ cho đội ngũ VĐV, HLV, người làm công tác thể thao chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu thực tế, khó có thể thu hút nhân tài. Khi xã hội phát triển điều kiện kinh tế được cải thiện, việc thay đổi chính sách cho phù hợp với ngành, nghề đối với TDTT cũng đã mang lại hiệu quả tích cực, tuy vậy trong cuộc sống thực tế việc một người làm công tác TDTT hay 1 HLV, 1 VĐV mà sống bằng nghề của mình để cần đủ chưa nói là dư giả trong giai đoạn hiện nay là rất khó. Nếu có chính sách tốt, thu hút được nguồn lực của xã hội để thúc đẩy phát triển kinh tế thể thao, tạo đà cho thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao phát triển.

- “Xã hội hóa thể thao phát triển chưa đồng đều” ngành TDTT không có nguồn lực xã hội ổn định, bền vững từ xã hội hóa TDTT như những nước tiên tiến khác trên thế giới. Thể thao Việt Nam hiện nay nhìn vào xã hội hóa một số môn cũng đã được xã hội quan tâm như: Bóng đá, Bóng chuyền, Golf hay một vài môn thể thao giải trí khác,... Song thực sự hiện nay nền TDTT Nhà nước vẫn phải bao cấp nhất là trong khâu đào tạo, huấn luyện và thi đấu các đội tuyển thể thao – Đối với thể thao quần chúng nguồn ngân sách dành cho thể thao quần chúng từ Trung ương đến các đơn vị địa phương còn nhiều khó khăn, nhiều đơn vị chỉ hoạt động TDTT bằng nguồn ngân sách, có đơn vị có kinh phí và điều kiện để hoạt động song cũng nhiều đơn vị, địa phương hết sức khó khăn về kinh phí đầu tư cho TDTT và không thu được nguồn lực xã hội hóa TDTT.

- Đầu tư cho thể dục, thể thao chưa được định hướng chính sách cụ thể nên còn dàn trải, chưa có trọng tâm trọng điểm và thiếu kiên định. Kinh phí tập huấn và thi đấu Nhà nước chưa đáp ứng (nhất là tập huấn và thi đấu nước ngoài).

2. Một số giải pháp, khuyến nghị:

2.1. Giải pháp phát triển thể dục, thể thao nói chung

Như chúng ta đã biết TDTT không trực tiếp làm ra của cải vật chất cho xã hội song vai trò của TDTT đã gián tiếp đem lại cho con người về sức khỏe thể lực và tinh thần ở trong tất cả các lĩnh vực khác của xã hội; Từ trẻ đến già, nam, nữ và các đối tượng tuổi khác nhau đều cần có sức khỏe đảm bảo chất lượng cuộc sống, đồng thời thể thao thành tích cao góp phần nâng cao vị thế của đất nước, tạo an sinh xã hội cho nhân dân vui tươi, đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước văn minh, hiện đại, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Thông qua quá trình làm việc thực tiễn đồng thời trao đổi với các đồng nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thể dục, thể thao khác nhau của đất nước, chúng tôi rút ra và có một vài chia sẻ tại Hội nghị này nhằm đóng góp một phần nhỏ bé trong công tác quản lý, định hướng, phát triển TDTT trong giai đoạn hiện nay của đất nước ta.

Một là: Thể thao cũng giống như giao dục nếu chỉ một Ngành TDTT làm sẽ không thành công, mà cần cả xã hội vào cuộc (gia đình và xã hội), cần sự quan tâm chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, các ngành, các cấp xây dựng chính sách để phát triển chiến lược TDTT; đồng thời tạo ra nhiều chính sách đẩy mạnh xã hội hóa TDTT.

Hai là: Sửa đổi lại Luật TDTT đảm bảo thực tiễn, dễ thực hiện, dễ áp dụng, luật chi phối các cá nhân, tập thể, các tỉnh thành, các Bộ, ban ngành thực hiện luật TDTT để phát triển TDTT; nâng cao sức khỏe cho nhân dân đồng thời tạo động lực và các điều kiện khác để nâng cao thành tích thể thao trên đấu trường quốc tế.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích các tổ chức, cá nhân cùng tham gia công tác phát triển TDTT từ cơ sở đến Trung ương.

- Xây dựng thể chế, chế độ đãi ngộ cho những người làm công tác TDTT, những HLV, VĐV, hướng dẫn viên...

Ba là: Xây dựng bộ máy tổ chức TDTT bền vững trên cơ sở hệ thống chính trị phân tích đặc điểm, đặc thù nghề nghiệp từ đó hình thành bộ máy tổ chức quản lý, điều hành, thực hiện về công TDTT từ Trung ương đến cơ sở ổn định tạo điều kiện phát triển bền vững (có thể tham khảo các mô hình của các nước tiên tiến, hay như Trung Quốc có nền kinh tế, chính trị, thể chế giống với nước ta).

Bốn là: Nâng cao cơ sở vật chất, thúc đẩy cho người dân có điều kiện tập luyện TDTT như: đất TDTT, sân tập, vườn hoa, công viên, khu dân cư, cơ quan, trường học, bệnh viện...vv đều có nơi cho mọi người tập luyện TDTT.

- Từng bước nâng cao cơ sở vật chất các cơ sở huấn luyện, đào tạo tài năng thể thao, đào tạo huấn luyện viên, hướng dẫn viên đảm bảo an toàn, đầy đủ và tiến tới hiện đại.

Năm là: Đối với thể thao quần chúng cần trú trọng các điều kiện để cho mọi tầng lớp xã hội dễ tiếp cận và có điều kiện tập luyện TDTT từ cụm dân cư, trường học, bệnh viện, cơ quan, trường huấn luyện, giáo dục, giáo dưỡng, vùng sâu, vùng xa vv... Cần có kinh phí đầu tư, xây dựng bộ máy tổ chức, hướng dẫn viên phát triển TDTT quần chúng tại các cơ sở đã nêu như trên.

Sáu là: Đối với thể thao thành tích cao cần có chế độ chính sách tốt để thu hút tài năng cho HLV, VĐV giỏi (công, lương, thưởng), có chế độ chính sách tốt cho những người làm công tác TDTT.

- Cần đầu tư kinh phí đảm bảo huấn luyện, đào tạo HLV, VĐV.

- Cần đầu tư cơ sở vật chất và khoa học kỹ thuật trong huấn luyện, đào tạo các đội tuyển thể thao.

- Cần đảm bảo đầu tư kinh phí tập huấn và thi đấu ở nước ngoài.

- Cần đầu tư xây dựng lực lượng VĐV trẻ bằng chương trình mục tiêu quốc gia cho các tỉnh, thành, ngành (mà trước đây đã thực hiện tốt).

- Xây dựng cơ chế tuyển chọn chuyên gia, HLV, VĐV quản lý, đào tạo huấn luyện hợp lý đảm bảo hiệu quả.

- Lựa chọn các môn, các nội dung trọng tâm, trọng điểm phù hợp với đặc thù,

tâm vóc, tâm lý của con người Việt Nam để đầu tư trọng tâm, trọng điểm.

- Cuối cùng là từ vi mô: “Mọi người làm công tác thể thao cần đoàn kết, lắng nghe, có nhiều suy nghĩ tích cực, tạo niềm tin cho mình, cho mọi người và hành động nói thật làm thật” dù công việc và cuộc sống của những người làm thể thao chúng ta còn nhiều khó khăn.

2.2. Đề xuất, khuyến nghị nhằm phát huy hiệu quả khai thác, sử dụng cơ sở vật chất thể dục, thể thao

- Đề nghị Bộ VHTTDL, TCTDTT đề nghị UBNDQG quan tâm đến việc phát triển xã hội hoá thể thao bằng các văn bản, chính sách cụ thể. Để đảm bảo công tác huấn luyện, đào tạo cần bổ sung tăng ngân sách đầu tư xuống cấp hàng năm cho Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Hà Nội; Đẩy nhanh thực hiện các dự án trung hạn để xây dựng nhà tập 6 tầng, nhà tập, sân tập khu A, khu C Tam Đảo và mở rộng khu A (1,36ha), triển khai cấp vốn tiến hành đầu tư các dự án trung hạn đảm bảo điều kiện tập luyện cho các đội tuyển để nâng cao thành tích.

- Đề nghị Bộ VHTTDL, TCTDTT kiến nghị UBNDQG tăng chế độ tiền ăn, tiền công, tiền thưởng cho HLV, VĐV và tăng chế độ phụ cấp cho những người làm công tác thể thao.

- Đề nghị Bộ VHTTDL, TCTDTT cấp đủ nguồn kinh phí thường xuyên và tăng thêm kinh phí không thường xuyên để đảm bảo cho công tác quản lý phục vụ tập huấn, tập huấn dã ngoại, thi đấu trong nước theo nhu cầu của các đội tuyển.

- Đề nghị Bộ VHTTDL có những giải pháp để khai thác tài sản công, đẩy mạnh xã hội hoá thể thao để nâng cao nguồn xã hội hóa phát triển thể dục, thể thao cũng như cải thiện đời sống cho cán bộ, công nhân viên như: sân tập Golf, nhà hội phục VĐV...

- Đề nghị Bộ VHTTDL hoàn thiện bộ máy lãnh đạo Trung tâm bằng nguồn tại chỗ, xét duyệt các hợp đồng đủ điều kiện chuyển sang biên chế theo chỉ tiêu được giao.

- Đề nghị Bộ VHTTDL xem xét các đơn vị cùng chức năng, nhiệm vụ để nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng cơ sở vật chất nên sáp nhập Khu Liên hợp thể thao quốc gia Mỹ Đình vào Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia Hà Nội (thuộc đơn vị trực tiếp Bộ VHTTDL quản lý) sẽ nâng cao uy tín, hiệu quả, thực hiện đúng chức năng quản lý sử dụng tài sản công, đem lại sự phát triển bền vững góp phần phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao của đất nước.

- Đề nghị Bộ VHTTDL triển khai sớm các công trình trọng điểm vốn trung hạn, vì hiện nay các công trình đã xuống cấp và thiếu cơ sở vật chất cho các đội để đảm bảo cho các đội tập luyện./.

CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH CHO PHÁT TRIỂN THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO DÀNH CHO TRẺ EM, THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

TS. Nguyễn Hải Hữu

*Nguyên Cục trưởng Cục trẻ em
Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội*

Hoạt động văn hóa, thể thao vui chơi giải trí có ý nghĩa rất quan trọng cho sự phát triển toàn diện của con người mà đặc biệt là trẻ em cả về sức khỏe thể chất, sức khỏe tinh thần, trí tuệ và vốn xã hội. Sức khỏe thể chất, sức khỏe tinh thần tốt là tiền đề cho sự phát triển toàn diện của trẻ em. Việc nhận thức đúng, tư duy đúng, đánh giá đúng thực trạng thiết chế văn hóa, thể thao dành cho trẻ em là rất quan trọng, từ đó mới có giải pháp phù hợp phát triển thiết chế văn hóa, thể thao dành cho trẻ em.

1. Các quy định của pháp luật về Quyền của trẻ em được tham gia vào các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí và thư giãn

Hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí là một trong những nhóm quyền cơ bản của trẻ em đã được quy định trong công ước của liên hiệp quốc về quyền trẻ em năm 1989 và có hiệu lực vào năm 1990

“Trẻ em có quyền tự do bày tỏ ý kiến; quyền này bao gồm quyền tự do tìm kiếm, tiếp nhận và phổ biến tất cả các loại thông tin và tư tưởng ở mọi lĩnh vực, bằng lời nói, văn bản viết tay hoặc bản in, hay dưới hình thức nghệ thuật hoặc bất kỳ phương tiện truyền thông nào khác mà trẻ em lựa chọn. Việc thực hiện quyền này có thể phải chịu một số hạn chế nhất định, nhưng những hạn chế này phải được quy định bằng pháp luật và là cần thiết”; “quyền tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng và tôn giáo; trẻ em có quyền được tự do kết giao và hội họp hòa bình.”¹.

“Các Quốc gia thành viên thừa nhận quyền của trẻ em được nghỉ ngơi và thư giãn, được tham gia vui chơi và những hoạt động giải trí và được tự do tham gia các sinh hoạt văn hóa và nghệ thuật phù hợp với lứa tuổi. Các Quốc gia thành viên phải tôn trọng và thúc đẩy quyền của trẻ em được tham gia đầy đủ vào sinh hoạt văn hóa và nghệ thuật, và sẽ khuyến khích việc dành cho trẻ em những cơ hội bình đẳng, thích hợp trong các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, giải trí và thư giãn”².

Hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí là một trong những nhóm quyền cơ bản của trẻ em đã được quy định trong Luật trẻ em năm 2016 của nước ta.

Quyền vui chơi, giải trí: Trẻ em có quyền vui chơi, giải trí; được bình đẳng về cơ hội tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch phù hợp với độ tuổi.

Quyền giữ gìn, phát huy bản sắc: 1. Trẻ em có quyền được tôn trọng đặc Diễm và giá trị riêng của bản thân phù hợp với độ tuổi và văn hóa dân tộc; được thừa nhận các quan hệ gia đình. 2. Trẻ em có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc, phát huy truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc mình.

¹ Điều 13, Điều 14, Điều 15. Công ước của Liên hiệp quốc về quyền trẻ em.

² Điều 31. Công ước của Liên hiệp quốc về quyền trẻ em.

Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo: Trẻ em có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào và phải được bảo đảm an toàn, vì lợi ích tốt nhất của trẻ em.”³

Thông tư Số: 13/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30/9/2021 của Bộ LĐTBXH, ban hành Bộ chỉ tiêu thống kê về tình hình trẻ em và tình hình xâm hại trẻ em, xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi xâm hại trẻ em, trong đó có mục chỉ tiêu thống kê về văn hóa vui chơi giải trí cho trẻ em chỉ có 2 chỉ tiêu là

Tỷ lệ thôn và tương đương có thiết chế văn hóa, thể thao dành cho trẻ em

Tỷ lệ xã phường, thị trấn có điểm văn hóa, vui chơi dành cho trẻ em

Quyền được tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao vui chơi giải trí của trẻ em đã được pháp luật thừa nhận trên bình diện quốc gia và quốc tế. Vì vậy cấp, các ngành các tổ chức có liên quan phải có trách nhiệm giúp trẻ em thực hiện các quyền của trẻ em.

2. Vai trò của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao dành cho trẻ em

Thiết chế văn hóa, thể thao dành cho trẻ em là thuật ngữ dùng để chỉ các cơ quan, đơn vị hoạt động văn hóa, thể thao do Nhà nước hoặc cộng đồng xã hội lập ra trong khuôn khổ pháp luật hoặc quy chế của ngành, đoàn thể nhằm đáp ứng nhu cầu văn hóa, thể thao vui chơi giải trí của trẻ em, góp phần xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh ở địa phương.

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở có vai trò quan trọng trong công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao góp phần xây dựng đời sống văn hóa cơ sở và giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Thiết chế văn hóa, thể thao dành cho trẻ em có vai trò rất quan trọng trong việc tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí dành cho trẻ em, tạo cơ hội cho trẻ em tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao vui chơi giải trí phù hợp với từng độ tuổi của trẻ em, tăng cường khả năng nâng cao sức khỏe thể chất, sức khỏe tinh thần, trí tuệ và vốn xã hội của trẻ em, góp phần phát triển trẻ em toàn diện

Thiết chế văn hóa, thể thao còn là cơ sở vật chất, công cụ trực tiếp và đặc lực của cấp ủy, chính quyền trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các quyền của trẻ em, là công cụ xây dựng cộng đồng an toàn, thân thiện, phù hợp với trẻ em

Thiết chế văn hóa, thể thao phản ánh diện mạo văn hóa của trẻ em, của cộng đồng, quốc gia, chất lượng cuộc sống, nhu cầu hưởng thụ các giá trị vật chất và tinh thần của trẻ em nói riêng và cộng đồng nói chung cũng như tài nghệ sáng tạo của chủ thể văn hóa là trẻ em.

Thiết chế văn hóa, thể thao dành cho trẻ em không chỉ là nơi trẻ em hưởng thụ các giá trị văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí mà còn là nơi kích thích, uơm mầm cho những ý tưởng, khát vọng sáng tạo; nơi trao truyền, quảng bá, lan tỏa những sản phẩm văn hóa, thể thao; nơi trẻ em thể hiện tài nghệ trình diễn, sinh hoạt nghệ thuật dân gian.

³ Điều 16,17,18, 19 Luật trẻ em năm 2016.

Chính sức hấp dẫn của thiết chế văn hóa, thể thao đã huy động được sự tham gia ủng hộ tích cực của trẻ em, xây dựng tinh thần đoàn kết cộng đồng giúp trẻ em thêm yêu quý và gắn bó với quê hương, bản làng.

Trong công cuộc công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước và xây dựng nông thôn mới hiện nay, thiết chế văn hóa, thể thao càng có vai trò quan trọng trong việc động viên tinh thần nhân dân cùng chung tay thực hiện các quyền của trẻ em, tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao phù hợp với lứa tuổi trẻ em và lối sống, chuẩn mực đạo đức xã hội và nhất là phong tục, tập quán của từng vùng, miền, dân tộc... góp phần xây dựng quê hương giàu mạnh.

Thiết chế văn hóa, thể thao nói chung và thiết chế văn hóa, thể thao dành cho trẻ em nói riêng đang góp phần phát triển xã hội một cách bền vững. Một xã hội muốn phát triển bền vững đòi hỏi không chỉ có kinh tế vững mạnh mà còn phải đặc biệt quan tâm đến văn hóa. Con người không chỉ có nhu cầu ăn, mặc, đi lại... mà đang ngày càng hướng tới lối sống lành mạnh, chất lượng cuộc sống tốt hơn. Các thiết chế văn hóa hiện có đang ngày càng phát huy tác dụng nay.

3. Thực trạng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao nói chung và thiết chế văn hóa, thể thao dành cho trẻ em nói riêng

Sau gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới đất nước, đời sống văn hóa của nhân dân nói chung, trẻ em nói riêng không ngừng được nâng cao, hệ thống thiết chế văn hóa ngày càng đầy đủ, hiện đại, đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt tinh thần của người dân.

Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, cũng như so với nhịp độ phát triển của các lĩnh vực khác thì việc đầu tư cho văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí cho trẻ em vẫn còn khiêm tốn, chưa tương xứng. Nhìn nhận, đánh giá quá trình xây dựng, hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa là việc làm cần thiết, nhất là trong giai đoạn hiện nay.

Đề định hướng cho hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, ngày 11/11/2013, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2164/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030. Trong đó có Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ thanh niên, thiếu niên và nhi đồng, bao gồm: Nhà Thiếu nhi cấp huyện; Cung Thiếu nhi, Nhà Thiếu nhi hoặc Trung tâm hoạt động Thanh Thiếu nhi cấp tỉnh.

Trong thời gian qua, các bộ, ngành, địa phương đã tích cực triển khai có hiệu quả các giải pháp và yêu cầu tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Theo báo cáo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong cuộc làm việc với Ủy ban Văn hóa, Giáo dục năm 2022, trong thời gian qua, số lượng thiết chế văn hóa, thể thao các cấp được đầu tư xây dựng đạt và vượt mục tiêu đề ra tại nhiều địa phương; cơ chế, chính sách về đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật và nguồn nhân lực từng bước được quan tâm; kinh phí hoạt động từng bước được nâng lên; nội dung, phương thức tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao có nhiều thay đổi phù hợp với điều kiện thực tế.

Tính đến hết tháng 8.2022, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp do ngành văn hóa, thể thao và du lịch quản lý có 66 thiết chế văn hóa cấp tỉnh (Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Văn hóa nghệ thuật, Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh, Trung tâm Thông tin - Triển lãm...); 674/704 quận, huyện có Trung tâm Văn hóa - Thể thao hoặc Nhà Văn hóa, đạt tỷ lệ khoảng 96%; 8.217/10.599 xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hóa - Thể thao, đạt tỷ lệ 76,8%, trong đó có 5.625/8.158 đạt chuẩn (tỷ lệ 68,9%); 77.380/98.455 làng, thôn, bản, ấp... có Nhà Văn hóa, đạt tỷ lệ khoảng 77%, trong đó có 44.836/77.380 đạt chuẩn (tỷ lệ 58%)⁴.

Toàn quốc hiện nay có 40 tỉnh, thành phố đã quy hoạch quỹ đất dành cho xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao. Từ năm 2014 đến nay, có 03 Trung tâm văn hóa cấp tỉnh có cơ sở vật chất hiện đại được đưa vào sử dụng (Bạc Liêu, Bến Tre, Quảng Bình); nổi bật là việc xây dựng cơ sở vật chất văn hóa trong xây dựng nông thôn mới.

Thiết chế văn hóa, thể thao thuộc các bộ, ngành, đoàn thể bao gồm: Hệ thống thiết chế Công đoàn: 04 Cung văn hóa Lao động Hữu nghị Việt Xô (Hà Nội), Việt Tiệp (Hải Phòng), Việt Nhật (Quảng Ninh) và Cung văn hóa Lao Động (TP Hồ Chí Minh); 30 Nhà văn hóa lao động cấp tỉnh và 29 Nhà văn hóa lao động cấp huyện.

Hệ thống thiết chế của Trung ương Đoàn Thanh niên: Hiện nay, toàn quốc có 68 Cung, Nhà thiếu nhi, Trung tâm hoạt động Thanh, Thiếu nhi cấp tỉnh, thành phố; 168 Nhà thiếu nhi, Trung tâm hoạt động Thanh, Thiếu nhi cấp huyện.

Với hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tương đối rộng khắp từ Trung ương đến cơ sở, thời gian qua đã và đang tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, thể thao trên địa bàn dân cư, đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ văn hóa, thể thao của các tầng lớp nhân dân, trong đó có trẻ em; đồng thời cũng làm nhiệm vụ tuyên truyền, cổ động phục vụ các nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước và địa phương, trong đó có công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về trẻ em.

Hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa thuộc trung ương đoàn dành cho thanh thiếu niên khá sôi động và cuốn hút sự tham gia của rất nhiều thanh thiếu niên, tuy vậy, vẫn chưa đáp ứng nhu cầu của thanh thiếu niên, đặc biệt là việc sử dụng thiết chế văn hóa, cơ sở vật chất cấp cơ sở (cấp xã) và cấp thôn bản phục vụ cho các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí của trẻ em

Hạn chế và thách thức

Thứ nhất là thiếu khung pháp lý toàn diện về thiết chế văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí dành cho trẻ em. Khung pháp lý về thiết chế văn hóa, thể thao dành cho trẻ em hiện nay mới quy định được các thiết chế văn hóa dành riêng cho trẻ em tập trung ở hệ thống thiết chế văn hóa do trung ương đoàn thanh niên quản lý; chưa có quy định cụ thể cho việc trẻ em được thu hưởng hay sử dụng các thiết chế văn hóa chung của cộng đồng ở tất cả các cấp. Bên cạnh đó nhận thức, tư duy về thiết chế văn hóa, thể thao nói chung còn bó hẹp ở khía cạnh tham gia hoạt động văn hóa, thể thao của trẻ em mà chưa chú trọng đến khía cạnh thu hưởng văn hóa, thể thao của trẻ em.

⁴ Báo cáo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch năm 2022.

Nhu cầu của trẻ em không chỉ là nhu cầu vui chơi giải trí mà nó còn liên quan đến nhu cầu về văn hóa nghe- nhìn, (nghe mẹ kể chuyện, xem ti vi, xem biểu diễn nghệ thuật, kịch nói...) văn hóa đọc (đọc sách, xem và đọc truyện tranh, đọc báo...) văn hóa viết (viết bài văn, viết truyện ngắn, làm thơ...), Xuất phát từ thực tế đó cho thấy tư duy, quan niệm về văn hóa dành cho trẻ em hiện nay của người lớn là chưa đầy đủ. Vì vậy, cần xác định cụ thể hơn các loại hình văn hóa, thể thao dành cho trẻ em nói riêng và công chúng nói chung.

Thứ hai: Nhiều thiết chế văn hóa dành cho trẻ em nói riêng cộng đồng nói chung được xây dựng từ lâu, việc cải tạo, sửa chữa chưa thực sự khắc phục được hoàn toàn các hạn chế của công trình, nên đơn vị gặp khó khăn trong công tác khai thác và phát huy hiệu quả hoạt động...Nhiều cộng đồng cấp cơ sở xã/ thôn bản còn trống về thiết chế văn hóa dành cho trẻ em.

Thứ ba: Công tác quản lý, tổ chức hoạt động còn nhiều hạn chế, thiếu chủ động, sáng tạo. Nội dung và hình thức hoạt động chưa phong phú, hấp dẫn, hiệu quả hoạt động chưa đồng đều, một số nơi chưa phát huy tốt, thậm trí còn có một số địa phương sử dụng chưa đúng mục đích cơ sở vật chất của thiết chế văn hóa, thể dục, thể thao cơ sở nói chung và cơ sở văn hóa, thể thao dành cho trẻ em nói riêng, nhiều khu vui chơi giải trí của trẻ em biến thành chợ hoặc phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh khác. Mặc dù tỷ lệ cấp xã, cấp thôn có thiết chế văn hóa khá cao, nhưng việc tiếp cận các thiết chế văn hóa đó của trẻ em còn rất hạn chế, do thiếu các quy định, hướng dẫn cụ thể cho trẻ em sử dụng

Thứ tư: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho biết, một số địa phương chưa thực hiện quy hoạch đất cho thiết chế văn hóa, thể thao; hoặc đã quy hoạch nhưng vị trí không thuận lợi, chưa được đầu tư xây dựng, bị chuyển đổi mục đích sử dụng. Bên cạnh đó, Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh ở nhiều địa phương được đầu tư xây dựng từ giai đoạn trước, quy mô xây dựng nhỏ, lỗi thời; cơ sở vật chất kỹ thuật xuống cấp, trang thiết bị không đồng bộ hoặc hư hỏng, hết khấu hao; không có thiết bị chuyên dụng; không có phòng chức năng để tập luyện, biểu diễn và tổ chức các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ.

Thứ năm: Nhiều Trung tâm Văn hóa -Thể thao cấp huyện, xã cơ sở được đầu tư xây dựng chưa hoàn chỉnh hoặc đã quá lâu, không đúng quy định về quy mô và kiến trúc hoặc xuống cấp trầm trọng, cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn, thiếu và không đồng bộ, đều trong tình trạng hỏng hóc hoặc hết khấu hao. Một số thiết chế văn hóa, thể thao mới được đầu tư xây dựng nhưng đã bộc lộ bất cập (thiếu các hạng mục theo quy định, trang thiết bị chưa đồng bộ, quy mô, kiểu dáng, địa điểm xây dựng chưa phù hợp...). Một số thiết chế ở cấp xã và cấp thôn được đầu tư xây dựng mới nhưng do thiếu kinh phí hoạt động nên hoạt động cầm chừng, gây lãng phí...

Thứ sáu; Kinh phí xây dựng, đầu tư trang thiết bị, tổ chức hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở eo hẹp, do phụ thuộc vào ngân sách Nhà nước và tùy vào điều kiện, khả năng thu ngân sách của địa phương. Việc huy động xã hội hóa để xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và tổ chức hoạt động đã được triển khai thực hiện nhưng chưa đáng kể do các quy định thu hút nguồn lực đầu tư cho các thiết chế văn hóa, thể thao chưa đầy đủ, không sát thực tế, thiếu tính khả thi.

4. Khuyến nghị về giải pháp

4.1. Nhóm giải pháp về nâng cao nhận thức/ thay đổi tư duy, hoàn thiện khung pháp lý về thiết chế văn hóa, thể thao dành cho trẻ em

Thiết chế văn hóa, thể thao dành cho trẻ em không chỉ là các công trình văn hóa, thể thao dành riêng cho trẻ em mà nó bao gồm cả các công trình văn hóa, thể thao của cộng đồng, xã hội mà trẻ em có thể được tham gia thụ hưởng hoặc sử dụng chúng cho hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí của trẻ em thông qua nội dung hoạt động, quy chế/ quy định phù hợp của các cơ quan quản lý các công trình văn hóa, thể thao của Nhà nước, cộng đồng.

Cần phải có quan niệm rộng và xác định rõ các loại hình công trình văn hóa, thể thao (văn hóa nghe – nhìn - đọc – viết) ở các cấp từ trung ương, đến tỉnh, huyện, xã và thôn bản, thậm chí là cả trường học (bể bơi, thư viện, đài truyền hình, đài phát thanh, báo viết, bảo tàng, ấn phẩm sách dành cho trẻ em, nhà thi đấu thể thao, nhà văn hóa, trung tâm thể thao, sân chơi dành cho trẻ em....

Cần phải có các quy định cụ thể về cơ chế/ cách thức để trẻ em tiếp cận thụ hưởng các loại hình thiết chế văn hóa, thể thao hoặc sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ cho nhu cầu vui chơi, giải trí, rèn luyện sức khỏe, học tập. Chỉ có như vậy mới có thể quy hoạch và quan tâm đầu tư, xây dựng cơ chế quản lý phù hợp và đáp ứng nhu cầu sử dụng hoặc thụ hưởng văn hóa đa dạng của trẻ em.

4.2. Nhóm giải pháp về huy động nguồn lực đầu tư các công trình văn hóa, thể thao dành cho trẻ em

Cần có chính sách ưu tiên đầu tư chi cho sự nghiệp văn hóa, thể thao và hỗ trợ theo chương trình mục tiêu quốc gia để đầu tư đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ huyện đến cơ sở/ thôn bản đảm bảo đạt tiêu chuẩn, trong đó có thiết chế văn hóa, thể thao dành cho trẻ em. Khuyến khích tư nhân hoặc công tư kết hợp để thúc đẩy xây dựng các công trình văn hóa, thể thao dành cho trẻ em

Cấp cơ sở và thôn bản cần chủ động huy động các nguồn lực của địa phương (nhân lực, tài chính, nguồn lực tự nhiên...) để xây dựng các công trình văn hóa, thể thao vui chơi giải trí cho trẻ em phù hợp với tình hình thực tế của địa phương

4.3. Nhóm giải pháp về quy hoạch, quản lý, thiết lập cơ chế hoạt động tạo cơ hội cho trẻ em sử dụng và thụ hưởng

Trên cơ sở xác định rõ các loại hình thiết chế văn hóa, thể thao nói chung và thiết chế văn hóa, thể thao dành cho trẻ em nói riêng, cần xác định rõ nhu cầu và quy hoạch phát triển cho từng giai đoạn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế- xã hội của đất nước và từng địa phương.

Các cơ quan quản lý các công trình văn hóa, thể thao cần có các quy định cụ thể để tạo điều kiện cho trẻ em dễ dàng tiếp cận thụ hưởng hoặc sử dụng các công trình văn hóa, thể thao phù hợp với tình hình thực tế, tổ chức các hoạt động phục vụ nhu cầu thụ hưởng văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí của trẻ em.

4.4. Nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế, công trình văn hóa, thể thao dành cho trẻ em

Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động văn hóa, thể thao gắn với nhu cầu của trẻ em; tăng cường công tác hướng dẫn nghiệp vụ đối với hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cấp dưới và các phong trào văn hóa, thể thao của trẻ em.

Đi sâu tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí phù hợp với đặc điểm trẻ em dân tộc, vùng, miền, các nhóm đối tượng trẻ em đặc thù (khuyết tật, trẻ em dân tộc thiểu số ít người); thu hút trẻ em ở mọi lứa tuổi tham gia hoạt động.

Nâng cao hiệu quả các hội thi, hội diễn, các ngày hội văn hóa, thể thao; các hoạt động tuyên truyền, giáo dục; xây dựng, phát triển hệ thống các câu lạc bộ văn hóa, thể thao cơ sở dành cho trẻ em./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Công ước của liên hợp quốc về quyền trẻ em.
2. Luật trẻ em năm 2016.
3. Quyết định số 2164/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030.
4. Báo cáo kết quả thực hiện quyết định số 2164/QĐ-TTg của một số địa phương (Yên Bái, Tây Ninh...).
5. Báo cáo của Bộ Văn hóa- Thể thao- Du lịch về việc thực hiện thiết chế văn hóa năm 2022.
6. Thông tin về kết quả giám sát thực hiện thiết chế văn hóa của Ủy ban Văn hóa- Giáo dục của quốc Hội năm 2022, 2023.
7. Thông tư Số: 13/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30/9/2021 của Bộ LĐTBXH, ban hành Bộ chỉ tiêu thống kê về tình hình trẻ em và tình hình xâm hại trẻ em, xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi xâm hại trẻ em.

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC TRONG CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA Ở VIỆT NAM

TS. Mai Thị Thùy Hương

Phó Viện trưởng, Viện Văn hóa, Nghệ thuật quốc gia Việt Nam

Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam¹: “*Thiết chế văn hóa là chỉnh thể văn hóa hội tụ đầy đủ các yếu tố: cơ sở vật chất, bộ máy tổ chức, hệ thống biện pháp hoạt động và kinh phí hoạt động cho các thiết chế đó*”. Thiết chế văn hóa có thể được hiểu là các cơ quan, đơn vị thuộc Nhà nước hoặc do cộng đồng xã hội (dân cư) thành lập nên, hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao theo quy định của pháp luật. Các thiết chế văn hóa đóng vai trò quan trọng trong xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Chính vì vậy, Đảng và Nhà nước luôn đặt nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện các thiết chế văn hóa là một trong các nhiệm vụ trọng tâm để phát triển văn hóa. Muốn làm được như vậy, bên cạnh việc hoàn thiện thể chế chính sách, đầu tư nguồn lực cho các thiết chế văn hóa, vấn đề phát triển nguồn nhân lực cho các thiết chế văn hóa cũng được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm.

Đảng ta luôn xác định “cán bộ là then chốt của then chốt”. Trong kết luận tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ 2 (tháng 11/2021), Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng cũng đã nhấn mạnh “Đặc biệt chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ trí thức văn nghệ sĩ làm công tác văn hóa, văn học, nghệ thuật. Đội ngũ này có vai trò cực kỳ quan trọng trong sự nghiệp văn hóa nói riêng và trong sự nghiệp cách mạng nói chung”.

1. Khái quát về nguồn nhân lực trong các thiết chế văn hóa, thể thao hiện nay

Trong thời đại ngày nay, vai trò của con người đã có nhiều thay đổi. Vấn đề con người, nguồn nhân lực, phát huy nguồn nhân lực,... trở thành những vấn đề trọng tâm trong quốc sách phát triển của các quốc gia, dân tộc.

Theo giáo trình *Kinh tế Nguồn nhân lực* (2009) do Trần Xuân Cầu và Mai Quốc Chánh làm chủ biên, “nguồn nhân lực là một phạm trù dùng để chỉ sức mạnh tiềm ẩn của dân cư, khả năng huy động tham gia vào quá trình tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội trong hiện tại cũng như trong tương lai”. Theo GS.VS. Phạm Minh Hạc “nguồn nhân lực là mục tiêu quan trọng trong chiến lược phát triển con người. Đứng về phương diện xã hội thì toàn bộ chiến lược phát triển con người cuối cùng phải thành nguồn nhân lực”².

Như vậy, *nguồn nhân lực trong các thiết chế văn hóa, thể thao có thể hiểu*

¹ Hội đồng quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam, Từ điển Bách khoa Việt Nam, tập 4, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2005, tr.28.

² Phạm Minh Hạc, Nghiên cứu con người và nguồn nhân lực đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2001.

được là *nguồn lực con người hoạt động trong các thiết chế văn hóa, thể thao được huy động, khai thác nhằm tạo ra các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, phục vụ đời sống vật chất và tinh thần của xã hội.*

Thiết chế văn hóa, thể thao bao gồm cả thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao và thiết chế tích hợp cả văn hóa và thể thao. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao bao gồm hệ thống thiết chế ở trung ương và thiết chế ở cơ sở.

- Thiết chế văn hóa ở Trung ương bao gồm: Thư viện quốc gia, Trung tâm Triển lãm Văn hóa Nghệ thuật Việt Nam, Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam, các Trung tâm văn hóa Việt Nam trong nước và ngoài nước thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 07 Bảo tàng ở Trung ương; Trung tâm chiếu phim Quốc gia, Rạp xiếc Trung ương; hệ thống Nhà hát do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trực tiếp quản lý; các bảo tàng, nhà hát, thư viện, trung tâm triển lãm... do các bộ, ngành, các tổ chức đoàn thể ở trung ương quản lý;

- Thiết chế thể thao ở Trung ương bao gồm: Khu Liên hợp thể thao quốc gia, Trung tâm Huấn luyện thể thao Quốc gia Hà Nội, Trung tâm Huấn luyện thể thao Quốc gia Đà Nẵng, Trung tâm Huấn luyện thể thao Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Huấn luyện thể thao Quốc gia Cần Thơ, Trung tâm thể thao Ba Đình do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trực tiếp quản lý; thiết chế thể thao thuộc các bộ, ngành: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Giáo dục và Đào tạo...

- Thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở được chia thành 4 hệ thống do ngành văn hóa, thể thao và du lịch, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Liên đoàn Lao động, lực lượng vũ trang, các bộ, ngành khác quản lý và các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở do xã hội hóa xây dựng.... Tính đến hết tháng 3/2023, cả nước có 66 thiết chế văn hóa cấp tỉnh; quận, huyện có Trung tâm Văn hóa - Thể thao hoặc Nhà Văn hóa đạt tỷ lệ khoảng 97,7%; xã, phường, thị trấn có Nhà Văn hóa đạt tỷ lệ 77,4%; làng, thôn, bản, ấp... có Nhà Văn hóa đạt tỷ lệ khoảng 76,3%³.

Nguồn nhân lực làm việc tại các thiết chế văn hóa, thể thao thuộc Bộ, ban, ngành và địa phương quản lý gồm cán bộ trong biên chế - viên chức và cán bộ ký hợp đồng. Đối với các thiết chế văn hóa, thể thao cấp xã/phường, các công chức văn hóa – xã hội của xã/phường kiêm nhiệm.

Nguồn nhân lực làm việc trong các thiết chế văn hóa, thể thao đa phần là các nghệ sĩ, diễn viên, vận động viên, cán bộ văn hóa quần chúng. Họ được đào tạo qua nhiều trường lớp, từ bậc trung cấp đến đại học, trên đại học ở các cơ sở đào tạo ngành văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao.

Bên cạnh các đặc điểm chung của nguồn nhân lực Việt Nam, nguồn nhân lực này còn có những đặc điểm riêng biệt, đó là:

- Có khả năng sáng tạo nghệ thuật, cống hiến bản thân cho tác phẩm, cho bộ môn nghệ thuật, thậm chí cho một tiết mục biểu diễn.

- Không chỉ thực hiện công việc dập khuôn máy móc mà còn muốn thể hiện cái tôi, tính sáng tạo cá nhân trong từng tác phẩm, từng tiết mục biểu diễn.

³ Số liệu cập nhật theo Báo cáo số 139/BC-BVHTTDL ngày 22/6/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Có khả năng thiết lập và duy trì mối quan hệ với khán giả.
- Muốn được công chúng công nhận và hâm mộ về tài năng cũng như tác phẩm của mình.
- Ưa thích lối sống tự do, sáng tác theo cảm hứng và rất nhạy cảm trong mối quan hệ ứng xử và công việc.
- Tâm huyết với nghề nghiệp, gắn bó chặt chẽ với đồng nghiệp
- Thời gian hoạt động không theo giờ hành chính, tùy theo cảm hứng cá nhân hoặc phục vụ theo nhu cầu công chúng⁴.

Đây vừa là ưu điểm vừa là khó khăn trong quá trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Cần có chính sách bồi dưỡng, khuyến khích, ghi nhận, tạo điều kiện để nguồn nhân lực này phát huy tính sáng tạo, đam mê cống hiến nhiều hơn nữa.

2. Một số vấn đề đặt ra trong phát triển nguồn nhân lực trong các thiết chế văn hóa, thể thao

a) Quy hoạch, bố trí việc làm

Chính phủ đã ban hành nhiều quyết định, nghị quyết, đề án... liên quan đến các thiết chế văn hóa, thể thao. Trong đó, đặc biệt phải kể đến Quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013, phê duyệt *Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 – 2020, định hướng đến năm 2030*. Quy hoạch cũng xác định rõ nội dung về phát triển nguồn nhân lực cho các thiết chế văn hóa, thể thao, với yêu cầu về trình độ đào tạo và chuyên ngành đào tạo.

Thực tế, theo báo cáo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL), đến năm 2023, số cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc tại các thiết chế văn hóa cấp tỉnh có trình độ đại học, cao đẳng trở lên đạt khoảng 60%; cán bộ có trình độ trung cấp chiếm khoảng 32%. Ở cấp huyện cán bộ, công chức, viên chức có trình độ đại học, cao đẳng đạt khoảng 49%, trình độ trung cấp đạt khoảng 37%, số cán bộ có kinh nghiệm công tác trong ngành trên 5 năm chiếm khoảng 72%; ở cấp xã cán bộ, công chức, viên chức có trình độ đại học, cao đẳng chiếm khoảng 16%, trình độ trung cấp khoảng 71%⁵. Như vậy, *theo Quy hoạch, đến nay đã hơn 10 năm, nhưng tỷ lệ về trình độ học vấn của cán bộ công tác tại các thiết chế văn hóa từ trung ương đến địa phương vẫn chưa đạt được theo yêu cầu.*

Mặt khác, theo *Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 7/10/2020 của Chính phủ* về việc thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, các thiết chế văn hóa, thể thao đang tổ chức, sắp xếp cơ cấu tổ chức. Quá trình sắp xếp gặp nhiều khó khăn, do phải cơ cấu lại tổ chức, nhân sự để bảo đảm đủ 15 viên chức trở lên, trong khi đó, các loại hình hoạt động nghệ thuật của các thiết chế văn hóa khác nhau, không tránh khỏi khiên cưỡng, làm giảm hiệu quả hoạt động.

Theo *Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019* của Chính phủ, số lượng

⁴ Trường Đại học Văn hóa Hà Nội (2010), Giáo trình Quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hóa nghệ thuật, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

⁵ Báo cáo số 139/BC-BVHTTDL ngày 22/6/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách cấp xã bị cắt giảm, trong khi nhiệm vụ của công chức văn hóa, xã hội tăng nhiều. Công chức cấp xã về văn hóa – xã hội đồng thời kiêm nhiệm là chủ nhiệm Trung tâm Văn hóa – Thể thao, các cán bộ, người hoạt động không chuyên trách tham gia kiêm nhiệm hoạt động của Trung tâm Văn hóa – Thể thao. *Việc số lượng cán bộ ít, kiêm nhiệm nhiều việc gây ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động của các thiết chế văn hóa cơ sở nói riêng và hoạt động văn hóa – xã hội của địa phương nói chung.*

Nghị định 36/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao đã có một số ưu đãi về nghề và sắp xếp việc làm cho các vận động viên. Theo đó, vận động viên đạt huy chương tại Olympic Games, ASIAD, SEA Games được ưu tiên: Xét tuyển đặc cách vào làm việc tại các cơ sở thể thao công lập phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng; được cộng điểm ưu tiên trong tuyển dụng lao động tại các cơ sở thể thao khi có đủ trình độ, năng lực chuyên môn phù hợp với yêu cầu của vị trí tuyển dụng; trong thời gian tập sự được hưởng 100% mức lương và phụ cấp của chức danh nghề nghiệp tương ứng với vị trí việc làm.

b) Đào tạo, bồi dưỡng

Hiện cả nước có 40 cơ sở đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học lĩnh vực văn hóa nghệ thuật (VHNT), gồm 15 cơ sở đào tạo trực thuộc Bộ VHNTDL và 25 cơ sở đào tạo VHNT do các tỉnh/thành trực tiếp quản lý, 01 viện nghiên cứu có đào tạo tiến sĩ, khoảng 80 cơ sở đào tạo công lập và tư thục tham gia đào tạo các ngành thuộc lĩnh vực VHNT. Ở lĩnh vực thể thao, cả nước có 5 trường đại học, 01 viện nghiên cứu và khoảng 26 cơ sở tham gia đào tạo, cụ thể gồm 03 trường đại học, 01 viện nghiên cứu trực thuộc Bộ VHNTDL, 2 trường sư phạm TĐTT trực thuộc Bộ GD-ĐT⁶.

Hệ thống các cơ sở đào tạo có phân cấp đầy đủ các trình độ đào tạo từ đại học (đại học và sau đại học), cao đẳng và trung cấp. Đây là các cơ sở đào tạo chính đội ngũ nhân lực làm việc tại các thiết chế văn hóa, thể thao. Bên cạnh đó, lực lượng sinh viên tốt nghiệp các cơ sở đào tạo ngành khoa học xã hội nhân văn (nhóm ngành gần, chuyên môn phù hợp) cũng là đội ngũ nhân lực tiềm năng cho các thiết chế văn hóa, thể thao.

Có thể thấy, số lượng các cơ sở đào tạo ngày càng tăng, chất lượng các cơ sở đào tạo cũng ngày một nâng cao, tuy nhiên, tuyển sinh và đào tạo các ngành văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao còn gặp nhiều khó khăn.

- Số lượng tuyển sinh thấp, chất lượng đầu vào cạnh tranh

Năm 2022, theo báo cáo của Bộ VHNTDL, tổng chỉ tiêu khối văn hóa nghệ thuật 6.311, tuyển được 4.294, đạt 68%, trong đó chủ yếu là các trường đại học văn hóa đạt tỷ lệ cao, còn các trường đại học nghệ thuật tỷ lệ vẫn thấp.

⁶ <https://bvhttdl.gov.vn/nang-cao-chat-luong-dao-tao-nhan-luc-cho-nganh-van-hoa-the-thao-va-du-lich-20231027202715914.htm>

Từ năm 2017, Bộ VHNT&DL đề xuất giao nhiệm vụ đào tạo gắn với giao kinh phí (hình thức đặt hàng) đối với các cơ sở đào tạo thuộc Bộ. Cụ thể, Nhà nước sẽ trả 100% chi phí đào tạo áp dụng cho đối tượng người học là HSSV thuộc một số chuyên ngành, lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật khó tuyển sinh, hiếm, truyền thống và dân tộc, người dân tộc thiểu số. Đây là những ngành mà nhu cầu xã hội không cao nhưng rất thiếu để đáp ứng yêu cầu bảo tồn văn hóa, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đặc biệt ở những nơi có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Trong lĩnh vực TDĐT, việc tuyển thẳng các vận động viên, huấn luyện viên đã tham gia thi đấu các giải đấu cấp khu vực và thế giới vào các trường đại học, cao đẳng... cũng là cách để mở rộng cơ chế tuyển sinh.

Mặc dù đã có nhiều cách thức tuyển sinh linh hoạt, song công tác tuyển sinh của các ngành VHNT, thể dục, thể thao vẫn gặp nhiều khó khăn, khó tuyển được ứng viên có chất lượng cao do phải cạnh tranh với nhiều ngành nghề có triển vọng thu nhập cao trong xã hội.

- Công tác đào tạo chưa tính đến những yếu tố đặc thù

Với việc thực thi Luật Giáo dục đại học và Luật Giáo dục nghề nghiệp, nhiều cơ sở đào tạo thuộc Bộ VHNTDL đã nêu những vấn đề bất cập trong đào tạo thời gian qua và đề nghị xây dựng cơ chế đặc thù trong đào tạo năng khiếu, nghệ thuật, thể thao như giao các trường chủ động xây dựng thời gian đào tạo; xây dựng chính sách cho đội ngũ cán bộ giáo viên trong lĩnh vực nghệ thuật, thể dục, thể thao; chính sách cho từng lĩnh vực văn học, nghệ thuật, thể thao... Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ VHNTDL cũng đã nhiều lần xem xét, đề cao yếu tố đặc thù trong đào tạo ngành VHNT, thể dục, thể thao, tuy nhiên, các nội dung cụ thể trong triển khai vẫn còn nhiều vướng mắc chưa được tháo gỡ.

- Chất lượng đào tạo chưa đáp ứng nhu cầu của vị trí việc làm và nhu cầu của xã hội

Chương trình đào tạo chính quy còn chưa chú trọng đến các môn học, các kỹ năng cần thiết để sinh viên tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu vị trí việc làm và nhu cầu của xã hội. Trong cơ chế tự chủ của các thiết chế văn hóa, thể thao như hiện nay, các kiến thức về marketing, công nghiệp văn hóa... hay các kỹ năng truyền thông, quảng cáo, vận động tài trợ, giao tiếp... là rất cần thiết. Trong một nghiên cứu của Bộ VHNTDL về chất lượng đào tạo ngành nghệ thuật, cũng đã có đánh giá về năng lực của sinh viên tốt nghiệp các ngành nghệ thuật. Theo đó, đa phần các sinh viên phát huy năng lực chuyên môn (đàn, hát, biểu diễn nghệ thuật...) tốt, nhưng các kỹ năng làm việc văn phòng còn yếu.⁷

Bên cạnh đào tạo chính quy, để nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức làm việc tại các thiết chế văn hóa, thể thao, Bộ VHNTDL đã tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao nghiệp vụ. Tuy nhiên, số lượng các lớp học còn ít, chưa tiến hành đồng bộ. Từ 2016-2022, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho người quản lý, tổ chức hoạt động tại Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn với kinh phí 3,3 tỷ đồng cho hơn 1.000 học viên.⁸

⁷ Nhiệm vụ khoa học cấp Bộ năm 2018, “Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo ngành nghệ thuật”.

⁸ Số liệu của Bộ VHNTDL

c) Chế độ lương, đãi ngộ

- Chế độ lương thấp, quy định nâng ngạch còn bất cập

Các thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức áp dụng đối với viên chức chuyên ngành văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập (trong đó có các thiết chế văn hóa, thể thao từ cấp trung ương đến địa phương)⁹ có quy định tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng đối với các chức danh nghề nghiệp hạng I, II, III phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên. Trong khi đó, theo thống kê, tỷ lệ viên chức ở các thiết chế có bằng đại học, cao đẳng mới chiếm hơn 50% (chủ yếu tập trung ở các thiết chế cấp tỉnh). Vì vậy, chủ yếu viên chức ở các thiết chế văn hóa xếp hạng chức danh nghề nghiệp hạng IV, với mức lương rất thấp (từ hệ số 1,86). Việc thi nâng ngạch, bên cạnh tiêu chuẩn về bằng cấp còn có những tiêu chuẩn nghề nghiệp khác.

Ví dụ: huấn luyện viên hạng III đề thi nâng hạng lên huấn luyện viên hạng II (HLV chính) cần điều kiện: Trong thời gian giữ chức danh nghề nghiệp huấn luyện viên (hạng III) hoặc tương đương đã trực tiếp huấn luyện, đào tạo vận động viên đạt ít nhất một trong các thành tích sau: huy chương tại Đại hội thể thao toàn quốc; các giải vô địch quốc gia; cup quốc gia; giải vô địch trẻ từng môn châu Á, thế giới hoặc thành tích quy định tại điểm b, khoản 4, Điều 4 Thông tư này¹⁰.

Ở khối nghệ thuật, đa phần các NSND, NSUT, các tài năng trẻ, nhất là ở các nhà văn hóa địa phương, chủ yếu được đào tạo hệ cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp hoặc truyền nghề nên cũng chỉ được xếp từ ngạch lương diễn viên hạng IV.

- Quy định chế độ phụ cấp còn ở mức thấp, chưa đầy đủ

Ngoài lương, theo quy định, các nghệ sĩ được hưởng phụ cấp ưu đãi nghề 15% theo hệ số lương (với nhạc công) và 20% (với diễn viên); phụ cấp độc hại (hay gọi thanh sắc) là 0,3% (với diễn viên) và 0,2% (với nhạc công). Nhưng khoản này cũng là không đáng kể. Chế độ phụ cấp đối với cán bộ văn hóa quần chúng, các đội tuyên truyền thông tin lưu động cũng đã không còn phù hợp với tình hình thực tế.

Quy định về chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ vận động viên, huấn luyện viên thể thao cũng chưa phù hợp, tương xứng với quá trình tập luyện lâu dài, khắc nghiệt, gặp nhiều nguy cơ về sức khỏe, chấn thương. Các chế độ đãi ngộ này cũng chủ yếu trong thời gian thi đấu thể thao, chưa có chế độ đãi ngộ thường xuyên.

Nhiều vị trí việc làm trong các thiết chế văn hóa, thể thao còn chưa sắp xếp được phụ cấp hợp lý hoặc định mức thù lao, bồi dưỡng phù hợp.

- Cơ chế, chính sách đãi ngộ đặc thù còn nhiều bất cập, chông chéo

Nghị định số: 109/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về việc hỗ trợ đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn. Tuy nhiên, việc áp dụng đối tượng cũng như mức kinh phí hỗ trợ theo nghị định này cũng rất hạn chế. Không thể căn cứ vào gia cảnh, bệnh tật để xét

⁹ Thông tư số 07, 08, 09, 10/2022/TT-BVHTTDL

¹⁰ Thông tư số 7/2022/TT-BVHTTDL quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức ngành thể dục, thể thao

trợ cấp nhiều hay ít hoặc không trợ cấp. Các NNND, NNUT chính là những con người có tài năng đặc biệt, có nhiều cống hiến cho cộng đồng, góp phần giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc. Cần thiết phải có một khoản kinh phí hàng tháng cố định từ ngân sách là nguồn phụ cấp dành cho các nghệ nhân.

- *Nghị định số 60/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.* Một trong những khó khăn khi áp dụng Nghị định cho các đơn vị nghệ thuật là tính chất đặc thù nguồn nhân lực của ngành này. Tính chất của các ngành nghệ thuật, thể dục, thể thao đòi hỏi nguồn nhân lực có tuổi trẻ và sức khỏe. Trong khi, thực tế ở các thiết chế văn hóa, thể thao thường tồn tại đội ngũ tuổi đời chưa cao nhưng tuổi lao động đã quá, không thể tinh giản một cách cơ học, nhưng nếu giữ lại mà không có ngân sách Nhà nước thì khó có thể bảo đảm thu nhập. Do đó, cần có chính sách hỗ trợ, bố trí, sắp xếp việc làm linh hoạt cho đối tượng này.

3. Một số giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

a) Giải pháp về thể chế

- Thống nhất trong sửa đổi quy định về tiêu chí, điều kiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy, định mức biên chế, cơ cấu đội ngũ cán bộ, viên chức, người lao động làm việc trong các thiết chế văn hóa, thể thao;

- Ban hành Nghị định quy định về đào tạo các ngành, nghề chuyên sâu đặc thù trong lĩnh vực nghệ thuật;

- Tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế trong đào tạo các ngành văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao: Xem xét, sửa đổi các văn bản pháp luật có tính liên ngành giữa các Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đẩy nhanh việc thực hiện các đề án về đào tạo đặc thù nguồn nhân lực các ngành văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao.

b) Giải pháp về chính sách

- Tăng cường bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ, đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ làm việc ở các thiết chế văn hóa, thể thao, đặc biệt là các thiết chế cấp cơ sở.

- Tăng cường chế độ đãi ngộ, phụ cấp đối với viên chức làm việc tại các thiết chế văn hóa, thể thao cấp cơ sở.

- Áp dụng linh hoạt các chế độ, chính sách dành cho nghệ sĩ, vận động viên vào các viên chức làm việc trong thiết chế văn hóa, thể thao.

c) Giải pháp huy động nguồn lực

- Thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi về đất, tín dụng, thuế và phí đối với các cơ sở đào tạo và thiết chế văn hóa do khu vực tư nhân đầu tư.

- Tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tư nhân tham gia đầu tư cho hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao.

- Phát huy cơ chế tự chủ trong hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao nhằm đảm bảo ổn định đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ làm việc tại các thiết chế.

Kết luận

Thiết chế văn hóa, thể thao có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp phát triển văn hóa của đất nước. Để các thiết chế văn hóa, thể thao phát huy được vai trò, nguồn nhân lực trong các thiết chế, chính là lực lượng nòng cốt. Lực lượng này có mạnh, có tinh, thì hoạt động của các thiết chế mới có hiệu quả, mới phục vụ và có tác động được đến đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân. Muốn nâng cao chất lượng nguồn nhân lực này, cần đánh giá được những hạn chế, điểm nghẽn trong phát triển, từ đó thực hiện đồng bộ các giải pháp cả về thể chế, chính sách và nguồn lực. Nguồn nhân lực trong các thiết chế văn hóa, thể thao, không chỉ cần có tài năng, giỏi về chuyên môn, mà cần những cán bộ thực sự có tâm huyết với nghề, có tinh thần sáng tạo, niềm say mê cống hiến cho sự nghiệp chung của cả cộng đồng xã hội./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2010), *Đề án Xây dựng đội ngũ trí thức ngành văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2020*.
2. Chính phủ nước (2011), *Đề án Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo của các trường văn hóa nghệ thuật giai đoạn 2011 – 2020*.
3. Chính phủ (2011), *Đề án Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên trình độ cao trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật giai đoạn 2011 – 2020*.
4. Phạm Minh Hạc (chủ biên) (2007), *Phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
5. Vi Thanh Hoài (2022), “Nguồn lực cho xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở - thực trạng và giải pháp”, *Kỷ yếu Hội thảo Thể chế, chính sách và nguồn lực cho phát triển văn hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, tr. 668 – 680.
6. Mai Thị Thùy Hương (2018), *Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo ngành nghệ thuật trong các trường đại học thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*, Nhiệm vụ khoa học cấp Bộ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
7. Mai Thị Thùy Hương (2022), “Giải pháp phát triển nguồn nhân lực ngành nghệ thuật”, *Kỷ yếu Hội thảo Thể chế, chính sách và nguồn lực cho phát triển văn hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, tr. 717 – 734
8. Đinh Công Tuấn, Nguyễn Thị Anh Quyên (2022), “Phát triển nguồn nhân lực ngành văn hóa, nghệ thuật: thực trạng và giải pháp”, *Kỷ yếu Hội thảo Thể chế, chính sách và nguồn lực cho phát triển văn hóa*, Nxb Chính trị quốc gia, tr. 1138 – 1149.

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ HÁT CẢI LƯƠNG VIỆT NAM

TS. NSND. Triệu Trung Kiên
Nhà hát Cải lương Việt Nam

1. Khái quát chung về Nhà hát Cải lương Việt Nam

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng, là “*Xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng*”. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nhiều lần khẳng định: “*Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em nghệ sỹ là chiến sỹ trên mặt trận ấy*”.

Vào những năm 50 của thế kỷ trước, đường lối chỉ đạo của Đảng, Bác như luồng gió mới thổi vào hoạt động văn hóa, văn nghệ kháng chiến. Trên vùng đất Thanh Hóa, thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban kháng chiến tỉnh Thanh Hóa đã quyết định tập hợp tất cả các gánh hát, lập nên một đơn vị nghệ thuật thống nhất, đưa sân khấu Cải lương đi theo hướng phục vụ Cách mạng, phục vụ kháng chiến và nhân dân. Trên cơ sở đó, vào ngày 17 tháng 04 năm 1951, Ty tuyên truyền văn nghệ tỉnh Thanh Hóa, đã triệu tập 12 gánh hát đang tạm cư tại Thanh Hóa về dự Đại hội toàn thể tại thôn Mỹ Lý, xã Mỹ Văn, huyện Thiệu Hóa. Thông qua sự bàn bạc, dân chủ, thống nhất của 12 gánh hát, ***Liên đoàn Ca kịch kháng chiến Thanh Hóa*** đã chính thức được ra đời. Đến tháng 12 năm 1954, Sở Tuyên truyền văn nghệ Liên khu IV đã quyết định đổi tên Liên đoàn thành ***Liên đoàn Ca kịch kháng chiến Liên khu IV***, đó cũng chính là tiền thân của Nhà hát Cải lương Việt Nam ngày nay.

Cuối năm 1964, trong bối cảnh chiến tranh chống đế quốc Mỹ, Bộ Văn hóa đã quyết định thành lập ***Nhà hát Cải lương Việt Nam***. Trong đó, Nhà hát, chia thành Đoàn Cải lương Bắc Trung ương và Đoàn Cải lương Nam Bộ.

Sau năm 1975, đất nước thống nhất, Đoàn Cải lương Nam Bộ về lại miền Nam và trở thành nòng cốt của Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang.

Đến ngày 19/6/1978, Đoàn Cải lương Bắc Trung ương được nâng cấp thành ***Nhà hát Cải lương Trung ương***.

Đến năm 2002, để khẳng định vai trò của đơn vị phù hợp với yêu cầu mới, dưới sự cho phép của Bộ Văn hóa – Thông tin, Nhà hát đã đổi phiên hiệu và chức năng thành ***Nhà hát Cải lương Việt Nam***.

Theo Quyết định số 3228/QĐ-BHVHTTDL ngày 27 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định: Nhà hát Cải lương Việt Nam (tên giao dịch Quốc tế: ***Vietnam National Cai luong Theatre***) là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với 02 đoàn biểu diễn: Đoàn Cải lương Thử nghiệm và Đoàn Cải lương Truyền thống, có chức năng dàn dựng các tiết mục và biểu diễn nghệ thuật Cải lương; bảo tồn và phát triển bộ môn nghệ thuật Cải lương truyền thống của Việt Nam.

2. Hoạt động của Nhà hát Cải lương Việt Nam

Trải qua 73 năm hình thành và phát triển, Nhà hát Cải lương Việt Nam đã được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều Huân chương Kháng chiến, Huân chương Độc lập, Huân chương Lao động. Các giải Vàng, Bạc cho các vở diễn và các nghệ sỹ xuất sắc trong các kỳ Liên hoan, Hội diễn... Nhiều nghệ sỹ được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Nghệ sỹ Nhân dân, Nghệ sỹ Ưu tú cùng nhiều vở diễn nổi tiếng được dư luận xã hội đánh giá cao, khán giả yêu thích, ưa chuộng. Phải kể đến các vở diễn: *Người nữ Diễn viên miền Nam*; *Người công dân số một*; *Hương trầm*; *Đôi dòng sữa mẹ*; *Cây đàn huyền thoại*; *Cung phi Diễm Bích*, *Chuyện tình Khau Vai* ...

Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, nghệ thuật truyền thống trong đó có Cải lương đã đạt được những bước phát triển vượt bậc, đặc biệt là giai đoạn sân khấu Cách mạng (1955 - 1985), để trở thành những nghệ thuật sân khấu mang tính chuyên nghiệp, đồng bộ; tính hàn lâm và học thuật cao. Những năm qua, cùng với chính sách phát triển kinh tế - xã hội, Nhà nước đã ban hành các Nghị định nhằm từng bước đổi mới cơ chế hoạt động của Nhà hát, tạo điều kiện cho Nhà hát chủ động về tổ chức thực hiện nhiệm vụ, tổ chức nhân sự, đặc biệt là chủ động trong hoạt động quản lý chi tiêu tài chính. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, tiếp theo là Nghị định số 16/2015/NĐ-CP. Ngày 12/11/2012, Bộ trưởng Bộ VHTTDL ban hành Quyết định số 94/QĐ-BVHTTDL về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho Nhà hát Cải lương Việt Nam. Sau khi thực hiện theo Nghị định của Chính phủ và Quyết định của Bộ, kết quả cho thấy, việc mở rộng quyền tự chủ cũng đã tạo nên những thay đổi tích cực đối với hoạt động nghệ thuật của đơn vị.

Tuy nhiên trong bối cảnh hiện nay, giữa xu thế toàn cầu hóa, hội nhập Quốc tế, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 nở rộ mạnh mẽ... sân khấu Cải lương nói riêng và các loại hình nghệ thuật truyền thống nói chung đang phải đối diện với một cuộc khủng hoảng chưa từng có cùng đầy rẫy những khó khăn, thách thức.

- Thứ nhất: Công chúng, đặc biệt là giới trẻ ngày càng không dành sự quan tâm đối với sân khấu truyền thống. Bởi các thế hệ trẻ sinh ra trong bối cảnh Việt Nam hội nhập sâu rộng với Quốc tế. Các xu thế văn hóa, nghệ thuật mang tính đại chúng của nước ngoài tràn ngập thị trường Việt Nam cùng sự phát triển nhanh chóng của các hình thái giải trí trên không gian mạng đã tạo ra những xu hướng tiếp cận mới, hình thành những giá trị thẩm mỹ khác biệt, chưa từng có dành riêng cho giới trẻ. Trong khi đó, các giá trị văn hóa truyền thống là di sản của quá khứ, hầu như bất biến ít phù hợp với nhu cầu và thị hiếu hôm nay. Bên cạnh đó, việc ngày càng ít được phổ cập trên các phương tiện thông tin đại chúng, các báo đài và trong đời sống xã hội đã càng làm cho nghệ thuật truyền thống trở nên xa lạ ngay trên chính quê hương mình. Sân khấu truyền thống vì thế đã khó dành lợi thế trong cuộc cạnh tranh khốc liệt.

Sân khấu Cải lương - một nghệ thuật mang tính tiếp biến, đổi mới rất cao vốn từng có thời kỳ phát triển vô cùng rực rỡ thì nay cũng lâm vào khó khăn ngay trên chính cái nôi phương Nam.

+ Khán giả ít ỏi: Lực lượng khán giả yêu mến nghệ thuật Cải lương trong nước và Việt kiều ở nước ngoài là rất đông đảo. Tuy nhiên, lượng khán giả thực sự bỏ tiền mua vé đến rạp xem biểu diễn trực tiếp là không nhiều. Các vở diễn của đa số các đoàn Cải lương tư nhân thường chỉ dàn dựng trong vài ba ngày, thậm chí chỉ một buổi khớp chương trình là đưa ra biểu diễn phục vụ khán giả. Diễn 1 đêm, nhiều thì 2 đến 3 đêm là hết khán giả. Cũng vì thế mà chất lượng các vở diễn không cao.

+ Khán giả yêu Cải lương ở miền Nam vốn ít ỏi, nay lại có xu hướng yêu thích Cải lương Hồ Quảng, vốn là một nhánh phát triển của nghệ thuật Cải lương do sự tiếp biến với nền Hý khúc Trung Quốc ở giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX. Tuy nhiên ngay sau đó, Cải lương Hồ Quảng đã có cuộc “Tái Việt hóa” mạnh mẽ để lấy lại những giá trị truyền thống Việt Nam. Thế nhưng các nghệ sỹ Cải lương Hồ Quảng thế hệ trẻ nhất hiện nay một phần vì chưa ý thức được trách nhiệm của người nghệ sỹ, một phần vì chiều thị hiếu khán giả đã tái du nhập gần như nguyên trạng các thành tố nghệ thuật của hý khúc Trung Quốc như: phục trang, hóa trang, đạo cụ, làn điệu ca hát và vũ đạo khiến Cải lương có nguy cơ thoái hóa, mất đi những giá trị bản địa, thuần Việt cốt lõi vốn có.

- Thứ hai về công tác đào tạo: Cũng do xu hướng hưởng thụ văn hóa, nghệ thuật của giới trẻ kể trên, mà tại các trường nghệ thuật như Trường Đại học Sân khấu và Điện ảnh Hà Nội; Trường Đại học Sân khấu và Điện ảnh thành phố Hồ Chí Minh và nhiều trường nghệ thuật tại các địa phương trên cả nước, nhiều năm nay hầu như không có thí sinh thi tuyển vào các lớp diễn viên, nhạc công Tuồng và Cải lương, với các lớp Chèo thì tình hình cũng chỉ khả quan hơn đôi chút. Lực lượng giảng dạy cũng mai một. Đơn cử tại khoa Cải lương, thuộc Khoa Kịch hát dân tộc – Trường Đại học Sân khấu và Điện ảnh Hà Nội chỉ có 01 giảng viên chính thức, còn lại là các giảng viên thỉnh giảng. Thực tế thiếu trò, thiếu cả thầy đã dẫn đến nguy cơ thiếu trầm trọng nguồn nhân lực biểu diễn trẻ kế cận. Tình hình này là rất đáng báo động, nếu không có biện pháp khắc phục, trong tương lai gần, nghệ thuật truyền thống sẽ lâm vào thoái trào.

- Thứ ba: Cơ chế chính sách và sự quan tâm của Nhà nước còn chưa phù hợp.

+ Ngân sách eo hẹp; cơ sở vật chất xuống cấp; trang thiết bị phục vụ biểu diễn như: thiết bị kỹ thuật, máy móc, âm thanh, ánh sáng, các xe chuyên dùng cho công tác biểu diễn lưu động ... đã dần lạc hậu, không đáp ứng được các yêu cầu ngày càng cao của thị trường nghệ thuật.

+ Nhà hát Cải lương Việt Nam hiện vẫn chưa có rạp biểu diễn. Chủ yếu hoạt động theo hình thức biểu diễn lưu động, theo tính chất mùa vụ, dựa vào những hoạt động văn hóa cộng đồng lớn như Tết nguyên đán, các dịp lễ hội, những ngày lễ kỷ niệm các sự kiện lớn ... Điều này ảnh hưởng lớn đến tính khoa học, đồng bộ, chuyên nghiệp trong hoạt động sự nghiệp của đơn vị, tạo khó khăn trong tiếp cận khán giả và cạnh tranh trong thị trường nghệ thuật.

+ Thiếu nguồn nhân lực trẻ kế cận như diễn viên, nhạc công, kỹ thuật viên âm thanh, ánh sáng, hậu đài... Nhà hát Cải lương Việt Nam do chỉ tiêu biên chế giao ngày càng giảm (Biên chế giao năm 2018 viên chức: 86 chỉ tiêu; Biên chế giao 2023: 74 chỉ tiêu). Thêm nữa, sự bất hợp lý về độ tuổi nghỉ hưu và tuổi hưởng lương

hưu do số lượng nghệ sỹ “hết tuổi nghề” nhưng chưa đến tuổi nghỉ chế độ đã lấp đầy chỉ tiêu biên chế, không còn chỗ cho nhận lực trẻ. Ngay cả khi còn chỉ tiêu biên chế thì cũng hiếm có được tài năng trẻ để tuyển dụng;

+ Lương và bồi dưỡng tập, bồi dưỡng biểu diễn của cán bộ, viên chức và người lao động thấp, không đủ trang trải cuộc sống, khiến họ phải làm thêm các công việc khác, không thể toàn tâm toàn ý cho nghề nghiệp chuyên môn;

+ Kinh phí xây dựng tác phẩm hạn hẹp; thù lao cho các thành phần sáng tạo như tác giả, đạo diễn, họa sỹ, nhạc sỹ... chưa thỏa đáng, khiến họ chưa thể dồn tối đa tâm huyết cho việc sáng tạo.

- Thứ tư: Tác phẩm nghệ thuật của các đơn vị sự nghiệp công lập cùng lúc phải mang quá nhiều nhiệm vụ. Một mặt, vừa phải hoàn thành nhiệm vụ chính trị; định hướng thẩm mỹ cho công chúng; bảo tồn và phát huy những giá trị truyền thống ... một mặt, vừa phải mang tính giải trí, doanh thu tốt để thực hiện quá trình tự chủ. Đây là một nhiệm vụ “kép” vô cùng khó khăn.

Để thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về “*Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam*”; “*Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa Việt Nam giai đoạn 2025-2035, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp văn hóa có thế mạnh của Việt Nam*” và nhất là sau Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện nghị quyết XIII của Đảng, các văn nghệ sỹ được xốc lại tinh thần, ý thức được vai trò và trách nhiệm của mình với sứ mệnh phát triển Văn hóa Việt Nam trong giai đoạn mới. Nghệ thuật sân khấu truyền thống cần tự rà soát lại để có thể tham gia vào các chiến lược lớn mà Đảng và Nhà nước đã phát động.

Ngoài những khó khăn, tồn tại thì sân khấu truyền thống cũng có thế mạnh là hàm chứa những giá trị độc đáo được kết tinh từ nền văn hóa truyền thống đậm đà bản sắc của dân tộc Việt Nam. Thêm nữa, càng hội nhập sâu rộng với thế giới, các quốc gia càng đề cao các giá trị to lớn của bản sắc văn hóa riêng. Các quốc gia càng phát triển, thì họ càng biết trân trọng, gìn giữ, bảo tồn tiến tới phát huy mạnh mẽ nền văn hóa truyền thống của dân tộc mình.

Trong bối cảnh ấy, Nhà hát Cải lương Việt Nam phải nghiêm túc phân tích, nhìn nhận, nắm bắt tình hình; đề ra định hướng, chiến lược cùng những giải pháp đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, để không chỉ bảo tồn mà còn phát triển mạnh mẽ những giá trị truyền thống của loại hình, tham gia có hiệu quả vào các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam.

Thứ nhất: Tiếp tục huy động mọi nguồn lực hiện có để bảo tồn và phát huy những giá trị của nghệ thuật sân khấu Cải lương Việt Nam.

Cải lương được hình thành từ sự kế thừa di sản Đờn ca Tài tử Nam Bộ cùng sự tiếp thu các giá trị của Kịch nghệ phương Tây với tuyên ngôn “*Cải cách hát ca theo tiến bộ/ Lương truyền tuồng tích sánh văn minh*”. Cải lương không định hình bền vững mà cùng lúc vừa định hình, vừa phát triển, đổi mới để tiếp tục định hình các giá trị mới phù hợp với bối cảnh, thời đại mới.

Nhà hát Cải lương Việt Nam với vai trò là cánh chim đầu đàn của nghệ thuật sân khấu Cải lương Việt Nam phải là đơn vị tiên phong trong quá trình đổi mới, xác định các hệ giá trị mới cho nghệ thuật Cải lương hiện đại.

Một mặt, cần bảo tồn di sản âm nhạc, hệ thống làn điệu, bài bản Cải lương; bảo tồn hệ thống vũ đạo đã được chuẩn hóa từ giai đoạn sân khấu Cải lương cách mạng (1955 – 1985), khi các nhà nghiên cứu mà đại diện xuất sắc nhất là NSND Tám Danh đã bằng những kinh nghiệm chuyên môn cao cùng quá trình học tập, nghiên cứu từ các nước Xã hội chủ nghĩa anh em, đã định hình nên hệ thống vũ đạo, vũ bộ Cải lương hiện đại, là sự kết hợp của vũ đạo truyền thống, diễn xướng dân gian và các giá trị của nghệ thuật múa đỉnh cao trên thế giới.

Một mặt, cần phải được cách tân, đổi mới, nghiên cứu và tiếp thu có chọn lọc các xu hướng, trào lưu nghệ thuật mới của Thế giới; xây dựng ngôn ngữ, phương pháp nghệ thuật hướng đến các tầng lớp khán giả trẻ, bởi đây cũng chính là lực lượng sẽ nuôi dưỡng nghệ thuật truyền thống trong tương lai.

Thứ hai: Nỗ lực nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Hiện nay nguồn nhân lực của Nhà hát Cải lương Việt Nam nói riêng và sân khấu Cải lương cả nước nói chung vừa thiếu vừa yếu, cần có lộ trình đúng đắn để phát hiện, đào tạo có hiệu quả lực lượng biểu diễn trẻ có chất lượng về cả “Thanh” và “Sắc”. Một mặt, giúp các em trau dồi vốn cổ trong nghệ thuật Ca – Vũ đạo – Biểu diễn, diễn tấu nhạc cụ dân tộc ... Một mặt, phải được bồi dưỡng các kỹ năng mới, tiếp thu những giá trị mới từ các loại hình nghệ thuật đương đại Thế giới, phát huy cao độ tính giải trí.

Nâng cao năng lực cho các thành phần sáng tạo như: Tác giả; Đạo diễn; Nhạc sỹ; Họa sỹ; Biên đạo múa; Kỹ sư âm thanh; Kỹ sư ánh sáng; Thiết kế phục trang ...

Nâng cao năng lực khán giả, vì khán giả về mặt nào đó cũng là một thành phần sáng tạo, một trong những nguồn lực của nghệ thuật biểu diễn.

Thứ tư: Đổi mới toàn diện nghệ thuật Cải lương.

- Đổi mới Thể tài.

Bước sang kỷ nguyên mới, có bao vấn đề, cách nghĩ, cách cảm, cách làm và mâu thuẫn, xung đột mới đi kèm với những giá trị, những chuẩn mực xã hội mới đã làm cho những thể tài cũ không còn phù hợp. Do đó, cần tìm được những hình thức nghệ thuật mới, làm cho tác phẩm không bị hạn chế trong việc phản ánh hiện thực đơn thuần, nâng cao năng lực cạnh tranh với các loại hình nghệ thuật khác. Nhà hát cần xây dựng nhiều vở diễn mang tính thử nghiệm cao, tìm ra phương thức tiếp cận các xu thế mới tiến tới đáp ứng được thị hiếu của các thế hệ khán giả mới, đặc biệt là giới trẻ.

- Đổi mới công nghệ.

Áp dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến, nhất là thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 để xây dựng những tác phẩm nghệ thuật vừa đạt chất lượng nghệ thuật cao, vừa phù hợp thị hiếu và chinh phục được các tầng lớp khán giả hiện đại.

- Đổi mới phương thức hoạt động.

Cần đổi mới toàn diện phương thức hoạt động, từ sản phẩm nghệ thuật phục

vụ các nhiệm vụ chính trị, đến việc coi sản phẩm nghệ thuật là một dạng hàng hóa đặc thù tham gia vào thị trường nghệ thuật trong và ngoài nước, hướng tới nền công nghiệp Văn hóa Việt Nam. Cần đặc biệt chú trọng vào các vấn đề:

+ *Xây dựng thương hiệu:*

Cần xây dựng một thương hiệu nghệ thuật mạnh để khẳng định chất lượng, uy tín và sự tin cậy của khán giả dành cho các sản phẩm nghệ thuật được xây dựng của Nhà hát Cải lương Việt Nam.

+ *Đầu tư cho quảng cáo, marketing.*

Quảng cáo, marketing đóng góp không nhỏ vào thành công của tác phẩm khi tham gia thị trường nghệ thuật, cần được đầu tư bài bản, đủ và đúng hướng, phù hợp với các xu thế mới.

3. Một số đề xuất, kiến nghị.

Từ thực tế hoạt động và những nhận thức trên, xin được kiến nghị đến Đảng và Nhà nước một vài đề xuất sau:

1- Đề nghị đầu tư nâng cao năng lực toàn diện cho các đơn vị nghệ thuật truyền thống trong đó có Nhà hát Cải lương Việt nam. Hỗ trợ nguồn lực để xây dựng Nhà hát Cải lương Việt Nam thành nơi hội tụ trí tuệ, tài năng của lực lượng sáng tạo và biểu diễn Cải lương cả nước. Tạo điều kiện mọi mặt để xây dựng những tác phẩm nghệ thuật xứng tầm phục vụ khán giả trong nước và Quốc tế.

2- Đầu tư xây dựng Nhà hát biểu diễn hiện đại, đáp ứng được tình hình mới.

3- Có các cơ chế, chính sách nâng cao đời sống cho văn nghệ sỹ.

4- Có chủ trương, giải pháp khuyến khích đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao cho nghệ thuật truyền thống.

5- Kêu gọi, khuyến khích và có chính sách đãi ngộ cho các tổ chức, cá nhân doanh nghiệp đầu tư cho phát triển văn hóa nghệ thuật.

6- Có chiến lược đúng đắn để văn hóa, nghệ thuật truyền thống được phổ biến rộng rãi hơn nữa trong đời sống xã hội hôm nay.

7- Đưa các loại hình nghệ thuật truyền thống vào giáo trình giảng dạy tại các cấp phổ thông./.

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA BẢO TÀNG GÓM CỔ SÔNG HƯƠNG VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VỀ CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT

GS. TS. Thái Kim Lan

Bảo tàng gốm cổ Sông Hương

1. Khái quát chung

Tên gọi: Bảo tàng Gốm cổ sông Hương.

Địa điểm: 120 Nguyễn Phúc Nguyên, phường Hương Long, Thành phố Huế.

Chủ sở hữu: GS. TS. Thái Kim Lan (tạm trú tại 96 Bạch Đằng, phường Phú Cát, Thành phố Huế).

Bảo tàng gốm cổ sông Hương nằm trọn trong khuôn viên của Từ đường họ Thái. Đây là một khu nhà rường cổ truyền có tuổi đời hơn 150 năm, với nhà thờ, nhà tảng, hiên trà, sân vườn, bồn hoa, cây cảnh trong đó có những cây cảnh quý hàng trăm năm, tạo nên một quần thể kiến trúc nhà vườn tiêu biểu của Cố đô Huế. Với vị thế đặc địa, Bảo tàng gốm cổ sông Hương tọa lạc trên đồi Hà Khê, hướng nhìn ra sông Hương - dòng sông di sản của xứ Huế. Nơi đây xưa kia là một vùng đất trù phú bên bờ Bắc sông Hương, một trong những khu vực có nhiều nhà vườn đẹp nhất xứ Huế và ngôi chùa Thiên Mụ cổ kính thâm nghiêm - ngôi quốc tự nổi danh của xứ Huế.

Từ khi được thành lập và công nhận tư cách Bảo Tàng ngoài công lập, Bảo tàng gốm cổ sông Hương đã trở nên một điểm tham quan lý thú và càng ngày càng trở nên một điểm đến văn hóa không thể bỏ qua đối với mọi du khách chọn tuyến du lịch phía tây Huế, dọc theo tả ngạn dòng Hương Giang và đối với những ai quan tâm nghiên cứu văn hóa Huế - Việt Nam.

Ngày 9-12-2021, Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã có quyết định số 3217/QĐ - UBND cho phép hoạt động Bảo tàng ngoài công lập Bảo tàng Gốm cổ sông Hương tại 120 Nguyễn Phúc Nguyên, phường Hương Long, thành phố Huế, Thừa Thiên Huế. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế cấp phép hoạt động, ngày 17-4-2022, Bảo tàng Gốm cổ sông Hương chính thức tổ chức lễ ra mắt Bảo tàng và mở cửa đón tiếp công chúng tới tham quan.

2. Hoạt động của bảo tàng.

2.1. Công tác trưng bày, triển lãm, đón tiếp khách tham quan

Với diện tích trưng bày khoảng 1500m², Bảo tàng Gốm cổ sông Hương có số lượng 2.410 hiện vật, gồm 04 bộ sưu tập chính: Bộ sưu tập sành (2017 hiện vật), Bộ sưu tập đất nung (35 hiện vật), Bộ sưu tập bán sứ (38 hiện vật), Bộ sưu tập sành sứ (320 hiện vật). Tuy nhiên, khi đăng ký thành lập, Bảo tàng Gốm cổ sông Hương đăng ký và tổ chức trưng bày Bộ sưu tập chính gồm 331 hiện vật với chất liệu: sành, đất nung, bán sứ, gốm men... Bảo tàng đã tổ chức trưng bày cố định và trưng bày chuyên đề các hiện vật gốm cổ được vớt từ dưới lòng sông Hương thuộc nhiều

niên đại như: gốm Chàm, gốm Sa Huỳnh, Tiền sử, Sơ sử, Lê sơ, Nguyễn... Đây là những vật dụng sử dụng trong đời sống sinh hoạt hằng ngày như: lu, hũ, bình, chén, bát bồng, bình vôi làm bằng các chất liệu khác nhau được trưng bày khoa học trong bảo tàng.

2.1.1. Hoạt động năm 2022

Từ ngày 17-4-2022 tới ngày 10-7-2022, Bảo tàng đã tổ chức lễ ra mắt công chúng và khai mạc triển lãm: Sông Hương - nơi gặp gỡ của các nền văn hóa; tại 120 Nguyễn Phúc Nguyên, phường Hương Long, thành phố Huế. Triển lãm đã giới thiệu hơn 100 hiện vật thuộc 3 thời kỳ: tiền Sa Huỳnh - Sa Huỳnh (cách ngày nay 3.000-2.500 năm), Champa (thiên niên kỳ 1 đầu Công nguyên, Lý Trần đến thời Nguyễn (thế kỷ 19-20). Triển lãm khai mạc đã đón tiếp trên 7.000 lượt khách với mọi đối tượng như: lãnh đạo các bộ ngành trung ương, lãnh đạo thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên Huế, Đại sứ của một số nước (Mỹ, Úc, Israel, Tây Ban Nha...), Viện trưởng một số tổ chức văn hóa - giáo dục trong nước và quốc tế, du khách trong - ngoại tỉnh và học sinh, sinh viên trong và ngoài nước... đến tham quan.

Buổi ra mắt Bảo Tàng đồng thời cũng là buổi giới thiệu đầu tiên nét đặc thù của hoạt động Bảo Tàng Gốm Cổ Sông Hương: văn hóa và di sản văn hóa là mục đích và cứu cánh, mang ý nghĩa đích thực cho sự tồn tại và phát triển của Bảo Tàng Gốm Cổ Sông Hương: chương trình khai mạc đã hội tụ 4 khía cạnh di sản văn hóa: ẩm thực truyền thống (tiệc bánh), áo dài truyền thống (biểu diễn thời trang áo dài) và âm nhạc truyền thống (hoà nhạc của nhóm Đông Kinh Cổ nhạc và nghệ nhân Nhã nhạc cung đình Huế) và truyền thống nếp sống gia đình nguyện cầu an lạc đến tất cả cộng đồng thân tâm thường lạc.

Sau khai mạc chuỗi sự kiện tại Bảo tàng Gốm cổ Sông Hương đã bắt đầu với sự quan tâm của quần chúng và khách tham quan.

Hưởng ứng ngày Quốc tế Bảo tàng 18-5-2022 với chủ đề “Sức mạnh của Bảo tàng” với các khía cạnh: Sức mạnh của sự bền trong khuôn khổ mục tiêu đề vững, sức mạnh đổi mới về số hoá và khả năng tiếp cận, sức mạnh đổi mới về số hoá và khả năng tiếp cận, sức mạnh xây dựng cộng đồng thông qua giáo dục. Bảo tàng Gốm cổ sông Hương đã tổ chức buổi Toạ đàm về ý nghĩa Ngày Quốc tế Bảo tàng. Diễn giả chính là ngài tham tán Tây Ban Nha – ông Jose Barosso cùng các diễn giả là Giám đốc Bảo tàng công lập và ngoài công lập. Cũng từ hội thảo này, nhóm „Những người yêu bảo tàng” được thành lập kết nối những người công tác từ các Bảo Tàng công lập và ngoài công lập tại Huế. Cuộc toạ đàm diễn ra trong không khí sôi nổi từ tình yêu di sản, ý thức được giá trị của công cuộc bảo tồn di sản, nhấn mạnh tầm quan trọng của Bảo tàng và tầm quan trọng của nối kết quốc tế để làm giàu thêm văn hóa bản địa.

Ngày 21-6-2022 tại Lan Viên Cổ Tích, Bảo tàng Gốm cổ sông Hương đã diễn ra cuộc gặp gỡ giữa doanh nhân Bắc Trung Nam toạ đàm cùng các trí thức tiêu biểu của các bảo tàng lịch sử và văn hóa Huế với giới chính khách quốc tế là lãnh đạo cơ quan ngoại giao U.S Consulate General Of The United States và USAID Vietnam trước thêm sự kiện Hội thảo Nâng cao năng lực địa phương với UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Nhiều ý tưởng hay đã được ghi nhận và tựu trung lại các bên

đều đồng quan điểm rằng: giá trị và vai trò của di sản văn hóa phi vật thể địa phương và bảo tồn bảo tàng lịch sử luôn đóng vai trò hàng đầu trong công tác tiếp thị địa phương cũng như là nền tảng của phát triển bền vững khi “ôn cố tri tân!”.

Nhằm tăng cường sự nối kết giữa các Bảo tàng, từ ngày 15-6-2022 đến ngày 17-7-2022 Bảo tàng Gốm cổ sông Hương đã phối hợp với Bảo tàng Lịch sử Thừa Thiên Huế tổ chức triển lãm chuyên đề “Câu chuyện từ những dòng sông” nhân dịp hưởng ứng Festival Huế 2022, tại Bảo tàng Lịch sử Thừa Thiên Huế (số 1 đường 23/8, Huế). Triển lãm trưng bày 300 hiện vật, được chia thành hai chủ đề. Chủ đề 1: “Sông Hương kể chuyện” giới thiệu những hiện vật gốm thời Trần, Lê cho đến nhà Nguyễn từ thế kỷ XI cho đến thế kỷ XX được tìm thấy dưới dòng sông Hương. Các hiện vật gốm thời kỳ này mang nhiều nét đặc trưng gắn bó mật thiết với đời sống người dân Việt Nam nói chung và người dân vùng đất Cố đô nói riêng. Chủ đề 2: “Dấu tích xưa bên dòng Ô Lâu” giới thiệu bộ sưu tập gốm với các loại hình phong phú, có niên đại từ thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XX được phát hiện dưới dòng sông Ô Lâu, chủ yếu mang đặc trưng của lò gốm Phước Tích, Mỹ Xuyên. Những hiện vật này mang nhiều giá trị lịch sử, văn hóa, là minh chứng khẳng định cho sự phát triển các làng nghề truyền thống của vùng đất Thừa Thiên - Huế, là cơ sở về mặt khoa học và lịch sử quan trọng phục vụ trong công tác nghiên cứu. Đây là cuộc triển lãm phối hợp lần đầu tiên giữa một bảo tàng công lập và một bảo tàng ngoài công lập. Thông qua triển lãm còn tạo mối quan hệ liên kết, hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm giữa hai đơn vị; đồng thời, giúp các nhà nghiên cứu và du khách đến với Huế có thêm tư liệu quý trong việc nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị di sản dưới nước. Triển lãm cũng góp phần tri ân các nhà nghiên cứu, sưu tầm cổ vật - Những người đã có đóng góp vào công tác bảo tồn, gìn giữ và phát huy giá trị của các cổ vật trong thời kỳ hiện nay.

Từ ngày 15-8-2022 đến ngày 30-8-2022, Bảo tàng Gốm cổ Sông Hương tổ chức triển lãm điêu khắc “Con giống” tại 120 Nguyễn Phúc Nguyên (Huế) bao gồm hàng chục tác phẩm “điêu khắc” con giống với đủ chất liệu từ gỗ, gốm, đồng, sắt... của 4 nghệ sĩ Lê Minh Trí, Lê Ngọc Thuận, Vũ Hữu Nhung và Lê Thiết Cương. Dù ở chất liệu nào, các nghệ sĩ cũng đưa đến cho người xem góc nhìn mới trong câu chuyện bảo tồn giá trị truyền thống trên nền phát huy những hiện đại mới lạ trong sáng tạo. Cùng góp mặt ở triển lãm còn có 6 họa sĩ khách mời: Nguyễn Như Đức, Phạm Trần Quân, Hoàng Phương Liên, Nguyễn Hồng Phương, Phương Bình và Nguyễn Thanh Hải.

Từ ngày 6-11-2022 đến ngày 11-11-2022, Bảo tàng Gốm cổ sông Hương tổ chức triển lãm “Áo dài xưa triều Nguyễn” của TS Thái Kim Lan sưu tầm và gìn giữ với hơn 10 chiếc áo dài của triều Nguyễn gồm: Áo mệnh phụ, áo xiêm, áo dài gấm, áo dạ mùa đông, áo rộng lụa the... Triển lãm cũng phối hợp cùng nhà thiết kế Trịnh Hoàng Diệu một số mẫu thiết kế áo dài truyền thống nhưng mang hơi hướng hiện đại. Cùng đó là một Talk Show của NTK Sỹ Hoàng, NTK Trịnh Hoàng Diệu, Biên đạo múa Sebastien Ly (Pháp) và TS.

Phan Thanh Hải (Giám đốc Sở Văn hóa, thể thao Thừa Thiên Huế) với chủ đề: “Áo dài với Cuộc sống đương đại”, Đây là một hoạt động nằm trong

chuỗi các hoạt động của Tuần lễ thiết kế Việt Nam 2022 (VietNam Design Week) tổ chức tại Huế, thu hút sự tham gia đông đảo của các nhà nghiên cứu, các nhà thiết kế, các kiến trúc sư, nghệ nhân và những người yêu mến văn hóa Huế. Cũng trong khuôn khổ của tuần lễ này, cuộc hội đàm với chủ đề „Rỗng như một khái niệm về kiến trúc Huế“ do Ts Thái Kim Lan thực hiện hội tụ các kiến trúc sư từ ba miền Trung Nam Bắc tại địa chỉ Bảo Tàng Gốm Cổ Sông Hương. Chính đề tài này đã gây cảm hứng cho những hội thảo về sau về khái niệm „Rỗng“ trong kiến trúc đương đại.

Vào ngày 25 tháng Chạp và 15 tháng Giêng âm lịch kể từ năm 2020 tới nay, Bảo tàng Gốm cổ sông Hương đã tổ chức định kỳ Lễ Thượng Nêu và Hạ Nêu tại Lan viên cố tích (Từ đường Thái tộc, số 120 Nguyễn Phúc Nguyên, Huế) một phong tục văn hóa truyền thống đặc sắc dịp Tết Nguyên Đán của Huế nói riêng và Việt Nam nói chung, thu hút đông đảo người dân Huế và du khách quốc tế tham dự, trải nghiệm.

2.1.2. Hoạt động năm 2023

Từ ngày 8-3-2023 đến ngày 14-3-2023, Bảo tàng Gốm cổ sông Hương tổ chức triển lãm “Trịnh Công Sơn – Lần đầu gặp lại” nhân kỷ niệm sinh nhật cố nhạc sĩ, tại 120 Nguyễn Phúc Nguyên (Huế) giới thiệu 35 bức ảnh khoảnh khắc đời thường của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn với bạn bè, người thân, đồng nghiệp do nhiếp ảnh gia Dương Minh Long thực hiện và lưu giữ gần 30 năm qua, lần đầu tiên được triển lãm tại Huế. Các tác phẩm triển lãm được lựa chọn trong số hơn 9.000 tấm phim màu và phim đen trắng do nhiếp ảnh Dương Minh Long chụp nhạc sĩ Trịnh Công Sơn trong suốt 11 năm, từ năm 1990 và được lưu giữ suốt 22 năm qua. Triển lãm có sự tham gia biểu diễn nghệ thuật của các nghệ sĩ trong và ngoài nước.

Từ ngày 26-4-2023 đến ngày 10-5-2023, Bảo tàng Gốm cổ sông Hương phối hợp cùng Hoạ sĩ Bùi Thanh Tâm tổ chức triển lãm “Không có gì đằng sau - Adam Eva” giới thiệu đến công chúng Huế những tác phẩm của hoạ sĩ Bùi Thanh Tâm được sáng tạo từ truyền thống và chất liệu tranh dân gian, thể hiện sự thăng hoa của nghệ thuật đương đại từ truyền thống, đồng thời ra mắt địa chỉ: “Điểm gặp liên Văn hóa” của TS Thái Kim Lan – Giám đốc Bảo tàng.

Gốm cổ sông Hương, tại số 94-96-98 Bạch Đằng (Huế). “Điểm gặp liên văn hóa” trở nên không gian Lan Viên Cố Tích 2 sẽ diễn ra những hoạt động về hội hoạ, âm nhạc, kịch nghệ, phim ảnh, văn chương, văn học và cả triết học... nhằm tạo không gian cho văn nghệ sĩ giao lưu và sáng tác, giới thiệu tác giả và tác phẩm đến với công chúng.

Không gian này cũng sẽ tạo nên sự kết nối liên văn hóa Huế và quốc tế, tạo nên diễn đàn văn học nghệ thuật, giao lưu văn hóa Đông – Tây. Không gian “Điểm gặp liên Văn hóa” cũng hướng đến những hoạt động hội nhập xã hội với các chương trình đồng hành cùng chính quyền địa phương gìn giữ không gian lịch sử của phố cổ Gia Hội - Huế, tạo ra sự lan toả về ý thức gìn giữ môi trường, môi sinh.

Ngày 27-4-2023, Bảo tàng Gốm cổ sông Hương phối hợp với Viện Goethe Hà Nội tổ chức buổi tọa đàm văn học Đức với nữ Nhà văn Lucy Fricke về tác phẩm “Nhà nữ ngoại giao”. Đây là cuốn tiểu thuyết mới nhất của Lucy Fricke, là cuốn sách bán chạy nhất ở Đức thời gian qua. Buổi trò chuyện nhằm giới thiệu tác giả

Lucy Fricke và đồng thời tạo không gian cho cuộc gặp gỡ và thảo luận cởi mở về chủ đề liên quan, dưới sự điều phối của TS Thái Kim Lan.

Ngày 28-4-2023, Bảo tàng Gốm cổ sông Hương phối hợp cùng Tạp chí Tia Sáng của Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức buổi trò chuyện và giới thiệu cuốn sách “Cõi đi về” của TS Thái Kim Lan nhân dịp kỷ niệm 30 năm thành lập Tạp chí Tia Sáng. Thông qua các bài viết, góc nhìn đa chiều của TS. Thái Kim Lan về triết học, Phật học, văn hóa đại chúng và đặc biệt là nếp sống Huế được thể hiện một cách rõ nét trong cuốn sách này.

Từ ngày 19-5-2023 đến ngày 26-5-2023, Bảo tàng Gốm cổ sông Hương phối hợp cùng Viện Goethe Hà Nội tổ chức triển lãm ảnh của nhiếp ảnh gia người Đức Thomas Billhardt (sinh năm 1937) mang tên “Tái ngộ Việt Nam” tại Điểm gặp liên Văn hóa (số 94-96-98 Bạch Đằng, Huế). Triển lãm trưng bày hơn 80 bức ảnh màu, đen trắng chụp bằng máy phim. Đây là một cơ hội quý báu để công chúng được ngắm nhìn các tác phẩm của Thomas Billhardt tại Việt Nam trong những năm 1962 – 1999, bao gồm cả những bức ảnh về Việt Nam chưa từng được triển lãm ở Việt Nam trước đây. Những bức ảnh của ông đã góp phần quan trọng trong việc cho thế giới thấy rõ sự khùng khiếp của Chiến tranh Việt Nam, đặc biệt thông qua khuôn mặt của những đứa trẻ mà ông chụp ảnh.

Những bức ảnh chụp trong giai đoạn này đã được xuất bản trên nhiều tạp chí ảnh như: “Những phi công mặc pyjama” (1968), “Khao khát hòa bình: Việt Nam” (1973), “Hà Nội – Những ngày trước hòa bình” (1973) và “Những gương mặt Việt Nam” (1978).

Từ ngày 6-6-2023 đến ngày 23-6-2023, Bảo tàng Gốm cổ sông Hương phối hợp cùng nhóm Hoạ sĩ G39 (Gallery 39) tổ chức triển lãm mang chủ đề “Niêm Hoa” tại không gian Điểm gặp liên Văn hóa (số 94-96-98 Bạch Đằng, Huế).

Triển lãm quy tụ hơn 40 tác phẩm tranh, tượng, gốm và áo dài của các họa sĩ Lê Thiết Cương, Chu Hồng Tiến, Bình Nhi, Nguyễn Quốc Thắng, Hồng Phương, Phương Bình, Đinh Công Đạt, Vũ Hữu Nhung, Trịnh Bích Thủy. Các tác phẩm đa dạng về chất liệu như: Sơn dầu, sơn mài, màu nước, gốm, lụa tơ tằm... Mỗi tác phẩm thể hiện hình tượng hoa theo phong cách khác nhau, tạo nên cuộc hội ngộ, đối thoại đa sắc, đa hình, đa diện ẩn dưới tinh thần tĩnh lặng của thiên.

Ngày 9-6-2023, Bảo tàng Gốm cổ sông Hương phối hợp với Viện Trang phục Việt và công ty Sử Việt của nhà NTK Sĩ Hoàng giới thiệu hai trích đoạn kịch: “Vụ án cậu Trời” và “Yêu là thoát tội” tại không gian Điểm gặp Liên văn hóa (số 94-96-98 Bạch Đằng, Huế) nhằm giúp công chúng Huế và khán giả yêu sân khấu tiếp cận gần với thể loại kịch nói do các nghệ sĩ chuyên nghiệp của TP Hồ Chí Minh và Hà Nội biểu diễn.

Từ ngày 10-6-2023 đến ngày 25-6-2023, nhân dịp lễ Phật Đản (Phật lịch 2567) Bảo tàng Gốm cổ sông Hương tổ chức trưng bày ấn phẩm Kinh sách Pháp ảnh lục do Đại lão Hoà thượng Thích Trí Quang dịch giải từ chữ Hán qua chữ quốc ngữ. Triển lãm có chủ đề “Sự im lặng của chữ” thu hút sự quan tâm viếng thăm của đông đảo quý tăng ni, Phật tử, công chúng Huế và du khách ngoại tỉnh.

Ngày 29-7-2023 Bảo tàng Gốm cổ sông Hương đã tổ chức hội thảo liên văn hóa: “Văn hóa và kiến trúc nhìn từ Di sản và Di sản Huế”, triển khai khái niệm “rỗng” trong các công trình kiến trúc Huế tại Điểm gặp liên Văn hóa (số 94-96-98 Bạch Đằng, Huế) quy tụ các nhà nghiên cứu văn hóa, các kiến trúc sư, các chuyên gia di sản cùng trao đổi, thảo luận các vấn đề trong mối tương quan giữa văn hóa kiến trúc và di sản Huế.

Ngày 27-9-2023 Bảo tàng Gốm cổ sông Hương đã thực hiện buổi họp khoáng đạt gồm các đại biểu, nhân sĩ, trí thức trong và ngoài nước để tổ chức Ban vận động thành lập Hội Nghiên cứu Văn hóa Việt-Nhật Phan Bội Châu tại Huế.

Ngày 24,25,26-11-2023 Bảo tàng Gốm cổ sông Hương phối hợp cùng Viện Goethe Hà Nội tổ chức Liên hoan Phim Đức tại không gian Điểm gặp Liên văn hóa (số 94-96-98 Bạch Đằng, Huế) nhằm giúp công chúng Huế và khán giả yêu điện ảnh tiếp cận với các bộ phim mới nhất của của nước CHLB Đức.

Ngày 29-11-2023 Bảo tàng Gốm cổ sông Hương tổ chức hội thảo: “Di sản liên Văn hóa Việt Nam qua các tác phẩm văn học nghệ thuật đầu thế kỷ XX” tại Điểm gặp liên Văn hóa (số 94-96-98 Bạch Đằng, Huế) và buổi biểu diễn trích đoạn Tuồng Đông Lộ Địch do nhà thơ Ứng Bình Thúc Gia Thị chuyên dịch từ vở tuồng „Lộ Địch“ của P. Côneille. Đây là một trong những hội thảo chuyên đề với sự tham gia của các nhà nghiên cứu chuyên môn về triều Nguyễn đã được đông đảo khán giả hưởng ứng nồng nhiệt.

Lễ Thượng Nêu Tết Giáp Thìn khép lại hoạt động của năm 2023 với lượng khách tham gia đông đảo, cả những du khách ngoại quốc cũng đã có một trải nghiệm văn hóa truyền thống của Huế.

2.1.3. Hoạt động năm 2024

Ngày 21-1-2024, Bảo tàng Gốm cổ sông Hương qua sự giới thiệu đầu năm của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế đã phối hợp cùng nhóm Thư pháp gia đến từ Hà Nội tổ chức triển lãm Thư pháp và tọa đàm văn hóa nghệ thuật với chủ đề: Kinh thành Huế trong thi họa - Hoàng đế Thiệu Trị và Ngự đề đồ hội thi tập“, giới thiệu tác phẩm dịch thuật công phu của dịch giả Nguyễn Văn Phương, thu hút đông đảo công chúng Huế tới tham dự, nhất là tại địa danh phố cổ một thời là nơi sinh thành của vị hoàng đế thứ ba của triều Nguyễn.

Ngày 28-2-2024, nhân kỷ niệm 85 năm ngày sinh của cố Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn và lễ khánh thành đặt tượng Nhạc sĩ tại Huế, Bảo tàng Gốm cổ sông Hương tổ chức buổi mạn đàm: “Đã bao lần người ấy đi qua phố Hàng Đường (Gia Hội cũ?)” với sự hiện diện của gia đình cố nhạc sĩ và bạn cũ đã thu hút đông đảo khán giả yêu Huế qua nhạc Trịnh.

Tiếp tục các chương trình trong năm 2024, Bảo tàng Gốm Cổ Sông Hương đang lần lượt triển khai các chương trình tọa đàm, hội thảo, triển lãm, ca nhạc, hội họa, kịch nghệ, nghiên cứu trải nghiệm gốm sứ cổ và đương đại, giới thiệu gốm Phước Tích đặc sản của miền Trung, kết nối sinh hoạt bảo tàng quốc nội và hải ngoại vv...

Từ cuối tháng 3 đến cuối tháng 12 năm 2024 có thể nói lịch sinh hoạt đã kín chỗ, điều đó cho thấy, Bảo Tàng Gốm Cổ Sông Hương đang dần dà được sự quan

tâm rộng rãi của các tầng lớp quần chúng, trí thức, tầng lớp văn học nghệ thuật, của giới trẻ và công chúng và trở nên một địa chỉ văn hóa quen thuộc tại Huế. Sự lan tỏa càng ngày càng rộng, được giới báo chí hải ngoại và khách quan nhận định tích cực.

Cũng thế, tính chất đích thực- như nhận định của các nhà chuyên môn và khách tham quan, của Bảo Tàng Gốm Cổ Sông Hương như là một di tích được bảo tồn tính trung thực của nó, - tính trung thực - như bản chất của GỐM – là điều kiện cho sự tồn tại có tính văn hóa của một bảo tàng, tính đích thực là một ấn tín văn hóa cho sự phát triển và sáng tạo mà một bảo tàng có thể gây niềm tin vào di sản, từ đó mọi sáng tạo, phát triển có thể đặt nền móng cho tương lai mai sau của thế hệ kế tiếp.

Nói như thế để chuyên qua phân thực chất của hoạt động của bảo tàng ngoài công lập nói chung đi từ kinh nghiệm riêng tư.

2.2. Về tổ chức bộ máy

Bao gồm 12 người và 05 cộng tác viên

- Giám đốc: 01
- Phó giám đốc: 01
- Chánh văn phòng: 01
- Phụ trách nghiệp vụ: 02
- Hướng dẫn: 02 (tiếng Việt, Anh)
- Nhân viên bảo vệ: 02
- Nhân viên vệ sinh: 03
- Cộng tác viên: 03 (hướng dẫn tiếng Pháp, Nhật, Hàn).

2.3. Về tổ chức hoạt động:

- Hoạt động đón khách: Bảo tàng mở cửa các ngày trong tuần.

Buổi sáng: 8h - 11h.

Buổi chiều: 14h - 17h.

- Giá vé:

Khuyến khích học sinh sinh viên và người Huế: vé 60 ngàn/đồng/lượt

Đối với người nước ngoài và du khách ngoại tỉnh: vé 120 ngàn/đồng/lượt (bao gồm phí tham quan Bảo tàng, phục vụ trà bánh nhẹ và tặng quà lưu niệm của Bảo tàng).

Miễn phí vé cho trẻ em dưới 10 tuổi.

Ban Giám đốc Bảo tàng Gốm cổ sông Hương đã thành lập Công ty TNHH MTV Lan Viên Cổ Tích để nộp thuế cho Nhà nước theo quy định hiện hành của pháp luật. Ngoài các hiện vật hiện đang trưng bày cố định, Bảo tàng hiện vẫn tiếp tục sưu tầm thêm các hiện vật độc đáo khác: như các hiện vật đồ đồng, đồ gốm men, gốm đất nung (gồm nhiều niên đại còn đang khuyết, thiếu), các tác phẩm mỹ thuật, tranh thêu... nhằm góp phần đa dạng thêm hiện vật cho Bảo tàng.

Bảo tàng Gốm cổ sông Hương đã mua tên miền và xây dựng website:

Thaikimlan.com để quảng bá hình ảnh, thông tin, hoạt động của Bảo tàng đến với công chúng trong và ngoài nước bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Dự kiến sẽ ra mắt công chúng trong thời gian tới.

2.4. Phát huy giá trị di sản

Bảo tàng duy trì mở cửa đón khách thường xuyên. Lượng khách tham quan đều. Tính đến ngày 28-6-2023 đã đón và phục vụ khoảng hơn 4000 lượt khách trong nước và quốc tế.

Công tác tuyên truyền, giáo dục bảo tàng, sự phối hợp giữa bảo tàng với các trường học, doanh nghiệp trong việc tuyên truyền, giáo dục và quảng bá hiện vật được bảo tàng chú trọng thực hiện. Qua đó, Bảo tàng thường xuyên đón tiếp trẻ em (từ 4-6 tuổi) của các trường mầm non trong địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế tới tham quan, trải nghiệm (vẽ tranh về hiện vật Gốm, vẽ tranh về không gian nhà vườn, chơi các trò chơi dân gian của Huế.v.v...).

Bảo tàng cũng vinh hạnh được tiếp đón các chính khách, các Nhà văn hóa, các doanh nhân nổi tiếng, các Giáo sư đầu ngành, các Hoa hậu, KOL của Việt Nam, của Mỹ, Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Ý, Hà Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Isael.v.v... tới tham quan, nghiên cứu, giao lưu trao đổi văn hóa, học thuật.

Bảo tàng Gốm cổ sông Hương đã nhận được sự quý mến và hợp tác từ nhiều công ty lữ hành du lịch lớn, chuyên nghiệp trong địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và các thành phố lớn khác như Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hội An, Nha Trang.v.v... để xây dựng chương trình tham quan Bảo tàng, nhà vườn Lan Viên Cố Tích và trải nghiệm ẩm thực tại đây.

Bảo tàng Gốm cổ sông Hương được các website du lịch, các tạp chí, ấn phẩm nổi tiếng, các Đài truyền hình của Trung ương và các Facebooker, Titoker, Travel blogger tới tham quan, trải nghiệm, quảng bá ở trong nước, tại Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đức, Pháp.v.v...

Ngoài duy trì phục vụ khách tham quan, Bảo tàng Gốm cổ sông Hương còn thường xuyên tổ chức các buổi tìm hiểu lịch sử - văn hóa - ẩm thực cổ đô Huế dành cho học sinh các cấp và sinh viên các trường Đại học tại Huế và các địa phương khác tham gia như Đại học Y Dược Huế, Đại học Ngoại ngữ Huế, Đại học Sư Phạm Huế, Khoa Quốc tế - Đại học Huế, Đại học Du lịch – Đại học Huế, Học viện Phật giáo tại Huế, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, Đại học Kiến Trúc Hà Nội và TP HCM, Đại học Văn Lang TP HCM, Đại học Hoa Sen TP HCM, Đại học Văn hóa Hà Nội, Đại học Duy Tân - Đà Nẵng, Đại học FPT Đà Nẵng, Đại học RMIT, Đại học Fulbright Việt Nam, Đại học Tokyo (Nhật Bản), Đại học Utah (Mỹ), Đại học Sydney (Úc).v.v...

Bảo tàng Gốm cổ sông Hương cũng tích cực phối hợp với các tổ chức trong nước và quốc tế như Viện văn học Đức (Goethe Institut), Viện nghiên cứu phát triển Huế, Phân Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia tại Huế, Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID), Viện Trần Nhân Tông (Đại học Quốc gia Hà Nội), Nhóm Đông Kinh Cổ Nhạc (Hà Nội).v.v... thực hiện các các buổi tọa đàm, đối thoại, biểu diễn âm nhạc truyền thống của các diễn giả, nghệ sĩ nổi tiếng (là các doanh nhân, nhà

văn, nhà thơ, nhạc sĩ, nhà ngoại giao, nhà thiết kế, các Nghệ sĩ nhân dân...) đối với thế hệ trẻ về nhiều chủ đề, lĩnh vực khác nhau góp phần giáo dục, định hướng cho các em về nếp sống, kỹ năng sống, phát triển nghề nghiệp, bảo tồn văn hóa, âm nhạc dân tộc...

Trong tương lai, chúng tôi mong muốn sẽ có những nối kết tương tự với các Viện văn hóa khác của Pháp, Ý, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan... góp phần để công chúng Huế và những ai quan tâm có cơ hội được tiếp xúc và học hỏi từ nền văn hóa nghệ thuật đa dạng của thế giới và những nghệ sĩ tên tuổi của nước ngoài.

Về việc phát triển sản phẩm lưu niệm đặc trưng của Bảo tàng: Bảo tàng gồm cô sông Hương đã phát triển 1 sản phẩm quà lưu niệm trên cơ sở vẽ ký họa (sketch). Đây là một tập Postcard book tập hợp các bức vẽ ký họa vườn Lan viên cố tích (Từ đường Thái tộc) và Bảo tàng Gốm cổ sông Hương do Hoạ sĩ.

Đức Phạm thực hiện. Kinh phí nghiên cứu, thử nghiệm, phát triển sản phẩm: 35.000.000đ. Bảo tàng Gốm cổ sông Hương đã hoàn thiện Bảo tàng Áo giới thiệu vườn Lan Viên Cố Tích, Bảo tàng Gốm cổ sông Hương và Bộ sưu tập Áo Dài cung đình trên website: <http://thaikimlan.com>. Kinh phí xây dựng hệ thống Bảo tàng Áo (có dự toán chi tiết khi thực hiện): 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Hiện dự án Bảo tàng Áo này sẽ được giới thiệu tới công chúng trong thời gian tới. Đây được xem là bước tiến mới và là sự khởi đầu cho việc ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động bảo tàng ở trong nước nói chung và bảo tàng ngoài công lập nói riêng.

2.5. Chính sách hỗ trợ của Nhà nước

2.5.1. Về chuyên môn

Bảo tàng Gốm cổ sông Hương được Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh hỗ trợ nghiệp vụ, hướng dẫn nộp hồ sơ đề nghị thành lập Bảo tàng, hướng dẫn các thủ tục pháp lý, hướng dẫn các hoạt động trưng bày, kiểm kê, bảo quản, tuyên truyền...

Cán bộ, nhân viên của Bảo tàng Gốm cổ sông Hương được hỗ trợ tham gia các lớp đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ, bồi dưỡng kiến thức về công tác bảo tàng tổ chức trong tỉnh; và được hỗ trợ tiền tàu xe 2.500.000 đồng/người/năm/bảo tàng đối với các đợt tham gia đào tạo, tập huấn ngoại tỉnh (do Cục Di sản của Bộ Văn hóa và Thể thao tổ chức định kỳ hằng năm).

2.5.2. Về kinh phí hoạt động

Nguồn kinh phí chủ yếu do Bảo tàng Gốm cổ sông Hương tự trang trải. Hằng năm Bảo tàng nhận được nguồn hỗ trợ kinh phí trưng bày, triển lãm (không quá tối đa 02 triệu/lần, trưng bày trong phạm vi cấp tỉnh/1 năm, mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/1 hoạt động), hỗ trợ phát triển 01 sản phẩm lưu niệm đặc trưng của Bảo tàng/1 năm (không quá 30 triệu đồng/1 sản phẩm) từ Ủy ban nhân dân tỉnh theo Đề án số 258/ĐA-UBND.

Tính từ tháng 1-2020 tới tháng 6-2023, Bảo tàng Gốm cổ sông Hương đầu tư kinh phí xây dựng không gian triển lãm, mua sắm trang thiết bị và hiện vật, mời chuyên gia thẩm định hiện vật và chi trả cho nhân công.v.v... với tổng số tiền là: 3.700.000.000 đồng (Ba tỷ bảy trăm triệu đồng).

2.6. Những ưu điểm, hạn chế.

2.6.1. Ưu điểm

Có lẽ ưu điểm trước tiên trong chuỗi hoạt động của Bảo tàng Gốm cổ Sông Hương chính nằm ở tính cách „Ngoài Công Lập“ của Bảo tàng. Ngoài công lập hay tư nhân hoá bảo tàng nằm trong sự chuyển hướng cái nhìn về di sản văn hóa của đất nước như là một gia sản chung cần bảo vệ, gìn giữ và phát huy. Tính cách „ngoài công lập“ đã tạo điều kiện cho mỗi cá nhân tự nguyện và tự do sử dụng „vốn liếng“ vật chất và tinh thần của mình, vật chất như những bộ sưu tập được hình thành từ tình yêu di sản, tình yêu cổ vật của ông cha để lại, tinh thần như sự vận dụng khả năng lưu giữ sáng tạo trên di sản, nhằm bảo tàng vốn liếng văn hóa chung của cả một vùng miền. Chính tính ngoài công lập là chìa khoá mở cửa bước vào di sản từ ngàn xưa được lưu giữ riêng tư. Chủ trương của Nhà nước đã khuyến khích sự ra đời của bảo tàng ngoài công lập. Thiết nghĩ, tính „ngoài công lập“ này cần được định chế hoá và tư pháp hoá hầu có thể mở ra một tiềm năng mới trong công cuộc bảo tồn và phát huy di sản đất nước.

Bảo tàng Gốm cổ sông Hương được đánh giá là bảo tàng tư nhân đầu tiên và duy nhất hiện nay ở Việt Nam (trong số 54 bảo tàng tư nhân) chỉ trưng bày những hiện vật gốm cổ được tìm thấy từ một dòng sông, trong địa bàn địa lý của một tỉnh.

Từ khi ra đời, Bảo tàng Gốm cổ sông Hương đã phát huy tính năng động, sáng tạo, chủ động trong việc trưng bày và liên tiếp tổ chức nhiều hoạt động phong phú, thu hút đông đảo khách tham quan của nhiều độ tuổi, thành phần, quốc tịch. Qua các hoạt động, đã góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc nói chung, di sản văn hóa Huế nói riêng, đồng thời phát huy hiệu quả trong việc phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập, tham quan, trải nghiệm của các tầng lớp nhân dân cùng du khách trong và ngoài nước.

Bảo tàng Gốm cổ sông Hương đã có nhiều cải tiến, ứng dụng các phương tiện hiện đại trong cách thức trưng bày, sưu tầm, quảng bá, tổ chức dịch vụ và cạnh tranh thu hút khách tham quan. Đây là Bảo tàng duy nhất trên cả nước trưng bày gốm được tìm thấy từ các dòng sông trong không gian địa lý hẹp (tỉnh Thừa Thiên Huế).

Bên cạnh đó, sự ra đời của Bảo tàng Gốm cổ sông Hương đã tạo được nhiều việc làm, đồng thời tạo thêm điểm đến sinh động, thúc đẩy phát triển du lịch, dịch vụ của tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.6.2. Hạn chế:

- Mặc dù chính quyền tỉnh Thừa Thiên Huế đã quan tâm xây dựng các chính sách hỗ trợ cho loại hình bảo tàng ngoài công lập, nhưng do cơ chế, chính sách ưu đãi của Nhà nước cho Bảo tàng ngoài công lập chưa nhiều nên Bảo tàng Gốm cổ sông Hương luôn phải tự tìm hướng duy trì, phát triển. Các chương trình trưng bày, triển lãm, hội thảo, biểu diễn nghệ thuật phục vụ công chúng đều do Bảo tàng Gốm cổ sông Hương tự trang trải kinh phí nên còn nhiều eo hẹp.

- Vì mới thành lập nên Bảo tàng còn khó khăn về kinh nghiệm trưng bày, diện tích kho bảo quản hiện vật không lớn, đặc biệt là kinh phí hoạt động, kinh phí tu bổ không gian, mở rộng diện tích trưng bày gặp nhiều trở ngại và sự hỗ trợ trang thiết

bị chuyên ngành còn yếu.

- Bảo tàng Gốm cổ sông Hương đang hoạt động dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (chưa thể thành lập Doanh nghiệp xã hội do những yêu cầu của loại hình này). Tuy nhiên, trước nhu cầu phát triển của hệ thống bảo tàng ngoài công lập, Bảo tàng Gốm cổ sông Hương rất cần có tư cách pháp nhân cụ thể để hoạt động mạnh hơn.

- Một hạn chế khác nằm ở sự phân biệt và giới hạn quyền lợi cũng như trách nhiệm giữa những người Việt ở nước ngoài và người Việt trong nước. Giới hạn không được làm chủ công ty, không được làm giám đốc khi thành lập quỹ tương trợ, không được quyền sở hữu đất vv. Đây là những điểm gây trở ngại không nhỏ trong việc khuyến khích tư nhân thành lập bảo tàng một cách công khai.

3. Đề xuất, kiến nghị:

Trên lãnh vực địa bàn Thừa Thiên Huế:

- Bảo tàng Gốm cổ sông Hương kính đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa

Thiên Huế xem xét về thẩm quyền con dấu riêng cho Bảo tàng ngoài công lập và tài khoản hoạt động để thuận lợi hơn trong quá trình hoạt động. Ban hành kế hoạch cụ thể cho từng giai đoạn, chú trọng công tác xã hội hóa, huy động các tổ chức trong nước và quốc tế cùng tham gia thực hiện phát triển hệ thống bảo tàng nói chung, bảo tàng ngoài công lập nói riêng trên địa bàn tỉnh.

- Bảo tàng Gốm cổ sông Hương kính đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa

Thiên Huế, Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh, Sở Du lịch hỗ trợ việc quảng bá trên các kênh thông tin tuyên truyền của tỉnh nhà, và các phương tiện thông tin đại chúng khác nhằm đưa Bảo tàng Gốm cổ sông Hương vào danh sách các điểm đến du lịch văn hóa lịch sử đặc sắc của tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Mong muốn mở rộng Bảo tàng Gốm cổ sông Hương, để xây dựng một Bảo tàng Áo Dài với Bộ sưu tập áo dài triều Nguyễn của TS T hái Kim Lan gìn giữ. Những hiện vật thời trang triều Nguyễn đang rất cần được bảo lưu nguyên vẹn vì điều kiện bảo quản hiện tại của Bảo tàng Gốm cổ sông Hương còn thô sơ và khí hậu của Huế rất khắc nghiệt đang là nguy cơ cho sự tồn tại của bộ sưu tập này. Bảo tàng Gốm cổ sông Hương có nguyện vọng được thuê lại mảnh đất 3.500m² (nguyên là đất của Từ đường Thái tộc, hiện đang được Hợp tác xã phường Hương Long cấp cho người dân canh tác hoa màu) để xây dựng Bảo tàng Áo dài xưa triều Nguyễn tại đây cho Huế. Kính mong Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, thành phố Huế và các sở ngành liên quan nghiên cứu, hỗ trợ giá thuê đất do Nhà nước quản lý với mức tối thiểu do Nhà nước ban hành để tổ chức xây dựng Bảo tàng Áo dài này.

- Bảo tàng Gốm cổ sông Hương kính đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Sở Văn hóa và Thể thao Thừa Thiên Huế hỗ trợ chi phí hoạt động cho Bảo tàng Gốm cổ sông Hương hằng năm để tổ chức các chương trình trưng bày, triển lãm phục vụ công chúng và tạo điều kiện nhanh gọn các thủ tục về hành chính để nhận được các hỗ trợ này.

- Nhìn chung sự liên kết, phối hợp giữa các Bảo tàng ngoài công lập với Bảo tàng công lập chưa chặt chẽ, các khâu nghiệp vụ của bảo tàng chưa thực hiện thường xuyên. Ngoài ra sự nối kết với những Bảo tàng trên thế giới phải được xem là một trong những sinh hoạt cần thiết cho hệ thống Bảo tàng. Vì vậy, một tờ thông tin về các Bảo tàng và hoạt động của Bảo tàng cần được thành lập trong ý tưởng đó. Qua đây, những thông tin trung bày, triển lãm, kinh nghiệm hoạt động, quản lý của lĩnh vực Bảo tàng trong nước và quốc tế luôn được cập nhật và đẩy mạnh.

Để thực hiện được những kế hoạch, dự án nói trên, Bảo tàng Gốm cổ sông Hương cần nhiều sự giúp đỡ về phương pháp cũng như kinh phí, thủ tục pháp lý hành chính để công cuộc đóng góp cho văn hóa di sản Huế và Việt Nam nói chung ngày càng được kiện toàn, mang tầm vóc quốc tế và khoa học văn minh.

Trên phương diện Nhà nước, pháp chế như trên đã trình bày, xin kiến nghị:

a. Đưa tính cách ngoài công lập trở thành một định chế có tính pháp nhân bảo đảm tính tư nhân của bảo tàng để khuyến khích sự thành lập bảo tàng tư nhân và bảo đảm sự tồn tại bền vững của bảo tàng tư nhân.

b. Cải thiện sự phân biệt đối xử giữa người Việt quốc nội và hải ngoại trong việc thành lập bảo tàng.

c. Bảo đảm tính tư hữu đất đai và của cải của bảo tàng tư nhân./.

CHÍNH SÁCH, NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG NHÀ HÁT Ở VIỆT NAM HIỆN NAY – THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

GS.TS. Từ Thị Loan

Nguyên Quyền Viện trưởng

Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam

1. Thực trạng chính sách phát triển hệ thống nhà hát ở Việt Nam

Trong những năm qua, nhất là từ khi bước sang thời kỳ Đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách quan trọng nhằm thúc đẩy phát triển văn hóa và con người Việt Nam, trong đó có vai trò không thể thiếu của hệ thống nhà hát trong cả nước.

Căn cứ pháp lý để xây dựng các chính sách đó là: Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII ngày 16/7/1998 về *Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc*; Nghị quyết số 33-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 9 khóa XI ngày 9/6/2014 về *Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước*; Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành *Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020*; Quyết định số 88/QĐ-TTg, ngày 09/01/2013 phê duyệt Đề án *Quy hoạch và kế hoạch nâng cấp, xây mới các công trình văn hóa (nhà hát, rạp chiếu phim, nhà triển lãm văn học nghệ thuật) giai đoạn 2012-2020*; Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 19/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành *Quy hoạch tổng thể phát triển nghệ thuật biểu diễn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030*; Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 8/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành *Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030,...* và gần đây nhất là Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 112/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030*.

Trên cơ sở đó, nhiều chính sách mới đã ra đời, góp phần khơi thông các nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi cho những người làm nghề, khuyến khích các văn nghệ sĩ tận tâm cống hiến cho ngành, cho đất nước, cụ thể là:

- Chính sách khuyến khích các đơn vị sự nghiệp và tổ chức văn hóa, nghệ thuật hoạt động kinh tế.
- Chính sách chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập sang hoạt động theo loại hình ngoài công lập.
- Chính sách cổ phần hóa các doanh nghiệp văn hóa nghệ thuật của Nhà nước hoặc chuyển đổi sang hình thức công ty TNHH một thành viên.
- Chính sách đãi ngộ về tiền lương, đãi ngộ, chế độ phúc lợi.
- Chính sách tôn vinh văn nghệ sĩ (phong tặng danh hiệu NSND, NSUT).
- Chính sách khen thưởng, trao giải thưởng đối với các tác phẩm, công trình văn hóa, nghệ thuật.

- Chính sách phát hiện, ưu tiên bồi dưỡng tài năng, năng khiếu trong các trường đào tạo văn hóa nghệ thuật.

- Chính sách bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan, v.v...

Chẳng hạn, chính sách xã hội hóa trong văn hóa được cụ thể hóa trong các văn bản quy phạm pháp luật như: Nghị quyết số 90/1997/NQ-CP ngày 21/8/1997 của Chính phủ về phương hướng và chủ trương xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế và văn hóa; Nghị định 73/1999/NĐ-CP ngày 19/8/1999 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao có nhiều ưu đãi về thuế nhà đất, lệ phí trước bạ, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, tín dụng, bảo hiểm cho các cơ sở ngoài công lập; Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa và thể dục, thể thao; Nghị định 69/2008/NĐ-CP ban hành một số chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong các lĩnh vực nêu trên...

Theo *Quy hoạch và kế hoạch nâng cấp, xây mới các công trình văn hóa (nhà hát, rạp chiếu phim, nhà triển lãm văn học nghệ thuật) giai đoạn 2012 - 2020*, mục tiêu cụ thể của Quy hoạch là: “Đến năm 2020, tại các đô thị đặc biệt như thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, xây dựng một số công trình văn hóa có quy mô lớn, hiện đại đủ điều kiện để tổ chức các sự kiện tầm cỡ quốc tế. Tại các đô thị trung tâm vùng kinh tế - xã hội, đô thị loại I: Thành phố Thái Nguyên, thành phố Hải Phòng, thành phố Vinh, thành phố Huế, thành phố Đà Nẵng, thành phố Quy Nhơn, thành phố Nha Trang, thành phố Đà Lạt, thành phố Buon Ma Thuột và thành phố Cần Thơ xây dựng một số công trình văn hóa có quy mô phù hợp, hiện đại đủ điều kiện tổ chức sự kiện cho vùng và quốc gia. Tại các đô thị loại II, loại III và một số khu dân cư cạnh khu công nghiệp lớn, khu du lịch quốc gia, khu đô thị đông dân cư: Xây dựng một số công trình văn hóa (thiết chế tổng hợp), tùy theo quy mô dân số và đặc điểm của từng tỉnh, thành phố có thể bao gồm 1 đến 3 chức năng (rạp, cụm rạp chiếu phim; rạp hát; nhà triển lãm) trong một thiết chế văn hóa”¹.

Tổng số nhà hát được Quy hoạch xác định cần nâng cấp và xây dựng mới là 71 nhà hát (trong đó *xây mới 51 nhà hát, nâng cấp 20 nhà hát*), cụ thể là: Xây mới 11 nhà hát có quy mô lớn từ 2.000 đến 2.500 ghế, với trang thiết bị hiện đại chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế về âm thanh, ánh sáng và cơ khí sân khấu. Trong đó, tại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh xây mới công trình nhà hát có quy mô lớn từ 2.500 đến 3.000 ghế. Xây mới 40 nhà hát có quy mô lớn từ 1.000 đến 2.000 ghế tại các tỉnh chưa có nhà hát trung tâm và các thành phố là trung tâm vùng, trung tâm công nghiệp, dịch vụ lớn. Nâng cấp cải tạo, đầu tư, hiện đại hóa trang thiết bị kỹ thuật 20 công trình nhà hát đã bị xuống cấp, hư hỏng².

Nhìn chung, có thể thấy, việc xây dựng, ban hành các chính sách để phát triển hệ thống nhà hát đã có đầy đủ các căn cứ, cơ sở pháp lý, vấn đề là triển khai, hiện thực hóa các chính sách đó như thế nào. Về cơ bản, việc hoạch định, ban hành chính sách đã có những chuyển biến tích cực, năng động, phù hợp hơn với yêu cầu phát

¹ Ban hành theo Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

² Tlđđ.

triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, hướng tới phát triển các ngành công nghiệp văn hóa mà nghệ thuật biểu diễn là một ngành then chốt.

Tuy nhiên, trên thực tế, cho đến nay là năm 2024, việc triển khai thực hiện Quy hoạch và kế hoạch nói trên mới có **50% địa phương** đạt chỉ tiêu xây dựng nhà hát trên 1000 ghế. Tiêu biểu là các tỉnh: Quảng Ninh, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Thái Nguyên, Đà Nẵng, Bình Định,... Trong đó, tổng số nhà hát *xây dựng mới* chiếm tỷ lệ thấp đáng kể so với chỉ tiêu đề ra.

Theo Quyết định số 88/QĐ-TTg, đến năm 2020 sẽ hoàn thành xây dựng các nhà hát hoặc trung tâm nghệ thuật biểu diễn có quy mô, hiện đại đủ điều kiện tổ chức sự kiện cho vùng và quốc gia tại **10 đô thị** trung tâm vùng kinh tế - xã hội, đô thị loại I là: Tp Thái Nguyên, Tp Hải Phòng, Tp Vinh, Tp Huế, Tp Đà Nẵng, Tp Quy Nhơn, Tp Nha Trang, Tp Đà Lạt, Tp Buôn Ma Thuột và Tp Cần Thơ, nhưng đến nay mới có **4 thành phố**: Đà Nẵng, Quy Nhơn, Huế, Thái Nguyên xây dựng được nhà hát có quy mô, hiện đại như mục tiêu đề ra.

2. Thực trạng nguồn lực cho phát triển hệ thống nhà hát ở Việt Nam hiện nay

Hiện nay có nhiều cách hiểu rộng hẹp khác nhau về khái niệm “nguồn lực”. Một cách chung nhất, nguồn lực được hiểu là “tổng thể các điều kiện vật chất và phi vật chất phục vụ cho mục tiêu phát triển của một chủ thể cụ thể”¹. Trong khuôn khổ có hạn của bài viết, tác giả chỉ xin tập trung phân tích ba nguồn lực chính có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của hệ thống nhà hát ở Việt Nam hiện nay, đó là: nhân lực (nguồn lực con người), tài lực (nguồn lực tài chính) và vật lực (nguồn lực cơ sở vật chất).

2.1. Nguồn lực cơ sở vật chất

Trên cơ sở kế thừa, củng cố hệ thống nhà hát từ thời Pháp để lại và tiếp tục xây dựng, phát triển hệ thống nhà hát mới theo các Chiến lược, Quy hoạch, Đề án đã được phê duyệt, có thể thấy, đến nay chúng ta đã có một hệ thống nhà hát trải rộng trên cả nước với nhiều quy mô, loại hình, tính chất khác nhau, về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Hệ thống này từng bước được hoàn thiện cơ sở vật chất - kỹ thuật, trang thiết bị theo hướng văn minh, hiện đại. Một số nhà hát cũ đang xuống cấp tại các địa phương cũng được rà soát, cải tạo, nâng cấp và trang bị mới hệ thống phương tiện kỹ thuật để theo kịp tốc độ phát triển kinh tế cũng như đáp ứng nhu cầu, thị hiếu ngày càng khắt khe của công chúng.

* *Các nhà hát quy mô quốc gia và vùng* hiện nay chủ yếu phân bố ở Hà Nội và Tp Hồ Chí Minh. Một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, Vùng Kinh tế trọng điểm Miền Trung, Vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam và Vùng Kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long đã xây dựng được các nhà hát hoặc trung tâm biểu diễn nghệ thuật đáp ứng yêu cầu tổ chức các sự kiện nghệ thuật ở cấp vùng, cấp quốc gia và quốc tế như Hạ Long, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Phú Quốc,...

¹ <https://redcross.org.vn/cong-tac-hoi/phat-trien-nguon-luc/>

* *Các nhà hát thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý* gồm 14 đơn vị: 1) Nhà hát Ca, Múa, Nhạc Việt Nam (địa chỉ: Trung tâm Nghệ thuật Âu Cơ, số 8 Huỳnh Thúc Kháng, Hà Nội); 2) Nhà hát Cải lương Việt Nam (164 Hồng Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội); 3) Nhà hát Chèo Việt Nam (Trụ sở giao dịch: Khu Văn công Mai Dịch, quận Cầu Giấy. Địa điểm biểu diễn chính: Nhà hát Chèo số 71 Kim Mã - Số 1 Giang Văn Minh, Ba Đình, Hà Nội); 4) Nhà hát Tuồng Việt Nam (Trụ sở: Khu Văn hóa nghệ thuật, phường Mai Dịch, Hà Nội. Địa điểm biểu diễn: Rạp Hồng Hà, số 51A phố Đường Thành, Hà Nội); 5) Nhà hát Múa rối Việt Nam (361 Trường Chinh, Thanh Xuân, Hà Nội); 6) Dàn nhạc Giao hưởng Việt Nam (226 Đường Cầu Giấy, Hà Nội); 7) Nhà hát Kịch Việt Nam (số 1, phố Tràng Tiền, Hà Nội); 8) Nhà hát Nhạc, Vũ, Kịch Việt Nam; 9) Nhà hát Nghệ thuật đương đại Việt Nam (79 Hàng Trống, Hà Nội); 10) Nhà hát Ca, Múa, Nhạc dân gian Việt Bắc (70D Chu Văn An, tỉnh Thái Nguyên); 11) Nhà hát Tuổi trẻ (11 Ngô Thì Nhậm, Hà Nội); 12) Liên đoàn Xiếc Việt Nam (Rạp xiếc Trung ương, số 69, Trần Nhân Tông, Hà Nội); 13) Nhà hát Lớn Hà Nội (số 1 Tràng Tiền, Hà Nội); 14) Nhà hát Giao hưởng, Nhạc và Vũ kịch đang xây dựng tại Thủ Thiêm, TP Hồ Chí Minh, có quy mô 1.700 chỗ ngồi, gồm 1 khán phòng lớn 1.200 chỗ và 1 khán phòng nhỏ 500 chỗ. Nhà hát nằm trong Khu đô thị mới Thủ Thiêm, Tp Thủ Đức, rộng 10.030 m² và công viên cây xanh xung quanh rộng hơn 10.000 m².

* *Các nhà hát nghệ thuật cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương* có vị trí và vai trò quan trọng trong việc tổ chức biểu diễn nghệ thuật và bảo tồn, phát huy di sản nghệ thuật truyền thống tiêu biểu của dân tộc, trong đó có một số nghệ thuật trình diễn được UNESCO đưa vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại. Các tỉnh, thành phố có nhà hát thực hiện chức năng bảo tồn, phát huy nghệ thuật truyền thống tiêu biểu là: Hà Nội (Nhà hát Múa rối Thăng Long), Bắc Ninh (Nhà hát Dân ca Quan họ Bắc Ninh), Thừa Thiên Huế (Nhà hát nghệ thuật truyền thống cung đình Huế, Duyệt Thị Đường), Bình Định (Nhà hát Nghệ thuật truyền thống - hợp nhất từ Nhà hát Tuồng Đào Tấn và Đoàn Ca kịch Bài chòi Bình Định), Khánh Hòa (Nhà hát Nghệ thuật truyền thống), Bạc Liêu (Nhà hát Cao Văn Lầu), Thành phố Hồ Chí Minh (Nhà hát Cải lương Trần Hữu Trang), Sơn La (Nhà hát ca múa nhạc), Nghệ An (Trung tâm Bảo tồn và Phát huy Di sản Dân ca Xứ Nghệ),...

* *Các nhà hát thuộc lực lượng vũ trang* gồm có: 1) Nhà hát Ca múa nhạc quân đội (số 6 Hồ Tùng Mậu, Mai Dịch, Hà Nội); 2) Nhà hát Chèo Quân đội (45 Ngõ 126 Xuân Đình, Hà Nội); 3) Nhà hát Kịch nói Quân đội (số 2, ngõ 65 Mai Dịch, Hà Nội); Nhà hát Công an nhân dân (Nhà hát Hồ Gươm, 40 Hàng Bài, Hà Nội).

* *Các nhà hát tư nhân* đóng vai trò rất quan trọng trong xu thế xã hội hóa, hướng tới xây dựng một thị trường văn hóa đích thực và phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Hai thập kỷ gần đây, nhiều sân khấu tư nhân đã xuất hiện và trụ vững trong cơ chế kinh tế thị trường, tập trung chủ yếu ở Tp Hồ Chí Minh như: Nhà hát kịch IDECAF (ông bầu Huỳnh Anh Tuấn), Sân khấu kịch Hồng Vân (với Sân khấu kịch Phú Nhuận, Sân khấu kịch Chợ Lớn,...); Nhà hát kịch Sân Khấu Nhỏ (5B Võ Văn Tần của NSND Mỹ Uyên); Sân khấu kịch TKC (của NSND Trịnh Kim Chi); Sân khấu kịch Hoàng Thái Thanh; Sân khấu Nụ Cười Mới, Nhà hát Thế Giới Trẻ,... Ở Hà Nội một điểm sáng là Sân khấu Lệ Ngọc của NSND Lệ Ngọc, v.v...

Nhìn chung, trong những năm qua, Nhà nước ta luôn có sự quan tâm đầu tư, củng cố và phát triển hệ thống nhà hát trên cả nước, về cơ bản đảm bảo chức năng phục vụ nhu cầu văn hóa tinh thần của người dân và bước đầu hướng tới mục tiêu biến các nhà hát thành nơi hiện thực hóa chủ trương phát triển công nghiệp văn hóa của Đảng và Nhà nước. Một số nhà hát trở thành điểm sáng trong bức tranh nghệ thuật biểu diễn Việt Nam và ngày càng phát triển khởi sắc như: Nhà hát Ca, Múa, Nhạc Việt Nam; Nhà hát Nghệ thuật đương đại Việt Nam, Nhà hát Tuổi trẻ, Nhà hát Múa rối Việt Nam, Nhà hát Lớn Hà Nội,...

Tại một số đô thị trung tâm vùng kinh tế - xã hội, đô thị loại I đã xây dựng được một số nhà hát có quy mô lớn, hiện đại đủ điều kiện tổ chức sự kiện cho vùng và quốc gia, như ở thành phố Đà Nẵng, Quy Nhơn, Huế, Thái Nguyên.

Hiện nay, thực hiện chủ trương sáp nhập, tinh giản đầu mối các đơn vị sự nghiệp công lập của Chính phủ cũng như triển khai *Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2021, định hướng đến năm 2030* (theo Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 18/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ), nhiều Sở, ngành đã tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị nghệ thuật công lập theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp hóa, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển nghệ thuật biểu diễn theo quy định của pháp luật, nâng cao năng lực tổ chức biểu diễn nghệ thuật của các đơn vị nghệ thuật trên toàn quốc.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã rà soát, sắp xếp, tổ chức lại theo hướng sáp nhập hoặc hợp nhất các nhà hát hoặc đoàn nghệ thuật có chức năng, nhiệm vụ, loại hình tương đồng. Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ duy trì 01 nhà hát hoặc đoàn nghệ thuật truyền thống, tiêu biểu của địa phương. Các nhà hát hoặc đoàn nghệ thuật khác hợp nhất với Trung tâm Văn hóa, Trung tâm Văn hóa - Thông tin hoặc nhà văn hóa cấp tỉnh (gọi chung là Trung tâm văn hóa cấp tỉnh) thành 01 đầu mối.

Bên cạnh các kết quả đã đạt được, phải thẳng thắn nhìn nhận là trên phương diện cơ sở vật chất – kỹ thuật, hệ thống nhà hát của chúng ta còn rất nhiều yếu kém, hạn chế. Một số nhà hát tuy phát triển tốt về khán giả, doanh thu, nhưng địa điểm biểu diễn còn nhiều khó khăn, quy mô nhà hát chưa đáp ứng theo quy định. Chấn hạn, về quy mô, hầu hết các nhà hát ở Việt Nam có quy mô nhỏ hẹp: Nhà hát Nghệ thuật đương đại Việt Nam chỉ có 260 chỗ ngồi; Nhà hát Tuổi trẻ ở cả 2 cơ sở mới có 588 chỗ ngồi; Nhà hát Ca Múa Nhạc Việt Nam tổng cộng 2 cơ sở có 726 chỗ ngồi,... Các nhà hát sân khấu truyền thống quy mô chỉ 300 - 400 chỗ ngồi. Đồng thời, cơ sở vật chất và trang thiết bị còn thiếu thốn, chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng và biểu diễn¹.

Thậm chí một số đơn vị thuộc cấp trung ương, đóng ngay tại Thủ đô mà chưa có rạp hát để biểu diễn, phải đi thuê như: Đoàn nhạc Giao hưởng Việt Nam; Nhà hát Nhạc, Vũ Kịch Việt Nam. Tại các địa phương, tình hình còn khó khăn hơn. Theo thống kê, tính đến tháng 12/2023 trên cả nước có 106 đơn vị biểu diễn nghệ thuật²,

¹ Báo cáo hợp phần *Thực trạng và phương hướng, giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa và thể dục, thể thao quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*. Đơn vị chủ trì: Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, 2023.

² Báo cáo công tác văn hóa, thể thao và du lịch năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

tuy nhiên rất nhiều đơn vị không có nhà hát, nơi biểu diễn của mình mà thường phải thuê sân khấu, địa điểm biểu diễn, làm gia tăng chi phí, sự phụ thuộc vào bên ngoài và gây nhiều khó khăn cho hoạt động biểu diễn.

Đặc biệt, tại các đô thị lớn như Hà Nội, Tp Hồ Chí Minh, đến nay chúng ta chưa có các nhà hát có quy mô lớn, hiện đại đủ điều kiện để tổ chức các sự kiện tầm cỡ quốc tế. Hiện nay Hà Nội mới có nhà hát Hồ Gươm của Bộ Công an đáp ứng được các yêu cầu cơ bản để tổ chức các chương trình nghệ thuật lớn, sự kiện văn hóa trang trọng. Thành phố Hồ Chí Minh đang trong quá trình xây dựng 01 nhà hát quy mô, hiện đại tại Thủ Thiêm, quận 2. Chúng ta hiện đang rất thiếu các nhà hát xứng tầm để tổ chức các sự kiện văn hóa tầm cỡ quốc tế hay mời các ban nhạc, ngôi sao nước ngoài đến Việt Nam biểu diễn. Hiện nay các đêm nhạc lớn chủ yếu phải diễn ra ở ngoài trời hoặc sân vận động, bị phụ thuộc nhiều vào thời tiết và không đảm bảo các điều kiện về sân khấu, trang thiết bị, âm thanh, ánh sáng.

Cùng với đó, tại các nhà hát tình trạng trang thiết bị nghèo nàn, lạc hậu, sân khấu nhỏ hẹp, thiết kế kỹ thuật và trang trí mỹ thuật chưa được đầu tư bài bản khiến cho sức hấp dẫn của các vở diễn, chương trình nghệ thuật bị ảnh hưởng. Về phía đầu tư của Nhà nước, hạng mục đầu tư trang thiết bị cho các Đoàn nghệ thuật cũng thường xuyên bị cắt giảm và chậm trễ.

Đây là những minh chứng cho thấy nhu cầu cấp bách của lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn và việc phải tiếp tục thực hiện các mục tiêu đã đề ra trong các Chiến lược, Quy hoạch đã công bố, nhất là *Quy hoạch và kế hoạch nâng cấp, xây mới các công trình văn hóa* theo Quyết định số 88/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Ngoài ra, rất cần có cơ chế, chính sách hỗ trợ hệ thống nhà hát tư nhân. Các nhà hát và sân khấu tư nhân từng dẫn đầu trào lưu xã hội hóa hoạt động nghệ thuật chuyên nghiệp. Sự hình thành và nở rộ của các sân khấu tư nhân đã mang lại cho khán giả sự hào hứng về tính đa dạng của nền nghệ thuật biểu diễn Việt Nam thời kỳ hội nhập.

Tuy nhiên, nếu có sự phân biệt đối xử giữa khu vực Nhà nước được đầu tư cơ sở vật chất, được ưu đãi về thuê đất, mặt bằng, thuế, phí, vay vốn với các nhà hát tư nhân phải tự bươn chải, xoay sở trong cơ chế kinh tế thị trường sẽ là một sự bất công và không khuyến khích các nghệ sĩ tâm huyết theo đuổi sự nghiệp này. Thực tế cho thấy, những năm gần đây, nhất là sau đại dịch COVID-19, nhiều nhà hát, sân khấu tư nhân đã phải đóng cửa vì không trụ nổi. Chẳng hạn, đầu tiên là ông bầu Phước Sang đã phá sản, phải đóng cửa hai tụ điểm của Sân khấu kịch Sài Gòn. Sân khấu kịch IDECAF phải ngưng một tụ điểm và tụ điểm còn lại phải chuyển địa chỉ liên tục. Sân khấu kịch Hồng Vân cũng phải co hẹp lại quy mô và chuyển địa điểm liên tục. Các sân khấu khác phải nhờ nỗ lực, tâm huyết, công sức rất lớn của các nghệ sĩ mới có thể trụ lại được.

2.2. Nguồn lực tài chính

Nhìn chung, các nhà hát công lập thuộc ngành văn hóa chủ yếu là đơn vị sự nghiệp có thu. Các nhà hát thuộc lực lượng vũ trang phần lớn được Nhà nước bao cấp, đảm bảo kinh phí duy trì hoạt động để phục vụ nhiệm vụ chính trị của Bộ Công an và Bộ

Quốc phòng.

Theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về *Tiếp tục đổi mới và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập*, các nhà hát hoặc đoàn nghệ thuật phải tăng dần mức độ tự đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên theo từng năm, giảm chi trực tiếp từ ngân sách Nhà nước.

Theo Báo cáo của Bộ VH TTDL về thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP và đánh giá tình hình triển khai Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, các đơn vị trên cần thực hiện quyền tự chủ theo quy định gồm: *tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính* đối với đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Đến nay 100% đơn vị đã thực hiện *tự chủ trong thực hiện nhiệm vụ*. Các nhà hát đã chủ động sắp xếp, tổ chức bộ máy, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí từ ngân sách cũng như nguồn thu vào những hoạt động chuyên môn trên nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả và thiết thực. Một số nhà hát được giao *tự chủ tài chính* bước đầu sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế, hợp đồng lao động theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

Về mức độ thực hiện tự chủ, Quyết định số 4793/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sửa đổi Quyết định thí điểm áp dụng lộ trình đổi mới cơ chế hoạt động theo tinh thần Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/8/2012 của Chính phủ về “*Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hoá một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công lập*” đã mở ra một hướng đi mới cho các nhà hát, chủ động triển khai nhiều giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ, đổi mới phương thức quản lý và làm việc, tăng cường biện pháp để tăng nguồn thu đảm bảo hoàn thành lộ trình tự chủ theo kế hoạch Bộ giao.

Các nhà hát thuộc Bộ VH TTDL quản lý hiện đang trên lộ trình xây dựng phương án *tự chủ tài chính* giai đoạn 2022-2026 theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Tính đến đầu năm 2021, mức độ thực hiện tự chủ của 12 nhà hát (không tính Nhà hát Lớn Hà Nội) thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là như sau:

- Tự đảm bảo chi thường xuyên: 02/12 đơn vị (16%);
- Tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: 03/12 đơn vị (25%);
- Ngân sách đảm bảo toàn bộ: 07/12 đơn vị (58%);
- Tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: 0 đơn vị (0%)¹.

Theo Báo cáo tổng kết của Bộ VH TTDL, trong năm 2023, các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn đã hoàn thành 1.153 vở diễn sân khấu, chương trình ca múa nhạc, tiết mục nghệ thuật *mới dàn dựng* và 671 vở diễn sân khấu, chương trình ca múa nhạc, tiết mục nghệ thuật *sửa chữa và nâng*

¹ Báo cáo *Thực trạng và phương hướng, giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa và thể dục, thể thao quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*. Đơn vị chủ trì: Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, 2023.

cao. Tổng số buổi biểu diễn trong năm là 8.019. Ước tính số người xem biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp trong năm là 154.869.326 người. Doanh thu của các đơn vị nghệ thuật công lập là 78.742.163.9152. So với mục tiêu đề ra trong *Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030* là đến năm 2020, ngành nghệ thuật biểu diễn đạt khoảng 16 triệu USD và đến năm 2030 đạt khoảng 31 triệu USD thì con số này còn khá là khiêm tốn (tất nhiên chưa kể đến nghệ thuật biểu diễn khu vực tư nhân).

Nhìn chung, trong cơ chế kinh tế thị trường, chỉ các nhà hát gắn với các loại hình nghệ thuật đương đại mới có thể có nhiều khán giả và có doanh thu tốt, như: Nhà hát Ca, Múa, Nhạc Việt Nam; Nhà hát Nghệ thuật đương đại Việt Nam; Nhà hát Tuổi trẻ,...

Các nhà hát gắn với các loại hình nghệ thuật truyền thống nhìn chung đều lao đao, khó khăn chồng chất trong cơ chế tự chủ như: Nhà hát Cải lương, Nhà hát Chèo, Nhà hát Tuồng (Cá biệt là Nhà hát Múa rối Việt Nam có doanh thu rất tốt do hấp dẫn được khách du lịch và đi lưu diễn nước ngoài nhiều).

Các nhà hát gắn với các loại hình nghệ thuật biểu diễn cổ điển, thính phòng do tính chất kén khán giả, nên doanh thu cũng rất khó khăn, như: Dàn nhạc Giao hưởng Việt Nam; Nhà hát Nhạc, Vũ, Kịch Việt Nam.

Các nhà hát kịch ở khu vực phía Bắc hoạt động cầm chừng, không có sức hút khán giả mạnh như sân khấu kịch phía Nam.

Do lương cứng không đủ sống, các diễn viên, nhạc công, người lao động tại các nhà hát phải tìm mọi cách bươn chải để duy trì cuộc sống. Giới nghệ sĩ, nhạc công thường phải kiếm thêm thu nhập bằng hát thuê, đàn thuê cho các đám cưới, sự kiện, phòng trà, các văn hầu đồng, dạy thêm, thậm chí làm thêm các nghề không liên quan, gây ảnh hưởng đến công việc chính tại nhà hát.

2.3. Nguồn lực con người

Tính đến tháng 6/2021, tổng số cán bộ, viên chức và người lao động tại 12 nhà hát (không tính Nhà hát Lớn Hà Nội) do Bộ VHTTDL quản lý là 1.316 người. Trong đó số diễn viên trong biên chế là 632/882 người (chiếm 71%)¹.

Trong số đó, số diễn viên có trình độ đào tạo Tiến sĩ là 04 người (chiếm 0,06% tổng số diễn viên được biên chế), Thạc sĩ là 16 người (chiếm 0,25%), Đại học là 361 người (chiếm 57%), Cao đẳng là 55 người (chiếm 0,9%), Trung cấp là 336 người (chiếm 53%), Sơ cấp là 01 người (chiếm 0,01%)². Nhìn trong bức tranh chung như vậy, chúng ta thấy, phần lớn lực lượng nghệ sĩ, diễn viên biểu diễn hiện nay có *trình độ Trung cấp*. Họ chủ yếu thuộc các loại hình nghệ thuật: Múa, Tuồng, Chèo, Cải Lương, Múa rối, Xiếc, nhạc công ngành nghệ thuật truyền thống, được đào tạo tại các cơ sở đào tạo nghệ thuật chuyên nghiệp trên cả nước. Đây là lực

² Báo cáo công tác văn hóa, thể thao và du lịch năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ năm 2024 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

¹ Báo cáo *Thực trạng và phương hướng, giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa và thể dục, thể thao quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050*. Đơn vị chủ trì: Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, 2023.

² Tlđd.

lượng nòng cốt biểu diễn trong các đơn vị nghệ thuật, nhưng mức lương lại rất thấp và khó được nâng lương, ngạch, bậc trong quá trình công tác vì đều bị tính là trình độ *Trung cấp, không phải Đại học*. Đó là yếu tố đặc thù, một vấn đề nan giải của lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn chưa được đưa vào chính sách pháp luật để giải quyết phù hợp với tình hình thực tế.

Các nhà hát hiện nay đang rất thiếu hụt nguồn nhân lực chuyên môn chất lượng cao. Số lượng người làm việc tại các vị trí, việc làm thuộc chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung, không đạt tỷ lệ tối thiểu 65% tổng số lượng người làm việc chuyên môn, nghiệp vụ biểu diễn nghệ thuật của đơn vị theo quy định. Nhiều nhà hát chưa đảm bảo cơ cấu hợp lý, hiệu quả trong bộ máy tổ chức, nhân sự.

Đặc biệt, hiện nay rất thiếu nguồn nhân lực sáng tạo (tác giả văn học, tác giả kịch bản) ở một số loại hình sân khấu dẫn đến thiếu kịch bản hay, mới, có chất lượng để dàn dựng và biểu diễn. Sự thiếu hụt này ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng, số lượng tác phẩm, khuynh hướng nghệ thuật ở một số loại hình như: Chèo, Tuồng, Cải lương, Kịch nói, Xiếc,...

Đội ngũ làm công tác lý luận phê bình ở các đơn vị hiện nay hầu như không có. Vì vậy, chức năng lý luận, phê bình và định hướng phát triển nhà hát, sân khấu đang có nhiều khoảng trống. Phòng Nghệ thuật trong các nhà hát Trung ương chủ yếu là các thành viên hoạt động kiêm nhiệm, nên chưa phát huy tốt vai trò định hướng sáng tác, thẩm định, đánh giá chất lượng về nội dung, hình thức thể hiện tác phẩm, dẫn đến chưa đạt hiệu quả cao trong việc thực hiện kế hoạch hoạt động ngắn hạn và dài hạn, chưa tham mưu cho Ban Giám đốc để khai thác hiệu quả các tác phẩm, chương trình, vở diễn nghệ thuật. Bên cạnh đó cũng có những nhà hát hiện nay chưa có bộ phận chuyên môn trong định hướng sáng tạo nghệ thuật.

Nhìn chung, đội ngũ nghệ sỹ, diễn viên, người lao động trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn ở khu vực Nhà nước khá đông đảo, nhưng lại thiếu vắng các diễn viên giỏi, tài năng trẻ, các “ngôi sao” bởi dễ bị cạnh tranh, lôi cuốn ra thị trường tự do. Một số nhà phê bình cho rằng các nhà hát Việt Nam vừa thiếu sức thanh xuân, vừa chưa đáp ứng được nhu cầu, thị hiếu của một xã hội tiêu dùng hiện đại¹.

3. Giải pháp về chính sách và nguồn lực nhằm phát triển hệ thống nhà hát ở Việt Nam trong thời gian tới

3.1. Giải pháp về hoàn thiện Luật định và chính sách

- Sớm xây dựng và ban hành Luật Nghệ thuật biểu diễn.

Mặc dù Chính phủ Việt Nam đã ban hành *Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa* và coi nghệ thuật biểu diễn là một trong 12 ngành công nghiệp văn hóa chủ chốt, đến nay lĩnh vực này vẫn chưa có Luật để quản lý mà mới có Nghị định (Nghị định 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn). Vì thế, để tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý cũng như đủ sức tạo hành lang pháp lý phù hợp, đầy đủ để các nhà hát có điều kiện phát triển,

¹ Từ Thị Loan, *Nghệ thuật biểu diễn ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra hiện nay*, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật số 479, tháng 11/2021.

cần nhanh chóng xây dựng và ban hành Luật Nghệ thuật biểu diễn. Đây sẽ là một trong những giải pháp quan trọng hàng đầu nhằm tạo nên sự biến chuyển rõ nét trong hoạt động của các nhà hát.

- *Thực hiện tốt các chính sách ưu đãi về thuế để khuyến khích đầu tư và tạo nguồn vốn đầu tư cho các nhà hát, cụ thể là:*

+ Thực hiện ưu đãi thuế theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường để khuyến khích đầu tư và tạo nguồn vốn đầu tư cho các nhà hát.

+ Cho phép các nhà hát được hưởng ưu đãi về thuế giá trị gia tăng (VAT), thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu dịch vụ văn hóa theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các quy định pháp luật hiện hành.

+ Đối với các nhà hát/cơ sở nghệ thuật biểu diễn ở vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa và các chương trình mục tiêu, Nhà nước cần hỗ trợ giá cung cấp dịch vụ.

- *Tạo điều kiện về chính sách huy động vốn, cụ thể là:*

+ Áp dụng các hình thức huy động vốn xã hội hóa từ các thành phần kinh tế, các nguồn tài trợ hợp pháp, cổ phần hóa để huy động, khuyến khích các thành phần xã hội đóng góp kinh phí đầu tư xây dựng các nhà hát/cơ sở nghệ thuật biểu diễn.

+ Có cơ chế, khuyến khích chủ đầu tư, doanh nghiệp lớn xây dựng các nhà hát của doanh nghiệp, nhất là tại các khu công nghiệp, khu chế xuất.

- *Khuyến khích các nhà hát tư nhân phát triển*

Có chính sách hỗ trợ sân khấu tư nhân kịp thời, phù hợp. Nếu không có những gói tài chính kích cầu văn hóa thì cũng nên có chính sách ưu tiên sân khấu tư nhân được thuê mặt bằng với giá rẻ để duy trì địa điểm luyện tập và biểu diễn. Một khi các cơ quan quản lý văn hóa vẫn giữ nguyên quan điểm xã hội hóa sân khấu là khoán trắng cho xã hội, sống chết mặc kệ thị trường, thì sân khấu tư nhân sẽ rất dễ bị lụi tàn.

3.2. Giải pháp tăng cường nguồn vốn đầu tư

- *Sử dụng hợp lý nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước*

+ Ngân sách Trung ương phải đảm bảo cấp vốn đầu tư nâng cấp và xây mới các công trình có quy mô lớn tầm cỡ quốc gia tại Hà Nội, Tp Hồ Chí Minh và một số công trình có quy mô phù hợp tại các trung tâm vùng như: Cần Thơ, Hải Phòng, Đà Nẵng, Huế, Thái Nguyên... Ngân sách Trung ương phải hỗ trợ một phần cho các địa phương tại các địa bàn đặc biệt khó khăn cũng như bảo trợ một số nhà hát có chức năng bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc (Tuồng, Chèo, Cải lương và một số hình thức nghệ thuật trình diễn dân gian đã được UNESCO ghi danh). Cần tham khảo, học tập kinh nghiệm các nước trong vấn đề này (Nhật Bản bảo trợ cho Kịch Noh, Trung Quốc bảo trợ cho Kinh kịch,...), không thể bắt các nhà hát đó tự chủ bằng mọi giá như đối với các ngành, lĩnh vực khác.

+ Các công trình nhà hát thuộc địa phương quản lý sẽ phải do ngân sách địa phương đầu tư.

- *Tăng cường huy động các nguồn vốn và đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư xây dựng nhà hát*

+ Tăng cường công tác xã hội hóa tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Tăng cường thu hút các nguồn vốn từ các thành phần kinh tế (trong nước và quốc tế) đầu tư vào các nhà hát theo quy định của pháp luật.

+ Thực hiện các ưu đãi về đất, lãi suất, thuế để khuyến khích các nhà đầu tư xây dựng các tổ hợp thương mại, dịch vụ có bố trí diện tích để làm nhà hát, rạp hát, không gian biểu diễn nghệ thuật trong công trình.

3.3. Giải pháp về bố trí đất đai

- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần ưu tiên bố trí khu đất có vị trí thuận tiện và quy mô phù hợp để xây dựng các nhà hát ngay từ khâu lập quy hoạch sử dụng đất. Đặc biệt đối với Hà Nội, Tp Hồ Chí Minh và các đô thị loại I, khi xây dựng Quy hoạch và triển khai thực hiện Quy hoạch các đô thị mới hoặc di chuyển các công trình (nhà máy công nghiệp, các khu gây ô nhiễm...) ra ngoài thành, cần ưu tiên bố trí các vị trí, diện tích phù hợp cho các công trình văn hóa như nhà hát, rạp hát, cơ sở biểu diễn nghệ thuật.

- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần có các giải pháp phù hợp với điều kiện địa phương để thực hiện việc giao đất, cho thuê đất khuyến khích xã hội hóa trong đầu tư cải tạo, xây dựng mới các nhà hát theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND các địa phương khi xây dựng Quy hoạch sử dụng đất cần xác định rõ ràng và cụ thể nhu cầu về diện tích và vị trí đất dành cho xây dựng các nhà hát, rạp hát, không gian biểu diễn nghệ thuật.

- Bộ Xây dựng và UBND các địa phương chỉ đạo khi quy hoạch các khu đô thị mới phải bố trí diện tích và vị trí đất cho xây dựng các công trình văn hóa, trong đó có nhà hát, rạp hát,...

3.4. Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nghệ thuật biểu diễn tại các cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật, nhất là tại Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Hà Nội, Trường Đại học Sân khấu – Điện ảnh Tp Hồ Chí Minh, các trường Cao đẳng, Trung cấp văn hóa nghệ thuật trên cả nước.

- Lựa chọn các tài năng trẻ đi đào tạo, tu nghiệp, nâng cao tay nghề ở nước ngoài để ngày càng tiệm cận hơn với mặt bằng thế giới.

- Có chế độ đãi ngộ phù hợp, tương xứng với lao động của các nghệ sĩ, diễn viên, người lao động tại các nhà hát, tránh tình trạng “chảy máu tài năng” ra thị trường tự do hoặc ra nước ngoài.

- Thực hiện nghiêm minh, công bằng việc phong tặng danh hiệu NSND, NSUT. Tôn vinh, động viên, khen thưởng kịp thời những cá nhân, tập thể có nhiều

công hiến xuất sắc trong các nhà hát.

Tựu trung, để hệ thống nhà hát Việt Nam có những phát triển đột phá, cần có các giải pháp đồng bộ, toàn diện, căn cốt, từ cơ chế, chính sách đến nguồn nhân lực, nguồn lực tài chính cũng như sự hỗ trợ về cơ sở vật chất, trang thiết bị, từ đó mới kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, khai thông những điểm nghẽn để các nhà hát Việt Nam có thể chuyển mình và cất cánh./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo công tác văn hóa, thể thao và du lịch năm 2023, phương hướng, nhiệm vụ năm 2024, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
2. Từ Thị Loan, Nghệ thuật biểu diễn ở Việt Nam và những vấn đề đặt ra hiện nay, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật số 479, tháng 11/2021.
3. Từ Thị Loan, “Các ngành nghệ thuật ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế”, in trong sách Văn hóa Việt Nam trên đường hội nhập và phát triển, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, 2022, tr. 829-843.
4. Thực trạng và phương hướng, giải pháp phát triển mạng lưới cơ sở văn hóa và thể dục, thể thao quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Báo cáo hợp phần trong Báo cáo quốc gia. Đơn vị chủ trì: Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam, 2023.

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA TƯ NHÂN

Bà Trương Uyên Ly
Giám đốc Hanoi Grapevine

Trong bài tham luận này, tác giả chia sẻ quan điểm từ hai góc nhìn/hai vị trí của mình:

- Góc nhìn thứ nhất xuất phát từ vị trí của một người đứng đầu một doanh nghiệp xã hội trong lĩnh vực văn hóa sáng tạo.

- Góc nhìn thứ hai xuất phát từ vị trí của một nhà nghiên cứu độc lập về không gian văn hóa sáng tạo.

Cả hai góc nhìn coi thiết chế văn hóa có sự tham gia của tư nhân là cơ hội phát triển, tuy nhiên cần nhiều nỗ lực để thay đổi, và đây là con đường lâu dài đòi hỏi sự kiên trì.

1. Cách tiếp cận thứ nhất: Coi thiết chế văn hóa là lãnh địa công. Và nếu như vậy thì tư nhân tham gia như thế nào? Bằng cách nào?

“Thiết chế văn hóa” thường do khu vực công đầu tư, quản lý và sử dụng, bao gồm các Trung tâm/Nhà văn hóa - thể thao, cung thiếu nhi, nhà văn hóa, cung văn hóa từ cấp thôn/tổ dân phố cho đến cấp trung ương, và các nhà/cung văn hóa, thể thao của các bộ, ngành, đoàn thể, lực lượng vũ trang (nguồn: *Tăng cường công tác phổ biến giáo dục pháp luật thông qua các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, 2019, Vụ Phổ biến, Giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp*).

Trong cuộc sống hàng ngày, dễ nhận thấy nhiều nhà văn hóa tuy ở vị trí dễ tiếp cận, có khuôn viên rộng rãi nhưng không mấy khi mở cửa hay sáng đèn, có diện mạo tẻ nhạt thiếu hấp dẫn.

Ở cấp độ văn bản, cụm từ “thiết chế văn hóa” xuất hiện trong văn bản chính sách Nhà nước và trong các bản tin, phóng sự của các cơ quan báo đài, mà nổi bật nhất có lẽ là Quyết định số 2164/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ ban hành năm 2013. Theo quyết định này, các thiết chế văn hóa được quy hoạch với diện tích đất sử dụng cụ thể tối thiểu từ 200 m² (cấp thôn) cho đến 5000 m² (cấp tỉnh); được xây dựng ở vị trí trung tâm; được đảm bảo cơ sở vật chất, có nguồn nhân lực được Nhà nước đảm bảo chế độ lao động và tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng, được cấp nguồn kinh phí duy trì hoạt động (từ cấp tỉnh xuống đến cấp xã), cùng với các Cung Văn hóa Lao động, Nhà Văn hóa Lao động; Cung Thiếu nhi, Nhà Thiếu nhi, Trung tâm hoạt động Thanh Thiếu nhi.

Với các đặc điểm trên, các thiết chế văn hóa hoàn toàn có thể trở thành các không gian văn hóa sáng tạo linh hoạt đa chức năng, vừa đảm bảo được mục tiêu sinh hoạt văn hóa, tuyên truyền cổ động vừa có thể tận dụng để khai thác thương mại dịch vụ. Lý do bao gồm:

- Các thiết chế văn hóa có địa điểm bền vững lâu dài. Đây là yếu tố sống còn đối với các doanh nghiệp tư nhân hướng đến phát triển các không gian/cửa hàng và dịch vụ văn hóa sáng tạo, mong muốn có địa điểm hoạt động ổn định, lâu dài. Nghiên cứu về các không gian văn hóa sáng tạo Việt Nam (năm 2014 và 2018, Trương Uyên Ly thực hiện theo đặt hàng từ Hội đồng Anh Việt Nam) cho thấy sự bất ổn về địa điểm là một trong những rào cản chính dẫn đến hiện tượng sớm nở tối tàn của các không gian sáng tạo. Rủi ro địa điểm đến từ việc chủ nhà chấm dứt hợp đồng trước thời hạn hoặc tăng giá thuê nhà đến mức vượt quá khả năng chi trả.

- Nếu được phép cho thuê, giá thuê không gian của các thiết chế văn hóa có thể giữ ổn định và nằm ở mức giá khá cạnh tranh trên thị trường, nhờ vào vai trò ổn định của Nhà nước trong việc đầu tư xây dựng trang bị cơ sở vật chất và đảm bảo kinh phí duy trì hoạt động. Giá thuê cạnh tranh và ít thay đổi là một yếu tố hấp dẫn thu hút các doanh nghiệp trong lĩnh vực văn hóa sáng tạo.

- Về vị trí, các thiết chế văn hóa thường được đặt ở vị trí trung tâm, thuận tiện cho việc tiếp cận đi lại, trông giữ xe, đảm bảo trật tự an toàn.

- Về diện tích và cảnh quan, các thiết chế văn hóa có diện tích khá lý tưởng (tối thiểu 200 m²) với khuôn viên rộng rãi, có thể phù hợp với nhiều hoạt động cộng đồng với các quy mô khác nhau.

- Về thời gian hoạt động, các hoạt động hội họp tuyên truyền phổ biến thông tin, luyện tập văn nghệ không đủ để lấp đầy các khung giờ hoạt động của nhiều thiết chế văn hóa, dẫn đến ở nhiều nơi, thiết chế văn hóa đóng cửa, bỏ không trong nhiều ngày, giờ. Đó là một sự lãng phí tài nguyên.

Đối với những thiết chế văn hóa hoạt động chưa hiệu quả hoặc chưa hết công suất, cần nhanh chóng tạo ra giải pháp để mở cửa cho phía tư nhân tiếp cận và khai thác một cách an toàn và lâu dài. Các doanh nghiệp hay nhóm/ cá nhân trong lĩnh vực văn hóa sáng tạo có lợi thế về năng lực kinh doanh, năng lực quản trị, có sự linh hoạt, nhanh nhạy, có bề dày hoạt động hướng đến xây dựng các giá trị cộng đồng, hoàn toàn có thể phát triển và tối ưu hóa một cách hài hòa những giá trị và tài nguyên mà nhiều thiết chế văn hóa chưa khai thác hết được.

Để tư nhân có thể bước chân vào tham gia phát triển và tối ưu hóa tiềm năng của các thiết chế văn hóa, cần tìm cách gỡ bỏ rào cản pháp lý rất lớn, đó là các thủ tục phức tạp được quy định tại Luật Quản lý sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 và Nghị định 151/2021/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Đã có nhiều ý kiến và nhiều bài báo, nhiều ví dụ cụ thể về rào cản này. Vấn đề là sẽ mất thời gian để sửa đổi luật và mất thêm nhiều thời gian để ra đời Nghị định hướng dẫn chi tiết.

Câu hỏi đặt ra là có một giải pháp thí điểm nào có thể áp dụng được trong thời gian ngắn hơn không?

Xin được gợi ý về Luật Thủ đô sửa đổi (dự thảo) đã được trình Quốc hội lần đầu. Theo dự thảo, một điểm đáng chú ý là Thủ đô có thể được phép áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (Điều 39) trong một số lĩnh vực để tạo đột phá về giá trị và hiệu quả. Một trong những lĩnh vực mà dự thảo (Điều 39) nêu ra là mô hình khu

phát triển thương mại và văn hóa ở một số địa điểm trên địa bàn Thủ đô có tiềm năng, lợi thế về thương mại, dịch vụ, du lịch, văn hóa. Như vậy, có thể xem xét khảo sát và đánh giá một số thiết chế văn hóa hiện có ở Thủ đô (không phải tất cả) như một số địa điểm có tiềm năng lợi thế ứng dụng thử nghiệm mô hình mới có sự tham gia của tư nhân (một cách chính thức hơn) để tạo ra giá trị.

Nếu như chúng ta cho rằng điều đó là có thể, tôi đề xuất thời gian thử nghiệm cho mô hình này là ít nhất 05 năm, đây là quãng thời gian đủ dài để thử thách khả năng tồn tại của một mô hình kinh doanh nói chung cũng như một không gian văn hóa sáng tạo nói riêng (dựa trên kinh nghiệm bản thân cũng như quan sát của tôi về sự phát triển của các không gian văn hóa sáng tạo ở Việt Nam và Châu Âu).

2. Cách tiếp cận thứ hai: các thiết chế văn hóa do tư nhân đầu tư xây dựng quản lý sử dụng và khai thác

Cách hiểu này đối với tôi còn khá lạ lẫm, bởi ở trên tôi đã nêu, tôi vốn coi “thiết chế văn hóa” là lãnh địa và từ ngữ của khu vực công, tuy nhiên chắc chắn có sự tồn tại của “thiết chế văn hóa tư nhân”, nếu như ta chấp nhận cách gọi này.

Trước tiên khái niệm trực tiếp liên quan đến thiết chế văn hóa tư nhân được nhắc đến trong Quyết định số 2164/QĐ-TTg phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030, với cụm từ “xã hội hóa” tại Điều 1, mục 4d và mục 5 được trích dẫn (đã lược bớt) dưới đây:

4. Nội dung của Quy hoạch

d/ Nguyên tắc, định hướng đối với thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở thuộc các bộ, ngành, đoàn thể, lực lượng vũ trang và thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở được đầu tư bằng nguồn vốn xã hội hóa

{...}

Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ nhân dân bao gồm các Nhà Văn hóa, Khu Vui chơi giải trí, các cơ sở thể dục, thể thao, thành lập các câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể thao. Khuyến khích đầu tư vào các dịch vụ thể thao, văn hóa, du lịch, vui chơi giải trí dành cho trẻ em;

5. Giải pháp thực hiện

a) Nhóm giải pháp về kinh phí đầu tư xây dựng, kinh phí tổ chức hoạt động:

{...}

- Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao ở cơ sở gắn với mở rộng dịch vụ và thị trường:

Huy động sự đóng góp của các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội, các tổ chức phi Chính phủ, các đoàn thể, nhân dân và tài trợ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài để xây dựng và tổ chức hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đặc biệt là các Nhà Văn hóa - Khu Thể thao ở thôn, Khu vui chơi giải trí, Trung tâm Văn hóa - Thể thao trong các khu công nghiệp, khu chế xuất.

Thu hút các thành phần kinh tế đầu tư kinh doanh các dịch vụ văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí trong các thiết chế văn hóa, thể thao đã được Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật.

Tiến sỹ Nguyễn Thị Tuyền, Viện Văn hóa và Phát triển, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh trong bài viết “Thiết chế văn hóa tư nhân và vấn đề đặt ra trong công tác quản lý”, đã nêu: “Thiết chế văn hóa tư nhân là loại thiết chế văn hóa được đầu tư bằng nguồn vốn của tư nhân theo chủ trương xã hội hóa văn hóa của Đảng và Nhà nước Việt Nam... Về cơ bản, thiết chế văn hóa tư nhân ở nước ta hiện nay cơ bản bao gồm các loại thiết chế biểu diễn, trình chiếu như nhà hát, sân khấu, rạp chiếu phim; bảo tàng và thư viện.

Giữa nội dung của Quyết định 2164/QĐ-TTg với cách định nghĩa của tiến sỹ Tuyền có sự tương đồng nhất định, cho thấy thiết chế văn hóa là mục tiêu và nhiệm vụ của Nhà nước, vì thế việc tư nhân tham gia đầu tư xây dựng và quản lý vận hành thiết chế văn hóa cần được Nhà nước khuyến khích và biểu dương một cách cụ thể bằng chính sách miễn giảm thuế và ưu đãi về đất đai (nếu là đất công). Chẳng hạn miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 05 năm đầu kể từ khi đưa công trình vào vận hành khai thác, trợ giá mua/thuê đất, lập quỹ hỗ trợ dành cho những doanh nghiệp đầu tư vào thiết chế văn hóa.

3. Giải pháp đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP)

Đầu tư theo phương thức PPP có thể được hiểu như một giải pháp tất yếu và hợp lý kết hợp được thế mạnh và nguồn lực Nhà nước với tư nhân, nhằm giải quyết hiệu quả các vấn đề và nhu cầu của thiết chế văn hóa công. Tuy vậy, không đơn giản khi thực hiện PPP. Một mặt, việc “xã hội hóa” các thiết chế văn hóa được Chính phủ khuyến khích, mặt khác, còn nhiều điều chưa rõ ràng và khó khăn chưa giải quyết được. Đầu tư PPP trong lĩnh vực văn hóa không được nêu cụ thể tại Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14, cũng không thấy nêu trong Nghị định 35/2021/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Theo các văn bản này, các lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP bao gồm: a) Giao thông vận tải; b) Lưới điện, nhà máy điện, trù nhà máy thủy điện và các trường hợp Nhà nước độc quyền theo quy định của Luật Điện lực; c) Thủy lợi; cung cấp nước sạch; thoát nước và xử lý nước thải; xử lý chất thải; d) Y tế; giáo dục - đào tạo; đ) Hạ tầng công nghệ thông tin.

Để “bù đắp” cho sự “vắng bóng” của địa hạt văn hóa trong Luật Đầu tư PPP, Luật Thủ đô (dự thảo), điều 36 về thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (mục 2), có nêu: *“Áp dụng phương thức PPP đối với dự án trong lĩnh vực văn hóa và thể thao trên địa bàn Thủ đô. Quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu đối với dự án PPP thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư theo hình thức đối tác công tư trong lĩnh vực y tế, giáo dục. Trình tự, thủ tục thực hiện các dự án này thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và pháp luật có liên quan.”*

Tuy nhiên từ khi có luật (dù ở cấp độ nào) cho đến khi thực thi được còn là cả một quãng đường rất xa. Đầu tư PPP là một cách làm đúng và hợp lý, nhưng còn phải chờ chưa biết đến khi nào.

4. Góc nhìn của người nghiên cứu độc lập về không gian văn hóa sáng tạo về thiết chế văn hóa

Ở góc nhìn này, thiết chế văn hóa dù là thuộc về Nhà nước hay tư nhân, có những lợi thế và đặc điểm hay cơ hội riêng để phát triển trở thành những không gian văn hóa sáng tạo, giúp xây dựng và gắn kết cộng đồng, phát triển các tài năng, giải quyết các vấn đề xã hội tại địa phương, đồng thời tạo ra cơ hội phát triển kinh tế, việc làm, tạo nên một tương lai hài hòa và bền vững hơn.

Để hiểu thêm về cơ hội các thiết chế văn hóa trở thành các không gian văn hóa sáng tạo, có thể tham khảo Báo cáo về các không gian văn hóa sáng tạo ở Việt Nam thực hiện bởi Trương Uyên Ly do Hội đồng Anh xuất bản. Nếu nhìn nhận như vậy, cần nhìn nhận và hành động một cách linh hoạt, cởi mở, công bằng và có những ưu đãi nhất định để trao đổi và tận dụng các ưu thế của thiết chế văn hóa Nhà nước cũng như tư nhân nhằm tối ưu hóa tiềm năng phát triển của các thiết chế văn hóa trong xu thế phát triển công nghiệp văn hóa và xu thế phát triển kinh tế sáng tạo toàn cầu.

5. Một số cách đặt vấn đề khác về Thiết chế văn hóa + Tư nhân

Suy nghĩ về cách khai thác hiệu quả hơn nữa các thiết chế văn hóa:

Thử phân định rõ mục đích và các chức năng (khả thi) của một thiết chế văn hóa. Ví dụ: mục đích hội họp tuyên truyền: các buổi sinh hoạt Đảng có số x lần trong tháng, mục đích văn nghệ thể thao: mỗi tuần có số x buổi tập, và khung giờ a,b,c. Như vậy còn trống những ngày và giờ nào trong tuần/tháng? Có thể khai thác ra sao những ngày/khung giờ này? Về chức năng, bên cạnh hội họp và tập luyện văn nghệ thể thao, một nhà văn hóa có thể trở thành một địa điểm tổ chức hội chợ, triển lãm, cho thuê sự kiện, văn phòng làm việc chung (co-working space); nơi phát tặng đồ từ thiện, xưởng chế tác, quán cà phê, cửa hàng đồ lưu niệm, văn phòng phẩm v.vv... do những người yếu thế, những người khuyết tật, chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh, hội nhóm sinh viên, học sinh, hội người cao tuổi, hội phụ nữ tổ chức và quản lý v.vv...

Suy nghĩ về “thiết chế văn hóa tư nhân”:

Cần có cách ứng xử/chế độ ưu đãi riêng với các các thiết chế văn hóa tư nhân cói mục tiêu tài chính và mục tiêu xã hội khác nhau.

Suy nghĩ về: khi cải tạo, nâng cấp vận hành các thiết chế văn hóa, thử thiết kế các nhóm giải pháp hướng đến nhu cầu của các nhóm đối tượng khác nhau:

+ Cộng đồng cốt lõi tại địa phương - nhóm trực tiếp hưởng thụ và nhóm đối tượng chính của thiết chế văn hóa. Họ là ai? Họ cần gì? Họ muốn thiết chế văn hóa có những chức năng gì? Hoạt động ra sao?

+ Nhóm doanh nghiệp: Họ có thể tham gia như thế nào? Họ có lợi ích gì khi tham gia xây dựng/đóng góp cho thiết chế văn hóa?

+ Nhóm cơ quan quản lý nhà nước: Đối với họ điều gì là quan trọng nhất cần được đảm bảo?

+ Nhóm làm chính sách: Thiết chế văn hóa này có thể đóng góp cho sự thay đổi chính sách/xây dựng luật pháp cụ thể ra sao?

+ Nhóm giám sát và phản biện (cư dân, các nhà báo): Có câu chuyện truyền thông gì để chia sẻ với nhóm này?

+ Nhóm an ninh trật tự: Cần kiểm tra đảm bảo các điều kiện an toàn an ninh cho cơ sở vật chất và các hoạt động tại thiết chế văn hóa.

Kết luận

Hệ thống thiết chế văn hóa có sẵn của Nhà nước từ trung ương đến địa phương được nhìn nhận như một cơ hội phát triển, cần được và có thể được khai thác tốt hơn thông qua việc tạo ra các thay đổi và giải pháp, tuy con đường còn dài, nhưng cần bắt tay vào thực hiện với sự chủ động và bản lĩnh./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định số 2164/QĐ-TTg, ban hành năm 2013 Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030.
2. Luật Quản lý sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14.
3. Nghị định 151/2017/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.
4. Luật Đầu tư theo hình thức đối tác công tư số 64/2020/QH14.
5. Nghị định 35/2021/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư.
6. Thiết chế là gì? Một số loại thiết chế hiện nay, Thư viện Pháp luật.
<https://thuvienphapluat.vn/chinh-sach-phap-luat-moi/vn/thoi-su-phap-luat/tu-van-phap-luat/56305/thiet-che-la-gi-mot-so-loai-thiet-che-hien-nay>.
7. Vai trò của hệ thống thiết chế văn hóa, Tạp chí Công sản
<https://www.tapchiconsan.org.vn/hoat-ong-cua-lanh-ao-ang-nha-nuoc/-/2018/28736/vai-tro-cua-he-thong-thiet-che-van-hoa.aspx>.
8. Tăng cường công tác phổ biến giáo dục pháp luật thông qua các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, 2019, Bộ Tư pháp, Vụ Phổ biến, Giáo dục pháp luật.
<https://pbgdpl.moj.gov.vn/qt/tl-pbgdpl/Lists/Sach/Attachments/239/To%20gap%2018%20-%20thietche%20VHTT.pdf>.
9. Nghị định số 103/2009/NĐ-CP của Chính phủ ban hành quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng.
10. Nghị quyết số 97/2014/NQ-CP của Chính phủ về xây dựng quan hệ lao động hài hòa ổn định tiến bộ trong doanh nghiệp.
11. Thiết chế văn hóa tư nhân và vấn đề đặt ra trong công tác quản lý. Tạp chí Điện tử Lý luận Chính trị.
<http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/thuc-tien/item/4606-thiet-che-van-hoa-tu-nhan-va-van-de-dat-ra-trong-cong-tac-quan-ly.html>
12. Gỡ khó cho các thiết chế văn hóa, thể thao. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.
<https://dangcongsan.vn/cung-ban-luan/go-kho-cho-cac-thiet-che-van-hoa-the-thao-658166.html>

13. Đề không lãng phí thiết chế văn hóa. Báo Nhân dân.

<https://nhandan.vn/de-khong-lang-phi-thiet-che-van-hoa-post768531.html>

14. Khai thác nguồn lực để đầu tư quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao. Báo điện tử Chính phủ.

<https://baochinhphu.vn/khai-thac-nguon-luc-de-dau-tu-quan-ly-cac-thiet-che-van-hoa-the-thao-10222061317174419.htm>

15. Gỡ khó cho các thiết chế văn hóa, thể thao. Góc nhìn hôm nay. Truyền hình Quốc hội.

<https://www.quochoitv.vn/goc-nhin-hom-nay-go-kho-cho-cac-thiet-che-van-hoa-the-thao-214252.htm>

16. Được cho thuê tài sản công trong trường hợp nào. Báo điện tử Chính phủ.

<https://baochinhphu.vn/duoc-cho-thue-tai-san-cong-trong-truong-hop-nao-102251990.htm>

NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG THIẾT CHẾ THƯ VIỆN TỈNH HIỆN NAY

PGS.TS. Trương Đại Lượng
Trưởng Đại học Văn hóa Hà Nội

1. Đặt vấn đề

Theo Tuyên ngôn thư viện công cộng của UNESCO, “*Thư viện công cộng, cửa ngõ tri thức của địa phương, cung cấp điều kiện cơ bản cho việc học tập suốt đời, ra quyết định độc lập và phát triển văn hóa của các cá nhân và các nhóm xã hội*”¹. Mục đích chính của thư viện công cộng là cung cấp tài nguyên và dịch vụ trên nhiều phương tiện truyền thông khác nhau để đáp ứng nhu cầu của các cá nhân và nhóm về giáo dục, thông tin và phát triển cá nhân bao gồm cả giải trí và thư giãn. Thư viện tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương thuộc loại hình thư viện công cộng vì vậy thư viện tỉnh có những vai trò và chức năng của thư viện công cộng.

Ở Việt Nam Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến sự nghiệp thư viện trong đó có thư viện tỉnh/ thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là thư viện tỉnh), đảm bảo cho người dân có thể sử dụng sách báo theo nơi cư trú hoặc học tập, công tác. Hệ thống thư viện tỉnh ở Việt Nam gồm 64 thư viện. Hằng năm thư viện tỉnh phục vụ hơn sáu triệu lượt bạn đọc tại chỗ, hơn 6 triệu lượt bạn đọc được phục vụ lưu động và hơn 50 triệu được truy cập thư viện số và tra cứu qua mạng thư viện, góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục cho các địa phương. Tuy nhiên, trên thực tế việc đầu tư cho hoạt động thư viện tỉnh vẫn còn nhiều vấn đề cần được quan tâm. Bài viết này thể hiện kết quả khảo sát và điều tra thực trạng đầu tư và hoạt động của thư viện tỉnh theo một số góc độ như: nguồn nhân lực, kinh phí, nguồn lực thông tin và hoạt động phục vụ bạn đọc. Trên cơ sở phân tích thực trạng hoạt động, đầu tư và các chính sách hiện nay của Nhà nước, tác giả bước đầu đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của thư viện tỉnh.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện bài viết này tác giả đã sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp số liệu thống kê từ 64 thư viện tỉnh, số liệu của Tổng cục Thống kê, một số văn bản luật, đề án, chương trình của Chính phủ và các nghiên cứu khác có liên quan. Trong quá trình tổng hợp dữ liệu, tác giả không thu thập đủ dữ liệu của 14 thư viện tỉnh nên nghiên cứu này được phân tích, đánh giá trên kết quả khảo sát của 50 thư viện tỉnh.

3. Thực trạng đầu tư và hoạt động của thư viện tỉnh

Nguồn nhân lực thư viện

Trên thực tế bất cứ lĩnh vực nào, con người cũng luôn đóng một vai trò trung tâm, là nhân tố quyết định sự thành bại. Trong lĩnh vực thư viện cũng vậy, cán bộ là

¹ IFLA/UNESCO (1994), Public Library Manifesto, truy cập ngày 6 tháng 2 năm 2024 tại địa chỉ: <https://repository.ifla.org/bitstream/123456789/168/1/pl-manifesto-en.pdf>

linh hồn của công tác thư viện, là cầu nối giữa nguồn tài nguyên, phương tiện kỹ thuật của thư viện với người đọc, là người truyền cảm hứng, hướng dẫn, định hướng đọc cho người sử dụng thư viện. Để đáp ứng được với nhu cầu phục vụ bạn đọc ngày càng cao thì nguồn nhân lực của thư viện cũng cần được quan tâm, xây dựng mới thỏa mãn được các yêu cầu, nhiệm vụ của thư viện đề ra trong thời gian tới.

Theo số liệu thống kê, tổng số cán bộ thư viện của 50 thư viện tỉnh/ thành phố là 1.167 người. Trung bình mỗi thư viện tỉnh có 23 - 34 người. Số lượng cán bộ trung bình trên một thư viện giảm 1,66 người so với số liệu được khảo sát năm 2013². Một số thư viện tỉnh có số cán bộ giảm mạnh. Cụ thể Thư viện Khoa học tổng hợp TP HCM giảm từ 115 xuống còn 67 người; Thư viện Hà Nội giảm từ 75 người xuống còn 60 người. Trong số các thư viện được khảo sát, thư viện có nhiều cán bộ nhất là Thư viện Khoa học tổng hợp TP HCM với 67 người, tiếp đến là Thư viện Hà Nội với 60 người. Thư viện có ít cán bộ nhất là Thư viện tỉnh Long An với 9 cán bộ, Bình Phước có 12 người và Bắc Kan, Tuyên Quang và Quảng Ngãi cùng có số cán bộ là 13 người³.

Xét về trình độ học vấn, trên 80% người làm thư viện tại các tỉnh có trình độ đại học trở lên. Đại đa số cán bộ tốt nghiệp lĩnh vực thông tin thư viện hoặc đã được bồi dưỡng nghiệp vụ thông tin thư viện. Số cán bộ được đào tạo về công nghệ thông tin là không nhiều. Trong khuôn khổ bài viết này tác giả chưa có điều kiện nghiên cứu kỹ về chất lượng và cơ cấu theo chuyên môn được đào tạo của nguồn nhân lực đang công tác tại thư viện các tỉnh.

Nguồn kinh phí được cấp

Kinh phí đầu tư cho thư viện các tỉnh còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển thư viện trong giai đoạn hiện nay. Theo báo cáo của các tỉnh, tổng số kinh phí cấp cho 50 thư viện tỉnh/ thành phố năm 2023 là 275 tỷ, trung bình đạt 5,5 tỷ/ thư viện/ năm. Với số lượng kinh phí trên, việc chi trả tiền lương cho cán bộ là 130,6 tỷ, chiếm khoảng 47% tổng ngân sách, chi cho hoạt động nghiệp vụ là 112 tỷ, chiếm 41% trong khi đó chi cho các hoạt động khác như xây dựng cơ bản, sửa chữa trang thiết bị,... là 12%. Trung bình mỗi thư viện tỉnh chi hoạt động nghiệp vụ bao gồm cả bổ sung nguồn lực thông tin và chuyển đổi số là 2,24 tỷ. Tuy nhiên, riêng Thư viện Khoa học Tổng hợp TP HCM đã chi nghiệp vụ 8,38 tỷ; Thư viện Bắc Ninh - 6,4 tỷ, Thư viện tỉnh Thanh Hóa - 6,1 tỷ, Thư viện tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - 5,9 tỷ, Thư viện Hà Nội - 5,2 tỷ trong khi đại đa số các thư viện còn lại là khoảng một tỷ và khoảng 20% thư viện chi hoạt động nghiệp vụ dưới một tỷ (Thư viện Bạc Liêu – 730 triệu, Thư viện Bắc Kan – 628 triệu, Thư viện Đắc Nông – 398 triệu, Thư viện Long An – 406 triệu, Thư viện Hậu Giang - 756,4 triệu, Thư viện Lai Châu – 800 triệu)⁴. Thực tế trên cho thấy kinh phí được cấp cho các thư viện tỉnh còn thấp và điều này ảnh hưởng trực tiếp tới các hoạt động bổ sung tài liệu, phát triển văn hóa đọc, thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực thư viện.

² Vũ Dương Thúy Nga, Phạm Văn Rinh, Lê Thị Thúy Hiền (2013), Đầu tư cho thư viện ở Việt Nam: Thực trạng và hướng giải quyết, Tạp chí Thông tin và tư liệu, số 4, tr. 3-12.

³ Báo cáo tổng kết công tác thư viện năm 2023 của các tỉnh/ thành phố.

⁴ Báo cáo tổng kết công tác thư viện năm 2023 của các tỉnh/ thành phố.

Điều 5, Luật Thư viện có nêu Nhà nước đầu tư cho thư viện công lập các nội dung sau đây:

- Ưu tiên đầu tư cho Thư viện Quốc gia Việt Nam, thư viện công cộng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là thư viện cấp tỉnh) và thư viện có vai trò quan trọng;

- Hiện đại hóa thư viện; xây dựng thư viện số, tài nguyên thông tin dùng chung, tài nguyên thông tin mở; liên thông thư viện trong nước và nước ngoài;

- Sưu tầm, bảo quản và phát huy giá trị tài liệu cổ, quý hiếm, các bộ sưu tập tài liệu có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, khoa học⁵.

Tuy nhiên, với số kinh phí của nhiều tỉnh đã cấp cho hoạt động chuyên môn dưới một tỷ/ năm sẽ không đảm bảo để thư viện thực hiện các chức năng của mình và cũng chưa thể hiện sự quan tâm đầu tư theo chính sách của Đảng và Nhà nước.

Nguồn lực thông tin của các thư viện

Theo mục 2, Điều 11, Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện có quy định: Một trong những điều kiện thành lập thư viện công cộng cấp tỉnh là “Có ít nhất 200.000 bản sách với ít nhất 50.000 đầu sách, bao gồm tài liệu số, tài liệu nghe, nhìn và tài liệu phục vụ cho người khuyết tật; có ít nhất 50 đầu báo, tạp chí, bao gồm báo điện tử được xử lý theo quy tắc nghiệp vụ thư viện”⁶. Đối chiếu với quy định này, đa số thư viện tỉnh ở Việt Nam đáp ứng. Theo số liệu thống kê, 50 thư viện tỉnh/ thành phố có tổng số 5.645.000 đầu sách với 13.363.538 bản. Trung bình mỗi thư viện tỉnh/ thành phố có 109.309 đầu sách, tương ứng với 267.271 bản sách. Tuy nhiên, một số tỉnh chưa đáp ứng số lượng đầu sách theo quy định (Bắc Kan – 21.140 đầu sách, Đắk Nông – 31.000, Lai Châu – 16.264, Quảng Trị - 37.000, Tuyên Quang – 39.110)⁷.

Số liệu thống kê cho thấy có 10/50 thư viện tỉnh/ thành phố có từ 200.000 đầu sách trở lên, chiếm 10% tổng số thư viện tỉnh. Cụ thể, Thư viện Khoa học tổng hợp TP HCM có 518,576 đầu sách, Thư viện tỉnh Bình Dương có 260,619 đầu sách, Thư viện tỉnh Thanh Hóa có 233,905 đầu sách, Thư viện Cần Thơ có 223,150 đầu sách và Thư viện Hà Nội có 213,816 đầu sách⁸.

Nguồn tài nguyên số của các thư viện tỉnh/ thành phố hiện nay không nhiều và chủ yếu tập trung tại các thư viện tỉnh/ thành phố lớn. Cụ thể, Thư viện Quảng Ninh có 1,500,000 tài liệu, Thư viện Đà Nẵng có 850,464 tài liệu, Thư viện Khoa học tổng hợp TP HCM có 458,723 tài liệu. Một số thư viện tỉnh hiện nay không có tài nguyên số, bao gồm: Bạc Liêu, Bắc Ninh, Hưng Yên, Quảng Nam, Quảng Trị, Tuyên Quang⁹. Số liệu này cho thấy hoạt động chuyển đổi số và hiện đại hóa các thư viện tỉnh/ thành phố diễn ra rất chậm, không đáp ứng được nhu cầu người dùng

⁵ Quốc hội (CHXHCNVN) (2019), Luật Thư viện, ban hành ngày 21 tháng 11 năm 2019, Hà Nội.

⁶ Chính phủ (CHXHCNVN) (2020), Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện, ban hành ngày 18 tháng 8 năm 2020, Hà Nội.

⁷ Báo cáo tổng kết công tác thư viện năm 2023 của các tỉnh/ thành phố.

⁸ Báo cáo tổng kết công tác thư viện năm 2023 của các tỉnh/ thành phố.

⁹ Báo cáo tổng kết công tác thư viện năm 2023 của các tỉnh/ thành phố.

tin và không theo kịp sự phát triển của xã hội. Với sự đầu tư và phát triển như hiện nay, đến năm 2025 tuyệt đại đa số thư viện tỉnh/ thành phố không đáp ứng được mục tiêu của Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, tầm nhìn 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ ký theo Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 11 tháng 2 năm 2021. Mục tiêu chủ yếu Chương trình đề ra đến 2025 là: 100% thư viện công lập có vai trò quan trọng được Nhà nước ưu tiên đầu tư cùng với Thư viện Quốc gia Việt Nam, thư viện công cộng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là thư viện có vai trò quan trọng) hoàn thiện và phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, triển khai liên thông, chia sẻ tài nguyên và sản phẩm thông tin thư viện theo chức năng, nhiệm vụ, văn bản hợp tác¹⁰.

Công tác phục vụ bạn đọc

Trong thực tế, dịch vụ thông tin thư viện là một khâu trong dây truyền hoạt động của cơ quan thông tin thư viện (bổ sung, xử lý thông tin, tổ chức thông tin và phổ biến thông tin). Bản chất của dịch vụ thông tin thư viện là cung cấp và phổ biến thông tin. Dịch vụ thông tin thư viện tạo nên sự gắn bó hữu cơ giữa cơ quan thông tin thư viện với người dùng tin hay nói cách khác dịch vụ thông tin thư viện được ví như “cầu nối” giữa người dùng tin và thư viện. Hoạt động này được hình thành nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin ngày càng cao của người dùng tin. Như vậy, dịch vụ thông tin thư viện được hiểu là toàn bộ các hoạt động mà cơ quan thông tin thư viện tổ chức hoặc phối hợp tổ chức nhằm giúp người dùng tin tiếp cận, sử dụng và trao đổi thông tin, tài liệu một cách có hệ thống, nhanh chóng, đầy đủ, chính xác và thuận tiện¹¹.

Cùng với sự phát triển của các thư viện, dịch vụ được triển khai tại đây cũng không ngừng được đổi mới và hoàn thiện. Đối với mỗi thư viện, tùy thuộc vào vị trí, chức năng của mình mà nhiều loại dịch vụ khác nhau được chú trọng phát triển. Kết quả khảo sát cho thấy các thư viện tỉnh/ thành phố ở Việt Nam hiện đang tổ chức các dịch vụ thông tin thư viện phổ biến bao gồm: dịch vụ đọc tài liệu tại chỗ, phục vụ lưu động, triển lãm sách, giới thiệu sách, tra cứu tài liệu, thư viện số, đào tạo người dùng tin, tổ chức sự kiện gắn với hoạt động thư viện.

Kết quả khảo sát cho thấy năm 2023, các thư viện tỉnh/ thành phố đã cấp được 265,230 thẻ bạn đọc, trung bình mỗi thư viện tỉnh có 5,306 thẻ bạn đọc. Một số thư viện có số lượng bạn đọc khá lớn. Cụ thể, Thư viện Hà Nội có 26,235 bạn đọc, Thư viện Khoa học tổng hợp TP HCM có 25,639 bạn đọc, Thư viện Quảng Ninh có 14,011 bạn đọc, Thư viện Đà Nẵng có 10,928 bạn đọc. Số lượt bạn đọc được phục vụ năm 2023 tại 50 thư viện tỉnh/ thành phố là 6,184,013 lượt và số lượt bạn đọc được phục vụ lưu động là 5,620,139. Trung bình mỗi thư viện phục vụ bạn đọc tại chỗ một năm là 123,680 lượt và 112,403 lượt phục vụ lưu động. Kết quả trên cho thấy sự đóng góp của thư viện các tỉnh vào việc phát triển văn hóa đọc là rất lớn. Tuy nhiên, số bạn đọc và số lượt người đọc đến thư viện có sự khác biệt khá lớn giữa các thư viện ở một số tỉnh. Như đã nêu trên, một số thư viện tỉnh có trên 10,000

¹⁰ Thủ tướng Chính phủ (2021), Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 11 tháng 2 năm 2021 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Hà Nội.

¹¹ Trương Đại Lượng (2021), *Giáo trình dịch vụ thông tin thư viện*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

bạn đọc nhưng cũng có những thư viện chưa đạt 1,000 bạn đọc (Thư viện Long An có 33 thẻ cấp mới năm 2023, Bắc Kạn có 322, Bình Phước có 197, Đắk Nông có 175, Phú Yên có 984, Quảng Trị có 965, Tiền Giang có 201 bạn đọc¹². Điều này cho thấy công tác tổ chức dịch vụ và hiệu quả hoạt động giữa các thư viện tỉnh có khoảng cách khá xa. Hơn nữa, các dịch vụ do thư viện tỉnh cung cấp chủ yếu là dịch vụ đọc tại chỗ, phục vụ lưu động, dịch vụ tra cứu tài liệu và triển lãm, giới thiệu sách. Các dịch vụ hướng tới cộng đồng như tổ chức các sự kiện văn hóa, chính trị địa phương, dịch vụ tư vấn thông tin, dịch vụ quảng bá văn hóa – du lịch địa phương, dịch vụ cung cấp không gian đọc sách - giải trí cho cộng đồng, khai thác tài nguyên số còn ít được quan tâm.

4. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thư viện tỉnh

Để các thư viện tỉnh/ thành phố thực sự trở thành trung tâm văn hóa, thông tin, giải trí và giáo dục ngoài nhà trường cho cộng đồng, hướng tới thực hiện tốt các mục tiêu Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Đề án Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030 và Chương trình Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong thư viện, bảo tàng, trung tâm văn hóa đến năm 2030 đã được Chính phủ ban hành; qua việc phân tích thực trạng đầu tư và hoạt động của thư viện các tỉnh, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của thư viện các tỉnh/ thành phố như sau:

Một là, Nhà nước có chính sách tăng cường đầu tư mạnh mẽ kinh phí để xây dựng trụ sở các thư viện tỉnh đáp ứng được yêu cầu thực sự là trung tâm văn hóa của cộng đồng; đầu tư bổ sung nguồn lực thông tin, đặc biệt là tài nguyên số. Các tỉnh/ thành phố nên lựa chọn và bố trí xây dựng thư viện tỉnh ở vị trí trung tâm của cộng đồng.

Hai là, các thư viện cần đổi mới mô hình tổ chức hoạt động theo hướng mở để trở thành trung tâm văn hóa, thông tin, giải trí và giáo dục ngoài nhà trường cho cộng đồng dân cư địa phương. Điều này có nghĩa mọi người dân đều có quyền tiếp cận thư viện. Mọi người đều được sử dụng mà không cần làm thẻ thư viện trừ trường hợp người đọc muốn mượn tài liệu về nhà. Thư viện không chỉ là nơi khai thác thông tin, tài liệu mà còn là nơi gặp gỡ, giao lưu của cộng đồng địa phương. Thư viện tăng cường tổ chức các dịch vụ hỗ trợ cộng đồng như dịch vụ tư vấn thông tin, đào tạo người dùng tin, cung cấp thông tin địa phương, tổ chức các sự kiện chính trị - văn hóa gắn với hoạt động của thư viện. Các thư viện công cộng có thể học hỏi mô hình thư viện công cộng của các nước phát triển và một số nước trong khu vực như Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản. Thực hiện được chức năng này sẽ mở rộng vai trò của thư viện cộng đồng. Thực tế cho thấy Điều 4 về chức năng, nhiệm vụ của thư viện và khoản 2, Điều 11 về thư viện tỉnh trong Luật Thư viện Việt Nam đã quy định chức năng, nhiệm vụ của thư viện tỉnh. Tuy nhiên, các điều này đang chú trọng tới chức năng thông tin của thư viện và phát triển văn hóa đọc cho người sử dụng mà chưa đề cập đến chức năng giải trí, chức năng học tập ngoài nhà trường và chức năng là trung tâm văn hóa cộng đồng của thư viện tỉnh.

¹² Báo cáo tổng kết công tác thư viện năm 2023 của các tỉnh/ thành phố.

Ba là, các tỉnh không nên sáp nhập thư viện tỉnh/ thành phố với các thiết chế văn hóa khác như bảo tàng, nhà văn hóa. Hiện nay một số tỉnh đã sáp nhập bảo tàng với thư viện tỉnh và điều này đã tác động rõ đến hiệu quả hoạt động của thư viện tỉnh. Hiện nay một số tỉnh như Long An, Kon Tum đã sáp nhập Thư viện tỉnh với Bảo tàng, Ban Quản lý di tích tỉnh. Điều này tưởng “lợi” mà thành “hại”. Số liệu thống kê của Bảo tàng – Thư viện tỉnh Long An cho thấy, năm 2023 Thư viện chỉ còn 7 cán bộ, tổng số thẻ được cấp trong năm là 33.

Bốn là, tăng cường phối hợp hoạt động giữa thư viện tỉnh với mạng lưới thư viện huyện, xã và thư viện trường học trên địa bàn để phát huy giá trị nguồn lực thông tin của mình. Tăng cường luân chuyển tài liệu xuống cơ sở, bao gồm cả các trường học. Nhà nước đầu tư trang thiết bị xe chuyên dụng để thư viện luân chuyển tài liệu đến cơ sở.

Năm là, các tỉnh nên bãi bỏ chính sách thu lệ phí làm thẻ sử dụng các thư viện công cộng với lý do tiền đầu tư để phát triển rất lớn và mục tiêu chính là thu hút cộng đồng sử dụng thư viện trong khi đó tiền thu từ lệ phí làm thẻ không đáng kể, một số thư viện chỉ thu được từ vài triệu đến vài chục triệu. Theo Tuyên ngôn thư viện công cộng của UNESCO, các dịch vụ của thư viện công cộng được cung cấp trên cơ sở chất lượng tiếp cận cho tất cả mọi người bất kể tuổi tác, chủng tộc, giới tính, tôn giáo, quốc tịch, ngôn ngữ hoặc địa vị xã hội. Tất cả các nhóm tuổi đều cần tìm tài liệu phù hợp với nhu cầu của mình. Tài liệu phải phản ánh các xu hướng hiện tại và sự phát triển của xã hội cũng như ký ức về nỗ lực và trí tưởng tượng của con người. Hơn nữa, theo thực tế cho thấy các thư viện công cộng trên thế giới thường không thu lệ phí làm thẻ thư viện. Việc thu phí làm thẻ sẽ mất ý nghĩa thư viện công cộng là trung tâm văn hóa, thông tin, giải trí của cộng đồng.

5. Kết luận

Thực tế cho thấy thư viện tỉnh/ thành phố ở Việt Nam hiện nay hoạt động còn thuần túy mang tính chất thư viện, chưa thực sự hiệu quả. Nhiều thư viện chưa được quan tâm đầu tư thỏa đáng. Với việc đầu tư và hoạt động như hiện nay thư viện sẽ khó để triển khai và thực hiện thành công các đề án và chương trình có liên quan mà Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt như như phát triển văn hóa đọc, chuyển đổi số trong hoạt động thư viện và xây dựng xã hội học tập. Hơn nữa, Luật Thư viện cũng cần mở rộng, bổ sung một số chức năng, nhiệm vụ của thư viện công cộng trong đó có thư viện tỉnh, tạo điều kiện thư viện phát huy vai trò của mình. Để nâng cao hiệu quả hoạt động thư viện tỉnh, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp trong đó có một số giải pháp tác giả đã nêu ra./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quốc hội, Luật Thư viện 2019, ban hành ngày 21 tháng 11 năm 2019.
2. Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện.
3. Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 11/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

4. IFLA/UNESCO (1994), Public Library Manifesto, truy cập ngày 6 tháng 2 năm 2024 tại địa chỉ: <https://repository.ifla.org/bitstream/123456789/168/1/pl-manifesto-en.pdf>
5. Trương Đại Lượng (2021), *Giáo trình dịch vụ thông tin thư viện*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
6. Vũ Dương Thúy Nga, Phạm Văn Rính, Lê Thị Thúy Hiền (2013), Đầu tư cho thư viện ở Việt Nam: Thực trạng và hướng giải quyết, *Tạp chí Thông tin và tư liệu*, số 4, tr. 3-12.
7. Báo cáo tổng kết công tác thư viện năm 2023 của các tỉnh/ thành phố.

CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở BẢO TÀNG MỸ THUẬT VIỆT NAM - THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

TS. Nguyễn Anh Minh

Giám đốc Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam

Trên thế giới, thuật ngữ “chuyển đổi số” (digital transformation) ban đầu được đặt ra bởi Trung tâm Kinh doanh Kỹ thuật số của Viện Công nghệ Massachusetts và Công ty Tư vấn Capgemini vào năm 2011 sau khi phân tích 50 tập đoàn doanh nghiệp truyền thống về quy trình chuyển đổi hiện đại của họ. Họ định nghĩa “chuyển đổi số là quá trình sử dụng công nghệ kỹ thuật số để nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức một cách triệt để”¹³. Cụm từ này dần được nhắc đến nhiều vào khoảng năm 2015 và phổ biến từ năm 2017.

"Việt Nam đang trên con đường chuyển đổi số"¹⁴ là nhận định của Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà trong bài phát biểu chào mừng lễ khai mạc Diễn đàn cấp cao chuyển đổi số Việt Nam - Châu Á 2023 diễn ra tại Hà Nội sáng 24/5/2023. Trên thực tế, chuyển đổi số với tư cách là “quá trình thay đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số”¹⁵ bắt đầu được nhắc đến nhiều vào khoảng năm 2018. Theo đó, ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” với 3 trụ cột là Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. Trong lĩnh vực văn hóa, chuyển đổi số là xu thế tất yếu. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Là một bảo tàng quốc gia trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam đã và đang thực hiện quá trình chuyển đổi số, mà bắt đầu từ công tác số hóa và ứng dụng công nghệ số trong các hoạt động chuyên môn, từ đó dẫn đến những thay đổi trong phương thức phục vụ khách tham quan. Mặc dù việc ứng dụng công nghệ trong hoạt động của bảo tàng vẫn chưa được coi là nhiệm vụ cần thiết được quy định trong Luật Di sản văn hóa, nhưng do nhận thức được tầm quan trọng của chuyển đổi số nên Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam đã nỗ lực vượt qua khó khăn để thực hiện công cuộc này. Đến nay, một số kết quả cụ thể của chuyển đổi số đã cho thấy hiệu quả thiết thực, đồng thời, một số bài học kinh nghiệm cũng được Bảo tàng đúc rút nhằm thúc đẩy công cuộc chuyển đổi số tại Bảo tàng.

1. Thực trạng công tác chuyển đổi số tại bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam

Công nghệ thông tin được xác định là một phần quan trọng trong quá trình

¹³ “Digital transformation: A Roadmap for Billion-dollar Organizations: Findings from Phase 1 of the Digital Transformation Study Conducted by the MIT Center for Digital Business and Capgemini Consulting”, MIT Center for Digital Business and Capgemini Consulting, 2011, <https://www.capgemini.com> [“Chuyển đổi số: Lộ trình dành cho các tổ chức tỉ đô: Kết quả Giai đoạn 1 của Nghiên cứu về Chuyển đổi số do Trung tâm Kinh doanh Kỹ thuật số của Viện Công nghệ Massachusetts và Công ty Tư vấn Capgemini thực hiện”, Trung tâm Kinh doanh Kỹ thuật số của Viện Công nghệ Massachusetts và Công ty Tư vấn Capgemini, 2011, <https://www.capgemini.com>, ngày 9/9/2023

¹⁴ Minh Khôi, *Việt Nam đang trên con đường chuyển đổi số*, <https://baochinhphu.vn/>, ngày 9/9/2023

¹⁵ Bộ Thông tin và Truyền thông, *Cẩm nang chuyển đổi số*, Tái bản có chỉnh sửa, cập nhật, bổ sung năm 2021, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2021, tr. 21

chuyên đổi số. Những năm gần đây, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam đã và đang tích cực ứng dụng công nghệ, đặc biệt là công nghệ số trong các hoạt động chuyên môn như: Xây dựng cơ sở dữ liệu cho toàn bộ hiện vật, tài liệu, Xây dựng phần mềm quản lý hiện vật, kết nối giữa thực – ảo, Ứng dụng công nghệ tương tác sử dụng trong trưng bày và thuyết minh tham quan, hoạt động giáo dục trải nghiệm tại bảo tàng, Truyền thông số, Xây dựng bảo tàng số... Một số kết quả cụ thể như sau:

a. Xây dựng cơ sở dữ liệu cho toàn bộ hiện vật, tài liệu

Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam đã tiến hành xây dựng cơ sở dữ liệu cho toàn bộ hiện vật, tài liệu của Bảo tàng. Xây dựng cơ sở dữ liệu bao gồm việc số hóa hiện vật bảo tàng và số hóa toàn bộ tài liệu của bảo tàng (tài liệu giấy viết, thông tin về hiện vật vv...) sang định dạng kỹ thuật số. Đây là nguyên liệu đầu vào cho các sản phẩm ứng dụng khoa học công nghệ trên môi trường không gian mạng, trên website và trưng bày ảo của Bảo tàng, là cơ sở quan trọng để xây dựng bảo tàng số sau này. Đây là giải pháp mang tính đột phá bởi nhiều sản phẩm ứng dụng được bắt nguồn từ việc số hóa cơ sở dữ liệu.

b. Xây dựng phần mềm quản lý hiện vật, kết nối giữa thực – ảo

Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam đã hoàn thành việc xây dựng phần mềm quản lý hiện vật, nhập liệu vào phần mềm toàn bộ thông tin hiện vật. Bên cạnh đó, số hóa tư liệu thư viện cũng đang được hoàn thiện. Đây là hai phần mềm quản lý đã được xây dựng theo yêu cầu chuyên môn từ năm 2021, đã nghiệm thu sản phẩm thiết kế, hoàn tất giai đoạn nhập dữ liệu hiện vật, song song thực hiện việc kiểm duyệt nội dung nhập liệu. Công việc đã hoàn thành trong năm 2023. Với những ưu điểm vượt trội mà công nghệ mang lại, việc số hóa dữ liệu bảo tàng là hết sức cần thiết nhằm cung cấp nguồn nguyên liệu trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động của bảo tàng trong tương lai.

c. Ứng dụng công nghệ tương tác sử dụng trong trưng bày và thuyết minh tham quan, hoạt động giáo dục trải nghiệm tại bảo tàng

- *Từ 3D tour...*

Công nghệ đã được các bảo tàng Việt Nam ứng dụng vào công tác trưng bày từ những năm đầu của thế kỷ 21 dưới nhiều hình thức khác nhau. Trong thời kỳ giãn cách xã hội khi đại dịch Covid-19 bùng nổ, ứng dụng công nghệ đã giúp các bảo tàng giữ được sự kết nối với công chúng. Tại Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam, chương trình 3D tour ra mắt tháng 10/2021 cho phép khách tham quan có thể trải nghiệm 360° hệ thống trưng bày thường xuyên của Bảo tàng trên nền tảng trực tuyến. Không dừng lại ở đó, tháng 12/2021, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam và Vụ Ngoại giao Văn hóa và UNESCO (Bộ Ngoại giao) phối hợp thực hiện triển lãm trực tuyến 3D - “Tranh sơn mài Việt Nam”, được tích hợp trên trang web của Bảo tàng. Triển lãm giới thiệu 50 tác phẩm sơn mài tiêu biểu của các danh họa Việt Nam qua nhiều thời kỳ, lựa chọn từ bộ sưu tập của Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam, thể hiện vẻ đẹp của cảnh quan thiên nhiên và tâm hồn người Việt. Triển lãm đặc biệt giới thiệu bức “Bình phong” của họa sĩ Nguyễn Gia Trí – một trong những tác phẩm xuất sắc được công nhận là Bảo vật Quốc gia. Thêm vào đó, người xem còn có cơ hội khám phá lịch sử phát triển và các kỹ thuật chế tác tranh sơn mài thông qua những thước phim

tư liệu bổ ích và lý thú. Triển lãm được giới thiệu bằng hai ngôn ngữ Việt, Anh, sau đó bổ sung thêm tiếng Hàn và tiếng Đức. Triển lãm đã được ra mắt tại các quốc gia Hoa Kỳ, Áo, Hàn Quốc và thu hút hàng trăm nghìn người tham gia trải nghiệm. Có thể nói, 3D tour cũng chính là một trong những phương tiện truyền thông ứng dụng chuyển đổi số mang lại hiệu quả cao của Bảo tàng.

... đến Không gian triển lãm mỹ thuật trực tuyến VAES

Không dừng lại ở đó, tháng 10 năm 2023, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam ra mắt Không gian triển lãm mỹ thuật trực tuyến (VAES) với 2 hạng mục lớn: đó là 1) Kiến trúc tòa hình hoa sen cách điệu từ hoa sen trong mỹ thuật cổ mô phỏng không gian vật lý sang trọng, bề thế, giàu tính nghệ thuật, và 2) các không gian triển lãm số bên trong, được xây dựng với lộ trình và thiết kế phù hợp với từng nội dung trưng bày. Không gian số này được dựng 3D mô phỏng không gian thực tế, ở đó, người nghệ sĩ có thể tìm cho mình cách trưng bày các tác phẩm phù hợp với nhu cầu, tính sáng tạo; còn khách tham quan có thể tiếp cận với các triển lãm và tác phẩm nghệ thuật ở mọi lúc, mọi nơi trên thế giới chỉ với thiết bị kết nối internet.

Không gian triển lãm mỹ thuật trực tuyến phiên bản đầu tiên giới thiệu 10 triển lãm, trong đó có 07 triển lãm trưng bày các tác phẩm thuộc sưu tập của Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam; Bảo tàng Mỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh, Bảo tàng Mỹ thuật Huế và 03 triển lãm của cá nhân họa sĩ. 10 không gian triển lãm trên được thiết kế và mô phỏng khác nhau, dựa trên các mô hình triển lãm ở các bảo tàng lớn trên thế giới, đáp ứng đa dạng sự lựa chọn cho các họa sĩ có mong muốn được đăng ký tham gia triển lãm trong không gian số VAES của Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam.

Việc xây dựng nội dung và vận hành thử nghiệm Không gian triển lãm mỹ thuật trực tuyến là bước đi đầu tiên, mạnh mẽ, sáng tạo của Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam để giới thiệu và phát huy giá trị di sản mỹ thuật, sức sống mới của nền mỹ thuật nước nhà đến với đông đảo công chúng trên toàn cầu. Với mong muốn xóa đi giới hạn về khoảng cách, kết nối không gian, VAES còn mang tính chia sẻ thông tin về các tác phẩm nghệ thuật giá trị của Việt Nam đang được lưu giữ tại các bảo tàng mỹ thuật và sức sáng tạo không ngừng nghỉ của đội ngũ họa sĩ đương đại.

- Ứng dụng thuyết minh đa phương tiện iMuseum VFA

Trưng bày là phương tiện truyền thông hình ảnh quan trọng, mạnh mẽ và trực diện nhất trong mỗi một bảo tàng. Thông thường, nhận thức của công chúng về bảo tàng thường dựa vào trải nghiệm tham quan trưng bày. Do đó, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam chú trọng đẩy mạnh trải nghiệm tham quan trưng bày bằng cách cho ra mắt sản phẩm công nghệ hỗ trợ người dùng iMuseum VFA - kết quả của một dự án hợp tác công – tư giữa Bảo tàng và một đơn vị công nghệ. Đây là ứng dụng đa phương tiện (âm thanh, hình ảnh, bài viết), kết hợp sơ đồ chỉ dẫn trưng bày và hướng dẫn du khách tham quan Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam thông qua thiết bị định vị iBeacon. Ứng dụng được tích hợp trên cả hai nền tảng Android và iOS, sử dụng công nghệ quét mã QR hoặc mã số định danh tác phẩm. iMuseum VFA còn cho phép xem hình ảnh chất lượng cao của tác phẩm; đọc nội dung bài giới thiệu; xác định vị trí hiện vật; xem sơ đồ hệ thống trưng bày; phân biệt các phòng đã, đang và chưa tham quan bằng màu sắc... Khách tham quan có thể tự do khám phá gần 200

tác phẩm tiêu biểu trên hệ thống trưng bày thường xuyên của Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam trực tiếp và trực tuyến ở bất cứ nơi đâu và vào bất cứ thời điểm nào, chỉ với thiết bị điện tử, internet và trả phí. Đặc biệt, thời lượng cho mỗi lần sử dụng iMuseum VFA lên đến 8 giờ, với 9 ngôn ngữ: Việt, Anh, Pháp, Trung, Nhật, Hàn, Tây Ban Nha, Ý, Đức và Bảo tàng chuẩn bị cập nhật thêm phiên bản tiếng Nga. Với những tính năng vượt trội như vậy nên sau khi ra mắt tháng 4/2021 trong bối cảnh ngành du lịch toàn cầu bị tê liệt thời gian dài do đại dịch Covid-19, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam vẫn duy trì đều đặn tương tác với khách tham quan, hỗ trợ du khách tìm hiểu về các hiện vật của Bảo tàng. Ứng dụng iMuseum VFA được tích hợp trên website và thông tin về ứng dụng và khách tham quan trải nghiệm ứng dụng thường xuyên được Bảo tàng chia sẻ trên Fanpage. Ngoài ra, Bảo tàng còn xây dựng các tour đặc biệt tham quan Bảo tàng theo chủ đề như “Tranh sơn mài” hay “Bảo vật quốc gia” dựa trên nền tảng của ứng dụng này. Sau hơn hai năm, đã có hơn 20.000 khách trải nghiệm ứng dụng, chiếm tỉ lệ khoảng 10% lượng khách đến tham quan bảo tàng. Với ứng dụng thuyết minh đa phương tiện iMuseum VFA, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam đã nhận được giải thưởng *Cơ quan Nhà nước chuyển đổi số xuất sắc* do Bộ Thông tin, Truyền thông trao tặng năm 2021.

- Ứng dụng những thành tựu công nghệ vào hoạt động trưng bày

Ứng dụng những thành tựu công nghệ vào hoạt động trưng bày để thu hút khách đang là xu hướng và nhu cầu tất yếu của các bảo tàng, qua đó tạo mối liên hệ mật thiết giữa bảo tàng với hệ thống di sản văn hóa đồ sộ của Việt Nam. Hàng loạt hình thức khác nhau, bằng những cách thể hiện khác nhau nhưng sự góp mặt của công nghệ số 4.0 trong những trưng bày bảo tàng đã khiến cho các địa điểm này trở nên thu hút hơn hẳn. Ví dụ triển lãm kỹ thuật số “Ánh sáng rực rỡ: Những kiệt tác Hội họa đến từ Hà Lan” do Đại sứ quán Hà Lan và Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam phối hợp tổ chức, hoặc triển lãm kết hợp trưng bày truyền thống và trình chiếu kỹ thuật số, sử dụng cinemagraph mang tên “Đất nước tôi”, hay gần đây nhất là triển lãm “Xuân Hà Nội”, ứng dụng công nghệ 3D mapping, đã thu hút đông đảo công chúng đến tham quan, nhất là các bạn trẻ. Với những giải pháp về khoa học, công nghệ, số hóa cơ sở dữ liệu, ngành bảo tàng nói chung, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam nói riêng, đã có những đột phá để thực hiện tốt sứ mệnh bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

d. Truyền thông số

Nhận thức được vai trò của truyền thông trong việc đưa nghệ thuật đến gần hơn với công chúng, trong những năm gần đây, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam đã coi truyền thông là một trong những ưu tiên hàng đầu, chú trọng phát triển truyền thông số và ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động truyền thông.

Website chính thức của Bảo tàng, tên miền: <https://vnfam.vn/> đã được nâng cấp vào năm 2018. Website có phần tiếng Việt và tiếng Anh. Trên nền tảng công nghệ hiện đại, các trường dữ liệu được tổ chức khoa học và dễ tiếp cận. Ngoài những thông tin cơ bản về Bảo tàng, người xem có thể chiêm ngưỡng hàng trăm hình ảnh tác phẩm, đọc bài viết về tác giả, tác phẩm, xem thông tin, video clip về các triển lãm, sự kiện, hoạt động chuyên môn và kết quả chuyển đổi số của Bảo tàng. Trang

web thường xuyên được tích hợp những tính năng mới, cho phép người xem trải nghiệm nghệ thuật dưới các hình thức đa dạng như triển lãm online, 3D tour, video chất lượng cao, tham quan Không gian triển lãm mỹ thuật trực tuyến VAES, hay tham gia thi tìm hiểu mỹ thuật trực tuyến... Đặc biệt, hệ thống tra cứu thông minh cho phép du khách dễ dàng tìm kiếm thông tin và tiết kiệm thời gian. Bên cạnh đó, giao diện của trang web cũng được thiết kế hiện đại, thân thiện, màu sắc tươi tắn, phông chữ rõ ràng, tạo thuận lợi cho công chúng tiếp cận. Tại khóa tập huấn truyền thông bảo tàng do Đại học RMIT phối hợp với Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam tổ chức tháng 10/2022, trang web của Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam được các chuyên gia truyền thông quốc tế đánh giá là trang web bảo tàng chuyên nghiệp và được lấy làm ví dụ điển hình về trang web bảo tàng tốt để phân tích. Sắp tới, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam tiếp tục nâng cấp một số tính năng, cải tiến giao diện nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng và sự hấp dẫn của kênh truyền thông chính thức này của Bảo tàng.

Bên cạnh website, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam cũng sử dụng mạng xã hội làm phương tiện truyền thông chính của mình. Tháng 4/2019, Fanpage chính thức của Bảo tàng được lập¹⁶, làm cầu nối đưa Bảo tàng đến gần hơn với công chúng một cách trực tiếp và nhanh chóng. Sau một thời gian kiên trì với phong cách chín chu, thân thiện và đẹp mắt, với những nội dung đăng tải ngày càng đa dạng, phong phú, đặc biệt là những hình ảnh đẹp, video clip hay, lượng khách theo dõi và thích trang ngày càng tăng, nhất là giới trẻ, góp phần lan tỏa rộng rãi hình ảnh của Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam và thu hút khách đến với Bảo tàng. Bên cạnh Fanpage, Bảo tàng cũng thử nghiệm với Instagram và Tiktok. Tuy nhiên, do không có đủ nguồn nhân lực nên đến nay, Fanpage vẫn là trang mạng xã hội chủ yếu của Bảo tàng. Mới đây, Fanpage của Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam đã chính thức được Facebook cấp “tích xanh” xác định trang chính chủ và công nhận chủ sở hữu có sự ảnh hưởng nhất định tới cộng đồng. Đây cũng là động lực để các cán bộ Bảo tàng tiếp tục nỗ lực sáng tạo và kiên định xây dựng hình ảnh và bản sắc của Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam tinh tế, văn minh, thân thiện.

2. Một số giải pháp và đề xuất, kiến nghị

Có thể thấy, việc ứng dụng công nghệ, nhất là công nghệ thông tin trong hoạt động bảo tàng mang lại rất nhiều lợi ích, không chỉ cho riêng bảo tàng mà còn cho cả công chúng và toàn xã hội. Để việc ứng dụng công nghệ đạt hiệu quả, thiết nghĩ cần có các giải pháp như sau:

- Thay đổi tư duy để nhận biết và từng bước ứng dụng công nghệ mới vào hoạt động

Việc phát hiện các công nghệ là thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư và ảnh hưởng của nó đến ngành, lĩnh vực cần phải được nghiêm túc nghiên cứu. Phần lớn các nhà quản lý chuyên ngành chưa thực sự hiểu rõ và cập nhật các công nghệ mới, xu thế phát triển công nghệ đó tác động (tích cực, tiêu cực) và mang lại cơ hội, thách thức gì đối với chính ngành nghề của mình. Đây là một rào cản khá lớn mang tầm chiến lược nếu nhà quản lý đó có vai trò quyết định đến chính sách

¹⁶ <https://www.facebook.com/baotangmythuat/>

để ứng dụng công nghệ nhằm tạo động lực để ngành/lĩnh vực đó phát triển hiệu quả, phù hợp với xu thế công nghệ của cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển (Quyết định số 13/2017/QĐ-TTg ngày 28/4/2017, Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg ngày 25/11/2014). Các công nghệ nền tảng này không phải do Việt Nam nghiên cứu - sản xuất, vì vậy việc chủ động trong điều chỉnh, nâng cấp công nghệ là điều rất khó xảy ra. Trong lĩnh vực văn hóa, hầu hết các công nghệ là thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư khi được ứng dụng vẫn chỉ ở mức hỗ trợ để giải quyết một vấn đề nào đó trong công tác quản lý hay chỉ là các ứng dụng rất cơ bản.

Ngoài ra, nhân lực chất lượng cao hoạt động trong lĩnh vực văn hóa về cơ bản là vừa thiếu và yếu. Nhân lực là chủ thể quan trọng trong ứng dụng thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tuy nhiên, xuất phát từ đặc điểm ngành nghề, hầu hết nhân lực làm công tác văn hóa chưa được trang bị nhiều kiến thức về khoa học, công nghệ đặc biệt là công nghệ cao, thành tựu mới về công nghệ.

- Từng bước cải thiện cơ sở vật chất cho hoạt động ứng dụng công nghệ

Trước xu thế phát triển của khoa học công nghệ, nhu cầu ứng dụng công nghệ ở các thiết chế văn hóa là rất lớn đòi hỏi sự quan tâm và đầu tư kinh phí rất lớn của trung ương và địa phương. Trong xu thế đó, một số thiết chế văn hóa như rạp chiếu phim hiện đại, thư viện điện tử, bảo tàng ảo... của tư nhân đã và đang phát triển mạnh.

- Xác định nguồn lực tài chính và chuẩn bị nguồn nhân lực

Trước yêu cầu đổi mới hoạt động cung cấp dịch vụ văn hóa của các đơn vị sự nghiệp công lập trong tình hình mới, tháng 4 năm 2019, Thủ tướng Chính phủ đã Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2021, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ). Đây là một dịp để tinh gọn bộ máy, đổi mới hoạt động, đồng thời có kế hoạch đầu tư hạ tầng và ứng dụng công nghệ nhằm phát huy hiệu quả cung cấp dịch vụ văn hóa đến nhân dân trong xu thế phát triển của CMCN lần thứ 4.

Hiện nay, ứng dụng khoa học, công nghệ (chủ yếu chỉ dành mua sắm thiết bị công nghệ thông tin) vẫn sử dụng nguồn chi thường xuyên với tỉ trọng khoảng dưới 4% kinh phí (tùy thuộc cân đối) của các cơ quan, đơn vị. Hiện chưa có mục lục chi ngân sách riêng cho các hoạt động ứng dụng công nghệ cao là thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Trong xu thế phát triển như vũ bão của công nghệ, với nguồn lực tài chính ít ỏi này chưa đủ đáp ứng nhu cầu ứng dụng công nghệ thông tin (đây mới chỉ là một phần nhỏ của thành tựu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư). Vì vậy, việc ứng dụng các công nghệ có liên quan trong quá trình phát triển ngành, lĩnh vực sẽ rất khó khăn nếu không có sự quan tâm, dành nguồn lực tài chính một cách phù hợp.

Đầu tư kinh phí cho ứng dụng công nghệ là một bài toán khó trong xu thế phát triển, cập nhật liên tục các công nghệ mới và các phiên bản công nghệ của nó.

Nhà nước cần đầu tư các nền tảng công nghệ lõi mang tính xương sống, nền tảng để doanh nghiệp, xã hội có thể thừa kế phát triển. Nhà nước cần ban hành chính sách đa dạng hóa nguồn vốn, tạo điều kiện xã hội hóa và huy động nguồn lực tài chính ở trong và ngoài nước tham gia vào hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ lĩnh vực văn hóa tại Việt Nam.

- Hoàn thiện quy định pháp luật

Trong thời đại số, cần có những quy định chặt chẽ về bản quyền công nghệ và bản quyền hình ảnh nhằm đảm bảo quyền lợi cho Bảo tàng và các đối tác, cũng như ngăn chặn việc sử dụng tràn lan, không bản quyền, gây ảnh hưởng đến uy tín và giá trị của bộ sưu tập bảo tàng. Đồng thời, cũng cần có hành lang pháp lý và những chính sách cụ thể nhằm khuyến khích công tác xã hội hóa hợp tác công – tư trong lĩnh vực bảo tàng và chuyển đổi số.

Tóm lại, Công nghệ 4.0 mang lại nhiều cơ hội cho sự phát triển của bảo tàng, chuyển đổi số là xu hướng tất yếu. Tuy nhiên, chuyển đổi số, cũng như việc ứng dụng công nghệ đặt ra nhiều khó khăn, thách thức, đòi hỏi các bảo tàng phải đổi mới tư duy, cập nhật xu hướng, xây dựng kế hoạch, chuẩn bị nguồn nhân lực và tài chính để thực hiện. Bên cạnh đó, cần hoàn thiện những quy định pháp luật nhằm giúp các bảo tàng triển khai hiệu quả và bền vững các hoạt động ứng dụng công nghệ trong thời gian tới, góp phần thực hiện thành công quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực bảo tàng./.

ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ QUY HOẠCH, XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2013 - 2023

Ông Ngô Tự Nam

Nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật

Thiết chế văn hóa, thể thao được hiểu là toàn bộ các quy định của Hiến pháp, luật, hệ thống văn bản dưới luật quy định về quan điểm, mục tiêu, định hướng, về tổ chức bộ máy, phương thức hoạt động của cơ quan, tổ chức, của cả hệ thống chính trị trong lĩnh vực văn hóa, thể thao. Một đất nước muốn phát triển bền vững phải chú trọng đến việc xây dựng và ngày càng hoàn thiện thiết chế văn hóa, thể thao.

Giai đoạn 10 năm, từ 2013 đến năm 2023 có ý nghĩa rất quan trọng, đó là 10 năm chúng ta thực hiện Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (gọi tắt là Hiến pháp 2013), trong đó có việc thực hiện quy định của Hiến pháp 2013 trên 2 lĩnh vực văn hóa và thể thao. Do đó, việc đánh giá chính sách, pháp luật về quy hoạch xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao ở nước ta giai đoạn 2013-2023 là một việc làm có ý nghĩa sâu sắc và có tầm quan trọng đặc biệt, góp phần đánh giá kết quả 10 năm chúng ta thực hiện Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 quy định về thiết chế văn hóa, thể thao:

Chương 3 quy định nội dung văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ:

Điều 30: Nhà nước và xã hội bảo tồn, phát triển nền văn hóa Việt Nam...

Điều 32: Nhà nước đầu tư phát triển văn hóa...

Điều 34: Nhà nước và xã hội bảo tồn, phát triển các di sản văn hóa dân tộc...

Điều 41: Nhà nước và xã hội phát triển nền thể dục, thể thao dân tộc, khoa học và nhân dân.

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định về thiết chế văn hóa, thể thao:

Các chế định văn hóa, thể thao đã kế thừa những quy định trong Hiến pháp 1992 nêu trên, nhưng được thể hiện một cách tổng quát, cụ thể là giảm số điều ghi nhận nội dung văn hóa và thể thao, phản ánh rõ những quan điểm, định hướng về phát triển văn hóa, thể thao đã được xác định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) và văn kiện Đại hội lần thứ XI của Đảng.

Điều 60 quy định một cách tổng quát về chế định văn hóa:

Khoản 1 nhấn mạnh vai trò của Nhà nước và xã hội trong việc chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu

tinh hoa văn hóa nhân loại; khoản 2 quy định trách nhiệm của Nhà nước và xã hội không ngừng chăm lo, phát triển văn học, nghệ thuật; khoản 3 quy định Nhà nước và xã hội tạo môi trường xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; xây dựng con người Việt Nam có sức khỏe, văn hóa, giàu lòng yêu nước, có tinh thần đoàn kết, ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân.

Hiến pháp khẳng định mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa (các Điều 14, Điều 18 và Điều 41 của Chương II về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân).

Sau khi Hiến pháp 2013 được Quốc hội thông qua, việc có tính chất quyết định là tổ chức triển khai thi hành Hiến pháp, bảo đảm cho Hiến pháp nói chung và chế định về văn hóa, thể thao nói riêng thực sự đi vào đời sống, chúng ta đã khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới nhiều đạo luật trong 2 lĩnh vực văn hóa và thể thao, phù hợp với quy định của Hiến pháp, bao gồm các đạo luật: Luật Di sản văn hóa, Luật Báo chí, Luật Điện ảnh, Luật xuất bản, Luật Thư viện, Luật Tiếp cận thông tin, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Thẻ dực, thể thao, Luật Quảng cáo...

Để triển khai thực hiện luật, Chính phủ, các bộ, ngành đã ban hành rất nhiều Nghị định, Quyết định, Thông tư cụ thể hoá các quy định của luật:

- Chính phủ đã ban hành 11 Nghị định;
- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 18 Quyết định;
- Các bộ đã ban hành 12 Thông tư.

1. Đánh giá ưu điểm, hạn chế, bất cập của hệ thống chính sách, pháp luật về thiết chế văn hóa, thể thao giai đoạn 2013 - 2023

1.1. Về quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao

Lĩnh vực văn hóa, thể thao hiện nay đang có 6 luật (5 luật về lĩnh vực văn hóa bao gồm: Luật Điện ảnh, Luật Di sản văn hóa, Luật Quảng cáo, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Thư viện; 1 luật về lĩnh vực thể thao là Luật Thẻ dực, thể thao). Ngoài ra còn có một số luật có nội dung điều chỉnh lĩnh vực thể thao và du lịch như: Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Đất đai, Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư công... Còn một số lĩnh vực văn hóa cho đến nay chưa được điều chỉnh bằng luật, mà được điều chỉnh bằng nghị định của Chính phủ.

Để triển khai thi hành luật, có rất nhiều nghị định, quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, thông tư của các bộ hướng dẫn triển khai thực hiện luật.

Qua kết quả triển khai thi hành pháp luật về văn hóa, thể thao cho thấy hệ thống pháp luật về văn hóa, thể thao có một số ưu điểm nổi bật sau đây:

Một là, Hệ thống pháp luật về văn hóa, thể thao đang ngày càng được hoàn thiện, chất lượng được nâng cao, hiệu lực pháp lý được quy định rõ ràng. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để triển khai xây dựng và phát triển thiết chế văn hóa, thể thao.

Hai là, Hệ thống pháp luật về văn hóa, thể thao đã kịp thời thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng, quy định của Hiến pháp 2013, quan điểm chỉ đạo của

Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị văn hóa toàn quốc để phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hạn chế:

- Việc xây dựng thể chế văn hóa, thể thao còn chậm. Chính sách xã hội hoá các hoạt động văn hóa, thể thao mặc dù đã có nghị định của Chính phủ quy định về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, nhưng khi triển khai thực hiện vẫn còn nhiều vướng mắc do một số quy định chưa sát với thực tế nên tính khả thi không cao.

- Các nội dung quy định về văn hóa, thể thao chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ, thiếu thống nhất; việc thể chế hoá Nghị quyết, quan điểm của Đảng còn chậm, tổ chức thực hiện còn yếu nên nhiều quy phạm pháp luật về văn hóa chưa thực sự đi vào cuộc sống, một số lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật chưa có luật để quản lý. Nhiều chính sách đối với văn nghệ sỹ đã lạc hậu nhưng chậm được sửa đổi.

- Có nội dung ban hành luật và văn bản hướng dẫn còn chậm, chưa kịp thời, không khả thi, tính ổn định không cao.

- Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về văn hóa, thể thao có số lượng lớn, còn có nhiều nội dung chồng chéo nhau gây khó khăn trong việc triển khai thực hiện.

- Còn nhiều vấn đề nảy sinh trong hoạt động thực tiễn nhưng chậm thể chế hoá gây khó khăn cho công tác quản lý.

1.2. Về nguồn lực đầu tư cho thiết chế văn hóa, thể thao (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, các nguồn kinh phí khác)

Hệ thống các văn bản pháp luật về chính sách thuế như: Thuế giá trị gia tăng, Thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế tiêu thụ đặc biệt đã có những quy định tạo cơ sở pháp lý cho việc huy động mọi nguồn lực tham gia vào hoạt động phát triển văn hóa, thể thao.

Hạn chế:

- Đầu tư cho văn hóa chưa đúng mức, còn dàn trải, hiệu quả chưa cao. Hội nghị lần thứ X của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá IX đã ban hành Kết luận số 30-KL/TW ngày 20 tháng 7 năm 2004 về đầu tư cho văn hóa: “Tăng đầu tư cho văn hóa, phấn đấu đến năm 2010 ít nhất đạt 1,8% tổng chi ngân sách...”. Đây là văn kiện đầu tiên của Đảng ghi rõ tỷ lệ đầu tư cho lĩnh vực văn hóa.

Từ năm 2004 cho đến năm 2019 (15 năm) ngân sách Nhà nước chi cho lĩnh vực văn hóa chưa bao gồm ngân sách địa phương chiếm 1,71% tổng chi đầu tư phát triển, chưa đạt mức 1,8% như Kết luận 30-KL/TW nêu.

- Cơ chế chính sách đầu tư, ưu đãi cho văn hóa, thể thao chưa đủ mạnh, chưa đủ sức hấp dẫn để thu hút nguồn lực từ khu vực tư nhân và đầu tư nước ngoài tham gia vào 2 lĩnh vực này.

- Tình trạng đầu tư dàn trải, chậm tiến độ, tăng tổng mức đầu tư, chất lượng công trình, dự án thấp vẫn chưa được xử lý triệt để.

- Văn hóa vẫn chưa được quan tâm xứng tầm.

1.3. Về sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cho thiết chế văn hóa, thể thao

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức công tác trong lĩnh vực văn hóa, thể thao được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ. Trong hai thiết chế văn hóa, thể thao đã xây dựng được đội ngũ cán bộ có kinh nghiệm và kiến thức quản lý đáp ứng yêu cầu phát triển hoạt động văn hóa, thể thao trong tình hình mới.

Hạn chế:

- Bộ máy tổ chức ngành văn hóa, thể thao chưa được sắp xếp hợp lý để phát huy cao hơn hiệu lực lãnh đạo và quản lý.

- Chất lượng và số lượng đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác văn hóa, thể thao chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển văn hóa, thể thao trong thời kỳ mới.

- Công tác tổ chức và công tác cán bộ trên lĩnh vực văn hóa, thể thao còn nhiều bất cập.

- Việt Nam có gần 30 hiệp hội và liên đoàn thể thao thường xuyên hoạt động nhưng rất ít trong số đó có khả năng tự chủ tài chính. Thể thao Việt Nam không thiếu các tổ chức, đơn vị hoạt động chuyên môn nhưng chưa bao giờ số lượng các hiệp hội hay liên đoàn thể thao tỷ lệ thuận với chất lượng đầu ra những đơn vị này cung cấp. Các hiệp hội, liên đoàn thể thao Việt Nam thiếu nguồn lực để hoạt động, phát triển, phải phụ thuộc gần như hoàn toàn vào ngân sách Nhà nước.

Chủ trương xã hội hoá thể thao đã được đề cập trong nhiều văn bản, nhưng có thể nói chủ trương này chưa phát huy hiệu quả. Nhiều hiệp hội, liên đoàn hoạt động kém hiệu quả nhưng tổ chức bộ máy lại chồng chéo.

Theo báo cáo của Cục Thể dục, thể thao, hiện cả nước có đến 36 tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thể thao.

Theo dự toán chi ngân sách của Bộ Tài chính, hằng năm thể thao Việt Nam được rót nguồn ngân sách ở mức trên dưới 800 tỷ đồng. Với 800 tỷ đồng, thể thao Việt Nam chỉ đáp ứng được khoảng 60% nhu cầu tập luyện, thi đấu đỉnh cao của vận động viên. Do đó, tiền dành cho đầu tư cơ sở vật chất không nhiều.

Theo thống kê, đến hết năm 2020, thể thao Việt Nam có đến 451 liên đoàn, hiệp hội thể thao quốc gia và ở các địa phương. Sự hoạt động kém hiệu quả của hầu hết các liên đoàn có nguyên nhân đầu tiên là tổ chức bộ máy chồng chéo, hoạt động kém hiệu lực, hiệu quả.

1.4. Về quản lý, sử dụng, hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao

Đảng, Nhà nước và toàn bộ hệ thống chính trị đã nhận thức đúng đắn, đầy đủ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của văn hóa, thể thao; phát huy sức mạnh của văn hóa, thể thao trở thành động lực cho sự phát triển đất nước.

Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã nêu nhiệm vụ trọng tâm là: “Phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ

quốc, hội nhập quốc tế”. Đây là quan điểm, nội dung quan trọng, có tính kế thừa và có nhiều điểm mới về phát triển văn hóa, thể thao để xây dựng con người Việt Nam mạnh cả về thể chất và tinh thần.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 88/2019/QH14 “Nghị quyết phê duyệt đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030”.

Về quan điểm, Nghị quyết nhấn mạnh: “Phát huy mọi nguồn lực, khai thác tiềm năng, lợi thế để phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp...”.

Về mục tiêu tổng quát, Nghị quyết nêu: “...giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu...”.

Về mục tiêu cụ thể đến năm 2025: “Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 80% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên có chất lượng.

Về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu: “Xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, gồm các dự án, trong đó có dự án 6 “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch”.

Quốc hội đã giao Chính phủ: Tổ chức rà soát các văn bản pháp luật liên quan, kịp thời đề xuất, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản có liên quan không còn phù hợp để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả các nội dung của Đề án; xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, trình Quốc hội xem xét, quyết định tại kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2020) để thực hiện từ năm 2021.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 120/2020/QH14 “Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030”.

Quốc hội giao Chính phủ triển khai thực hiện các nhiệm vụ, trong đó có nhiệm vụ: “Chỉ đạo xây dựng báo cáo nghiên cứu khả thi theo quan điểm, mục tiêu, phạm vi, đối tượng, nội dung, nhiệm vụ, giải pháp và cơ chế quản lý, điều hành quy định tại Nghị quyết số 88/2019/QH14”.

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, ngày 14 tháng 10 năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1719/QĐ-TTg “Quyết định phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025”.

“Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025” (Theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc

hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 và tập trung thực hiện các dự án theo thứ tự ưu tiên đến năm 2025 theo Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội).

Mục tiêu cụ thể đến năm 2025:

“Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 80% thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng”.

Chỉ tiêu chủ yếu:

“Tổ chức khoảng 320 lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, truyền dạy văn hóa phi vật thể; hỗ trợ 200 dự án sưu tầm, phục dựng, bảo tồn, phát huy văn hóa phi vật thể các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một; bảo tồn 120 lễ hội, 80 làng bản, buôn truyền thống phục vụ phát triển du lịch; xây dựng 240 mô hình văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số, 800 câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ đầu tư xây dựng 3590 thiết chế văn hóa, thể thao thôn; hỗ trợ đầu tư xây dựng 80 điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi”.

Các dự án thành phần của chương trình:

Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương liên quan hướng dẫn và chỉ đạo tổ chức thực hiện dự án.

Dự kiến nhu cầu vốn và nguồn vốn để thực hiện Dự án 6 là 5.984,059 tỷ đồng.

- Quyết định 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 1 năm 2022 “Quyết định phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025”
“Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025”

- Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 2 năm 2022 “Quyết định phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025”
“Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025”

Mục tiêu tổng quát:

“...xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn...giàu bản sắc văn hóa truyền thống...”.

Mục tiêu cụ thể đến năm 2025:

Nội dung 5: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất văn hóa, thể thao cấp xã, thôn, các Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện; tu bổ, tôn tạo các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch nông thôn.

Đến năm 2025:

+ *Cấp xã:* Có 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, trong đó, có 50% số xã đạt chuẩn

tiêu chí số 6 về văn hóa thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao;

+ *Cấp huyện*: Có 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; có 25% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao.

Trong 10 năm qua, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ trung ương đến địa phương đã từng bước được hoàn thiện. Số lượng thiết chế văn hóa, thể thao được đầu tư xây dựng ở nhiều địa phương đạt mục tiêu đề ra. Sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, cấp ủy, chính quyền địa phương của các tỉnh, thành phố trong cả nước trong xây dựng cơ chế, chính sách; trong đầu tư nguồn lực vật chất, nguồn lực con người đã góp phần quan trọng để hoạt động văn hóa, thể thao phát triển, nâng cao đời sống văn hóa, thể chất con người Việt Nam, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Giải pháp khắc phục hạn chế, bất cập của hệ thống chính sách, pháp luật về quy hoạch, đầu tư, xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao

2.1. Tập trung nghiên cứu để tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

Hoàn thiện hệ thống pháp luật về phương thức quản lý văn hóa, thể thao trong tình hình mới, khi Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với các nước trên thế giới.

Khẩn trương nghiên cứu, xây dựng luật để điều chỉnh các lĩnh vực chuyên môn chưa có luật điều chỉnh như: nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh, xây dựng môi trường văn hóa...

Cần có đột phá mới trong tư duy xây dựng cơ chế, chính sách, để cơ chế, chính sách có khả năng kiến tạo.

Tiếp tục hoàn thiện chính sách phát triển văn hóa, thể thao, chú trọng đến các yêu cầu: khơi dậy, khuyến khích năng lực sáng tạo của nhân dân; xây dựng cơ chế, chính sách có tính khả thi cao, đủ sức hấp dẫn để thu hút nhân tài hoạt động, cống hiến trong lĩnh vực văn hóa, thể thao.

2.2. Về nguồn lực đầu tư cho thiết chế văn hóa, thể thao

Phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao đòi hỏi Nhà nước phải quan tâm đầu tư nguồn lực, đây là một giải pháp rất quan trọng để văn hóa, thể thao thực sự trở thành sức mạnh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Thời gian từ nay đến năm 2030 chỉ còn 07 năm, để thực hiện được mức đầu tư cho văn hóa tối thiểu 2%, nhiệm vụ cấp bách là các bộ, ngành trung ương, các tỉnh, thành phố cần có các giải pháp cụ thể để tăng mức đầu tư cho văn hóa, phân đấu đến năm 2030 tăng mức đầu tư cho văn hóa tối thiểu 2% tổng chi ngân sách hằng năm (Quyết định 1909/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ “Quyết định về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030”).

Sửa đổi, hoàn thiện các quy định về chính sách huy động các nguồn lực cho

phát triển văn hóa, mô hình hợp tác công tư trong lĩnh vực văn hóa, tạo điều kiện hơn nữa cho việc thu hút nguồn lực tư nhân, xã hội ở trong và ngoài nước cho lĩnh vực văn hóa.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế, phí, tín dụng, quyền sử dụng đất, cải cách hành chính để đẩy mạnh xã hội hoá, huy động các nguồn đầu tư, tài trợ, hiến tặng cho phát triển văn hóa, thể thao. Đề nghị các bộ, ngành có liên quan có trách nhiệm rà soát, đề xuất hoặc kiến nghị với Chính phủ, Quốc hội xây dựng, sửa đổi, ban hành mới cơ chế, chính sách.

Đối với lĩnh vực thể thao, cần nghiên cứu hướng đi *phát triển kinh tế thể thao*, để thể thao không chỉ sống bằng “bầu sữa” ngân sách Nhà nước. Ở nhiều quốc gia trên thế giới, thể thao là một ngành kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế và tạo ra các giá trị xã hội tích cực.

Nút thắt lớn nhất chính là các cơ chế chính sách liên quan đến cơ sở vật chất, nhất là vấn đề đất đai dành cho phát triển thể thao.

2.3. Quan tâm đầu tư nguồn lực cho phát triển giáo dục, đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác văn hóa, thể thao

Chú trọng việc bố trí cán bộ trong các cơ quan văn hóa, thể thao đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm. Sớm nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới các quy định về chính sách đãi ngộ, sử dụng đội ngũ những người làm công tác văn hóa, thể thao.

2.4. Về quản lý, sử dụng, hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao

Để quản lý, sử dụng, hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao có hiệu quả, cần tập trung thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Thứ nhất, khẩn trương xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về các lĩnh vực văn hóa, thể thao, khắc phục thực trạng còn có một số lĩnh vực chưa có luật điều chỉnh như đã nêu trên.

Thứ hai, rà soát Luật Quy hoạch, Luật Xây dựng, Luật Đầu tư, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các luật có liên quan làm căn cứ để xây dựng quy hoạch xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao. Trong đó, chú trọng đến chính sách ưu tiên về đất đai, về vị trí địa lý cho việc xây dựng công trình văn hóa, thể thao.

Thứ ba, chú trọng công tác tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao.

Thứ tư, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của thiết chế văn hóa, thể thao đối với sự phát triển của mỗi con người, gia đình và xã hội.

3. Đề xuất, kiến nghị

3.1. Đối với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

- Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc, hoàn thiện hệ thống pháp luật với những cơ chế, chính sách đủ sức

hấp dẫn để phát huy tiềm năng, nguồn lực phát triển văn hóa, thể thao, tạo động lực cho văn hóa, thể thao phát triển, trước mắt, tập trung xây dựng Luật Di sản văn hóa (sửa đổi).

Trong Quyết định 1909/QĐ-TTg “Quyết định về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030” có nêu 4 mục tiêu chung và 8 mục tiêu cụ thể cần phải thực hiện từ nay đến năm 2030. Trong 4 mục tiêu chung, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần tập trung triển khai thực hiện 2 mục tiêu, đó là:

- Hoàn thiện cơ chế thị trường trong lĩnh vực văn hóa gắn với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp văn hóa có tiềm năng, lợi thế.

- Có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, huy động nguồn lực để phát triển văn hóa, con người.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế, phí, tín dụng, quyền sử dụng đất, cải cách thủ tục hành chính để đẩy mạnh xã hội hoá, huy động các nguồn đầu tư, tài trợ, hiến tặng cho phát triển văn hóa, thể thao.

-Thực hiện cho được mục tiêu “Phấn đấu tăng mức đầu tư cho văn hóa tối thiểu 2% tổng chi ngân sách hằng năm”.

- Sớm xác định văn hóa là một lĩnh vực cần phải được ưu tiên đầu tư, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. *Trong Nghị quyết 120/2020/QH14 có nêu yêu cầu tập trung nguồn lực đầu tư để giải quyết các vấn đề bức thiết của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, theo thứ tự ưu tiên đến năm 2025 không có lĩnh vực văn hóa.*

- Về chính sách đất đai:

Khoản 3 Điều 5 Luật Điện ảnh quy định: “3. Nhà nước có chính sách ưu đãi về tín dụng, thuế và đất đai đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh theo quy định của pháp luật”.

Điều 152 Dự thảo Luật Đất đai quy định việc miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất không quy định bất cứ trường hợp nào được miễn, giảm trong hai thiết chế văn hóa, thể thao. Trong khi đó, điểm e) khoản 1 Điều 152 Dự thảo Luật Đất đai lại quy định việc miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho các trường hợp “Sử dụng đất làm mặt bằng xây dựng trụ sở, sân phơi, nhà kho...”.

Đề nghị Quốc hội xem xét để có quy định chính sách ưu đãi về đất đai trong Dự thảo Luật Đất đai sửa đổi đối với công trình phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao.

3.2. Đối với Chính phủ

Đề nghị Chính phủ rà soát, quy hoạch tổng thể nguồn lực; kết hợp định tính và định lượng trong đánh giá nguồn lực phát triển văn hóa. “Tập trung các nguồn lực cho phát triển văn hóa theo lộ trình, mục tiêu được xác định cụ thể thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa. Bảo đảm mức chi đầu tư cho văn hóa ít nhất đạt 1,8% tổng chi ngân sách Nhà nước (bao gồm cả trung ương và địa phương), hướng tới đạt 2% tổng chi ngân sách Nhà nước hằng năm.

3.3. Đối với bộ, ngành liên quan

- Đối với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

Điều 16 Luật Đầu tư quy định ngành, nghề ưu đãi đầu tư và địa bàn ưu đãi đầu tư có quy định ngành nghề ưu đãi đầu tư thuộc thiết chế văn hóa, thể thao bao gồm “*Đầu tư cơ sở luyện tập, thi đấu thể dục, thể thao cho người khuyết tật hoặc chuyên nghiệp; bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa*”.

Đề nghị Bộ có đề xuất cụ thể ngành, nghề thuộc hai thiết chế văn hóa và thể thao cần được ưu đãi đầu tư để quy định cụ thể trong Luật Đầu tư.

- Các bộ, ngành có liên quan có trách nhiệm rà soát, đề xuất hoặc kiến nghị với Chính phủ, với Quốc hội xây dựng, sửa đổi, ban hành mới cơ chế chính sách liên quan đến các lĩnh vực văn hóa và thể thao.

3.4. Đối với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp

- Thực hiện mục tiêu phân đấu đến năm 2030, 100% đơn vị hành chính cấp tỉnh có đủ 3 loại hình thiết chế văn hóa, gồm: Trung tâm Văn hóa hoặc Trung tâm Văn hóa -Nghệ thuật, bảo tàng, thư viện; 100% đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao.

- Bảo đảm khoảng 85% các địa phương đạt được các danh hiệu văn hóa trong phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa và các phong trào thi đua, cuộc vận động về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao ở địa phương. Xây dựng mô hình tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao phù hợp với điều kiện sinh hoạt, phong tục tập quán, đặc điểm dân tộc, vùng miền ở địa phương.

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền nâng cao nhận thức của đối ngũ cán bộ và toàn thể nhân dân về tầm quan trọng, vai trò của thiết chế văn hóa, thể thao đối với sự phát triển đất nước./.

CHUYỂN ĐỔI SỐ THƯ VIỆN THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

ThS. Kiều Thúy Nga
Vụ trưởng Vụ Thư viện
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Mở đầu

Chuyển đổi số là yêu cầu bắt buộc để đáp ứng yêu cầu của xã hội trong kỷ nguyên số. Cũng giống như các ngành, lĩnh vực khác, chuyển đổi số trong lĩnh vực thư viện hiện nay đã trở thành xu hướng phát triển tất yếu, trở thành động lực lớn nhất tạo ra sự phát triển đột phá trong hoạt động.

Trong thực tế, chuyển đổi số hoạt động không phải là vấn đề mới đối với ngành thư viện, có thể nói, ngành thư viện đã ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động khá sớm so với các ngành, lĩnh vực khác. Giai đoạn trước đây, đầu những năm 2000, một số thư viện đã thực hiện số hóa và tổ chức xử lý, khai thác tài nguyên thông tin trên môi trường số để đáp ứng một phần nhu cầu của người sử dụng. Tuy nhiên, do nhiều khó khăn, số lượng tài nguyên thông tin được số hóa, xử lý và khả năng phục vụ, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng rất hạn chế. Năm 2021, sau khi Quyết định số 206/QĐ-TTg về “Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” được Thủ tướng Chính phủ ban hành, chuyển đổi số ở các thư viện đã và đang được được quan tâm, thúc đẩy và lan tỏa, nhưng việc triển khai thực hiện ở mức độ rất khác nhau. Có thư viện đã thực hiện, có nơi đang khởi động, có những đơn vị mới bước đầu tìm tòi, nghiên cứu về chuyển đổi số. Lĩnh vực thư viện đang có xu hướng thụt lùi so với các ngành, lĩnh vực khác được quan tâm, đầu tư mạnh mẽ hơn.

Bài viết khái quát thực trạng chuyển đổi số lĩnh vực thư viện ở Việt Nam hiện nay, chỉ ra một số khó khăn, hạn chế trong quá trình thực hiện chuyển đổi số; đồng thời, nêu ra một số đề xuất, kiến nghị để thúc đẩy chuyển đổi số thành công tại các thư viện.

2. Thực trạng chuyển đổi số trong lĩnh vực thư viện

2.1. Chính sách về chuyển đổi số lĩnh vực thư viện

Hiện nay, chuyển đổi số, phát triển thư viện số, kết nối, liên thông, chia sẻ tài nguyên thông tin giữa các thư viện Việt Nam là nhiệm vụ quan trọng đã được đề cập trong các văn bản pháp lý, cụ thể:

Trong Luật Thư viện 2019, nhiệm vụ này được yêu cầu mạnh mẽ, quy định riêng các nội dung lớn tại Điều 29. Liên thông thư viện và Điều 31. Phát triển thư viện số; Mục 6, từ Điều 24 đến Điều 30 tại Nghị định số 93/2020/NĐ-CP Nghị định Quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện với nội dung, phương thức, cơ chế, nguyên tắc chi tiết để thực hiện.

Để cụ thể hóa các nội dung liên quan đã được quy định trong Luật Thư viện

2019 và Nghị định số 93/2020/NĐ-CP Nghị định Quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện, ngày 11/02/2021 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 206/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, với mục tiêu “Ứng dụng mạnh mẽ, toàn diện công nghệ thông tin, nhất là công nghệ số nhằm nâng cao năng lực hoạt động của các thư viện và hình thành mạng lưới thư viện hiện đại; bảo đảm cung ứng dịch vụ đáp ứng nhu cầu của người sử dụng; thu hút đông đảo người dân quan tâm, sử dụng dịch vụ thư viện, góp phần nâng cao dân trí, xây dựng xã hội học tập”. Chương trình đã đề ra 8 nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số gồm:

- (1) Nâng cao nhận thức, tăng cường tuyên truyền.
- (2) Hoàn thiện cơ chế, chính sách và các quy định của pháp luật.
- (3) Hoàn thiện và phát triển hạ tầng số của ngành thư viện.
- (4) Phát triển dữ liệu số ngành thư viện.
- (5) Xây dựng và phát triển nền tảng số.
- (6) Bảo đảm an toàn, an ninh mạng.
- (7) Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- (8) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế.

Triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ký Quyết định số 2175/QĐ-BVHTTDL ngày 23/7/2021 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện “Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch¹, với 10 nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, xác định các nhiệm vụ trọng tâm triển khai Chương trình trong từng giai đoạn cụ thể:

- Giai đoạn 2021 - 2025: Hoàn thiện và phát triển hạ tầng số, dữ liệu số ngành thư viện, thực hiện các nhiệm vụ triển khai phục vụ chuyển đổi số và quản lý ngành thư viện về chuyển đổi số; Triển khai các hoạt động truyền thông về chuyển đổi số và kết nối liên thông thư viện; Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thư viện (tập trung vào quy trình hoạt động thư viện, chuyên môn nghiệp vụ thư viện, liên thông thư viện, số hóa tài liệu thư viện); Tổ chức hội thảo, tập huấn bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ cho đội ngũ người làm công tác thư viện về quản lý thư viện hiện đại, chuyển đổi số trong thư viện; Học tập kinh nghiệm các quốc gia phát triển mạnh về chuyển đổi số thư viện...

- Giai đoạn 2026 - 2030: Tiếp tục triển khai, đẩy mạnh các hoạt động chuyển đổi số, dữ liệu số ngành thư viện ở giai đoạn 2021 - 2025; Triển khai các nhiệm vụ trọng tâm của Chương trình, chuẩn bị thực hiện liên thông ở mọi loại hình thư viện, cung ứng hiệu quả dịch vụ cho người sử dụng thư viện phù hợp với yêu cầu của tình hình mới.

¹ Bách khoa Hà Nội đẩy mạnh hợp tác chia sẻ thông tin, liên thông thư viện.

URL:https://www.hust.edu.vn/tintuc//asset_publisher/AKFI5qRls1e8/content/bach-khoa-ha-noi-ay-manh-hop-tac chia-se-thong-tin-lien-thong-thu-vien

Các chủ trương, chính sách, văn bản chỉ đạo, định hướng phát triển ngành thư viện của Quốc hội, Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp rất cụ thể tiếp tục đưa ngành thư viện Việt Nam có những bước phát triển mới, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa phát triển đất nước.

2.2. Kết quả bước đầu đạt được

Trong những năm gần đây, hệ thống các thư viện trong cả nước đã triển khai quyết định của Thủ tướng Chính phủ, tích cực thực hiện lộ trình chuyển đổi số với nhiều giải pháp và bước đầu ghi nhận những kết quả tích cực, cụ thể:

* Về chuyển đổi dữ liệu, xây dựng dữ liệu số được các thư viện quan tâm thực hiện. Theo số liệu của các thư viện, nhiều thư viện đã phát triển được nguồn dữ liệu số tương đối lớn:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam đã xây dựng được cơ sở dữ liệu thư mục lớn khoảng 1 triệu biểu ghi. Dữ liệu số toàn văn được phát triển với các hình thức phối hợp như: tự số hóa, thu nhận Lưu trữ, bổ sung nguồn ngoại văn, trao đổi hợp tác, liên kết... đến nay Thư viện đã có được một lượng tài nguyên thông tin dạng số khoảng hơn 180.000 tên sách, số báo, tương đương khoảng trên 10 triệu trang tài nguyên số đưa vào phục vụ, thông qua khai thác trực tuyến và truy cập trong mạng nội bộ (LAN), phổ biến rộng rãi nguồn tri thức của dân tộc.

- Thư viện công cộng cấp tỉnh: các thư viện tập trung phát triển dữ liệu số toàn văn tài liệu cổ quý, số hóa tài liệu địa chí địa phương là các bài trích báo, tạp chí, các tài liệu do cơ quan Nhà nước đặt hàng thực hiện, tác phẩm của các tác giả địa phương và tác phẩm của các tác giả viết về địa phương. Thư viện Khoa học tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh phát triển được 6.082.144 trang tài nguyên thông tin số, khoảng 103.943 tên sách, số báo...

- Thư viện đại học: các trường hiện nay đã và đang xây dựng tài nguyên thông tin số từ các nguồn học liệu số, học liệu mở, số hóa các tài liệu nội sinh là đề tài nghiên cứu, luận văn, luận án, đề án, báo cáo khoa học, kỷ yếu hội nghị, hội thảo... *Trung tâm Thư viện và Tri thức số - Trường Đại học Quốc gia Hà Nội* đã xây dựng được nguồn tài nguyên thông tin số phong phú với **151.380 học liệu số, 33.433 luận án, luận văn 48.212 học liệu số** khác là các khóa luận, kỷ yếu, **53.000 sách điện tử...**

- Thư viện chuyên ngành, lực lượng vũ trang: các thư viện ưu tiên số hóa tài liệu cổ, quý hiếm, tài liệu về quân sự, an ninh, hay các đề tài liên quan đến cách mạng... để phát triển dữ liệu số. Thư viện Quân đội đã xây dựng được 01 cơ sở dữ liệu toàn văn với 16.442 tài liệu điện tử, có kế hoạch xây dựng cơ sở dữ liệu dữ kiện về quân sự như dữ kiện các đơn vị quân đội, các trận đánh, các tướng lĩnh, các tác phẩm văn học viết về đề tài lực lượng vũ trang...

* Trong công tác hợp tác, liên kết, chia sẻ tài nguyên: bước đầu ra đời các hệ thống dùng chung nguồn tài nguyên thông tin, tiêu biểu như:

- Hệ thống quản trị thư viện dùng chung VietBiblio dành cho các thư viện có quy mô nhỏ như thư viện cấp huyện - xã và thư viện trường học. Hệ thống này cũng

tổ chức mục lục liên hợp để tìm kiếm tập trung².

- Trung tâm tri thức số do Trung tâm Thư viện – Tri thức số, Đại học Quốc gia Hà Nội giữ vai trò trung tâm kết nối, chia sẻ tài nguyên thông tin với các Thư viện số của các trường đại học, học viện toàn quốc. Hệ thống này kết nối và tích hợp dữ liệu thư mục của 14 thư viện số độc lập thành một hệ thống thống nhất, liên thông dữ liệu thông qua hệ thống tìm kiếm tập trung³.

- Hệ thống Thư viện Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh là hệ thống liên kết các thư viện của các đơn vị thành viên trong Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh, liên kết, chia sẻ dữ liệu thư mục, dữ liệu số cho các thư viện thành viên của hệ thống⁴.

- Hệ thống Thư viện trung tâm – chi nhánh của Viện Thông tin Khoa học Xã hội. Hệ thống bao gồm thư viện trung tâm và 32 viện thành viên thuộc ba miền đất nước. Các đơn vị trong hệ thống chia sẻ và dùng chung dữ liệu biểu ghi thư mục⁵.

Ngoài ra, gần đây đã có một số biên bản về hợp tác, chia sẻ, liên thông thư viện giữa các trường đại học, cao đẳng như:

- Hợp tác chia sẻ, liên thông giữa Thư viện Tạ Quang Bửu (trường Đại học Bách khoa Hà Nội), Thư viện Công an nhân dân, Trung tâm số Đại học Thái Nguyên, Trường cao đẳng An ninh nhân dân I, Trường cao đẳng Cảnh sát nhân dân I, Liên chi hội Thư viện Đại học khu vực phía Bắc...⁶

- Hợp tác liên kết thư viện và chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin giữa Trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng, Trường Cao đẳng Công Thương TP Hồ Chí Minh và Trường Trung cấp Nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương⁷.

Bên cạnh kết quả về chuyển đổi dữ liệu, xây dựng dữ liệu số, hợp tác, liên kết chia sẻ tài nguyên, từ năm 2021, ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện, hệ thống các thư viện đã chủ động xây dựng kế hoạch đưa một số nội dung quan trọng cần thực hiện như:

* Kế hoạch đầu tư, phát triển công nghệ thông tin

- Thư viện công cộng cấp tỉnh: 50/57 thư viện được khảo sát có kế hoạch đầu tư mới hoặc nâng cấp thiết bị số hóa để phục vụ cho việc xây dựng bộ sưu tập số; 53/57 thư viện có kế hoạch mua phần mềm mới hoặc nâng cấp phần mềm đang sử dụng để quản trị thư viện điện tử, thư viện số.

- Thư viện đại học: 64/79 thư viện được khảo sát có kế hoạch đầu tư mới hoặc

² Giới thiệu về VietBiblio. URL: <http://vietbiblio.vuc.vn/>

³ Trung tâm tri thức số. URL: <http://digitalknowledgehub.vnu.edu.vn/>

⁴ Giới thiệu Hệ thống Thư viện Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh. URL:

<https://www.vnulib.edu.vn/index.php/gioi-thieu-chung-tvtt>

Hệ thống Thư viện trung tâm – chi nhánh của Viện Thông tin Khoa học Xã hội. URL:

<https://opac.vass.gov.vn>

Bách khoa Hà Nội đẩy mạnh hợp tác chia sẻ thông tin, liên thông thư viện.

https://www.hust.edu.vn/tintuc/asset_publisher/AKF15qR1s1e8/content/bach-khoa-ha-noi-ay-manh-hop-tac chia-se-thong-tin-lien-thong-thu-vien

TPHCM: 3 trường ký hợp tác liên thư viện và chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin. URL:

<https://giaoducthoidai.vn/ket-noi/tphcm-3-truong-ky-hop-tac-lien-thu-vien-va chia-se-nguon-tai-nguyen-thong-tin-TnQQ7Ic7g.html>

nâng cấp thiết bị số hóa để phục vụ cho việc xây dựng bộ sưu tập số; 63/79 thư viện đang có kế hoạch mua phần mềm mới hoặc nâng cấp phần mềm đang sử dụng để quản trị thư viện điện tử; 65/79 thư viện đang có kế hoạch mua phần mềm mới hoặc nâng cấp phần mềm đang sử dụng để quản trị thư viện số.

- Thư viện chuyên ngành, đa ngành: 8/15 thư viện được khảo sát có kế hoạch đầu tư mới hoặc nâng cấp thiết bị số hóa; 10/15 thư viện có kế hoạch đầu tư mới hoặc nâng cấp phần mềm quản trị thư viện điện tử; 9/15 đơn vị có kế hoạch đầu tư mới hoặc nâng cấp thư viện số.

- Thư viện quân đội, công an: 2/3 thư viện được khảo sát có kế hoạch đầu tư mới hoặc nâng cấp thiết bị số hóa; 3/3 thư viện hiện đều đang có kế hoạch đầu tư mới hoặc nâng cấp phần mềm quản trị thư viện điện tử; 3/3 thư viện hiện đều đang có kế hoạch đầu tư mới hoặc nâng cấp phần mềm quản trị thư viện số.

* Kế hoạch số hóa tài nguyên thông tin: Thư viện công cộng: 52/57 thư viện có kế hoạch tự số hóa tài nguyên thông tin; Thư viện đại học (72/79 thư viện); Thư viện chuyên ngành, đa ngành (13/15 thư viện); Thư viện quân đội, công an (2/3 thư viện).

* Kế hoạch kết nối, liên thông đến các thư viện trong nước và nước ngoài: Thư viện công cộng cấp tỉnh: 42/57 thư viện có nhu cầu kết nối, liên thông với các thư viện trong và ngoài nước; Thư viện đại học (66/79 thư viện); Thư viện chuyên ngành, đa ngành (8/15 thư viện); Thư viện lực lượng vũ trang: các thư viện thuộc khối Quân đội và Công an có kế hoạch kết nối, liên thông với các thư viện thuộc Bộ chủ quản do tính chất đặc thù, quy định riêng của ngành.

2.3. Một số khó khăn, hạn chế

Bên cạnh những kết quả bước đầu đạt được, quá trình triển khai thực hiện chuyển đổi số thư viện tại Việt Nam gặp một số khó khăn, hạn chế như sau:

- Hạ tầng công nghệ tại phần lớn các thư viện chưa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số: hệ thống thiết bị công nghệ còn thiếu, giải pháp công nghệ còn lạc hậu, không đạt chuẩn.

Thực tế hiện nay, hệ thống thiết bị phục vụ việc số hóa tài liệu, xây dựng dữ liệu số tại các thư viện còn thiếu, số lượng rất ít, chỉ từ 1 - 3 máy, cá biệt có thư viện còn chưa có thiết bị số hóa để sử dụng. Phần lớn các thư viện được trang bị chủ yếu là các máy scanner dạng phẳng (flatbed), máy scanner văn phòng có tuổi thọ và công suất scan thấp. Các loại máy robot scanner, máy scanner chuyên dụng, hiện đại có tốc độ số hóa nhanh chỉ có một số thư viện lớn được trang bị như: Thư viện Quốc gia Việt Nam, Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia, Trung tâm Thư viện và Tri thức số - Đại học Quốc gia Hà Nội, Thư viện KHTH TP Hồ Chí Minh, Thư viện KHTH TP Đà Nẵng, Thư viện Quân đội, Thư viện Học viện Kỹ thuật Quân sự.... Tuy nhiên, với số lượng máy ít ỏi đang là thách thức lớn cho quá trình tạo lập nguồn tài nguyên thông tin số tại các thư viện.

Hệ thống các phần mềm chuyên ngành như: phần mềm quản trị thư viện điện tử tích hợp, phần mềm quản trị thư viện số, phần mềm tìm kiếm tập trung đang được thư viện trong cả nước dùng rất nhiều loại phần mềm khác nhau. Ngoài trừ một số thư viện thư viện đại học, thư viện chuyên ngành, đa ngành sử dụng các phần mềm

Aleph, Sierra, Virtual, Millennium, Koha, Dspace, ContentDM Greenstone..., còn phần lớn thư viện sử dụng các phần mềm quản trị thư viện điện tử, thư viện số không đạt chuẩn quốc tế, đặc biệt là các chuẩn trao đổi dữ liệu như Z39.50, OAI-PMH, XML..., nhiều nơi giải pháp công nghệ được trang bị đã trên 20 năm làm ảnh hưởng rất lớn đến khả năng tích hợp, liên thông, chia sẻ tài nguyên thông tin dùng chung cho các loại hình thư viện.

- Việc triển khai xây dựng nguồn tài nguyên dạng số thông qua số hóa tài liệu thư viện có số lượng tài liệu còn khiêm tốn do nhiều nguyên nhân như: vấn đề bản quyền, thiết bị số hóa, nhân lực, ngân sách... Một ví dụ điển hình như Thư viện Quốc gia Việt Nam là đơn vị xây dựng được nguồn tài nguyên thông tin số lớn nhất trong cả nước, tuy nhiên theo số liệu thống kê hiện nay trên website Thư viện mới chỉ thực hiện số hóa được khoảng 3% tổng số tên sách và 11,1% tổng số báo, tạp chí hiện có.

- Kinh phí đầu tư cho chuyển đổi số thư viện chưa phải lĩnh vực được ưu tiên. Hạn chế về tài chính hiện nay khiến các hoạt động chuyển đổi kỹ thuật số bị lùi lại, làm chậm quá trình xây dựng, triển khai kế hoạch vận hành chuyển đổi số tại các thư viện. Một số thư viện lớn trong hệ thống thư viện công cộng, thư viện chuyên ngành, đa ngành, thư viện đại học đã thực hiện nội dung chuyển đổi số thư viện bằng nguồn kinh phí các dự án đơn lẻ. Tuy nhiên, nguồn này không được bổ sung thường xuyên, không mang tính bền vững, trở thành hoạt động đầu tư nhỏ giọt, chưa đáp ứng nhu cầu đầu tư tổng thể, đồng bộ.

- Nhân lực thư viện nói chung và nhân lực công nghệ thông tin có chất lượng còn thiếu và yếu, do lĩnh vực thư viện phải đối mặt với sự cạnh tranh về nguồn nhân lực có trình độ công nghệ cao với những lĩnh vực khác, nơi có cơ hội phát triển cá nhân và thu nhập cao hơn. Phần lớn nhân lực làm công nghệ tại các thư viện được đào tạo từ ngành khác, do đó chất lượng nguồn nhân lực công nghệ thông tin chưa thực sự đảm bảo. Trong khi đó, để thích ứng với các kỹ năng từ cơ bản đến nâng cao của quá trình chuyển đổi số đòi hỏi số lượng lớn nhân lực có hiểu biết về công nghệ thông tin, công nghệ mới nổi.

- Nhận thức về tầm quan trọng của chuyển đổi số ở một số cấp lãnh đạo, quản lý chưa đầy đủ, chưa coi trọng thực hiện chuyển đổi số trong thư viện, còn tồn tại quan điểm “chưa phải vấn đề cấp thiết”, “không phải lĩnh vực thiết yếu”; hay còn tâm lý e ngại triển khai, ngại thay đổi của một bộ phận nhân sự thư viện là những khó khăn cản trở thành công của quá trình chuyển đổi số thư viện.

3. Đề xuất, kiến nghị

3.1. Một số đề xuất

- Xây dựng các chính sách, cơ chế, giải pháp có tính đột phá để hoàn thiện và phát triển hạ tầng số, dữ liệu số cho Thư viện Quốc gia Việt Nam, thư viện công cộng cấp tỉnh, thư viện có vai trò quan trọng tại các bộ ngành, trường đại học. Định hướng phát triển Thư viện Quốc gia Việt Nam trở thành Thư viện số quốc gia là đầu mối tích hợp, chia sẻ dữ liệu số mang tính tập trung với các thư viện trong mạng lưới thư viện Việt Nam và quốc tế; Thư viện công cộng cấp tỉnh, thư viện có vai trò

quan trọng tại các bộ ngành, trường đại học có khả năng kết nối, tích hợp, liên thông dữ liệu với Thư viện Quốc gia.

- Đầu tư kinh phí cho chuyển đổi số trong thư viện một cách toàn diện và đồng bộ cả về cách vận hành, kết cấu hạ tầng công nghệ, giải pháp kỹ thuật số, phát triển dữ liệu số...

- Ưu tiên phát triển nhân lực có trình độ cao về nghiệp vụ thư viện, công nghệ thông tin, đa ngành, đa lĩnh vực. Tăng cường vai trò của cán bộ thư viện trong chuỗi giá trị nghiên cứu, cần có vai trò là mắt xích quan trọng trong nghiên cứu, phát triển. Nâng cao năng lực nghiên cứu, triển khai, ứng dụng, làm chủ công nghệ, đặc biệt nghiên cứu về các công nghệ mới áp dụng hiệu quả vào hoạt động thư viện.

3.2. Kiến nghị

Để công tác chuyển đổi số thư viện thành công, tạo cơ hội, động lực phát triển mới cho ngành thư viện, xin kiến nghị Quốc hội, Chính phủ và các Bộ, Ban, Ngành một số nội dung sau:

- Quốc hội, Chính phủ sớm phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, trong đó có chính sách đầu tư xây dựng hạ tầng công nghệ, nội dung số hóa cho các thư viện, đặc biệt là các thư viện được quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 1, Mục I (Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 11/2/2021), đảm bảo cho triển khai chuyển đổi số hoạt động thư viện hiệu quả và bền vững.

- Các ban, bộ, ngành, đặc biệt là Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần phối hợp đồng bộ giúp tháo gỡ những khó khăn, hỗ trợ thư viện trong việc hoạch định chính sách, xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia, nghiên cứu, triển khai các công nghệ mới vào hoạt động thư viện phục vụ chuyển đổi số. Mặt khác ban hành các cơ chế về việc chia sẻ dữ liệu để ngành thư viện có thể liên thông, kết nối, thu thập, tích hợp dữ liệu, làm giàu thêm tài nguyên thông tin, thư viện.

- Đối với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cần tổ chức nghiên cứu, đánh giá tác động của chuyển đổi số trong hoạt động thư viện, xác định những hạng mục ưu tiên đề có những chính sách hỗ trợ phù hợp. Có định hướng đảm bảo cho sự phát triển đồng đều giữa các loại hình thư viện, xây dựng các văn bản hướng dẫn cụ thể, định hướng hoạt động cho từng loại hình thư viện. Đồng thời có cơ chế giám sát, kiểm tra, thống kê, đánh giá hiệu quả chuyển đổi số trong hoạt động thư viện, đồng thời có cơ chế khen thưởng kịp thời đối với các thư viện chuyển đổi số hiệu quả./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Thư viện năm 2019.
2. Nghị định số 93/2020/NĐ-CP Nghị định Quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện. Ban hành ngày 18/8/2020.
3. Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 11/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.
4. Bách khoa Hà Nội đẩy mạnh hợp tác chia sẻ thông tin, liên thông thư viện.

URL:https://www.hust.edu.vn/tintuc//asset_publisher/AKFI5qRls1e8/content/bach-khoa-hanoi-ay-manh-hop-tac-chia-se-thong-tin-lien-thong-thu-vien.

5. Giới thiệu Hệ thống Thư viện Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh. URL: <https://www.vnulib.edu.vn/index.php/gioi-thieu-chung-tvtt>
6. Giới thiệu về Về VietBiblio. URL: <http://vietbiblio.vuc.vn/>
7. Hệ thống Thư viện trung tâm – chi nhánh của Viện Thông tin Khoa học Xã hội. URL: <https://opac.vass.gov.vn>
8. Kiều Thúy Nga (2017). Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thư viện công cộng. *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, 2017. - Số 1. - Tr. 4-11.
9. Kiều Thúy Nga, Lê Đức Thắng (2018). “Những thách thức về quản lý và phát triển Thư viện Việt Nam trong kỷ nguyên CMCN 4.0”. *Hội thảo Phát triển thư viện điện tử ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu cách mạng công nghiệp 4.0*. Hà Nội, 2018, tr. 67-80.
10. Kiều Thúy Nga, Lê Đức Thắng (2018). Trí tuệ nhân tạo và tiềm năng ứng dụng trong hoạt động thư viện. *Thư viện thông minh 4.0: Công nghệ - dữ liệu – con người*. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 353-363.
11. Thư viện Quốc gia Việt Nam (2021). Báo cáo tổng hợp kết quả điều tra tình hình ứng dụng công nghệ thông tin trong các thư viện Việt Nam. Hà Nội.
12. TPHCM: 3 trường ký hợp tác liên thư viện và chia sẻ nguồn tài nguyên thông tin. URL: <https://giaoducthoidai.vn/ket-noi/tpHCM-3-truong-ky-hop-tac-lien-thu-vien-va-chia-se-nguon-tai-nguyen-thong-tin-TnQQ7Ic7g.html>.
13. Trung tâm tri thức số. URL: <http://digitalknowledgehub.vnu.edu.vn/>
14. Nguyễn Thị Thu Vân (2021). Chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục đại học. URL: <https://www.quanlynhanuoc.vn/2021/11/02/chuyen-doi-so-trong-cac-co-so-giao-duc-dai-hoc>.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ QUY HOẠCH, XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG THIẾT CHẾ THƯ VIỆN Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2013 - 2023

TS. Vũ Dương Thúy Nga
*Nguyên Vụ trưởng Vụ Thư viện
 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*

1. Khái quát về các thiết chế thư viện ở nước ta hiện nay

Khoản 1 Điều 3 Luật Thư viện đã xác định: Thư viện là thiết chế văn hóa, thông tin, giáo dục, khoa học thực hiện việc xây dựng, xử lý, lưu giữ, bảo quản, cung cấp tài nguyên thông tin phục vụ nhu cầu của người sử dụng.

Hiện nay, Việt Nam đã hình thành một mạng lưới thư viện rộng khắp cả nước nhờ đó người dân có điều kiện đến đọc sách báo tại nơi sinh sống, học tập và công tác. Ước tính cả nước có khoảng 50.000 thư viện với các loại hình khác nhau.

Theo Khoản 1, Điều 9 Luật Thư viện, thư viện gồm 08 loại:

- (i) Thư viện Quốc gia Việt Nam;
- (ii) Thư viện công cộng;
- (iii) Thư viện chuyên ngành;
- (iv) Thư viện lực lượng vũ trang nhân dân;
- (v) Thư viện cơ sở giáo dục (CSGD) đại học;
- (vi) Thư viện CSGD mầm non, CSGD phổ thông, CSGD nghề nghiệp và CSGD khác;
- (vii) Thư viện cộng đồng và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng;
- (viii) Thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam.

1.1. Thư viện Quốc gia Việt Nam

Tiền thân của Thư viện quốc gia là Thư viện Trung ương Đông Dương (được thành lập vào ngày ngày 29 tháng 11 năm 1917). Theo quy định của Luật Thư viện: “*Thư viện Quốc gia Việt Nam là thư viện trung tâm của cả nước.*” Có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn chung theo quy định tại Điều 4 và Điều 10 Luật Thư viện. Thư viện quốc gia là thư viện lớn nhất trong cả nước. Trong 10 năm qua, cơ sở hạ tầng của TVQG không ngừng được củng cố, nâng cấp, cải tạo không gian thư viện để thực hiện chức năng mới của thư viện trong môi trường công nghệ số. Môi trường đọc, học tập thân thiện, tiện nghi, cho phép Thư viện đáp ứng được các nhu cầu của người sử dụng. Vốn tài liệu của thư viện hiện có hơn 2,5 triệu đơn vị tư liệu và bộ sưu tập số khoảng gần 10 triệu trang. Phương thức hoạt động của Thư viện đổi mới với việc ứng dụng CNTT. Các dịch vụ thư viện được triển khai tại chỗ và trên không gian mạng. Đối tượng phục vụ đã mở rộng bao gồm cả thiếu nhi và người lớn. Hoạt động hợp tác quốc tế trong thời gian qua được tăng cường, ký kết được nhiều văn bản thỏa thuận, biên bản ghi nhớ hợp tác song phương, khai thác có hiệu quả các chương trình, dự án quốc tế về đào tạo cán bộ, trao đổi tài liệu, tài trợ trang thiết bị, chuyển giao công nghệ... mang lại nhiều lợi ích cho TVQG và các thư viện khác ở Việt Nam.

1.2. Thư viện công cộng

Theo Khoản 1, Điều 11 Luật Thư viện, “*Thư viện công cộng là thư viện có tài nguyên thông tin tổng hợp phục vụ Nhân dân.*” Thư viện công cộng thường được thành lập tại các cấp đơn vị hành chính và thường được gọi theo tên gọi với cấu trúc: Thư viện + cấp hành chính + tên địa phương nơi đặt thư viện. Thư viện công cộng có vốn tài liệu tổng hợp và phục vụ cho mọi tầng lớp nhân dân. Thư viện công cộng bao gồm 3 cấp: Cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã. Thư viện ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu tiếp cận thông tin, tri thức của mọi tầng lớp nhân dân. Thư viện công cộng có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được ghi nhận tại Điều 4, Điều 11 Luật Thư viện.

Hiện nay cả nước có khoảng 20.000 thư viện công cộng. Trong số đó, có 61/63 thư viện công cộng cấp tỉnh có mô hình hoạt động độc lập; 2/61 thư viện hoạt động với mô hình ghép với bảo tàng tỉnh. Theo Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2021, định hướng đến năm 2030, mỗi tỉnh, thành phố tiếp tục duy trì 1 thư viện cấp tỉnh. Tuy vậy, trên thực tế hiện nay, trong quá trình sắp xếp, cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công lập, một số địa phương đã sáp nhập cơ học thư viện tỉnh với các thiết chế văn hóa khác, điển hình là ở tỉnh Kon Tum và tỉnh Long An. Trong 10 năm qua, thư viện công cộng cấp tỉnh chuyển dần từ mô hình hoạt động hành chính phục vụ một cách thụ động chuyển sang hướng đến việc cung ứng dịch vụ sự nghiệp công. Trong đó, hoạt động thư viện hướng đến xây dựng kỹ năng, trình độ thông tin cho người sử dụng; phát triển các dịch vụ thư viện mới và làm mới các dịch vụ truyền thống đã được triển khai. Một số thư viện đã thực liên thông, kết nối và chia sẻ trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của thư viện công cộng cấp tỉnh trong khu vực, nhờ đó các thư viện nâng cao hiệu quả hoạt động trong phục vụ nhu cầu tiếp cận thông tin, hưởng thụ các giá trị văn hóa và phát triển văn hóa đọc của người dân. Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh là thư viện có nhiều dịch vụ đa dạng hấp dẫn, thuận tiện cho bạn đọc nhất. Thư viện Hà Nội có vốn tài liệu phong phú nhất: 650.034 bản sách, 395 loại báo, tạp chí, 3.178 tài liệu sách chữ nổi (chữ Braille), 3.741 băng đĩa CD/DVD; CSDL toàn văn: 2.594 tài liệu điện tử...

Theo Luật Thư viện thư viện công cộng có 3 cấp nhưng trên thực tế chỉ có cấp tỉnh thư viện hoạt động độc lập. Ở cấp huyện và cấp xã, chủ yếu thư viện chỉ là một bộ phận trực thuộc Trung tâm Văn hóa/Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao... Chỉ còn một số ít thư viện huyện hoạt động độc lập. Kinh phí đầu tư cho thư viện cấp huyện còn rất hạn chế. Từ một đơn vị ngang cấp với trung tâm văn hóa, sau khi bị sáp nhập thư viện chỉ còn là một bộ phận trực thuộc phòng văn hóa của các trung tâm. Vì thế ngân sách cho hoạt động thư viện bị thu hẹp, hơn 30% thư viện cấp huyện không được cấp kinh phí.

Thư viện cấp xã tuy hiện nay vẫn đang được duy trì nhưng do không có người phụ trách nên không chỉ hạn chế về mặt ngân sách mà việc triển khai các dịch vụ, đơn giản nhất là mở cửa phục vụ bạn đọc cũng không được thực hiện thường xuyên. Một số xã được các cá nhân, tổ chức hỗ trợ vốn tài liệu và trang thiết bị nhưng không có cơ chế quản lý nghiêm ngặt nên sách mất và dân không đến đọc.

1.3. Thư viện chuyên ngành

Thư viện chuyên ngành là thư viện có tài nguyên thông tin chuyên sâu về một ngành, lĩnh vực hoặc nhiều ngành, lĩnh vực phục vụ cán bộ, công chức, viên chức,

người lao động của cơ quan, tổ chức chủ quản (Khoản 1, Điều 12 Luật Thư viện). So với hai loại hình thư viện trên, thì thư viện chuyên ngành có số lượng tư liệu và tài liệu không nhiều, điều này xuất phát từ phạm vi lĩnh vực cũng như đối tượng phục vụ mà thư viện chuyên ngành hướng đến. Việc thành lập thư viện chuyên ngành có ý nghĩa trong hoạt động nghiên cứu, tích lũy, mở rộng kiến thức, kinh nghiệm để ứng dụng vào công tác nghiên cứu khoa học và đời sống.

Hiện nay cả nước có hơn 100 thư viện chuyên ngành trực thuộc các bộ, viện nghiên cứu, các cơ quan tổ chức. 2 thư viện chuyên ngành lớn có thể kể đến như:

Thư viện Khoa học xã hội do Viện Thông tin Khoa học xã hội (KHXH) quản lý là thư viện đầu ngành KHXH. Vốn tài liệu của thư viện hiện nay gồm: 347.828 cuốn sách; gần 900 tên tạp chí; hơn 160 tập thản tích, thản sắc của khoảng 9000 làng Việt. 1.225 văn bản là các hương ước được viết bằng chữ Hán, chữ Nôm; 9.427 tấm bản đồ và 122 tập Atlas về các nước Đông Dương; 58.003 ảnh về các di tích lịch sử, sinh hoạt văn hóa, kiến trúc, khảo cổ, 25.750 phim nhựa tấm và phim kính, 3.107 tấm phim đèn chiếu và 5.776 microfilm; hơn 400 bản sắc phong của triều Nguyễn và các triều đại phong kiến; hơn 5.850.000 trang tài liệu số hóa...

Thư viện khoa học và công nghệ quốc gia trực thuộc Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia là thư viện có không gian cổ kính tọa lạc tại trung tâm của Thủ đô Hà Nội và có nguồn dữ liệu khoa học và công nghệ (KH&CN) hiện đại lớn nhất Việt Nam, phục vụ cho mọi đối tượng người dùng tin KH&CN trên cả nước. Kho sách của Thư viện hiện có khoảng 380.000 cuốn sách, trong đó sách tiếng Việt chiếm 20%, sách ngôn ngữ gốc Slavơ chiếm 20%, sách ngôn ngữ gốc Latinh chiếm 60% cơ sở dữ liệu (CSDL) thư viện có một số nguồn tài nguyên thông tin quý như: Công bố khoa học và công nghệ Việt Nam: cho phép truy cập toàn văn 270.000 bài báo khoa học của Việt Nam trên các lĩnh vực; CSDL Nhiệm vụ KH&CN Việt Nam: đọc tóm tắt và thông tin chính về 36.000 nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước và các CSDL quốc tế: ScienceDirect, Springer Nature, IEEE, ACS, ProQuest Central, Web of Science (ISI), Scopus...

1.4. Thư viện lực lượng vũ trang nhân dân

Thư viện lực lượng vũ trang nhân dân là thư viện của các đơn vị Quân đội nhân dân và Công an nhân dân, có tài nguyên thông tin tổng hợp, chuyên ngành quốc phòng, an ninh phục vụ cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân trên địa bàn. Trong thời gian qua, loại hình thư viện này được sự quan tâm đặc biệt của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

Vốn tài liệu của Thư viện Quân đội hiện có hơn 500.000 cuốn sách và gần 2.000 loại báo, tạp chí, hơn 20.000 tài liệu số. Thư viện có trụ sở, trang thiết bị hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, từng bước thực hiện chuyển đổi số phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân.

Thư viện Công an nhân (CAND) hiện có hơn 100.000 bản sách. Khác với mô hình Thư viện Quân đội, Thư viện CAND là đơn vị trực thuộc Cục Công tác Đảng và công tác chính trị, vì thế ngoài nhiệm vụ phục vụ cho cán bộ chiến sĩ, thư viện còn giữ vai trò là Thư viện Trung tâm trong chỉ đạo nghiệp vụ về hoạt động thư viện; tham mưu tổ chức triển khai các Đề án, Chương trình, Kế hoạch lớn của Chính phủ, Bộ Công an về công tác thư viện trong lực lượng CAND.

Không chỉ quan tâm đến cán bộ chiến sĩ, Bộ Công an còn quan tâm đến việc xây dựng các thư viện, tủ sách “hướng thiện” phục vụ cho nhu cầu sử dụng của các đối tượng đặc biệt, đó là những người đang chấp hành hình phạt tù, học tập, cải tạo trong cơ sở giam giữ, trường giáo dưỡng, giúp họ tiếp cận được với tri thức, tác động làm thay đổi suy nghĩ, hành động, để cải tạo tốt hơn, cũng như mang tính chất giáo dục và giải tỏa căng thẳng trong quá trình thi hành án.

1.5. Thư viện cơ sở giáo dục đại học (sau đây gọi là thư viện đại học)

Thư viện đại học là loại hình thư viện được chú trọng ở nước ta, hầu hết các trường đại học đều có thư viện riêng để phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và học tập. Khoản 1, Điều 14 Luật Thư viện đã xác định: “*Thư viện đại học là thư viện có tài nguyên thông tin phục vụ người học và người dạy trong cơ sở giáo dục đại học*”.

Các tài liệu trong các thư viện đại học bao gồm tài liệu in ấn và tài liệu số, với yêu cầu hiện đại hóa ngày càng lớn, các thư viện đại học đang tích cực xây dựng thư viện số giúp người học, người dạy dễ dàng tiếp cận một cách nhanh chóng, tiện lợi không bị giới hạn bởi không gian và thời gian. Các tài liệu, tư liệu trong thư viện đại học chủ yếu phụ thuộc vào các lĩnh vực đào tạo mà trường đại học thực hiện. Hiện nay phần lớn thư viện đại học là đơn vị trực thuộc trường đại học, không có con dấu tài khoản riêng. Chỉ có một số ít thư viện thuộc Đại học Quốc gia và đại học vùng là đơn vị hạch toán độc lập. Trung tâm Thư viện và Tri thức số ĐHQG Hà Nội và Thư viện Trung tâm Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh là hai thư viện đại học lớn nhất.

Trung tâm Thư viện và Tri thức số Đại học quốc gia Hà Nội được thành lập trên cơ sở hợp nhất 3 thư viện: Thư viện trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Thư viện trường Đại học Sư phạm Hà Nội, và Thư viện Trường Đại học Sư phạm Ngoại ngữ, với chức năng lưu giữ, quản lý thông tin, tư liệu và thư viện phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng và quản lý của trường Đại học quốc gia Hà Nội. Thư viện có 151.380 học liệu số; 33.433 luận án, luận văn; 2.000 kết quả đề tài nghiên cứu khoa học; 48.212 học liệu số khác (khóa luận, kỷ yếu ...); Cơ sở dữ liệu điện tử trực tuyến (SpringerLink, ScienceDirect, Bookboon, WorldScientific, MathSciNet,...) với gần 53.000 sách điện tử; 4.100 tạp chí với hàng trăm ngàn bài; số lượng tài liệu in: 114.000 tên sách; 400 tên báo, tạp chí. Bình quân mỗi năm có hơn 30 triệu lượt bạn đọc tương tác với thư viện.

Thư viện Trung tâm Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh cung cấp nguồn tài nguyên thông tin khoa học và các dịch vụ hỗ trợ cho cán bộ giảng viên, nhà nghiên cứu và sinh viên của Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh nhằm phục vụ mục tiêu đào tạo và nghiên cứu chất lượng cao của các trường. Với vai trò của một thư viện chính trong Hệ thống Thư viện Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh, Thư viện Trung tâm có nhiệm vụ điều hành hệ thống, tổ chức các hoạt động liên kết, chia sẻ các nguồn lực chung của hệ thống Thư viện Trung tâm có hơn 98.000 bản (49.300 nhan đề); ngoài ra còn có Tạp chí (495 nhan đề), Luận án (567 nhan đề),... Bên cạnh nguồn tài liệu bản in, Thư viện Trung tâm chú trọng đầu tư và triển khai phục vụ trên 20 CSDL trực tuyến với nhiều CSDL khoa học uy tín của các nhà xuất bản nước ngoài (ScienceDirect, ACS, IEEE Xplore, SpringerLink, SpringerOpen, Nature, Harvard Business Review, Ovid, Proquest Central,...) toàn hệ thống thư viện

ĐHQGTPHCM hiện có: 632.000 bản sách. Các nguồn tài liệu trên được kết nối phục vụ chung trong toàn Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh thông qua hệ thống phần mềm quản lý thư viện nền tảng dịch vụ, phần mềm tìm kiếm tập trung, phần mềm quản lý người dùng. Hệ thống phần mềm này giúp cho việc tìm kiếm tập trung nguồn tài liệu bản in và tài liệu điện tử của các thư viện trong hệ thống một cách thuận tiện đối với người sử dụng và việc quản lý người dùng được đồng bộ và hiệu quả.

1.6. Thư viện cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác

Khoản 1, Điều 15 Luật Thư viện đã xác định: “*Thư viện cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác là thư viện có tài nguyên thông tin phục vụ người học và người dạy trong cơ sở giáo dục.*”

Đây là điểm mới của việc quy định về thư viện trường học. Lần đầu tiên khái niệm *Thư viện cơ sở giáo dục mầm non* đã được đưa ra trong văn bản quy phạm pháp luật, nhờ đó, trẻ em được đảm bảo được tiếp cận với sách báo trước khi học tiểu học. Điều này phù hợp với xu thế phát triển của thế giới và các quy định của quốc tế.

Trong mạng lưới thư viện ở Việt Nam, loại hình thư viện này có số lượng nhiều nhất, ước tính khoảng 27.000 thư viện. Chiếm số lượng nhiều nhất nhưng nhìn chung chỉ có một số ít các thư viện này được đầu tư và quan tâm đúng mức. Thư viện cơ sở giáo dục mầm non mới được thiết lập trong những năm gần đây.

Các thư viện thuộc cơ sở giáo dục nghề nghiệp nhìn chung còn nghèo nàn về nguồn lực thông tin. Việc ứng dụng công nghệ thông tin đã được triển khai nhưng còn nhiều hạn chế.

Các thư viện thuộc cơ sở giáo dục giáo dục thường xuyên chưa được quan tâm. Hoạt động còn mang tính hình thức.

1.7. Thư viện cộng đồng và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng

Đây là loại hình thư viện ngoài công lập đã có sự phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây. Cùng với các thư viện tư nhân, thư viện công đồng đã có sự phát triển ở khắp mọi miền Tổ quốc. Hiện nay cả nước có khoảng hơn 200 thư viện và không gian đọc tư nhân và hàng ngàn thư viện cộng đồng. Phần lớn nhóm thư viện này có tài nguyên thông tin tổng hợp do cộng đồng dân cư thành lập tại trung tâm học tập cộng đồng, trung tâm văn hóa, thể thao xã, phường, thị trấn; điểm bưu điện văn hóa xã; trung tâm văn hóa thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc; khu chung cư; nơi sinh hoạt chung của cộng đồng. Thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng và thư viện/phòng đọc sách cơ sở đã có đóng góp vào sự phát triển văn hóa đọc, phục vụ việc học tập nghiên cứu của nhân dân địa phương và khách tham quan du lịch, góp phần nâng cao dân trí.

1.8. Thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam

Loại hình thư viện này đã được tạo điều kiện thành lập là một điểm mới thể hiện chính sách mở cửa của Việt Nam, tạo điều kiện cho người dân có thêm nhiều cơ hội được tiếp cận với nguồn tài liệu phong phú từ thế giới. Hiện nay có một số tổ chức bao gồm Đại sứ quán, các trung tâm văn hóa của một số nước có tổ chức phục vụ cho người Việt Nam miễn phí hoặc thu phí làm thẻ.

Trung tâm Văn hóa Việt – Mỹ là trung tâm được tài trợ bởi Đại sứ quán Hoa Kỳ. Thư viện khoảng hơn 4000 đầu sách và tạp chí. Sách ở đây thuộc nhiều thể loại, phục vụ cho các mục đích khác nhau: có sách, tiểu thuyết, truyện tiếng Anh để giải trí; có sách dành cho việc luyện thi TOEIC, IELTS, TOFEL; các sách tra cứu kỹ năng tiếng Anh, các tư liệu về trường đại học của Mỹ, tài liệu về chính trị, luật pháp Mỹ, các tạp chí nổi tiếng của Hoa Kỳ... được cập nhật thường xuyên. Bên cạnh đó có nhiều thiết bị điện tử, tài liệu, cả bản cứng và mềm phục vụ việc học tiếng Anh và tìm hiểu văn hóa Mỹ. Thư viện mở cửa từ thứ 2 đến thứ 6, phục vụ miễn phí cho người Việt Nam.

Thư viện Goethe (thuộc viện Goethe):

Viện Goethe là một tổ chức văn hóa của Cộng hòa liên bang Đức, hoạt động trên phạm vi toàn thế giới. Viện hỗ trợ việc phổ cập tiếng Đức ở nước ngoài và thúc đẩy sự hợp tác quốc tế về văn hóa. Thư viện hỗ trợ việc phổ cập tiếng Đức ở nước ngoài và thúc đẩy sự hợp tác về giao lưu văn hóa quốc tế, đồng thời góp phần phổ biến văn hóa Đức, giới thiệu bức tranh toàn cảnh về nước Đức cho mọi người. Thư viện có bàn lục giác dùng cho việc học nhóm và bàn riêng cho cá nhân. Thư viện có thu phí làm thẻ. Thư viện còn dành một khu riêng với không gian cực kì xinh xắn cho mọi người thưởng thức trà nước, thư giãn và trò chuyện.

Thư viện Trung tâm Giao lưu Văn hóa Nhật Bản tại Việt Nam:

Thư viện phục vụ công dân Việt Nam và nước ngoài từ 16 tuổi trở lên. Thư viện có thu phí làm thẻ.

Thư viện của Trung tâm văn hóa Hàn Quốc giáo trình, truyện tranh, sách truyện Hàn Quốc, phục vụ miễn phí cho trẻ em.

2. Đánh giá chính sách, pháp luật về quy hoạch, đầu tư, xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế thư viện ở nước ta giai đoạn 2013 – 2023

2.1. Ưu điểm

Trong giai đoạn 2013 – 2023, chính sách, pháp luật về quy hoạch, đầu tư, xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế thư viện ở nước ta đã không ngừng hoàn thiện và tạo động lực cho sự nghiệp thư viện và văn hóa đọc phát triển. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm sâu sắc đến việc xây dựng và phát triển thư viện gắn liền với phát triển văn hóa đọc và tạo môi trường học tập suốt đời cho nhân dân.

Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành nhiều Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Quyết định... về các chính sách đối với đầu tư xây dựng, cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí hoạt động, bộ máy tổ chức, xã hội hóa hoạt động thư viện. Vì vậy, các thư viện đang từng bước được hiện đại hóa, nâng cao chất lượng hoạt động, nội dung thiết thực đáp ứng nhu cầu sử dụng thông tin và tri thức của đông đảo tầng lớp nhân dân.

*a) Chính sách, pháp luật về quy hoạch thư viện
+ Giai đoạn từ 2013 đến 2019*

Nội dung quy hoạch thư viện được thực hiện theo Quyết định Số 10/2007/QĐ-BVHTT của Bộ trưởng Bộ Văn hóa Thông tin ngày 04/5/2007 Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Thư viện Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.

Trong quy hoạch đã đặt ra: Định hướng đến năm 2020; Mục tiêu phát triển chủ yếu đối với thư viện công cộng và thư viện đa ngành chuyên ngành (theo cách phân định của Pháp lệnh thư viện); Một số giải pháp chủ yếu để thực hiện Quy hoạch... Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư phát triển sự nghiệp thư viện (Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ - BVHTT ngày tháng năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin) đã được xác định gồm:

- 1 - Dự án xây dựng dự thảo Luật Thư viện trình Quốc hội.
- 2 - Dự án điện tử hoá thư viện công cộng (Thư viện Quốc gia đang thực hiện).
- 3 - Dự án đầu tư chiều sâu cho hệ thống thư viện công cộng.
- 4 - Dự án đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao cho ngành thư viện.
- 5 - Dự án tạo lập vốn tài liệu về thư viện học, thư mục học, thông tin học.
- 6 - Dự án kho sách luân chuyển trong chương trình quốc gia có mục tiêu về văn hóa giai đoạn 2006 - 2010 (đang thực hiện).
- 7 - Dự án thu thập và bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của tài liệu dân tộc.
- 8 - Dự án số hoá tài liệu Việt Nam (tiếng Việt và tiếng dân tộc có chữ viết).
- 9 - Dự án đầu tư xây dựng nhà thư viện cấp huyện ở những vùng đặc biệt khó khăn.
- 10 - Các Dự án đầu tư xây dựng mới thư viện tỉnh: Thái Nguyên, Tuyên Quang, Phú Thọ, Bắc Kạn, Bắc Ninh, Hải Dương, Lai Châu, Đắk Nông, Hậu Giang, Quảng Bình, Thanh Hoá, Nghệ An, Hưng Yên,... (Các dự án xây dựng mới Thư viện đã được thể hiện trong nội dung Quy hoạch ngành văn hóa - thông tin ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

11 - Dự án về tiêu chuẩn hoá nghiệp vụ thư viện.

Quy hoạch một số loại thư viện gắn với quy hoạch đơn vị chủ quản, chẳng hạn, quy hoạch về thư viện đại học, cao đẳng được đặt ra trong giai đoạn này là: Tăng cường năng lực và nâng cao chất lượng hoạt động của thư viện ở các trường; hình thành hệ thống thư viện điện tử kết nối các trường trên cùng địa bàn, cùng một vùng và trên phạm vi toàn quốc. Quy định này gắn với Quyết định về việc điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2006 – 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 26 tháng 6 năm 2013 (Quyết định số 37/2013/QĐ-TTg).

+ *Giai đoạn từ 2019 đến 2023*

Giai đoạn này quy hoạch về thư viện không được quy định trong văn bản riêng biệt mà được đưa ra trong Quyết định số 429/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18/4 /2019 phê duyệt quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2021, định hướng đến năm 2030. Trong đó đã xác định: Thư viện Quốc gia Việt Nam thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương duy trì 01 thư viện cấp tỉnh. Trong thời gian từ 2019 đến 2021: Kiện toàn, củng cố các thư viện cấp huyện. Việc thành lập mới thư viện cấp huyện chỉ được thực hiện tại các địa phương có nhu cầu và đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Quy hoạch này cũng đặt ra yêu cầu: Các thư viện tăng dần mức độ tự đảm bảo chi phí hoạt động thường xuyên theo từng năm. Giảm chi trực tiếp từ ngân sách Nhà nước theo Nghị quyết số 19-NQ/TW.

Cùng với Quy hoạch chung, ngày 24/11/2020, Bộ Quốc phòng đã ký Quyết định số 3672/QĐ-BQP về Quy hoạch hệ thống Thiết chế văn hóa trong Quân đội nhân dân Việt Nam, giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó có nội dung về thư viện. Theo đó, quy hoạch này đã xác định giai đoạn 2021 - 2025 từng bước hiện đại hóa hoạt động thư viện, ứng dụng thí điểm đọc sách, báo điện tử cho một số thư viện cấp sư đoàn, lữ đoàn, trung đoàn đủ quân, đẩy mạnh đa dạng hóa nguồn tài liệu,... Định hướng đến năm 2030 thực hiện hiện đại hóa hoạt động thông tin – thư viện, ứng dụng phổ biến thư viện điện tử cho hệ thống thư viện các cấp và kiện toàn tổ chức hệ thống thư viện, phòng đọc toàn quân chính quy, đồng bộ, thống nhất, khoa học, hoạt động hiệu quả.

b) Chính sách, pháp luật về đầu tư, xây dựng thư viện

Chính sách, pháp luật về đầu tư, xây dựng thư viện đã không ngừng hoàn thiện, một mặt vừa đảm bảo cho việc thực hiện chiến lược phát triển văn hóa giáo dục của đất nước, một mặt tránh đầu tư dàn trải, thực hiện đầu tư có trọng tâm trọng điểm. Trong chính sách đầu tư có một số điểm đáng chú ý sau:

Thứ nhất, Nhà nước đầu tư cho thư viện công lập như sau:

(1) Đối tượng được ưu tiên: Đầu tư trọng điểm cho Thư viện Quốc gia Việt Nam, thư viện cấp tỉnh và một số thư viện có vai trò quan trọng.

(2) Nội dung các hoạt động được đầu tư: Đầu tư cho một số hoạt động thư viện như: hiện đại hóa, xây dựng thư viện số, liên thông thư viện và hợp tác quốc tế để bảo đảm việc tiếp cận thông tin ở mọi dạng thức trong xu thế phát triển khoa học, công nghệ và thư viện số.

Thứ hai, Nhà nước hỗ trợ cho việc cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực thư viện, phát triển văn hóa đọc; duy trì và phát triển thư viện cộng đồng, thư viện tư nhân phục vụ cộng đồng; cước vận chuyển tài liệu thư viện phục vụ nhiệm vụ chính trị, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo.

c) Chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng thư viện

Chính sách, pháp luật về quản lý, sử dụng thư viện đã được hoàn thiện. Cùng với những quy định của Luật Thư viện, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản định hướng hoạt động thư viện hoạt động hiệu quả gắn với phát triển văn hóa đọc, tăng cường dịch vụ hỗ trợ người dân học tập suốt đời trong xu hướng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Một số văn bản của Thủ tướng Chính phủ được ban hành trong thời gian vừa qua bao gồm:

- Quyết định số 329/QĐ-TTG ngày 15/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 11/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

- Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 01/11/2022 về đẩy mạnh đổi mới hoạt động của thư viện trong xây dựng, phát triển kỹ năng đọc, tiếp cận và xử lý thông tin cho thiếu nhi.

- Quyết định số 1520/QĐ-TTg Ngày 09/12/2022, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình "Đẩy mạnh các hoạt động phục vụ học tập suốt đời trong thư viện, bảo tàng, trung tâm văn hóa đến năm 2030".

- Quyết định số 1862/QĐ - TTG ngày 04/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức Ngày Sách & Văn hóa đọc Việt Nam

Từ những văn bản này, nhiều bộ ngành, địa phương đã có các văn bản quy định cụ thể nhằm:

- Đổi mới hoạt động phục vụ người dân học tập suốt đời; các thư viện công cộng và thư viện trường học tăng cường các dịch vụ đối với đối tượng thiếu nhi giúp các em phát triển kỹ năng đọc, tiếp cận và xử lý thông tin.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số tạo điều kiện để người dân có cơ hội bình đẳng trong việc tiếp cận hệ thống tri thức mở, linh hoạt với nhiều mô hình, từ đó hình thành thói quen, phát triển năng lực tự học tập, góp phần nâng cao dân trí, xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam.

Các văn bản cụ thể hóa các chính sách pháp luật về thư viện được Bộ VH-TT-DL và một số bộ ngành, địa phương đã xây dựng các kế hoạch. Tiêu biểu như:

- Chỉ thị số 09/CT-BCA-X03 ngày 7/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an về công tác thư viện và phát triển văn hóa đọc trong CAND.

- Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

- Thông tư 14/2023/TT-BGDĐT ngày 17/07/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục đại học.

- Thông tư số 06/2022/TT-BKHCN ngày 31/05/2022 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước trong lĩnh vực thông tin, thống kê, thư viện khoa học và công nghệ...

Để các thư viện quan tâm nhiều hơn đến việc liên kết, chia sẻ với nhau trong hoạt động thư viện, Luật Thư viện đã đặt ra những quy định cụ thể hơn về liên thông thư viện. Liên thông thư viện là hoạt động liên kết, hợp tác giữa các thư viện nhằm sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên, tiện ích, kết quả xử lý và các sản phẩm, dịch vụ thư viện. Thực hiện liên thông là nguyên tắc hoạt động chung của cả thư viện công lập và thư viện ngoài công lập (khoản 4 Điều 24). Tài nguyên thông tin được xây dựng từ ngân sách Nhà nước phải được liên thông, chia sẻ giữa các thư viện.

Theo quy định của Luật Thư viện, liên thông thư viện bao gồm các nội dung: Hợp tác trong việc bổ sung, mua, thu thập tài nguyên thông tin dùng chung và hợp tác trong xây dựng mục lục liên hợp; chia sẻ, sử dụng chung tài nguyên thông tin giữa các thư viện; chia sẻ kết quả xử lý tài nguyên thông tin và sản phẩm thông tin thư viện và liên kết tổ chức dịch vụ thư viện phục vụ người sử dụng thư viện.

Theo đó, việc liên thông thư viện được thực hiện theo các phương thức: Liên thông theo khu vực địa lý; theo nhóm thư viện có chức năng, nhiệm vụ, đối tượng phục vụ tương đồng; theo nội dung, lĩnh vực tài nguyên thông tin thư viện và liên thông giữa các loại thư viện.

Cơ chế thực hiện liên thông thư viện cũng đã được quy định, chính những quy định cụ thể này đã từng bước thúc đẩy việc nâng cao chất lượng và hiệu quả của việc đầu tư cho hoạt động thư viện từ ngân sách Nhà nước.

d) Chính sách, pháp luật về đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước

Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày

16 tháng 6 năm 2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 69/2008/NĐ-CP.

Nhà nước khuyến khích xã hội hóa hoạt động thư viện. Nội dung này được cụ thể hóa tại Luật Thư viện, theo đó: cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước được tạo điều kiện để đầu tư, tài trợ, viện trợ, đóng góp phát triển sự nghiệp thư viện, văn hóa đọc, xây dựng và phát huy không gian đọc, phòng đọc cơ sở và được hưởng các ưu đãi, được ghi nhận và vinh danh theo quy định của pháp luật. Điều 6 của Luật Thư viện đã quy định về xã hội hóa trong hoạt động thư viện cụ thể là:

- Cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân được tạo điều kiện để đầu tư, tài trợ, viện trợ, tặng cho, đóng góp phát triển sự nghiệp thư viện, văn hóa đọc, xây dựng và phát huy không gian đọc, phòng đọc cơ sở.

- Cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thư viện được hưởng ưu đãi theo quy định của pháp luật.

- Cộng đồng dân cư, tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho thư viện; tài trợ, viện trợ, tặng cho, đóng góp để phát triển sự nghiệp thư viện và phát triển văn hóa đọc được ghi nhận và vinh danh theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2.2. Hạn chế, bất cập

a) Chính sách, pháp luật về quy hoạch thư viện

Quy hoạch về thư viện được ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ – BVHTT còn mang tính định hướng chung chung; nhiều nội dung, dự án được đưa ra chưa xác định cụ thể, chưa có sự thống nhất giữa bộ ngành, địa phương; tương quan trong quy hoạch chưa thực sự nhất quán. Ví dụ ngay trong quy hoạch đối với thư viện lực lượng vũ trang, các nội dung giữa thư viện quân đội và công an chưa thực sự tương xứng.

Quyết định số 429/QĐ-TTg ngày 18/4/2019 phê duyệt Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2021, định hướng đến năm 2030 đã xác định trong giai đoạn từ 2021 đến 2030 xác định: Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương duy trì 01 thư viện cấp tỉnh nhưng lại đặt ra yêu cầu, căn cứ yêu cầu công tác quản lý, điều kiện thực tế của địa phương nghiên cứu sắp xếp, tổ chức lại thư viện cấp huyện theo hướng sáp nhập hoặc hợp nhất với đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn cấp huyện hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao. Quy định này không hoàn toàn phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW tại hội nghị lần thứ sáu ban chấp hành trung ương khóa XII ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập “kiện toàn, củng cố thư viện công cộng cấp huyện với các mô hình, thiết chế đã có; việc thành lập mới chỉ được thực hiện tại các địa phương có nhu cầu và điều kiện cho phép” [“Nhiệm vụ, giải pháp”, mục 2.5 đối với lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao].

Từ quy định của Quyết định số 429/QĐ-TTg, nhiều thư viện cấp huyện đã bị sáp nhập, hoạt động thư viện gặp nhiều khó khăn. Điển hình như Thư viện huyện Côn Đảo là một thư viện hoạt động tốt sau khi bị sáp nhập, trụ sở bị thu hồi bố trí cho đơn vị khác, phòng đọc sách chuyển đến địa điểm xa dân cư, nhỏ hẹp, nhân viên thư viện bị điều chuyển sang công việc khác gần như thư viện không còn duy trì được việc phục vụ tại chỗ.

Quy hoạch đặt ra việc tăng cường phân cấp quản lý và trách nhiệm của đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị đồng bộ cả về tổ chức thực hiện nhiệm vụ, nhân lực, tài chính nhằm phát triển ổn định, bền vững, bảo đảm lợi ích của cá nhân, tập thể và của Nhà nước. Tuy nhiên các thư viện chưa thực sự tăng quyền chủ động. Việc tự chủ gây ra không ít áp lực đối với các thư viện.

Tính liên thông, đồng bộ trong các văn bản còn chưa thật đảm bảo. Ví dụ: Trong quy định về tổ chức đối với Trung tâm Văn hóa, Thông tin/Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Truyền thông cấp huyện có đặt ra quy định về diện tích phòng đọc sách nhưng trong cơ cấu tổ chức không có phòng thư viện, chỉ có 4 phòng: Hành chính - Tổng hợp; Văn hóa, văn nghệ; Thể dục, thể thao và Đội Tuyên truyền lưu động. Vì thế dẫn đến tình trạng, thư viện cấp huyện vốn ngang cấp với Trung tâm văn hóa nhưng giờ đây, sau khi sáp nhập chỉ là một bộ phận thứ cấp, trực thuộc phòng văn hóa, văn nghệ.

Một số văn bản được ban hành còn chưa nhất quán, có tính liên thông với những văn bản có liên quan và phù hợp với thực tế. Ví dụ: Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông đã đặt ra quy định: Diện tích thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông được xác định đối với 30% đến 50% tổng số học sinh toàn trường và bảo đảm định mức tối thiểu 0,60 m²/học sinh ở mức độ 1 là bất khả thi vì tình trạng trường học hiện nay diện tích còn hẹp không thể bố trí đất cho thư viện thực hiện chuẩn; Trong khi Khu vực lưu trữ tài nguyên thông tin bảo đảm diện tích kho sách kín 2,5 m²/1000 đơn vị tài nguyên thông tin; kho sách mở 4,5 m²/1000 đơn vị tài nguyên thông tin là quá hẹp.

Một số bộ ngành còn chưa thực sự quan tâm đến công tác thư viện và có quy định cụ thể hướng dẫn thống nhất thực hiện nên chế độ chính sách cho người làm công tác thư viện không đảm bảo. Lương của nhân viên thư viện trường học quá thấp, chế độ phụ cấp độc hại có nơi thực hiện có nơi không; tình trạng cán bộ thư viện phải kiêm nhiệm quá nhiều việc, đặc biệt là trong các trường mẫu giáo, tiểu học và trung học cơ sở khiến cho công tác thư viện chỉ tồn tại mang tính hình thức. Nhân viên thư viện không có thời gian vật chất để phục vụ cho bạn đọc.

3. Đánh giá việc thực hiện quy hoạch, đầu tư, xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế thư viện ở nước ta giai đoạn 2013 – 2023

3.1. Việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật và kết quả đạt được

Sau khi chính sách được ban hành, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (VHTTDL), các bộ ngành và địa phương đã triển khai thực hiện với nhiều hình thức khác nhau:

- Việc tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng thư viện đã được thực hiện theo kế hoạch hằng năm. Bộ VHTTDL tổ chức các lớp tập huấn để phổ biến cho các Sở VHTTDL, Sở Văn hóa, Thông tin và các thư viện công cộng.

- Để cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các chương trình đề án về thư viện, Bộ VHTTDL đã ban hành theo thẩm

quyền các văn bản đề chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn địa phương thực hiện nhằm góp phần phát triển sự nghiệp thư viện và văn hóa đọc.

- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng, ban hành các kế hoạch, chương trình cụ thể của bộ ngành, địa phương trong việc thực hiện các chính sách của Nhà nước và các đề án, chương trình do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, phổ biến cho các đơn vị trong lực lượng vũ trang và tại các địa phương và bố trí ngân sách thực hiện.

Để thực hiện chính sách nâng cao mức hưởng thụ văn hóa cho người dân, rút ngắn khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, miền xuôi và miền núi, đồng thời nâng cao mức hưởng thụ văn hóa cho người dân ở nông thôn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Nhà nước đã thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2012-2015 do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan chủ chương trình chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xây dựng, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1211/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2012. Trong giai đoạn từ 2021 - 2025, một số chương trình đã được triển khai:

- Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022, giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện: Trong dự án thành phần số 06 “Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn” có bố trí ngân sách cho xây dựng tủ sách phục vụ người dân ở nông thôn.

- CTMTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 10/10/2021, giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan chủ trì, hướng dẫn thực hiện dự án 6 “Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch”, trong đó có nội dung hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Trong dự án này có bố trí ngân sách cho xây dựng tủ sách phục vụ người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Thông qua triển khai thực hiện các Đề án của Chính phủ, các thư viện công cộng đã có sự đổi mới về phương thức hoạt động, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, chú trọng đến 03 hình thức: phục vụ tại chỗ, phục vụ lưu động và thông qua không gian mạng, trong đó nhóm đối tượng thanh, thiếu niên được đặc biệt quan tâm. Từ sự đổi mới trong việc cung cấp dịch vụ thư viện, các thư viện đã có sự bứt phá trong hiệu quả phục vụ người sử dụng: các thư viện đã cố gắng, nỗ lực rất nhiều, vượt qua mọi khó khăn, đoàn kết, thực hiện đổi mới, liên thông, liên kết nhằm đa dạng hóa các loại hình và nâng cao chất lượng hoạt động thư viện để góp phần phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng và hỗ trợ việc học tập suốt đời của mọi tầng lớp nhân dân.

Một số kết quả đáng chú ý như đã trang bị xe cho 44 thư viện tỉnh/thành trong Dự án xe ô tô thư viện lưu động “Ánh sáng tri thức”; trao tặng hơn 500.000 cuốn sách và các trang thiết bị thiết yếu... Giai đoạn 2016 - 2020, đã xây dựng và ký kết các chương trình phối hợp công tác trong lĩnh vực thư viện và phát triển văn hóa

đọc với nhiều cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước; huy động tài trợ tặng xe thư viện lưu động và các thiết bị đi kèm cho 44 thư viện tỉnh/thành, tổng trị giá gần 50 tỷ đồng. Theo đó, mỗi xe có từ 4.000 cuốn sách, 06 - 10 máy tính, 01 máy chủ, phần mềm, máy chiếu, vô tuyến, phần mềm quản lý thư viện, tài liệu điện tử và sách nói phục vụ cho người khiếm thị; tặng hàng chục vạn cuốn sách cho các thư viện, trường học, thư viện trại giam, thư viện tư nhân, thư viện cộng đồng, không gian đọc có phục vụ cộng đồng; tặng sách, máy tính, hơn 100 máy nghe sách nói và thẻ nhớ cho người khiếm thị, trẻ em khuyết tật..

Nhiều tổ chức của Chính phủ, phi chính phủ của một số nước đã hỗ trợ cho các thư viện phát triển văn hóa đọc ở Việt Nam, có thể kể đến như: Quỹ Bill và Melinda Gates, Quỹ Châu Á, Room to Read (Hoa Kỳ), Quỹ Force (Hà Lan), Zhi Shan Foundation (Đài Loan), Cảm ơn Thư viện nhỏ, GNI (Hàn Quốc)...

Nhiều chương trình, dự án như: Sách hóa nông thôn, Tủ sách Nhân Ái, Ngôi nhà trí tuệ, chương trình “Cùng bạn đọc sách: Nâng tầm trí tuệ Việt”, Sách cho em, Sách ơi mở ra, Quỹ Bắc Cầu, Một sách Mogu, các câu lạc bộ Sách và Hành động, Vùng cao yêu thương, Đọc báo Đảng, Tiếp bước tương lai, Không gục ngã... với nhiều hoạt động khác nhau vẫn tiếp tục được thực hiện góp phần cải tạo không gian đọc, tăng cường cơ sở vật chất, sách báo mang lại điều kiện, cơ hội đọc và tiếp cận thông tin, tri thức, tạo hứng thú đọc cho trẻ em, người dân vùng sâu vùng xa, người khiếm thị...

3.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

a) Tồn tại, hạn chế

- Nhận thức của một số địa phương, cơ quan, bộ, ngành cũng như một bộ phận người dân về vai trò của thư viện và văn hóa đọc vẫn còn hạn chế. Từ đó dẫn đến việc thiếu sự quan tâm chỉ đạo, đầu tư đúng mức cho phát triển thư viện và văn hóa đọc.

- Chính sách đầu tư tập trung cho một số thư viện có vị trí đặc biệt quan trọng chưa được thực hiện nghiêm túc, ngay cả đối với Thư viện Quốc gia, các thư viện cấp tỉnh tại nhiều địa phương và các thư viện đầu ngành của các bộ ngành. Kinh phí dành cho thư viện chưa đảm bảo và được bố trí đồng đều giữa các địa phương, bộ, ngành. Các bộ chưa thực sự quan tâm đến công tác thư viện. Với sự đầu tư như hiện nay, chưa đảm bảo cho sự phát triển TVQG một cách hiện đại, đồng bộ và có tính bền vững. Nguồn tài nguyên thông tin phục vụ người sử dụng chưa phát triển được nhiều dữ liệu số hóa hay các dạng tài liệu chuyển dạng khác. Tài liệu dạng in thu nhận qua nguồn lưu chiếu chưa đầy đủ so với số lượng xuất bản phẩm phát hành của các nhà xuất bản; tài liệu ngoại văn không được bổ sung, chủ yếu nhờ vào nguồn trao đổi, nhận tài trợ, biếu tặng. Hạ tầng công nghệ thông tin của TVQG được đầu tư chưa thật đồng bộ. Chất lượng nguồn nhân lực được quan tâm bồi dưỡng, nhân viên TVQG một số ít có trình độ song vẫn còn tồn tại một số cá nhân lạc hậu về kiến thức, kỹ năng, tay nghề, yếu về năng lực sáng tạo; thiếu chuyên gia, nhân lực chất lượng cao hiểu biết về công nghệ thông tin, có thể làm chủ được công nghệ hiện đại và các ứng dụng chuyên ngành đáp ứng yêu cầu của phát huy vai trò của thư viện trung tâm và yêu cầu của xã hội.

- Hiện tại vẫn còn một số thư viện cấp tỉnh vẫn chưa có trụ sở riêng biệt (như

Hà Nam, Bình Phước, Đắk Nông, Lào Cai...); Những năm qua, 2 thư viện cấp tỉnh đã sáp nhập với Bảo tàng tỉnh là (Kon Tum và Long An), hầu hết các thư viện cấp huyện bị sáp nhập với Trung tâm Văn hóa, Thông tin/Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Truyền thông cấp huyện. Còn tình trạng một số thư viện ở vị trí thuận lợi bị thu hồi sử dụng vào mục đích khác; bố trí thư viện vào địa điểm không thích hợp, xa khu dân cư (Thư viện tỉnh Hà Giang, Bắc Kạn, Phú Thọ, Thư viện huyện Sa Pa (Lào Cai), Thư viện huyện Côn Đảo (Bà Rịa-Vũng Tàu)... Số thư viện huyện được bố trí chung trụ sở với Trung tâm văn hóa, thông tin và thể thao chiếm tỷ lệ hơn 80%, gặp nhiều khó khăn trong công tác phục vụ bạn đọc.

Các thư viện xã gặp nhiều khó khăn: Không có trụ sở độc lập, chủ yếu đặt trong điểm bưu điện - văn hóa xã, hoặc hội trường UBND xã, nhà văn hóa khu dân cư...; kinh phí hoạt động hầu như không có; sách, tài liệu từ nguồn xã hội hóa chưa đáp ứng được yêu cầu bạn đọc. Có những thư viện đã thành lập khá lâu song tài liệu được bổ sung rất ít, hoặc không có, thậm chí sách còn bị thất thoát.

- Mặc dù các thư viện đã đổi mới, nhưng hiệu quả hoạt động chưa cao. Một số thư viện cấp tỉnh, phần lớn các thư viện cấp huyện, cấp xã nhìn chung chưa thu hút được đông đảo người dân đến đọc. Sách phục vụ người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, khiếm thị chưa được quan tâm xuất bản vì thế việc phục vụ nhu cầu đọc sách bằng tiếng dân tộc thiểu số và các dạng tài liệu với định phù hợp trong các thư viện chưa thực hiện được nhiều. Về phương thức hoạt động, các thư viện chuyên ngành, thư viện trường phổ thông, thư viện công cộng cấp huyện, xã tuy đã được trang bị máy tính nhưng chủ yếu vẫn vận hành theo mô hình truyền thống, ít tài liệu điện tử.

- Còn tình trạng người đọc còn thờ ơ với thư viện, thư viện thì quá nhiều nhưng số người đến với thư viện ngược lại. Tại nhiều địa phương, thư viện vắng hắt hiu, sách vỡ mốc meo, tủ thư nơi có nơi không... không còn là cá biệt. Ngay ở nhiều thành phố lớn, đối tượng đến với thư viện cũng khu biệt đa phần là học sinh, sinh viên - đối tượng cần một chỗ ngồi học và lượng người đến đây chỉ tăng lên vào dịp gần mùa thi. Thư viện ở các trường học mầm non và phổ thông đã được thiết lập nhưng chưa đảm bảo tiêu chuẩn về diện tích, vốn tài liệu nghèo nàn.

- Ngân sách dành thư viện còn thấp so với yêu cầu xây dựng, phát triển tài nguyên thông tin và tổ chức các hoạt động thường xuyên tại nhiều thư viện. Hiện nay tại 63 tỉnh, thành phố đã xây dựng và vận hành thư viện điện tử, hình thành vốn tài liệu điện tử, tài liệu số. Tuy nhiên, do chưa được đầu tư đúng mức, hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin và phần mềm quản lý tại các thư viện chưa đồng bộ và phù hợp với nhu cầu bạn đọc hiện nay. Đặc biệt là thư viện trường mầm non và phổ thông, thư viện cấp huyện, xã nhìn chung còn hạn chế. Hệ thống thư viện công cộng chưa đạt 1 bản sách/người dân mặc dù chỉ tiêu này đã đặt ra từ 2010. Thêm vào đó chất lượng tài liệu của các thư viện cũng còn hạn chế. Hơn 30% thư viện cấp huyện không được cấp kinh phí để bổ sung vốn tài liệu; tại một số nơi, cơ sở vật chất của thư viện các cấp còn nghèo nàn, chật chội, cũ kỹ.

b) Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân chính là do lãnh đạo bộ ngành, địa phương và các đơn vị chủ

quản chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của thư viện. Ngân sách phân bổ cho thư viện nằm chung trong ngân sách cấp cho lĩnh vực văn hóa - thông tin, do đó tình trạng cấp kinh phí cho hoạt động thư viện ở các địa phương thường bị huy động cho lĩnh vực khác. Nhiều bộ ngành chưa xác định các thư viện có vai trò quan trọng để đầu tư đúng mức vì thế vẫn tồn tại tình trạng xin cho, đầu tư dàn trải.

- Kinh phí để thực hiện quy hoạch và chính sách đầu tư cho thư viện còn chưa được bố trí đủ. Ở cấp huyện kinh phí cho thư viện lại nằm chung trong tổng nguồn kinh phí cấp cho Trung tâm văn hóa, thông tin và thể thao, không có danh mục riêng, vì thế nhiều thư viện huyện bị "bỏ quên" do địa phương ưu tiên các hoạt động khác.

- Các thư viện có vai trò quan trọng chưa thực sự phát huy vai trò của mình đối với các thư viện trong cùng mạng lưới.

- Cán bộ làm công tác thư viện huyện, xã và trường học chủ yếu kiêm nhiệm, một số không được đào tạo chuyên môn, học qua các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn ngày do thư viện tỉnh tổ chức. Việc trả lương cho cán bộ thư viện xã chưa có căn cứ pháp lý rõ ràng nên đội ngũ này vừa thiếu, vừa không ổn định. Các chế độ phụ cấp cho người làm công tác thư viện không được quan tâm, ngay cả khi có văn bản nhiều địa phương vẫn không thực hiện.

- Thư viện là thiết chế văn hóa giữ vai trò quan trọng, tiên phong trong việc phát triển văn hóa đọc nhưng một số thư viện vẫn còn thụ động, thiếu sự sáng tạo, đổi mới trong hoạt động, thiếu sự năng động trong kết nối đến cộng đồng, chưa cải thiện được chất lượng phục vụ. Tình trạng này khiến cho các hoạt động thư viện thiếu sức hấp dẫn, không thu hút được bạn đọc cũng như không đáp ứng được nhu cầu đọc và học tập suốt đời của người dân trên địa bàn.

Trong bối cảnh khoa học công nghệ không ngừng phát triển hiện nay, nhu cầu đọc bằng nhiều hình thức hiện đại của người dân không ngừng tăng cao. Tuy nhiên, khả năng đáp ứng, sản xuất các loại sách điện tử, sách nói,... của các nhà sách, nhà xuất bản vẫn còn hạn chế. Công tác số hóa tài liệu trong hệ thống thư viện tại nhiều nơi vẫn chưa được quan tâm đầu tư đúng mức, việc thực hiện còn dàn trải, chưa được tập trung, thiếu tính đồng bộ và chuẩn hóa.

3.3. Giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm thay đổi, nâng cao nhận thức của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương về vai trò của thư viện và văn hóa đọc. Các hình thức thông tin truyền thông cần không ngừng đổi mới, sáng tạo, áp dụng các phương thức mới, hiện đại nhằm nâng cao khả năng tiếp cận, tính hấp dẫn, thu hút đối với người dân,...

- Tiếp tục hoàn thiện chính sách, bao gồm:

+ Các chính sách liên quan đến hiện đại hóa thư viện, chuyển đổi số và chế độ chính sách đối với người làm công tác thư viện.

+ Chính sách để đẩy mạnh xã hội hóa; khuyến khích đầu tư, thu hút các nguồn lực, nhất là các nguồn xã hội hóa tham gia phát triển văn hóa đọc phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, lĩnh vực. Đẩy mạnh phát triển thư viện tư nhân, thư viện cộng đồng và các loại hình tủ sách cơ sở. Khuyến khích, kết nối, tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài tham gia phát triển văn hóa đọc.

- Tiếp tục đổi mới phương thức đầu tư cho thư viện; đảm bảo kinh phí cho các nội dung đã được phê duyệt trong các chiến lược, chương trình, đề án.

- Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm và điều chỉnh. Yêu cầu các thư viện sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư của Nhà nước và nguồn xã hội hóa cho thư viện, báo cáo công khai, minh bạch cho cơ quan quản lý và các nhà đầu tư.

- Tiếp tục biểu dương, khen thưởng kịp thời đối với các tổ chức, cá nhân có đóng góp tích cực trong đổi mới hoạt động thư viện, phát triển văn hóa đọc; có hoạt động quảng bá, giới thiệu nhằm tôn vinh và nhân rộng các điển hình, mô hình sáng tạo trong phát triển văn hóa đọc.

- Đẩy mạnh việc xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình phối hợp công tác giữa Bộ VHTTDL và các Bộ ở Trung ương, đồng thời triển khai sự phối hợp giữa ngành văn hóa với các ngành ở địa phương nhằm tận dụng tối đa thế mạnh, nguồn lực của các cấp, các ngành phát triển sự nghiệp thư viện.

- Tăng cường vai trò của công tác quản lý nhà nước về thư viện của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tăng cường công tác chỉ đạo, giám sát, nắm bắt thực tế, kịp thời báo cáo tình hình thực trạng và số liệu hoạt động về Bộ VHTTDL để tổng hợp, báo cáo nhằm định hướng và đề xuất các giải pháp thực hiện có hiệu quả.

4. Đề xuất, kiến nghị

4.1. Đối với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

- Tăng cường công tác giám sát việc thực thi, chấp hành pháp luật về thư viện.

- Tiếp tục hoàn thiện và ban hành chính sách, pháp luật về đầu tư cho các đơn vị cung ứng dịch vụ công trong đó có thư viện trong đó có đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước; rà soát và bổ sung quy định đảm bảo tính liên thông, nhất quán các nội dung liên quan đến thư viện và văn hóa đọc trong các Luật Giáo dục, Luật Khoa học và công nghệ, Luật Đầu tư, Luật Thư viện... khi thực hiện sửa đổi các luật này.

4.2. Đối với Chính phủ

- Bố trí ngân sách cho việc thực hiện các chương trình, đề án liên quan đến phát triển sự nghiệp thư viện và văn hóa đọc.

- Tăng cường công tác kiểm tra và có sự điều chỉnh kịp thời trong việc chỉ đạo thực thi chính sách, pháp luật về quy hoạch, đầu tư, xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế thư viện phù hợp với từng giai đoạn cụ thể.

- Xây dựng và ban hành văn bản quy định về điều kiện thành lập thư viện lực lượng vũ trang nhân dân theo Điều 15 của Nghị định 93.

4.3. Đối với Bộ, ngành liên quan

a) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Hướng dẫn kịp thời các bộ, ngành, cơ quan trung ương và địa phương trong việc triển khai thực hiện các chính sách và quy định về quy hoạch, đầu tư, xây dựng, quản lý, sử dụng thiết chế thư viện.

- Tiếp tục rà soát, nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật để khuyến khích, thúc đẩy phát triển thư viện và văn hóa đọc ở Việt Nam. Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Nội vụ, Tài chính nghiên cứu việc đề xuất chính sách khuyến khích, đảm bảo về thực thi các quy định của pháp luật cho người làm công

tác thư viện, nhất là tại miền núi, khu vực biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Luật Thư viện, các văn bản hướng dẫn, các hương trình đề án phát triển thư viện đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tăng cường công tác tập huấn, biên soạn tài liệu hướng dẫn cho các thư viện trong cả nước trong thực hiện các chính sách và quy định về thư viện.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, khen thưởng kịp thời cho các thư viện, nhân viên thư viện và các tổ chức, cá nhân có những công hiến xuất sắc cho thư viện và phát triển văn hóa đọc trong phạm vi cả nước.

- Thúc đẩy các chương trình đẩy mạnh xã hội hóa, hợp tác quốc tế.

b) Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Tiếp tục chỉ đạo việc củng cố, kiện toàn hệ thống thư viện trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và cơ sở giáo dục khác thuộc phạm vi quản lý theo hướng hiện đại, thân thiện, tạo thuận lợi tối đa cho người sử dụng là đối tượng học sinh sinh viên; bố trí đủ người làm công tác thư viện đạt chuẩn theo quy định; nhanh chóng khắc phục tình trạng nhân viên thư viện phải kiêm nhiệm quá nhiều việc.

- Có văn bản hướng dẫn cụ thể về chế độ độc hại và việc tham gia thi nâng hạng thư viện viên theo Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ trưởng Bộ VHTTDL quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện.

- Tiếp tục hoàn thiện chính sách đối với thư viện trong các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý và khung chương trình giáo dục; triển khai các chương trình, dự án hỗ trợ cho các trường là tại miền núi, khu vực biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

- Tăng cường công tác hướng dẫn để thực thi các chính sách đã được ban hành, chú trọng đầu tư cho thư viện cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và đảm bảo các chế độ, chính sách cho người làm công tác thư viện tại các trường này.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, khen thưởng kịp thời cho các thư viện, nhân viên thư viện và các tổ chức, cá nhân có những công hiến xuất sắc cho thư viện và phát triển văn hóa đọc trong các nhà trường.

d) Đối với các bộ, ngành liên quan

- Nghiêm túc thực hiện các quy định của pháp luật đầu tư công, việc lựa chọn danh mục dự án và mức vốn bố trí cụ thể cho từng dự án đầu tư công liên quan đến thư viện theo thẩm quyền của các bộ, cơ quan trung ương.

- Nhanh chóng xác định các thư viện có vai trò quan trọng và đầu tư có trọng điểm cho các thư viện này để phát huy vai trò của các thư viện này trong thực hiện liên thông, hỗ trợ cho các thư viện trong phạm vi ngành, lĩnh vực mình quản lý.

- Bộ Quốc phòng và Bộ Công an sớm xây dựng và ban hành văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức thư viện trong lực lượng vũ trang nhân dân.

4. Đối với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp

- Ban hành chương trình, kế hoạch và chỉ đạo để tiếp tục đẩy mạnh triển khai các chủ trương, chính sách phát triển thư viện và văn hóa đọc tại địa phương.

- Bảo đảm ngân sách, quỹ đất và các điều kiện cần thiết để phát triển thư viện trên địa bàn đạt chuẩn, trọng tâm là hệ thống thư viện công cộng, thư viện trường học; tăng đầu tư cho thư viện có vai trò quan trọng để phát huy vai trò của các thư viện này trong thực hiện liên thông, hỗ trợ cho các thư viện khác trên địa bàn.

- Phê duyệt các quy định đảm bảo việc thực thi chính sách đã được quy định trong Luật Thư viện và các văn bản quy định có liên quan nhằm đảm bảo việc cung ứng dịch vụ công trong lĩnh vực thư viện và sự quan tâm đến một số đối tượng (miễn phí làm thẻ cho trẻ em, người cao tuổi, thương binh, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo)...

- Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thư viện và phát triển văn hóa đọc tại địa phương./.

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CÔNG VIÊN TẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2013-2023

TS. Nghiêm Thị Thu Nga

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Trên thế giới, ở các nước phát triển, chỉ tiêu, chất lượng, số lượng công viên được chính quyền, người dân quan tâm và được xem như thước đo thể hiện sự phát triển, văn minh của xã hội. Trong bối cảnh đất nước đẩy nhanh quá trình hiện đại hoá, đô thị hóa, không gian đô thị ngày càng trở nên chật chội, thì công viên đang là không gian sinh hoạt cộng đồng lý tưởng của cư dân đô thị. Công viên là nơi con người muốn tìm đến để hoà mình vào thiên nhiên, tận hưởng không khí trong lành, mát mẻ, là nơi vận động tập luyện thể dục, thể thao, giao lưu gặp gỡ của con người, là nơi thư giãn nghỉ ngơi để cân bằng đời sống thể lực và tinh thần sau thời gian học tập, làm việc căng thẳng. Công viên còn góp phần tạo dựng không gian kiến trúc cảnh quan đặc trưng của đô thị cũng như cải thiện môi trường sống; là nơi diễn ra các hoạt động chính trị - văn hóa, xã hội của địa phương. Trong thời gian qua, đặc biệt từ năm 2013-2023, nhiều công viên đã được tu bổ, xây mới và hoạt động hiệu quả. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng còn những tồn tại, vướng mắc gây ra hệ lụy không nhỏ cho đời sống xã hội.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng, bài viết phân tích những vấn đề đặt ra trong hoạt động của hệ thống công viên của cả nước, từ đó đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của công viên ở nước ta hiện nay.

1. Những thành tựu nổi bật

1.1. Công viên ngày càng phong phú về loại hình, đa dạng về hoạt động

Việt Nam, nhất là các đô thị lớn, có số lượng công viên phong phú, đa dạng với các loại hình cơ bản:

(1) Công viên công cộng tập trung: Là các công viên nằm ngoài các khu ở, phục vụ cho mục đích công cộng, cho nhu cầu sinh hoạt đa dạng của nhiều độ tuổi người dân đến công viên. Công viên công cộng bao gồm các loại hình như: *Công viên đa chức năng, Công viên quảng trường, Công viên thể thao cộng đồng, Công viên sinh thái, Công viên ven sông, kênh, rạch.*

(2) Hoa viên công cộng: Là những công viên công cộng có quy mô nhỏ (dưới 1ha), các công viên này chủ yếu là hệ thống cây bóng mát, đường dạo, bồn hoa và các hạng mục phụ trợ đơn giản.

(3) Công viên công cộng trong khu ở: Là các công viên công cộng có quy mô nhỏ xen cài trong khu ở hoặc công viên nằm trong các dự phát triển nhà ở. Công viên trong khu ở chủ yếu là phục vụ cho cộng đồng dân cư, nên sẽ có các khu thể dục thể thao, trò chơi thiếu nhi, thiếu niên, sân sinh hoạt cộng đồng. Cây xanh, bãi cỏ, bonsai chủ yếu sử dụng các chủng loại đơn giản, dễ chăm sóc, phát triển nhanh.

(4) Công viên giải trí: được đầu tư xây dựng, khai thác theo hình thức khu vui chơi giải trí có thu phí. Loại hình công viên này thường được xây dựng theo chủ đề hoặc một hệ thống quần thể có quy mô lớn, mang tính giải trí cao, hiện đại và sôi động, hấp dẫn du khách, nhất là giới trẻ.

(5) Công viên văn hóa, lịch sử: Là công viên có chức năng chuyên biệt nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân về giải trí, thưởng thức văn hóa, về nguồn, nhớ ơn các tiền nhân, tìm hiểu các di sản văn hóa – lịch sử của dân tộc.

Cùng với sự đa dạng về loại hình, công viên hiện nay không đơn thuần là nơi nghỉ ngơi, thư giãn, luyện tập thể dục, thể thao... như trong truyền thống. Có nhiều hoạt động diễn ra tại các công viên, nhất là công viên lớn ở các trung tâm: Hoạt động vui chơi giải trí; Hoạt động thể dục thể thao; Hoạt động văn hóa, lễ hội; Hoạt động cổ động chính trị; Hoạt động quảng cáo; Hoạt động kinh doanh thương mại...

Sự đa dạng, phong phú về loại hình, quy mô, hoạt động của hệ thống công viên hiện nay đã đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí lành mạnh cho đại đa số người dân và du khách từ nhiều vùng miền, văn hóa, độ tuổi... khác nhau.

1.2. Đẹp về hình thức và đảm bảo về chất lượng

Nhiều công viên cũ đã và đang được đầu tư cải tạo. Hiện nay, có nhiều công viên do xây dựng và vận hành trong thời gian dài, hoặc chất lượng công trình không đảm bảo đã bị hư hại. Chính vì vậy, nhiều tỉnh thành trong cả nước đã đầu tư cải tạo, tân trang, mang lại bộ mặt tươi mới cho hệ thống công viên. Chẳng hạn, Hà Nội đang đầu tư nâng cấp 4 công viên lớn ở trung tâm thành phố, cải tạo nâng cấp 45 công viên trên địa bàn 10 quận, xây mới 6 công viên. Đà Nẵng đầu tư hơn 673 tỉ đồng cải tạo công viên lớn nhất thành phố (Công viên 29 tháng 3) với tổng diện tích gần 190.000 m².

Nhiều công viên đã áp dụng công nghệ hiện đại, đáp ứng nhu cầu mới của khách tham quan. Nhờ sự nhạy bén áp dụng thành tựu khoa học hiện đại và kinh nghiệm của thế giới, Việt Nam đã xây dựng các mô hình công viên chủ đề vừa mang tầm cỡ quốc tế với các trò giải trí lý thú vừa mang bản sắc văn hóa dân tộc lại có mức giá hấp dẫn du khách. Đó là hệ thống công viên của Sun Group. Gần đây, công viên Kim Quy (Đông Anh, Hà Nội) được mệnh danh là “Disneyland” của Việt Nam bởi pha trộn giữa nét văn hóa truyền thống nghìn đời xưa của Cổ Loa với mô hình công viên giải trí hiện đại của Universal Studio.

Các công viên cũng được xây dựng, tạo tác mang tính thẩm mỹ cao. Không gian công viên truyền thống luôn tạo nên nét đẹp thơ mộng, với cảnh quan thiên nhiên mát lành, hài hòa, có cây xanh, vườn hoa, thảm cỏ, hồ nước điều hòa quen thuộc. Thêm vào đó, ở nước ta hiện nay đã có những công viên được xây mới có quy mô lớn và hiện đại, khang trang, là điểm đến hấp dẫn cho người dân và du khách.

2. Những hạn chế và nguyên nhân

2.1. Một số tồn tại, hạn chế

* Thứ nhất, thiếu và yếu công viên

- Một là, số lượng và quy mô không đủ đáp ứng nhu cầu của nhân dân

Việt Nam hiện nay có tốc độ đô thị hóa và tỷ lệ tăng dân số ở mức cao, trong khi đó, việc đầu tư xây mới công viên có quy mô lớn trong những năm vừa qua còn khá hạn chế, không đáp ứng đủ nhu cầu của nhân dân. Chẳng hạn, ở Thành phố Hồ Chí Minh, tổng diện tích đất quy hoạch công viên cây xanh toàn địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong các đồ án quy hoạch lên đến hơn 11.400ha, tương ứng với chỉ tiêu 7 m²/ người nhưng thực tế hiện nay tổng diện tích công viên hiện hữu chỉ là khoảng 500 ha, tương ứng với tỉ lệ 0,55 m²/người. Ngay cả Hà Nội là thủ đô của cả nước, nhưng theo các chuyên gia, trong nhiều năm qua, luôn nằm trong những thành phố có tỷ lệ công viên, cây xanh trên đầu người thấp nhất thế giới.

Theo Quy hoạch (từ năm 2014), đến năm 2030, có trên 13.543ha cây xanh đô thị, trong đó khu vực nội đô có 710ha, đạt 3,9m²/người (70% không gian xanh, 30% phát triển đô thị), trong các quận nội thành có 60 công viên, trong đó, xây mới 18 công viên; cải tạo, nâng cấp 42 công viên, vườn hoa. Theo báo cáo của Sở Xây dựng Hà Nội, toàn thành phố hiện nay có 63 công viên, vườn hoa. Trong đó, bốn quận trung tâm (Ba Đình, Hoàn Kiếm, Đống Đa, Hai Bà Trưng) có 30 công viên, vườn hoa, đạt 2,08 m²/người. Tính từ năm 2014 đến 2030, kế hoạch đạt 710 ha cây xanh đô thị trong nội thành của TP Hà Nội đã đi qua được nửa chặng đường, thế nhưng phần lớn dự án còn nằm trên giấy hoặc khởi công xong rồi ‘đắp chiếu’.¹

- Hai là, thiếu công viên đạt chuẩn.

Khu vực	Hiện trạng	Theo quy chuẩn QCVN 01:2019/BXD	Theo tiêu chuẩn TCVN 9257: 2012	Theo quy hoạch của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định 24/QĐ-TTG ngày 06/1/2010)
Nội thành cũ	0,62 m ² /người			2,4 m ² /người
Nội thành phát triển	0,69 m ² /người	Đơn vị ở: ≥ 2m ² /người Mỗi đơn vị ở có vườn hoa tối thiểu 5.000 m ²	12-15 m ² /người (cây xanh công viên 7- 9m ² /người và cây xanh vườn hoa 3- 3,6m ² /người và cây xanh đường phố)	7,1 m ² /người
Ngoại thành	0,3 m ² /người	Ngoài đơn vị ở ≥ 7m ² /người		12 m ² /người;
Toàn thành	0,55 m ² /người		1,7- 2,0m ² /người)	≥ 7,0 m ² /người

Theo tiêu chuẩn Việt Nam, công viên trung tâm của đô thị loại I phải có diện tích tối thiểu 15ha. Tuy nhiên, thực tế hiện nay, ở một số địa phương, nhiều công viên chưa đạt chuẩn.

Công viên công cộng nhìn chung chưa đáp ứng được các yêu cầu về quy chuẩn, dẫn đến hiệu quả khai thác, phục vụ chưa cao, chủ yếu mới chỉ sử dụng cho các hoạt động thể dục thể thao, dạo ngắm thông thường.

¹ <https://vietnamnet.vn/xay-dung-cai-cao-loat-cong-vien-o-ha-noi-dan-mong-ma-cho-nao-cung-vuong-2076033.html>

- Ba là, mật độ phân bố không đồng đều.

Có thể dễ dàng nhận thấy là hiện nay, tại các quận nội thành, trung tâm của các thành phố số lượng, diện tích công viên lớn hơn các vùng còn lại. Trong khi đó, các quận mới, các huyện ngoại thành thì diện tích đất công viên công cộng còn rất hạn chế mặc dù có quỹ đất quy hoạch công viên cây xanh rất lớn. Tại một số quận ngoại thành của các thành phố lớn chưa có công viên có diện tích lớn, điển hình như các quận: 9, 12, Thủ Đức, Bình Tân, Nhà Bè, Hóc Môn, Củ Chi, Bình Chánh (Thành phố Hồ Chí Minh). Còn trong các quận nội thành, sự phân bố cũng chưa bình đẳng, Thậm chí, một số quận trung tâm như quận 3 thì lại không có một công viên cây xanh nào.

Thiếu các công viên công cộng ngoài việc không đảm bảo chỉ tiêu còn ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt, nhu cầu thụ hưởng, vui chơi giải trí của người dân, nhất là người dân vùng ven.

- Bốn là, công viên cũ xuống cấp, ngừng hoạt động, công viên mới chưa hoàn thành.

Một hiện trạng khá phổ biến ở nhiều tỉnh thành hiện nay là các công viên truyền thống, được đầu tư xây dựng và đưa vào khai thác với thời gian dài mà chưa được đầu tư nâng cấp, tu sửa nên về cơ bản hiện nay, cơ sở hạ tầng đã xuống cấp. Bên cạnh đó, một số công viên bị bỏ hoang hoặc bị lấn chiếm không sử dụng đúng công năng nên hiện nay cũng bị hư hại nghiêm trọng. Nhiều công viên hiện nay về cơ sở hạ tầng hiện có chưa đáp ứng được yêu cầu về dịch vụ vui chơi, nghỉ ngơi cũng như phục vụ người dân, không đảm bảo vệ sinh, an toàn môi trường cảnh quan. Ngoài ra, công viên thiếu các hệ thống đèn chiếu sáng, đèn cảnh quan, chưa đáp ứng yêu cầu hoạt động.

Việc công viên bị đóng cửa, ngừng hoạt động đã xảy ra ở nhiều địa bàn trên cả nước, trong đó có công viên lớn, có lịch sử lâu dài, như: Công viên nước Đại Thế Giới - TPHCM, công viên Tuổi Trẻ - Hà Nội.

Hiện tượng công viên xây dựng chậm tiến độ đang là bất cập lớn hiện nay. Thực tế diễn ra nhiều dự án công viên mới vẫn nằm trên giấy hoặc khởi công rồi ‘đắp chiếu’, đến thời hạn chưa thể nghiệm thu công trình và đưa vào sử dụng. Điển hình trong đó là Công viên Thiên Văn Học (Đương Nội, Hà Đông) đã hoàn thành năm 2020, nhưng đến nay vẫn chưa được nghiệm thu, bàn giao và cho người dân vào sử dụng, thậm chí bị bỏ hoang, cỏ mọc quá đầu người. Công viên Hà Đông (phường Kiến Hưng và Hà Cầu), dù đã giải phóng mặt bằng nhưng cũng chưa thể đưa vào sử dụng. Toàn thành phố Hà Nội cũng đặt mục tiêu đến 2025 xây dựng mới 9 công viên nhưng đến nay đều đang chậm tiến độ².

* Thứ hai, hoạt động chưa hiệu quả

Hiện trạng công viên cũ thì đơn điệu, buồn tẻ còn công viên mới thì xô bồ cũng là một nguyên do khiến cho người dân và du khách hiện nay không mặn mà với không gian công cộng như công viên. Có nhiều công viên có không gian rộng

² <https://quochoi.vn/hoatdongdbqh/Pages/tin-hoat-dong-dai-bieu.aspx?ItemID=71766>

và đẹp, nhưng cũng vắng người tới vui chơi, vì không khí trong công viên buồn tẻ, hầu như không có một dịch vụ giải trí nào. Công viên chỉ đông đúc vào mỗi buổi sớm, buổi chiều ở các khu vực gần cổng ra vào bởi người dân tới tập thể dục. Ngoài ra, ít người nghĩ tới chuyện bước chân vào đây để vui chơi vì công viên rộng, mà quá vắng vẻ, và thậm chí có địa điểm còn mất an toàn do các tệ nạn xã hội vẫn âm thầm diễn ra. Trong khi đó, một số công viên mới xây dựng, do chạy theo xu thế, các hoạt động quá xô bồ, ồn ào và mang tính thực dụng, nên chỉ thu hút được một bộ phận người tham gia.

** Thứ ba, hoạt động sai công năng*

Tình trạng lạm dụng công viên để tổ chức lễ hội, hội chợ, triển lãm vẫn thường xuyên diễn ra. Theo thống kê của Sở Giao thông vận tải TP Hồ Chí Minh, trong năm 2016 và 2017, chỉ tính riêng các công viên do đơn vị này quản lý, đã có khoảng 24 lượt trung dụng công viên làm hội chợ, triển lãm. Trong đó, tại Công viên 23-9 diễn ra 9 đợt với 130 ngày; Công viên Lê Văn Tám diễn ra 7 đợt với 73 ngày; Công viên Gia Định diễn ra 7 đợt với 115 ngày; Công viên 30-4 diễn ra 1 đợt với 15 ngày. Như vậy, Công viên 23-9 là nơi bị lạm dụng nhiều nhất, trung bình cứ 2 tuần lại có 3 ngày là lễ hội, hội chợ, triển lãm, đó là chưa tính chợ phiên vào ngày cuối tuần.

Ngoài ra, thời gian qua có một số hộ dân trên các địa bàn tự ý sử dụng mặt bằng công viên để buôn bán kiếm lợi. Chỗ chơi cho trẻ em, chỗ tập dưỡng sinh cho người già, thậm chí ghé đá cũng bị lấn chiếm. Từ quán trà đá, giải khát cho đến các quán hàng bán đồ ăn vặt... đều ngang nhiên mọc lên, thậm chí, chiếm đoạt không gian công cộng để kinh doanh, tình trạng lấn chiếm, sử dụng tài sản công cộng như ghé đá của nhiều chủ hộ kinh doanh diễn ra phổ biến. Người dân buôn bán không tuân thủ quy tắc xử lý rác thải, ngay cả người dân khác và khách tham quan cũng xả rác bừa bãi.

Thậm chí, tại một số địa phương còn sử dụng đất công viên để thực hiện các công trình khác như: trạm điện, khu xử lý nước thải, nhà điều hành khu phố... Cùng với đó, ý thức giữ gìn môi trường, không gian chung trong công viên của người dân còn hạn chế, còn tình trạng: xả rác, phóng uế bừa bãi, bẻ cành hái hoa, dẫm đạp lên cây cỏ...

Bên cạnh đó, tình trạng đất công viên được điều chỉnh thành các loại đất khác như đất thương mại, đất dân cư xây dựng là phổ biến. Đối với những công viên đã được xây dựng cũng xuống cấp, nhiều nhà đầu tư “nhăm nhe” biến khu đất vàng này thành những dự án dịch vụ hoặc nhà ở. Nếu không có sự ngăn cản của công luận có khi những ý tưởng đó đã thành hiện thực.

Thực trạng này đã diễn ra khá lâu nhưng vẫn chưa được giải quyết triệt để. Điều này đã làm cản trở đến hoạt động thể dục, vui chơi giải trí của người dân, hư hại cơ sở hạ tầng, làm xấu cảnh quan, ô nhiễm môi trường và mất mỹ quan đô thị.

2.2. Nguyên nhân của những hạn chế:

** Do hạn chế về nhận thức*

Điều quan trọng nhất để có công viên nói riêng, không gian công cộng nói chung phát triển xứng tầm, trở thành môi trường an toàn - xanh - sạch - đẹp, đáp

ứng nhu cầu vui chơi lành mạnh của nhân dân, trước hết phụ thuộc vào nhận thức. Tuy nhiên, hiện nay, nhận thức của toàn xã hội chưa thực sự được nâng cao và đồng đều.

Một bộ phận người dân hiện nay chưa nhận thức được đúng vai trò, ý nghĩa của công viên và trách nhiệm cũng như quyền lợi của mình với các không gian công cộng này. Chính vì thế, họ chưa có ý thức giữ gìn, bảo vệ, công viên trên địa bàn họ sinh sống. Thậm chí, họ chỉ nhìn thấy cái lợi trước mắt, nên trục lợi, chiếm dụng và làm hư hại không gian xanh.

Từ phía nhà quản lý, nhà đầu tư, nhận thức cũng chưa hoàn toàn thống nhất và sâu sắc. Vấn đề đặt ra là quan điểm coi không gian tiện ích như nguồn lực phát triển của thành phố; hay nhìn nó như nguồn lợi trước mắt cho cho một số cá nhân, đơn vị khai thác, mở dịch vụ thu tiền ngay cho ngân sách của địa phương. Thực tế hiện nay cho thấy sự quan tâm, ưu tiên đầu tư phát triển công viên chưa tương xứng. Công tác thông tin truyền thông chưa kịp thời, đầy đủ, chưa phát huy trách nhiệm và vai trò của cộng đồng trong tạo không gian xanh, bảo vệ cây xanh trong đô thị.

Đây là bài toán cần giải quyết tổng thể từ tư duy của người lãnh đạo cao nhất của các thành phố, đô thị; đồng thời cần sự hiến kế, giám sát, vào cuộc của cả người dân, của công luận để Thủ đô Hà Nội, các thành phố, đô thị khác phát triển đúng hướng.

****Do hạn chế trong quản lý***

Thứ nhất, vấn đề quy hoạch: Cho đến nay, vấn đề quy hoạch xây dựng và phát triển công viên ở nước ta vẫn tồn tại nhiều bất cập:

Một là, quy hoạch chưa cụ thể và thiếu tính lâu dài. Các công viên chưa có Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 hoặc quy hoạch tổng mặt bằng hoặc có quy hoạch nhưng đã không còn phù hợp với thực tế. Điều này làm cho việc sử dụng, kinh doanh, khai thác mặt bằng công viên không thể kiểm soát, thiếu định hướng cho việc nâng cấp, cải tạo phù hợp với nhu cầu hiện tại của người dân, cũng như cơ quan quản lý nhà nước không có cơ sở để quản lý, kiểm tra, chấn chỉnh. Chưa có kế hoạch đầu tư lâu dài các quỹ đất quy hoạch công viên, nhất là đối với các công viên có diện tích lớn, do đó, chưa tạo thêm được nhiều không gian sinh hoạt với quy mô lớn cho người dân, chưa cải thiện được chỉ tiêu đất công viên cho toàn thành phố.

Hai là, quy hoạch thiếu tính đồng bộ. Việc gắn kết giữa quy hoạch, xây dựng đô thị với quản lý và phát triển công viên, vườn hoa, mặt nước... chưa chặt chẽ. Việc xem xét dự án đầu tư xây dựng hầu như chưa có sự kết hợp với phát triển không gian xanh.

Thứ hai, vấn đề cơ chế, chính sách:

Cơ chế chính sách cho lĩnh vực công viên hiện nay vẫn còn một số điểm chưa phù hợp, thiếu linh hoạt.

Mô hình bộ máy tổ chức dự án đầu tư xây dựng công viên và quản lý còn nhiều bất cập, hiệu quả quản lý vận hành chưa cao, chưa có quy định riêng, cụ thể cho công tác quản lý công viên, vườn hoa, vườn ươm.

Để xây dựng và phát triển công viên, rất cần nguồn vốn xã hội hoá. Tuy nhiên, hiện nay, một số tỉnh thành chưa xây dựng được chính sách cụ thể để xã hội hóa các

nguồn lực đầu tư và thiếu cơ chế linh hoạt tạo điều kiện bảo đảm hài hòa lợi ích, tạo sự thuận lợi cho nhà đầu tư tham gia. Công viên Văn hóa Gò Vấp (Thành phố Hồ Chí Minh), các dự án đầu tư cho cây xanh, vườn hoa ở Đà Nẵng cũng từng vướng mắc nhiều lần do chính sách đối với nhà đầu tư không hợp lý, chưa thực sự ưu đãi và tạo cơ hội về lợi nhuận cho họ.

Hiện nay các quy định, hướng dẫn về thiết kế, xây dựng, quản lý các loại hình công viên và cơ cấu sử dụng đất tương ứng còn chưa rõ ràng, đầy đủ.

Sở dĩ có hiện tượng đất công viên bị sử dụng sai mục đích, trước hết là do chưa xác định rõ trách nhiệm pháp lý, hồ sơ, tài liệu, chứng từ không đầy đủ, không được xác lập đúng quy định, gây khó khăn cho việc xác định nguồn gốc hình thành tài sản...

Việc phân cấp quản lý chưa rõ ràng, còn chòng chéo nên khó khăn trong việc xử lý trách nhiệm. Đơn cử, ở Hà Nội cơ quan tham mưu giúp quản lý cây xanh ở cấp thành phố là Sở Giao thông công chính với công ty chuyên ngành là Công ty Công viên Cây xanh, một số công viên lớn của thành phố như Công viên Thống Nhất, Vườn thú Thủ Lệ lại có cơ quan quản lý riêng. Cây xanh trên đường giao thông do cơ quan quản lý tuyến đường phụ trách, trong các công trình công cộng do các cơ quan tự quản.

Việc sử dụng, khai thác công năng của công viên còn chưa đồng bộ, có công viên mở cửa cho người dân vào tự do, nhưng có nhiều công viên ngăn trở và thu phí, dẫn đến sự bất bình đẳng.

Thứ ba, vấn đề thanh tra, giám sát, xử phạt:

Vấn đề thanh tra, giám sát hiện còn lỏng lẻo, chế tài chưa đủ mạnh và kịp thời xử lý các sai phạm. Cho đến nay, có nhiều vụ sai phạm diễn ra trong lĩnh vực xây dựng và vận hành công viên như: chậm tiến độ xây dựng, sai trật tự xây dựng, rút ruột công trình, xây công trình sai công năng, ... Việc quản lý, cho thuê các dịch vụ trong công viên còn chưa chặt chẽ, chưa thực hiện đúng theo các quy định về đấu thầu khai thác, kinh doanh. Tất cả đều là bằng chứng cho thấy sự giám sát của chính quyền, vai trò quản lý của các cơ quan ban ngành liên quan còn nhiều hạn chế.

Đơn cử trường hợp Dự án Công viên Tuổi trẻ Thủ đô. Dự án được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt quy hoạch từ năm 2000, với quy mô 26,4ha, tổng mức đầu tư trên 280 tỷ đồng..., thời gian thực hiện từ năm 2002 đến năm 2006. Quá trình triển khai dự án gặp nhiều khó khăn, vướng mắc nên năm 2010, UBND thành phố có quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch... Tuy nhiên, suốt cả thời gian dài, Công viên Tuổi trẻ Thủ đô vẫn là dự án “treo” với nhiều sai phạm trong quản lý sử dụng đất, trật tự xây dựng. Theo báo cáo của Sở Xây dựng Hà Nội, tại dự án công viên này có 14 hạng mục công trình sai quy hoạch, sai giấy phép xây dựng. Những sai phạm này kéo dài nhiều năm không chỉ gây bức xúc cho người dân, mà còn gây lãng phí đối với các hạng mục công trình vui chơi, giải trí đã được đầu tư không được bảo dưỡng đều, bị xuống cấp nghiêm trọng theo năm tháng³.

³ <https://hanoimoi.vn/den-thang-9-2023-phai-xu-ly-dut-diem-ton-tai-o-cong-vien-tuoi-tre-thu-do-14309.html>

*** Do hạn chế về nguồn lực:**

Nguồn lực cho hoạt động công viên hiện nay thiếu, yếu và đầu tư không hiệu quả.

- Về nguồn nhân lực:

Thực tế ở nước ta hiện nay cho thấy nguồn nhân lực cho công tác vận hành, hoạt động của công viên vẫn còn rất hạn chế.

Ở nhiều địa phương, việc chăm sóc, trồng mới cây xanh đô thị, hệ thống sân chơi, vườn dạo tại các khu dân cư, khu nhà tập thể xuống cấp rất nhanh do không có người quản lý. Cán bộ làm công tác quản lý về lĩnh vực cây xanh cấp quận, huyện đa phần kiêm nhiệm; công tác duy tu, bảo dưỡng chưa được chú trọng dẫn đến công viên xuống cấp.

Năng lực quản lý công viên hiện nay còn yếu kém, lỗi thời. Tình trạng hoạt động kém, dùng đất công viên vào mục đích kinh doanh khác bắt nguồn từ phân lớn các công viên quản lý theo cơ chế cũ, không có nguồn thu cho ban quản lý nên tổ chức hoạt động còn nghèo nàn và mang tính tự phát.

- Về nguồn vật lực:

Hiện nay, việc đầu tư xây dựng các công viên gần như phụ thuộc hết vào nguồn vốn ngân sách. Tuy nhiên, do nguồn vốn ngân sách khó khăn, kế hoạch bố trí vốn thường rất chậm. Hiện nay, nguồn ngân sách dành cho hạ tầng của các địa phương đang ngày càng hạn hẹp, phải ưu tiên đầu tư các dự án cấp bách hơn như đường giao thông, công trình chống ngập, trường học, bệnh viện... Do đó, nhiều dự án xây dựng công viên dù đã được quy hoạch nhưng phải gác lại, điển hình như ở Thành phố Hồ Chí Minh, các dự án công viên 123 ha (quận 12), dự án công viên 120 ha (quận 7), dự án công viên Sài Gòn Safari 456 ha (huyện Củ Chi)... đều chưa được xây dựng dù đã có quyết định từ nhiều năm nay. Vốn ngân sách trung ương, địa phương chỉ đáp ứng được một phần so với nhu cầu cần đầu tư xây dựng.

Trong khi đó, đây là lĩnh vực này khó huy động được nguồn lực xã hội hóa. Khác với các dịch vụ khác, việc đầu tư xây dựng công viên chủ yếu mang ý nghĩa phục vụ cộng đồng chứ ít mang lại lợi nhuận. Điều này dẫn đến việc kêu gọi, thu hút các nhà đầu tư tham gia vào các dự án xây dựng công viên rất khó khăn. Công viên Cầu Giấy (Hà Nội) phải kêu gọi vốn hỗ trợ của nhiều nhà đầu tư mới có thể xây dựng được. Công viên Hà Đông (phường Kiến Hưng và Hà Cầu), dù đã giải phóng mặt bằng nhưng bị ‘đắp chiếu’ cũng là do chưa lựa chọn được nhà đầu tư. Điều đáng nói, hiện nay, 12 đơn vị được ‘sử dụng tạm’ hàng chục hecta đất công viên này nhưng chỉ có 1 công ty chịu trả lại đất, thanh lý hợp đồng. 11 nhà đầu tư đầu tư còn lại không đồng ý thanh lý hợp đồng, do số tiền đầu tư lớn, chưa kịp thu hồi vốn.⁴

2. Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động công viên

2.1. Tăng cường giáo dục nâng cao nhận thức của toàn xã hội

Công viên là nơi vui chơi giải trí của mọi tầng lớp nhân dân, là lá phổi xanh cũng như là bộ mặt của một đô thị, là tài sản sở hữu của toàn dân được Nhà nước

⁴ <https://vietnamnet.vn/xay-dung-cai-tao-loat-cong-vien-o-ha-noi-dan-mong-ma-cho-nao-cung-vuong-2076033.html>

bảo hộ. Thiết nghĩ mỗi người dân chúng ta cần nâng cao ý thức cộng đồng, không chỉ vì lợi ích của cá nhân mà xâm hại đến quyền lợi của toàn dân. Chính vì vậy, cần đẩy mạnh việc tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của người dân về vị trí, vai trò của công viên với đời sống cộng đồng, từ đó nâng cao ý thức của mỗi người trong việc chấp hành các quy chế, nội quy sinh hoạt ở nơi công cộng, có trách nhiệm bảo vệ tài sản công, giữ gìn không gian chung xanh – sạch – đẹp.

Mặt khác, cần có cách tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các nhà đầu tư, nhà quản lý đối với việc đầu tư xây dựng và quản lý hoạt động công viên một cách hiệu quả, chú trọng đến lợi ích hài hoà và sự phát triển bền vững.

2.2. Xây dựng quy hoạch bài bản

Cần có tầm nhìn tổng thể và chiến lược dài hạn, quy hoạch đồng bộ: Muốn quy hoạch hệ thống công viên hoàn chỉnh, hợp lý cho đô thị, đòi hỏi phải định lượng chính xác nhu cầu về công viên hiện tại và trong tương lai, chọn lựa địa điểm phát triển công viên mới bảo đảm phân bố rộng rãi, hợp lý. Đồng thời, cần nghiên cứu hệ thống tuyến xanh liên kết các công viên và không gian xanh để tạo nên vòng liên kết xanh (hệ sinh thái đô thị) hoàn chỉnh.

Mặt khác, đối với quy hoạch các khu dân cư, các cơ quan chức năng cần giám sát nghiêm việc xây dựng công viên đối với nhà đầu tư. Để xây dựng được một hệ thống công viên đạt chuẩn, đẹp và hiện đại cho đô thị, yếu tố quan trọng hiện nay là thực hiện đúng quy hoạch. Đối với những khu vực đã quy hoạch xây dựng công viên cần triển khai nhanh, tránh tình trạng bị lấn chiếm rồi khó khăn khi triển khai xây dựng về sau.

Cần rà soát, lập danh mục và cập nhật, điều chỉnh quy hoạch sao cho kịp thời và phù hợp với từng địa bàn, giai đoạn. Chẳng hạn, đối với các khu đất được quy hoạch công viên trong các đồ án quy hoạch các cấp (1/5000 1/2000) thực hiện rà soát, lập danh mục, cập nhật về nguồn gốc toàn bộ các khu đất được quy hoạch công viên, tùy theo tính chất của từng khu đất sẽ đề xuất việc lập dự án xây dựng, kêu gọi đầu tư hoặc điều chỉnh quy hoạch. Đối với các khu đất trong khu dân cư hiện đang sử dụng làm nhà máy, bệnh viện, sau khi xem xét di dời thì điều chỉnh chức năng các khu đất này thành đất công viên, vườn hoa để xây dựng, phục vụ cho cộng đồng dân cư sinh sống.

2.3. Xây dựng mô hình quản lý hiệu quả

Cách quản lý, khai thác các vườn hoa, công viên cần được xem xét sao cho việc sử dụng hiệu quả, phù hợp nhu cầu của người dân. Các tỉnh, thành phố và đô thị cần lựa chọn những mô hình đầu tư, quản lý khả thi với sự phân cấp rõ ràng: Chẳng hạn, vườn hoa công cộng nên đầu tư từ ngân sách; còn công viên vui chơi, giải trí cần tiến hành xã hội hóa đầu tư xây dựng hoặc phân cấp các công viên theo quy mô và nhu cầu: một mặt xây dựng công viên quy mô nhỏ, không gian mở, hoạt động theo mô hình công ích để đáp ứng nhu cầu hưởng thụ không gian rất lớn của người dân, nhất là ở Thủ đô và các thành phố lớn. Mặt khác, xây dựng một vài công viên quy mô lớn, đầu tư xây dựng hiện đại với nhiều dịch vụ giải trí hấp dẫn. Như vậy sẽ vừa đáp ứng được nhu cầu đa dạng của các tầng lớp nhân dân và địa bàn dân

cur, vừa giảm tải nguồn vốn xây dựng.

Bên cạnh đó, cần phân rõ trách nhiệm cho từng chủ thể, đơn vị để quản lý hiệu quả hệ thống công viên. Các đơn vị, địa phương cần phân công rõ việc, rõ trách nhiệm của từng cá nhân đối với từng phần việc, quyết tâm xử lý dứt điểm tồn tại; giao cho các địa phương làm chủ đầu tư đồng thời phối kết hợp với với các ban, ngành để tổ chức thực hiện. Trong thời gian tới, có thể áp dụng phân cấp quản lý như sau: Công viên công cộng tập trung: do đơn vị quản lý chuyên ngành trực thuộc Sở quản lý chuyên ngành thống nhất quản lý toàn diện. Hoa viên công cộng: do địa phương quản lý. Công viên trong khu ở: do địa phương quản lý, việc duy tu, chăm sóc sẽ do cộng đồng dân cư thực hiện hoặc đóng góp kinh phí thực hiện. Đối với các công viên khác (công viên chuyên đề giải trí, công viên văn hóa - lịch sử) tùy theo đặc thù sẽ do đơn vị phù hợp quản lý.

Mặt khác, để quản lý hiệu quả, cần xây dựng phần mềm, số hoá cơ sở dữ liệu để thống nhất việc quản lý quy hoạch, mặt bằng các công viên đồng thời làm cơ sở để thu thập thông tin, ý kiến phản hồi của người dân đến thăm quan công viên.

2.4. Có chế tài đủ mạnh

Việc công viên hoạt động kém hiệu quả hay các sai phạm trong quá trình xây dựng và vận hành công viên trong thời gian qua một phần lớn do hệ thống luật pháp và chế tài chưa đủ mạnh.

Trước hết, trong thời gian tới, cần nghiên cứu ban hành các văn bản pháp luật, các văn bản chỉ đạo và điều hành cần thiết để tạo hành lang pháp lý cho hoạt động liên quan đến công viên. Thứ nữa, các đơn vị liên quan tập hợp và đánh giá việc chấp hành các văn bản chỉ đạo, điều hành đó gửi các quận, huyện tổng hợp, cập nhật lại quy hoạch và địa phương phải trực tiếp, kiên quyết xử lý các công trình vi phạm bên trong công viên.

Mặt khác, cần có cơ chế giám sát và xử lý sai phạm một cách phù hợp. Chẳng hạn: Trường hợp đất công viên bị xây dựng, chiếm dụng sai công năng cần dỡ bỏ các hạng mục và thu hồi đất. Trường hợp nhà đầu tư không hoàn thành việc đầu tư theo cam kết đầu tư, sẽ thực hiện việc thu hồi giấy phép đầu tư để kêu gọi nhà đầu tư khác thực hiện hoặc chuyển đầu tư công. Trường hợp người dân chiếm dụng đất công viên, vi phạm nếp sống văn minh ... cần kịp thời xử lý. Nếu người dân chưa hiểu rõ vấn đề, cần kịp thời đối thoại để phân tích cho người dân hiểu về ý nghĩa của công viên và yêu cầu các hộ dân thực hiện theo đúng chủ trương pháp luật của Nhà nước, để làm cho bộ mặt đô thị ngày càng khang trang sạch đẹp, văn minh, hiện đại.

2.5. Đa dạng hoá các loại hình công viên

Việc đa dạng các loại hình công viên là cần thiết và là nhu cầu thực tế. Căn cứ trên quy hoạch, tính chất của vùng, đô thị, từng khu vực để xác định loại hình công viên. Việc xác định loại hình công viên sẽ là cơ sở cho việc đầu tư, thiết kế, duy trì và chỉnh trang trong giai đoạn tiếp theo nhằm hướng đến việc phát triển và phục vụ tốt hơn cho nhu cầu đa dạng của người dân đô thị. Tương ứng với từng loại hình công viên sẽ có hình thức đầu tư, quản lý, khai thác, các loại công trình phụ trợ kèm

theo và cơ cấu sử dụng đất tương ứng. Trong giai đoạn trước mắt, sẽ bao gồm các loại công viên như sau: Công viên công cộng tập trung (gồm công viên đa chức năng, công viên quảng trường, công viên thể thao cộng đồng, công viên sinh thái, công viên ven sông - kênh - rạch, hoa viên công cộng), Công viên công cộng trong khu ở, Công viên giải trí, Công viên văn hóa - lịch sử.

Mặt khác, để đa dạng hoá loại hình công viên, nói cách khác, tạo thêm nhiều không gian công cộng cho người dân, cần có phương án linh hoạt để chuyển giao mục đích sử dụng đất công một cách phù hợp. Với các hoạt động sai công năng trong công viên, cần nghiên cứu và chỉ định cụ thể các điểm được tổ chức các hoạt động đó (như: nhà thi đấu, trung tâm thể dục, thể thao, nhà văn hóa... chưa sử dụng hết công năng) để tránh làm phiền đến hoạt động vui chơi, giải trí của người dân. Đồng thời, có thể tận dụng các không gian khác làm “công viên” tạm thời đáp ứng nhu cầu của người dân như: thay vì hợp chợ ở một số tuyến phố đi bộ thì tạo không gian vui chơi sẽ làm giảm áp lực tập trung vào một số điểm quá tải. Hay quyết liệt thu hồi đất của các dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả để làm công viên.

2.6. Nâng cao hiệu quả việc đầu tư nguồn lực

Trước hết phải khẳng định công viên là phúc lợi của xã hội. Do đó, Nhà nước phải ưu tiên sử dụng ngân sách để đầu tư, phát triển, duy trì hoạt động của công viên. Đồng thời, phải có các giải pháp thu hút được người dân, tổ chức, doanh nghiệp đóng góp vào quỹ phát triển công viên, cây xanh công cộng trên địa bàn thành phố bằng nhiều biện pháp thiết thực.

Để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong việc cải tạo, xây mới công viên, các tỉnh thành cần giao trực tiếp cho Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan quản lý nhà nước có chức năng về đầu tư, cơ chế, chính sách, kinh tế - xã hội của Thành phố làm đầu mối, chủ trì tiếp tục nghiên cứu các cơ chế liên quan đến chính sách, tài chính, đất đai, văn hóa... để thu hút đầu tư.

Xây dựng những chính sách khuyến khích xã hội hóa việc đầu tư xây dựng đối với những công viên công cộng có quy mô lớn (trên 10ha). Các tỉnh thành cần tập trung kêu gọi đầu tư xã hội hóa đối với những công viên chuyên đề. Với những công viên công cộng, công viên mở thì triển khai theo hướng giảm mật độ xây dựng (chỉ đầu tư xây dựng những công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu phục vụ công viên) tăng diện tích cây xanh (bổ sung những khu vực trồng cây xanh tập trung...), qua đó giảm chi phí đầu tư và chi phí duy tu duy trì. Đối với các dự án xã hội hóa, các tỉnh thành cần chỉ đạo đôn đốc nhà đầu tư hoàn thành việc đầu tư các công viên, vườn hoa theo dự án đầu tư đã được phê duyệt.

XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA TRONG BẢO TỒN, PHÁT HUY DI SẢN VĂN HÓA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

PGS, TS. Nguyễn Thu Nghĩa

Học viện Khoa học xã hội

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

1. Các thiết chế văn hóa

Trong đời sống văn hóa, các thiết chế văn hóa là một chỉnh thể có đầy đủ các yếu tố từ cơ sở vật chất, kinh phí hoạt động đến bộ máy tổ chức, nhân sự cùng các quy chế hoạt động. Trong một số từ điển, thiết chế văn hóa được định nghĩa: “là chỉnh thể văn hóa hội tụ đầy đủ các yếu tố: cơ sở vật chất, bộ máy tổ chức, hệ thống biện pháp hoạt động và kinh phí hoạt động cho thiết chế đó. Ví dụ, thiết chế nhà văn hóa bao gồm ngôi nhà, bộ máy tổ chức, nhân sự, quy chế hoạt động, nguồn kinh phí; chỉ riêng ngôi nhà hoặc công trình văn hóa chưa đủ để gọi là thiết chế văn hóa”¹; “là cơ quan văn hóa, có nhiệm vụ tổ chức và điều hành quá trình sản xuất, bảo quản, phân phối và tiêu dùng các sản phẩm văn hóa trong một cộng đồng dân cư nhất định”².

Theo nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Ngọc Hoa: “Thiết chế văn hóa không chỉ đơn thuần là những công trình vật chất cụ thể mà bao hàm trong đó là hệ thống cơ chế, chính sách vận hành; đội ngũ nhân lực làm công tác quản lý, tổ chức; nguồn lực tài chính và các chủ thể hoạt động. Thiết chế văn hóa thiên về những thực hành, sáng tạo và trao truyền văn hóa giữa các thế hệ, giai tầng trong cộng đồng dân cư”³.

Với tác giả Nguyễn Thị Mỹ Linh, “Thiết chế văn hóa là tổ chức có đầy đủ các yếu tố: bộ máy nhân sự, cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động, kinh phí hoạt động, quy chế hoạt động. Thiết chế văn hóa hoạt động cụ thể, thường xuyên trong khuôn khổ pháp luật hoặc quy chế của ngành, đoàn thể đáp ứng nhu cầu của công chúng và góp phần phát triển đời sống văn hóa cơ sở”⁴.

Trong bài viết *Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa ở Việt Nam hiện nay*, tác giả Nguyễn Huy Phòng cho rằng, “Thiết chế văn hóa (Cultural institutions) là thuật ngữ dùng để chỉ các cơ quan, đơn vị hoạt động văn hóa do Nhà nước hoặc cộng đồng xã hội lập ra trong khuôn khổ pháp luật hoặc quy chế của ngành, đoàn thể nhằm đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần của công chúng, góp phần xây dựng đời sống văn hóa ở địa phương”⁵.

¹ Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển Bách khoa Việt Nam, *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2005, t.4, tr.230.

² Học viện Nguyễn Ái Quốc, *Giáo trình văn hóa xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Tư tưởng - Văn hóa, Hà Nội, 1999, tr.266.

³ Nguyễn Thị Ngọc Hoa, *Đổi mới, hoàn thiện thiết chế văn hóa*, <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/cung-ban-doc/item/4960-doi-moi-hoan-thien-thiet-che-van-hoa.html>

⁴ Nguyễn Thị Mỹ Linh, *Nâng cao hiệu quả sử dụng và quản lý thiết chế văn hóa ở nước ta hiện nay*, <https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/nang-cao-hieu-qua-su-dung-va-quan-ly-thiet-che-van-hoa-o-nuoc-ta-hien-nay-p25741.html>

⁵ Nguyễn Huy Phòng, *Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa ở Việt Nam hiện nay*, <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/thuc-tien/item/2482-xay-dung-va-hoan-thien-he-thong-thiet-che-van-hoa-o-viet-nam-hien-nay.html>

Có thể hiểu, “Thiết chế văn hóa là thuật ngữ dùng để chỉ các cơ quan, đơn vị hoạt động văn hóa do Nhà nước hoặc cộng đồng xã hội lập ra trong khuôn khổ pháp luật hoặc quy chế của ngành, đoàn thể nhằm đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần của công chúng, góp phần xây dựng đời sống văn hóa ở địa phương. Thiết chế văn hóa không chỉ đơn thuần là những công trình vật chất cụ thể mà bao hàm trong đó là hệ thống cơ chế, chính sách vận hành; đội ngũ nhân lực làm công tác quản lý, tổ chức; nguồn lực tài chính và các chủ thể hoạt động”⁶.

Do vậy, các thiết chế văn hóa góp phần quan trọng trong công tác lưu giữ và chuyển tải các giá trị văn hóa của cộng đồng đến từng cá nhân. Thông qua các thiết chế văn hóa, các hoạt động văn hóa được tiến hành một cách bài bản, tập trung, lan tỏa những giá trị tốt đẹp vào đời sống xã hội.

Ngày 11 tháng 11 năm 2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2164/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030. Trong Quyết định này đã quy định đối tượng Quy hoạch gồm 4 hệ thống:

Một là, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ cộng đồng thuộc ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý (bao gồm: - Nhà Văn hóa - Khu Thể thao ở thôn và tương đương; Trung tâm Văn hóa - Thể thao ở xã, phường, thị trấn; Trung tâm Văn hóa - Thể thao ở huyện, quận, thị trấn, thành phố trực thuộc tỉnh; Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

Hai là, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ thanh niên, thiếu niên và nhi đồng (bao gồm: Nhà Thiếu nhi cấp huyện; Cung Thiếu nhi, Nhà Thiếu nhi hoặc Trung tâm hoạt động Thanh Thiếu nhi cấp tỉnh).

Ba là, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ công nhân viên chức, người lao động (bao gồm: Nhà Văn hóa Lao động cấp huyện; Cung Văn hóa Lao động, Nhà Văn hóa Lao động cấp tỉnh; Trung tâm Văn hóa - Thể thao ở Khu chế xuất, Khu công nghiệp và trong các doanh nghiệp lớn;

Bốn là, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở thuộc các bộ, ngành, đoàn thể và lực lượng vũ trang; các thiết chế văn hóa, thể thao được đầu tư bằng nguồn vốn xã hội hóa được quy định về nguyên tắc quản lý và định hướng phát triển chung tại Quy hoạch này⁷.

2. Di sản văn hóa và bảo tồn, phát huy di sản văn hóa

Theo Luật Di sản văn hóa năm 2001, “Di sản văn hóa Việt Nam là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là một bộ phận của di sản văn hóa nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta”⁸.

Di sản văn hóa Việt Nam bao gồm di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa

⁶ Tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của thiết chế văn hóa hiện nay, <https://truongchinhtri.binhthuan.dcs.vn/Gioi-thieu/post/215114/tiep-tuc-xay-dung-va-phat-huy-vai-tro-cua-thiet-che-van-hoa-hien-nay>.

⁷ Xem: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Quy- dinh-2164-QD-TTg-nam-2013-Quy-hoach-phat-trien-he-thong-thiet-che-van-hoa-the-thao-213079.aspx>

⁸ <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=80239>

phi vật thể.

Di sản văn hóa vật thể gồm có các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

Di sản văn hóa phi vật thể bao gồm: Tiếng nói, chữ viết, tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, ngữ văn truyền miệng, diễn xướng dân gian, lối sống, nếp sống, lễ hội, bí quyết về nghề thủ công truyền thống, tri thức về y, dược học cổ truyền, về văn hóa ẩm thực, về trang phục truyền thống dân tộc và những tri thức dân gian khác. Do đó, các di sản văn hóa là các sản phẩm vật chất và tinh thần không chỉ mang giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học, đạo đức, thẩm mỹ, nghệ thuật, thể hiện bản sắc văn hóa của cộng đồng mà còn có giá trị cao về kinh tế, đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội. “Di sản văn hóa là tài sản vô giá, gắn kết cộng đồng dân tộc, là cốt lõi của bản sắc dân tộc, cơ sở để sáng tạo những giá trị mới và giao lưu văn hóa; giữ vai trò là nguồn lực đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của cộng đồng, quốc gia, dân tộc. Đồng thời, di sản văn hóa là nền tảng tinh thần, yếu tố nội sinh làm nên cốt cách, bản lĩnh của con người Việt Nam, là động lực thúc đẩy công cuộc đổi mới, hội nhập, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và địa phương”⁹.

Hiện nay, Việt Nam có gần 40 ngàn di tích, trong đó có 10.000 di tích cấp tỉnh, thành phố; 3.486 di tích quốc gia (107 di tích quốc gia đặc biệt¹⁰); Có gần 70.000 di sản văn hóa phi vật thể trong đó 433 di sản được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. UNESCO ghi danh: 2 di sản thiên nhiên thế giới (Vịnh Hạ Long, Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng); 1 di sản hỗn hợp: Quần thể Danh thắng Tràng An; 5 di sản văn hóa vật thể thế giới (Quần thể di tích Cố đô Huế, Phố cổ Hội An, Thánh địa Mỹ Sơn, Hoàng thành Thăng Long, Thành Nhà Hồ); 3 công viên địa chất toàn cầu (Cao nguyên đá Đồng Văn, Công viên Địa chất Toàn cầu Non nước Cao Bằng, Công viên Địa chất Toàn cầu Đắk Nông); 15 di sản được ghi danh di sản văn hóa phi vật thể (Nhã nhạc cung đình Huế; Không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên; Dân ca Quan họ; Ca trù; Hội Gióng; Hát Xoan Phú Thọ; Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương; Đờn ca tài tử Nam Bộ; Hát Ví dặm Nghệ Tĩnh; Nghệ thuật bài chòi Trung Bộ; Nghi lễ và trò chơi kéo co; Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu tam phủ; Thực hành Then Tày, Nùng, Thái; Nghệ thuật Xòe Thái; Nghề làm Gốm của người Chăm); 9 di sản tư liệu thế giới (Mộc bản Triều Nguyễn; Bia tiến sĩ Văn Miếu - Quốc Tử Giám; Mộc bản Kinh Phật chùa Vĩnh Nghiêm; Châu bản triều Nguyễn; Thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế; Mộc bản trường học Phúc Giang; Hoàng hoa sứ trình đồ; Bia Ma nhai tại danh thắng Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng; Văn bản Hán Nôm làng Trường Lưu, Hà Tĩnh)¹¹.

Hiện nay, Việt Nam có 194 bảo tàng, với 128 bảo tàng công lập và 66 bảo

⁹ Bùi Văn Quang: Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh Phú Thọ, Tạp chí Cộng sản điện tử ngày 4-10-2023, <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/thuc-tien-kinh-nghiem1/-/2018/828817/bao-ton-va-phat-huy-gia-tri-di-san-van-hoa%2C-gop-phan-phat-trien-kinh-te---xa-hoi-o-tinh-phu-tho.aspx>

¹⁰ https://thainguyen.gov.vn/van-hoa-xa-hoi/-/asset_publisher/L0n17VJXU23O/content/chi-tiet-cac-di-san-thien-nhien-van-hoa-the-gioi-o-viet-nam/20181

¹¹ https://thainguyen.gov.vn/van-hoa-xa-hoi/-/asset_publisher/L0n17VJXU23O/content/chi-tiet-cac-di-san-thien-nhien-van-hoa-the-gioi-o-viet-nam/20181

tàng ngoài công lập¹². Nhà nước công nhận 237 hiện vật và nhóm hiện vật được là bảo vật quốc gia¹³.

Bảo tồn là giữ gìn và bảo vệ sự vật, hiện tượng theo đúng dạng thức ban đầu vốn có để các sự vật, hiện tượng đó không bị mất đi, không bị thay đổi, biến hóa hay chuyển sang một trạng thái khác. *Bảo tồn di sản văn hóa* chính là bảo vệ và gìn giữ di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể để các di sản đó tồn tại nguyên vẹn như hình thái ban đầu.

Trong bảo tồn di sản văn hóa vẫn có 2 quan điểm khác nhau, đó là *bảo tồn nguyên vẹn* và *bảo tồn có kế thừa*. Bảo tồn nguyên vẹn là đảm bảo giữ nguyên trạng di sản văn hóa vốn có cả về hình thức, nội dung và cách thức thể hiện đối với di sản phi vật thể; bảo tồn nguyên vẹn cả về kích thước, vị trí, chất liệu, đường nét, màu sắc và kiểu dáng đối với di sản văn hóa vật thể. Còn bảo tồn có kế thừa là bảo tồn trên tinh thần giữ gìn những nội dung và hình thức cơ bản của di sản văn hóa nhưng cố gắng phục chế, phục dựng, thể hiện lại nguyên trạng bằng nhiều kỹ thuật công nghệ hiện đại. Hai quan điểm này có những điểm chưa hoàn toàn thống nhất nhưng đều xác định mục đích cuối cùng của bảo tồn vẫn là đem lại những giá trị, lợi ích tốt đẹp và tích cực cho cộng đồng.

Điều 8 Luật Di sản văn hóa (sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định: Mọi di sản văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam, có xuất xứ ở trong nước hoặc từ nước ngoài, thuộc các hình thức sở hữu, đều được bảo vệ và phát huy giá trị. Nhà nước có chính sách bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa nhằm nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của nhân dân; khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đóng góp, tài trợ cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa. Nhà nước bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu di sản văn hóa, đồng thời đầu tư cho công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa¹⁴.

3. Sự cần thiết phải xây dựng và hoàn thiện các thiết chế văn hóa trong bảo tồn, phát huy di sản văn hóa

Trong nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách hợp lý để bảo vệ và phát huy giá trị của di sản văn hóa, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của đông đảo quần chúng nhân dân, góp phần xây dựng, hoàn thiện và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Thông qua các thiết chế văn hóa, góp phần giới thiệu và quảng bá hình ảnh của Việt Nam đến với bạn bè quốc tế cũng như đóng góp vào kho tàng di sản văn hóa thế giới. Các thiết chế văn hóa góp phần xây dựng đời sống và môi trường văn hóa lành mạnh, giữ gìn, phát huy những cái hay cái đẹp và các giá trị cốt lõi của văn hóa dân tộc. Các thiết chế văn hóa góp phần hạn chế, tiến tới xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, những biểu hiện mê tín dị đoan trong cộng đồng.

Ngày 24-11-2021 tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị

¹² <https://huc.edu.vn/a/124053/Toa-dam-khoa-hoc-Phat-trien-he-thong-bao-tang-ngoai-cong-lap-o-Viet-Nam>

¹³ <http://dsvh.gov.vn/bao-vat-quoc-gia-1758>

¹⁴ <https://bvhttdl.gov.vn/phat-huy-gia-tri-di-san-van-hoa-cua-nha-nuoc-ta-la-gi-20191211142656812.htm>

quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh: “*Quan tâm hơn nữa đến việc bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các vùng, miền, của đồng bào các dân tộc, kết hợp với tiếp thu tinh hoa văn hóa của thời đại*”¹⁵.

Nghị quyết số 33/NQ-TW ngày 9/6/2014 tại Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước đã xác định rõ 6 nhiệm vụ trọng tâm, trong đó, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung giữ vai trò thiết yếu.

Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII cũng khẳng định: “Tiếp tục đổi mới toàn diện nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về văn hóa. Tăng cường đầu tư, khai thác và phát huy tối đa các nguồn lực văn hóa đi đôi với đổi mới nội dung, phương thức quản lý, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả; tăng cường kiểm tra, giám sát, bảo đảm hiệu quả đầu tư cao trong lĩnh vực văn hóa. Đổi mới, hoàn thiện các thiết chế văn hóa từ Trung ương đến cơ sở, bảo đảm hiệu quả...”¹⁶.

Chính vì vậy, việc xây dựng và hoàn thiện các thiết chế văn hóa trong bảo tồn, phát huy di sản văn hóa là vô cùng cần thiết và cấp bách trong giai đoạn hiện nay. Thiết chế văn hóa trong bảo tồn, phát huy di sản văn hóa chính là những công trình, bảo tàng, thư viện, nhà hát, nhà văn hóa, câu lạc bộ... được sử dụng cho các hoạt động bảo tồn di sản văn hóa như lưu giữ, bảo quản, trưng bày hiện vật, trình diễn di sản văn hóa phi vật thể, giới thiệu,... nhằm đáp ứng nhu cầu thưởng thức, khám phá cũng như phát huy các giá trị của di sản văn hóa nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân.

4. Thực trạng và yêu cầu xây dựng và hoàn thiện các thiết chế văn hóa trong bảo tồn, phát huy di sản văn hóa

Đánh giá về các thiết chế văn hóa hiện nay, theo PGS.TS Bùi Hoài Sơn - Ủy viên Thường trực Ủy ban Văn hóa, Giáo dục của Quốc hội cho rằng, thiết chế văn hóa ở nước ta đang vừa thừa, vừa thiếu. Chúng ta còn thiếu rất nhiều thiết chế văn hóa như bảo tàng, nhà hát, thư viện, công viên... đủ tiêu chuẩn để tổ chức các sự kiện lớn, mang tầm khu vực và quốc tế, được tổ chức và vận hành một cách chuyên nghiệp, nhưng lại thừa những thiết chế không đáp ứng được các tiêu chuẩn này¹⁷.

Tìm hiểu nguyên nhân của những tồn tại, bất cập hiện nay đối với hệ thống thiết chế văn hóa, chúng tôi đồng tình với ý kiến của đại biểu Quốc hội Trần Thị Thu Đông – Đoàn ĐBQH tỉnh Bạc Liêu cho rằng, *thứ nhất*, kinh phí hoạt động ít; cơ sở vật chất, trang thiết bị xuống cấp; nhân lực tổ chức khai thác, vận hành các thiết chế này thiếu và yếu về chuyên môn. Công tác quản lý, tổ chức hoạt động trông

¹⁵ <https://moit.gov.vn/tin-tuc/hoat-dong/toan-van-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-nguyen-phu-trong-tai-hoi-nghi-van-hoa-toan-quoc.html>

¹⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, Hà Nội, 2021, tr.146-147.

¹⁷ <https://quochoi.vn/hoatdongcuaquochoi/cackyhoppquochoi/quochoikhoaXIII/Pages/danh-sach-ky-hop.aspx?ItemID=80526&CategoryId=0>

chờ vào sự bao cấp của Nhà nước, thiếu chủ động, sáng tạo; *Thứ hai*, một số thiết chế văn hóa ở địa phương xây dựng có quy mô lớn, nhưng ít người biết đến hoặc không được quan tâm, dẫn đến nguồn thu hằng năm đạt thấp; *Thứ ba*, nhu cầu và thị hiếu của người dân đã và đang thay đổi, trong khi thiết chế văn hóa, thể thao các cấp chưa bắt nhịp kịp để đổi mới phương thức hoạt động, chưa thu hút được sự tham gia tích cực của người dân...¹⁸.

Theo như Quyết định phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030 thì chưa có một hệ thống thiết chế văn hóa riêng cho công tác bảo tồn di sản văn hóa, thiết chế văn hóa cho công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa nằm trong hệ thống thiết chế văn hóa chung.

Hệ thống các thiết chế văn hóa trong công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa là điều kiện cơ sở vật chất không thể thiếu để các hoạt động giữ gìn và phát huy các giá trị tốt đẹp của di sản văn hóa được diễn ra trong đời sống xã hội. Do vậy, cần phải xây dựng, hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống các thiết chế văn hóa.

Mỗi thiết chế văn hóa trong bảo tồn, phát huy di sản văn hóa khi được xây dựng phải đảm bảo một số yêu cầu sau:

Một là, về nhân sự, có một đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ chuyên trách có trình độ chuyên môn, am hiểu về văn hóa, thiết chế văn hóa, cũng như về di sản văn hóa và bảo tồn di sản văn hóa. Đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa cần phải hiểu quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo tồn di sản văn hóa để tích cực tuyên truyền, phổ biến đến nhân dân. Họ là người cần phải nhận thức được những khúc mắc, khó khăn trong công tác bảo tồn di sản văn hóa để tư vấn, tham mưu, góp ý, kiến nghị cho Đảng, Nhà nước và Chính phủ. Do đó, họ cần phải nâng cao nhận thức và trình độ về văn hóa nói chung, bảo tồn và phát huy di sản văn hóa nói riêng để có thể giúp đỡ nhân dân các phương pháp, cách thức bảo tồn, phát huy di sản văn hóa. Nâng cao ý thức, trách nhiệm của nhân dân, nghệ nhân dân gian trong bảo tồn và phát huy di sản văn hóa. Phát huy tính tự giác, vai trò tự quản, tự nguyện, tích cực và chủ động của nhân dân và nghệ nhân trong bảo tồn, phát huy di sản văn hóa. Khi được trao quyền trong quản lý danh lam thắng cảnh, các di tích lịch sử, tổ chức lễ hội, thực hành di sản văn hóa phi vật thể, cần chủ động phối hợp với hệ thống chính trị cơ sở để làm tốt các công việc này. Thường xuyên dạy dỗ, truyền tải những cái hay, cái đẹp, các nội dung, giá trị, ý nghĩa của di sản văn hóa cho các thế hệ sau, đặc biệt là thế hệ trẻ để họ có thể tiếp nối các thế hệ cha ông bảo vệ tốt hơn nữa các di sản văn hóa của dân tộc.

Hai là, về tài chính, cần có một quỹ hoạt động đủ chi trả cho công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa. Đối với một số di sản văn hóa đang nằm trong diện cần bảo tồn khẩn cấp, Nhà nước phải có ngân sách riêng để hỗ trợ. Đối với các di sản văn hóa có thể huy động nguồn xã hội hóa thì huy động tối đa các nguồn lực và sức sáng tạo trong xã hội để đầu tư. Những di sản văn hóa nào có thể đem lại lợi

¹⁸ <https://quochoi.vn/hoatdongcuaquochoi/cackyhopquochoi/quochoikhoaXIII/Pages/danh-sach-ky-hop.aspx?ItemID=80526&CategoryId=0>

nhuận kinh tế thì tạo điều kiện về cơ chế, chính sách để có thể trở thành điểm thu hút tự tạo ra lợi nhuận bằng hình thức tham quan, du lịch, trình diễn, quảng bá, v.v... Quỹ hoạt động này dùng để chi trả lương cho cán bộ quản lý, cán bộ chuyên trách cùng đội ngũ cộng tác viên cũng như sử dụng để trùng tu, tôn tạo, sửa chữa di sản văn hóa khi có vấn đề xuống cấp.

Ba là, về quy chế hoạt động và vận hành. Cần phải có một quy chế hoạt động cụ thể. Trong đó vai trò của quản lý nhà nước trong quản lý di sản văn hóa được tăng cường, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến bảo tồn di sản văn hóa tiếp tục được hoàn thiện. Cán bộ và nhân dân được trang bị những hiểu biết, kiến thức về giá trị của di sản, kinh nghiệm bảo tồn di sản cũng như các nguyên tắc ứng xử với di sản và nghệ nhân dân gian. Xây dựng các văn bản hướng dẫn công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa sao cho hiệu quả. Thường xuyên tiến hành kiểm tra để có thể phát hiện ra các sai phạm trong các hoạt động có liên quan đến bảo tồn, phát huy di sản văn hóa, các hoạt động mê tín dị đoan núp bóng thực hành tôn giáo, tín ngưỡng. Khi phát hiện ra sai phạm cần phải tiến hành xử lý thật nghiêm khắc, có tính răn đe cao tránh các trường hợp tương tự xảy ra. Trong quá trình hoạt động, cần phải có các chương trình, kế hoạch cụ thể, phù hợp với đặc thù của từng loại di sản văn hóa cũng như từng khu vực, địa bàn để triển khai công tác bảo tồn di sản có hiệu quả. Một điều cũng vô cùng quan trọng là công tác thống kê các di sản văn hóa vì hiện nay các số liệu không trùng khớp, thiếu những báo cáo về số liệu bảo tồn di sản văn hóa. Nên tổ chức định kỳ những lớp tập huấn cho cán bộ làm công tác văn hóa để quán triệt các chủ trương, chương trình, kế hoạch của Đảng, Nhà nước về di sản văn hóa cũng như cập nhật, bổ sung thông tin, số liệu giúp họ nắm bắt tình hình.

Bốn là, về cơ sở vật chất, để bảo tồn, phát huy di sản văn hóa cũng cần phải có địa điểm, các trang thiết bị chuyên dùng. Cần phải xây dựng các phòng trưng bày có đầy đủ trang thiết bị âm thanh, ánh sáng. Các nhà hát phải có các phòng trình diễn riêng cho loại hình âm nhạc truyền thống như cách mà Nhà hát Opera Bắc Kinh - “Nhà hát giọt nước mắt bạc” của Trung Quốc đã làm. Các bảo tàng cũng cần được xây dựng và hoàn thiện theo hướng thu hút sự chú ý, quan tâm của đông đảo nhân dân bằng các hiện vật thực tế, sống động, thể hiện được cái hồn của các di sản được trưng bày. Việc trưng bày cũng cần được sắp xếp có ý tưởng rõ ràng, giúp người xem có thể cảm nhận được cái hay, cái đẹp, giá trị cốt lõi và chiều sâu văn hóa của di sản. Các thư viện cũng cần được nâng cấp để công tác tra cứu, tìm hiểu di sản có thể nhanh chóng, dễ dàng, đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, cần được số hóa để việc thưởng thức, chiêm ngưỡng, hưởng thụ các giá trị của di sản được dễ dàng, thuận tiện.

Di sản văn hóa hàm chứa cái hay, cái đẹp, cái tốt và giá trị văn hóa cốt lõi của quốc gia dân tộc, là một trong những yếu tố quan trọng trong phát triển bền vững của một quốc gia, thể hiện sức mạnh mềm của dân tộc. Việc xây dựng và hoàn thiện các thiết chế văn hóa trong bảo tồn di sản văn hóa là bảo đảm đầy đủ các điều kiện về cơ sở pháp lý, cơ sở vật chất, nhân lực, tài chính góp phần giúp công tác bảo tồn, phát huy di sản văn hóa sẽ có thêm nhiều thành tựu mới, nhiều di sản văn hóa của Việt Nam sẽ tiếp tục được UNESCO vinh danh, đem lại các lợi ích về vật chất và tinh thần cho đông đảo nhân dân, góp phần xây dựng đời sống văn hóa ngày càng hiệu quả./.

MÔ HÌNH VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN THỂ DỤC, THỂ THAO QUẦN CHÚNG KHU VỰC NÔNG THÔN MỚI

PGS.TS Bùi Ngọc

Viện Khoa học Thể dục, thể thao

1. Mở đầu

Xây dựng nông thôn mới là sự nghiệp cách mạng của toàn Đảng, toàn dân, của cả hệ thống chính trị^{1,2}. Xây dựng nông thôn mới giúp cho người dân nông thôn có niềm tin, trở nên tích cực, chăm chỉ, đoàn kết giúp đỡ nhau xây dựng nông thôn phát triển giàu đẹp, dân chủ, văn minh.

Thể dục, thể thao (TDTT) là một lĩnh vực hoạt động thuộc văn hóa xã hội, góp phần xây dựng nông thôn mới bền vững để từng bước nâng cao đời sống văn hóa tinh thần và sức khỏe của người dân ở khu vực nông thôn mới. Cùng với những thành tựu của công cuộc đổi mới, phong trào TDTT quần chúng khu vực nông thôn mới đã có bước phát triển và tiến bộ rõ rệt; Nhu cầu tập luyện TDTT của nhân dân từ thiếu niên, nhi đồng đến người cao tuổi, tỷ lệ gia đình thể thao hằng năm đều tăng. Song phong trào TDTT chưa sâu rộng, thiếu bền vững, còn nặng về các hoạt động bề nổi. Sự hiểu biết về sức khỏe và lợi ích của TDTT của người dân còn thấp... Đặc biệt mô hình và giải pháp phát triển TDTT ở nhiều nơi còn thiếu hiệu quả^{3,4}.

Vì vậy, phải xây dựng mô hình TDTT quần chúng ở nông thôn mới đáp ứng các nhu cầu đích thực của người dân và mang lại sức khỏe, tinh thần, thu nhập cho họ. Đồng thời, cần có các giải pháp tiến bộ, tăng cường hoạt động TDTT của người dân, phát triển các loại hình TDTT mới, thu hút nguồn đầu tư TDTT từ đó chuyển đổi phương thức TDTT tự nguyện sang phương thức tích cực. Đây là vấn đề cấp thiết mang ý nghĩa khoa học và thực tiễn.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng mô hình TDTT quần chúng khu vực nông thôn mới

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2019), Ban chủ nhiệm đã đề xuất Mô hình phát triển TDTT quần chúng ở khu vực nông thôn mới bao gồm hai mô hình cơ bản là mô hình về tổ chức bộ máy quản lý, điều hành và hỗ trợ công tác TDTT và mô hình hoạt động TDTT.

Mô hình về tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành và hỗ trợ công tác TDTT:

Mục đích: quản lý hoạt động TDTT, tuyên truyền, vận động và tổ chức nhiều hoạt động TDTT được nhiều người dân như các giải đấu thể thao, xây dựng các môn thể thao mà người dân yêu thích tập luyện.

¹ Nguyễn Ngọc Kim Anh (2012), Nghiên cứu phát triển TDTT quần chúng xã, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số Tây Bắc, Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.

² B.I. Gruzenkin (2006), “Quản lý thể thao”, Tạp chí Khoa học Thể dục, thể thao, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.

³ Nguyễn Ngọc Kim Anh (2012), Nghiên cứu phát triển TDTT quần chúng xã, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số Tây Bắc, Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.

⁴ Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1998), Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 16/7/1998 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) “về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”.

Mô hình gồm 3 cơ quan, tổ chức chính: Cơ quan quản lý TĐTT cấp xã, các tổ chức chính trị xã hội và tổ chức xã hội.

Vai trò, trách nhiệm của cơ quan quản lý TĐTT cấp xã:

Ủy ban nhân dân (UBND) cấp xã là cơ quan chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động TĐTT ở các địa phương. UBND xã giao cho Phó chủ tịch Văn hóa xã hội xã (hoặc công chức văn hóa xã hội) có nhiệm vụ chỉ đạo tổ chức hướng dẫn, tuyên truyền vận động người dân tham gia các hoạt động TĐTT, trang bị các kiến thức về luật TĐTT, đường lối chính sách TĐTT, các thông tư hướng dẫn, chương trình, kế hoạch hành động cho người dân thông qua các tổ chức chính trị xã hội trên địa bàn.

UBND cấp xã ban hành các quyết định tổ chức thành lập các câu lạc bộ (CLB) TĐTT cấp xã, hướng dẫn tổ chức các CLB trên địa bàn xã. Quản lý và cấp ngân sách cho hoạt động TĐTT. Phối hợp với các đoàn thể chính trị xã hội, các CLB TĐTT trên địa bàn xã huy động các nguồn ủng hộ, tài trợ cho các hoạt động TĐTT...

UBND xã xây dựng quy hoạch, quản lý các công trình TĐTT cũng như các cơ sở vật chất phục vụ cho công tác TĐTT.

Vai trò trách nhiệm của các tổ chức chính trị xã hội cấp xã:

Các tổ chức chính trị xã hội cấp xã bao gồm: Mặt trận Tổ quốc, Công đoàn, Hội Nông dân, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Người cao tuổi, Hội Nông dân... thực hiện công tác hỗ trợ cho hoạt động TĐTT quân chúng thông qua các hình thức tổ chức, tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân.

Vai trò của tổ chức xã hội:

Thành lập Hội TĐTT là tổ chức xã hội giúp cho việc tổ chức, tuyên truyền những chủ trương đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác TĐTT cũng như lợi ích, tác dụng của hoạt động TĐTT và các phương pháp tập luyện TĐTT cho người dân, vận động được đông đảo quần chúng tham gia, đồng thời tổ chức các hoạt động TĐTT thường niên góp phần làm phong phú đời sống của nhân dân khu vực nông thôn mới.

Cách thức thực hiện mô hình:

Tiếp tục thực hiện các mô hình quản lý TĐTT trước đây. Song để đảm bảo hiệu quả công tác TĐTT, các cơ quan quản lý TĐTT cấp xã cần tổ chức bộ máy hoạt động TĐTT cấp xã đặc biệt sát nhập Trung tâm Văn hóa, thể thao xã và nhà văn hóa xã, khu thể thao thôn để trở thành Trung tâm Văn hóa, thể thao xã. Thành lập Hội TĐTT để nâng cao hiệu quả tuyên truyền hướng dẫn công tác TĐTT. Đẩy mạnh, khuyến khích của các tổ chức, cá nhân ngoài công lập như doanh nghiệp, tổ chức các mô hình hoạt động TĐTT phù hợp với đặc điểm của từng địa phương.

2.2. Mô hình hoạt động TĐTT

Mô hình TĐTT công cộng

Mục đích nhằm thúc đẩy, hỗ trợ công tác TĐTT ở địa phương, thúc đẩy nhân dân tham gia tập luyện TĐTT ở địa phương, đặc biệt những nơi có điều kiện kinh tế khó khăn, Nhà nước phải bao cấp, xây dựng cơ sở vật chất TĐTT, hỗ trợ về đội ngũ hướng dẫn viên, trọng tài, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng TĐTT cho người dân...

Hình thức tổ chức hoạt động: UBND các xã trang bị, lắp đặt hoặc liên kết, xã hội hoá để xây dựng, lắp đặt các công trình TDTT trong và ngoài trời, tăng cường các cơ sở vật chất cho các thiết chế TDTT để tạo điều kiện cho người dân tham gia hoạt động TDTT.

Mô hình TDTT công cộng cung ứng các điều kiện hoạt động TDTT và thúc đẩy người dân tham gia hoạt động TDTT. Đây là mô hình đang có xu hướng mới ở khu vực thành thị. Tuy nhiên, ở khu vực nông thôn nói chung và nông thôn mới nói riêng chưa phát triển mạnh (do điều kiện kinh tế còn thấp). Mô hình này phù hợp với những vùng có điều kiện kinh tế, giao thông khó khăn, cơ sở vật chất TDTT nghèo nàn, trình độ tổ chức hoạt động TDTT của cộng tác viên còn yếu, nhận thức và nhu cầu của người dân chưa cao.... Do đó cần có sự quan tâm đặc biệt của cơ quan quản lý TDTT các cấp.

Mô hình xã hội hoá TDTT

Xã hội hoá TDTT là quá trình chuyển đổi trong lĩnh vực tham gia, quản lý và hoạt động TDTT: từ phương thức Nhà nước hoàn toàn làm TDTT sang phương thức Nhà nước kết hợp với xã hội cùng làm, tiến tới mô hình xã hội làm TDTT là chính, Nhà nước chỉ đóng vai trò định hướng chỉ đạo, kiểm soát, ban hành chính sách. Xây dựng và phát triển các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp về TDTT sẽ thu hút được đông đảo quần chúng tham gia, phát huy được các nguồn lực và khả năng sáng tạo của nhân dân trong phát triển sự nghiệp TDTT đất nước.

Mô hình dịch vụ TDTT

Mục đích: Tăng cường và nâng cao hoạt động TDTT đáp ứng nhu cầu của nhân dân ở khu vực nông thôn.

Chủ thể của mô hình: Là đơn vị TDTT công lập và đơn vị TDTT ngoài công lập: cung cấp các hoạt động dịch vụ TDTT. Đơn vị quản lý, giám sát là UBND xã - chịu trách nhiệm quản lý, giám sát các hoạt động TDTT của các cơ sở TDTT dịch vụ.

Đối tượng thụ hưởng là người dân sử dụng các dịch vụ TDTT của tư nhân.

Để phát triển loại hình dịch vụ này, Nhà nước cần có những hướng dẫn cụ thể thông qua việc ban hành các chính sách, chế độ khuyến khích đối với tư nhân trong việc đầu tư trên các lĩnh vực xây dựng: cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài trợ, bảo trợ các đội tuyển thể thao và đào tạo tài năng thể thao một cách phù hợp với quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, không ngừng vận động các doanh nghiệp xây dựng các cơ sở TDTT bán công, dân lập, tư nhân hoạt động theo hình thức kinh doanh dịch vụ, cho phép liên doanh với các tổ chức cá nhân, doanh nghiệp xây dựng các cơ sở thể thao giải trí quy mô lớn để vừa phục vụ, vừa kinh doanh.. Có như vậy, tiềm năng và nguồn lực của xã hội sẽ được khơi dậy mạnh mẽ, góp phần phát triển các phong trào TDTT, đáp ứng nhu cầu tập luyện thể dục, giữ gìn sức khỏe cho nhân dân.

2.3. Điều kiện để triển khai mô hình phát triển TDTT quần chúng ở khu vực nông thôn

Các điều kiện triển khai mô hình phát triển TDTT quần chúng ở khu vực nông thôn phải được dựa trên những cơ sở lý luận và tính pháp lý như sau:

(1) Chủ trương của Đảng và Nhà nước về đổi mới toàn diện hệ thống chính trị ở cơ sở

Nghị quyết số 17-NQ/TW ngày 18/03/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã được đưa ra để đáp ứng yêu cầu của giai đoạn phát triển mới⁵; Chỉ thị 1869/TTg, ngày 10/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường phối hợp đẩy mạnh cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” gắn với thực hiện mọi cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, cuộc vận động “Ngày vì người nghèo” và nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa, con người văn hóa, tổ dân phố văn hóa...

(2) Chủ trương của Đảng và Nhà nước đối với công tác TDTT

Ngày 01 tháng 12 năm 2011 Bộ Chính trị (khóa XI) đã ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020”. Nghị quyết là định hướng đặc biệt quan trọng đối với phát triển sự nghiệp TDTT ở nước ta trong thời kỳ đổi mới, CNH, HĐH và hội nhập quốc tế⁶. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII khẳng định “Phát triển nền văn hóa tiến tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là mục tiêu xuyên suốt quá trình phát triển của đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng”⁷.

(3) Những yêu cầu nâng cao chất lượng hoạt động TDTT quần chúng:

Cần tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, vận động và thu hút đông đảo nhân dân tham gia tập luyện TDTT, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển đa dạng các hình thức tổ chức tập luyện TDTT ở cơ sở. Gắn việc chỉ đạo phát triển phong trào TDTT với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở”, với chương trình xây dựng nông thôn mới. Bảo tồn, phát triển các môn thể thao dân tộc và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong các hoạt động TDTT. Có các giải pháp để phát huy tính tích cực, tính văn hóa, văn minh trong TDTT.

(4) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền cấp:

Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cần quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng về công tác TDTT, trên cơ sở đó có chủ trương phù hợp để lãnh đạo, chỉ đạo công tác TDTT ở từng địa phương, cơ sở. Thường xuyên kiểm tra việc triển khai thực hiện “Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam”, xây dựng và thực hiện quy hoạch phát triển TDTT; quy hoạch đất và huy động nguồn lực để xây dựng các cơ sở tập luyện TDTT, các khu vui chơi giải trí ở xã gắn với trường học. Hỗ trợ phát triển TDTT ở các xã địa phương mà điều kiện kinh tế, xã hội còn khó khăn.

⁵ Ban Bí thư Trung ương Đảng (2002), Chỉ thị số 17-CT/TW, ngày 23/10/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về phát triển TDTT đến năm 2010”.

⁶ Bộ Chính trị (2011), Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020”.

⁷ Đảng cộng sản Việt Nam (2016), Văn Kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

(5) *Chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển TDTT với xây dựng đời sống văn hóa cơ sở*

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã nhấn mạnh: “Tiếp tục đưa các hoạt động văn hóa thông tin về cơ sở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc, phát động phong trào toàn dân tham gia thực hiện nếp sống văn minh, gia đình, bản, làng văn hóa; tiến tới hoàn chỉnh hệ thống thiết chế văn hóa bằng nguồn lực Nhà nước và mở rộng xã hội hoá, làm cho văn hóa thấm sâu vào từng khu dân cư, từng gia đình, từng người”; Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng tiếp tục khẳng định: “Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, vừa kế thừa, phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Tiếp tục củng cố và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, đưa phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả”.

(6) *Phát triển TDTT gắn với Chương trình xây dựng nông thôn mới*

Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) Đảng ta khẳng định xây dựng nông thôn mới là một nhiệm vụ quan trọng trong định hướng phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã nêu rõ phương hướng, nhiệm vụ của xây dựng nông thôn mới đến năm 2020 là: Tiếp tục triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới phù hợp với đặc điểm từng vùng theo các bước đi cụ thể, vững chắc trong từng giai đoạn, giữ gìn và phát huy nét văn hóa bản sắc của nông thôn Việt Nam.

(7) Cần khảo sát các điều kiện thực tiễn của địa phương về kinh tế, văn hóa, chính trị cũng như các điều kiện về phong trào TDTT, cơ sở vật chất, thực trạng mô hình, kết quả công tác quản lý TDTT và nhu cầu tập luyện và hưởng thụ TDTT của quần chúng nhân dân. Mô hình phát triển TDTT nông thôn mới, với quan điểm TDTT “vì dân, do dân”, các mô hình cần căn cứ vào nhu cầu tập luyện và hưởng thụ TDTT của nhân dân, cần có hình thức tuyên truyền và nâng cao nhận thức của người dân về TDTT, đặc biệt ở những xã vùng sâu, vùng xa và đối tượng phụ nữ và trẻ em.

3. Giải pháp phát triển mô hình TDTT quần chúng khu dân cư ở khu vực nông thôn mới

Trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn của công tác TDTT quần chúng khu vực nông thôn mới ở các tỉnh thành, tác giả đề xuất các giải pháp phát triển mô hình TDTT quần chúng khu vực nông thôn mới như sau:

Giải pháp 1: Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo công tác phát triển TDTT quần chúng cấp xã

- Mục đích: Nâng cao hiệu quả công tác TDTT quần chúng cấp xã thông qua đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo công tác phát triển TDTT quần chúng cấp xã.

- Yêu cầu: Chính quyền cấp xã bám sát tình hình nhiệm vụ chính trị của Trung

ương và địa phương. Nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Gắn nhiệm vụ phát triển TDTT với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nội dung phát triển TDTT cần đặt trong chương trình, kế hoạch của cấp uỷ Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân. Tập trung vào những trọng điểm và bảo đảm sử dụng nguồn nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất hợp lý nhất, có hiệu quả cao nhất. Cần sự gương mẫu trong hành động của mỗi cán bộ, đảng viên.

- Nội dung giải pháp:

Chính quyền các cấp cần thu hút và phát huy vai trò của các tổ chức chính trị xã hội và tổ chức xã hội trong các hoạt động TDTT ở cơ sở. Cần tạo ra sự đồng bộ giữa Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, nhân dân (cộng đồng) làm chủ, chỉ có như vậy mới tạo nên động lực thúc đẩy công tác TDTT phát triển mạnh mẽ, đạt kết quả rõ rệt.

Đa dạng hóa các hình thức tập luyện cá nhân hoặc tập thể, tập luyện trong gia đình, thôn xóm với các nội dung tập luyện như: thể dục sáng, khí công, dưỡng sinh, võ thuật, đi bộ, chạy, đi xe đạp,... Tổ chức hội khoẻ, hoặc đại hội TDTT, ngày hội văn hóa - thể thao xã, phường, mỗi năm hoặc hai năm một lần, gắn với những ngày kỷ niệm lịch sử. Tổ chức các giải vô địch về từng môn ở cấp xã, lấy thôn, làng làm đơn vị thi đấu (có thể chia theo đối tượng, lứa tuổi).

Hướng dẫn mỗi xã chọn 1-2 môn để tổ chức thi đấu mang tính truyền thống hằng năm. Ngoài thể thao dân tộc, nên có các môn khác, như bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, điền kinh,..

Lồng ghép các hoạt động TDTT với công tác cổ động và tuyên truyền chính trị; xây dựng và củng cố các đoàn thể quần chúng; các cuộc vận động về vệ sinh, phòng bệnh, chăm sóc sức khoẻ nhân dân; bảo vệ, chăm sóc trẻ em; giữ gìn và bảo vệ môi trường, phong trào “mọi người vì sức khoẻ”; hoàn thiện thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở; cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới,

Giải pháp 2: Tăng cường và đẩy mạnh vai trò của quản lý nhà nước đối với các hoạt động văn hóa, thể thao ở cơ sở

- Mục đích: Phát huy vai trò của các tổ chức quản lý TDTT các cấp trong quản lý, tổ chức TDTT quần chúng.

- Yêu cầu: Các cấp chính quyền các cấp cần đẩy mạnh việc tăng cường quản lý nhà nước đối với các hoạt động văn hóa, thể thao ở cơ sở, đây là trách nhiệm và chức năng, nhiệm vụ của ban ngành các cấp trong công tác tham mưu, đề xuất, chỉ đạo, quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển TDTT nông thôn. Nội dung cơ bản tăng cường quản lý nhà nước đối với các hoạt động văn hóa, thể thao ở cơ sở.

- Nội dung giải pháp:

Đổi mới phương thức chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hóa, TDTT nông thôn; phương thức tuyên truyền, vận động, tập hợp người dân ở nông

thôn tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao. Phát huy hiệu quả hoạt động của các Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, tăng cường tổ chức các cuộc liên hoan, hội thi văn nghệ - TDTT.

Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, thể thao các địa phương phù hợp với tính chất, đặc điểm, bản sắc văn hóa các vùng và nhu cầu thị hiếu của nông dân, thu hút các tầng lớp nhân dân tham gia vào các hoạt động TDTT để hưởng thụ các giá trị nhân văn của TDTT và tạo nên các giá trị mới về văn hóa, TDTT. Tăng cường công tác thi đua khen thưởng; tổng kết đúc rút kinh nghiệm thực tiễn; xây dựng, nhân rộng mô hình điểm, các gương điển hình tiên tiến; nghiên cứu, đánh giá tác động hiệu quả các hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn.

Giải pháp 3: Hoàn thiện hệ thống thiết chế và hoạt động văn hóa, TDTT ở cơ sở

- Mục đích: Tập trung xây dựng, hoàn thiện, củng cố hệ thống thiết chế văn hóa, TDTT. Chú trọng đổi mới nội dung hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, TDTT các cấp trên địa bàn nông thôn mới.

- Yêu cầu: Bám sát với tình hình, thực trạng các thiết chế văn hóa, thể thao của địa phương. Xây dựng các thiết chế và hoạt động văn hóa, TDTT có bài bản.

- Nội dung giải pháp:

Tăng cường hoạt động của các đơn vị sự nghiệp văn hóa, TDTT của Nhà nước đưa các chương trình hoạt động, văn hóa, nghệ thuật phục vụ đồng bào vùng sâu, vùng xa, xã đảo, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số,...

Tăng cường đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ cho các bộ văn hóa - xã hội cấp xã và hạt nhân văn hóa, TDTT cơ sở cấp thôn.

Tổ chức các hoạt động văn hóa, TDTT ở nông thôn: liên hoan, hội diễn văn nghệ quần chúng, hội thi, tổ chức giải thi đấu các môn TDTT ở nông thôn,...

Xây dựng, Hội TDTT, câu lạc bộ TDTT ở thôn, làng, xã, phường, trường học, hoặc ở đơn vị cơ sở của các ngành hoạt động theo Quy chế Câu lạc bộ TDTT ở cơ sở do Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định.

Tổ chức các đội thể thao của thôn, làng, xã, phường, trường học, hoặc của đơn vị cơ sở của các ngành được thành lập và duy trì trong một thời gian nhất định để tham gia các cuộc thi đấu ở cơ sở.

Phát triển các cơ sở TDTT ở các nhà văn hóa, nhà thiếu nhi, điểm vui chơi của trẻ em.

Giải pháp 4: Tăng cường công tác bồi dưỡng cán bộ, cộng tác viên TDTT

Mục đích: Nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, cộng tác viên TDTT.

Yêu cầu: Chính quyền xã, các cơ sở, CLB TDTT cấp xã không ngừng nâng cao nhận thức về việc bồi dưỡng trình độ, phục vụ hiệu quả trong công tác TDTT cơ sở.

Nội dung Chính quyền xã cần xây dựng kế hoạch nguồn nhân lực bằng việc mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn cho cán bộ thể dục, thể thao, các cộng tác viên, hướng dẫn viên thể dục, thể thao ở cấp xã, cấp thôn, bản.

Có chính sách quản lý, sử dụng và phát triển lực lượng cộng tác viên, tình nguyện viên, đặc biệt là hướng dẫn, tổ chức các hoạt động ở mỗi thôn, bản, làng và mỗi khu dân cư.

Có chế độ chính sách và định biên cho cộng tác viên thể dục, thể thao ở cấp xã để giúp cho UBND xã tổ chức, theo dõi và chỉ đạo phong trào TDTT toàn xã.

Giải pháp 5: Tạo điều kiện về cơ sở vật chất, nguồn kinh phí cho hoạt động TDTT

- Mục đích: Xây dựng những điều kiện đảm bảo cho công tác TDTT được tổ chức tốt tại địa phương.

- Yêu cầu: Cần có sự quan tâm của toàn hệ thống chính trị, các tổ chức doanh nghiệp, người dân tham gia ủng hộ các cấp ở xã.

- Nội dung giải pháp:

Mỗi CLB, mỗi xã, thôn, xóm và khu dân cư phân đầu đều có sân, địa điểm tập luyện TDTT riêng; tổ chức các địa điểm tập luyện TDTT tại các xã có phong trào phát triển; các nhà văn hóa, nhà thiếu nhi có sân tập, địa điểm dành cho tập luyện TDTT. Quỹ đất do chính quyền xã cấp, kinh phí do vận động xã hội theo tinh thần xã hội hoá (50%).

Từng bước hình thành các trung tâm TDTT, các cơ sở tập luyện TDTT ở các xã có phong trào TDTT phát triển gắn với các trường học hoặc với các thiết chế văn hóa. UBND cấp huyện chỉ đạo quy hoạch đất đai cho Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã.

Cấp uỷ Đảng và Chính quyền cần tạo điều kiện để mỗi trường học đều có sân chơi, bãi tập cho học sinh. Những nơi có điều kiện nên xây dựng các cơ sở tập luyện TDTT gắn liền với trường học; hình thành khu trung tâm TDTT của xã gắn với trường học, được dùng chung cho học sinh và nhân dân địa phương. Quy hoạch đất cho hoạt động TDTT cấp xã theo Căn cứ Quyết định số 398/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020 về dành đất và xây dựng công trình văn hóa, thể thao cấp xã, thôn, đảm bảo đất để người dân làm sân chơi, bãi tập thể thao.

Dành nguồn kinh phí cho các hoạt động TDTT hằng năm (tổ chức thi đấu, nâng cao trình độ cho cán bộ, sửa chữa các công trình thể thao)..., kêu gọi các nguồn kinh phí xã hội hóa trong nhân dân, doanh nghiệp, các nhà tài trợ...

Các đơn vị phối hợp thực hiện: Đảng uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo triển khai thực hiện; Ban Văn hóa xã hội xã kiểm tra, giám sát; Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã chủ trì, triển khai thực hiện xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, kỹ thuật, công trình thể thao.

Giải pháp 6: Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục vận động quần chúng nhân dân tham gia các hoạt động TDTT

- Mục đích: Nâng cao nhận thức của quần chúng nhân dân về tác dụng của việc tập luyện TDTT, từ đó xây dựng phong trào TDTT quần chúng - toàn dân tập luyện TDTT

- Yêu cầu: Phải huy động tham gia của toàn bộ máy chính trị cấp xã, đồng thời phối hợp với các tổ chức đoàn thể xã hội tuyên truyền đến từng thôn xóm, từng người dân.

- Nội dung giải pháp: Mỗi cấp ủy đảng, chính quyền ở cơ sở phải chỉ đạo việc đẩy mạnh tuyên truyền, giải thích và thuyết phục bằng thực tế và nhiều hình thức sinh động để nhân dân, các cấp ủy đảng và chính quyền nhận thức đầy đủ hơn lợi ích và vai trò của TDTT đối với việc góp phần nâng cao sức khỏe, giáo dục đạo đức, nhân cách, lối sống và xây dựng đời sống văn hóa, tinh thần; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Lồng ghép với các chương trình truyền thông của các ban, ngành, đoàn thể liên quan và sử dụng nhiều kênh thông tin để tuyên truyền.

Giải pháp 7: Duy trì, bảo tồn và phát huy các môn thể thao dân tộc, gắn với hoạt động lễ hội của địa phương

- Mục đích: Thông qua các lễ hội truyền thống, hoạt động TDTT thu hút ngày càng nhiều người tham gia tập luyện, nâng cao sức khỏe, đời sống tinh thần, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc.

- Yêu cầu: Tại mỗi lễ hội, bên cạnh phần lễ mang đậm nét văn hóa tín ngưỡng, tâm linh thì phần hội với việc tổ chức thi đấu, giao lưu các môn TTDT, các trò chơi dân gian không chỉ tạo nên không khí vui tươi, hào hứng mà còn là điểm nhấn hấp dẫn, thu hút sự quan tâm của nhân dân và khách du lịch. Ngoài việc thể hiện sâu sắc những nét đặc trưng trong văn hóa tín ngưỡng, tâm linh của mỗi dân tộc, các môn TTDT còn giúp rèn luyện sức khỏe, sự dẻo dai trong đời sống sinh hoạt, sản xuất hàng ngày.

- Nội dung giải pháp: Mỗi thôn, làng có những địa điểm thích hợp có thể dùng cho hoạt động thể thao đặc trưng của địa phương như Kéo co, đẩy gậy, tung còn, bắn nỏ,... Khuyến khích tận dụng các điều kiện tự nhiên như sông hồ, gò đồi, bãi trống, đường đi, thậm chí ruộng đã thu hoạch, để tổ chức hoạt động TDTT.

Giải pháp 8. Xây dựng hệ thống thi đấu TDTT ở cơ sở.

Mục đích: Tăng cường phát triển các hệ thống thi đấu thể thao cho người dân; mỗi loại hình tập luyện TDTT phát hiện, tuyển chọn năng khiếu thể thao cho các đội tuyển cấp huyện, tỉnh...

Yêu cầu: Bám sát đặc điểm văn hóa truyền thống, các môn thể thao được người dân tham gia tập luyện TDTT thường xuyên để xây dựng hệ thống thi đấu cơ sở phù hợp với thực tiễn địa phương, huy động được nhiều nguồn lực tham gia.

Nội dung giải pháp: Từng bước xây dựng hệ thống thi đấu các môn thể thao trong toàn xã theo định hướng sau: Tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp xã vào dịp tổ chức các lễ kỷ niệm. Tổ chức các giải vô địch cấp xã theo lứa tuổi, theo các đội

tượng mỗi năm 1 lần ở các xã, thị trấn có phong trào phát triển; Đưa nội dung thi đấu các môn thể thao truyền thống vào các chương trình Lễ, Hội truyền thống hằng năm của các làng, xóm, khu phố vào ngày hội văn hóa - thể thao hoặc Đại hội TDTT cấp xã.

Các đơn vị phối hợp thực hiện: Đảng uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo trực tiếp; Phòng Văn hóa và Thông tin và Trung tâm TDTT cấp huyện, thị kiểm tra, giám sát; Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã chủ trì, triển khai thực hiện.

4. Kết luận, khuyến nghị

Trên cơ sở khoa học và bằng những phương pháp nghiên cứu thường quy, Ban chủ nhiệm đề tài đã xây dựng được mô hình và đề xuất giải pháp phát triển mô hình TDTT quần chúng khu vực nông thôn mới. Tuy nhiên, khi triển khai các mô hình trong thực tiễn, nhất thiết ứng dụng giải pháp hỗ trợ của các cơ quan và các tổ chức có liên quan đến công tác TDTT từ các cấp Trung ương đến tỉnh, huyện và đến xã.

4.1. Đối với Trung ương

Cần xây dựng chế độ, chính sách phát triển TDTT quần chúng: Tăng dần đầu tư ngân sách cho các hoạt động TDTT, ưu tiên cho các cơ sở vùng sâu, vùng xa, người nghèo, gia đình chính sách, xã hội... Đào tạo cộng tác viên TDTT cho mọi người, tạo cơ chế chính sách, khuyến khích các tổ chức cá nhân đầu tư cho TDTT, kết hợp quản lý nhà nước và quản lý xã hội về TDTT.

4.2. Đối với các tỉnh, thành

Các cấp uỷ đảng chính quyền, MTTQ, các tổ chức chính trị xã hội cần đẩy mạnh các hoạt động quán triệt, triển khai thực hiện các chế độ chính sách, quy định về TDTT đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân, tạo sự thống nhất cao về nhận thức vị trí, vai trò, tác dụng của công tác TDTT trong bồi dưỡng, nâng cao sức khoẻ, thể lực, rèn luyện ý chí, phát huy yếu tố con người, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp hoá, công nghiệp hoá đất nước. Quan tâm chỉ đạo, tổ chức tốt các hoạt động TDTT, các giải thi đấu; kịp thời biểu dương, khen thưởng những đơn vị, cá nhân có thành tích; quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, ưu tiên dành quỹ đất, kinh phí cho hoạt động TDTT; tạo điều kiện để cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân tham gia các hoạt động TDTT, duy trì và phát triển những môn truyền thống.

4.3. Đối với các xã

Cần vận động mọi tầng lớp nhân dân phát huy vai trò chủ thể trong việc triển khai mô hình TDTT gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới, phải xác định nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trong đó có lĩnh vực TDTT là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Phải xây dựng bộ máy chỉ đạo, điều hành từ xã đến thôn thật sự vững vàng cả về chất lẫn về lượng; trong quá trình thực hiện mô hình TDTT với phong trào nông thôn mới cần xác định xây dựng nông thôn là một quá trình lâu dài, tổng hoà nhiều mối quan hệ và chưa có tiền lệ. Do đó, cần có những giải pháp tăng cường

đào tạo, tập huấn để có lực lượng chuyên sâu; cần chủ động, sáng tạo, kịp thời giải quyết những vướng mắc cụ thể; xây dựng kế hoạch thực hiện chi tiết; phân công cán bộ đảng viên đảm nhận từng nội dung công việc; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, công tác sơ kết, tổng kết; không được chủ quan nóng vội, phải vừa làm vừa học hỏi kinh nghiệm, vừa đúc kết thực tiễn, vừa gắn chặt với những đặc điểm, tình cảm của người dân địa phương

Xác định trong các bước xây dựng nông thôn mới, công tác tuyên truyền, vận động để mọi cán bộ và người dân hiểu rõ mô hình TDTT gắn với xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ hết sức quan trọng và phải triển khai thường xuyên và thật sự đạt hiệu quả.

Lồng ghép các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình hỗ trợ có mục tiêu, các chương trình dự án khác ở nông thôn mới gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của địa phương. Đồng thời phải phát huy bài học kinh nghiệm thành công từ các chương trình mục tiêu, các phong trào TDTT quần chúng trước đây để vận dụng sáng tạo vào xây dựng TDTT nông thôn mới; trong đó có bài học xuyên suốt đó là “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

Tập trung thực hiện tốt các việc huy động các nguồn lực để xây dựng nông thôn mới cũng như phong trào TDTT, theo phương châm “huy động nguồn lực từ cộng đồng là quyết định, sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp và xã hội là quan trọng, hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước là cần thiết”, cấp uỷ, chính quyền và các đoàn thể cần phải quyết tâm khơi dậy được các nguồn lực tại chỗ của nhân dân; đóng góp trực tiếp bằng công sức, tiền của vào các công trình cộng đồng, cải tạo nâng cấp công trình TDTT. Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, công khai minh bạch các nguồn đầu tư, phát huy vai trò của toàn dân giám sát để đảm bảo chất lượng công trình đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, trong đó có công trình TDTT./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Du Kế Anh (2000), *Quản lý công tác TDTT nông dân* (Đình Thọ dịch) Nxb TDTT, Hà Nội.
2. Nguyễn Ngọc Kim Anh (2012), *Nghiên cứu phát triển TDTT quần chúng xã, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số Tây Bắc*, Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.
3. B.I.Gruzenkin (2006), “Quản lý thể thao”, *Tạp chí Khoa học Thể dục, thể thao*, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.
4. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2002), Chỉ thị số 17-CT/TW, ngày 23/10/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “*về phát triển TDTT đến năm 2010*”.
5. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1998), Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 16/7/1998 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) “*về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*”.
6. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2012), Nghị quyết số 17-NQ/TW, ngày 18/03/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “*về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn*”.

7. Bộ Chính trị (2011), Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 01/12/2011 của Bộ Chính trị “*về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020*”.
8. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2009), Thông tư số 69/2009/TT-BNNPTNT ngày 21-8-2009 “*Hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới*”.
9. Đảng cộng sản Việt Nam (2016), *Văn Kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG HỆ THỐNG NHÀ THIẾU NHI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH “NƠI CHẤP CÁNH NHỮNG ƯỚC MƠ”

Nhà Thiếu nhi Thành phố Hồ Chí Minh

Với tinh thần “Tất cả vì đàn em thân yêu”, trong những năm qua, hoạt động của hệ thống các Nhà thiếu nhi trên địa bàn Thành phố nói chung và Nhà Thiếu nhi Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng được tổ chức với sự đầu tư và thay đổi nội dung, hình thức phù hợp với điều kiện thực tế bằng nhiều phương thức hoạt động đa dạng, phong phú và đạt được những kết quả quan trọng, đáp ứng nhu cầu, sở thích của đông đảo thiếu nhi Thành phố và góp phần tích cực vào hoạt động của công tác Đội và phong trào thiếu nhi Thành phố.

Vai trò của Nhà thiếu nhi Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh có khoảng hơn 1,8 triệu trẻ em độ tuổi từ 0–16 tuổi¹. Với đặc thù lứa tuổi, nhu cầu vui chơi giải trí của đối tượng này là rất lớn. Từ thực tế này, năm 2017 công trình nâng cấp đầu tư xây mới Nhà Thiếu nhi Thành phố Hồ Chí Minh chính thức được khánh thành với kiến trúc hiện đại, sáng tạo.-Cơ sở vật chất được trang bị đáp ứng được các yêu cầu làm việc, học tập, vui chơi cho thiếu nhi với 15 phòng chức năng, 30 phòng năng khiếu và các công trình phụ trợ khác.

Nhà Thiếu nhi Thành phố với hơn 48 năm hình thành và phát triển được Thành Đoàn giao các nhiệm vụ:

- Tổ chức các hoạt động giáo dục, văn hóa, khoa học kỹ thuật, thể dục, thể thao, vui chơi bổ ích, để thu hút và đáp ứng nhu cầu, sở thích của đông đảo thiếu nhi.

- Tổ chức các cuộc thi năng khiếu như: thẩm mỹ nghệ thuật, thể thao, sáng tạo kỹ thuật cho tất cả thiếu nhi. Các hoạt động giáo dục truyền thống nhân các ngày lễ, kỷ niệm trong năm, các sự kiện chính trị của thành phố và theo các chủ điểm sinh hoạt của Đội.

- Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng và phát hiện năng khiếu thiếu nhi thông qua việc mở các lớp ngắn hạn, dài hạn, bán trú theo sở thích, hình thành các câu lạc bộ, đội, nhóm năng khiếu chuyên môn ở các lĩnh vực văn học, nghệ thuật, âm nhạc, hội họa, thể dục, thể thao, khoa học kỹ thuật.

- Tạo ra kinh nghiệm hướng dẫn phong trào, nghiệp vụ, chuyên môn cho hệ thống Nhà Thiếu nhi quận, huyện. Phối hợp với các đơn vị doanh nghiệp, sự nghiệp, các cơ sở Đoàn – Hội – Đội trực thuộc Thành Đoàn, các đơn vị kinh tế - xã hội tổ chức các chương trình hoạt động phù hợp với chức năng nhiệm vụ và định hướng trọng tâm của công tác Đoàn – Đội và phong trào thanh thiếu nhi Thành phố.

¹ Số liệu của Sở Lao động, Thương binh và xã hội cập nhật đến ngày 31/12/2022.

Hoạt động của Nhà Thiếu nhi Thành phố và hệ thống Nhà Thiếu nhi quận, huyện và Thành phố Thủ Đức (gọi tắt là hệ thống Nhà Thiếu nhi toàn thành) hiện nay đang tập trung đầu tư nhằm tạo môi trường giáo dục mang tính toàn diện ngoài nhà trường cho thiếu nhi và được xem là địa điểm vui chơi, sinh hoạt, học tập theo sở thích quen thuộc của thiếu nhi Thành phố.

Đổi mới hoạt động:

Hoạt động bồi dưỡng năng khiếu nhằm tạo điều kiện để các em thiếu nhi phát triển toàn diện ở nhiều lĩnh vực thời gian qua được Nhà Thiếu nhi Thành phố Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm, đầu tư và chỉ đạo hệ thống Nhà Thiếu nhi toàn thành thường xuyên tổ chức nhằm thu hút và phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí lành mạnh cho thiếu nhi. Nhiều bộ môn năng khiếu được mở rộng, mở mới như các môn võ (taekwondo, karatedo, vovinam, aikido), thể dục nhịp điệu, nhảy hiện đại, bóng rổ, bóng đá, patin... đã thu hút đông đảo thiếu nhi tham gia. Ở thời điểm dịch Covid-19 tác động nặng nề trên địa bàn Thành phố, Nhà Thiếu nhi Thành phố và hệ thống Nhà Thiếu nhi toàn thành đã nhanh chóng linh hoạt tổ chức các lớp bồi dưỡng năng khiếu sang trực tuyến như: cờ vua, nhảy hiện đại, MC nhí... sau khi Thành phố trở lại trạng thái bình thường mới, các lớp bồi dưỡng năng khiếu đã nhanh chóng trở lại hoạt động bình thường, nhiều lớp được mở rộng, có lớp chuyên sâu (hội họa) và đến nay 35 bộ môn được tổ chức với trung bình khoảng 3000 lớp học, thu hút gần 1000 giáo viên có trình độ và chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm tham gia giảng dạy. Bên cạnh đó, hoạt động bán trú hè được đầu tư, mở rộng, cải tiến cách làm đã nhận được sự ủng hộ của nhiều phụ huynh đưa con em đến tham gia, nhu cầu một số lớp đã vượt quá sự đáp ứng của Nhà Thiếu nhi trong hoạt động bán trú hè.

Hoạt động chính trị, phương pháp công tác Đội được quan tâm, đầu tư, nâng chất với nhiều hoạt động sôi nổi trong hệ thống Nhà Thiếu nhi toàn thành: Hội thi Chỉ huy Đội giỏi thành phố hằng năm được đầu tư mới về hình thức và nội dung thực hiện, giúp các em được thử thách và trải nghiệm, rèn luyện kỹ năng nhiều hơn. Đặc biệt, nhân kỷ niệm 25 năm Hội thi Chỉ huy Đội giỏi Thành phố, Nhà Thiếu nhi Thành phố Hồ Chí Minh đã ra mắt Ban Liên lạc Chỉ huy Đội giỏi Thành phố, tạo môi trường gắn kết, giao lưu, truyền lửa giữa các thế hệ chỉ huy Đội giỏi của Thành phố; năm 2023 đã ra mắt trang cộng đồng Chỉ huy Đội Thành phố Hồ Chí Minh trên mạng xã hội nhằm tăng cường công tác tập hợp, phát huy lực lượng chỉ huy Đội giỏi. Các sân chơi biểu diễn trống kèn được tổ chức thường xuyên, thu hút đông đảo các em thiếu nhi yêu thích trống kèn tham gia, có những chương trình biểu diễn nhạc kèn được livestream trên các trang fanpage hệ thống Nhà Thiếu nhi toàn thành, có những chương trình biểu diễn tại công viên Bạch Đằng, đường đi bộ Nguyễn Huệ đã thu hút đông đảo sự tham gia của thiếu nhi và người dân. Hằng năm Nhà Thiếu nhi Thành phố tổ chức “Liên hoan trống kèn toàn Thành” được nhiều Nhà Thiếu nhi quan tâm, đầu tư chương trình tham gia, tạo không khí, tạo không khí vui tươi và là dịp để các em thiếu nhi giao lưu, thể hiện các kỹ năng, tài năng,... Đến nay, Nhà Thiếu nhi Thành phố và 22 Nhà Thiếu nhi quận, huyện, Thành phố Thủ Đức đều duy trì hoạt động đội nghi lễ với hơn 700 em tham gia. “Hành trình về cội

nguồn” được hệ thống Nhà Thiếu nhi toàn thành tổ chức thường xuyên nhằm giáo dục truyền thống cho thiếu nhi gắn với các địa danh lịch sử trên địa bàn Thành phố với nhiều hình thức đa dạng, sinh động đã thu hút nhiều thiếu nhi đến tham gia.

Hoạt động thẩm mỹ nghệ thuật thu hút được nhiều thiếu nhi tham gia các lớp bồi dưỡng năng khiếu: ca, múa, nhạc, kịch, thời trang... với đội ngũ giáo viên được đào tạo chính quy, có nhiều kinh nghiệm; trong số đó có giáo viên là đội viên trưởng thành được học tập ở các trường nghệ thuật trở lại tham gia giảng dạy để chấp cánh những ước mơ cho các em thông qua sự hướng dẫn, hỗ trợ tâm huyết, nhiệt tình. Nhiều hoạt động cấp thành đã được chuyển tải về hệ thống Nhà Thiếu nhi đăng cai tổ chức như: liên hoan ca, múa, nhạc; liên hoan sắc màu nhạc cụ; liên hoan đờn ca tài tử... các hoạt động được hệ thống Nhà Thiếu nhi toàn thành đầu tư về nội dung, dàn dựng chương trình để nâng cao chất lượng nghệ thuật, nhiều chương trình đã được sự hỗ trợ chuyên môn của Hội nhạc sĩ Thành phố, Hội nghệ sĩ múa, Nhạc viện Thành phố, Trường Đại học Văn Hóa Thành phố... qua các chương trình đã tạo cơ hội để các em được gặp gỡ, giao lưu, nâng cao chất lượng phong trào văn hóa, văn nghệ, phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu... thu hút đông đảo thiếu nhi tham gia. Ở thời điểm Thành phố thực hiện giãn cách xã hội bởi dịch Covid-19, hoạt động thẩm mỹ nghệ thuật vẫn thu hút được các em thiếu nhi tham gia như cuộc thi video clip “Em hát đơn ca và gia đình cùng làm ca sĩ”, các lớp học trực tuyến (lớp thanh nhạc, múa ballet, nhảy hiện đại...). Sân chơi giao lưu âm nhạc lần đầu tiên được mở ra định kỳ hàng quý tại Nhà Thiếu nhi Thành phố với các chủ đề “Giai điệu tuổi thơ”, “Âm điệu quê hương” đã thu hút các câu lạc bộ, đội, nhóm nghệ thuật toàn thành hưởng ứng tham gia. Đến nay trên địa bàn Thành phố luôn duy trì hoạt động thường xuyên của 23 đội nghệ thuật Nhà Thiếu nhi Thành phố và hệ thống Nhà Thiếu nhi toàn thành.

Hoạt động thể dục, thể thao tạo sân chơi giao lưu đã được chuyển tải về hệ thống Nhà Thiếu nhi đăng cai tổ chức như: liên hoan các môn võ, giải cờ vua, cờ tướng, bóng rổ... đã thu hút đông đảo thiếu nhi yêu thích tham gia và được thể hiện tài năng của mình; thông qua các giải thi đấu, nhiều đơn vị đã phát hiện và quy tụ được những năng khiếu trong thiếu nhi để tập hợp cho đội tuyển các giải thi đấu cấp Thành phố và tham gia biểu diễn phục vụ các hoạt động lễ hội tại đơn vị. Tổ chức các sân chơi, trò chơi vận động dành cho thiếu nhi ở các trường tiểu học ngoại thành, thiếu nhi cơ nhỡ, khó khăn, mồ côi tại các trung tâm, mái ấm, nhà mở... đã thu hút nhiều thiếu nhi tham gia. Một số môn thể thao theo xu hướng mới (pickleball, patin) đã được cấp thành tổ chức tập huấn cho phụ trách môn của hệ thống Nhà Thiếu nhi toàn thành; hiện nay một số đơn vị đã tổ chức các lớp thu hút khá đông thiếu nhi tham gia. Một số cách làm mới đã đón nhận được sự quan tâm, tham gia của phụ huynh và thiếu nhi như: hội thi “Bé bò siêu tốc” tại lễ hội thiếu nhi; giải cờ vua trực tuyến với hệ thống và phần mềm thi đấu chuyên nghiệp...

Hoạt động sáng tạo kỹ thuật với các sân chơi khoa học, mô hình trải nghiệm sáng tạo được tổ chức nhằm đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí đa dạng của thiếu nhi thông qua các hoạt động như: ngày hội khoa học với đời sống; liên hoan khoa học

sáng tạo kỹ thuật mở rộng; hội trại học từ thiên nhiên; liên hoan nét ảnh tuổi thơ; liên hoan khéo tay hay làm thu hút đông đảo thiếu nhi tham gia. Tổ chức các sân chơi sáng tạo trực tuyến với nhiều nội dung phong phú như: cuộc thi video clip “Em vui sáng tạo - Khéo tay hay làm”, “Khám phá thiên nhiên”, “Ứng dụng sáng tạo”, hướng dẫn cách giải các khối Rubik, chế tạo đồ chơi từ vật liệu tái chế có sẵn tại nhà, hướng dẫn các em vào bếp thực hiện những món ăn đơn giản... đã đón nhận sự tham gia của nhiều thiếu nhi. Một số sân chơi mới phát huy sự sáng tạo đã thu hút sự tham gia của phụ huynh cùng con như: workshop nghệ thuật làm tranh mosaic, làm gốm và trang trí đồ gốm, tạo hình bong bóng.... Nhà Thiếu nhi Thành phố và một số Nhà Thiếu nhi quận, huyện và Thành phố Thủ Đức đã đầu tư không gian sáng tạo STEM nhằm tạo không gian khoa học công nghệ hữu ích, giúp các em thiếu nhi trau dồi những kỹ năng về khoa học máy tính, tư duy logic, tư duy thiết kế, tư duy sáng tạo, kiến thức liên môn STEM và các thuật toán liên quan thu hút thiếu nhi đến học hỏi, tham quan và trải nghiệm.

Những đầu tư và hoạt động mới

Không gian “Bác Hồ với thiếu nhi” được Thành Đoàn đầu tư và đi vào hoạt động từ ngày 19/5/2021 đã thu hút đông đảo thiếu nhi đến tham quan, tìm hiểu, học tập, giao lưu, tổ chức các hoạt động biểu diễn... giúp các em hiểu hơn về thân thế và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng như những tình cảm của Bác Hồ dành cho thiếu niên và nhi đồng.

Nhà truyền thống Đội Thiếu niên tiên phong Thành phố Hồ Chí Minh được nâng cấp, mở rộng là điểm đến tham quan, sinh hoạt của hàng chục nghìn lượt thiếu nhi, phụ huynh, các trường học trên địa bàn Thành phố.

Các hoạt động tư vấn tâm lý tạo môi trường gặp gỡ, chia sẻ kinh nghiệm trong quá trình nuôi dạy, giáo dục con đã nhận được sự quan tâm, tham gia của phụ huynh và thiếu nhi thông qua chương trình “Làm bạn cùng con” được tổ chức với nhiều hình thức: giao lưu, trò chuyện cùng chuyên gia, báo cáo chuyên đề... Các hoạt động rèn luyện kỹ năng thông qua trải nghiệm như: trại hè “Tung cánh đại bàng con”, “Cho con khôn lớn” thu hút nhiều thiếu nhi tham gia. Hoạt động câu lạc bộ “Dế Mèn”, “Ba lô con cóc” đã đón nhận nhiều thiếu nhi đến tham gia sinh hoạt, vui chơi.

Lễ hội thiếu nhi là sự kiện văn hóa cho thiếu nhi lần đầu tiên được tổ chức từ ngày 02/6/2023 đến 04/6/2023 với nhiều nội dung mới, hấp dẫn, vui chơi, giải trí phục vụ thiếu nhi, nhiều nội dung lần đầu được đầu tư, tổ chức đã tạo chuỗi các hoạt động giao lưu văn hóa thu hút hơn 7000 lượt thiếu nhi và phụ huynh tham gia.

Đánh giá và đúc kết:

Có thể thấy thời gian qua nhiều hoạt động đã được đổi mới cách làm, đóng góp hiệu quả thiết thực trong tổ chức các hoạt động bồi dưỡng năng khiếu, văn hóa, văn nghệ, khoa học kỹ thuật, thể dục, thể thao, vui chơi giải trí, rèn luyện kỹ năng sống, tạo môi trường giáo dục để các em phát triển toàn diện. Có những đầu tư mới, nâng cấp, mở rộng (Không gian “Bác Hồ với thiếu nhi”, Nhà truyền thống Đội

TNTP Hồ Chí Minh Thành phố Hồ Chí Minh); có những hoạt động lần đầu tiên được tổ chức (Lễ hội thiếu nhi) đã tạo được sự quan tâm và thu hút đông đảo thiếu nhi, phụ huynh tham gia. Có những thời điểm dịch Covid-19 diễn biến phức tạp tại Thành phố đã tác động nặng nề đến hoạt động của Nhà Thiếu nhi Thành phố, song với sự linh hoạt chuyển đổi mô hình hoạt động từ trực tiếp sang trực tuyến, nhiều hoạt động vẫn được triển khai và đạt hiệu quả tích cực. Sau khi trở lại bình thường mới, các hoạt động của Nhà Thiếu nhi Thành phố và hệ thống Nhà Thiếu nhi toàn thành đã nỗ lực vượt qua những khó khăn, có nhiều giải pháp phù hợp, linh hoạt để triển khai có hiệu quả các hoạt động nhằm thu hút thiếu nhi đến học tập, sinh hoạt, vui chơi và thực tế cho thấy, đến nay nhiều hoạt động bồi dưỡng năng khiếu, vui chơi, giải trí đã thu hút đông đảo thiếu nhi đến tham gia.

Hoạt động của Nhà Thiếu nhi Thành phố nói riêng và hệ thống Nhà Thiếu nhi toàn thành nói chung có thể thấy những mặt còn hạn chế như: phương thức tổ chức các hoạt động, phong trào thiếu nhi chưa thật sự sáng tạo, đổi mới chưa theo kịp yêu cầu của thực tế; việc nhân rộng các mô hình, cách làm hay còn chậm; điều kiện cơ sở vật chất để phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí lành mạnh cho thiếu nhi hiện nay có hạn, dẫn đến quá tải và chưa theo kịp với nhu cầu học tập, phát triển năng khiếu cho thiếu nhi; ngân sách dành cho hoạt động thiếu nhi còn hạn chế, ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả các hoạt động dành cho thiếu nhi.

Tâm nhìn và đổi mới:

Bước vào thời kỳ mới, đứng trước nhiều thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen; đứng trước sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ; nhu cầu ngày càng tăng, đa dạng của thiếu nhi và phụ huynh; hoạt động bồi dưỡng năng khiếu cần phải không ngừng đổi mới về nội dung và đa dạng về hình thức, không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động nhằm thu hút thiếu nhi để tăng tính cạnh tranh với các loại hình vui chơi, giải trí, đào tạo năng khiếu ngoài công lập và tư nhân khác... Quan tâm nâng cao chất lượng hoạt động, chuyên môn các khoa, phòng, bộ phận, thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ nghiệp vụ của hệ thống Nhà Thiếu nhi toàn thành nhằm nâng cao chất lượng tổ chức các hoạt động mang tính quy tụ, tập hợp thiếu nhi; tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động vai trò các câu lạc bộ, đội nhóm tại các Nhà Thiếu nhi đáp ứng tình hình mới.

Tổ chức các hoạt động điểm hoặc thí điểm phân công hệ thống các Nhà Thiếu nhi quận, huyện và Thành phố Thủ Đức tổ chức các hoạt động mang tính mới, ứng dụng phương thức và công cụ hiện đại nhằm thu hút thiếu nhi đến và tham gia nhiều hơn các hoạt động tại Nhà Thiếu nhi. Trong đó, lưu ý thí điểm, đổi mới tổ chức tại các địa phương ngoại thành, vùng sâu, vùng xa, vị trí địa lý rộng.

Tiếp tục rà soát, đánh giá và tổ chức hiệu quả bộ máy, tình hình biên chế, chế độ, chính sách đối với các lực lượng đang công tác tại Nhà Thiếu nhi, trong đó Nhà Thiếu nhi Thành phố nghiên cứu, tiên phong thực hiện, rút kinh nghiệm và tạo mẫu, hướng dẫn, hỗ trợ hệ thống các Nhà Thiếu nhi toàn thành để thực hiện.

Tiếp tục kiên trì, chủ động phối hợp với các đơn vị chức năng trong tham mưu cơ chế về chính sách quản lý, sử dụng hiệu quả tài sản công; vận động nguồn lực xã hội hóa cùng tham gia tổ chức hiệu quả các hoạt động và thiết chế dành cho thiếu nhi để hệ thống các Nhà Thiếu nhi toàn thành luôn là điểm đến ưu tiên của thiếu nhi, là ngôi nhà chấp cánh những ước mơ của những thế hệ măng non Thành phố mang tên Bác.

Cung thiếu nhi Thành phố trong tương lai gần sẽ được Thành phố quan tâm đầu tư, xây dựng mới với cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại sẽ đặt ra cho Nhà Thiếu nhi Thành phố sự chuẩn bị về đội ngũ để có thể vận hành, sử dụng một cách hiệu quả nhất, cũng như đầu tư mở rộng nhiều nội dung hoạt động mới nhằm chăm lo những nhu cầu vui chơi, giải trí đa dạng của thiếu nhi Thành phố thời gian tới./.

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP TÍCH HỢP QUY HOẠCH HỆ THỐNG THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO Ở VIỆT NAM TRONG QUY HOẠCH TỔNG THỂ QUỐC GIA

PGS.TS. Phạm Lan Oanh

Viện Văn hóa nghệ thuật quốc gia Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Việt Nam là một nước văn hiến, có thuần phong mỹ tục, văn hóa thâm sâu, văn vật khá đẹp, nhân tài lỗi lạc, và là một trong 31 nền văn minh (giá trị bản sắc) của nhân loại ngày nay¹. Bước sang giai đoạn Đổi mới, văn hóa Việt Nam được đề cập ngày càng đa dạng với nhiều góc tiếp cận khác nhau. Trong nghiên cứu về Văn hóa và phát triển, tiếp tục khẳng định, lòng yêu nước, yêu quê hương là giá trị cơ bản nhất trong văn hóa Việt Nam truyền thống, bên cạnh những giá trị khác như: gắn bó cộng đồng; lòng nhân ái; trọng đạo đức, trọng học thức và yêu cái đẹp. Đặc biệt, những giá trị mới, đang hình thành và ngày càng rõ nét trong xã hội Việt Nam, đó là khát vọng dân chủ lấy dân làm gốc; sự bình đẳng và công bằng xã hội; và vai trò của cá nhân và sự thành đạt². Đây là những giá trị hoàn toàn mới xuất hiện từ sau công cuộc đổi mới và chuyển sang nền kinh tế thị trường.

Trên tinh thần kế nối truyền thống văn hóa dân tộc trong xây dựng đời sống văn hóa cơ sở thật tốt để làm nền tảng vững chắc cho xây dựng nền văn hóa Việt Nam, con người Việt Nam, việc hình thành hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao từ trung ương đến các địa phương đã góp phần tích cực vào việc hiện thực hóa chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước trong nhiều năm qua. Khi đặt trong tổng thể quy hoạch quốc gia theo Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Nghị quyết số 90/NQ-CP ngày 16/6/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 81/2023/QH15 và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Chấp hành nghiêm túc các văn bản chỉ đạo, việc rà soát thực hiện nhiệm vụ theo cơ cấu chức năng nhiệm vụ, nội dung liên quan tới hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đặt trong bối cảnh mới, dựa trên kết quả báo cáo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng như hiểu biết và kinh nghiệm làm việc và từ các nguồn tài liệu tham khảo cụ thể, chúng tôi có một số đánh giá ban đầu.

2. Đánh giá thực trạng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao giai đoạn 2013 – 2023

2.1. Về khái niệm hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao

Đến hết năm 2023, cả nước có 32 di sản văn hóa được UNESCO ghi danh, hơn 40 nghìn di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được kiểm kê.

¹ A. T. Tonybee (2002), *Nghiên cứu về lịch sử - một cách thức diễn giải*, Nxb Thế giới, H, tr 65.

² Nguyễn Hồng Phong (1999), *Văn hóa và phát triển*, in trong *Những vấn đề văn hóa Việt Nam hiện đại*, Lê Quang Trang, Nguyễn Trọng Hoàn tuyển chọn và giới thiệu, Nxb Giáo dục.

130 di tích quốc gia đặc biệt; 3.621 di tích quốc gia; hơn 10.000 di tích cấp tỉnh, thành phố; 265 bảo vật quốc gia. Có 127 bảo tàng công lập và 70 bảo tàng ngoài công lập, đang lưu giữ hơn 4 triệu hiện vật. Có 63 thư viện cấp tỉnh, 665 thư viện cấp huyện, 1.630 thư viện cấp xã và hàng nghìn phòng đọc, tủ sách, không gian đọc tại cơ sở. Có 01 hãng phim Nhà nước, 03 hãng phim Nhà nước nắm giữ cổ phần, 190 đội chiếu bóng lưu động. Có 66 thiết chế văn hóa cấp tỉnh (Trung tâm văn hóa, Trung tâm Văn hóa Nghệ thuật, Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh, Trung tâm triển lãm...); 689/705 quận, huyện có Trung tâm Văn hóa - Thể thao hoặc Nhà Văn hóa; 8.207/10.598 xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hóa - Thể thao, trong đó có 5.625 đạt chuẩn (tỷ lệ 53%); 69.070/90.508 làng, thôn, bản, ấp... có Nhà Văn hóa, trong đó có 44.836 đạt chuẩn (tỷ lệ 49,5%).

Lĩnh vực thể thao có gần 600 công trình đủ tiêu chuẩn thi đấu cấp quốc gia và quốc tế, 371 sân vận động có khán đài, 222 nhà thi đấu có khán đài đủ tiêu chuẩn quốc gia, 11.923 cụm sân thể thao các loại... Ngoài ra, ở cấp tỉnh, huyện có 627 sân điền kinh, 10.101 nhà tập, 4.110 sân bóng đá, 3.270 sân vận động không có khán đài, hơn 2.000 bể bơi các loại, 29.012 sân cầu lông và đá cầu, cùng với đó hầu hết các môn thể thao đều có cơ sở để tập luyện và thi đấu ở các mức độ khác nhau trên phạm vi cả nước..v.v..

Đề cập đến hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở do ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch trực tiếp quản lý, bao gồm: Nhà văn hóa - khu thể thao thôn (gọi tắt là thôn); Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã, phường, thị trấn (gọi tắt là cấp xã); Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh (gọi tắt là cấp huyện); Trung tâm văn hóa tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi tắt là cấp tỉnh). Quyết định 2164/QĐ-TTg (11/11/2013) về phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở đến năm 2020 định hướng đến năm 2030, trong đó đề ra các mục tiêu cụ thể, nội dung quy hoạch (địa điểm, quỹ đất, cơ sở vật chất, kỹ thuật, bộ máy cán bộ) và các giải pháp thực hiện. Chỉ đạo ngành văn hóa đề xuất Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành hàng năm trong xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, có nội dung xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, chú trọng xây dựng cơ sở vật chất văn hóa trong chương trình xây dựng nông thôn mới, tổ chức đào tạo bồi dưỡng cán bộ làm việc tại hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp.

Các văn bản: Luật Thư viện, Luật Điện ảnh, nghị định về nghệ thuật biểu diễn, lại có những quy định cụ thể về thiết chế văn hóa không trùng với những đối tượng đã nêu trên.

Việc không thống nhất tổng thể khái niệm và nội hàm thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; thiết chế văn hóa, thể thao; các thiết chế văn hóa (nói chung); khái niệm công trình văn hóa, công trình thể thao... cơ sở vật chất, giữa đối tượng quản lý nhà nước và cộng đồng, tư nhân với những thiết chế cụ thể theo sự phân loại khác nhau chứng tỏ sự manh mún trong các văn bản quản lý. Đây chính là lý do khiến quy hoạch thiết chế văn hóa, thể thao giai đoạn 2013 - 2023, chủ yếu vẫn là những thiết chế được thể hiện cụ thể trong văn bản 2164/QĐ-TTg trên tinh thần kế thừa và tích hợp với những thiết chế đã có từ trước nhưng không xuất hiện trong văn bản đó

(như là thư viện, rạp hát, rạp chiếu phim, bảo tàng, các nhà thi đấu cấp quốc gia).

2.2. Việc tổ chức triển khai, kết quả đạt được

Sau khi được phê duyệt, các chương trình, đề án đã nhanh chóng được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng như các cơ quan Bộ, Ban, ngành liên quan và các các tỉnh, thành phố tổ chức triển khai văn bản và đưa vào các nội dung làm việc, chương trình hành động theo phân cấp quản lý. Tính chất liên văn bản, liên ngành đã khiến các hợp phần tạo nên quy hoạch thiết chế văn hóa, thể thao ở Việt Nam giai đoạn 2013 – 2023 có những khởi sắc. Các quy hoạch ngành văn, thể thao trước khi Luật quy hoạch có hiệu lực đã được triển khai ở các tỉnh, thành phố đã được phê duyệt nhưng chưa được cấp ngân sách (trung ương, địa phương) đều bị tạm dừng hoặc đã tiếp tục được tích hợp vào quy hoạch tổng thể. Do vậy, căn cứ vào những nguồn vốn đã được đầu tư, nhiều thiết chế văn hóa, thể thao đã được ra đời.

Đầu tư cho thiết chế văn hóa được chú trọng nên những công trình đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung cho địa phương để xây dựng nhà văn hóa, trung tâm văn hóa, trung tâm Triển lãm văn hóa nghệ thuật và Bảo tồn di sản văn hóa (các tỉnh Quảng Trị, Lào Cai, Đắk Lắk, Phú Thọ, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Kiên Giang) đều tăng qua thời gian (năm 2014 - 2015, năm 2016 - 2020, năm 2021 - 2025).

Trong đó ngân sách Nhà nước giai đoạn 2011 - 2015 (gọi tắt là Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg), đầu tư cho ngành văn hóa tập trung vào các dự án đầu tư xây dựng và cải tạo các công trình văn hóa, dự án bảo tồn, bảo tàng, điện ảnh, thư viện. Đầu tư cho ngành thể dục, thể thao vào dự án đầu tư xây dựng và cải tạo các công trình, dự án thuộc lĩnh vực thể dục, thể thao. Cùng với đó, *Các chương trình phát triển kinh tế - xã hội các vùng, Hỗ trợ đầu tư có mục tiêu cho các dự án cấp bách mà ngân sách địa phương không cân đối được*, với đối tượng đầu tư: “các công trình, dự án do bộ, ngành và địa phương quản lý được lãnh đạo Đảng và Nhà nước yêu cầu bố trí vốn đầu tư hằng năm” hỗ trợ đầu tư, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa thuộc Khu di tích lịch sử Đền Hùng (tỉnh Phú Thọ); hỗ trợ đầu tư bảo tồn, tôn tạo các di tích thuộc quần thể di tích Cố đô Huế (tỉnh Thừa Thiên Huế); Nhà văn hóa Trung tâm thành phố Đông Hà (tỉnh Quảng Trị).

Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2012 - 2015 (Quyết định số 1211/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2012), có Dự án số 3: Dự án Tăng cường đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo; Dự án số 4: Dự án đầu tư phát triển các loại hình nghệ thuật truyền thống; Dự án số 5: Dự án phát triển hệ thống cơ sở vui chơi, giải trí cho trẻ em khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo.

Giai đoạn 2016 - 2020, nguồn ngân sách nhà nước đã đầu tư cho văn hóa tập trung các dự án đầu tư xây dựng, tu bổ, tôn tạo di sản văn hóa thế giới, các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; bảo tồn văn hóa truyền thống, các dự án văn hóa; các dự án thuộc lĩnh vực hạ tầng thể dục, thể thao.

Cơ chế hỗ trợ đầu tư các dự án tại địa phương từ nguồn NSTW thông qua

Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa giai đoạn 2016 - 2020 (Quyết định số 936/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017) có nội dung đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao: (i) Dự án 2: Dự án tăng cường đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, (ii) Dự án 3: Phát triển các loại hình nghệ thuật biểu diễn. Giai đoạn này không có ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư các thiết chế thể thao tại địa phương. Các địa phương bố trí vốn thực hiện các công trình, dự án, hoạt động của Chương trình.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016), quy định các nội dung hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao. Dự án số 2 (Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội) nội dung số 06: *“Hoàn thiện hệ thống Trung tâm văn hóa – thể thao, Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn, bản. Đến năm 2020 có 75% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa; 80% số xã có Trung tâm văn hóa, thể thao xã; 70% số thôn có Nhà văn hóa – Khu thể thao”*. Dự án số 7 (Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn), Nội dung 01: *Xây dựng, phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, tạo điều kiện để người dân nông thôn tham gia xây dựng đời sống văn hóa, thể thao. Góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hóa và tham gia các hoạt động thể thao của các tầng lớp nhân dân, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cho trẻ em.* Nội dung 02: *Tập trung nghiên cứu, nhân rộng các mô hình tốt về phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của từng vùng, miền, dân tộc.*

Giai đoạn 2021 - 2025, Vốn Ngân sách trung ương đầu tư lĩnh vực Văn hóa, Thể thao có nội dung phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, các công trình văn hóa, xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các mục tiêu phát triển thể dục, thể thao.

+ CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 (Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022), nội dung số 05 thuộc dự án thành phần số 02: *Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất văn hóa, thể thao cấp xã, thôn, các Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện; tu bổ, tôn tạo các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch nông thôn; dự án thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn.*

+ CTMTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 10/10/2021), dự án 6 có nội dung *hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao và trang thiết bị tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số.*

Với các chương trình lớn đã nêu gắn với các nội dung liên quan tới thiết chế văn hóa, thể thao, có thể đánh giá quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao ở các tỉnh, thành phố đã có những kết quả cụ thể từ đầu tư có hiệu quả do các nguồn tiền được Chính phủ phân bổ cụ thể từng năm. Những thiết chế văn hóa, thể thao quan trọng quốc gia đều được hỗ trợ, đầu tư, phục vụ phát triển văn hóa xã hội một cách hiệu quả, góp phần thể hiện bộ mặt văn hóa, thể thao quốc gia có tầm cỡ, uy tín trong khu vực và trên thế giới. Nếu không có sự kế nối qua các giai đoạn thì hệ

thống thiết chế văn hóa, thể thao không thể được nâng cấp, tu bổ và đầu tư mới một cách hiệu quả như chúng ta đang có. Việc triển khai đồng bộ và khá tập trung đã góp phần nâng cao chất lượng công tác làm quy hoạch tổng thể nói chung và quy hoạch về thiết chế văn hóa, thể thao nói riêng trong giai đoạn 2013-2023.

2.3. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao giai đoạn 2013- 2023 đã được chú trọng đầu tư ở nhiều nội dung, tuy nhiên vẫn còn rất nhiều yếu tố bất cập.

Có thể nhận thấy rõ nét nhất là công tác quy hoạch không đồng đều ở các hạng mục thiết chế. Dù theo tiêu chí vùng miền, thành phần cư dân, cấp quản lý... Sự thiếu hụt cơ sở vật chất là các thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao cũng gây ra tình trạng bất bình đẳng trên phương diện hưởng thụ theo nhu cầu của người dân. Các thiết chế thiếu, hoặc có nhưng thiết bị không đồng bộ, tổng thể thiết chế xuống cấp... chắc chắn ảnh hưởng tới chất lượng hưởng thụ các sản phẩm văn hóa tinh thần của người dân.

Cấp quản lý, vai trò của nhà quản lý, cách thức quản lý các thiết chế - đây là yếu tố liên quan tới con người và bộ máy vận hành cũng nảy sinh nhiều bất cập. Dù có trong quy hoạch đã được phê duyệt hay quy hoạch đang chờ thì rõ ràng, hệ thống thiết chế văn hóa nói riêng, thiết chế thể thao nói riêng hay thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở nói chung đều đang bộc lộ nhiều bất cập.

Đối với những thiết chế đã có, căn cứ vào thực trạng sử dụng, có thể thấy bản thân thiết chế nhanh chóng bị xuống cấp. Bên cạnh đó, việc thiếu trang thiết bị, hoặc có trang thiết bị nhưng đã cũ kỹ lỗi thời, hết hạn khấu hao tài sản, hoặc thiếu thốn/không có trang thiết bị đã ảnh hưởng tới sự hấp dẫn, độ thu hút người dân đến sinh hoạt và luyện tập thường xuyên.

Hiện tượng sử dụng không đúng công năng, không đúng mục đích với các thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao cũng xảy ra. Có thể bên cạnh khía cạnh tốt là tận dụng, khai thác tối đa cơ sở vật chất đang có, thì mặt trái của sử dụng tài sản (thiết chế) cho thấy nếu không ý thức trách nhiệm cao thì việc cho thuê sử dụng tài sản công sẽ gây ra những hệ lụy không nhỏ về phương diện quản lý nhà nước.

Sự khác biệt vùng địa lý, vùng văn hóa, nông thôn, đô thị, khoảng cách phân biệt giàu nghèo cũng tác động đến yếu tố con người và cơ sở vật chất thuộc về thiết chế văn hóa, thể thao. Việc áp dụng phương thức xã hội hóa trong khẳng định quyền sử dụng/khai thác hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cũng là một trong những nguyên nhân gây ra nhiều bất cập khác.

Do công tác triển khai ban hành văn bản có thời gian, thời điểm chậm tiến độ so với dự kiến nên quá trình tuyên truyền, triển khai thực tế chưa kịp thời, chưa đồng bộ. Sự nhất quán trong chỉ đạo của các cơ quan cấp trên xuống tới cấp cơ sở trong những thời điểm nhất định chưa đủ thuyết phục cả về tiến độ và nội dung liên quan tới hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao.

- Giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế

Để góp phần khắc phục những tồn tại, hạn chế của hệ thống thiết chế văn hóa,

thể thao, trên tinh thần tích hợp vào yêu cầu của quy hoạch tổng thể quốc gia, các giải pháp đưa ra có thể xem xét một số nội dung như sau:

Tiếp tục rà soát những văn bản pháp lý còn hiệu lực thi hành, trên cơ sở đó, tích hợp nội dung liên quan thuộc hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao để từ đó *thống nhất toàn bộ quan điểm xuyên suốt về hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao ở cả phương diện cơ sở vật chất và nội dung hoạt động, mô hình quản lý...*

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là đầu mối thực hiện nội dung hoàn thiện căn cứ pháp lý và tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò của văn hóa, thiết chế văn hóa, thể thao là đầu tư cho con người (sức khỏe và tuổi thọ của người dân là một chỉ số quan trọng chi phối chính sách an sinh xã hội), đầu tư phát triển bền vững đất nước trong chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển quốc gia trên cơ sở chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đã ban hành. Mức chi cho văn hóa khuyến khích trên 2% chi ngân sách đi liền với *minh bạch nguồn chi hiệu quả* cho những đầu tư cụ thể, công khai. Và có cơ chế, chính sách tiếp tục thu hút sự đầu tư ngoài ngân sách Nhà nước cho văn hóa, thể thao, đặc biệt đầu tư trực tiếp, hiệu quả cho thiết chế văn hóa, thể thao để tạo những điều kiện vật chất tốt nhất phục vụ nhu cầu tinh thần và nâng cao chất lượng tầm vóc, thể chất của công dân Việt Nam.

Có cơ chế phù hợp và đẩy mạnh nội dung xã hội hóa các thiết chế văn hóa, thể thao, đặc biệt là các thiết chế thể thao nhà nghề có khả năng kinh doanh, thúc đẩy gia tăng chất lượng dịch vụ như mô hình của các nước phát triển. Có cơ chế phù hợp liên quan tới hiến tặng, trao tặng, tài trợ, bảo trợ cho các hoạt động văn hóa, thể thao.

3. Đề xuất, kiến nghị

Nghị quyết số 81/2023/QH15 gắn với 12 chữ “*Tư duy mới-Tầm nhìn mới-Cơ hội mới - Giá trị mới*”. Quy hoạch tổng thể quốc gia là căn cứ pháp lý, công cụ quan trọng kết nối giữa quy hoạch cấp quốc gia với quy hoạch vùng/tỉnh một cách đồng bộ, nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của đất nước để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng trên từng vùng lãnh thổ, trên các địa bàn chiến lược, biên giới, biển, đảo, khu kinh tế, khu công nghiệp trọng điểm; đáp ứng yêu cầu phòng thủ...

Trên tinh thần của Đảng và Chính phủ chọn ưu tiên giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát; chú trọng phát triển toàn diện và đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, tiếp tục nâng cao uy tín, vị thế của nước ta trên trường quốc tế, Ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch nắm vai trò nòng cốt trong sự nghiệp “*Chấn hưng văn hóa Việt Nam trong thời kỳ mới*”, tiếp tục triển khai hiệu quả 06 nhóm nhiệm vụ và 04 nhóm giải pháp xây dựng, giữ gìn và phát huy những giá trị đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đã được Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng chỉ đạo tại Hội nghị văn hóa toàn quốc năm 2021. Mục tiêu, nhiệm vụ xuyên suốt là “*Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc*”, tích cực góp phần cùng cả nước hoàn thành các mục

tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, một số kiến nghị quanh nội dung đang bàn gồm:

3.1. Đối với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

- Xem xét, ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa.
- Ban hành chính sách đặc thù cho thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở (thiết chế văn hóa, thể thao Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Trung tâm Văn hóa, thể thao cấp xã, Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn và tương đương).
- Thường xuyên chỉ đạo các bộ, ngành, đoàn thể và UBND các tỉnh/thành tiếp tục hoàn thiện, khai thác và phát huy hiệu quả của thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở.
- Bổ sung kinh phí đầu tư và định mức kinh phí từ các nguồn chương trình mục tiêu quốc gia để tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, nhất là đối với các tỉnh khu vực đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo.

Có quy định cụ thể chi tiết khả thi, để việc đầu tư các dự án xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao đến tận cơ sở được thực sự hiệu quả từ nguồn ngân sách trung ương, địa phương và các tổ chức đoàn thể khác.

Khuyến khích các hình thức xã hội hóa đa dạng để gia tăng hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đã có, đang có, sẽ có bằng những cơ chế cụ thể, khả thi.

3.2. Đối với Bộ, ngành liên quan

Thực sự quan tâm tới các thiết chế văn hóa, thể thao đã/đang/sẽ được hình thành trong tổng thể hệ thống để hiệu quả đầu tư về cơ sở vật chất và hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao thực sự gắn bó với người dân, có hiệu quả tích cực trong đời sống và được người dân yêu thích. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục bố trí đầu tư và tăng định mức kinh phí từ các nguồn chương trình mục tiêu quốc gia để tiếp tục củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, nhất là đối với các tỉnh khu vực đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo.

3.3. Đối với các tỉnh/thành

Ban hành Nghị quyết chuyên đề về phát triển văn hóa, thể thao của địa phương.

Bố trí ngân sách, quỹ đất để đầu tư xây dựng, hoàn thiện, sửa chữa, nâng cấp thiết chế văn hóa, thể thao các cấp đảm bảo yêu cầu về kỹ thuật và công năng sử dụng; đầu tư, mua thiết bị, hương tiện chuyên dùng đồng bộ, đảm bảo kinh phí hoạt động nghiệp vụ đối với thiết chế văn hóa, thể thao đang có.

Đổi mới phương thức tổ chức, quản lý và nâng cao chất lượng hoạt động của thiết chế văn hóa, thể thao các cấp phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

Xây dựng và ban hành cơ chế thu hút, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội hóa đối với thiết chế văn hóa, thể thao các cấp; chế độ ưu đãi đào tạo hạt nhân năng khiếu về văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao.

*

* *

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là đầu mối phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành liên quan kiểm tra, đôn đốc các địa phương thực hiện quy hoạch tổng thể, trong đó có hệ thống quy hoạch thiết chế văn hóa, thể thao. Kiên quyết phối hợp xử lý những sai phạm trong việc hoán đổi hoặc thu hồi đất của các công trình văn hóa, thể thao dành cho mục đích khác trái pháp luật. Trong trường hợp có lỗ hổng về văn bản pháp luật thì cần sửa đổi, bổ sung ngay để ngăn chặn kịp thời tình trạng này.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có chương trình nghiên cứu tổng thể thuộc đề tài cấp Bộ đi sâu vào nội dung thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao để tiếp tục nghiên cứu nâng cao năng lực quản lý nhà nước, tiến tới ra được các tài liệu cẩm nang, tiêu chuẩn Việt Nam về nội dung này để thể hiện cụ thể những nội dung quản lý nhà nước về lĩnh vực Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được Chính phủ phân công. Hoàn thiện đồng bộ/lồng ghép các văn bản liên quan đến đầu tư cho văn hóa và thể thao theo hướng luật hóa và các văn bản dưới luật để làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý và thực thi trong thực tiễn đời sống ngày càng văn minh hiện đại, vì sức khỏe và cuộc sống hạnh phúc của người dân./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A. T. Tonybee (2002), *Nghiên cứu về lịch sử - một cách thức diễn giải*, Nxb Thế giới, H, tr 65.
2. Nguyễn Hồng Phong (1999), *Văn hóa và phát triển*, in trong *Những vấn đề văn hóa Việt Nam hiện đại*, Lê Quang Trang, Nguyễn Trọng Hoàn tuyển chọn và giới thiệu, Nxb Giáo dục.
3. Đoàn Thị Mỹ Hương (2023), “Xây dựng môi trường văn hóa tại các thiết chế văn hóa ở Việt Nam: một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, *Tc Văn hóa học*, số 4, tr 12-19.
4. Các văn bản thuộc về chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước.
5. Các văn bản do Quốc hội, ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành (Luật Di sản văn hóa, 2009; Luật Quy hoạch, 2017); Luật thể dục, thể thao, 2018; Luật Đầu tư công, 2019...).
6. Các văn bản do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành còn hiệu lực thi hành (gồm: Nhóm quy hoạch, chiến lược, chương trình; Nhóm văn bản luật; Nhóm quản lý tài chính; Nhóm tổ chức bộ máy).
7. Các văn bản của Bộ, cơ quan ngang Bộ.
8. Báo cáo tổng kết các năm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Bộ liên quan.

PHÁT HUY HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA THIẾT CHẾ VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP VĂN HÓA CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Hồ Phong

Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh

ThS. Nguyễn Hoàng Anh

Sở Văn hóa, Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh

Hệ thống các thiết chế văn hóa các cấp có nhiều vai trò, vị trí và chức năng khác nhau trong đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội ở Việt Nam. Bài viết dưới đây tiếp cận từ góc nhìn kinh tế văn hóa để chỉ ra những khả năng đóng góp của các thiết chế văn hóa công cấp thành phố ở Thành phố Hồ Chí Minh (TP HCM) trong việc phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Bài viết có bố cục gồm các nội dung: phân loại và xác định nhóm loại thiết chế văn hóa công mà bài viết sử dụng, tổng quan về hệ thống thiết chế văn hóa công cấp thành phố ở TP HCM, những định hướng phát triển ngành công nghiệp văn hóa và khả năng đóng góp vào sự phát triển đó của các thiết chế văn hóa cấp thành phố; một số đề xuất với hàm ý tham khảo từ góc nhìn chính sách để các thiết chế văn hóa công cấp thành phố góp phần vào sự phát triển ngành công nghiệp văn hóa ở TP HCM.

1. Đặt vấn đề

Thiết chế văn hóa là hệ thống các cơ sở, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ chuyên tổ chức các hoạt động văn hóa phục vụ đời sống văn hóa tinh thần của con người. Tiếp cận từ quan điểm này, tùy vào các căn cứ có thể phân loại hệ thống thiết chế văn hóa ở Việt Nam như sau:

- Căn cứ vào chủ thể chịu trách nhiệm chính vận hành và tổ chức hoạt động có thể phân loại thành: thiết chế văn hóa công lập và thiết chế văn hóa dân lập;
- Căn cứ nội dung hoạt động chính có thể phân loại thành: thiết chế văn hóa - xã hội, thiết chế văn hóa tín ngưỡng;
- Căn cứ vào phạm vi lãnh thổ có thể phân loại thành: thiết chế văn hóa nội địa và thiết chế văn hóa có yếu tố quốc tế;
- Căn cứ vào đối tượng mục tiêu thụ hưởng có thể phân loại thành: thiết chế văn hóa công cộng và thiết chế văn hóa phi công cộng;
- Căn cứ vào mức độ tích hợp nội dung hoạt động có thể phân loại thành: thiết chế văn hóa chuyên biệt/chuyên ngành và thiết chế văn hóa tổng hợp.
- Căn cứ vào tính chuyên nghiệp của hoạt động có thể phân loại thành: thiết chế văn hóa chuyên nghiệp và thiết chế văn hóa quần chúng/đại chúng.

Nếu chỉ xét trong phạm vi loại hình thiết chế văn hóa công lập, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân cấp có thể phân loại thành: thiết chế văn hóa cấp quốc gia, thiết chế văn hóa cấp tỉnh và tương đương, thiết chế văn hóa cấp huyện và tương đương, thiết chế văn hóa cấp xã và tương đương, thiết chế văn hóa cấp thôn và tương đương.

Như vậy, có nhiều cách phân loại thiết chế văn hóa khác nhau tùy vào căn cứ, mục đích và góc độ tiếp cận của nhà nghiên cứu, và không có cách phân loại nào là tối ưu hơn cách phân loại còn lại. Hơn nữa, việc phân loại các thiết chế văn hóa cũng chỉ mang tính chất tương đối, giúp nhà nghiên cứu thuận tiện hơn trong việc phân tích, đánh giá các dữ liệu nghiên cứu chứ không có tính khu biệt tuyệt đối. Mỗi loại thiết chế văn hóa phản ánh những nội dung hoạt động, chức năng, nhiệm vụ chính của thiết chế đó đối với đời sống xã hội.

Trong tham luận này, tác giả chọn cách phân loại thiết chế văn hóa căn cứ vào chủ thể chịu trách nhiệm chính vận hành và tổ chức hoạt động văn hóa phục vụ người dân. Trong đó, tác giả giới hạn nhóm thiết chế văn hóa công cấp thành phố của TP HCM. Điều này đồng nghĩa rằng những thiết chế văn hóa cơ sở từ cấp quận/huyện và tương đương trở xuống không phải là đối tượng mà bài viết đề cập.

2. Tổng quan về các thiết chế văn hóa công cấp thành phố và định hướng phát triển các ngành công nghiệp văn hóa ở TP HCM đến năm 2030

2.1. Tổng quan về các thiết chế văn hóa công cấp Thành phố

Theo dữ liệu được công bố trên website của Sở VH & TT TP HCM, tính đến tháng 01/2024, TP HCM có các thiết chế văn hóa công cấp thành phố như sau:

Tên/loại thiết chế văn hóa	Số lượng
Bảo tàng, bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa	08
Đơn vị nghệ thuật biểu diễn truyền thống (nhà hát)	03
Đơn vị nghệ thuật biểu diễn đương đại (nhà hát, trung tâm,...)	06
Thư viện	01
Trung tâm văn hóa TP HCM	01
Tổng	19

Nguồn: <http://svhtt.hochiminhcity.gov.vn/cac-don-vi-truc-thuoc-so>

(Truy cập ngày 21/1/2024)

Bảng trên cho thấy TP HCM có số lượng thiết chế văn hóa công cấp thành phố lớn hơn nhiều so với các địa phương cùng cấp hành chính khác. Mức độ phát triển này phù hợp với yêu cầu xây dựng, phát triển văn hóa của một đô thị lớn về dân số, diện tích và quy mô kinh tế như TP HCM. Thực tế trong nhiều năm qua, các thiết chế văn hóa công cấp thành phố ở TP HCM đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế – văn hóa – xã hội của Thành phố ở những mức độ và khía cạnh khác nhau như dịch vụ văn hóa, du lịch; đời sống văn hóa cơ sở, nếp sống của cư dân đô thị theo quỹ đạo văn minh – hiện đại – nghĩa tình; v.v... Thế nhưng bên cạnh những biểu đạt tích cực đó, sự phát triển của các thiết chế văn hóa ở TP HCM vẫn còn khá nhiều vấn đề cần thảo luận, giải quyết. Bàn về vấn đề này, trong “*Đề án Chiến lược phát triển ngành văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 – 2035*” đã viết như sau: Hệ thống thiết chế văn hóa của Thành phố phát triển chậm, không đáp ứng được quy mô và cơ cấu dân số; một số thiết chế đang có dấu hiệu xuống cấp, hoạt động chưa hiệu quả. Thiết chế văn hóa dành cho những ngành nghệ thuật đặc thù, nhất là nghệ thuật dân tộc, nghệ thuật truyền thống và nghệ thuật hàn lâm chưa được đầu

tư đúng mức. Do yếu tố lịch sử nên cơ sở vật chất các đơn vị nghệ thuật công lập đã xuống cấp, chưa đủ điều kiện để tổ chức biểu diễn phục vụ công chúng tại chỗ. Các thiết chế phục vụ biểu diễn văn hóa nghệ thuật, điện ảnh trên địa bàn Thành phố được đầu tư phát triển chủ yếu từ nguồn ngân sách, chưa đáp ứng được nhu cầu hưởng thụ văn hóa ngày càng cao của Nhân dân [UBND TP HCM, 2021].

Những hạn chế trên sẽ là các rào cản cho sự phát triển mạnh, bền vững và toàn diện của các lĩnh vực kinh tế văn hóa (trong đó có công nghiệp văn hóa), văn hóa - xã hội hóa của TP HCM ở hiện tại và trong tương lai gần. Ở phạm vi rộng hơn, những hạn chế trên sẽ làm giảm động lực phát triển của TP HCM trong quá trình hướng đến mục tiêu của năm 2025 là: Xây dựng TP HCM văn minh, hiện đại với vai trò đô thị đặc biệt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đóng góp ngày càng lớn đối với khu vực và cả nước; từng bước trở thành trung tâm lớn về kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học - công nghệ của đất nước và khu vực Đông Nam Á; góp phần tích cực đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Phát triển TP HCM thành trung tâm văn hóa, thể thao, trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho vùng và cả nước; đảm bảo tốc độ tăng trưởng kinh tế theo hướng bền vững, phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn [Thủ tướng Chính phủ, 2013].

Thế nhưng, những ai quan tâm đến sự phát triển ngành văn hóa của TP HCM có thể lạc quan, tin tưởng vào tương lai tương sáng hơn của các thiết chế văn hóa công cấp thành phố. Cơ sở cho niềm tin, lạc quan này đó là những định hướng đầu tư phát triển các thiết chế văn hóa cấp thành phố khá cụ thể, với những quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị TP HCM. Điều này được thể hiện trong “*Đề án Chiến lược phát triển ngành văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 – 2035*” như sau:

- Xây dựng đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, đưa vào hoạt động có hiệu quả một số công trình văn hóa xứng tầm với thời đại như Dự án Nhà hát Giao hưởng – Nhạc, Vũ kịch TP HCM với qui mô 1.700 chỗ ngồi; Trung tâm biểu diễn nghệ thuật đa năng, Nhà hát Nghệ thuật truyền thống; Rạp Xiếc và biểu diễn nghệ thuật đa năng Phú Thọ với qui mô 2.000 chỗ ngồi (đang trong quá trình thi công);

- Hoàn chỉnh và phê duyệt quy hoạch mạng lưới thiết chế văn hóa Thành phố đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2035. Xây dựng mới Trung tâm văn hóa Thành phố đa năng, hiện đại;

- Xây dựng Trung tâm Văn hóa Thành phố theo hướng một đô thị nhiều trung tâm nhằm kéo giảm sự tập trung của người dân nhu cầu sinh hoạt, hưởng thụ văn hóa về duy nhất một nơi;

- Đầu tư đúng tầm cho Thư viện Tổng hợp TP HCM; hình thành trung tâm bảo quản vùng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các thư viện [UBND TP HCM, 2021].

- Định hướng theo phân kỳ thời gian: (i) Giai đoạn 2020 - 2025: Hoàn thành việc thống kê, đánh giá hiện trạng và hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn

hóa từ Thành phố xuống cơ sở do ngành văn hóa quản lý và hoàn chỉnh và phê duyệt quy hoạch mạng lưới thiết chế văn hóa Thành phố đến năm 2030, tầm nhìn 2035. Xây dựng mới Trung tâm Văn hóa Thành phố. (ii) Giai đoạn 2025 – 2030: Phát triển đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, từng bước khắc phục tình trạng chênh lệch về mức thụ hưởng văn hóa giữa khu vực nội thành và ngoại thành. (iii) Giai đoạn 2030 – 2035: Chuẩn hóa hệ thống thiết chế văn hóa trên địa bàn Thành phố theo đúng tiêu chí quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch [UBND TP HCM, 2021].

Nếu những định hướng, mục tiêu phát triển hệ thống thiết chế văn hóa trên của TP HCM đạt được ở mức độ cao thì chắc rằng ngành công nghiệp văn hóa Thành phố có thêm nhiều động lực, nguồn lực để phát triển đúng với kỳ vọng của Nhân dân thành phố và đạt được các mục tiêu đúng với những định hướng của TP HCM được thể hiện trong *Đề án Phát triển ngành công nghiệp văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030*, được công bố năm 2023.

2.2. Định hướng phát triển ngành công nghiệp văn hóa ở TP HCM đến năm 2030

Tính đến thời điểm hiện nay, nếu so với nhiều địa phương cùng cấp hành chính khác ở Việt Nam sẽ thấy rằng TP HCM là nơi có mức độ phát triển khá sôi động các ngành công nghiệp văn hóa. Bảng 1 dưới đây sẽ phần nào minh chứng cho nhận định này.

Bảng 1: Số lượng doanh nghiệp hoạt động trong một số ngành công nghiệp văn hóa ở TP HCM (Tính đến năm 2020)

TT	Ngành sản xuất, kinh doanh	Số doanh nghiệp
1	Điện ảnh	873
2	Nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật	347
3	Nhiếp ảnh, thời trang, kiến trúc	2.887
4	Triển lãm	2.491
5	Quảng cáo	5.188
6	Du lịch	2.036
7	Phát thanh – truyền hình	22
8	Lập trình máy tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động khác liên quan đến máy vi tính	3.814
9	Hoạt động của thư viện, lưu trữ, bảo tàng và các hoạt động văn hóa khác	12
10	Tổng	17.670

Nguồn: UBND TP HCM, 2023, tr. 48

Giá trị sản xuất đóng góp chung vào nền kinh tế của một số ngành công nghiệp văn hóa ở TP HCM trong giai đoạn 2016 – 2020 cũng giúp chúng ta nhận diện rõ hơn về mức độ phát triển ngành công nghiệp văn hóa của TP HCM.

Bảng 2: Giá trị sản xuất của một số ngành công nghiệp văn hóa ở TP HCM giai đoạn 2016 – 2020*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

Lĩnh vực	2016	2017	2018	2019	2020
Điện ảnh	6.464	7.041	7.805	8.040	6.733
Nghệ thuật biểu diễn	873	946	1.027	1.049	1.395
Mỹ thuật	385	386	388	399	532
Nhiếp ảnh	333	357	386	395	233
Triển lãm	6.143	6.688	7.413	7.784	9.147
Quảng cáo	39.876	44.608	48.868	51.063	46.986
Dịch vụ văn hóa	4.383	4.797	5.260	5.492	1.666
Thời trang	2.161	2.249	2.360	2.470	2.422
Khác	4.507	5.548	6.458	7.431	8.025
Tổng	65.125	72.620	79.965	84.123	77.135

Nguồn: UBND TP HCM, 2023, tr. 49

Bảng 2 cho thấy trừ năm 2020, do bị ảnh hưởng nặng nề, sâu sắc của đại dịch Covid-19 nên nhiều chỉ số về giá trị sản xuất của các ngành công nghiệp văn hóa của TP HCM có biến động theo chiều suy giảm so với năm 2019, thì từ năm 2016 đến 2019, giá trị sản xuất của tất cả các ngành công nghiệp văn hóa năm sau cao hơn năm trước. Giá trị kinh tế của 08 lĩnh vực công nghiệp văn hóa ở TP HCM đã có những đóng góp quan trọng vào tốc độ phát triển kinh tế, tổng thu ngân sách hằng năm của Thành phố.

Sự phát triển của ngành công nghiệp văn hóa ở TP HCM trên cơ sở những điều kiện thuận lợi rất quan trọng như: Thành phố có nguồn tài nguyên văn hóa phong phú và đa dạng; là địa phương giàu tài năng sáng tạo, có nhiều tiềm năng về nguồn nhân lực; có nhiều tiềm năng về thị trường trong nước và cạnh tranh khu vực;... Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy TP HCM vẫn còn rất nhiều khó khăn, thách thức để ngành công nghiệp văn hóa phát triển tương xứng với tiềm năng và lợi thế vốn có. Một số khó khăn điển hình như: Các mô hình quản lý và đầu tư chưa phù hợp cho sự phát triển của các ngành công nghiệp văn hóa; Thành phố chưa có các cơ chế chính sách phù hợp cho sự phát triển công nghiệp văn hóa như: các tổ chức văn hóa, nghệ thuật chưa được phép vận hành như các doanh nghiệp xã hội; chính sách kiểm duyệt của Việt Nam chưa được rõ ràng và dễ hiểu; việc thực thi về sở hữu trí tuệ, quyền bản quyền còn nhiều bất cập;... Nguồn nhân lực của Thành phố thiếu hụt các kỹ năng quản trị doanh nghiệp cùng với sự yếu kém tổng thể về giáo dục mang tính sáng tạo. Thành phố thiếu kết nối mạng lưới, thiếu các tổ hợp sáng tạo, mức độ xúc tiến thị trường lao động thấp; chưa có cơ chế thúc đẩy phát triển mạnh mẽ thị trường nội địa và quốc tế cho các ngành công nghiệp văn hóa còn chưa phát triển [UBND TP HCM, 2023, tr. 94-99].

Để từng bước khắc phục những rào cản, tạo động lực lớn hơn cho sự phát triển của ngành công nghiệp văn hóa, trong “Chiến lược phát triển ngành văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 – 2035” [UBND TP HCM, 2021], TP HCM đã đặt ra những định hướng phát triển cụ thể như sau:

- Xây dựng TP HCM có thị trường mỹ thuật, sân khấu – điện ảnh và nghệ thuật biểu diễn phát triển mạnh đứng đầu cả nước. Phát triển mạnh các ngành văn hóa giải trí, kết hợp với du lịch, xây dựng Thành phố thành một trung tâm văn hóa giải trí lành mạnh với nhiều loại hình của cả nước và khu vực; chủ động tiếp nhận chuyển giao công nghệ và kinh nghiệm quản lý ở các lĩnh vực mới mẻ như dịch vụ văn hóa, công nghiệp văn hóa, thị trường văn hóa;

- Lập chiến lược phát triển cho các ngành: nhiếp ảnh, mỹ thuật, triển lãm, Karaoke, vũ trường, quảng cáo, điện ảnh, sân khấu, thời trang;

- Đưa mỹ thuật và nhiếp ảnh phát triển ngang tầm với khu vực và từng bước theo kịp các nước phát triển. Phát triển mỹ thuật cộng đồng, mỹ thuật tương tác; khai thác năng động các dịch vụ, sản phẩm mỹ thuật, phát triển mạnh việc ứng dụng công nghệ hiện đại để sáng tác và phổ biến tác phẩm mỹ thuật tiệm cận với trình độ quốc tế;

- Đối với lĩnh vực điện ảnh: Củng cố và phát triển lĩnh vực điện ảnh hiện đại, hiện đại hóa công nghiệp điện ảnh, hình thành trung tâm điện ảnh của cả nước; nâng cao số lượng và chất lượng phim Việt Nam; tăng tỷ lệ chiếu phim Việt Nam tại rạp đạt ít nhất 45% số buổi chiếu phim truyện Việt Nam trên tổng số buổi chiếu phim tại rạp, 40% phim Việt Nam trong tổng số phim phát hành; đầu tư xây dựng và hoàn thiện trung tâm chiếu phim hiện đại; hình thành trường quay với trang thiết bị kỹ thuật cao, trung tâm kỹ thuật tiên kỳ, hậu kỳ phục vụ việc sản xuất phim ảnh; xây dựng đội ngũ các biên kịch, đạo diễn, quay phim, thiết kế mỹ thuật, họa sỹ hóa trang, diễn viên, chuyên gia kỹ thuật công nghệ, nhà lý luận phê bình, nhà sản xuất phim, nhà phát hành phim, nhà quản lý điện ảnh được đào tạo chuyên sâu, có đủ trình độ và năng lực phát triển nền điện ảnh Thành phố hiện đại, nhân văn. Đến năm 2035, điện ảnh Thành phố có đội ngũ sáng tác, sản xuất phim có trình độ chuyên môn cao trong khu vực Đông Nam Á và Châu Á, trong đó có những tài năng được quốc tế công nhận;

- Đối với lĩnh vực quảng cáo: Thành phố phấn đấu đi đầu trong việc áp dụng khoa học công nghệ vào tất cả loại hình quảng cáo; thí điểm hình thành khu vực quảng cáo công cộng lớn, mang tính điểm nhấn; áp dụng công nghệ mới như AI, IoT, Big Data... vào hoạt động quảng cáo. Tỷ lệ nguồn nhân lực đào tạo chuyên nghiệp chiếm 60% nguồn nhân lực quảng cáo cả nước; hình thành hệ thống chuẩn mực quảng cáo đặc thù của Thành phố với định hướng quảng bá hình ảnh, thương hiệu của riêng TP HCM. Đến năm 2035, hình thành và phát triển TP HCM thành Trung tâm quảng cáo của cả nước và khu vực Châu Á;

- Đối với lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn: Khai thác tốt nhất tiềm năng, lợi thế của ngành nghệ thuật biểu diễn trên địa bàn Thành phố, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh trong lĩnh vực này; phát triển thị trường cho các tác phẩm sân khấu, âm nhạc, các chương trình biểu diễn; bảo tồn và phát huy nghệ thuật truyền thống kết hợp với các loại hình nghệ thuật đương đại; hình thành một số thương hiệu có uy tín trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn; thành lập Trung tâm Phát triển công nghiệp văn hóa TP HCM. Trung tâm Nghệ thuật biểu diễn TP HCM hoạt động trên lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, thời trang, có chức năng biểu diễn, tổ

chức biểu diễn các chương trình nghệ thuật, điện ảnh, thời trang và các lĩnh vực khác, đảm bảo yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị của Thành phố, phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập, giải trí, nâng cao trình độ thưởng thức nghệ thuật của công chúng; tăng đầu tư để có nhiều kịch bản, vở diễn có giá trị cao về nội dung và nghệ thuật; xây dựng các chương trình nghệ thuật thành sản phẩm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế; xây dựng các đơn vị nghệ thuật Nhà nước đúng theo quy chuẩn về tổ chức, chất lượng nghệ thuật, phương hướng nghệ thuật, đội ngũ diễn viên, khuyến khích và tạo điều kiện thành lập các đơn vị nghệ thuật ngoài công lập; chú trọng đầu tư thỏa đáng cho việc đào tạo tài năng nghệ thuật cả ở trong và ngoài nước; xây dựng một số công trình biểu diễn nghệ thuật tiêu biểu, cơ sở luyện tập và trang thiết bị kỹ thuật hiện đại.

Trong “Đề án Phát triển ngành công nghiệp văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030” được công bố năm 2023, TP HCM một lần nữa đưa ra những định hướng phát triển cụ thể của ngành công nghiệp văn hóa như sau:

- Định hướng chung:

+ Phát triển ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam trên địa bàn TP HCM trở thành ngành kinh tế sản xuất, dịch vụ và kinh tế sáng tạo quan trọng, phát triển rõ rệt về chất và lượng, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế và giải quyết việc làm thông qua việc sản xuất ngày càng nhiều sản phẩm, dịch vụ văn hóa đa dạng, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ, tiêu dùng văn hóa của người dân Thành phố và xuất khẩu; góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, quảng bá hình ảnh, con người TP HCM; xác lập được các thương hiệu sản phẩm, dịch vụ văn hóa của Thành phố.

+ Xác định mục tiêu thực hiện phát triển ngành công nghiệp văn hóa trọng điểm trên địa bàn TP HCM bao gồm 08 ngành, lĩnh vực chủ yếu như sau: điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm, quảng cáo, du lịch văn hóa, thời trang [UBND TP HCM, 2023, tr.121].

- Định hướng cụ thể:

+ Giai đoạn 2021 – 2025: Phát triển TP HCM trở thành trung tâm công nghiệp văn hóa của cả nước và khu vực; đầu tư nguồn lực phù hợp, khuyến khích xã hội hóa, tập trung phát triển một số ngành sẵn có lợi thế, có nhiều giá trị đóng góp vào GRDP của Thành phố gồm: Quảng cáo; thời trang, triển lãm, điện ảnh; du lịch văn hóa; định hướng và từng bước phát triển các ngành: nghệ thuật biểu diễn, nhiếp ảnh và triển lãm trở thành ngành dịch vụ quan trọng của Thành phố, đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố; phấn đấu doanh thu của các ngành công nghiệp văn hóa đóng góp khoảng 5,7% GRDP của TP HCM và tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội [UBND TP HCM, 2023, tr.122].

+ Giai đoạn 2026 – 2030: Phát triển đa dạng, đồng bộ và hiện đại tất cả các ngành công nghiệp văn hóa trên địa bàn TP HCM một cách bền vững, ứng dụng công nghệ tiên tiến; các sản phẩm, dịch vụ văn hóa có thương hiệu uy tín trong khu vực và quốc tế, đạt tiêu chuẩn của các nước phát triển, tham gia sâu rộng vào chuỗi giá trị sản phẩm, dịch vụ văn hóa của khu vực và thế giới; xây dựng TP HCM trở

thành trung tâm công nghiệp văn hóa của khu vực Đông Nam Á; phần đầu doanh thu của các ngành công nghiệp văn hóa tăng dần qua từng năm, đóng góp khoảng 7,2% GRDP của TP HCM và tiếp tục tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội [UBND TP HCM, 2023, tr.122].

3. Khả năng đóng góp vào sự phát triển ngành công nghiệp văn hóa ở TP HCM của các thiết chế văn hóa cấp thành phố

Dù hệ thống thiết chế văn hóa cấp thành phố ở TP HCM vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế như đã bước đầu phân tích ở trên. Tuy nhiên, các thiết chế văn hóa cấp thành phố có nhiều khả năng để có những đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành công nghiệp văn hóa ở TP HCM. Cụ thể là:

- 100% thiết chế văn hóa cấp thành phố đều có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn gắn bó mật thiết với sự phát triển sự nghiệp ngành văn hóa của TP HCM, trong đó có việc phát triển ngành công nghiệp văn hóa ở nhiều mức độ và khía cạnh khác nhau. Hơn nữa, nhiều đơn vị có lịch sử hình thành và phát triển lâu năm nên đã xây dựng được những giá trị thương hiệu, chỗ đứng nhất định trong lĩnh vực văn hóa ở Thành phố, thậm chí “sức mạnh thương hiệu” của một số đơn vị còn vượt ra khỏi phạm vi quốc gia, thâm nhập bước đầu vào thị trường văn hóa nghệ thuật quốc tế;

- 100% thiết chế văn hóa cấp thành phố nằm ở những vị trí hiện tại hoặc vị trí mới được quy hoạch “rất đẹp” xét từ khía cạnh kinh tế. Những vị trí thuận lợi đó sẽ mang lại cho các thiết chế văn hóa cấp thành phố những lợi thế lớn về giao thông, giao thương, xây dựng mạng lưới kết nối – mạng lưới đối tác; tiếp cận thị trường/khách hàng, thực hiện các hoạt động truyền thông, quảng bá;...

- 100% thiết chế văn hóa cấp thành phố đều có đội ngũ nguồn nhân lực trong biên chế, lực lượng cộng tác viên, mạng lưới đối tác và nhiều nguồn vốn xã hội khác. Phần đông trong số này được đào tạo bài bản, chuyên môn sâu, có kinh nghiệm thực tiễn dày dặn; có tâm huyết với sự phát triển ngành văn hóa của Thành phố nói chung; tài năng của một số người đã vươn lên tầm quốc tế. Điều này cho phép các thiết chế này thuận lợi hơn trong việc bố trí, sắp xếp, huy động nguồn nhân lực trong các hoạt động, chương trình phát triển văn hóa khi cần;

- 100% thiết chế văn hóa cấp thành phố đều được ngân sách cấp 1 phần kinh phí để hoạt động chi thường xuyên và chi đầu tư. Dù thực tế, mức tài chính được cấp chưa đáp ứng được sự kỳ vọng, mong muốn của nhiều bên liên quan. Nhưng đó vẫn là nguồn tài chính quan trọng, góp phần tạo nên tâm lý “an tâm” nhất định đối với người làm việc nơi đây. Vấn đề là nguồn tài chính đó cần được xem như là “vốn” cơ sở để những viên chức, người lao động trong ngành văn hóa của Thành phố tạo ra những động lực tốt hơn trong quá trình lao động, sáng tạo thay vì duy trì và phát triển thái độ “chờ” ngân sách và tư tưởng “bao cấp” vốn tồn tại nhiều năm qua.

- Hầu hết các thiết chế văn hóa cấp thành phố có cơ sở vật chất, diện tích đất sử dụng mà các doanh nghiệp ngoài Nhà nước nếu muốn có phải mất một khoản đầu tư tài chính rất lớn. Với những nguồn lực đó, các thiết chế văn hóa cấp thành phố có thể tận dụng khai thác, thu hút đầu tư theo cơ chế đặc thù mà TP HCM đang triển khai theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội về Thí điểm một số cơ chế,

chính sách đặc thù phát triển TP HCM; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND của HĐND TP HCM về triển khai thực hiện Nghị quyết 98/2023/QH15 của Quốc hội về Thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TP HCM.

4. Một số đề xuất với hàm ý tham khảo từ góc nhìn chính sách

Từ việc phân tích bước đầu trên cho thấy các thiết chế văn hóa cấp thành phố ở TP HCM có rất nhiều điều kiện, nguồn lực để đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự phát triển chung của ngành công nghiệp văn hóa của Thành phố. Từ góc nhìn chính sách, chúng tôi đề xuất một số khuyến nghị có hàm ý tham khảo như sau:

Một là, hiện nay, ngành văn hóa không thuộc lĩnh vực được thực hiện theo luật số 64/2020/QH14 – Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP). Tuy nhiên, TP HCM đang từng bước thực hiện Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về Thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về Thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh. Đặc biệt trong Kế hoạch số 586/KH-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của HĐND TP HCM về Tổ chức thực hiện Nghị quyết 98/2023/QH15 của Quốc hội về Thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ghi rõ nhiệm vụ của Ban Văn hóa – Xã hội thuộc HĐND TP HCM là “Quy định về quy mô, tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP trong lĩnh vực y tế, giáo dục – đào tạo, thể thao và văn hóa [HĐND TP HCM, 2023b]. Như vậy, TP HCM cần kịp thời nghiên cứu, xây dựng và ban hành các chính sách để xây dựng cơ sở pháp lý cụ thể, vững chắc cho các thiết chế văn hóa công cấp thành phố triển khai các giải pháp nhằm thu hút đầu tư theo phương thức đối tác công tư – PPP, đồng thời đề xuất thời gian thực hiện để tạo sự yên tâm cho nhà đầu tư cũng như có sự đánh giá hiệu quả thực hiện.

Hai là, dù TP HCM đã ban hành nhiều chính sách để thu hút và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong ngành văn hóa. Điển hình như Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2019 của UBND TP HCM Ban hành Quy định về chính sách thu hút và phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt đối với lĩnh vực thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu trong giai đoạn 2019 – 2022 [UBND TP HCM, 2019]. Hay như gần nhất là Kế hoạch số 586/KH-HĐND của HĐND TP HCM về Tổ chức thực hiện Nghị quyết 98/2023/QH15 của Quốc hội về Thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh cũng ghi rõ nhiệm vụ của Ban Văn hóa – Xã hội là: Quyết định mức thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt của Thành phố; quyết định về nguyên tắc, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, mức thu nhập và các chính sách khác để tuyển dụng công chức, viên chức từ nguồn sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, người có trình độ cao phù hợp với nhu cầu tuyển dụng của Thành phố [HĐND TP HCM, 2023b]. Nhưng thực tế chính sách này đến nay chưa thấy những hiệu quả rõ ràng. Bằng chứng là chất lượng nguồn nhân lực ngành văn hóa của Thành phố chưa có nhiều chuyên viên biên dịch mang tính đột phá. Tình trạng thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao tại các đơn vị sự nghiệp công cấp thành phố ở lĩnh vực văn hóa vẫn còn tồn tại phổ biến. Theo chúng tôi, một trong những

nguyên nhân của thực trạng đó là tâm lý lo lắng, e ngại về môi trường làm việc và cơ hội phát huy năng lực tại những cơ quan, đơn vị công lập mà họ chấp nhận “đầu quân” của những ứng viên mục tiêu mà chính sách thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao hướng đến. Chúng ta có câu “Một cánh én không làm nên mùa xuân”. Thực tế là nếu tại các đơn vị, cơ quan công lập về văn hóa chỉ có một số rất ít người “có chất lượng cao” (xét từ khía cạnh năng lực chuyên môn, bằng cấp, phẩm chất đạo đức, khả năng phối hợp và thực thi công tác) – trong khi phân đông còn các hạn chế, khiếm khuyết về chuyên môn, tác phong làm việc,... thì nhóm nhân lực chất lượng cao rất khó để phát triển – nhất là đối với những người trẻ, được đào tạo từ các nền giáo dục tiên tiến. Do đó, chúng tôi đề xuất TP HCM cần có cơ chế, chính sách quản trị nguồn nhân lực mới nhằm “cải tạo” và xây dựng môi trường làm việc phù hợp cho việc phát huy tối đa tố chất, tài năng của từng viên chức, người lao động trong các thiết chế văn hóa công cấp thành phố. Nghiên cứu xây dựng thí điểm cơ chế “Mô hình quản lý, vận hành các thiết chế văn hóa mới” để có thể khai thác tối đa hiệu quả điều kiện về cơ sở vật chất, tách bạch giữa công tác quản trị và hoạt động chuyên môn. Đó cũng là môi trường mà nhóm nhân lực chất lượng cao có thể phát huy tối đa những năng lực của bản thân mà không lo lắng về các vấn đề ngoài chuyên môn.

Ba là, ứng dụng công nghệ khoa học, chuyển đổi số trong hoạt động kinh tế - văn hóa – xã hội là xu hướng đang diễn ra trên toàn thế giới. Đó cũng là một trong những nhiệm vụ, mục tiêu cần phải thực hiện ở Việt Nam mà Đảng và Nhà nước đã khẳng định trong nhiều văn kiện, văn bản pháp quy trong những năm gần đây. Tuy nhiên, việc ứng dụng khoa học công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa nói chung, trong các thiết chế văn hóa công lập cấp thành phố ở TP HCM nói riêng còn khá hạn chế, mức độ rất khiêm tốn. Thực trạng này không chỉ góp phần làm cho các hoạt động, sản phẩm văn hóa có phần lạc hậu so với mặt bằng chung của thế giới, mà còn tạo khoảng cách lớn giữa nhu cầu của công chúng Thành phố với chất lượng sản phẩm, chương trình văn hóa. Do đó, nhóm tác giả tham luận đề xuất TP HCM xây dựng và ban hành chính sách đầu tư tài chính, chính sách khen thưởng có tính chất khuyến khích, động viên, cơ chế quản lý có tính chất chế tài để các thiết chế văn hóa công lập cấp thành phố xem việc ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số là nhiệm vụ hiển nhiên, bắt buộc phải thực hiện trong quá trình sáng tạo, sản xuất ra các sản phẩm văn hóa nghệ thuật phục vụ Nhân dân.

5. Kết luận

Khi nói đến phân loại hệ thống các thiết chế văn hóa, có nhiều cách phân loại khác nhau từ những căn cứ không giống nhau. Tuy nhiên, sự phân loại đó chỉ có tính chất tương đối và phục vụ cho những hướng tiếp cận nghiên cứu cụ thể. Trong tham luận này, chúng tôi chọn nhóm thiết chế văn hóa công lập cấp tỉnh và tương đương trong cách phân loại căn cứ vào chủ thể chịu trách nhiệm vận hành và tổ chức hoạt động văn hóa.

So với các đơn vị ngoài Nhà nước thuộc lĩnh vực văn hóa, các thiết chế văn hóa cấp thành phố ở TP HCM có nhiều lợi thế về vị trí địa lý, nguồn lực con người, tài chính, cơ sở vật chất, cơ sở đào tạo,... Đó là cơ sở để các thiết chế này có thể

góp phần tích cực và hiệu quả vào quá trình TP HCM thực hiện các mục tiêu phát triển ngành công nghiệp văn hóa đến năm 2030. Tuy nhiên, để điều này trở nên hiện thực hơn, nhóm tác giả đề xuất 03 chính sách trọng tâm mà TP HCM có thể tham khảo gồm: (i) Chính sách thúc đẩy để các thiết chế văn hóa công lập cấp thành phố thu hút đầu tư theo phương thức đối tác công tư – PPP. (ii) Cơ chế, chính sách quản trị nguồn nhân lực, quản trị bộ máy mới nhằm “cải tạo” và xây dựng môi trường làm việc phù hợp cho việc phát huy tối đa tố chất, tài năng của từng viên chức, người lao động trong các đơn vị, cơ quan công lập. (iii) Chính sách đầu tư tài chính, chính sách khen thưởng có tính chất khuyến khích, động viên; cơ chế quản lý có tính chất chế tài để các thiết chế văn hóa công lập cấp thành phố xem việc ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số là nhiệm vụ bắt buộc phải thực hiện trong quá trình sáng tạo sản phẩm, tổ chức hoạt động văn hóa phục vụ Nhân dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. HĐND TP HCM (2023a), *Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2023 của HĐND TP HCM về triển khai thực hiện Nghị quyết 98/2023/QH15 của Quốc hội về Thi điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TP HCM.*
2. HĐND TP HCM (2023b), *Kế hoạch số 586/KH-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của HĐND TP HCM về Tổ chức thực hiện Nghị quyết 98/2023/QH15 của Quốc hội về Thi điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TP HCM.*
3. Quốc hội (2020), *Luật số 64/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2020 – Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư,*
4. Quốc hội (2023), *Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về Thi điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TP HCM.*
5. Thủ tướng Chính phủ (2013), *Quyết định số 2631/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội TP HCM đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.*
6. UBND TP HCM (2019), *Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2019 của UBND TP HCM Ban hành Quy định về chính sách thu hút và phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt đối với lĩnh vực thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu trong giai đoạn 2019 – 2022.*
7. UBND TP HCM (2021), *Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2021 của UBND TP HCM về Phê duyệt Đề án Chiến lược phát triển ngành văn hóa TP HCM giai đoạn 2020 – 2035.*
8. UBND TP HCM (2023), *Quyết định số 4853/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2023 của UBND TP HCM về Phê duyệt Đề án Phát triển ngành công nghiệp văn hóa TP HCM đến năm 2030 (Kèm theo Báo cáo tổng hợp Đề án Phát triển ngành công nghiệp văn hóa TP HCM đến năm 2030).*

NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

TS. Nguyễn Huy Phòng

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Thiết chế văn hóa có vai trò, vị trí đặc biệt trong sáng tạo, trao truyền và thực hành văn hóa. Những năm qua với sự quan tâm, đầu tư của Đảng, Nhà nước, hệ thống các thiết chế văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số không ngừng được trùng tu, xây dựng, đáp ứng tốt nhu cầu sinh hoạt, thưởng thức văn hóa của người dân. Tuy nhiên do những điều kiện khách quan và chủ quan, việc xây dựng, quản lý hoạt động tại các thiết chế văn hóa còn có những bất cập, hạn chế.

Nhận diện thực trạng xây dựng, quản lý hệ thống các thiết chế văn hóa với những kết quả đạt được và những vấn đề đang đặt ra, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở nước ta hiện nay.

1. Vai trò của thiết chế văn hóa với đồng bào dân tộc thiểu số

Thiết chế văn hóa (TCVH) là những công trình thiên về giá trị vật chất do con người tạo ra trong quá trình tương tác với tự nhiên, xã hội, nhằm đáp ứng nhu cầu sáng tạo, thực hành, trao truyền, tiếp nhận và thụ hưởng văn hóa.

Hệ thống các thiết chế văn hóa rất đa dạng, bao gồm những công trình, cơ sở văn hóa được xây dựng trong quá khứ và trong hiện tại. Trong hệ thống TCVH, có những cụm công trình đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo (như đình, đền, chùa, nhà thờ); nhu cầu lưu giữ, bảo quản cũng như giáo dục và trao truyền tri thức (như bảo tàng, thư viện); nhu cầu giao lưu, sáng tạo, thực hành, trình diễn văn hóa (nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng, câu lạc bộ, sân khấu ngoài trời, quảng trường); nhu cầu vui chơi, giải trí, thể dục, thể thao, nâng cao sức khỏe (Trung tâm Văn hóa - Thể thao, Nhà thi đấu, Sân vận động, công viên, Cung văn hóa, rạp hát, rạp chiếu phim).

Đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS), hệ thống TCVH cũng có sự đa dạng về loại hình, nhưng tập trung hơn cả là những thiết chế liên quan đến đời sống tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo; nhà sinh hoạt cộng đồng, chúng có vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng trong đời sống văn hóa của người dân.

Thiết chế văn hóa là những công trình sáng tạo, phản ánh năng lực tư duy, trình độ nhận thức và quan niệm của cộng đồng về thiên nhiên, vũ trụ và cuộc sống. Một số TCVH truyền thống (đền, tháp, chùa, am, miếu...) không chỉ thuần túy là nơi sinh hoạt, thực hành văn hóa mà qua thời gian, những thiết chế đó đã trở thành di sản, biểu tượng văn hóa, nói lên bản sắc, truyền thống lịch sử - văn hóa của cộng đồng, thể hiện niềm tự hào, tự tôn dân tộc. Với thế hệ trẻ, khi được trải nghiệm, được sống trong những không gian văn hóa, sống cùng với di sản sẽ giúp họ hiểu sâu hơn về cội nguồn, gắn bó mật thiết với quá khứ và sống có trách nhiệm với cộng đồng.

Qua sinh hoạt văn hóa tại TCVH, cộng đồng có cơ hội để giao lưu, gặp gỡ, chia sẻ những buồn vui, những kinh nghiệm trong lao động sản xuất, đồng thời có dịp thi thố, bộc lộ năng khiếu nghệ thuật, làm cho đời sống văn hóa tinh thần ngày càng phong phú. Với nhiều cộng đồng, do sinh sống, cư trú trên địa bàn rộng, phân tán, việc xây dựng TCVH tại những địa điểm thích hợp sẽ góp phần kết nối cộng đồng, thắt chặt tinh thần đại đoàn kết dân tộc. Với các DTTS, tinh thần đoàn kết là một trong những hạt nhân quan trọng, tạo sức mạnh cộng đồng trong việc ứng phó với điều kiện tự nhiên khắc nghiệt và vượt qua những trở ngại, khó khăn của cuộc sống để sinh tồn.

Không chỉ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo, hệ thống các thiết chế như nhà văn hóa, sân bãi, sân khấu ngoài trời, câu lạc bộ, nhà sinh hoạt cộng đồng được xây dựng, đáp ứng tốt nhu cầu vui chơi, giải trí, nâng cao thể lực, tạo không khí vui tươi, phấn khởi trong Nhân dân.

Việc quan tâm, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, TCVH vùng đồng bào DTTS nhằm đảm bảo sự công bằng, phát triển hài hòa, bền vững; khắc phục khoảng cách giàu nghèo và sự chênh lệch về mức sống, mức hưởng thụ văn hóa của người dân giữa các vùng miền.

Xây dựng hệ thống các TCVH vùng DTTS còn góp phần bảo tồn, gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa độc đáo, đặc sắc của các cộng đồng, tộc người trước những tác động xấu của biến đổi khí hậu, thiên tai; mặt trái của kinh tế thị trường và quá trình giao lưu, hội nhập toàn cầu.

Qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao tại các thiết chế sẽ góp phần khơi dậy tinh thần sáng tạo, khát vọng cống hiến của mỗi người dân, tạo sức mạnh, niềm tin và nguồn động lực mới để cộng đồng vượt qua những khó khăn, tạo ra đời sống vật chất đủ đầy, no ấm.

Vùng DTTS có những đặc thù về điều kiện địa lý tự nhiên, truyền thống lịch sử, văn hóa, tôn giáo; nhận thức của đồng bào còn hạn chế, vì thế họ thường bị các thế lực thù địch lợi dụng để tuyên truyền, kích động đồng bào tin và làm theo những điều phi pháp, gây mất ổn định tình hình chính trị, phá vỡ khối đại đoàn kết dân tộc. Vì thế, việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống TCVH đầy đủ, đồng bộ với những hoạt động phong phú đa dạng sẽ góp phần nâng cao nhận thức, tạo sự thống nhất trong ý chí, hành động, gia tăng sức đề kháng văn hóa cho người dân, đẩy lùi những tư tưởng xấu độc, phản động, giữ vững sự bình yên của cuộc sống.

Nhận thức sâu sắc về vai trò, tầm quan trọng của TCVH với việc nâng cao đời sống tinh thần cho người dân vùng đồng bào DTTS, Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình lãnh đạo đất nước thực hiện công cuộc đổi mới luôn đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng hệ thống TCVH, đảm bảo nhu cầu sáng tạo, thực hành và hưởng thụ văn hóa của quần chúng Nhân dân.

Nghị quyết Trung ương năm khóa VIII (1998) về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đề ra một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, đó phải quan tâm “xây dựng các thiết chế văn hóa cơ sở”, đồng thời “nâng cao chất lượng hoạt động của các thiết chế

văn hóa”¹. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII tiếp tục nhấn mạnh chủ trương nhất quán, đó là: “Đổi mới, hoàn thiện các thiết chế văn hóa từ Trung ương đến cơ sở, bảo đảm hiệu quả”; “khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển và đời sống văn hóa giữa các vùng, miền, các giai tầng xã hội, đặc biệt quan tâm đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, các khu công nghiệp...”; “Quan tâm, tạo điều kiện phát triển văn hóa, văn nghệ của các dân tộc thiểu số”².

Với sự quan tâm, đầu tư của Đảng, Nhà nước, sự vào cuộc của chính quyền địa phương, sự tham gia tích cực của người dân và cộng đồng doanh nghiệp, hệ thống các TCVH dành cho đồng bào DTTS ngày càng được củng cố, hoàn thiện.

2. Tình hình xây dựng, quản lý thiết chế văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số

2.1. Những kết quả đạt được

Xây dựng, ban hành nhiều cơ chế, chính sách về đầu tư, xây dựng hệ thống TCVH vùng đồng bào DTTS.

Nhằm tạo không gian sinh hoạt, thực hành văn hóa cũng như nâng cao chất lượng, hiệu quả đời sống văn hóa, trên cơ sở quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, Chính phủ và các cơ quan bộ ngành đã nghiên cứu, xây dựng và ban hành nhiều chính sách quan trọng nhằm quy hoạch hệ thống TCVH vùng đồng bào DTTS; chính sách xã hội hóa, đầu tư nguồn vốn; chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ việc quản lý, hướng dẫn, tổ chức các hoạt động văn hóa tại các TCVH; chính sách về bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa vùng đồng bào DTTS... Trong đó có những chính sách được xây dựng, ban hành riêng mang tính chuyên biệt, nhưng cũng có những chính sách được thực hiện lồng ghép trong các Đề án, Chiến lược, Chương trình mục tiêu quốc gia, nhất là chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu (trong đó có tiêu chí về Cơ sở vật chất văn hóa), Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030.

Một số chính sách nổi bật mà Chính phủ và các bộ ngành đã ban hành liên quan trực tiếp đến việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống TCVH, thể dục, thể thao cơ sở, trong đó có vùng đồng bào DTTS, tiêu biểu như:

Các quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 2164/QĐ-TTg, ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định 2086/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các DTTS rất ít người giai đoạn 2016 - 2025; Quyết định số 936/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 1860/QĐ-TTg ngày 23/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Thí điểm cấp ra-đi-ô cho vùng DTTS và miền núi, vùng đặc biệt khó khăn, biên giới";

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm, BCH Trung ương khóa VIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 68-69.

² Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr. 144-146.

Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 1909/QĐ-TTg, ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030; Quyết định số 515/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tổng thể phát triển văn hóa Việt Nam giai đoạn 2023-2025.

Một số văn bản, hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã; Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 quy định mẫu về tổ chức, hoạt động và tiêu chí của Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn; Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 quy định mẫu về tổ chức và hoạt động của câu lạc bộ thể dục, thể thao cơ sở; Quyết định số 2563/QĐ-BVHTTDL ngày 03/8/2015 phê duyệt đề án “Nâng cao hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao ở nông thôn”; Thông tư số 14/2016/TT-BVHTTDL ngày 21/12/2016 quy định tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao phường, thị trấn; Quyết định 3404/QĐ-BVHTTDL phê duyệt Đề án "Bảo tồn, phát huy giá trị dân ca, dân vũ, dân nhạc của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2021 - 2030".

Những văn bản quy phạm pháp luật được ban hành là những căn cứ pháp lý quan trọng để việc xây dựng, hoàn thiện và quản lý các TCVH vùng đồng bào DTTS ngày càng được quan tâm, đầu tư đồng bộ.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng TCVH vùng đồng bào DTTS không ngừng được bổ sung, tăng cường.

Nguồn vốn dành cho phát triển văn hóa bao gồm nguồn vốn từ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và nguồn vốn xã hội hóa từ sự đóng góp của các doanh nghiệp, cộng đồng dân cư. Trong các công trình, hoạt động văn hóa được Nhà nước ưu tiên đầu tư thời gian qua thì hệ thống các TCVH cơ sở, trong đó có vùng đồng bào DTTS luôn được bổ sung, tăng cường (xem Bảng 1).

Nhìn vào Bảng 1, có thể thấy nguồn vốn đầu tư cho sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục, thể thao, phát thanh truyền hình những năm qua chủ yếu là nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Mặc dù là nguồn "vốn môi" với tổng mức đầu tư không đều qua từng năm, nhưng đây là nguồn vốn có ý nghĩa quan trọng trong xây dựng cơ sở hạ tầng văn hóa, đảm bảo quyền được tiếp cận, thực hành và thụ hưởng văn hóa của mọi tầng lớp Nhân dân.

Về nguồn vốn đầu tư cho văn hóa từ ngân sách địa phương. Theo quy định của *Luật Ngân sách Nhà nước* năm 2015 thì nguồn ngân sách Nhà nước hằng năm được Quốc hội giao về các địa phương và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sẽ phân bổ. Qua báo cáo của 55/63 tỉnh, thành phố thì tỷ lệ chi cho các hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch đạt 1,72% tổng chi ngân sách Nhà nước cấp về các

tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương³.

Bảng 1. Ngân sách chi cho sự nghiệp văn hóa và thể thao hằng năm, giai đoạn 2010 - 2021⁴

Năm	Quyết toán ngân sách Nhà nước						
	Chi văn hóa thông tin		Chi thể dục, thể thao		Chi văn hóa thông tin, phát thanh truyền hình và thể dục, thể thao		Tổng
	Ngân sách địa phương	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương	Ngân sách trung ương	
2010	-	-	-	-	2.807.000	6.021.000	8.828.000
2011	-	-	-	-	1.941.000	6.704.000	8.645.000
2012	-	-	-	-	3.202.000	8.171.000	11.373.000
2013	-	-	-	-	3.567.000	9.599.000	13.166.000
2014	-	-	-	-	3.482.000	10.092.000	13.574.000
2015	-	-	-	-	4.183.000	11.356.000	15.539.000
2016	-	-	-	-	3.700.000	10.963.000	14.663.000
2017	-	-	-	-	3.676.000	12.570.000	16.246.000
2018	1.598.000	7.427.000	663.000	3.600.000	-	-	13.288.000
2019	1.429.000	8.542.000	753.000	3.441.000	-	-	14.165.000
2020	1.743.000	8.880.000	719.000	3.610.000	-	-	14.952.000
2021	1.442.000	8.105.000	806.000	3.493.000	-	-	13.846.000
Tổng	6.212.000	32.954.000	2.941.000	14.144.000	26.558.000	75.467.000	158.285.000

Không chỉ quan tâm, đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng mà ưu tiên nguồn kinh phí trong mua sắm, cấp phát, bổ sung các ấn phẩm sách báo; khôi phục, bảo tồn các loại hình văn hóa, văn nghệ tại các TCVH vùng đồng bào DTTS cũng được các cấp các ngành quan tâm, chú trọng (xem Bảng 2).

Từ năm 2016 đến nay, các cơ quan thông tấn báo chí đã chuyển phát 18 loại ấn phẩm báo, tạp chí với số lượng 51,2 triệu tờ. Kênh VTV5 - Đài Truyền hình Việt Nam sản xuất và phát sóng hầu hết các ngày trong tuần, gồm 22 thứ tiếng DTTS. Năm 2017, đã xuất bản gần 100 đầu sách với khoảng 250.000 bản, phục vụ đồng bào DTTS. Mạng điện thoại di động đã phủ sóng khắp địa bàn miền núi; có hơn 16.000 điểm giao dịch bưu chính viễn thông, đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt trong mọi tình huống⁵.

Như vậy với sự quan tâm, đầu tư của Đảng, Nhà nước, các cấp chính quyền và sự hưởng ứng của toàn xã hội, nguồn kinh phí dành cho sự nghiệp phát triển văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao ngày càng được bổ sung, tăng cường. *Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030* của Thủ tướng Chính phủ đề ra mục tiêu tăng mức đầu tư cho văn hóa tối thiểu 2% tổng chi ngân sách hằng năm. Đến năm 2030, 100% đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao; bảo đảm ít nhất 75% người dân ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, 80% các xã vùng đồng bào

³ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: *Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021 - 2023, tầm nhìn đến 2045*, Hà Nội, 2022, tr. 27.

⁴ Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: *Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021 - 2023, tầm nhìn đến 2045*, Hà Nội, 2022, tr. 30.

⁵ Chính phủ: *Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2030*, Hà Nội, 2019, tr. 20.

dân tộc thiểu số và miền núi được hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hóa, nghe, xem các kênh phát thanh, kênh truyền hình của quốc gia và địa phương⁶.

Bảng 2. Kinh phí hỗ trợ đời sống văn hóa vùng đồng bào DTTS⁷

TT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2020
1	Kinh phí dự án ấn phẩm cấp cho cơ sở theo Chương trình MTQG (tỷ đồng)	3.0	15.0
	- Số xã đặc biệt khó khăn	2.239	2.101
	- Số trường dân tộc nội trú	176	176
2	Bảo tồn làng, bản, buôn truyền thống tiêu biểu DTTS theo Chương trình MTQG		
	Tổng số làng, bản, buôn truyền thống được bảo tồn: - Làng, bản, buôn - Nhà rông	25 01	36 01
3	Hỗ trợ bảo tồn lễ hội truyền thống tiêu biểu DTTS theo Chương trình MTQG:		
	- Tổng số lễ hội được hỗ trợ bảo tồn	54	81
4	Hỗ trợ xây dựng điểm sáng văn hóa vùng biên (tỷ đồng)	4.0	14.5
5	Dự án phát triển hệ thống cơ sở vui chơi, giải trí cho trẻ em vùng núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo:		
	- Hỗ trợ trang thiết bị cho điểm vui chơi trẻ em:	5.0	5.0
	- Kinh phí (tỷ đồng):	2.5	2.5

Một số tỉnh, thành phố cũng đã ban hành nghị quyết, chiến lược, chương trình về phát triển văn hóa, con người, trong đó cam kết dành ưu tiên tăng cường đầu tư cho văn hóa tối thiểu 2% tổng chi ngân sách hằng năm, trong đó nhiều tỉnh thành phần đầu trên 2% như Ninh Bình dành 3,3% ngân sách sự nghiệp cho văn hóa⁸. Tại Nghị quyết số 71-NQ/TU về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Bắc Ninh đến năm 2030, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, Tỉnh ủy Bắc Ninh đã đề ra mục tiêu đến năm 2023 nâng mức đầu tư cho văn hóa đạt tối thiểu 4% tổng chi ngân sách Nhà nước⁹.

Sự gia tăng về nguồn kinh phí đầu tư sẽ góp phần quan trọng để hệ thống các TCVH cơ sở, trong đó có vùng đồng bào DTTS ngày càng hoàn thiện.

Hệ thống TCVH vùng đồng bào DTTS ngày càng đồng bộ với các hoạt động đa dạng, phong phú, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa của người dân.

Nhằm đáp ứng nhu cầu sáng tạo, sinh hoạt, thực hành và thụ hưởng văn hóa của đồng bào DTTS, những năm qua cùng với các chương trình mục tiêu quốc gia, các đề án của Chính phủ và các bộ ngành, hệ thống TCVH vùng đồng bào DTTS

⁶Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030 (Quyết định số 1909/QĐ-TTg, ngày 12/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ), Hà Nội, 2021, tr. 3.

⁷Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia về chấn hưng, phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Phần phụ lục biểu), Hà Nội, 2023, tr. 15.

⁸Nguyễn Anh, Phương Anh: "Đột phá thể chế, chính sách cho văn hóa phát triển (Bài 1): Ở đâu quan tâm đầu tư cho văn hóa, ở đó có sự phát triển", Báo Văn hóa, ngày 24/4/2023.

⁹Tỉnh ủy Bắc Ninh: Nghị quyết số 71-NQ/TU của BCH Đảng bộ tỉnh khóa XX về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Bắc Ninh đến năm 2030, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, Bắc Ninh, ngày 29/8/2022, tr. 4.

ngày càng được hoàn thiện, rõ nhất là hệ thống Nhà văn hóa thôn, bản, Nhà văn hóa xã đã xuất hiện ở nhiều làng quê khó khăn, những xã vùng biên, tạo diện mạo, không gian mới cho làng quê, góp phần nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân. Theo thống kê tại thời điểm ngày 01/10/2019, tỷ lệ xã vùng DTTS có nhà văn hóa đạt 65,8%, tỷ lệ thôn có nhà văn hóa/nhà sinh hoạt cộng đồng đạt 76.7% (xem Bảng 3, Bảng 4).

Bảng 3. Số lượng và tỷ lệ xã vùng DTTS có nhà văn hóa năm 2019¹⁰

	Tổng số xã	Số xã vùng DTTS theo tình trạng nhà văn hóa xã			Tỷ lệ xã có nhà văn hóa (%)
		Có	Không	Đang xây dựng	
TỔNG SỐ	5468	3598	1648	222	65.8
Khu vực					
Biên giới	424	244	164	16	57.5
Khác	5044	3354	1484	206	66.5
Thành thị, nông thôn					
Thành thị	696	381	308	7	54.7
Nông thôn	4772	3217	1340	215	67.4
Vùng kinh tế - xã hội					
Trung du và miền núi phía Bắc	2422	1476	832	114	60.9
Đồng bằng sông Hồng	238	206	69	8	72.8
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	1213	898	264	51	74.0
Tây Nguyên	726	440	255	31	60.6
Đông Nam Bộ	361	246	110	5	68.1
Đồng bằng sông Cửu Long	463	332	118	13	71.7

Bảng 4. Số lượng và tỷ lệ thôn của các xã vùng DTTS có nhà văn hóa/sinh hoạt cộng đồng năm 2019¹¹

	Tổng số thôn (Thôn)	Số thôn có nhà văn hóa (Thôn)	Tỷ lệ thôn có nhà văn hóa (%)
TỔNG SỐ	56 453	43 320	76.7
Khu vực			
Biên giới	4 196	3 184	75.9
Khác	52 257	40 118	76.8
Thành thị, nông thôn			
Thành thị	11 549	5 544	48.0
Nông thôn	44 904	37 758	84.1
Vùng kinh tế - xã hội			
Trung du và miền núi phía Bắc	25 935	21 735	83.8
Đồng bằng sông Hồng	2 643	2 493	94.3

¹⁰ Ủy ban Dân tộc, Tổng cục Thống kê: *Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 DTTS năm 2019*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2020, tr. 115.

¹¹ Ủy ban Dân tộc, Tổng cục Thống kê: *Kết quả điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 DTTS năm 2019*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2020, tr. 117.

Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	9 099	8 473	93.1
Tây Nguyên	7 317	6 054	82.7
Đông Nam Bộ	7 911	1 727	21.8
Đồng bằng sông Cửu Long	3 548	2 820	79.5

Bên cạnh hệ thống nhà văn hóa xã, nhà văn hóa thôn, bản được quan tâm xây dựng thì hệ thống thư viện, phòng đọc cộng đồng cũng được đầu tư về hạ tầng cũng như số lượng các ấn phẩm sách báo được tăng cường, đáp ứng nhu cầu tìm kiếm, nâng cao tri thức của người dân. Bên cạnh thư viện do Nhà nước và các cấp chính quyền đầu tư thì bước đầu ở vùng đồng bào DTTS cũng đã xuất hiện những phòng đọc tư nhân, gia tăng cơ hội, điều kiện tiếp cận thông tin, tri thức của người dân (xem Bảng 5).

Bảng 5. Số lượng thư viện và sách báo tại các thư viện/phòng đọc xã, phường, thị trấn¹²

TT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2020
1	Thư viện xã, phường, thị trấn	2 716	3 290
2	Phòng đọc sách xã và cơ sở (làng, thôn, bản)	14. 606	19. 901
3	Thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng	48	180
4	Tổng số sách tại thư viện xã, phường, thị trấn	6.880.200	7.424.660
5	Tổng số sách tại phòng đọc sách xã và cơ sở (làng, thôn, bản)	6.620.000	6.894.000
6	Tổng số bạn đọc đến thư viện xã, phường, thị trấn	-	11.124.348
7	Tổng số sách báo luân chuyển tại thư viện xã, phường, thị trấn	-	3.125.457

2.2. Những bất cập, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được thì việc xây dựng, quản lý hệ thống TCVH vùng đồng bào DTTS còn gặp nhiều khó khăn, bất cập.

Điều kiện môi trường tự nhiên khắc nghiệt

Hiện nay tổng số dân của 53 DTTS là 14.118.232 người với gần 3 triệu hộ (chiếm 14,7% dân số cả nước). Đồng bào DTTS sinh sống và định cư trên địa bàn rộng thuộc 51 tỉnh, thành phố, 548 huyện và 5.266 xã, trong đó có 382 xã biên giới (tiếp giáp với Trung Quốc, Lào và Campuchia), tập trung chủ yếu ở vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây Duyên hải miền Trung, chiếm 3/4 diện tích cả nước. Đa số đồng bào DTTS sinh sống thành cộng đồng ở khu vực miền núi, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với địa hình chia cắt, giao thông đi lại khó khăn. Trung du và miền núi phía Bắc có số người DTTS cao nhất (khoảng 6,7 triệu người), khu vực Tây Nguyên (khoảng 2 triệu người), Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (1,9 triệu người), khu vực Tây Nam Bộ (1,4 triệu người), dân số còn lại sinh sống rải rác ở các tỉnh, thành phố trong cả nước¹³. Hầu hết các DTTS sinh sống ở miền núi, chỉ có dân tộc Khmer, dân tộc Chăm, dân tộc Hoa sinh sống ở đồng bằng và thành thị.

Địa bàn sinh sống rộng, một số tộc người sống phân tán, rải rác; khoảng cách

¹² Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: *Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia về chấn hưng, phát triển văn hóa, xây dựng con người Việt Nam giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Phần phụ lục biểu)*, Hà Nội, 2023, tr. 16-17.

¹³ Chính phủ: *Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2030*, Hà Nội, 2019, tr. 2,7.

giữa các hộ gia đình, giữa thôn bản với trung tâm của xã, huyện còn xa; địa hình bị chia cắt bởi núi đồi, sông suối. Vì thế, việc quy hoạch và lựa chọn địa điểm để xây dựng TCVH gặp nhiều khó khăn.

Đời sống của đồng bào DTTS còn nhiều khó khăn

Qua hơn 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, đời sống vật chất của đồng bào có sự cải thiện, tuy nhiên do những điều kiện đặc thù về địa lý tự nhiên, những tập tục lạc hậu, đã trở thành những rào cản trong quá trình phát triển. Hiện nay, vùng đồng bào DTTS vẫn là “lõi nghèo của cả nước”. Thu nhập bình quân của hộ đồng bào DTTS ở nhiều nơi chỉ bằng 40-50% bình quân thu nhập trong khu vực. Tỷ lệ dân số DTTS chiếm 14,7% nhưng tỷ lệ hộ nghèo chiếm 55,27% tổng số hộ nghèo của cả nước. Hiện có 9 tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo người DTTS chiếm trên 90%; 4 tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo từ 70% - 90%. Một số nhóm DTTS có tỷ lệ hộ nghèo đang ở mức rất cao lên đến 70 - 80% như: Ở Đu, Co, Khơ Mú, Xinh Mun, La Ha, Kháng, Mông và Xơ Đăng... Vẫn còn hơn 21% người DTTS trên 15 tuổi chưa đọc thông viết thạo tiếng Việt; khoảng 30% học sinh DTTS chưa được đi học đúng độ tuổi¹⁴.

Đời sống vật chất khó khăn, trình độ nhận thức còn hạn chế, đồng bào DTTS phải mưu sinh bằng nhiều nghề, dẫn đến những làn sóng di dân, ly hương, ly nông, rời bỏ bản làng của nhiều bạn trẻ người DTTS, họ tìm đến các đô thị, thành phố, khu công nghiệp để kiếm kế sinh nhai, trang trải và ổn định cuộc sống. Thực trạng đó dẫn đến việc thu hút đồng bào DTTS đến sinh hoạt, học tập, thực hành văn hóa tại các TCVH không đạt được như mục tiêu đề ra.

Hệ thống các TCVH vùng đồng bào DTTS còn thiếu

Tính đến hết tháng 8/2018, có 1.052 xã vùng đồng bào DTTS và miền núi được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, đạt tỷ lệ 22,29 %¹⁵. Tỷ lệ này thấp so với mặt bằng chung của cả nước.

Mặc dù hệ thống nhà văn hóa xã, thôn, bản vùng đồng bào DTTS ngày càng được xây dựng, tăng cường, tuy nhiên theo kết quả khảo sát của Chính phủ tại thời điểm năm 2019, tỷ lệ xã vùng đồng bào DTTS và miền núi chưa có nhà văn hóa còn lớn, chiếm 53,3%; còn 1.749 xã và 7.072 thôn, bản vùng đồng bào DTTS và miền núi chưa có nhà văn hóa/nhà sinh hoạt cộng đồng. Tỷ lệ thôn, bản có loa truyền thanh chỉ đạt 56,8%. Khu vực miền núi phía Bắc và Tây nguyên là những nơi đang gặp khó khăn nhất hiện nay về TCVH cơ sở với tỷ lệ xã có nhà văn hóa lần lượt chỉ chiếm 42,1% và 45%¹⁶.

Việc thiếu vắng hệ thống TCVH, đặc biệt là nhà văn hóa xuất phát từ nhiều nguyên nhân, như thiếu nguồn vốn đầu tư; địa phương thuộc vùng đặc biệt khó khăn, mật độ dân cư thấp, phân bố trên địa bàn rộng. Sự thiếu vắng của các TCVH sẽ làm giảm đi cơ hội tiếp cận, thực hành và thụ hưởng văn hóa của người dân.

¹⁴ Chính phủ: *Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2030*, Hà Nội, 2019, tr.2,3.

¹⁵ Chính phủ: *Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2030*, Hà Nội, 2019, tr.9.

¹⁶ Chính phủ: *Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi, vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021-2030*, Hà Nội, 2019, tr.13.

Công tác quản lý, vận hành các TCVH còn nhiều bất cập

Việc xây dựng TCVH vùng đồng bào DTTS là cần thiết, thể hiện mục tiêu cao đẹp của Đảng, Nhà nước và tính nhân văn của chế độ. Tuy nhiên trong quá trình triển khai chủ trương của Đảng, Nhà nước về đầu tư, xây dựng TCVH mới (Nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng, trung tâm văn hóa, thư viện) và trùng tu các cơ sở văn hóa truyền thống, một số địa phương thiếu tính sáng tạo, không căn cứ vào tình hình thực tiễn, truyền thống lịch sử - văn hóa và nhu cầu thực sự của người dân, dẫn đến tình trạng lãng phí trong xây dựng TCVH.

Một số địa phương chưa thật sự quan tâm đến phát triển văn hóa dẫn đến việc ưu tiên về nguồn vốn đầu tư cho xây dựng TCVH còn khiêm tốn. Trong quá trình lãnh đạo, quản lý văn hóa vẫn còn tâm lý thụ động, ỉ lại vào nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách Nhà nước.

Một số TCVH được đầu tư xây dựng nhưng lại bố trí ở địa điểm xa địa bàn dân cư, không tính đến những yếu tố truyền thống và những nét đặc sắc trong bản sắc văn hóa tộc người mà áp đặt, rập khuôn máy móc mô hình, kiến trúc văn hóa của người miền xuôi cho người miền ngược, dẫn đến tình trạng nhiều TCVH bị bỏ hoang, xuống cấp, không thu hút được sự tham gia của người dân.

Một số TCVH thiếu trang thiết bị, như loa đài, bàn ghế, ấn phẩm sách báo, ánh sáng, dụng cụ tập luyện thể dục, thể thao, đặc biệt là các ấn phẩm thông tin tuyên truyền được biên soạn bằng ngôn ngữ, văn hóa của đồng bào. Bên cạnh đó, nhiều TCVH hiện nay thiếu vắng nguồn nhân lực quản lý, đặc biệt là cán bộ văn hóa có trình độ chuyên môn, am hiểu địa bàn để hướng dẫn, tổ chức người dân sinh hoạt, thực hành văn hóa. Theo số liệu khảo sát, điều tra của ngành văn hóa, hiện nay mới có 15% số người ở miền núi, vùng sâu, vùng xa tham gia hoạt động văn hóa, thể thao thường xuyên¹⁷.

Những bất cập, hạn chế đó đã ảnh hưởng lớn đến việc nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của đồng bào vùng DTTS.

3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý TCVH vùng đồng bào DTTS

Để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các TCVH vùng đồng bào DTTS, tiến tới khắc phục những “điểm trắng” về TCVH, nhất là ở những vùng đặc biệt khó khăn, cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó có những giải pháp cơ bản như:

Thứ nhất, tiếp tục nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng của văn hóa. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Văn hóa phải thực sự trở thành nền tảng tinh thần, là mục tiêu, động lực và nguồn lực nội sinh trong quá trình phát triển. Đầu tư cho văn hóa là cho phát triển, cho tương lai. Khi nhận thức đồng thuận thì sự quan tâm, đầu tư, ưu tiên về nguồn nhân lực, vật lực cho văn hóa sẽ được tăng cường.

¹⁷ Dẫn theo Nguyễn Thị Mỹ Linh: “Nâng cao hiệu quả sử dụng và quản lý thiết chế văn hóa ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Lý luận chính trị và Truyền thông*, số 8-2021, tr. 51.

Trong xây dựng, phát triển văn hóa, con người, cần đặc biệt quan tâm đến việc trùng tu, xây dựng các TCVH, tạo không gian, môi trường thuận lợi cho việc sáng tạo, thực hành, trao truyền và thụ hưởng văn hóa của Nhân dân, nhất là vùng đồng bào DTTS, rút ngắn khoảng cách giàu nghèo và sự chênh lệch trong thụ hưởng văn hóa, đảm bảo sự công bằng về quyền tiếp cận văn hóa của người dân.

Cần dành những ưu tiên đặc biệt về chính sách phát triển văn hóa, trong đó có việc xây dựng hệ thống TCVH với những loại hình phù hợp cho đồng bào DTTS. Vùng DTTS có vị trí địa chính trị đặc biệt quan trọng về an ninh, quốc phòng, do đó, việc gia tăng sức mạnh mềm văn hóa, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân sẽ góp phần đảm bảo vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; ngăn chặn và đẩy lùi nguy cơ xâm lăng, áp đặt văn hóa từ bên ngoài.

Thứ hai, trên cơ sở tổng kết quá trình quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống TCVH, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020 do Thủ tướng Chính phủ ban hành năm 2013 với những kết quả đạt được và những bất cập, hạn chế trong quá trình triển khai, cần khẩn trương nghiên cứu, xây dựng, ban hành quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao cơ sở thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2045. Trong quy hoạch đó cần có các chương trình, đề án riêng về quy hoạch mạng lưới TCVH vùng đồng bào DTTS.

Các cơ quan ban ngành cần tiếp tục đổi mới, hoàn thiện và bổ sung chính sách về chủ trương xã hội hóa, tăng cường đầu tư nguồn nhân lực, vật lực trong xây dựng và hoàn thiện hệ thống TCVH vùng đồng bào DTTS. Cần có những nghiên cứu, đánh giá cụ thể về những tác động, hiệu quả của việc xây dựng TCVH mới. Các TCVH được xây dựng cần phải xuất phát từ nhu cầu, mong muốn, kỳ vọng của đồng bào. Cần tính đến tính đặc thù về điều kiện địa lý tự nhiên, khí hậu của mỗi vùng miền; truyền thống lịch sử, phong tục tập quán và bản sắc văn hóa của mỗi tộc người để mỗi một TCVH được xây dựng sẽ là một điểm nhấn quan trọng, tô đẹp thêm cho bức tranh văn hóa cộng đồng.

Thí điểm xây dựng mô hình làng, bản, thôn văn hóa kiểu mẫu vùng đồng bào DTTS. Mạnh dạn trao quyền và gia tăng tinh thần trách nhiệm cho chính quyền địa phương và người dân - những người hưởng lợi trực tiếp từ các công trình văn hóa, được toàn quyền trong việc sử dụng nguồn vốn; trong thiết kế, xây dựng các TCVH phù hợp với nhu cầu của cộng đồng. Đồng thời có sự tư vấn, giám sát, kiểm tra của các cơ quan chuyên môn để cùng đồng hành với người dân trong xây dựng các công trình văn hóa.

Thứ ba, bên cạnh việc bố trí, tăng cường nguồn lực đầu tư xây dựng TCVH từ nhiều nguồn vốn, thì công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, cán bộ văn hóa cơ sở vùng đồng bào DTTS cần được được quan tâm, chú trọng hơn nữa. Cần có cơ chế, chính sách thông thoáng, đặc thù trong tuyển sinh, đào tạo, tuyển dụng và thu hút, đãi ngộ con em đồng bào DTTS để bổ sung nguồn cán bộ văn hóa đang thiếu hụt ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo, vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Cán bộ là cái gốc của mọi công việc. Việc quan tâm, chú trọng phát triển nguồn nhân lực cán bộ văn hóa cơ sở sẽ có ý nghĩa quan trọng trong việc tuyên

truyền chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước đến với nhân dân; hướng dẫn, tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao cho quần chúng nhân dân, tạo không khí phấn khởi, vui tươi, củng cố niềm tin và thắt chặt tinh thần đoàn kết trong cộng đồng.

Thứ tư, phát huy tinh thần chủ động, tích cực của người dân trong việc xây dựng, vận hành hệ thống TCVH. Trong bối cảnh nguồn nhân lực quản lý TCVH còn thiếu thì sự tham gia của cộng đồng, nhất là người có uy tín, kinh nghiệm, già làng, trưởng bản, nghệ nhân nhân dân và sự tham gia, hưởng ứng của các tầng lớp xã hội sẽ góp phần quan trọng trong việc duy trì các hoạt động phong phú, ý nghĩa tại các TCVH.

Cộng đồng là chủ thể quan trọng trong sáng tạo, thực hành, trao truyền và thụ hưởng các giá trị văn hóa tại các TCVH, vì thế cần huy động sự tham gia tích cực của người dân trong quản lý TCVH.

Để gia tăng sức hấp dẫn của các TCVH, các cơ quan bộ ngành, các đoàn thể chính trị - xã hội, cộng đồng doanh nghiệp ở trong và ngoài nước cần có những chính sách hỗ trợ trong việc biên soạn các ấn phẩm, cung ứng các xuất bản phẩm văn hóa được viết bằng ngôn ngữ của các tộc người, phù hợp với trình độ, tâm lý, nhu cầu, thị hiếu của từng lứa tuổi và nét văn hóa đặc trưng của cộng đồng.

Bên cạnh những xuất bản phẩm văn hóa truyền thống, cần nghiên cứu, bổ sung, tăng cường các ấn phẩm hiện đại, cung cấp thông tin thời sự và những tri thức cần thiết cho đồng bào, nhất là thế hệ trẻ.

Có thể nói, TCVH có vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của nền văn hóa. Trong không gian, môi trường của các TCVH, con người được thỏa sức sáng tạo, bộc lộ phẩm chất, năng lực, tiếp nhận những thông tin, tri thức; kết nối cộng đồng, gia tăng sức mạnh; nâng cao trình độ nhận thức, từ đó làm chủ bản thân, làm chủ xã hội. Việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống TCVH, nhất là ở vùng đồng bào DTTS không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đời sống văn hóa mà còn tạo sự ổn định về chính trị, xã hội, đảm bảo an ninh quốc gia, an ninh con người, hướng đến sự phát triển bền vững, bao trùm, toàn diện; tạo nguồn sức mạnh nội sinh để xây dựng quốc gia phồn vinh, hạnh phúc./.

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG THIẾT CHẾ NHÀ HÁT Ở TRUNG ƯƠNG HIỆN NAY

PGS.TS. Nguyễn Thị Anh Quyên
Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

1. Đặt vấn đề

Có thể chia hệ thống thiết chế văn hóa thành hệ thống thiết chế văn hóa ở Trung ương và hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở. Hệ thống thiết chế văn hóa ở Trung ương có số lượng không lớn nhưng có vai trò quan trọng đối với đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội,... của đất nước, góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Trong những năm qua, mặc dù hoạt động của hệ thống thiết chế nhà hát ở Trung ương đã đạt được một số kết quả đáng ghi nhận, tuy vậy, do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, các nhà hát ở Trung ương vẫn còn một số hạn chế, khó khăn nhất định chưa được giải quyết. Vì vậy, nghiên cứu, đánh giá và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của thiết chế nhà hát ở Trung ương hiện nay là rất cấp thiết.

2. Thiết chế nhà hát

Nhà hát là một khái niệm có nhiều cách hiểu khác nhau tùy theo cách tiếp cận. Theo Đại từ điển Tiếng Việt, nhà hát là “nhà xây dựng để biểu diễn nghệ thuật sân khấu phục vụ người xem”; là “đơn vị hành chính của ngành sân khấu”¹. Trong tiếng Anh, nhà hát - “theatre” hay “theater” mang nhiều ý nghĩa: thứ nhất, nhà hát có thể là một tòa nhà hoặc một khu vực ngoài trời có thể biểu diễn kịch hoặc trình diễn các loại hình nghệ thuật khác nhau. Thứ hai, nhà hát có thể là một tổ chức biểu diễn sân khấu hoặc kịch nghệ. Ngoài những ý nghĩa trên, “theatre” hay “theater” còn mang một ý nghĩa khác là kịch hay sân khấu²

Trong bài viết này, nhà hát được coi là một đơn vị có chức năng quản lý và biểu diễn nghệ thuật phục vụ công chúng theo từng loại hình nghệ thuật khác nhau mang tính đặc thù riêng biệt theo chức năng, nhiệm vụ đã, có cơ quan chủ quản, có ban giám đốc, có đội ngũ nghệ sỹ biểu diễn/đoàn biểu diễn nghệ thuật, có các phòng ban chức năng (như phòng hành chính, tổng hợp; phòng tổ chức biểu diễn/phòng tổ chức biểu diễn và đối ngoại; phòng nghệ thuật; ngoài ra còn có các bộ phận phụ trách trang phục, câu lạc bộ khán giả, phòng trưng bày, phòng tập cho các đoàn chuyên môn, bán vé...).

Ngoài ra, nhà hát cũng được hiểu là một đơn vị có chức năng quản lý và tổ chức biểu diễn nghệ thuật, là nơi tổ chức các hoạt động văn hóa nghệ thuật, mít tinh, kỉ niệm... phục vụ nhiệm vụ chính trị, xã hội quan trọng cấp Nhà nước hoặc cấp tỉnh, thành phố; là nơi tổ chức các hoạt động hội nghị, hội thảo, họp báo chiêu đãi

¹ Nguyễn Như Ý (chủ biên) (2011), *Đại từ điển tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, TP Hồ Chí Minh, tr.1145

² <https://en.oxforddictionaries.com/definition/theatre>, truy cập 22/1/2024

quốc gia và quốc tế; thường xuyên tổ chức biểu diễn các loại hình nghệ thuật sân khấu truyền thống và nghệ thuật sân khấu hiện đại như: ca nhạc, vũ kịch, múa balê, opera, nhạc giao hưởng... đáp ứng nhu cầu thưởng thức văn hóa nghệ thuật, giải trí của công chúng. Các Nhà hát này có các phòng ban chức năng để quản lý, vận hành như: Ban giám đốc, phòng hành chính, phòng tổ chức biểu diễn, bán vé (không có có đội ngũ nghệ sỹ biểu diễn/đoàn biểu diễn nghệ thuật). Ví dụ: Nhà hát lớn thành phố Hà Nội. Các nhà hát có chức năng này chủ yếu tập trung ở những thành phố lớn.

Các nhà hát chính là các tổ chức nghệ thuật. Mỗi tổ chức này có cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ và hoạt động khác nhau, rất đa dạng. Không giống với doanh nghiệp, tổ chức nghệ thuật có mục tiêu phức tạp hơn, thường là sự kết hợp của mục tiêu nghệ thuật, mục tiêu tài chính và mục tiêu xã hội. Ở Việt Nam, các tổ chức nghệ thuật thường được gọi là các “đơn vị nghệ thuật”.

Sự sáng tạo chính là huyết mạch của các đơn vị nghệ thuật. Thứ nhất, các đơn vị nghệ thuật như là sự sáng tạo vì môi trường văn hóa xung quanh nó làm cho nó trở nên sáng tạo. Thứ hai, các đơn vị nghệ thuật phụ thuộc vào những tài năng, những con người sáng tạo. Thứ ba, các đơn vị nghệ thuật cần dẫn đầu trong quản lý sự sáng tạo bằng việc thử nghiệm các mô hình tổ chức mới để thúc đẩy sự sáng tạo bằng nhiều cách khác nhau.

Các đơn vị nghệ thuật thành công là những đơn vị dẫn đầu về nghệ thuật đồng thời tập trung vào khán giả, các đối tác, các nhà tài trợ, những bên liên quan có ảnh hưởng đến đơn vị. Công việc cơ bản của một đơn vị nghệ thuật là kết nối một cách sáng tạo nghệ thuật, tài năng và khán giả.

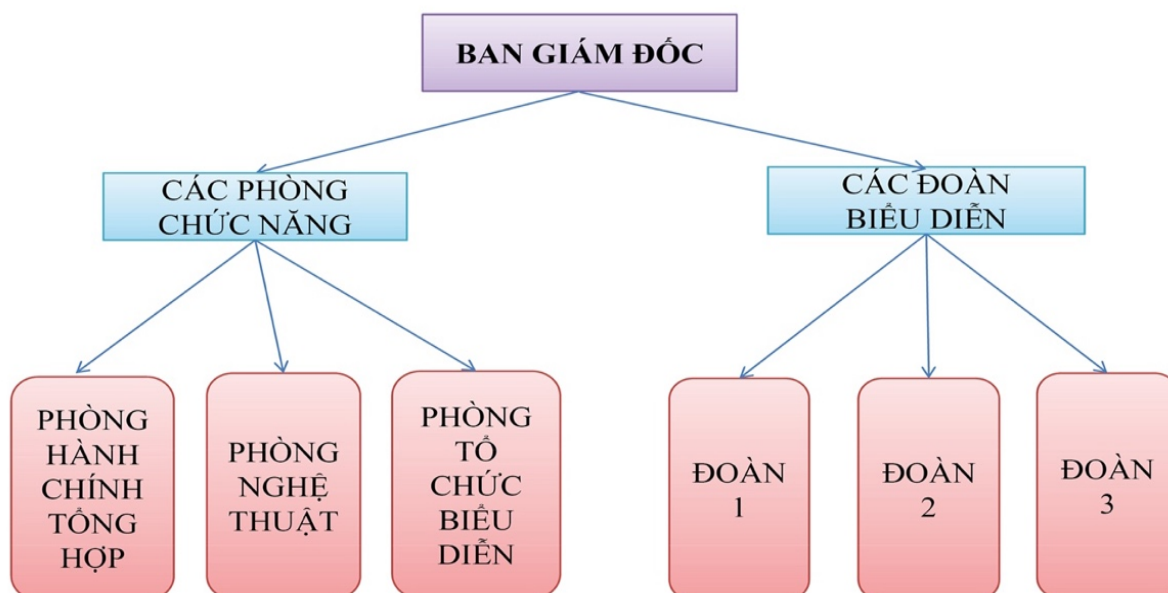
3. Giới thiệu thiết chế nhà hát ở Trung ương hiện nay

Hiện nay, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý 13 nhà hát, trong đó 12 đơn vị đóng trên địa bàn thủ đô Hà Nội gồm: (1) Nhà hát Tuồng Việt Nam; (2) Nhà hát Chèo Việt Nam; (3) Nhà hát Cải lương Việt Nam; (4) Nhà hát Múa rối Việt Nam; (5) Nhà hát Kịch Việt Nam; (6) Nhà hát Tuổi trẻ; (7) Nhà hát Ca, Múa, Nhạc Việt Nam; (8) Nhà hát Nghệ thuật đương đại Việt Nam; (9) Nhà hát Nhạc, Vũ Kịch Việt Nam; (10) Dàn nhạc Giao hưởng Việt Nam; (11) Liên đoàn xiếc Việt Nam; (12) Nhà hát lớn Hà Nội (không có có đội ngũ nghệ sỹ biểu diễn/đoàn biểu diễn nghệ thuật); (13) Nhà hát Ca Múa Nhạc Dân gian Việt Bắc (có trụ sở tại thành phố Thái Nguyên).

Các nhà hát về cơ bản có những điểm chung sau:

3.1. Về cơ cấu tổ chức

Các nhà hát là những đơn vị sự nghiệp công lập, có cơ cấu tổ chức tương đối giống nhau: gồm Ban Giám đốc (01 giám đốc và 02 - 03 phó giám đốc); các phòng chức năng (phòng hành chính tổng hợp; phòng tổ chức biểu diễn/phòng tổ chức biểu diễn và đối ngoại; phòng nghệ thuật). Mỗi nhà hát có 02 - 03 đoàn biểu diễn nghệ thuật. Trong các phòng chức năng có các bộ phận phụ trách các công việc như: phụ trách trang phục, marketing, truyền thông, câu lạc bộ khán giả, bán vé, ban quản lý rạp, phòng tập, kho...).



Hình 1. Cơ cấu tổ chức nhà hát

3.2. Về nguồn nhân lực

Tính đến tháng 6 năm 2021, “tổng số cán bộ, viên chức và người lao động tại 12 nhà hát (không tính Nhà hát lớn Hà Nội) do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý là 1.316 người. Trong đó, số diễn viên trong biên chế là 632/882 người (chiếm 71%). Số diễn viên có trình độ đào tạo tiến sĩ là 04 người (chiếm 0,06% tổng số diễn viên trong biên chế), thạc sĩ là 16 người (chiếm 0,25%), đại học là 361 người (chiếm 57%), cao đẳng là 55 người (chiếm 0,9%), trung cấp là 336 người (chiếm 53%), sơ cấp là 01 người (chiếm 0,01%)”³. Các nhà hát đều có đội ngũ nghệ sĩ, nhạc công, đạo diễn, cán bộ hành chính... cơ hữu, hưởng lương từ ngân sách Nhà nước. Để đảm bảo công tác biểu diễn, một số nhà hát có thêm nhân viên hợp đồng hoặc làm theo vụ việc.

Một số nhà hát, một số loại hình nghệ thuật thiếu nguồn nhân lực sáng tạo dẫn đến một số đơn vị nghệ thuật thiếu kịch bản hay, có chất lượng để dàn dựng và biểu diễn. Sự thiếu hụt này ảnh hưởng lớn đến chất lượng, số lượng tác phẩm, khuynh hướng nghệ thuật ở một số loại hình hiện nay. Thậm chí, có nhà hát được cấp ngân sách nhưng không hoàn thành nhiệm vụ, không dựng được vở do thiếu kịch bản.

Đội ngũ làm công tác lý luận phê bình nghệ thuật ở các nhà hát hiện nay hầu như vắng bóng, tạo nên khoảng trống lớn. Do đó, chức năng lý luận, phê bình và định hướng cho lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn đang là vấn đề cần sớm được giải quyết. “Lãnh đạo các nhà hát đều cho rằng chế độ tiền lương cho nghệ sĩ quá thấp, còn nhiều bất cập”⁴. Đây được cho là một trong những nguyên nhân dẫn đến không tuyển dụng được đội ngũ cán bộ đảm bảo cả về chất lượng và số lượng cho các phòng Nghệ thuật, phòng Tổ chức biểu diễn... đáp ứng nhu cầu phát triển của các nhà hát.

³ Số liệu do Cục Nghệ thuật biểu diễn, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cung cấp

⁴ Kết quả phỏng vấn sâu lãnh đạo một số nhà hát

3.3. Về cơ sở vật chất:

Các Nhà hát do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quản lý chưa được đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất, phần lớn xuống cấp, lạc hậu và hư hỏng; các thiết bị sân khấu, đạo cụ đã quá niên hạn sử dụng; hệ thống thiết bị kỹ thuật sân khấu, âm thanh, ánh sáng, máy chiếu, màn hình LED... còn sơ sài, lạc hậu, thiếu đồng bộ; nhạc cụ còn thiếu, một số đã được trang bị đã cũ và hỏng, đặc biệt, nhạc cụ cho loại hình nghệ thuật hàn lâm còn thiếu và chưa đạt chuẩn quốc tế, do đó chưa đáp ứng được nhu cầu làm việc, tập luyện và biểu diễn của các nhà hát, đặc biệt trong bối cảnh công nghệ biểu diễn thay đổi nhanh chóng như hiện nay.

Hầu hết các nhà hát đều có rạp hay nhà hát để biểu diễn, ngoại trừ 04 nhà hát vẫn phải thuê địa điểm để biểu diễn như Nhà hát Cải lương Việt Nam, Dàn nhạc Giao hưởng Việt Nam, Nhà hát Kịch Việt Nam, Nhà hát Nhạc, Vũ kịch Việt Nam. Nhà hát Chèo Việt Nam có nhà hát/rạp để biểu diễn nhưng chưa có trụ sở làm việc. Những nhà hát phải thuê địa điểm biểu diễn với nguồn kinh phí lớn, không chủ động về địa điểm, gây ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu của nhà hát, thu nhập của cán bộ, nghệ sĩ, diễn viên và người lao động. Các nhà hát đều nằm ở các quận nội thành Hà Nội. Có nhà hát nằm ở vị trí đắc địa, có nhà hát còn nằm khuất nẻo. Một số nhà hát có cơ sở vật chất chưa đáp ứng được yêu cầu biểu diễn, nhà hát xuống cấp, trang thiết bị âm thanh, ánh sáng cũ kỹ không đáp ứng được yêu cầu của các vở diễn. Một thực tế khác khá phổ biến là các nhà hát không có khuôn viên, không có chỗ để xe như Nhà hát Tuổi trẻ, rạp Hồng Hà (Nhà hát Tuồng Việt Nam). Điều này chính là một trong những rào cản đến với nghệ thuật của khán giả vì chi phí để được thưởng thức một tác phẩm nghệ thuật không chỉ là tiền mua vé mà còn là các chi phí liên quan như phí giao thông, phí gửi xe...

3.4. Về ngân sách

Các nhà hát là những đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Các đơn vị đã chủ động xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí được cấp từ ngân sách cũng như nguồn thu vào các hoạt động chuyên môn trên nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả. Các đơn vị được giao tự chủ tài chính đã bước đầu sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế, hợp đồng lao động theo hướng tinh gọn, hiệu quả. 100% đơn vị đã thực hiện tự chủ trong thực hiện nhiệm vụ.

Quá trình thực hiện Quyết định số 4793/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc sửa đổi Quyết định thí điểm áp dụng lộ trình đổi mới cơ chế hoạt động theo tinh thần Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 09/8/2012 của Chính phủ về “Đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, đẩy mạnh xã hội hoá một số loại hình dịch vụ sự nghiệp công lập”, một số nhà hát đã phải đối diện với một số khó khăn nhất định như đảm bảo ngân sách trả lương cho cán bộ, viên chức theo đúng quy định, đúng kỳ hạn, đảm bảo ngân sách dựng vở,... tuy nhiên, quá trình này cũng đã góp phần mở ra một hướng đi mới cho các nhà hát, tích cực, chủ động triển khai nhiều giải pháp đổi mới, nâng cao chất lượng tác phẩm nghệ thuật, dịch vụ phục vụ, sản phẩm/giá trị gia tăng, đổi mới phương thức quản lý, làm việc, tăng cường biện pháp để tăng nguồn thu, đa dạng hoá nguồn thu để đảm bảo hoàn thành lộ trình tự chủ theo kế hoạch Bộ Văn hóa,

Thể thao và Du lịch đã giao.

3.5. Hoạt động của thiết chế nhà hát ở Trung ương hiện nay

Là những đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các nhà hát đều phải thực hiện nhiệm vụ chính trị như: phục vụ các sự kiện chính trị, phục vụ đồng bào vùng sâu vùng xa, hải đảo và dựng vở theo đặt hàng bên cạnh việc thực hiện những sứ mệnh riêng có của nhà hát.

Có thể thấy, trong những năm qua, mặc dù vẫn còn một số khó khăn, thách thức, hoạt động biểu diễn nghệ thuật của các nhà hát đã từng bước được đổi mới, đáp ứng phần nào nhu cầu thưởng thức nghệ thuật ngày càng cao của công chúng trong bối cảnh có nhiều loại hình giải trí trên thị trường nghệ thuật. Những nhà hát ở Trung ương được xem như những “cánh chim đầu đàn”, giàu lịch sử và thành tích về nghệ thuật đã có một số tác phẩm đạt chất lượng cao về nghệ thuật, về tư tưởng, phản ánh khá sinh động đời sống xã hội, góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị nghệ thuật truyền thống của dân tộc.

Một số nhà hát đã có những nỗ lực về đa dạng hoá sản phẩm như Nhà hát Chèo Việt Nam, Nhà hát Tuồng Việt Nam, Nhà hát Tuổi trẻ, ... đáp ứng nhu cầu của các phân khúc khán giả khác nhau. Công tác tiếp cận khán giả/công chúng, công tác truyền thông cũng đã được các nhà hát chú trọng hơn trong nỗ lực đưa tác phẩm nghệ thuật tới công chúng. Tuy vậy, cơ sở và các nguồn lực để phát huy, sáng tạo và biểu diễn còn hạn hẹp, các tác phẩm của các nhà hát còn chưa được đầu tư đúng mức, chưa thật sự đa dạng, đổi mới; chất lượng và hình thức thể hiện chưa thực sự đáp ứng nhu cầu của công chúng, đặc biệt của giới trẻ, chưa đáp ứng yêu cầu về hội nhập quốc tế; công tác marketing, truyền thông, quảng bá còn hạn chế; mô hình tổ chức biểu diễn chưa đa dạng; những tác phẩm nghệ thuật của các nhà hát chưa phát huy hiệu quả về kinh tế, chưa tạo được tiếng vang trong thị trường nội địa và thu hút khán giả nước ngoài. Vì vậy, chưa thể cạnh tranh thành công với các sản phẩm nghệ thuật biểu diễn của nước ngoài và các loại hình nghệ thuật khác, chưa trở thành trụ cột trong phát triển các ngành công nghiệp văn hóa nói chung, ngành công nghiệp biểu diễn nói riêng ở Việt Nam trước những nhiệm vụ và yêu cầu mới hiện nay.

4. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của thiết chế nhà hát ở Trung ương hiện nay

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của các nhà hát ở Trung ương hiện nay, cần triển khai đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, phát triển và nâng cao chất lượng nghệ thuật, dịch vụ. Đầu tiên và quan trọng nhất là tăng cường chất lượng của các sản phẩm nghệ thuật và dịch vụ. Các nhà hát cần xây dựng những tác phẩm nghệ thuật, những vở diễn đạt chất lượng cao về nghệ thuật, có khả năng phản ánh, dự báo về đời sống xã hội, đáp ứng nhu cầu của công chúng đồng thời mang tính tư tưởng và định hướng thị hiếu khán giả. Bên cạnh đó, khi xây dựng các tác phẩm nghệ thuật cần phân tích và cân nhắc mọi khía cạnh như thể loại, chủ đề, kịch bản, đạo diễn, diễn viên, địa điểm biểu diễn, thời gian biểu diễn, giá vé... Ngoài những sản phẩm cốt lõi như tác phẩm nghệ thuật xuất sắc, các nhà hát cần xây dựng những sản phẩm gia tăng, những sản phẩm phụ trợ để quá

trình trải nghiệm/thưởng thức nghệ thuật của khán giả được tốt hơn.

Thứ hai, hoàn thiện chính sách vĩ mô và vi mô. Cần xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn. Bên cạnh đó các nhà hát cũng cần xây dựng những quy chế/văn bản nội bộ cụ thể làm cơ sở cho việc tổ chức thực hiện những hoạt động của nhà hát, đặc biệt những quy định về ngân sách, nhân sự, kế hoạch, chiến lược...

Thứ ba, xây dựng cơ chế tài chính. Xây dựng và thực hiện hiệu quả phương án tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. Ngoài ra, các chính sách tài chính liên quan đến nghệ thuật biểu diễn cũng cần được ưu tiên hơn như chính sách tiền lương, thanh sác, đặc thù nghề nghiệp,... Tăng cường hiệu quả, hiệu lực quản lý và tài chính. Cải thiện quản lý tổ chức và tài chính để tối ưu hóa hiệu suất hoạt động của các nhà hát. Sử dụng các phương pháp quản lý hiện đại, sử dụng các phần mềm quản lý hiệu quả; tăng cường đào tạo cho cán bộ phụ trách chính. Chủ động tìm kiếm các nguồn tài trợ và hỗ trợ từ các công ty, doanh nghiệp và tư nhân. Đầu tư thoả đáng cho lĩnh vực văn hóa nghệ thuật nói chung, cho các nhà hát nói riêng.

Thứ tư, kiện toàn bộ máy tổ chức của các nhà hát trên nguyên tắc tinh gọn, hiệu quả nhưng cần đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ. Xác định đúng các vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp. Theo lý thuyết tổ chức, khi môi trường và công nghệ thay đổi, các tổ chức phải thay đổi để có thể thích nghi với hoàn cảnh mới, trong đó có sự thay đổi về cơ cấu tổ chức⁵. Việc các nhà hát phải kiện toàn bộ máy tổ chức là điều tất yếu khách quan để đáp ứng nhu cầu phát triển. Dựa trên kết quả nghiên cứu về nhu cầu hoạt động của các nhà hát cho thấy, cần thành lập các phòng/bộ phận chức năng như phòng/bộ phận marketing, giáo dục nghệ thuật, phát triển thị trường/khán giả, chăm sóc khách hàng/khán giả, đối ngoại, gây quỹ và tìm tài trợ.

Thứ năm, phát triển các chương trình nâng cao năng lực về quản lý nghệ thuật cho các nhà hát. Các cơ quan chủ quản và các nhà hát cần xây dựng mục tiêu, xác định các nguồn lực và lộ trình thực hiện. Trong điều kiện hiện nay, người lãnh đạo, quản lý nghệ thuật phải mạnh dạn, dám nghĩ dám làm, phải có tư duy đổi mới, tư duy chiến lược, phải thực sự năng động. Người làm quản lý, lãnh đạo phải hiểu biết những quy định của pháp luật, chính sách của Đảng và Nhà nước. Người lãnh đạo, quản lý nghệ thuật không những cần phải hiểu biết những vấn đề về xã hội, hiểu về những mối quan hệ, ứng xử của người Việt mà còn phải hiểu biết về đất nước, con người, về những mối quan hệ vượt ra ngoài lãnh thổ Việt Nam. Đặc biệt, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của các nhà hát chủ yếu là các nghệ sĩ. Để có năng lực quản lý các đơn vị nghệ thuật, đội ngũ những người nghệ sĩ làm lãnh đạo, quản lý cần được tham gia đầy đủ các chương trình đào tạo, thực hành nhằm nâng cao năng lực về quản lý, quản trị nghệ thuật. Các chương trình đào tạo này có thể được tổ chức tại chỗ hoặc ở nước ngoài. Đào tạo cần đi đôi với quy hoạch cán bộ, gồm cả cán bộ quản lý và cán bộ chuyên môn.

Thứ sáu, xây dựng và thực hiện chiến lược marketing, đặc biệt chú trọng phát

⁵ Robbins, S & Barnwell, N (2006), *Organisation theory: concepts and cases (5th edn)*, Pearson Education Australia, Frenchs Forest, N.S.W.

triển marketing hỗn hợp. Công tác marketing của các nhà hát cần được triển khai một cách sáng tạo, ngoài hiệu quả về mặt kinh tế còn phải chú trọng hiệu quả tư tưởng, hiệu quả thẩm mỹ nhằm xây dựng một lực lượng đông đảo khán giả cho các chương trình nghệ thuật xuất sắc cả về nội dung và hình thức. Tận dụng công nghệ và truyền thông để quản lý và tiếp cận khán giả hiệu quả hơn. Cải thiện hệ thống bán vé trực tuyến, sử dụng mạng xã hội và website để quảng bá chương trình, sản xuất nội dung truyền thông sáng tạo để phát triển khán giả.

Thứ bảy, đẩy mạnh quan hệ hợp tác. Các nhà hát cần chủ động tìm kiếm, xây dựng và thúc đẩy mối quan hệ hợp tác giữa các nhà hát ở Trung ương, các nhà hát ở Trung ương với các nhà hát địa phương, với các nhà hát khu vực và quốc tế nhằm tăng cường cơ hội tiếp xúc, giao lưu, học hỏi và trao đổi kiến thức, kinh nghiệm về quản lý và biểu diễn nghệ thuật. Ưu tiên xây dựng và phát triển mối quan hệ hợp tác với các công ty du lịch, doanh nghiệp, trường học và cộng đồng, đối tác nhằm phát triển và đa dạng hoá khán giả cho các chương trình nghệ thuật. Phát triển hệ sinh thái nghệ thuật biểu diễn mạnh mẽ và bền vững. Hỗ trợ phát triển các nền tảng nghệ thuật./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <https://en.oxforddictionaries.com/definition/theatre>, truy cập 22/1/2024.
2. Kết quả phỏng vấn sâu lãnh đạo một số nhà hát do tác giả thực hiện.
3. Leadbeater, C. (2005), “Arts Organisations in the 21st Century: Ten Challenges”, <http://www.charlesleadbeater.net/cms/xstandard/TenChallenges5.pdf>, truy cập ngày 24/1/2024.
4. Một số số liệu do Cục Nghệ thuật biểu diễn, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cung cấp.
5. Nguyễn Thị Anh Quyên (2019), Marketing nghệ thuật của các nhà hát trên địa bàn thành phố Hà Nội (Sách chuyên khảo), Nxb Lý luận Chính trị.
6. Robbins, S & Barnwell, N (2006), Organisation theory: concepts and cases (5th edn), Pearson Education Australia, Frenchs Forest, N.S.W.
7. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (2011), Đại từ điển tiếng Việt, Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA CHO CÔNG NHÂN Ở ĐỒNG NAI

TS. Nguyễn Văn Quyết

Nguyên Phó Giám đốc

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đồng Nai

Quá trình công nghiệp hóa nhanh chóng ở Đồng Nai đã thu hút rất đông công nhân lao động trên địa bàn tỉnh và vùng lân cận về làm việc tại các doanh nghiệp. Nhiều nét văn hóa và phong tục tập quán vùng miền khác nhau cũng phát triển rất đa dạng, cùng với đó là sự giao lưu văn hóa giữa doanh nghiệp nước ngoài với văn hóa Việt Nam. Vì vậy việc quan tâm xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa phục vụ cho công nhân lao động (CNLD) đang là vấn đề đã và đang được chính quyền tỉnh Đồng Nai quan tâm tích cực. Tuy nhiên, thực tế cho thấy cần phải có những chế độ chính sách phù hợp để các thiết chế văn hóa này hoạt động đáp ứng thỏa đáng nhu cầu tích cực của CNLD.

1. Thực trạng và những vấn đề đặt ra

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hiện có 31 khu công nghiệp (KCN) hoạt động, thu hút 1.174 dự án đầu tư nước ngoài của 40 quốc gia và vùng lãnh thổ, với tổng số vốn đầu tư 23,5 tỷ USD và gần 1 triệu lao động làm việc. Trong đó, tổng số doanh nghiệp vốn Nhà nước là 79, đầu tư nước ngoài là 1.296 và trên 24.500 doanh nghiệp dân doanh. Tổng số lao động làm việc tại các tổ chức, doanh nghiệp là gần 1 triệu người; trong đó, doanh nghiệp vốn Nhà nước là 46.679 người, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 536.047 người, còn lại thuộc các doanh nghiệp dân doanh; có khoảng 58% lao động nữ, 62% lao động nhập cư.

Trong những năm qua, tỉnh Đồng Nai giao trách nhiệm chính cho ngành Văn hóa, Công đoàn các cấp và chính quyền cơ sở thường xuyên phối hợp với các ngành, giới chủ các doanh nghiệp (nhất là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có đông CNLD) xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa dành cho CNLD như: các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, tham quan du lịch được tổ chức thường xuyên, hiệu quả. Chủ trương xây dựng khu vui chơi giải trí, thư viện sách công nhân, tủ sách pháp luật được đa số các doanh nghiệp ủng hộ. Bên cạnh đó, các điều kiện cho công nhân về phương tiện làm việc, nhà ở, nhà trẻ, hỗ trợ học tập nâng cao trình độ, hỗ trợ công nhân lao động lúc khó khăn, hoạn nạn cũng được quan tâm thực hiện có hiệu quả.

Lực lượng CNLD khá đông và hiện nay được xác định là vốn quý nhất của doanh nghiệp. Ý thức điều đó nên một số chủ doanh nghiệp chủ động đầu tư, liên kết xây dựng các thiết chế văn hóa – thể dục, thể thao dành cho người lao động khá quy mô như: ký túc xá, nhà trẻ, siêu thị, khu sinh hoạt văn hóa, nhà thi đấu, sân thể thao..., đáp ứng một phần nhu cầu đời sống vật chất và tinh thần thường xuyên cho CNLD, điển hình là các doanh nghiệp nước ngoài như: Công ty Pousung, Taekwang, Changshin, Pouchen, tập đoàn Phong Thái...

Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp này chiếm tỷ lệ khá khiêm tốn so với nhu cầu của CNLĐ tỉnh Đồng Nai hiện nay. Lực lượng CNLĐ tỉnh Đồng Nai khá phức tạp do cơ cấu ngành nghề đa dạng, đặc biệt là sự dịch chuyển lao động từ các địa phương khác mang đến nhiều bản sắc văn hóa vùng, miền khác nhau. Nhiều phong tục lạc hậu, tệ nạn mê tín, dị đoan vẫn còn tồn tại. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đến từ nhiều quốc gia cũng mang đến những nền văn hóa khác nhau, tác động không nhỏ đến người lao động làm việc tại các doanh nghiệp này. Các thế lực chống phá luôn tìm mọi thủ đoạn, thông qua các kênh thông tin không chính thống tác động đến lực lượng CNLĐ để truyền bá tư tưởng dao động, hoài nghi, phủ nhận con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; thậm chí phủ định lịch sử cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ sau giải phóng thống nhất đất nước.

Thực tế cho thấy, đời sống vật chất tuy được cải thiện nhưng vẫn còn nhiều khó khăn và cường độ lao động ngày càng cao khiến mức hưởng thụ văn hóa của CNLĐ luôn ở mức chưa thỏa đáng. Phần lớn CNLĐ chưa được tiếp nhận thường xuyên và đầy đủ về thông tin chính trị - xã hội và chính sách, pháp luật, trong đó có cả những quy định về quyền và lợi ích hợp pháp liên quan trực tiếp đến bản thân họ. Trong điều kiện hiện nay cơ sở vật chất hạ tầng xã hội, các thiết chế văn hóa chưa hình thành tương xứng CNLĐ trong các KCN như: chưa có trạm xá, nhà trẻ, nhà văn hóa, câu lạc bộ, hoạt động thể dục, thể thao,... Các trung tâm văn hóa do ngành văn hóa quản lý ở các địa phương đa phần đều ở xa các khu công nghiệp và nơi CNLĐ sinh sống. Do đó, điều kiện sống văn hóa của người lao động chưa được cải thiện đáng kể, các hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí dành cho CNLĐ chưa tương xứng với sự phát triển của các KCN.

Nhiều sinh hoạt văn hóa tinh thần của CNLĐ đa phần diễn ra trong các khu nhà trọ và mang tính tự phát (người lao động phần lớn phụ thuộc hoàn toàn vào các hình thức giải trí được cung cấp sẵn, rẻ tiền hoặc miễn phí, như giải trí bằng ti-vi, nghe đài; đọc báo, sử dụng internet). Công tác quản lý nhà nước về giá điện, nước vẫn còn nhiều bất cập; cơ sở vật chất không bảo đảm an ninh trật tự, thậm chí những dư luận xấu, mê tín dị đoan cũng len lỏi vào không ít. Qua khảo sát cho thấy, nhà trọ dành cho người lao động nhập cư thuê đa số là tạm bợ, phần lớn không bảo đảm nhu cầu sinh hoạt tối thiểu của người lao động. Các yếu tố thiết yếu cho cuộc sống như diện tích, vệ sinh, môi trường, điện, nước đều thiếu thốn hoặc dưới mức tối thiểu. Đa số phòng trọ chỉ rộng 10 - 12m², thậm chí có phòng chỉ 7 - 8m², nhưng để tiết kiệm có phòng đến 3 - 5 người chung nhau thuê để ở.

Trong bối cảnh đó, người lao động dễ bị lôi kéo vào các hoạt động thiếu lành mạnh, tệ nạn xã hội luôn rình rập. Bên cạnh đó, tổ chức nghiệp vụ tuyên truyền, văn hóa *chưa có bộ phận chuyên trách* để xây dựng và trực tiếp tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao trong CNLĐ, nên kết quả thực hiện vẫn còn khá khiêm tốn so với nhu cầu thực tế. Các hoạt động văn hóa còn mang tính phong trào, theo thời điểm, có lúc chưa kịp thời, chưa thường xuyên, thiếu tính hệ thống, nhất là ở khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong các KCN; bộc lộ một số bất cập mà chưa có biện pháp giải quyết hữu hiệu, lâu dài. Vì vậy, khi chúng tôi khảo

sát trực tiếp đã xuất hiện một bộ phận công nhân sống buông thả, sa vào tiêu cực và tệ nạn xã hội. Tình hình trộm cắp, cướp giật, gây rối trật tự công cộng, cờ bạc, mê tín dị đoan, ma túy, mại dâm đã xuất hiện ở không ít khu CNLĐ, nhất là ở những khu vực xa cơ quan Nhà nước quản lý. Đặc biệt là tình trạng CNLĐ bị lôi kéo, kích động, tham gia vào các hoạt động gây rối trật tự công cộng, ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở các địa phương diễn ra ngày càng phức tạp.

Một phần nguyên nhân của tình hình trên là do nhiều doanh nghiệp chỉ tập trung vào sản xuất - kinh doanh với mục tiêu chủ yếu là lợi nhuận, chưa thật sự quan tâm vào đầu tư hệ thống thiết chế và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi giải trí, cải thiện sức khỏe dành cho CNLĐ. Tại các địa phương, chính quyền sở tại nhiều nơi cũng chưa có sự quan tâm, chưa có đủ điều kiện đúng mức để chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động. Ngoài ra, bản thân CNLĐ cũng không có đủ thời gian dành cho việc học hành, đọc sách, báo, vui chơi, giải trí ở các thiết chế Văn hóa tại chỗ vì phải làm thêm ca, thêm giờ; thời gian nghỉ còn phải lo chăm sóc cuộc sống bản thân, gia đình. Hoặc một số trường hợp còn tranh thủ làm thêm để tăng thu nhập. Bên cạnh đó, môi trường văn hóa doanh nghiệp ở nhiều nơi khác biệt, cũng ảnh hưởng đến nếp sống văn hóa, sinh hoạt của CNLĐ, quan hệ sinh hoạt văn hóa giữa người sử dụng lao động và CNLĐ còn rất ít và chưa thật hài hòa.

Trách nhiệm chính là của chính quyền, đoàn thể ở địa phương, trong đó ngành Văn hóa, Công đoàn *cần phải có chế độ chính sách thiết thực và nhân lực đáp ứng* có trình độ và tích cực, thường xuyên liên kết, đầu tư cho thiết chế hoạt động quảng bá thông tin, văn hóa, thể dục, thể thao, an ninh trật tự. Tại các địa phương, chính quyền sở tại nhiều nơi cũng chưa có sự quan tâm đúng mức, chưa có điều kiện để chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động.

Trước thực trạng đó, với vai trò nòng cốt trong Chương trình *Xây dựng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, khu dân cư “Đạt chuẩn văn hóa”*, ngành Văn hóa và Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai cũng thường xuyên phối hợp với các ngành, các tổ chức, doanh nghiệp chủ động triển khai theo các nội dung, tiêu chí phù hợp với từng loại hình cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, địa phương. Trong đó, Tiểu ban Văn hóa của Ban quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai, Trung tâm Văn hóa cấp huyện, thành phố, Công đoàn cơ sở,... giữ vai trò tham mưu trong việc phối hợp với thủ trưởng cơ quan, đơn vị, người sử dụng lao động thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm góp phần hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ chính trị, chuyên môn, các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp đã đề ra.

Đặc biệt, trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, việc xây dựng Thỏa ước lao động tập thể, Quy chế phối hợp giữa Công đoàn và Ban Giám đốc công ty, các hoạt động trong CNLĐ về giao lưu văn hóa Việt Nam và văn hóa các nước có doanh nghiệp đầu tư..., cũng cần quan tâm nhiều hơn để góp phần đem lại những kết quả trong việc giao lưu văn hóa, giữ vững tinh thần tôn trọng doanh nghiệp, tích cực làm việc và thắt chặt mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến

bộ trong các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, ngành Văn hóa tỉnh thường xuyên triển khai thực quả đáng hiện nhiều mô hình hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức chính trị, giáo dục, phổ biến pháp luật, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho CNLĐ như: các chương trình sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, các giải thi đấu, giao lưu thể thao, tọa đàm tìm hiểu văn hóa song phương,... nhất là trong những dịp nghỉ lễ Tết, lễ hội được doanh nghiệp và địa phương đồng ý.

Mặt khác, trong các doanh nghiệp do điều kiện công nhân làm ca và do áp lực của công việc, nên thời gian để CNLĐ nghiên cứu, học tập các quan điểm chính trị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nghị quyết Công đoàn các cấp còn nhiều hạn chế. Một bộ phận người lao động chưa thật sự quan tâm đến việc nghiên cứu, nhận thức chính trị, học tập nâng cao trình độ và tham gia các hoạt động văn hóa, mà chủ yếu chỉ nghĩ đến việc làm và thu nhập.

2. Những giải pháp để tiếp tục nâng cao đời sống văn hóa vật chất và tinh thần cho công nhân lao động ở các Khu công nghiệp và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Với quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam thì *“Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển, vừa là mục tiêu phấn đấu của xã hội”*, góp phần tạo sự phát triển bền vững của đất nước nên văn hóa luôn phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị và xã hội. Với quan điểm đó, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai luôn xác định mục tiêu xây dựng giai cấp công nhân Đồng Nai ngày càng lớn mạnh toàn diện, đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; giác ngộ giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội. Đồng thời trong hoạt động thường xuyên cần phải chú ý nâng cao đời sống văn hóa vật chất và tinh thần của CNLĐ, bảo đảm việc làm ổn định, tạo động lực mạnh mẽ phát triển bền vững sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đóng góp tích cực vào sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và đất nước. Trong giai đoạn xây dựng công nghệ số 4.0 hiện nay, chính quyền cần có những chính sách, chế độ tương thích để chuẩn mực hóa những giá trị văn hóa và con người Việt Nam, thường xuyên nghiên cứu và hoàn thiện những đặc trưng, bản sắc văn hóa và con người Việt Nam - Đồng Nai; tạo môi trường và điều kiện thỏa đáng nhằm phát triển nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực lao động sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật; đề cao tinh thần yêu nước, tự hào truyền thống quê hương, truyền thống dân tộc, lương tâm, trách nhiệm của mỗi CNLĐ đối với bản thân, gia đình, cộng đồng, quê hương và đất nước.

Vấn đề tăng cường đầu tư xây dựng các thiết chế Văn hóa có công cụ kỹ thuật, đẩy mạnh tổ chức các hoạt động văn hóa phục vụ CNLĐ, huy động mọi nguồn lực từ phía Nhà nước và đẩy mạnh công nghiệp hóa Văn hóa, xã hội hóa Văn hóa, *phải coi đầu tư nâng cao đời sống văn hóa tinh thần là đầu tư cho con người, đầu tư cho phát triển bền vững*. Mặt khác, để nâng cao hiệu quả của các hoạt động văn hóa, thể thao trong CNLĐ, góp phần xây dựng môi trường văn hóa doanh nghiệp lành mạnh, quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ đến lúc cần phải xây dựng

đội ngũ hoạt động văn hóa đủ, có năng lực tốt giúp CNLĐ có đời sống văn hóa phong phú, có sức khỏe tốt, có kỹ năng nghề nghiệp, có tác phong công nghiệp, lao động có năng suất, chất lượng và hiệu quả và luôn yêu quý, giữ gìn văn hóa Việt Nam. Đáp số của bài toán này là nhằm giải phóng mạnh mẽ năng lực và tiềm năng sáng tạo trong mỗi CNLĐ; tạo cơ chế, chính sách và cơ sở vật chất để CNLĐ có điều kiện thụ hưởng các sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, là cơ sở để tái tạo sức lao động, nâng cao năng suất trong lao động, sản xuất. Tỉnh Đồng Nai đã tổ chức thường xuyên hoạt động Thông tin lưu động đến các khu nhà trọ công nhân các KCN để giúp nắm thông tin mới và xem văn nghệ, triển lãm hình ảnh cổ động nhân các dịp lễ, tết. Tuy nhiên số lượng người xem CNLĐ và gia đình không được nhiều và có xu hướng giảm mạnh!

Để thực hiện các mục tiêu đó, với góc nhìn Văn hóa địa phương, chúng ta cần nhanh chóng triển khai có hiệu quả một số giải pháp sau:

Một là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, xây dựng nếp sống văn hóa.

Bằng các hình thức phù hợp, thường xuyên tổ chức tuyên truyền, cập nhật kiến thức cho CNLĐ về chính sách, pháp luật, nếp sống văn hóa, tại doanh nghiệp và nơi ở theo tinh thần Nghị quyết số 33-NQ/TW, về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Hằng năm, tổ chức tập huấn cho cán bộ Văn hóa ở cơ sở, cán bộ Công đoàn và đoàn viên, công nhân nòng cốt về xây dựng nếp sống văn hóa, kỹ năng tổ chức các hoạt động văn hóa, giáo dục cộng đồng, thể thao,.. ở cơ sở; phát động phong trào thi đua học tập nâng cao trình độ nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp, phong trào “Người tốt, việc tốt” tổ chức các hình thức tìm hiểu pháp luật, văn hóa, kiến thức xã hội cho CNLĐ, thường xuyên theo dõi tin tức chính thống của các cơ quan thông tấn báo chí.

Phối hợp tổ chức các hoạt động xây dựng nếp sống văn hóa cá nhân, tập thể; tác phong lao động công nghiệp, nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội, xây dựng cộng đồng công nhân có lập trường, tư tưởng vững vàng; có ý chí vượt khó, vươn lên, lập thân, lập nghiệp; tích cực tham gia hoạt động văn hóa, thể thao. Đồng thời đẩy mạnh phong trào phòng chống tệ nạn xã hội, CNLĐ không vướng mắc các tệ nạn xã hội; chấp hành nghiêm pháp luật, nội quy, quy định của doanh nghiệp và địa phương nơi cư trú; tích cực học tập, nâng cao trình độ văn hóa, chính trị, chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp. Duy trì hoạt động kết nối thông tin của Sở VH TT & DL, Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai và các cấp công đoàn qua kênh mạng xã hội và tổng đài tư vấn pháp luật.

Hai là, tăng cường phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao trong CNLĐ, giao lưu song phương văn hóa đối ngoại giữa văn hóa Việt Nam và văn hóa của quốc gia có doanh nghiệp đang hoạt động trực tiếp.

Vận động mở rộng hình thành và hướng dẫn cơ sở tổ chức hoạt động “Câu lạc bộ văn hóa, thể thao CNLĐ”, “Đội văn nghệ quần chúng CNLĐ”; phát động phong trào “CNLĐ rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”. Tăng cường các

hoạt động liên hoan, hội thi, hội thao, gặp gỡ, học hỏi, trao đổi kinh nghiệm cho công đoàn cơ sở và CNLĐ tiêu biểu. Tôn vinh những tập thể, cá nhân tiêu biểu trong xây dựng đời sống văn hóa và tổ chức Tọa đàm, trao đổi tình hình sản xuất, kết quả lao động của đơn vị, giao lưu Văn hóa đối ngoại giữa chủ Doanh nghiệp và CNLĐ.

Ba là, đẩy mạnh nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa ngành Văn hóa với chính quyền, doanh nghiệp, khai thác các nguồn lực xã hội.

Chính quyền cần thường xuyên liên kết các địa phương có doanh nghiệp hoạt động và CNLĐ sinh hoạt, phối hợp LĐLĐ với Sở VH TT & DL, Sở LĐ TB & XH, Ban Quản lý các KCN kiểm tra hiệu quả tổ chức tuyên truyền cho CNLĐ và người sử dụng lao động về chính sách, pháp luật, nếp sống văn hóa tại doanh nghiệp và nơi ở; tổ chức tập huấn cho cán bộ công đoàn các cấp và CNLĐ về xây dựng nếp sống văn hóa, kỹ năng tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao ở cơ sở. Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch để đánh giá hiệu quả hoạt động, phát huy hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở, thành lập các điểm hỗ trợ công nhân gắn với hoạt động của hệ thống Nhà văn hóa của khu phố, áp nơi công nhân ở trọ, đào tạo hạt nhân cho phong trào văn hóa ở cơ sở. Phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện chuyên mục “Công nhân lao động” trên sóng phát thanh và truyền hình Đồng Nai. Vận động, thu hút các doanh nghiệp tiếp tục quan tâm, đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, tổ chức các hoạt động nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho CNLĐ trong các doanh nghiệp, bố trí thời gian, kinh phí cho hoạt động văn hóa, thể thao phục vụ công nhân khu công nghiệp.

Một vấn đề cần thiết hiện nay là tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng và bổ sung cán bộ văn hóa, cán bộ công đoàn cơ sở có năng lực, đạo đức, tích cực sáng tạo đẩy mạnh tổ chức các phong trào thi đua, phong trào văn hóa, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho CNLĐ khu công nghiệp, doanh nghiệp ở Đồng Nai...

Bốn là, quan tâm chế độ chính sách thu hút đầu tư tạo điều kiện phát triển đồng bộ hệ thống các công trình, sinh hoạt văn hóa trong tỉnh và ở các khu vực tập trung nhiều KCN.

Bên cạnh việc xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, chú ý đúng mức đến chất lượng hoạt động của hệ thống các thiết chế bằng việc đầu tư về phát triển nguồn nhân lực, đầu tư tổ chức các hoạt động văn hóa, huy động sự sáng tạo của các doanh nghiệp và các nguồn lực xã hội tham gia, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1780/QĐ-TTg ngày 12-10-2011 tạo tiền đề cho việc tổ chức các hoạt động nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho CNLĐ ở KCN, doanh nghiệp. Vấn đề cần chú ý là trong giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội hội nhập thế giới hiện nay, Nhà nước cần nghiên cứu và sớm ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn thi hành luật quy định địa phương, các doanh nghiệp trong và ngoài nước đang hoạt động, sản xuất kinh doanh trên địa bàn phải có phần trách nhiệm để góp phần tạo điều kiện chăm lo đời sống văn hóa vật chất và tinh thần cho CNLĐ. Cụ thể, trong Luật hiện nay nêu rõ: “Doanh nghiệp phải tạo điều kiện cho địa phương, Công đoàn cơ sở thực hiện nhiệm vụ của mình”. Tuy nhiên, Luật vẫn không thể hiện rõ cụ thể

trách nhiệm những gì, đến đâu; mức độ đầu tư về xây dựng thiết chế văn hóa vật chất kỹ thuật; tổ chức hoạt động giao lưu văn hóa song phương giữa giới chủ và CNLĐ, nên việc sinh hoạt văn hóa, tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật cho CNLĐ vẫn còn nhiều bất cập.

Năm là cần đầu tư tổ chức nhân lực, đào tạo cán bộ làm công tác VH cơ sở.

Nhằm đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, văn hóa, thể thao, tạo điều kiện tích cực, thường xuyên, hiệu quả để kết nối giữa Chủ doanh nghiệp và CNLĐ không chỉ giúp người lao động hiểu biết sâu, nhiều hơn mà tạo ra hoạt động thích hợp giao lưu văn hóa đối ngoại giữa văn hóa Việt Nam với văn hóa các nước, nhất là nước có doanh nghiệp đang trực tiếp quản lý người lao động, hiện nay việc quan tâm liên kết với các tổ chức, DN nước ngoài để đầu tư, đào tạo nhân lực văn hóa có nghiệp vụ, hiểu biết sâu về văn hóa đối ngoại nhân dân, đẩy nhanh phát triển thiết chế văn hóa, tổ chức đa dạng hoạt động văn hóa cho CNLĐ được hưởng thụ là rất cần thiết. Một điều quan trọng khác là chính những cán bộ làm công tác văn hóa ở cơ sở trực tiếp hiểu rõ về nhu cầu lao động của các doanh nghiệp đặc biệt là doanh nghiệp nước ngoài đang có nhu cầu tìm kiếm lao động xuất khẩu và nhu cầu lao động nước ngoài của CNLĐ. Cán bộ văn hóa ở cơ sở sẽ trở thành một nhịp cầu nối hữu nghị song phương, đa phương giúp việc phát triển kinh tế - xã hội tại chỗ và tạo việc làm ở nước ngoài cho CNLĐ Việt Nam ngày càng ổn định.

Điều quan trọng cần quan tâm trong tình hình hiện nay là 2 vấn đề:

- Nhà nước và chính quyền địa phương cần sớm cập nhật những chính sách, chế độ chung và liên kết trực tiếp với các doanh nghiệp để xây dựng các Thiết chế văn hóa cơ sở và tổ chức hoạt động hiệu quả để đáp ứng nhu cầu thực tế của CNLĐ các KCN hiện nay.

- Nhà nước và chính quyền địa phương, các tổ chức, đoàn thể liên quan cần quy định biên chế cán bộ văn hóa cơ sở ở các KCN để duy trì được hoạt động thường xuyên. Mặt khác cần có kế hoạch đào tạo chuyên môn giúp cán bộ văn hóa cơ sở nâng cao kiến thức, có trách nhiệm cập nhật tình hình lao động, sản xuất, sinh hoạt văn hóa của các doanh nghiệp, CNLĐ trong quá trình xây dựng xây dựng Đời sống văn hóa cơ sở CNLĐ ở các Khu công nghiệp trên địa bàn.

Quá trình sản xuất kinh doanh để phát triển kinh tế là yếu tố quan trọng đối với các địa phương hiện nay. Tuy nhiên, để xây dựng, giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam trong thời kỳ hội nhập, nhất là đối với CNLĐ thì việc cập nhật chế độ chính sách, đào tạo nhân lực văn hóa ở địa phương có các KCN, doanh nghiệp cũng rất cần thiết. Điều không thể không quan tâm hiện nay là phải tích cực đổi mới trong việc tổ chức các hoạt động văn hóa cho CNLĐ các KCN, doanh nghiệp vì văn hóa chính là những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo, giữ gìn và trao truyền cho xã hội. “Mất kinh tế còn có thể khôi phục; nhưng mất văn hóa, dân tộc sẽ bị diệt vong”./.

LÝ LUẬN VỀ THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ KINH NGHIỆM XÂY DỰNG THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI

TS. Lương Huyền Thanh
*Viện Văn hóa và Phát triển,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

1. Một số vấn đề lý luận về thiết chế văn hóa, thể thao

1.1. Khái niệm

Thiết chế văn hóa, thể thao (TCVHTT) là một thuật ngữ được sử dụng phổ biến ở Việt Nam hiện nay, nhất là trong ngành VHTTDL. Thực tế cho thấy, thuật ngữ *thiết chế văn hóa, thể thao* được ghép từ *thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao* để chỉ chung hệ thống thiết chế của ngành VHTTDL, hoặc để chỉ thiết chế phức hợp, đa năng bao gồm cả chức năng của thiết chế văn hóa và thiết chế thể thao.

Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam, “thiết chế văn hóa là chỉnh thể văn hóa hội tụ đầy đủ các yếu tố: cơ sở vật chất, bộ máy tổ chức, nhân sự, quy chế hoạt động, nguồn kinh phí”; chỉ riêng ngôi nhà hoặc công trình văn hóa chưa đủ để gọi là thiết chế văn hóa.

Thiết chế thể thao là các tổ chức hoạt động thể thao nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu về rèn luyện sức khỏe thể chất, về giải trí và nhu cầu phát triển năng khiếu, năng lực thể thao của người dân. Thiết chế thể thao bao gồm: Trung tâm thể dục, thể thao hoặc Trung tâm văn hóa – thể thao; nhà thi đấu thể thao (theo các môn thể thao); sân vận động.

Do vậy, có thể hiểu một cách chung nhất, thiết chế văn hóa, thể thao là các tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao do Nhà nước hoặc cộng đồng xã hội lập ra trong khuôn khổ pháp luật hoặc quy chế của ngành, đoàn thể nhằm đáp ứng nhu cầu văn hóa, thể dục, thể thao của người dân. Một thiết chế văn hóa, thể thao có thể vận hành và thực hiện tốt các chức năng xã hội của mình phải hội tụ đầy đủ các yếu tố: có một đội ngũ nhân lực được tổ chức thành hệ thống; có thể chế (luật, lệ) để vận hành; có cơ sở vật chất, nguồn lực tài chính đảm bảo để hoạt động lâu dài.

Ở Việt Nam, hệ thống TCVHTT được xây dựng từ trung ương đến cơ sở. Hệ thống thiết chế do ngành văn hóa, thể thao và du lịch quản lý trên cả nước gồm: thiết chế văn hóa, thể thao cấp trung ương (trung tâm văn hóa nghệ thuật quốc gia; trung tâm văn hóa - thông tin, hội nghị, triển lãm quốc gia; bảo tàng, thư viện quốc gia; nhà thi đấu, sân vận động quốc gia...); thiết chế văn hóa cấp tỉnh (trung tâm văn hóa, trung tâm văn hóa - thông tin, trung tâm thông tin triển lãm, trung tâm văn hóa nghệ thuật, nhà thi đấu, sân vận động tỉnh/thành phố...); thiết chế văn hóa, thể thao quận, huyện (Trung tâm Văn hóa - Thể thao hoặc nhà văn hóa); cấp xã, phường, thị trấn có Trung tâm Văn hóa - Thể thao, thôn, bản... có nhà văn hóa. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao do các bộ, ngành, đoàn thể khác quản lý gồm: hệ thống thiết chế thuộc Công đoàn: cung văn hóa lao động (cấp trung ương); nhà văn hóa lao động

cấp tỉnh, cấp huyện. Hệ thống thiết chế văn hóa của Trung ương Đoàn Thanh niên: có cung, nhà thiếu nhi, trung tâm hoạt động thanh, thiếu nhi cấp tỉnh, thành phố; nhà thiếu nhi, Trung tâm hoạt động thanh, thiếu nhi cấp huyện.

Quan niệm về thiết chế văn hóa, thể thao ở Việt Nam cơ bản tương đồng với cách hiểu về thuật ngữ này trên thế giới. Theo định nghĩa của Wikipedia (<https://wordtools.ai/definition/cultural+institutions>), thiết chế văn hóa (Cultural institutions) là thuật ngữ đề cập đến các tổ chức hoặc cơ sở quảng bá, bảo tồn và tôn vinh di sản văn hóa của một xã hội hoặc cộng đồng. Các tổ chức này có thể có nhiều hình thức, bao gồm bảo tàng, phòng trưng bày, thư viện, nhà hát và trung tâm văn hóa. Những tổ chức này đóng một vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và giới thiệu nghệ thuật, lịch sử, văn học, âm nhạc và các khía cạnh khác của một nền văn hóa. Đồng thời, chúng cũng cung cấp các chương trình giáo dục, hội thảo và sự kiện giúp thúc đẩy sự đánh giá cao về nghệ thuật và văn hóa giữa mọi người ở mọi lứa tuổi.

Bảo tàng (Museums): đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và trưng bày các tác phẩm nghệ thuật, hiện vật lịch sử và các bộ sưu tập khoa học. Các viện bảo tàng như Louvre ở Paris hay Bảo tàng Anh ở London là những ví dụ điển hình về các thiết chế văn hóa nổi tiếng.

Thư viện (Libraries): Các tổ chức văn hóa thường bao gồm các thư viện chứa nhiều loại sách, bản thảo và các tài nguyên văn học khác. Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ và Thư viện Quốc gia Trung Quốc là những tổ chức văn hóa đáng chú ý hiện nay khi cung cấp quyền truy cập vào các bộ sưu tập kiến thức phong phú.

Trung tâm biểu diễn nghệ thuật (Performing Arts Centers): Nhà hát, phòng hòa nhạc và nhà hát opera là những tổ chức văn hóa quan trọng thúc đẩy nghệ thuật biểu diễn. Nhà hát Opera Sydney ở Úc hay Trung tâm Lincoln ở Thành phố New York là những trung tâm nghệ thuật nổi tiếng, tổ chức các buổi biểu diễn nghệ thuật khác nhau.

Phòng trưng bày (Galleries): Các tổ chức văn hóa bao gồm các phòng trưng bày nghệ thuật, trưng bày các tác phẩm nghệ thuật đương đại và truyền thống. Ví dụ Tate Modern ở London hay Bảo tàng Nghệ thuật Hiện đại (MoMA) ở Thành phố New York là những tổ chức văn hóa nổi tiếng được biết đến với những bộ sưu tập nghệ thuật hiện đại và đương đại đồ sộ.

Di tích lịch sử (Historical Sites): Di tích, địa điểm khảo cổ và trung tâm di sản là các tổ chức văn hóa bảo tồn và phát huy các địa danh lịch sử. Kim tự tháp Giza ở Ai Cập hay Machu Picchu ở Peru là những tổ chức văn hóa ấn tượng, thu hút du khách từ khắp nơi trên thế giới.

Tổ chức giáo dục (Educational Institutions): Các trường đại học, cao đẳng và trường tập trung vào nghệ thuật, nhân văn hoặc nghiên cứu văn hóa cũng được coi là tổ chức văn hóa. Sorbonne ở Paris hay Đại học Harvard ở Hoa Kỳ là những ví dụ điển hình về các tổ chức học thuật thúc đẩy giáo dục văn hóa.

Quỹ (Foundations): Các tổ chức văn hóa cũng có thể ở dạng quỹ hỗ trợ và tài trợ cho các sáng kiến văn hóa. Quỹ Ford hoặc Quỹ Getty là những tổ chức văn hóa nổi tiếng cung cấp tài trợ và nguồn lực cho các dự án văn hóa và nghệ thuật khác nhau.

Tác giả Samanta Mariotti (Đại học Siena, Italy) trong chương sách “*Game hóa di sản văn hóa. Giáo dục, Phát triển Du lịch và Quảng bá đất nước*” định nghĩa thiết chế văn hóa (Cultural institutions) là: Tổ chức trong một nền văn hóa/nhóm văn hóa hoạt động để bảo tồn hoặc phát huy văn hóa. Ví dụ về các tổ chức văn hóa trong xã hội hiện đại là bảo tàng, thư viện và trung tâm lưu trữ.

Báo cáo của nhóm OMC, Liên minh châu Âu (2014): *Về vai trò của các thiết chế văn hóa và nghệ thuật công cộng trong việc thúc đẩy sự đa dạng văn hóa và đối thoại liên văn hóa* đã đưa ra định nghĩa thiết chế văn hóa như sau:

Các thiết chế văn hóa là các tổ chức có sứ mệnh được công nhận là tham gia vào việc bảo tồn, giải thích và phổ biến kiến thức văn hóa, khoa học và môi trường, đồng thời thúc đẩy các hoạt động nhằm tuyên truyền và giáo dục công dân về các khía cạnh liên quan của văn hóa, lịch sử, khoa học và môi trường. Các thiết chế văn hóa được kể đến như bảo tàng, thư viện, di tích và trung tâm văn hóa cộng đồng.

Như vậy, thiết chế văn hóa là các tổ chức hoạt động văn hóa được công nhận là đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về tổ chức (bộ máy, nhân sự), về cơ sở hạ tầng (vật chất, trang thiết bị, tài chính), về cơ chế vận hành và chuyên môn theo các quy định của pháp luật và của ngành.

Thiết chế thể thao (Sports facilities), cũng tương tự cấu trúc của thiết chế văn hóa, là các tổ chức hoạt động thể thao được thiết lập ra nhằm đáp ứng nhu cầu thể dục, thể thao, giải trí của người dân, bao gồm: nhà thi đấu, trung tâm thể thao, sân vận động.

Trong bối cảnh phát triển hiện nay, các quốc gia thường có xu hướng đầu tư xây dựng những thiết chế văn hóa, thể thao phức hợp, đa năng, hiện đại như các sân vận động lớn, các trung tâm văn hóa nghệ thuật hoành tráng. Những tổ chức này không chỉ tổ chức các hoạt động văn hóa – nghệ thuật, thể thao quy mô rộng lớn mà còn là nơi tổ chức các sự kiện chính trị, khoa học tầm cỡ quốc gia, quốc tế. Các thiết chế văn hóa, thể thao không chỉ thực hiện các chức năng xã hội của nó mà còn có thể trở thành biểu tượng của nơi nó xuất hiện, thành địa điểm thu hút khách tham quan du lịch... Do vậy, đội ngũ nhân sự tham gia bộ máy tổ chức của các thiết chế văn hóa, thể thao hiện nay không chỉ là những người có chuyên môn, nghiệp vụ tốt mà còn là những người có kỹ năng và chiến lược kinh doanh giỏi.

1.2. Vai trò của các thiết chế văn hóa

Các định nghĩa về thiết chế văn hóa, thể thao trên đây đã cho thấy vai trò đặc biệt quan trọng của nó trong đời sống xã hội. Báo cáo của nhóm OMC, Liên minh châu Âu (2014): *Về vai trò của các thiết chế văn hóa và nghệ thuật công cộng trong việc thúc đẩy sự đa dạng văn hóa và đối thoại liên văn hóa* cho rằng: Các thiết chế văn hóa đóng một vai trò then chốt trong việc duy trì, bảo tồn, phục hồi, diễn giải và tư liệu hóa di sản, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho sự tương tác và gắn kết của công dân với di sản. Các thiết chế văn hóa là những tác nhân quan trọng trong việc thúc đẩy sự hiểu biết về văn hóa, đối thoại liên văn hóa và đa dạng văn hóa, trong việc truyền tải văn hóa qua các thế hệ.

Với tư cách là cầu nối giữa người dân với di sản, dựa theo các công đoạn vận hành của nền văn hóa và thực tế hiện hữu của các thiết chế văn hóa ở Việt Nam, GS Hoàng Vinh (1999) đã hệ thống mạng lưới thiết chế văn hóa cùng chức năng nhiệm vụ chính của các thiết chế như sau:

Công đoạn	Loại hình thiết chế	Chức trách/nhiệm vụ
Sản xuất	Nhóm A: Cơ quan nghiên cứu khoa học Nhóm B: Các hội sáng tác văn nghệ - Văn học, Âm nhạc, Mỹ thuật, Sân khấu...	Nghiên cứu khoa học Sáng tác và phê bình nghệ thuật
Bảo quản	Viện bảo tàng Thư viện Cơ quan lưu trữ	Giữ gìn hiện vật di sản Giữ gìn sách/tài liệu Giữ gìn văn thư về hành chính
Phân phối	Nhóm A: Cơ quan giáo dục và đào tạo Nhóm B: Cơ quan thông tin đại chúng Nhóm C: Cơ quan truyền bá nghệ thuật Nhóm D: Cơ quan văn hóa – giáo dục (Nhà văn hóa, Câu lạc bộ, , thư viện, bảo tàng...)	Đào tạo tài năng và nghề nghiệp Thông tin hai chiều theo định hướng của Nhà nước Biểu diễn và trưng bày nghệ thuật Giáo dục ngoài nhà trường

Thực tiễn cho thấy, mạng lưới thiết chế văn hóa có vai trò quan trọng trong phát triển văn hóa, hoàn thiện phẩm chất con người Việt Nam.

Thứ nhất, với nhiệm vụ tổ chức các hoạt động sản xuất, sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thiết chế văn hóa phản ánh diện mạo văn hóa của cộng đồng, quốc gia, tài năng, nhu cầu thẩm mỹ và chất lượng cuộc sống của nhân dân với tư cách chủ thể phát triển văn hóa.

Thứ hai, với nhiệm vụ tổ chức các hoạt động sưu tầm, bảo quản, phổ biến và phát huy vốn di sản của dân tộc, thiết chế văn hóa là nơi lưu giữ, trao truyền, quảng bá và lan tỏa những giá trị di sản văn hóa dân tộc, nơi người dân tiếp thu, thụ hưởng những thành tựu của văn hóa nhân loại và dân tộc để phát triển toàn diện.

Thứ ba, với nhiệm vụ tổ chức các hoạt động văn hóa cộng đồng, vui chơi giải trí..., thiết chế văn hóa, thể thao là nơi kết nối cộng đồng, tạo nên tâm lý vui tươi, đoàn kết trong đời sống cộng đồng dân cư.

Thứ tư, thiết chế văn hóa còn là nơi diễn ra các sự kiện chính trị, kinh tế - xã hội quan trọng của địa phương, của đất nước. Hệ thống thiết chế văn hóa giữ vai trò nòng cốt trong tổ chức các hoạt động tuyên truyền nhiệm vụ chính trị, xã hội ở địa phương.

Ngoài ra, trong bối cảnh phát triển kinh tế hiện nay, nhiều thiết chế văn hóa, thể thao có tiềm năng để khai thác kinh doanh, dịch vụ hoặc trở thành “vốn văn hóa”, là tài nguyên để phát triển du lịch.

Vì vậy, *Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030* được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 12-11-2021 đã xác định mục tiêu đến năm 2030: “Phấn đấu 100% đơn vị hành chính cấp tỉnh có đủ 3 loại hình thiết chế văn hóa gồm: Trung tâm văn hóa hoặc Trung tâm văn hóa - nghệ thuật, bảo tàng, thư viện; 100% đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có Trung tâm văn hóa, thể thao”.

2. Kinh nghiệm xây dựng, phát triển thiết chế văn hóa, thể thao của một số quốc gia trên thế giới

2.1. Chính sách phát triển bảo tàng tư nhân ở Vương quốc Anh và Mỹ

* Ở Vương quốc Anh, bảo tàng là một trong các thiết chế văn hóa được quan tâm đầu tư từ rất sớm và có nhiều đóng góp quan trọng trong việc thực hiện chính sách văn hóa quốc gia.

Các bảo tàng và phòng trưng bày công cộng được chính phủ tài trợ trực tiếp (thông qua Cục Kỹ thuật số, Văn hóa, Truyền thông và Thể thao (DCMS)). Chính phủ Anh tạo môi trường thuận lợi để các bảo tàng thực hiện các chức năng xã hội về hỗ trợ học tập, gắn kết cộng đồng và phát triển kinh tế. Tuy nhiên, bảo tàng tư nhân (được gọi là "bảo tàng độc lập") lại chiếm số đông, với hơn 60% trong tổng số bảo tàng ở Anh) và gia tăng đáng kể trong những thập kỷ gần đây. Điều này được cho là do chính phủ Anh đã có các biện pháp chính sách quan trọng đối với sự phát triển của các bảo tàng tư nhân trong những năm gần đây. Các chính sách bao gồm:

- *Tự quản lý, điều hành*: Chính phủ tạo hành lang pháp lý thuận lợi để các bảo tàng tư nhân tự quản lý, điều hành (bằng các đạo luật chính, điều chỉnh trực tiếp như: Luật Bảo tàng Anh, Luật Thư viện và Bảo tàng Công cộng; các luật về tài chính, thuế...)

- *Chương trình Công nhận Bảo tàng (MAS)*: Chương trình công nhận được đưa ra từ năm 1988 để giúp tất cả các bảo tàng đạt tiêu chuẩn chất lượng trong doanh nghiệp quản trị, quản lý bộ sưu tập và trải nghiệm người dùng, sau đó sửa đổi vào tháng 11 năm 2018. Thời hạn hiệu lực theo MAS được gia hạn từ ba đến năm năm. Tính đến tháng 9 năm 2019, tổng cộng 1744 hay 64% bảo tàng Vương quốc Anh đã tham gia MAS. Trong tổng số này, 1060 đã được công nhận bảo tàng tư nhân, chiếm 66% tổng số bảo tàng tư nhân ở nước Anh (Sunny LAM. 2020).

- *Tài trợ công*: Mặc dù DCMS không tài trợ trực tiếp cho các bảo tàng tư nhân, nhưng các nhà khai thác có thể tìm kiếm sự hỗ trợ tài chính từ các cơ quan là “độ dài cánh tay” của Chính phủ, bao gồm Hội đồng Nghệ thuật Anh, Quỹ xổ số và di sản. Những năm gần đây, các bảo tàng này là một phần không thể thiếu của ngành công nghiệp văn hóa nổi tiếng ở Vương quốc Anh. Nhiều cơ quan chính phủ ở Vương quốc Anh đã và đang hỗ trợ các bảo tàng thông qua tài trợ thường xuyên hoặc các khoản tài trợ dựa trên dự án, đôi khi sử dụng sự công nhận làm chìa khóa tiêu chuẩn phê duyệt. Năm 2016-2017, hỗ trợ kinh phí công từ 11 nguồn đến toàn bộ lĩnh vực bảo tàng ở Anh là 839 triệu bảng Anh (Sunny LAM. 2020).

- *Khấu trừ thuế cho các nhà tài trợ*: Người nộp thuế cá nhân hoặc doanh nghiệp được khấu trừ thuế từ việc tặng tác phẩm nghệ thuật quan trọng hoặc các đối tượng di sản cho các bảo tàng dưới sự chấp nhận của cả hai.

- *Chia sẻ bộ sưu tập và bồi thường*: Có sự chia sẻ bộ sưu tập giữa các bảo tàng tư nhân và công cộng ở Vương quốc Anh. Ví dụ, năm 2017 - 2018, các bảo tàng công đã cho mượn khoảng 20.000 hiện vật trong 490 khoản vay cho bảo tàng tư nhân. Bên cạnh đó, dưới sự quản lý của Chính phủ, Chương trình bồi thường (GIS) được đưa ra từ năm 1980 cung cấp miễn phí bảo hiểm bồi thường cho những mất mát hoặc hư hỏng của các hiện vật cho mục đích trưng bày công khai hoặc nghiên cứu. Ngoài ra, chính phủ còn kêu gọi các lực lượng trong xã hội tham gia viện trợ để tăng cường hỗ trợ cho lĩnh vực bảo tàng (Sunny LAM. 2020).

* Mỹ là quốc gia có số lượng bảo tàng lớn nhất thế giới, từ 17.500 vào những năm 1990 lên hơn 35.100 vào năm 2014. Theo một thống kê, toàn bộ ngành bảo tàng thu hút 850 triệu lượt truy cập hằng năm, cung cấp 726 200 việc làm và tạo ra doanh thu thuế 12 tỷ đô la Mỹ vào năm 2016 (Sunny LAM. 2020). Chính phủ liên bang điều hành một số bảo tàng quốc gia, được Quốc hội cho phép, còn lại phần lớn các bảo tàng quốc gia được tư nhân tài trợ và vận hành bởi các cá nhân và không yêu cầu tài trợ của chính phủ.

Chính phủ Mỹ quan tâm hỗ trợ các bảo tàng thực hiện tốt hơn chức năng xã hội trong giáo dục và bảo tồn văn hóa (bao gồm cả tư nhân và công cộng). Cũng giống như ở Vương quốc Anh, chính phủ Mỹ tạo điều kiện cho các bảo tàng tự quản lý, điều chỉnh để duy trì và phát triển. Tuy nhiên, điểm khác biệt là ở Mỹ không cung cấp đạo luật điều chỉnh trực tiếp lĩnh vực này. Các bảo tàng tư nhân ở Mỹ đang hoạt động trên cơ sở tự điều chỉnh thông qua các khoản trợ cấp và các chính sách gián tiếp khác của chính phủ, cụ thể như:

- *Các chương trình kiểm định và đảm bảo chất lượng*: Từ năm 1971, Liên minh Bảo tàng Hoa Kỳ (AAM) đã ra mắt Chương trình công nhận bảo tàng dựa trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng cũng như các chương trình đảm bảo chất lượng khác để công nhận tiêu chuẩn và chất lượng của bảo tàng, tạo sự tin tưởng, ủng hộ của công chúng đối với bảo tàng.

- *Tài trợ công trực tiếp*: Chính phủ Hoa Kỳ đã và đang cung cấp tài trợ cạnh tranh cho lĩnh vực bảo tàng ở các mức độ khác nhau của các cấp hành chính. Để có được nguồn tài trợ như vậy, các bảo tàng phải gửi đề xuất phù hợp với các loại dự án được chỉ định và gửi báo cáo hiệu suất hằng năm.

- *Khấu trừ thuế cho việc quyên góp cho bảo tàng*: Ước tính hơn 90% các bộ sưu tập nghệ thuật được trưng bày trước sự tin tưởng của công chúng ở các bảo tàng hiện nay đã được quyên góp bởi các cá nhân.

Có thể nói, các chính sách tạo điều kiện của chính phủ, đặc biệt là chính sách thuế đã thúc đẩy sự phát triển của các bảo tàng, trong đó là sự nở rộ của bảo tàng tư nhân (hiện chiếm 71% trên tổng số bảo tàng, tỷ lệ này ở Mỹ là cao nhất thế giới (Sunny LAM. 2020).

2.2. Chính sách phát triển mạng lưới trung tâm nghệ thuật ở Pháp

Pháp là một quốc gia châu Âu giàu truyền thống và bản sắc văn hóa. Chính quyền Pháp có truyền thống lâu đời trong việc quản lý tập trung và hỗ trợ rộng rãi cho nghệ thuật. Nhà nước thiết lập các cơ quan hành chính từ trung ương đến địa phương và dành ngân sách Nhà nước thích đáng cho lĩnh vực văn hóa. Sự can thiệp sâu sắc của Nhà nước đến lĩnh vực văn hóa có truyền thống lâu đời đã tạo nên mối quan hệ gắn kết đặc biệt giữa chính quyền và cộng đồng nghệ thuật suốt nhiều thế kỷ.

Tuy nhiên, trong bối cảnh phát triển hiện nay, để tăng cường hoạt động văn hóa cũng như sự tham gia của người dân vào đời sống văn hóa, xu hướng phi tập trung hóa văn hóa, nghệ thuật đã được tăng cường.

Ngay cả trước khi thành lập Bộ Văn hóa vào năm 1959, Pháp đã khởi xướng một phong trào rộng lớn về phi tập trung hóa sân khấu, ý tưởng hàng đầu của họ - làm cho sáng tạo có thể tiếp cận được với càng nhiều người càng tốt - sẽ trở thành một trong những nhiệm vụ chính trong chính sách văn hóa của Nhà nước. Trên thực tế, phong trào này đã dẫn đến một mạng lưới cảnh quan và thiết chế đặc biệt. Những địa điểm/trung tâm biểu diễn được công nhận (dán nhãn, cấp phép của quốc gia do các tổ chức/đơn vị được phân cấp, phân quyền chứng nhận) đã thúc đẩy mạnh mẽ đời sống sân khấu của toàn bộ lãnh thổ.

Mục tiêu của Bộ Văn hóa Pháp là đồng hành với sự phát triển của các hình thức thể hiện mới do các nghệ sĩ sáng tạo; cho phép tạo ra kiến thức mới về quy trình sáng tạo và thực hành văn hóa, nghệ thuật, thúc đẩy sự phong phú của di sản và khuyến khích đổi mới công nghệ phục vụ sự sáng tạo.

Đối với lĩnh vực sân khấu, nghệ thuật đường phố, xiếc và múa rối, Bộ Văn hóa xây dựng quy định đối với giáo dục sơ cấp và cao đẳng. Nó hỗ trợ việc tạo ra một mạng lưới các địa điểm được chứng nhận, thông qua hỗ trợ tài chính của các nhóm độc lập và phát triển mạng lưới phổ biến đa ngành. Nó cũng hỗ trợ cơ cấu ngành nghề và việc làm, đồng thời góp phần phát triển giáo dục văn hóa nghệ thuật và các hoạt động nghiệp dư.

Hiện nay, Pháp có 4 nhà hát quốc gia, trong đó có 1 nhà hát trong khu vực, 38 trung tâm kịch nghệ quốc gia, 13 trung tâm nghệ thuật đường phố và không gian công cộng quốc gia, 13 trung tâm xiếc quốc gia và 6 trung tâm múa rối quốc gia, tất cả đều là những địa điểm sáng tạo thiết yếu ở Pháp. Một mạng lưới đa ngành quan trọng, chủ yếu dành cho việc phổ biến (77 đơn vị được dán nhãn quốc gia, hơn 100 đơn vị được dán nhãn hợp đồng vì lợi ích quốc gia) bổ sung cho các hoạt động của các địa điểm sản xuất để cung cấp một tập hợp các tổ chức độc đáo thúc đẩy các buổi biểu diễn trực tiếp trên toàn lãnh thổ. Được tài trợ bởi Chính quyền tiểu bang và địa phương, các đơn vị này thực hiện các nhiệm vụ vì lợi ích sáng tạo chung, sản xuất và phân phối cho tất cả khán giả.

Bộ Văn hóa hỗ trợ hơn 600 nhóm độc lập mỗi năm, thông qua các thỏa thuận kéo dài nhiều năm hoặc tài trợ dự án để sản xuất chương trình của họ. Theo sau là các Ban Giám đốc Văn hóa Khu vực, các nhóm này rất cần thiết cho việc đổi mới thẩm mỹ và cho phép xuất hiện các nghệ sĩ mới. Các khoản tài trợ phi tập trung cho

các buổi biểu diễn trực tiếp được Ban Giám đốc Văn hóa Khu vực (DRAC và DAC) trao cho khoảng 1400 nhóm độc lập mỗi năm trong các lĩnh vực khiêu vũ, âm nhạc, sân khấu, xiếc và nghệ thuật đường phố. Chúng được hỗ trợ bởi mạng lưới các đơn vị được dán nhãn có thể sản xuất, phổ biến và đôi khi liên kết chúng với dự án của chúng. Cùng với hoạt động sáng tạo của họ, các công ty này tham gia vào hoạt động giáo dục văn hóa nghệ thuật và hoạt động văn hóa với nhiều đối tượng nhất và do đó cũng có thể được hưởng lợi từ trợ cấp cư trú (Bộ Văn hóa Pháp: <https://www.culture.gouv.fr/en/Thematic/Theatre-shows>)

Ngoài ra, Ủy ban quốc tế nhà hát nói tiếng Pháp – (C.I.T.F.) được thành lập vào năm 1987 để hỗ trợ việc thành lập nhà hát nói tiếng Pháp, hỗ trợ các dự án mang đến cho các nghệ sĩ cơ hội khám phá các nền văn hóa nói tiếng Pháp khác, đồng thời làm phong phú thêm cách tiếp cận nghệ thuật của họ và tiếp cận khán giả mới (Bộ Văn hóa Pháp: <https://www.culture.gouv.fr>).

2.3. Canada

Các chính quyền ở Canada (từ cấp liên bang, tỉnh/lãnh thổ và thành phố) có truyền thống can thiệp vào văn hóa. Các chính sách văn hóa ở Canada dựa trên nhiều yếu tố bao gồm nhận thức về lợi ích chung, lợi ích quốc gia và khu vực, tăng trưởng kinh tế, lợi ích xã hội. Do gần gũi với một quốc gia có nền văn hóa đa dạng và có tầm ảnh hưởng thế giới như Mỹ nên chính sách văn hóa quốc gia, hoặc các chính sách liên quan của Canada luôn tập trung vào nhu cầu bảo vệ bản sắc và khẳng định chủ quyền văn hóa của Canada, thúc đẩy sự thống nhất quốc gia. Việc thành lập các tổ chức văn hóa quốc gia của Canada vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 bắt nguồn từ việc chính phủ liên bang thừa nhận trách nhiệm bảo tồn tài sản văn hóa quốc gia của đất nước non trẻ vì lợi ích của mọi công dân và các thế hệ tương lai. Nhiều tổ chức văn hóa vẫn còn hoạt động cho đến ngày nay như: Phòng trưng bày Quốc gia Canada (1913), Cục Lưu trữ Quốc gia Canada (1872), Ủy ban Điện ảnh Quốc gia (1939), Tập đoàn Phát thanh Canada / Radio-Canada (1936).

Khi các công nghệ mới xuất hiện và nền kinh tế của Canada đa dạng hóa sau Chiến tranh thế giới thứ hai, vai trò của chính phủ liên bang đối với văn hóa đã mở rộng ra ngoài các hoạt động và tài trợ của các tổ chức công quốc gia để bao gồm cả việc phát triển các tổ chức hỗ trợ văn hóa tư nhân. Mục tiêu “chủ quyền văn hóa” trở thành một nguyên tắc được áp dụng rộng rãi hơn trong toàn bộ lĩnh vực văn hóa trong thời kỳ này, bắt đầu bằng việc thành lập nhiều tổ chức văn hóa quốc gia hơn, như Thư viện Quốc gia Canada (1953), Cơ quan Phát triển Điện ảnh Canada, Bảo tàng Quốc gia (1968)... Sự phát triển của các tổ chức văn hóa quốc gia và hoạt động của nó đã nâng cao nhận thức của công dân Canada đối với văn hóa quốc gia.

Ba thập kỷ cuối của thế kỷ 20 đã chứng kiến sự phát triển nhanh chóng của văn hóa ở Canada, một phần không nhỏ là do việc tạo ra một loạt các chính sách và chương trình hỗ trợ cấp quốc gia và cấp tỉnh/lãnh thổ để đóng góp vào sự phát triển của nghệ thuật, di sản và hỗ trợ các ngành công nghiệp văn hóa (bao gồm phim / video, ghi âm, xuất bản sách, phương tiện truyền thông mới). Bên cạnh đó là việc ban hành/sửa đổi luật pháp điều chỉnh về văn hóa như Luật Phát thanh (1991), Luật Bản quyền (1985 và 1997), Luật Di sản (1995)...

Hiện nay, chính quyền Nhà nước các cấp ở Canada vẫn tiếp tục can thiệp bền vững vào văn hóa, tuy nhiên có sự mở rộng và phối hợp giữa khu vực công và tư. Một số phân cấp về chính sách và chương trình văn hóa liên bang được thực hiện thông qua các văn phòng khu vực và địa phương. Các chính sách cụ thể gắn với các mục tiêu của các chiến lược văn hóa, ví dụ: *Sáng tạo và thể hiện văn hóa* được hỗ trợ bởi các khoản trợ cấp quốc gia cho các nghệ sĩ, tổ chức cộng đồng và lễ hội. Khả năng kinh tế của các ngành công nghiệp văn hóa được tăng cường thông qua các chương trình hỗ trợ của liên bang, lợi ích về thuế và quy định trong nước. Việc bảo tồn, tiếp cận và tham gia vào đời sống văn hóa của người dân được đảm bảo bởi các thiết chế như bảo tàng, kho lưu trữ và thư viện, trong đó phần lớn là trách nhiệm của khu vực công ở mỗi cấp chính quyền. Trong các khoản đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa – những thực thể quan trọng để kết nối người dân với di sản văn hóa của mình, thư viện và bảo tàng được các cấp chính quyền chi phí nhiều hơn.

2.4. Georgios Tzingounis (2023) trong bài viết: *Học hỏi kinh nghiệm: Phong cách quản lý của các thiết chế văn hóa hàng đầu* đã chia sẻ những hiểu biết quý giá của mình về quản lý thiết chế văn hóa khi làm việc tại một số tổ chức văn hóa uy tín, chẳng hạn như Trung tâm Văn hóa Thế giới King Abdulaziz (iThra) ở Ả Rập Saudi, Bảo tàng Grand Egypt ở Ai Cập, EXPO 2020 ở Dubai, Guggenheim Abu Dhabi ở Các Tiểu vương quốc Ả Rập và Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Abu Dhabi. Những hiểu biết sâu sắc này đã tiết lộ một loạt điểm tương đồng trong phong cách quản lý được các tổ chức này áp dụng, bất kể bối cảnh và mục tiêu văn hóa độc đáo của chúng: *Nhấn mạnh vào đại diện văn hóa*: điểm tương đồng nổi bật giữa năm thiết chế văn hóa này là tập trung vào việc tôn vinh di sản văn hóa. Tại iThra ban quản lý đã đưa đời sống văn hóa, trí tuệ và sáng tạo của Ả Rập Xê Út lên hàng đầu. Bảo tàng Đại Ai Cập là nơi lưu giữ một bộ sưu tập phong phú các hiện vật Ai Cập cổ đại, là minh chứng cho lịch sử phong phú của Ai Cập. Guggenheim Abu Dhabi tập trung vào nghệ thuật và văn hóa đương đại từ khắp nơi trên thế giới nhưng đặc biệt chú ý đến nghệ thuật Trung Đông. EXPO 2020 quy tụ những người tham gia từ khắp nơi trên thế giới, không chỉ giới thiệu những phát minh và đột phá hiện đại mà còn giới thiệu các bài thuyết trình về văn hóa của mỗi quốc gia tham gia. Trong khi đó, Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Abu Dhabi được dành riêng cho việc bảo tồn và trưng bày lịch sử tự nhiên và di sản văn hóa của UAE.

Đổi mới và tư duy cầu tiến: Tất cả năm tổ chức này thể hiện cam kết đổi mới và tư duy tiến bộ, không chỉ về mặt nội dung trình bày mà còn trong phong cách quản lý của họ. Cách tiếp cận tiến bộ này được phản ánh trong việc sử dụng các công nghệ mới nhất cho trải nghiệm của du khách, tính bền vững về môi trường và hiệu quả hoạt động.

Tham gia của các bên liên quan: Các nhóm quản lý của các thiết chế văn hóa này đều nhấn mạnh đến sự tham gia của các bên liên quan. Họ hiểu sự cần thiết của việc tạo ra sự cân bằng giữa việc thực hiện các nhiệm vụ quan trọng của mình đồng thời đáp ứng nhu cầu và mong đợi của các nhóm bên liên quan như: công chúng, nhân viên, nhà tài trợ, chính phủ và cộng đồng quốc tế. Họ tiến hành các chương trình tiếp cận rộng rãi để thu hút cộng đồng, bao gồm hội thảo, chương trình giáo dục và

các sự kiện đặc biệt, đồng thời nỗ lực phối hợp các bên liên quan để xây dựng mối quan hệ dựa trên sự tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau.

Sự bền vững: Tính bền vững là một yếu tố quan trọng khác trong phong cách quản lý của các tổ chức này. Mỗi bên đều cam kết đảm bảo tính bền vững lâu dài cho các hoạt động của mình, tích hợp các cân nhắc về môi trường, kinh tế và xã hội vào kế hoạch chiến lược của họ. Hơn nữa, các tổ chức này cho thấy rằng các thiết chế văn hóa có thể đóng vai trò là động lực của sự thay đổi xã hội, giúp xây dựng cầu nối hiểu biết giữa các nền văn hóa khác nhau, thúc đẩy ý thức cộng đồng toàn cầu và đóng góp cho một tương lai bền vững.

2.5. Nhận xét chung

Qua nghiên cứu chính sách của một số quốc gia trên thế giới về xây dựng và phát triển các thiết chế văn hóa để phát triển văn hóa, con người có thể đưa ra một số nhận xét và gợi mở như sau:

Một là, việc xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa luôn đặt trong tổng thể chính sách văn hóa của quốc gia, là một nhiệm vụ để thực hiện mục tiêu phát triển văn hóa của quốc gia. Thành công của các quốc gia Anh, Pháp, Mỹ, Canada trong việc phát triển mạng lưới thiết chế văn hóa, đáp ứng tốt nhu cầu văn hóa của người dân là ở việc đề cao vai trò, vị trí của các thiết chế văn hóa trong phát triển văn hóa, xã hội. Ví dụ, Pháp là quốc gia chú trọng mục tiêu tăng cường hoạt động văn hóa cũng như sự tham gia của người dân dựa trên hai đường hướng chính: Dân chủ hóa văn hóa và Giáo dục nghệ thuật - văn hóa, do vậy việc chú trọng đầu tư phát triển, mở rộng mạng lưới các trung tâm đào tạo, biểu diễn nghệ thuật từ trung ương đến các nhóm/nghệ sĩ độc lập là điều tất yếu.

Hai là, sự thay đổi về phương thức hoạt động, thích ứng tốt với sự biến đổi của đời sống xã hội. Từ kinh nghiệm thành công của Vương quốc Anh và Mỹ trong việc hỗ trợ phát triển bảo tàng tư nhân, xu hướng phi tập trung hóa văn hóa, nghệ thuật ở Pháp và Canada (là việc tổ chức lại các cơ quan Trung ương thành các dịch vụ chuyên môn hóa và gần dân hơn), việc thay đổi phương thức quản lý thiết chế văn hóa của Nhà nước là hết sức cần thiết. Các cơ quan Nhà nước nói chung có chuyển từ “bơi chèo” sang “cầm lái”, tức là không trực tiếp thực hiện các dịch vụ công mà chủ yếu tạo ra “chất xúc tác” và môi trường để các dịch vụ công được thực thi bởi các chủ thể bên ngoài hoặc các chủ thể là “độ dài cánh tay” của chính phủ. Nói cách khác, Nhà nước không làm các công việc cụ thể trong xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa (và phát triển văn hóa nói chung) hay cung ứng dịch vụ mà tập trung vào hoạch định chính sách vĩ mô.

Ba là, đa dạng hóa các loại hình thiết chế văn hóa, thể thao; tạo điều kiện cho các loại hình thiết chế văn hóa, thể thao khu vực ngoài công lập phát triển. Nghiên cứu của Văn phòng nghiên cứu, Ban thư ký Hội đồng Lập pháp Hồng Kông (2020) về chính sách hỗ trợ bảo tàng tư nhân ở Anh và Mỹ để đưa ra tư vấn chính sách phát triển bảo tàng tư nhân ở Hồng Kông đã chỉ ra lợi ích của bảo tàng tư nhân là: 1. Bảo tàng tư nhân giúp mở rộng các cơ hội thực hiện phúc lợi xã hội ở lĩnh vực văn hóa. Bởi lẽ, không giống như bảo tàng công lập, các bảo tàng tư nhân được hưởng mức độ tự do cao hơn trong việc thu nhận và mua sắm các bộ sưu tập có giá trị, tạo

điều kiện bảo tồn văn hóa, hưởng thụ văn hóa. Ví dụ, nhiều bảo tàng tư nhân trên thế giới đang lưu giữ các bộ sưu tập nghệ thuật có giá trị nổi tiếng của thế giới mà các bảo tàng công cộng do hạn chế về ngân sách hoặc thủ tục mua sắm cứng nhắc không thể sở hữu. 2. Nhiều bảo tàng tư nhân đóng vai trò quan trọng trong việc giáo dục công chúng và phát triển khả năng đánh giá cao của họ. Ví dụ, hai phần ba số bảo tàng nghệ thuật tư nhân toàn cầu cung cấp các chuyến tham quan bảo tàng và các bài giảng để du khách hiểu sâu hơn về các bộ sưu tập. 3. Sự gia tăng của các bảo tàng tư nhân có thể thúc đẩy du lịch văn hóa, việc làm, với tác động có lợi cho nền kinh tế địa phương. Lâu Bảo tàng Nghệ thuật Metropolitan ở Hoa Kỳ là một ví dụ, nó đã giúp tạo ra 946 triệu đô la Mỹ (7,3 tỷ đô la Hồng Kông) chi tiêu của khách du lịch đến Thành phố New York trong hè năm 2015, chiếm 1,5% tổng chi tiêu của khách du lịch trong năm đó. 4. Tăng quyên góp cho bảo tàng tư nhân (một phần do lợi ích về thuế) có thể thúc đẩy hoạt động từ thiện và lòng vị tha trong xã hội.

Bốn là, cải cách hoạt động, tăng tính chủ động của các thiết chế, giảm bớt gánh nặng cho chính phủ.

Tuy nhiên, có một thực tế hiện nay, theo nghiên cứu của Gayle McPherson: 2006, các bảo tàng (không chỉ ở Anh mà nhiều nơi trên thế giới) mặc dù đang hoạt động rất năng động trong một thị trường hoàn toàn khác so với trước đây, phải đối mặt với khá nhiều thách thức. Xu hướng lớn trong kế hoạch phát triển của các bảo tàng vào những năm cuối của thế kỷ 20 là nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tạo ra doanh thu. Các bảo tàng bắt đầu quan tâm đến “giải trí” như một chức năng xã hội của nó, nhưng nếu các bảo tàng quá tập trung vào “giải trí” chúng sẽ đánh mất đi bản sắc từ lâu được định hình bởi chức năng chính của chúng, và đi chệch khỏi sứ mệnh ban đầu là bảo tồn và giáo dục.

Cố nhiên, trong bối cảnh phát triển kinh tế, xã hội hiện nay, không thể tránh khỏi việc các bảo tàng sẽ trở thành “những địa điểm hỗn hợp”, kết hợp giải trí và học tập. Do vậy, các bảo tàng có thể phối hợp hoạt động giải trí và giáo dục với nhau để hoàn thành sứ mệnh của bảo tàng, sử dụng hình thức giải trí như một công cụ để học hỏi, có khả năng thu hút công chúng rộng lớn và đa dạng hơn. Đây chính là cách mà các bảo tàng ở Anh, cả bảo tàng công và tư ứng phó với những thay đổi trong quan điểm chính sách công đối với tài trợ của Nhà nước, cũng như áp lực thương mại và kinh tế trong các nền kinh tế giải trí. Bảo tàng không còn đơn giản là không gian triển lãm đại diện cho kiến thức và sự thật của lịch sử mà chúng đại diện, thay vào đó, chúng đã trở thành những trang web mà mọi người (dù được coi là khách truy cập, người tiêu dùng hay các bên liên quan) tham gia, diễn giải và mua hàng, thay vì chỉ truy cập và được giáo dục. Kể từ những năm 1990, bên cạnh vai trò truyền thống của mình, các bảo tàng được kỳ vọng sẽ áp dụng các phương pháp diễn giải đa phương tiện để nâng cao trải nghiệm của du khách và cũng để tăng thu nhập từ các nguồn tư nhân (Gayle McPherson: 2006).

Ngoài ra, các kinh nghiệm trong sử dụng chính sách thuế để khuyến khích các lực lượng xã hội đầu tư và tài trợ cho văn hóa là vấn đề cần được quan tâm nghiên cứu và có những vận dụng phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Rosemary Clarke (1989), Chapter Title: *Government Policy and Art Museums in the United Kingdom (Chính sách chính phủ và bảo tàng nghệ thuật ở Vương quốc Anh)*, Chapter Author: Volume Title: *The Economics of Art Museums*, Martin Feldstein, editor, Volume Publisher: University of Chicago Press, Publication Date: January 1991, (p. 271 - 326).
2. Georgios Tzingounis, MSc. (2023), *Learning from Experience: Management Styles of Leading Cultural Institutions (Học hỏi kinh nghiệm từ các thiết chế văn hóa hàng đầu thế giới)*, <https://www.linkedin.com/pulse/learning-from-experience-management-styles-leading-tzingounis-msc->
3. Gayle McPherson (2006), *Public memories and private tastes: The shifting definitions of museums and their visitors in the UK (Ký ức công chúng và thị hiếu riêng tư: Các định nghĩa thay đổi về bảo tàng và khách tham quan ở Vương quốc Anh)*, Museum Management and Curatorship, Volume 21, Issue 1, March 2006, Pages 44-57
4. *Compendium of Cultural Policies (Tổng hợp chính sách văn hóa)*, https://www.culturalpolicies.net/country_profile/canada-1-1/, 28/7/2019.
5. Sunny LAM Research Office Information Services Division Legislative Council Secretariat, Hong Kong (5 June 2020), *Policy support for private museums in selected places (Hỗ trợ chính sách cho bảo tàng tư nhân ở những nơi được chọn)*. <https://www.legco.gov.hk/research-publications/english/1920in11-policy-support-for-private-museums-in-selected-places-20200605-e.pdf>.
6. Maja Maletkovic: *What is a cultural institution? (Thiết chế văn hóa là gì)* <https://www.linkedin.com/pulse/what-cultural-institution-maja-maletkovic>, truy cập ngày 18/8/2023.
7. <https://www.culture.gouv.fr/en/Thematic/Theatre-shows/For-professionals/Regulations-aid-schemes>, access date 10/8/2023.
8. <https://wordtools.ai/definition/cultural+institutions>
9. https://ec.europa.eu/assets/eac/culture/library/reports/201405-omc-diversity-dialogue_en.pdf
10. <https://aim-museums.co.uk/wp-content/uploads/2020/12/Successful-Governance-for-Museums-2020-1.pdf>
11. https://www.culturalpolicies.net/country_profile/canada-1-1/
12. Bộ Văn hóa Pháp: <https://www.culture.gouv.fr/en/Thematic/Theatre-shows>
13. *Handbook of Research on Cross-Disciplinary Uses of Gamification in Organizations*
14. Lương Hồng Quang, Phạm Bích Huyền, Lê Thị Hiền, Nguyễn Lâm Tuấn Anh *Giáo trình chính sách văn hóa*, Nxb Lao động, 2009.
15. Hoàng Vinh (1999): *Mấy vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng văn hóa ở nước ta*, Viện Văn hóa và Nhà xuất bản Văn hóa – Thông tin, H. 1999.

THỰC TRẠNG VỀ TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA BẢO TÀNG VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LUẬT DI SẢN VĂN HÓA

Ông Nguyễn Hữu Toàn

Nguyên Phó Cục trưởng Cục Di sản văn hóa

1. Khái quát về hệ thống bảo tàng Việt Nam:

Luật Di sản văn hóa được ban hành năm 2001 (sau đây gọi tắt là *Luật Di sản văn hóa năm 2001*) là văn bản pháp luật đầu tiên có những quy định về lĩnh vực hoạt động bảo tàng ở nước ta. Trước đó, Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ ban hành một số văn bản quy phạm pháp luật quan trọng có nội dung điều chỉnh về lĩnh vực hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa (*Nghị định số 519* của Thủ tướng Chính phủ quy định thể lệ về bảo tồn cổ tích (ban hành năm 1957), *Pháp lệnh bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh* (được ban hành năm 1984), nhưng tại các văn bản này, vấn đề tổ chức và hoạt động của các bảo tàng ở nước ta hầu như chưa được đề cập.

Năm 2009, *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa* tiếp tục được ban hành (sau đây gọi tắt là *Luật Di sản văn hóa năm 2009*), với việc sửa đổi, bổ sung nhiều quy định liên quan đến lĩnh vực bảo tàng (khái niệm bảo tàng, phân loại bảo tàng, nhiệm vụ của bảo tàng, thành lập và cấp phép hoạt động bảo tàng,...), đã thể hiện sự cập nhật, đồng thời tạo hành lang pháp lý thuận lợi hơn, của pháp luật về di sản văn hóa đối với lĩnh vực này.

Luật Di sản văn hóa, tiếp đó, là *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa*, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết việc thi hành một số điều của hai Luật trên (*Nghị định 92*, *Nghị định 98* của Chính phủ và các Thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), cùng các quyết định của Thủ tướng Chính phủ về lĩnh vực này, đã thực sự đặt nền tảng và tạo ra những điều kiện thuận lợi cho quá trình đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các bảo tàng Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế của đất nước.

Theo quy định hiện hành, hệ thống bảo tàng hiện nay bao gồm các bảo tàng công lập và bảo tàng ngoài công lập.

1.1. Bảo tàng công lập

Bảo tàng công lập là thuật ngữ được sử dụng từ khi ban hành Luật Di sản văn hóa năm 2009, để điều chỉnh đối tượng là các bảo tàng thuộc sở hữu Nhà nước.

Trước khi Luật Di sản văn hóa năm 2001 được ban hành, ở nước ta chỉ có các bảo tàng công lập. Hệ thống bảo tàng này được hình thành từ một vài bảo tàng do người Pháp thành lập từ đầu thế kỷ XX và một số bảo tàng được thành lập sau ngày hòa bình lập lại ở miền Bắc (1954), cùng hàng loạt bảo tàng tổng hợp (bảo tàng tỉnh) được thành lập ở các tỉnh, thành phố trong thập niên 80 của thế kỷ trước, trên cơ sở phòng bảo tồn bảo tàng thuộc các Sở Văn hóa.

Đến nay, hệ thống bảo tàng công lập đã phát triển lên con số 128 (bảo tàng), bao gồm các bảo tàng quốc gia; bảo tàng chuyên ngành thuộc bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương; bảo tàng chuyên ngành thuộc các đơn vị trực thuộc bộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và các bảo tàng cấp tỉnh (theo cách phân loại bảo tàng công lập được quy định tại Luật Di sản văn hóa năm 2009 - khoản 23 Điều 1). Đây là nơi hiện đang lưu giữ, trưng bày hơn 4 triệu hiện vật quý hiếm, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học cao, trong đó có hơn 200 hiện vật, nhóm hiện vật đã được công nhận là Bảo vật quốc gia. Một đội ngũ cán bộ chuyên môn đông đảo đã được hình thành (hơn 3.000 người), được đào tạo có hệ thống (đa phần có trình độ đại học, nhiều người đạt học vị Thạc sĩ, Tiến sĩ - hơn 300 người, một số người đã được phong học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư), là nguồn lực con người đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của hệ thống bảo tàng công lập.

1.2. Bảo tàng ngoài công lập

Bảo tàng ngoài công lập (theo Luật Di sản văn hóa năm 2001, gọi là “bảo tàng tư nhân”) là bảo tàng không thuộc sở hữu Nhà nước, do các tổ chức, cá nhân thành lập và tự chủ về kinh phí hoạt động. Trước khi Luật Di sản văn hóa năm 2001 được ban hành, ở nước ta chưa xuất hiện loại bảo tàng này. Năm 2006 là thời điểm đánh dấu sự ra đời của một số bảo tàng ngoài công lập đầu tiên. Là loại hình bảo tàng mới, việc thành lập và tổ chức hoạt động còn nhiều khó khăn, nhưng từ đó đến nay, trên cả nước đã có tới 66 bảo tàng ngoài công lập, với nội dung trưng bày khá đa dạng: lưu niệm nhân vật nổi tiếng, sưu tập cổ vật, sưu tập tác phẩm mỹ thuật,...

2. Đánh giá việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo tàng:

2.1. Việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo tàng và thực tiễn hoạt động của các bảo tàng trong thời gian qua

2.1.1. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo tàng

Từ năm 2001 (khi Luật Di sản văn hóa có hiệu lực) đến năm 2009 (khi Quốc hội ban hành Luật Di sản văn hóa năm 2009), nhiều văn bản hướng dẫn/quy định chi tiết thi hành Luật đã được ban hành, cụ thể:

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 02 nghị định, 02 quyết định, 01 chỉ thị.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (trước đây là Bộ Văn hóa – Thông tin) đã ban hành 01 thông tư, 06 quyết định, 01 chỉ thị.

Tiếp đó, từ năm 2009 đến nay, theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa năm 2009 đã được khẩn trương xây dựng/ban hành, đó là:

- Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 07 nghị định, 06 quyết định, 01 chỉ thị.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành 15 thông tư.

Đặc biệt, nhằm kiện toàn và phát triển hệ thống bảo tàng Việt Nam, ngày 23/6/2005, tại Quyết định số 156/2005/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quy hoạch tổng thể hệ thống bảo tàng Việt Nam đến năm 2020, với mục tiêu cụ thể của sự phát triển hệ thống bảo tàng đến năm 2020 là: củng cố và phát triển hệ thống bảo tàng, chỉnh lý nội dung trưng bày, hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật, đổi mới phương thức hoạt động.

Như vậy, trong hơn hai mươi năm qua, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực di sản văn hóa đã ngày càng được hoàn thiện, hành lang pháp lý cùng nhiều chính sách cụ thể trực tiếp liên quan đến các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, trong đó có lĩnh vực hoạt động bảo tàng, đã ngày càng được mở rộng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động thực tiễn. Cùng đó, việc đẩy mạnh công tác giáo dục, phổ biến và thực thi pháp luật về di sản văn hóa trong thời gian qua đã góp phần thay đổi sâu sắc trong nhận thức xã hội về di sản văn hóa theo đúng xu hướng phát triển của đất nước và quốc tế. Theo đó, “Có thể khẳng định, Di sản văn hóa cũng là lĩnh vực chuyên ngành có hệ thống văn bản pháp lý hoàn chỉnh sớm nhất trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch” - (*Báo cáo tổng kết thi hành Luật Di sản văn hóa của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*).

2.1.2. Thực tiễn phát triển của hệ thống bảo tàng trong những năm qua

Trên cơ sở hệ thống chính sách, pháp luật về bảo tàng ngày càng hoàn thiện, hệ thống bảo tàng ở nước ta đã có sự phát triển đáng kể trên nhiều mặt.

Trong thời gian qua, nhiều bảo tàng công lập, bảo tàng ngoài công lập đã được thành lập và xây dựng mới. Đặc biệt, từ sau khi có Quy hoạch tổng thể hệ thống bảo tàng Việt Nam đến năm 2020, một số bảo tàng đã được thành lập mới: 04 bảo tàng chuyên ngành thuộc bộ, ngành ở Trung ương [Bảo tàng Văn học Việt Nam (2011), Bảo tàng Công nhân và Công đoàn Việt Nam (2012), Bảo tàng Công an nhân dân (2015); Bảo tàng Báo chí Việt Nam (2017)], 04 bảo tàng thuộc các đơn vị trực thuộc các bđaiộ, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương [Bảo tàng Tài nguyên Rừng Việt Nam (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - 2010); Bảo tàng Công an Hà Nội (Bộ Công an - 2016); Bảo tàng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - 2020); Bảo tàng Chiến dịch Hồ Chí Minh (Bộ Quốc phòng - 2020)]. Cùng đó, đã có 16 bảo tàng được đầu tư xây dựng mới (trong số 35 bảo tàng cấp tỉnh chưa có “nhà” bảo tàng: Hà Nội, Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Tuyên Quang, Hưng Yên, Bắc Ninh, Quảng Trị, Đà Nẵng, Quảng Nam, Đắk Lắk, Kon Tum, Phú Yên, Ninh Thuận, Bà Rịa-Vũng Tàu, Sóc Trăng).

Về hoạt động chuyên môn nghiệp vụ, nhiều bảo tàng ở trung ương và bảo tàng cấp tỉnh đã thực sự năng động, sáng tạo trong quá trình đổi mới về phương thức hoạt động theo hướng tăng cường hiện vật gốc và ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ để làm phong phú và hấp dẫn nội dung trưng bày, đổi mới hình thức phục vụ công chúng, nhất là các đối tượng khách tham quan là tuổi trẻ học đường và khách du lịch; chủ động kết hợp với các cơ quan hữu quan tổ chức thường xuyên các cuộc trưng bày chuyên đề; tăng cường tổ chức các cuộc trình diễn, giới thiệu di sản

văn hóa phi vật thể tại bảo tàng,... Cùng đó, các bảo tàng và ban quản lý di tích lịch sử - văn hóa trên cả nước đã có những đóng góp tích cực đối với việc triển khai *Kế hoạch liên ngành* (ký kết giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Khuyến học Việt Nam) triển khai phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” (2008-2013); gắn kết hoạt động bảo tàng với việc triển khai Đề án “Đẩy mạnh các hoạt động học tập suốt đời trong các thư viện, bảo tàng, nhà văn hóa, câu lạc bộ” – (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 27 tháng 01 năm 2014).

Mặt khác, từ kết quả tích cực của quá trình đổi mới và phát triển, ở những mức độ khác nhau, nhiều bảo tàng đã trở thành những điểm đến hấp dẫn đối với du khách ở trong và ngoài nước, trực tiếp góp phần phát triển ngành du lịch. Nhiều năm qua, hằng năm Bảo tàng Hồ Chí Minh đều thu hút trên 1 triệu lượt khách thăm quan; Bảo tàng Lịch sử quốc gia, Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam, Bảo tàng Điêu khắc Chăm thành phố Đà Nẵng, Bảo tàng Đắk Lắk, cùng nhiều bảo tàng chuyên ngành, bảo tàng cấp tỉnh khác cũng đã tự vươn lên để trở thành những điểm đến thường xuyên trong các tuyến du lịch của nhiều đối tượng du khách.

Kết quả của quá trình đổi mới, nâng cao chất lượng của hoạt động trưng bày và tuyên truyền giáo dục cũng giúp các bảo tàng ngày càng khẳng định vị thế của mình trong hệ thống thiết chế văn hóa của đất nước, góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị mà Đảng và Nhà nước giao cho trong công tác giáo dục truyền thống yêu nước, tinh thần dũng cảm kiên cường đấu tranh cách mạng bảo vệ Tổ quốc, ý thức giữ gìn, tự hào và tôn vinh bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời đáp ứng nhu cầu phổ biến kiến thức khoa học và nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của công chúng. Bảo tàng trở thành là nơi gìn giữ những di sản vật chất và tinh thần về lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, là trung tâm thông tin, là trường học và là địa chỉ văn hóa của nhân dân cả nước.

2.1.3. Những hạn chế, bất cập

Trước hết, là việc chậm triển khai quy hoạch hệ thống bảo tàng theo quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ. Mặc dù Quy hoạch đã được phê duyệt. Từ năm 2005, nhưng đến nay nhiều bảo tàng vẫn chưa được thành lập theo lộ trình đã xác định (thành lập bảo tàng mới). Theo đó, hệ thống bảo tàng trong nhiều năm qua vẫn ở tình trạng mất cân đối về loại hình. Hiện tại, hầu hết bảo tàng ở Việt Nam là bảo tàng thuộc loại hình lịch sử xã hội, có rất ít các bảo tàng lịch sử tự nhiên, bảo tàng chuyên ngành về khoa học kỹ thuật và nghệ thuật. Nhiều nội dung trưng bày theo tiến trình lịch sử có sự trùng lặp nhau giữa các bảo tàng, nhất là ở các bảo tàng cấp tỉnh, bảo tàng thuộc Bộ Quốc phòng và Bảo tàng Hồ Chí Minh chi nhánh tại các địa phương, làm cho hệ thống bảo tàng trở nên đơn điệu, thiếu sức hấp dẫn công chúng. Trong khi đó, nhiều sưu tập tiêu biểu của quốc gia chưa được trưng bày, giới thiệu đến đông đảo công chúng, như các sưu tập ở Bảo tàng Địa chất Việt Nam, Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam,... Thậm chí, một số bảo tàng đã triển khai xây dựng nhà trưng bày nhưng nội dung trưng bày vẫn còn trông chờ ở nhiều hiện vật dự kiến

sẽ suy tâm; số hiện vật hiện có cũng còn thiếu các thông tin khoa học nên khó thực hiện việc trưng bày, phát huy giá trị.

Tiếp đến, là thực trạng các bảo tàng chưa nhận được sự quan tâm đầu tư kinh phí cho việc xây dựng, cải tạo công trình kiến trúc và tổ chức các hoạt động. Nhiều bảo tàng hiện nay vẫn sử dụng các công trình kiến trúc cũ, vốn được xây dựng với mục đích sử dụng khác, nên không đáp ứng yêu cầu tổ chức trưng bày. Lại có tình trạng cơ quan chủ quản, lãnh đạo địa phương chỉ chú trọng đầu tư cho phần xây dựng công trình kiến trúc (vỏ nhà), mà chưa đầu tư thỏa đáng cho phần trưng bày, nên sau hàng chục năm, bảo tàng vẫn ở trong cảnh có “nhà” mà chưa có “bảo tàng”, rất đáng quan ngại. Đặc biệt, cho đến nay, mặc dù hoạt động chuyên môn bảo tàng là một lĩnh vực khoa học chuyên ngành, nhưng vẫn chưa có bất kỳ một định mức chi phí nào cho các hoạt động được ban hành (các hoạt động thuộc nhiệm vụ chuẩn bị khoa học cho trưng bày, công tác sưu tầm hiện vật, thiết kế và thi công trưng bày, sáng tạo các tác phẩm mỹ thuật phục vụ trưng bày,...). Vì thế, việc triển khai các nhiệm vụ khoa học – nhiệm vụ thường xuyên, hết sức khó khăn – đối với cả các cán bộ chuyên môn thực thi công việc lẫn cán bộ/cơ quan phê duyệt dự toán/quyết toán kinh phí.

Thiếu đội ngũ chuyên gia và cán bộ giỏi trong lĩnh vực chuyên môn bảo tàng cũng là một hạn chế cần sớm khắc phục. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ bảo tàng hiện đã “lớn” nhưng chưa đủ “mạnh”, hoạt động còn thiếu tính chuyên nghiệp, khả năng thực hành các mặt công tác nghiệp vụ cụ thể còn yếu,... Do vậy, nhiều hoạt động chuyên môn bảo tàng ở Việt Nam còn chưa kịp hội nhập, thậm chí còn tụt hậu so với sự phát triển của bảo tàng thế giới, nhất là về việc tổ chức nội dung trưng bày, thiết kế trưng bày, ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại trong bảo tàng, xây dựng và tổ chức các chương trình giáo dục, marketing bảo tàng,...

Xã hội hoá hoạt động bảo tàng cũng chưa được đẩy mạnh và hiệu quả. Một số quy định pháp luật về di sản văn hóa nhằm tạo điều kiện thúc đẩy xã hội hóa các hoạt động bảo tàng còn chậm được hiện thực hóa trong thực tiễn đời sống, trong đó có việc khuyến khích sự ra đời của các bảo tàng công lập; khuyến khích các tổ chức, cá nhân đăng ký và tổ chức phát huy giá trị di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; cho phép và tạo điều kiện để các bảo tàng tổ chức các hoạt động dịch vụ; khuyến khích và tạo điều kiện cho các chủ sở hữu tư nhân được gửi và hợp tác với các bảo tàng công lập tổ chức phát huy giá trị di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc sở hữu,... Theo đó, sau hơn 20 năm kể từ ngày Luật Di sản văn hóa năm 2001 có hiệu lực, mới chỉ có 66 bảo tàng ngoài công lập được ra đời (trong khi, riêng lĩnh vực cổ vật, hiện biết có hàng trăm nhà sưu tập lớn) và, trong số này, cũng chỉ có một số ít bảo tàng hoạt động hiệu quả, như: Bảo tàng Chiến sĩ cách mạng bị địch bắt và tù đày, Bảo tàng Nguyễn Văn Huyền (Hà Nội); Bảo tàng Không gian Văn hóa Mường (Hòa Bình), Bảo tàng Đồng quê (Nam Định), Bảo tàng Cội nguồn (Phú Quốc - Kiên Giang)... Cũng do vậy, nhiều di sản văn hóa không thuộc sở hữu Nhà nước chưa được bảo vệ và phát huy tích cực.

Một hạn chế khác, là tình trạng các bảo tàng dù đã có nhiều cố gắng, nhưng vẫn chưa tạo lập được sự gắn kết giữa các hoạt động bảo tàng và du lịch để mở rộng

khả năng quảng bá hình ảnh của các địa phương và đất nước với các đối tượng khách du lịch, đồng thời qua đó tăng thêm nguồn thu để đầu tư trở lại cho các hoạt động bảo tàng.

Cuối cùng, là hạn chế trong quá trình hội nhập quốc tế của các bảo tàng. Một số bảo tàng trong hệ thống đã trở thành thành viên của Hội đồng Bảo tàng quốc tế (ICOM), nhưng rất ít tham gia các chương trình hoạt động cụ thể của tổ chức này. Việc tổ chức trưng bày ở nước ngoài cũng phần nhiều trông chờ vào nguồn kinh phí của các đối tác nước ngoài, nên khó có thể chủ động và mở rộng được,...

Một số tồn tại, hạn chế vừa được điểm qua trên đây, rất cần sớm được khắc phục nhằm đưa hoạt động của các bảo tàng Việt Nam phát triển trong thời gian tới.

2.2. Một số vấn đề liên quan đến chính sách, pháp luật về thành lập bảo tàng, phân loại, xếp hạng bảo tàng đặt ra từ thực tiễn

Từ khi thực hiện Luật Di sản văn hóa năm 2001 đến nay, những quy định của pháp luật về di sản văn hóa liên quan đến việc thành lập, phân loại, xếp hạng bảo tàng bước đầu đã phát huy hiệu quả tích cực trong thực tiễn. Một mặt, những quy định này đã tạo hành lang pháp lý tương đối thuận lợi cho sự ra đời của nhiều bảo tàng công lập, đặc biệt là các bảo tàng ngoài công lập; mặt khác, đã giúp cho việc thành lập, phân loại, xếp hạng bảo tàng ngày càng đi vào nề nếp. Tuy vậy, thực tiễn cũng cho thấy còn không ít sự bất cập của những quy định này trên từng lĩnh vực cụ thể, mà sau đây, chúng tôi muốn tập trung đề cập, với hy vọng gợi ra một số vấn đề cho việc sửa đổi, bổ sung Luật Di sản văn hóa trong thời gian tới.

2.2.1. Về điều kiện thành lập/cấp giấy phép hoạt động bảo tàng

Quy định về các điều kiện thành lập hoặc được cấp phép hoạt động bảo tàng hiện đang còn chung chung, khó thực hiện trong thực tiễn. Luật Di sản văn hóa năm 2001, tại Điều 49 đã quy định 03 điều kiện để thành lập bảo tàng, bao gồm: 1) *Có sưu tập theo một hoặc nhiều chủ đề*; 2) *Có nơi trưng bày, kho và phương tiện bảo quản*; 3) *Có người am hiểu chuyên môn phù hợp với hoạt động bảo tàng*. Ba điều kiện theo quy định của Luật rất gọn, rõ, nhưng việc cụ thể hóa quy định của từng điều khoản và vận dụng chúng lại đặt ra nhiều câu hỏi và câu trả lời còn bỏ ngỏ. Với điều kiện thứ nhất, đã có nhiều câu hỏi, chẳng hạn: thế nào là có sưu tập? thế nào là “sưu tập theo một hay nhiều chủ đề”?... Đây là những khoảng trống, thực tế rất khó xác định, theo đó sẽ rất khó cho người đứng ra xin thành lập/xin cấp phép hoạt động bảo tàng và cơ quan có thẩm quyền xác minh điều kiện ấy. Hơn nữa, trong thời kỳ phát triển công nghệ 4.0 như hiện nay, nếu một bảo tàng chuyên sử dụng công nghệ số, trình chiếu là chính, thậm chí là lập bảo tàng ảo, thì điều kiện nêu trên hẳn có nhiều bất cập. Với điều kiện thứ hai: “*Có nơi trưng bày, kho và phương tiện bảo quản*”, cũng còn nhiều câu hỏi đang bỏ ngỏ - chẳng hạn, thế nào là “*có nơi trưng bày*”? (Có cần yêu cầu chủ thể đứng ra xin giấy phép hoạt động bảo tàng phải có nhà, đất với sổ đỏ không? Yêu cầu kỹ thuật đối với công trình kiến trúc bảo tàng? Diện tích trưng bày bao nhiêu là đủ?). Vấn đề có “*kho*” và “*phương tiện bảo quản*” cũng đặt ra nhiều câu hỏi tương tự. Câu trả lời ở đây hoàn toàn phụ thuộc vào quan niệm và nhận thức của các cơ quan và nhà các quản lý cụ thể, thật khó thống nhất và minh bạch. Về điều kiện thứ ba: “*Có người am hiểu chuyên môn phù hợp với*

hoạt động bảo tàng”, quy định như vậy thật ra còn khá mơ hồ, bất cập, vì lấy gì để đo được sự “am hiểu chuyên môn phù hợp” (lẽ nào chỉ dựa vào bằng cấp?), nên cũng rất cần được cụ thể hóa hơn nữa.

Từ những phân tích trên, dễ nhận thấy là, pháp luật về di sản văn hóa đang rất cần có quy định mở, với những điều kiện và tiêu chí phù hợp đối với đặc thù từng loại bảo tàng, khi xem xét quyết định việc thành lập hoặc cấp phép hoạt động bảo tàng, nhất là với bảo tàng ngoài công lập.

2.2.2. Về việc phân loại bảo tàng

Luật Di sản văn hóa năm 2001 (Điều 47) và Luật Di sản văn hóa năm 2009 (Điều 1, khoản 23) đưa ra những cách phân loại bảo tàng khác nhau, song dường như cả hai cách phân loại trên đều có sự bất cập. Luật Di sản văn hóa năm 2001 phân loại bảo tàng *dựa trên tiêu chí giá trị sưu tập của bảo tàng* (ví dụ, bảo tàng quốc gia “là nơi bảo quản và trưng bày các sưu tập có giá trị tiêu biểu trong phạm vi cả nước”, bảo tàng cấp tỉnh “là nơi bảo quản và trưng bày các sưu tập có giá trị tiêu biểu ở địa phương”,...). Quy định như vậy tưởng như là thống nhất (với các loại bảo tàng) và dễ áp dụng, nhưng thực tế lại không đơn giản như vậy. Bởi vì, đánh giá “giá trị” là đánh giá định tính, rất “mờ”, rất khó có tiêu chí dễ nhận biết. Thực tế đã cho thấy, nhiều bảo vật quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận - chắc chắn đây là những hiện vật “có giá trị tiêu biểu trong phạm vi cả nước”, đang là hiện vật thuộc đủ các loại bảo tàng (quốc gia, chuyên ngành, cấp tỉnh, ngoài công lập), đâu phải chỉ có ở bảo tàng quốc gia? Tiếp đó, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa năm 2009 lại đưa ra quy định về phân loại bảo tàng phức tạp hơn: vừa phân loại *theo sở hữu* (“Hệ thống bảo tàng bao gồm bảo tàng công lập và bảo tàng ngoài công lập”), vừa phân loại *theo cấp quản lý*. Ngay trong việc phân loại bảo tàng công lập đã có sự bất cập - thực tế cho thấy, dù là bảo tàng quốc gia (tạm gọi vậy, vì chưa rõ tiêu chí xác định), thì (bảo tàng đó) vẫn thuộc một bộ/ngành nào đó, không hề có một bảo tàng quốc gia nào thuộc Chính phủ. Lại nữa, việc phân loại “bảo tàng chuyên ngành” như quy định của Luật là phân loại “chuyên ngành” theo tổ chức bộ máy hành chính, không phải là theo “chuyên ngành” khoa học, nên việc tiếp cận cách phân loại này từ khoa học bảo tàng, sẽ khó có sự đồng thuận.

Do những bất cập trên, nên đến nay chúng ta vẫn rất khó đưa ra được một danh mục bảo tàng Việt Nam theo phân loại, vừa theo đúng quy định của pháp luật, vừa đáp ứng yêu cầu của khoa học bảo tàng. Đây không chỉ là câu chuyện “danh chưa chính”, mà quan trọng hơn, thật sự là một trở ngại đối với công tác quản lý và định hướng phát triển.

2.2.3. Về việc xếp hạng bảo tàng

Tương tự như những quy định về điều kiện thành lập/xin phép hoạt động bảo tàng, những tiêu chí được lấy làm căn cứ cho việc xếp hạng bảo tàng, được quy định tại Luật Di sản văn hóa năm 2001 và năm 2009, cũng còn khá chung chung, “đặt ra nhiều câu hỏi và câu trả lời còn bỏ ngỏ”. Tại Nghị định 92 và Nghị định 98 quy định chi tiết về thi hành Luật, Chính phủ quy định hệ thống bảo tàng có 03 hạng (hạng I, hạng II và hạng III), với những tiêu chí khá cụ thể, chi tiết, nhưng cũng còn không ít điểm rất khó ấn định. Tuy vậy, để đáp ứng nhu cầu của các bảo tàng trong hệ thống,

việc xếp hạng bảo tàng đã liên tục được tiến hành trong thời gian qua. Theo đó, đến nay đã có 95 bảo tàng trong tổng số 128 bảo tàng công lập ở Việt Nam được xếp hạng, gồm 10 Bảo tàng hạng I; 65 Bảo tàng hạng II; 20 Bảo tàng hạng III.

Vấn đề cần quan tâm ở đây là việc xếp hạng bảo tàng chưa thực sự tạo ra hiệu quả tích cực đối với sự phát triển của hệ thống bảo tàng. Cho đến nay, ngoài chế độ phụ cấp (lãnh đạo) đối với lãnh đạo bảo tàng được tính theo hạng của bảo tàng, vẫn chưa có bất cứ chính sách nào tương thích với các hạng bảo tàng được ban hành, thể hiện rõ vị trí, quyền lợi và trách nhiệm của bảo tàng phù hợp với hạng mà bảo tàng được xếp (các chính sách về đầu tư, tổ chức bộ máy và nhân sự, phí và lệ phí dịch vụ,...). Điều đó có thể xem như một ví dụ cụ thể về sự thiếu đồng bộ trong các chính sách, pháp luật về bảo tàng, rất cần được xử lý, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển hệ thống bảo tàng.

3. Một số giải pháp khắc phục những hạn chế, bất cập trong hoạt động bảo tàng:

Đây là vấn đề lớn, nên trong phạm vi chuyên đề nhỏ này, chúng tôi chỉ dừng lại ở việc đề xuất một số giải pháp chính, và cũng mới chỉ là vài nét phác họa, nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập trong hoạt động bảo tàng, cụ thể:

3.1. Tiếp tục hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu lực của hệ thống chính sách, pháp luật về bảo tàng, tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo tàng:

- Tập trung xây dựng hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo tàng, với ưu tiên/tập trung đầu tiên là tiếp tục sửa đổi, bổ sung Luật Di sản văn hóa.
- Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục, đưa chính sách, pháp luật về bảo tàng vào thực tiễn đời sống
- Tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành để đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát nhằm kịp thời phát hiện, biểu dương các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt pháp luật về bảo tàng, đồng thời phát hiện, xử lý kịp thời các tổ chức, cá nhân vi phạm.

3.2. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện hiệu quả các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn và ngắn hạn sự nghiệp bảo tàng:

- Tiếp tục xây dựng, ban hành Quy hoạch phát triển hệ thống bảo tàng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; chỉ đạo, tạo điều kiện cho các bộ, ngành và các địa phương xây dựng, triển khai các kế hoạch, dự án để thực hiện hiệu quả Quy hoạch.
- Tiếp tục triển khai hiệu quả nhiệm vụ phát triển hệ thống bảo tàng trong Chương trình Bảo tồn, phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa Việt Nam, giai đoạn 2021 - 2025 (Quyết định số 1230/QĐ-TTg ngày 15/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ); đồng thời, tiếp tục xây dựng và đề xuất Chính phủ phê duyệt Chương trình này đến năm 2030 theo hướng đầu tư có chiều sâu, có trọng điểm các dự án xây dựng, trưng bày bảo tàng, đưa các bảo tàng sau khi được đầu tư trở thành những sản phẩm văn hóa – du lịch hoàn chỉnh, hấp dẫn.

- Tham mưu Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đồng thời đề nghị các địa phương kịp thời ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù, đảm bảo tạo điều kiện cho các hoạt động bảo tàng.

3.3. Tăng cường triển khai các chương trình, kế hoạch hoạt động nghiên cứu khoa học; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên môn về di sản văn hóa:

- Tiếp tục triển khai tốt nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ trong lĩnh vực bảo tàng thuộc Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

- Củng cố, nâng cao chất lượng đào tạo chuyên ngành bảo tàng hệ chính quy và tập huấn, bồi dưỡng cán bộ, viên chức, người lao động đang làm việc tại các bảo tàng về các lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ bảo tàng.

- Đổi mới chương trình, nội dung đào tạo bồi dưỡng nhằm cập nhật kiến thức cho các đối tượng; chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ, khả năng ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến trong hoạt động bảo tàng nhằm không ngừng nâng cao chất lượng nguồn lực con người của hệ thống bảo tàng.

- Xây dựng cơ chế thu hút nhân tài, đãi ngộ và sử dụng nhân tài, nhân lực chuyên ngành hợp lý, hiệu quả.

3.4 Tăng cường xã hội hóa hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa:

- Đồng thời với việc huy động sự tự nguyện đóng góp tiền của, công sức của các tổ chức, cá nhân, nhất là các doanh nghiệp, Nhà nước có những cơ chế, chính sách phù hợp nhằm thu hút các nguồn lực xã hội đầu tư cho hoạt động bảo tàng: ưu tiên miễn giảm thuế, hỗ trợ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, quảng bá thương hiệu/hình ảnh,... của doanh nghiệp có hỗ trợ cho các hoạt động bảo tàng; có chính sách ưu tiên và hỗ trợ thiết thực đối với các tổ chức, cá nhân thành lập bảo tàng ngoài công lập. Đặc biệt, cần thực hiện tốt việc động viên, khen thưởng, tôn vinh kịp thời,... các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia xã hội hóa hoạt động bảo tàng.

- Chủ động, sáng tạo xây dựng và triển khai các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ nhằm thu hút sự hợp tác, hỗ trợ về vật chất, khoa học cho các hoạt động bảo tàng ở trong nước và các hoạt động hợp tác quốc tế được tổ chức ở ngoài nước.

3.5. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về bảo tàng:

- Tăng cường tham gia các hoạt động của Hội đồng Bảo tàng quốc tế (ICOM): gia nhập Hội đồng (phát triển thành viên ICOM Việt Nam); đẩy mạnh các hoạt động của ICOM Việt Nam theo phương châm: sáng tạo, thực chất, hiệu quả; ICOM Việt Nam và các thành viên ICOM Việt Nam tích cực tham gia các hoạt động quốc tế của ICOM,...

- Mở rộng quan hệ với bảo tàng các nước; tăng cường hợp tác tổ chức các trưng bày chuyên đề giới thiệu, quảng bá di sản văn hóa Việt Nam ở nước ngoài và giới thiệu di sản văn hóa của các nước tại Việt Nam.

- Tích cực tranh thủ sự hợp tác, giúp đỡ của ICOM và các tổ chức quốc tế để đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ trong hệ thống (đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài, ở trong nước và ở ngay tại bảo tàng).

4. Một số đề xuất, kiến nghị về sửa đổi, bổ sung Luật Di sản văn hóa

Từ những trình bày trên đây, đề hướng tới việc tiếp tục sửa đổi, bổ sung Luật Di sản văn hóa (những vấn đề liên quan tới bảo tàng) chúng tôi có một số đề xuất, kiến nghị sơ bộ với Quốc hội như sau:

4.1. Về trước mắt

Cần sớm triển khai sửa đổi, bổ sung luật di sản văn hóa theo định hướng: 1) Xử lý cặn kẽ triệt để càng tốt những quy định đã bộc lộ sự bất cập trong thực tiễn (như trình bày ở trên và nhiều vấn đề trên các lĩnh vực khác); 2) Những quy định của luật là quy định chi tiết (không dừng ở những quy định khung); Quy định cụ thể trách nhiệm của các bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, chính quyền các cấp trong sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung, lĩnh vực bảo tàng nói riêng.

4.2. Về lâu dài

Nên hướng đến việc xây dựng, ban hành riêng một đạo luật về bảo tàng, vì: theo quy định hiện hành, Luật Di sản văn hóa “quy định về các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, xác định quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với di sản văn hóa ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” (Điều 2), trong khi đó, bảo tàng cũng/chỉ là một thiết chế văn hóa cụ thể, như nhiều thiết chế văn hóa và các tổ chức khác, nên trong Luật Di sản văn hóa, những quy định điều chỉnh về bảo tàng cũng nên/cần chỉ dừng lại như quy định đối với các thiết chế văn hóa và tổ chức khác – “gần gũi” với bảo tàng nhất là các ban/trung tâm quản lý di tích, quản lý di sản văn hóa phi vật thể hoặc di sản tư liệu,... Theo đó, những quy định về tổ chức và hoạt động bảo tàng, với “tư cách” là một thiết chế văn hóa, nếu chỉ khuôn lại trong Luật Di sản văn hóa, có lẽ vừa không thể bao quát đầy đủ, vừa không phù hợp./.

CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT ĐẤT ĐAI CHO THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO

PGS.TS. Nguyễn Quang Tuyền

*Phó Chủ tịch Hội đồng trường, Trưởng khoa Pháp luật kinh tế
Trường Đại học Luật Hà Nội*

Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XIII khẳng định: “*Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về văn hóa, xây dựng Việt Nam thành địa chỉ hấp dẫn về giao lưu văn hóa quốc tế. Tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại phù hợp với thực tiễn Việt Nam, đồng thời chủ động nâng cao sức đề kháng của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thanh, thiếu niên đối với các văn hóa phẩm ngoại lai độc hại; từng bước đưa văn hóa Việt Nam đến với thế giới*”¹.

Để triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh; Đảng ta đã tổ chức Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ 02 ngày 24/11/2021 tại Hà Nội. Tại Hội nghị này, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã có bài phát biểu quan trọng; trong đó khẳng định các quan điểm cơ bản của Đảng về văn hóa: “*Văn hóa còn thì Dân tộc còn, ..*”; “*Văn hóa soi đường cho quốc dân đi*”; quan điểm “*văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội*”; “*phải tiếp tục xây dựng, giữ gìn và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thực sự là "nền tảng tinh thần", "động lực phát triển", và "soi đường cho quốc dân đi"*”; “*phát huy giá trị văn hóa và sức mạnh con người Việt Nam, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, thịnh vượng, tạo ra sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc để tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, thực hiện thành công mục tiêu đưa nước ta trở thành quốc gia phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào giữa thế kỷ XXI*”².

Để đưa các quan điểm này của Đảng nhanh chóng đi vào cuộc sống; các cấp, các ngành, các địa phương ... mà trước hết là ngành văn hóa, thể thao và du lịch phải xây dựng, thực hiện đồng bộ, thống nhất, quyết liệt, hiệu quả tổng thể nhiều giải pháp; trong đó, có giải pháp về chính sách, pháp luật đất đai cho thiết chế văn hóa, thể thao trong những năm tới.

Tuy nhiên, trong khuôn khổ của một chuyên đề nghiên cứu về lĩnh vực đất sử dụng vào mục đích văn hóa, thể thao; chuyên đề giới hạn phạm vi nghiên cứu về chính sách, pháp luật đất đai cho thiết chế văn hóa, thể thao trên một số khía cạnh chủ yếu gồm: Thực trạng, vấn đề đặt ra và giải pháp hoàn thiện.

¹ Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, tập 1, Hà Nội; bản điện tử

² Bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị văn hóa toàn quốc sáng 24/11; nguồn: Báo Vietnam.net điện tử; Thứ năm, 25/11/2021

1. Thực trạng chính sách, pháp luật đất đai cho thiết chế văn hóa, thể thao thể hiện qua Luật Đất đai năm 2013, Luật Đất đai năm 2024 và văn bản hướng dẫn thi hành

1.1. Luật Đất đai năm 2013

Luật Đất đai năm 2013 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 29/11/2013 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2014; bao gồm 212 điều.

Trong đó, Điều 158 quy định trực tiếp về đất có di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh tại Mục 3. Đất phi nông nghiệp của Chương 10. Chế độ sử dụng các loại đất. Điều 158 quy định về loại đất này cụ thể như sau: “1. Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bảo vệ thì phải được quản lý nghiêm ngặt theo quy định sau đây: a) Đối với đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa thì tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đó chịu trách nhiệm chính trong việc sử dụng đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; b) Đối với đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh không thuộc quy định tại điểm a khoản này thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh chịu trách nhiệm chính trong việc quản lý diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; c) Đối với đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh bị lấn, bị chiếm, sử dụng không đúng mục đích, sử dụng trái pháp luật thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất có trách nhiệm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời; 2. Trong trường hợp đặc biệt cần thiết phải sử dụng đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh vào mục đích khác thì việc chuyển mục đích phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và phải có văn bản chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định xếp hạng đối với di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đó”.

Từ nội dung của Điều 158 được đề cập trên đây có thể đưa ra một số nhận xét sau:

Một là, đất đai cho thiết chế văn hóa, thể thao được Luật Đất đai năm 2013 quy định chưa đầy đủ, toàn diện. Trong 212 điều chỉ có 01 điều quy định về đất có liên quan đến lĩnh vực văn hóa, thể thao (Điều 158). Tuy nhiên, Điều 158 chỉ quy định về đất có di tích, lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh. Hiện còn thiếu các quy định về các loại đất văn hóa, thể thao khác như đất sử dụng trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa; đất thể dục, thể thao, đất sử dụng để xây dựng, duy tu, bảo tồn các công trình, thiết chế văn hóa cộng đồng; bảo tồn không gian, bản sắc văn hóa các dân tộc; di sản văn hóa phi vật thể; xây dựng các công trình, nơi vui chơi giải trí công cộng phục vụ cộng đồng ...

Hai là, Điều 158 chủ yếu quy định về trách nhiệm quản lý của tổ chức, cá nhân quản lý đất có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã (UBND cấp xã) nói chung và Chủ tịch UBND cấp xã nói riêng nơi có đất có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh. Dường như

khía cạnh về sử dụng loại đất này thể hiện chưa đầy đủ, cụ thể trong Điều 158. Hơn nữa, Điều 158 chưa quy định trách nhiệm của cộng đồng dân cư; của các thành viên khác trong xã hội trong việc quản lý và sử dụng loại đất này. Như vậy, điều này ít nhiều ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng đất đất có di tích, lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh ...

1.2. Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/05/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai

Cụ thể hóa nội dung Điều 158 của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (sau đây gọi là Nghị định số 43/2014/NĐ-CP) quy định về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với đất có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh: *“Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bảo vệ thực hiện theo quy định sau đây: 1. Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh độc lập do cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được cấp cho cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân đó; 2. Trường hợp di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh là một khu vực có nhiều người sử dụng đất, có nhiều loại đất khác nhau thì cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho từng người sử dụng, từng loại đất trong khu vực đó. Người sử dụng đất phải tuân theo các quy định về bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh”* (Điều 27). Như vậy, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP có một điều quy định trực tiếp về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với đất có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh. Những vấn đề khác có liên quan như việc đăng ký loại đất này; cơ chế phối hợp giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với Bộ Tài nguyên và Môi trường, với các bộ, ngành có liên quan, với UBND các cấp trong quản lý và sử dụng đất có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh ... chưa được quy định trực tiếp, cụ thể trong Nghị định này. Điều này được hiểu việc đăng ký, sử dụng loại đất này; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh ... được thực hiện theo các quy định chung của Luật Đất đai năm 2013. Quy định như vậy đã hợp lý chưa và có đảm bảo được tính đặc thù, yêu cầu đặc thù của việc quản lý và sử dụng loại đất này không?

1.3. Luật Đất đai năm 2024

Luật Đất đai năm 2024 được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp bất thường lần thứ 05 ngày 18/01/2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025. Đạo luật này gồm 16 chương, 260 điều; trong đó, sửa đổi, bổ sung 180/212 điều của Luật Đất đai năm 2013; bổ sung mới 78 điều. Luật Đất đai năm 2024 vẫn kế thừa tư duy xây dựng luật của các đạo luật đất đai trước đây khi quy định về đất đai cho thiết chế văn hóa, thể thao: Trong 260 điều chỉ có 01 điều quy định về đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên (Điều 211) tại Chương XIII. Chế độ sử dụng đất (từ Điều 171 - Điều 222). Điều 211 có nội dung

cụ thể như sau: “1. Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên đã được xếp hạng hoặc được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đưa vào danh mục kiểm kê di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa thì phải được quản lý theo quy định sau đây: a) Đối với đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên do tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý theo quy định của pháp luật thì tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư đó chịu trách nhiệm chính trong việc sử dụng đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên; b) Đối với đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên không thuộc quy định tại điểm a khoản này thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên chịu trách nhiệm trong việc quản lý diện tích đất này; c) Đối với đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên bị lấn, bị chiếm, sử dụng không đúng mục đích, sử dụng trái pháp luật thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất có trách nhiệm phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị với cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật; 2. Việc sử dụng đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên kết hợp với mục đích khác phải tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Điều 218 của Luật này, Luật Di sản văn hóa và các quy định khác của pháp luật có liên quan; 3. Người sử dụng đất trong khu vực bảo vệ của di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh theo quy định của Luật Di sản văn hóa được thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của Luật này nhưng không được làm ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên và môi trường - sinh thái của di tích; trường hợp Nhà nước thu hồi đất để quản lý, sử dụng vào mục đích phục hồi, bảo vệ, phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh thì được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật này”.

Như vậy, so với Điều 158 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 211 của Luật Đất đai năm 2024 quy định về đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên có một số sửa đổi, bổ sung sau:

Một là, bổ sung đất có di sản thiên nhiên là một loại đất cụ thể của đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên và chịu sự điều chỉnh của chế độ pháp lý của đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên.

Hai là, sửa đổi, bổ sung quy định đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên đã được xếp hạng hoặc được UBND cấp tỉnh đưa vào danh mục kiểm kê di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa thì phải tuân theo quy định về quản lý và sử dụng của Điều 211.

Ba là, sửa đổi, bổ sung quy định chặt chẽ hơn việc quản lý, sử dụng loại đất này; theo đó, việc sử dụng đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên kết hợp với mục đích khác phải tuân thủ các yêu cầu theo quy định tại Điều 218 của Luật Đất đai năm 2024, Luật Di sản văn hóa và các quy định khác của pháp luật có liên quan³.

Bốn là, bổ sung quy định người sử dụng đất trong khu vực bảo vệ của di tích

³ Khoản 2 Điều 211 Luật Đất đai năm 2024.

lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh theo quy định của Luật Di sản văn hóa được thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2024 nhưng không được làm ảnh hưởng đến yếu tố gốc cấu thành di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, cảnh quan thiên nhiên và môi trường - sinh thái của di tích; trường hợp Nhà nước thu hồi đất để quản lý, sử dụng vào mục đích phục hồi, bảo vệ, phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh thì được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai năm 2024⁴...

2. Đánh giá chính sách, pháp luật đất đai cho thiết chế văn hóa, thể thao trong thời gian qua

2.1. Kết quả đạt được

Một là, chính sách, pháp luật đất đai cho thiết chế văn hóa, thể thao đã quán triệt quan điểm, đường lối của Đảng về đổi mới chính sách, pháp luật đất đai; về phát triển văn hóa, thể thao trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN) được thể hiện trong Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 31/10/2012 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI Về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; Nghị quyết số 18 - NQ/TW ngày 16/06/2022 về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao ... Trên cơ sở chính sách đất đai cho thiết chế văn hóa, thể thao; Nhà nước đã đưa nội dung này vào quy định về đất có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh trong Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Luật Đất đai năm 2024 để đưa chính sách đất đai này đi vào cuộc sống; phát huy tác dụng tích cực trong thực tiễn quản lý và sử dụng đất đai nói chung và quản lý, sử dụng đất văn hóa, thể thao nói riêng.

Hai là, chính sách đất đai cho thiết chế văn hóa, thể thao được thể hiện trong nội dung quy định về đất có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên của Luật Đất đai năm 2024 là sự kế thừa, hoàn thiện những quy định này của Luật Đất đai năm 1993, Luật Đất đai năm 2003, Luật Đất đai năm 2013 bảo đảm sự ổn định trong quản lý và sử dụng đất nói chung và quản lý và sử dụng đất có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh nói riêng bằng pháp luật trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta; đồng thời, đáp ứng những yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Ba là, chính sách đất đai cho thiết chế văn hóa, thể thao thể hiện sự quan tâm chú trọng của Nhà nước ta trong việc bảo vệ đất có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên. Từ chính sách đất đai này, Nhà nước xây dựng thành các quy định xác định trách nhiệm quản lý nhà nước của các cấp, các ngành, các địa phương đối với đất có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sử dụng đất có di tích lịch sử,

⁴ Khoản 3 Điều 211 Luật Đất đai năm 2024.

văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên; quy định chế tài xử lý vi phạm pháp luật về đất có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên; giải quyết tranh chấp về đất có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên... Hay nói cách khác, chính sách đất đai cho thiết chế văn hóa, thể thao đã xác định nội dung, phạm vi, sự đối xử của Nhà nước đối với việc quản lý và sử dụng đất có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên góp phần hình thành, hoàn thiện hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về loại đất này.

Bốn là, chính sách đất đai cho thiết chế văn hóa, thể thao thể hiện trong nội dung các đạo luật đất đai góp phần nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các địa phương; các tổ chức, cá nhân và cộng đồng xã hội trong việc quy hoạch đất đai đáp ứng nhu cầu xây dựng, phát triển thiết chế văn hóa, thể thao; quản lý chặt chẽ, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai (bao gồm đất có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên) trong nền kinh tế thị trường.

Năm là, chính sách đất đai cho thiết chế văn hóa, thể thao là một bộ phận không thể tách rời của chính sách đất đai góp phần tích hợp, kết nối với các chính sách đất đai về phát triển giáo dục, y tế, du lịch ... là cơ sở để Nhà nước xây dựng thành các quy phạm pháp luật tạo căn cứ pháp lý nhằm tạo lập quỹ đất xây dựng các cơ sở văn hóa, thể thao hướng vào việc nâng cao đời sống tinh thần bên cạnh việc cải thiện đời sống vật chất của Nhân dân; đồng thời, chính sách đất đai này có những đóng góp tích cực vào việc nâng cao chỉ số hạnh phúc của người dân.

Sáu là, chính sách đất đai cho thiết chế văn hóa, thể thao góp phần xây dựng, phát triển, bảo tồn nền văn hóa dân tộc; phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp, xây dựng hệ giá trị văn hóa, đạo đức của con người Việt Nam trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và quá trình hội nhập, toàn cầu hóa; nhằm thực hiện lời dạy của Bác Hồ kính yêu “muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có con người mới xã hội chủ nghĩa” v.v.

2.2. Vấn đề đặt ra đối với chính sách đất đai cho thiết chế văn hóa, thể thao

Bên cạnh một số kết quả đạt được, chính sách đất đai cho thiết chế văn hóa, thể thao tiếp cận từ khía cạnh pháp luật còn bộc lộ những bất cập, “khoảng trống” chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, chính sách đất đai cho thiết chế văn hóa, thể thao dường như chưa được thể hiện đầy đủ, đậm nét trong pháp luật đất đai hiện hành. Điều này cho thấy quan điểm của Đảng: “*văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội*” chưa được quán triệt đầy đủ, thể chế hóa trong Luật Đất đai năm 2013 và phần nào trong Luật Đất đai năm 2024. Tìm hiểu về Luật Đất đai năm 2013 cho thấy chính sách đất đai cho thiết chế văn hóa, thể thao được thể hiện khá khiêm tốn so với chính sách đất đai cho phát triển kinh tế. Điều này thể hiện qua minh chứng, Luật Đất đai năm 2013 chỉ có một điều luật quy định trực tiếp về đất có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh so với hàng chục điều luật quy định về đất nông nghiệp; đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích sản xuất - kinh doanh. Lối tư duy này vẫn được lặp lại trong xây dựng Luật Đất đai năm 2024. Trong 260 điều của Đạo luật này chỉ có 01 điều quy định trực tiếp về đất di tích lịch sử, văn hóa,

danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên (Điều 211). Điều này dường như tạo cảm giác loại đất này bị “chìm khuất” trong hàng chục các điều luật về những loại đất khác như đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất khu dân cư, đất xây dựng ... (01 điều trên tổng số 52 điều về các loại đất của Luật Đất đai năm 2024)⁵.

Thứ hai, chính sách đất đai cho thiết chế văn hóa, thể thao dường như chưa được thể hiện đầy đủ trong các quy định của Luật Đất đai năm 2024; cụ thể:

Một là, như phân trên đã đề cập. Luật Đất đai năm 2024 chỉ có một điều luật quy định về đất có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên (Điều 211) trên tổng số 260 điều luật. Đạo luật này lại tiếp tục không có điều luật quy định về đất sử dụng vào mục đích thể dục, thể thao. Điều này cũng dễ dàng nhận thấy trong các quy định của Luật Đất đai năm 1987; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai năm 1998; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai năm 2001; Luật Đất đai năm 2003, Luật Đất đai năm 2013. Có nghĩa là các Đạo luật đất đai được ban hành ở nước ta chưa quy định trực tiếp về chế độ quản lý và sử dụng đất sử dụng vào mục đích thể dục, thể thao. Việc quản lý và sử dụng đất thể dục, thể thao được “lồng ghép”, tuân theo các quy định chung về quản lý và sử dụng đất đai. Theo thiện ý của cá nhân người viết thì việc “thiếu vắng” quy định về đất sử dụng vào mục đích thể dục, thể thao gây ra khó khăn, lúng túng cho các cơ quan Nhà nước trong quản lý đất đai nói chung và quản lý loại đất này nói riêng trong xây dựng quy hoạch sử dụng đất; sắp xếp, bố trí, dành quỹ đất để nâng cấp, sửa chữa, xây dựng, phát triển hệ thống các cơ sở, trung tâm đào tạo, huấn luyện thể dục, thể thao phục vụ phong trào rèn luyện sức khỏe của người dân cũng như phát triển lĩnh vực thể thao thành tích cao của các địa phương và của quốc gia; đặc biệt là tại các đô thị, trung tâm kinh tế, thương mại - nơi mà ở đó quỹ đất ngày càng khan hiếm và có giá trị rất lớn. Vì vậy, ở những nơi này, đất đai thường được ưu tiên lựa chọn để xây dựng các khu nhà ở thương mại, thực hiện dự án kinh tế đem lại lợi nhuận cho chủ đầu tư hoặc góp phần làm tăng nguồn thu ngân sách cho địa phương ... hơn là việc ưu tiên dành quỹ đất để xây dựng các cơ sở văn hóa, thể dục, thể thao phục vụ cộng đồng. Thậm chí những cơ sở thể dục, thể thao bị lấn chiếm, chuyển đổi công năng, mục đích sử dụng sang lĩnh vực thương mại, dịch vụ có lợi nhuận cao không phải là hiện tượng hiếm gặp ở các địa phương. Kết quả là, hệ thống cơ sở thể dục, thể thao xuống cấp nhưng thiếu quỹ đất để xây dựng, nâng cấp, mở rộng hoặc thiếu các cơ sở hiện đại, khang trang phục vụ nhu cầu rèn luyện, chăm sóc sức khỏe cho người dân. Tỷ lệ diện tích cơ sở văn hóa, thể dục, thể thao, nơi vui chơi giải trí công cộng/người thấp hơn quy định tối thiểu. Nhiều khu đô thị, khu dân cư thiếu các cơ sở văn hóa sinh hoạt cộng đồng; công trình thể dục, thể thao phục vụ người dân.

Hai là, hơn nữa, trong bối cảnh hiện nay, các nước trên thế giới mà đặc biệt là Hàn Quốc rất chú trọng đến việc xây dựng, phát triển ngành công nghiệp văn hóa và ngành công nghiệp văn hóa này đã mang lại hiệu quả kinh tế to lớn; góp phần thúc đẩy du lịch phát triển. Xin đưa ra một dẫn chứng thực tế vừa được kiểm nghiệm

⁵ Điều 211. Đất di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên tại Chương XIII. Chế độ sử dụng đất (từ Điều 171 - Điều 222) của Luật Đất đai năm 2024

ở Việt Nam về hiệu ứng kinh tế, du lịch của Ban nhạc BlackPink (Hàn Quốc) mang lại: “Theo báo cáo của Sở Du lịch Hà Nội, lượng khách đến Hà Nội trong đợt ban nhạc BlackPink biểu diễn đạt hơn 170.000 lượt. Hai đêm nhạc đã diễn ra vào ngày 29 và 30-7, mang lại cho du lịch thủ đô sự tăng trưởng rõ rệt, ước tổng thu từ khách du lịch đạt 630 tỉ đồng. Cũng theo Sở Du lịch Hà Nội, sự kiện Born Pink tour tại Mỹ Đình đã thu hút khán giả đến với hai đêm diễn khoảng 70.000 người. Lượng khách quốc tế là 3.000 người, còn lại là du khách đến từ TPHCM, Đà Nẵng, Nha Trang, Hải Phòng... Lượng khách quốc tế đến xem show nhạc của BlackPink là du khách Trung Quốc, Canada, Úc, Thái Lan, Nhật Bản, Malaysia, Hàn Quốc, Singapore... Thống kê cho thấy các khách sạn tại khu vực gần đêm biểu diễn của BlackPink tăng 20% công suất buồng phòng so với ngày cuối tuần các tuần trước đó. Riêng trong ngày 29-7, nhiều nhà nghỉ, khách sạn trên địa bàn trong tình trạng kín phòng. Ngoài ra, lượng tìm kiếm đặt phòng tại Hà Nội tăng 10 lần so với tuần trước đó (theo thống kê của Agoda). Công suất buồng phòng trong tháng 7 đạt 60,8%. Các điểm du lịch tại Hà Nội ghi nhận lượng du khách tăng nhẹ từ 15% - 20%. Văn Miếu Quốc Tử Giám đón 9.600 lượt khách, Hoàng thành Thăng Long đón 8.000 lượt, Công viên Thiên đường Bảo Sơn đón hơn 7.000 lượt khách... Các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ tham quan Hà Nội bằng xe buýt hai tầng có lượng khách tăng đáng kể. Riêng lượng khách đặt các dịch vụ trực tuyến trong dịp từ 29 đến 31-7 tăng 15% so với các ngày trước đó, chưa kể khách mua vé trực tiếp”⁶. Hay gần đây là hiện tượng cô ca sĩ nổi tiếng thế giới người Mỹ Taylor Swift biểu diễn 06 đêm nhạc tại Singapore (ngày 2, 3, 4, 7, 8, 9/3/2024) đã tạo ra hiệu ứng vang dội không chỉ về khía cạnh âm nhạc, nghệ thuật mà còn về quảng bá du lịch, dịch vụ, doanh thu về kinh tế cho quốc đảo Singapore; tiếp theo những thành công vang dội trước đó đem lại doanh thu lớn cho đơn vị đăng cai tổ chức. Điều này khiến nhiều nước “sốt xình xịch” nhìn Taylor Swift biểu diễn tại Singapore: “Show ngày 2/3 là đêm diễn đầu tiên trong chuỗi concert sáu ngày của Taylor Swift ở Singapore. Cô sẽ hát thêm vào ngày 3, 4/3 và 7, 8, 9/3. The Eras Tour là sự kiện diễn gây tiếng vang của Taylor Swift, diễn ra tại nhiều châu lục. Tháng 10/2023, Taylor thành tỷ phú nhờ thành công của chuyến lưu diễn. Tháng 12/2023, tổ chức Guinness công nhận Eras Tour của cô là chuỗi concert có doanh thu cao nhất mọi thời, đạt hơn một tỷ USD, vượt kỷ lục 939 triệu USD của Elton John. Ca sĩ thu về khoảng 85% tổng tiền bán vé - tỷ lệ cao và hiếm người làm được trong ngành âm nhạc. Cô kết thúc show gần nhất ở Sydney, Australia hôm 24/2”⁷. Điều này cho thấy lợi ích về nhiều mặt do sự phát triển công nghiệp văn hóa mang lại mà muốn xây dựng, phát triển ngành công nghiệp này thì một trong những điều kiện là phải quy hoạch đất đai cho mục đích này. Đối chiếu với quy định về đất có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh của Luật Đất đai năm 2013 và quy định về đất có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên của Luật Đất đai năm 2024 cho thấy các nhà làm luật mới chỉ quan tâm chú ý điều chỉnh các quan hệ về quản lý và sử

⁶ Đăng Huy (2023), *Du lịch Hà Nội thu 630 tỷ đồng trong hai ngày Blackpink biểu diễn*; nguồn: Saigon tiếp thị online, ngày 05/08/2023

⁷ Hà Thu & Tân Chi (2024), *Bữa tiệc âm nhạc của Taylor Swift ở Singapore*; nguồn: Báo VNexpress; chủ nhật 3/3/2024, 11:54 (GMT+7)

dụng đất mà trên đó có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên đã được xếp hạng. Điều này là cần thiết nhưng chưa đầy đủ. Bởi hiện còn thiếu các quy định của pháp luật đất đai hiện hành về việc quản lý và sử dụng đất sử dụng vào mục đích xây dựng những công trình công nghiệp văn hóa, giải trí văn hóa, du lịch văn hóa ... Đáng rằng việc sử dụng đất vào mục đích này được xếp vào nhóm đất phi nông nghiệp; việc quản lý và sử dụng sẽ tuân theo các quy định về quản lý và sử dụng nhóm đất phi nông nghiệp. Tuy nhiên, nếu “đổi xử” như vậy thì pháp luật chưa chú ý đến tính đặc thù của việc quản lý và sử dụng đất vào mục đích công nghiệp văn hóa, giải trí văn hóa, du lịch văn hóa cũng như chưa nêu bật được cơ chế đặc thù đi kèm với những ưu đãi trong việc thu hút, khuyến khích xét về khía cạnh chính sách đất đai đối với việc phát triển ngành kinh tế đặc thù còn rất nhiều dư địa; đầy tiềm năng phát triển này ở nước ta đặt trong bối cảnh hội nhập quốc tế nói chung và hội nhập quốc tế về văn hóa nói riêng hiện nay.

Thứ ba, Luật Đất đai năm 2013 chưa đưa ra cách giải thích chính thức về khái niệm đất có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh. Vấn đề này tiếp tục được lặp lại trong Luật Đất đai năm 2024. Thiết nghĩ nếu không định danh cụ thể, rõ ràng về khái niệm đất có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên sẽ gây ra cách hiểu khác nhau, không thống nhất. Điều này tiềm ẩn nguy cơ các địa phương áp dụng không thống nhất pháp luật trong quản lý và sử dụng loại đất này. Mặt khác, đây còn là “kẽ hở” để một số tổ chức, cá nhân lợi dụng hoặc tùy tiện trong việc tự xác định đất có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên (mà trên thực tế đất này chưa đáp ứng đầy đủ các tiêu chí để được xếp loại là đất có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên) vì động cơ, mục đích riêng hoặc vì lợi ích nhóm, vì mục đích vụ lợi ... Hậu quả là hiệu quả quản lý nhà nước thống nhất về đất có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên bị tác động, ảnh hưởng tiêu cực.

Thứ tư, khoản 1 Điều 211 của Luật Đất đai năm 2024 quy định: “1. Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên đã được xếp hạng hoặc được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đưa vào danh mục kiểm kê di tích theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa thì phải được quản lý theo quy định sau đây: a) Đối với đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên do tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý theo quy định của pháp luật thì tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư đó chịu trách nhiệm chính trong việc sử dụng đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên; b) Đối với đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên không thuộc quy định tại điểm a khoản này thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên chịu trách nhiệm trong việc quản lý diện tích đất này; c) Đối với đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên bị lấn, bị chiếm, sử dụng không đúng mục đích, sử dụng trái pháp luật thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất có trách nhiệm phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị với cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật”. Về quy định này xin có một số bình luận như sau:

- Đối với đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên

nhiên do tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý theo quy định của pháp luật thì tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư đó chịu trách nhiệm chính trong việc sử dụng đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên. Vậy tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên chịu trách nhiệm chính trong việc sử dụng đất này được hiểu cụ thể như thế nào? Thế nào là trách nhiệm chính trong việc sử dụng loại đất này? Mặt khác, một khi đã đặt ra cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên chịu trách nhiệm chính trong việc sử dụng đất này thì ai, tổ chức, cá nhân nào sẽ là người chịu trách nhiệm phụ? Trách nhiệm chính có những khác biệt cụ thể nào so với trách nhiệm phụ trong sử dụng đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên ...?

- Đối với đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên không thuộc tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý theo quy định của pháp luật thì UBND cấp xã nơi có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên chịu trách nhiệm trong việc quản lý diện tích đất này. Với quy định này điểm b khoản 1 Điều 211 của Luật Đất đai năm 2024 chưa xác định rõ trách nhiệm của UBND cấp xã (tập thể) nơi có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên với trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu UBND cấp xã (cá nhân) trong việc quản lý diện tích đất này. Mặt khác, thông qua các tiêu chí, phương thức cụ thể nào để biết được UBND cấp xã nơi có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh thực hiện đầy đủ hay không đầy đủ trách nhiệm trong việc quản lý loại đất này. Trong trường hợp UBND cấp xã không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm quản lý đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh thì chế tài xử lý cụ thể áp dụng như thế nào ... Những băn khoăn này cần phải được tính đến trong quá trình soạn thảo các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2024.

- Điểm c khoản 1 Điều 211 của Luật Đất đai năm 2024 mới chỉ quy định về trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất có trách nhiệm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời trong trường hợp đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh bị lấn, bị chiếm, sử dụng không đúng mục đích, sử dụng trái pháp luật. Người viết cho rằng quy định này mới chỉ mang tính nguyên tắc và cần phải có văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành để dự liệu các giả thiết như trong trường hợp Chủ tịch UBND cấp xã nơi có đất không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm này thì sẽ bị xử lý như thế nào. Cần bổ sung một điều khoản dẫn chiếu về văn bản xử lý để tạo cơ sở pháp lý, tạo thuận lợi cho quá trình áp dụng trên thực tế.

Thứ năm, Luật Đất đai năm 2024 có một điều luật quy định về đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên với nội dung quản lý và sử dụng như đã phân tích trên đây là cần thiết nhưng chưa đầy đủ. Theo pháp luật đất đai hiện hành thì việc quy hoạch, kế hoạch sử dụng loại đất này; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; thời hạn sử dụng đất; xử lý vi phạm pháp luật về đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh ... được thực hiện theo quy định chung về quản lý và sử dụng đất như

đối với các loại đất khác. Thiết nghĩ quy định như vậy chưa thể hiện được sự ưu tiên của chính sách đất đai, tính chất đặc thù đối với thiết chế văn hóa, thể thao.

Thứ sáu, hiện nay, ở các đô thị, khu dân cư, trung tâm thương mại, kinh tế ... thiết chế văn hóa ở cơ sở gặp không ít khó khăn do thiếu địa bàn để hoạt động hoặc thiếu quỹ đất sử dụng để xây dựng, cải thiện, nâng cấp chất lượng hệ thống nhà văn hóa, bảo tàng, thư viện, rạp chiếu phim; các công trình thể dục, thể thao ...; đặc biệt, việc thiếu nơi vui chơi giải trí lành mạnh, sinh hoạt cộng đồng; luyện tập thể dục, thể thao rèn luyện sức khỏe ... tại đô thị, khu dân cư - nơi mà ở đó giá đất tăng chóng mặt lên đến hàng trăm triệu, thậm chí cả tỷ đồng/m². Vì vậy, có không ít chủ đầu tư dự án cố tình không dành quỹ đất để xây dựng nhà văn hóa, nơi sinh hoạt cộng đồng; công trình thể dục, thể thao, nơi vui chơi công cộng ... hoặc sử dụng sai mục đích đối với phần đất được quy hoạch sử dụng xây dựng thiết chế văn hóa cơ sở. *“Hệ thống thiết chế văn hóa tại các khu đô thị chưa được chú trọng đầu tư đúng mức. Quỹ đất dành cho xây dựng các thiết chế văn hóa một số nơi chưa được quan tâm, quy hoạch. Có địa phương còn chuyển đổi mục đích sử dụng đất để xây dựng các công trình thương mại, nhà ở để bán hoặc chuyển nhượng. Nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất không có thiết chế văn hóa - thể thao phục vụ đời sống văn hóa tinh thần, luyện tập thể dục, thể thao của người lao động. Các thiết chế văn hóa - thể thao ở cấp xã phần lớn bị xuống cấp và thiếu đồng bộ về trang thiết bị hoạt động. Việc xây dựng về quy mô, kiểu dáng, vị trí còn tùy tiện, chưa hợp lý nên bị cộng đồng xa lánh. Nhiều nơi xây dựng được trụ sở nhưng trang thiết bị thiếu thốn, không đủ điều kiện hoạt động, nhất là khu vực vùng sâu, vùng xa”*⁸ hoặc *“Tại Hội nghị “Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở” do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức tại thành phố Cần Thơ từ ngày 19 đến 20-10-2017, những bất cập trong khai thác, quản lý thiết chế văn hóa cơ sở đã được chỉ ra như: Thiết chế văn hóa vẫn chưa đáp ứng sự phát triển kinh tế - xã hội, nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân. Hiện vẫn còn 20 tỉnh, thành phố còn tình trạng “Nhà văn hóa không nhà”. Nhiều Trung tâm văn hóa cấp tỉnh, quận, huyện không có trụ sở, phải “ở nhờ” các đơn vị khác; nhiều xã, phường, thị trấn, khu vực, ấp, thôn, bản chưa có nhà văn hóa vì thiếu quỹ đất công và thiếu kinh phí xây dựng...”*⁹. Thực trạng này có nguyên nhân từ chính sách đất đai cho thiết chế văn hóa, thể thao dường như chưa được thể hiện đậm nét trong nội dung các quy định về quy hoạch sử dụng đất của Luật Đất đai năm 2024. Điều 60 của Luật Đất đai năm 2024 quy định một trong các nguyên tắc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng là: *“Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh”*¹⁰. Nguyên tắc này được thể hiện trong yêu cầu về nội dung quy hoạch (Điều 21); trong nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia (Điều 22); tuy nhiên, vấn đề này lại không được quy định tại Điều 24. Nội dung quy hoạch sử dụng đất quốc gia của Luật Quy hoạch năm 2017. Trong nội dung quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; nội dung quy hoạch sử dụng đất cấp huyện của Luật Đất đai năm 2024 cũng không đề cập đến vấn đề bảo vệ, tôn tạo di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh,....

⁸ Đặng Thị Tuyết (2021), *Quản lý thiết chế văn hóa cơ sở: Thực trạng và giải pháp*; nguồn: Tạp chí Văn hóa nghệ thuật; số 473, tháng 9-2021.

⁹ Nguyễn Huy Phòng (2017), *Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa ở Việt Nam hiện nay*; nguồn: Tạp chí Lý luận chính trị số 12-2017.

¹⁰ Khoản 6 Điều 60 Luật Đất đai năm 2024.

4. Giải pháp nâng cao hiệu quả xây dựng và thực hiện chính sách đất đai cho thiết chế văn hóa, thể thao nhìn từ khía cạnh pháp luật đất đai

4.1. Về nhận thức

Tiếp tục quán triệt các quan điểm của Đảng về văn hóa trong giai đoạn hiện nay: “*Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội*”; “*xây dựng văn hóa trong chính trị và kinh tế; phát triển các ngành công nghiệp văn hóa và hoàn thiện thị trường văn hóa*”; “*Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là sức mạnh nội sinh, động lực quan trọng để phát triển đất nước; xác định phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, thể hiện tinh ưu việt của chế độ ta*”¹¹ ... trong xây dựng, hoàn thiện chính sách đất đai phục vụ thiết chế văn hóa, thể thao. Nội dung chính sách đất đai phục vụ thiết chế văn hóa, thể thao phải được chuyển tải đầy đủ, thống nhất, toàn diện trong các quy định của pháp luật đất đai; đặc biệt là trong các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2024.

4.2. Về triển khai thi hành Luật Đất đai năm 2024

Thứ nhất, trong nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai năm 2024 cần có các hướng dẫn cụ thể về nội dung Điều 211. Đất có di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên ở một số khía cạnh cụ thể sau:

Một là, hướng dẫn chi tiết khoản 1 Điều 211 của Luật Đất đai năm 2024.

- Điều a khoản 1 Điều 211 quy định: “*Đối với đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên do tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý theo quy định của pháp luật thì tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư đó chịu trách nhiệm chính trong việc sử dụng đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên*”. Trong các văn bản hướng dẫn thi hành cần quy định rõ trách nhiệm chính của tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên trong việc sử dụng đất này bao gồm những trách nhiệm cụ thể nào và hiểu như thế nào là trách nhiệm chính trong trường hợp này. Bên cạnh việc quy định trách nhiệm chính của tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên thì cần quy định cụ thể trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong sử dụng loại đất này; chế tài cụ thể xử lý khi tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên không thực hiện trách nhiệm trong quá trình sử dụng loại đất này ...

- Điều b khoản 1 Điều 211 quy định: “*Đối với đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên không thuộc tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý theo quy định của pháp luật thì UBND cấp xã nơi có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên chịu trách nhiệm trong*

¹¹ Trích bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ 2 tổ chức tại Hà Nội, ngày 24/11/2021.

việc quản lý diện tích đất này”. Trong các văn bản hướng dẫn thi hành cần quy định chi tiết, cụ thể trách nhiệm của UBND cấp xã và trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp xã nơi có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên trong việc quản lý diện tích đất này. Mặt khác, quy định rõ các hành vi cụ thể của UBND cấp xã nơi có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh thực hiện không đầy đủ trách nhiệm trong việc quản lý loại đất này; chế tài xử lý cụ thể áp dụng đối với UBND cấp xã không thực hiện trách nhiệm này như thế nào ...

Hai là, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2024 cần có những quy định cụ thể về việc quản lý và sử dụng đất cho mục đích phát triển công nghiệp văn hóa; trong đó, nêu bật được những yêu cầu đặc thù đối với loại đất này nhằm tạo cơ sở pháp lý góp phần thúc đẩy sự phát triển công nghiệp văn hóa ở nước ta trong thời gian tới.

Thứ hai, đất giáo dục, đất y tế; đất thể dục - thể thao ... là những loại đất có vai trò quan trọng trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe Nhân dân và đào tạo nguồn nhân lực - một trong ba khâu đột phá chiến lược để đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao đến giữa thế kỷ 21 được khẳng định trong các Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IX, X, XI, XII, XIII. Tuy nhiên, trong Chương XIII, quy định về chế độ sử dụng các loại đất của Luật Đất đai năm 2024 dường như chưa quy định đầy đủ, trực tiếp, cụ thể về việc quản lý và sử dụng các loại đất này. Vì vậy, trong các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2024 cần có các quy định về đất giáo dục, đất y tế, đất thể dục - thể thao ... nhằm góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lý để quản lý các loại đất này có hiệu quả hơn.

Thứ ba, để xây dựng, hoàn thiện cơ chế pháp lý đầy đủ, toàn diện về đất văn hóa - thể thao nói chung và góp phần triển khai thi hành Luật Đất đai năm 2024 nói riêng thì cần cần nhắc, xem xét nghiên cứu xây dựng, ban hành nghị định hoặc một quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hay thông tư của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý và sử dụng đất văn hóa - thể thao để góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng đất nói chung và quản lý và sử dụng loại đất này nói riêng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, tập 1, Hà Nội; bản điện tử.
2. Bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị văn hóa toàn quốc sáng 24/11; nguồn: Báo Vietnam.net điện tử; Thứ năm, 25/11/2021.
3. Nghị quyết số 19 - NQ/TW ngày 31/10/2012 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI Về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.
4. Nghị quyết số 18 - NQ/TW ngày 16/06/2022 tại Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao.

5. Luật Đất đai năm 2013.
6. Luật Đất đai năm 2024.
7. Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15/05/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.
8. Đặng Huy (2023), *Du lịch Hà Nội thu 630 tỷ đồng trong hai ngày Blackpink biểu diễn*, Sài Gòn tiếp thị online, ngày 05/08/2023.
9. Nguyễn Huy Phòng (2017), *Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Lý luận chính trị số 12-2017
10. Đặng Thị Tuyết (2021), *Quản lý thiết chế văn hóa cơ sở: Thực trạng và giải pháp*; nguồn: Tạp chí Văn hóa nghệ thuật; số 473, tháng 9-2021.
11. Hà Thu & Tân Chi (2024), *Bữa tiệc âm nhạc của Taylor Swift ở Singapore*, Báo Vnexpress.net; chủ nhật 3/3/2024, 11:54 (GMT+ 7).

VAI TRÒ CỦA THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO TƯ NHÂN VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ

TS. Nguyễn Thị Tuyên

*Viện Văn hóa và Phát triển,
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

1. Vai trò của thiết chế văn hóa, thể thao tư nhân

Thiết chế văn hóa, thể thao (TCVHTT) tư nhân là loại thiết chế được đầu tư bằng nguồn vốn của tư nhân theo chủ trương xã hội hoá văn hóa, thể thao của Nhà nước Việt Nam.

Đặc trưng nổi bật của TCVHTT tư nhân là có số lượng và mức đầu tư rất khác nhau, tùy thuộc vào khả năng và mong muốn của chủ đầu tư. Bên cạnh đặc trưng chung của từng loại TCVHTT nói chung, TCVHTT tư nhân có thể có các đặc điểm riêng theo ý của chủ đầu tư nhằm thực hiện chức năng phục vụ hoặc kết hợp phục vụ với dịch vụ trong lĩnh vực văn hóa, thể thao.

Về cơ bản, các thiết chế văn hóa tư nhân ở nước ta hiện nay cơ bản bao gồm Nhà hát tư nhân, Sân khấu tư nhân, Rạp chiếu phim tư nhân; Bảo tàng tư nhân, Thư viện tư nhân; Các thiết chế thể thao gồm các sân bóng đá nhân tạo, sân quần vợt, bể bơi, phòng tập thể hình, sân golf, các câu lạc bộ thể dục, thể thao... Có thể thấy hoạt động và vai trò của các TCVHTT tư nhân với xã hội như sau:

1.1. Thiết chế văn hóa, thể thao tư nhân đáp ứng nhu cầu học tập, nâng cao các phương diện Đức, Trí, Thể, Mỹ nhằm phát triển văn hóa và con người

Các thiết chế văn hóa, thể thao tư nhân như thư viện tư nhân, bảo tàng tư nhân, sân bóng đá nhân tạo tư nhân, bể bơi tư nhân... có vai trò đáp ứng nhu cầu học tập, rèn Đức, Trí, Thể, Mỹ, làm phong phú đời sống văn hóa, nâng cao trình độ cộng đồng, góp phần không nhỏ vào việc xây dựng, phát triển văn hóa và con người trong hành trình đổi mới

Hiện trên cả nước ta có hơn 100 thư viện tư nhân phục vụ cộng đồng, trong đó có những thư viện lớn, hiện đại và nhiều thư viện tư nhân quy mô nhỏ do các cá nhân, gia đình, dòng họ đầu tư. Các thư viện tư nhân không chỉ đơn thuần phục vụ đọc sách báo mà còn là nơi tổ chức hoạt động chia sẻ thông tin, trang bị tri thức, kỹ năng, phổ biến đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đến với người dân...¹.

Có thể kể tới *Thư viện Nguyễn Văn Hưởng* - một thư viện tư nhân nổi tiếng (tại tầng 2, tòa nhà Almaz Market, khu đô thị Vinhomes Riverside, quận Long Biên, Hà Nội), với hơn 10.000 bản sách, chuyên san, ấn phẩm các loại (chủ yếu bằng tiếng Anh)

¹ Theo Thư viện tư nhân góp phần phát triển văn hóa đọc, xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam (<https://cand.com.vn/Tieu-diem-van-hoa/Thu-vien-tu-nhan-gop-phan-phat-trien-van-hoa-doc-xay-dung-xa-hoi-hoc-tap-o-Viet-Nam-i523203/>).

được lưu trữ và số hoá, trong đó có nhiều tài liệu của các tác giả là chính trị gia, nhà sử học, các quan chức chính phủ, các tướng lĩnh quân đội Hoa Kỳ, các tài liệu của các cơ quan chính phủ Hoa Kỳ, tài liệu của các trung tâm, viện nghiên cứu về Việt Nam và Đông Nam Á tại các trường đại học nổi tiếng của Hoa Kỳ, Pháp, Anh Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Nga; tư liệu dưới dạng bản đồ, tranh cổ động và tem về Việt Nam với hơn 2.500 bản đồ và tài liệu địa chí Việt Nam và Đông Nam Á; các tư liệu dưới dạng video gồm gần 1000 phim ảnh tư liệu về chiến tranh Việt Nam của các cơ quan truyền thông và cơ quan chính phủ Hoa Kỳ, các phim truyện quốc tế về Chiến tranh Việt Nam; các CD-ROM ghi các bài hát quốc tế, các ca khúc phản đối chiến tranh của Đế quốc Mỹ tại Việt Nam của các nhạc sĩ, ca sĩ lừng danh thế giới; các hiện vật kỉ vật cá nhân của bộ đội Việt Nam do cựu chiến binh Mỹ thu thập và được chuyển lại²..., tất cả được đầu tư kỹ lưỡng, bài bản và phục vụ chuyên nghiệp. *Thư viện tư nhân Dương Liễu* ở xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội có gần 4.000 đầu sách, mở cửa 10 tiếng/tuần, thu hút gần 1.800 bạn đọc đăng ký làm thẻ thành viên.

Không chỉ đơn thuần phục vụ bạn đọc sách, báo, thư viện tư nhân Dương Liễu còn tổ chức hơn 50 hoạt động sự kiện có ý nghĩa như quyên góp sách giáo khoa, quần áo tặng các em nhỏ vùng cao, làm bánh chưng ngày Tết, thăm hỏi và tặng các gia đình, cụ già có hoàn cảnh khó khăn... Thư viện này được Vụ Thư viện, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đánh giá là một mô hình thư viện tư nhân hoạt động có hiệu quả tại Việt Nam. *Tủ sách của dòng họ Hà Duyên* tại xã Xuân Lai, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa có 2.700 đầu sách gồm 8.000 cuốn. Kể từ khi thành lập tủ sách, các cháu nhỏ miền quê nghèo xã Xuân Lai có chỗ vui chơi, học tập sau giờ tan học; người dân có nơi để đọc sách trong khoảng thời gian nhàn rỗi, các cụ già có không gian hàn huyên, chia sẻ nhiều thông tin bổ ích. Thư viện đã có trên 500 bạn đọc ở mọi lứa tuổi được cấp thẻ thường xuyên. *Thư viện tư nhân Vân Tùng* (xã Đông Tảo, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên) từ chỗ có khoảng 200 cuốn phục vụ nhu cầu gia đình cô giáo Ngô Thị Hồng Vân qua 25 năm đã có hơn 4.000 đầu sách báo, phục vụ hàng chục nghìn lượt bạn đọc.

Bảo tàng tư nhân cũng là một loại thiết chế văn hóa thuộc sở hữu cá nhân hoặc liên kết giữa cá nhân có chức năng bảo quản và trưng bày các sưu tập về về lịch sử tự nhiên và xã hội nhằm phục vụ nhu cầu và hưởng thụ văn hóa của công chúng. Việt Nam có khoảng hơn hai chục bảo tàng tư nhân, rất đa dạng về loại hình và cơ chế hoạt động, có thể kể tới các bảo tàng tư nhân tiêu biểu như:

Bảo tàng tư nhân Không gian văn hóa Mường (tại thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình) bài trí những hiện vật, đồ dùng đều gần gũi không cầu kỳ, tái hiện được những nét đặc trưng văn hóa Mường, thu hút được sự quan tâm của nhiều du khách trong và ngoài nước. *Bảo tàng tư nhân Chiến sĩ cách mạng bị địch bắt tù đày* (thôn Nam Quát, xã Nam Triều, huyện Phú Xuyên, Hà Nội) lưu giữ hơn 4.000 hiện vật, kỷ vật vô giá của các chiến sĩ cách mạng từng bị giam cầm tại các nhà tù trong cả nước thời chiến tranh.

² Theo Có một thư viện tư nhân như thế ở Việt Nam, (http://www.vla.org.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=303:2020-09-12-01-54-40&catid=51:tin-tc&Itemid=54).

Bảo tàng tư nhân Phan Thị Ngọc Mỹ (ở xã Sài Sơn, huyện Quốc Oai, Hà Nội) được coi là bảo tàng mỹ thuật tư nhân đầu tiên và lớn nhất của cả nước, nơi trưng bày hơn 500 đồ gia dụng bằng sành, sứ, gốm, trên 700 tác phẩm hội họa và gần 1000 bức thư pháp có niên đại từ vài trăm đến hàng ngàn năm tuổi. Ngoài ra, ở đây còn trưng bày nhiều cổ vật từ các thời kỳ trước, các loại tem thư, tiền cổ; các bộ sưu tập tác phẩm của các họa sĩ tên tuổi trong nền mỹ thuật Việt Nam như Tô Ngọc Vân, Nguyễn Gia Trí, Trần Văn Cẩn, Bùi Xuân Phái...³

Bảo tàng tư nhân Áo dài của nhà thiết kế Sĩ Hoàng là một trong số những bảo tàng tư nhân đầu tiên tại thành phố Hồ Chí Minh về áo dài Việt Nam từ lúc hình thành đến nay trong một không gian thuần Việt bởi những nếp nhà mang kiến trúc truyền thống và màu sắc thiên - tịnh, đậm dấu ấn sông nước miền Tây Nam Bộ. Năm 2019, bảo tàng này đã thu hút lượng khách tham quan lên đến 10.000 người.

Bảo tàng tư nhân Sâm Ngọc Linh của nhà đầu tư Nguyễn Tân Việt (tại 374 Nguyễn Sơn, Phường Phú Thọ Hòa, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh) rất độc đáo bởi gần 400 hiện vật sâm Ngọc Linh được trang trí đẹp mắt trong các bình thủy tinh rượu.

Bảo tàng tư nhân Gốm cổ Sông Hương (tại 120 Nguyễn Phúc Nguyên, thành phố Huế), cũng là nhà thờ tộc của giáo sư Thái Kim Lan, có khoảng 5.000 hiện vật gốm cổ, có niên đại từ thời tiền Sa Huỳnh - Sa Huỳnh, Chăm Pa, Đại Việt... Phần lớn hiện vật ở đây được trực vớt từ sông Hương do giáo sư Thái Kim Lan và anh trai mình là cố họa sĩ Thái Nguyên Bá sưu tầm trong suốt hơn 30 năm với tham vọng biến nơi này trở thành không gian văn hóa về sông Hương.

Bảo tàng tư nhân Đồng Đình (tại đường Hoàng Sa, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, Đà Nẵng) là bảo tàng tư nhân đầu tiên ở thành phố Đà Nẵng được Ủy ban nhân dân Thành phố cấp phép xây dựng trên diện tích gần 10.000m², có nhiều hiện vật gốm cổ có niên đại từ 100 - 2500 năm thuộc các nền văn hóa Đại Việt, Sa Huỳnh, Chăm Pa, Trung Hoa và các nền văn hóa khác trong khu vực⁴.

Bảo tàng tư nhân “Cội nguồn” (tại huyện đảo Phú Quốc, Kiên Giang) với thiết kế 5 tầng, mỗi tầng trưng bày một sản vật, hiện vật, tư liệu, đời sống, thiên nhiên của Phú Quốc. Trong đó đáng kể nhất có bộ sưu tập gốm, đá, sứ, đồng, gỗ hóa thạch là những cổ vật hiếm được tuyển từ 9 bộ sưu tập cá nhân mang đậm dấu ấn văn hóa Việt Nam qua các thời đại.

Bảo tàng Mỹ thuật Sỹ Tốt và gia đình (ở làng Cổ Đô, xã Cổ Đô, huyện Ba Vì, Hà Nội) đa dạng về đề tài, chất liệu như màu dầu, màu bột, thuốc nước, mực nho, than chì...nhưng nhất quán bút pháp tả thực sinh động, độc đáo.

Bảo tàng tư nhân Nhiếp ảnh Lai Xá (xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, Hà Nội) là điểm đến hấp dẫn bởi các nội dung giới thiệu về cuộc đời cụ Nguyễn Đình Khánh

³ Theo Bảo tàng tư nhân mang tên Phan Thị Ngọc Mỹ lớn nhất nước (<https://newvisionlaw.com.vn/bao-tang-tu-nhan-mang-ten-phan-thi-ngoc-my-lon-nhat-nuoc.html#:~:text=B%E1%BA%A3o%20t%C3%A0ng%20Phan%20Th%E1%BB%8B%20Ng%E1%BB%8Dc,%C4%91%E1%BA%BFn%20h%C3%A0ng%20ng%C3%A0n%20n%C4%83m%20t%E1%BB%95i>).

⁴ Theo Khai trương bảo tàng tư nhân đầu tiên ở Đà Nẵng (<https://thanhnien.vn/khai-truong-bao-tang-tu-nhan-dau-tien-o-da-nang-post298967.html>).

- tổ nghề nhiếp ảnh Lai Xá, về hiệu ảnh đầu tiên ở Việt Nam mang tên Khánh Ký được mở năm 1892 ở phố Hàng Da, Hà Nội; nhiều hiện vật trưng bày về các hiệu ảnh xưa và các hiệu ảnh nổi tiếng của người Lai Xá từ năm 1892 đến năm 1975... Có thể nói, Việt Nam có nhiều bảo tàng tư nhân trải khắp đất nước với nhiều mức độ quy mô. Các bảo tàng tư nhân lưu giữ nhiều hiện vật vô giá, góp phần chống chảy máu cổ vật, di vật ra ngoài nước. Sự đam mê của các nhà sưu tập và những nỗ lực của các bảo tàng tư nhân là rất đáng trân trọng. Các bảo tàng hoạt động theo cơ chế tự chủ hoàn toàn, có thể có thu phí nhưng không nhiều. Kinh phí hoạt động chủ yếu từ các nguồn thu khác của chủ đầu tư hoặc từ các nguồn trao tặng của khách tham quan hoặc các tổ chức có sự hợp tác, tài trợ.

Trong quá trình xã hội hoá, được sự quan tâm, vận động của Nhà nước, các thiết chế thể thao tư nhân gồm các câu lạc bộ thể dục, thể thao, sân bóng đá nhân tạo, sân tennis, bể bơi, khu thể thao vui chơi giải trí, Nhà tập, nhà thi đấu ... đã hình thành ở nhiều địa phương trên cả nước, đáp ứng nhu cầu rèn đức, trí, thể, mỹ, luyện tài của nhiều người dân nói chung và tạo các hạt giống thể thao từ các địa phương nói riêng.

Có thể nói, được sinh ra từ sự đam mê, tâm huyết của các chủ đầu tư tư nhân, hệ thống thư viện tư nhân, bảo tàng tư nhân, các câu lạc bộ thể dục, thể thao, sân bóng đá nhân tạo, bể bơi, khu thể thao vui chơi giải trí, Nhà tập, nhà thi đấu tư nhân ở Việt Nam phần lớn thực sự là những điểm đến văn hóa, làm phong phú đời sống văn hóa, nâng cao trình độ cộng đồng, góp phần không nhỏ vào việc xây dựng, phát triển văn hóa và con người trong hành trình đổi mới. Trong bối cảnh có tới 44/63 tỉnh thành không có nhà hát, rạp chiếu phim; các nhà hát, rạp chiếu phim khu vực công hiện có tại các tỉnh thành cũng xuống cấp, trang thiết bị lạc hậu; nhiều bảo tàng, thư viện Nhà nước hoạt động cầm chừng, ít hiệu quả thì hoạt động của các thiết chế tư nhân qua một số thiết chế tiêu biểu nêu trên cho thấy ý nghĩa thiết thực và vai trò quan trọng của các thiết chế thư viện, bảo tàng tư nhân trong đời sống cộng đồng nước ta hiện nay.

1.2. Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tư nhân đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, thể thao và phát triển dịch vụ, du lịch, công nghiệp văn hóa

Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tư nhân nổi bật như các nhà hát, sân khấu, rạp chiếu phim tư nhân, các phòng tập thể dục thể hình, các sân golf... có vai trò rất lớn trong việc đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa, thể thao và phát triển dịch vụ, công nghiệp văn hóa, kích cầu du lịch ở nước ta.

Hiện ở nước ta hệ thống thiết chế nhà hát, sân khấu, rạp chiếu phim tư nhân chủ yếu có ở các thành phố lớn hoặc trung tâm một số tỉnh. Tiêu biểu có thể kể tới *Nhà hát Bến Xuân* ở Huế, Sân khấu Lệ Ngọc ở Hà Nội và một loạt rạp chiếu phim tư nhân trong nước có liên doanh với nước ngoài "Cineplex" tạo thành cụm tổ hợp rạp chiếu phim liên hoàn của các đơn vị như BHD, Galaxy, Platinum hoặc rạp phim của các công ty liên doanh nước ngoài: CGV, Lotte Cinema (Hàn Quốc) tại các tỉnh thành như Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Đồng Nai, Quảng Bình, Cần Thơ, Vũng Tàu, Bình Định, Bình Dương, Pleiku, Lào Cai ...

Nhà hát Bến Xuân tại thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế của vợ chồng nghệ sĩ Camille Huyền là một thiết chế văn hóa (TCVH) tư nhân kết hợp kinh doanh

nhà hàng, xây dựng phỏng theo lối kiến trúc Cung Đình Huế với tổ hợp trang thiết bị nghệ thuật cao. Chủ đầu tư Nhà hát Bến Xuân là nghệ sỹ am hiểu chuyên môn nghệ thuật và kiến trúc nên đã quy tụ được nhiều nghệ sỹ và tổ chức được các hoạt động nghệ thuật hấp dẫn như biểu diễn các ca khúc phổ thơ Hàn Mặc Tử, ca khúc Cung Tiên trong không gian phòng hòa nhạc cổ điển; biểu diễn ca Huế, múa rối nước trên các sân khấu ở những khoảng không gian rộng... Hiện nay Bến Xuân là một địa chỉ giao lưu và quảng bá văn hóa Huế, văn hóa Việt Nam bằng việc mở cửa đón khách tham quan, chủ yếu là khách nước ngoài, thông qua những bữa ăn và đêm nhạc do chính Camille Huyền đạo diễn⁵.

Sân khấu Lệ Ngọc là sân khấu tư nhân mới được thành lập nhưng đã tạo được hoạt động sôi nổi trong bối cảnh trầm lắng của sân khấu tại Hà Nội trong những năm gần đây. Với sự quy tụ của nhiều nghệ sỹ tài hoa (ở cả phía Bắc và phía Nam, trong đó có nhà thiết kế Sĩ Hoàng, nhà viết kịch Lê Chí Trung), sân khấu Lệ Ngọc đã tạo ra được kì tích lịch diễn với vở mở màn “Chí Phèo - Thị Nở” vào năm 2018. Năm 2019, thời điểm trước khi đại dịch COVID-19 xảy ra, được xem là thời gian thăng hoa, được đánh giá là hiện tượng đáng tự hào cho giới sân khấu của sân khấu Lệ Ngọc với các vở diễn “Tám Cám” (Kịch bản của nhà văn Nguyễn Hiếu) và “Truyện thuyết gò Rồng ấp” (Kịch bản của nhà văn Nguyễn Thế Ki). Cả hai vở diễn này đã tham gia Liên hoan sân khấu Trung Quốc và Asean và cùng giành giải thưởng “Hoa dân bụi” (trương đương HCV của Việt Nam). Ở trong nước, vở diễn “Tám Cám” được đánh giá là đã tạo nên “con sốt” của mùa hè 2019 với gần một trăm suất diễn trong hai tháng tại hầu khắp các sân khấu của Hà Nội, từ Nhà hát lớn, rạp Đại Nam đến rạp Hồng Hà, Nhà hát Âu Cơ..., nhiều ngày diễn liên tục ba suất. Vở diễn “Tám Cám” không chỉ có sức hút ở Hà Nội mà còn cả ở Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2020 sân khấu Lệ Ngọc đã dựng 6 kịch bản, trong đó có một kịch bản dành cho thiếu nhi. Sân khấu Lệ Ngọc đã có tác phẩm đoạt giải Vàng tại Liên hoan sân khấu Hình tượng người chiến sỹ Công an nhân dân 2020 là Tình bạn và công lý; là đơn vị sân khấu tư nhân duy nhất có vở diễn chuyên tải đề tài thời sự nóng bỏng về dịch COVID với tác phẩm Cuộc chiến COVID đạt giải A Giải thưởng sáng tác, quảng bá các tác phẩm văn học nghệ thuật về “phòng chống dịch bệnh COVID – 19”. Tham gia Liên hoan Sân khấu Trung Quốc – ASEAN lần thứ 8, đã đạt giải Vàng với vở kịch Quan Âm Diệu Thiện. Sân khấu Lệ Ngọc cũng là đơn vị tư nhân tham gia Liên hoan văn học thiếu nhi châu Á (AFCC) 2023 tại Singapore với vở kịch Đám cưới con gái Chuột tại lễ khai mạc của Chương trình và để lại nhiều dấu ấn đậm nét. Năm 2023 cũng là năm Sân khấu Lệ Ngọc dàn dựng nhiều tác phẩm sân khấu chất lượng như Vang bóng một thời, Lá đơn thứ 72, Huyền tích chùa Một Cột và đặc biệt là vở Vua Lear của đại văn hào Shakespeare với sự kết hợp của Đạo diễn tài năng người Nhật Bản Tsuyoshi Sugiyama.

Hệ thống rạp chiếu phim tư nhân được hình thành ở Việt Nam từ sau khi có Luật Điện ảnh (2006) với số lượng khá nhiều. Các rạp chiếu phim tư nhân ở Việt Nam như BHD, Galaxy, Platinum; CGV, Lotte Cinema (Hàn Quốc)... được đầu tư

⁵ Theo Nhà vườn Bến Xuân (<https://thuathienhue.gov.vn/vi-vn/Thong-tin-du-dia-chi/tid/Nha-vuon-Ben-Xuan/newsid/90C883F7-DCDA-4B19-8C6B-A9CE010A3845/cid/501A14EB-AE06-4223-8EF0-4D09971F7D64>).

quy mô lớn theo mô hình cụm rạp với nhiều phòng chiếu, thiết bị chiếu phim kỹ thuật số hiện đại với công nghệ chiếu phim 4DX. Hệ thống âm thanh kỹ thuật số 7.1 có tính năng tạo nên cảm giác sống động, chân thực, nhằm nâng cao hiệu ứng tối đa cho khán giả khi xem các phim hành động, phiêu lưu mạo hiểm. Ngoài ra, một số cụm rạp còn có phòng chiếu được trang bị màn hình bạc nhằm tối ưu hóa độ sáng, độ sắc nét và tính sống động cho các bộ phim. Đa số các rạp phim tư nhân đều thuê hoặc đầu tư địa điểm chiếu phim tại các tòa nhà cao tầng, có sự đầu tư lớn về cơ sở vật chất. Bên ngoài tạo không gian sinh hoạt chung khá rộng rãi trước tiền sảnh, hành lang hay các khu vực ngồi chờ tới lượt xem; thiết kế trang trí, ấn tượng, hiện đại, đa phong cách, đa dịch vụ. Không gian bên trong các khán phòng xem phim tại các cụm rạp này cũng được đầu tư hoàn chỉnh, đồng bộ với hệ thống ghế ngồi hiện đại, có thể tự điều chỉnh, có cả loại rạp chiếu phim giường nằm như CGV L'amour. Bên cạnh còn có các rạp chiếu phim tư nhân quy mô nhỏ hơn là hệ thống phòng chiếu phim cà phê, phòng chiếu phim gia đình... Năm 2016, theo số liệu của Cục Điện ảnh, cả nước có tổng số 138 rạp hoạt động, trong đó có 58 rạp do Nhà nước quản lý, 34 rạp của các công ty tư nhân Việt Nam, còn lại 46 rạp thuộc công ty liên doanh nước ngoài. Công ty liên doanh nước ngoài tại Việt Nam chỉ có CGV và Lotte Cinema đều của Hàn Quốc nhưng lại chiếm đến 80% thị phần⁶. Hoạt động của các rạp tư nhân này theo cơ chế dịch vụ của các doanh nghiệp hoạt động điện ảnh tư nhân, nhanh nhạy trong nắm bắt nhu cầu và chuyển hoá linh hoạt để đáp ứng nhu cầu của công chúng, nhất là giới trẻ. Về tỷ lệ doanh thu, hệ thống cụm rạp tại thành phố Hồ Chí Minh chiếm gần 45%⁷ và trường hợp của phim *Bố già* của đạo diễn Trần Thành có doanh thu 400 tỷ đồng, tạo nên sự khuyh đảo phòng vé. Có thể nói, hệ thống rạp chiếu phim tư nhân đã mang lại nhiều tiện ích vượt trội trong giải trí, trở thành dịch vụ hiện đại, hấp dẫn công chúng, đặc biệt ở các thành phố lớn và các đô thị.

Phòng tập thể dục thể hình là loại thiết chế thể thao tư nhân mới xuất hiện nhưng có vai trò khá nổi bật trong đời sống xã hội, góp phần hình thành những cơ sở ban đầu về ngành công nghiệp thể dục, thể hình ở Việt Nam. Trên thế giới, ngành công nghiệp thể dục thể hình (fitness) từng được đánh giá là sự đầu tư về thể thao hướng vào tầng lớp trung lưu trong xã hội với tỉ lệ thâm nhập thị trường tại Hồng Kông là 14%, Úc là 23% và Mỹ là 17%. Ở Việt Nam hiện nay, phòng tập thể hình là một xu hướng thể thao và các thiết chế cho loại hình này được đầu tư bởi nhiều chủ thể tư nhân là các tập đoàn lớn. Có thể kể tới đơn vị chuyên về công nghiệp thể dục thể hình như California Fitness & Yoga với hơn 15 năm hoạt động, vốn đầu tư hàng triệu USD, có 3.000 nhân viên, phục vụ tới 250.000 hội viên với 6 triệu lượt tập luyện mỗi năm, chiếm 72 - 73% thị phần tính theo lượng hội viên ở Việt Nam⁸. Ngoài ra còn có các thương hiệu khác trong lĩnh vực Fitness như Citygym và Elite Citigym thuộc hệ

⁶ Theo Yên Nga, Hệ thống rạp chiếu phim: Không "lột xác", khó tồn tại (bài 1) (<https://hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Phong-su-Ky-su/851424/he-thong-rap-chieu-phim-khong-lot-xac-kho-ton-tai-bai-1>).

⁷ Theo Hoàng Yến, Vai trò đầu tàu của hệ thống rạp chiếu phim TPHCM, <https://zingnews.vn/vai-tro-dau-tau-cua-he-thong-rap-chieu-phim-tphcm-post1276449.html>.

⁸ Theo Tri Túc, CEO chuỗi California Fitness & Yoga: Đồi thủ nếu có bất chước thì cũng chỉ là cái đã cũ, tự tin dẫn dắt cuộc chơi fitness với thị phần 73% (<https://cafef.vn/ceo-chuoi-california-fitness-yoga-doi-thu-neu-co-bat-chuoc-thi-cung-chi-la-cai-da-cu-tu-tin-dan-dat-cuoc-choi-fitness-voi-thi-phan-73-20221023110103836.chn>).

sinh thái Nova Services của tập đoàn Nova Group, được thành lập từ năm 2018.

Theo đánh giá của CEO California Fitness & Yoga: thời điểm California Fitness & Yoga vào Việt Nam thì tỉ lệ thâm nhập thị trường tại Việt Nam mới chỉ là 0,1%, cuối năm 2022 là 1,25% và khoảng 5 năm tới là 5% tương đương khoảng 1,5 triệu người thuộc tầng lớp trung lưu tại Việt Nam sẽ nghĩ đến việc đầu tư vào sức khỏe thông qua việc đăng ký hội viên để bắt đầu tập luyện; Xu hướng thể dục, thể hình ở Việt Nam hiện nay là toàn diện (inclusive), mở rộng (open), và linh hoạt (as flexible as possible). Trước đại dịch, Việt Nam chỉ tồn tại những phòng tập chuyên dụng như phòng tập yoga, phòng tập boxing..., sau đại dịch, mọi người mong muốn được tập luyện ở một nơi có đầy đủ các loại hình tập luyện, tự do lựa chọn đa dạng bộ môn khác nhau chỉ với một thẻ hội viên, bởi vậy mà dịch vụ Fitness tại Việt Nam hiện nay khá phong phú, đáp ứng nhu cầu rèn luyện sức khỏe cho nhiều người, nhất là người trẻ ở các thành phố lớn và đô thị.

Sân golf cũng là loại hình thiết chế được các tập đoàn, doanh nghiệp tư nhân đầu tư dưới sự cho phép và tạo điều kiện của chính quyền nhiều đại phương trên cả nước. Luật Quy hoạch có hiệu lực từ ngày 1/1/2019 đã tạo điều kiện hơn cho việc đầu tư kinh doanh dự án sân golf, cho phép các địa phương được phép lồng ghép quy hoạch sân golf vào quy hoạch tổng thể phát và cấp phép đầu tư sân golf theo nhu cầu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của mỗi tỉnh. Golf được đánh giá là lĩnh vực tiềm năng khi tầng lớp giàu có của Việt Nam đang gia tăng nhanh chóng. Hiệp hội Du lịch Golf Việt Nam ghi nhận cả nước hiện có khoảng 100.000 người chơi golf, nhu cầu chơi golf trong nước khoảng 2 triệu lượt chơi/năm. Lượng khách Hàn Quốc, Úc, Malaysia... đến Việt Nam du lịch kết hợp chơi golf cũng tăng lên mạnh, trung bình tăng trưởng 20%/năm trước khi có Covid-19. Ngoài việc thuận lợi từ chính sách, golf còn là lĩnh vực tiềm năng khi tầng lớp giàu có của Việt Nam đang gia tăng nhanh chóng. Còn Hiệp hội Du lịch Golf Việt Nam ghi nhận cả nước hiện có 100.000 người chơi golf, tần suất trung bình khoảng 20 trận/năm. Nhu cầu chơi golf trong nước khoảng 2 triệu lượt chơi/năm. Đó là chưa kể đến số lượng khách Hàn Quốc, Úc, Malaysia... đến Việt Nam du lịch kết hợp chơi golf cũng tăng lên mạnh, trung bình tăng trưởng 20%/năm trước dịch Covid-19. Theo Tổng cục Thể dục, thể thao, hiện nay nước ta đã có 80 sân golf 18 hố đi vào hoạt động, một số sân golf đẹp như Golf Kings Island Golf; Golf Phượng Hoàng; Golf Sea Links; Golf Hoàng Gia; Golf Star Golf & Country Club; Golf Sông Bé Gò Resort; Golf Long Thành Golf Resort... và dự kiến đến năm 2025 sẽ có 200 sân golf 18 hố được triển khai⁹. Cho tới nay, việc nhiều sân golf đang hoạt động trở lại, tuy chưa phải mang lại lợi nhuận, thậm chí là không có lợi nhuận trực tiếp, nhưng như ý kiến của ông Mark Siegel, Giám đốc điều hành Công ty tổ chức giải thi đấu golf lớn nhất châu Á - Golfasian thì du lịch kèm chơi golf có thể mang lại cho Việt Nam 200 - 300 triệu USD doanh thu hằng năm. Sự khẳng định danh tiếng và đẳng cấp của một doanh nghiệp sẽ tăng lên đáng kể khi sở hữu một sân golf và việc xây dựng, vận hành sân golf đang thu hút được sự tham gia của nhiều nhà đầu tư thực ra không vì lợi nhuận, mà là những lợi ích sau đó. Và nhìn tổng thể, vai trò thực của các sân golf hiện nay là có thể mang

⁹ Theo Việt Nam có bao nhiêu sân golf? Danh sách sân golf Vinpearl đăng cấp 2023 (<https://vinpearl.com/vi/viet-nam-co-bao-nhieu-san-golf-danh-sach-san-golf-vinpearl-dang-cap-2023>).

lại nhiều thứ hơn trong việc hoàn thiện chuỗi nghỉ dưỡng từ khách sạn, biệt thự đến giải trí và giải trí cao cấp tại Việt Nam nhằm thu hút khách quốc tế theo mục tiêu đến năm 2030, đồng thời mang lại nhiều công việc cho người lao động tại các địa phương. Theo tính toán của các nhà quản lý, những nơi đất khó canh tác, kém phì nhiêu nếu để trồng rừng sản xuất hay cây ăn quả, giá trị kinh tế mang lại không cao. Nếu chuyển đổi làm sân golf (mỗi sân golf khoảng 140 ha) sẽ tạo việc làm cho khoảng 300 - 500 lao động. Bình quân, một sân golf nộp thuế tiêu thụ đặc biệt khoảng 30-50 tỷ đồng/năm và dịch vụ khác sẽ phát triển theo vận chuyển, vận tải, ăn uống, nhà hàng, khách sạn, vui chơi, giải trí cũng như kéo theo sự phát triển về đô thị¹⁰. Một ví dụ là sân golf Tuần Châu, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh từ tháng 10/2022 đến nay, công suất hoạt động luôn đạt 90%, chủ yếu là khách Đài Loan, Hàn Quốc có khả năng chi tiêu cao, lưu trú dài ngày theo phân khúc nghỉ dưỡng cao cấp. Theo đánh giá của các chuyên gia, lượng người chơi golf và lượng khách du lịch golf sẽ tăng lên trong những năm tới bởi Việt Nam đã được Tổ chức Giải thưởng golf thế giới (World Golf Awards) công nhận 6 năm liên tiếp là Điểm đến du lịch golf tốt nhất châu Á (2017-2022)

2. Một số vấn đề đặt ra trong công tác quản lý thiết chế văn hóa, thể thao tư nhân

Cũng như hệ thống các thiết chế văn hóa, thể thao công lập, thiết chế văn hóa, thể thao tư nhân đều phải tuân thủ sự quản lý nhà nước về văn hóa. Mục tiêu của quản lý nhà nước đối với hoạt động của các TCVHTT tư nhân là nhằm làm cho hoạt động của các thiết chế này thiết thực, hiệu quả và diễn ra đúng luật pháp.

Nhà nước quản lý hoạt động của TCVHTT tư nhân bằng sự điều tiết, thông qua các phương pháp quản lý văn hóa, thể thao đặc thù; khuyến khích sự tham gia của các cá nhân, tổ chức có điều kiện đầu tư, xây dựng và tổ chức hoạt động của các thiết chế văn hóa một cách hợp pháp, vì lợi ích chính đáng của doanh nghiệp, cá nhân trên cơ sở lợi ích cộng đồng; nhấn mạnh trách nhiệm quản lý của chủ đầu tư, người đứng đầu các thiết chế văn hóa tư nhân. Sự quản lý của Nhà nước đối với hoạt động của TCVHTT tư nhân mang tính quyền lực Nhà nước, có tính hệ thống, pháp lý theo các quy định chung cho từng loại hình thiết chế; bên cạnh đó cũng có thể có các quy định tạo sự phù hợp với đặc thù doanh nghiệp hoặc chủ đầu tư tư nhân. Có thể thấy một số vấn đề đặt ra trong quản lý TCVHTT tư nhân như sau:

2.1. Đối với Nhà hát, Sân khấu, Rạp chiếu phim tư nhân

Về cơ sở pháp lý, một số văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn có liên quan tới nhà hát, sân khấu và rạp chiếu phim, dịch vụ văn hóa cả công lập và tư nhân Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 06/11/2009 về việc ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa cộng đồng; Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25/5/2006 về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập; Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng bá, Nghị định 144/2020/NĐ-CP về hoạt động nghệ thuật biểu diễn... Theo

¹⁰ Theo Công Doanh, Chuỗi sân golf - hướng đi mới trong phát triển du lịch, (https://svhttdl.bacgiang.gov.vn/chi-tiet-tin-tuc/-/asset_publisher/xqtf4Gedcef5/content/chuoi-san-golf-huong-i-moi-trong-phat-trien-du-lich).

Nghị định 144/2020/NĐ-CP về hoạt động nghệ thuật biểu diễn: tổ chức, cá nhân tổ chức biểu diễn nghệ thuật có quyền tổ chức biểu diễn nghệ thuật; khai thác, sử dụng địa điểm tổ chức biểu diễn; tuân thủ quy định về hoạt động kinh doanh, điều kiện an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng, chống cháy nổ, môi trường và các quy định khác của pháp luật liên quan; thụ hưởng các lợi ích hợp pháp từ việc tổ chức biểu diễn nghệ thuật và được Nhà nước bảo vệ theo quy định của pháp luật; dừng hoặc thay đổi thời gian, quy mô hoạt động biểu diễn nghệ thuật theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; không lợi dụng hoạt động biểu diễn nghệ thuật để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Về quản lý nội dung chương trình biểu diễn nghệ thuật sân khấu, Nhà nước phân cấp, trao quyền chủ động cho các đơn vị nghệ thuật. Các nhà hát được chủ động tìm tòi, lựa chọn nội dung kịch bản văn học hay, phù hợp với thế mạnh của đơn vị mình, tự chủ động dàn dựng. Khi dàn dựng hoàn chỉnh thành tác phẩm, trình Hội đồng nghệ thuật (Cục Nghệ thuật biểu diễn) duyệt về nội dung và cấp phép biểu diễn. Các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có nhiệm vụ kịp thời chấn chỉnh, ngăn chặn, xử lý các vi phạm, tiêu cực, những chương trình biểu diễn nghệ thuật tại các nhà hát, sân khấu kém chất lượng hoặc vi phạm Quy chế tổ chức biểu diễn, không phù hợp với thuần phong mỹ tục, hay những sản phẩm văn hóa phản động từ nước ngoài tràn vào nhằm bôi nhọ, chống phá đường lối lãnh đạo của Đảng và pháp luật của Nhà nước ta.

Luật Điện ảnh 2006¹¹ quy định Nhà nước có chính sách khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng và phát hành tác phẩm điện ảnh theo quy định của pháp luật; bảo đảm để các cơ sở điện ảnh được bình đẳng trong hoạt động, được hưởng các chính sách ưu đãi về tín dụng, thuế và đất đai. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về điện ảnh nói chung trong phạm vi cả nước. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về điện ảnh và rạp chiếu phim. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về điện ảnh và rạp chiếu phim tại địa phương. Về phát hành phim, cho phép trao đổi phim, hợp tác, liên doanh với tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài để phát hành phim. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc doanh nghiệp phát hành phim phải tổ chức thực hiện kinh doanh theo đúng nội dung đã đăng ký; Quản lý tổ chức, nhân sự và cơ sở vật chất, kỹ thuật của doanh nghiệp phát hành phim; Thực hiện quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật. Trong phổ biến phim, thực hiện kinh doanh theo đúng nội dung đã đăng ký; Bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật của rạp chiếu phim theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giám đốc hoặc Tổng giám đốc cơ sở chiếu phim có trách nhiệm: Tổ chức thực hiện kinh doanh theo đúng nội dung đã đăng ký; Quản lý tổ chức, nhân sự và cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở chiếu phim; Tổ chức chiếu phim có giấy phép phổ biến của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về điện ảnh; Bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cho khán giả. Trên cơ sở kế thừa các quy định trên, Luật Điện ảnh bổ sung ban hành năm 2022 có hiệu lực từ 01/01/2023, cũng xác định việc tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh

¹¹ Theo Quốc hội, số 62/2006/QH11 ngày 29/06/2006, Luật Điện ảnh

hướng tới mục tiêu xây dựng ngành công nghiệp điện ảnh gắn với phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Trên cơ sở bảo đảm sự bình đẳng, cạnh tranh công bằng của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động điện ảnh và phát triển công nghiệp điện ảnh, Luật Điện ảnh 2022 quy định việc tổ chức, cá nhân nước ngoài được hợp tác đầu tư với cơ sở điện ảnh Việt Nam để sản xuất, phát hành, phổ biến phim theo quy định của pháp luật về đầu tư và đưa ra điều kiện về mức đóng góp không vượt quá 51 % vốn điều lệ của nhà đầu tư hay các tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài¹².

Việc quản lý đối với các cơ sở biểu diễn nghệ thuật phát hành phim chưa có nhiều nội dung cụ thể giành riêng cho TCVH tư nhân, dù đã có quy định về quyền và trách nhiệm của các cá nhân chủ đầu tư. Có thể nói, từ khi có chính sách xã hội hóa điện ảnh, sự tham gia của các đơn vị doanh nghiệp tư nhân trong công tác phát hành phim đã xóa bỏ thế độc quyền phát hành phim của hai đơn vị Nhà nước là Fafilm Việt Nam và Fafilm Thành phố Hồ Chí Minh. Đến nay, số lượng các nhà phát hành phim là khá nhiều, nhưng những doanh nghiệp hoạt động thật sự hiệu quả trong lĩnh vực này chỉ đếm trên đầu ngón tay; nổi bật nhất vẫn là những cái tên: MegaStar, Galaxy, BHD và mới đây có thêm Lotte Cinema. Đây được ví là bốn doanh nghiệp lớn có hệ thống rạp chiếu phim hiện đại và thường xuyên nhập khẩu những phim nước ngoài nổi tiếng hoặc các phim đang ăn khách do có khả năng tài chính mạnh. Tại các rạp chiếu phim, bên cạnh dịch vụ chính là chiếu phim còn có khá nhiều dịch vụ khác đi kèm như phục vụ ăn uống, trò chơi, bán quà tặng... đáp ứng nhu cầu của khán giả. Có thể nói, dịch vụ điện ảnh tư nhân có bước phát triển mạnh mẽ như hiện nay là do chủ trương xã hội hóa các hoạt động văn hóa và hệ thống hành lang pháp lý về kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng. Hoạt động quản lý, thanh tra hoạt động giải trí công cộng diễn ra thường xuyên, liên tục theo quy định của pháp luật đã khiến các dịch vụ giải trí công cộng tại các rạp chiếu phim tư nhân hoạt động có chất lượng và hiệu quả hơn.

Tuy nhiên, từ thực tiễn cũng đã nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp như sự thiếu kiểm soát một cách hiệu quả trong khâu giá vé bán dẫn đến tình trạng có những thời điểm giá tăng vọt đột biến và biến động thường xuyên trên thị trường. Một số cụm rạp chiếu phim có những dịch vụ kinh doanh ngoài hạng mục đăng ký và không đúng với chức năng chính của rạp chiếu phim có nhiều xu hướng nở rộ. Hoạt động kiểm tra, giám sát còn chưa triệt để trong xử lý các vi phạm tiêu cực xã hội tại các mô hình rạp chiếu phim giường nằm, hay phòng chiếu nhỏ dành cho ít người.

Vấn đề đặt ra trong quản lý các thiết chế văn hóa tư nhân như sân khấu, nhà hát, rạp chiếu phim là Nhà nước cần tạo thêm những cơ chế, chính sách quy định cụ thể hơn về hỗ trợ, tạo điều kiện về miễn giảm thuế, phí hoạt động, chính sách số hóa, cho phép hoạt động về đêm sau 0 giờ..., từ đó mang tới những lợi ích kinh doanh, sự thụ hưởng dịch vụ hợp lý nhất cho cả người sản xuất, người kinh doanh và người tiêu dùng. Đồng thời có chế tài kiểm soát nội dung phim, tổ chức rạp chiếu để đảm bảo sự lành mạnh xã hội trong thụ hưởng giá trị văn hóa.

¹² Theo Quốc hội, số 05/2022/QH15, ngày 15/06/2022, Luật Điện ảnh.

2.2. Đối với Bảo tàng tư nhân

Bảo tàng là lĩnh vực có riêng quy định pháp lý đối với bảo tàng tư nhân. “Quy chế tổ chức và hoạt động của bảo tàng tư nhân”¹³ quy định về việc các bảo tàng tư nhân phải tuân thủ đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và phải phù hợp với truyền thống văn hóa, thuần phong mỹ tục của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu sưu tập hiện vật thành lập bảo tàng tư nhân để giới thiệu rộng rãi với công chúng đồng thời nghiêm cấm bảo tàng tư nhân mua, bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có nguồn gốc bất hợp pháp hay đưa trái phép di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ra nước ngoài.

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện quản lý nhà nước và chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động nghiệp vụ của bảo tàng tư nhân trong phạm vi địa phương. Việc cấp phép hoạt động, tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập bảo tàng tư nhân gửi hồ sơ xin phép thành lập bảo tàng tư nhân do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận điều kiện và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thành lập. Chủ sở hữu bảo tàng tư nhân chịu sự quản lý và thực hiện yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và chấp hành các quyết định kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật. Trên thực tế, các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch luôn tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thành lập và mở rộng hoạt động của bảo tàng và sưu tập tư nhân; chỉ đạo các doanh nghiệp du lịch thuộc tỉnh, thành phố và tạo điều kiện để đưa các bảo tàng và sưu tập tư nhân trở thành những điểm đến thuộc các tua, tuyến du lịch của địa phương. Nhờ các chính sách khuyến khích trong công tác quản lý đối với bảo tàng ngoài công lập, hoạt động bảo tàng tư nhân đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể. Dù vậy, công tác quản lý nhà nước đối với bảo tàng ngoài công lập vẫn còn có những tồn tại nhất định. Để tạo điều kiện cho hoạt động của bảo tàng tư nhân, Đảng, Nhà nước cần quan tâm nâng cao nhận thức và trách nhiệm quản lý và sự đồng hành của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các cơ quan chuyên môn, các cơ quan liên quan đối với bảo tàng tư nhân; có cơ chế để các bảo tàng tư nhân có thể phối hợp hoặc thực hiện độc lập các dự án, chương trình về bảo tàng của Nhà nước nhằm tạo tính cạnh tranh, thúc đẩy hiệu quả hoạt động bảo tàng nói chung nhằm mang lại lợi ích lớn nhất cho cộng đồng; có chính sách hỗ trợ công tác bảo tồn; bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn đối với các nhà sưu tập cá nhân, đội ngũ tại các bảo tàng cá nhân; có những chế tài cho thị trường mua bán, trao đổi cổ vật; có chính sách kiểm soát thị trường văn hóa nhằm làm cho thị trường cổ vật phát triển theo hướng lành mạnh, hạn chế đến mức thấp nhất những biểu hiện tiêu cực, ảnh hưởng xấu đến môi trường văn hóa - chính trị, xã hội.

2.3. Đối với Thư viện tư nhân

Quy định pháp lý cho thư viện tư nhân được xác định trong Luật Thư viện¹⁴. Trong đó, Thư viện ngoài công lập (tức tư nhân) do tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc tổ chức, cá nhân nước ngoài, cộng đồng dân cư đầu tư, bảo đảm điều kiện hoạt động được tổ chức theo mô hình doanh nghiệp, tổ chức sự nghiệp ngoài công lập hoặc

¹³ Theo Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin, Quyết định số 09/2004/QĐ-BVHTT ngày 24 tháng 02 năm 2004 về phê duyệt “Quy chế tổ chức và hoạt động của bảo tàng tư nhân”.

¹⁴ Theo Quốc hội, số 46/2019/QH19, ngày 21/11/2019, Luật Thư viện.

mô hình khác. Thư viện của tổ chức, cá nhân nước ngoài có phục vụ người Việt Nam thực hiện chức năng nhiệm vụ viện theo nội dung đã thông báo cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; Tham gia phát triển văn hóa đọc và có nghĩa vụ chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực thư viện; Thực hiện các yêu cầu về chuyên môn theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Người đứng tên thành lập thư viện có quyền chia tách, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể thư viện hoặc thay đổi nội dung hoạt động đã đăng ký.

Nhà nước hằng năm tiến hành quản lý đối với thư viện tư nhân về chuyên môn, thông qua các chính sách, chế độ khuyến khích xã hội hóa phù hợp với hình thức hoạt động và khả năng phát triển của thư viện tư nhân, quản lý về chất lượng hoạt động cấp và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định. Về cơ bản, kinh phí tự chi của các thư viện tư nhân ở nhiều mức độ, có nguồn từ các cá nhân, doanh nghiệp tư nhân hoặc sự đóng góp, tài trợ của cộng đồng xã hội; việc duy trì hoạt động chủ yếu dựa trên cơ sở tự nguyện, công hiến của các cá nhân đầu tư và cộng sự.

Để mô hình tư nhân phát huy hiệu quả, Nhà nước cần có cơ chế, chính sách hỗ trợ cho thư viện tư nhân như bổ sung tài liệu, bồi dưỡng miễn phí kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ thư viện cho những người tham gia hoạt động thư viện tư nhân; cử cán bộ thư viện có chuyên môn chia sẻ, giúp đỡ nghiệp vụ cho người phụ trách thư viện tư nhân; có chính sách và cơ chế phù hợp để phát huy những ưu thế của thư viện tư nhân, kịp thời ghi nhận, khen thưởng, biểu dương những thư viện tư nhân hoạt động hiệu quả với vai trò trung tâm sinh hoạt văn hóa, học tập cộng đồng.

2.4. Đối với thiết chế thể thao tư nhân

Luật Thể dục, thể thao 2018 “khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao, thành lập cơ sở dịch vụ hoạt động thể thao đáp ứng nhu cầu tập luyện, vui chơi, giải trí của Nhân dân, bảo đảm để các cơ sở thể thao công lập và tư nhân được bình đẳng trong việc hưởng ưu đãi về thuế, tín dụng, đất đai theo quy định của pháp luật”. Luật cũng đã có các quy định về Cơ sở dịch vụ hoạt động thể thao; doanh nghiệp, hộ kinh doanh và các tổ chức khác kinh doanh hoạt động thể thao, trong đó yêu cầu hộ kinh doanh và các tổ chức khác muốn kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm và hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện phải đăng ký thành lập doanh nghiệp và đáp ứng đủ các điều kiện về kinh doanh hoạt động thể thao mạo hiểm và hoạt động thể thao bắt buộc có người hướng dẫn tập luyện theo quy định của Chính phủ.

Với đặc điểm là kinh doanh dịch vụ, đa phần chỉ tập trung ở địa bàn thị trấn, đô thị ở một số tỉnh, thành, các cơ sở thể dục, thể thao được kiểm tra, thẩm định, quản lý về cơ sở vật chất, máy móc trang thiết bị, các yêu cầu về độ an toàn cho người đến tập luyện, các điều kiện về y tế, an ninh trật tự thường xuyên, chặt chẽ. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cũng đã ban hành Quyết định số 3843/QĐ-BVHTTDL ngày 22/10/2018 về ban hành chương trình tập huấn chuyên môn cho người hướng dẫn luyện tập môn thể dục thể hình, trong đó chú trọng trang bị các nội dung về luật, kỹ thuật, thực hành và các điều kiện an toàn, vệ sinh... Có thể nói, việc ra đời của các thiết chế thể thao tư nhân là kết quả của quá trình đẩy mạnh xã hội hoá thể dục,

thể thao tạo điều kiện để toàn xã hội tham gia hoạt động và phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao; chuyển giao hoạt động tác nghiệp về thể dục, thể thao cho các tổ chức xã hội nghề nghiệp và các cơ sở ngoài công lập thực hiện. Bởi vậy cần có cần tạo ra sự hấp dẫn trong đầu tư bằng sự ổn định, phát triển bền vững, pháp lý an toàn, các thủ tục hành chính đơn giản. Bên cạnh việc tăng cường kiểm soát quản lý nhà nước cần quan tâm xây dựng mô hình quản trị phù hợp trong thể thao tư nhân, áp dụng phương thức đối tác công – tư (PPP) vào lĩnh vực này và giao quyền quản lý khai thác nhiều hơn cho doanh nghiệp hoặc chủ đầu tư tư nhân trong sự quản lý, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước để có thể tăng loại dịch vụ, tăng nguồn thu do khai thác hết công năng để có thể tái đầu tư và tăng được mức đóng thuê cho Nhà nước. Cần xác định, trong sự phát triển hiện nay, thể thao cũng là một ngành kinh tế, các dịch vụ hàng hóa, dịch vụ du lịch liên quan đến thể thao đang mang lại giá trị kinh tế cho nhiều quốc gia, đáng cai các giải thi đấu thể thao cũng là một cơ hội để quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam. Phát triển kinh tế thể thao cũng thúc đẩy phát triển các ngành khác như du lịch, công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, thúc đẩy thu hút đầu tư cho địa phương. Nhận thức mới về vai trò của thể thao, trong đó có thể thao tư nhân đã có nhiều đổi mới, song cần có những thay đổi về chính sách, nhất là chính sách liên quan đến cơ sở vật chất để tạo điều kiện cho phép các chủ đầu tư tư nhân có thể khai thác theo nhiều cách nhằm mang lại nguồn thu phong phú, kể cả từ kinh doanh quảng cáo hay khai thác thương mại.

Tóm lại, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao tư nhân ở nước ta là khá phong phú và hoạt động có hiệu quả rõ rệt. Các thiết chế văn hóa tư nhân có kinh doanh (sân khấu, nhà hát, rạp chiếu phim, phòng tập thể dục thể hình, sân golf) hay các thiết chế chủ yếu phục vụ như bảo tàng, thư viện bảo tàng đều ít nhiều khẳng định được vai trò quan trọng đối với đời sống cộng đồng. Việc quản lý hoạt động của các thiết chế văn hóa tư nhân bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn nhiều vấn đề cần được bổ sung, từ thể chế cho đến việc giám sát về tính tự quản, tự chịu trách nhiệm. Với tinh thần huy động mọi nguồn lực xã hội cho phát triển văn hóa, Nhà nước, chính quyền các cấp cần quan tâm ban hành bổ sung các nội dung quản lý đối với thiết chế văn hóa tư nhân trên cơ sở động viên tinh thần, tâm huyết của chủ đầu tư tư nhân, tạo điều kiện về các cơ chế chính sách kinh tế trong hoạt động văn hóa, điều kiện phối kết hợp tốt với các cơ quan chính quyền, cơ quan quản lý chuyên môn để hoạt động tại các thiết chế tư nhân diễn ra hợp pháp, mang lại thu nhập chính đáng cho người đầu tư cũng như có thể phục vụ, cống hiến cho cộng đồng ở mức tốt nhất. Đặc biệt là cơ chế ghi nhận, tôn vinh, hỗ trợ các thiết chế tư nhân, trong đó có sự hỗ trợ kinh phí, nguồn tư liệu đối với các thiết chế thực hiện phục vụ thuần túy như thư viện với mức đầu tư nhỏ./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thư viện tư nhân góp phần phát triển văn hóa đọc, xây dựng xã hội học tập ở Việt Nam <https://cand.com.vn/Tieu-diem-van-hoa/Thu-vien-tu-nhan-gop-phan-phat-trien-van-hoa-doc-xay-dung-xa-hoi-hoc-tap-o-Viet-Nam-i523203/>.
2. Có một thư viện tư nhân như thế ở Việt Nam (http://www.vla.org.vn/index.php?option=com_content&view=article&id=303:2020-09-12-01-54-40&catid=51:tin-tc&Itemid=54).

3. Bảo tàng tư nhân mang tên Phan Thị Ngọc Mỹ lớn nhất nước (<https://newvisionlaw.com.vn/bao-tang-tu-nhan-mang-ten-phan-thi-ngoc-my-lon-nhat-nuoc.html>).
4. Khai trương bảo tàng tư nhân đầu tiên ở Đà Nẵng (<https://thanhnien.vn/khai-truong-bao-tang-tu-nhan-dau-tien-o-da-nang-post298967.html>).
5. Nhà vườn Bến Xuân (<https://thuathienhue.gov.vn/vi-vn/Thong-tin-du-dia-chi/tid/Nha-vuon-Ben-Xuan/newsid/90C883F7-DCDA-4B19-8C6B-A9CE010A3845/cid/501A14EB-AE06-4223-8EF0-4D09971F7D64>).
6. Yên Nga, Hệ thống rạp chiếu phim: Không "lột xác", khó tồn tại (bài 1) (<https://hanoimoi.com.vn/tin-tuc/Phong-su-Ky-su/851424/he-thong-rap-chieu-phim-khong-lot-xac-kho-ton-tai-bai-1>).
7. Hoàng Yến, Vai trò đầu tàu của hệ thống rạp chiếu phim Thành phố Hồ Chí Minh (<https://zingnews.vn/vai-tro-dau-tau-cua-he-thong-rap-chieu-phim-tphcm-post1276449.html>).
8. Tri Túc, CEO chuỗi California Fitness & Yoga: Đối thủ nếu có bắt chước thì cũng chỉ là cái đã cũ, tự tin dẫn dắt cuộc chơi fitness với thị phần 73% (<https://cafef.vn/ceo-chuoi-california-fitness-yoga-doi-thu-neu-co-bat-chuoc-thi-cung-chi-la-cai-da-cu-tu-tin-dan-dat-cuoc-choi-fitness-voi-thi-phan-73-20221023110103836.chn>).
9. Theo Việt Nam có bao nhiêu sân golf? Danh sách sân golf Vinpearl đăng cấp 2023 (<https://vinpearl.com/vi/viet-nam-co-bao-nhieu-san-golf-danh-sach-san-golf-vinpearl-dang-cap-2023>).
10. Công Doanh, Chuỗi sân golf - hướng đi mới trong phát triển du lịch (https://svhttdl.bacgiang.gov.vn/chi-tiet-tin-tuc/asset_publisher/xqtf4Gcdcef5/content/chuoi-san-golf-huong-i-moi-trong-phat-trien-du-lich).
11. Hoàng Quỳnh, Khai thác hiệu quả thị trường du lịch golf (<https://www.quangninh.gov.vn/Trang/ChiTietTinTuc.aspx?nid=120693>).
12. Quốc hội, Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29/06/2006.
13. Quốc hội Luật Điện ảnh số 05/2022/QH15, ngày 15/06/2022.
14. Theo Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin, Quyết định số 09/2004/ QĐ-BVHTT ngày 24 tháng 02 năm 2004 về phê duyệt “Quy chế tổ chức và hoạt động của bảo tàng tư nhân”.
15. Quốc hội, Luật Thư viện số 46/2019/QH19, ngày 21/11/2019.

PHÁT TRIỂN THIẾT CHẾ VĂN HÓA TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM HIỆN NAY

PGS.TS. Lê Trọng Tuyên*
TS. Hoàng Ngọc Sơn**

Hệ thống thiết chế văn hóa trong Quân đội có vai trò quan trọng trong công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; bảo đảm cho các hoạt động văn hóa được diễn ra để chuyển tải các giá trị văn hóa đến mọi cán bộ, chiến sĩ; đồng thời góp phần ngăn chặn sự xâm nhập của các yếu tố “phản văn hóa” vào đơn vị, qua đó đấu tranh có hiệu quả với các âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa. Để phát huy hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa trong Quân đội, cần tiếp tục phát triển, hoàn thiện và nâng cao chất lượng hoạt động hệ thống thiết chế văn hóa ở các đơn vị cơ sở.

Theo *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, “Thiết chế văn hóa là chỉnh thể văn hóa hội tụ đầy đủ các yếu tố: cơ sở vật chất, bộ máy tổ chức, nhân sự, quy chế hoạt động, nguồn kinh phí”¹. Thiết chế văn hóa có vai trò đặc biệt với tính cách là “trung khu thần kinh” của hoạt động văn hóa, bảo đảm các điều kiện cần thiết để mọi cán bộ, chiến sĩ trực tiếp tham gia các hoạt động hưởng thụ, sáng tạo các giá trị văn hóa một cách hiệu quả. Trong Quân đội nhân dân (QĐND) Việt Nam, hệ thống thiết chế văn hóa bao gồm tổng hợp các nhân tố văn hóa bảo đảm cho hoạt động lãnh đạo, điều hành các hoạt động văn hóa của cấp ủy, người chỉ huy các cấp, nhằm đáp ứng nhu cầu sáng tạo, giao lưu và hưởng thụ các sản phẩm văn hóa của cán bộ, chiến sĩ. Theo Thông tư số 138/2020/TT-BQP ngày 10/11/2020 của Bộ Quốc phòng quy định chế độ, định mức, tiêu chuẩn trang bị, vật tư, sách, báo, tạp chí, hoạt động của các thiết chế văn hóa phục vụ công tác đảng, công tác chính trị trong QĐND Việt Nam; Quyết định số 3672-QĐ/BQP ngày 24/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về Quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa trong Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và Hướng dẫn số 285-HD/CT ngày 15/01/2021 của Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam về việc triển khai thực hiện hệ thống thiết chế văn hóa trong Quân đội, thì hệ thống thiết chế văn hóa trong Quân đội gồm: Các bảo tàng; Điện ảnh Quân đội, Điện ảnh Biên phòng, Truyền hình Quân đội nhân dân; các đoàn nghệ thuật của Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần, các quân khu, quân chủng và Bộ đội Biên phòng (13 đoàn nghệ thuật); các đơn vị nghệ thuật cấp Bộ Quốc phòng (Nhà hát Chèo Quân đội, Nhà hát Kịch nói Quân đội, Nhà hát Ca múa nhạc Quân đội); các Đoàn Văn công của các quân khu, quân chủng, Bộ đội Biên phòng. Ở cấp cơ sở, hệ thống thiết chế văn hóa gồm 3 cấp (Nhà văn hóa, Câu lạc bộ, Phòng Hồ Chí Minh).

* Trưởng phòng Sau đại học, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

** Chủ nhiệm bộ môn, Khoa Mác – Lênin, Học viện Lục quân

¹ Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa: *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, t.4, Hà Nội, 2005, tr.358.

Với tư cách là một bộ phận hợp thành hệ thống thiết chế xã hội trong Quân đội, thiết chế văn hóa luôn có sự vận động, phát triển và được đầu tư xây dựng gắn với mỗi bước hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy quản lý trong từng giai đoạn lịch sử. Hiện nay, quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng và hướng dẫn của Tổng cục Chính trị, thiết chế văn hóa ở các cơ quan, đơn vị trong toàn quân đã được xây dựng khá đồng bộ về cơ sở vật chất, bộ máy tổ chức, nhân sự, quy chế hoạt động và nguồn kinh phí bảo đảm. 100% các đơn vị cấp sư đoàn và tương đương có tổ chức nhà văn hóa, cấp trung đoàn và tương đương có câu lạc bộ, cấp tiểu đoàn và tương đương có phòng Hồ Chí Minh. Thiết chế văn hóa được đầu tư xây dựng chính quy, phù hợp với hoạt động sinh hoạt tập thể; đồng thời, có sự đảm bảo thống nhất về trang bị vật tư, thiết bị kỹ thuật phục vụ cho các hoạt động sinh hoạt văn hóa, giải trí của bộ đội. Đặc biệt, các đơn vị đã có sự quan tâm đúng mức đến xây dựng quy chế hoạt động của thiết chế văn hóa chặt chẽ, cụ thể. Qua đó, làm cho thiết chế văn hóa ngày càng phát huy tốt vai trò, chức năng trong tổ chức, xây dựng, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa - tinh thần cán bộ, chiến sĩ; thiết thực góp phần xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam vững mạnh toàn diện, lấy vững mạnh về chính trị làm trung tâm, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Tuy nhiên, xét trên bình diện tổng thể và theo lôgic tất yếu về mối quan hệ giữa nhu cầu hoạt động sáng tạo, hưởng thụ các giá trị văn hóa của cán bộ, chiến sĩ với sự phát triển của thiết chế văn hóa cho thấy giữa chúng vẫn luôn tồn tại những khoảng cách nhất định, được biểu hiện ra ở những hạn chế, bất cập trong tổ chức hoạt động thực tiễn, nhất là về cơ chế vận hành, cũng như nội dung, phương thức hoạt động của thiết chế văn hóa. Bên cạnh đó, trang thiết bị của thiết chế văn hóa ở một số cơ quan, đơn vị còn thiếu so với yêu cầu hoạt động công tác đảng, công tác chính trị; một số vật tư, trang thiết bị hư hỏng hoặc xuống cấp nhưng chậm được thay thế, bổ sung, sửa chữa; công tác tổ chức, biên chế nhân lực và bồi dưỡng phương pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ cho lực lượng nòng cốt của các thiết chế văn hóa ở đơn vị cơ sở chưa liên tục và chưa vững chắc.

Trong tình hình mới của sự nghiệp cách mạng đất nước, nhằm góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, tiến lên hiện đại, đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp và biện pháp cụ thể. Trong đó cần đặc biệt quan tâm phát triển thiết chế văn hóa nhằm không chỉ tạo ra môi trường và điều kiện cần thiết cho hoạt động công tác đảng, công tác chính trị phát huy hiệu quả tuyên truyền, cổ động, giáo dục khơi dậy khát vọng cống hiến của cán bộ, chiến sĩ, mà còn thiết lập địa bàn, mặt trận đấu tranh với cái xấu, cái sai, hành vi lệch chuẩn, ngăn chặn các sản phẩm “phản văn hóa”, góp phần xây dựng, hoàn thiện nhân cách, đạo đức, lối sống xã hội chủ nghĩa cho cán bộ, chiến sĩ.

Để tiếp tục phát triển đồng bộ thiết chế văn hóa trong Quân đội, cần thực hiện tốt một số giải pháp:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên và cơ quan chính trị các cấp đối với xây dựng, hoàn thiện và tổ chức hoạt động của các thiết chế văn hóa.

Việc vận hành và tổ chức hoạt động của thiết chế văn hóa trong Quân đội nhân dân Việt Nam liên quan trực tiếp đến bộ máy lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn, điều hành theo phân cấp. Do đó, vấn đề tiên quyết để thiết chế văn hóa đáp ứng cao nhất nhu cầu sáng tạo và đời sống chính trị - tinh thần của bộ đội là phải không ngừng tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên và cơ quan chính trị các cấp trong việc xác định phương hướng, mục tiêu, xây dựng chương trình, kế hoạch, cũng như quyết định lựa chọn hình thức, phương pháp hoạt động.

Quá trình thực thi chức trách, nhiệm vụ, cấp ủy, người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên và cơ quan chính trị các cấp cần phát huy vai trò, trách nhiệm trong xây dựng chủ trương và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức hoạt động của thiết chế văn hóa; lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn bộ máy nhân sự điều hành hoạt động của thiết chế văn hóa bảo đảm đủ về số lượng và có trình độ chuyên môn cao. Trong điều kiện mới về sắp xếp tổ chức biên chế của Quân đội, cần quan tâm bố trí cán bộ được đào tạo hoặc đã được bồi dưỡng chuyên ngành văn hóa đảm nhiệm chức trách vận hành thiết chế văn hóa. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch bồi dưỡng các hạt nhân nòng cốt hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao bảo đảm phù hợp với thực tiễn nhiệm vụ chính trị trung tâm của từng cơ quan, đơn vị. Tránh tình trạng áp dụng một cách dập khuôn, máy móc mô hình và cách làm của các cơ quan, đơn vị khác. Ở những điều kiện cho phép, có thể nghiên cứu giải quyết nguồn nhân lực tổ chức, vận hành thiết chế văn hóa thông qua tuyển chọn từ những cá nhân đã được đào tạo cơ bản vào Quân đội; hoặc cử số cán bộ, nhân viên trong cơ quan, đơn vị có năng lực công tác văn hóa tốt đi đào tạo nhằm bảo đảm tính cân đối, hài hòa nguồn lực con người, cả nguồn kế cận và kế tiếp đội ngũ cán bộ vận hành thiết chế văn hóa.

Hai là, hoàn thiện quy chế vận hành và quan tâm bảo đảm trang bị thống nhất, thiết thực, hiệu quả hạ tầng cơ sở và vật tư của thiết chế văn hóa

Quy chế vận hành của thiết chế văn hóa là những quy định về nguyên tắc, nền nếp, chế độ, nội dung hoạt động của thiết chế văn hóa. Quy chế này nếu thường xuyên được xây dựng, củng cố, hoàn thiện sẽ bảo đảm cho hoạt động của thiết chế văn hóa theo đúng định hướng chính trị, thiết thực và hiệu quả. Do vậy, cơ quan, đơn vị trong toàn quân cần bám sát các thông tư, quyết định của Bộ Quốc phòng về tiêu chuẩn, định mức đời sống văn hóa, tinh thần trong Quân đội nhân dân Việt Nam, nhất là Thông tư số 138/2020/TT-BQP và Quyết định số 3672-QĐ/BQP, cũng như hướng dẫn số 285-HD/CT của Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam về việc triển khai thực hiện hệ thống thiết chế văn hóa trong Quân đội để chỉ đạo và tổ chức thực hiện chặt chẽ việc xây dựng quy chế hoạt động của từng loại hình thiết chế văn hóa cả về chức năng, nhiệm vụ, nội quy và chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, nhân viên, các tổ công tác hoạt động. Hằng năm, cần duy trì nền nếp hội nghị sơ, tổng kết rút kinh nghiệm nghiêm túc, có chất lượng để đề xuất giải pháp hoàn thiện quy chế hoạt động của thiết chế văn hóa; khắc phục những hạn chế, bất cập tồn tại, nhất là về cơ quan quản lý, vận hành.

Kịp thời ban hành các hướng dẫn thống nhất trong toàn quân về cơ chế trang bị cơ sở vật chất (Phòng Hồ Chí Minh, bảo tàng, nhà truyền thống, nhà văn hóa, thư viện, sân vận động, khu thể thao, sàn diễn văn nghệ,...) và danh mục vật tư cho hoạt động của thiết chế văn hóa đảm bảo đầy đủ, trang trọng, nhưng tiết kiệm. Đồng thời, thiết kế lại thiết chế văn hóa phù hợp với đặc điểm, tính chất hoạt động văn hóa đặc thù của các cơ quan, đơn vị. Cấp ủy, người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên và cơ quan chính trị các cấp cần thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng, hoàn thiện quy hoạch tổng thể về hệ thống hạ tầng cơ sở, vật tư, trang thiết bị của các thiết chế văn hóa theo đúng chủ trương của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng và phù hợp với đặc điểm, tính chất nhiệm vụ của từng đơn vị. Việc xây dựng hạ tầng cơ sở và đảm bảo trang, thiết bị, phương tiện, ấn phẩm văn hóa, sách báo,... cho thiết chế văn hóa phải được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư 138-TT/BQP, ngày 10/11/2020 Quy định chế độ, định mức, tiêu chuẩn đời sống văn hóa tinh thần trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Bên cạnh đó, phát huy sáng tạo trong nghiên cứu, bố trí hệ thống cơ sở vật chất của hệ thống các thiết chế văn hóa theo hướng liên hoàn, đảm bảo khả năng hỗ trợ nhau phát huy tác dụng. Định kỳ và hằng năm cần tiến hành thống kê, kiểm kê, rà soát số lượng, chất lượng cơ sở vật chất, vật tư để kịp thời có kế hoạch bổ sung, sửa chữa, bảo dưỡng; nêu cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ trong giữ gìn tốt, dùng bền, phát huy tối đa tác dụng của cơ sở vật chất, vật tư, trang thiết bị hiện có nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của thiết chế văn hóa.

Ba là, thường xuyên quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nhân viên, lực lượng nòng cốt bảo đảm cho các thiết chế văn hóa hoạt động đạt hiệu quả.

Các thiết chế văn hóa ở các đơn vị cơ sở trong Quân đội chỉ có thể phát huy được công năng và đạt được hiệu quả thiết thực khi đội ngũ cán bộ, nhân viên, lực lượng nòng cốt được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ và có sự hoạt động tích cực, nhiệt tình, giàu sức sáng tạo của họ. Vì vậy, cấp ủy, người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên các cấp cần thường xuyên làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ này cả về phẩm chất và năng lực chuyên môn nghiệp vụ. Theo đó, cán bộ, nhân viên chuyên trách phụ trách và vận hành các thiết chế văn hóa phải được đào tạo cơ bản. Các đơn vị cần có kế hoạch lựa chọn những cán bộ, chiến sĩ có năng khiếu về công tác văn hóa quần chúng để cử đi đào tạo chuyên sâu để làm lực lượng nòng cốt. Đồng thời, cần tuyển dụng những thanh niên được đào tạo cơ bản ở các trường văn hóa, nghệ thuật có chuyên ngành phù hợp để làm cán bộ, nhân viên phụ trách và vận hành các thiết chế văn hóa. Thường xuyên quan tâm bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất, năng lực của cán bộ, nhân viên nhà văn hóa, câu lạc bộ và lực lượng nòng cốt tham gia các tổ công tác chuyên trách của nhà văn hóa, câu lạc bộ, phòng Hồ Chí Minh. Hằng năm, cần tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ cho lực lượng nòng cốt phụ trách và vận hành các thiết chế văn hóa theo hướng đổi mới, tiếp cận các công nghệ hiện đại trên lĩnh vực văn hóa, với những nội dung thiết thực, sát với điều kiện thực tiễn của đơn vị.

Bốn là, thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp hoạt động của thiết chế văn hóa.

Trước sự vận động, phát triển từ thực tiễn tình hình nhiệm vụ quân sự nói chung và nhu cầu đời sống chính trị - tinh thần của cán bộ, chiến sĩ nói riêng, đòi hỏi thiết chế văn hóa phải không ngừng phát triển, hoàn thiện; trở thành trung tâm môi trường văn hóa quân sự tại mỗi cơ quan, đơn vị. Để thực hiện tốt yêu cầu này, từng thiết chế văn hóa trong Quân đội phải thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp hoạt động cho phù hợp với sự phát triển mới của tình hình thực tiễn, nhất là nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ các giá trị văn hóa và đời sống chính trị - tinh thần của bộ đội trong bối cảnh sự phát triển như vũ bão của khoa học kỹ thuật hiện đại và công nghiệp văn hóa.

Việc đổi mới nội dung hoạt động của thiết chế văn hóa hướng vào tuyên truyền, làm cho cán bộ, chiến sĩ trong toàn quân nhận thức sâu sắc những biến đổi của đời sống chính trị - xã hội trong nước, khu vực và quốc tế; phát huy tính tích cực, tự giác của cán bộ, chiến sĩ trong thực hiện nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu được giao. Quá trình xây dựng chương trình hành động của thiết chế văn hóa đòi hỏi cấp ủy, người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên và cơ quan chính trị các cấp cần chú trọng sắp xếp lại mạng lưới hoạt động; nâng cấp xây dựng phát triển thiết chế văn hóa phù hợp định mức về chế độ, tiêu chuẩn đời sống văn hóa, tinh thần của từng cơ quan, đơn vị bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Chú trọng công tác quản lý, khai thác thông tin trên mạng internet, các trang mạng xã hội để định hướng tư tưởng và thẩm mỹ cho quân nhân trong cơ quan, đơn vị; coi trọng gắn kết chặt chẽ giữa nhiệm vụ phát triển thiết chế văn hóa với đẩy mạnh thực hiện hiệu quả, thực chất Cuộc vận động Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Qua đó, tạo ra môi trường văn hóa quân sự trong sạch, lành mạnh trong toàn quân để thúc đẩy mỗi quân nhân hoàn thiện bản thân theo chuẩn mực của con người Việt Nam mới, xây dựng và phát huy phẩm chất cao đẹp “Bộ đội Cụ Hồ” thời kỳ mới.

Việc đổi mới hình thức hoạt động của thiết chế văn hóa cần bảo đảm tính ứng dụng những thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để đẩy nhanh việc số hóa, chuyển đổi số, công nghệ số vào nâng cao chất lượng các sản phẩm văn hóa phục vụ nhu cầu đời sống chính trị - tinh thần của bộ đội. Các cơ quan, đơn vị cần thường xuyên tổ chức giao lưu, học hỏi và nhân rộng các mô hình, kinh nghiệm, cách làm hay để không ngừng sáng tạo ra những hoạt động mới, sản phẩm văn hóa mới có sức hấp dẫn, lôi cuốn đông đảo cán bộ, chiến sĩ nhiệt tình tham gia. Từ đó, tạo nên đời sống văn hóa tinh thần phong phú, sinh động và thấm đượm giá trị nhân văn, nhân đạo trong toàn quân.

Năm là, phát huy vai trò của cán bộ, chiến sĩ trong phát triển hệ thống các thiết chế văn hóa

Cán bộ, chiến sĩ trong Quân đội nhân dân Việt Nam vừa là chủ thể tiến hành, vừa là người trực tiếp thụ hưởng các giá trị văn hóa từ thiết chế văn hóa. Do vậy, để phát triển thiết chế văn hóa trong Quân đội, đặt ra yêu cầu tất yếu phải phát huy được sức mạnh tổng hợp từ năng lực sáng tạo và ý thức trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ. Muốn vậy, cấp ủy, người chỉ huy, chính ủy, chính trị viên và cơ quan chính trị các cấp cần làm tốt công tác phổ biến, quán triệt cho cán bộ, chiến sĩ thuộc quyền nắm rõ chế độ, định mức, tiêu chuẩn đời sống văn hóa, tinh thần theo thông tư, quyết

định của Bộ Quốc phòng; quan tâm đầu tư, nghiên cứu phát triển hệ thống các thiết chế văn hóa thực sự là trung tâm văn hóa, là sân chơi bổ ích, một cơ hội, điều kiện thuận lợi để mỗi cán bộ, chiến sĩ thỏa mãn sở thích và phát huy năng khiếu, tư duy sáng tạo của bản thân. Trên cơ sở đó, hình thành nhu cầu nội sinh, sức cuốn hút mạnh mẽ mọi quân nhân trong đơn vị tham gia đóng góp, phát triển nội dung, hình thức hoạt động của thiết chế văn hóa.

Trong mọi điều kiện, mọi hoàn cảnh, cần kết hợp hài hòa giữa tính kế hoạch, tính tổ chức và tinh thần tự nguyện, say mê, hứng thú của cán bộ, chiến sĩ, nhất là bộ phận cán bộ, nhân viên chuyên trách với tư cách là lực lượng nòng cốt trong tham gia phát triển thiết chế văn hóa; phải tạo ra được sự bình đẳng, tính hòa hợp giữa các bộ phận trong mỗi cơ quan, đơn vị để vừa đáp ứng yêu cầu chung, vừa thỏa mãn nhu cầu, sở thích riêng của từng cá nhân. Bên cạnh đó, cần triệt để khắc phục hiện tượng hành chính hóa, mệnh lệnh hay bệnh hình thức trong hoạt động của thiết chế văn hóa.

Có thể thấy rằng, phát triển thiết chế văn hóa trong Quân đội nhân dân Việt Nam có tính khách quan, là đòi hỏi cấp thiết từ tình hình thực tiễn xây dựng sức mạnh chiến đấu của Quân đội một cách toàn diện, lấy vững mạnh về chính trị làm nền tảng. Quá trình tổ chức thực hiện, các chủ thể lãnh đạo, quản lý và bản thân mỗi cán bộ, chiến sĩ trong Quân đội cần tiến hành tổng thể các biện pháp tác động hợp quy luật nhằm làm gia tăng tính vững chắc và hiệu quả các nhân tố cấu thành. Qua đó, thiết thực góp phần giáo dục truyền thống, giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục pháp luật và thẩm mỹ, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của cán bộ, chiến sĩ; tạo ra môi trường văn hóa lành mạnh để xây dựng, hoàn thiện nhân cách người quân nhân cách mạng; tạo động lực nội sinh thôi thúc họ vươn lên sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Quốc phòng (2020), *Thông tư số 138/2020/TT-BQP ngày 10/11/2020 về Quy định chi tiết định mức, tiêu chuẩn đời sống văn hóa, tinh thần trong Quân đội nhân dân Việt Nam*, Hà Nội.
2. Bộ Quốc phòng (2020), *Quyết định số 3672-QĐ/BQP ngày 24/11/2020 về Quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa trong Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030*, Hà Nội.
3. Tổng Cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam (2021), *Hướng dẫn số 285-HD/CT ngày 15/01/2021 về Triển khai thực hiện hệ thống thiết chế văn hóa trong Quân đội*, Hà Nội.

ĐỔI MỚI CƠ CHẾ ĐỂ TĂNG CƯỜNG VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN TRONG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA, THỂ THAO

Ông Đậu Anh Tuấn

*Phó Tổng Thư ký, Trưởng ban Pháp chế
Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam*

Sau 35 năm đổi mới, đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân của Việt Nam ngày càng lớn mạnh. Thời gian gần đây, các doanh nghiệp đã tham gia vào rất nhiều các lĩnh vực mà trước đây chỉ có Nhà nước đảm nhiệm ví dụ như xây dựng cơ sở hạ tầng đường xá, cảng biển, sân bay, sản xuất truyền tải điện, bệnh viện, trường học,...

Trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, các doanh nghiệp tư nhân hiện đã có nhiều đóng góp. Đa số các rạp chiếu phim và phim chiếu rạp hiện nay là do các doanh nghiệp tư nhân cung cấp. Các sự kiện âm nhạc, buổi biểu diễn lớn thu hút đông đảo khán giả hiện nay cũng chủ yếu do các doanh nghiệp tư nhân thực hiện. Giải bóng đá vô địch quốc gia do doanh nghiệp tài trợ. Doanh nghiệp tư nhân cũng đã bắt đầu tham gia vào các lĩnh vực hầu như không có lợi nhuận như bảo tàng, thư viện. Dù quy mô còn nhỏ hơn các bảo tàng, thư viện của Nhà nước, song lại được đánh giá là có sức hút lớn. Các lĩnh vực khác như mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm đều có sự tham gia của các cá nhân, tổ chức ngoài Nhà nước.

Sự tham gia của khối tư nhân đã mang lại nhiều sắc màu tích cực, giúp làm phong phú thêm các giá trị văn hóa, thể thao của đất nước, gia tăng sự lựa chọn của khán giả. Các cá nhân, tổ chức tư nhân khi cung cấp các sản phẩm văn hóa, thể thao có một số lợi thế hơn các đơn vị Nhà nước. Đầu tiên phải kể đến là khả năng quản trị linh hoạt giúp các bên tư nhân ít khi bị lãng phí nguồn lực. Thứ hai là sự năng động giúp thu hút được khán thính giả. Chúng ta có thể thấy các phim do tư nhân làm thường có lượng người xem lớn hơn so với các phim do Nhà nước đầu tư. Khi đội tuyển bóng đá Việt Nam thành công, dư luận gửi lời cảm ơn Bầu Đức vì đã đầu tư cho bóng đá từ những đứa trẻ.

Có quan niệm cho rằng tư nhân đầu tư vào văn hóa, thể thao chỉ nhằm mục đích lợi nhuận mà không quan tâm gì đến sự phát triển của văn hóa dân tộc hay truyền bá những giá trị cao đẹp của con người. Đầu tiên phải khẳng định rằng giữa lợi nhuận và văn hóa không nhất thiết phải nằm ở hai thái cực đối lập. Thực tiễn thời gian qua đã chứng minh, hoàn toàn có thể có những sản phẩm văn hóa vừa mang lại lợi nhuận, vừa giúp truyền bá cái hay cái đẹp. Thứ hai, đã xuất hiện một số ví dụ thực tiễn cho thấy doanh nghiệp tư nhân sẵn sàng đầu tư cho lĩnh vực văn hóa, thể thao một cách phi lợi nhuận. Điều này chỉ có thể có được khi nền kinh tế phát triển đến một mức độ cho phép con người nghĩ xa hơn cuộc sống mưu sinh hàng ngày để hướng đến những giá trị nhân văn. Đội ngũ doanh nhân chính là lực lượng có đủ nguồn lực để làm việc này.

Thực tế, tư nhân đầu tư cho thể thao, văn hóa thường xuất phát từ ba mục

đích chính: (1) sở thích cá nhân; (2) để quảng cáo cho hàng hoá, sản phẩm của mình; (3) vì lợi nhuận; và có thể kết hợp, trộn lẫn giữa các mục đích này. Cần hiểu các động lực này khi thiết kế chính sách để khuyến khích đầu tư tư nhân vào các thiết chế thể thao, văn hóa.

Nếu không dựa vào các doanh nghiệp tư nhân trong việc phát triển các giá trị văn hóa dân tộc, chúng ta có nguy cơ thua ngay trên sân nhà. Hiện nay, cùng với sự phát triển của internet, chúng ta nhập khẩu các sản phẩm văn hóa của nước ngoài rất nhiều. Nhìn từ một số khía cạnh thì điều này có tác động tích cực khi giúp đa dạng hoá các sản phẩm văn hóa mà người dân Việt Nam được thụ hưởng, tiếp cận. Nhưng khi nhìn các quốc gia xuất khẩu văn hóa thì chúng ta thấy đây là các sản phẩm do doanh nghiệp tư nhân làm ra, chứ không phải do Nhà nước. Tại các quốc gia đó, Nhà nước đứng vai trò tạo lập môi trường pháp lý, chứ không phải là người trực tiếp tạo ra sản phẩm văn hóa. Điều đó chứng tỏ, nếu Việt Nam muốn cạnh tranh được với nước ngoài trên thị trường sản phẩm văn hóa, chúng ta buộc phải thay đổi cách tiếp cận, chỉ có doanh nghiệp tư nhân mới đủ sự linh hoạt, năng động để có thể cạnh tranh với nước ngoài. Nhà nước phải tập trung vào vai trò tạo lập môi trường pháp lý hơn là can thiệp vào việc phân bổ nguồn lực hay nội dung của sản phẩm.

Nghị quyết số 33-NQ-TW ngày 09/06/2014 của BCH TW Khoá XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước đã đề ra nhiệm vụ: “Tạo lập môi trường văn hóa pháp lý, thị trường sản phẩm văn hóa minh bạch, tiến bộ, hiện đại để các doanh nghiệp tham gia xây dựng, phát triển văn hóa.”

Mặc dù vậy, môi trường pháp lý để thu hút nguồn lực tư nhân dành cho lĩnh vực văn hóa vẫn còn nhiều vướng mắc, chưa được khơi thông đúng như định hướng đề ra. Hai vấn đề tiêu biểu cần được tập trung giải quyết là: (1) tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý nội dung các sản phẩm văn hóa và (2) tạo lập cơ chế tài chính để thu hút các khoản tài trợ phi lợi nhuận.

1. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý nội dung các sản phẩm văn hóa

Quản lý nội dung các sản phẩm văn hóa luôn là mối quan tâm cả của Nhà nước, các doanh nghiệp tư nhân và dư luận xã hội. Đây là vấn đề quan trọng ở bất kỳ một quốc gia nào, không chỉ riêng Việt Nam. Mỗi quốc gia sẽ có các tiêu chuẩn quản lý nội dung khác nhau, như phòng chống nội dung khiêu dâm, bạo lực, phi báng tôn giáo, xúc phạm nhà vua, kích động chiến tranh, chống phá chế độ... Việt Nam cũng có các tiêu chuẩn kiểm soát nội dung riêng phù hợp với chế độ chính trị, chế độ kinh tế, xã hội của Việt Nam.

Các doanh nghiệp, cả trong nước và nước ngoài, hiểu và tôn trọng các quy định quản lý nội dung này của Nhà nước. Các doanh nghiệp cũng hiểu rằng việc kinh doanh của mình phải đóng góp cho sự phát triển của đất nước, giúp lan truyền các giá trị tốt đẹp cho xã hội. Nếu doanh nghiệp cung cấp các sản phẩm văn hóa có nội dung xấu độc thì không chỉ bị pháp luật xử lý mà còn bị người tiêu dùng tẩy chay. Vì thế, bản thân các doanh nghiệp luôn có ý thức tự kiểm duyệt nội dung của mình để bảo đảm phù hợp với pháp luật và thị hiếu của khán giả.

Tuy nhiên, vấn đề tại Việt Nam là chúng ta không có một cơ chế rõ ràng, minh bạch để kiểm duyệt nội dung một cách hiệu quả. Các tiêu chí kiểm duyệt của Việt Nam thường khá chung chung, định tính trong khi các sản phẩm văn hóa luôn phải đáp ứng nhu cầu cái mới, cái sáng tạo của khán giả và cả người nghệ sĩ.

Vì không có tiêu chí rõ ràng, nên Nhà nước thường áp dụng một cơ chế kiểm duyệt “ăn chắc” là tiền kiểm nội dung. Trong trường hợp sản phẩm bị đánh giá không đạt về mặt kiểm duyệt thì cũng không có cơ chế phúc thẩm để xem xét lại một cách độc lập. Điều này đẩy toàn bộ rủi ro cho doanh nghiệp khi đầu tư vào một sản phẩm văn hóa. Chính việc phải thực hiện thủ tục hành chính, xin giấy phép này gây tốn kém chi phí cho doanh nghiệp, làm giảm tính chủ động của doanh nghiệp khi tung sản phẩm ra công chúng.

Thời gian gần đây, việc quản lý nội dung các sản phẩm văn hóa đã có nhiều đổi mới. Trong đợt cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh năm 2016 và 2018, nhiều quy định pháp luật trong lĩnh vực văn hóa đã được sửa đổi theo hướng giảm các giấy phép con, thủ tục hành chính. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết thấu đáo. Ví dụ, Luật Di sản văn hóa vẫn quy định điều kiện để mở bảo tàng là phòng ốc, trang thiết bị, chứ không phải là quản lý nội dung được thể hiện trong bảo tàng.

Gần đây, Luật Điện ảnh 2020 đã mở ra phương pháp tiếp cận mới đối với kiểm duyệt nội dung các phim phát hành trên internet. Cơ chế mới chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, đi kèm với đó là Nhà nước ban hành các hướng dẫn cụ thể để doanh nghiệp tự kiểm duyệt nội dung. Nhà nước chỉ hậu kiểm và xử phạt nặng khi doanh nghiệp vi phạm. Đây là cách tiếp cận mới nhưng tiếc là mới chỉ áp dụng với phim phát hành trên internet, nơi mà các doanh nghiệp ngoại chiếm ưu thế hơn doanh nghiệp nội địa.

Do đó, việc tiếp tục đổi mới về quản lý sản phẩm văn hóa là điều hết sức bức thiết để doanh nghiệp tư nhân tăng cường đầu tư. Biện pháp tốt nhất là phải có được các bộ tiêu chuẩn, các hướng dẫn kiểm duyệt đủ chi tiết, bao gồm cả việc bảo vệ trẻ em. Những doanh nghiệp đáp ứng được điều kiện về năng lực có quyền tự kiểm duyệt nội dung. Cơ quan Nhà nước chỉ cần hậu kiểm và xử phạt thật nặng khi doanh nghiệp có nội dung vi phạm. Các quyết định xử lý của cơ quan Nhà nước được lưu trữ thành một cơ sở dữ liệu và cho phép doanh nghiệp đủ điều kiện được tiếp cận để học hỏi và bảo đảm việc kiểm duyệt đúng với các trường hợp tiền lệ của Nhà nước.

Cần đồng thời thực hiện các biện pháp sau:

- + Đẩy mạnh chuyển đổi từ cơ chế tiền kiểm sang hậu kiểm.
- + Tăng cường công tác tự kiểm duyệt thông qua việc nâng cao trách nhiệm pháp lý và năng lực của doanh nghiệp cung cấp sản phẩm văn hóa.
- + Thay vì cấp phép cho các sản phẩm văn hóa, cơ quan Nhà nước nên tăng cường công tác kiểm tra và xử phạt các doanh nghiệp có sản phẩm vi phạm.
- + Tăng cường tính minh bạch bằng cách ban hành các bộ tiêu chuẩn kiểm duyệt để doanh nghiệp áp dụng.
- + Doanh nghiệp được phép tham khảo các quyết định xử lý trước đó của Nhà

nước để nâng cao năng lực tự kiểm duyệt.

+ Cõi tiền kiểm là một dịch vụ và bỏ tính độc quyền của việc cung cấp dịch vụ kiểm duyệt.

Cơ chế này cần được mở rộng áp dụng cho nhiều lĩnh vực văn hóa hơn bao gồm cả phim chiếu rạp, âm nhạc, nghệ thuật biểu diễn, bảo tàng, triển lãm nghệ thuật... Cơ chế này sẽ giúp tiết giảm chi phí xã hội của việc kiểm duyệt nội dung, tăng tính chủ động của doanh nghiệp, giúp các doanh nghiệp tăng cường đầu tư vào lĩnh vực văn hóa để tạo ra thêm các sản phẩm cho xã hội.

Việc chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan liên quan tổng hợp dự toán ngân sách, cân đối vốn và ngân sách để thực hiện chính sách, pháp luật về xây dựng và phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

Chính sách, pháp luật về đầu tư công

a. Giai đoạn trước năm 2015

Đầu tư xây dựng các công trình nói chung, các công trình văn hóa, thể thao nói riêng được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 và Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ.

Giai đoạn này, một số công trình, văn hóa, thể thao đã được đầu tư thông qua một số nguồn vốn cụ thể: (i) Ngân sách trung ương thông qua các Chương trình bổ sung có mục tiêu; (ii) Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2012-2015; (iii) Ngân sách địa phương, cụ thể như sau:

(i) Ngân sách trung ương thông qua các Chương trình bổ sung có mục tiêu

Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2011 - 2015 (gọi tắt là Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg), trong đó quy định ngành, lĩnh vực được sử dụng vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách Nhà nước (NSNN), các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương (NSTW), cụ thể:

- Đối tượng đầu tư:

+ Ngành văn hóa: dự án đầu tư xây dựng và cải tạo các công trình văn hóa, dự án bảo tồn, bảo tàng, điện ảnh, thư viện.

+ Ngành thể dục, thể thao: dự án đầu tư xây dựng và cải tạo các công trình, dự án thuộc lĩnh vực thể dục, thể thao.

- Đối với nguồn vốn NSTW: Việc hỗ trợ đầu tư NSTW tại địa phương được thực hiện thông qua các Chương trình bổ sung có mục tiêu. Quyết định 60/2010/QĐ-TTg (Mục IV. Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương) không quy định riêng nguồn vốn từ NSTW hỗ trợ đầu tư các công trình văn hóa, thể thao tại địa phương, mà được thực hiện lồng ghép trong một số Chương trình, gồm:

+ Các chương trình phát triển kinh tế - xã hội các vùng, với đối tượng đầu tư: “Theo các Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ cho các vùng trung du và miền núi Bắc Bộ; vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ; vùng Đồng bằng Sông Hồng; vùng Tây Nguyên; vùng Đồng bằng Sông Cửu Long trong giai đoạn 2011 - 2015 và các công trình chuyển tiếp của các chương trình: hạ tầng chợ, hạ tầng làng nghề; hỗ trợ đầu tư tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng và các công trình văn hóa; hỗ trợ đầu tư phủ sóng phát thanh truyền hình ở các tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, miền Trung; hỗ trợ các dự án thể thao do địa phương quản lý; hỗ trợ đầu tư các trường đại học có quy mô lớn do địa phương quản lý; các trung tâm giáo dục quốc phòng”.

+ Hỗ trợ đầu tư có mục tiêu cho các dự án cấp bách mà ngân sách địa phương không cân đối được, với đối tượng đầu tư: “các công trình, dự án do bộ, ngành và địa phương quản lý được lãnh đạo Đảng và Nhà nước yêu cầu bố trí vốn đầu tư hằng năm”. Trong thực tế, một số công trình, thiết chế văn hóa, thể thao cấp bách đã được bố trí hỗ trợ từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW như: hỗ trợ đầu tư, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa thuộc Khu di tích lịch sử Đền Hùng (tỉnh Phú Thọ); hỗ trợ đầu tư bảo tồn, tôn tạo các di tích thuộc quần thể di tích Cố đô Huế (tỉnh Thừa Thiên Huế); Nhà văn hóa Trung tâm thành phố Đông Hà (tỉnh Quảng Trị).

(ii) Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2012-2015 do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan chủ trì chương trình chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan xây dựng, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1211/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2012, trong đó bao gồm 03 dự án thành phần có nội dung đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở:

+ Dự án số 3: Dự án Tăng cường đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các huyện miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo;

+ Dự án số 4: Dự án Đầu tư phát triển các loại hình nghệ thuật truyền thống;

+ Dự án số 5: Dự án Phát triển hệ thống cơ sở vui chơi, giải trí cho trẻ em khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo.

(iii) Vốn ngân sách địa phương: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển kèm theo Quyết định 60/2010/QĐ-TTg, khả năng cân đối và đặc điểm tình hình của địa phương, xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển cho các ngành, các cấp của địa phương báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố quyết định. Như vậy, việc đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao tại địa phương từ nguồn vốn ngân sách địa phương do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

b. Giai đoạn 2016-2020

Căn cứ Luật Đầu công số 49/2014/QH13, Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28 tháng 8 năm 2015 quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020, Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020, các công trình, dự án văn hóa, thể dục,

thể thao, bao gồm cả thiết chế văn hóa, thể thao thuộc đối tượng sử dụng vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2016-2020

Theo đó việc đầu tư xây dựng các công trình, thiết chế văn hóa, thể thao được thực hiện từ các nguồn vốn cụ thể: (i) Vốn ngân sách Nhà nước (bao gồm NSTW và Ngân sách địa phương); (ii) Vốn đầu tư phát triển thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, cụ thể như sau:

(i) Vốn ngân sách Nhà nước

Theo quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020, việc đầu tư xây dựng các công trình, thiết chế văn hóa, thể thao từ nguồn NSNN được quy định như sau:

- Đối tượng đầu tư:

+ Văn hóa: các dự án đầu tư xây dựng, tu bổ, tôn tạo di sản văn hóa thế giới, các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; bảo tồn văn hóa truyền thống, các dự án văn hóa.

+ Thể thao: các dự án thuộc lĩnh vực hạ tầng thể dục, thể thao.

- Cơ chế hỗ trợ đầu tư các dự án tại địa phương từ nguồn NSTW thông qua Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa giai đoạn 2016-2020: Theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13: “Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương để thực hiện các chương trình mục tiêu đã được Chính phủ, Thủ tướng chính phủ phê duyệt, quyết định. Các dự án được hỗ trợ từ các chương trình mục tiêu đều phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, được thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Đối với kế hoạch đầu tư công hằng năm, các dự án phải có quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền”. Chương trình mục tiêu phát triển văn hóa giai đoạn 2016-2020, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 936/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017, bao gồm 02 dự án thành phần có nội dung đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao: (i) Dự án 2: Dự án tăng cường đầu tư xây dựng, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, (ii) Dự án 3: Phát triển các loại hình nghệ thuật biểu diễn.

- Quy mô dự án thực hiện bằng nguồn vốn NSTW tại địa phương: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13: “để bảo đảm bố trí vốn tập trung, hiệu quả, đối với các dự án mới giai đoạn 2016-2020, vốn ngân sách trung ương chỉ hỗ trợ cho dự án từ nhóm B trở lên; trừ trường hợp đặc biệt đối với các dự án cấp bách về phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, an ninh, quốc phòng và giải quyết những vấn đề bức xúc nhất của các địa phương do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn danh mục dự án nhóm B để đề nghị hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách trung ương phù hợp với số vốn được phân bổ theo từng chương trình cho địa phương”. Như vậy, với lĩnh vực văn hóa, thể thao, NSTW chỉ bố trí hỗ trợ các dự án có tổng mức đầu tư từ 45 tỷ đồng trở lên.

+ Đối với nguồn vốn NSTW: Tại Thông báo số 211/TB-VPCP ngày 02 tháng 7 năm 2015 về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016 - 2020, Thủ tướng Chính phủ kết luận “không

xây dựng chương trình mục tiêu về thể thao; ngân sách trung ương không hỗ trợ đầu tư các sân vận động, bể bơi ngoài trời, các dự án thể thao của địa phương”. Vì vậy, giai đoạn 2016 - 2020 không có nội dung sử dụng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư các thiết chế thể thao tại địa phương.

+ Đối với Ngân sách địa phương: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan liên quan thẩm định, phê duyệt và bố trí vốn thực hiện các công trình, dự án, hoạt động của Chương trình thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương; Chủ động huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện Chương trình.

- Thẩm quyền lựa chọn dự án đầu tư và mức vốn NSTW hỗ trợ: Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 52 và Khoản 4 Điều 58 Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13, việc lựa chọn danh mục dự án và mức vốn bố trí cụ thể cho từng dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

Về sử dụng vốn đầu tư công, đối tượng bố trí vốn đầu tư công theo quy định hiện hành.

Theo quy định của Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 và Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 (Điều 5), vốn đầu tư công được bố trí thực hiện đầu tư các Chương trình, dự án đầu tư; không quy định bố trí thực hiện đầu tư các Quy hoạch, Đề án. Các nhiệm vụ sử dụng vốn đầu tư công quy định tại các Quy hoạch, Đề án cần được cụ thể hóa bằng các chương trình đầu tư, dự án đầu tư để các cấp có thẩm quyền quyết định. Việc thực hiện đầu tư các Chương trình, dự án thuộc các quy hoạch, đề án trong từng giai đoạn cần đáp ứng các quy định chung của pháp luật về đầu tư công, pháp luật khác có liên quan và các văn bản chỉ đạo cụ thể của cấp có thẩm quyền.

Về thẩm quyền lựa chọn dự án, mức vốn bố trí cho từng dự án xây dựng phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

Căn cứ quy định tại Điều 52, Điều 58 Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 (giai đoạn 2016 - 2020); quy định tại Điều 49, Điều 55 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 (giai đoạn 2021 - 2025), việc lựa chọn danh mục dự án và mức vốn bố trí cụ thể cho từng dự án thuộc thẩm quyền của các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với các dự án do địa phương quản lý). Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn của quốc gia báo cáo Chính phủ.

Các dự án đầu tư được lựa chọn và mức vốn dự kiến bố trí cho từng dự án đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao cần đáp ứng các quy định chung được nêu tại phần trên; phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của từng bộ, ngành và từng địa phương. Các dự án đầu tư được bố trí vốn đầu tư công hằng năm phải thuộc danh mục các dự án đầu tư tại kế hoạch đầu tư công trung hạn từng giai đoạn của các bộ, ngành và địa phương.

Tổng hợp kết quả bố trí kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao

(Số liệu báo cáo được tổng hợp từ Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc

gia về đầu tư công; danh mục chi tiết tại biểu phụ lục kèm theo)

Đưa các mục tiêu Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030 vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của cả nước 5 năm và hằng năm

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 17 Luật Thống kê, danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch không bao gồm các mục tiêu Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013-2020, định hướng đến năm 2030 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 2164/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013), nên chưa có cơ sở đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội cả nước 5 năm và hằng năm.

Để các chỉ tiêu, mục tiêu chuyên ngành được đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội cả nước 5 năm và hằng năm để tổng hợp chung, báo cáo cấp có thẩm quyền thì các chỉ tiêu này cần đảm bảo: (i) phản ánh được thực trạng, trình độ, mức độ phát triển của ngành, lĩnh vực; (ii) có phương pháp thu thập dữ liệu, tính toán số liệu rõ ràng, khoa học, thống nhất; (iii) phù hợp với thông lệ quốc tế. Tại thời điểm xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chưa hoàn thành việc xây dựng Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành văn hóa, thể thao và du lịch (Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành văn hóa, thể thao và du lịch mới được thống nhất sử dụng theo quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-BVHTTDL ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch); chưa phân tích, đánh giá vai trò, vị trí của các thiết chế văn hóa, thể thao đối với sự phát triển của ngành văn hóa, thể thao; chưa có hướng dẫn phương pháp thống kê, thời điểm thu thập dữ liệu, thông tin; chưa có phương pháp tính toán chỉ số đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ trên phạm vi cả nước, nên chưa đủ cơ sở yêu cầu các địa phương báo cáo để tổng hợp chung vào báo cáo kinh tế xã hội quốc gia.

Tại các Quyết định phê duyệt CTMTQG xây dựng nông thôn mới của mỗi giai đoạn, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, hướng dẫn thực hiện các mục tiêu của Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến năm 2030 tại cấp thôn, cấp xã, cấp huyện. Cụ thể, CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 quy định tại nội dung số 06 của dự án thành phần số 02: “Hoàn thiện hệ thống Trung tâm văn hóa – thể thao, Nhà văn hóa – Khu thể thao thôn, bản. Đến năm 2020 có 75% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa; 80% số xã có Trung tâm văn hóa, thể thao xã; 70% số thôn có Nhà văn hóa – Khu thể thao”; CTMTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 quy định nội dung 05 thuộc dự án thành phần số 02: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất văn hóa, thể thao cấp xã, thôn, các trung tâm văn hóa – thể thao cấp huyện. Đến năm 2025, (i) cấp xã: có 90% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, trong đó, có 50% số xã đạt chuẩn tiêu chí số 6 về văn hóa thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao; (ii) Cấp huyện: có 60% số huyện đạt chuẩn tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; có 25% số huyện đạt chuẩn tiêu

chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao.

2. Tạo lập cơ chế tài chính để thu hút các khoản tài trợ phi lợi nhuận

Hiện nay, việc các doanh nghiệp tư nhân tham gia vào lĩnh vực văn hóa chủ yếu dưới hình thức vì lợi nhuận. Mô hình cung cấp sản phẩm văn hóa phi lợi nhuận vẫn chưa được phổ biến tại Việt Nam. Trong khi đó, tại nhiều quốc gia khác cơ chế tài chính phi lợi nhuận đóng một vai trò đặc biệt quan trọng trong việc cung cấp các sản phẩm văn hóa.

Sau hơn 30 năm Đổi mới, nền kinh tế Việt Nam đã sản sinh ra một số doanh nghiệp lớn và những doanh nhân tầm cỡ. Ngoài hoạt động kinh doanh, các doanh nhân này bắt đầu có nhu cầu để lại các di sản cá nhân hoặc đóng góp cho sự phát triển của đất nước. Thêm vào đó, rất nhiều các cá nhân, tổ chức có thu nhập ở mức trung bình khá trong xã hội, hiện cũng đã tiến hành nhiều hoạt động quyên góp, ủng hộ trong các phong trào thiện nguyện.

Thời gian gần đây, một số doanh nghiệp, doanh nhân, cá nhân có thu nhập khá đã bắt đầu có nhiều đóng góp phi lợi nhuận cho các hoạt động chung của đất nước trong các lĩnh vực thể thao, giáo dục, văn hóa, từ thiện, môi trường... Có thể kể đến như Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai của ông Đoàn Nguyên Đức, Quỹ khoa học VinFuture của vợ chồng ông Phạm Nhật Vượng, hay rất nhiều Quỹ từ thiện xoá đói giảm nghèo... Trong giai đoạn Covid, chúng ta có thể thấy nhiều doanh nghiệp, doanh nhân đã hiến tặng phi lợi nhuận cho sự phát triển chung của đất nước.

Trong lĩnh vực văn hóa, các nguồn tài trợ phi lợi nhuận chưa thực sự phát huy hiệu quả và các đơn vị cung cấp sản phẩm văn hóa phi lợi nhuận cũng rất khó tiếp cận. Một trong những nguyên nhân là do chúng ta chưa có cơ chế pháp lý và chưa có các thiết chế tài chính phù hợp làm kênh dẫn dắt phù hợp cho hoạt động này.

Trường hợp một cá nhân muốn đóng góp tài sản cá nhân cho các hoạt động văn hóa hiện nay chỉ có hai sự lựa chọn: một là tự mình quản lý khoản tài sản đóng góp đó và hai là tặng cho hoàn toàn cho một đơn vị trong lĩnh vực văn hóa. Tuy nhiên, cả hai hình thức này đều có những điểm chưa phù hợp với nhu cầu của các nhà hảo tâm.

Kinh nghiệm của nhiều quốc gia khác cho thấy, có khá nhiều cơ chế tài chính phi lợi nhuận cho phép các nguồn tiền tài trợ cho hoạt động văn hóa, ví dụ như mô hình quỹ uỷ thác, mô hình nhà đầu tư thiên thần hoặc gây quỹ cộng đồng. Các cơ chế tài chính này rất đa dạng nhưng được pháp luật quy định chặt chẽ để tạo sự tin tưởng của các bên liên quan, đặc biệt là các nhà hảo tâm.

Thứ nhất, mô hình quỹ uỷ thác có thể do một hoặc một nhóm cá nhân có uy tín trong cộng đồng hoặc có thể do một cơ sở văn hóa lập ra như một bảo tàng. Quỹ này phải ban hành điều lệ hoạt động, tôn chỉ mục đích và các cam kết sử dụng tiền đúng mục đích. Quỹ huy động đóng góp tự nguyện của các cá nhân, tổ chức và phải có kiểm toán, công khai báo cáo tài chính. Tài sản kết dư của quỹ được phép thuê các công ty quản lý quỹ chuyên nghiệp để bảo tồn và gia tăng giá trị của quỹ.

Mỗi cá nhân khi đóng góp tiền cho quỹ có quyền thoả thuận khoản tiền của mình được sử dụng cho mục đích gì. Ví dụ, một số cá nhân dân tộc Nùng có thể hiến tặng một khoản tiền cho bảo tàng Dân tộc học và chỉ định khoản tiền này phải được sử dụng để nghiên cứu, sưu tập và bảo tồn văn hóa của người Nùng. Cơ chế như vậy có thể hấp dẫn hơn với các mạnh thường quân vì họ được pháp luật bảo đảm rằng tiền của mình được sử dụng đúng mục đích mà mình mong muốn.

Thứ hai, mô hình gây quỹ cộng đồng cho phép một cá nhân có dự án cung cấp sản phẩm văn hóa có thể huy động tiền quyên góp của cộng đồng. Nhưng đi kèm với đó là cá nhân này phải có nghĩa vụ sử dụng tiền quyên góp đúng mục đích đã cam kết, có kiểm toán và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu làm không đúng.

Mô hình này rất phù hợp với những sản phẩm văn hóa mới hình thành hoặc các dự án độc lập. Ví dụ, một nhà làm phim trẻ muốn làm một bộ phim nghệ thuật nhưng không có kinh phí. Việc nhận tài trợ từ các hãng phim có thể là một giải pháp, nhưng lại bị ràng buộc nhiều thứ. Nhà làm phim đó có thể trình bày ý tưởng của mình một cách thuyết phục, hấp dẫn và công khai, đồng thời kêu gọi những người yêu phim đóng góp kinh phí. Nhà làm phim sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng tiền quyên góp của mình.

Ngoài ra, còn nhiều cơ chế tài chính khác đã từng được hình thành và phát triển tại nước ngoài tương đối phù hợp với lĩnh vực văn hóa.

Hiện nay, Việt Nam đã có một số quy định tại Nghị định 93/2019/NĐ-CP về quỹ xã hội, trong đó có cho phép quỹ tài trợ cho hoạt động văn hóa. Tuy nhiên, cơ chế này vẫn còn rất cứng nhắc và chưa được nghiên cứu kỹ lưỡng để phù hợp với sự phát triển của bối cảnh kinh tế xã hội mới.

Thứ ba, trong lĩnh vực thể thao, cần sớm có các quy định để bảo đảm quyền lợi của các doanh nghiệp khi đầu tư vào các vận động viên thể thao đỉnh cao. Nhà nước rút dần vai trò đầu tư cho vận động viên đỉnh cao mà thay vào đó là vai trò hứa thưởng cho các kết quả thể thao đỉnh cao như các giải thưởng, phần thưởng khi có thành tích tốt trong các giải thi đấu. Điều này tạo cơ hội để tận dụng khả năng quản trị tốt của khối tư nhân khi đầu tư cho các vận động viên trong giai đoạn ban đầu.

Tóm lại, Việt Nam cần tiếp tục nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và đưa ra các quy định pháp luật về các cơ chế tài chính phi lợi nhuận nhằm thu hút được nguồn lực từ các cá nhân, tổ chức tư nhân đầu tư cho các hoạt động, sản phẩm văn hóa./.

CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ CHO THIẾT CHẾ VĂN HÓA GIAI ĐOẠN 2013 - 2023

TS. Đặng Thị Tuyết

Viện Văn hóa và Phát triển

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Trong những năm gần đây, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm sâu sắc đến xây dựng và phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao của đất nước, trong đó có sự nghiệp xây dựng và phát triển mạng lưới các thiết chế văn hóa (TCVH) từ Trung ương tới cơ sở, vùng sâu vùng xa, biên giới hải đảo. Các chính sách về đầu tư cho các thiết chế văn hóa đã làm thay đổi diện mạo đời sống văn hóa tinh thần người dân, góp phần nâng cao đời sống nhân dân, ổn định chính trị-xã hội.

1. Các chính sách đầu tư cho thiết chế văn hóa

Khi nhận thức về vai trò của văn hóa luôn gắn với đời sống kinh tế xã hội, Đảng và Chính phủ đã có nhiều chính sách dành cho văn hóa, trong đó có việc đầu tư cho thiết chế văn hóa. Bởi thực chất, câu chuyện đầu tư cho thiết chế là đầu tư cho đời sống văn hóa tinh thần, hướng tới sự phát triển toàn diện của con người. Theo đó, ngoài các Nghị quyết của Đảng, các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Các bộ Luật của Quốc hội, thì Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về văn hóa theo quy định của pháp luật, trong đó có Cục văn hóa cơ sở là đơn vị có chức năng tham mưu giúp Bộ thực hiện quản lý nhà nước về các TCVH. Cục Văn hóa cơ sở cũng được giao trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động phát triển các thiết chế văn hóa trong cả nước theo chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Ngoài ra, ở cấp địa phương, TCVH còn chịu sự quản lý của Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân các cấp.

Từ 2013, nhiều chính sách quan tâm đặc biệt tới hệ thống thiết chế văn hóa. Có thể kể đến như Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09-6-2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) “Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”¹ đặt ra nhiệm vụ “Xây dựng, hoàn thiện đi đôi với nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa. Tạo điều kiện để nhân dân chủ động tổ chức các hoạt động văn hóa cộng đồng”. Văn kiện Đại hội XII, XIII của Đảng đều nhấn mạnh đến ý nghĩa và tầm quan trọng của việc xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa: “Đổi mới, hoàn thiện các thiết chế văn hóa từ Trung ương đến cơ sở, đảm bảo hiệu quả”².

Thể chế hóa các nghị quyết của Đảng, ngày 11/11/2013, Chính phủ ban hành “Quyết định số 2164/QĐ-TTg phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống thiết chế văn hóa thể thao cơ sở giai đoạn 2013 - 2020, định hướng đến 2030”.

¹ Ban Chấp hành Trung ương: Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09-6-2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.

² Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Tập 1, tr.146.

Theo đó, mục tiêu đặt ra đến năm 2020, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở được phát triển đồng bộ, từng bước khắc phục tình trạng chênh lệch về mức hưởng thụ văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí của nhân dân ở các vùng, miền, khu vực trong cả nước; đến năm 2030, hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phát triển đạt các tiêu chí quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Tiếp đó, Chính phủ đã ban hành những văn bản liên quan đến TCVH như “Nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 Quy định xử phạt hành chính trong hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch, quảng cáo. Tương tự như các quy định của Bộ luật Hình sự, những quy định trong Nghị định này có tác dụng ngăn ngừa và giáo dục những hành vi vi phạm về văn hóa, trong đó có một số hành vi liên quan đến việc xâm hại các TCVH.

Đặc biệt, năm 2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành “Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030”³ đặt ra mục tiêu đầu tiên “Phấn đấu 100% đơn vị hành chính cấp tỉnh có đủ 3 loại hình thiết chế văn hóa, gồm: Trung tâm Văn hóa hoặc Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật, bảo tàng, thư viện; 100% đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao” “Kiện toàn, phát triển hệ thống bảo tàng, đổi mới nội dung và hình thức trưng bày, nâng cấp trang thiết bị và hệ thống trưng bày, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ. Đầu tư xây dựng một số bảo tàng cấp quốc gia, bảo tàng chuyên ngành cấp trung ương và địa phương; phát triển bảo tàng ảo. Xây dựng khung pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của bảo tàng tư nhân”.

Quốc hội cũng đã ban hành những đạo luật liên quan đến các thiết chế văn hóa như “Luật Thư viện: 46/2019/QH14”, “Luật Điện ảnh: 05/2022/QH15”... làm căn cứ cho các đơn vị đầu tư, sử dụng các TCVH.

Với vai trò là tư lệnh ngành, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ VH-TT-DL) đã tham mưu và ban hành nhiều văn bản để hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, hoạt động và tiêu chí của thiết chế văn hóa, thể thao từ cấp tỉnh đến thôn, làng, bản, ấp... để thực hiện cụ thể: Quyết định số 2563/QĐ-BVHTTDL ngày 03/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt Đề án “Nâng cao hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hóa, thể thao ở nông thôn”; Thông tư số 14/2016/TT-BVHTTDL ngày 21/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao phường, thị trấn; Thông tư liên tịch số 46/2016/TTLT-BTC-BVHTTDL, ngày 11-3-2016 Hướng dẫn chế độ quản lý đặc thù đối với đội Tuyên truyền lưu động cấp tỉnh và cấp huyện; Thông tư số 09/2016/TT-BVHTTDL, ngày 14-10-2016, Quy định về tổ chức thi, liên hoan văn nghệ quần chúng; Hướng dẫn số 4322/HD-BVHTTDL-VHCS, ngày 25-1—2016 về việc Hướng dẫn thực hiện chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Hướng dẫn số 747/HD-BVHTTDL, ngày 28-2-2017, Hướng dẫn thực hiện Tiêu chí 06 về Cơ sở vật chất văn hóa và Tiêu chí 16 về Văn hóa trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới; Kế hoạch số

³ Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12-11-2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030.

3905/KH-BVHTTDL, ngày 29-9-2016, Triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; Công văn số 3224/BVHTTDL-VHCS ngày 23 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện tiêu chí văn hóa trong xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu; Công văn số 1204/BVHTTDL-VHCS ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; Công văn số 1339/BVHTTDL-VHCS ngày 19 tháng 4 năm 2019 về việc nâng cao chất lượng và phối hợp tổ chức các hoạt động học tập, vui chơi giải trí cho trẻ em...

Với Quyết định 2164/QĐ-TTg, Bộ VHTTDL đã chỉ đạo ngành văn hóa ở các địa phương tham mưu UBND tỉnh/thành xây dựng và phê duyệt quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở của địa phương phù hợp với quy hoạch chung của cả nước trên cơ sở rà soát, đánh giá thực trạng, hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở trên địa bàn, trong đó đề ra các mục tiêu cụ thể, nội dung quy hoạch (vị trí, địa điểm, quỹ đất, cơ sở vật chất, kỹ thuật, bộ máy cán bộ) và các giải pháp thực hiện như: Giao ban nghiệp vụ giám đốc Trung tâm Văn hóa (TTVH) toàn quốc tại Sơn La (2018), tại Điện Biên (2019); Giao ban Câu lạc bộ giám đốc Trung tâm văn hóa 7 khu vực; Giao ban cụm “Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” 4 khu vực: 2018 tại tỉnh Thái Bình và tỉnh Tây Ninh; Tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ thực hiện tiêu chí 6 và tiêu chí 16 trong xây dựng Nông thôn mới tại: Lâm Đồng (2018), Khánh Hoà (2019), Bà Rịa – Vũng Tàu (2020), Lào Cai (2020); Tổ chức Hội nghị sơ kết 05 năm thực hiện Quyết định 2164/QĐ-TTg tại Đà Nẵng (2018); Tổ chức Hội nghị Tổng kết 10 năm thực hiện tiêu chí văn hóa trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại tỉnh Hà Nam (2019).

Bộ VHTTDL đã chỉ đạo ngành Văn hóa đề xuất UBND các tỉnh/thành hằng năm trong xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, có nội dung xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, chú trọng đầu tư cơ sở vật chất văn hóa trong chương trình xây dựng nông thôn mới, đào tạo bồi dưỡng cán bộ làm việc tại hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp.

Bộ cũng đã kịp thời phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị chức năng, chính quyền địa phương tổ chức các cuộc giao ban định kỳ hằng năm nhằm tạo diễn đàn để người làm công tác văn hóa cơ sở được trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, xây dựng các mô hình thiết chế văn hóa hiệu quả và thông qua đó nhân rộng những mô hình, điển hình đặc thù của mỗi địa phương, vùng miền, dân tộc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở.

Cùng với việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, công tác quy hoạch, đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp, cải tạo thiết chế văn hóa, thể thao đã được các địa phương đặc biệt quan tâm để đạt các tiêu chí cơ sở vật chất (tiêu chí số 06) trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Như vậy, có thể nói, các chính sách đầu tư cho TCVH từ Trung ương đến địa phương đều được quan tâm. Hầu hết các văn bản đều có giá trị điều chỉnh phù hợp,

góp phần gìn giữ và ngày càng nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa và hiệu quả trong đầu tư đối với các thiết chế văn hóa.

2. Thành tựu và hạn chế

2.1. Thành tựu

Việc huy động các nguồn lực về cơ sở vật chất, kinh phí hiện nay đều đang trong quá trình xã hội hoá, Nhà nước và nhân dân cùng làm, tuy vậy với các TCVH, đặc biệt là TCVH cơ sở, nguồn lực vẫn chủ yếu của Nhà nước. Những công trình lớn, hoành tráng như tượng đài, khu liên hợp thể thao, rạp hát, công viên... số tiền lên tới hàng ngàn tỉ đồng, phải trưng dụng diện tích đất lớn thì việc huy động nguồn lực trong xã hội là vô cùng cần thiết. Vai trò cầm trịch vẫn là Nhà nước, nhưng Nhà nước cũng có cơ chế cho các doanh nghiệp, tập đoàn cùng tham gia chia sẻ trách nhiệm với xã hội, cộng đồng. Nhiều địa phương đã làm tốt điều này, góp phần thay đổi diện mạo của tỉnh.

Với hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở, từ nguồn chương trình mục tiêu phát triển văn hóa trong các năm 2018, 2019, 2020, Cục văn hóa cơ sở (BVHTTDL) đã phối hợp với Vụ Kế hoạch, Tài chính đề xuất cấp thiết bị cho 14 Trung tâm Văn hóa cấp tỉnh (14 tỷ đồng), và 26 Trung tâm Văn hóa – Thể thao cấp huyện (13 tỷ đồng). Từ nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Cục văn hóa Cơ sở đã tham mưu cấp trang thiết bị hoạt động cho 80 Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã và 151 Nhà văn hóa - Khu thể thao (8,08 tỷ đồng)⁴. Ngoài ra, các Bộ, ban, ngành, đoàn thể được phân công thực hiện nhiệm vụ tại Quyết định số 2164/QĐ-TTg đã tích cực chủ động ban hành các văn bản theo phạm vi quyền để chỉ đạo, hướng dẫn ngành dọc; lồng ghép việc quy hoạch thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở trong chiến lược phát triển của ngành để triển khai thực hiện.

Ở cấp địa phương, nhiều nơi tham mưu cấp thẩm quyền ban hành những chủ trương, cơ chế, chính sách đặc thù để xây dựng đời sống văn hóa trong đó nhằm hỗ trợ xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở: Bà Rịa – Vũng Tàu, Bạc Liêu, Bình Thuận, Điện Biên, Tây Ninh, Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Trị, Nghệ An, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Bình Phước, Phú Yên... Tăng cường vai trò quản lý nhà nước, nhiều địa phương đã kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, chấn chỉnh những nơi làm chưa tốt để có những giải pháp nhằm thúc đẩy, phát huy hiệu quả các công trình đã đầu tư, xây dựng, hướng dẫn, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tuyên truyền lưu động phù hợp với đặc thù địa phương cũng như phong tục tập quán của các tầng lớp nhân dân, nhân rộng mô hình điển hình tiên tiến tại các thiết chế văn hóa, thể thao ở cơ sở.

Việc huy động mọi nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, thư viện, phòng đọc, tủ sách, sân vận động, các thiết chế văn hóa... với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” các địa phương đã huy động sự đóng góp của các tổ chức,

⁴ Bộ VHTTDL (2020), Tài liệu hội nghị *Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở*, Tr.3.

cá nhân về kinh phí, ngày công trở thành phong trào nòng cốt, tạo sự đồng thuận trong xã hội.

Ý kiến người dân về chất lượng phục vụ ở hệ thống trung tâm văn hóa, thể thao của địa phương

	Phục vụ rất tốt	Phục vụ tương đối tốt	Chưa phục vụ tốt
Số đầu sách	68,9%	29,8%	1,3%
Bàn, ghế chuyên dụng	53,8%	28,4%	17,8%
Hệ thống chiếu sáng	56,3%	38%	5,7%
Hệ thống âm thanh	57,1%	40,5%	2,4%
Hệ thống máy tính	65,6%	31,2%	3,2%
Sân thể thao	53,1%	41,8%	5,1%

(Nguồn: Lê Thị Hiền, *Nghiên cứu đề xuất các giải pháp phát huy tổng hợp các giá trị văn hóa truyền thống và phát triển các giá trị văn hóa mới trong xây dựng nông thôn mới bền vững* - Đề tài khoa học cấp Nhà nước. H 2021).

Với hệ thống bảo tàng, hiện nay đã xác lập được vị thế của mình trong hệ thống thiết chế văn hóa, góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị mà Đảng, Nhà nước giao cho trong công tác giáo dục truyền thống yêu nước, ý thức tôn vinh bản sắc dân tộc, phổ biến kiến thức khoa học, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, trở thành điểm đến hấp dẫn trực tiếp góp phần phát triển du lịch. Trong số đó có thể kể đến một số bảo tàng thu hút đông đảo người thăm quan như: Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam, Bảo tàng Phụ nữ, Bảo tàng Dân tộc học, Bảo tàng tỉnh Quảng Ninh, Bảo tàng chứng tích chiến tranh,... Đặc biệt, nhiều bảo tàng đã đi tiên phong trong việc áp dụng công nghệ, chuyển đổi số để tăng lượng thu hút khách. Hệ thống bảo tàng được đầu tư về cơ sở vật chất, nhiều bảo tàng lớn được đầu tư thiết bị hiện đại, giúp cho việc bảo quản hiện vật tốt hơn, đồng thời cũng giúp người tham quan dễ dàng có nhiều thông tin sinh động, hấp dẫn hơn.

Về hệ thống thư viện, theo thống kê của Thư viện Quốc gia Việt Nam, tính đến hết năm 2020, ngoài thư viện của 63 tỉnh, thành phố, cả nước hiện có 582 thư viện cấp quận, huyện, hơn 6.000 thư viện, phòng đọc sách ở các xã, phường, thôn, bản... Bên cạnh đó là 10.000 tủ sách pháp luật và 8.000 điểm bưu điện - văn hóa xã, phường gắn kết mật thiết với hệ thống thư viện tại các địa phương. Các thư viện nước ta xây dựng được nguồn lực thông tin khá lớn, có khả năng đáp ứng những nhu cầu cơ bản trong nghiên cứu, học tập, sản xuất và giải trí của người dân.

Hệ thống thư viện đã từng bước đổi mới, đa dạng hóa các phương thức phục vụ, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, cải cách thủ tục cấp thẻ nhằm thu hút bạn đọc đến sử dụng thư viện. Công tác luân chuyển sách, báo được thực hiện thường xuyên; tăng cường phục vụ thư viện lưu động, các xe thư viện lưu động đã triển khai chương trình “Chuyến xe tri thức” tới các trường học, vùng sâu, vùng xa; tăng cường các dịch vụ phục vụ người khuyết tật, đối tượng yếu thế trong xã hội... Qua đó, đã góp phần vào việc xây dựng, phát triển văn hóa đọc trong cộng đồng, xã hội. Thư viện Quốc gia Việt Nam trước kia chỉ có khoảng 5.000m² nhưng vừa qua được Chính phủ cấp cho hơn 80 tỷ đồng để xây mới, cải tạo nhà và trang thiết bị

thư viện nên tổng diện tích nhà đã tăng lên hơn 18.000m². Thư viện nhiều trường đại học được xây dựng khá hiện đại với trên dưới 10.000 m² mỗi thư viện. Nhiều thư viện cấp tỉnh đã được xây nhà mới. Các thư viện cấp huyện được xây dựng do chính nguồn tài chính của địa phương. Thư viện cấp huyện ở Nghệ An, An Giang, Tiền Giang, Bạc Liêu, Hải Dương... đã được xây dựng nhà mới, kiên cố với diện tích khá lớn từ 500 -1.000m² mỗi thư viện.

Ngoài các tài liệu truyền thống, các thư viện còn tự tạo lập hoặc mua các tài liệu điện tử, chủ yếu là các tài liệu có giá trị và các tạp chí khoa học có uy tín trên thế giới. Với những cố gắng như vậy, các thư viện dần dần sẽ đảm bảo được an toàn thông tin. Hoạt động thư viện đã phục vụ đắc lực cho các nhiệm vụ chính trị, sản xuất, nghiên cứu khoa học, phát triển văn hóa, xã hội của đất nước, địa phương, các cơ quan, xí nghiệp cũng như góp phần nâng cao dân trí, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dân. Việc đảm bảo thông tin cho các đề tài nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở đến cấp Nhà nước, việc tuyên truyền, phổ biến các tài liệu thông tin về những thành tựu khoa học, công nghệ, văn hóa, xã hội mới nhất đã làm cho các cơ quan thông tin, thư viện trở thành những đồng minh thân cận, những trợ thủ đắc lực cho các cơ quan đảng, chính quyền, khoa học, văn hóa, xã hội các cấp. Xu hướng cải tiến và đổi mới hoạt động thư viện đang phát triển mạnh mẽ. Các thư viện lớn (Thư viện Quốc gia Việt Nam, thư viện tỉnh, thành, thư viện các trường đại học...) tiến hành phục vụ bạn đọc tại kho mở, phòng đọc đa phương tiện có kết nối Internet, tạo điều kiện để bạn đọc tiếp cận tới nhiều nguồn thông tin khác nhau. Các thư viện, cơ quan thông tin tiến hành biên soạn, xuất bản, cung cấp các sản phẩm thông tin - thư mục theo đặc điểm, yêu cầu của các đối tượng người dùng khác nhau vì thế, hiệu quả hoạt động của hình thức này ngày càng được nâng cao.

Về hệ thống các nhà hát, rạp chiếu phim, hiện nay các rạp hát, rạp chiếu phim của Nhà nước đã đáp ứng tương đối nhu cầu hưởng thụ người dân. Hệ thống các nhà hát tập trung tại 02 thành phố lớn là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh (13 nhà hát) còn lại là các thành phố, thị xã của các tỉnh. Là trung tâm văn hóa lớn của cả nước, Hà Nội đang sở hữu một hệ thống đơn vị hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, riêng loại hình sân khấu đã có hơn mười đơn vị cấp nhà hát với đa dạng thể loại kịch chủng. Đây là một đặc trưng văn hóa đáng tự hào, vì không phải thành phố nào cũng có thể xây dựng nên các thiết chế nhà hát đa dạng như vậy.

Hoạt động chủ yếu của các nhà hát hiện nay là biểu diễn phục vụ nhân dân các chương trình nghệ thuật biểu diễn trong và ngoài nước và tổ chức các chương trình nghệ thuật phục vụ các ngày Lễ lớn của đất nước và các tỉnh, thành phố. Nhiều rạp hát trở thành điểm hẹn văn hóa của người dân bởi không chỉ được thưởng thức các tác phẩm hay, mà còn là nơi giao lưu gặp gỡ, được hưởng trọn vẹn bầu không khí nghệ thuật.

Các rạp chiếu phim tại các thành phố lớn thường được bố trí ngay trong các trung tâm thương mại với đầy đủ tiện ích, chuyên nghiệp, hiện đại, không thua kém bất kì rạp chiếu phim quốc tế nào. Tại các tỉnh, thành khác, hiện nay các rạp chiếu

phim cũng đang được đầu tư, nâng cấp, đồng bộ hoá để đáp ứng nhu cầu người dân, tạo ra một diện mạo mới cho việc hưởng thụ văn hóa của nhân dân.

Về hệ thống tượng đài, hiện nay trong cả nước có trên 400⁵ công trình tượng đài, kể cả số được xây dựng trước năm 1975 ở khu vực miền Nam trước đây (có công trình tượng đài, có công trình có tượng đài và phù điêu; tranh hoành tráng). Tượng vườn hoa, công viên, tượng trong các khu du lịch có khoảng 700 tượng (có kích thước nhỏ khoảng 2m trở xuống). Các công trình tượng đài, công trình mỹ thuật công cộng chính là công trình văn hóa nghệ thuật ca ngợi những chiến thắng, những sự kiện lịch sử, lãnh tụ và danh nhân của dân tộc, đồng thời là tác phẩm mỹ thuật đem đến cảm xúc thẩm mỹ, truyền tải thông điệp về giáo dục, tôn vinh truyền thống cách mạng, lòng tự hào dân tộc, tạo nên môi trường thẩm mỹ nhân văn, hướng thiện. Một số công trình tượng đài được khánh thành đi vào sử dụng gần đây đã trở thành những địa chỉ sinh hoạt văn hóa cộng đồng, tổ chức các sự kiện chính trị của địa phương, trở thành điểm tham quan du lịch như: Tượng đài Bác Hồ với Tây Nguyên ở Gia Lai; Tượng đài Mẹ Việt Nam anh hùng ở Quảng Nam; Tượng đài Bác Hồ với nhân dân các dân tộc ở Tuyên Quang... Các tượng vườn hoa ra đời từ các Trại sáng tác phù điêu khắc được đặt ở các khu du lịch, các bãi biển, như dọc hai bên bờ sông Hương (Thừa Thiên Huế), các bãi biển như Vũng Tàu, Nha Trang, Hải Phòng, các khu du lịch như Hội An - Quảng Nam, Framingo Đại Lải - Hà Nội, Châu Đốc - An Giang... đã tạo nên những địa điểm du lịch, hấp dẫn khách du lịch trong nước và quốc tế.

Về hệ thống các công trình thể thao, hiện nay, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang trực tiếp quản lý, khai thác, sử dụng các công trình thể dục, thể thao thuộc Khu Liên hợp thể thao quốc gia, 3 Trường Đại học Thể dục, thể thao (ở Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh) và các Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia (Hà Nội, Đà Nẵng, TP Hồ Chí Minh và Cần Thơ), đồng thời thực hiện chức năng: đào tạo cán bộ thể dục, thể thao; đào tạo vận động viên các đội tuyển, đội tuyển trẻ quốc gia; tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao của quốc gia, quốc tế; tổ chức các hoạt động dịch vụ thể dục, thể thao (ngoài thời gian thực hiện nhiệm vụ chuyên môn). Việc khai thác sử dụng cơ sở vật chất theo hình thức sự nghiệp có thu, ngoài thực hiện chuyên môn, nhiệm vụ, được tổ chức các hoạt động dịch vụ.

Các công trình thể thao ở cấp tỉnh và cấp huyện nhìn chung đã được quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả tốt để phục vụ tổ chức các giải thể thao cấp quốc gia, quốc tế và của địa phương; tổ chức tập huấn, tập luyện của lực lượng vận động viên thể thao đội tuyển tỉnh, thành phố; đào tạo hướng dẫn viên, cộng tác viên; tổ chức các hoạt động dịch vụ, khai thác phục vụ nhân dân tập luyện hàng ngày (một số trung tâm thuộc các thành phố lớn thường xuyên hoạt động đến 23 giờ đêm).

2.2. Hạn chế

Mặc dù các chính sách đầu tư cho thiết chế văn hóa đã được cụ thể hoá, phần nào đáp ứng nhu cầu người dân, song ở nhiều nơi và nhiều địa phương, vẫn còn tình trạng cơ sở vật chất của các TCVH chưa đáp ứng được nhu cầu.

⁵ <https://tuoitre.vn/tuong-dai-cho-ai-1329204.htm>, ngày đăng 10/6/2017.

Đối với thiết chế nhà văn hóa, khu thể thao, hiện nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước có nhà văn hóa nhưng không có đủ công năng hoặc thiết kế không phù hợp với chức năng, nhiệm vụ hoặc được giao trụ sở cũ sửa chữa cải tạo, nâng cấp (Điện Biên, Tuyên Quang, Yên Bái, Lai Châu, Ninh Bình, Thanh Hoá, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Đồng Nai, Tiền Giang, Hậu Giang, Quảng Ninh, Phú Thọ). Cơ bản, Trung tâm văn hóa các tỉnh đã xuống cấp, có nơi chỉ có trụ sở làm việc, có nơi không có trụ sở độc lập, chưa được bố trí quy hoạch quỹ đất để xây dựng, phải hoạt động chung trong các thiết chế khác hoặc có trụ sở làm việc nhưng không có hội trường và các phòng chức năng. Một số nhà văn hóa được xây dựng trước khi ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, hoặc sửa chữa từ nhà kho, nhà trẻ mẫu giáo nên quy mô nhỏ, thậm chí nhiều nhà văn hóa dột nát, khuôn viên chật hẹp đang trong tình trạng xuống cấp nên số lượng Nhà văn hóa thôn, xóm, ấp đạt quy định của Bộ VHTTDL chưa cao, nhất là vùng núi phía Bắc, vùng đồng bằng Sông Cửu Long. Mặt khác, thiếu nguồn lực vận hành các thiết chế văn hóa này do thiếu kinh phí. Vì thế, hiện tượng các Trung tâm văn hóa – khu thể thao xã, Nhà văn hóa – thể thao thôn/ấp chỉ nhón nhíp vào các dịp lễ hội, phần lớn thời gian còn lại thông thường chỉ sử dụng hội họp, tổ chức Đại hội, hội nghị nên thiếu sức sống. Một số nơi, nhà văn hóa được xây dựng nhưng lại bỏ không hoặc rất ít khi sử dụng, gây nên sự lãng phí. Tại Hoà Bình, theo báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, sau khi thực hiện đề án sáp nhập thôn, xóm, tổng số nhà văn hóa không sử dụng hiện còn gần 500 nhà⁶. Kinh phí hoạt động thường xuyên của các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đã được cấp nhưng nhiều địa phương phân bổ không đảm bảo cho các hoạt động của thiết chế.

Một số nơi đã có trung tâm văn hóa nhưng vẫn bị chuyển đổi vị trí để phục vụ mục đích kinh doanh thương mại (Ninh Bình, Đà Nẵng, Cầu Mau). Cơ sở vật chất trung tâm văn hóa các tỉnh cũ kỹ, xuống cấp, hoặc vừa được đầu tư, xây mới nhưng đã bộc lộ những bất cập (thiếu các hạng mục theo quy định, trang thiết bị chưa đồng bộ, địa điểm xây dựng chưa phù hợp...). Nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất không có thiết chế văn hóa - thể thao phục vụ đời sống văn hóa tinh thần, luyện tập thể dục, thể thao của người lao động. Nhiều nơi được đầu tư nhưng hoạt động của các thiết chế này, chưa phát huy đúng tầm quy mô đầu tư xây dựng, gây tốn kém, lãng phí. Trong đó phải kể tới hàng nghìn nhà văn hóa cộng đồng được xây dựng với mức kinh phí hơn 100 triệu đồng đang hoang vắng, hư hỏng dần tại nhiều buôn làng ở 05 tỉnh Tây Nguyên, do công tác quản lý, khai thác các thiết chế văn hóa này còn bị bỏ ngỏ, do những bất cập trong việc quy hoạch xây dựng vị trí xa dân, ít người qua lại.

Với thiết chế Rạp chiếu phim, sự phân bố số lượng cũng như chất lượng rạp chiếu phim giữa các vùng miền còn nhiều chênh lệch. Một số tỉnh chưa có rạp chiếu phim, các khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghiệp, khu đô thị và các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa có quy hoạch địa điểm xây dựng các rạp chiếu phim. Quy mô của các rạp còn nhỏ, hoạt động khó khăn và mang tính cầm chừng.

⁶ Diệu Linh (2020), “Nhà văn hóa nông thôn: Nơi bỏ hoang, nơi muốn chẳng được”,
nguồn: <https://vtv.vn/xa-hoi/nha-van-hoa-nong-thon-noi-bo-hoang-noi-muon-chang-duoc-20200824142425249.htm>

Rất nhiều rạp ở các tỉnh lẻ, các huyện, thị đều không có nguồn thu do trang thiết bị cũ kỹ, lạc hậu. Ngay tại Hà Nội, TP Hồ Chí Minh và 1 số tỉnh, thành phố khác, các rạp chiếu phim của Nhà nước đang trở nên xuống cấp, không cạnh tranh được với các rạp tư nhân. Điều này dẫn đến phim Việt Nam cũng không vào rạp nhiều và thường ở những khung giờ ít người xem. Điều này được cho là một thiệt thòi lớn với các nhà làm phim Việt cũng như câu chuyện quảng bá văn hóa Việt.

Với thiết chế Tượng đài, gần đây, câu chuyện các tỉnh, thành đua nhau lập tượng đài đã phản ánh nhiều trên các phương tiện truyền thông. Thực tế, để xây dựng một công trình tượng hoành tráng đài rất tốn kém và đòi hỏi về không gian, mỹ quan cao. Nhưng một thực trạng hiện nay, ở các địa phương, nhiều tượng đài nà ná giống nhau: thô, sáo mòn, rập khuôn, cũ kỹ, nhàm chán, đơn điệu... Do yếu về chuyên môn nên có tượng đài càng to, càng cao càng lộ sự yếu kém, non nớt về tay nghề của tác giả tượng đài đó. Chất lượng xây dựng tượng đài hiện nay cũng là cả một vấn đề. Đã có nhiều công trình tượng đài bị rút ruột như khi xây tượng đài Điện Biên Phủ... Còn mới đây, một tượng lớn ở Quảng Ninh bị sét đánh vỡ lộ ra chất lượng quá tồi. Nó thể hiện sự tùy tiện, yếu kém của cơ quan hữu quan: quy hoạch, thiết kế, xây dựng, giám sát, chủ đầu tư... Nghịch lý hiện nay, ở Việt Nam chỉ có khoảng chục nhà điêu khắc tượng đài có tay nghề vững, nghiêm túc, trong khi lại có cả gần nghìn tượng đài lớn nhỏ. Do đó việc sao chép, mô phỏng tượng đài một cách khiên cưỡng gây ra sự phản cảm, lãng phí nguồn lực.

Về thiết chế thư viện, nhiều tỉnh cơ sở vật chất cũ kỹ, tài liệu ít ỏi. Ngay cả Thư viện quốc gia, rất nhiều đầu sách hoặc không có, hoặc quá cũ nát. Phòng đọc sách nhiều nơi tạm bợ, không đủ ánh sáng và không gian yên lặng. Số lượng tài liệu điện tử cho các thư viện hiện nay cũng chưa nhiều. Việc số hóa tài liệu chủ yếu được thực hiện trong các thư viện là tài liệu nội sinh (tại đại học, viện nghiên cứu), tài liệu hết bản quyền, tài liệu địa chí (thư viện công cộng)... Nhiều tài liệu người đọc vẫn phải đến tận nơi mượn, chờ đợi mà chưa khai thác được trên internet dẫn đến lãng phí thời gian và đôi lúc gây quá tải cho thư viện.

Với các rạp hát, nhìn chung, các rạp xây dựng cách đây mấy chục năm, nay nội thất cũ kỹ và mỹ quan bị chi phối bởi kiến trúc ngoại cảnh. Hiện nay, một số rạp hát được tôn tạo hay xây mới nhưng không sử dụng hết công suất, bị xâm phạm hay sử dụng sai mục đích khiến mỹ quan của công trình văn hóa bị ảnh hưởng... Có sự phân bố không đồng đều giữa các vùng (Đồng bằng sông Hồng: 28 nhà hát; Trung du và Miền núi Bắc Bộ: 06 nhà hát; Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung: 16 nhà hát; Tây Nguyên: 0 nhà hát; Đông Nam Bộ: 20 nhà hát; Đồng bằng sông Cửu Long: 08 nhà hát). Nhiều rạp hát quá cũ nên không đáp ứng được chất lượng âm thanh, ánh sáng, không gian cho các ý tưởng nghệ thuật.

Tại Hà Nội, vấn đề gây bức xúc nhất trong dư luận hiện nay là một số dự án công viên chậm tiến độ, bị lấn chiếm, hoặc thiếu quản lý dẫn đến xuống cấp, nhếch nhác. Đối với dự án Công viên văn hóa - thể thao - vui chơi Đống Đa, một phần trong 19.000m² được giải phóng mặt bằng hiện đã xây trạm điện, sân bóng đá, làm trường học. Một số công viên lớn như Hello Kitty (quận Tây Hồ), Kim Quy (huyện

Đông Anh)... đều chưa khởi công, mặc dù theo kế hoạch, đã qua thời điểm khánh thành.

Việc đầu tư cho đội ngũ cán bộ công tác tại hệ thống thiết chế văn hóa còn chậm và thiếu (ví dụ phụ cấp chức vụ BGD TTVH cấp tỉnh luôn thấp hơn so với các đơn vị sự nghiệp cùng ngành)... Những địa phương vùng sâu vùng xa, cán bộ làm công tác văn hóa chủ yếu là kiêm nhiệm, chuyên môn nghiệp vụ không có trong khi ngành này lại đòi hỏi sự đặc thù. Mức thù lao cho các diễn viên tại các nhà hát quá thấp, không diễn viên nào sống bằng nghề mà phải kiêm thêm những công việc khác như hát sự kiện, trang điểm thuê, cho thuê quần áo... Nghệ sĩ còn lăn lộn với cơm áo nên khó giữ được đam mê với nghề, đặc biệt là không thu hút được những tài năng trẻ.

Nguyên nhân của những hạn chế

Nguyên nhân đầu tiên chính là việc ban hành luật thiếu đồng bộ, chất lượng của nhiều bộ luật về văn hóa chưa cao, chưa sát hợp với thực tế. Ví như câu chuyện về quỹ đất dành cho thiết chế nhà văn hóa. Theo quy chuẩn của Bộ VHTTDL, nhà văn hóa xã, phường, thị trấn, xóm, tổ dân phố, thôn bản có sân thể thao gắn với tiêu chí xây dựng nông thôn mới phải đảm bảo 1.800m² trở lên đối với khu vực miền núi, 2.500m² đối với khu vực đồng bằng. Đây đang là thách thức đối với các địa phương do thiếu quỹ đất. Công tác thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng các thiết chế văn hóa xã, thôn, theo Luật Đất đai trình tự thủ tục phức tạp, mất nhiều thời gian nên việc quy hoạch dành quỹ đất, xây dựng thiết chế văn hóa không phù hợp, xa khu dân cư dẫn đến hiệu quả, tần suất sử dụng thấp. Việc thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công hiện nay gây khó khăn cho các đơn vị sự nghiệp trong việc khai thác nguồn thu, bảo đảm các đơn vị có thể tự thu, tự chi nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và tái đầu tư cơ sở vật chất của đơn vị. Hầu hết các địa phương cũng cho rằng, kinh phí hoạt động thường xuyên của nhà văn hóa, Trung tâm Văn hóa - Thể thao phường hiện nay phần lớn dựa vào sự quan tâm của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương. Điều này dẫn đến việc không thể tổ chức được các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao quy mô, tầm cỡ để thu hút đông đảo người dân, khó theo kịp với yêu cầu của thực tiễn và xu hướng phát triển văn hóa, thể thao của một xã hội hiện đại, đáp ứng được nhu cầu của người dân trong thời đại mới

Khó khăn lớn thứ hai là khâu xã hội hoá bởi rất ít doanh nghiệp hào hứng đầu tư cho văn hóa, nhất là các thiết chế văn hóa. Ngay cả các thiết chế như nhà hát, rạp chiếu phim, tượng đài hoành tráng thì việc đầu tư cần rất nhiều tiền nhưng hiệu quả lại không cao, chưa kể là công trình toàn dân nên dễ bị cả xã hội đánh giá, soi xét khiến các nhà đầu tư có tâm lý e ngại.

Thứ ba, bộ máy quản lý nhà nước về văn hóa cồng kềnh, ô mồm, thiếu phân định rõ chức năng, nhiệm vụ. Điều này dẫn tới chồng chéo chức năng, cản trở hiệu lực và hiệu quả của bộ máy quản lý nhà nước. Mô hình tổ chức thiếu ổn định, luôn thay đổi, có mô hình ra đời thiếu tính khoa học hạn chế hiệu quả công tác. Thời kỳ

đầu đôi mới, bộ máy Nhà nước có bộ phận tham mưu nào thì bên Đảng cũng có bộ phận tương ứng dẫn đến khó thống nhất trong việc chỉ đạo thực hiện và quản lý.

3. Một số đề xuất giải pháp phát huy hiệu quả chính sách đầu tư cho thiết chế văn hóa

Thứ nhất, cần hoàn thiện cơ chế, chính sách để vận thông hiệu quả, đồng thời tiết kiệm được kinh phí, giảm tải sự bao cấp cho Nhà nước. Thực tế, hệ thống chính sách ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến TCVH. Nếu chính sách bao quát, phù hợp, kịp thời thể chế hoá các quan hệ xã hội, xác định đúng đối tượng, tạo hành lang pháp lý cho tổ chức và hoạt động của TCVH sẽ là cơ sở quan trọng trong việc tăng cường hiệu lực, hiệu quả QLNN đối với các TCVH. Để hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao ngày càng hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu sinh hoạt của nhân dân cần xác định rõ các giải pháp, lộ trình để quản lý và sử dụng các thiết chế văn hóa, thể thao theo hướng rà soát tổng thể, cập nhật và điều chỉnh, bổ sung về lĩnh vực này như quan tâm dành quỹ đất cho các thiết chế văn hóa và thể thao; dành nguồn lực từ đầu tư công, thực hiện chính sách xã hội hóa nhằm thu hút đầu tư.

Thứ hai, cần huy động nguồn lực từ xã hội và tạo cơ chế hợp lý để Nhà nước và Nhân dân cùng làm. Các đơn vị phải năng động, phải phát triển theo hướng tự chủ, đẩy mạnh hợp tác công - tư, xóa bỏ bao cấp, bởi nếu duy trì cơ chế cũ thì bao nhiêu tiền ngân sách Nhà nước cũng thấy thiếu. Trên cơ sở lấy nguồn lực bên trong là cơ bản, việc đẩy mạnh hợp tác công - tư, phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với các bộ, ngành, các cơ quan để huy động sức mạnh tổng hợp là điều cần thiết để việc quản lý các thiết chế văn hóa đạt hiệu quả. Việc lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản từ trung ương tới địa phương cần thống nhất và chú trọng tới việc triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách liên quan tới xây dựng, quản lý, sử dụng và tổ chức các hoạt động hệ thống thiết chế văn hóa như cơ chế quản lý, chính sách về sử dụng đất, chính sách về tài chính, chế độ đãi ngộ...

Thứ ba, đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt sâu sắc, nội dung ý nghĩa về tầm quan trọng của quy hoạch, xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao ở các cấp, các ngành, nhất là trong nhân dân, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, tạo động lực cho mọi tầng lớp nhân dân tự giác, tích cực hưởng ứng tham gia. Tăng cường vai trò quản lý nhà nước, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phối hợp các cơ quan liên quan thường xuyên rà soát, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai thực hiện công tác quản lý, sử dụng tại các thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở. Qua đó, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, chấn chỉnh những nơi làm chưa tốt để có giải pháp nhằm thúc đẩy, phát huy hiệu quả của các công trình đã đầu tư, xây dựng.

Thứ tư, tăng cường các chế tài xử phạt một cách cụ thể, minh bạch làm căn cứ cho các hoạt động thanh, kiểm tra. Thực tế các hoạt động văn hóa hiện nay có rất nhiều vấn đề nhạy cảm, thậm chí có biến tướng, dẫn đến khâu xử lý rất lúng túng. Do đó, các quy định pháp luật cần bám sát hơn với thực tiễn và có sự điều chỉnh liên tục để cập nhật với tình hình thực tế.

Nhìn từ chiều sâu lịch sử, sức sống của các giá trị văn hóa Việt Nam xưa nay thường nằm ở cộng đồng, được cộng đồng nuôi dưỡng, duy trì, bảo tồn thông qua

các thiết chế văn hóa truyền thống. Ngày nay, song song các thiết chế văn hóa truyền thống, các thiết chế văn hóa hiện đại đã được bổ sung, nâng cấp, cả về lượng và chất. Việc nhận thức đúng, đủ sẽ tạo hiệu quả lớn trong các chính sách đầu tư cho các thiết chế văn hóa, không tạo khoảng trống làm phát sinh những tiêu cực, các loại hình phản văn hóa, tư tưởng cực đoan, sùng ngoại... góp phần giữ vững an ninh chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09-6-2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Tập 1, tr.146.
3. Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 1909/QĐ-TTg ngày 12-11-2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030.
4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2020), Tài liệu hội nghị *Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở*, tr.3.
5. Lê Thị Hiền, *Nghiên cứu đề xuất các giải pháp phát huy tổng hợp các giá trị văn hóa truyền thống và phát triển các giá trị văn hóa mới trong xây dựng nông thôn mới bền vững* - Đề tài khoa học cấp Nhà nước. H 2021.
6. <https://tuoitre.vn/tuong-dai-cho-ai-1329204.htm>, ngày đăng 10/6/2017.
7. Diệu Linh (2020), “*Nhà văn hóa nông thôn: Nơi bỏ hoang, nơi muốn chẳng được*”, nguồn: <https://vtv.vn/xa-hoi/nha-van-hoa-nong-thon-noi-bo-hoang-noi-muon-chang-duoc-20200824142425249.htm>.

ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO CHO HOẠT ĐỘNG CỦA THIẾT CHẾ VĂN HÓA TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

TS. Nguyễn Thanh Xuân

Trường Đại học Văn hóa Hà Nội

Thiết chế văn hóa đóng vai trò quan trọng và là một phần không thể thiếu trong đời sống văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị ... của đất nước. Trong những năm qua, thiết chế văn hóa đã và đang phát huy được những thành tựu đáng kể trong hoạt động văn hóa nói chung và hoạt động trong tổ chức biểu diễn nghệ thuật nói riêng. Tuy nhiên, việc phát triển nguồn nhân lực đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao trong các tổ chức văn hóa, nghệ thuật còn gặp nhiều khó khăn, chưa phát huy được những tiềm năng, hội nhập với nền công nghiệp văn hóa thế giới. Xuất phát từ lý do trên việc nghiên cứu đề xuất các giải pháp phát triển nguồn nhân lực trong các thiết chế văn hóa trong bối cảnh đi lên nền công nghiệp văn hóa, hội nhập với quốc tế là vấn đề cấp thiết hiện nay.

1. Chủ trương và định hướng trong đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật

Nguồn nhân lực chất lượng cao có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong gìn giữ, chấn hưng và phát triển nền văn hóa dân tộc. Nguồn nhân lực chính là nền móng của công nghiệp văn hóa. Đây là khâu then chốt, là cái gốc của mọi công việc. Chính vì thế, trong năm qua, đã có nhiều chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm phát huy hiệu quả nguồn lực này đáp ứng nhu cầu phát triển văn hóa đất nước trong thời kỳ mới. Có thể kể đến như: Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2030; Kết luận của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị văn hóa toàn quốc năm 2021 và các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về văn hóa, xây dựng đời sống văn hóa.

Nhằm tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có chuyên môn, trình độ, kỹ năng và nghiệp vụ, đáp ứng tốt yêu cầu bối cảnh, tình hình mới, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã triển khai nhiều đề án đào tạo, bồi dưỡng tài năng và nguồn nhân lực văn hóa nghệ thuật, thể thao, tiêu biểu như các đề án: “Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên trình độ cao trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật giai đoạn 2010-2020”; “Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo các trường văn hóa nghệ thuật”; “Đào tạo, bồi dưỡng và phát triển tài năng trẻ lĩnh vực văn hóa nghệ thuật”; “Tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng tài năng thể thao và nhân lực thể thao thành tích cao đến năm 2035”; “Xây dựng đội ngũ trí thức ngành văn hóa, thể thao và du lịch đến năm 2020, tầm nhìn 2030”; “Đào tạo tài năng văn hóa nghệ thuật giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn đến năm 2030”; “Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực văn hóa nghệ thuật ở nước ngoài đến năm 2030”....

Cùng với đó, Đảng và Nhà nước đã rất quan tâm và ban hành nhiều chính sách hỗ trợ đào tạo nhân lực văn hóa. Những chính sách về miễn, giảm học phí,

thậm chí là hỗ trợ học bổng đối với một đối tượng, cũng đã được áp dụng. Theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, học sinh, sinh viên học các ngành nghệ thuật truyền thống và đặc thù được giảm học phí. Cụ thể, mức giảm là 70% học phí đối với học sinh, sinh viên học các ngành nghệ thuật truyền thống và đặc thù trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học công lập, tư thục có đào tạo về văn hóa - nghệ thuật bao gồm: Nhạc công kịch hát dân tộc, nhạc công truyền thống Huế, đờn ca tài tử Nam Bộ, diễn viên sân khấu kịch hát, nghệ thuật biểu diễn dân ca, nghệ thuật ca trù, nghệ thuật bài chòi, biểu diễn nhạc cụ truyền thống; Mức giảm 70% học phí cũng được áp dụng đối với học sinh, sinh viên học các chuyên ngành: Nhã nhạc cung đình, Chèo, Tuồng, Cải lương, Múa, Xiếc.

Bên cạnh đó, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đang đề nghị xây dựng Nghị định quy định một số chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động chuyên môn trong các đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn. Mục tiêu của chính sách về chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp đối với viên chức, người lao động chuyên môn trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn nhằm điều chỉnh mức phụ cấp từ 15% lên 25% và từ 20% lên 30% đối với viên chức, người lao động làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn...

Tại Hội nghị toàn quốc về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam trực tiếp tại trụ sở Chính phủ và kết nối trực tuyến tới trụ sở Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các điểm cầu tại trụ sở UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ tướng chính phủ Phạm Minh Chính đã đề xuất xây dựng kế hoạch đổi mới hoạt động đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho phát triển công nghiệp văn hóa.

Mới đây nhất đầu năm 2024, Văn phòng Chính phủ ban hành Thông báo số 10/TB-VPCP kết luận tại phiên họp tổng kết công tác năm 2023, triển khai nhiệm vụ trọng tâm năm 2024. Theo đó, trong thời gian tới sẽ đầu tư và khuyến khích đầu tư phát triển hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở. Cùng đó là xác định rõ những khó khăn, vướng mắc và có đề xuất hướng xử lý cụ thể, nhất là liên quan đến tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực.... trong các đơn vị văn hóa, nghệ thuật.

Một số mô hình tổ chức đào tạo liên quan đến các ngành công nghiệp văn hóa đã được thực hiện theo hướng chuyên nghiệp, bài bản. Nhiều chương trình, giáo trình đào tạo ngày càng được hoàn thiện phù hợp với trình độ học (Năm 2004, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội đã được quỹ Ford tài trợ đào tạo nhân lực và xây dựng các giáo trình liên quan đến ngành công nghiệp văn hóa, Trường Đại học Văn hóa thành phố Hồ Chí Minh đã mở và đào tạo chuyên ngành về công nghiệp văn hóa). Chính sách đối với giảng viên, nhà giáo tham gia đào tạo, nhất là các ngành nghệ thuật đặc thù từng bước được quan tâm....

Với sự đặc biệt quan tâm của Đảng, Nhà nước và sự vào cuộc của các cấp, các ngành, các địa phương, thời gian qua nhiều thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở được địa phương tập trung đầu tư cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới, đưa vào hoạt động có hiệu quả.

Bước đầu, các ngành công nghiệp văn hóa dần trở thành những ngành kinh tế dịch vụ quan trọng; sự đầu tư nguồn vốn vào các ngành công nghiệp văn hóa đã thúc đẩy thị trường công nghiệp văn hóa có những bước tiến mới, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội.

2. Khái quát thực trạng nguồn nhân lực và công tác đào tạo nhân lực văn hóa, nghệ thuật hiện nay.

Hiện nay, nguồn nhân lực ngành văn hóa có thể chia thành các nhóm: 1) Những người làm công tác lãnh đạo, quản lý ở các cơ quan, đơn vị văn hóa, nghệ thuật; 2) Đội ngũ trực tiếp sáng tạo, thực hành và trình diễn văn hóa, nghệ thuật; 3) Lực lượng cung ứng các sản phẩm, dịch vụ văn hóa; 4) Đội ngũ công tác viên. Nguồn nhân lực nào cũng có vai trò, vị trí quan trọng, đảm nhiệm những sứ mệnh riêng để cùng hướng đến mục tiêu xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc, tạo ra đời sống tinh thần lành mạnh, phong phú, vui tươi.

Chúng ta cũng phải nhìn nhận thẳng thắn rằng, nguồn nhân lực trong thiết chế văn hóa vẫn chưa đáp ứng nhu cầu phát triển văn hóa đất nước trong thời kỳ mới cả về số lượng lẫn chất lượng.

Nếu tính về số lượng, cán bộ văn hóa hiện nay vẫn đang thiếu, nhất là trong những ngành nghệ thuật. Có thể kể đến sự thiếu hụt lực lượng giáo viên - giảng viên trình độ cao đứng lớp giảng dạy tại các trường đào tạo về văn hóa, nghệ thuật hoặc lực lượng biểu diễn nghệ thuật chất lượng cao tại các địa phương.

Nhiều cán bộ lãnh đạo và quản lý văn hóa trong các tổ chức nghệ thuật biểu diễn chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn, hầu hết những nhà quản lý trong các tổ chức này có trình độ chuyên môn nhưng khả năng về quản trị tài chính, quản trị tổ chức trong nền kinh tế thị trường còn yếu.

Trong lĩnh vực nghệ thuật truyền thống như: Cải lương, Ca cổ, Tuồng, Chèo... rất khan hiếm nguồn nhân lực, nhất là nhân lực trẻ tuổi. Ở một số nhà hát truyền thống từ trung ương đến địa phương đang ở tình trạng thừa chỉ tiêu biên chế nhưng lại không có người để tuyển. Để người trẻ dấn thân vào con đường nghệ thuật là vô cùng khó khăn, bởi lẽ các ngành nghề khác, các khu công nghiệp phát triển mang lại cho họ nhiều cơ hội nghề nghiệp tốt hơn là đi làm nghệ thuật truyền thống. Đó là lý do mà các cuộc thi tài năng đã rơi vào tình trạng “già hóa”.

Hiện nay Nhà hát cải lương Việt Nam có 73 lao động. Trong đó, đội ngũ diễn viên, nhạc công chiếm 63 người. Đội ngũ diễn viên trẻ dưới 30 tuổi tại nhà hát chỉ chiếm 10% trong khi những diễn viên từ 40-60 tuổi tại nhà hát chiếm tới khoảng 60%. Nhà hát chỉ có 5 nhạc công trong khi đó cần khoảng 12 nhạc công. 5 nhạc công thường xuyên đau ốm, nhà hát phải thuê đội ngũ bên ngoài. Hiện Ban giám đốc của nhà hát có 2 người. Trong tháng 8/2024 một phó giám đốc nghỉ hưu và ban lãnh đạo chỉ còn 1 giám đốc.

Năm học 2023 - 2024, Trường Đại học Sân khấu điện ảnh không tuyển được sinh viên cho bộ môn nghệ thuật truyền thống. Khóa học 2016 - 2018, đào tạo được 12 diễn viên từ hệ trung cấp lên đại học nhưng chỉ tuyển dụng được 3 diễn viên, 9 diễn viên còn lại theo nghề vì lương thấp và nhà hát không có đủ chỉ tiêu biên chế.

Nhà hát Tuồng Việt Nam, Nhà hát Chèo Việt Nam cũng đối mặt hoàn cảnh tương tự. Không tuyển được học sinh để đào tạo, thiếu trầm trọng các diễn viên trẻ và nhạc công. Bởi với mức lương 1,86 x 1.800.000 khó để một người trẻ mới vào có thể tồn tại được tại giữa Hà Nội - đô thị có chi phí đắt đỏ. Chính vì vậy đây là vấn đề đặt ra cho đối tượng cần đào tạo và hướng đến cơ chế đặc thù cho những đối tượng để họ thực sự yên tâm với nghề.

Công tác tuyển sinh đầu vào gặp khó khăn, tỷ lệ học sinh theo học các ngành năng khiếu nghệ thuật ngày càng giảm, nhiều học sinh có năng khiếu nhưng không theo học. Trong khi đó, văn hóa nghệ thuật thuộc ngành đào tạo đặc thù, khổ luyện, đòi hỏi đầu tư dài hạn, liên tục, thường xuyên, lâu dài. Bởi tài năng nghệ thuật gắn liền với yếu tố bẩm sinh cũng như truyền thống nghệ thuật của gia đình, dòng họ. Tuy nhiên, có một quy luật nghiệt ngã trong nghệ thuật là thời gian đào tạo, huấn luyện dài, gian khổ nhưng khoảng thời gian tỏa sáng, thăng hoa lại mang tính thời điểm, gắn liền với giai đoạn sung sức nhất của nghệ sĩ. Khi bước sang tuổi trung niên, nhiều nghệ sĩ ở một số loại hình nghệ thuật bắt đầu giải nghệ, lui vào cánh gà hoặc đảm nhận những công việc hành chính khác. Đặc thù là thế nhưng lâu nay việc phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng tài năng nghệ thuật thường bị hòa lẫn với mọi ngành nghề đào tạo khác, cào bằng chung, không có sự phân biệt rõ ràng bằng những cơ chế, chính sách đủ mạnh.

Công tác đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý văn hóa chưa đáp ứng được yêu cầu, thiếu cán bộ văn hóa ở các vị trí quan trọng, nguồn nhân lực chất lượng cao trong văn hóa còn nhiều hạn chế, bất cập. Một số cơ sở đào tạo chưa chú trọng trong việc xây dựng những kế hoạch dài hạn phát triển đội ngũ giảng viên, giáo viên và cán bộ quản lý nên dẫn đến sự thiếu hụt về đội ngũ giảng viên, giáo viên có trình độ chuyên sâu. Số lượng giảng viên, giáo viên được gửi đi nước ngoài đào tạo các ngành, đặc biệt là nguồn nhân lực nghệ thuật biểu diễn gặp khó khăn vì khả năng ngoại ngữ và kinh phí đào tạo.

Bên cạnh đó, các chương trình đào tạo của một số chuyên ngành nghệ thuật tại các trường đào tạo về văn hóa nghệ thuật chậm đổi mới để theo kịp thời đại, giáo trình không còn phù hợp, chưa được cập nhật, sách tham khảo, sách chuyên khảo nhằm phục vụ đào tạo và bồi dưỡng phát triển tài năng chưa được đầu tư. Đặc biệt, chưa có sự gắn kết, liên hệ thường xuyên giữa cơ sở đào tạo và đơn vị sử dụng nguồn nhân lực.

Mức độ đầu tư, chính sách tuyển dụng, chế độ đãi ngộ... đối với các nghệ nhân, với các tài năng nghệ thuật nói riêng và văn nghệ sĩ, tầng lớp trí thức nói chung còn chưa phù hợp. Lực lượng sáng tác, nghiên cứu, lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật còn yếu và thiếu. Chưa có sự gắn kết và mối quan hệ thường xuyên, chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo và đơn vị sử dụng lao động. Các cơ sở đào tạo còn thiếu sự liên kết với nhau, đặc biệt giữa các trường trung ương đến địa phương. Chương trình đào tạo một số ngành nghề chậm đổi mới, giáo trình còn thiếu, chưa hoàn chỉnh, nhiều giáo trình không còn phù hợp, chưa được điều chỉnh, cập nhật, hệ thống tài liệu, sách tham khảo nhằm phục vụ đào tạo, bồi dưỡng và phát triển tài năng chưa được đầu tư.

Nguồn nhân lực cho sự phát triển văn hóa còn yếu và thiếu các kỹ năng chuyên môn và quản lý văn hóa trong bối cảnh nền kinh tế thị trường, đặc biệt là năng lực đổi mới sáng tạo, các kỹ năng quản trị kinh doanh. Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý về văn hóa ở các cấp không theo kịp sự phát triển phong phú, đa dạng, xuất hiện nhiều hiện tượng mới và phức tạp của hoạt động văn hóa, dẫn tới lúng túng trong hoạch định chính sách, trong hướng dẫn tổ chức thực hiện, trong xử lý các vụ việc vi phạm luật pháp và các chính sách về văn hóa.

Có một thực tế là đa số đội ngũ nhân lực từ quản lý, kinh doanh cho đến sáng tạo trong các ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam hiện nay hoặc là được đào tạo trong nước, hoặc là con nhà nòi, hoặc trưởng thành theo kiểu được “truyền nghề”... Trong khi đó, số lượng được đào tạo bài bản ở môi trường nước ngoài chưa nhiều.

Ở địa phương, sự yếu kém của một số đơn vị nghệ thuật truyền thống cũng đã bộc lộ vai trò mờ nhạt của Giám đốc, Trưởng đoàn. Quanh năm họ không mở các lớp tập huấn hay rèn giữa cho diễn viên trẻ; khi có cuộc thi thì vội vã mời thầy dạy cấp tập đôi tuần. Chính vì thế, tiết mục dự thi của những đơn vị này tại các liên hoan rất sơ sài, bản thân nghệ sĩ phải tự nỗ lực cố gắng chứ không có nhiều sự hậu thuẫn từ đơn vị.

Nhiều năm qua, chế độ, chính sách với viên chức, người lao động trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn đã và đang tồn tại rất nhiều vướng mắc, bất cập, ảnh hưởng tới hiệu quả của các thiết chế văn hóa. Cụ thể Quyết định số 14/2015/QĐ-TTg về chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp và chế độ bồi dưỡng đối với người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn đã bộc lộ một số hạn chế, bất cập về đối tượng được hưởng, mức hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp, chế độ bồi dưỡng luyện tập, biểu diễn.

Về thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp: Chế độ tiền lương được tính cho phần lớn viên chức có chức danh nghề nghiệp diễn viên hạng IV được áp dụng ngạch lương của viên chức loại B từ hệ số lương 1,86 đến hệ số lương 4,06; diễn viên hạng III số lượng này không nhiều được áp dụng ngạch lương của viên chức loại A1 từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98. Nhiều bộ môn nghệ thuật chưa đào tạo ở bậc đại học nên số viên chức đáp ứng tốt về chuyên môn, chuyên ngành nhưng khả năng thăng hạng lên hạng III không nhiều, việc thăng hạng lên hạng II gần như không có.

Trong khi đó, đối với viên chức có thâm niên công tác, đã công hiến 10 năm trung bình ở độ tuổi 35 hưởng như sau: mức lương cơ sở là 1.800.000 đồng; phụ cấp ưu đãi nghề 15% - 20%; hệ số lương trung cấp của viên chức loại B bậc 5 sẽ là 2,66; trừ 10,5% bảo hiểm xã hội thì thu nhập có nguồn gốc từ lương mà người viên chức được nhận là 4.928.049 đồng, mức lương này cũng chỉ nhỉnh hơn mức lương tối thiểu vùng quy định tại Nghị định 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ quy định về mức lương tối thiểu 4.680.000 đồng/tháng được áp dụng cho vùng I đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động là 248.049 đồng. Với mức lương và phụ cấp ưu đãi nghề như hiện nay thì viên chức, người lao động chuyên môn công tác trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn gặp rất nhiều khó khăn, thậm chí thu nhập còn thấp hơn mức lương tối thiểu được áp dụng cho vùng I đối với người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động.

Về thực hiện chế độ bồi dưỡng luyện tập, chế độ bồi dưỡng biểu diễn: Quyết định số 14/2015/QĐ-TTg quy định mức bồi dưỡng luyện tập, bồi dưỡng biểu diễn theo mức tiền cụ thể chế độ bồi dưỡng luyện tập thấp nhất là 35.000 đ/buổi tập và mức cao nhất là 80.000 đ/buổi tập; chế độ bồi dưỡng biểu diễn thấp nhất là 80.000 đ/buổi biểu diễn và cao nhất là 200.000 đ/buổi biểu diễn. Tuy nhiên, từ năm 2015 đến nay, sau 6 lần tăng lương cơ sở, mức tiền bồi dưỡng như trên vẫn giữ nguyên, không theo kịp so với nhu cầu của cuộc sống, vì vậy không khích lệ, động viên được viên chức, người lao động chuyên môn trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn.

Về chính sách tuổi nghỉ hưu đối với viên chức trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn: Hiện nay, các đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn tồn tại nhiều diễn viên lớn tuổi nam từ trên 45 tuổi đến dưới 55 tuổi, nữ trên 40 tuổi đến dưới 50 tuổi trong biên chế, tuổi nghề đã hết nhưng chưa đủ tuổi để nghỉ hưu, vẫn ở lại đơn vị khoảng từ 10 đến 15 năm hưởng lương và các chế độ khác để chờ đủ tuổi nghỉ hưu gây khó khăn cho đơn vị sự nghiệp công lập trong quá trình thực hiện nhiệm vụ về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, khó khăn trong việc tuyển viên chức trong độ tuổi làm nghề để nâng cao chất lượng biểu diễn nghệ thuật.

Bất cập về tuổi nghỉ hưu và giải quyết chính sách bảo hiểm xã hội đối với viên chức, người lao động trở nên khó khăn hơn khi thực hiện quy định tăng tuổi nghỉ hưu theo Bộ luật Lao động năm 2019. Chính sách về hưu sớm hơn 5 năm so với quy định thông thường nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế.

3. Một số giải pháp phát triển và đào tạo nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật hiện nay.

Để phát triển các thiết chế văn hóa, chúng ta nên bắt đầu bằng con người trong lĩnh vực ấy. Muốn tháo gỡ những điểm nghẽn của nguồn nhân lực trong các thiết chế văn hóa theo chúng tôi, nên tập trung vào mấy điểm chính:

Thứ nhất, nâng cao hơn nữa nhận thức của toàn xã hội về vai trò, giá trị của văn hóa nghệ thuật trong đời sống xã hội. Trên thế giới, phát triển công nghiệp văn hóa tại các nước đang diễn ra mạnh mẽ, được xem là xu thế và dần trở thành động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội của các quốc gia.

Nếu trước đây, văn hóa chỉ được xem như là các hoạt động vui chơi giải trí, là lĩnh vực tinh thần thuần túy, thì nay dù không coi văn hóa là công cụ kiếm tiền, song chúng ta hoàn toàn có thể làm giàu từ văn hóa - và đó chính là câu chuyện của công nghiệp văn hóa.

Bên cạnh đội ngũ trí thức, các văn nghệ sĩ, Việt Nam còn có đội ngũ nghệ nhân dân gian trong các lĩnh vực âm nhạc, hội họa, làng nghề truyền thống... Họ là những “báu vật sống” của đất nước trong việc giữ gìn và phát huy giá trị di sản văn hóa, phát triển các ngành công nghiệp văn hóa như du lịch, thủ công mỹ nghệ, âm nhạc...

Việt Nam đang là quốc gia trung bình về phát triển công nghiệp văn hóa và còn nhiều dư địa phát triển. Chỉ khi chúng ta coi công nghiệp văn hóa là một ngành mũi nhọn thì lúc đó nguồn nhân lực trong các thiết chế văn hóa mới được đầu tư, quan tâm và tôn vinh đúng mức.

Đồng thời, ngành văn hóa rất cần sự chung tay, góp sức của toàn dân, sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước để văn hóa thực hiện được sứ mệnh “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi” như Bác Hồ đã căn dặn.

Thứ hai, đổi mới cơ chế, chính sách, luật pháp về phát triển nhân lực là khâu đột phá trong phát triển nhân lực, dần hình thành một hệ thống cơ chế, chính sách chính phát triển nhân lực được thể chế hóa bằng các văn bản pháp luật hoàn chỉnh và đồng bộ. Lấy người lao động trong các thiết chế văn hóa là trọng tâm để chúng ta xây dựng các chính sách phù hợp.

Cụ thể:

- *Về Chính sách thúc đẩy tuyển sinh*

Đưa âm nhạc, nghệ thuật và các phẩm chất nghệ thuật khác vào hệ thống đánh giá toàn diện ở phổ thông, đồng thời quy định điểm thi nghệ thuật sẽ được tính vào tổng điểm của học kỳ và kỳ thi tuyển sinh cấp 3.

Tăng cường hiệu quả công tác giáo dục thẩm mỹ trong các trường cao đẳng và đại học. Theo đó, mỗi sinh viên phải hoàn thành các khóa học nghệ thuật công cộng do nhà trường quy định thì mới đủ điều kiện tốt nghiệp.

Có những chính sách kể trên thì nghệ thuật sẽ không còn là lựa chọn dành cho thiểu số, nhu cầu giáo dục nghệ thuật không ngừng được cải thiện, đóng góp nguồn nhân lực dồi dào cho nghệ thuật chuyên nghiệp. Đào tạo nghệ thuật không chỉ là tiêu thụ văn hóa nghệ thuật, mà còn là tái tạo văn hóa nghệ thuật và thị trường đào tạo nghệ thuật phát triển mạnh mẽ sẽ khiến ngành công nghiệp văn hóa có thêm nguồn lực để phát triển bền vững.

- *Về chính sách thúc đẩy đào tạo*

Hiện nay, người Việt Nam ở nước ngoài làm trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật chiếm số lượng khá nhiều. Ở Mỹ, Anh, Hàn Quốc, Nhật Bản, họ là những người vừa có chuyên môn, kinh nghiệm lại có những mối quan hệ đa quốc gia trên thế giới. Chúng ta có thể mời các chuyên gia này về Việt Nam làm việc hoặc giảng dạy tại các trường nghệ thuật, truyền thụ các kinh nghiệm quốc tế cho sinh viên hoặc có thể mời họ làm việc online, hoặc tranh thủ mời họ về nước làm việc trong kỳ nghỉ Giáng sinh hoặc trong dịp Tết Nguyên đán. Từ đó, cần tạo chương trình đào tạo và phát triển cho nguồn nhân lực với việc học hỏi từ các chuyên gia nước ngoài hoặc Việt kiều có kinh nghiệm. Cùng kiều bào thành lập trung tâm nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa. Nghiên cứu xu hướng mới, trào lưu mới của thế giới.

Cần có tầm nhìn xa cho công tác gửi nguồn nhân lực nghệ thuật ra nước ngoài, vì thời gian của chính sách đầu tư cho lao động này khá dài, mất từ 3 đến 5 hoặc 7 năm để có thể sử dụng được nguồn lực.

Lấy ví dụ một kinh nghiệm quốc tế nổi trội là Hàn Quốc khi xác định Công nghiệp giải trí là hướng đi cho phát triển đất nước, họ gửi hàng nghìn nhân lực đi đào tạo và lao động ở các nước phát triển nhất về giải trí, mang những kinh nghiệm bậc nhất trong lĩnh vực này về đất nước Hàn Quốc và phát triển thành một nền công

nghiệp to lớn, tạo ra một bước ngoặt về kinh tế và thương hiệu quốc gia. Cùng với các ngành kinh tế đi theo tạo trào lưu và phát triển rất mạnh là: thời trang, mỹ phẩm... đưa Hàn Quốc thực sự trở thành một tượng đài về định hướng và chính sách đầu tư cho lao động của họ.

Khi đưa nguồn nhân lực đi đào tạo ở nước ngoài cần xác định tập trung các nước và các lĩnh vực gửi người lao động chuyên gia tu nghiệp trọng điểm, thu nhập cao: ví dụ công nghiệp văn hóa tại Hàn Quốc, điện ảnh ở Mỹ, thời trang ở Pháp ...

Làm thế nào để nguồn nhân lực khi đi tu nghiệp ở nước ngoài phải với hành trang: thành phố, đất nước cần gì, sẽ đi theo hướng phát triển như thế nào; và trở về với hành trang: tôi làm được gì cho bản thân và vai trò của tôi trong công cuộc phát triển đó của đất nước.

Đặc biệt, tái đào tạo là yêu cầu bắt buộc để không lạc hậu trước những chuyển động không ngừng của cuộc sống. Nhưng, đào tạo phải gắn với nhu cầu thực tiễn và phải được rèn giũa trong môi trường thực tế để liên tục nâng chất.

- Có những chính sách đãi ngộ phù hợp để nghệ sĩ yên tâm cống hiến.

Nghệ thuật biểu diễn, trong đó có nhiều lĩnh vực mang tính đặc thù như xiếc múa - kịch hát dân tộc - các loại hình nghệ thuật cổ điển, hàn lâm (opera, ballet, giao hưởng - thính phòng...) đòi hỏi thời gian học tập, khổ luyện rất dài nhưng tuổi nghề cống hiến lại rất ngắn. Nhiều đối tượng thuộc danh mục nghề nghiệp, công việc nặng nhọc, độc hại, thậm chí là đặc biệt nguy hiểm nên ngoài các chính sách ưu đãi về tiền lương, tuổi nghỉ hưu, các nghệ sĩ còn chờ đợi chính sách chuyển đổi vị trí việc làm, đào tạo lại, chuyển đổi nghề nghiệp phù hợp để có thể phát huy tối đa kinh nghiệm cùng kỹ năng đã nhiều năm tích lũy, để các thế hệ kế tiếp có thể yên tâm học tập và có thêm động lực theo đuổi niềm đam mê. Cạnh đó, ngoài những nghệ nhân đã được biết đến, được vinh danh, còn rất nhiều “hạt ngọc quý” ẩn trong dân gian. Rất cần sự vào cuộc của cơ quan quản lý văn hóa địa phương một cách sâu sát, có thể “đãi cát tìm vàng”, mở rộng nguồn nghệ nhân dân gian để cống hiến cho sự phát triển văn hóa đất nước.

Cần đổi mới chính sách tiền lương, phụ cấp và bảo hiểm xã hội, nhất là đối với đội ngũ cán bộ bán chuyên trách, già làng, trưởng bản, nghệ nhân, người có uy tín và những người có những đóng góp, cống hiến lớn trong việc gìn giữ, phát triển và chấn hưng nền văn hóa.

Cùng với đó là tăng cường đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước và các nguồn lực xã hội vào việc nâng cấp, xây mới cơ sở hạ tầng, các thiết chế văn hóa từ trung ương đến địa phương.

- Có chính sách thu hút nhân tài trong các thiết chế văn hóa

Phát huy cơ chế tự chủ trong việc sử dụng nguồn nhân lực. Trong bối cảnh chuyển đổi mô hình xã hội, nghề nghiệp, phát triển kinh tế thị trường, các tổ chức nghệ thuật biểu diễn phải không ngừng đổi mới tư duy sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; chủ động trong khâu tuyển chọn, sử dụng nghệ sĩ, diễn viên; sẵn sàng thanh lọc, tinh giảm những cán bộ không đủ năng lực, trình độ; có chính sách đãi ngộ, thu hút, giữ chân và uơm mầm cho những tài năng trẻ. Đảm bảo môi

trường nghệ thuật thật sự tự do, dân chủ, lành mạnh, nhân văn, vì cái đẹp, cái thiện, cái cao cả, từ đó kích thích khát vọng sáng tạo, cống hiến của những tài năng. Khuyến khích các nghệ sĩ tham gia các cuộc thi quốc tế nổi tiếng.

Đặc cách tuyển chọn nguồn nhân lực có năng khiếu đặc biệt. Có các chính sách khen thưởng kịp thời cho các nghệ sĩ, nghệ nhân có kết quả cao, giải thưởng trong sáng tác, biểu diễn, đạt các danh hiệu trong nước và quốc tế.

- *Có chính sách thu hút nguồn lực kiều bào, chuyên gia quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật tại các nước về Việt Nam để xây dựng thiết chế văn hóa*

Cụ thể miễn hoặc giảm thuế thu nhập cá nhân cho các chuyên gia nước ngoài hoặc Việt kiều. Việt Nam có thể áp dụng trong một khoảng thời gian nhất định để tạo sự hấp dẫn cho nguồn lực này.

- *Cần có chính sách khuyến khích hệ sinh thái khởi nghiệp trong lĩnh vực văn hóa.* Cụ thể thu hút nguồn nhân lực tư nhân vào phát triển công nghiệp văn hóa. Ngoài việc hỗ trợ cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, thì Việt Nam cần có các chính sách ưu đãi về thuế, nguồn vốn, về đấu thầu, vay tài chính, truyền thông... ưu tiên các doanh nghiệp có những sản phẩm nghệ thuật chất lượng cao.

- Cần có cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương, giữa các tổ chức, cá nhân hoạt động trong thiết chế văn hóa thường xuyên, chặt chẽ, đồng bộ. Các thiết chế văn hóa cần có sự bắt tay cùng nhau hợp tác để cùng phát triển. Chỉ có sự chung tay mới có cú huých về phát triển, tạo sự đột phá. Trong tương lai Việt Nam cần phải hình thành tập đoàn về văn hóa, giải trí./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kỷ yếu hội thảo: *Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 1045*, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
2. Nguyễn Huy Phòng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Phát triển nhân lực ngành văn hóa: Cần những đột phá mới, <https://www.tuyengiao.vn/phan-trien-nhan-luc-nganh-van-hoa-can-nhung-dot-pha-moi-149289>.
3. Đường Vinh Sường (2014), Giáo dục đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở nước ta hiện nay, *Tạp chí Cộng sản điện tử*.
4. Tổng thuật: Hội nghị toàn quốc về phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam, Báo Chính phủ, <https://baochinhphu.vn/cap-nhat-thu-tuong-chu-tri-hoi-nghi-toan-quoc-ve-phan-trien-cac-nganh-cong-nghiep-van-hoa-viet-nam-102231222082337374.htm>.
5. Nguyễn Thanh Xuân, (2016), “Chính sách đãi ngộ văn nghệ sĩ trong các tổ chức văn hóa nghệ thuật hiện nay”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 383, tr 24-26.
6. Cần sửa đổi, bổ sung quy định về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nghệ sĩ, Báo Văn hóa, <http://baovanhoa.vn/nghe-thuat/van-hoc/artmid/486/articleid/68999/can-sua-doi-bo-sung-quy-dinh-ve-che-do-phu-cap-uu-dai-doi-voi-nghe-si>
7. Phòng vấn Giám đốc, Trường phòng Hành chính, diễn viên Nhà hát Cải lương Việt Nam ngày 25/11/2023.
8. Phòng vấn Giám đốc Nhà hát Chèo Việt Nam ngày 14/1/2024.

HỘI THẢO VĂN HÓA 2024
Chính sách và nguồn lực
cho phát triển thiết chế văn hóa, thể thao

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

ỦY BAN VĂN HÓA, GIÁO DỤC CỦA QUỐC HỘI

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

TỈNH QUẢNG NINH

BIÊN TẬP

Vũ Minh Đạo	Vụ trưởng Vụ Văn hóa, Giáo dục
Nguyễn Thị Sáu	PVT Vụ Văn hóa, Giáo dục
Hoàng Văn Lợi	CVCC Vụ Văn hóa, Giáo dục
Phạm Thị Kim Anh	CVC Vụ Văn hóa, Giáo dục
Nguyễn Tuấn Dũng	CV Vụ Văn hóa, Giáo dục
Trịnh Thị Vân Khánh	CV Vụ Văn hóa, Giáo dục

HỘI THẢO VĂN HÓA 2024

Chính sách và nguồn lực
cho phát triển thiết chế
văn hóa thể thao

ỦY BAN VĂN HOÁ, GIÁO DỤC CỦA QUỐC HỘI

22 Hùng Vương, Ba đình, Hà Nội : Tel 080 46201